LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 198

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

SỐ 2122

(QUYỂN 67 →100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2122

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

Tây Minh tự-Sa môn Thích Đạo Thế soạn.

QUYỂN 67

Thiên thứ 77: **OÁN KHỔ** (Phần hai)

Phần thứ sáu: **TRÙNG NGỤ** (nơi trùng cư trú)

Như kinh Thiền Bí Yếu nói: “Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu lúc hành giả nhập thiền định, cảm giác dục dấy khởi làn gió tham dâm, làm lay động bốn trăm lẻ bốn mạch. Từ nhãn căn đến thân căn, trong một lúc cùng dao động, các tình bế tắc gió tâm lay động làm cho tâm điên cuồng. Vì vậy phát cuồng mà vướng vào ma quỷ, ngày đêm nghĩ đến dục tình như cứu đầu lửa cháy. Ngay lập tức phải nhanh chóng đối trị. Pháp đối trị là dạy cho hành giả này quán tưởng về Tử tạng. Tử Tạng ấy nằm dưới Sanh tạng và trên Thục rạng, có chín mươi chín lớp mô như cái nhau thai heo chết, bốn trăm lẻ bốn mạch bắt đầu từ Tử Tặng giống như nhựa cây, phân tán khắp các căn như cái đãy chứa phân, có một ngàn chín trăm đốt tựa như là Ba Tiêu, tám mươi ngàn con trùng vây tròn xung quanh bốn trăm lẻ bốn mạch cùng với Tử tạng, giống như ruột ngựa. Thẳng đến ản môn (cửa mình phụ nữ) như hình dạng cánh tay đeo vòng, cuộn tròn từ lớn đến nhỏ trên tròn dưới nhọn, hình dạng như vỏ ốc, có chín mươi chín lớp mô, trong mỗi một lớp có bốn trăm lẻ bốn con trùng, mỗi một con trùng có mười hai đầu-mười hai miệng. Lúc con người uống nước, nước chảy vào mạch phân tán khắp những con trùng, vào đỉnh đầu của con trùng Tỳ la thẳng đến Sản môn.

Cứ mỗi nửa tháng một lần chảy ra nước bất tịnh, những con trùng đều thải ra giống như mủ thối rữa, chảy vào trong miệng của chín mươi con trùng, từ trong sáu lỗ của con trùng mười hai đầu chảy ra như nước thối màu đỏ thẫm. Lại có những con trùng nhỏ bằng sợi lông tơ màu Thu chơi đùa trong đó. Những người nam đều bởi vì tội ác vốn có, cho nên bốn trăm lẻ bốn mạch từ nhãn căn phân tán ra khắp Tứ chi (tay chân), chảy vào các phần ruột đến dưới Sanh tạng và trên Thục tạng, mạch phổi-lá lách-thận ở hai bên chỗ ấy, đều có sáu mươi bốn con trùng, mỗi con trùng có mười hai đầu và mười hai miệng, cuộn tròn bám lấy nhau giống như chiếc nhẫn, mủ có màu sắc rất xanh, giống như tinh dịch của heo rừng, hôi thối vô cùng, đến tích trữ tại chỗ kín. Phân làm ba nhánh, hai nhánh ở trên như là Ba Tiêu, có một ngàn hai trăm mạch, trong mỗi một mạch sanh ra con trùng gió, nhỏ như sợi lông tơ mùa Thu, tựa như mỏ chim Tỳ Lan Đa. Trong những con trùng sanh ra con trùng sắc, giống như sợi gân (con trùng này hình thể tựa như sợi gân nói liền giữ lấy Tử Tạng, luôn luôn lay động các mạch hút tinh khí ra vào, trùng nam có màu trắng xanh, trùng nữ có màu đỏ hồng), bảy mươi tám ngàn con trùng cùng nhau bám chặt, giống như những vòng tròn chồng chất, tựa như mắt chim Cù Sư La, trong chín mươi tám mạch xông thẳng vào tim cho đến đỉnh đầu. Tất cả những người nam, mắt tiếp xúc với sắc, gió lay động tâm căn, bốn ngàn không trăm bốn mươi mạch bị gió làm cho chuyển động không ngừng, tám mươi ngàn con trùng cùng một lúc há miệng, mắt chảy ra các loại mủ rót vào các mạch, cho đến đỉnh đầu của con trùng Tỳ la thì những con trùng bị xáo động, cuồng loạn không biết gì cả, chạm vào trước nữ căn thì tinh dịch của người nam có màu trắng xanh, là nước mắt của những con trùng, tinh dịch của người nữ có màu đỏ vàng, lá máu mủ của những con trùng. Do chín mươi tám sử mà huân tu thực hành, tám mươi ngàn con trùng Địa-Thủy-Hỏa-Phong có tác động do đây.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Nếu trong bốn chúng có ai tàm quý, uống thuốc tàm quý, mong cầu giải thoát vượt qua khổ đau của cuộc đời, thì nên học pháp này như uống nước cam lộ. Người học pháp này thì quán tưởng ở trước Tử Tạng, cho đến nữ căn-thân thể người nam lớn nhỏ đều có các loại trùng, há miệng chổng tai, trừng mắt nhả mủ, dùng tay trở lại đạt trên đầu gối bên trái, đếm hơi thở làm cho yên định một ngàn chín trăm chín mươi chín lỗi lầm. Quán tưởng như vậy xong rồi đặt trên đầu gối bên phải, quán tưởng như trước, tiếp tục dùng tay trở lại để che trên đầu, khiến cho những vật bất tịnh của các con trùng

này trước tiên đi vào hai mắt-tai-mũi và miệng, không có nơi nào không đến. Thấy được điều này rồi, đối với nữ sắc xinh đẹp và nam sắc xinh đẹp, cho đến Thiên Tử-Thiên nữ, nếu mắt nhìn thấy thì nhử thấy người mắc bệnh hủi trong chốc lát bị lở loét đầy những con trùng, như mũi tên của địa ngục, như quỷ thần Bàn Đa la, như ngọn lửa nóng bức ngùn ngụt bốc cháy của địa ngục A Tỳ. Cần phải quán tưởng kỹ càng, thân mình và thân người khác là thân thể bất tịnh của tất cả chúng sanh ở cõi Dục, tất cả đều như vậy chứ không có gì khác.

Này Xá-lợi-phất! Nay ông có biết hay không? Chủng tử căn bản của thân căn chúng sanh, đều không thanh tịnh, không thể nào nói hết, chỉ nên đếm hơi thở nhất tâm mà quán tưởng. Nếu người nào uống vị thuốc này thì người ấy là bậc Đại trượng phu, là bậc thầy của trời-người, là người chịu trách nhiệm điều hòa dẫn đát tất cả chúng sanh, tránh khỏi bùn lầy của tham dục, không chịu nước kiết sử làm cho mình nổi vật vờ trong dòng sông của ân ái, không bị sự nhiễu hại của yêu ma quỷ quái huyễn sắc và dâm dật không tốt. Nên biết rằng người này chưa ra khỏi sanh tử, nhưng thân thể của họ thuần khiết như hoa Ưu Ba La, họ ở giữa loài người mà Hương tượng- Long vương-Lực sĩ Ma Hê Thủ La vốn không thể nào sánh kịp, được tất cả Đại lực trượng phu-trời-người đều kính trọng.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông nên thọ trì nói cho bốn chúng biết, cẩn thận đừng quên mất! Lúc ấy Xá-lợi-phất và A-nan ..., cùng các đại chúng nghe Đức Phật đã thuyết giảng, đều hoan hỷ vâng lời thực hành."

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Tỳ kheo tu hành, thì thấy thân mình đúng như thật, quán sát theo thân từ đầu đến chân, họ dùng Văn tuệ hoặc dùng Thiên nhãn, quán tưởng trong đầu lâu, tự nhiên có trùng đi lại, gọi là Não hành, đi khắp nơi trong xương sanh ra ở trong não, hoặc di chuyển hoặc dừng lại, thường ăn não này. Lại có những con trùng ở trong đầu lâu, hoặc di chuyển hoặc ăn trở lại đầu lâu. Lại có loài trùng tóc ở bên ngoài xương ăn gốc của tóc, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên làm tóc bị rơi rụng. Lại có loài trùng tai ở trong tai, ăn thịt trong tai, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên khiến người bị đau tai, hoặc làm cho tai bị đếc. Lại có loài trùng mũi ở trong mũi, ăn thịt trong mũi, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên có thể khiến người ấy ăn uống không ngon, não và nước dãi chảy xuống. Bởi vì loài trùng này ăn não và nước dãi, cho nên khiến người ăn uống không ngon. Lại có loài trùng mỡ sanh ở trong mỡ, trú ở trong mỡ thường ăn mỡ của thân

người, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên khiến người bị đau đầu. Lại có loài trùng tục sanh ở giữa khớp xương, có tên gọi là loài trùng thân, ở trong mạch thân thể của người, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên khiến mạch của người đau đớn, giống như bọ kim đâm. Lại có loài trùng tên gọi là ăn nước dãi, ở trong cuống lưỡi bởi vì lài trùng này tức giận cho nên khiến miệng người khô kiệt. Lại có loài trùng gọi là trùng gốc răng, ở trong chân răng, bởi vì loài trùng này tức giận cho nên khiến răng người ta đau nhức, lại có loài trùng tên gọi là trùng nôn mửa, bởi vì ăn nhiều loại không thích hợp cho nên sanh ra nôn mửa. Đây gọi là người tu hành quán tưởng theo thân từ bên trong, mười loại trùng này trú ở trong đầu.

Hoặc dùng Văn Tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, bắt đầu quán tưởng yết hầu, có loài trùng tên gọi ăn nước dãi, lúc nhai thức ăn giống như tiết ra nước dãi hòa lẫn với nhau, lúc sắp nuốt hợp lại với nước dãi tiết ra từ não, trùng nước dãi trong yết hầu cùng ăn thức ăn này để tự nuôi mạng sống. Nếu trùng tăng trưởng thì làm cho người mắc bệnh họ. Nếu ăn hiều chất béo, hoặc ăn hiều chất ngọt, hoặc ăn thức ăn nóng, hoặc ăn thức ăn chua, hoặc ăn thức ăn lạnh, thì trùng sẽ tăng trưởng làm cho yết hầu của người phát sanh những bệnh tật.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn thấy trùng nước bọt ở trong yết hầu mất dần. Nếu người không ăn những thức ăn béo-ngọt... như trên, thì trùng sẽ yên ổn có thể mất dần ở trong nước bọt, từ trong mười mạch tiết ra mùi vị ngon lành mà yên ổn cảm thọ vui vẻ. Nếu người có nhiều trùng trong nước bọt thì sẽ mắc bệnh, vì trùng mà mắc bệnh thì nhổ ra nước bọt, nhổ ra nước bọt lạnh cho nên trong phần ngực đã có sẵn bậnh.

Lại cùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, quán sát đối với trùng nhả ra trú trong thân người, trú ở chỗ của mười mạch chảy vào. Nếu lúc người ăn uống, thì trùng như vậy từ trong mười mạch vươn lên di chuyển trong thân, đến trong yết hầu liền khiến cho người ta nôn ra, phát sanh năm loại nôn mửa: 1- Nôn ra gió; 2- Nôn ra đàm; 3- Nôn ra nước bọt; 4- Nôn ra nhiều thứ; 5- Nôn ra ruồi nhặng. Nếu trùng yên ổn thì từ những thức ăn uống thuận theo đi vào trong bụng.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhã, thấy ruồi nhặng ăn vật bất tịnh, vì ruồi nhặng đi vào yết hầu làm cho nôn ọe, trùng động thì lập tức nôn ọe nhiều hơn.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy mùi vị say sưa làm cho trùng di chuyển ở tại đầu lưỡi cho đến mạng mạch (mạch máu), ở

trong đó hoặc di chuyển hoặc dừng lại vi tế không đáng kể. Nếu ăn thức ăn ngon lành thì trùng say sưa mơ màng sẽ tăng trưởng. Nếu ăn thức ăn không ngon thì trùng suy sụp yếu đi. Nếu mình không ăn thức ăn ngon lành thì trùng bị bệnh không được yên ổn.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng phóng dật trú ở trên đỉnh đầu, nếu đến phần trán thì làm cho người phát sinh bệnh tật, nếu đến trên đỉnh đầu thì làm cho người bị lở loét, nếu đến yết hầu thì giống như kiến bò đầy trong yết hầu, nếu dừng lại ở nơi ban đầu thì bệnh tật không phát sinh.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhã, thấy trùng sáu mùi vị đã ăn mùi vị ưa thích, thì mình cũng ham thích. Thuận theo trùng mụi vị này không thích loại gì, thì mình cũng không tùy tiện. Nếu mắc bệnh sốt, thì trước đó trùng cũng mắc bệnh sốt như vậy. Bởi vì lỗi lầm này, khiến cho người bệnh ăn uống không ngon, không có mùi vị như vậy. Bởi vì lỗi lầm này, khiến cho người bệnh ăn uống không ngon, không có mùi vị của thức ăn.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhã, thấy trùng thể hiện trạng thái tinh thần, bởi vì sân giận cho nên ăn não làm thành lỗ hổng, hoặc yết hầu đau nhức, hoặc yết hầu bế tắc, sanh ra nỗi khổ bởi cái chết. Trùng thể hiện trạng thai tinh thần này cùng với tất cả các loài trùng trong yết hầu, thảy đều làm cho hỗn loạn sanh ra những trạng thái đau nhức buồn bực. Trùng thể hiện trạng thái tinh thần này thường bị nước bọt che phủ, loài trùng ấy nhỏ bé, có mặt có chân đầy đủ.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng chán ghét mùi vị, trú trong cuống yết hầu ở dưới đầu, tại sao loài trùng này làm cho mình mắc bệnh buồn phiền, có lúc làm cho yên ổn? Người ấy thấy loài trùng này chán ghét các mùi vị, chỉ thích một mùi vị, hoặc là thích vị ngọt mà chán ghét các vị khác, hoặc là thích vị chua mà chán ghét các vị khác. Tùy theo mùi vị mà trùng chán ghét thì mình cũng chán ghét, thuận theo mùi vị mà trùng ưa thích thì mình cũng ưa thích. Đầu lưỡi có mạch, tùy thuận vào mùi vị, làm cho lưỡi khô khan, bởi vì trùng tức giận cho nên khiến lưỡi tê tê mà nặng nề, hoặc làm cho yết hầu lập tức mắc phải bệnh ho. Nếu không sân giận thì yết hầu không mắc các bệnh như trên.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng tích nước bọt, hình hài nó vi tế, giống như bụi trên cửa sổ, trú trong tất cả các mạch, di chuyển đi lại rất thú vị. Ở trong xương tủy, hoặc ở trong thịt, hoặc ở trong đầu lâu, hoặc ở trong má, hoặc ở trong xương răng, hoặc

ở trong xương cổ, hoặc ở trong tai, hoặc ở trong mắt, hoặc ở trong mũi, hoặc ở trong râu tóc. Loài trùng thích nước bọt này, gió thổi làm cho lưu chuyển, nếu loài trùng này bị bệnh, hoặc loài trùng này hết sức mệt mỏi, trú ở trong tim; tim như hoa sen, ban ngày thì xòe ra, cho dù không có ánh sáng mặt trời, ban đêm thì khép lại, tim cũng như vậy. Trùng trú ở trong đó chọn lấy nhiều cảnh giới, các căn hết sức mệt mỏi, trùng sẽ ngủ yên, con người cũng ngủ yên. Tất cả chúng sanh đều có giấc ngủ, nếu trùng này ngủ giữa ban ngày vì hết sức mệt mỏi thì con người cũng chìm vào giấc ngủ.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy có loài trùng phù thủng di chuyển trong thân, thân của nói vi tế, tùy theo trùng uống máu nơi nào thì nơi ấy có sự phù thũng xuất hiện, tê tê mà lại đau. Hoặc ở trên mặt đỉnh đầu, hoặc ở yết hầu, hoặc ở phần trán, hoặc ở những nơi khác, nơi nào có trùng thì có thể làm cho sanh ra phù thũng. Nếu trùng ở trong gân thì không có bệnh tật khổ sở gì.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy mười loại trùng, đến nơi gan phổi thì con người mắc bệnh. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tên là trùng ăn lông; 2- Tên là trùng di chuyển trong lỗ hổng; 3- Tên là trùng thiền đô ma la; 4- Tên là trùng màu đỏ; 5- Tên là trùng ăn chất lỏng; 6- Tên là trùng mao đăng; 7- Tên là trùng sân huyết; 8- Tên là trùng ăn thịt; 9- Tên là trùng tập tận; 10- Tên là trùng giấm chua. Những loài trùng này, thân hình của chúng rất nhỏ, không có chân-không có mắt, di chuyển ở trong máu, đau nhức ngứa ngáy là trạng thái do chúng gây ra.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng ăn lông, nếu khởi lên sân giận thì có thể ăn râu ria và lông mày, đếu làm cho mày râu rơi rụng, khiến người ta mắc bệnh ghẻ lở. Nếu trùng di chuyển trong lỗ hổng mà khởi lên sân giận, di chuyển ở trong máu thì làm cho thân thể khô ráp, tê cứng không có cảm giác nhận biết. Nếu trùng thiền đô ma la lưu chuyển đi lại trong máu, hoặc ở trong mũi, hoặc ở trong miệng, thì khiến cho mũi miệng của con người thảy đều hôi thối. Nếu như trùng màu đỏ mà khởi lên sân giận, di chuyển ở trong máu, thì có thể làm cho yết hầu của người ấy bị lở loét. Nếu trùng ăn chất lỏng mà khởi lê sân giận, di chuyển ở trong máu thì làm cho thân thể của con người trở thành gầy gò xanh xao, hoặc là bệnh gầy gò đen sạm hay vàng vọt. Nếu trùng mao tăng khởi lên sân giận, lưu chuyển đi lại trong máu thì phát sanh tật bệnh khổ sở, lở loét-nóng bức-vàng vọt, mụt nhọt nứt nẻ hôi hám làm cho phiền muộn vô cùng. Nếu trùng sân huyết, bởi

vì sân giận mà lưu chuyển đi lại trong máu, thì có lẽ gây ra căn bệnh toàn thân đỏ ửng, người nữ thì phần dưới ửng đỏ, thân thể ngứa ngáy khó chịu, mụt nhọt lở loét mủ chảy hôi hám hết sức. Nếu trùng ăn thịt mà khởi lên giận dữ thì sanh ra bệnh tật phiền muộn, đầu luôn luôn xoay vòng, ở trong yết hầu-trong miệng bị ở loét, phần thân dưới sanh ra mụt nhọt hiểm ác khổ sở. Nếu trùng tập tập lưu chuyển đi lại trong máu thì sanh ra tật bệnh, mết mỏi rã rời khốn khổ vô cùng, không muốn ăn uống gì nữa. Nếu trùng giấm chua tức giận, thì cũng làm cho con người mắc phải những bệnh như vậy.

Lại quán về 10 trùng hoạt động ở trong Ấm. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tên là trùng sinh ra lở loét; 2- Tên là trùng kích thích; 3- Tên là trùng bịt kín gân; 4- Tên là trùng làm mạch lay động; 5- Tên là trùng ăn da; 6- Tên là trùng làm động mỡ; 7- Tên là trùng hòa hợp tụ tập; 8- Tên là trùng hôi thối; 9- Tên là trùng ẩm ướt đi lại; 10- Tên là trùng hơi nóng.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng sanh ra lở loét, hoặc ở nơi vết thương vây quanh ăn thịt vết thương này, hoặc ở trong yết hầu mà sanh ra căn bệnh lở loét. Hoặc thấy trùng kích thích, nếu sanh ra sân giận thì khiến người mắc bệnh lỵ, giống như lửa đốt, trong miệng khô ráp, ăn uống không tiêu; nếu người sầu não thì trùng lại hoan hỷ, ăn mạch máu của người để làm cho suy sụp phiền muộn, hoặc phần thân dưới đỏ ửng màu máu, hoặc không tiêu hóa dẫn đến bệnh lỵ. Hoặc thấy trùng bịt kín gân đi lại trong gân to, hoặc đi lại trong gân nhỏ, nếu cảm thấy trùng di chuyển thì gân đau nhức, nếu không cảm thấy trùng di chuyển thì gân không đau nhức; tất cả xương thịt cũng đều hao gầy gò, trong gân đau đớn hết sức. Nếu trùng sân giận thì người ta không thể nào ăn uống, nếu ở trong gân mà uống máu người thì làm cho người không còn sức lực, nếu ăn thịt người thì làm cho người ta gầy ốm tiều tụy. Hoặc thấy trùng làm mạch lay động, loài trùng này di chuyển khắp nơi trong tất cả các mạch máu, thân nó rất nhỏ cho nên di chuyển không chướng ngại gì. Nếu trùng trú trong mạch thức ăn của người thì phát sinh tật bệnh, làm cho thân thể khô ráp không thích ăn uống. Nếu trùng trú trong mạch nước, thì phát sinh bệnh tật làm cho miệng khô ráp. Nếu ở trong mạch mồ hôi, thì làm cho tất cả các lỗ chân lông trên thân người không có mồ hôi. Nếu ở trong mạch nước tiểu thì làm cho người ta mắc bệnh lậu, hoặc làm cho tinh khí bị hư hoại, hoặc làm cho đau đớn khổ sở. Nếu trùng sân giận di chuyển trong phần thân dưới, thì làm cho đường đại tiện của người ta tắc nghẽn không thông,

khổ não đến nỗi phải chết. Hoặc thấy trùng ăn da, bởi vì ăn uống sai phạm cho nên trùng này sẽ sân giận, làm cho sắc diện của người ta xấu xí dữ dằn, hoặc sanh ra mụn nhọt ác hiểm, hoặc ngứa ngáy-hoặc ửng đỏ-hoặc vàng vọt-hoặc vỡ ra, hoặc có thể làm cho tóc-móng của người ta bị rơi rụng, làm cho người ta mắc bệnh khó chữa, hoặc da bị rách mà hư hoại, hoặc thịt bị nát mà hư hoại. Hoặc thấy trùng làm động mỡ, trú ở trong mạch mỡ trong thân thể, nếu ăn uống có sai phạm, hoặc ngủ nghỉ quá nhiều, thì trùng này tức giận khiến ăn uống không tiêu, hoặc sanh ra mụt ghẻ, hoặc sanh ra chứng bệnh phù thủng tai ác, chân lông ngứa ngáy khó chịu; hoặc mắc phải bệnh bướu cổ, hoặc mạch phình ra, hoặc bệnh khô gấy, hoặc bệnh thân thể hôi hám, hoặc lúc ăn thường đổ mồ hôi.

Hoặc thấy trùng hòa hợp tụ tập, tập hợp hai loại thân: 1- Thân có cảm giác; 2- Thân không có cảm giác. Da thịt máu mỡ..., đó gọi là thân có cảm giác; tóc râu móng răng..., đó gọi là thân không có cảm giác. Bởi vì ăn uống sai phạm, cho nên trùng sẽ không có sức lực, làm cho người ta cũng không có sức lực, không có thể nhanh nhẹn đi lại lui tới, giấc ngủ mê muội không yên, hoặc thường thấy khát khô cổ da thịt xương máu tinh tủy bị hao tổn. Hoặc thấy trùng hôi thối, trú ở trong phẫn giải-trong thịt xương mình, bởi vì ăn uống sai phạm cho nên trùng sẽ sân giận, khiến thân thể da thịt-phẫn giải-nước bọt-nước mắt đều hôi thối, trong mũi thối rữa chảy mủ, nơi nào trùng hoạt động thì đều làm cho hôi thối dơ bẩn; hoặc áo quần hoặc đồ nằm, hoặc thức ăn ở trong răng, vì trùng hôi thối cho nên thức ăn cũng hôi thối theo, áo quần-đồ nằm đều hôi thối; trong lưỡi có nhiều vết trắng hôi thối dơ bẩn, thân có vết bẩn cũng hôi thối. Hoặc thấy trùng ẩm ướt đi lại, di chuyển trong thịt sau lưng, biết ăn hết rồi đi vào ba lỗ hổng dưới eo lưng, lấy phân dơ của người, chất lỏng thì làm thành nước tiểu, cặn bã thì làm thành phân, để đưa vào phần dưới mà thải ra ngoài.

Lại nữa, người tu hành quán tưởng trong thân, thuận theo thân mà quán sát, quán mười loại trùng di chuyển ở trong Căn, tất cả thân người đều từ trong đó sinh ra. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tên gọi trùng Tập tập; 2- Tên gọi trùng Tuyết tuyết; 3- Tên gọi trùng Miêu hoa; 4- Tên gọi trùng Đại siểm; 5- Tên gọi trùng Hắc; 6- Tên gọi trùng Đại thực; 7- Tên gọi trùng Noãn hành; 8- Tên gọi trúng Tác nhiệt; 9- Tên gọi trùng Hỏa; 10-Tên gọi trùng Đại hỏa. Những loài trùng này trú trong Ấm hoàng.

Lại dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy trùng Tập tập (tê

tê), vì ăn uống sai phạm mà trùng sẽ sân giận, ăn mi mắt của người làm cho mắt người ngứa ngáy, chảy ra nhiều nước mắt. Trùng này rất bé nhỏ, nếu di chuyển trong mắt thì mắt sinh nhiều bệnh, hoặc làm cho mắt bị hủy hoại; nếu đi vào trong con người thì mắt sinh ra màng che làm cho mờ đi, tròng này có màu đỏ; nếu trùng không giận thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Tuyết tuyết (ủ ê), trú trong thân người đi lại ở trong Ấm, Ấm hoàng che phủ thân. Nếu vào trung xương thì làm cho người bốc ra hơi nóng. Nếu đi lại trong da thì ngày đêm thường nóng, tay chân đều nóng. Nếu đi vào trong da thì thân toát mồ hôi. Hoặc thấy trùng Miêu hoa (mầm hoa), đi lại cư trú trong Ấm, mỏ nhọn chân ngắn-thân như đốm lửa, không muốn ăn uống gì, nơi nào mà trùng hoạt động thì rất nóng và rách ra, máu trong thân tăng lên làm cho thân thể bốc hơi nóng; nếu trùng đi lại thuận chiều thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Đại siểm (nhiều nịnh bợ), trú ở trong thân di chuyển giữa Ấm hoàng, hoặc an hay bất an, vì ăn uống sai phạm cho nên trùng sẽ sân giận, di chuyển từ đầu đến chân không có gì chướng ngại, có thể khiến chot ất cả máu nóng trong thân phát sanh lở loét nóng bức, hoặc là máu-hoặc là Ấm, từ trong miệng-trong tai mà chảy ra ngoài; nếu trùng không giận thì không có bệnh này.

Hoặc thấy trùng Hắc (tối đen), trú ở trong thân, di chuyển trong Ấm hoàng, hoặc an-hoặc bất an, vì ăn uống sai phạm cho nên trùng sẽ sân giận làm cho mặt người nhăn nhó, hoặc sanh ra nhiều nốt ruồi đen, hoặc đen-hoặc vàng-hoặc đỏ, hoặc làm cho thân thể hôi hám, hoặc làm cho mắt kéo màng, hoặc trong miệng bị lở loét, hoặc chỗ đại-tiểu tiện bị lở loét; nếu trùng không giận thì không có bệnh này, hoặc thấy trùng Đại thực (ăn nhiều), vì ăn uống sai phạm chonên trùng sẽ sinh ra sân giận, trú trong Ấm hoàng, cứ ăn vào là tiêu hết; nếu trùng không giận thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Noãn hành (hơi ấm di chuyển), thường thích thức ăn nóng mà ghét thức ăn nguội, nếu mình ăn thức ăn nguội thì trùng sẽ sân giận, trong miệng sinh ra nhiều nước, hoặc uể oải-hoặc ngủ nhiều, hoặc tâm tư tối đen mù mờ, hoặc thân thể đau nhức ê ẩm, hoặc là nhiều nước mắt, hoặc là nhiều nước bọt, hoặc mắc bệnh yết hầu; nếu trùng không giận thì không có bệnh này. Hoặc thấy trùng Nhiệt (gây ra nóng bức), trú trong thân người, vì ăn uống sai phạm cho nên bệnh hoạn tăng thêm, làm trở ngại hơi thở ra vào khiến cho thân thể nặng nề mệt mỏi, hoặc yết hầu bít chặt làm cho đại-tiểu tiện thảy đều có màu trắng, không thích lạnh lẽo, không thích ăn thức ăn nhạt. Hoặc thấy trùng Hỏa (ngọn lửa), trú ở trong thân di chuyển đi lại trong

Ấm, trùng này mùa lạnh thì rất hoan hỷ, mùa nóng thì héo hon suy sụp; mùa lạnh hoan hỷ thì người nhớ đến ăn uống, mùa nóng thì hơi lửa tăng thêm cho nên không muốn ăn uống, vào mùa Đông lạnh lẽo thì Ấm được mát mẻ, nóng bức thì Ấm phát ra. Hoặc thấy trùng Đại hỏa (ngọn lửa lớn), nếu tánh người không thích hợp mà gắng gượng ăn vào, vì ăn uống sai phạm cho nên trùng sẽ sân giận, trùng ăn trong thân khiến cho ruột người ta đau đớn, hoặc tay chân nhức mỏi, nơi nào bị trùng ăn thì đều đau đớn ê ẩm; nếu trùng không giận thì không có những bệnh như trên.

Lại nữa, người tua hành quán tưởng trong thân, thuận theo thân mà quán sát, hoặc dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, quán ở trong xương có mười loại trùng. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tên gọi trùng Sị cốt; 2- Tên gọi trùng Nghiết cốt; 3- Tên gọi trùng Cát tiết; 4- Tên gọi trùng Xích khẩu xú; 5- Tên gọi trùng Lạn; 6- Tên gọi trùng Xích Khẩu; 7- Tên gọi trùng Pha đầu ma; 8- Tên gọi trùng Thực bì; 9- Tên gọi trùng Phong đao; 10- Tên gọi trùng Đao Khẩu. Như vậy mười loại trùng di chuyển ở trong xương làm trái tình thức-tổn hại cho thân không thể kể hết được.

Lại nữa, người tu hành quán tưởng trong thân, thuận theo thân mà quán sát, hoặc dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy mười loại trùng di chuyển ở trong nước tiểu. Những gì là mười loại? D(ó là: 1- Tên gọi trùng Sanh; 2- Tên gọi trùng Châm khẩu; 3- Tên gọi trùng Tiết; 4- Tên gọi trùng Vô túc; 5- Tên gọi trùng Tán trấp; 6- Tên gọi trùng Tam tiêu; 7- Tên gọi trùng Phá tràng; 8- Tên gọi trùng Bế tắc; 9- Tên gọi trùng Thiện sắc; 10- Tên gọi trùng Uế môn sang. Sinh ra màu sắc đáng sợ cư trú trong chỗ phẫn giải dơ bẩn; mười loại trùng này, nếu làm trái tình thức mà giận thì cũng làm hại đến thân người, đầy đủ ở trong văn kinh, không thể thuật lại hết được.

Lại nữa, người tu hành quán tưởng trong thân, thuận theo thân mà quán sát, hoặc dùng Văn tuệ, hoặc dùng Thiên nhãn, thấy mười loại trùng di chuyển ở trong tủy, có lúc di chuyển trong tinh khí. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tên gọi trùng Mao; 2- Tên gọi trùng Hắc khẩu; 3- Tên gọi trùng Vô lực; 4- Tên gọi trùng Đại thống; 5- Tên gọi trùng Phiền muộn; 6- Tên gọi trùng Hỏa; 7- tên gọi trùng Hoạt; 8- Tên gọi trùng Hạ lưu; 9- Tên gọi trùng Khởi thân căn; 10- Tên gọi trùng Ức niệm hoan hỷ. Mười loại trùng này, nếu làm trái tính chất mà giận thì cũng làm hại đến thân người, đầy đủ như trong kinh nói, không thể thuật lại hết được."

Phần thứ bảy: ĐỊA NGỤC

Như kinh Tội Nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa Địa Ngục nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Tín Tướng vì các chúng sanh mà cung kính đứng dạy mở lời thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Nay có chúng sanh nhận chịu tội báo, bị các ngục tốt đánh đập chém chặt thân hình, từ đầu đến chân, cho đến cuối cùng, chặt đứt hết rồi, đúng lúc gió thổi vào sống lại mà tiếp tục chém chặt, do tội gì mà nhận chịu như vậy? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì không tin Tam Bảo-bất hiếu với cha mẹ, làm nghề giết mổ cầm đầu chém chặt cắt xẻ chúng sanh, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ hai, lại có chúng sanh, thân thể nặng nề gàn bướng, mày râu rơi rụng không còn, toàn thân thối rữa nhiều nơi, ở chốn chim kêu vượn hú bặt dấu chân người qua lại, làm ô nhục đến bà con họ hàng, mọi người không ưa trông thấy, gọi là người bệnh hủi, do tội gì mà nhận chịu như vậy? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì không tin Tam Bảo, bất hiếu với cha mẹ, phá hoại chùa tháp, bóc lột người tu Đạo, chặt- bắn Hiền Thánh, làm tổn hại đến thầy dạy, thường không có ý niệm hối hận, vong ân bội nghĩa, thường làm điều sai trái, dâm loạn không kể tôn ti, không có điều gì kiêng kỵ, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ ba, lại có chúng sanh, thân thể dài và to, điếc và chậm chạp, không có chân mà lăn lóc đi bằng bụng, chỉ ăn đất để tự nuôi sống thân mạng, bị các loài trùng nhỏ rúc rỉa ăn thịt, thường nhận chịu nỗi khổ này không thể nào có thể chịu được, do tội gì mà nhận chịu như vậy? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì là người tự cho mình đúng, không tin những lời nói tốt đẹp, bất hiếu với cha mẹ, tráo trở với vua chúa. Nếu vì Đế chúa-Đại thần mà làm tướng lãnh cai quản binh lính-đứng đầu các châu quận, trấn giữ bốn phương, thì dựa vào uy thế của mình mà xâm đoạt tài sản của dân chúng, tàn ác không có đạo lý, khiến cho dân chúng khổ sở điêu đứng, than vãn khốn cùng mà đi xa xứ, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ tư, lại có chúng sanh, hai mắt mù lòa không còn thấy gì nữa, có lúc húc vào cây to, có lúc rơi xuống hầm hố, vào lúc chết rồi tiếp tục thọ thân khác cũng lại như vậy, do tội lỗi gì mà gây nên? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì không tin tội-phước, che chắn ánh sáng của Phật, may mắt của chim thú kín lại, giam hãm chúng sanh trong lồng tối, dùng túi da trùm đầu, không thấy được gì cả, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ năm, lại có chúng sanh, lắp bắp câm ngọn, miệng không thể nào nói được, nếu có nói điều gì thì nhắm mắt đưa tay mà vẫn không nói được, do tội lỗi gì mà gây nên? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì phỉ báng Tam Bảo, khinh chê Hiền Thánh, bàn tán điều tốt xấu của người, tìm tòi ưu khuyết của người, ngang ngược vu cáo người lương thiện, ganh ghét những người có tài đức, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ sáu, lại có chúng sanh, bụng to cổ nhỏ không thể nào ăn được, nếu có thức ăn gì thì đều biến thành máu mủ, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh ày trong thời kiếp trước, bởi vì trộm cắp thực ăn của Tăng, hoặc vì ở nơi che khuất trộm ăn thức ăn cầu phước của Đại chúng, tham tiếc đồ vật của mình nhưng ham tiền bạc của người khác, thường dùng tâm ác đưa thuốc độc cho người ta, khiến hơi thở bị tắc nghẽn, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ bảy, lại có chúng sanh, thường bị ngục tốt đốt cháy đỏ đinh sắt, đóng vào đầu các đốt xương khắp người, đóng xon rồi tự nhiên lửa phát ra, đốt cháy thân thể thảy đều nát rã, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Ca này trong thời kiếp trước, bởi vì làm thầy thuốc dùng kim nung nóng châm vào thân thể người ta nhưng không thể nào chữa lành bệnh, nói dối lấy tiền bạc của người mà chỉ làm cho họ phải chịu khổ đau, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ tám, lại có chúng sanh, thường bị Ngưu đầu-ngục tốt dùng chĩa sắt ba cạnh đưa vào trong vạc sôi, xóc người tội bỏ vào trong vạc sôi nấu cho nát nhừ, rồi gió lại thổi vào sống như cũ mà tiếp tục nấu chín rã, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì tin theo tà kiến điên đảo, thờ cúng quỷ thần mà giết mổ chúng sanh, tưới nước sôi cạo sạch lông của chúng rồi đưa vào chảo nóng ram nướng, không thể kể hết, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ chín, lại có chúng sanh, thường ở trong khu thành rực lửa nung nóng tận cùng tim gan, bốn cửa thành đều mở, nếu sắp đến cổng thì cổng liền đóng lại, chạy mãi từ Đông sang Tây nhưng không thể nào tự tránh được, bị lửa dốt cháy không còn, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì đốt cháy núi rừng ao đầm, ngọn lửa thiêu cháy gà con, đốt nướng chúng sanh làm cho thân nát-da tróc vô cùng đau khổ, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười, lại có chúng sanh, thường ở trong núi Tuyết bị gió lạnh thổi vào làm cho da thịt nứt toác, cầu chết mà không được, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì

chặn đường làm kẻ cướp cởi lấy áo quần của người ta, làm cho họ chết lạnh giữa những ngày giá rét của tháng màu Đông, lột da trâu dê đang sống đau đớn không thể chịu đựng nổi, chonên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười một, lại có chúng sanh, thường ở trên núi dao-cây kiếm, nếu có cầm lấy thì lập tức bị cắt đứt làm cho tay chân lìa ra từng đoạn, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì làm nghiệp giết mổ, hại chúng sanh để nấo nướng, cắt mổ lột da, phân chia tách rời xương thịt, đầu-chân mỗi thứ một nơi, treo ở tên cao để tính toán, cân lượng mà bán cho người, còn treo chúng sanh đang sống, đau khổ khó mà chịu nổi, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười hai, lại có chúng sanh, năm căn không đầy đủ, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì thả chim ưng bay đi-xua chó săn chạy, săn bắn các loài cầm thú, hoặc chặt đứt đầu của chúng, hoặc chặt đứt chân của chúng, kẻ gãy cánh chim đang sống, thật là tàn ác, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười ba, lại có chúng sanh, hai chân què quặt-lưng gù-eo vạy không thuận theo nhau, chân thọt, tay cong không thể nào làm được điều gì, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì làm người đặt bẫy gài cung giữa đường đi-trong ruộng đồng, hoặc đặt trên tổ chim, đào hầm đặt bẫy giăng lưới khắp nơi, làm cho chúng sanh sa vào, đầu vỡ-chân gãy, làm thương tổn rất nhiều loài vật, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười bốn, lại có chúng sanh, thường bị ngục tốt xiềng xích, thân mình không được miễn thoát, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì giăng lưới đánh bắt chúng sanh, trói nhốt người và súc vật, đói khát khốn khổ vô cùng; hoặc làm quan lớn-tướng quyền, tham lấy tiền bạc của cải bắt giam oan uổng người lương thiệt, sự oán hận cao ngút trời, nhưng cũng chưa vừa lòng được, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười lăm, lại có chúng sanh, hoặc điên đảo-hoặc cuồng loạn, hoặc ngu si-hoặc ngốc nghếch, không phân biệt được xấu đẹp, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì uống rượu say sưa mê loạn phạm vào 36 lỗi, lại gặp phải thân ngu si tựa như người say, không biết tôn ti, không phân biệt được xấu đẹp, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười sáu, lại có chúng sanh, thân hình rất nhỏ mà âm tàng rất lớn, thân kéo lê mệt mỏi mà quay lưng nằm xuống để lôi đi, đi đứng ngồi nằm đều làm cho chướng ngại vô cùng, do tội lỗi gì ,à gây ra? Đức

Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì chủ quản công việc buôn bán làm ăn, tự khen đồ vật của mình, chê bai tài sản của người khác, cân đong gian trá-trước hụt sau thiếu, lừa dối gạt gẫm đối với người ta, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười bảy, lại có chúng sanh, nam căn không có mà trở thành hoàng môn, bản thân không thể lấy vợ được, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì thiến voi-ngựa-trâu-dê-heo-chó chết mà sống lại, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười tám, lại có chúng sanh, từ lúc sanh ra cho đến tuổi già không có con cái, cô quạnh lẻ loi tồn tại một mình, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì là người bạo ác không tin tội-phước, lúc các loài chim mới đẻ, ôm giữ bình chậu, đi theo dòng nước lớn đến những ốc đảo nhặt lấy trứng của các loài chim Hồng-Hạc-Anh vũ-Thiên nga..., gánh về luộc ăn, các loài chim mất trứng kêu gào thảm thiết, đến nỗi máu trong mắt tuôn chảy mà chết, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ mười chín, lại có chúng sanh, từ nhỏ đã cô độc lạnh lẽo, không có cha mẹ anh em, phải làm tôi tớ cho người ta, vất vả khổ sở để nuôi sống mình, lớn lên thành người, gặp nhiều tai họa ngang trái, bị quan quyền bắt bớ, giam hãm trong lao ngục, không có người mang cho cơm nước, đói khát vô cùng khốn khổ, không có nơi nào kêu đến được, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì thích bắt lấy các loài Đại bàng-Diều hâu-Ưng-Ó và các loài Hổ-Báo-gấu-beo... trói giữ mà nuôi, cô lập những chúng sanh này với cha mẹ anh em của chúng, làm cho chúng luôn luôn buồn bã kêu gào thảm thiết vô cùng, xót xa cảm động đến lòng người nhưng không thể cung cấp nuôi dưỡng, thường chịu đói khát khốn khổ da liền với xương, cầu chết không được, cho nên nhận chịu tội báo này.

Thứ hai mươi, lại có chúng sanh, hình hài rất xấu xí khó coi, thân đen nhẻm như sơn, hai mắt lại xanh, gò má nhô cao, mặt sần sủi-mũi tẹt, hàm răng sưa mà lại thiếu, hơi miệng hôi thối, thấp lùn to mập, bụng lớn lồi lên, chân lại vòng kiềng, lưng gù-sườn lệch, ăn nhiều tốn áo, lở loét đầy máu mủ, phù thũng-khô đét, ghẻ lở-ung nhọt, đủi loại xấu tệ, tập trung ở thân hình của họ; tuy là người ruột thịt gần gũi mà người ta không để ý đến; nếu người ta gây ra tội lỗi thì ngang ngược đổ tai họa cho họ; suốt đời không được thấy Phật, suốt đời không đượ c nghe Pháp, suốt đời không được biết Tăng, do tội lỗi gì mà gây ra? Đức Phật dạy: Chúng sanh này trong thời kiếp trước, bởi vì làm con mà bất

hiếu với cha mẹ, làm bề tôi mà bất trung với vua, làm vua mà bất kính với thiên hạ, đối với bạn bè thì không ca ngợi tin tưởng họ, đối với láng giềng thôn xóm thì không thuận theo tuổi tác mà cư xử, đối với triều đình cộng sự thì không dùng chưc tước địa vị mà đối đãi nghiêm túc, tùy tiện làm điều gian trá, tâm ý điên đảo không có quy cách phép tắc gì cả, không tin Tam Bảo, phản vua hại thầy, phá nước hiếp dân, đánh thành phá quận, trộm cướp lừa đảo, ác nghiệp tạo ra rất nhiều. Lại còn khen mình chê người, xâm phạm người yếu thế cô, phỉ báng Hiền Thánh, khinh mạn bề trên, lừa gạt kẻ dưới, tất cả tội lỗi ác nghiệp, thảy đều phạm đến, mọi ác báo quy tụ, cho nên nhận chịu tội báo như vậy.

Lúc bấy giờ tất cả các chúng sanh nhận chịu tội báo, nghe Đức Phật giảng giải như vậy, kêu gào đau xót chấn động trời đất, nước mắt tuôn trào như mưa, mà thưa với Đức Phật rằng: Nguyện xin Tiểu thừa dừng lại lâu dài để thuyết pháp, khiến cho hạng chúng con mong được giải thoát! Đức Phật dạy: Nếu Ta dừng lại lâu dài, thì người đức mỏng tội dày không chịu gieo trồng thiện căn, cho rằng Ta thường còn mà không nghĩ đến Vô thường. Này người thiện nam! Ví như trẻ thơ có mẹ thường ở bên cạnh, không sanh ý tưởng khó gặp; nếu lúc mẹ đi xa thì sanh tâm nhớ nhung lưu luyến khát khao được gặp, mẹ mới về đến thì quả là vô cùng hoan hỷ. Này người thiện nam! Nay Ta cũng lại như vậy, biết nghiệp duyên ác, nhận chịu báo ứng tốt xấu của các chúng sanh, cho nên nhập Niết bàn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì các chúng sanh nhận chịu tội báo này, mà thuyết kệ rằng:

Dòng nước chảy không luôn luôn đầy,
Đống lửa lớn không cháy lâu dài,
Mặt trời mọc cuối ngày phải lặn,
Mặt trăng tròn rồi lại khuyết đi,
Người sang trọng vinh hoa tôn quý,
Vô thường lại thoáng qua mọi chuyện,
Nghĩ đến phải chịu khó tinh tiến,
Đảnh lễ bậc Thế Tôn Vô Thượng.”

Còn trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: “Xưa có sáu người là bạn tạo tội với nhau, đều rơi vào địa ngục ở trong một cái vạc, đều muốn nói tội lỗi của mình. Người thứ nhất nói Sa, người thứ hai nói Na, người thứ ba nói Trì, người thứ tư nói Thiệp, người thứ năm nói Cô, người thứ sáu nói Đà La. Đức Phật trông thấy mà mỉn cười, Mục Kiền Liên thưa hỏi Đức Phật: Tại vì sao Đức Thế Tôn mỉm cười? Đức Phật bảo: Có sáu người là bạn với nhau cùng rơi vào địa ngục, cùng ở trong một cái vạc, đều muốn

nói ra tội lỗi của mình, nhưng nước sôi sùng sục cuộn trào không làm sao nói tiếp được, mỗi người nói được một chữ thì quay xuống dưới rồi. Người thứ nhất nói Sa, là sáu mươi ức vạn năm ở thế gian, thì ở trong địa ngục mới là một ngày, đến lúc nào sẽ chấm dứt? Người thứ hai nói Na, là không có hạn kỳ thoát ra, cũng không biết đến lúc nào sẽ được thoát tội? Người thứ ba nói Trì, là quái lạ thay cho mình, lúc ấy vì lo liệu đời sống mà không thể nào tự kềm chế tâm ý của mình, giành lấy phần cúng dường Tam Bảo của năm nhà, ngu si tham lam không thỏa mãn, nay hối hận có ích gì? Người thứ tư nói Thiệp, là nói mình lo liệu cuộc sống cũng không chân thành lắm, tài sản thuộc về người khác làm cho gặp phải đau khổ. Người thứ năm nói Cô, là ai sẽ bảo vệ cho mình, từ địa ngục thoát ra, thì không phạm vào đạo lý cấm kỵ, được sanh lên cõi trời vui sướng? Người thứ sáu nói Dà la, là ở trong sự việc này vốn không có tâm suy nghĩ cẩn thận, vì như lái xe sai đường đi vào ngõ hiểm làm cho trục gãy xe hư, hối hận không còn kịp nữa."

Tụng rằng:

Thời trai trẻ thích sống buông thả,
Hùng hổ khuyên nhủ không thay đổi,
Ngày dài thoáng qua trong chốc lát,
sanh già bệnh xuất hiện bức bách,
Thân thể khắp nơi đều đau nhức,
Bệnh tật cùng lúc vướng hình hài,
Nhà đẹp một khi đã rời xa,
Chốn u minh muôn vạn khổ sầu.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1- Chu Tuyên Vương giết Đỗ Bá hiện báo sau khi chết; 2- Tần Thủy Hoàng chặt cây ở núi Chung Nam có điều quái lạ; 3- Thời nhà Tần có tôi tớ Lý Tiễn ở Cao Bình giúp quỷ cảm báo; 4- Thời nhà Tấn có nhà Trương Phùng ở quận Ngô giết quỷ cảm báo; 5- Thời nhà Ngụy có Lưu Xích Phủ mộng thấy Tưởng Hầu gọi làm người trông coi sổ sách; 6- Ngô Vương Phù Sai giết oan bề Công Tôn Thánh hiện rõ báo ứng; 7- Thời nhà Tấn có Trương Tộ ở An Định bị Trương Thối giết oan hiện rõ báo ứng; 8- Thời nhà Tấn có Trương Ngoan giết oan khúc Kiệm mà bọ hiện rõ báo ứng; 9- Thời nhà Tống có Đào Kế Chi là huyện lệnh Mạt lăng giết oan Thái lạc Kỹ hiện rõ báo ứng; 10- Thời nhà Tống có tướng quân Trương Duyệt giết oan Trưởng sử Giang Châu là Đặng Uyển hiện rõ báo ứng; 11- Thời nhà Tống có Thái tử Văn Huệ giết oan Vương Tiên Nghi ở Dự Chương hiện rõ báo

ứng; 12- Thời nhà Ngụy có huyện lệnh Lạc Dương là Khấu Tổ Nhân giết oan Vương Nguyên Huy ở Thành Dương hiện rõ báo ứng; 13- Dầu thời nhà Đường có chùa Đại Từ ở Tương Châu, đám giặc cùng dừng lại giết nhau làm vấy bẩn chùa hiện rõ báo ứng.

1/ Chu Tuyên Vương giết Đỗ Bá rất oan khuất, Đỗ bá nói: Nếu chết mà có biết thì ba năm sau nhất định phải làm cho ông biết điều này. Ba năn sau, Chu Tuyên Vương đi ra đồng ruộng, vừa mới dừng chân cạnh đồng ruộng, người đi theo rất đông, giữa ban trưa đứng bóng, Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng-xe trắng, áo đỏ-mũ đỏ, cầm cung đỏ-kẹp mũi tên đỏ, bắn trúng tim Tuyên Vương, làm gãy xương sống ngã xuống đất mà chết. (Chuyện này trích trong Hắc Tử truyện).

2/ Thời Tần Thủy Hoàng, ở vùng núi Chung Nam có cây Tử, to đến mấy trăm vòng tay ôm, che tối trong cung. Thủy Hoàng cảm thấy không ưa, đưa quân lính đến chặt phá cây to, trời lập tức nổi gió lớn-mưa tuôn cuốn tung cát đá, mọi người đều kinh hoàng chạy tán loạn. Đến đêm tối thì những vết chặt đều lành lại như cũ. Có một người trong lúc gió mưa xảy ra, bị thương và lạnh cóng không thể nào đi được, đành ở lại qua đêm bên cạnh cây to, trong đêm khuya nghe có quỷ đến hỏi cây rằng: Vua Tần hung bạo tự mình chặt phá mà có thể không khốn đốn gì chăng? Cây nói: Đến thì gây ra gió mưa mà đánh trả, họ làm gì tôi được? Quỷ nói: Vua Tần sai ba trăm người, lấy vải đỏ bịt đầu, vây quanh cây chặt phá ông có thể không bị hủy hoại ư? Câu lặng im không nói gì. Người bị thương nói cho vua Tần biết, dựa theo lời nói mà chặt phá. Cây bị chặt ngã, trong ruột cây có một con trâu xanh chạy ra, phóng nhanh vào dòng sông, ngay sau đó vua Tần dựng cờ làm bá chủ thiên hạ. (Chuyện này trích trong Huyền Trung Ký).

3/ Thời nhà Tần có một gia nô mạnh khỏe là Lý Tiễn ở vùng Cao Bình, đi đến mỏm núi đá, bỗng nhiên gặp một người nói: Vợ có tình ý qua lại với người ta, thế là làm cho tôi bị giết hại, nay muốn báo thù thì ông có thể giúp cho được không? Gia nô tin lời người ấy, quả nhiên thấy có người đến, quỷ liền túm lấy đầu gia nô gọi đưa tay, lập tức khiến cho ngã nhào xuống đất, trở về nửa đường thì chết. Quỷ đem một ngàn đồng tiền và một chiếc áo dài bằng lụa xanh, đưa cho gia nô mà dặn dò rằng: Chiếc áo dài này là của Đinh Dư Hứa ở cổng phía Tây chợ, ông nên tự mình mặc, cẩn thận đừng bán đi!

4/ Năm thứ hai thời Tấn Vĩnh Sơ, nhà Trương Phùng ở quận Ngô bỗng nhiên có một con quỷ nói: Ông chia cho tôi thức ăn để giúp đỡ lẫn nhau! Thế là cho quỷ thức ăn. Trải chiếu xuống đất đem cơm canh bày

trong chiếu, đầy đủ rượu thịt, mùi vị ngon lành. Quỷ được ăn uống như vậy thì không còn tùy tiện xạm phạm đến người ta nữa. Sau đó trong lúc làm cơm, nhân tiện đưa cho dao chặt vào nơi quỷ đã ăn, thì nghe thấy mấy chục người khóc, tiếng khóc cũng rất bi thảm, nói là chết nhờ vào đâu mà có được quan tài? Lại nghe nói: Nhà người chủ có chiếc ghe bằng gỗ cây Tử, gia nô rất yêu quý, nên lấy để làm quan tài. Thấy vác chiếc ghe đến, có tiếng cưa kéo-búa đóng rộn ràng. Thuyền sửa sang đã xong, lại nghe kêu gọi đem thấy xác đặt trong thuyền. Mắt Trương Phùng không thấy mà chỉ nghe tiếng sắp đạt. Không nghe tiếng đóng đinh, mà thấy chiếc ghe từ từ bay lên giữa hư không mất hút trong mây xanh. Ẩn đi rất lâu rồi từ giữa không trung mà rơi xuống, chiếc ghe vỡ tan thành nhiều mảnh, liền nghe như có mấy trăm người, cười lớn và nói: Sao ông có thể giết tôi, tôi đáng bị ông làm cho khốn đốn vậy ư, chỉ biết tâm không tốt, tôi ghét bộ dạng của ông, cho nên đập nát chiếc ghe mà thôi.

(Hai chuyện trên đây trích trong U Minh Lục).

5/ Thời nhà Ngụy có Lưu Xích Phủ, mộng thấy Tưởng Hầu gọi làm người trông coi sổ sách, thời gian thúc bách bèn đến miếu thờ trình bày cầu xin: Mẹ già con nhỏ, tình hình quả là bức ngặt, cầu xin được tha cho, quận Cối Kê có Ngụy Biên là người nhiều tài nghệ mà khéo thờ thần, thỉnh cầu để cho Ngụy Biên thay thế. Vì vậy lạy rập đầu chảy máu, mà thần miếu phán rằng: Chỉ mong làm sao khuất lẫn nhau, Ngụy Biên là người nào mà đem nêu ra ở đây? Xích Phủ cố sức cầu thỉnh nhưng rốt cuộc không được chấp nhận, chẳng bao lâu thì Xích Phủ chết.

(Chuyện rên đây trích trong Chí Quái truyện).

6/ Vua nước Ngô là Phù Sai giết bề tôi của mình là Công Tôn Thánh, mà không vì tội lỗi gì. Sau đó nước Việt đánh nước Ngô, vua Ngô thua trận bỏ chạy, nói với Thái Tế Bỉ rằng: Trước đây ta giết bề tôi Công Tôn Thánh, ném xuống bên dưới Tư Sơn, nay đường đi phải qua chỗ ấy, ta thì trên sợ trời cao-dưới thẹn với đất dày, ta đưa chân mà không tiến lên, tâm không nỡ nào đi đến chỗ ấy, ông thử đi lên trước nói to, nếu Tôn Thánh còn ở đó thì sẽ có tiếng đáp lại. Tế Bỉ bèn hướng về núi Dư Hoàng, gọi to Công Tôn Thánh. Tôn Thánh lập tức từ phía trên đáp lại: Có. Gọi ba lần mà đáo lại ba lần, vua Ngô rất sợ hãi, ngữa mặt lên trời than rằng: Ông trời ơi, ông trời ơi! Quả nhân há có thể quay về nữa hay sao? Vua Ngô liền tự vẫn mà không trở về.

7/ Thời nhà Tấn có Trương Tộ ở vùng An Định, vào giữa thời Tấn Vĩnh Hòa làm Thứ sử vùng Lương Châu, nhân cơ hội tự mình lên ngôi

làm vua Lương. Thứ sử vùng Hà Châu là Trương Thối có âun đội rất hùng mạnh, Trương Tô hiềm nghi tai họa, bí mật đưa quân vây đánh Trương Thối. Trương Thối dẫn theo quân lính chống trả Trương Tộ, Trương Tộ liền bị Trương Thối giết chết. Sau đó Trương Thối nhiều lần thấy Trương Tộ xuất hiện với tùy tùng đầy đủ giáp mũ, đưa tay chỉ vào Trương Thối nói rằng: Hạng tôi tớ này cần phải chặt đầu ngay. Người của Trương Thối tạm thời ẩn trốn mà lập trương Huyền Tĩnh làm vua Lương, tự mình làm người cai quản vùng Lương Châu. Lại âm mưu phế truất Huyền Tĩnh mà tự mình làm vua. Trong thời gian sự việc chưa thực hiện, cùng đi chung xe với Huyền Tĩnh ra cửa Tây của thành, chiếc cầu lớn vững chắc mà lại bỗng nhiên gãy sụn, thứ sử vì sự cố trước kia, vào ngày mồng 1 tháng Giêng thả chim cầu phúc, chim do Trương Thối thả ra vừa rời khỏi tay thì chết. Có con chim Quán đến làm tổ rộng ở vùng Hạ Môn, đánh đuổi nhưng không chịu đi, Trương Thối tự mình đến tận nơi xem xét. Nhà Tống lúc ấy cai quản vùng Đôn Hoàng, Tống Hỗn phái em là Tống Trừng ngay nơi tổ chim mà giết hại Trương Thối. Trương Thối sắp mất mạng mà nói với Tống Trừng rằng: Ông mang ơn hôn nhân mà làm kẻ phản nghịch, trời cao đất dày chắc chắn sẽ biết rõ chuyện này, ta tự mình đáng chết, sẽ làm cho ông đau khổ hơn ta mới được. Tống Hỗn tự mình làm Thượng thư lệnh phụ chánh mà phát bệnh, giữa ban ngày thấy Trương Thối, từ mái nhà mà đi xuống, ẩn vào trong cột nhà, cột nhà ấy giống như bi lửa đốt cháy, đào đất ra thì không thấy gì cả. Tống Hỗn vì bệnh mà chết sau đó không bao lâu. Còn Tống Trừng châm đèn, thì dầu biến thành máu; ngựa trong chuồng cùng đêm ấy không có đuôi, trẻ nhỏ ba tuổi làm ông lão cất tiếng gọi rằng: Tống Hỗn-Tống Trừng chặt đầu ông. Lại giữa dòng sông phía Đông thành phát ra cửa, thật là kỳ quái. Sau đó ba năm thì Tống trừng bị Trương Ung giết hại.

8/ Thời nhà Tấn có Trương Ngoan làm Hiệu úy Tây Vực, Trương Ngoan vì oán thù mà giết hai Khúc Kiệm. Khúc Kiệm sắp chết có nói lời căm hận, thù này phải trả mới được! Sau đó trương Ngoan giữa đêm khuya trông thấy con chó trắng, tự mình rút gươm chém nhưng không trúng, Trương Ngoan liền ngã nhào xuống đất không đứng dậy nữa, tùy tùng thấy Khúc Kiệm ở bên cạnh, Trương Ngoan liền bất ngờ mà chết.

9/ Trong thời Tống Nguyên Gia, có băng cướp của Lý Long chuyên đi trộm cướp vào ban đêm. Lúc ấy có Đào Kế Chi ở vùng Đan Dương, làm Huyện lệnh Mạt Lăng bí mật tìm cách vây bắt. Sau đó liền túm được băng đảng của Lý Long, mà Lý Long có dẫn theo một người, là ca

nhi của phường Thái lạc, quên mất họ tên của người ấy. Đêm băng cướp hành động, ca nhi này rời đồng bạn đi đến nhà người ta ở qua đêm, cùng nhau trỗi nhạc tấu đàn ca hát. Đào Kế Chi không xét hỏi rõ rằng, để làm thành tội trạng theo luật lệ, cứ tùy ý đưa lên xe cùng với người chủ nhà cho ở nhờ, khách khứa lớn nhỏ cùng chứng kiến rõ rằng sự việc. Đào Kế Chi biết có oan trái, nhưng bởi vì văn thư đã chuyển đi, không muốn tự nhiên làm cho sự việc thêm rắc rối, tức thì đưa ra ở trước cổng quận hém đầu cùng 10 tên cướp bắt được. Ca nhi này có giọng hát điêu luyện, tài năng thuần thục và biện giải rất nhanh nhạy, ngày sắp chết thì bà con láng giềng quen biết, đến xem rất đông. Ca nhi nói: Tôi tuy là hạng nghèo hèn nhưng từ thưở nhỏ ôm lòng ưa thích điều thiện, chưa từng làm điều sai trái, thật sự không làm kẻ cướp, Đào huyện lệnh đã được biết rõ ràng mà còn giết hại oan ức, nếu chết mà không có quỷ thì thôi, có quỷ thì nhất định phải tự mình tố cáo rõ ràng! Nhân đó gảy đàn tỳ bà, ca một khúc từ mà chết. Mọi người biết nỗi oan ức ấy, không có ai không ngậm ngùi rơi lệ. Ngày khác trong tháng, Đào Kế Chi trong đêm nằm mộng, ca nhi đi đến trước bàn nói rằng: Trước đây bị giết oan, bởi sự thật mà không phân xử rõ ràng, tố cáo với trời cao giành lại lẽ phải, nay cố tình đến bắt ông đi. Liền đi vào miệng của Đào Kế Chi mà xuống giữa bụng. Đào Kế Chi lền kinh hãi tỉnh giấc, trong chốc lát ngã nhào bất tỉnh, giống như gặp gió độc, rất lâu mới tỉnh, có lúc lại phát ra, hễ phát ra thì đầu uống cong gập lại sau lưng, trong bốn ngày mà chết. Sau khi chết thì gia đình trở nên nghèo thiếu tàn tạ, một người con chết sớm, còn lại một người cháu cùng đường khốn quẫn lang thang xin ăn qua ngày.

10/ Năm thứ nhất thời Tống Thái Sư, Trưởng sử vùng Giang Châu là Đặng Uyển, lập Thứ sử Tấn An Vương Tử Huân làm Đế để gây ra rối loạn. Ban đầu Thái thú quận Nam là Trương Duyệt mắc tội, ép buộc quay về Dương Đô, và Đặng Uyển ở vùng Ích Khẩu tha cho, dùng làm tướng quân đứng đầu quân lính, cùng tham gia bàn tính mọi việc trong quân lính. Đặng Uyển trước kia ở trong quân đội của Viên Nghĩ đã thua trận, Trương Duyệt sợ bị trách phạt, bèn nói là bất ngờ mang bệnh, mặc giáp chuẩn bị vũ khí mà mời đến. Đặng Uyển đã đến, Trương Duyệt nói rằng: Ông bắt đầu từ tai họa này, mà mong trút tội cho Hoàng Đế nhỏ tuổi ư? Lập tức ra lệnh chém chết ở trước giường, và giết cả con của Đặng Uyển. Đặng Uyển bị chém đầu, đến nhiều năm sau Trương Duyệt mắc bệnh đang nằm thấy Đặng Uyển, vì sợ hãi liền đột ngột mà chết.

11/ Thời nhà Tống có Vương Tiêu Nghi ở Dự Chương sau khi

chết, bỗng nhiên hiện hình đến nơi Thẩm Văn Quý nói rằng: Tôi bệnh chưa đến lúc chết, Hoàng thái tử thêm vào trong thuốc chữa mười một loại thuốc khiến cho tôi không lành bệnh, trong cháo lại thêm vào một loại thuốc khiến cho tôi bị bệnh lỵ không dứt, tôi đã tố cáo, trước đây hứa trở về Đông Thành, sẽ phân định sự việc này. Liền từ trong ngực lấy ra tờ văn thư màu xanh chỉ rõ với Văn Quý mà nói: Đưa cho ông một số bằng chứng trước đây, để trình lên Chúa thượng. Trong chốc lát biến mất không biết chỗ nào, Văn Quý sợ hãi không dám truyền ra ngoài, không lâu sau thì Thái tử Văn Huệ qua đời.

12/ Thời nhà Ngụy có Vương Nguyên Huy ở Thành Dương, ban đầu vì Hiếu Trang Đế mưu tính giết hại Nhĩ Chu Vinh, đến lúc Nhĩ Chu Triệu đi đến Lạc Dương làm hại Hiếu Trang Đế, mà Nguyên Huy sợ hãi chạy đến chỗ Huyện lệnh Lạc Dương là Khấu Tổ Nhân. Cha-chú và anh em của Tổ Nhân, cả ba người làm Thứ sử đều nhờ sức lực của Nguyên Huy. Sau đó Nhĩ Chu Triệu treo giá mua Nguyên Huy bằng tước quan Vạn hộ hầu, Tổ Nhân liền chém Nguyên Huy đưa đến nhận thưởng, và gom giấu một trăm cân vàng-năm mươi con ngựa. Đến lúc Nhĩ Chu Triệu có được đầu của Nguyên Huy, nhưng cũng không ban thưởng tước hầu, Nhĩ Chu Triệu mới mộng thấy Nguyên Huy nói: Tôi có hai trăm cân vàng và một trăm con ngựa ở trong nhà của Tổ Nhân, ông có thể lấy. Nhĩ Chu Triệu tỉnh giấc nói: Người vùng Thánh Dương vốn rất giàu có, hôm qua ra lệnh thu lấy tài sản, hoàn toàn không có vàng bạc, giấc mộng này có lẽ thật vậy. Đến lúc trời sáng lập tức ra lệnh bắt giữ Tổ Nhân, Tổ Nhân lại trông thấy Nguyên Huy nói: Đủ để báo thù nhau được rồi. Tổ Nhân khẩn khoản xin giao tất cả có được một trăm cân vàng và năm mươi con ngựa, Nhĩ Chu Triệu không tin. Tổ Nhân tự mình gom góp của thân thích quyến thuộc, có được ba mươi cân vàng và ba mươi con ngựa giao nộp, Nhĩ Chu Triệu cho rằng còn chưa đủ số, thế là nổi giận, teo đầu ở trên cây, dùng đá buộc dưới chân, dùng roi đánh đập mà giết chết.

(Bảy chuyện trên đây trích trong Oan Hồn Chí.)

13/ Đầu thời nhà Đường có tòa tháp của chùa Đại Từ ở vùng Tương Châu bị đốt cháy. Vào những năm cuối thời Đại Nghiệp nhà Tùy có bọn giặc cướp nổi dậy đánh nhau, chùa nằm trên núi Cát Lữ phía tây đài Tam Tước, dân bốn xã quanh vùng kéo đến làm thành nơi lánh nạn qua ngày, người và vật vây kín xung quanh không có chỗ nào bỏ trống, trên dưới tòa tháp nơi nào cũng đầy kín, trong khu vực đó dơ bẩn không thể nào nói được. Sau khi dẹp yên bọn giặc thì mọi người tản về quê

cũ, Tăng chúng trong chùa không có sức lực thu dọn được, bỗng nhiên ngọn lửa phát ra, đốt cháy sạch sẽ trong ngoài, tất cả không sót lại gì, riêng điện thờ bức tượng Thái Tử tư duy ở góc Đông Nam là còn tồn tại, có thể nói là ngọn lửa thanh tịnh dùng để trừ bỏ mọi cái dơ bẩn thối tha. Tháp này chính là do tự tay Tùy Cao Tổ ban sắc lệnh xây dựng, bắt đầu từ thời nhà Tùy sáng lập đến lúc chưa nắm được thiên hạ. Ngô quốc công Uất Quýnh vốn là bề tôi trụ cột của nhà Chu, trấn thủ vùng Hà Bắc làm người cai quản kinh đô trước đây, nghe tin Dương Thị đưa ra kế sách, trong lòng chưa đồng ý, ngay hôm đó tập trung đưa quân chống lại chiếu chỉ, quan quân vừa đến thì trận lớn tan rã, bắt làm tù binh gần trăm vạn người, tất cả tập trung trong vườn Du Dự ở phía Bắc dinh phủ. sáng hôm sau chặt đầu, bức tường vây quanh vườn có lỗ hổng, người từ đó chui ra thì chặt đầu. Đến sáng thì dừng lại, còn có sáu mươi vạn người, tất cả đều đưa đến bờ sông Chương để chém đầu, tử thi trôi trong dòng sông, nước bị chặn lại không chảy được, sông đỏ như máu suốt cả tháng, đêm đêm có tiếng quỷ khóc ai oán làm động lòng người. Bởi vì nghe sự việc như vậy, Hoàng Đế nói: Quãng này đã giết hại mọi người, có rất nhiều điều oan uổng quá mức. Giặc đã ngăn chặn, Uất Quýnh và những người khác đều bị đuổi đi, lúc ấy động lòng trắc ẩn đều biết việc này. Đất nước lúc ban đầu khó khăn không được tùy tiện hành động, có thể ở trên nùi Cát Lữ phía Nam vườn Du Dự mà xây dựng ngôi chùa Đại Từ, tháo dỡ đài Tam Tước để thêm phần xây dựng, sáu thời lễ Phật thêm một lạy, vì những người chết oan ức trong vườn. Chùa hoàn thành có Tăng cư trú, y theo sắc lệnh lễ lạy tụng đọc, tiếng khóc ai oán qua một thời gian thì vắng lặng không còn.

(Chuyện dẫn ra trên đây, là do con cháu trong họ tự mắt mình trông thấy, đích thân biết rõ, tin theo báo ứng thiện ác của Phật giáo, nghiệm biết không giả dối, mình giết người thì vẫn là mình đền mạng, há có gì sai lầm hay sao?)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 68

Thiên thứ 78: NGHIỆP NHÂN

(Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Nghiệp nhân, Thập ác, Thập thiện, Dẫn chứng).

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Nói đến người vượt qua dòng chảy của sanh tử, thì sông Ái lắng trong mà năm Trược thanh tịnh; người lạc mất tông chỉ của giải thoát, thì núi Tà chấn động mà ba Chướng nổi lên. Lặng yên nói đến lý này, lẽ nào không thật hay sáo? Vậy thì biết Thiện nhờ vào Tín mà phát sinh, ác dựa theo tà mà bộc lộ. Vì lẽ đó một niệm ác có thể mở toang năm cánh cửa bất thiện, một niệm thiện có thể trừ bỏ tai họa của nhiều kiếp. Vì vậy cho nên thiện cần phải tự mình cố gắng mài giữa, có thể có tâm nghe lời dạy của thầy; ác cần phải kiểm điểm rời bỏ lỗi lầm, có thể có tình luôn hối hận sửa sai. Nếu không như vậy thì chỉ tốn công nuôi lớn, lãng phí thời gian làm đẹp cho chiếc bình vẽ, cuối cùng vỡ nát ở đất vàng, phải chịu khổ sở nơi âm ty, để lại nghiệp báo đen-trắng, ý suy xét mà cố gắng thôi!

Phần thứ hai: NGHIỆP NHÂN

Như luận Đối Pháp nói: "Lại nữa, các nghiệp có bốn loại sai biệt, gọi là nghiệp dị thục hắc hắc, nghiệp dị thục bạch bạch, nghiệp dị thục hắc bạch-hắc bạch, nghiệp không có dị hục-chẳng phải hắc bạch-có năng lực trừ hết các nghiệp. Nghiệp dị thục hắc hắc, đó gọi là nghiệp bất thiện, bởi vì nhiễm ô cho nên quả dị thục không đáng yêu quý. Nghiệp dị thục bạch bạch, đó gọi là nghiệp thiện của ba cõi, bởi vì không nhiễm ô cho nên quả dị thục thật đáng yêu quý. Nghiệp dị thục hắc bạch-hắc bạch, đó gọi là nghiệp lẫn tạp của cõi Dục, bởi vì thiện và bất thiện xen lẫn nhau. Nghiệp không có dị thục chẳng phải hắc bạch-có năng lực trừ hết các nghiệp, đó gọi là ở trong đạo phương tiện không

gián đoạn, các nghiệp vô lậu dùng đạo phương tiện và đạo vô gián, là để đối trị các nghiệp kia. Phi hắc là xa rời phiền não cấu nhiễm. Bạch là luôn luôn thanh tịnh. Không có dị thục, là bởi vì sanh tử trái ngược nhau. Có năng lực trừ hết các nghiệp, là dựa vào nghiệp vô lậu, để vĩnh viễn nhổ sạch được na nghiệp hữu lậu như hắc hắc... và tập khí dị thục của các nghiệp ấy."

Còn kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: Nếu người thiện nam nào, có người không hiểu nghiệp duyên như vậy, thì trong vô lượng đời kiếp lưu chuyển giữa sanh tử, tuy sanh đến cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, thọ mạng tám vạn kiếp, phước hết vẫn rơi vào ba đường khổ đau. Đức Phật dạy rằng: này người thiện nam!

Tất cả mọi nét vẽ mô phỏng không có gì hơn được ý, ý vẽ ra phiền não, phiền não vẽ ra nghiệp, nghiệp thì vẽ ra thân."

Còn trong phẩm nghiệp – A Tỳ Đàm tạp tâm có kệ rằng:

"Nghiệp luôn luôn trang sức thế gian,
Tất cả các loài-mọi nơi chốn,
Vì vậy nên suy nghĩ về nghiệp,
Cầu giải thoát rời xa thế gian.
Trích tập các nghiệp thân miệng ý,
Quyết định từ trong có mà có,
Nghiệp ấy vì tất cả các hành,
Tô điểm đầy đủ các loại thân,
Nghiệp của thân nên biết có hai,
Gọi là tác cùng với vô tác,
Nghiệp của miệng cũng lại như vậy,
Nghiệp của ý nên biết suy tư."

Còn kinh Niết bàn nói: "Này người thiện nam! Nhân có năm loại. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Nhân của sanh; 2- Nhân của hòa hợp; 3- Nhân của trú; 4- Nhân tăng trưởng; 5- Nhân xa xôi. Thế nào là nhân của sanh? Nhân của sanh, tức là các nghiệp của phiền não và hạt giống của các loại cỏ cây bên ngoài, đó gọi là nhân của sanh. Thế nào là nhân của hòa hợp? Như thiện và tâm thiện hòa hợp, bất thiện hòa hợp với tâm bất thiện, vô ký hòa hợp với tâm vô ký, đó gọi là nhân của hòa hợp. Thế nào là nhân của trú? Như bên dưới có trụ đỡ thì mái nhà không đổ sụp, núi sông cây cối dựa vào mặt đất mà được đứng vững, bên trong có bốn Đại và vô lượng phiền não mà chúng sanh được tồn tại, đó gọi là nhân của trú. Thế nào là nhân tăng trưởng? Nhờ vào các nhân duyên như áo quần-ăn uống... mà khiến cho chúng sanh được lớn lên; như hạt giống

bên ngoài, lửa mà không đốt cháy, chim mà không ăn mất, thì được lớn lên. Như các hàng Sa môn-Bà la môn, nương nhờ các bậc Hòa thượng-thiện tri thức, mà được lớn lên; như con người nhờ vào cha mẹ mà được lớn lên, đó gọilà nhân tăng trưởng. Thế nào là nhân xa xôi? Ví như nhờ vào sự chú nguyện mà quỷ không thể làm hại được, độc không thể nào nhiễm được, nhờ vào vua quan bảo vệ đất nước mà không có trộm cướp, như mầm cây nhờ vào đất-nước-lửa-gió. Như con người dùng sữa để chế biến là nhân xa xôi của bơ, như vô minh-danh sắc... là nhân xa xôi của Thức, tinh huyết cha mẹ là nhân xa xôi của chúng sanh, như thời tiết... đều gọi là nhân xa xôi.

Náy người thiện nam! Thể của Niết bàn không phải là sự tạo thành do năm nhân như vậy. Tại sao lại nói là nhân vô thường? Bởi vì tất cả các pháp lại có hai loại nhân: Một là Tác nhân, hai là Liễu nhân. Như người thợ gốm quay vòng dây, đó gọi là Tác nhân; như đèn đuốc... soi rõ đồ vật trong bóng tối, đó gọi là Liễu nhân.

Này người thiện nam! Đại Niết bàn thì không từ Tác nhân mà chỉ có Liễu nhân. Liễu nhân ấy chính là ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo và 6 pháp Ba la mật, đó gọi là Liễu nhân.”

Lại nói: “Ba giải thoát môn, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có năng lực làm nhân của sanh và bất sanh cho tất cả phiền não, cũng làm Liễu nhân cho Niết-bàn.

Này người thiện nam! Xa lìa phiền não thì có thể thấy sáng tỏ đối với Niết bàn. Vì vậy Niết bàn chỏ có Liễu nhân chứ không có Sanh nhân.”

Lại nói: “Nếu xa rời ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy, thì cuối cùng không thể nào đạt được chánh quả của Thanh văn, cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thấy Phật tánh và quả của Phật tánh. Vì nhân duyên này, phạm hạnh chính là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. tại vì sao? Bởi vì tánh của ba mươi bảy phẩm trợ đạo không điên đảo, có năng lực phá hủy điên đảo; tánh không phải là tà kiến, mà có năng lực phá hủy tà kiến; tánh không phải là sợ hãi, mà có năng lực phá hũy sợ hãi; tánh vốn là phạm hạnh thanh tịnh, cho nên có năng lực khiến chúng sanh cuối cùng tiến lên thực hành phạm hạnh thanh tịnh.”

Lời bàn: Trên đây tuy dẫn ra kinh kuận trình bày về nhiều loại nghiệp nhân, nhưng đến lúc đoạn trừ tội lỗi thì chưa trình bày về nặng nhẹ, cho nên dẫn ra kinh Ưu Bà Tắc Giới biện giải về nghiệp không giống nhau. Có nêu ra bốn loại riêng biệt: 1- Lấy vật so với ý có bốn loại; 2- Nặng nhẹ không giống nhau có tám loại; 3- Thượng trung hạ

không giống nhau lại có tám loại; 4- Dựa vào luận Tát Bà Đa thì có tâm và vô tâm không giống nhau lại có tám loại. Tạm thời phân định tội lỗi thì đều thâu nhiếp tất cả.

Vì vậy kinh thứ nhất nói: "Có vật nặng mà ý nghẹ, có vật nhẹ mà ý nặng, có vật nặng ý nặng, có vật nhẹ ý nhẹ. Thứ nhất là có vật nặng mà ý nhẹ, chính là giống như không có ác tâm giết hại cha mẹ. Thứ hai là vật nhẹ mà ý nặng, chính là giống như vì ác tâm mà giết hại súc sanh. Thứ ba là vật nặng ý nặng, chính là như người dùng tâm rất ác mà giết hại cha mẹ sanh ra mình. Thứ tư là vật nhẹ ý nhẹ, chính là như người dùng tâm nhẹ nhàng khinh thường mà giết hại súc sanh."

Kinh thứ hai nói: "Ác nghiệp như vậy lại có tám loại nặng nhẹ không giống nhau. Những gì là tám loại? Đó là: 1- Có phương tiện nặng mà căn bản thành rồi thì nhẹ; 2- Có căn bản nặng mà phương tiện thành rồi thì nhẹ; 3- Có thành rồi thì nặng mà phương tiện căn bản thì nhẹ; 4- Có phương tiện căn bản nặng mà thành rồi thì nhẹ; 5- Có phương tiện thành rồi thì nặng mà căn bản thì nhẹ; 6- Có căn bản thành rồi thì nặng mà phương tiện thì nhẹ; 7- Có phương tiện căn bản thành rồi đều nặng; 8- Có phương tiện căn bản thành rồi đều nhẹ. Vật là một loại, bởi vì tâm lực cho nên cảm được quả nặng nhẹ sai khác. Như vậy thập nghiệp đạo có ba sự việc ấy: 1- Phương tiện; 2- Căn bản; 3- Thành rồi. Nếu lại có người có thể thường xuyên lễ báo cúng dường cha mẹ-thầy dạy-hòa thượng và người có đức, trước hết có ý thăm hỏi mà lời nói thì mềm mỏng, đó gọi là phương tiện. Nếu thực hiện xong rồi mà luôn luôn tu tập, tâm niệm hoan hỷ không hối tiếc gì, thì gọi là thành rồi. Lúc thực hiện thì chuyên chú, đó gọi là căn bản. Mười thiện đã như vậy, thì mười ác cũng như thế."

Thứ ba là mười nghiệp đạo lại có ba loại, đó là: Thượng-trung và hạ. Hoặc là phương tiện bậc thượng, căn bản bậc trung, thành rồi bậc hạ. Hoặc là phương tiện bậc trung, căn bản bậc thượng, thành rồi bậc hạ. Hoặc là phương tiện bậc hạ, căn bản bậc thượng, thành rồi bậc trung. (Thay nhau làm thành tám loại, theo như trước có thể biết).

Thứ tư là dựa vào luận Tát Bà Đa, thì phương tiện-căn bản-thành rối, có tâm và vô tâm làm thành tám câu, theo chủng loại có thể biết.

Còn như luận A Tỳ Đàm Tâm nói: "Có năm loại quả: 1- Quả báo; 2- Quả sở y; 3- Quả tăng thượng; 4- Quả thân lực; 5- Quả giải thoatý. Nếu là pháp thiện hữu lậu, thì hoặc là bốn quả, hoặc là có năm quả. Có năng lực đoạn trừ kiết sử, thì gọi là năm quả. Không dựa vào đoạn trừ kiết sử, thì gọi là bốn quả, trừ ra quả giải thoát. Nếu là pháp vô lậu, thì

hoặc là bốn quả, hoặc là ba quả. Nếu có năng lực đoạn trừ kiết sử, thì ở trong bốn quả trừ ra quả báo. Nếu không đoạn trừ kiết sử, thì trừ ra quả báo và quả giải thoát. Nếu là pháp vô ký thì trong đó chỉ có ba quả, trừ ra quả báo và quả giải thoát."

Phần thứ ba: **THẬP ÁC**

Thứ nhất là dựa vào địa ngục trình bày về khởi lên bất thiện. Dựa vào luận Tỳ Đàm nói: "Có năm nghiệp đạo: 1- Ác khẩu; 2- Ỷ ngữ; 3- Tham; 4- Sân; 5- Tà kiến. Ở trong ác khẩu-ỷ ngữ và sân, lúc nhận chịu khổ báo thì có ba loại hiện hành.

Ngục tốt mắng chưởi vốn là hiện hành của ác khẩu, tức là lời ác khẩu này không hợp thời, pháp trái ngược không đúng đắn thì rơi vào ỷ ngữ, lúc bấy giờ tức giận chính là sân hận. Ba loại bất thiện này là hiện hành của địa ngục. Nếu luận đến nghiệp tham và tà kiến, thì thành tựu ở trong tâm mà không hiện hành, bởi vì phàm phu thô lỗ kia chưa đoạn trừ phiền não, cho nên tham và tà kiến thành tựu ở trong tâm. Nam nữ nơi ấy đều luôn luôn nhận chịu khổ báo, nhưng không có nam nữ cùng làm điều tà vạy, cho nên không có tâm tham này hiện hành. Bởi vì thường xuyên nhận chịu khổ báo cho nên tâm thức tối tăm vụng về, không thể nào suy xét tìm tòi nhân quả-có không, vì vậy cũng không có tà kiến hiện hành. Đương nhiên còn lại sát-đạo-vọng ngữ-lưỡng thiệt, nơi ấy không thực hiện thì luôn luôn là không có vấn đề gì. Nếu địa ngục không có nghiệp đạo hiện hành của tham và tà kiến, thì tại sao nói nơi ấy thành tựu hai nghiệp này? Đáp: Tâm pháp phiền não từ khi chưa đoạn đến nay, tuy không hiện hành nhưng tánh luôn luôn thành tựu, không giống như sắc nghiệp của thân miệng, là bảy phần tác pháp thô thiển, có phát động thì mới thành tựu, không có nơi tạo tác thì không nói thành tựu."

Vì vậy trong luận Tạp Tâm nói: "Trong địa ngục không có sự giết hại lẫn nhau cho nên không có nghiệp đạo sát sanh, không có sự tiếp nhận tài sản cho nên không có nghiệp đạo trộm cắp, không có sự chấp thọ đối với nam nữ cho nên không có nghiệp đạo tà dâm. Lời nói khác với ý tưởng cho nên gọi là vọng ngữ, ở địa ngục không có ý tưởng sai khác cho nên không có vọng ngữ, lìa xa sự vui sướng thường xuyên cho nên không có lưỡng thiệt, bị đau khổ bức bách cho nên có ác khẩu, vì nói không hợp thời cho nên có ỷ ngữ, tham và tà kiến thành tựu mà không hiện hành."

Thứ hai-thứ ba là trình bày trong ngạ quỷ và súc sanh có đủ mười

ác, nhưng không có bảy phần ác luật nghi của thân miệng.

Hỏi: Nay trong loài súc sanh thì không biết nói, tuy là có âm thanh nhưng có thành tựu khẩu nghiệp hay không?

Đáp: Lúc loài ấy khởi lên sân hận phát ra âm thanh thì khác, tuy không phải là lời nói rõ ràng nhưng cũng thành tựu khẩu nghiệp. Vì vậy trong luận Thành Thật nói: Âm thanh của súc sanh có phải là khẩu nghiệp không? Đáp: Tuy không có lời nói diễn tả sai khác, nhưng từ trong tâm khởi lên cho nên cũng gọi kà nghiệp. Cũng có thể nói là có đủ mười nghiệp, nhiều là Long Vương, hiểu rõ ý chí của con người cho nên có đủ mười nghiệp đạo, đương nhiên những loài súc sanh ngu si đần độn khác thì có thể đầy đủ sáu loại là thân ba và ý ba, mốn nghiệp còn lại thì không có, bởi vì miệng không biết nói năng. Nếu dựa theo kiếp ban đầu thành lập thì súc sanh hiểu được lời nói của con người, như vậy cũng có thể đầy đủ mười ác."

Thứ tư là ngay trong loài người dấy khởi tội lỗi hành động. Trong loài người thì có bốn thiện hạ (thế giới), Nam Diêm-Đông Phất-tây Da thì người ở ba phương này, vì khởi lên nhiều ác nghiệp cho nên đều có đủ mười ác. Nhưng hai phương Đông-Tây thì nhẹ, phương Nam là nặng nhất, bởi vì có tiếp nhận ác luật nghi. Nếu dựa vào Bắc Đơn để luận về tội lỗi, thì phương ấy chỉ có 4 nghiệp bất thiện: 1- Ỷ ngữ; 2- Tham; 3- Sân; 4- Tà kiền. Bởi vì có ca hát thơ phú cho nên có ỷ ngữ, tham-sân và tà kiến thành tựu mà không hiện hành.

Hỏi: Phương Bắc có thực hiện sự việc dâm dục, vì sao nói là không có nghiệp đạo tà dâm?

Đáp: Phương ấy không có vợ chồng cùng kết thành đôi với nhau, tuy có sự việc dâm dục nhưng không có chiếm đoạt lấn hiếp lẫn nhau, cho nên không có tà dâm.

Hỏi: Đã có hành dâm thì tham dục đang hiện hành, tại sao lại nói chỉ thành tựu chứ không hiện hành?

Đáp: Người ở phương ấy khởi lên tham dâm mà không phải là người thế tục có thể sánh được, tuy nhiều lần hiện hành nhưng bậc Thánh nói rằng không có tội. Chỉ vì tâm tham này mà dâm dục dấy lên, hãy còn không phải là nghiệp tội, không dẫn đến khổ báo, huống gì là trong tâm luôn luôn khởi tham, như vợ chồng ở thế gian tham ái không hạn chế được.

Hỏi: Người ở phương Bắc đã có ca từ thơ phú..., pháp này không thích hợp, tức là vọng ngữ, tại sao không nói có nghiệp vọng ngữ?

Đáp: người ở phương ấy thuần hậu chất trực không làm điều gì

gian trá giả dối, không có tâm lừa gạt người khác cho nên không phải là vọng ngữ. Người ở phương ấy thọ mạng xác định là một ngàn năm cho nên không có nghiệp giết hại. Người ở phương ấy ăn-mặc tự nhiên, đất có thóc gạo, cây có áo quần đẹp đẽ, nghĩ đến thì tự nhiên hiện ra, không có người chủ quản nắm giữ cho nên không có nghiệp trộm cắp. Người ở phương ấy nhu hòa chonên không có các nghiệp ác khẩu-lưỡng thiệt. Vì vậy trong luận Tạp tâm nói: "Uất Đơn có bốn nghiệp đạo bất thiện, thọ mạng xác định cho nên không có sát sanh, không quý trọng tài sản cho nên không có trộm cắp, không chấp thị đối với nam nữ cho nên không có tà dâm, không lừa dối người khác cho nên không có vọng ngữ, thường hóa hợp cho nên không có lưỡng thiệt, bởi vì mềmmỏng cho nên không có ác khẩu, có ca từ vịnh tán cho nên có ỷ ngữ. Nếu luận về nghiệp đạo của ý thì tuy thành tựu mà không hiện hành."

Thứ năm là ngay loài trời dấy khởi tội lỗi hành động. Sáu tầng trời cõi Dục này có những nghiệp sát-đạo..., trong đó tuy có mười nghiệp bất thiện, nhưng không có bảy loại ác luật nghi của thân miệng. Vì vậy trong luận tạp Tâm nói: "Sáu tầng trời cõi Dục có mười nghiệp đạo rời xa bất luật nghi, tuy không làm hại loài trời nhưng làm hại những loài khác. Như làm hại Tu La cũng có cắt đứt tay chân mà còn sống lại, nếu chặt đầu thì chết, lần lượt chiếm đoạt lẫn nhau, cho đến mười nghiệp đạo thì tất cả đều có. Cũng có chư Thiên ít phước, thiếu thốn các duyên cung cấp lại lấy trộm của nhau, cho nên có nghiệp trộm cắp. Hoặc có chư Thiên tự mình thiếu phước mà ưa thích dâm dục với chư Thiên xinh đẹp khác, cho nên có nghiệp tà dâm." Bảy nghiệp còn lại văn rõ ràng có thể biết. Nếu luận về chư Thiên cỏi Sắc và cõi Vô sắc, dựa theo Tỳ Đàm thì không có nghiệp bất thiện. Căn cứ vào lý mà nói thì cũng có ba nghiệp bất thiện vi tế, đó là trong ý niệm của họ có những tâm niệm tà mạn... Lỗi của nghiệp thân miệng như trong Sơ thiền, Bà Già Phạm Vương nói với các Phạm chúng: Các người được cư trú nơi này, Ta có thể làm cho các người đến nơi tận cùng không còn già-chết, các người không cần phải đến những nơi của Cù Đàm. Tỳ kheo Hắc Xỉ đi đến hỏi về điều d0ó: Tam muội của Sơ Thiên, dựa vào Tam muội nào sanh ra, từ Tam muội nào mà diệt đi? Phạm Vương đáp rằng: Ta là bậc tôn quý trong các Phạm chúng. Tỳ kheo Hắc Xỉ nói: Tôi không hỏi Phạm Vương là tôn quý hay thấp hèn, chỉ hỏi về tam muội của Sơ thiền, dựa vào Tam muội nào sanh ra, từ Tam muội nào mà diệt đi? Bậc tôn quý ấy không thể nào trả lời được, Tỳ kheo liền túm lấy bậc tôn quý lôi ra khỏi mọi người, nói với bậc tôn quý rằng: Tôi không thể nào biết được Tam muội

của Sơ thiền, từ Tam muội nào sanh ra, từ Tam muội nào diệt đi, sao ông đành lòng ở giữa Phạm chúng làm tổn hại bôi nhọ tội vậy? Đây là phiền não bất thiện của tâm lý nịnh bợ giả dối. Nói Đức Phật không có năng lực làm cho các người giải thoát, tức là ác khẩu-ỷ ngữ mà phỉ báng Đức Phật. Cõi phía trên chỉ có sự nịnh bợ giả dối này, làm chonghiệp bất thiện vi tế của thân miệng phát động. Nhưng không khởi lên thô ác làm tổn hại đối với người khác, mà sanh lên cõi phía trên, bởi vì đã từng tu tập đạt được Định, xa lìa tất cả tâm lý tham sân thô thiển của cõi Dục, cho nên đạt được quả báo ấy vẫn có thể tu định. Tuy có phiền não nhưng chỉ là tâm si ám, bởi vì mê mờ đối với đạo cho nên khởi niệm ái-mạn..., thích tu pháp thiện mong được hơn hẳn người khác. Những phiền não này là do định mà hủy diệt, vì vậy không làm tổn hại người khác, không trái ngược lẫn nhau.

Nếu dựa theo Tỳ Đàm, thì phiền não của cõi phía trên không phải là bất thiện, mà nói là vô lý. Những ý niệm tham vi tế này có thể làm cho tâm thanh tịnh, tuy là vô ký nhưng thể là nhiễm ô, không giống như quả báo sanh ra sắc-tâm khổ vui và oai nghi cùng vô ký thanh tịnh, vì vậy luận nói là vô ký nhiễm ô, từ ý niệm nhiễm ô này mà tưới thấm nghiệp nhân để thọ sanh. Nếu phiền não này không tưới thấm nghiệp nhân, thì nghiệp nhân sẽ khô tàn và vĩnh viễn không dẫn đến quả báo, chúng sanh cõi phía trên không còn sanh tử trở lại, bởi vì luôn luôn tưới thấm nghiệp nhân cho nên phải tiếp tục sanh ra.

Hỏi: Phiền não của cõi phía trên đã luôn luôn tưới thấm nghiệp nhân, tưới thấm sanh ra cảm được quả báo, vì sao không phải là Ký?

Đáp: Phiền não của cõi phía trên tuy là tưới thấm nghiệp nhân, nhưng chỉ có được quả báo tổng quát để thọ sanh mà thôi, chứ không nhờ vào phiền não này mà thật sự cảm được quả báo an vui, cũng không dẫn đến khổ báo do vô ký này, không giống như phiền não bất thiện của cõi phía dưới cảm được khổ của quả báo tổng quát và quả báo riêng biệt.

Nếu dựa theo luận Thành Thật, thì trong hai cõi phía trên đã khởi lên tà kiến, đều gọi là bất thiện. Như luận ấy giải thích: "Người ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, cho rằng đây là Niết bàn; lúc sắp mạng chung thấy Trung ấm của cõi Dục và cõi Sắc, liền sanh khởi tà kiến, nói là không có Niết bàn mà bài báng không có pháp cao hơn. Nên biết rằng Trung hữu ấy có nghiệp bất thiện", Luận lại giải thích: "Tà kiến của cõi phía trên là đạo lý nhân duyên của khổ. Cõi phía trên dựa vào địa vị của họ mà phân định, do tâm vi tế của chúng sanh mà khởi lên hoặc nghiệp vi

tế, phần nhiều không trở thành nghiệp cho nên gọi là vô ký.” Nếu dựa vào tất cả các luận, có thể đối với Trung hữu khởi lên tà kiến thô thiển trở thành bất thiện, thì nghĩa trong Tỳ Đàm giải thích nên phân định trước, nghĩa trong Thành Thật luận bàn phải thông suốt sau. Đồng thời căn cứ vào lý, thì phiền não vi tế ấy đều trái với lý mà khởi lên, tất cả là bất thiện. Chính xác dựa vào Thành Thật, thì ác nghiệp bất thiện cả ba cõi cùng khởi lên, chỉ có điều là nhiều út thêm bớt có sai khác mà thôi.

Lời bàn: Trên đây chỉ dựa vào phàm phu mà trình bày về những tội lỗi hành động dựa vào thân phát khởi. Nếu luận đến Thánh nhân như bậc Tu đà hoàn..., rời khỏi pháp quán thất niệm thì có lẽ có khởi ý, bất thiện vi tế sinh ra những nguyện ác, có đủ kiết sử cõi Dục, tham sân tuy mạnh nhưng vụn vặt tựa như phàm phu còn sót lại, chỉ có thể khởi lên tham dục-sân mạn, chứ không trở lại suy nghĩ khởi tâm tà kiến, cũng không khởi tâm sát hại-trộm cắp... Như dựa vào Tỳ Đàm, thì có thể có quyến thuộc làm phát sanh những sự việc thuộc nghiệp bất thiện nhẹ nhàng không nghiêm trọng. Nếu dựa vào Thành Thật, thì có ý bất thiện làm động thân miệng mà không tạo thành nghiệp báo.

Còn trong luận về kinh Di Lặc Bồ-tát Sở Vấn nói: “Tất cả ác pháp của mười nghiệp đạo bất thiện này, đều phát khởi từ tham sân si. Như dựa vào ba độc mà khởi nghiệp sát sanh, nếu dựa vào tâm tham mà khởi, hoặc vì da thịt-tiền bạc cho nên đoạn dứt mạng sống loài khác..., thì gọi là dựa vào tham mà khởi; nếu dựa vào tâm sân mà khởi, hoặc vì tâm sân mà giết hại kẻ thù..., thì gọi là dựa vào sân mà khởi; nếu dựa vào tâm si mà khởi, hoặc có người nói: Giết những loài rắc rít bò cạp đã làm cho đời sống chúng sanh gặp khổ não, tuy giết chúng nhưng mà không có tội. Có người nói: Giết bỏ cha mẹ già và người bệnh nặng thì không có tội báo. Đó gọi là dựa vào si mà khởi.

Như dựa vào ba độc mà khởi nghiệp trộm cắp: Nếu dựa vào tâm tham mà khởi, hoặc vì bản thân, hoặc vì người khác, hoặc vì ăn uống..., thì gọi là dựa vào tham mà khời. Nếu dựa vào tâm sân mà khởi, hoặc đối với những vật bên cạnh người minh sân hận và những vật yêu quý của người miònh sân hận mà trộm lấy những vật ấy, thì gọi là dựa vào sân mà khởi. Nếu dựa vào tâm si mà khởi, như có Bà la môn nói: Tất cả mọi vật vốn có trên mặt đất này, chỉ là mình ta có. Tại vì sao? Bởi vì Quốc Vương ấy trước kia ban cho ta, nhưng bởi vì ta không có sức mạnh, bi dòng họ khác đoạt lấy sự tiếp nhận sử dụng của ta, vì vậy ta lấy chính là vật của mình, không gọi là trộm cắp. Đó gọi là dựa vào tâm

si mà khởi.

Như dựa vào ba độc mà khởi nghiệp tà dâm: Nếu dựa vào tâm tham mà khởi, hoặc đối với chúng sanh khởi tâm tham nhiễm, không tu hành đúng như thật..., thì gọi là dựa vào tham mà khởi. Nếu dựa vào tâm sân mà khởi, hoặc đối với người được sự giúp đỡ che chở của người khác, dựa vào tâm sân cố tình khởi nghiệp; hoặc dâm với vợ con của kẻ thù, hoặc dâm với những người yêu quý của kẻ thù, thì gọi là dựa vào sân mà khởi. Nếu dựa vào tâm si mà khởi, hoặc có người nói: Ví như cối giã gạo-hoa thơm-quả chín, đồ ăn thức uống-sông hồ-núi đồi, và đường sá đi lại, cùng với người nữ hành dâm không có tội. Hoặc như hạng Ba la Tư tà dâm với những phụ nữ, đó gọi là dựa vào si mà khởi.

Như dựa vào ba độc mà khởi nghiệp vọng ngữ, thì ba loại này có thể hiểu. Như vậy, lưỡng thiệt-ác khẩu và ỷ ngữ cũng đều như thế. Dựa vào tâm tham mà khởi, là dựa vào tham mà kiết sử phát sanh, hai tâm theo thứ tự hiện rõ trước mắt, như vậy gọi là dựa vào tham mà khởi. Dựa vào sân mà kiết sử phát sanh, thì gọi là dựa vào sân mà khởi. Dựa vào si mà kiết sử phát sanh, thì gọi là dựa vào si mà khởi. Như tham-sân cùng với tà kiến cũng đều như vậy, nên biết!

Hỏi: Vì sao không nói đến tướng gây ra-không gây ra và không có tướng gây ra, quyết định trong nghiệp nào có, trong nghiệp nào không có?

Đáp: Chỉ trừ ra tà dâm, trong sáu nghiệp còn lại thảy đều bất định. Nghĩa này thế nào? Nếu là tự mình làm, thì thành tựu nghiệp đã làm và không có nghiệp đã làm (tác-vô tác). Nếu khiến người khác làm, thì chỉ có nghiệp không làm, không thể nào có nghiệp đã làm. Đối với tà dâm thì quyết định là có làm, không thể nào có nghiệp không làm. Tại vì sao? Bởi vì nghiệp tà dâm này chung quy là tự mình làm, chứ không có nghiệp khiến người khác làm. Vì vậy kinh nói: "Có thể có nghiệp không phải thân làm mà cần phải thành tựu tội lỗi sát sanh hay không? Đáp: Có, như miệng sai khiến người khác làm thì thành tựu tội lỗi sát sanh.

Lại hỏi: Có thể có nghiệp không phải miệng gây ra mà cần phải thành tựu tội lỗi vọng ngữ hay không?

Đáp: Có, như dùng nghiệp của thân làm thành tựu tội lỗi vọng ngữ của nghiệp do miệng.

Lại hỏi" Có thể có nghiệp không phải thân làm-nghiệp không phải miệng gây ra mà cần phải thành tựu nghiệp của thân-miệng hay không?

Đáp: Có, như bởi vì người Tiên dựa vào tâm sân cho nên chỉ có sắc thân của cõi Dục. Trong thiện nghiệp đạo thì suy chi cùng là có gây ra và không có gây ra. Thiền vô lậu giới không có Vô tác giới. Tại vì sao? Bởi vì dựa vào tâm. Trung gian thiền là bất định, nếu tâm sâu dày cuối cùng là tâm cung kính thực hiện nghiệp thân miệng, thì thành tựu tác nghiệp và vô tác nghiệp; nếu tâm sân dày là tâm kiết sử dấy khởi nghiệp của thân miệng, thì cũng thành tựu tác nghiệp và vô tác nghiệp. Nếu không phải là tâm sâu dày, thì cũng thành tựu tác nghiệp và vô tác nghiệp. Nếu không phải là tâm sâu dày-không phải cuối cùng là tâm cung kính tạo ra nghiệp thân miệng, thì chỉ có tác nghiệp chứ không có vô tác nghiệp; nếu không phải là tâm sâu dày mà tâm kiết sử phát khởi nghiệp của thân miệng, thì cũng chỉ có tác nghiệp chứ không có vô tác nghiệp; nhưng tâm phương tiện tác nghiệp trở lại hối hận, thì chỉ có tác nghiệp chứ không có vô tác nghiệp.

Hỏi: Ở trong nghiệp đạo, điều gì là quyến thuộc trước, điều gì là quyến thuộc sau?

Đáp: Nếu khởi lên phương tiện sát sanh, như người giết mổ làm thịt con dê, hoặc đem vật mau được dẫn đến nơi giết mổ, bắt đầu hạ xuống một nhát dao, hoặc hai-ba nhát dao, mạng con dê chưa chấm dứt, mà vốn có ác nghiệp thì gọi là quyến thuộc trước. Tùy theo nhát dao nào hạ xuống, kết liễu mạng căn ấy, ngay lúc nghĩ đến nó, mà có tác nghiệp và vô tác nghiệp, như vậy đều gọi là nghiệp đạo căn bản. Tiếp sau đó thực hiện tác nghiệp của thân hành, thì gọi là quyến thuộc sau của nghiệp sát sanh. Cho đến ỷ ngữ cũng đếu như vậy, nên biết. Trong nghiệp của tham-sân-tà kiến thì không có quyến thuộc trước của nghiệp, bởi vì tâm bắt đầu phát khởi thì lập tức thành tựu nghiệp đạo căn bản.

Nhưng mười nghiệp đạo bất thiện của thân miệng ý, tất cả đều có quyến thuộc trước sau, nghĩa này như thế nào? Nghĩa là như người khởi tâm muốn đoạn dứt mạng sống của chúng sanh này, nhân đó lại tiếp tục đoạn dứt mạng sống của chúng sanh khác. Như muốn cúng tế trời đất mà giết hại chúng sanh, thì đoạt lấy vật của người khác. Muốn giết hại người kia, lại dâm với vợ của họ. Sanh tâm như vậy, lại khiến cho người vợ ấy tự giết hại chồng mình. Lại dùng đủ loại ngôn từ tranh chấp hỗn loạn, phá hoại thân thuộc của người ấy, không có lúc nào không phải là thật. Ở giữa những đồ vật của người ấy, lại sanh tâm tham lam. Liền đối với người ấy lại sanh tâm sân hận. Vì giết hại người ấy cho nên sanh ra tà kiến như vậy. Tà kiến tăng thêm mà kết liễu mạng sống của người

ấy, còn muốn giết hại vợ con của họ... Như vậy lần lượt đầy đủ mười loại nghiệp đạo bất thiện. Những nghiệp như vậy gọi là quyến thuộc trước. Tất cả mười nghiệp đạo bất thiện cũng đều như vậy, nên biết!

Vả lại, rời xa thiện đạo thì không có phương tiện tu hành nghiệp đạo thiện, phương tiện này dùng để xa lìa căn bản, và xa lìa phương tiện. Nói là phương tiện, thì như Sa di kia muốn thọ Đại giới, sắp đi đến giới đàn lễ lạy chúng Tăng đầy đủ, liền thỉnh cầu Hòa thượng cho phép trì ba y, chỉ mới thực hiện trình bày lần thứ nhất. Lúc thực hệin trình bày lần thứ hai, như vậy đều gọi là quyến thuộc trước. Từ lần trình này thứ ba đến lúc Yết ma hoàn tất, tác nghiệp đã phát khởi và niệm phát khởi Vô tác nghiệp ấy, những nghiệp này đều gọi là căn bản nghiệp đạo. tiếp đến nói về Tứ Y cho đến bất xả, thiện hạnh đã thọ, tác nghiệp và vô tác nghiệp của thân miệng, những loại như vậy đều gọi là quyến thuộc sau.

Hỏi: Nên giải thích về quả và nhân tùy thuận của mười nghiệp đạo bất thiện thế nào?

Đáp: Có ba loại quả là: 1- Quả của quả báo; 2- Quả của tập khí; 3- Quả tăng thượng. Mỗi một nghiệp đạo đều có ba loại này. Nghĩa này thế nào? Nghĩa là 10 nghiệp đạo bất thiện có đẩy đủ ba loại Hạ-trung-Thượng, nếu sanh trong địa ngục vào trong loài người, vì sát sanh cho nên có quả đoản mạng, vì trộm cắp cho nên chịu quả không có tiền của sinh hoạt, vì tà dâm cho nên không có thể bảo vệ vợ mình, vì vọng ngữ cho nên có quả bị người khác phỉ báng, vì lưỡng thiệt cho nên chịu quả quyến thuộc phá hoại, vì ác khẩu cho nên chịu quả không được nghe tiếng tốt, vì ỷ ngữ cho nên chịu quả bị người ta không tin, vì trước kia tham lam cho nên tâm tham tăng mạnh, vì trước kia sân hận cho nên tâm sân tăng mạnh, vì tà kiến cho nên tâm si tăng mạnh. Như vậy, tất cả gọi là quả của tập khí. Quả tăng thượng, là dựa vào mười loại nghiệp đạo bất thiện ấy, tất cả mọi vật ở bên ngoài không có được thể mạnh thuận lợi, đó gọi là đất đai cao thấp nhấp nhô, chim chuột-mưa đá-gai góc, bụi bặm-mùi hôi, có nhiều rắn độc hại, thóc lúa hoa màu thiếu hụt, trái quả ít ỏi nhỏ bé, cùng với những quả đắng cay vô cùng... Như vậy, tất cả gọi là quả tăng thượng. Lại có quả tương tự, là nếu như giết hại thì vì vậy mà dấy lên đủ loại những nỗi khổ làm hại chúng sanh, vì nỗi khổ ấy cho nên sanh vào trong địa ngục nhận chịu đủ loại khổ đau. Vì đoạn mất mạng sống kẻ khác, đời sau sanh trong loài người phải mang quả báo đoản mạng. Vì đoạn mất hơi ấm tiếp xúc của kẻ khác, cho nên tất cả đồ vật bên ngoài để cung cấp giúp đỡ đời sống không có được thế

mạnh thuận lợi. Như vậy trong tất cả mười nghiệp đạo, tùy theo nghĩa tương ứng mà giải thích, nên biết! Như cướp đoạt vật của người khác, tà dâm với vợ của người, tuy không phát sanh khổ não bức bách nặng nề gì khác, mà tâm có ý phá hoại, cho nên nhận chịu tội lỗi. Tuy không phá hoại, không sân hận, không ác khẩu, mà do tâm có ác ý, cho nên mang lấy tội lỗi."

***Phần thứ tư:* THẬP THIỆN**

Nếu dựa theo mười thiện mà phân biệt, thì như Tỳ Đàm nói: "Ở trong chốn địa ngục kia chỉ có ý niệm thuộc về ba nghiệp đạo thiện, nhưng mà chỉ thành tựu chứ không hiện hành, phương Bắc cũng như thế, còn lại thì tất cả đều có đủ mười nghĩa". Văn rõ ràng có thể biết.

Như luận về kinh Di Lặc Bồ-tát Sở Vấn nói: "Bồ-tát này hành mười nghiệp đạo bất thiện, vì tích tập nhân duyên cho nên sẽ rơi vào ba đường ác; hành mười nghiệp đạo thiện, vì tích tập nhân duyên cho nên sẽ rơi vào ba đường ác; hành mười nghiệp đạo thiện, tích tập nhân duyên cho nê sẽ sanh trong trời-người.

Lại trên mười nghiệp đạo thiện này, cùng với trí tuệ quán sát hòa hợp tu hành tâm tư kém cỏi, tâm chán ngán ba cõi, rời xa Đại Bi, từ người khác mà nghe tiếng mới được thông đạt, nghe tiếng mà ý hiểu thành tựu Thanh văn thừa.

Lại trên mười nghiệp đạo thiện thanh tịnh này không từ người khác mà nghe, tự mình hiểu biết đúng đắn nhưng không có đủ Đại Bi, mà lại thông đạt sâu sắc về pháp nhân duyên cho nên thành tựu Bích-chi-Phật thừa.

Lại trên mười nghiệp đạo thiện cao xa này, thanh tịnh đầy đủ , tâm tư rộng lớn vô lượng, vì các chúng sanh mà phát khởi Đại Bi, tu hành Nhất thiết chủng trí làm cho thanh tịnh đầy đủ, vốn là thành tựu Bồ-tát thừa".

Hỏi: Thế nào gọi là nghĩa của nghiệp đạo? Đáp: Bảy nghiệp của thân miệng, tức là tướng của tự Thể, gọi là nghiệp đạo, ba nghiệp còn lại là ý tương ưng với tâm, lại ngay nơi nghiệp ấy, có năng lực làm thành phương hướng, cho nên gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu ngay nơi nghiệp gọi là đạo, đều có thể hướng về địa ngục..., thì tạo sao ba nghiệp còn lại không phải là nghiệp đạo?

Đáp: Như bảy nghiệp kia, ở nghiệp này luôn luôn làm căn bản cho bảy nghiệp kia, bởi vì tương ưng, bởi vì không có thể như bảy nghiệp kia, cho nên không gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Tất cả mùi vị thơm ngon-uống rượu ăn thịt, nắm tay đánh đấm, tất cả những sự nhạo báng cười cợt, những ác hạnh như vậy..., tất cả mọi sự lễ lạy-cúng dường cung kính-rời xa uống rượu..., những thiện như vậy; ác hạnh và thiện hạnh như vậy, tại sao không ghi nhận để làm thành nghiệp đạo?

Đáp: Xa lìa uống rượu... chỉ là tâm nghiệp, có thể khởi lên bảy nghiệp chứ không phải là nghiệp của thân miệng, vì vậy không phải là nghiệp đạo. nếu việc làm tương ưng với tâm thì cũng là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu ngay nơi nghiệp ấy có năng lực làm thành phương hướng gọi là nghiệp đạo, thì tất cả các pháp đối với tâm đều gọi là nghiệp đạo, tại sao chỉ nói mười loại nghiệp đạo, mà không nói là vô lượng nghiệp đạo?

Đáp: Bởi vì nặng nề hơn, vì trong những ác hạnh và thiện hạnh thì mười nghiệp đạo là quan trọng, những việc khác không quan trọng cho nên không nói là vô lượng. Vả lại, bảy nghiệp luôn luôn hết sức nặng nề, ba nghiệp của ý cũng nhẹ mà cũng nặng, uống rượu ăn thịt... thì không như vậy, vì vậy cho nên chỉ nói mười nghiệp gọi là nghiệp đạo, mà không nói nghiệp khác gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Xa lìa sát sanh, thì thế nào là những tướng sát sanh cần phải giải thích?

Đáp: Sát sanh có tám loại: 1- Cố tâm; 2- Người khác; 3- Xác định hoặc không xác định tướng của chúng sanh; 4- Tâm nghi ngờ; 5- Khởi lên phương tiện xả mạng; 6- Tác; 7- Tướng bất tác; 8- Tướng vô tác. Những loại này gọi là thân nghiệp sát sanh, thân miệng ý nghiệp gọi là sát sanh.

Hỏi: Vì sao gọi là cố tâm?

Đáp: Nếu không cố tâm mà thành tội sát sanh, thì A la hán không được biết bàn, bởi vì A la hán đoạn mất nhân của thế gian; có tâm bất tác mà sát hại chúng sanh, cũng phải sanh trở lại thế gian, nhưng thật sự không phải như vậy. Nởi vì nghĩa này, cho nên không cố tâm sát thì không mang tội báo.

Hỏi: Vì sao gọi là người khác?

Đáp: Bởi vì không phải mạng căn của mình. Nếu có người khác là người có thể sát hại, thì người chủ động sát hại mang tội sát sanh, bởi vì tự sát hại thì không có cảnh giới có thể sát hại, tự đoạn mang mình thì không mang ác báo. Vả lại. A-la-hán tự làm hại thân mạng, đoạn mạng mình vốn có nhưng họ không có tội. Tại vì sao? Bởi vì tâm bình đẳng đã xa rời sân hận, thị tự sát hại mình không mang tội lỗi sát sanh.

Hỏi? Vì sao gọi là xác định hoặc không xác định tướng của chúng sanh?

Đáp: Xác định tướng của chúng sanh, như có trăm ngàn người mà khởi tâm ở trong đó xác định sát hại người ấy, thì mang tội sát sanh. Nếu sát hại người khác thì không mang tội sát sanh. Không xác định, là bởi vì loại bỏ tất cả mà tùy ý sát hại thì phải mang tội, bởi vì ở nơi ấy không lìa tướng chúng sanh vốn có.

Hỏi: Vì sao gọi là nghi ngờ?

Đáp: Tâm nghi ngờ mà sát sanh thì cũng mang tội sát sanh. Bởi vì loài ấy là chúng sanh thì cũng mang tội sát sanh. Bởi vì rời bỏ tâm Từ Bi cho nên mang tội sát sanh.

Hỏi: Vì sao gọi là khởi lên phương tiện xả mạng?

Đáp: Nếu người sát hại ở trong trường hợp ấy dấy tâm bất thiện, nhất định phải đoạn mạng căn, không có tâm Từ Bi làm ra phương tiện sát hại, thì gọi là khởi lên phương tiện.

Hỏi: Vì sao gọi là tác-tướng bất tác-tướng vô tác?

Đáp: Tác là thuộc về việc làm, bất tác là thuộc về tên gọi của việc làm; việc làm ấy cùngdấy lên, tuy nghiệp gây ra đã không còn mà pháp thiện vô ký vẫn nối tiếp nhau không dứt. Như trong kinh giải thích: người có niềm tin tu tập thực hành mười loại công đức, đi đứng ngủ thức..., ngày đêm thường phát sinh công đức, tăng trưởng công đức. Nếu xa rời nghiệp thân-miệng thì lại không có gì không làm, tại sao tâm và pháp khác nhau mà có thể tăng trưởng? Vì vậy nên biết rằng xa rời nghiệp thân-miệng thì có pháp vô tác. Vả lại, tự mình không làm mà khiến cho người khác gây ra nghiệp, nếu không có gì không làm thì nghiệp này làm sao thành được? Nếu không có nào không làm, thì xa rời Ba la đề mộc xoa, cũng phải không có giới nào không thực hiện, vì vậy nên biết rằng là có pháp không làm.

Hỏi: Thế nào là xa lìa trộm cắp?

Đáp: Trộm cắp có chín loại: 1- Người khác giữ gìn; 2- Nghĩ đến vật ấy; 3- Tâm nghi ngờ; 4- Biết không thuộc về người khác; 5- Muốn đoạt lấy; 6- Biết vật của người khác mà khởi tâm của mình; 7- Tướng tác; 8- Tướng bất tác; 9- Tướng vô tác. Những loại này gọi là thân nghiệp trộm cắp.

Hỏi: Sao gọi là người khác giữ gìn?

Đáp: Đây là nói rõ về trường hợp lấy vật của người khác giữ gìn.

Hỏi: Sao gọi là nghĩ đến vật ấy?

Đáp: nếu không sanh ý tưởng của mình, không nói là vật của

mình, thì không mang tội trộm cắp, gọi là nghĩ đến vật ấy.

Hỏi: Sao gọi là tâm nghi ngờ?

Đáp: Nếu tâm có nghi ngờ, đây là vật của mình hay là vật của người khác, mà vật ấy hoặc vật khác đều cần phải biết rõ.

Hỏi: Sao gọi là biết không thuộc về người khác?

Đáp: Biết vật khác mà sanh tâm khác tùy theo ý tưởng của mình.

Hỏi: Sao gọi là muốn đoạt lấy? Đáp: Khởi lên tâm làm tổn hại.

Hỏi: Sao gọi là biết vật của người khác mà khởi tâm của mình?

Đáp: Nếu thấy không khác nhau, hoặc lấy trong chỗ tối tăm, hoặc lấy rất vội vàng, hoặc lấy vật còn lại, hoặc lấy vật của người khác, hoặc tưởng là lấy vật của mình.

Hỏi: Sao gọi là tướng tác-tướng vô tác?

Đáp: Ba tướng này như đã nói trong tội sát sanh ở trước.

Hỏi: Thế nào là xa lìa tà dâm?

Đáp: Tà dâm có tám loại: 1- Người nữ được bảo vệ; 2- Nghĩ đến người ấy; 3- Tâm nghi ngờ; 4- Đạo và phi đạo; 5- Không được bảo vệ; 6- Phi đạo và phi thời; 7- Tác; 8-Tướng vô tác. Những loại này gọi là thân nghiệp tà dâm.

Hỏi: Sao gọi là người nữ được bảo vệ?

Đáp: Có nghĩa là được cha mẹ anh em cùng bảo vệ che chở.

Hỏi: Sao gọi là nghĩ đến người ấy?

Đáp: Nếu biết người nữ ấy là có sự bảo vệ của cha mẹ anh em..., mà nghĩ đến người nữ với ý tưởng có sự bảo vệ che chở.

Hỏi: Sao gọi là tâm nghi ngờ?

Đáp: Nếu sanh tâm nghi ngờ là người nữ của mình, hay là người nữ của người khác; được cha mẹ bảo vệ, hay là những người nữ không được bảo vệ, thì tất cả đều trở thành tà dâm.

Hỏi: Sao gọi là đạo và phi đạo? Đáp: Đạo là vốn có đạo lý, phi đạo thì có nghĩa là trái với đạo lý.

Hỏi: Sao gọi là người nữ ấy không được bảo vệ, phi đạo và phi thời?

Đáp: Đây cũng gọi là tà dâm.

Hỏi: Sao gọi là tác-tướng bất tác-tướng vô tác?

Đáp: Ba loại này như trong phần sát sanh đã nói. Nhưng tướng bất tác trong này, thò ở trong tà dâm không có pháp bất tác như vậy, mà cần phải tự mình thực hiệm mới thành tội.

Hỏi: Thế nào là xa lìa vọng ngữ?

Đáp: Vọng ngữ có bảy loại: 1- Những sự việc thấy-nghe...; 2- Sự

việc điên đảo và phi điên đảo; 3- Tâm nghi ngờ; 4- Khởi lên ý tưởng che giấu; 5- Tác; 6- Tướng bất tác; 7- Tướng vô tác. Những loại này gọi là khẩu nghiệp cọng ngữ.

Hỏi: Sao gọi là những sự việc thấy-nghe...?

Đáp: Đó là thấy-nghe-hiểu-biết.

Hỏi: Sao gọi là sự việc điên đảo và phi điên đảo?

Đáp: Sự việc điên đảo là như nghe, như sự việc ấy. Phi điên đảo thì có nghĩa là như sự việc ấy.

Hỏi: Sao gọi là tâm nghi ngờ?

Đáp: Nếu sinh ra nghi ngờ là như vậy hay không như vậy, là luôn luôn như vậy hay là luôn luôn không như vậy?

Hỏi: Sao gọi là khởi lên ý tưởng che giấu?

Đáp: Che giấu sự thật, dựa vào trong sự tướng khác mà nói về tướng sai khác. Tác-tướng bất tác và tướng vô sắc như trong phần sát sanh đã nói.

Hỏi: Thế nào là xa lìa lưỡng thiệt?

Đáp: Lưỡng thiệt có bảy loại: 1- Khởi ý bất thiện; 2- Thật sự hư vọng. 3- Tâm phá hoại; 4- Trước đó lộ rõ ý không hòa hợp; 5- Tác; 6- Tướng bất tác; 7- Tướng vô tác. Những loại này gọi là khẩu nghiệp lưỡng thiệt (bảy loại này dễ hiểu không cần phải giải thích).

Hỏi: Thế nào là xa lìa ác khẩu?

Đáp: Ác khẩu có bảy loại: 1- Dựa theo ý bất thiện; 2- Khởi tâm làm não loạn; 3- Dựa vào tâm hỗn loạn; 4- Lời nói khác lạ; 5- Tác; 6- Tướng bất tác; 7- Tướng vô tác. (bảy loại này cũng dễ hiểu không cần phải giải thích).

Hỏi: Thế nào là xa lìa ỷ ngữ?

Đáp: Ỷ ngữ có bảy loại: 1- Dựa theo ý bất thiện; 2- Vô nghĩa; 3- Trái thời; 4- Tương ưng với ác pháp; 5- Tác; 6- Tướng bất tác; 7- Tướng vô tác. Hỏi: Sao gọi là dựa theo ý bất thiện? Đáp: Dựa vào cõi Dục tu đạo, tâm phiền não tương ưng với lời nói, đó gọi là ỷ ngữ.

Hỏi: Sao gọi là vô nghĩa?

Đáp: Bởi vì xa rời nghĩa chân thật.

Hỏi: Sao gọi là trái thời?

Đáp: Lời nói tuy có nghĩa mà nói không đúng lúc cũng thành ỷ ngữ. Vả lại, có lúc nói ở giữa đại chúng nhưng vì người nói tự do cũng trở thành ỷ ngữ.

Hỏi: Sao gõi là tương ưng với ác pháp?

Đáp: nghĩa là tất cả các loại nói nhạo giềm pha, ca múa không

hợp pháp tắc..., tất cả những loại tương ưng với pháp bất thiện, đều là ỷ ngữ. Tác-tướng bất tác và tướng vô tác, như đã nói trong phần sát sanh trước đây. (Dưới đây là tham-sân và tà kiến, văn ấy dễ hiểu không cần phải giải thích rườm rà).

Lại trong luận nói: Như trong kinh Sa Già La Long Vương Sở Vấn: "Như Lai giảng giải rằng: này Long Vương! Xa rời nghiệp sát hại thì cảm được mười loại pháp mát lành lìa khỏi phiền não nóng bức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Giúp cho tất cả chúng sanh tâm lý vô úy; 2- An trú trong ý niệm Đại Từ; 3- Đoạn trừ các tập khí lầm lỗi của phiền não; 4- Cảm được qua không mang bệnh tật; 5- Tăng trưởng chủng tử thọ mạng; 6- Các loài phi nhân thường xuyên bảo vệ; 7- Ngủ hay thức đều được an ổn; 8- Không thấy ác mộng, xa rời tâm oàn hận; 9- Không sợ tất cả các ngoại đạo; 10- Trở lại sanh trong cõi trời. Đây gọi là mười loại pháp mát lành lìa khỏi phiền não nóng bức. Này Long Vương! Nếu dùng thiện căn bất sát để hồi hướng cho đạo quả A nậu Bồ đề, thì lúc người ấy đạt được đạo quả Bồ đề, tâm được tự tại, cho nên thọ mạng vô lượng đời kiếp. Như Long Vương, Bồ-tát xa rời nghiệp sát sanh cho nên có thể phát khởi bố thí, thì cảm được thành tựu quả báo giàu có, đầy đủ tiền bạc của cải sinh hoạt, không thể phá hoại, được thọ mạng lâu dài, thực hành hạnh Bồ-tát, vượt qua những điều xấu ác làm não hại của thế gian. Như vậy, này Long Vương! Mười thiện nghiệp đạo cũng lại như vậy, vốn là sự trang nghiêm thành tựu lợi ích lớn."

Phần thứ năm: **DẪN CHỨNG**

Như kinh Tạp bảo Tạng nói: Xưa vào thời Đức Phật tại thế, vua Ba Tư Nặc có một cô con gái, tên gọi Thiện Quang, thông minh đoan chánh, cha mẹ thương yêu, cả cung đều kính mến. Cha nói với con gái rằng: Con nhờ vào sức lực của Ta mà được cả cung đều kính mến. Cô con gái trả lời cha rằng: Con tự có nghiệp lực chứ không nhờ vào Phụ Vương đâu. nhà vua nghe con gái trả lời liền nổi giận mà nói rằng: Nay phải thử xem con tự có nghiệp lực hay không! Liền sai tùy tùng tìm một người ăn xin bần cùng thấp hèn nhất, đem cô con gái gả cho làm vợ. Nhà vua nói với con gái rằng: Con tự có nghiệp của mình chứ không nhờ vào ta, từ hôm nay có thể nghiệm xét rõ rằng. Cô con gái vẫn trả lời rằng: Con có nghiệp lực của mình. Thế là cùng với người ăn xin bần cùng dẫn nhau ra đi. Vợ hỏi chồng rằng: Chàng có cha mẹ hay không? Chồng trả lời vợ rằng: Cha mẹ tôi trước kia là Trưởng giả bậc nhất trong thành Xá Vệ này, cha mẹ ở nhà đều đã chết hết, không có nơi nào nương

nhờ vì vậy mà xin ăn cùng khốn. Vợ lại hỏi rằng: Nay chàng có thể biết nhà cũ nơi nào hay không? Chồng trả lời: Biết nơi ấy, nhưng nhà bị hủy hoại chỉ còn có đất trống. Vợ chồng dắt nhau đi đến chỗ nhà cũ, đi vòng quanh xem xét mọi nơi, hễ đi đến chỗ nào thì kho tặng giấu kín ở chỗ ấy tự nhiên xuất hiện. Thế là lấy châu báu mướn người xây dựng nhà cửa, chưa đầy một tháng mà nhà cửa cung quán đều hoàn thánh, cung nhân-kỹ nữ-nô tỳ-tôi tớ nhiều không thể kể hết. Cuối cùng nhà vua nhớ đến con gái mình, hỏi mọi người rằng: Cô con gái Thiện Quang của Ta, sinh sống như thế nào? Có người thưa với nhà vua: Công chúa Thiện Quang bây giờ có cung điện nhà cửa tiền bạc châu báu không kém gì nhà vua. Công chúa ngay hôm ấy nói với chống mình, mời nhà vua đến tham nhà. Nhà vua liền nhận lời mời, đến nhà con gái mình, thấy trong nhà trang nghiêm rực rỡ, cung điện nhà cửa đầy đủ, khen ngợi chưa từng có. Nhà vua đi đến thưa hỏi Đức Phật: Cô con gái này đời trước làm phước nghiệp gì, được sanh trong dòng dõi Vương gia, thân có ánh sáng phát ra? Đức Phật trả lời nhà vua: Trong chín mươi mốt kiếp quá khứ xa xưa, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, có vị vua tên là Bàn Đầu, đem xá lợi của Đức Phật về, xây dựng tòa tháp bảy báu để thờ kính. Đại phu nhân của nhà vua trông thấy lập tức dùng mũ quý phủi bụi bám trên đỉnh pho tượng, lấy ngọn quý Như ý trong mũ quý đặt trên đầu đỉnh tháp, nhân đó phát nguyện rằng: Khiến cho con ở đời tương lai thọ thân có ánh sáng, sắc vàng Tử ma-tôn vinh cao quý, không rơi vào chốn tám nạn ba đường ác. Phu nhân xưa kia, nay chính là Thiện Quang. Sau vào thời Đức Phật Ca Diếp ở quá khứ, lại dùng đồ ăn thức uống ngon lành cúng dường Phật và tăng, nhưng người chồng ngăn chặn, người vợ liền khuyên nhủ cầu xin: Nay thiếp đã thỉnh cầu hãy làm cho được đầy đủ! Người chồng cũng thuận ý vợ. Người vợ lúc bấy giờ, chính là người chồng ngày nay. Bởi vì xưa kia ngăn chặn vợ cúng dường mà luôn luôn thọ báo bần tiện. Nhờ trở lại thuận lòng, chủ yếu là nhờ vào người vợ mà được giàu sang vô cùng, lúc không có người vợ thì sau vẫn trở lại bần tiện. Vì nhân duyên này, nghiệp lực của thiện-ác, đi theo thân mà nhận lấy báo ứng, chưa bao giờ sai lạc chút nào."

Lại trong kinh Tạp Bảo tạng nói: "Thời Đức Phật tại thế, vua Ba Tư Nặc trong lúc đang ngủ nghe hai Nội quan cùng tranh cãi về đạo lý. Một người giải thích rằng: Tôi dựa vào nhà vua mà sống. Một người trả lời rằng: Tôi tự dựa vào nghiệp của mình chứ không dựa vào nhà vua. Nhà vua nghe và đồng ý với người dựa vào nhà vua mà sống, thế là muốn thưởng cho người ấy. Liền sai người đi thẳng đến nói với Phu

nhân rằng: Nay Ta sẽ sai một người đi đến chỗ Phu nhân, hãy ban cho người ấy nhiều tiền bạc đồ vật! Lập tức sai người dựa vào nhà vua mà sống, mang những thức nhắm uống rượu chuyển đến chỗ Phu nhân. Người này ra khỏi cửa thì máu trong mũi chảy lai láng không thể tiến về phía trước được, liền nhờ người dựa vào nghiệp ủa mình mang đến giúp. Phu nhân gặp rồi ban cho nhiều tiền bạc-có quần-chuỗi ngọc, đi đến trước mặt nhà vua. Nhà vua trông thấy hết sức quái lạ, lập tức gọi người dựa vào nhà vua mà sống, hỏi người ấy rằng: ta sai ông đi, tại sao lại không đi? Người ấy liến hướng về nhà vua trình bày đầy đu sự tình. Nhà vua nghe mà than rằng: Lời Đức Phật dạy thật chính xác, tự mình làm nghiệp ấy thì vẫn tự mình nhân lấy báo ứng, không thể làm mất đi được. Vì vậy quán xét báo ứng thiện ác đều do nghiệp của mình dẫn dắt, chứ không phải do trời-không phải do vua có thể ban cho, mà cần phải tự mình làm tự mình chịu, phát khởi chánh kiến tin sâu sắc đối với quả báo của nghiệp, gần thì đạt được phước thiện trời-người, xa thì dẫn đến quả vị của Phật. Nếu làm trái Thánh giáo thì nhận chịu mọi khổ đau trước tiên".

Còn trong kinh Luân Chuyển Ngũ Đạo nói: "nước Ca Duy La vệ và nước Xá Vê, thời Đức Phật tại thế, giữa hai nước có một cây to, tên là Ni Câu Loại, cây cao hai mươi dặm, cành xòe ra xung quanh che phủ sáu mươi dặm. Cây ấy sanh ra hạt cũng mấy ngàn vạn Hộc, ăn có mùi thơm và ngọt ngào, mùi vị như mật ong, quả cây chín rơi xuống, nhân dân nhặt lấy mà ăn, thì mọi bệnh tật đều chữa lành, ánh mắt trở nên tinh nhanh vô cùng. Đức Phật ở dưới tán cây, lúc ấy các Tỳ kheo nhặt lấy quả mà ăn. Đức Phật bảo với A-nan: vạn vật trong thế giới đều có túc duyên. A-nan thưa với Đức Phật: Như thế nào là túc duyên? Đức Phật dạy: Người làm phước, thí dụ cây này nhỏ bé dần lớn lên thâu nhặt quả hạt nhiều vô số. Người giàu sang-Quốc Vương- Trưởng giả, từ trong sự lễ kính Tam Tôn mà có. Làm người giàu có tiền của đồ vật vô hạn, từ trong sự bố thí mà có. Làm người trường thọ không có bệnh tật, thân thể cường tráng xinh đẹp, từ trong sự trì giới mà có. Làm người đoan chánh, nhan sắc trong sáng, dung mạo tươi đẹp bậc nhất, người gặp thảy đều thích nhìn, từ trong sự nhẫn nhục mà có. Làm người tinh tiến ưa thích mọi điều phước thiện, từ trong sự tinh tiến mà có. Làm người an lành, lời nói và việc làm suy xét kỹ càng, từ trong thiền định mà có. Làm người tài năng sáng suốt, hiểu được những pháp sâu xa, từ trong trí tuệ mà có. Làm người âm thanh trong trẻo, người nghe thích lắng nghe, từ trong sự ca ngợi Tam Bảo mà có. Làm người sạch sẽ không có bệnh tật,

từ trong tâm Từ mà có.

A-nan thưa với Đức Phật: Thế nào là tâm Từ? Đức Phật dạy: 1- Yêu thương chúng sanh như cha mẹ yêu quý con; 2- Thương xót thế gian muốn khiến chi giải thoát; 3- Ý đạo giải thoát tâm thường hoan hỷ; 4- Vì có năng lực giữ gìn tất cả không phạm. Đó gọi là tâm Từ. Đức Phật dạy: Làm người xinh đẽp bởi vì cung kính người ta. Làm người thấp bé bởi vì khinh mạn người ta. Làm người xấu xí bởi vì luôn sân hận. Làm người sống không biết gì bởi vì không học hỏi. Làm người chỉ có ngu dốt bởi vì không dạy cho người ta. Làm người câm ngọn bời vì chê bai phỉ báng người ta. Làm người đui điếc bởi vì không nghe pháp. Làm người chịu kiếp nô tỳ tôi tớ, bởi vì mắc nợ không trả, không lễ kính Tam Tôn. Làm người xấu xí đen đủi, bởi vì ngăn che ánh sáng của Phật. Làm người sanh ở đất nước lõa hình, bởi vì áo quần lôi thôi đi vào tinh xá. Người sanh ở nước móng chân ngựa, bởi vì mang giày dép bước đến trước Phật. Người sanh ở nước con người xuyên thủng ngực, bởi vì bố thí làm phước với tâm hối tiếc. Người sanh trong loài hươu nai mang hoẵng, bởi vì thích làm cho người ta kinh sợ. Sanh ở trong loài rồng, bởi vì trêu ghẹo làm cho người ta tức giận. Thân sanh ung nhọt lở loét đáng sợ khó chữa lành, thuốc thang cũng không chữa trị hết, đau khổ khó nói được, bởi vì thân đời trước thích đánh đập chúng sanh. Người trông thấy hoan hỷ, bởi vì thân đời trước trông thấy người ta mà không hoan hỷ. Người thường gặp phải quan quyền, nhốt vào lao ngục, thân mang gông xiềng, bởi vì thân đời trước thích trái buộc-giam hãm chúng sanh không cho tùy ý.

Làm người sứt môi, bởi vì thân đời trước câu móc làm rách miệng cá. Làm người nghe thuyết pháp mà tâm không suy xét chọn lấy, ở trong đó nói trái ngược làm cho người ta nghe nhận lộn xộn, đời sau sanh trong loài lừa tai dài-chó cụp tai. Làm người tham lam keo kiệt mà kiêu ngạo, mọi thứ tốt đẹp ngon lành chỉ một mình sử dụng, thì chết rơi vào trong loài ngạ quỷ-chốn địa ngục, thoát ra sanh làm người đói khổ bần cùng, áo không che kín thân, cơm không đủ nuôi miệng. Làm người mà những thức ngon lành thì ăn một ình, những món dỡ lại đem cho người, đời sau rơi vào trong loài heo chó-bọ hung. Làm người mà thích tước đoạt đồ vật của người ta, sau sanh trong loài dê bị người lột da. Làm người thích giết hại chúng sanh, sau sanh làm loài trùng phù du trên mặt nước, sáng sinh ra-chiều chết đi. Làm người thích trộm cắp đồ vật của người ta, đời sau sanh làm hạng nô tỳ-trâu ngựa. Làm người thích vọng ngữ rêu rao lỗi lầm của người ta, chết rơi vào địa ngục,

nước đồng sôi rót vào miệng, kéo lưỡi ra đem trâu cày nát, sau rơi vào trong các loài chim cú-quạ, người nghe tiếng kêu của chúng thì không ai không kinh sợ, đều nói là tai họa quái gở mà nguyền rủa khiến cho chết đi. Làm người thích dâm với người khác, chết vào trong địa ngục, đàn ông thì ôm lấy cột đồng cháy, đàn bà thì nằm trên giường sắt nóng, sau sanh trong loài chim bồ câu-uyên ương-ngỗng vịt. Làm người thích uống rượu say phạm vào 36 lỗi, chết rơi vào trong chốn địa ngục phân sôi, sau sanh ra trong loài súc sanh cầm thú, đời sau làm người thì ngu si đần độn chẳng biết gì. Làm người mà vợ chồng không hòa thuận với nhau, thường xuyên đánh mắng nhau, lại còn gạt bỏ nhau, đời sau rơi vào trong loài bồ câu-chim gáy. Làm người mà luôn tham lấy sức lực người ta, đời sau sanh trong loài voi.

Đức Phật dạy: Trừ ra quan lại đứng đầu châu huyện, vốn được nhận bổng lộc làm quan hợp với đạo lý thì không tội lỗi gì. Hoặc có người tự mình xâm phạm tối với dân chúng, đánh đập cướp bóc, không biết tố cáo với ai, gây xiềng giam hãm, không được buông lơi chút nào. Tội báo của người này chết vào địa ngục, thần thức lại nhận chịu khổ đau trải qua ngàn vạn kiếp, tội lỗi hết mới được thoát ra, sau sanh trong loài trâu bò, xâu mũi quàng cổ lôi thuyền kéo xe, roi gậy đánh đập đền trả tội lỗi đời trước gây ra. Làm người không trong sạch, là sanh ra từ trong loài heo. Làm người tham lam keo kiệt không thích bố thí, là sanh ra từ trong loài chó. Làm người hung ác tự cho mình đúng, là sanh ra từ trong loài dê. Làm người không an lành-không có thể chịu đựng được hoàn cảnh, là sanh ra từ trong loài vượn khỉ. Làm người mà tâm địa hiểm ác chứa đầy độc hại, là sanh ra từ trong loài rắn độc. Làm người thích ăn ngon mà làm hại chúng sanh, không có thiện tâm, là thân đời trước từ trong loài chồn cáo-cọp beo mà sanh ra."

Còn trong kinh Phật Thuyết Tu Ma Đề Nữ nói: "Lúc bấy giờ trong thành La Duyệt có Trưởng giả, tên gọi Úc Ca, có cô con gái tên là Tu Ma Đề, năm ấy lên tám tuổi, qua nhiều đời cung kính hầu hạ trăm ngàn chư Phật quá khứ, tích lũy nhiều công đức không thể tính kể được, đi đến nơi Đức Phật, cung kính cúi đầu lạy dưới chân Ngài, chắp tay thưa với Đức Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Con có những điều muốn thưa hỏi, nguyện giải thích cho con! Đức Phật bảo với Tu Ma Đề: Tùy ý con muốn hỏi điều gì, nay Ta sẽ giải thích để làm cho con được hoan hỷ. Tu Ma Đề thưa hỏi Đức Phật: Tại sao Bồ-tát sanh ra nơi nào thì người ta được hoan hỷ. Tu Ma Đề thưa hỏi Đức Phật: Tại sao Bồ-tát sanh ra nơi nào thì người ta gặp mặt luôn luôn hoan hỷ? Tai sao được giàu có vô

cùng, thường có nhiều tiền bạc châu báu? Tại sao không bị người khác làm cho chia ly? Tại sao không ở trong bụng của người mẹ, mà thường được hóa sanh ở trước Đấng Pháp Vương đứng giữa hoa sen ngàn cánh? Tại sao đạt được thần thông, từ vô số ức quốc độ đi đến chỗ ấy để được lễ lạy chư Phật? Tại sao có thể không có người thù oán, không có người xâm phạm ganh ghét? Tại sao những gì nói ra thì người nghe tin theo mà hớn hở vui mừng tiếp nhận thực hành? Tại sao có thể không có tai họa lỗi lầm, thiện hạnh đã làm không có ai có thể phá hoại được? Tại sao ma quân không có thể giành được dịp thuận lợi ấy? Tại sao lúc thọ mạng sắp chấm dứt, được Đức Phật hiện ở trước mắt thuyết kinh pháp cho nghe, liền khiến cho không bị rơi vào chốn khổ đau? Con thưa hỏi những điều như vậy.

Lúc ấy Đức Phật bảo với Tu Ma Đề: Như nghĩa của những điều con hỏi Như Lai, tốt đẹp thay và rất thẳng thắn, mới hỏi được như vậy. Nếu con muốn nghe, thì Ta sẽ giải thích! Lúc ấy cô bé liền thưa: Thật tốt lành, thưa Đức Thế Tôn! Con mong muốn được nghe! Đức Phật dạy: Bồ-tát có bốn pháp thực hành, mọi người gặp mặt đều hoan hỷ. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Sân hận không khởi lên, nhìn kẻ thù như bậc thiện tri thức; 2- Thường có tâm Từ đối với tất cả; 3- Thường thực hành cầu mong pháp quan trọng không gì hơn; 4- Làm ra hình tượng Đức Phật.

Bồ-tát lại có thực hành cảm được giàu có vô cùng. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Bố thí đúng lúc; 2- Cho rồi vui mừng gấp bội; 3- Cho rồi sau đó không hối tiếc; 4- Đã cho mà không cầu đền trả.

Bồ-tát lại có bốn pháp được thực hành, không bị người khác làm cho chia ly. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Không rêu rao nói điều sai trái làm cho đôi bên tranh chấp hỗn loạn; 2- Dẫn dắt người ngu si khiến cho đến vào Phật đạo; 3- Nếu có người phá hoại Chánh pháp thì bảo vệ khiến cho không bị đoạn tuyệt; 4- Khuyến khích mọi người cố gắng và dạy cho họ cầu Phật đạo khiến vững vàng không lay chuyển.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, được hóa sanh ở trước Đấng Pháp Vương đứng vững giữa hoa sen ngàn cánh. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Giã nhỏ hoa sen trắng-vàng-xanh-đỏ, trộn lẫn bốn loại mạt vụn như bụi này, làm thành đóa hoa tuyệt đẹp mềm mại tròn đầy, mang đóa hoa này cúng dường Đức Thế Tôn, hoặc là tháp thờ và xá lợi; 2- Không làm cho người khác khởi lên ý niệm sân hận; 3- Làm ra hình tượng Đức Phật đặt ngồi trên hoa sen; 4- Đạt được Chánh Giác ban đầu thì hoan hỷ mà an trú.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, đạt được thần thông từ một cõi Phật lại đến một cõi Phật. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Thấy người khác làm công đức thì không làm cho đoạn tuyệt; 2- Thấy người khác thuyết pháp mà không dừng lại nửa chừng; 3- Thường thắp đèn sáng ở trong chùa tháp; 4- Mong cầu Tam muội.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, nhất định không có người thù oán, không có người xâm phạm ganh ghét. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Không có tâm dưa nịnh đối với bậc thiện tri thức; 2- Không tham lam keo kiệt và ganh tỵ với những người khác; 3- Thấy người ta bố thí mà hoan hỷ giúp đỡ họ; 4- Thấy những việc làm mà Bồ-tát thực hành thì không có ý phỉ báng.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, những lời nói ra thì người nghe tin theo mà hớn hở vui mừng tiếp nhận thực hành. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Miệng nói ra và tâm niệm cũng không khác nhau; 2- Thường có niệm chí thành đối với bậc thiện tri thức; 3- Nghe người thuyết pháp không phát sanh phân biệt đúng sai; 4- Nếu thấy người khác thì mời mọc để họ thuyết pháp chứ không tìm kiếm lỗi lầm của họ.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, có thể không có tai họa lỗi lầm, thiên hạnh đã làm nhanh chóng được an trú thanh tịnh. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Tâm ý nghĩ đến thường hướng về thiện hạnh; 2- Thường trì giới và tu Tam muội trí tuệ; 3- Ban đầu mới phát tâm Bồ-tát, liền phát khởi tất cả trí tuệ mà độ thoát cho nhiều chúng sanh; 4- Thường có lòng Từ mẫn bao la đối với tất cả mọi loài.

Bồ-tát có bốn pháp thực hành, làm cho ma quân không có thể giành được dịp thuận lợi của mình. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Thường nghĩ đến Đức Phật; 2- Thường tinh tiến; 3- Thường nhớ về kinh pháp; 4- Thường làm công đức.

Bồ-tát lại có bốn pháp thực hành, lúc thọ mạng sắp chấm dứt, được Đức Phật hiện ở trước thuyết kinh pháp cho nghe, khiến cho họ không bị rơi vào chốn khổ đau. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Vì tất cả mọi người mà làm cho đầy đủ các nguyện; 2- Nếu người bố thí mà các vật dụng không đủ thì nghĩ và mong cho họ đầy đủ; 3- Thấy người bố thí lẫn tạp nếu có thiếu hụt thì phụ giúp với họ; 4- Thường nghĩ đến cúng dường đối với Tam bảo.

Lúc bấy giờ Tu Ma Đề thưa với Đức Phật rằng: Vâng theo bốn mươi điều mà Đức Thế Tôn đã giải thích, con sẽ tôn trọng thực hành khiến cho không bị thiếu sót, đều khiến hcho đầy đủ, không làm trái một điều nào.”

Còn trong kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, cùng với vô lượng số Đại chúng quy tụ vây quanh nghe thuyết pháp. Lúc ấy trong thành Xá Vệ có con trai của Đại trưởng già, tên là Biện ý, đi theo con trai của năm trăm Trưởng giả, đi đến nơi Đức Phật, lễ lạy Đức Phật xong, chắp tay thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con có những điều muốn thưa hỏi, chỉ nguyện Đức Thế Tôn thương xót giải thích cho con! Có nhân duyên gì được sanh lên cõi trời? Lại nhân duyên gì mà sanh trong loài người? Lại nhân duyên gì sanh trong địa ngục? Lại nhân duyên gì thường sanh trong ngạ quỷ? Lại nhân duyên gì sanh trong súc sanh? Lại nhân duyên gì thường sanh trong dòng dõi tôn quý được môi người cung kính? Lại nhân duyên gì sanh trong hàng nô tỳ bị người ta sai khiến? Lại nhân duyên gì trong hàng dân thường, hơi miệng thơm tho-thân tâm thường được an lành, được mọi người khen ngợi chứ không phỉ báng? Lại nhân duyên gì được sanh làm người, thượng gặp phả yên ổn, thường nơm nớp sợ hãi? Lại nhân duyên gì mà sanh ra nơi nào, cũng thường được gặp Phật-được nghe Pháp và được cúng dường chúng tăng, ban đầu không có gì sai trái, gặp gỡ những người hiểu hiết, đạt được tâm niệm tốt lành, nếu làm Sa môn thì sẽ được như nguyện? Con thưa hỏi những điều như vậy, chỉ nguyện Đức Thế Tôn, giải thích phân biệt cho con, để làm cho hội chúng được nghe Chánh giáo, nguyện khiến cho tất đều được lợi ích an lành của giáo pháp!

Đức Phật bảo với con trai Trưởng giả: Hãy lắng nghe kỹ càng, cố gắng suy nghĩ tường tận, Ta sẽ giải thích những điều quan trọng và tuyệt diệu cho con!

Có năm điều thực hành sẽ được sanh lên cõi trời. Những gì là năm? Đó là: 1- tâm Từ Bi không giết hại, thương xót nuôi sống mạng của loài vật khiến cho chúng được yên ổn; 2- Có đức hạnh hiền lành, không trộm cắp đồ vật của người, bố thí chứ không tham lam, cứu giúp những người nghèo thiếu; 3- Trinh tiết trong sáng không phạm vào sắc thân nam nữ khác, tinh tiến giữ gìn giới luật-tôn trọng chay tịnh; 4- Chân thành tín nghĩa không lừa dối đối với người, gữ gìn bốn lỗi lầm của miệng, không cần phải tham lam mà lừa dối; 5- Không uống rượu, thậm chí không đưa qua miệng dù rất ít. Thực hành năm điều này mới được sanh lên cõi trời.

Đức Phật bảo với Biện ý: Lại có năm đều, được sanh trong loài người. Những gì là năm ? Đó là: 1- Bố thí làm ơn cứu giúp người nghèo khó; 2- Trì giới không phạm vào mười nghiệp ác; 3- Nhẫn nhục không làm rối loạn trước mọi tai nạn; 4- Tinh tiến khuyến khích giáo hóa

không hề lười nhác; 5- Một lòng hầu hạ hiếu thảo, suốt đời trung thành. Đây là năm điều, được sanh trong loài người, giàu có-sống lâu-đoan chánh-uy đức, được làm người đứng đầu, tất cả mọi người đều cung kính tôn trọng.

Đức Phật bảo với Biện Ý: Lại có năm điều, chết vào địa ngục trải qua ức kiếp mới thoát ra. Những gì là năm ? Đó là: 1- Không tin có Phật-Pháp-Tăng, mà dấy lên khởi phỉ báng khinh chê hủy hoại Thánh đạo; 2- Phá hoại chùa tháp là chốn thờ phụng Đức Phật; 3- Bốn chúng đệ tử quay lại phỉ báng lẫn nhau, không kể gì tội lổi dai ương, không còn ý niệm cung kính tùy thuận; 4- Phản nghịch không còn gì trên dưới-vua quan-cha con, không thuận theo nhau; 5- Tương lai có muốn thực hành vì đạo, đã được thực hành vì đạo thì không thuận theo lời dạy bảo của thầy, mà lại tự mình cao ngạo khinh mạn phỉ báng thầy. Đây là năm điều, chết vào địa ngục rồi, lần lượt trải qua địa ngục, không có hạn kỳ thoát ra.

Lại có năm điều, rơi vào trong ngạ quỷ. Những gì là năm ? Đó là: 1- Tham lam keo kiệt không muốn bố thí; 2- Trộm cắp và bất hiếu với cha mẹ; 3- Ngu dốt tối tăm không có tâm Từ; 4- Tích góp tiền bạc của cải không chịu chu cấp ăn mặc; 5- Không giúp dỡ cho cha mẹ-anh em-vợ con-tôi tớ. Đây là năm điều, rơi vào trong ngạ quỷ.

Lại có năm điều, gây ra việc làm của súc sanh phải rơi vào trong súc sanh. Những gì là năm ? Đó là: 1- Phạm giới lén lút trộm cắp; 2- Mắc nợ mà chống cự không trả; 3- Sát hại mạng sống đem thân đền trả; 4- Không thích nghe nhận kinh pháp; 5- Thường vì nhân duyên trai giới-thiết hội khó khăn mà lấy thế tục làm duyên. Đây là năm điều, sanh trong loài súc sanh.

Lại có năm điều được sanh trong dòng dõi tôn quý, được mọi người cung kính. Những gì là năm ? Đó là: 1- Làm ơn giúp cho khắp nơi; 2- Lễ kính Tam bảo và những người lớn tuổi; 3- Nhẫn nhục không có sân hận; 4- Nhu hòa khiêm tốn; 5- Nghe hiểu nhiều kinh giáo-giới luật. Đây là năm điều, được sanh trong dòng dõi tôn quý, được mọi người cung kính.

Lại có năm điều, thường sanh trong hạng hèn mọm làm tôi tớ cho người. Những gì là năm điều? Đó là: 1- Kiêu mạn bất kính đối với cha mẹ; 2- ngang ngạnh có chấp không có tâm tùy thuận; 3- Phóng túng không lễ kính đối với Tam tôn; 4- Lấy nghề trộm cắp làm nghiệp sinh sống; 5- Mắc nợ mà chạy trốn không trả. Đây là năm điều, thường sanh trong hạng tôi tớ hèn mọn.

Lại có năm điều, được sanh trong loài người, hơi miệng thơm tho-thân tâm thường được an lành, được mọi người khen ngợi chứ không bị phỉ báng. Những gì là năm ? Đó là: 1- Đối với mọi người rất chân thành chứ không lừa dối; 2- Tụng kinh không phân biệt này kia; 3- Bảo vệ giới pháp không bài báng Thánh đạo; 4- Dạy cho người xa điều ác giữ điều thiện; 5- Không tìm trì điều tốt-xấu của người. Đây là năm điều, sanh ở trong loài người, hơi miệng thơn tho-thân tâm thường được an lành, được mọi người khen ngợi chứ không bị phỉ báng.

Lại có năm điều, nếu sanh trong loài người, thì thường gặp phải sự phỉ báng, bị mọi người oán ghét, hình dáng xấu xí khó coi, thân tâm không được yên ổn, thường nơm nớp sợ hãi. Những gì là năm? Đó là: 1- Đối với mọi người thường gian trá lừa dối chứ không hề chân thành thực sự; 2- Người trong Đại hội có ai thuyết pháp thì lại phì báng họ; 3- Thấy những người cùng học mà lại khinh khi để thử họ; 4- Không thấy sự việc của người khác mà làm cho trở thành lỗi lầm; 5- Nói hai lưỡi xúi gục làm cho đôi bân tranh chấp hỗn loạn. Đây là năm điều, nếu sanh trong loài người thì thường gặp phải sự phỉ báng, bị mọi người oán ghét, hình dáng xấu xí khó coi, thân tâm không được yên ổn, thường nơm nớp sợ hãi.

Lại có năm điều, sanh ra nơi nào cũng thường được gặp Phật-được nghe Pháp-được cúng dường chúng tăng, ban đầu không có gì sai trái, gặp gỡ những người hiểu biết, đạt được tâm niệm tốt lành, nếu làm Sa môn thì sẽ được như nguyyện. Những gì là năm điều? Đó là: 1- Tự mình ton thờ Tam Bảo, cũng khuyến khích người khác khiến họ kính trọng; 2- Làm ra hình tượng Đức Phật, thì phải làm cho trong sáng thuần khiết; 3- Thường vâng theo lời Đức Phật dạy, chứ không phạm những điều được tiếp nhận; 4- tâm Từ phủ khắp tất cả, cùng với bậc tôn quý đích thực bình đẳng như yêu quý con đỏ; 5- Kinh pháp đã được tiếp nhận, đọc tụng không quản ngày đêm. Đây là năm điều, sanh ra nơi nào cũng thường được gặp Phật- được nghe Pháp-được cúng dường chúng Tăng, ban đầu không có gì sai trái, gặp gỡ những người hiểu biết, đạt được tâm niệm tốt lành, nếu làm Sa môn thì sẽ được như nguyện.

Ngay lúc ấy, Biện Ý-con trai của Trưởng giả, nghe Đức Phật giải thích về nghĩa của pháp quan trọng trong 50 sự việc này, vui mừng hoan hỷ đạt được pháp Nhẫn, năm trăm người con của các Trưởng giả đều đạt được pháp nhẫn tịnh, và những người trong pháp hội đều đạt được chí nguyện của mình.”

Tụng rằng:

Tâm-cảnh dựa vào nhau,
Nghiệp kết thành ràng buộc,
Do bảy Thức phát khởi,
Tám Thức làm nhân duyên.
Thọ báo trong ba cõi,
Kéo dài qua sáu nẽo,
Tùy theo sự khởi nghiệp,
Nối liền nơi tiếp xúc.
Năm ấm chịu mệt nhọc,
Chín não làm khốn đốn,
Tự không phải Thánh Từ,
Há ích gì Thần Ngã?
Hàm tình đều đầy đủ,
Duyên hiểu rõ sâu xa,
Tản ra thì lợi vật,
Tụ vào thì tự nhiên.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 69

Thiên thứ 79: THỌ BÁO

(Thiên này có 12 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Thọ thai, Trung ấm, Hiện báo, Sanh báo, Hậu báo, Định báo, Bất định, Thiện báo, Ác báo, trú xứ.)

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Nói đến nghiệp dụng của thiện ác, thật sự là dấu hiệu của ba báo, cũng giống như tướng trạng của hình ảnh. Ví dụ rõ ràng về sáu nẻo, thì ba báo của sáu nẻo ấy, dùng hiểu biết làm vui Thiên Hậu, lấy ân sâu vượt qua Cửu Sắc. Cô quạnh tìm đến đến Chúa muôn thú để giữ vẹn mạng sống, qua lại nhận chịu năm nỗi khổ thật vô cùng tàn khốc, đây là hiện báo. Thân hình sa vào trong khe sâu, thần thức bay cao mà không đổi, mình chua xót bao đời gặp tai họa, không hiểu được Vương Tử mất đôi mắt, đây là sanh báo. Ngoại đạo dù cho họa đến chốn Phi Tưởng, mê muội pháp mãi nghi hoặc cả trước sau, bị chồn cáo hung bạo vồ lấy cánh, rơi xuống chịu khốn đốn mà khó tính, đây là hậu báo. Xem xét sâu xa dòng chảy dìm chết của ba đời, ghi nhớ hết sức mối họa rã hình sẽ thay đổi, khiến cho hiểu rõ ngôi nhà của Tứ đế-Tam minh, làm cho thoát khỏi bóng đen của Tam Báo-Ngũ Khổ!

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Ưu Bà tắc Giới nói: “Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Chúng sanh tạo nghiệp có bốn loại: 1- Hiện báo (thân này làm ra nghiệp rất thiện-rất ác, thì ngay thân này nhận lấy, đó gọi là Hiện báo); 2-Sanh báo (thân này tạo nghiệp đến thân sau nhận lấy, đó gọi là Sanh báo); 3- Hậu báo (thân này tạo nghiệp, đến thân sau chưa nhận lấy, trải qua đời thứ hai-thứ ba trở đi mới nhận lấy, đó gọi là hậu báo); 4- Vô báo (là giống như các nghiệp Vô ký). Nghiệp Vô báo này lại có bốn loại: 1- Thời định-báo bất dịnh (đây là đối với ba thời quyết định không thay

đổi, bởi vì nghiệp có thể chuyển đổi cho nên báo không quyết định); 2- Báo định-thời bất định (bởi vì nghiệp lực quyết định cho nên báo không có thể thay đổi, nhưng thời có thể chuyển đổi cho nên thời không quyết định); 3- Thời và báo đều định (bởi vì nghiệp quyết định cho nên cảm đến thời cũng quyết định); 4- Thời và báo đều bất định (bởi vì nghiệp không quyết định cho nên thời và báo cũng không quyết định). Chúng sanh tạo nghiệp có đầy đủ và không đầy đủ. Nếu nghĩ trước làm sau thì gọi là làm đầy đủ. Nếu trước đó không nghĩ đến mà bất ngờ tạo tác, thì gọi là làm không đầy đủ. Lại có làm mà không đầy đủ, nghĩa là tạo nghiệp rồi nhưng quả báo không quyết định. Lại có làm rồi mà cũng đầy đủ, nghĩa là tạo nghiệp rồi thì quyết định sẽ cảm lấy quả báo. Lại có làm rồi mà không đầy đủ, là quả báo tuy quyết định nhưng thời gian không quyết định. Lại có làm rồi thì cũng đầy đủ, là thời gian và quả báo đều quyết định. Lại có làm rồi mà không đầy đủ, là trì giới theo chánh kiến. Lại có làm rồi thì cũng đầy đủ, là phá giới theo tà kiến. Lại có làm rồi nhưng không đầy đủ, là ba thời sanh lòng hối hận. Lại có làm rồi mà cũng đầy đủ, là ba thời không có hối hận gì. Như ác nghiệp đã vậy, thì thiện nghiệp cũng như vậy.”

***Phần thứ ba:* THỌ THAI**

Như luật Thiện Kiến nói: “Người phụ nữ đến lúc muốn thọ thai, thì nước ứ lại của mỗi tháng chảy ra (Hoa thủy). Nước ứ lại, đây là chỉ cho máu (Hoa thủy có nghĩa là kinh nguyệt). Lúc sắp mang thai, ở nơi cuống nhau thai có một ít máu tụ lại, bảy ngày tự vỡ ra, từ đây mà chảy ra. Nếu máu chảy ra không dứt, thì tinh của người nam không dừng lại, sẽ cùng theo lòng chảy ra ngoài. Nếu không còn chảy ra, thì tinh của người nam vẫn còn ở nơi ấy, sau đó thành thai. Vì vậy máu hết rồi thì tinh của người nam được dừng lại, thế là sẽ có thai. Nhưng người phụ nữ có bảy điều sẽ thọ thai: 1- Xúc chạm với nhau; 2- Lấy vết nơi áo; 3- Tinh còn lắng lại; 4- Tay vuốt ve nhau; 5- Nhìn thấy sắc chất; 6- Nghe thấy âm thanh; 7- Ngửi mùi.

Hỏi: Sao nói là xúc chạm với nhau mà thọ thai?

Đáp: Có người nữ nào lúc kinh nguyệt đang phát mà ưa thích người nam, nếu người nam dùng thân đụng chạm thân thể người nữ, bởi vì người nữ đang ham muốn cho nên sẽ mang thai.

Hỏi: Sao nói là lấy vết nơi áo mà thọ thai?

Đáp: Như Ưu Đà Di và vợ cùng xuất gia, nhưng tâm dục ái không chấm dứt, cùng hỏi han với nhau, ý dục làm cho tinh chảy ra dính bẩn

áo, cô Ni lấy mà liếm, còn lấy đưa vào trong căn, thế là mang thai.

Hỏi: Sao nói là tinh còn lắng lại mà thọ thai? Đáp: Như hươu mẹ ngửi tinh của Đạo sĩ, vì tâm dục mà uống, thế là mang thai sanh ra hươu con là con của Đạo sĩ.

Hỏi: Sao nói là tay vuốt ve nhau mà thọ thai?

Đáp: Như Lai của Bồ-tát Thiểm đều mù mắt, Đế Thích từ xa biết được bèn đi đến chỗ của họ, bởi vì vợ chồng đều đã xuất gia, vì đạo cho nên âm-dương không thể hòa hợp, dùng tay vuốt ve phần dưới rốn, thế là mang thai mà sanh ra Thiểm Tử.

Hỏi: Sao nói là nhìn thấy sắc chất mà thọ thai?

Đáp: Có một người nữ, trong thời gian kinh nguyệt không giao hợp được với người nam, dục tình rất mạnh chỉ nhìn thấy người nam, thế là mang thai; như người nữ trong cung cũng lại như vậy.

Hỏi: Sao nói là nghe thấy âm thanh mà thọ thai?

Đáp: Như chim cò trắng chỉ có mái chứ không có trống, lúc đến mùa Xuân thì khí dương bắt đầu phát triển, tiếng sấm bắt đầu vang vọng, có mái chú tâm nghe âm thanh ấy, thế là mang thai, gà cũng có lúc nghe tiếng gáy của gà trống mà cũng có thể mang thai.

Hỏi: Sao nói là ngửi mùi mà thọ thai?

Đáp: Như trâu mẹ chỉ ngửi mùi con nghé mà cũng mang thai."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bào với các Tỳ kheo: Có ba nhân duyên để Thức đến nơi thọ thai. Đó là: 1- Mẹ có dục tình, cha có dục tình, cha mẹ cùng quy tụ một nơi, nhưng Thức bên ngoài chưa kịp đến nơi, thì không thọ thai, nếu Thức đến nơi mà cha mẹ không quy tụ thì không thành thai; 2- Nếu người mẹ không có dục tình mà người cha có ý dục nồng nàn, nhưng mẹ không thiết tha lắm, thì không thành thai; 3- Nếu cha mẹ cùng quy tụ một nơi, dục tình của mẹ hừng hực nhưng cha không thiết tha lắm, thì không thành thai.

Lại có ba loại: 1- Nếu cha mẹ cùng quy tụ một nơi, cha có bệnh phong, mẹ có bệnh lạnh, thì không thành thai; 2- Nếu mẹ có bệnh phong, cha có bệnh lạnh, thì không thành thai; 3- Nếu thân cha nghiêng nhiều về hơi nước, mẹ không có bệnh này, thì không thành thai.

Lại có ba loại: 1- Nếu cha mẹ cùng quy tụ một nơi, tướng cha có con mà tướng mẹ không có con, thì không thành thai; 2- Nếu tướng mẹ có con mà tướng cha không có con, thì không thành thai; 3- Nếu cha mẹ đều là tướng không có con, thì không thành thai.

Lại có ba loại: 1- Nếu như lúc thần thức hướng đến nơi thai, cha đi vắng không ở nhà, thì không thành thai; 2- Nếu lúc có cha mẹ thuận

ý quy tụ một nơi, nhưng mẹ đi xa không ở nhà, thì không thành thai; 3- Cha mẹ cùng quy tụ không đi vắng, lúc này sẽ được thọ thai.

Lại có ba loại: 1- Nếu lúc có cha mẹ thuận ý mà quy tụ một nơi, nhưng thân cha gặp phải bệnh nặng, lúc có thần thức tìm đến, thì không thọ thai; 2- Nếu thân mẹ gặp phải bệnh nặng, thì không thành thai; 3- Nếu thân cha mẹ đều mắc bệnh, thì không thành thai. Nếu cha mẹ không có bệnh tật gì, thần thức tìm đến, mà cha mẹ đều là tướng có con, thì trở thành có thai".

Còn trong luận Du Già nói: "lại nữa, tám thời kỳ của thai tạng này có sai biệt. Những gì là tám? Đó là: Thời kỳ Yết la lam, thời kỳ Át bộ đàm, thời kỳ Bế thi, thời kỳ Kiện nam, thời kỳ Bát la xa khư, thời kỳ Phát mao trảo, thời kỳ Căn và thời kỳ Hình. Nếu đã kết tụ lại đôi chút ở bên trong, thì gọi là Yết la lam. Nếu trong và ngoài giống như sữa đặc, chưa đến thời kỳ thành thịt, thì gọi là Át Bộ Đàm. Nều đã thành thịt mà vẫn còn rất mềm mại, thì gọi là Bế Thi. Nếu đã cứng và hơi dày, có thể vuốt ve đụng chạm, thì gọi là Kiện Nam. Ngay nơi cục thịt này lớn thêm, hiện rõ tướng của các phần thân thể, thì gọi là Bát La Xa Khư. Từ thời kỳ này về sau, tóc lông móng hiện rõ, thì gọi là Phát Mao trảo. Từ thời kỳ này về sau, các căn là mắt-tai... phát sanh, thì gọi là Căn. Từ thời kỳ này về sau, nơi nương tựa của thai nhi hiển hiện rõ ràng, thì gọi là Hình.

Nhưng ở trong thai tạng, hoặc là do nghiệp lực đời trước, hoặc là do mẹ không phòng ngừa, do sức lực không cân bằng mà sanh ra thói quen tùy thuận, khiến cho thai tạng này hoặc là tóc, hoặc là màu sắc, hoặc là da và các phần thân thể khác có sự biến dị mà sanh ra. Tóc có sự biến dị phát sanh, nghĩa là do đời trước đã tạo nghiệp mà có thể cảm lấy nghiệp bất thiện xấu ác này, và do người mẹ có nhiều thói quen với các vị tro-muối..., hoặc uống-hoặc ăn, khiến cho lông-tóc của thai tạng này thưa thớt. Màu sắc có sự biến dị phát sanh, nghĩa là do nghiệp của đời trước, như nói ở trước, và do người mẹ có thói quen tiếp cận với duyên khói lửa-hơi nóng ở hiện tại, khiến cho thai tạng ấy phát sanh màu sắc đen tối. Còn người mẹ có thói quen tiếp cận với nhà cửa rất lạnh, khiến cho thai tạng ấy phát sanh màu sắc rất trắng. Còn do người mẹ ăn nhiều thức ăn nóng, khiến cho thai tạng ấy phát sanh màu sắc rất đỏ. Da có sự biến dị phát sanh, nghĩa là do nghiệp nhân đời trước, như nói ở trước, và do người mẹ có nhiều thói quen với duyên dâm dục hiện tại, khiến cho thai tạng ấy hoặc có làn da sần sùi dầy những ung nhọt-mụn ghẻ... xấu xí mà sanh ra. Các phần thân thể có sự biến dị phát sanh,

nghĩa là do nghiệp nhân đời trước, như nói ở trước, và do người mẹ có nhiều thói quen chạy nhảy-nhiều cử chỉ đi lại vội vàng, và không phòng ngừa với duyên không cân bằng trong hiện tại, khiến cho thai tạng ấy bị thiếu hụt các căn và các bộ phận thân thể mà sanh ra.

Vả lại, thai tạng ấy, nếu đúng là nữ, thì ở bên sườn trái của mẹ, dựa vào lưng-hướng về bụng mà trú; nếu đúng là nam, thì ở bên sườn phải của mẹ, dựa vào bụng-hướng về lưng mà trú. Lại nữa, lúc thai tạng này trưởng thành đầy đủ người mẹ không có thể giữ yên thai nhi nặng nề này, gió bên trong liền phát động sanh ra nhiều nỗi khổ não, đồng thời do nghiệp báo của thai tạng này phát sanh, gió trong phạm vi này nổi lên khiến cho đầu hướng xuống dưới-chân thì hướng lên trên, bọc trong nhau thai mà hướng đến cửa mình của mẹ (Sản môn). Lúc đang thoát ra thì nhau thai liền sách tọac, phân ra thành hai nách. Lúc ra khỏi cửa mình của mẹ, gọi là thời kỳ chính thức sanh ra. Sanh ra về sau lần lượt tiếp xúc với cảm giác của cuộc sống, đó gọi là Nhãn xúc cho đến Ý xúc."

***Phần thứ tư:* TRUNG ẤM**

Như Kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Có mười bảy loại Trung Ấm Hữu Pháp, ông nên luôn luôn nghĩ đến thực hành tu đạo tịch diệt. Hoặc là trời hay là người nghĩ đến đạo lý này, thì hoàn toàn không sợ hãi đối với sự tổn hại do sứ giả của Diêm la. Những gì là mười bảy loại Trung Ấm Hữu.

Thứ nhất là như trong loài người chết đi, sanh lên trên cõi trời, thì Trung Ấm trông thấy cảnh tượng vui vẻ, giống như tấm vải bông trắng sắp muốn rơi xuống, mềm mại trắng nõn. Lại trông thấy vườn rừng-hoa lá-ao hồ, nghe những tiếng ca hát cười đùa, sau đó ngửi thấy các mùi hương, cảm thọ tất cả niềm vui với vô lượng chủng loại đồ vật, hòa hợp tiếp xúc mịn màng, lập tức sanh lên cõi trời. Nhờ thiện nghiệp cho nên hiện tại cảm được niềm vui cõi trời, mỉm cười vui sướng-nhan sắc thanh tịnh. Cha mẹ anh em đau xót khóc lóc kêu gào, nhờ thiện tướng cho nên không nghe-không thấy, tâm cũng không nghĩ đến. Vào lúc lâm chung mới sanh vào nơi vui sướng, thân trời tương tự như dấu in vào thì đường nét hiện bày, thấy cõi trời tốt đẹp liền sanh tâm yêu thích cảnh giới, cho nên thọ thân loài trời. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ nhất thọ sanh.

Trung Ấm Hữu thứ hai, nghĩa là nếu người cõi Diêm Phù Đề, mạng chung sanh đến cõi Uất Đơn Việt, thì trông thấy tấm vải bông đỏ mềm mại, màu sắc thật đáng yêu, liền sanh tâm tham đắm, dùng tay

nắm lấy, đưa tay kéo về phía mình, như kéo giữa hư không. Cha mẹ anh em nói rằng hai tay họ nắm giữa hư không, lại có gió thổi qua.

Nếu người bệnh này, lúc mùa Đông giá lạnh, thì gió ấm thổi đến trừ hết nỗi khổ giá lạnh của họ. Nếu lúc nắng nóng thì gió mát thổi đến, trừ hết hơi nóng ấy làm cho tâm vui thích. Nhờ duyên vào tâm cho nên không nghe thấy tiếng khóc than buồn bã đau thương. Nếu mọi người tụ tập xáo động thì tâm người ấy cũng tán động, nghe tiếng khóc than buồn thảm ấy mà đưa đẩy sanh đến nơi khác. Vì vậy cha mẹ anh em khóc than đau thương lúc lâm chung, thật là chướng ngại khó lường. Nếu không gây trở ngại cho sự thác sanh đến cõi Uất Đơn Việt, thì trong thời gian ấy lần lượt có tướng tốt lành xuất hiện, thấy hồ hoa sen xanh, ngỗng vịt-uyên ương bơi khắp trong hồ, liền đi đến nơi ấy dạo chơi nô đùa trong cảnh giới vui thích. Sắp vào thai mẹ, thì từ hồ hoa bước ra đi đất liền, trông thấy thân người cha, chính là con ngỗng trống, mẹ là con ngỗng mái. Nếu người nam thác sanh, thì tự thấy thân mình làm thân ngỗng trống. Nếu người nữ thác sanh, thì tự thấy thân mình làm thân ngỗng mái. Nếu người nam thác sanh, thì sanh ra chướng ngại đối với cha, sanh ra yêu thích đối với mẹ. Nếu người nữ thác sanh, thì sanh ra yêu thích đối với cha, sanh ra chướng ngại đối với mẹ. Đây gọi là trung Ấm Hữu thứ hai, sanh đến cõi Uất Đơn Việt.

Trung Ấm Hữu thứ ba, nếu trong cõi Diêm Phù Đề chết đi, sanh đến cõi Cù Da Ni, thì có tướng hiện bày: Như lúc lân chung, thấy có nhà cửa đều làm toàn màu vàng, giống như màu vàng ròng, che phủ khắp nơi như mây, thấy giữa hư không có tướng của tấm vải bông vàng, liền đưa tay kéo về phía mình. Anh em bà con đều nói rằng hai tay người bệnh nắm lấy hư không. Người này lúc bấy giờ thọ mạng sắp kết thúc, thấy thân mình như loài trâu, thấy những con trâu tụ tập thành bầy như thấy trong mộng. Nếu người nam thọ sanh, thấy cha mẹ mình hòa hợp mà làm chuyện bất tịnh, tự thấy thân người có nhiều nhà cửa, thấy tướng người cha giống như con trâu đực, liền loại bỏ người cha mẹ hòa hợp với mẹ. Nếu người nữ thọ sanh, tự thấy thân mình giống như con trâu cái, dấy lên ý niệm như vậy: Tại sao con trâu hòa hợp với con trâu cái kia mà không đến với mình? Nghĩ như vậy rồi thọ thân người nữ. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ ba, sanh đến cõi Cù Da Ni.

Trung Ấm Hữu thứ tư, nếu người cõi Diêm Phù Đề mạng chung, sanh đến cõi Phất Bà Đề thì có tướng hiện bày. Thấy tướng của tấm vải bông màu xanh, tất cả đều là màu xanh, bao phủ khắp nơi hư không, thấy nhà cửa cõi ấy đều giống như hư không, sợ rằng tấm vải bông màu

xanh rơi xuống, lấy tay để ngăn lại. Bà con thân thích cho rằng họ ngăn chặn gì ở khoảng không. Mạng chung thấy Trung Ấm giống như hình hài loài ngựa, tự thấy cha mình giống như con ngựa đực, mẹ giống như con ngựa cái, cha mẹ giao hội ái nhiễm hòa hợp với nhau. Nếu người nam thọ sanh, thì dấy lên ý niệm như vậy: Mình nên cùng với con ngựa cái này hòa hợp. Nếu người nữ thọ sanh, thì tự thấy thân mình như hình hài con ngựa cái, dấy lên ý niệm như vậy: Con ngựa đực như vậy tại sao không giao hợp với mình? Dấy lên ý niệm này rồi liền thọ thân người nữ. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ tư, sanh đến cõi Phất Bà Đề.

Trung Ấm Hữu thứ năm, nếu người cõi Uất Đơn Việt vào lúc sắp mạng chung thấy tướng đi lên phía trên. Nếu nghiệp nhiều thì tâm tự tại sanh đến cõi trời, dùng tay nắm lấy hư không mà giống như thấy trong giấc mộng, hoa đẹp có mùi hương tuyệt diệu vô cùng, tay đang cầm đóa hoa thơm ngát màu sắc tuyệt diệu bậc nhất. Thấy hoa sanh lòng tham đắm, nay thấy cây này mình sẽ leo lên cây. Dấy lên ý niệm này rồi liền leo lên cây to, mà chính là leo lên trên núi Tu Di, thấy thế giới cõi trời đầy hoa trái trang nghiêm, mình sẽ đi khắp nơi ngắm nhìn. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ năm, thọ sanh thuộc phẩm hạ của người ở cõi Uất Đơn Việt.

Trung Ấm Hữu thứ sáu, nếu người cõi Uất Đơn Việt, bởi vì Nghiệp trung bình, lúc sắp mạng chung, muốn sanh lên cõi trời, thì có tướng hiện bày. Thấy hồ hoa sen thật đáng ưa thích, bầy ong trang nghiêm, tất cả đều thơm ngát. Bước lên hoa sen này trong chốc lát cưỡi hư không mà bay đi, giống như trong mộng, sanh đến cõi trời. Dấy lên ý niệm như vậy: Nay mình đang đến hồ hoa sen tươi đẹp. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ sáu, thọ sanh thuộc phẩm Trung của người ở cõi Uất Đơn Việt.

Trung Ấm Hữu thứ bảy, người cõi Uất Đôn Việt, nhờ vào nghiệp thù thắng cho nên sanh đến Thiện Pháp Đường ở cõi trời 33. lúc sắp mạng chung thấy Thắng Diệu Đường trang nghiệm vô cùng tuyệt vời. Người ấy vào lúc bấy giờ liền bước lên cung điện thù thắng, sanh trong cung điện này mà trở thành Thiên Tử. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ bảy, thọ sanh thuộc phẩm Thượng, sanh ở trên cõ trời của người cõi Uất Đơn Việt.

Trung Ấm Hữu thứ tám, nếu người cõi Uất Đơn Việt vào lúc sắp mạng chung, thì có tướng hiện bày. Thấy đi vào chốn vườn rừng dạo chơi nô đùa, thơm tho sạch sẽ đáng yêu, ngửi thấy thật là vui sướng, khổ não không còn, tâm tư trong sáng. Dùng tâm thanh tịnh nhanh chóng bước lên cung điện, thấy rất nhiều chư Thiên đi lại dạo chơi giữa hư

không, giống như trong mộng. Cõi trời ba mươi ba thù thắng vi diệu đáng yêu, tất cả năm thứ dục lạc thảy đều đầy đủ. Từ cõi Uất Đơn Việt chết đi, sanh vào trong cõi trời này. Đây gọi là tướng Trung Ấm Hữu thứ tám, từ lúc sanh đến cõi trời này huận tập chơi đùa cho đến tướng Trung Ấm thứ tám, từ lúc sanh đến cõi trời này huân tập chơi đùa cho đến chết của người ở cõi Uất Đơn Việt.

Trung Ấm Hữu thứ chín, nếu người cõi Cù Da Ni mạng chung sanh đến cõi trời thì có hai loại nghiệp. Những gì là hai loại? Đó là: 1- Nghiệp còn lại; 2- Nghiệp phát sanh. Sanh ở trên cõi trời, người ấy vào lúc sắp mạng chung, thì có tướng hiện bày. Nhờ vào thiện nghiệp, lúc sắp xả mạng, hơi thở không hỗn loạn bế tắc, mạch thông không bị hủy hoại, các căn hoàn tiàn thanh tịnh, thấy hồ nước rộng lớn, nước trong hồ điều hòa thích hợp, rào rạt mà chuyển dời, trôi nổi đến bờ bên kia. Đã đến bờ bên kia, trông thấy các Thiên Nữ, đoan chánh xinh đẹp bậc nhất, đủ các loại trang nghiêm, cười đùa ca múa vui vẻ. Người ấy trông thấy rồi, tâm mong muốn gần gũi, tiến về phía trước ôm lấy người nữ, ngay lập tức sanh đến cõi trời, hưởng thọ sự vui sướng của cõi trời như trong mộng, thân Trung Ấm liền diệt đi. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ chín. (người cõi Cù Da Ni thọ sanh có ba phẩm, nghiệp phẩm Thương-Trung-Hạ cùng một ánh sáng như nhau, cùng một Trung Ấm, tất cả đều tương tự chứ không giống như người cõi Uất Đơn Việt có ba loại tướng thọ sai biệt).

Trung Ấm Hữu thứ mười, nếu người cõi Phất Đà Đề vào lúc sắp mạng chung, thì trông thấy tướng của cái chết, trông thấy nghiệp của mình, hoặc thấy nghiệp của người, hoặc thấy cung điện thù thắng trang nghiêm, tâm sanh ra hoan hỷ, muốn đến đó thọ sanh. Ở bên ngoài cung điện trông thấy những thể nữ, cùng với những người đàn ông ca hát vui vẻ vô cùng, lúc ấy Truiung Ấm Hữu dấy lên ý niệm như vậy: Mong muốn được cùng nhau vui đùa. Liền đi vào đùa với mọi người, giống như tỉnh giấc ngủ, lập tức sanh lên cõi trời. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười.

Trung Ấm Hữu thứ mười một, là các loại ngạ quỷ đã hết ác nghiệp mà nhận được thiện nghiệp còn lại, vốn ở trong những đường khác đã làm thiện nghiệp, giống như chamẹ, sắp sanh vào trong loài trời thì có tướng hiện bày. Nếu trong loài ngạ quỷ chết đi muốn sanh lên cõi trời, ở trong loài ngạ quỷ bị đói khát thiêu cháy thân thể, thường tham ăn uống, thường nghĩ đến nước cháo, thì lúc sắp mạng chung không còn khởi niệm, niệm vốn có đều diệt hết, tất cả nghiệp thảy đều không gần

gũi, tuy thấy đồ ăn thức uống nhưng chỉ là vì mắt nhìn thấy, thấy như người trong mộng, không ăn không uống, thấy cõi trời đáng yêu liền chạy đến nơi ấy, đến được nơi ấy thì lập tức sanh lên cõi trời. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười một.

Trung Ấm Hữu thứ mười hai, bởi vì ngu si cho nên thọ thân súc sanh, vô lượng chủng loại sai khác, nhận chịu trăm ngàn vạn ức thân sanh tử, rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, luân chuyển trong thế gian không thể cùng tận. Nhờ vào thiện nghiệp còn lại, trong súc sanh chết đi, sanh vào hai cõi trời, hoặc sanh ở cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh ở cõi trời ba mươi ba. Ở đường ác của loài súc sanh, lúc khổ báo sắp hết, muốn được thoát thân thì có tướng hiện bày. Lúc sắp mạng chung thấy ánh sáng hiện rõ ra, nhờ vào thiện nghiệp còn lại mà tâm ngu si giảm đi rất nhiều, hoặc thấy nơi vui sướng liền chạy đến chỗ ấy, như thấy trong giấc mộng. Chạy đến chỗ ấy thì lập tức sanh lên cõi trời. Đây gọi là Trung Ấm Hữu mười hai.

Trung Ấm Hữu thứ mười ba, chúng sanh địa ngục rất hiếm có và khó được sanh lên trên cõi trời. Nhân duyên thiện còn lại, nếu như nghiệp thành thục, thì người địa ngục này, bởi vì nghiệp đã chết, cho nên sắp được thoát ra, từ địa ngục này vào lúc sắp mạng chung thì có tướng hiện bày. Lúc mạng sống sắp kết thúc, hoặc bị các ngục tốt ném vào trong vạc sôi, giống như bọt nước, diệt rồi không sanh lại nữa. Hoặc dùng gậy đánh, hễ đánh vào thì chết ngay, không còn sanh lại nữa. Hoặc bị bỏ vào hòm sắt, bỏ vào rồi liền chết, không còn sanh lại nữa. Hoặc bỏ vào sông tro, đưa vào rồi tiêu hết, không còn sanh lại nữa. Hoặc đánh bằng gậy sắt, hễ đánh vào liền chết, chết rồi không sanh nữa. Hoặc các loài chim sắc ăn thịt rồi không sanh nữa. Hoặc các loài thú dữ ăn thịt rồi không sanh nữa. Người địa ngục này đã không còn ác nghiệp, sau khi mạng chung không còn trông thấy ngục tốt-Diêm La, như dầu đả hết thì không còn đèn của nghiệp. Tướng của Trung Ấm Hữu địa ngục không còn hiện ra, bỗng nhiên thấy ở giữa hư không xuất hiện cảnh tượng ca múa chơi đùa thật vui vẻ, gió thơm ngát tỏa nhẹ trên thân cảm nhận niềm vui bậc nhất, ý muốn đến gần thì lập tức thác sanh, hoặc sanh đến cõi trời 33, hoặc sanh đến cõi trời Tứ Thiên Vương. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười ba.

Trung Ấm Hữu thứ mười bốn, nếu trong loài người chết đi còn sanh lại trong loài người thì có tướng hiện bày. Vào lúc lâm chung thấy tướng như vậy, thấy núi đá to lớn, giống như hình tướng ấy ở trên thân mình. Lúc bấy giờ người ấy dấy lên nghĩ như vậy: Núi như hình tướng

ấy ở trên thân mình. Lúc bấy giờ người ấy dấy lên nghĩ như vậy: Núi này có lẽ rơi xuống trên thân của mình. Vì vậy đưa tay muốn ngăn cản núi này. Bà con thân thích trông thấy nói là người sắp chết nắm lấy hư không. Đã thấy cảnh tượng này rồi lại thấy núi này giống như tấm vải bông trắng, liền bước lên tấm vải bông này, thế là thấy tấm vải bông đỏ. Lần lượt trải qua giai đoạn lâm chung lại thấy ánh sáng, thấy cha mẹ mình đang vì ái dục làm điều hòa hợp mà khởi tâm điên đảo. Nếu người nam thọ sanh, thì tự thấy chính mình cùng với mẹ giao hợp, nói là cha lèm cho trở ngại. Nếu người nữ thọ sanh, thì tự thấy chính mình cùng với cha giao hợp, cho rằng mẹ làm trở ngại. Đang lúc bấy giờ, thân Trung Ấm liền diệt đi, Sanh Ấm tiếp tục khởi lên, như dấu in được vào, dấu in hủy hoại mà nét in đã thành. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười bốn, ở trong loài người mạng chung còn sanh lại trong loài người.

Trung Ấm Hữu thứ mười lăm, trong loài trời mạng chung vẫn sanh lại trên cõi trời thì không có khổ não. Như Thiên Tử nơi khác, lúc mạng chung vì nỗi khổ ái ân ly biệt mà rơi vào địa ngục- ngạ quỷ-súc sanh, nếu Thiên Tử này không mất đồ dùng trang nghiêm trên thân mình, cũng không có vị rời khác ngồi vào chỗ trước đó của họ thì sanh vào cõi trời thù thắng hơn. Như ở cõi trời Tứ Thiên Vương sau khi mạng chung đến cõi trứ 33, tướng trạng thù thắng đáng yêu hơn. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười lăm, nối tiếp theo chủng loại của mình.

Trung Ấm Hữu thứ mười sáu, chủng loại nối tiếp nhau. Nếu từ cõi trời phía trên mạng chung lại sanh vào cõi trời phía dưới, thấy các loại hoa sen-vườn rừng-sông hồ, cũng đều không sánh được. Đã thấy cảnh tượng đói khát khổ não này, thì khao khát mong muốn có được nơi nương nhờ, liền sanh đến nơi ấy. Như vậy tuy cùng sanh cõi trời, nhưng mà hai loại Ấm Hữu, hai loại tướng thọ sanh. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười sáu, nối tiếp theo chủng loại của mình.

Trung Ấm Hữu thứ mười bảy, chủng loại nối tiếp nhau. Nếu người cõi Phất Bà Đề sanh đến cõi Cù Đà Ni, thì có tướng như thế nào? Người cõi Cù Đà Ni sanh đến cõi Phất Bà Đề, lại có tướng như thế nào? Như vậy người ở hai cõi, hai bên sanh đến cõi của nhau, đều dùng chung một tướng. Lúc sắp mạng chung thấy hang sâu đen tối, ở trong hang này có ánh sáng màu đỏ, buông xuống phía dưới như lá phướn, hoặc là đỏ-hoặc là trắng, người ấy trông thấy đưa tay nắm lấy, Ấm hiện tại liền diệt đi. Dùng tay nhận lấy lá phướn, lần lượt duyên theo lá phướn, tiến vào trong hang này, nhận lấy thân Trung Ấm, tiếp cận với Sanh Ấm, thấy mình thọ sanh. Cách thọ sanh cũng như trước đã nói, hoặc thấy hai con

trâu, hoặc thấy hai con ngựa, vì ái nhiễm giao hợp liền sanh tâm ham muốn, đã sanh tâm ham muốn thì nhận lấy Sanh Ấm. Đây gọi là Trung Ấm Hữu thứ mười bảy."

***Phần thứ năm:* HIỆN BÁO**

Trong kinh Phật Thuyết Hành Thất Hạnh Hiện Báo nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Có bảy loại người, đáng hầu hạ và đáng tôn kính, là phước điền Vô thượng của thế gian. Thế nào là bảy loại người? Đó là: 1- Hành hạnh Từ; 2- Hành hạnh Bi; 3-Hành hạnh Hỷ; 4- Hành hạnh Hộ; 5- Hành hạnh Không; 6- Hành hạnh Vô tướng; 7- Hành hạnh Vô nguyện. Có chúng sanh nào thực hành bảy pháp này, ở trong pháp hiện tại cảm được quả báo ấy. A-nan thưa với Đức Phật: Tyại sao không nói đến Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích chi Phật, mà nói đến bảy điều này vậy? Đức Thế Tôn bảo rằng: Hành hạnh Từ... có bảy người, mỗi người thực hành một hạnh, hạnh ấy cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật..., sự việc ấy không giống nhau, tuy cúng dường Tu-đà-hoàn... mà không cảm được quả báo hiện tại, nhưng cúng dường bảy loại người này, thì cảm được quả báo ở đời hiện tại; vì vậy cho nên, A-nan hãy thường xuyên dũng mãnh làm thành tựu bảy pháp này!"

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: Xưa kia, nước Càn Đà Vệ có một người làm nghề giết mổ, dẫn năm trăm con trâu nghé, muốn giết thịt tất cả. Lúc ấy có một thái giám, lấy tiền vàng đem chuộc mạng trâu, làm thành bầy thả đi,. Vì nhân duyên này thân hiện tại liền được đầy đủ nam căn, trở về đến chốn Vương gia, nhờ người thưa trình rõ ràng: Thưa với nhà vua, tôi tên họ... ở nơi khác. Nhà vua nói: Là người hầu của Ta, tự tiện mà đi, không hề thưa trình rõ ràng, nay tại sao như vậy? Nhà vua lập tức gọi đến hỏi lý do sự việc. Thưa với nhà vua rằng: Trước đây gặp người làm nghề giết mổ, dẫn năm trăm con trâu nghé, muốn giết thịt tất cả, hạ thần liền chuộc lấy mà thả đi, vì nhân duyên này cảm được thân thể đầy đủ, cho nên không dám vào cung. Nhà vua nghe vừa vui mừng vừa ngạc nhiên, sanh tâm tín kính sâu sắc đối với Phật pháp. Nhờ vào Hoa báo mà cảm ứng như vậy, huống hồ Quả báo ấy lẽ nào có thể suy tính được ư?"

Còn trong luận Tân Bà Sa nói: "Xưa có người làm nghề giết mổ buôn trâu, xua trâu đi qua đoạn đường dài, người đông mà lương thực không còn, đói khát nóng nực và thiếu thốn lắm, bèn dừng lại bàn với nhau: Cả bầy trâu như vậy, cuối cùng không phải là vật của mình, nên

cắt lấy lưỡi để giúp qua lúc đói ăn. Lập tức lấy muối xoa vào miệng những con trâu, trâu tham vị mặn mà thè lưỡi ra liếm, liền dùng dao sắc cắt lấy rất nhanh. Đốt lửa nấu nướng mà cùng ăn với nhau, ăn xong cùng đến bên bờ sông lấy nước súc miệng, cùng lấy tăm xỉa răng đã xong, dùng ngón tay cái để cạo lưỡi sạch sẽ. Bởi vì sức mạnh của ác nghiệp, cuống lưỡi của mọi người, giống như trái chín rữa, cùng lúc đều rơi rụng."

***Phần thứ sáu:* SANH BÁO**

Như kinh Niết bàn nói: "Này người thiện nam! Như người vào lúc xả mạng chịu nhiều khổ đau, bà con thân thuộc vây quanh kêu khóc áo não, người ấy hoảng sợ không biết nhờ đâu cứu giúp, tuy có năm tình thức nhưng không còn hiểu biết gì nữa, các bộ phận thân thể run rẩy dao động không thể nào tự mình giữ được, thân thể hư hoại lạnh lẽo, hơi ấm sắp hết, thấy tướng quả báo của thiện-ác trước đây đã làm; như mặt trời sắp lặn, núi đồi gò nổng, hình ảnh hiện ra di chuyển về phía Đông, để ý không có gì đi về phía Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng lại như vậy, lúc ấm này diệt thì ấm kia tiếp tục sanh, như ánh đèn sanh ra thì bóng tối điệt đi-ánh đèn diệt đi thì bóng tối sanh ra.

Này người thiện nam! Như ấn dấu bằng sáp in vào bùn, ấn và bùn hợp lại, ấn không còn mà đường nét thành tựu, nhưng ấn dấu bằng sáp này không biến đổi do bùn, đường nét không phải do bùn mà có, cũng không đến từ nơi khác, nhờ vào nhân duyên của ấn dấu mà có đường nét này. Ấm hiện tại diệt đi thì ấm của trung ấm sanh ra, ấm hiện tại này cuối cùng không thay đổi vì năm ấm của Trung ấm, năm ấm của Trung ấm cũng không phải là tự nhiên sanh ra, cũng không đến từ nơi khác, nhờ vào ấm hiện tại cho nên sanh ra ấm của Trung ấm. Như ấn dấu in vào bùn, ấn dấu hủy hoại mà đường nét hiện bày, tên gọi tuy không khác mà thời kỳ đều sai khác. Vì vậy Ta nói ấm của Trung ấm không phải do Nhục nhãn hay Thiên nhãn mà thấy được.

Trong Trung ấm này có ba loại ăn:1- Tư thực; 2- Xúc thực; 3- Ý thực. Trung ấm có hai loại: 1- Quả thuộc thiện nghiệp; 2- Quả thuộc ác nghiệp. Nhờ vào thiện nghiệp cho nên cảm được giác quán thiện, bởi vì ác nghiệp cho nên phải chịu giác quán Ấn Công. Cha mẹ giao hợp, lúc tách ra hay hợp lại, tùy nhân duyên của nghiệp mà hướng đến chỗ thọ sanh, đối với mẹ sanh yêu thích, đối với cha sanh giận dữ, lúc tinh của cha chảy ra thì nói là mình có, thấy rồi tâm vui sướng mà sanh hoan hỷ. Vì ba loại nhân duyên phiền não này, ấm của trung ấm hủy hoại mà

sanh ra năm ấm của thân sau, như ấn dấu in vào bùn, ấn dấu hủy hoại mà đường nét hiện bày. Lúc sanh thì các căn có đủ hoặc là không đủ, đủ thì thấy sắc mà sanh lòng tham, sanh lòng tham thì gọi là Ái. Điên cuồng cho nên sanh ra tham, đây gọi là vô minh. Bởi vì hai nhân duyên tham ái và Vô minh, mà cảnh giới đã thấy thảy đều điên đảo.”

Còn trong kinh Tu Hành Đạo Địa nói: “Hành vi của con người không thuần nhất, hoặc là thiện, hoặc là ác, sẽ đến trong loài người. Lúc cha mẹ giao hợp mà tinh khí không mất, con đến thọ sanh, thai mẹ thông suốt không có gì ngăn ngại, lòng dạ hoan hỷ mà không có tà niệm, thì làm cho mềm mại có thể nhận được con. Tinh khí không trong-không đục, thích hợp không quá mức, cũng không hỗn loạn cũng không đỏ đen, không bị gió lạnh hoặc các độc tố lẫn tạp, tách biệt với tiểu tiện, thì người đến thọ sanh, liền phát khởi tinh thần. Nếu là người nam thì không qua lại kết hợp với người nữa, năm dục thông suốt với nhau, người nam giữ ý niệm cung kính muốn hướng đến nơi người nữ. Lúc cha xuất tinh, thần thức ấy vui mừng cho rằng mình được chấp nhận. Lúc bấy giờ Trung ấm liền mất mà năm ấm tiến vào bào thai. Tinh cha huyết mẹ hòa hợp đã ở trong bào thai, vì vậy mà vui sướng gấp bội, đây là Sắc ấm. Lúc hoan hỷ cảm nhận, đó là Thọ ấm. Lúc nghĩ đến tinh huyết, đó là Tưởng ấm. Nhờ vào duyên tội phước vốn có mà được nhập thai, đó là Hành ấm. Thần thức ở trong thai, đó là Thức ấm. Hòa hợp như vậy, gọi là năm ấm. Nếu lúc vào trong thai thì có được hai căn là ý căn và thân căn. Ở trong thai đến bảy ngày mà không tăng giảm. Nhưng đến bảy ngày (tuần) thứ hai thì thai ấy có phần thay đổi, ví như váng sữa. Đến bảy ngày thứ ba thì tựa như sữa sống. Đến bảy ngày thứ tư thì tinh huyết đông lại như sữa chín. Đến bảy ngày thứ năm tinh huyết thọ thai đã biến đổi, giống như bơ sống. Đến bảy ngày thứ sáu biến đổi như u thịt. Đến bảy ngày thứ bảy chuyển sang giống như mẩu thịt. Đến bảy ngày thứ tám thì mẩu thịt ấy cứng như phôi đất. Đến bảy ngày thứ chín thì biến đổi thành năm mụn nước, là hai khuỷu tay-hai Đùi vế và đầu cổ, từ bên trong sinh ra. Đến bảy ngày thứ mười lại xuất hiện năm mụn nước, là hai cổ tay-hai cổ chân và cái đầu nổi lên. Đến bảy ngày thứ mười một tiếp tục sinh ra hai mươi bốn mụn nước, là mười ngón tay-mười ngón chân và mắt-tai-mũi-miệng, những mụn nước này từ bên trong sinh ra. Đến bảy ngày thứ mười hai thì tướng của các mụn nước chuyển đổi dần dần thành tựu. Đến bảy ngày thứ mười ba thì tướng của bịng hiện rõ. Đến bảy ngày thứ mười bốn thì sinh ra gan-phổi-tim và lá lách-thận.đến bảy ngày thứ mười lăm thì sinh ra ruột già. Đến bảy ngày

thứ mười sáu thì sinh ra ruột non. Đến bảy ngày thứ mười bảy thì có lá lách. Đến bảy ngày thứ mười tám thì sinh tạng và Thục tạng xuất hiện. Đến bảy ngày thứ mười chín thì sinh ra đùi vế và xương ống-bàn tay-bàn chân-gân đốt nối liền nhau. Đến bảy ngày thứ hai mươi thì sinh ra hình tướng của âm căn-rốn-vù-má-cổ. Đến bảy ngày thứ hai mươi mốt thì xương cốt thân thể phân chia rõ ràng, tùy theo sự thích hợp của từng bộ phận, hai xương ở đầu, ba mươi hai xương gắn vào miệng, bảy xương gắn vào cổ, hai xương gắn vào đùi, hai xương gắn vào khủy tay, bốn xương gắn vào cánh tay, mười hai xương gắn vào ngực, mười tám xương gắn vào lưng, hai xương gắng vào hông, bốn xương gắn vào đầu gối, bốn mươi xương gắn vào chân, lại có xương nhỏ bé, tổng cọng có một lẻ tám xương, hợp lại đầy đủ của thân thể, mười tám xương gắn vào hai bên sườn, hai xương gắn vào vai. Như vậy xương trong thân thể gồm có ba trăm cái mà kết lại nối với nhau, xương lúc ấy mềm mại như thân cây bầu mới mọc. Đến bảy ngày thứ hai mươi hai thì xương ấy hơi cứng lại, như dây bầu chưa trưởng thành. Đến bảy ngày thứ hai mươi ba thì xương ấy trở nên cứng, giống như hạt đào, ba trăm cái xương này đều nối liền với nhau, xương chân gắn vào chân, xương đầu gối gắn vào đầu gối, như vậy xương đùi-xương ống chân-xương hông-xương sống-xương ngực-xương sườn-xương vai-xương cổ-xương mà và các xương cánh tay-cổ tay-cổ chân..., đều tự chuyển đổi gắn liền với nhau. Như vậy xương tụ tập lại giống như huyễn hóa, tùy theo gió mà dẫn đất mọi cử động. Đến bảy ngày thứ hai mươi bốn thì sinh ra một trăm sợi gân gắn liền với thân thể. Đến bảy ngày thứ hai mươi lăm thì sinh ra bảy ngàn mạch, hãy còn chưa thành tựu đầy đủ. Đến bảy ngày thứ hai mươi sáu, các mạch đều thông suốt, thành tựu đầy đủ, như lỗ trống của cọng sen. Đến bảy ngày thứ hai mươi bảy, có ba trăm sáu mươi ba sợi gân đều thành tựu. Đến bảy ngày thứ hai mươi tám thì bắp thịt bắt đầu sinh ra. Đến bảy ngày thứ hai mươi chín thì bắgp thịt hơi dày lên. Đến bảy ngày thứ ba mươi mới có tướng trạng của da. Đến bảy ngày thứ ba mươi mốt thì da chuyển sang dày và cứng hơn. Đến bảy ngày thứ ba mươi hai thì làn da chuyển sang thành tựu. Đến bảy ngày thứ ba mươi ba thì tai-mũi-môi-ngón tay chân và các đốt đầu gối thành tựu. Đến bảy ngày thứ ba mươi bốn thì sinh ra chín mươi chín vạn lỗ chân lông-chân tóc, nhưng hãy còn chưa hoàn chỉnh. Đến bảy ngày thứ ba mươi lăm thì lỗ chân lông-chân tóc thành tựu đầy đủ. Đến bảy ngày thứ ba mươi sáu thì móng tay-móng chân bắt đầu hình thành. Đến bảy ngày thứ ba mươi bảy thì trong bụng người mẹ có bao nhiêu gió, đều bắt đầu thổi vào mở thông

mắt tai mũi miệng của thai nhi, hoặc có gió thổi vào nhuộm lấy lông tóc thai nhi, hoặc là đoan chánh, hoặc là xấu xí. Lại có gió thổi vào thành tựu nhan sắc cho thân hể, hoặc là trắng-đỏ-đen, có đẹp có xấu, đều do hành nghiệp vốn có. Ở trong bảy ngày này sinh ra gió lạnh-nóng, làm thông đại tiện và tiểu tiện. Đến bảy ngày thứ 38, ở trong bụng mẹ, tùy theo hành nghiệp vốn có của mình mà gió tự nhiên nổi lên; người vốn có hành nghiệp thiện, thì có gió thơm, thích hợp với thân tâm của thai nhi,, mềm mại không hề làm cho có tỳ vết, chỉnh lại xương cốt của thai nhi, khiến cho được đaon chánh, không có ai không kính mến; người vốn có hành nghiệp ác, thì gió hôi thối nổi lên, khiến cho thân không được yên lành, không thích hợp với tâm ý, thổi vào xương cốt của thai nhi, khiến cho cong vẹo méo mó, làm cho thân thể không được đoan chánh, cũng không có thể làm con trai, mọi người đều không thích. Đây là bảy ngày thứ ba mươi tám, thiếu bốn ngày là đầy chín tháng, thân thể xương cốt của thai nhi đã trở thành con người. Thân thể của thai nhi lại có hai phần, một phần từ người cha, một phần từ người mẹ. Những bộ phận trên thân như lông-tóc-má-mắt-lưỡi-họng-tim-gan-lá lách-thận-ruột-máu, vật mềm là từ người mẹ. Còn lại móng-răng-xương cốt-tủy não-gân mạch, vật cứng là từ người cha. Thai nhi nằm trong bụng mẹ, ở dưới Sanh tạng-ở trên Thục tạng. Nếu là con trai, thì lưng hướng ra ngoài mà mặt hướng vào trong, ở bên sườn trái của mẹ. Nếu là con gái, thì dựa vào lưng mẹ mà mặt hướng ra ngoài, ở bên sườn phải của mẹ. Ở trong chốn khổ đau hôi hám, sống trong cảnh dơ bẩn nhầy nhụa, tất cả xương cốt đều co lại chứ không duỗi ra được, trú trong đãy da của bụng mẹ, bị màng thịt quấn quanh, máu me bẩn thỉu vây đầy, bị bức bách trong chỗ chật hẹp, nhờ vào phẫn giãi ngập chìm dơ bẩn như vậy mà sống. Trải qua 9 tháng còn lại bốn ngày này, vốn có thiện hạnh thì ngày trước-ngày wau phát tâm nghĩ rằng: Mình ở vườn ngắm cảnh, cũng là ở trên cõi trời. Người có hành nghiệp xấu ác, thì nói là ở chốn địa ngục của thế gian, đến trong ba ngày thì ưu sầu không vui. Đến bốn ngày thì bụng mẹ nổi gió, hoặc lên trên-hoặc xuống dưới, xoay chuyển thân hình của thai nhi mà làm cho treo ngược, đầu hướng về cửa mình của mẹ (Sản môn).

Nếu người có phước, thì tâm nghĩ rằng: Mình sắp vào hồ tắm, chơi đùa trong làn nước, như rơi vào chỗ giường cao có hương hoa êm ái. Nếu người không có phước, thì tự phát khởi ý niệm rằng: Mình từ núi cao rơi xuống, lao vào trong hầm phân-hố rác-bãi bùn. Hoặc như trên màng lưới gai nhọn của địa ngục, trong gươm giáo giữa chốn đá sỏi hoang vu,

lòng dạ ưu sầu không vui chút nào. Quả báo của thiện-ác không giống nhau như vậy. Hài nhi ấy sanh ra, đã ra ngoài bụng mẹ, gió bên ngoài thổi đến, tay người nữ chạm vào, nước ấm tắm thân mình, bức bách vô cùng đau khổ, giống như bệnh hoạn hiểm nghèo. Vì những nỗi khổ não sợ hãi này, cuối cùng tâm tư nghu si mê hoặc, cho nên mông muội rối loạn, không biết đi về đâu. Sanh ra ở nơi hôi hám xấu xa, máu me đầm đìa, ma quỷ đến nhiễu loạn, đã mắc phải bệnh hủi kỳ quái, tiếp xúc với xác chết, ngoại đạo tà ma độc hại, tất cả đều rình rập mà xâm phạm; như mẩu thịt rơi ở ngã tư đường, diều quạ chồn sói đều đến tranh giành, các loại tà ma quỷ quái muốn có được hài nhi, liền vây quanh bốn phía cũng lại như vậy. Nếu vốn có phước đức hành thiện, thì tà ma có được dịp thuận tiện để quấy nhiễu. Hài nhi đã lớn lên nhờ vào sự chăm sóc nuôi giữ thân thể, thích hợp với khí chất hoàn tiàn tự nhiên.

Thân thể ấy đã sinh ra 80 loại trùng: Hai loại ở chân tóc, một tên là Thiệt Thị, hai tên là Trùng Thị. Ba loại ở đầu, tên gọi là Kiên Cố-Thương Tổn-Hủy Hại. Một loại ở não, hai loại ở mặt người của não, một tên là Triết Thù, hai tên là Hao Nhiễu, ba tên là Hối Loạn. Hai loại ở trán, một tên là Ti Hạ, hai tên là Hủ Hủ. Hai loại ở mắt, một tên là Thị, hai tên là Trùng Thị. Hai loại ở tai, một tên là Thức Vị, hai tên là Hiện vị. Hai loại ở lỗ tai, một tên là Xích, hai tên là Phục Xích. Hai loại ở mũi, một tên là Phì, hai tên là Phục Phì. Hai loại ở miệng, một tên là Dao, hai tên là Động Dao. Hai loại ở trong răng, một tên là Ác Tệ, hai tên là Hung Bạo. Ba loại ở chân răng, tên gọi là Suyễn Tức-Hưu Chỉ-Tốt Diệt. Một loại ở lưỡi, tên gọi là Cam Mỹ. Một loại ở cuống lưỡi, tên gọi là Nhu Nhuyến. Một loài ở vòm họng, tên gọi là Vãng Lai. Một loại ở họng, tên gọi là Thấu Hầu. Hai loại ở con ngươ, một tên là Sanh, hai tên là Bất Thục. Hai loại ở vai, một tên là Thùy, hai tên là Phục Thùy. Một loại ở cánh tay, tên gọi là trú Lập. Một loại ở tay, tên gọi là Chu Hoàn. Hai loại ở ngực, một tên là Ngạch Khanh, hai tên là Khoáng Phổ. Một loại ở tim, tên gọi là Ban Bác. Một loại ở vú, tên gọi là Chủng hậu. Một loại ở rốn, tên gọi là Tạp Nhiễu. Hai loại ở sườn, một tên là Nguyệt, hai tên là Nguyệt Diện. Hai loại ở lưng, một tên là Nguyệt Hành, hai tên là Nguyệt Mạo. Một loại ở xương lưng, tên gọi là An Phong. Một loại ở trong da, tên gọi là Hổ Trảo. Hai loại ở thịt, một tên là Tiêu Phu, hai tên là Thiêu Phủ. bốn loại ở xương, một tên là Thậm Độc, hai tên là tập Độc, ba tên là Tế Cốt, bốn tên là tạp Độc. Năm loại ở tủy, một tên là Sát Hại, hai tên là Vô Sát, ba tên là Phá Hoại, bốn tên là tạp Hài, năm tên là Bạch Cốt. Hai loại ở ruột, một tên là Khương

Lang, hai tên là Khương Lang Chủy. Hai loại ở ruột mềm, một tên là Nhi Tử, hai tên là Phục Tử. Một loại ở gan, tên gọi là Ngân Sài. Một loại ở Sanh tạng, tên gọi là Kĩ Mục. Một loại ở Thục tạng, tên gọi là Thái Tức. Một loại ở cốc đạo, tên gọi là trùng Thân. Ba loại ở trong phân, một tên là Cân, hai tên là Mục Kết, ba tên là Mục Biên Phát. Hai loại ở mông, một tên là Lưu Hạ, hai tên là Trùng Lưu. Năm loại ở nước tiểu, một tên là Tông tánh, hai tên là Ac Tộc, ba tên là Ngọa Ngụ, bốn tên là Nhi Ngụ, năm tên là Hộ Trấp. Một loại ở đùi vế, ên gọi là Qua Chi. Một loại ở đầu gối, tên gọi là Hiệu Thương. Một loại ở giữa bàn chân, tên gọi là Thực Bì. Đây là tám mươi loại trùng, cư trú trong toàn thân ngày đêm ăn mòn cơ thể.

Trong thân con người, vì gió phát khởi bệnh, có một trăm lẻ một loại bệnh. Nóng-lạnh cùng hợp lại đều có một trăm lẻ một loại, tất cả hợp lại gồm có bốn trăm lẻ bốn chứng bệnh, ở trong thân con người. Như củi sinh ra lửa trở lại tự đốt cháy mình. Bệnh cũng như vậy, như vậy nhờ vào thân phát triển trở lại nguy hại đến con người, như trùng trong thân nhiễu động không yên lành. Ba mươi sáu vật, tạm gọi là con người. Vì hạng phàm phu ngu bị che lấp bởi mê hoặc giả dối, vọng dấy lên ý niệm yêu quý cùng gần gũi đắm theo nhau. Người trí nhìn thấy hư giả, lẽ nào đáng gần gũi hay sao? Ví như đồ dùng bằng gốm, rốt cuộc có ngày bị vỡ tan, thân này không thật mà có lúc sẽ diệt đi, sang hèn cùng mê muội cho đến chết cũng không biết. Ví như bốn cổng của khu thành lớn, xảy ra hỏa hoạn lần lượt bị đốt cháy, cho đến cửa Đông đều biến thành tro bụi. Sanh-lão-bệnh-tử cũng lại như vậy, nào khác gì đâu!"

Còn trong luận Du Già nói: "Lại ở trong thai trải qua bảy ngày thứ ba mươi tám, tất cả mọi bộ phận của thai tạng này đều đã đầy đủ. Từ đây về sau lại trải qua bốn ngày mới được sinh ra. Đây là nói về người đầy đủ ngày tháng, có người trái qua chín tháng, có người còn vượt quá thời gian này. Nếu chỉ trải qua tám tháng, thì đây gọi là viên mãn. Nếu trải qua bảy tháng-sáu tháng, thì không gọi là viên mãn. Hoặc có lúc còn giảm nhiều hơn. Vì vậy trong kinh Pháp Hoa có kệ rằng:

Thọ thai với hình hài bé nhỏ,
Đời đời kiếp kiếp thường tăng thêm,
Người phước nhỏ nhoi-đức mỏng manh,
Bị bức bách vì những khổ đau."

Trong kinh Tam Muội nói: "Nói về trong thân, phạm vi của lửa dần dần tăng lên thì phạm vi của nước dần dần ít lại. Vì vậy A La La đặc lại và dần dần cứng chắc, cho đến trở thành cục thịt. Bởi vì chúng

sanh này phước mỏng manh ít ỏi, cho nên từ nhỏ đến lớn, đều nhận chịu khổ báo của mình."

Còn kinh Thiền Bí Yếu nói: "Thân con người có ba phần, rốn là vùng đồng rộng bao la, đầu là chốn cung điện nhà cửa, trán là cánh cửa của trời đất."

Còn kinh Xứ Thai nói: "Lúc con người thọ thai, bảy ngày thứ nhất có bốn Đại chủng, bảy ngày thứ hai lần lượt có gió thổi hướng về bên sườn, cho đến bảy ngày thứ ba mươi tám thì gió thổi hoa rơi, khiến cho quay đầu hướng về cửa mình của mẹ (Sản môn)."

Còn kinh Thí Dụ nói: "Gió lay động nước, nước vỗ vào đất, đất chạm với lửa, mạnh thì thành nam, yếu thì thành nữ. Gió và lửa tiếp xúc với nhau làm thành nam, đất và nước tiếp xúc với nhau làm thành nữ."

Còn luận Giải Thoát Đạo nói: "Phạm vi địa chủng của thân người, đập vụn thành bụi, có số lượng lá một Hộc hai Thăng."

Còn kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Trong toàn thân của con người, xương có ba trăm hai mươi chiếc, lỗ chân lông có chín vạn chín ngàn lỗ, gân và mạch đều có năm trăm sợi, trùng trong thân có tám mươi loại".

Còn kinh Ngũ đạo Thọ Sanh nói: "Hài nhi sinh ra đến ba tuổi, uống tất cả một trăm tám mươi Hộc sữa, trừ ra phần máu nuôi sống trọng thai. Người cõi Đông Phất Vu Đãi uống một ngàn tám Hộc sữa. Người cõi Tây Cù Da Ni uống mười ngàn tám trăm Hộc sữa. Người cõi Bắc Uất Đơn Việt trong bảy ngày thì thân thành tựu, ngày mới sanh ra đem đặt ở đầu ngã tư đường đi, người đi đường đưa ngón tay cho bú, tất cả đều không uống sữa."

(Thăng-Hộc này là Thăng-Hộc nhỏ của ngày xưa, ba thăng tương đương một Thăng ngày nay. Người xưa thân hình to lớn, không giống như người đời nay bé nhỏ, sợ mọi người sinh thắc mắc nhiều, cho nên chú giải riêng ra).

Phần thứ bảy: **HẬU BÁO**

Như luận Bà Sa nói: "Có một người làm nghề giết mổ, bảy đời đến nay thường làm nghề giết mổ nhưng không rơi vào ba đường khổ, mà sanh qua sanh lại trong đường trời-người. Đây là nhờ bảy đời trước đây đã từng cúng dường vị Bích-chi-Phật một bữa ăn, cảm được phước lực cho nên bảy đời nay không rơi vào đường ác. Nhưng nghiệp báo tội lỗi giết mổ của người này đã làm trong bảy đời đến nay, qua bảy đời rồi lần lượt mà nhận chịu, không có cách gì thoát được. Thiện-ác đều như vậy."

Còn luận Trí Độ nói: “Xá-lợi-phất tuy là rất thông minh, nhưng không phải là bậc Nhất thiết trí, ví như trẻ thơ ở trong trí của Phật. Như trong kinh A Bà Đàn Na nói: “Đức Phật an trú tạu Kỳ Hoàn, lúc xế chiều đi kinh hành, Xá-lợi-phất đi kinh hành theo Đức Phật. Lúc ấy con chim Ưng đuổi bắt con chim Bồ câu, chim Bồ câu bay đến đậu bên cạnh Đức Phật, Đức Phật đi kinh hành qua chỗ ấy, bóng Ngài che trên chim Bồ câu, Bồ câu được yên ổn, nỗi sợ hãi liền trừ hết, không còn kêu rối rít. Bóng của Xá-lợi-phất tiếp đến theo sau, Bồ câu liền kêu rối rít run rẫy sợ hãi như ban đầu. Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật: Thân Đức Phật và thân con đều không có ba độc, vì nhân duyên gì mà bóng Đức Phật che trên Bồ câu thì Bồ câu không còn kêu rối rít cũng không sợ hãi, bóng của con che trên Bồ câu thì Bồ câu kêu rối rít run rẫy sợ hãi như cũ? Đức Phật dạy: Tập khí ba độc của ông chưa hết, vì vậy cho nên lúc bóng của ông che lên thì bồ câu sợ hãi không yên lành.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông quán sát con Bồ câu này, nhân duyên đời trước đã mấy đời làm chim Bồ câu! Xá-lợi-phất lập tức nhập Tam muội Túc mạng trí, quán sát thấy được Bồ câu này, từ trong lòai Bồ câu đến nay, cho đến tám vạn Đại kiếp thường làm thân chim Bồ câu, quá thời gian này về trước thì không thể nào thấy được. Xá-lợi-phất từ Tam muội đứng lên, thưa với Đức Phật: Bồ câu này trong tám vạn Đại kiếp thường làm thân chim Bồ câu, vượt qua số này về trước thì con không thể nào biết được. Đức Phật dạy: Nếu ông không có thể biết hết đời quá khứ, thì thử quán sát đời vị lai, Bồ câu này đến lúc nào được thoát? Xá-lợi-phất liền nhập Tam muội quán sát thấy được, cho đến tám vạn Đại kiếp cũng chưa thoát khỏi thân chim Bồ câu, vượt qua số này trở đi thì không còn có thể biết được, không biết Bồ câu này đến lúc nào sẽ được thoát. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Bồ câu này ngoài giới hạn thấy biết của cáo Thanh văn-Bích chi Phật, còn ở trong hằng hà sa số Đại kiếp thường làm thân chim Bồ câu, tội hết mới được thoát ra, luân chuyển trong năm đường, sau cùng được làm người, trải qua trong năm trăm đời mới có được căn cơ nhanh nhạy, lúc ấy có vị Phật hóa độ vô lượng a tăng kỳ chúng sanh, sau đó nhập Vô dư Niết bàn, để lại giáo pháp cho thế gian, người này thọ năm giới làm Ưu bà tắc, theo Tỳ kheo nghe ca ngợi công đức của Phật, ngay sau đó mới phát tâm mong muốn làm Phật, sau đó thực hành sáu Bà la môn trải qua ba A tăng kỳ kiếp, đầy đủ Thập địa mà được làm Phật, hóa độ vô lượng chúng sanh xong mà nhập Niết bàn.

Lúc ấy Xá-lợi-phất hướng về Đức Phật sám hối, thưa với Đức

Phật rằng: Đối với một con chim mà con hãy còn không có thể biết được đầu đuôi của nó, huống gì đối với các kiết sử, con biết Đức Phật là bậc trí tuệ như vậy, bởi vì trí tuệ của Đức Phật, cho nên thà đi vào địa ngục A tỳ nhận chịu khổ đau trong vô lượng kiếp, cũng không có gì là khó."

***Phần thứ tám:* ĐỊNH BÁO**

Như kinh Phật thuyết Nghĩa Túc nói: "Đức Phật bảo với Phạm Chí rằng: Cuộc đời có năm sự việc, không ai có thể tránh được, cũng không có ai thoát khỏi. Những gì là năm sự việc? Đó là: 1- Pháp đang hao sụt dần; 2- Pháp đang mất đi dần; 3- Pháp đang bệnh gầy đi; 4- Pháp đang già yếu dần; 5- Pháp đang chết đi. Đối với năm pháp này muốn làm cho không hao tổn giảm sút, là điều không thể nào có được."

Còn trong kinh Phật Thuyết Tứ Bất Khả Đắc nói: "Phật cùng Tỳ kheo và các Bồ-tát, sáng sớm ôm bình bát, đi vào thành Xá vệ khất thực, bốn chúng đệ tử đều đi theo, chư Thiên-Long thần đều ôm hoa hương và các nhạc cụ, đi theo ở trên hư không. Lúc ấy Đức Phật dùng Đạo nhãn nhìn thấy, bốn người anh em cùng một nhà, rời bỏ gia đình sự nghiệp, ở thanh thản trong chốn núi rừng, đạt được năm loại thần thông, đều gọi là người Tiên. Đến lúc đối diện với túc nghiệp, tự biết thọ mạng không còn, đều muốn tránh khõi cái chết, tất cả cùng nghĩ ngợi bàn bạc: Chúng ta có thần thông bay vút lên cao tùy ý mình muốn, muốn đến nơi nào thì đến chư không có gì ngăn ngại, nay lại đang bọ sợ vô thường làm cho nguy hại phải mất đi thân mạng, trước mắt làm cách nào để tránh được tai họa này, không thể để điều ấy xảy ra? Nguy sau đó một người thì nhảy lên ở giữa hư không, mà tự giấu mình, vô thường có đến cũng đâu biết chỗ ở của mình. Một người thì vào chốn đông người qua lại trong chợ búa, tránh mạng ở trong chỗ rộng lớn vô lượng, vô thường có đến tìm cho được một người, đâu cần phải tìm đến mình. Một người thì lui vào trong biển rộng, cách xa 336 vạn dặm, dưới không đến đáy, trên không đến mặt nước, ở trong chỗ ấy, vô thường có đến cũng đâu tìm được. Một người thì tính rằng, trộm đến nơi không có người qua lại lại trong núi lớn, tách núi ra làm hai, đi vào trong rồi khép lại, vô thường có đến cũng đâu biết mình nơi nào? Lúc ấy cả bốn người đều đến nơi tránh mạng của mình, nhưng cuối cùng không thoát được. Người trốn vào không trung, thì tự mình rơi xuống đất, giống như trái chín rơi rụng. Người trốn vào trong núi, lúc vô thường đến thì bị cầm thú ăn thịt mà chết. Người trốn vào trong biển rộng, thì lúc mất mạng, bị rùa cá ăn thịt. Người trốn vào trong chợ, giữa chốn đông người mà tự nhiên

chết mất. Lúc ấy Đức Thế Tôn nhìn thấy như vậy, nói là bốn người này ngu muội không hiểu gì, sắp xả nghiệp chướng vốn có mà ba độc không trừ, không đạt đến trí tuệ cao nhất của ba minh, từ xưa đến nay có ai thoát được tai họa này đâu! Đức Phật liền nói tụng:

Tuy muốn trốn vào giữa hư không,
Khéo léo trốn vào giữa biển rộng,
Giả sử đi vào trong núi sâu,
Mà mong tự giấu kín thân hình,
Mong cầu có được nơi không chết,
Chắc chắn không hề có điều này,
Vì vậy phải tinh tiến tu học,
Không có thân chính là yên ổn.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Cuộc đời có bốn điều không thể nào có được. Như thế nào là 4 điều? Đó là:

Thứ nhất: Tuổi trẻ thì nhan sắc rạng rỡ, tóc đen răng trắng, hình dáng dung mạo sáng sủa mịn màng, sức lực tràn trề khỏe mạnh, đi đứng sinh hoạt nhanh nhẹn, ra vào tự nhiên tùy ý, lái xe cưỡi ngựa ung dung, mọi người ngước nhìn tôn trọng, không có ai không kính mến. Một khi tuổi già đã đến, đầu bạc răng rụng, mặt nhăn sa chùng, thân thể nặng nề phải nhờ gậy chống, sức lực giảm nhiều đau nhức rên rĩ. Muốn làm cho trẻ mãi không đến tuổi già yếu, là điều không thể nào có được.

Thứ hai: Thân thể cường tráng, khí chất thật sự mạnh mẽ, đi lại nhanh nhẹn tuyệt vời. Ăn uống tùy ý, trang sức đẹp đẽ bậc nhất, cho là không gì sánh kịp. Giương nỏ kéo tên, cầm giáo vung gươm, gặp điều nguy hại, không nhận rõ thẳng cong, buột miệng quát tháo mắng nhiếc, cho là khí phách mạnh mẽ, nằm liệt trên giường, không thể nào cử động, thân đau như bị đánh, tai mắt mũi miệng không còn nghe được tiếng, không thấy cảnh sắc, không ngửi mùi thơm, không nếm vị ngon, mọi thứ rời xa tầm tay. Ngồi xuống đứng lên cần phải nhờ người, những thứ dơ dáy tự nhiên thải ra, thân mình nằm trên chỗ ấy. Những hoạn nạn như vậy khó ví dụ được, giả sử mong muốn tránh khỏi, thường được an lành không có bệnh tật, thì điều này không thể nào có được.

Thứ ba, muốn cầu sống lâu, tồn tại giữa cuộc đời mãi mãi, có thể tránh được tai họa của bệnh tật-chết chóc. Mạng sống đã rất ngắn, lòng đầy nỗi buồn muôn thưở. Tuổi thọ ít mà ưu sầu nhiều, không quán xét vô thường, buông thả theo năm dục, tâm ý luôn phóng túng, sát sinh-trộm cắp-dâm loạn, nói hai lưỡi-nói thô ác, nói dối-nói thêu dệt, tham lam ganh ghét-tà kiến, không hiếu thảo với cha mẹ, không thuận với

thầy bạn, khinh khi thầy của mình, phản nghịch vô đạo, mong cầu giáu có dồi dào, cho là có thể tồn tại mãi mãi. Gièm pha bài báng Thánh đạo, bởi vì tà kiến có một không hai; than trời mà đi một mình, ưa thích hoa giả tạo của đời, không biết trời đất trong ngoài do đâu; không biết nhân duyên hợp thành của bốn đại, giống như huyễn ư. Không biết cuộc đời hưng suy từ xưa đến nay, không tiếp nhận sự dẫn đất, không biết từ đâu sinh ra-chết đi về đâu, tâm còn giữa trời đất cho rằng là mình tồn tại. Vô thường bỗng nhiên xuất hiện, như gió thổi mây tan, ý niệm mong mỏi sống mãi, mạng mình bỗng nhiên kết thúc, không thể nào tự tại được. Muốn làm cho không gặp phải như vậy, là điều không thể nào có được.

Thứ tư, cha mẹ anh em, vợ chồng thân thích, bạn bè quen biết, âm ái vinh hoa, tài vật giàu sang, bổng lộc quan quyền, rong xe ruổi ngựa dạo chơi ngắm cảnh, vợ con nối dõi đời sau, tất cả đầy đủ lấy làm thỏa mãn. Vì vậy tự mình kiêu ngạo phóng túng, ăn uống tùy theo ý thích, tôi tớ-khách bạn qua lại, đi nhanh nhìn xem vè đẹp, ngắm bóng mà bước qua, khinh miệt mọi người, nghĩ mình là tuyệt vời. Mắng nhiếc khách bạn tầm thường, xem như súc sanh cầm thú, ra vào tùy tiện bừa bãi, không còn có gì giới hạn, không quán sát trước sau, nói rằng quyến thuộc của mình, mọi người tùy ý sai khiến, như ý có thể còn mãi. Nghiệp chướng vốn có bất ngờ xuất hiện, như nước nóng làm tan băng tuyết, tâm mới nơm nớp lo sợ, thỉnh cầu cứu giúp tai họa, làm sao được như ý nguyện? Hơi thở ngừng lại, mạng sống chấm dứt, hồn phách thần thức ra đi một mình, cha mẹ anh em, vợ chồng con cái, thân thích họ hàng, bạn bè quen biết, quyến thuộc ấn ái, đều bỏ lại một mình đơn độc. Tài vật-quan quyền, khách bạn-tôi tớ, tất cả đều tản ra, lướt qua như sao băng. Mong cầu không chết, là điều không thể nào có được.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Từ xưa đến nay, trời đất bắt đầu thành lập cho đến bây giờ, không có ai tránh được tai họa của 4 nỗi khổ này. Vì 4 nỗi khổ này mà chư Phật xuất hiện giữa thế gian."

Phần thứ chín: BẤT ĐỊNH

Như luận Thập trú Tỳ Bà Sa nói: "Người khéo léo biết rõ pháp bất định, là các pháp chưa sinh ra, thì chưa có thể phân biệt. Như trong kinh Phật Phân Biệt nghiệp nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Có người thân thực hành nghiệp thiện, miệng thực hành nghiệp thiện, ý thực hành nghiệp thiện, nhưng người này mạng chung lại rơi vào địa ngục. Có người thân làm nghiệp ác, miệng làm nghiệp ác, ý làm nghiệp ác,

nhưng người này mạng chung lại sanh lên cõi trời. A-nan thưa với Đức Phật: Vì sao như vậy? Đức Phật dạy: Nhân duyên tội-phước đời trước của người này đã thành tựu, mà nhân duyên tội-phước của đời này chưa thành tựu; hoặc là lúc sắp mạng chung, khởi tâm thiện-ác, chánh kiến hay tà kiến". Tâm lúc sắp mạng chung vốn có sức mạnh vô cùng."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với cá Tỳ kheo: Nay có bốn người xuất hiện ở thế gian. Thế nào là bốn người? Đó là: Hoặc có người thì trước khổ mà sau vui, hoặc có người thì trước vui mà sau khổ, hoặc có người thì trước khổ mà sau cũng khổ, hoặc có người thì trước vui mà sau cũng vui.

Thế nào là có người trước khổ mà sau vui? Nghĩa là có một người sanh trong nhà hèn hạ nghèo khó, cơm áo không có đủ, nhưng không có tà kiến, mà biết quả báo của phước đức bố thí ngày xưa cảm được gia đình giàu sang, không làm phước đức bố thí luôn luôn gặp phải quả báo nghèo hèn không có đủ cơn áo, liền thường xuyên sám hối sửa chữa những việc trước kia, tất cả đồ vật còn lại đều phân cho người khác, nếu sinh trong loài người thì có nhiều tài sản-nhiều châu báu, không có gì thiếu thôn. Đây gọi là người trước khổ sau vui.

Thế nào là người trước vui mà sau khổ? Nghĩa là hoặc có người sinh trong nhà giàu có-dòng dõi cao quý, cơn áo đầy đủ, nhưng người ấy luôn luôn ôm lòng tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến, sau sanh trong địa ngục. Nếu được làm người thì sanh trong nhà nghèo khó, không có đủ cơm áo. Đây gọi là người trước vui sau khổ.

Thế nào là người trước khổ mà sau cũng khổ? Nghĩa là hoặc có người sinh trong nhà nghèo, cơm áo không đầy đủ, nhưng ôm lòng tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến, sau sanh trong địa ngục. Nếu sanh trong loài người thì thật là nghèo hèn, cơm áo không đủ sống. Đây gọi là người trước khổ mà sau cũng khổ.

Thế nào là người trước vui mà sau cũng vui? Nghĩa là hoặc có người đời trước sanh trong nhà giàu sang, nhiều tài sản và nhiều châu báu, kính trọng Tam Bảo, luôn luôn thực hành bố thí; sau sanh trong đường trời-người, luôn luôn nhận được quả báo giàu sang, nhiều tài sản và nhiều châu báu. Đây gọi là người trước vui mà sau cũng vui.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Hoặc có chúng sanh trước khổ sau vui, hoặc có chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có chúng sanh trước khổ-sau cũng khổ, hoặc có chúng sanh trước vui-sau cũng vui. Nếu người thọ một trăm tuổi, đích thực có thể một trăm năm như vậy không khác; hoặc trong một trăm năm làm các công đức, hoặc trong

một trăm năm làm các nghiệp ác. Người ấy vào thời gian khác nhau, hoặc màu Đông được vui vẻ mà mùa Hạ chịu khổ sở. Hoặc ít khi làm phước thiện mà luôn luôn gây tội lỗi, thì vào đời sau ít khi nhận được phước đức mà luôn luôn nhận chịu tội lỗi. Nếu như ít khi gây tội lỗi mà luôn luôn làm phước thiện, thì vào đời sau ít khi nhận chịu tội lỗi mà luôn luôn nhận được phước đức. Hoặc luôn luôn gây tội lỗi và còn mãi mãi gây tội lỗi, thì người ấy vào đời sau, trước nhận chịu đau khổ mà sau cũng nhận chịu đau khổ. Nếu như luôn luôn làm phước thiện mà lại mãi mãi làm phước thiện, thì người ấy vào đời sau, trước nhận được vui vẻ mà sau cũng nhận được vui vẻ.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Có bốn người xuất hiện ở thế gian. Thế nào là bốn người? Đó là: Hoặc có người thân vui mà tâm không vui, hoặc có người tâm vui mà thân không vui, hoặc có người thân và tâm cùng vui, hoặc có người thân và tâm đều không vui.

Thế nào là người thân vui mà tâm không vui? Đó là người phàm phu làm phước, đối với bốn sự cúng dường như áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang, tất cả không có gì thiếu thốn, nhưng không tránh khỏi khổ đau của ba đường ác. Đây gọi là thân vui mà tâm không vui.

Thế nào là người tâm vui mà thân không vui? Đó lá A-la-hán không làm công đức, ở trong 4 sự cúng dường không có thể tự mình lo liệu, nhưng tránh được nỗi khổ của ba đường ác. Đây gọi là tâm vui mà thân không vui.

Thế nào là người thân và tâm đều không vui? Đó là người phàm phu không làm công đức, không có được 4 sự cúng dường, lại không tránh khỏi nỗi khổ của ba đường ác. Đây gọi là thân và tâm đều không vui.

Thế nào là người thân và tâm cùng vui? Đó là A-la-hán làm công đức, 4 sự cúng dường không có gì thiếu thốn, còn tránh khỏi nỗi khổ của ba đường ác. Đây gọi là thân và tâm cùng vui".

Phần thứ mười: THIỆN BÁO

Như luận về kinh Di Lặc Bồ-tát Sở vấn nói: "Hỏi: Thế nào là quả báo của bố thí? Đáp: Nói sơ lược về bố thí, chỉ có một loại quả, đó gọi là quả thọ dụng. quả thọ dụng lại có hai loại quả, đó gọi là quả thọ nhận của hiện tại và quả thọ nhận của vị lai. Lại có ba loại quả, tức là hai loại này thêm vào Bát nhã. Lại có bốn loại quả, những gì là bốn loại? Đó là: 1- Có quả mà không có dụng; 2- Có dụng mà không có quả; 3- Có quả và cũng có dụng; 4- Không có quả cũng không có dụng.

1- Có quả mà không có dụng, nghĩa là bố thí không chí tâm, không tự tay mình bố thí, bố thí với tâm khinh mạn. Bố thí như vậy, tuy cảm được vô lượng các loại quả báo, mà không thể nào thọ dụng được. Như Thiên chủ Xá vệ, tuy có được vô lượng các loại châu báu nhưng không thể nào thọ dụng được.

2- Có dụng mà không có quả, nghĩa là tự mình không bố thí, thấy người khác thực hành bố thí mà sinh tâm tùy hỷ. Bởi vì nghĩa này, cho nên tuy cảm được thọ dụng mà tự mình không có quả. Như vật của Thiên Tử thì tất cả Sa môn-Bà la môn.., tuy có được cơm áo cung cấp để thọ dụng, mà tự mình không có quả. Lại như Chuyển luân Thánh vương có bốn loại quân binh quý báu, tuy có được cơm áo mà không cảm được quả.

3- Có quả và cũng có dụng, nghĩa là bố thí với tâm chân thành, bố thí với tâm không khinh mạn, như các Trưởng giả là Thọ Đề Già... hành hạnh bố thí.

4- Không có quả cũng không có dụng, nghĩa là bố thí rồi từ đó liền chấm dứt, hoặc làm chướng ngại cho Thánh đạo xuất thế, giống như Thánh nhân xa lìa phiền não.

Lại có năm loại quả, nghĩa là cảm được Mạng-Sắc-Lực-Biện..., nhờ vào bố thí Mạng mà được mạng sống, cho nên bố thí thức ăn thì cảm được bố thí mạng sống. Vì nhân duyên này, đời sau cảm được mạng sống lâu. Như vậy bố thí Sắc-bố thí Lực-bố thí Lạc-bố thí Biện tài..., cũng đều như vậy.

Lại có năm loại quả thù thắng, đó gọi là cung dưỡng đối với cha mẹ-người bệnh-pháp sư-Bồ-tát thì cảm được quả báo thù thắng. Thân mạng sinh ra và lớn lên nhờ ân cha mẹ nươi dưỡng, vì vậy cho nên cung dưỡng cha mẹ thì cảm được quả báo thù thắng. Vả lại, người bệnh hoạn thì cọ độc đáng thương, bởi vì nghĩa này cho nên khởi tâm Từ Bi, bố thí cho người bệnh hoạn thì cảm được quả báo thù thắng. Còn người thuyết pháp, có thể phát sinh Pháp thân, tăng trưởng Pháp thân, mãi mãi dẫn dắt khiến cho nhận biết rõ ràng hiện-ác, ngay thẳng-không ngay thẳng, điên đảo-không điên đảo, vì vậy cho nên cúng dường Pháp sư thì cảm được quả báo thù thắng. Vả lại, các vị Bồ-tát đều có năng lực nhiếp thủ lợi ích cho chúng sanh, khởi tâm Từ Bi làm nhân tố nhiếp thủ Tam bảo không khiến cho đoạn tuyệt. Bởi vì nghĩa này, cho nên cúng dường Bồ-tát thì cảm được quả báo thù thắng”.

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Nay Ta sẽ nói về bốn loại phước của Phạm Thiên Vương.

Thế nào là bốn loại? Đó là: 1- Nếu người thiện nam-người thiện nữ nào có tín tâm, nơi chưa từng xây dựng Thâu Bà (tháp), ở trong chỗ ấy có thể xây dựng; 2- Tu bổ sửa sang chùa cũ; 3- Thánh chúng hòa hợp; 4- Lúc Nhã Đa tát A Kiệt lần đầu chuyển pháp luân, chư Thiên và người thế gian khuyến thỉnh chuyển pháp luân. Đây gọi là bốn loại thọ nhận phước của Phạm Thiên Vương. Tỳ kheo thưa với Đức Thế Tôn: Phước của Phạm Thiên Vương cuối cùng là bao nhiêu? Đức Thế Tôn bảo rằng: Cõi Diêm Phù Đề, chúng sanh trong đó vốn có công đức, đích thực bằng công đức của một Luân Vương; công đức của người cõi Diêm Phù Đề và một Luân Vương, bằng với công đức của một người cõi Cù Da Ni; phước của hai cõi Diêm Phù Đề và Cù Da Ni ấy, vốn không bằng phước của một người cõi Phất Vu Đãi kia; phước của người ba cõi ấy, không bằng phước của một người cõi Uất Đơn Việt; phước của người trong Tứ thiên hạ ấy, không bằng phước của Tứ Thiên Vương; cho đến phước của người trong Tứ thiên hạ cùng với phước của 6 cõi trời Dục, không bằng phước của một Phạm Thiên Vương. Nếu có người thiện nam-người thiện nữ nào cầu mong phước ấy, thì đây là mức lượng của phước này."

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Nếu có thể thọ trì bảy pháp, thì được sanh đến nơi Đế Thích. Ngài liền thuyết kệ rằng:

Cung dưỡng hiếu thuận với cha mẹ,
Và các bậc Tôn trưởng thân thuộc,
Lời nhu hòa cung kính kiêm nhường,
Xa rời lời thô ác-hai lưỡi,
Điều phục tâm keo kiệt bủn xỉn,
Thường tu tập nói lời chân thật,
Người nào thực hành bảy pháp này,
Được sanh cõi trời Tam Thập Tam,
Tất cả đều phát lời như vậy:
Tương lai sanh đến cõi trời này!"
Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng có kệ nói:
"Phước nghiệp giống như quả chín muồi,
Không nhờ cúng tế thần mà được,
Người đi bằng chiếc xe trì giới,
Đời sau sanh đến trên cõi trời,
Biết chắc chắn như ngọn đèn tắt,
Nhất định đến được cõi Vô vi,

Tất cả nhờ vào hành mà được,
Cầu khẩn Thiên thần nào được gì?”

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 70

Thiên thứ 79: **THỌ BÁO** (Tiếp theo)

***Phần thứ mười một:* ÁC BÁO**

Rằng có hình thì bóng hiện bày, có tiếng thì âm vang thuận theo. Không bao giờ thấy có hình tồn tại mà bóng mất, tiếng nối tiếp mà âm vang trái ngược. Tướng báo ứng của thiện ác đâu ra đấy vô cùng chính xác, mong rằng tin tưởng sâu sắc chứ đừng ngờ vực mà trách móc! Khổ báo nặng nhẹ đều y theo soạn thuật lại, như thân tạo nghiệp sát sanh, hoặc cắt lột chặt xẻ ram nướng các loài dưới nước; săn bắn các loài chúng sanh bay giữa trời – chạy trên đất, thì rơi vào trong địa ngục dao cắt rìu chặt; nấu luộc ram nướng các loài chúng sanh, thì rơi vào trong địa ngục vạc sôi lò than. Bởi vì nghiệp sát sanh này, vào trong địa ngục trải qua vô lượng đời kiếp nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau cùng cực. Nhận chịu khổ đau đã hết, tiếp tục rơi vào súc sanh, làm các loài trâu ngựa heo dê la lừa gà chó cá chim ong bướm sâu bọ bị người giết hại. Loài nghêu sò ốc hến không thể nào sống lâu, trở lại dùng thân thịt để cung cấp làm thức ăn cho loài khác. Ở trong loài cầm thú vô lượng sanh tử này, nếu như không có chút thiện nghiệp nào thì vĩnh viễn không có hạn kỳ thoát khỏi. Nếu như có chút phước nhỏ nhoi được làm thân người, hoặc rơi rụng từ trong bào thai, sanh ra liền mất đi, hoặc mười, hai mươi tuổi, mà không có hiểu biết gì, từ ngu dần đi vào ngu đần, làm cho người ta thương hại vô cùng. Nên biết rằng mạng sống ngắn ngủi đều do nghiệp báo của sát sanh.

Còn trong Kinh Địa Trì nói: "Tội lỗi sát sanh, luôn luôn làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là yểu thọ, hai là nhiều bệnh. Như vậy mười ác nghiệp, mỗi một ác nghiệp đều có đủ năm quả báo: 1- Sát sanh vì sao nhận chịu chung thì các khổ báo của địa ngục? Bởi vì sát sanh làm khổ chúng sanh, cho nên lúc thân hoại mạng chung thì các khổ báo của địa

ngục đều đến bức bách mình. 2- Sát sanh vì sao sanh ra làm súc sanh? Bởi vì sát sanh không có lòng đấm trắc ẩn thương yêu mà hành động trái với luân lí làm người, cho nên tội báo địa ngục trả xong thì nhận lấy thân mạng súc sanh. 3- Sát sanh vì sao lại làm ngạ quỷ? Bởi vì sát sanh ắt phải do tâm bủn xỉn tham đắm vào mùi vị, cho nên tiếp tục làm ngạ quỷ. 4- Sát sanh vì sao sanh làm người mà chịu yểu thọ? Bởi vì sát sanh làm thương tổn tính mạng của loài vật cho nên phải chịu yểu thọ. 5- Sát sanh vì sao lại phải chịu nhiều bệnh? Bởi vì sát sanh là việc làm sai trái nên các tai họa tranh nhau tụ tập, vì vậy phải chịu nhiều bệnh tật. Nên biết rằng sát sanh là khổ báo vô cùng to lớn".

Lại trong Kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Lúc ấy có một con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Con thường có mắt trên hai vai, ngực có mũi miệng, là vì nhân duyên gì? Mục Liên trả lời rằng: Ông vào đời trước kia, luôn luôn làm kẻ cầm đầu đệ tử chém giết. Nếu lúc giết người thì ông thường sinh tâm hoan hỷ, dùng dây thừng buộc vào búi tóc mà kéo. Vì nhân duyên này cho nên nhận chịu tội báo như vậy. Đây là hoa báo của ác hạnh, khổ quả của địa ngục đang còn ở phía sau.

Lại có một con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Thân con thường giống như cục thịt, không có tay chân mắt tai mũi miệng, luôn luôn bị sâu bọ chim chóc ăn thịt, tội khổ khó có thể chịu nổi, thuốc làm hư thai nhi của họ, vì vậy cho nên nhận chịu tội báo như vậy. Đây là hoa báo, khổ quả của địa ngục mới ở thân đời sau. Vả lại, duyên vào nghiệp sát sanh ấy mà tham hại thêm nhiều, bởi vì thêm nhiều thì không có nghĩa nhường lại, mà làm điều trộm cướp, thân này trộm cắp không cho mà lấy, chết thì sẽ rơi vào địa ngục hầm sắt, ở trong nhiều kiếp nhận chịu những khổ não, nhận chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong súc sanh, thân thường mang vác nặng nề còn bị đánh đập thúc giục đi nhanh, không có lúc nào nghỉ ngơi, mùi vị của thức ăn chỉ dùng cỏ và nước. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu như gặp được chút thiện nghiệp nhỏ nhoi trở lại thân người, luôn luôn làm nô bộc, bị thúc giục sai khiến làm việc, không được tự do, nợ trả chưa hết không được nghe pháp, vì vậy nhận chịu khổ báo luân hồi không dứt. Nên biết rằng khổ báo này đều bởi vì trộm cắp.

Thân này che đậy ánh sáng của con người, không dùng ánh sáng cúng dường Tam Bảo, lại lấy ánh sáng của Tam Bảo dùng để tự soi chiếu cho riêng mình, chết thì sẽ rơi vào địa ngục tối đen – dây đen hắc ám, ở trong nhiều kiếp nhận chịu những khổ não, nhận chịu khổ não đã xong rơi vào trong chỗ rạn rệp, không chịu nổi ánh sáng. Ở trong vô

lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu như gặp được chút thiện nghiệp nhỏ nhoi trở lại thân người, hình dáng đen đủi dơ bẩn xấu xa, hôi hám bẩn thỉu mọi người đều tránh xa, hai mắt mù lòa không nhìn thấy trời đất. Nên biết rằng che đậy ánh sáng cũng bởi vì ác nghiệp trộm cắp".

Vì vậy trong luận Địa Trì: "Tội lỗi trộm cướp, cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là bần cùng, hai là tài sản gồm có không được tự do. Trộm cướp vì sao rơi vào địa ngục? Bởi vì trộm cướp chiếm đoạt lấy trộm tài sản của người làm cho chúng sanh đau khổ, thân chết đi lập tức rơi vào địa ngục băng giá lạnh lẽo, nhận chịu tất cả mọi khổ đau. Trộm cướp vì sao sanh ra làm súc sanh? Bởi vì không làm đúng đạo lý con người cho nên phải chịu báo ứng súc sanh, thân thường mang nặng dùng thịt cung cấp cho người để trả món nợ xưa kia. Vì sao lại rơi vào ngạ quỷ? Bởi vì tham lam keo kiệt thì làm điều trộm cướp, vì vậy tội báo súc sanh trả hết lại làm ngạ quỷ. Vì sao làm người bần cùng? Bởi vì cướp đoạt khiến cho người khác bị thiếu thốn, vì lẽ đó phải chịu báo ứng bần cùng. Vì sao tài sản gồm có không được tự do? Bởi vì trộm cướp chiếm đoạt, giả sử có tài sản thì trở thành vật chung của mọi nhà, không được tự do sử dụng. Nên biết rằng trộm cướp là khổ báo to lớn thứ hai".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Lúc ấy có một con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Thưa Đại đức! Bụng con rất to giống như cái vò, mà cổ họng tay chân rất nhỏ giống như vây kim, không được ăn uống, vì nhân duyên gì mà phải chịu khổ báo như vậy? Mục Liên trả lời rằng: Ông vào đời trước kia làm người đứng đầu thôn xóm, tự cậy thế mình giàu sang ăn uống thả cửa, khinh khi người khác, giành lấy đồ ăn thức uống của họ, làm cho chúng sanh đói khổ vô cùng. Vì nhân duyên này, nhận chịu tội báo như vậy. Đây chỉ là hoa báo, khổ quả của địa ngục mới ở phía sau.

Lại có một con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Thường có hai vòng sắt nóng xoay chuyển ở dưới hai nách của con, thân thể bị cháy nát, vì nhân duyên gì như vậy? Mục Liên trả lời rằng: Ông vào đời trước kia cùng với chúng Tăng làm bánh, trộm lấy hai cái kẹp dưới hai nách, vì vậy cho nên nhận chịu tội báo như vậy. Đây chỉ là hoa báo, về sau mới nhận chịu khổ quả của địa ngục. Lại bởi vì trộm cắp cho nên tâm không trung trinh ngay thẳng, tình ý buông thả dâm dật, thân này dâm dật, đời hiện tại nguy hiểm đáng sợ, thường tự kinh hãi không yên; hoặc bị chồng con người ta biết chuyện, đến lúc gặp phải tai họa, dao gậy đánh

dập thân hình, tay chân phân tán chia lìa, thậm chí mất mạng. Chết đi vào địa ngục, nằm trên giường sắt, hoặc ôm trụ đồng, ngục quỷ châm lửa để đốt cháy thân hình. Tội báo địa ngục hết rồi phải nhận chịu kiếp sống súc sanh, gà vịt chim chóc chó heo ong bướm, vô lượng sanh tử như vậy, ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi nỗi khổ não, nhân chịu khổ báo đã xong, nhờ nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện nghiệp nhỏ nhoi trở lại thân người, thì khuê môn dâm loạn thê thiếp không trung trinh, nếu có sủng ái thì bị người ta chiếm đoạt, thường ôm lòng sợ hãi, nhiều nguy hại mà ít bình yên, nên biết rằng nguy hại khổ đau đều bởi vì tà dâm”.

Vì vậy trong luận Địa Trì nói: “Tội lỗi tà dâm cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là vợ không trung trinh trong sạch, hai là được mà chẳng tùy ý quyến thuộc. Tà dâm vì sao rơi vào địa ngục? Bởi vì phạm vào tà dâm thì không phân biệt mà tiếp cận người khác làm cho khổ đau, vì lẽ đó mạng chung nhận chịu khổ báo của địa ngục. Vì sao tà dâm sanh ra làm xúc sanh? Bởi vì tà dâm không thuận theo luân lý làm người, cho nên ra khỏi địa ngục thì nhận chịu thân mạng súc sanh. Vì sao tà dâm lại làm ngạ quỷ? Bởi vì sự dâm dục đều do yêu thích keo kiệt, tội lỗi yêu thích keo kiệt cho nên trở lại làm ngạ quỷ. Vì sao tà dâm thì vợ không trung trinh trong sạch? Bởi vì xâm phạm đến vợi người ta, cho nên gặp phải người vợ thường không trung trinh đứng đắn. Vì sao tà dâm không thể nào tùy ý quyến thuộc? Bởi vì tà dâm thì chiếm đoạt người yêu thương của người ta, cho nên quyến thuộc của họ không thể nào tùy ý, vì lẽ đó lại bị người ta chiếm đoạt của mình. Nên biết rằng ôm lòng dâm dật là khổ báo to lớn thứ ba”.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa có một con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Con dùng đồ vật tự che phủ đầu mình, cũng thường sợ người ta đến giết con, tâm thường sợ hãi không thể nào chịu đựng nổi, vì nhân duyên gì như vậy? Mục Liên trả lời rằng: Ông vào đời trước kia dâm dật phạm đến ngoại sắc, thường sợ người ta không thấy, hoặc sợ người chồng bắt trói đánh chết, hoặc sợ phép quan chém đầu bêu nơi phố chợ, thường ôm lòng sợ hãi và luôn luôn sợ hãi, cho nên nhận chịu tội báo như vậy. Đây chỉ là hoa báo của ác hạnh, sau mới chịu nhận khổ quả của địa ngục. Vả lại, bởi vì tà dâm cho nên phát ngôn đều là dối gạt, thân này nếu dối gạt thì làm cho chúng sanh khổ não, chết thì sẽ rơi vào địa ngục gào khóc, ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi nổi khổ não, nhận chịu khổ não đã xong rơi vào trong ngạ quỷ. Ở trong vô

lượng sanh tử khổ não như vậy, nhờ nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện nghiệp nhỏ nhoi trở lại thân người thì nhiều bệnh tật gầy gò ốm yếu, khổ đau khốn đốn tự làm cho khổ báo ác hiểm đành vậy, mọi người không ai thương nhớ chút nào. Nên biết rằng khổ báo này đều bởi vì vọng ngữ".

Do đó trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của vọng ngữ làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là nhận chịu nhiều sự phỉ báng, hai là bị người lừa dối. Tại sao vọng ngữ lại rơi vào địa ngục? Bởi vì vọng ngữ là không thật, làm cho người ta không được gì mà sanh ra khổ sở, vì vậy thân chết đi nhận chịu khổ báo của địa ngục. Tại sao vọng ngữ sanh ra làm súc sanh? Bởi vì sự lừa dối bịp bợm trái với sự tin tưởng chân thành của người, vì lẽ đó ra khỏi địa ngục thì nhận quả báo của súc sanh. Tại sao vọng ngữ lại làm ngạ quỷ? Bởi vì vọng ngữ đều do tham lam lừa dối, tội lỗi tham lam lừa dối cho nên trở lại làm ngạ quỷ. Vì sao làm người thì nhận chịu nhiều sự phỉ báng? Bởi vì vọng ngữ vốn là không thành thật. Vì sao vọng ngữ bị người ta lừa dối? Bởi vì vọng ngữ vốn là lừa dối dụ dỗ người ta. Nên biết rằng vọng ngữ là khổ báo to lớn thứ tư".

Vả lại, bởi vì vọng ngữ thì dẫn đến lưỡng thiệt. Thân này nói năng không có lòng yêu thương, gièm pha phỉ báng hủy nhục ác khẩu làm cho chia lìa tán loạn, chết thì sẽ rơi vào địa ngục rút lưỡi đổ nước đồng sôi cày nát như ruộng. Ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi nỗi khổ não, nhân chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong súc sanh, ăn các loại rác rưởi dơ bẩn như loài chim đề hồ, vì có cuống lưỡi. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, thì cuống lưỡi không có, hơi miệng hôi thối, ngọng nghịu lắp bắp, răng không đều và đen xỉn, mọc từng cái thưa thớt, nêu như có lời hay thì người ta cũng không tin dùng. Nên biết rằng gièm pha bừa bãi đều vì lưỡng thiệt.

Do đó trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của lưỡng thiệt cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đướng ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là phải quyến thuộc xấu xa, hai là gặt phải quyến thuộc bất hòa. Vì sao lưỡng thiệt lại rơi vào địa ngục?

Bởi vì lưỡng thiệt chia lìa sự thân ái của người, yêu thương mà chia lìa thì đau khổ cho nên nhận chịu nỗi khổ của địa ngục. Vì sao lưỡng thiệt sanh ra làm súc sanh? Bởi vì lưỡng thiệt tranh chấp hỗn loạn, sự việc giống như loài dã can cho nên nhận chịu thân loài súc sanh. Vì sao lưỡng thiệt lại trở thành ngạ quỷ? Bởi vì lưỡng thiệt cũng do keo

kiệt ganh tỵ, vì tội lỗi keo kiệt ganh tỵ cho nên lại trở thành ngạ quỷ. Vì sao lưỡng thiệt làm người gặp phải quyến thuộc xấu ác? Bởi vì lưỡng thiệt khiến cho bạn bè người ta đều sanh ra ác niệm. Vì sao lưỡng thiệt gặp phải quyến thuộc bất hòa? Bởi vì lưỡng thiệt chia lìa sự thân mến tốt đẹp của người làm cho không hòa hợp. Nên biết rằng lưỡng thiệt là khổ báo to lớn thứ năm".

Vả lại, bởi vì lời nói lưỡng thiệt thì thô ác. Thân này bởi vì ác khẩu cho nên tranh chấp hỗn loạn làm thương tổn nhau, lại xâm phạm đến nhau, giết hại các chúng sanh, chết thì sẽ rơi vào địa ngục chiến tranh. Ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi sự khổ não, nhân chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong loài súc sanh, rút chân bán ruột chuyển xương đùi mất lá lách. Ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi sự khổ não, nhận chịu khổ não đã xong, ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, thì tay chân không đầy đủ, canh cửa chặt chân xăm mình cắt mũi, hình hài tổn thương hủy hoại, quỷ thần không bảo vệ, mọi người đều khinh thường. Nên biết rằng làm thương tổn chúng sanh đều bởi vì ác khẩu.

Do đó trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của ác khẩu cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là thường nghe thấy âm thanh dữ dằn, hai là những lời nói thích hợp luôn luôn phát sinh tranh cãi. Tại sao ác khẩu lại rơi vào địa ngục? Bởi vì ác khẩu đều muốn làm hại người ta, người nghe trở thành khổ sở, cho nên mạng chung nhận chịu khổ báo của địa ngục. Tại sao ác khẩu sanh ra làm súc sanh? Bởi vì ác khẩu mắng nhiếc người ta cho là súc sanh, vì vậy thoát khỏi địa ngục thì làm súc sanh. Vì sao ác khẩu lại làm ngạ quỷ? Bởi vì sự keo kiệt làm xúc phạm đến thì mắng nhiếc, cho nên khổ báo của súc sanh kết thúc lại làm ngạ quỷ. Vì sao ác khẩu làm người mà thường nghe thấy âm thanh dữ dằn? Bởi vì sự phát ngôn thô lỗ mà nghe thấy thường dữ dằn. Vì sao ác khẩu mà những lời nói thích hợp luôn luôn phát sinh tranh cãi? Bởi vì ác khẩu trái ngược với những phẩm đức, có những lời nói thường dẫn đến tranh cãi. Nên biết rằng ác khẩu là khổ báo to lớn thứ sáu".

Lại bởi vì lời ác khẩu thì hoa hòe trống trỗng hoàn toàn không có ý nghĩa lợi ích, không có ý nghĩa lợi ích cho nên thân này sẽ sinh ra kiêu mạn, chết thì sẽ rơi vào địa ngục trói chặt, ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi sự khổ não, nhận chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong loài súc sanh, chỉ nghĩ đến cỏ và nước mà không biết ân tình nuôi dưỡng cha mẹ. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp

được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, sanh ở vùng biên địa, không biết gì trung hiếu nhân nghĩa, không gặp được Tam Bảo. Nếu ở chốn trung tâm của đất nước, thì thân hình thấp lùn xấu xí, bị mọi người lăng nhục coi khinh. Nên biết rằng kiêu mạn đều do không có ý nghĩa lợi ích mà chỉ trêu ghẹo không giữ tiết tháo.

Vì vậy trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của lời nói không có ý nghĩa cũng khiến cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là tất cả lời nói phát ra không được người ta tin nhận, hai là có những lời nói không thể nào rõ ràng được. Vì sao lời nói không có ý nghĩa lại rơi vào địa ngục? Bởi vì lời nói đã sai với ý nghĩa thì việc làm trở thành có hại đến người khác, cho nên mạng chung nhận chịu khổ đau của địa ngục. Vì sao lời nói không có ý nghĩa sanh ra làm súc sanh? Bởi vì lời nói không có ý nghĩa thì trái với luân lý làm người, cho nên ra khỏi địa ngục thì nhận lấy thân của loài súc sanh. Vì sao lời nói không có ý nghĩa lại trở thành ngạ quỷ? Bởi vì lời nói không có ý nghĩa vốn bị sự keo kiệt mê hoặc làm cho chướng ngại, bởi vì keo kiệt mê hoặc cho nên lại trở thành ngạ quỷ. Vì sao tội lỗi của lời nói không có ý nghĩa thì sanh ra làm người, có những lời nói không được người ta tin nhận? Bởi vì lời nói không có ý nghĩa thì không đáng tiếp nhận làm gì. Vì sao lời nói không có ý nghĩa thì có những lời nói không thể nào rõ ràng được? Bởi vì lời nói đã không có ý nghĩa đều là do sự ngu muội tối tăm, báo ứng của sự ngu muội tối tăm cho nên không thể nào rõ ràng được. Nên biết rằng lời nói có ý nghĩa là khổ báo to lớn thứ bảy".

Lại bởi vì lời nói không có ý nghĩa cho nên không thể nào khiêm nhường liêm khiết khiến cho tham dục không chán. Thân này tham lam keo kiệt không bố thí, chết thì sẽ rơi vào địa ngục phân sôi, ở trong nhiều kiếp nhận chịu mọi sự khổ não. Nhận chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong súc sanh ngạ quỷ, không có cơm áo cung cấp nên phải dựa vào người, ăn uống chỉ toàn rác rưởi dơ bẩn, không cho thì không được dùng. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, thì đói lạnh trần truồng, đời sống khó khăn thường không có gì, người ta đã không cho, cầu mong cũng chẳng được, cho dù có mảy may thì gặp phải kẻ khác chiếm đoạt, giữ gìn khổ sở mà không được gì nên phải đánh mất thân mạng. Nên biết rằng không bố thí như vậy đều bởi vì tham dục.

Do đó trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của tham dục cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải

hai loại quả báo, một là nhiều tham dục, hai là không có gì thỏa mãn. Tại sao tham dục lại rơi vào địa ngục? Bởi vì tham dục tác động đến thân và miệng mà làm khổ cho người khác, vì lẽ đó thân chết phải nhận chịu khổ báo của địa ngục. Tại sao tham dục sanh ra làm súc sanh? Bởi vì sự tham dục này tác dụng trái với luân lý làm người, vì vậy ra khỏi địa ngục thì làm súc sanh. Tại sao tham dục lại trở thành ngạ quỷ? Bởi vì sự tham dục này đạt được thì ắt phải tham tiếc, vì tội lỗi tham tiếc cho nên lại trở thành ngạ quỷ. Tại sao tham dục mà lại nhiều dục vọng? Bởi vì sự tham dục này mà dục vọng càng nhiều. Tại sao tham dục không có gì thỏa mãn? Bởi vì sự tham dục này mà tham cầu không chán. Nên biết rằng tham dục là khổ báo to lớn thứ tám".

Lại bởi vì tham dục không thể vừa ý, thì phát sinh phẫn nộ, mà dấy lên sân hận. Thân này nếu nhiều sân hận, thì chết đi lập tức sẽ rơi vào địa ngục Nê lê, ở trong nhiều kiếp nhận chịu tất cả các sự khổ đau, nhận chịu khổ đau đã kết thúc thì rơi vào trong loài súc sanh, làm rắn rít bọ cạp độc hại và cọp beo lang sói. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, lại nhiều sân hận, diện mạo xấu xí khiến cho mọi người đều căm ghét, không những không qua lại thân tình với nhau, mà thật sự mắt cũng không ưa thấy. Nên biết rằng phẫn nộ đều bởi vì sân hận não hại.

Vì vậy trong luận Địa Trì nói: "Tội lỗi của sân hận cũng làm cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là thường bị tất cả mọi người tìm tòi điều đúng sai của mình, hai là thường bị mọi người làm cho phiền muộn sợ hãi. Vì sao sân hận lại rơi vào địa ngục? Bởi vì sự sân hận này làm hại gây khổ đau cho người ta, chết đi chắc chắn nhận chịu khổ đau của địa ngục. Vì sao sân hận sanh ra làm súc sanh? Bởi vì sự sân hận này không thể nào có lòng nhân ái tha thứ, cho nên ra khỏi địa ngục thì nhận lấy thân mạng súc sanh. Vì sao sân hận lại trở thành ngạ quỷ? Bởi vì sự sân hận này từ tâm keo kiệt dấy lên, vì tội lỗi của tâm keo kiệt cho nên trở lại làm ngạ quỷ. Vì sao sân hận lại thường bị tất cả mọi người tìm tòi điều đúng sai của mình? Bởi vì sự sân hận này không thể nào bao dung được, do đó bị tất cả mọi người tìm tòi điều đúng sai của mình. Vì sao sân hận thường bị mọi người làm cho phiền muộn sợ hãi? Bởi vì sự sân hận này làm não hại đến mọi người, cho nên mọi người cũng làm cho não hại. Nên biết rằng sân hận là khổ báo to lớn thứ chín".

Lại bởi vì sân hận mà ôm lòng kỳ quái bất chính, không tin theo

chánh đạo. Thân này tà kiến ngăn trở người ta nghe pháp tụng kinh, tự mình không ăn chay, chết thì sẽ rơi vào địa ngục nghễng ngãng ngu si, ở trong nhiều kiếp nhận chịu những sự khổ não, nhận chịu khổ não đã xong thì rơi vào trong loài súc sanh, nghe tiếng của Tam bảo-Tứ đế, không biết toàn là thiện nghe tiếng của sát hại đánh đập, không biết gì là ác. Ở trong vô lượng sanh tử như vậy, vì nhân duyên vốn có, nếu gặp được chút thiện duyên nhỏ nhoi trở lại thân người, sanh ở trong loài người mà đui điếc không nghe, không khác gì vách đá, lời hay tiếng tốt hoàn toàn không hiểu biết gì. Nên biết rằng trở ngại sự nghe pháp đều bởi vì tà kiến.

Vì thế trong luận Địa trì nói: "Tội lỗi của tà kiến cũng khiến cho chúng sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người thì gặp phải hai loại quả báo, một là sanh vào nhà tà kiến, hai là tâm tư nịnh hót không hợp đạo lý. Vì sao tà kiến lại rơi vào địa ngục? Bởi vì tà kiến chỉ hướng về tà đạo và theo thần linh thế tục, bài báng Phật pháp Tăng chứ không sùng kính Tam Bảo, đã không sùng kính tin tưởng mà còn cắt đứt nẻo đường đúng đắn của người, khiến cho gặp phải khổ đau, vì lẽ đó mang chung đi vào địa ngục a tỳ. Vì sao tà kiến lại làm súc sanh? Bởi vì tà kiến không biết đến chánh lý, cho nên ra khỏi địa ngục thì nhận chịu báo ứng sức sanh. Vì sao tà kiến lại làm ngạ quỷ? Bởi vì tà kiến nên tâm keo kiệt chấp trước kiên cố, ngang ngạnh không bỏ, không bỏ chấp trước kiên cố trở lại làm ngạ quỷ. Vì sao tà kiến sanh vào nhà tà kiến? Bởi vì tà kiến này kỳ quái thành thói quen ràng buộc trong tâm, cho nên làm người thì sanh vào nhà tà kiến. Vì sao tà kiến thì tâm tư nịnh hót không hợp đạo lý? Bởi vì tà kiến thì không ngay thẳng trong sáng, cho nên làm người thì tâm luôn luôn xun xoe nịnh hót. Nên biết rằng tà kiến là khổ báo to lớn thứ mười".

Như vậy mỗi một tội nghiệp vi tế có các điều ác vô lượng vô biên, đều vào trong địa ngục nhận chịu tất cả mọi sự khổ đau, không thể nào tính kể mà biết được, tạm thời nói lược qua vậy thôi. Nếu có thể bỏ ác làm thiện thì đó chính là thầy của mình vậy.

Lại trong kinh Bát Sư nói: "Đức Phật vì Phạm Chí mà thuyết về pháp của tám vị thầy. Đức Phật dạy: Một gọi là hung bạo làm thương tổn tính mạng người khác, hoặc vì kẻ thù mà gặp hình phạt chém giết, hoặc vì phép vua mà gặp trách phạt trừng trị, hủy diệt gia đình dòng họ thì chết vào chốn địa ngục, tra khảo đánh đập trải qua muôn vàn ác hiểm, cầu chết không được, tội hết mới thoát ra. Hoặc làm ngạ quỷ, lúc làm súc sanh, giết mổ cắt xẻ, chết thì sống lại, thần thức linh hồn trần

trọc không yên, lại làm thương tổn lẫn nhau. Ta thấy sự giết hại, tội lỗi ấy như vậy, không dám tiếp tục giết hại, là vị thầy thứ nhất của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Hung bạo thì tâm không nhân ái,
Mạnh yếu làm thương tổn lẫn nhau,
Sát sanh sẽ trải qua đời sống,
Kết thành oán thù bao đời kiếp,
Chịu tội lỗi đoản mạng mà chết,
Kinh sợ gặp tai họa bất ngờ,
Ta vì sợ khổ báo như vậy,
Tâm yêu thương điều phục ma quân.

Hai gọi là trộm cắp, dùng sức mạnh cướp lấy tài sản của người, hoặc bị chủ tài sản dùng dao gậy cộng thêm hình phạt, lập tức làm tan nát. Hoặc bị phép vua, bắt trói vào ngục, tra khảo đánh đập, năm thứ độc ác đều đến, giết chết bêu nơi phố chợ, gia đình họ hàng tan tác, chết đi vào địa ngục, lấy tay bốc lửa, nước đồng sôi rót vào miệng, cầu chết không được, tội hết mới thoát ra, sẽ làm ngạ quỷ, ý muốn uống nước, nước hóa thành máu mủ, mà đồ vật ăn uống, thì đồ vật hóa thành than đỏ. Thân thường mang nặng, những khổ não tự nhiên đi theo. Hoặc làm súc sanh, chết thì trải qua dao sắc, lấy thịt cung cấp cho người, đền trả món nợ ngày xưa. Ta thấy sự trộm cắp, tội lỗi ấy như vậy, không dám tiếp tục trộm cắp, là vị thầy thứ hai của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Trộm cắp thì không cho mà lấy,
Chiếm đoạt tài sản của người ta,
Người mất không biết là bao nhiêu,
Oán giận buồn rầu thật gay gắt,
Chết nhận chịu hình dáng súc sanh,
Trả món nợ mắc từ kiếp trước,
Ta vì sợ khổ báo như vậy,
Bỏ đất nước bố thí tiền của.

Ba gọi là tà dâm, xâm phạm vợ con của người, hoặc bị bà con người chồng biết được, đến lúc gặp phải tai họa, dao gậy cọng thêm hình phạt, tay chân phân ly tan nát, họa đến gia đình họ hàng. Hoặc bị phép vua, bắt giam vào ngục, trừng trị vô cùng tàn khốc, thân tự chịu tội, chết vào chốn địa ngục, nằm trên giường sắt nóng, hoặc ôm trụ đồng cháy, ngục quỷ châm lửa, để đốt cháy thân hình. Tội địa ngục kết thúc, sẽ nhận thân súc sanh. Nếu sau được làm người, thì khuê môn dâm

loạn, xa Phật làm trái pháp, không thân cận người hiền đức, thường ôm lòng sợ hãi, nhiều nguy hiểm mà ít bình yên. Ta thấy nguyên cớ như vậy, không dám tiếp tục việc dâm, đây là vị thầy thứ ba của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Dâm là việc làm không trong sáng,
Làm mê hoặc lạc mất chánh đạo,
Thân hình mất hồn phách kinh hãi,
Mạng tổn thương mà phải chết non,
Chịu tội lỗi ngu si mê loạn,
Chết đi rồi rơi vào đường ác,
Ta vì sợ khổ báo như vậy,
Lập chí vui nơi chốn núi rừng.

Bốn gọi là lưỡng thiệt - ác khẩu - vọng ngữ - ỷ ngữ. Gièm pha người vô tội, hủy báng đến Tam Tôn, lưỡi làm cho gậy đánh, cũng dẫn đến nát nhà chết vào chốn địa ngục quỷ thần trong địa ngục kéo lưỡi đó ra, dùng trâu cày nát, nước đồng sôi rót vào miệng, cầu chết không được, tội hết mới thoát ra chịu làm thân súc sanh, thường ăn cỏ rơm. Nếu sau được làm người, nói không có ai tin, trong miệng thường hôi thối, gặp phải nhiều tiếng mắng chưởi phỉ báng, nằm ngủ thì gặp ác mộng, có miệng mà không ăn được vị ngon tuyệt diệu của kinh Phật. Ta thất nguyên cớ như vậy, không dám nói lời thô ác, đây là vị thầy thứ tư của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Lừa dối thì có bốn lỗi lầm,
Nịnh hót thương tổn đến hiền lương,
Nhận chịu thân ngu si đui điếc,
Miệng nói lắp hơi thở hôi thối,
Điên cuồng không thể nào tin được,
Chết rơi vào địa ngục kéo lưỡi,
Ta tu bốn nghiệp thiện của miệng,
Tự nhiên cảm được tám âm thanh.

Năm gọi là ham rượu. Rượu là chất độc, chính nó tạo thành những điều ác, Vương đạo hủy hoại nhân ái không còn, bề tôi khinh mạn-người trên không trung thành - không kính trọng người già, cha không còn lễ tiết - mẹ mất tình yêu thương, con hung ác có ngang ngược hiếu đạo suy tàn, chồng không còn chữ tín - vợ xa xỉ hoang dâm, chín họ tranh chấp tài sản hao tổn, mất nước hại thân, không có gì không do rượu, rượu làm đạo lý hỗn loạn, ba mươi sáu lỗi lầm xảy ra đều do rượu. Ta thấy nguyên cớ như vậy, đoạn tuyệt rượu không uống, đây là vị thầy

thứ năm của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Say sưa trở thành bất hiếu,
Tai họa từ trong đó sinh ra,
Làm mê hoặc người vốn thanh cao,
Loạn đức làm tàn tạ thục trinh,
Vì vậy Ta không thể uống rượu,
Tâm yêu thương cứu giúp muôn dân,
Tuệ thanh tịnh vượt qua tám nạn,
Tự đến nơi giác ngộ thành đạo.

Sáu gọi là tuổi già. Đến tuổi già là khổ, đầu bạc răng rụng, mắt nhìn tồi tăm, tai nghe không rõ, mạnh mẽ đi qua suy yếu đến thay, da nhúm mặt nhăn, xương cốt đau nhức rã rời, bước đi vô cùng khổ sở, đứng ngồi rên rỉ, tâm tư ưu sầu phiền muộn thần thức chuyển biến dần đi, trong phút chốc liền quên, mạng sống ngày càng ngắn lại, nói đến thì chảy nước mắt. Ta thấy tai họa biến chuyển vô thường như vậy cho nên thực hành cầu đạo, không muốn trải qua, đây là vị thầy thứ sáu của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Ta nghĩ cuộc đời là vô thường,
Người sinh ra thì sẽ già đi,
Tuổi trẻ qua ngày càng suy yếu,
Hình hài gầy khô mà đầu bạc,
Lo tuổi già nhiều bệnh sinh ra,
Đứng ngồi khổ sở vì đau nhức,
Ta vì sợ nỗi khổ như vậy,
Bỏ đất nước thực hành cầu đạo,

Bảy gọi là bệnh gầy. Thịt hết xương nổi lên mọi khớp xương đều đau nhức, giống như bị gậy làm cho đau khổ, thân tứ đại tới lui tay chân không tùy ý, sức lực cạn kiệt đứng ngồi cần phải có người, môi miệng khô khốc gân đứt mũi nứt, mắt không thấy hình sắc, tai không nghe âm thanh, vật bất tịnh chảy ra, thân nằm ở trên đó, lòng dạ khổ não, nói thì đau xót. Nay nhìn thấy người thế gian, tuổi trẻ sức mạnh thân hình đẹp đẽ sáng ngời, phước hết tội đến cô thường biến đổi liên tục. Ta nhìn thấy tai họa này cho nên thực hành cầu đạo, không muốn trải qua, đây là vị thầy thứ bảy của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Nghĩ con người đến lúc già yếu,
Trăm thứ bệnh cùng lúc sinh ra,
Nước cạn dần mà lửa bốc lên,
Dao gió cắt xẻ hình hài đó,

Gân cốt thịt da đều rời rã,
Mạng sắp đến lúc kết thúc,
Ta vì sợ nỗi khổ như vậy,
Cầu đạo nguyện không còn sanh nữa.

Tám gọi là con người lúc chết, bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời phát tác, bốn đại chủng muốn phân tán, hồn phách thần thức không yên, gió ra đi thì hơi thở dừng lại, lửa không còn thì thân hình lạnh giá, gió đi trước lửa tiếp theo sau, linh hồn rời xa rồi thì thân thể cứng đờ không còn biết gì nữa. Trong khoảng một tuần, thịt da dủy hoại máu mủ chảy ra, phình trướng nát rữa hôi thối, không một thứ nào đáng lấy, trong thân có giòi bọ, trở lại ăn máu thịt ấy, thịt da nát hết, xương cốt rời ra, tay chân đầu cổ đều tự vung vãi khắp nơi, chim bay thú chạy tranh nhau đến ăn. Trời rồng quỷ thần, vua chúa nhân dân, nghèo giàu sang hèn tất cả không ai tránh khỏi tai họa này. Ta thấy sự thay đổi này, cho nên thực hành cầu đạo, không muốn trải qua, đây là vị thầy thứ tám của Ta. Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Chỉ nghĩ đến già bệnh và chết,
Là tai họa lớn của tam giới,
Phước hết rồi mạng sống chấm dứt,
Thân hình này bỏ nơi đất lạnh,
Thân nát rữa trở về cát bụi,
Hồn phách tùy theo những nhân duyên,
Ta vì sợ nỗi khổ như vậy,
Học đạo cầu mong đến Niết- bàn.

Phạm Chí ngay sau đó tâm lập tức hiểu thông suốt liền đạt được tích, quỳ thẳng thọ giới làm thanh tín sĩ, không giết hại - không trộm cắp - không tà dâm - không lừa dối - hầu hạ hiếu thảo - không say sưa, hoan hỷ làm lễ Đức Phật mà lui về”.

Sách cổ nói: “Ngũ sắc làm cho người ta mù mắt, ngũ âm làm cho người ta điếc tai, ngũ vị làm cho người ta sướng miệng, giận quá làm tổn hại âm khí, vui quá làm tổn hại dương khí, sắc đẹp là búa rìu đốn ngã tánh tình, vị ngon là chất độc hủy hoại thân mạng. Có thể hiểu rõ ý chỉ này, thì đây là bậc thầy vĩ đại”.

***Phần thứ mười hai:* TRÚ XỨ**

Phần này có bốn phần tách biệt: 1- Thất thức trú xứ, 2- Cửu chúng sanh cư trú xứ, 3- Nhị thập ngũ hữu trú xứ, 4- Tứ thập nhị cư chỉ trú xứ.

***Thứ 1:* THẤT THỨC TRÚ XỨ**

Như trong Tỳ Đàm Thuyết nói: “Ở trong Dục giới chỉ chọn lấy đường thiện của trời người làm thành một, và chọn lấy Sắc giới – Vô sắc giới phía trên đều có ba Địa trước thì thành ra bảy vậy”. Luận nói: “Vì sao bốn loại ác thú và thiền thứ tư cùng với Phi Trương không lập thành pháp của Thức trú, điều này vẫn như trong luận giải thích rằng: Nếu Thức thích trú tại chỗ ấy thì lập thành Thức trú. Thích trú không yên phận, vậy thì không thiết lập. Nghĩa là trong bốn ác thú kia bị khổ bức bách cho nên Thức Không thích trú, trong thiền thứ tư có Tịnh Cư Thiên, thích đi vào Niết- bàn cho nên Thức không thích trú. Chúng sanh Vô Tưởng vì vô tâm cho nên không thể nói là Thức trú, đương nhiên còn lại thiền thứ tư, nơi ấy cũng là bất định, hoặc cầu Vô Sắc, hoặc cầu Tịnh Cư, hoặc cầu Vô Tưởng cho nên Thức cũng không thích trú. Trong Hữu thứ nhất bởi vì sự ám muội không nhanh nhạy ấy cho nên Thức không thích trú. Theo như nghĩa này, vì vậy không thiết lập”. Lại nói: “Nếu nơi ấy có pháp hoại Thức, vậy thì không thiết lập Thức trú. Nghĩa là trong bốn ác thú kia bởi vì khổ thọ kia làm não hại đến Thức, cho nên không thiết lập. Trong thiền thứ tư vì có Vô Tưởng chánh thọ và Vô Tưởng Thiên đoạn hoại Thức cho nên mỗi một chỗ cũng không thiết lập. Trong Phi Tưởng Địa, có Tam muội diệt tận kia, làm hại đến Thức tâm, vì vậy 3 chỗ này đều không thiết lập Thức trú”. Thất thức trú sơ lược phân biệt như vậy.

***Thứ 2:* CỬU CHÚNG SANH CƯ TRÚ XỨ**

Hỏi: Cửu chúng sanh cư sai biệt ra sao? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích, nghĩa là trên hết thức trú ở trước, cọng thêm Vô Tưởng Thiên và Phi Tưởng, tức là Cửu Chúng sanh cư. Nếu nói ác thú và thiền thứ tư, vì sao không thiết lập chúng sanh cư, điều này thì như trong luận giải thích ở trước, nếu chúng sanh kia yêu thích trú lại, thì thiết lập chúng sanh cư. Thích trú không yên phận, vậy thì không thiết lập. Nghĩa là trong bốn ác thú kia lắm khổ não, cho nên chúng sanh không thích cư trú nơi ấy. Trong thiền thứ tư và ngũ Tịnh Cư Thiên, rất thích Niết- bàn cho nên cũng không thích trú. Đương nhiên còn lại thiền thứ tư như trước đã nói, vì vậy không thiết lập chúng sanh cư.

***Thứ 3:* NHỊ THẬP NGŨ HỮU TRÚ XỨ**

Hỏi: Nhị thập ngũ hữu phân biệt thế nào? Đáp: như trong Xá Lợi Phất Luận A Tỳ Đàm giải thích: “Trong Dục giới có mười bốn Hữu, Sắc giới có bảy, Vô sắc giới có bốn. Tam giới hợp lại mà luận cho nên có hai mươi lăm. dục giới có bốn Hữu, đó là bốn ác thú, tức là lấy bốn; lại chọn lấy người trong bốn thiên hạ, tiếp tục làm thành bốn, cọng thêm

trước thành tám; lại lấy chư Thiên 6 trời Dục làm sáu, cọng với trước thì thành mười bốn hữu. Sắc giới có bảy hữu, đó là bốn thiền, tức là lấy làm bốn; lại ở trong thiền thứ nhất lấy Đại Phạm Thiên, trong thiền thứ tư lấy Ngũ Tịnh Cư và Vô Tưởng Thiên, tức là làm thành bảy. Đem bảy cọng với mười bốn ở trước, thì thành ra hai mươi mốt hữu. Trong Vô Sắc giới có bốn hữu, đó là bốn Vô sắc Định, lấy bốn cọng với trước, thì thành ra hai mươi lăm Hữu, vì vậy luận ấy có kệ rằng:

Bốn châu và bốn ác thú. Phạm Vương cùng sáu trời Dục,

Vô Tưởng cùng Ngũ Tịnh Cư, bốn Không cùng với bốn Thiền".

Hỏi: Không biết vì nghĩa gì mà ở trong thiền thứ nhất chỉ lấy Phạm Vương, ở trong thiền thứ tư chỉ lấy Vô Tưởng Thiên và Ngũ Tịnh Cư, thiết lập thành ba Hữu, chỉ ở thiền thứ nhất và thiền thứ tư, vậy là có nghĩa gì?

Đáp: Có nghĩa là bởi vì Đại Phạm Thiên trong thiền thứ nhất ấy, ngoại đạo và mọi người thường chấp cho rằng là nguồn gốc có năng lực sanh ra vạn vật, làm trái thì chịu sanh tử, thuận theo thì được giải thoát. Nhưng Phạm Vương kia cũng lại tự chấp vào chính mình, có năng lực làm chủ của tạo hóa, là một là thường là giải thoát thật sự. Như Lai vì muốn phá bỏ tình kiến ấy, vì vậy riêng biệt nêu ra nói là Hữu. Thứ hai là Vô Tưởng Thiên ấy, nghĩa là trong cõi trời ấy đều đạt được Định Thọ, báo ứng của năm trăm đại kiếp vô tâm, ngoại đạo và mọi người đối với điều này không hiểu được, mà lại chấp là Niết- bàn chân thật, vì vậy thích tu pháp Định của Vô Tưởng cầu sanh đến nơi ấy. Như Lai vì muốn phá bỏ tình kiến ấy, cho nên riêng biệt nêu ra nói là Hữu. Thứ ba là Ngũ Tịnh Cư, trong đó có xứ sở của Ma Hê Thủ La Thiên Vương, ngoại đạo và mọi người cũng lại chấp vào Thiên Vương kia, có năng lực làm chủ của tạo hóa, quy thuận thì được giải thoát. Để phá bỏ tình kiến này, cho nên Như Lai riêng biệt nêu ra nói là Hữu. Ý nghĩa của riêng biệt nói ra biểu hiện ở đây vậy.

Hỏi: Không biết ở trong sáu thú kia, bốn loại ác thú đều thiết lập một Hữu, trong loài người thiết lập bốn hữu, trong loài trời mới thiết lập 1bảy hữu, nghĩa gì như vậy?

Đáp: Hữu bởi vì có nghĩa ở trong bốn ác thú kia, khổ não rất nhiều, chúng sanh không mong muốn, thích trú trong tình ý sâu xa, vì vậy ngay nơi chủng loại đều thiết lập một Hữu. Loài người tốt đẹp hơn. Chúng sanh thích trú, tâm đã mong muốn thiết tha, vì vậy tùy theo xứ sở nói ra thành 4. Loài trời tốt đẹp nhất, thích trú vào tình ý, thật là không có gì hơn, vì vậy tùy theo xứ sở nói ra thành mười bảy, hai mươi lăm

Hữu biện giải sơ lược như vậy.

***Thứ 4:* TỨ THẬP NHỊ CƯ CHỈ TRÚ XỨ**

Hỏi: Không biết bốn mươi hai cư chỉ phân biệt thế nào?

Đáp:Như Kinh Lâu Thán nói, nghĩa là ở trong Dục giới có hai mươi cư chỉ, trong Sắc giới có 18 và trong Vô Sắc giới có bốn, Tam giới hợp lại mà luận thì có bốn mươi hai nơi cư chỉ. Dục giới có hai mươi cư chỉ, đó là tám địa ngục lớn và súc sanh - ngạ quỷ, tức là mười cư chỉ. Lại lấy loài người trong bốn thiên hạ vì sáu trời Dục, cũng làm thành mười cư chỉ. Tổng cọng là hai mươi nơi cư chỉ. Trong Sắc giới có mười tám cư chỉ, đó là trong bốn thiền ấy có mười tám cõi trời, tức là mười tám cư chỉ. Trong Vô Sắc giới có bốn xứ Không Định, hợp lại là bốn mươi hai cư chỉ.

Hỏi: Vì sao ở trong sáu nẻo, trong ba nẻo là địa ngục - người và trời, mỗi một nẻo đều thiết lập nhiều nơi cư chỉ, hai nẻo ngạ quỷ - súc sanh đều chỉ thiết lập có một, nẻo Tu la hoàn toàn không thiết lập là tại sao?

Đáp: Cư chỉ gọi là trú xứ an chỉ, có nơi xác định thì tùy theo xứ sở mà thiết lập, không có nơi cố định vậy thì không thiết lập. Nghĩa là địa ngục kia chắc chắn có tám nơi, người có bốn nơi, trời chắc chắn có hai mươi tám nơi của mình, vì vậy ở ba nẻo này, mỗi một nẻo đều thiết lập nhiều nơi cư chỉ. Hai nẻo ngạ quỷ - súc sanh không có nhiều nơi cư chỉ riêng biệt nhất định, vì vậy ngay nơi chủng loại đều thiết lập chỉ có một. Nẻo Tu la nhiếp vào đường khác, vì vậy không bàn đến.

Hỏi: Nếu dựa vào Tỳ Đàm giải thích, thì 4 Không kia có mặt khắp trong Dục giới và Sắc giới, cũng không riêng biệt nhất định, vả lại nẻo kia không có hình thể thì không có nơi nương cậy nhờ vả, tại sao cần phải nói đến nơi cư chỉ vậy?

Đáp: Dựa theo như Tiểu thừa, thì thật sự là như vậy. Nếu dựa theo Đại thừa mà nói, thì nẻo ấy cũng có hình sắc vi tế, đều có cung điện, tách biệt có bốn nơi. Ở trong Tam giới, tách biệt chọn lấy một giới, không lẫn tạp hai giới khác, vì vậy nói là bốn nơi cư chỉ.

Hỏi: Theo như Tỳ Đàm giải thích, cõi Phạm Vương kia và Phạm Phụ kia giống nhau không có trú xứ riêng biệt. Vô Tưởng Thiên trong thiền thứ tư ấy, cùng với cõi Quảng Quả kia chung thứ bậc cũng không có thứ trú xứ riêng biệt. Nếu là như vậy, thì tại sao có thể nói rằng trở thành hai nơi cư chỉ?

Đáp: Hữu vì nói là Phạm Vương kia ở trong thiền thứ nhất, tuy rằng không có trời nào khác, mà ở trong cõi trời Phạm Phụ thứ hai, có

riêng lầu đài cao rộng trang nghiêm, Đại Phạm Thiên Vương ở trong đó an trú, không giống với cõi trời Phạm Phụ, bởi vì vua chúa hơn hẳn thì ở trong phía trên - bề tôi tách biệt ở phía dưới. Vô tưởng Thiên ấy, tuy cùng với cõi Quảng Quả giống nhau, mà trú xứ đều có sự sai biệt. Điều ấy giống như châu huyện nơi này tương tự nhau, mà như khác biệt vậy, vì thế nói là hai nơi cư chỉ.

Tụng rằng:

Sắc tâm cùng vấy nhiễm,
Nghiệp chướng trói buộc nhau,
Thức thứ bảy phát khởi,
Thức thứ tám chịu tội,
Nhận quả báo tam giới,
Nhân khổ của lục đạo,
Tự mình không đoạn chúng,
Sao có thể vững vàng.

Nhân duyên cảm ứng:

Sơ lược dẫn ra 23 chuyện: 1- Năm Nguyên Thỉ nhà Hán có người nữ sanh con hai đầu hai cổ; 2- Năm Quang Hòa nhà Hán có người nữ sanh con hai đầu trên vai có bốn cánh tay; 3- Năm Kiến Hưng nhà hán có người nữ sanh hai bé gái bụng hướng về nhau – tim chung lồng ngực; 4- Thời Chu Liệt Vương có người nữ sanh ra hai con rồng; 5- Thời nhà Hán có người nữ sanh ra con rắn; 6- Thời Chu Ái Công có người nữ sanh ra bốn mươi người con – lại có người sanh ra ba mươi người con; 7- Thời Hán Văn Đế có ngựa và chó đều mọc sừng; 8- Năm thứ hai Tuy Hòa nhà Hán có con ngựa cái sanh ra ngựa con ba chân; 9- Năm thứ năm thời Tần Văn Vương có dâng tặng con trâu năm chân; 10- Năm thứ sáu thời Hán Cảnh Đế có người dâng tặng con trâu chân mọc trên lưng; 11- Năm thứ nhất thời Tấn Đại Hưng có con trâu sanh con hai đầu tám chân hai đuôi; 12- Trong thời Ngụy Hoàng Sơ có chim Ưng chim Én miệng móng đều màu đỏ; 13- Thời nhà Hán có bề tôi Đậu Anh – Quán Phu – Điền Phần vì thù hận mưu chết mà chịu hiện báo; 14- Thời nhà Tấn có Đại tướng quân Vương Đôn hại oan Điêu Huyền Lượng mà chịu hiện báo; 15 – Thời nhà Tán có Ngự sử Thạch Mật tấu oan giết hại Điển Khách mà chịu hiện báo; 17- Thời nhà Tần có Điêu Trường vì hai oan Phù Vĩnh Cố nên Diêu Trường phải chịu hiện báo; 18- Thời nhà Tần có Lý Hùng theo Thúc Thọ hại oan Lý Kỳ mà chịu hiện báo; 19- Thời nhà Tống có Định Đồng Ô hại oan Trương Siêu là người cùng huyện mà chịu hiện báo; 20 – Thời nhà Tống có Trương Tì người hàng xóm thiêu

chết nên người huyện hàng xóm phải chịu hiện báo; 21- Thời nhà Tống có Lã Khách Tổ bị tôi tớ dạy con hại oan nên tôi tớ phải chịu hiện báo; 22- trong năm Trinh Quán nhà Đường có Đô Thông Đạt hại con chúng tăng mà chịu hiện báo; 23- Trong năm Trinh Quán nhà Đường có Hình Văn Tông hại oan chúng tăng mà chịu hiện báo.

1/ Tháng 6 năm thứ nhất Nguyên Thỉ nhà Hán, có người nữ ở Trường An sanh con, hai đầu hai cổ, mặt có thể hướng về nhau, bốn cánh tay chung phần ngực cùng hướng về phía trước, trên mông đít có mắt, dài hai tấc. Vì vậy kinh Phòng Dị Truyện nói: Nhìn theo con cáo thấy con lợn cõng bùn, yêu quái và con người sanh ra hai đầu hai cổ không như nhau. Nhiều chân thì thuộc về tà ma quỷ quái, ít chân thì không đảm nhiệm được. Nửa thân dưới sanh ra ở phía trên là bất kính, nửa thân trên sanh ra ở phía dưới là khinh mạn. Sanh không đúng chủng loại thì dâm loạn, sanh mà to lớn thì mau thành đạt, sanh mà có thể nói thì rất giả dối.

2/ Năm thứ hai Quang Hòa nhà Hán, ngoài cổng phía Tây vùng Lạc Dương có người nữ sanh con, hai đầu khác vai, bốn cánh tay chung phần ngực, mặt hướng về với nhau. Từ đó về sau triều đình luôn luôn rối loạn, việc triều chính thuộc về nhà riêng, ví như là hai đầu. Về sau Đổng Trác giết Thái Hậu, bị mang danh là bất hiếu, phế truất Thiên Tử. Từ thời nhà Chu đến thời nhà hán, tai họa không có gì lớn bằng.

3/ Năm thứ tư Kiến Hưng nhà Hán, vùng Tây Đô lật đổ, nguyên Hoàng Đế mới làm Tấn Vương, khắp nơi đều chung lòng. Ngày 22 tháng 10 năm ấy, Hồ Thị là vợ của Nhậm Kiều làm quan huyện Tân Thái, năm 25 tuổi sanh ra hai bé gái, phần bụng dính nhau cùng chung trái tim, từ ngực trở lên và từ rốn trở xuống thì tách rời. Trường hợp này khắp thiên hạ chưa thấy bao giờ. Lúc ấy quan Nội Sử là Lã Hội tâu lên rằng: Dựa theo Thùy Ứng Hồ nói “Khác gốc chung thân thì gọi là lý gắn bó, khác ruộng chung bông thì gọi là lúa tốt đẹp”. Thuộc loài cỏ cây mà hãy còn lấy làm điềm lành, nay hai người cùng chung một trái tim, chính là trời ban cho điềm linh ứng. Vì vậy trong Dịch nói: Hai người cùng chung một trái tim thì sắc bén chặt đứt vàng, vui mừng có thể nhìn thấy rõ sanh ra từ nước của Trần Đông, đây là nói rõ về điềm lành của khắp nơi chung một lòng, vui mừng vô cùng, xin vẽ lại làm tranh. Lúc ấy có người hiểu biết mà mỉm cười. Quân tử nói: Trí là khó có được, bởi tài ba của Tạng Văn Trọng, hãy còn cúng tế để nhờ đó mà ở yên, ghi lại trong sách, ngàn năm không quên, cho nên người hiểu biết không thể nào không học. người xưa có nói: Cây không có cành, gọi là cây điếc;

người không học hỏi, gọi là người mù. Chấp nhận sự che đậy ấy, bởi vì thật sự thiếu sót. Có thể không nỗ lực ư?

4/ Năm thứ sáu thời Chu Liệt Vương, người đánh xe của Lâm Bích Dương Quân có vợ sanh ra hai con rồng. Thời nhà Hán quan Thái Thú Định Tương là Đậu Phụng có vợ sanh con tên là Tử Vũ, và sanh ra một con rắn. Đậu Phụng đưa con rắn vào rừng. Đến khi Tử Vũ trưởng thành có danh tiếng lừng lẫy khắp nơi. Mẹ mất đem mai táng chưa xong, khách bạn tụ tập đông đảo, có con rắn lớn từ trong rừng cỏ bò ra, thẳng đến dưới quan tài, vòng quanh mà cúi đầu rồi ngẩng đầu, lấy đầu đánh vào quan tài, máu và nước mắt đầm đìa, giống như con người đau thương quá độ.

5/ Năm thứ tám thời Chu Ai Công ở nước Trinh có người sanh một lúc bốn mươi người con, hai mươi người con sống thành người, hai mươi người con thì chết. Năm thứ chín ở nước Tấn có con heo đẻ ra người có thể nói được. Năm thứ bảy thời Ngô Xích Ô, có người phụ nữ sanh một lúc ba mươi người con. Năm thứ hai mươi một thời Tần Hiếu Công, có con ngựa sanh ra người. Năm thứ hai mươi thời Tần Chiêu Vương, có con ngựa cái sanh con mà chết, Lưu Hướng cho rằng ngựa là tai họa, vì vậy Kinh Phòng Dị Truyện nói: Phương Bá Phần diệt cọng, yêu quái xuất hiện ngựa cái sanh con. Trên không có Thiên Tử, chư hầu đánh nhau, yêu quái xuất hiện ngựa sanh ra người.

6/ Năm thứ mười hai thời Hán Văn Đế, vùng Ngô có con ngựa mọc sừng, ở trên lỗ tai hướng lên phía trước, sừng bên phải dài ba tấc, sừng bên trái dài hai tấc, đều to hai tấc. Tháng 6 năm thứ 5, ngoài cổng thành Mật Ứng có con chó mọc sừng. Lưu Hướng cho rằng ngựa không nên mọc sừng, giống như người dưới không nên dấu binh nhằm đến người trên. Nước Ngô sắp xảy ra sự biến phản loạn vậy. Kinh Phòng Dị Truyện nói: Bề tôi thay đổi không thuận theo chính sự cấp trên, yêu quái xuất hiện ngựa mọc sừng, điều này gọi là hiền sĩ không đầy đủ.

7/ Năm thứ hai thời Hán Tuy Hòa, vùng Định Tương có con ngựa cái sanh ra con ngựa con chỉ có 3 chân, đi theo bầy ăn uống. Ngũ Hành Chí nói: Bởi vì ngựa ví như uy vũ của đất nước.

8/ Năm thứ năm thời Tần Văn Vương, đi qua vùng Cù Diễn, có người tặng con trâu năm chân, lúc ấy đời nhà Tần mất sử dụng sức dân. Kinh Phòng Bị truyện nói: Lúc hưng thịnh bắt lao dịch chiếm đoạt sức dân, yêu quái xuất hiện trâu sanh ra năm chân.

9/ Năm thứ sáu trong thời Hán Cảnh Đế, Lương Hiếu Vương đi săn ở Bắc Sơn, có người tặng con trâu chân mọc trên lưng. Lưu Hướng

cho rằng trâu là tai họa, trong lòng suy nghĩ điềm sử của sự phản loạn. Đến năm thứ năm thời Diên Hi – Hán Linh Đế, ở huyện Lâm Nguyên có con trâu sanh ra con gà, hai đầu bốn chân.

10/ Tháng ba năm thứ nhất thời Tấn Đại Hưng, Thái thú Vũ Xương là Vương Lương, có con trâu sanh con, hai đầu – tám chân- hai đuôi chung một bụng, không thể nào tự sanh ra được, hơn mười người dùng dây kéo ra, con chết mà mẹ sống. Sau đó vào năm thứ 3 trong vườn có con trâu sanh con, một chân ba đuôi, sanh ra mà chết.

11/ Tháng ba năm thứ hai thời Hán Tuy Hòa, ở vùng Bình Tương - Thiên Thủy có chim Én sanh ra chim Tước, mớn ăn đến lớn cùng bay đi mất. Kinh Phòng Dị Truyện nói: Bề tôi phản tặc ở trong nước, xuất hiện điềm dữ chim Én sanh ra chim Tước trống. Lại nói: Sanh ra khác chủng loại của mình, con mà không nói dối.

12/ Trong thời Ngụy Hoàng Sơ có con chim Ưng sanh ra chim Én trong tổ, mỏ và móng đều màu đỏ, đến giữa thời Thanh Long, Minh Đế làm cung điện Lăng Tiêu, bắt đầu xây dựng thì có tổ chim Khách ở trên đó. Minh Đế đem chuyện hỏi Cao Đường Long. Trả lời rằng: Có thơ nói chỉ chim khách có tổ, chỉ chim Gáy đến ở. Cung điện này chưa thành, hiện tượng của thân không thể ở được vậy.

(Mười hai chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Dị Ký.)

13/ Hán Đậu Anh tự là Vương Tôn, Hán Hiếu Văn Đế Hoàng Hậu là con của anh họ phong cho Ngụy Kỳ hầu làm Thừa tướng, sau mới bãi miễn chức tướng. Đến khi Đậu Hoàng Hậu băng hà, Đậu Anh càng cô quạnh không còn thế lực, bị bãi chức không đạt được chí nguyện, cùng với Thái Bộc Quán Phu tiến cử nhau giao kết vui vẻ, tiếc là biết nhau muộn quá. Điền Phần là em trai cùng mẹ khác cha với Hiếu Cảnh Đế Vương Hoàng hậu làm Thừa tướng, tự mình gặp may mà tung hoành, sai người đến chỗ Đậu Anh cầu xin mấy khoảnh ruộng phía Nam thành. Đậu Anh không cho mà nói rằng: Lão bộc tuy vứt bỏ, thừa tướng tuy cao quý, mà lẽ nào có thể cậy thế để chiếm đoạt lẫn nhau ư? Quán Phu cũng giận lắm, Điền Phần rất căm hận. Đến Điền Phần lấy vợ, Vương Thái hậu ban chiếu, các công hầu vương tôn đến chúc mừng Điền Phần. Quán Phu là người trước đó đã uống rượu thả sức, bởi vì say khướt nên gây gỗ Điền Phần mà không chịu khác mừng, Đậu Anh miễn cưỡng cùng đi với mọi người. Rượu say Quán Phu mang rượu đến chỗ Điền Phần, Điền Phần nói: Không thể nào cạn chén được. Quán Phu nhân đó nói lời chia tay không nhường. Điền Phần tức thì phẫn nộ nói rằng: Đây là tội của Quán Phu kiêu ngạo đối với ta. Thế là bắt trói Quán Phu gọi

là Trưởng Sử nói rằng: Có chiếu chỉ mời công hầu vương tôn, mà Quán Phu ngồi chười mắng không tôn trọng, đồng thời đấu trình ở tại quê nhà dựa thế dọa người, xứ Quán Phu tội chết bêu ở chợ Đậu Anh trở về nói với mình rằng: Chung quy là không để cho Quán Phu chết một mình mà Đậu Anh sống một mình. Bèn đem sự việc trình bày rõ ràng, Quán Phu chết một mình mà Đậu Anh sống một mình. Bèn đem sự việc trình bày rõ ràng, Quán Phu no say thì sự việc không đáng trách phạt. Nhà vua gọi đến gặp, Đậu Anh và Điền Phần cùng nhau nói những điều đúng sai. Nhà vua hỏi triều thần, hai người thì ai đúng. Triều thần phần lớn nói Đậu Anh đúng. Vương Thái Hậu nghe mà tức giận không ăn, nói rằng ta còn là người, sao mọi người đều xúc phạm em trai ta, sau ta trăm tuổi sẽ ở trong thịt cá. Đến khi đưa ra Điền Phần lại vì Đậu Anh mà đặt điều nói xấu.bởi vì nghe như trên, Thiên Tử cũng cho rằng Điền Phần là người không thẳng thắn, chỉ vì Thái Hậu cho nên nói Đậu Anh chịu tội chết bêu ở chợ. Đậu Anh sắp chết mắng rằng: Nếu chết không biết thì thôi, có biết thì cần phải không chết một mình. Hơn tháng sau Điền Phần mắc bệnh toàn thân đều đau nhức, dường như có người đánh đập, chỉ kêu gào rập đầu tạ tội. Thiên Tử sai người cầu nguyện quỷ nhìn xem, thấy Đậu Anh và Quán Phu cùng trông coi đánh đập Điền Phần. Điền Phần liền chết, Thiên Tử cũng mộng thấy Đậu Anh mà nhận lỗi.

14/ Thời nhà Tấn có Đại tướng quân là Vương Đôn hại oan Điêu Huyền Lương, đến khi Vương Đôn đi vào Thạch Đầu, mộng thấy con chó trắng từ trên trời lao xuống mà cắn. Đã trở về thì Vương Đôn gặp phải bệnh, giữa ban ngày trông thấy Điêu Huyền Lượng cưỡi xe diêu dẫn theo binh lính tùy tùng đến ngước đầu trừng mắt, thế là đi vào bắt lấy Vương Đôn. Vương Đôn vô cùng sợ hãi chạy trốn mà không thoát được, cuối cùng chết giữa sông, Binh lính trong nước có hai người là Trương Lộc và kinh Khoáng qua lại thân thiết với nhau. Ngày mồng 5 tháng 5 năm thứ 14 thời Tấn Thái Nguyên, cùng leo lên Chung Lĩnh ngồi tại Sơn Tiêu, Trương Lộc say rượu thất sắc, rút dao chém Kinh Khoáng. Mẹ Kinh Khoáng đêm ấy nằm mộng, Kinh Khoáng tự nói bị Trương Lộc giết hại ném xác trong khe núi, cởi quần che bụng, lúc tìm kiếm ắt khó có thể thấy được, nên sẽ làm cho chiếc quần bay lên để chỉ rõ nơi chốn. Sáng sớm truy tìm hoàn toàn giống như lời đã nói. Trương Lộc biết chuyện đã phơi bày nên muốn tìm cách lẩn trốn, ra khỏi cửa thì thấy Kinh Khoáng tay cầm hai con dao đến đứng trước mặt thế là không thể đi được. Mẹ Kinh Khoáng nói đầy đủ cho quan phủ biết, Trương Lộc bèn cúi đầu nhận tội.

15/ Thời nhà tấn có huyện lệnh Sơn Âm tên là Thạch Mật, trước đã từng làm Ngự Sử, tấu oan giết hại Điển Khách Lệnh là Vạn Truất, Thạch Mật giữa ban ngày trông thấy Vạn Truất đến giết Thạch mật, thế là Thạch mật liền chết.

16/ Thời nhà Tấn có Đại Tư Mã Hoàn Ôn, công lao và sự nghiệp rất hưng thịnh, dựa vào tài năng của mình từ lâu ôm lòng soán nghịch, phế bỏ tấn Đế làm Hải tây Công, mà lập nên Cối Kê Vương, chính là Giản Văn Đế. Thái Tể Vũ Lăng Vương Hi, tánh thích tinh thần thượng võ, thường dẫn chó ngựa đi chơi săn bắn. Hoàn Ôn thường ganh ghét, vì thế thêm bớt tội trạng, tâu lên để bãi chức Vương Hi và con là Tổng Quan. Lại thúc ép Tân Thái- Vương Hoảng khiến cho xếp vào bọn Vương Hi – Tổng Quan, và Trước tác Lang Âm Quyên – Thái Tể Trưởng Sử Dữu Thanh ... mưu phản trước kia, nhiều lần đề nghị giết đi. Chiếu thư đặc xá cho cha con Vương Hi, thế là dời đến Tân An. Cha của Ân Quyên làm quan lớn, trước kia bị Hoàn Ôn phế truất, Ân Quyên rất có khí khái, vì thế không đến với Hoàn Ôn, mà giao du cùng với Vương Hi. Hoàn Ôn mới nghi ngờ, Dữu Thanh bèn mời ngồi, có tài năng danh vọng mà họ hàng lại rất mạnh, cho nên cùng bày tỏ phương pháp cuối cùng. Giản Văn Đế băng hà mà Hoàng Thái Tử lên ngôi, di chiếu ủy thác triều chính cho Hoàn Ôn, nghe theo Gia Cát Lượng nên nhà vua làm theo việc cũ. Hoàn Ôn vô cùng oán hận, bởi vì mất quyền lực, nên càng thêm thâm hiểm. Sau đến thăm Giản Văn ở Cao Bình Lăng, còn muốn cúi đầu thừa nhận thì thấy Đế ở trước phần mộ cả thân hình không mặc áo, nói với Hoàn Ôn rằng: Nước nhà không lo liệu chu đáo, ủy nhiệm sai nơi chốn. Hoàn Ôn trả lời: Bề tôi không dám, bề tôi không dám. Đã bước lên xe nói cho tả hữu biết. Lại hỏi hình dáng của Ân Quyên. Đáp rằng mập và thấp. Hoàn Ôn nói: Xưa nay cũng thấy. Ở bên cạnh Đế hơn mười ngày thì mắc bệnh, vì vậy buồn rầu mà chết.

17/ Thời nhà Tần có Diêu Trường tự là Cảnh Mậu, là Xích Đinh Khương vậy. Cha là Qua Trọng thì Thạch Lặc. Họ Thạch đã diệt vong, Diêu Trường đi theo anh trai mình Diêu Suy, cùng với Phù Vĩnh Cố đánh nhau ở Tam Nguyên, quân binh thất bại Diệu Suy chết, Diệu Trường bèn đầu hàng Vĩnh Cố, liền nhận được bổng lộc địa vị, nhiều lần tăng thêm tước vị và đất đai. Đến khi chuyển sang Long Tương làm tướng qân chỉ huy các việc quân binh ở Lương Ích Châu, Vĩnh Vố nói với Diêu Trường rằng: Trẫm xưa kia lấy Long Tương xây dựng cơ nghiệp , tên gọi này chưa từng nhờ cậy người nào, nay đem vùng Sơn Nam giao phí cho khuynh, cho nên đặc biệt mà trao cho nhau. Được

sư sủng ái tin tưởng sâu đậm như vậy, sau đi theo con của Vĩnh Cố là Duệ để chinh phạt Mộ Dung Hoằng, bị Hoằng đánh bại, Duệ chết một mình. Diêu Trường sai Trưởng Sử đến tạ tội với Vĩnh Cố. Vĩnh Cố đã rất phẫn nộ, lập tức giết sứ giả, Diệu Trường càng sợ hãi, bèn chạy đến Tây Châu, quy tụ binh lính mà tự dựng nên đồn trại. Vĩnh Cố nhiều lần bị Mộ Dung Xung đánh bại, xung lại càng xâm phạm bức bách, Vĩnh Cố lại thấy quái nhiều lần dấy lên, liền chạy đến Ngũ Tưởng Sơn. Diệu Trường liền sai Kiêu Kỵ tướng quân là Ngô Trung bao vây Vĩnh Cố, Ngô Trung bắt Vĩnh Cố mà đưa về, Diêu Trường ngay hôm ấy giam Vĩnh Cố vào ngục, vì cầu truyền lại ấn dấu và lệnh nhường ngôi cai trị đất nước, nhưng Vĩnh Cố không chịu, nhiều lần vì tội phản nghịch, nên Diêu Trường liền giết Vĩnh Cố, tự ý xưng Đế. Sau lại đào xác Vĩnh Cố lên, quất roi liên tục, áo quần rách nát, lấy gai góc phủ lên, đào hố mà chôn. Đến khi Diêu Trưởng mắc bệnh, thì mộng thấy Vĩnh Cố dẫn theo Thiên quan sứ giả và mấy trăm quỷ binh, xông vào trong doanh trại. Diêu Trường rất sợ hãi chạy vào sau trướng, người trong doanh trại chạy đến đâm quỷ, lỡ tay trúng vào Diêu Trường đang ẩn trốn, quỷ liền nói với nhau rằng: Đúng là gặp phải chỗ chết. Liền rút gươm giáo ra, máu chảy lai láng. Bỗng nhiên giật mình tỉnh giấc, thì mắc căn bệnh phù thủng ở hạ bộ, sai thầy thuốc cắt bỏ, máu chảy lai láng như mộng đã thấy. Lại nói dối rằng: Giết bệ hạ là Diêu Suy anh trai của hạ thần, không phải là tội của Diêu Trường, mong không trách phạt oan ức. Sau ba ngày thì Diêu Trường chết.

18/ Thời nhà Tần có Lý Hùng đã làm vua ở nước Thục, con thứ tư của Lý Hùng là Lý Kỳ theo chú là Thọ Tập Kỳ, mà phế truất làm Ngang Đô Công. Không bao lâu lại giết đi, mà Thọ tự mình lên ngôi. Tánh của Thọ xưa nay hung ác nghi ngờ, Bộc ca Thái xa vì chánh trực mà làm trái ý chỉ, lập tức bị giết. Không bao lâu Thọ mắc bệnh, thường thấy Lý kỳ - Thái Xạ mà làm điều mờ ám, hộc máu mà chết.

19/ Thời nhà Tống có Trương Siêu ở Kim Hương - Cao Bình, cùng với Địch Nguyện ở cùng huyện bất hòa với nhau. Địch nguyện vào giữa thời Tống Nguyên Gia làm chức quan Phương Dự Lệnh, bỗng nhiên bị người ta giết chết. Tất cả nghi là Trương Siêu giết. Trương Siêu ở Kim Hương sau từ bỏ chức quan ở huyện về nhà sinh sống, vào núi đốn cây. Con của anh trai Địch Nguyện là Địch Đồng ô cầm cung mang tên, và bưng bình rượu lễ đến núi tặng cho, cân nhắc đắn đo đã xong, Đồng Ô nói: Quan phủ sáng suốt xưa hại chú của dân đen, không có duyên cùng dội trời chung. Liền kéo cung bắn chết Trương Siêu. Đêm ấy Đồng Ô

thấy Trương Siêu nói rằng: Tôi không giết chú của ông, bị làm tổn hai oan ức, nay đã tố cáo lên cấp trên, cho nên đến báo cho nhau biết. Rút dao mà đâm, hộc máu chết tươi.

20/ Thời nhà Tống có Trương Tì ở Hạ Phi, thế thứ gia đình đứng đầu họ hàng, cuối cùng đến cảnh suy vi điêu tàn. Có cô cháu gái, dung nhan duyên dáng xinh đẹp, người hàng xóm cầu xin cưới làm thiếp, Trương Tì vì sau khi gia đình sa sút, hổ thẹn mà không đồng ý. người hàng xòm tức giận bèn đốt cháy nhà ấy, Trương Tì liền bị chết cháy. Con cái nhà ấy trước đó đi xa không có ở nhà, sau trở về cũng biết tình hình sự việc, mà sự thế lực của người hàng xóm, lại tham tài sản của họ không nói gì, gả con gái cho người ấy. Sau trải qua một năm con cái nhà ấy mộng thấy Trương Tì nói rằng: Ong là con trai mà bất hiếu làm trái đạo trời, bỏ thân quyến theo người dưng, càng giống như bè đảng hung ác. Thế là nắm đầu con trai, lấy gậy đào trong tay mà đánh. Người con trai vì vậy mắc bệnh hai đêm liền nôn ra máu mà chết. Ngày người con trai chết, người hàng xóm lại thấy Trương Tì đẩy cửa đi thẳng vào, mở to mắt xắn tay áo nói: Ông cậy thế sang trọng mặc sức làm ác thật là tàn bạo, bị giết hại oan ức, tôi đã tố cáo sự việc lên cấp trên được rửa oan rồi, sau mấy ngày nữa khiến ông sẽ biết. Người hàng xóm bị bệnh không bao lâu cũng chết.

21/ Thời nhà Tống có Lã Khách Tổ là người vùng Vĩnh Khang, nhà rất giàu có no đủ, nên dùng một tôi tớ tên là Giáo Tử trông coi nhà cửa. Vào giữa thời Tống Nguyên Gia thì đi điều tra xử án, bất ngờ bị người giết hại. Em trong họ là Vô Kỳ trước đây giữ toàn bộ tiền bạc của Khánh Tổ, mọi người nói là Vô Kỳ làm hại. Vô Kỳ ôm dê và rượu, đến nơi quan tài mà cầu nguyện rằng: Anh bị hại tàn khốc như vậy. Thế là nói rằng: Tôi như vậy hồn mà có linh thì khiến cho biết người chủ mưu. Trở về đã đến canh ba, thấy Khách Tổ đến nói: Gần đây thấy Giáo Tử không quan tâm đến ruộng đất, hứa rằng sẽ trừng trị tôi tớ thật nghiêm khắc, tôi tớ liền dùng rùi chặt lưng tôi, lấy mũ nhét vào miệng, vì vậy cắn được ba ngón tay của tôi tớ, đều bị rách tan, thế là lấy dao đâm vào cổ tôi, kéo ra bỏ sau cửa, lúc mới thấy giết hại, những người đi theo cũng ở trong đó, nay tôi tớ muốn phản bội, tôi đã ghim đinh vào đầu nó bám trên tường. Nói xong mà biến mất. Vô kỳ sáng sớm đem chuyện nói cho cha mẹ biết, bí mật coi xét chỗ tôi tớ đứng nơi bức tường, quả nhiên có một nắm tóc, dùng cành trúc ghim vào. Lại xem ngón tay đó cũng thấy bị thương, bắt tôi tớ truy hỏi nghiệm xét thì cúi đầu nhận tất cả. Lại hỏi: Ông đã phản nghịch, vì sao không bỏ trốn? Tôi tớ nói: Đầu

giống như bị trói chặt, muốn chạy trốn nhưng không được. Mọi người cùng thấy, từng sự việc phù hợp với nhau liền thiêu chết Giáo Tử cùng với hai người con.

(Chín chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.)

22/ Thời nhà Đường có Đỗ Thông Đạt là người huyện Cao Viễn - Tề Châu, trong niện hiệu Trinh Quán, huyện thừa ra lệnh chuyển giao một vị Tăng đến phương Bắc, Thông Đạt thấy hòm kinh của vị Tăng, nói rằng trong đó toàn là tơ lụa, bèn cùng với vợ tìm cách đánh chết vị Tăng. Trong lúc vị Tăng chưa chết, tụng mấy câu chú, tức thì có một con ruồi bay vào lỗ mũi người đó, bí hơi rất lâu không ra được, mắt mũi Thông Đạt bỗng nhiên méo xệch, lông mi lông mày liền rụng hết, mê hoặc lạc đường tinh thần uể oải, trong thời gian không lâu thì gặp phải căn bệnh quái ác, không quá một năm mà chết. Lúc sắp chết thì con ruồi bay ra, lại chiu vào mũi người vợ, người vợ mắc bệnh hơn một năm lại chết.

23/ Thời nhà Đường ở vùng Hà Gian có Hình Văn Tông, nhà tiếp cận với vùng u Yên bẩm tính lỗ mãng hiểm độc. Trong niện hiệu Trinh Quán, bỗng nhiên gặp phải bệnh phong quái ác, trong khoảng một tuần lông mày của tóc rụng hết. Sau đó đến chùa quy y sám hối, tự nói rằng: Gần đây đi đến U Châu, giữa đường gặp một người mang theo hơn 10 xấp lụa, nơi vùng ao đầm xa vắng không có ai, nhân đó liền giết hại để cướp; người này nói: Đem đến trong thành để bán lấy tiền mua giấy chép kinh, cuối cùng không tránh được. Không bao lâu thì có một vị Tăng lại muốn đi ra phía Nam gặp Văn Tông, sợ chuyện bại lộ nên vung dao muốn giết vị Tăng, vị Tăng rập đều nói: xin tha cho tính mạng, thề rằng suốt đời không nói chuyện này. Văn Tông giết chết vị Tăng, bỏ xác vào trong lùm cỏ. Trải qua hơn 20 ngày, đi trở về qua nơi vị Tăng chết, lúc ấy đang là tháng nóng, nghĩ là nát rữa hủy hoại, thử đến xem sao, nhưng mà giống hệt ngày còn sống. Văn Tông vì thế xuống ngựa lấy gậy tre đụng vào miệng của vị Tăng. Từ trong miệng bay ra một con ruồi, bay lượn phát ra tiếng kêu trong trẻo, tiến thẳng vào lỗ mũi Văn Tông, bí hơi rất lâu không bay ra, vì thế mắc phải căn bệnh nặng, hơn một năm mà chết.

(Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Dị).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 71

Thiên thứ 80: TỘI PHƯỚC

(Thiên này có bốn phần: Thuật ý, nghiệp hành, tội hành, phước hành).

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Thiện ác ngược nhau- sáng tối trái nhau, tội phước đối dịch sâu xa, rõ ràng như trước mắt thấy. Vì lẽ đó ác gọi là rơi xuống, thiện gọi là lên cao, phước thì giàu có, họa là thất bại. Cho nên biết quy luật của tội ác, không thể không trừ bỏ; công lao của phước thiện, không thể không tạo tác. Thánh giáo rõ ràng, lên xuống có thể nhìn thấy.

Phần thứ hai: NGHIỆP HÀNH

Lời bàn: tên gọi là Hành này thì trong Thánh giáo nói không nhất định. Cái gọi là tội hành trong các kinh, hoặc nói tên gọi là hắc hắc nghiệp và bất thiện nghiệp. Phước hành của phàm phu trong các kinh, hoặc nói tên gọi là hắc bạch nghiệp cùng với thiện nghiệp. Tên gọi tuy có nhiều loại mà thể của hành không sai khác. Thể của hành ra sao? Như trong luận Trí Độ nói: “Các nghiệp sát hại ... đều là bất thiện nghiệp, các nghiệp bố thí đều là thiện nghiệp”. Đây là đều nói hai hành của tội và phước. Nói về những nghiệp sát hại ... ấy, là cùng lấy mười ác, đều gọi là Tội hành. Nói về những nghiệp bố thí... ấy, là cùng lấy các nghiệp giới định... trong sự, đều là thiện thế gian, cùng gọi là Phước hành. Trong thiện thế gian này, tám thiền định là hướng về cái thiện hỗn loạn của Dục giới, gọi là Bất động hành. Nếu hướng về lý quán trí tuệ xuất thế gian, đây là duyên vào sự mà trú, thì gọi là Phước hành. Như nói sáu Độ, trong năm Độ trước vốn có thiền định, tất cả cũng gọi là phước, nhưng các tội phước con người thực hành không như nhau, có người chuyên tu phước, có người chỉ tạo tội, hoặc lại có người tội phước đều thực hành. Chuyên tu phước thì đó gọi là tịnh tâm,

vì lợi ích cho người khác mà thực hành bố thí – trì giới ... Chỉ có tạo tội thì gọi là không có từ bi lợi ích, hành động của thân khẩu ý đều làm tổn hại đén người khác. Tội phước đều làm thì nghĩa là lúc tu phước trong tâm không thanh tịnh, hoặc gồm cả làm hại đến người khác. Đây đều là tạp nghiệp của Dục giới chứ không hoàn toàn thanh tịnh, cũng gọi là bất tịnh. Nếu luận về tội hành, thì biểu hiện thọ thiển có thể biết. Nếu luận về tạp nghiệp, cùng với phước hành thanh tịnh thì có giống nhau - có khác nhau, hơi ẩn kín khó biết. Nghĩa là những người tu phước dựa vào tướng trạng bên ngoài, tin vui trong sự mà thực hành đều giống nhau. Nếu dựa vào tâm niệm bên trong vì mình vì người, sự mong cầu khác nhau, tinh tế và thô thiển không như nhau. Bởi vì những người tu phước bên ngoài giống nhau mà bên trong khác nhau, cho nên có hai nghiệp thuần tạp khác nhau. Nếu luôn luôn điều hòa tâm từ bi thương xót mọi loài, thì bất cứ việc làm nào cũng đều trở thành thiện nghiệp to lớn. Nếu không giữ gìn ý niệm mà nhìn theo hình tướng tu phước, trong thô ngoài tế thì chỉ trở thành tạo nghiệp, xứng với tình cảm ngu si kia, tuy gọi là vượt qua lý thế gian mà thật sự là trái với đạo, cũng không phải là phước thanh tịnh. Bởi vì lúc tu phước không quán xét sanh Không, Ngã trở lại thường thực hành nối thông cả ba tánh, tất cả nghiệp tạo tác tương ưng với điên đảo, là giữ lấy tánh giả dối, vì vậy cho nên trái với đạo. Bởi vì tâm bất thiện cầu nhiều quả báo thế gian, lại cầu nhiều danh vọng, cho nên không phải là phước thanh tịnh. Bởi vì nghiệp hành thuần tạp này mà thế tục mê muội quá nhiều, nay sơ lược luận bàn khiến cho người biết mà hành.

Trước là luận về tạp nghiệp, sau là trình bày về phước thanh tịnh. Nhưng các tạp nghiệp tự nó có thô tế, thô thì làm ác bao gồm tổn hại đến người khác, tế là tự mình làm chỉ vì mong cầu quả báo thế gian. Trước hết luận về thô tạp. Nếu ngay nơi bố thí mà luận, hoặc có người lấy tài thí phi pháp, như ăn trộm đồ vật của người khác dùng để bố thí. Điều này cảm đến báo ứng đời sau trở lại thường bị suy hao. Bố thí rồi sanh lòng hối tiếc thì quả cảm ứng cũng như vậy. Vì thế trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu người bố thí rồi mà sanh tâm hối tiếc, hoặc cướp đoạt tài sản của người khác dùng để bố thí, người này trong đời vị lai tuy có được tài vật mà thường bị hao tổn Không tập trung lại". Hoặc có người thực hành bố thí mà bao gồm làm hại người khác, nghĩa là nếu lúc bố thí không thực sự nghĩ đến thiện nghiệp, hoặc sanh tâm sân hận, hoặc lấy lên cao mạn, sẽ rơi vào ác đạo, tuy được phước báo mà chỉ được trong loài súc sanh, chứ không cảm đến chỗ trời người. Do đó

trong kinh Phân Biệt Nghiệp có kệ:

"Tu hành bố thí thật nhiều,
Tánh nóng lại nhiều sân giận,
Không dựa theo ý niệm thiện,
Sau làm thân rồng to lớn.
Có thể tu nhiều bố thí,
Tâm cao ngạo khinh miệt người,
Do nghiệp hành này sanh ra,
Loài chim cánh vàng khỏe mạnh".

Nếu là người tu phước vì cầu quả báo thế gian, như lúc xả bỏ tài sản, tự cầu quả báo đời sau, hoặc sợ thân mạng tài sản vô thường cho nên thí xả, hoặc vì danh tiếng chỉ mong cầu lợi ích chính mình, thì đây không phải là lòng từ bi cứu giúp nghèo khổ, giống như mua bán trao đổi chứ không phải là nghiệp thuần tịnh, vì vậy trong kinh gọi là bố thí mà tâm bất tịnh. Như trong Bách Luận nói: "Vì quả báo mà bố thí thì gọi là bất tịnh. Bố thí mà giống như mua bán trao đổi, vì vậy quả báo có hai loại, hiện báo là danh tiếng được người kính yêu..., hậu báo là đời sau được giàu sang..., đây đều gọi là bố thí mà tâm bất tịnh. Ví như khách buôn đi xa đến phương khác, tuy mang theo nhiều đồ vật có thêm nhiều lợi ích, nhưng mà không phải vì thương xót chúng sanh, chỉ vì tự cầu lợi ích cho mình, thì đây là nghiệp bất tịnh. Bố thí cầu quả báo cũng lại như vậy". Lấy điều này chứng minh biết rõ, thật sư không có lòng yêu thương, tư mong cầu danh tiếng cho mình, hoặc vì quả báo đời sau, cho dù bố thí rất nhiều, nhưng đều không phải là nghiệp thanh tịnh. Nghiệp chẳng thanh tịnh cho nên quả báo được không hoàn thiện.

Do đó trong kinh Phân Biệt Nghiệp Báo nói: "Nếu vì sanh cõi trời mà bố thí, hoặc lại cầu mong danh tiếng, trả ân và mong báo đáp, sợ hãi cho nên hành bố thí, được quả không thanh tịnh, mà chịu nhiều sự thô lỗ trắc trở". Hành bố thí đã như vậy, thì trì giới – nhẫn nhục cùng các thiện nghiệp bất tịnh khác cũng như vậy. Cho nên trong Bách Luận nói: "Người trì giới mà tâm bất tịnh, tự cầu quả báo vui sướng riêng mình. Nếu trì giới cầu mong sanh lên cõi trời, cùng với Thiên nữ hưởng thụ khoái lạc. Nếu sanh trong loài người thì giàu sang hưởng thụ năm thứ dục lạc, bởi vì dâm dục". Như người che đậy hình tướng, bên trong thèm muốn sắc đẹp của người ta mà bên ngoài giả dạng thân thiện, thì gọi là bất tịnh. Đây là bên ngoài tinh tế mà tâm trì giới bất tịnh, như A-nan nói kệ với Nan Đà rằng:

"Như dê đực xúc chạm nhau,

Sắp tiến tới mà lùi lại,
Ông vì dục mà trì giới,
Việc ấy cũng lại như vậy”.

Tâm rộng mở chuyên làm lợi ích cho người, được phước sẽ nhiều. Lại đối với cảnh bố thí có nghèo có bệnh, hoặc có biết pháp mà thiếu thốn vật dụng, nếu bố thí khiến cho người ta được lợi ích tăng thêm thiện nghiệp, sự bố thí có thích hợp đạt được phước sẽ nhiều. Vì vậy trong kinh Hiền Ngu nói: “Đức Phật khen ngợi năm hạnh bố thí được vô lượng phước, đó là bố thí cho người từ xa đến, bố thí cho người sắp đi xa, bố thí cho người ốm đau bệnh tật, vào lúc đói kém giúp cho ăn uống, giúp cho người biết được giáo pháp. Năm hạnh bố thí như vậy thì đời hiện tại được phước thiện”. Đây là cách bố thí có thích hợp đời hiện tại đạt được nhiều phước thiện, không giống như bố thí cầu danh tiếng chẳng phải là điều quan trọng tuy cắt bỏ nhiều mà không được quả báo thanh tịnh. Còn tùy hỷ người khác bố thí, nếu hướng về những người rất thô thiển tạo ra điều bất thiện, thì tội lỗi vi tế của họ cũng được gọi là thiện; nếu nhằm về ly dục và chuyên vì người khác, đây là tạp nghiệp thì đều là tội lỗi của họ. Do đó trong luận Trí Độ nói: “Người thô thiển có tội lỗi thọ thiển, người tinh tế có tội lỗi tinh tế, cho nên tạo nghiệp này tội và phước đều thực hành, tâm hướng về không phải hoàn toàn là nghiệp bất tịnh. Trên đây trình bày về tội và phước đều thực hành, là tạp nghiệp bất tịnh của Dục giới. Nếu luận về tịnh nghiệp thì trở lại trước đây có thể biết. Do đó trong Bách Luận nói: “Tịnh thí là như người yêu mến lợi ích thì được phước cũng nhiều”.

Vì vậy trong kinh Nhân Quả có kệ rằng:

“Nếu như người không có của cải,
Không có tài sản để bố thí,
Lúc thấy người khác tu bố thí,
Mà sanh tâm tùy hủy với họ,
Phước báo của tâm niệm tùy hỷ,
Cùng với bố thí chẳng khác nhau”.
Còn trong luận Trượng Phu có kệ rằng:
“Tâm Bi bố thí cho một người,
Công đức to lớn như mặt đất,
Vì mình bố thí cho tất cả,
Được phước báo chỉ bằng hạt cải,
Cứu giúp một người gặp ách nạn,
Hơn hẳn tất cả mọi bố thí,

Mọi vì sao tuy có ánh sáng,
Không bằng ánh sáng một vầng trăng”.

Nếu các phàm phu tạo tác tội phước, không hiểu rằng nhân quả thiện ác là vô tánh, thì trở thành mê sự giữ lấy tánh, thường trói buộc vào Tam Hữu. Do đó trong luận Trí Độ nói: “Ví như dây thừng không có chỗ nào không vướng mắc, chỉ không vướng vào ngọn lửa được. Chúng sanh ái trước cũng lại như vậy, trong pháp thiện và bất thiện này đều vướng mắc, thạm chí Phi Tưởng cũng vướng mắc, chỉ không thể vướng vào ngọn lửa lớn của Tánh Không Bát nhã Ba la mật”. Lấy điều này chứng minh biết rõ, không có tánh thiện ác thường xoay vòng trong năm đường, thì sẽ không có Phật tánh và chúng sanh. Đây là sơ lược trình bày về hai hành tội phước của phàm phu mê sự giữ lấy tánh. Dựa theo kinh luận xong.

Phần thứ ba: **TỘI HÀNH**

Lời bàn: Đây là trình bày về Thánh giả ở sau những phước hành, nói rằng có tội hành, nhưng tội hành này vọng thấy ở cảnh nhiễm trước, giữ chặt Ngã – Nhân bám lấy trái thuận, liền khiến cho mình và người đều tạo thành ác nghiệp. Vì vậy trong kinh nói: “Tham dục không hề sanh diệt, không thể làm cho tâm phiền muộn, nếu người có tâm chấp Ngã, và có cái thấy đạt được, người này vì tham dục, sẽ vào chốn địa ngục”. Bởi vậy ngoài tâm tuy không có cảnh nào riêng biệt, mà xứng với tình chấp mê lầm kia thấy bừa lên nhiễm trước.

Như trong mộng thấy cảnh tượng khởi lên những tham sân, xứng với giấc mộng kia thì nói là thật sự không giả dối, lý thật sư không có cảnh mà chỉ do tình chấp thấy bừa. Cho nên trong luận Trí Độ nói: “Như trong mộng không có việc thiện mà chấp có thiện, không có điều sân giận mà sân giận, không có sự sợ hãi mà sợ hãi; chúng sanh trong Tam giới cũng lại như vậy, ngủ trong vô minh cho nên không đáng sân giận mà lại sân giận...”. Do đó biết ngoài tâm tuy không có cảnh gì khác, xứng với tình chấp mê kia thấy bừa dấy lên nhiễm trước; ngoài tâm tuy không có các tướng như địa ngục..., mà lúc ác nghiệp tạo thành vọng thấy nhận chịu khổ đau.

Như trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Người cõi Diêm Ma La không phải là chúng sanh, tội nhân trông thấy họ mà nói đều là chúng sanh, trong tay nắm giữ cái kìm sắt nóng đỏ, người địa ngục kia ác nghiệp đã hết, sau khi mạng chung không còn thấy ngục tốt Diêm La nữa, tại vì sao? Bởi vì đó không phải là số chúng sanh, như dầu và bấc

đèn cháy hết thì không còn ngọn đèn, nghiệp hết cũng như vậy, không còn thấy ngục tốt Diêm La nữa. Như ánh sáng mặt trời ở cõi Diêm Phù Đề đã xuất hiện thì không còn tối tăm, lúc ác nghiệp không còn thì ngục tốt Diêm La cũng lại như vậy, mắt hung dữ miệng ác hiểm như tướng chúng sanh, sắc tướng đáng sợ đều mất đi. Như phá bỏ bức tranh thì bức họa trên tường cũng theo đó mất đi, ác nghiệp vẽ ra trên bức tường cũng lại như vậy, không còn thấy sắc tướng đáng sợ của ngục tốt Diêm La nữa”.

Lấy văn này chứng minh, chúng sanh ác nghiệp phải nhận chịu đau khổ, tự nhiên trong chỗ không có vọng thấy địa ngục hiện bày. Hỏi thấy địa ngục ấy đã thấy ngục tốt và các loài hổ lang thì có thể khiến cho vọng thấy, chốn địa ngục kia có Diêm La ở trong đó phân xử những tội nhân, cảnh này là có, tại sao nói là không có? Đáp: Thấy ngục chủ kia cũng là vọng thấy, chính là do các nghiệp của tội nhân tiêm nhiễm trong tâm làm cho tâm biến đổi, giữa cái Không có mà vọng thấy có, thật sự không có địa ngục Diêm La trong đó.

Vì vậy trong luận Duy Thức nói: “Như trong địa ngục không có chủ địa ngục, mà chúng sanh địa ngục theo nghiệp tự nhiên, thấy có chủ địa ngục và các loại khổ đau, rồi dấy tâm thấy nơi này là địa ngục, lúc này là ban đêm, lúc này là ban ngày, mình vì ác nghiệp cho nên thấy chó thấy quạ, hoặc thấy núi đè”.

Lấy văn này chứng minh, thiện ác huân tập thấm đượm trong tâm, khiến cho tâm thấy sai khác, chứ thật ra không có địa ngục. Vì vậy, ngoài tâm tuy không có địa ngục, nhưng lúc ác nghiệp tạo thành thì bức hách tự nhiên vọng thấy.

Hỏi: Nghiệp báo đau khổ này đã không phải là điều thiện, lẽ nào không thẳng thắn như thế mà nói về thiện nghiệp khiến cho tu tập, cần gì phải xứng với tình chấp nói về nghiệp báo khổ đau?

Đáp: Pháp của thiện ác nhân quả cần phải tương đối, nếu không nói đến tham sân... là lỗi lầm, thì dựa vào đâu có thể hiển bày bố thí... là điều thiện? Nếu không nói rõ tam đồ là đau khổ, thì không biết từ đâu hiển bày được chốn trời người là vui sướng? Vì vậy cho nên cần phải nói đến tội hành của phàm phu, khiến cho người nhận thức rõ ràng biết chán ngán mà quay về làm thiện. Nếu là người độn căn, thì lúc nghe nghiệp báo khổ đau này sanh lòng chán ngán, liền cầu mong sự vui sướng của thế gian, do đó chuyển tâm tu các phước nghiệp. Nếu là người lợi căn, thì lúc nghe nghiệp báo khổ đau này sanh lòng chán ngán, lập tức cầu mong giải thoát, vì vậy chuyển tâm có thể tu đạo quán xét, liền từ

trong mê hoặc có thể lhởi nhân tố xuất thế. Do đó trong kinh giải thích rằng: Tất cả phiền não đều là chủng tử Phật. Cho nên biết nghiệp báo khổ đau là căn bản để chán ngán lìa xa và chính là duyên để phát khởi thiện tâm, vì vậy cần phải nói. Nếu như không nói đến tội hành ác nghiệp này, thì chúng sanh không nhận biết mà thường tạo ra mãi không dứt. Tuy xứng với tình kiến mà nói về các lỗi lầm xấu ác, nhưng thậ sự ngoài tâm không có nghiệp gì khác, chỉ có Thức không có cảnh – Thể của tâm hồn thanh tịnh. Do đó trong kinh giải thích rằng: "Tuy nói đến sai lầm của tham dục, mà không thấy pháp có gì đáng tham; tuy nói đến sai lầm của sân giận, mà không thấy pháp có gì đáng sân giận; tuy nói đến sai lầm của ngu si, mà biết các pháp chẳng si mê vô ngại; tuy chỉ rõ chúng sanh rơi vào ba đường là khổ đau đáng sợ, mà tướng của địa ngục ngạ quỷ súc sanh không thể đạt được".

Lấy văn bản này chứng minh, biết rằng tội hành nhân quả chỉ do tâm chứ không nơi nào khác, phàm phu ngu dốt không hiểu được, phương tiện dựa theo tình chấp, cần phải nói đến nghiệp khổ, hai phần từ trước đến nay, chính là thật giáo, nói về Thể chân thật của tội lỗi, không có gì có thể phá bỏ cả, bởi vì ngu si không hiểu, cần phải nhất định nói đến tội lỗi. Đây là trình bày riêng biệt về người ngu si mê muội chân thật mà hiểu xằng bậy, cho nên nhất định cần phải nói về ý của tội hành.

Phần thứ tư: PHƯỚC HÀNH

Lời bàn: Ở đây trình bày về phước hành, là đối với tội hành trước đây mà nói về phước hành này. Trước hết trình bày về hàng phàm phu tu thiện của Dục giới, chỉ dùng tâm loạn động tu các việc phước thiện, chắc chắn sanh vào cõi dưới thập gọi là nghiệp Dục giới, trong năm đường đều có thể dấy khởi. Đầu tiên ngay nơi địa ngục mà bàn, dựa theo Tỳ Đàm nói, người trong địa ngục cũng có ba thiện nghiệp, tức là ba thiện căn của ý, đây chỉ làthành tựu chứ không phải là hiện hành, bởi vì nơi khó khăn này quả thật là không nghe được pháp suy nghĩ hướng về đạo, cho nên không có hiện hành. Nếu luận về sanh được thiện căn, thì địa ngục cũng có, như Quốc vương Tiên Dự giết năm trăm Bà-la-môn mà sanh trong địa ngục, phát sanh tín tâm sanh vào nước Cam Lộ, cho nên biết là hiện hành. Nếu dựa theo Thành Luận, thì cũng nói địa ngục có thiện hiện hành, tuy không có năng lực phương tiện phát khởi thiện tu đạt Thánh đạo, nhưng mà có sanh được thiện căn phát khởi thiện, nghĩa là các chúng sanh từ vô thỉ đến nay, từng tu tập các pháp

Tín-Tiến-Niệm... của thế gian, không khởi lên tà kiến bài báng không có nhân quả, thiện căn này không mất đi, sanh ra liền có được, gọi là sanh được thiện căn, dựa vào thiện căn này có thể phát khởi thiện tâm. Nếu người có túc nghiệp cảm duyên mạnh mẽ, thì Đại Thánh hiện thân hóa độ khiến cho đau khổ dừng lại, thuyết đạo pháp cho nghe có thể tu phương tiện. Thứ hai là súc sanh như rồng ... cũng có tu thiện. Như Kinh Niết- bàn nói: "Lúc Đức Phật thuyết nghĩa, vô lượng chim thú phát tâm Bồ đề sanh lên cõi trời". Nếu dựa theo Tỳ Đàm, thì mười thiện của quỷ và súc sanh không phải luật nghi thâu nhiếp, bởi vì thân miệng của chúng có bảy thiện luật nghi, rộng khắp tất cả chúng sanh mà phát khởi, cho nên quỷ thần không có năng lực tiếp nhận. Do đó luận Tát Bà Đà nói súc sanh vì si độn cho nên không mở rộng luật nghi. Nếu dựa theo Thành Luận, thì quỷ thần súc sanh cũng có đắc giới.

Nếu ngay trong loài người, thì người cõi Bắc Việt chỉ thành tựu ba thiện nghiệp đạo của ý, mà không hiện hành, bởi vì thiện căn không mất, đến lúc kiếp tận thì mọi người đều tu thiện, một mình cõi ấy không có thể không yên phận lìa dục, tất nhiên ba phương còn lại đều có mười thiện nhưng có chẳng đầy đủ.

Nếu ngay nơi sáu trời Dục giới mà luận, thì không có giới biệt giải thoát của xuất gia, chỉ có mười thiện và giới của tại gia. Vì vậy Thành Luận nói: "Như Thiên Đế Thích phần nhiều thọ 8 giới, loài rồng cũng thọ, không hạn chế ở loài người". Nếu luận về các trời Sắc giới mà luận, thì dựa theo Tỳ Đàm, sanh cõi trên cõi dưới, cõi trên không phát khởi thiện nghiệp của cõi dưới, bởi vì nq của cõi ấy đoạn dứt, thân sanh ở cõi trên thì pháp của cõi dưới không còn. Đây là căn cứ vào hữu lậu, ở cõi dưới thành tựu, sanh cõi trên mất cõi dưới, thì không khởi lên tu tập. Nếu dựa theo Thành Luận, thì trên có thể thành tựu dưới, cũng có thể nhờ đó phát khởi thiện nghiệp của cỏi dưới, như các Phạm Thiên được gặp Phật lễ lạy phát ra lời ca ngợi, tức là tản thiện, đây là dựa vào thiện nghiệp của Dục giới mà phát khởi. Nếu dựa theo các luận Tỳ Đàm, Tỳ-bà-sa..., thì Phạm Thiên lễ lạy ca ngợi không phải là thiện nghiệp của Dục giới, mà đó là phát khởi tâm oai nghi của Sơ thiền. Dựa vào sở y này là vô ký chứ không phải là thiện, dựa vào thân miệng khác là sắc nghiệp của cõi trên. Đây là trình bày về loạn thiện và phước thiện của Dục giới dựa vào thân phát khởi xứ.

Tiếp là trình bày về định nghiệp tứ thiền của Sắc giới dựa vào thân phát khởi xứ. Nếu trong loài quỷ và súc sanh gặp được duyên tố mạnh mẽ có thể ngộ đạo, cũng có thể khởi lên tu tập, bởi vì vô lậu ấy

dựa vào thiền mà phát khởi. Cho dù không có căn bản mà đi sâu vào chánh thể của định, thì ắt phải có thiền tâm sơ nhất của vị lai. Thiền tâm vị lai này là nghiệp của Sắc giới. Dựa vào đây đến lúc vị lai đoạn trừ dục kết thì nghiệp này sẽ dẫn đến quả Phạm Thiên của Sơ Thiền. Nếu ngay nơi trời người mà luận về tu nghiệp của Sắc giới, thì trừ ra người ở cõi Bắc Đơn Việt không tu thiền, đương nhiên ba phương còn lại và trời Dục giới, đều có thể khởi tu mười thiện của Sắc giới. Nghĩa là người có thể tu thiền nơi ý có ba loại, đó là vô tham – vô sân và chánh kiến. Nếu luận về bảy thiện nghiệp của thân miệng, thì nghĩa là dựa vào định tâm phát sinh được thiền giới, thiền giới tức là bảy thiện của thân miệng, cho nên lúc đạt được thiền thì có mười thiện của Sắc giới. Nếu ngay nơi sác trời Vô sắc mà luận, dựa theo Tỳ Đàm thì trời Vô Sắc không có thể khởi tu định nghiệp của Sắc giới, bởi vì sanh cõi trên bỏ cõi dưới, giới địa đoạn dứt. Nếu dựa vào Thành Luận, thì hễ sanh đến Vô Sắc giới cũng có thể phát khởi được nghiệp trong Sắc giới. Đây là trình bày về thiền định phước nghiệp và mười thiện nghiệp đạo của Sắc giới dựa vào thân phát khởi xứ. Nếu luận về định nghiệp tứ Không của Vô Sắc giới dựa vào thân phát khởi xứ, thì trời người Tam giới đều có thể khởi tu. Trên đây trình bày về các phước hành dựa vào thân phát khởi xứ. Nếu luận về Thánh Nhân khởi phước, thì không liên quan đến phàm phu, hiếm hoi cho nên không bàn đến.

Tụng rằng:

Tìm nhân tố đường đi sai khác,
Và bỏ nơi chốn hãy còn nhẹ,
Đau khổ nghĩ quay về vui sướng,
Vui sướng hết rồi khổ lại sanh,
Há không phải tội phước sai khác,
Đều do đối đãi theo tình chấp,
Nếu như đoạn hết nghiệp hữu lậu,
Thì thường thấy Pháp thân sáng tỏ.
Nhân duyên cảm ứng.

Trong thời Đường Vũ Đức, Ký Thất Tham Quân Ẩu Tống Quản Toại Châu là Khổng Khác bệnh nặng đột ngột mà chết, một ngày mới sống lại, tự nói bị bắt đến chỗ quan tra hỏi tại sao giết hai con trâu? Khổng Khác nói: Không giết. Quan phủ nói: Em trai ông chứng minh là ông giết, tại sao không nhận tội? Vì vậy gọi em trai của Khổng Khác, em trai chết đã mấy năm rồi. đã đến thì thấy gông cùm rất chặt chẽ. Quan phủ hỏi: Ông đã nói anh mình giết trâu là đúng hay sai? Người

em nói: Anh trước đây vâng lệnh sai bảo chiêu đãi an ủi giặc cướp quấy phá, khiến tôi giết trâu tụ họp đãi tiệc, thật sự làm theo lệnh của anh, không phải tự mình giết. Khổng Khác nói: Sai em giết trâu tụ họp đãi tiệc là thật, nhưng bởi vì việc nước, chứ Khổng Khác đâu có tội tình gì! Quan Phủ nói: Ông giết trâu tụ họp giặc cướp, dấy sự chiêu đãi an ủi làm công, dùng để cầu quan trên ban thưởng lấy làm lợi cho mình, sao nói là việc nước? Vì vậy nói với rm của Khổng Khác rằng: Bởi ông chứng minh là ông giết, cho nên phải giữ ông lại, nay anh ông đã sai giết, thì ông không có tội, tha cho tùy ý mà đầu thai. Nói xong thì người em thoát đã không thấy, cũng kết thúc không cần phải nói gì nữa. Quan phủ lại hỏi Khổng Khác: Tại sao lại giết hai con vịt? Khổng Khác nói: Trước khi nhận chức huyện lệnh, giết vịt để cung cấp cho quan khách mà thôi, lẽ nào Khổng Khác có tội ư? Quan Phủ nói: Quan khách tự nhiên có thức ăn không cần đến vịt, ông lấy vịt cung cấp cho họ, mong được khen là tốt đẹp, không phải là tội thì như thế nào? Lại hỏi: Tại sao lại giết hại 6 quả trứng gà? Đáp rằng: Thường ngày không ăn trứng gà, nhưng nhớ lại lúc còn nhỏ mới 9 tuổi vào ngày Hàn Thực, mẹ từng cho sáu quả trứng vì vậy mà luộc ăn. Quan phủ hỏi: Vậy thì muốn đẩy tội cho mẹ sao? Khổng Khác nói: Không dám, chỉ nói rõ nguyên cớ ấy mà thôi, đây là tự Khổng Khác giết hại. Quan Phủ nói: Ông giết mạng người khác, nên tự mình nhận chịu. Nói xong bỗng nhiên có mấy chục người, cùng đến giữ lấy Khổng Khác, mang đi mất. Khổng Khác gọi to rằng: Quan phủ cũng xử oan ức quá mức. Quan phủ nghe tiếng gọi lại nói rằng: Sao oan ức quá mức? Khổng Khác nói: Từ nhỏ có tội cũng không thấy để sót, từ nhỏ tu phước cũng không thấy nghi nhớ, lẽ nào không phải là quá mức hay sao? Quan phủ hỏi chủ tỵ sở cai quản: Khổng Khác có phước gì, vì sao không ghi chép? Chủ ty sở cai quản trả lời rằng: Phước cũng đều ghi chép, tùy theo tội nhiều ít nếu phước nhiều tội ít, thì trước tiên để cho nhận phước; tội nhiều phước ít thì trước tiên phải chịu tội, nhưng mà Khổng Khác phước ít tội nhiều, cho nên không nói đến phước ấy. Quan phủ giận dữ nói: Tuy trước tiên phải chịu tội mà sao không nói rõ ràng phước của họ? Thế là ra lệnh đánh chủ ty sở cai quản một trăm roi. Chốc lát đã đánh xong, máu chảy lai láng, lát sau được phước của Khổng Khác đã tu từ nhỏ, cũng không để sót điều nào. Quan phủ nói với Khổng Khác rằng: Trước tiên ông phải chịu tội, ta cho ông trở về bảy ngày nữa, hãy chịu khó làm phước nhiều thêm! Nhân đó sai người đưa ra ngoài mà sống lại. Khổng Khác mời nhiều Tăng Ni đến hành đạo sám hối, tinh cần khổ hạnh, tự mình nói lại chuyện ấy.

Đến bảy ngày quyết định từ biệt mọi người, chốt lát mà mạng chung. Lâm Gia Huynh là người tùy thuộc trong phủ, thuật lại đích xác chuyện này.

(Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.)

Thiên thứ 81: DỤC CÁI

(Thiên này có 2 phần riêng biệt: Ngũ dục và Ngũ cái.)

Thứ 1: NGŨ DỤC

Ở đây có bốn phần: Thuật ý, Dục hệ, Dục chướng, Hạ dục.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Trộm tìm hiểu trong kinh luận, người thực hành tu đạo đều cho rằng năm dục là nguồn gốc làm chướng ngại đến đạo, nếu không học cách đoạn trừ thì không biết từ đâu chứng được Thánh quả! Muốn biết căn bản thì sơ lược kể ra ba loại: 1- Từ ngũ căn bên trong; 2- Do ngũ trần bên ngoài; 3- Ngũ thức đã sanh khởi. Do ba loại này cho nên luôn luôn sanh ra nhiễm dục.

Vì vậy trong kinh Niết- bàn nói: "Này người thiện nam! Ví như voi dữ chưa điều thuận được tâm, có người cưỡi lên thì không thể đi theo ý muốn, rời xa thành ấp đến nơi trống trải, không thể nào dễ dàng nhiếp phục. Năm căn này cũng lại như vậy, mgang người rời xa thành ấp Niết Bàn, đến ở nơi cánh đồng bát ngát của sanh tử. Này người thiện nam! Ví như nịnh thần bày cho vua làm ác, nịnh thần năm căn cũng lại như vậy, thường dùng bày cho chúng sanh tạo ra vô số điều ác. Ví như con cái hung dữ không tiếp nhận lời dạy bảo của thấy và cha mẹ thì không điều ác nào không làm; năm căn không điều phục cũng lại như vậy, không tiếp nhận sự chỉ dạy tốt lành của thầy, thì không điều ác nào không làm. Này người thiện nam! Người phàm phu không thâu nhiếp năm căn, thường bị giặc của địa ngục ngạ quỷ súc sanh làm hại, cũng như bọn trộm cướp làm hại đến người lương thiện".

Còn trong kinh Di Giáo nói: "Giặc cướp năm dục làm hại đến nhiều đời, mang lại tai họa rất to lớn, không thể không cẩn thận. Vì vậy người có trí chế ngự không theo, giữ như giữ giặc thù, giả như khiến thuận theo, cũng không được bao lâu, trông thấy liền mất đi".

Luận về cái, thì nó có nghĩa là bóng râm che phủ, gọi là che phủ ngăn trở người thực hành làm cho chí tánh hôn trầm, định tuệ không sáng tỏ mà che kín người thiện, vì chướng ngại đến sự tu tập chánh đạo

cho nên gọi là Cái. Vì vậy trong Đối Pháp Luận nói: "Cái này có thể làm cho thiện phẩm không hiện bày rõ ràng được, là nghĩa của Cái; che lấp tâm tư ngăn trở các thiện phẩm làm cho không lay chuyển đổi được, cho nên gọi là nghĩa về Cái". Năm dục trước là từ năm trần bên ngoài mà sanh khởi, năm cái này là từ năm căn bên trong mà phát ra.

***Phần thứ hai:* DỤC HỆ**

Lời bàn: Luận về năm dục, thì đã có Căn ấy dễ dàng phát sanh năm dục, ràng buộc chúng sanh không giải thoát được. Vì vậy trong kinh Niết- bàn nói: "Người phàm phu bị năm dục ràng buộc, khiến cho ma Ba Tuần tự do mang đi, như thợ săn kia bắt trói vượn khỉ gánh quay về nhà. Này người thiện nam! Ví như Quốc vương an trú nơi địa phận của mình thì thân tâm an lạc, nếu đến địa phận của người khác thì gặp phải những điều khổ sở. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, nếu luôn luôn tự trú trong cảnh giới của mình thì được an lạc, nếu đến cảnh giới của người khác thì gặp phải ác ma chịu nhiều sự khổ não". Cảnh giới của mình, gọi là bốn niệm xứ; cảnh giới của người khác, gọi là năm dục. Năm dục ấy chính là các loại sắc thanh hương vị xúc trên thân thể của nam nữ. Tức là năm dục này lấy sự mong mỏi chờ đợi làm nghĩa; tham đắm năm trần, gọi đó là dục, và ý thức tiếp xúc duyên theo cảnh thì gọi là pháp trần. Sáu trần này không phải chỉ gọi là trần, mà hành xứ của nó lại được gọi là ác tặc. Do đó trong kinh Niết- bàn nói: "Như sáu tên giặc to lớn luôn luôn cướp đoạt tài sản tốt lành của tất cả chúng sanh. Như sáu tên giặc lớn nếu đi vào nhà người ta, thì luôn luôn cướp đoạt tất cả những gì có trong nhà, không lựa chọn tốt xấu, khiến cho người giàu có bỗng trở thành nghèo túng; bọn giặc sáu trần này cũng lại như vậy, nếu tiến vào căn của người thì luôn luôn cướp đoạt tất cả thiện pháp, thiện pháp đã không còn, nghèo túng cô quạnh bày rõ, trở thành hạng Nhất xiển đề. Vì vậy Bồ tát quán sát tường tận sáu trần giống như sáu tên giặc lớn".

***Phần thứ ba:* DỤC CHƯỚNG**

Lời bàn: Luận về lỗi lầm của Dục, ấy gọi là quái năm dục - giặc ác sáu trần, không phân định tà hoặc - làm mê chướng Phật tánh. Vì vậy trong kinh Niết- bàn nói: "Năm Thức của chúng sanh tuy không phải là nhất niệm, nhưng đều là hữu lậu, lại toàn là tà đảo, tăng thêm các lậu làm cho tất cả phàm phu, tham đắm vào Sắc cho đến đắm theo Thức, bởi vì đắm vào Sắc cho nên sanh tâm tham trước, sanh tâm tham trước cho nên bị Sắc trói buộc, cho đến bị sự trói buộc của Thhức, bởi vì trói buộc cho nên không thể tránh khỏi nỗi khổ to lớn của sanh lão bệnh tử

và tất cả phiền não làm cho buồn phiền". Lại nói: "Nếu có Bồ tát tự nói giới thanh tịnh, tuy rằng không cùng với người nữ hòa hợp cười nói đùa cợt, nghe âm thanh của họ, nhưng khi trông thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc trông thấy người nữ đi theo người nam, thì sanh tâm tham trước. Nam truyền như vậy thanh tịnh pháp dục, phá hủy tịnh giới, làm bẩn phạm hạnh, khiến cho giới bị tạp uế, không được gọi là đầy đủ tịnh giới".

Còn trong luận Trí Độ nói: "Bồ tát quán sát loại bất tịnh, ở trong các loại suy yếu thì sau yếu vì người nữ là nặng nhất; dao sắc - lửa cháy-sấm chớp-sét đánh-kẻ thù, ngay cả rắn độc hãy còn có thể tạm thời tiếp cận, mà người nữ bủn xỉn - ganh ghét - sân giận - nịnh hót - lẳng lơ - hiểm ác, tranh đấu - tham lam- tật đố thì không có thể thân cận với họ. Tại vì sao? Bởi vì người nữ ích kỷ thâm hiểm tâm nông cạn trí nhỏ nhoi, chỉ có dục vọng là gần gũi, không quán xét giàu sang – trí thức – đức hạnh hay danh tiếng, chuyên làm điều dục vọng xấu ác phá hoại thiện căn của người Gông cùm xiềng xích lao ngục giam cầm, tuy nói là khó trừ bỏ mà hãy còn dễ dáng mở ra, xiềng xích người nữ giam hãm con người vào sâu trong tham đắm nhiễm ô, không có thể thoát ra được, là căn bệnh nhất trong mọi căn bệnh. Như Đức Phật thuyết kệ rằng:

Thà rằng lấy sắt nóng,
Lăn tròn trong đôi mắt,
Không dùng tâm nhiễm trước,
Liếc nhìn theo nữ sắc.
Mỉn cười làm dung mạo,
Kiêu mạn đầy tâm niệm,
Quay mặt đổi ánh mặt,
Nói tốt thường ganh ghét.
Bước đi thật lẳng lơ,
Làm mê hoặc lòng người,
Lưới dâm phủ khắp nơi,
Mọi người đều ta thân.
Ngồi nằm cùng đi đứng,
Quay nhìn khó quyến rũ,
Người ngu si khờ dại,
Bị làm cho mê mẩn.
Cầm gươm hướng về giặc,
Còn có thể thắng được,

Nữ tặc làm hại người,
Thì không thể chịu nổi.
Rắn rít ngậm chất độc,
Tay hãy còn bắt được,
Nữ tình mê hoặc người,
Thì không thể tiếp xúc.
Người có trí điềm tĩnh,
Vốn không cần phải nhìn,
Nếu muốn quán sát họ,
Nên như mẹ và chị.
Nhìn tường tận thấy rõ,
Chứa đầy những bất tịnh,
Lửa dâm không trừ bỏ,
Sẽ bị nó thiêu cháy".

Lỗi lầm do Sắc đã như vậy, tất nhiên thanh hương vị xúc còn lại ví dụ cũng như vậy. Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay, mãi chìm đắm trong sanh tử không thể nào thoát ra được, thật sự bởi vì nữ sắc, ràng buộc giam hãm khó mà cởi bỏ, mù lòa không có mắt trí tuệ, gặp phải hố hầm sanh tử mà chịu rơi xuống. Nay nghĩ rằng đạo tục không quán xét tai họa của dục, luôn luôn rong ruổi theo nó, bao giờ mới quay lại để có thể tránh khỏi tai họa này? Tâm luôn luôn bị nhiễm trước không thể nào tạm thời bỏ được, giới còn không giữ được thì làm sao có định tuệ, để nhìn thấy Phật tánh của mình? Vì vậy kinh Niết- bàn có kệ rằng:

"Làm ác không lập tức nhận chịu,
Như sữa lập tức thành sữa đặc,
Giống như tro phủ trên ngọn lửa,
Người ngu si khinh thường giẫm vào".

***Phần thứ tư:* HẠ DỤC**

Như luận Trí Độ nói: "Hành giả nên trách mắng năm dục rằng: Đau xót thay chúng sanh, thường bị năm dục làm cho phiền muộn, mà mong cầu mãi không thôi, sẽ rơi vào hầm lớn được nó càng thêm nặng, như lửa đốt mụn ghẻ, năm dục chẳng ích gì, như chó gặm xương khô; năm dục thêm tranh đoạt, như quạ giành miếng thịt; năm dục thiêu cháy người, như cầm đuốc ngược gió; năm dục làm hại người, như giẫm phải rắn độc; năm dục không có thật, như trong mộng đạt được; năm dục không lâu dài, như mượn trong phút chốc. Người thế gian ngu si mê tham đắm theo năm dục, đến chết không bỏ, làm cho đời sau nhận chịu vô lượng khổ đau. Có được năm dục này thì vui trong chốc lát, mất đi

thì trở thành nỗi đau khổ vô cùng. Như người kiếm lưỡi dao thoa mật vì ham liếm mà không biết lưỡi bị tổn thương. Năm Dục ấy gọi là sắc thanh hương vị xúc, đây là năm điều thật sự chướng ngại cho người tu Thiền, nếu muốn tu Định thì đều phải từ bỏ không tiếc".

Thứ nhất trách mắng lỗi lầm của Sắc dục: Như vua Tần Bà Sa La, vì Sắc cho nên tự mình đi vào nước đối địch, một mình ở trong phòng của dâm nữ A Phạm Bà La. Vua Ưu Điền bởi vì Sắc nhiễm cho nên chặt đứt tay chân của năm trăm người Tiên. Các loại nhân duyên như vậy, thì gọi là trách mắng sai lầm vì Sắc dục.

Thứ hai trách mắng lỗi lầm của thanh dục: Như tướng âm thanh không dừng lại, tạm thời nghe liền mất, người ngu si không hiểu tướng của âm thanh biến đổi vô thường, cho nên từ trong âm thanh cọng sanh ra yêu thích, đối với âm thanh đã đi qua nghĩ lại mà sanh đắm trước. Như năm trăm người Tiên trú ở trong núi, người nữ Chân Đà La ở núi Tuyết đang đắm giữa hồ, họ nghe tiếng ca của cô gái liền mất thiền định, tâm mê mẩn say sưa quá mức không thể nào tự giữ mình được, mất hết các công đức sau đọa vào ác đạo. Người có trí quán xét âm thanh sanh diệt, trước sau không cùng lúc – không có tướng giử được. Dấy lên biết như vậy, thì không thể nhiễm trước. Như người này, âm nhạc chư Thiên hãy còn không có năng lực làm cho tán loạn, huống hồ âm thanh của con người. Các loại nhân duyên như vậy, thì gọi là trách mắng sai lầm vì Thanh dục.

Vì vậy Luận nói: "Như lúc năm trăm người Tiên bay đi bỗng nghe tiếng ca của cô gái Khẩn Đà La, tâm đắm trước say sưa mê mẩn đều mất hết thần túc cùng lúc rơi xuống đất. Như Thanh văn nghe tiếng đánh đàn ca hát của Khẩn Đà La Vương Đồn Luân Ma, dùng thật tướng các pháp ca ngợi Đức Phật, lúc này núi Tu Di và các loài cây đều rung động, Đại Ca Diếp cùng các Đại đệ tử, đều ở trên chỗ ngồi múa máy tay chân không thể nào tự giữ yên được. Bồ tát Thiên Man hỏi Đại Ca Diếp: Ông tuổi già lớn nhất và thực hành đầu đà bậc nhất, nay tại sao không thể kềm chế tâm tự giữ yên được? Đại Ca Diếp đáp rằng: Tôi đối với các dục của trời người thì tâm không hề khuynh động, Bồ tát này có âm thanh phước báo của vô lượng công đức, lại dùng trí tuệ biến hóa làm âm thanh, cho nên không thể nào nhẫn nại được. Ví như 8 phương nổi gió không có thể khiến cho núi Tu Di lay động. Nến lúc kiếp tận ngọn Tỳ Lam thổi đến núi Tu Di thì sẽ làm cho giống như cỏ thối.

Như đàn A Tu thường tự nhiên phát ra tiếng, tùy theo ý muốn mà làm âm thanh không có người gảy đàn, đây cũng không có gì tán

tâm, cũng không có gì nhiếp tâm, chính là quả báo phước đức sanh ra, tùy theo ý muốn phát ra âm thanh; Pháp thân Bồ tát cũng lại như vậy, không có gì phân biệt, ccu không có gì tán tâm, cũng không có tướng thuyết pháp, chính là nhân duyên của vô lượng phước trí".

Thứ ba trách mắng lỗi lầm của Hương dục: Người ta nói rằng đắm theo mùi hương thì ít tội lỗi. Nhiễm ái đối với hương mở rộng cánh cửa kết sử, tuy rằng trăm năm trì giới, nhưng có thể hủy hoại trong chốc lát. Như có A La Hán thường đi vào Long cung ăn cơm, ăn xong lấy bình bát đưa cho Sa di bảo rửa sạch. Trong bát có mấy hạt cơm còn sót lại, Sa di ngửi thấy rất thơm, ăn vào rất ngon, liền tìm cách trốn vào dưới giường dây của thầy, hai tay nắm lấy chân giường dây. Vị thầy đến giờ cùng với giường dây đi vào Long cung. Long Vương nói: Người này chưa đắc đạo, vì sao mang đến đây? Vị thầy nói: Không biết. Sa di được ăn uống xong, lại thấy Long Nữ thân thể đoan chánh mùi thơm tuyệt với không gì sánh được, tâm nhiễm trước vô cùng, liền dấy lên nguyện xấu ác: Mình nên làm phước giành lấy xứ rồng này và ở trong cung điện đó. Long Vương nói: Sau đừng dẫn Sa di này đến. Sa di trở về rồi, dốc lòng bố thí trì giới chú tâm cầu mong toại nguyện, nguyện sớm được làm rồng. Lúc ấy đi quanh chùa dưới chân có nước chảy ra, tự biết chắc chắn được làm rồng. Thẳng đến chỗ thầy lúc đầu đi vào ở bên cạnh hồ lớn, lấy ca sa che đầu mà tiến vào liền chết, biến làm con rồng lớn, nhờ phước đức lớn cho nên giết Long Vương kia máu đỏ cả hồ. Trước khi chưa như vậy thì các vị Tăng và thầy đã trách dạy Sa di nói: Tâm con đã quyết định, tâm tướng của con lộ rõ, mong các Tăng đến bên hồ nhìn xem! Nhân duyên như vậy bởi vì sai lầm đắm trước theo Hương.

Lại có một Tỳ khưu, đang kinh hành bên hồ hoa sen ở trong rừng, ngửi thấy hương thơm hoa sen, mũi tiếp nhận tâm đắm trước. Vị thần hồ hoa nói rằng: Tại sao ông bỏ rừng kia ra khỏi chỗ ngồi thiền vắng lặng mà trộm hương của tôi? Bởi vì đắm trước theo hương cho nên các kết sử đang ngủ đều thức dậy. Lúc ấy lại có một người đến tiến vào trong hồ, lấy nhiều hoa sen, đào kéo thân rễ bừa bộn mà đi, vị thần hồ hoa im lặng không hề nói gì. Tỳ khưu nói: Người này phá hoa trong hồ của ông, ông cũng không nói gì, tôi chỉ đi bên bờ hồ, liền bị trách mắng rằng tội trộm hương? Vị thần hồ hoa nói: Người xấu ác ở thế gian thường còn giữa đống phân dơ của tội lỗi, bất tịnh lút đầu, tôi không nói với họ, ông là người tối thực hành thiền tịnh, mà đắm theo hương này phá hỏng việc tốt của ông, vì vậy trách móc ông, ví như tấm vải bông trắng nõn tương sáng sạch sẽ mà có vật đen vấy bẩn thì mọi người đều trông

thấy. Người xấu ác kia, ví như chiếc áo đen, dùng mực đen giây vào, mọi người cũng không trông thấy, ai hỏi làm gì? Các loại nhân duyên như vậy, thì gọi là trách mắng sai lầm vì Hương dục.

Thứ tư trách mắng lỗi lầm của Vị dục: Nên tự giác ngộ, mình chỉ vì tham trước mùi vị thơm ngon nên phải nhận chịu bao nhiêu đau khổ, nước đồng sôi rót vào miệng – ăn viên sắt cháy đỏ, nếu không quán sát thức ăn mà tâm ham thích kiên quyết đắm trước, thì rơi vào trong loài giòi bọ bất tịnh. Như một Sa di, tâm thường thích sữa đặc, lúc những đàn việt cúng dường chúng Tăng món sữa đặc, Sa di mỗi khi được phần còn thừa lại, thì trong tâm thích thú mê mẩn, vui sướng không rời xa. Sau khi mạng chung sanh vào trong bình sữa đặc còn thừa lại này, thầy của Sa di đắc quả La Hán, lúc chúng Tăng phân chia sữa đặc, nói rằng: Hãy từ từ đừng làm tổn thương Sa di thích sữa đặc này! Mọi người nói: Đây là giòi bọ, vì sao nói là Sa di thích sữa đặc? Trả lời rằng: Con sâu này vốn là Sa di của tôi, chỉ vì ham thích sữa đặc còn thừa lại cho nên sanh trong bình sữa này. Vị thầy được phần sữa đặc, con sâu đến ở trong đó. Vị thầy nói: Người thích sữa đặc, tại sao ông đến đây? Liền lấy sữa đặc cho con sâu.

Lại có một vị Quốc Vương, tên gọi là Nguyệt Phân, nhà vua có Thái Tử, ham thích mùi vị ngon ngọt. Người coi vườn của nhà vua, hàng ngày chuyển trái cây ngon ngọt đến. Trong vườn có một cây to, trên cây có con chim nuôi đàn chim con, thường bay đến trong núi Hương, lấy trái quả thơm ngon mang về để nuôi đàn con. Đàn chim con giành nhau, một quả rơi xuống đất. Người coi vườn sáng sớm trông thấy loại quả cây Rất khác lạ, liền mang đến đưa cho nhà vua. Nhà vua coi trọng quả này bởi vì có hương sắc rất đặt biệt. Thái Tử trông thấy quả cây liền đòi lấy, nhà vua yêu con mình liền lấy đưa cho. Thái tử ăn quả cây, biết được mùi vị đó, tâm vô cùng say đắm, ngày ngày muốn được ăn. Nhà vua liền gọi người coi vườn đến hỏi quả cây đó từ đâu mà có, người coi vườn nói. Quả cây này không có giống trồng, từ mặt đất nhặt được, không biết từ đâu mà xuất hiện. Thái Tử khóc lóc bỏ ăn, nhà vua thôi thúc yêu cầu người coi vườn, nhờ tìm sao cho được loài cây có quả ấy. Người coi vườn đến nơi nhặt được quả, thấy có tổ chim, biết là chim ngậm đến, bèn leo lên nấp kín trên cây, chờ đợi muốn lấy được quả. Lúc chim mẹ xuất hiện, liền giành lấy được quả, ngày ngày chuyển đến như vậy. Chim mẹ tức giận, bay vào trong núi Hương lấy trái độc mang về, hương vị màu sắc của trái cây ấy tương tự loại quả trước đây. Người coi vườn giành lấy được mang đến chỗ nhà vua, nhà vua đưa cho Thái

Tử, Thái Tử ăn vào không bao lâu thì thân thể hủy hoại mà chết. Các loại nhân duyên như vậy, thì gọi là trách mắng sai lầm của Vị dục.

Thứ năm trách mắng lỗi lầm của Xúc dục: Xúc này là nhân tố phát sanh kết sử, là nguồn gốc ràng buộc tâm tư. Tại vì sao? Bởi vì bốn tình chấp khác đều có phạm tương xứng của nó, nhưng xúc dục này thì nhiễm trước toàn thân, vì dục ấy khó bỏ nên thường gây ra tội nặng.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ khưu thuyết về nhân duyên Bổn sanh. Vào đời quá khứ lâu xa, trong vùng núi của nước Ba-la-nại có một người Tiên, vào tháng Trọng Thu, đến tiểu tiện trong bồn tắm, thấy hươu đực hươu cái làm tình với nhau, tâm dâm dục liền nổi lên làm cho tinh khí chảy vào trong bồn. Hươu cái uống vào lập tức mang thai, đủ tháng sanh con, hình dáng tương tự như người, nhưng trên đầu có một sừng, chân thì giống như chân hươu. Lúc hươu đang sắp đẻ thì đến bên am tranh của người Tiên mà đẻ, con này là người, đem giao cho người Tiên mà đi mất. Lúc người Tiên đi ra trông thấy con hươu bé nhỏ này, tự nhiên nghĩ đến duyên ban đầu, biết là con của mình, đem vào mà nuôi dưỡng dạy dỗ, đến khi trưởng thành chịu khó dạy dỗ học hành, thông hiểu mười tám loại kinh điển lớn. Lại học ngồi thiền, thực hành bốn tâm vô lượng đạt được năm thần thông. Một hôm lên núi gặp mưa lớn bùn trơn, chân đi không thuận tiện, ngã nhào xuống đất làm vỡ chiếc bình đựng nước. Vì chiếc bình chứa đầy nước này, mà bị thương ở chân, nên tức giận vô cùng và chú nguyện làm cho không mưa được. Phước đức của người Tiên rất lớn nên các loài rồng quỷ thần đều làm cho không mưa. Không mưa cho nên lúa đậu mè hoa trái không thể sanh trưởng được, nhân dân cùng kiệt không còn đường sống. Vua nước Ba-la-nại vô cùng ưu sầu áo não, truyền cho các Đại thần tập trung bàn chuyện cầu mưa. Người hiểu biết bày tỏ rằng: Tôi được nghe người Tiên trong núi có một người Tiên trên đầu có một sừng, bởi vì chân đi lại không thuận tiện cho nên lên núi gặp mưa mà ngã nhào xuống đất làm chân bị thương, tức giận chú nguyện khiến cho mười hai năm trời không mưa xuống. Nhà vua suy nghĩ và nói: Nếu mười hai năm không có mưa, thì nước ta ắt chết hết, không còn dân chúng nữa. Nhà vua liền đưa ra lời chiêu mộ: Ai có năng lực làm cho người Tiên mất hết năm thần thông, thì ta vì dân chúng, sẽ chia một nửa đất nước để cai quản đất nước này. Lúc ấy có dâm nữ tên gọi là Phiến Đà, đoan chánh và giàu có, đến nhận lời nhà vua chiêu mộ. Dâm nữ hỏi mọi người: Vị ấy là người hay chẳng phải người? Mọi người nói: Là người Tiên sanh ra. Dâm nữ nói: Nếu là người thì tôi có thể làm hỏng được. Nói lời này xong, liền lấy mâm

bằng vàng chứa đầy vật báu tốt đẹp, nói với nhà vua rằng: Tôi sẽ cưỡi cổ người Tiên này đến đây. Dâm nữ liền yêu cầu năm trăm cô gái đẹp, năm trăm xe hươu chở các loại thuốc viên Hoan Hỷ, đều dùng các thứ cỏ thuốc hòa lẫn, dùng màu sắc họa vẽ làm cho giống như hoa quả đủ loại, và mang các loại rượu ngon làm tăng sức lực có màu sắc mùi vị như nước, mặc áo vỏ cây đi giữa rừng cây, để có vẻ như người Tiên, đến bên am tranh của người Tiên làm lều cỏ mà ở lại. Người Tiên một sừng đi lại thì trông thấy, các cô gái đều ùa ra đón tiếp, hoa đẹp hương thơm cúng dường người Tiên, người Tiên rất vui. Các cô gái dùng lời lẽ tốt lành cung kính hỏi thăm, người Tiên đi vào trong nhà ngồi giường chiếu đẹp đẽ, mời rượu ngon rất trong, cho là nước trong; mời thuốc viên Hoan Hỷ cho rằng quả dưa. Người Tiên ăn uống no nê rồi nói với các cô gái rằng: Tôi từ lúc sinh ra đến nay chưa được ăn quả ngon – uống nước thơm như vậy. Các cô gái nói: Chúng tôi dốc lòng làm điều thiện cho nên trời ban cho, chúng tôi nguyện được nước thơm quả ngọt này. Người Tiên hỏi các cô gái rằng: Các cô dùng thứ gì mà màu da mịn màng tươi đẹp như vậy? Đáp rằng: Bọn tôi ăn quả ngon này uống nước ngọt này, cho nên mập mạp như vậy. Các cô gái bày tỏ với người Tiên rằng: Vì sao ông không ở lại nơi này? Đáp rằng: Cũng có thể ở lại thôi. Các cô gái nói: có thể cùng nhau tắm rửa? Lập tức cũng đồng ý. tay các cô gái mền mại, chạm vào làm tâm rung động, liền cùng với các cô gái trải qua cọ rửa lẫn nhau, tâm dục vọng chuyển sang hừng hực, thế là làm chuyện dâm, liền mất hết thần thông. Trời tuôn mưa lớn suốt bảy ngày đêm, khiến cho được ăn uống hoan lạc vô cùng. Sau bảy ngày thì rượu và thức ăn đều hết, tiếp tục dùng nước trong núi – quả trên cây, mùi vị ấy không ngon ngọt, lại đòi những thứ trước đây. Các cô gái đáp rằng đã hết, nay nên cùng nhau lên đường, cách đây không xa, có nơi có thể đạt được như vậy. Người Tiên nói: Tùy ý. Tức thì cùng nhau ra đi. Cách thành không xa, dâm nữ liền nằm ở giữa đường nói: Tôi hết sức rồi không có thể đi được nữa. Người Tiên nói: Cô không thể đi được thì cưỡi trên cổ tôi, tôi sẽ cõng cô đi. Dâm nữ trước đã sai người đưa tin báo cho nhà vua, nhà vua có thể thấy tài năng trí tuệ của tôi. Nhà vua truyền lệnh trang hoàng xe cộ ra ngoài mà nhìn xem, hỏi rằng: Do đâu mà có thể như vậy? Dâm nữ thưa với nhà vua rằng: Tôi dùng sức phương tiện cho nên nay đã như vậy, người Tiên không còn kn gì nữa, lệnh cho ở trong thành có thể cung dưỡng thật cung kính, đầy đủ năm thứ dục lạc, bái làm Đại thần. Ở trong thành mấy ngày thì thân thể gấy ốm hẳn đi, nghĩ đến thiền định thì tâm vui vẻ mà chán ngán dục lạc của thế gian.

Nhà vua hỏi người Tiên: Sao ông không vui để cho thân thể trở nên gầy ốm như vậy? Người Tiên trả lời nhà vua: Tuy tôi có được năm thứ dục lạc, nhưng thường nhớ đến nơi các người Tiên dạo chơi an nhàn thanh vắng trong rừng, mà tự mình không có thể đi được. Nhà vua tự suy nghĩ: Nếu luôn luôn cưỡng bức làm trái tâm chí của người thì thật là đau khổ, đau khổ quá mức thì sẽ chết, chủ yếu vì cầu mong trừ được tai họa hạn hán, nay đã dạt được, lại vì cớ gì cưỡng bức làm mất tâm chí của họ? Thế là nhà vua truyền lệnh tha cho. Đã trở về trong núi, tinh tiến không bao lâu, vẫn đạt được năm thần thông.

Đức Phật bảo với các Tỳ khưu: Người Tiên một sừng xưa kia, chính là thân Ta bây giờ. Dâm nữ xưa kia, nay chính là Gia Du Đà La. Thuở ấy dùng viên thuốc Hoan Hỷ làm mê hoặc Ta, Ta chưa đoạn trừ kết sử cho nên bị mê hoặc. Nay lại muốn dùng viên thuốc Hoan Hỷ làm mê hoặc Ta, nhưng không thể nào đạt được. Bởi vì chuyện này cho nên biết, pháp xúc chạm êm dịu mịn màng có năng lực lay chuyển người Tiên, huống hồ hạng phàm phu ngu dối?

Các loại nhân duyên như vậy, thì gọi là trách mắng sai lầm của Xúc dục. Có thể trách mắng năm dục như vậy thì loại trừ được năm cái.

***Thứ 2:* NGŨ CÁI**

Hỏi: Thế nào là năm? Đáp: 1- Tham dục cái; 2- Sân hận cái; 3- Thụy miên cái; 4- Trạo hối cái; 5- Nghi cái.

Thứ nhất, Tham dục cái, nghĩa là ngồi ngay thẳng tu thiền mà tâm sanh ra ham muốn hiểu biết, vọng niệm liên tiếp mong cầu mãi không thôi, liền khiến cho phát sanh ưu sầu. Như luận Trí Độ nói: "Thuật bà Già vì nghĩ đến Vương Nữ, tâm dục bên trong bùng phát hãy còn có thể đốt cháy thân hình, lan dài đến miếu thờ trời, huống hồ phát sanh dục vọng hiểm ác, hừng hực mà không cháy ư? Các thiện pháp nếu như tâm đắm vào dục vọng thì không biết do đâu mà đến gần đạo. Cho nên Luận có kệ rằng:

Người tám quý tiến vào trong đạo
Ôm bình bát nhiếp phục chúng sanh
Tại sao phóng túng theo dục trần,
Chìm đắm vào tình chấp năm dục?
Đã từ bỏ năm thứ dục lạc,
Bỏ đi mà không quay lại nhìn,
Tại sao vẫn mong muốn đạt được,

Như người ngu tự ăn đồ bỏ.
Các dục cầu mong thì khổ sở,
Có được thì thêm nhiều sợ hãi,
Mất đi thì sanh nhiều phiền muộn,
Tất cả không nơi nào vui được.
Các tai họa như vậy chấm dứt,
Tại sao có thể từ bỏ,
Được phước thiện thiền định yên vui,
Thì không bị mọi điều lừa dối".

Thứ hai, Sân hận cái, sân hận là nguồn gốc làm mất đi các thiện pháp, là nhân duyên rơi vào các đướng ác, là kẻ thù của pháp lạc, là giặc lớn của thiện tâm, là kho tạng của ác khẩu, là đao búa của tai họa. Nếu lúc tu đạo, suy nghĩ người này làm phiền đến mình, và làm hại người thân của mình, ca ngợi kẻ thù của mình, toan tính vượt qua quá khứ vị lai cũng lại như vậy, thì bởi vì 9 loại não hại cho nên sanh ra sân hận. Ý niệm sân hận che lấp tâm tư cho nên gọi là Cái, hãy gấp rút từ bỏ nó chứ không để cho nó tăng thêm. Như trong luận Trí Độ, Thích Đề Bà Na dùng kệ thưa hỏi Đức Phật rằng:

"Vật gì giết chết sự an ổn,
Vật gì giết chết sự vô ưu,
Vật gì là gốc của độc hại,
Nuốt mất tất cả các điều thiện?
Đức Phật thuyết kệ trả lời rằng:
Giết chết sân hận thì an ổn,
Giết chết sân hận thì vô ưu,
Sân hận là gốc của độc hại,
Sân hận diệt đi mọi điều thiện".

Biết như vậy rồi nên tu Từ Ba, lấy Nhẫn Nhục trừ diệt khiến cho tâm thanh tịnh, quán xét âm thanh trống rỗng không thật thì không nên dấy lên sân hận. Vì vậy luận Trí Độ nói: "Bồ tát biết các pháp bất sanh bất diệt, tánh ấy đều rỗng không. Nếu như người sân hận mắng nhiếc, hoặc đánh hoặc giết, thì giống như mộng ảo như huyễn hóa". Quán xét âm thanh vốn không có, chỉ là tiếng gió thuận theo duyên mà có, đâu cần phải đáng sân hận? Do đó Luận nói: "Như lúc người sắp nói thì gió trong miệng gọi là Ưu Đà Na, vào lại đến rốn, chạm đến rốn phát ra tiếng vang, lúc tiếng vang phát ra tiếp xúc với bảy chỗ mà dấy lên, thì gọi là ngôn ngữ. Như kệ nói:

Hơi gió gọi là Ưu Đà Na,

Chạm đến rốn mà phát lên trên,
Hơi gió này tiếp xúc bảy chỗ,
Đỉnh đầu và lợi răng cùng môi,
Lưỡi yết hầu cho đến phần ngực,
Trong này ngôn ngữ phát sanh ra,
Người ngu si không hiểu như vậy,
Mê muội chấp trước nổi sân si".

Còn trong Kinh Ưu Bà Tắc nói: "Người có trí, nếu gặp mắng chưởi tê hại nên dấy lên nghĩ rằng: Chữ mắng chưởi này không cùng lúc phát sinh, chữ đầu phát sinh thì chữ sau chưa có, chữ sau sanh rồi thì chữ đầu lại diệt đi. Nếu không cùng lúc thì thế nào là mắng, dứt khoát là tiếng gió thì tại sao mình sân hận"? vì vậy trong luận Trí Độ nói: "Bồ tát quán xét chúng sanh, tuy rằng trăm ngàn kiếp mắng chưởi mà không sanh tâm sân hận, nếu trăm ngàn kiếp ca ngợi thì cũng không vui sướng, bởi vì biết rõ âm thanh sanh biệt như mộng ảo như tiếng vang".

Thứ ba, Thụy miên cái, nghĩa là trong tâm mê muội u tối thì gọi đó là ngủ. Năm tình che lấp tối tăm mọi bộ phận ngang nhiên làm càn, nằm ù rũ mệt mõi thì gọi là ngủ say. Thụy miên cái này, có thể phá hủy niềm vui chân thật của đời này và đời sau, ác pháp như vậy thật là không tốt lành, tại vì sao? Bởi vì tỉnh giác của các Cái khác có thể trừ diệt mà thụy miên Cái giống như người chết không cảm giác tiếp xúc gì cả, vì không cảm giác cho nên khó có thể trừ diệt. Như trong luận Trí Độ nói: "Bồ tát chỉ dạy nhắc nhủ đệ tử về chuyện ngủ say sưa, thuyết kệ rằng:

Các ông đừng ôm thây chết mà nằm ngủ,
Các loại bất tịnh giả danh là con người,
Như gặp bệnh nặng hay mũi tên đâm thân,
Những nỗi đau khổ quy tụ sao đáng ngủ?
Như người bị trói chặt dẫn đi giết chết,
Tai họa sắp đến lẽ nào có thể ngủ?
Giặc phiền não không diệt tai họa chưa trừ,
Như cùng rắn độc trú ngụ chung một nhà,
Cũng như lâm trận giữa gươm dao sáng lòe,
Lúc bấy giờ làm sao mà có thể ngủ?
Ngủ là tối tăm không trông thấy được gì,
Ngày ngày lừa dối giành ánh sáng con người,
Vì ngủ che tâm không trông thấy điều gì,
Mất mát lớn như vậy sao có thể ngủ?"

Thứ tư, Trạo hối cái thì có ba loại: 1- Khẩu trạo ấy gọi là thích ngâm nga – tranh cãi đúng sai vô ích - hý luận mọi chuyện thế tục ..., đây gọi là khẩu trạo; 2- Thân trạo, nghĩa là thích cưỡi xe rong ruổi - phóng túng gân cốt - vung tay múa chân ..., đây gọi là Thân trạo; 3- Tâm trạo, tâm tình phóng đãng mặc ý theo duyên, suy nghĩ về văn chương nghệ thuật tài hoa kỹ xảo của thế gian, các sự giác quán xấu ác... đây gọi là Tâm trạo. Trạo cử là pháp phá hoại tâm xuất gia, cho nên trong luận Trí Độ có kệ rằng:

"Ông đã cạo đầu mặc pháp y hoại sắc,
Tay ôm bình bát đi khắp nơi khất thực,
Tại sao thích đắm theo đùa vui bỡn cợt,
Mặc tình phóng đãng làm mất đi pháp lợi?"

Đã không có pháp lợi ích, lại còn đánh mất niềm tin thế gian, biết sai lầm ấy rồi thì hãy gấp rút từ bỏ. Vốn nói là Hối, nếu Trạo mà không có Hối thì không trở thành Cái, tại vì sao? Bởi vì lúc Trạo hãy còn ở trong duyên, sau đến lúc muốn tiến vào Định, mới hối hận việc đã làm trước đó, ưu não che lấp tâm tư, cho nên gọi là Cái. Điều này có hai loại: 1- Bởi vì Trạo sao đó sanh ra Hối, như trước đã nói; 2- Người gây ra tội nặng, thường ôm lòng sợ hãi, mũi tên độc ghim vào tâm, giữ chặt không rút ra được. Như luận Trí Độ kệ rằng:

"Điều không nên làm mà cứ làm,
Điều đáng làm mà lại không làm,
Lửa hối hận phiền muộn đốt cháy,
Đời sau đạo vào trong đướng ác.
Nếu người lỗi lầm luôn hối hận,
Hối hận rồi không còn ưu sầu,
Như vậy thì tâm được an lạc,
Không cần phải thường xuyên suy nghĩ,
Nếu như có hai loại hối hận,
Như điều nên làm mà không làm,
Điều không nên làm mà cứ làm,
Đây là tướng của người ngu si.
Bởi vì không có tâm hối hận,
Không làm mà lại có thể làm,
Những điều xấu ác đã gây ra,
Không có thể khiến cho không làm".

Thứ năm, Nghi cái, nghĩa là vì nghi ngờ lấp tâm tư, cho nên ở trong các pháp không thể nào định tâm được, vì định không có cho nên

ở trong Phật pháp trống rỗng không có gì đạt được. Như người đi vào núi châu báu, nếu không có tay thì không thể lấy được thứ gì. Vả lại tất cả nghi ngờ rất nhiều chưa hẳn đã chướng ngại đến định. Nay điều chướng ngại cho định, có ba loại nghi ngờ: 1- Nghi chính mình; 2- Nghi đến thầy dạy; 3- Nghi đến đối với pháp. Nghi chính mình mà dấy lên nghĩ rằng: Mình là hạng các căn ám độn tội lỗi xấu xa sâu nặng, như thế chẳng phải là con người chăng? Dấy lên nghi ngờ chính mình như vậy thì định tuệ không phát ra được. Nếu muốn học pháp thì đừng nên tự khinh mình, bởi vì thiện căn của đời trước khó mà biết được. Nghi đến thầy dạy, là nghi rằng oai nghi tướng mạo của người ấy như vậy, tự bản thân hãy còn vô đạo, sao có năng lực dạy dỗ mình? Dấy lên nghi ngờ khinh mạn này, tức là làm chướng ngại cho định, pháp này cần phải lọa trừ. Như vàng ròng chưa trong đãy da hôi thối, vì tham tiếc vàng ròng cho nên không thể vất đi đãy da; hành giả cũng như vậy, thầy dạy tuy rằng không thanh tịnh, mà cũng nên sanh khởi ý tưởng như đối với Phật. Nghi đối với pháp, là như người thế gian phần lớn chấp vào tâm vốn có, đối với pháp đã thọ nhận không có thể ngay nơi tâm tin tưởng cung kính mà tiếp nhận thực hành, nếu như sanh ra lưỡng lự thì pháp không dính được trong tâm, tại vì sao? Bởi vì như trong luận Trí Độ kệ rằng:

"Như người đứng ở giữa đường rẽ,
Nghi hoặc không biết chọn ngã nào,
đứng giữa thật tướng của các pháp,
Mối nghi ngờ cũng lại như vậy.
Nghi ngờ cho nên không chịu khó,
Cầu tìm thật tướng của các pháp,
Nghi này từ ngu si sanh ra,
Là điều ác trong những điều ác.
Trong các pháp thiện và bất thiện,
Hay là sanh tử và Niết- bàn,
Chắc chắn có pháp thật rõ ràng,
Ở trong đó đừng sanh nghi ngờ.
Nếu như người ôm lòng nghi hoặc,
Chết bị ngục tốt trói mang đi,
Như sư tử vồ lấy con hươu,
Không có cách nào chạy thoát được.
Ở thế gian tuy có nghi ngờ,
Mà nên tùy theo pháp thiện diệu,
Ví như quan sát mọi ngã rẽ,

Lợi ích tốt lành thì hãy theo”.

Hỏi: Pháp bất thiện thật là vô lượng vô biên, vì sao chỉ từ bỏ năm pháp? Đáp: Trong năm pháp này thì tên gọi tuy là giống như hạn hẹp mà nghĩa lý bao gồm ba độc, cũng thâu nhiếp tất cả tám vạn bốn ngàn các phần trần lao. Thứ nhất là Tham dục Cái, chính là Tham độc. Thứ hai là Sân hận Cái, chính là Sân độc. Thứ ba là Thụy miên Cái, chính là Si độc. Còn một loại là Trạo Hối Cái, chính là thâu nhiếp tất cả các phạm vi. Hợp lại làm thành bốn phần phiền não, trong một thì có hai vạn một ngàn, trong bốn hợp lại thì có tám vạn bốn ngàn các phần trần lao. Vì vậy nếu như có thể loại trừ năm cái này, thì có thể từ bỏ tất cả các pháp bất thiện. Ví như mắc nợ được trừ nợ, bệnh nặng được chữa lành; như người đói khát đến được đất nước giàu có, như ở giữa giặc cướp hung giữ mà tự mình được cứu khỏi an ổn không lo sợ. Hành giả cũng như vậy, loại trừ năm cái này thì tâm tư được thanh tịnh. Ví như mặt trăng bị 5 sự che lấp, khói – mây- bụi – sương mù- tay của Tu La che chắn thì sáng tỏ được; tâm cũng như vậy, kết hợp thí dụ có thể biết.

Tụng rằng:

Năm Dục làm mê mờ thần thức,
Năm Cái che phủ phước thiện,
Sáu Căn tạo thành nghiệp khổ đau,
Sáu loại giặc làm loạn tâm sắc.
Sáng Dục đuổi tình trơi nổi,
Lưới Ái giăng trùm theo tâm thức,
Ba độc làm chướng ngại Nhân Không,
Bốn Lưu bập bềnh không dừng lại.
Cho đến bây giờ tuy sửa đổi,
Thẻ chặt đầu còn chưa chấm dứt,
Nhìn chim bồ câu đã vô cùng,
Vượn trèo cây sao ngã ở đây?
Tự mình không đoạn tuyệt Dục Cái,
Sao có thể đến chỗ cao xa,
Cùng nhau tiến vào nơi Bảo Thành,
Cùng nhau nhìn thấy Đức Năng Nhân?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 72

Thiên thứ 82: TỨ SANH

(Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Hội danh, Tương nhiếp, Thọ sanh, Ngũ sanh).

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Làm điều thiện cảm được vui sướng, gần với cõi trời người, xa được quả thành Phật; làm điều ác chuốc lấy khổ đau, gần thì chịu ba đường Khổ, xa thì trái ngược Thánh đạo. Người ngu dốt không tin, người trí luôn biết rõ. Vì thế mà có bốn sanh khác biệt – sáu nẻo phân chia, sáng suốt và tối tăm khác nẻo, lên cao và xuống thấp khác đường. Lý của nghiệp duyên rõ ràng, báo của nhân quả luôn đúng không sai.

Phần thứ hai: HỘI DANH

Như kinh Bát-nhã nói: "Một là noãn sanh; hai là thai sanh; ba là thấp sanh; bốn là hóa sanh". Còn kinh A Hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên nói: "Có bốn loại sanh: Một là sanh ra từ bụng, đó là người và súc sanh (chính là thai sanh); hai là nóng lạnh hòa hợp mà sanh ra, đó là sâu bướm rận rệp (chính là thấp sanh); ba là sanh ra do biến hóa đó là trời và địa ngục; bốn là sanh ra từ tướng, đó là các loài chim bay cá lội". Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "súc sanh có vô lượng chủng loại, nói tóm lại có ba nơi: Một là loài sống dưới nước, đó gọi là các loài cá tôm..., hai là loài sống trên đất liền, đó là các loài voi ngựa..., ba là loài sinh hoạt giữa bầu trời, đó là các loại chim chóc ... hoặc dùng Thiên nhãn thấy các loài súc sanh cóbốn loại sanh. Những gì là bốn loại? Đó là: 1- Thai sanh, là các loài voi ngựa trâu dê..., 2- Noãn sanh, là rắn rít – ngỗng vịt gà chim chóc các loại; 3- Thấp sanh, là các loài rận rệp mối kiến; 4- Hóa sanh, như loài rồng mặt dài... Vì vậy kinh nói: Sanh là các căn được phát sinh từ đầu, tử là các căn chịu sự hoại diệt".

Lại trong luận Thiện Kiến nói: "Một là do Sắc sanh ra; hai là do

Vô Sắc sanh ra. Do Sắc sanh ra có thể hoại diệt, do Vô sắc sanh ra thì không thể hoại diệt. Sanh ra do Vô sắc thì dựa vào Sắc mà sanh ra, sắc và tâm dựa vào nhau cùng tạo thành cái giả ấy, gọi đó là sanh; khiến cho trước không cảm được sau, sau không đến với trước, gọi đó là tử".

Lại trong Kinh Niết Bàn nói: " Phật tánh chúng sanh trú vào trong năm ấm, nếu hủy hoại năm ấm, thì gọi là sát sanh. Nếu có sát sanh thì rơi vào đường ác, dựa theo sự sanh tử này cho nên có bốn loại sanh. Dựa vào vỏ cứng mà sanh ra thì gọi là Noãn, che chở kín đáo mà sanh ra thì gọi là Thai, nhờ thấm nhuần mà xuất hiện thì gọi là Thấp, bỗng nhiên mà hiện bày thì gọi là Hóa. Chúng sanh được thâu nhiếp không ra ngoài bốn loại này".

***Phần thứ ba:* TƯƠNG NHIẾP**

Như luận Bà Sa giải thích rằng: "Trong cõi Dục này thâu nhiếp đầy đủ sáu đường, cõi Sắc và cõi Vô Săc đèu thâu nhiếp một phần của loài trời. Vì sao khác biệt như vậy? Bởi vì cõi Dục này là nơi tạp loạn, chúng sanh khởi nghiệp xấu ác lẫn lộn không thuần nhất, hoặc là thiện hoặc là ác. Bởi vì không giống nhau, cho nên tùy theo nghiệp nhận báo ứng mà có nhiều sai biệt. Hai cõi phía trên là nơi ổn định, chúng sanh trầm lắng cho nên khởi nghiệp cũng thuần nhất, vì vậy mà không có nhiều nẻo sai biệt. Hỏi: Bốn loại sanh - sáu nẻo đường thâu nhiếp lẫn nhau thế nào? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích rằng trời và địa ngục luôn luôn là hóa sanh, đường quỷ có hai loại, đó là thai sanh và hóa sanh; người và súc sanh đều có đủ bốn loại sanh. Do đó luận này hỏi rằng: là sanh thâu nhiếp vào nẻo đường hay là nẻo đường thâu nhiếp đối với sanh? Tức thì tự đáp rằng:

Sanh thâu nhiếp tất cả đường,
Không phải nẻo đường thâu nhiếp sanh,
Nghĩa là sanh trung ấm tăng lên,
Nên biết không phải nẻo thâu nhiếp.

Do đó biết sanh rộng mà nẻo đường hẹp. Bởi vì hóa sanh rộng, thâu nhiếp toàn bộ hai nẻo và một phần của ba nẻo, trong nẻo địa ngục luôn luôn là hóa sanh. Hỏi: Các trời sáu cõi Dục đã hành dục giống như loài người, tại sao không có thai sanh? Đáp: Ái dục tuy giống nhau nhưng việc làm không như nhau. Vì vậy trong các kinh Lâu Thán - Chánh Pháp Niệm nói: "Cõi trời Tứ Vương - Đao Lợi, lúc hành dục thì hình thể nam nữ kết giao với nhau, giống như loài người không khác, nhưng mà không có tinh khí chảy ra, cùng với loài người không giống

nhau. Từ Tứ Thiên trở lên luôn luôn hoàn toàn khác nhau, trời Diệm Ma hành dục thì ý vui vẻ ôm lấy nhau, hoặc chỉ là nắm tay mà làm thành kết quả cuối cùng, không đến mức giao hợp với nhau. Trời Đâu Suất trong ý vui thích nói cười, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải ôm lấy nhau. Trong cõi trời Hóa Lạc cùng nhau nhìn say đắm, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải nói cười. Trong cõi trời Tha Hóa chỉ nghe tiếng nói, hoặc ngửi mùi hương, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải nhìn say đắm". Vì thế khác biệt với loài người. Bởi vì loài trời là hóa sanh cho nên từ đầu gối của mẹ hóa hiện mà có. Loại quỷ hóa sanh có thể biết. Thai sanh thì kín đáo một chút như trong Tịnh Quán Âm kia giải thích, nói là xưa trong thành Vương Xá có một người nữ, bị tinh khí loài quỷ dính vào, mang thai sanh ra năm trăm quỷ con. Lại trong luận Câu Xá nói: "Có con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Ban ngày con sanh ra năm đứa con, ban đêm con sanh ra năm đứa con, cứ sanh ra mà ăn, ăn hết mà không có lúc nào no đủ. Đây là loài quỷ thai sanh. Đường A tu la cũng có thai sanh và hóa sanh, vì có sự phối hợp cho nên có thai sanh, kiếp ban đầu của Tu la từ loài trời mà xuất hiện, tức là thuộc về hóa sanh". Lại dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội giải thích: "Nguồn gốc của Tu la nữ vốn phát xuất từ trong chỗ ướt át của loài trứng bùn nơi biển lớn, chung cả thai sanh và hóa sanh nơi ấy, cũng có đủ bốn loại sanh". Loài người có đủ bốn loại sanh, thai sanh thì hiện tại trông thấy có thể biết, noãn sanh như kinh Niết bàn giải thích: "Như mẹ Tỳ Xá Khư Sanh ra một cục thịt tròn, từ trong đó có ba mươi hai trứng xuất hiện". Như luận Tỳ Bà Sa nói: "Hỏi: Tại sao biết trong loài người có noãn sanh? Đáp: "Như Phật đã nói cõi Diêm Phù Đề có nhiều người buôn đi vào biển thu thập vật quý, gặp được hai con Hạc, hóa hiện tùy theo ý muốn, mất một con còn lại một con, cùng chơi đùa nằm ngủ với nhau trong một căn nhà, cùng giao hợp với con Hạc ấy, liền sanh ra hai quả trứng, trứng dần dần gặp hơi ẩm chín muồi thì sanh ra hai đứa trẻ. Sau lớn lên xuất gia học đạo được quả vị A la hán, một gọi là Thi Bà La, một gọi là Ưu Bát Thi Bà la". Hỏi: Tại sao biết trong loài có thấp sanh? Đáp: Như trong kinh đã nói: Hữu Đảnh Sanh Vương, Tôn giả Giá La, Tôn giả Ưu Bà Giá La, Lê Nữ và Nại Nữ..., tức là sự việc ấy vậy. Hỏi: Tại sao biết trong loài người có hóa sanh? Đáp: Như loài người ở kiếp đầu tiên là vậy. Đã đạt được Thánh pháp, thì không còn noãn sanh và thấp sanh. Hỏi: Vì sao không còn noãn sanh và thấp sanh vậy? Đáp: Bởi vì noãn sanh và thấp sanh là thuộc về loài súc sanh thâu nhiếp. Súc sanh có đủ bốn loại sanh, là thai – noãn – thấp sanh thì

ba loại này mắt nhìn có thể biết, còn loại hóa sanh thì dựa theo kinh Lâu Thán nói: “Như bốn loại sanh của chim cánh vàng trở lại ăn bốn loại sanh của loài rồng. Hóa sanh ăn bốn loại, thai sanh ăn ba loại (trừ hóa sanh), noãn sanh ăn hai loại (trừ hóa sanh và thai sanh), thấp sanh trở lại ăn một loại thấp sanh (trừ ba loại có thể biết). Còn trong kinh Khởi Thế nói: “Phía Bắc của biển lớn, là nơi ở của các Long Vương và tất cả chim chúa cánh vàng cho nên mọc lên một cây lớn, tên gọi là Cư Tra Xa Ma Ly (Thời Tùy nói là Lộc Tụ), gốc rễ của cây đó vòng quanh bảy do tuần, sâu vào đất hai mươi do tuần, thân cao một trăm do tuần, cành lá che phủ năm mươi do tuần.p phái Đông của cây có loài rồng noãn sanh và loài chim cánh vàng noãn sanh, phía Nam của cây có loài rồng thai sanh và loài chim cánh vàng thai sanh, phía Tây của cây có loài rồng thấp sanh và loài chim cánh vàng thấp sanh, phía Bắc của cây có loài rồng hóa sanh và loài chim cánh vàng hóa sanh. Bốn chỗ này đều có cung điện, dọc ngang sáu trăm do tuần, bảy lớp tường bao bằng phẳng, bảy thứ báu trang hoàng nghiêm túc, hương thơm tuyệt vời xông tỏa lan xa, các loài chim cùng hót vang.

Còn chim chúa cánh vàng noãn sanh kia, nếu muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì liền bay đến trên cành phía Đông của cây lớn Cư Tra Xa Ma Ly, nhìn nước biển lớn rồi thế là tiếp tục bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến cho nước tự tách ra hai trăm do tuần, lập tức vào trong đó ngậm lấy rồng noãn sanh, đem ra ngoài biển tùy ý mà ăn. Chim chúa cánh vàng noãn sanh, chỉ có thể lấy được những loài rồng noãn sanh, chư không có năng lực lấy được những loài rồng thai sanh – thấp sanh và hóa sanh. Nếu chim chúa cánh vàng thai sanh muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì vẫn hướng đến trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy.

Con chim chúa cánh vàng thai sanh muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng vào trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy, nước tách ra bốn trăm do tuần. Chim chúa thai sanh này chỉ có thể bắt lấy loài rồng noãn sanh và thai sanh, chứ không có năng lực bắt lấy loài rồng thấp sanh - hóa sanh.

Còn chim chúa cánh vàng thấp sanh, muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, vẫn hướng về trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy để ăn. Còn chim chúa thấp sanh muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng về trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy để ăn, nước tách ra bốn trăm do tuần. Còn chim chúa thấp sanh muốn bắt lấy loài rồng thấp sanh ấy, thì hướng về trong biển phía Tây của cây mà bắt lấy, nước tách ra tám

trăm do tuần. Chim chúa thấp sanh chỉ có thể bắt lấy những loài rồng noãn sanh – thai sanh và thấp sanh, chứ không có năng lực bắt được loài rồng hóa sanh.

Còn chim chúa cánh vàng hóa sanh muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì hướng về trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng về trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng thấp sanh, thì hướng về trong biển phía Tây của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng hóa sanh, thì hướng về trong biển phía Bắc của cây mà bắt lấy, nước tách ra một ngàn sáu trăm do tuần, các loài rồng ấy đều bị chim chúa cánh vàng này bắt mà ăn thịt".

Lại trong Kinh Quán Phật Tam Muội: "Đức Phật dạy: Trong cõi Diêm Phù Đề cho đến Tứ thiên hạ, có chim cánh vàng tên là Già Lâu La Vương, nhanh nhạy tự tại ở trong các loài chim Nghiệp báo của chim này là phải ăn thịt các loài rồng, ở cõi Diêm Phù Đề mỗi ngày ăn một rồng chúa, và năm trăm rồng nhỏ. Ngày thứ hai ở cõi Phất Bà Đề, ngày thứ ba ở cõi Cù Da Ni, ngày thứ tư ở cõi Uất Đan Việt, đều ăn với số lượng như trước, vòng đi vòng lại trải qua tám trăm năm. Chim này vào lúc bấy giờ tướng chết đã hiện rõ ra, các loài rồng nhả độc không có cách nào ăn thịt được. Chim ấy đói lả bức bách hoảng hốt cầu thức ăn, nhưng hoàn toàn không thể có được. Đi quanh co khắp các núi mà vẫn không yên ổn được, đến núi Kim Cang sau đó tạm thời dừng lại. Từ núi Kim Cang thẳng xuống đến phạm vi mặt nước lớn, từ phạm vi mặt nước lớn đến phạm vi của vòng tròn gió, bị luồng gió thổi trở về đến núi Kim Cang. Như vậy, đến bảy lần sau đó mạng chung. Chim đó mạng chung rồi nhưng bởi vì chất độc của nó, khiến cho mười núi báu cùng một lúc nổi lửa. Lúc bấy giờ Long Vương Nan Đà sợ núi bị thiêu rụi, liền tuôn mưa lớn, hạt mưa bằng vành xe, thịt chim phân tán hết chỉ có trái tim còn lại. Trái tim đó thẳng xuống như trước bảy lần, sau đó trở lại ở trên đỉnh núi Kim Cang. Long Vương Nan Đà lấy trái tim của chim này, dùng làm minh châu, Chuyển Luân Vương có được trở thành như ý châu".

Lại trong kinh Lâu Thán nói: "Các loài rồng trong thiên hạ vì 3 nhiệt kiến thiêu đốt, Long Vương A Nậu Đạt không bị ba nhiệt kiến thiêu đốt. Một Long Vương khác, bị mưa cát nóng đốt cháy trên thân rất đau đớn. Hai Long Vương khác khởi lên dâm ý hướng về với nhau bị gió nóng bức thổi đến trên thân, cháy sém liền mất nhan sắc, phải chịu thân rắn thì sợ không vui. Ba Long Vương khác bị chim cánh vàng ăn thịt,

thảy đều sợ hãi. Các loài rồng khác trong thiên hạ đều thấy nóng bức độc địa, chỉ một mình Long Vương A Nậu Đạt không thấy nóng bức".

Lại trong luật Thiện Kiến nói: "Đức Phật dạy: Rồng có 5 sự việc không thể lìa được thân rồng. Những gì là năm sự việc? Đó là: 1- Lúc hành dâm, nếu cùng với rồng hành dâm thì lại có được thân rồng, nếu cùng với người hành dâm thì không có được thân rồng nữa; 2- Thọ sanh không lìa khỏi thân rồng; 3- Lúc lột da; 4- Lúc ngủ; 5- Lúc chết. Đây là năm sự việc không thể lìa được thân rồng".

Hỏi: Bốn loại ăn thâu nhiếp lẫn nhau như thế nào? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích. Nói tóm lại, trong sáu đường đều có đủ bốn loại ăn nhưng mà có rộng hẹp không giống nhau. Như trong địa ngục cần phải có đoàn thực ấy là giống như có viên sắt và nước đồng sôi, tuy rằng thêm đau khổ, nhưng bởi vì trừ bỏ đói khát cho nên gọi là đoàn thực. Lại như bị giam trong ngục tội nhẹ cần phải có đủ hai làn gió lạnh nóng, thay đổi nhau xúc chạm thân thể cũng gọi là đoàn thực. Chỉ riêng hai cõi trên không có đoàn thực, bởi vì thân thể của họ nhẹ nhàng tuyệt vời, cho nên luận có kệ rằng:

"Bốn loại ăn thuộc về cõi Dục,
Nơi bốn loại sanh cũng như vậy,
Ba loại ăn thuộc hai cõi trên,
Đoàn thực thì cõi kia không có".

Hỏi: Không biết trong mỗi một đường tăng thêm loại ăn nào vậy? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích, ở trong sáu đường nói là toàn bộ đường quỷ và ở noãn sanh cùng với ba loại Vô Sắc trước đều là thiên về tăng thêm tư thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong đường ngạ quỷ kia nhiều về ý hành, chúng sanh loài noãn sanh lúc còn trong vỏ trứng, vì nghĩ đến mẹ cho nên trứng không hủy hoại được. Ba loại Vô Sắc trước cũng như ý hành vốn có nhiều tư duy, vì vậy đều tăng thêm tư thực. Còn đường loài người này và ở trong sáu trời Dục, đều thiên về tăng thêm đoàn thực. Vì sao như vậy? Bởi vì hai chỗ này cần phải nhờ vào cvái ăn dục trì thân mạng. Còn toàn bộ đường địa ngục kia và toàn bộ cõi Phi Tưởng đều thiên về tăng thêm thức thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong địa ngục thì thức là thứ duy trì danh sắc, trong cõi Phi Tưởng dùng thức để duy trì tên gọi. Còn cõi Sắc kia và loài thấp sanh, đều thiên về tăng thêm xúc thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong cõi Sắc tiếp nhận tu tập các pháp thiền định xúc chạm để duy trì thân mạng, trong loài thấp sanh lấy nhân tố ẩm ướt xúc chạm để duy trì thân mạng được sống.

***Phần thứ tư:* THỌ SANH**

Như luận Tân Bà Sa nói: "Trung hữu có nhiều tên gọi, hoặc gọi là Trung hữu, hoặc gọi là Kiện đạt phược, hoặc gọi là Cầu Hữu, hoặc gọi là Ý Thành. Hỏi: Sao gọi là Trung hữu? Đáp: Có sau khi chết đi và có trước khi sanh ra, giữa hai trạng thái có ấy có tự thể phát khởi. Hỏi. Hỏi: Vì sao Trung hữu gọi là Kiện đạt phược? Đáp: Bởi vì nó ăn mùi hương mà tồn tại, tên gọi này chỉ thuộc về Trung hữu cõi Dục. Hỏi: Vì sao Trung hữu lại gọi là Cầu Hữu? Đáp: Bởi vì đối với cửa ngõ sáu nơi sanh mà có. Hỏi: Vì sao Trung hữu lại gọi là Ý Thành? Đáp: Bởi vì từ nơi ý sanh ra, nghĩa là các loài hữu tình, hoặc là từ nơi ý sanh ra, hoặc từ nơi nghiệp mà sanh ra, hoặc từ nơi dị thục mà sanh ra (xưa gọi là quả báo) hoặc từ nơi dâm dục mà sanh ra. Từ nơi ý mà sanh ra, nghĩa là con người ở thời kỳ đầu của kiếp thành và các Trung hữu, ở cõi Sắc và cõi Vô Sắc đều là thân biến hóa. Từ nơi nghiệp mà sanh ra, nghĩa là các địa ngục, như trong kinh nói: Chúng sanh địa ngục, bị nghiệp trói buộc, không thể nào xa rời được, do nghiệp mà sanh ra, chứ không do ý vui thích. Từ nơi dị thục mà sanh ra, nghĩa là các loài chim bay và các loài quỷ thần, do dị thục kia có xu thế nhanh nhạy, cho nên có năng lực bay lại giữa khoảng không, hoặc là tướng vách ngăn cản không trở ngại gì. Từ nơi dâm dục mà sanh ra, nghĩa là sáu trời Dục và tất cả người. Các thân Trung hữu, từ nơi ý mà sanh ra cho nên thuận theo ý hành, gọi là Ý thành (xưa gọi là Trung Ấm)".

Tiếp theo là dựa vào luận Bà Sa: "Hói: Các căn của Trung hữu đủ hay không đủ? Đáp: Tất cả Trung hữu đều đủ các căn, vởi vì bắt đầu tiếp nhận dị thục cần phải hết sức đầy đủ . Có nơi nói: Không đủ các căn, như dùng ấn in vào vật thì hình dạng hiện rõ ra. Như vậy đường Trung hữu là vốn có, như lúc vốn có thì có căn không đầy đủ. Trong này ban đầu nói đối với lý làm thiện, nghĩa là phần vị Trung hữu ở tại cửa ngõ sáu nơi, khắp nơi cầu sanh thì căn nhất định không thiếu. Đây là nói về các căn như nhãn – nhĩ... chứ không phải căn của nam nữ, vì Trung hữu cõi Sắc không có căn ấy, Trung hữu cõi Dục thì căn ấy cũng không chắc chắn, trước mặt tiếp nhận lại là noãn sanh và thai sanh, trú vào phần vị Trung hữu có nam căn, đến trong noãn và thai mới có sự không đầy đủ. Nếu không như vậy thì sẽ không có sự xác đáng của nghĩa tiếp nhận noãn sanh và thai sanh. Hỏi: Hành tướng của Trung hữu các đường như thế nảo? Đáp: Trung hữu địa ngục là đầu dưới chân trên mà hướng về địa ngục, cho nên Già tha kệ nói:

Điên đảo rơi vào chốn địa ngục,

Chân phía trên đầu quay xuống dưới,
Bởi vì hủy báng các vị Tiên,
Thích vắng lặng tu hành khổ hạnh.

Trung hữu các trời này thì chân phía dưới đầu phía trên, như người dùng mũi tên ngước lên bắn vào hư không, lên cao mà đi đến nơi cõi trời. Trung hữu loài khác đều đi theo chiều ngang, như chim bay giữa hư không tìm đến nơi cần đến. Lại như trên bức tường họa thành hình vị Tiên bay lượn, toàn thân đi theo chiều ngang cầu tìm nơi sẽ sanh ra.

Hỏi: Hành tướng của Trung hữu đều như vậy chăng? Đáp: Không nhất định đều là như vậy, mà dựa theo người mạng chung trong loài người để nói. Nếu ở địa ngục chết đi thì sanh trở lại địa ngục, không nhất định là đầu dưới chân trên mà đi. Nếu trong loài trời chết đi sanh tử trở lại trong loài trời, thì không cần phải chân dưới đầu trên mà đi. Nếu ở địa ngục chết đi sanh vào loài người, thì cần phải là đầu hướng lên cao. Nếu trong loài trời chết đi sanh vào loài người, thì thuận theo đầu quay xuống dưới. Trung hữu của hai đường quỷ và bàng sanh, thuận theo nơi chốn mà dừng lại, như vậy nên biết.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi Trung hữu lúc sanh là có ý phục hay không? Luận đáp: Trung hữu cõi Sắc có y phục, bởi vì trong cõi Sắc tăng thêm sự tàm quý, tàm quý chính là y phục của pháp thân. Như pháp thân ấy có đủ y phục tốt đẹp, sanh thân cũng như vậy, cho nên Trung hữu ấy thường cùng với y phục đầy đủ. Trung hữu cõi Dục phần lớn không có y phục, bởi vì trong cõi Dục phần lớn không có tàm quý, chỉ trừ ra Bồ tát và Tỳ khưu Ni trong sáng, khi tiếp nhận thân Trung hữu, luôn luôn có y phục tốt đẹp tuyệt vời. Có sư khác nói: Trung hữu của Bồ tát cũng không có y phục, chỉ riêng hàng Tỳ khưu Ni trong trắng khi tiếp nhận thân Trung hữu thường cùng với y phục đầy đủ.

Hỏi: Vì sao Trung hữu của Bồ tát không có y phục mà Tỳ khưu Ni trong sáng lại có y phục?

Đáp: Tỳ khưu Ni trong sáng dùng y phục cúng dường tứ phương Tăng, cho nên Trung hữu của họ thường có y phục.

Hỏi: nếu vậy thì Bồ tát ở đời quá khứ, dùng y phục tốt đẹp cúng dường tứ phương Tăng, Tỳ khưu Ni trong sáng đã cúng dường y phục, nhiều như vi trần còn không làm sao sánh được, thì tại sao Trung hữu của Bồ tát không có y phục, mà Tỳ khưu Ni ấy lại có y phục?

Đáp: Bởi vì nguyện lực của họ khác với Bồ tát, nghĩa là Tỳ khưu Ni trong sáng dúng y phục dâng cúng tứ phương Tăng rồi, liền phát nguyện rằng con nguyện đời đời thường mặc y phục, thậm chí là thân

Trung hữu cũng không để lộ hình hài. Do nguyện lực ấy đã dẫn dắt phát sinh, nơi được sanh ra luôn luôn có nhiều y phục, thân cuối cùng của họ đã tiếp nhận trạng thái Trung hữu, thường có y phục đi vào vị trí trong thai mẹ, cho đến lúc sanh ra y phục vẫn không xa lìa hình thể., như thân ấy dần dần lớn lên, sau xuất gia thọ giới đầy đủ rồi, chuyển thành ngũ y, cần mẫn tu theo chánh hạnh, không bao lâu thì chứng quả vị A la hán, cho đến sau khi Niết- bàn, liền dùng y này quấn thân mà hỏa táng. Bồ tát trong quá khứ ba vô số kiếp, đã tu các loại thiện hạnh thù thắng, đều hồi hướng cho vô lượng Bồ đề, làm lợi ích an lạc các chúng sanh. Do hạnh nguyện này, tuy có đủ tướng tốt, mà không có y phục. Nguyện lực có khác biệt không cần phải làm cho khó xử.

Tiếp tục dựa vào luận hỏi: Ở phần vị Trung hữu có cung cấp đoàn thực hay không?

Đáp: Trung hữu cõi Sắc không cần cung cấp đoàn thực, Trung hữu cõi Dục cần phải cung cấp đoàn thực.

Hỏi: Trung hữu cõi Dục đoàn thực như thế nào? Đáp: có nơi giải thích như vậy " Trung hữu cõi Dục, đến nơi có thức ăn thì ăn thức ăn đó, đến chỗ có nước uống thì uống nước ấy, nhờ sự ăn uống đó để tự giúp mình tồn tại". Nói như vậy là phi lý, vì sao như vậy? Bởi vì Trung hữu rất nhiều, khó mà chu cấp được, nghĩa là trong kinh điển giải thích: Như từ trong những cái bọc lớn trút ra các loại gạo, lấy bỏ vào trong nổi vạc số lượng rất nhiều, chúng sanh năm đường đã tiếp nhận trạng thái Trung hữu, phân tán ở khắp nơi có số lượng vượt quá số gạo kia. Nếu họ thọ dụng các thứ ăn uống kia, thì tất cả thế gian vốn có đồ ăn thức uống, chỉ cần cung cấp đủ cho Trung hữu của một loại chó, hãy còn không chu cấp được, huống là Trung hữu loại khác mà có thể đầy đủ được ư? Vả lại, thân Trung hữu đã hết sức nhỏ bé mong manh, tiếp nhận thức ăn thô nặng thì thân sẽ bị hủy hoại. Nên nói như vậy: Trung hữu ăn mùi hương, chứ không ăn vật chất thô nặng. Vì thế không có sai lầm như trước đây, nghĩa là hạng có phước thì hưởng các loại thức ăn hoa quả thanh tịnh cùng những loại mùi hương nhẹ nhàng vi diệu, để tự tồn tại; nếu hạng không có phước thì hưởng các loại rác rưởi hôi thối nát rữa, các loại thức ăn ít có mùi hương tốt lành, để tự tồn tại; nhưng những thức ăn kia rất ít mùi hương, Trung hữu tuy nhiều mà vẫn chu cấp được.

Tiếp theo dựa vào luận dẫn lời trong kinh, Đức Thế Tôn giải thích như vậy: Ba sự hòa hợp được vào thai mẹ, cha mẹ cùng có tâm nhiễm trước hòa hợp, thân mẹ điều hòa thích hợp không có hoạn, lúc này với Kiện đạt phược đang tồn tại ở phía trước. Kiện đạt phược này vào lúc ấy

hai tâm xoay chuyển theo nhau hiện rõ trước mặt mà tiến vào thai tạng của mẹ. Ba sự hòa hợp trong này là: 1- Cha mẹ cùng ái ân hòa hợp; 2- Thân mẹ lúc này điều hòa dễ chịu; 3- Kiện đạt phược lúc này đang có mặt ở phía trước. Lúc cha mẹ cùng có tâm nhiễm ái hòa hợp, nghĩa là cha mẹ cùng dấy lên thèm muốn dâm dục mà cùng nhau giao hợp. Thân mẹ lúc này điều hòa dễ chịu không có bệnh hoạn, nghĩa là mẹ dấy lên tham muốn cảm thấy thân tâm vui sướng, gọi là thân điều hòa dễ chịu. Người trì luật giải thích: Do mẹ dấy lên tham muốn mà thân tâm vẩn đục, như nước mùa Xuân mùa Hạ đục ngầm mà chảy ra, không thể nào tự giữ lại được nên gọi là thân vẩn đục. Bụng mẹ thanh tịnh không có gió nóng và đàm và đàm giải, càng thúc bách nhau khẩn thiết, cho nên gọi là không bệnh hoạn gì. Từ đó trong 9 tháng hoặc là mười tháng, giữ gìn thai nhi khiến không bị hư hoại. Nói rằng lúc này, nghĩa là sắc thân của mẹ có điều xấu bẩn xảy ra, ngày thnág thường có máu loãng chảy ra, lúc này nếu quá nhiều thì do sự ẩm ướt cho nên không thể thành thai được, điều này nếu quá ít thì vì khô đặc cho nên cũng không thành thai. Nếu như máu loãng không ít không nhiều, không khô không ướt, thì nói có thể thành thai, gọi là lúc thích hợp. Lúc Trung hữu này tiến vào thai, nghĩa là máu loãng của mẹ vào lúc cuối cùng còn lại có hai giọt, tinh của cha cuối cùng còn lại có một giọt, xoay quanh hòa hợp mới được thành thai. Đến lúc Kiện đạt phược chính thức hiện ra ở phía trước, nghĩa là chính Trung hữu hiện có mặt ở trước chỗ này chứ không phải ở nơi kháv, không trước không sau. Kiện đạt phược này, vào lúc ấy xoay chuyển theo nhau hiện rõ trước mặt mà tiến vào thai tạng của mẹ, nghĩa là lúc Kiện đạt phược sắp tiến vào thai, đối với cha đối với mẹ phát sinh hai tâm lý yêu ghét, lần lượt hiện khởi rồi mới được đi vào thai. Nếu thân Trung hữu là nam thì lúc sắp đi vào thai, đối với mẹ khởi niệm yêu thích - đối với cha khởi niệm căm ghét; nếu thân Trung hữu là nữ thì lúc sắp đi vào thai, đối với cha dấy niệm yêu thích - đối với mẹ dấy niệm căm ghét.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi: Trung hữu theo nơi nào đi vào trong thai mẹ? Đáp: Có khi giải thích rằng Trung hữu không ngăn ngại gì, tuy chỗ nào ưa thích thì theo chỗ ấy mà đi vào thai. Hỏi: Nếu thân Trung hữu không ngăn ngại gì, tùy chỗ ưa thích thì theo chỗ ấy mà đi vào thai. Hỏi: Nếu thân Trung hữu không có gì có thể chướng ngại, thì tại sao dựa vào cư trú trong thai mẹ như vậy? Đáp: Nghiệp lực đã câu thúc cho nên dựa vào đây mà cư trú. Nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn được, không có vật gì chướng ngại khiến cho có chướng ngại, vì vậy đối

với điều này không cần phải làm cho khó xử. Nên nói như vậy: Trung hữu đi vào thai chắc chắn theo nơi nó đã sanh ra, vốn là nơi tiếp nhận, do lý lẽ này hướng về các cặp sinh đôi, sinh ra sau là lớn hơn, vì sao như vậy? Bởi vì người vào thai trước, chắc chắn phải ra sau. Hỏi: Trung hữu của Bồ tát vào thai theo chỗ nào? Đáp: theo sườn bên phải đi vào đích thực biết là vào thai, đối với mẹ nghĩ là mẹ, bởi vì không có ý niệm dâm ái. Lại có người nói: Từ nơi sanh ra mà đi vào, bởi vì các loài noãn sanh - thai sanh theo pháp nên như vậy. Hỏi: Luân Vương - Độc Giác trước phần vị Trung hữu theo chỗ nào đi vào thai? Đáp: Theo sườn bên phải đi vào đích thực biết là vào thai, đối với mẹ nghĩ là mẹ, bởi vì không có ý niệm dâm ái. Lại có người nói: Từ nơi sanh ra mà đi vào, bởi vì các loài noãn sanh - thai sanh theo pháp nên như vậy. Có Sư khác nói: Phước tuệ của Bồ tát tăng lên đạt tới cực điểm, vì vậy lúc sắp vào thai không có ý tưởng điên đảo, không dấy lên dâm ái; Luận Vương - Độc Giác tuy có phước tuệ mà không tăng lên đạt tới cực điểm, lúc sắp vào thai tuy không có ý tưởng điên đảo, nhưng cũng dấy khởi dâm ái, cho nên chỗ đi vào thai cần phải theo nơi sanh ra mà đi vào.

Tiếp theo dựa vào luận dẫn luận Thi Thiết giải thích: Nếu cha mẹ kia có phước nghiệp tăng lên cao, phước nghiệp của con kém cỏi thì không tiến vào thai được. Nếu cha mẹ kia có phước nghiệp kém cỏi mỏng manh, phước nghiệp của con trội hơn thì không thể nào tiến vào thai. Phước nghiệp của cha mẹ và con cần phải ngang nhau mới có thể tiến vào thai. Hỏi: Nếu người đàn ông giàu sang cùng với người đàn bà nghèo hèn giao hợp, hoặc là người đàn bà giàu sang cùng với người đàn ông nghèo hèn giao hợp. Trung hữu cũng được vào thai là như thế nào? Đáp: Lúc người đàn ông giàu sang cùng với người đàn bà nghèo hèn giao hợp, chắc chắn đối với chính mình dấy lên ý tưởng xấu kém, đối với người đàn bà ấy sanh ra ý tưởng tôn quý tốt đẹp. Lúc người đàn bà giàu sang cùng với người đàn ông nghèo hèn giao hợp, nhất định đối với chính mình sanh ra ý tưởng thấp kém, đối với người đàn ông kia dấy lên ý tưởng tôn quý tốt đẹp. Lúc người đàn ông nghèo hèn cùng với người đàn bà giàu sang giao hợp, chắc chắn đối với chính mình sanh ra ý tưởng tôn quý tốt đẹp, đối với người đàn bà kia dấy lên ý tưởng thấp kém. Lúc người đàn bà nghèo hèn cùng với người đàn ông giàu sang giao hợp, chắc chắn đối với chính mình dấy lên ý tưởng tôn quý tốt đẹp, đối với người đàn ông kia sanh ra ý tưởng thấp kém. Còn ở vào phần vị đối với cha mẹ lúc sắp đi vào thai, nên biết cũng như vậy, do đó lúc đi vào thai đều có nghĩa ngang bằng nhau.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi về sự vi tế của Trung hữu, tất cả các loại tường vách – sườn dốc-cây cao – núi sâu ... đều không thể nào ngăn cản được, Trung hữu nơi này nơi kia có làm trở ngại nhau không? Có nơi nói như vậy: Trung hữu nơi này, nơi kia cũng không trở ngại gì nhau, bởi vì hết sức vi tế, lúc thân va chạm nhau không hề có cảm giác nhận biết. Lại có người nói: Trung hữu nơi này nơi kia cũng gây trở ngại lẫn nhau, bởi vì lúc gặp nhau, đôi bên xoay vòng theo nhau, cho nên có nói năng.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ nào nói rằng Trung hữu không có gì ngăn ngại?

Đáp: đối với sự không ngăn ngại khác, chứ không phải nói là Trung hữu. Hỏi: Trung hữu nơi này nơi kia đều ngăn ngại nhau chăng?

Đáp: Tự chủng loại của mình ngăn ngại lẫn nhau chứ không phải đối với chủng loại khác, nghĩa là Trung hữu địa ngục chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu địa ngục, cho đến Trung hữu loài trời chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu loài trời. Có nơi giải thích như vậy: Thua kém ngăn ngại đối với tốt đẹp, bởi vì thô nặng; tốt đẹp không ngăn ngại thua kém, bởi vì nhanh chạy nhẹ nhàng, nghĩa là Trung hữu địa ngục ngăn ngại đối với Trung hữu năm loài khác, Trung hữu bàng sanh ngăn ngại đối với Trung hữu loài khác, Trung hữu cõi quỷ ngăn ngại đối với Trung hữu ba loài khác, Trung hữu loài người ngăn ngại đối với Trung hữu hai loài khác, Trung hữu loài trời chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu loài trời mà thôi.

Phần thứ năm: **NGŨ SANH**

Như luận Địa Trì nói: "Bồ tát sanh ra có năm loại, trú vào tất cả các hạnh, làm an lạc cho tất cả chúng sanh. Đó là: 1- Sanh chấm dứt khổ đau; 2- Sanh tùy theo chủng loại; 3- Sanh hơn hẳn; 4- Sanh tăng lên cao; 5- Sanh lần cuối cùng.

Bồ tát vì nguyện lực cho nên vào đời gặp nạn đói kém thọ thân các loài cá lớn, dùng thịt cứu giúp cho tất cả chúng sanh; đối với đời gặp nhiều bệnh tật thì làm bậc Đại Y Vương, chữa trị cứu giúp mọi căn bệnh; đối với đời gặp cảnh chiến tranh thì làm vị Đại Lực Vương cứu giúp chấm dứt chiến tranh, dùng pháp cảm hóa tà ma và các ác hạnh, vô lượng cảnh giới như vậy thảy đều sanh đến, đây gọi là sanh chấm dứt khổ đau.

Bồ tát vì nguyện lực tự tai, đối với các loại chúng sanh như trời rồng quỷ thần .., theo thứ tự làm não loạn lẫn nhau, và các ngoại đạo

khởi lên các tà kiến, đều sanh vào trong đó làm người đứng đầu dẫn dắt cho họ, khiến cho đi vào đường chánh, tuyên thuyết mở rộng cho họ, đây gọi là sanh tùy theo chủng loại.

Bồ tát dùng tánh mà thọ sanh, các báo ứng về thọ mạng sắc tướng đều hơn hẳn thế gian, đây gọi là sanh hơn hẳn.

Bồ tát thuận theo tâm thanh tịnh mà an trú, cho đến trú trong phần vị Bồ tát cao nhất, hướng về cõi Diêm Phù Đề tự tại mà thọ sanh, tất cả nơi thọ sanh ở trong cảnh giới lạ lùng vô cùng, đây gọi là sanh tăng lên cao.

Bồ tát cao nhất trú trong thọ sanh điều phục nghiệp, vốn có các phần Bồ đề tăng lên cao đầy đủ không thiếu, sanh vào dòng Sát lợi - Bà-la-môn đạt được A nậu Bồ đề làm tất cả Phật sự, đây gọi là sanh lần cuối cùng.

Đời đời Bồ tát đều có đủ năm loại thọ sanh này, không sót lại gì không có gì hơn, vì vậy mau chóng đạt được A nậu Bồ đề".

Còn luận Du Già nói: "Các Bồ tát sanh lược có năm loại thâu nhiếp tất cả các sanh, tất cả Bồ tát thọ sanh không sai lầm gì, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Sanh loại trừ tai họa; 2- Sanh tùy theo chủng loại; 3- Sanh trong xe thế lớn; 4- Sanh tăng lên cao; 5- Sanh tốt đẹp nhất.

Bồ tát đối với các nạn đói kém thì làm các loài cá lớn, cung cấp tất cả mọi nơi đều khiến cho no đủ; hoặc lúc có dịch bệnh thì làm bậc Đại lương y trừ hết dịch bệnh; hoặc lúc có chiến tranh thì dùng uy lực to lớn khéo léo trừ dẹp; hoặc lúc có vua chúa tán ác trị phạt phi lý, thì dùng nguyện lực to lớn thương xót đến tất cả; hoặc dấy lên tà kiến có năng lực loại trừ tà ác. Đây gọi là sơ lược nói về trừ bỏ tai họa liên tục xuất hiện.

Hoặc có Bồ tát, dùng nguyện lực to lớn sanh đến chủng loại khác, phương tiện cảm hóa dẫn dắt khiến cho loài ấy thực hành điều thiện. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh tùy theo chủng loại.

Hoặc có Bồ tát bẩm tánh sanh thời, đã cảm được thọ lượng – hình sắc - dòng họ tự tại giàu sang, tốt đẹp bậc nhất, sự nghiệp đã làm mình của người cùng lợi ích. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh trong xu thế lớn.

Hoặc có Bồ tát trú vào Thập Địa, làm thành báo ứng của Thập Vương, thù thắng bậc nhất, đã được thành tựu đầy đủ, liền nhờ vào nghiệp này tăng lên cao mà cảm được. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh tăng lên cao.

Hoặc có Bồ tát, ở trong đời này Bồ đề tư lương đã tròn vẹn hết sức, hoặc sanh vào dòng dõi Quốc Vương rất cao quý, có năng lực thanh tịnh Đẳng Giác thực hiện nhiều Phật sự. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh lần cuối cùng.

Nếu các vị Bồ tát ở quá khứ – vị lai và hiện tại sanh vào nơi thanh tịnh nhân ái hiền đức tốt đẹp tuyệt vời, đều do năm loại sanh này thâu nhiếp, ngoài điều này ra không có gì vượt qua hay tăng thêm, chỉ trừ phàm địa Bồ tát thọ sanh. Tại vì sao? Bởi vì ý trong này chọn lấy Bồ tát có trí tuệ sanh ra quả Bồ đề to lớn làm nơi y chỉ, khiến cho các Bồ tát mau chóng chứng quả Bồ đề”.

Tụng rằng:

Bốn loại sanh quả thật dễ chuyển,
Bệnh năm ấm khó mà chữa khỏi,
Thọ mạng báo thân tuy dài ngắn,
Cuối cùng thành mồ mả hồng trần.
Không biết sáu sắc là mồi câu,
Có thể làm đau thương mọi nơi,
Lại xót thương báo ứng luân hồi,
Khó thành tựu thân thể bất hoại.
Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược ra hai chuyện: 1- Sa môn Chi Đạo Lâm thời Tấn; 2- Cư sĩ Tín Đ ô Nguyên Phương thời Đường.

1/ Thời nhà Tấn có Sa môn Chi Độn tự là Đạo Lâm, người vùng Trần Lưu, dáng vẻ thanh tú chất trực, là bậc thầy phong lưu trong chốn Lão – Thích, thường cùng với các Sư biện luận về chủng loại của vật, nói rằng trứng gà đẻ ra để sự dụng không đủ gọi là sát sanh, cùng với các loại bò bay máy cựa không thể trách phạt như nhau được. Sau đó Sư qua đời, bỗng thấy hiện hình đi đến trước mặt Chi Độn, tay cầm trứng gà ném xuống đất vỡ toang, thấy có gà con ra khỏi vỏ trứng mà đi lại. Chi Độn liền suy nghĩ hiểu ra và hối hận bởi lời nói của mình. Trong chốc lát sư và gà con đều mất dạng không thấy nữa.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

2/ Thời nhà Đường có Tín Đô Nguyên Phương là người huyện Phẫu Dương – Tương Châu, thửi trẻ có tiết tháo cao thượng, rất thích kinh Phật. Năm 29 tuổi, vào tháng Giêng mùa Xuân năm thứ năm thời Đường Hiển Khánh đột ngột qua đời. Sau khi chết hơn tháng, anh trai là Tăng Đạo Kiệt ở chùa Pháp Quán, tình cảm thương nhớ tha thiết, mới dẫn một thầy mo đến nhà, nhờ cầu hồn Nguyên Phương cùng chuyện

trò. Sư trong chùa Pháp Quán lại rất hiểu về pháp thuật, bèn làm một lá bùa thâu nhiếp được Nguyên Phương, khiến thầy mo hỏi nguyên do đích thực sự việc. Thầy mo không biết chữ, nhờ người biết viết cầm bút, thầy mo thấy Nguyên Phương trình bày lại, viết thành một tờ, cùng với bạn đồng học căn cứ theo việc làm trước đây, thuật lại đầy đủ ý từ trước đến nay, và hai bài thơ. Chính trong nhà đó cũng giữ lại bức thư kể chuyện, mạch văn theo thứ tự lời lẽ đau thương xót xa, thư ấy sơ lược có ý khuyên tu công đức, và mong niệm Phật chép kinh, cho rằng nghiệp sát sanh là tội lỗi rất lớn, không có tội gì hơn tội lỗi này. Lại nói: Nguyên Phương không vào địa ngục, cũng không vào trong loài quỷ, trước đây được quan cõi âm phân xử, khiến làm con trai nhà Lý Nhân Sư ở Thạch Châu, nhưng vì Thạch Danh Viễn ở huyện Ngô Sơn – Lũng châu hướng về Hoa Nhạc cầu xin có con, bèn thay đổi cho làm con trai nhà họ Thạch. Lại nói: Ngày thọ sanh đến gần sát nên không thể dừng lại được nữa, từ tháng hai thọ thai, đến tháng mười hai ra đời, mong các anh yêu thương đi đến nơi ấy thăm nhau vậy. Nói xong rơi nước mắt mà đi. Tiết Đại Tạo ở Hà Đông ngụ cư tại Phẫu Dương, trước đây nhậm chức huyện lệnh Ngô Sơn tự nói rằng: Vốn có quen biết Danh Viễn. Tăng Tuệ Vĩnh – Pháp Chân ở ở chùa Trí Lực cùng nói chuyện này.

(Chuyện trên đây trích là từ Minh Báo Thập Di Ký).

Thiên thứ 83: THẬP SỬ

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Hội danh, Mê lý, Đoạn chương.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Nghe rằng: Ba cõi ngủ mê mệt, đều bởi vì mươi sử làm sào huyệt; sáu giặc tìm chỗ dựa, thật sự mượn 5 trụ làm mãnh tướng. Khiến cho vọng tưởng hư cấu, mê hoặc điên đảo cùng dấy lên, vạn điều khổ tranh nhau ràng buộc, trăm mối lo tụ tập đầy đủ, thế là mươi sử ruổi nhanh, mươi triền câu thúc, năm độn sử dễ chìm đắm, năm lợi sử khó kiềm chế, khổ quy tụ thuận theo dòng, từ vô thỉ thường trôi nổi, đạo diệt khổ luôn trong sáng, dựa vào đâu có thể chứng?

Phần thứ hai: HỘI DANH

Mở đầu giải thích về tên gọi: 1- Thân kiến; 2- Biên kiến; 3- Tà kiến; 4- Giới thủ; 5- Kiến thủ; 6- Tham; 7- Sân; 8- Si; 9- Mạn; 10- Nghi.

Mười Sử này là gốc rễ của sanh tử, phàm phu điên đảo mê hoặc chưa từng quán xét lý lẽ, vọng chấp liên tục theo nhau không ra khỏi ba cõi, như công sứ thế gian đuổi theo tội nhân, gọi đó là Sử. Như luận Địa Trì nói: "Đuổi theo chuyển thành nghĩa, gọi đó là Sử". Trong luận Tạp Tâm nói: "Sử nó đuổi theo như hình ảnh đi giữa hư không". Trong Thành Luận nói: "Sự đuổi theo của Sử giống như mẹ đi theo con, ở trong ba cõi thường có nghĩa đuổi theo". Trên đây là giải thích tổng quát, từ đây trở xuống là giải thích tách biệt.

Thứ nhất là Thân kiến, cũng gọi là Ngã kiến, sắc - tâm dựa vào nhau, gọi đó là thân. Phàm phu ngu dốt không nhận ra điều này, chấp làm thành Ngã - Nhân. Từ sự mê muội đó, cho nên gọi là Thân Kiến. Bởi vì không phân biệt được sắc- tâm mà chấp làm Ngã, từ điều ấy mà dựng lên, cũng gọi là Thân kiến. Vì vậy kinh Thập Địa nói: "Thế gian thọ sanh đều bởi vì chấp Ngã, nếu lìa chấp Ngã thì không có thế gian nào để cho thân thọ sanh". Vì vậy biết rằng Ngã kiến là nguồn gốc phát sanh phiền não. Do đó kinh Niết- bàn nói: "Như lúc sáu kẻ giặc lớn muốn cướp đoạt con người, cần phải dựa vào người ở bên trong. Nếu không có người bên trong thì sẽ bị đánh trả, giặc cướp sáu trần này cũng lại như vậy, muốn cướp đọat thiện pháp, cần phải dựa vào cái có bên trong, tức là các tướng tri kiến thường lạc ngã tịnh bất không của chúng sanh. Nếu bên trong không có các tướng như vậy, thì giặc cướp xấu ác sáu trần không thể nào cướp được tất cả các thiện pháp. Người có trí, bên trong không có tướng này, nhưng phàm phu thì có. Vì vậy sáu trần thường đến xâm lấn chiếm đoạt tài sản thiện pháp, cho nên biết Ngã kiến là nguồn gốc sanh ra ác pháp diệt mất thiện pháp". Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Như bệnh làm tắc nghẽn cổ họng thì có thể mất mạng, trong tất cả các cái thấy chỉ có cái thấy chấp Ngã là có thể lập tức cắt đứt mạng sống của trí tuệ".

Thứ hai là Biên kiến, nhân quả thế gian sanh diệt liên tục không dứt, không chắc chắn là đoạn hay thường, chính là lý Trung Đạo. Không trừ bỏ chấp trước thiên lệch, cho nên gọi là Biên kiến. Như Trung Luận nói: "Nhân quả thường sanh diệt liên tục cho nên đi lại không dứt, sanh diệt cho nên không thường còn, liên tục cho nên không dứt đoạn, vì vậy biết nhân quả ba đời nối tiếp nhau là đạo lý chính xác". Còn trong Thành Luận nói: "Bởi vì Thế đế cho nên có thể trở thành Trung Đạo, bởi năm ấm nối tiếp nhau sanh ra cho nên không đoạn dứt, niệm niệm diệt đi cho nên không thường còn. Xa lìa hai khía cạnh đoạn – thường này gọi là Trung Đạo". Do đó biết nhân quả không chắc chắn là đoạn

hay thường. Ở trong hiện báo phàm phu ngu muội không quán xét niệm niệm diệt đi đều là thường kiến, không quán xét niệm niệm mới sanh đều là đoạn kiến. Nếu đối với báo ứng vị lai mà ái chưa hết, thì theo nghiệp thọ sanh trong sáu đường không biết chắc đường nào. Người không phải là người bình thường, chẳng nhận ra điều này mà nói là thường, tức là thường kiến. Nếu nói là sau khi chết không thọ sanh lai nữa, tâm thức vĩnh viễn không còn, tức là đoạn kiến.

Thứ ba nói về Tà kiến, nghĩa là bài báng không có nhân quả, trái với chánh thì gọi là tà. Nếu dựa vào luận Câu xá, thì tất cả các loại kiến trái với lý mà dấy lên, đều là tà kiến, nhưng nói một loại kiến là tà kiến ấy, bởi vì loại kiến này tệ hại nhất, nó có thể đoạn mất thiện căn, cho nên nói là tà kiến. Nếu luận về Thân kiến – Biên kiến, tuy là tà không phải là chánh, dứt khoát là không nhận ra lý lẽ, chướng ngại đến Thánh đạo, nhưng không bài bác nhân quả, tà tâm không nặng lắm, không trở ngại gì tu thiện, vẫn cảm được niềm vui thế gian. Nếu như kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Những tội nặng vì không tin nhân quả – đoạn dứt cái học Bát-nhã, hơn cả tội giết tám vạn cha mẹ". Đây là do tà kiến mà cảm đến báo ứng nặng nề này. Vì vậy Trung Luận nói: "Tà kiến có hai loại: 1- Phá hoại niềm vui thế gian, là tà kiến thô lậu, nói không có tội phước – không có Phật và Hiền Thánh, bỏ thiện làm ác; 2- Phá hoại đạo quả Niết- bàn, tham trước vào Ngã, phân biệt có – không, cho nên không đạt được đạo quả Niết- bàn".

Thứ tư nói về Giới thủ, chỉ những người vọng chấp vào Giới thủ, tùy theo cái chấp khác biệt ấy mà tự nó có hai loại: Một là độc đầu, hai là túc thượng. Nói là độc đầu, đó gọi là một mực lấy trì giới làm đạo, hoặc là lấy khổ hạnh để làm đạo, hoặc lấy bố thí để làm đạo, thậm chí hoặc lấy tám sự thiền định cho là chân đạo. Những loại này dứt khoát lấy việc mà mình thực hành, không biết rằng trái với đạo, sai lầm chấp làm đạo, vì vậy gọi là độc đầu giới thủ. Nói là túc thượng, nghĩa là có người ngu dốt, không hiểu lý lẽ đúng đắn vọng lập nên đúng sai, nói là mình thấy đúng, lấy làm chân đạo, thì gọi là giới thủ. Sau giới thủ này dựa vào cái thấy trước đó sanh ra, cái thấy trước và giới thủ sau làm gốc, giới thủ đã dựa vào gọi là chân tướng. Vì vậy nói tâm của giới thủ sau, gọi là phiền não trên chân giới thủ. Vì vậy cho nên hành giả phải cố gắng suy nghĩ, đạo pháp khó nhận biết, cần phải hỏi ban bạn tốt, không được tin theo chính mình. Tâm ngu dốt nhận thức trái ngược, sai lầm chấp trái với cái đúng, trở lại thành bất thiện. Nên biết rằng đạo, chỉ là tuệ quán, các thiện pháp như giới – định là duyên sơ sài vốn có,

cần phải quán xét sắc – tâm chúng sanh không phải là Ngã, thấy được lý này mới là trí xuất đạo. Ngoài điều này ra thì các loại đều sai. Vì vậy nếu chấp pháp thiện khác là đạo, thì đều giống như người ngu; chấp giới là đạo, thì cùng chung tên gọi thuộc về giới thủ phiền não. Cho nên luận Câu Xá nói: “Trái với con đường Trung Đạo, thì gọi là giới thủ kiến”.

Còn luận Thập trú Tỳ Bà Sa nói: “Đức Phật bảo với Ca Diếp: có bốn loại Tỳ khưu phá giới mà giống như là trì giới. Những gì là bốn loại? Đó là: 1- Có Tỳ khưu, ở trong giới kinh đều có thể thực hành đầy đủ, mà nói là có Ngã, thì gọi là phá giới nhưng giống như trì giới. 2- Có Tỳ khưu, tụng trì kinh luật giữ gìn giới hạnh, ở trong Thân kiến không xao động, không xa lìa, thì gọi là phá giới nhưng như trì giới. 3- Có Tỳ khưu, thực hành đầy đủ 12 hạnh đầu đà, mà thấy các pháp chắc chắn là có, thì gọi là phá giới nhưng giống như trì giới. 4- Có Tỳ khưu, duyên với chúng sanh thực hành Từ tâm, nghe các hành không có tướng sanh thì tâm kinh sợ, đây gọi là phá giới nhưng giống như trì giới”. Lấy văn này chứng minh, cho nên biết người ngu dốt tuy y theo giới hạnh thân miệng không sai lầm gì, nhưng lầm chấp trái với lý thì tâm không có Đạo giới. Nếu có thể quán xét nhìn nhận sắc tâm là Vô Ngã, thì trí này thanh tịnh mới có Đạo giới. Giới hạnh đã như vậy, thì thí - nhẫn ... cũng như vậy.

Thứ năm nói về Kiến thủ, loại này cũng có hai: Một là độc đầu, hai là túc thượng. Nói là đầu độc, nghĩa là khăng khăng chọn lấy thiện pháp hữu lậu và quả hữu lậu của thế gian, cho rằng tốt đẹp tuyệt với bậc nhất, đó gọi là độc đầu. Như người cứ mãi chọn lấy quả báo Vô Tưởng Thiên, chấp làm Niết- bàn, nói là tốt đẹp bậc hất, lại đối với sự bất tịnh trong thân nói là thanh tịnh. Như vậy đều gọi là độc đầu kiến thủ. Nói là túc thượng, nghĩa là người không phân biệt được pháp vọng tưởng thiết lập đúng sai, nói rằng mình thấy là đúng, còn lại đều sai, thế là lập tức sanh tâm phân biệt, ở trên cái thấy của mình chấp là bậc nhất. Vì vậy cho nên gọi là túc thượng kiến thủ. Như dấy lên Thân kiến thì đó là cái Ngã điên đảo, người ngu dốt không hiểu sau đó lại dấy khởi tâm niệm, lấy Thân kiến trước đó cho là bậc nhất. Kiến thủ như vậy gọi là túc thượng, nghĩa còn lại giống như giải thích ở trước đây. Điều này đã giống như trước thì có gì sai biệt? Nếu chấp sự nghiệp hữu lậu của thế gian, giữ lấy cho là đạo, thì gọi là Giới thủ; nếu chấp là hơn hẳn, thì gọi là Kiến thủ. Cho nên luận Câu Xá nói: “Tất cả các pháp thuộc về Hữu, các bậc Thánh nhân đều từ bỏ. Vì vậy chấp pháp này là tốt đẹp nhất, thì gọi là Kiến thủ”. Còn trong Thành Luận nói: “Nếu người trì giới thật

là thanh tịnh, gọi là Giới thủ kết, thì nói là đã giữ lấy; cho là chân thật, còn lại đều vọng ngữ, gọi là Kiến thủ kết. Nếu nói là pháp thế gian bậc nhất, thì đều giống như người ngu dốt, lấy cái thấy làm hơn hẳn, vì vậy cùng chung tên gọi là Kiến thủ phiền não".

Lại trong luận Tân bà Sa: "Hỏi: Kiến thù này ở trong khoảng một sát na làm thế nào đoạn dứt được? Đáp: Tánh sắc bén mạnh mẽ, cũng có thể đoạn dứt được. Người vốn có chấp, nghĩa là luôn luôn chấp chặt, cho nên gọi là Kiến. Kiến này đối với cảnh kỳ lạ thì chấp trước rất chặt, không phải là lưỡi dao Thánh tuệ thì không biết làm sao khiến cho bỏ được, không phải là đệ tử Phật cầm con dao Thánh tuệ cắt đứt cái Kiến kia thì chiếu răng vẫn còn không khiến cho từ bỏ được. Như có loại thú biển tên gọi Thất ma la đã cắn vào vật gì thì không phải là dao không thể nào tách ra được, nghĩa là nếu loài thú kia cắn vào các loại cây cối, thì cần phải chặt đứt răng của nó mới khiến cho từ bỏ được. Như có tụng rằng:

Người ngu si đã thọ trì rồi,
Như loài cá chiên đã ngậm vật,
Loài Thất Thủ Ma la cắn vào,
Không phải dao không thể trừ được.

Bởi vì đi sâu vào sở duyên, nghĩa là tánh sắc bén mạnh mẽ đi sâu vào sở duyên, giống như cái kim rơi xuống bùn, cho nên gọi là Kiến".

Thứ sáu nói về sai lầm của Tham Sử. Tham thì quả là rất nhiều, hoặc là yêu quý bản thân mình – yêu thích thân thể người khác, hoặc là yêu quý vợ con – nhà cửa – ruộng vườn, hoặc yêu quý thiện pháp như yêu quý Bồ đề quả Phật ... Nếu y theo Đại thừa mà nói thì đây đều là Sử, nếu y theo Tiểu thừa thì tham cái thiện không phải là Sử. Nói đầy đủ khó mà hết được, chỉ sơ lược kể ra như vậy mà thôi.

Thứ bảy nói về sai lầm của Sân Sử. Đó gọi là những trạng thái phiền muộn – căm ghét – ganh tỵ – không vừa ý, những phiền não như vậy đều là Sân Sử. Trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Thân giống như củi khô, sân giận như ngọn lửa, chưa đốt cháy được người ta mà trước tiên tữ đốt cháy chính mình". Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Tâm sân giống như ngọn lửa đốt cháy tất cả các giới cấm, sân hận giống như chiếc rìu lớn luôn luôn phá nát chiếc cầu giáo pháp, nó trú ở trong tâm như kẻ thù vào nhà, cho nên biết dấy niệm sân hận làm chướng ngại đến những thiện pháp". Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trong mọi điều xấu ác không có gì hơn niệm sân hận này, dấy lên một niệm tâm sân hận thì chịu trăm ngàn sự chướng ngại đến pháp môn".

lại trong kinh Bồ tát Địa nói: "nếu các Bồ tát phạm vào các lỗi tham giống như hằng sa, vẫn không gọi là hủy hoại giới. Nếu phạm phải một nhân duyên của sân hận, thì gọi là phá giới". Tâm sân hận có thể từ bỏ chúng sanh, tâm tham ái có thể bảo vệ chúng sanh, không gọi là phiền não; sân hận từ bỏ chúng sanh, gọi là phiền não nặng nề. Vì vậy cho nên Như Lai ở trong kinh nói rằng: "Tham kết khó đoạn dứt không gọi là nặng nề, sân hận dễ đoạn trừ gọi nó là nặng nề". Điều này cũng sơ lược kể ra, nói đầy đủ khó mà hết được.

Thứ tám nói về sai lầm của Si Sử. Nếu dựa vào Tỳ Đàm, thì tâm si ám là thể không có trí tuệ sáng suốt đúng đắn, cho nên gọi là Vô minh. Lại trong luận Tỳ Đàm giải thích: "Vô minh Sử có hai loại của nó: 1- Bất cọng; 2- Tương ưng. Nói về Bất cộng, là đối với bốn Đế lý và đối với cácloại sắc-thanh-hương-vị-xúc, duyên theo mà không hiểu rõ tức là Vô minh. Đây là chỉ riêng Vô minh chứ không hòa hợp với tất cả các Sử, gọi là Bất cọng Vô minh. Hai là Tương ưng Vô minh, trừ Bất cọng trước đây, tất nhiên còn lại tất cả các tâm không có sự hiểu biết trong các phiền não, gọi là Vô minh; hợp với các Sử, gọi là Tương ưng Vô minh". Nếu dựa theo Thành Luận, thì Vô minh cũng có hai loại: 1- Thủ tánh; 2- Hiện khởi. Nói về Thủ tánh, chính là mặc ý vận dụng pháp mê muội không thật tập họp lại che kín tâm giữ lấy tánh chỉ là trái lý, tánh ác không thiện. Vô minh sâu kín này, các phàm phu thường có, vì vậy cần phải ở trong pháp thiện vô ký, quán xét vô tánh mới có thể loại trừ dần dần. Do đó lúc thực hành pháp thiện cần phải quán xét vô tánh, mê sự lấy tánh thì trở thành hữu lậu.

Thứ chín nói về sai lầm của Mạn Sử. Dựa vào luận thì mạn có 8 loại: 1- Thẳng thắn gọi là Mạn, nghĩa là đối với hoàn cảnh thấp kém thì cho mình là cao- người kia là thấp, ở nơi ngang nhau thì lại chấp là chơn kém, bởi vì quá tùy tiện như vậy, cho nên thẳng thắn gọi là Mạn. Loại này không dựa thế vào đâu tại sao trở thành mạn? Trong Thành Luận giải thích rằng: "Trong chỗ này có sai lầm là chấp vào Ngã tướng, cho nên nói là Mạn, nghĩa là người có hơn kém, chỉ do tâm phân biệt hiểu rõ, nếu biết tâm tốt đẹp xứng với thực tế thì không sai trái gì, không nhận ra pháp như vậy, chấp mình hơn hẳn người ta và cùng với đẳng cấp của mình thì có tâm cậy thế mình hơn, cho nên gọi là Mạn". 2- Đại Mạn, nghĩa là ở nơi như nhau mà sự cho rằng mình là lớn, cho nên gọi là Đại Mạn. 3- Man Mạn, nghĩa là đối với hoàn cảnh cao hơn thì nói là mình hơn hẳn người ta, đây là sai lầm nghiêm trọng nhất, cho nên gọi là Mạn Mạn. 4- Không bằng mà Mạn, nghĩa là đức hạnh của người ta

hơn mình càng xa với, mình tu nghiệp lành bao đời mới có thể giống như người ta được, thì nói là hiện nay ít không bằng người ta, vì vậy mà xúc phạm đến nhiều khía cạnh của người ta, gọi là không bằng mà Mạn. 5- Ngạo Mạn, nghĩa là đối với cha mẹ – thầy dạy ở địa vị cao nhưng không chịu cung kính, cho nên gọi là Mạn Mạn. 6- Ngã mạn, nghĩa là ở trong pháp sắc – tâm vô ngã chấp vào Ngã mà tự cao, cho nên gọi là Ngã Mạn. Đây là tâm chấp Ngã trong các loại Mạn, một loại Ngã Mạn này khó điều phục đoạn trừ nhất phải thành tựu quả vị La hán mới có thể trừ bỏ hết được. Nhưng các phàm phu ngu dốt không học hỏi cách thức quán xét, đừng hỏi gì đến thô và tế mà Ngã kiến đều kiên cố vô cùng, vì vậy gọi là chỉ rõ tướng Ngã Mạn. Nếu có thể quán xét theo lý thành Thánh, thì Ngã kiến của người học sẽ nhỏ lại mà phần đoạn trừ cái khổ thiển hiện rõ ra, vì vậy gọi là không nêu rõ tướng Mạn. 7- Tăng thương Mạn, nghĩa là chưa đạt được Thánh quả mà nói là đã đạt được; bởi vì Thánh trí ấy là cái hành tăng thượng, ở trong pháp xuất thế tăng thượng này mà khởi tâm sinh ra Mạn, gọi là Tăng thượng Mạn. 8- Tà mạn, nghĩa là những người ác không có đức hạnh, tự cao cậy thế hiển xúc phạm đến người khác, cho nên gọi là Tà Mạn. Đây là tám loại tâm lý về mạn, tất cả đều gọi là phiền não Mạn Sử.

Thứ mười nói về sai lầm của Nghi Sử. Nghi có hai loại: 1- Nghi về sự, như ban đêm trông thấy cây cối nghi là mọi người đang đứng yên. Tâm nghi về sự này không dẫn đến sanh Sử này. Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “A la hán tuy không còn nghi ngờ gì trong bốn Đế, nhưng trong tất cả các pháp nơi nào cũng có nghi ngờ”. Những sự nghi ngờ này, nếu theo Đại thừa thì do vọng tâm mù mờ, dẫn đến cái chết của Biến dịch, cũng nói là Sử. 2- Nghi về lý, nghĩa là các pháp thân tâm sanh diệt chẳng có Ngã, nghi ngờ nói là thường có Ngã, gọi là nghi ngờ về lý. Vì vậy trong Thành Luận hỏi: Nghi ngờ có sai lầm gì? Đáp: Nếu người nhiều nghi ngờ, thì tất cả mọi sự việc thế gian và xuất thế gian đều không thể nào thành tựu được; lại nghi ngờ pháp không thể học được, nghi ngờ thầy không thể cung kính họ được, nghi ngờ chính mình không phải là lúc học hỏi. Nếu phát sanh ba loại nghi ngờ này, thì cũng là nguồn gốc chướng ngại cho đạo. Chỉ dấy tâm quyết định học hỏi, không cần phải nghi ngờ ba sự việc này. Phàm phu không quán sét lý lẽ chẳng hỏi trên dưới, đều có mươi sử. Cõi phía trên tuy không Sân Sử hiện bày thô thiển, nhưng đương nhiên chín sử còn lại thường xuyên có đủ. Người tu đạt được Định, tuy điều phục được phiền não cõi Dục, nhưng bởi vì có Sử này cho nên không đạt được quả xuất thế.

***Phần thứ ba:* MÊ LÝ**

Lời bàn: Mê lý không như nhau, bởi vì chúng sanh từ vô thỉ đến nay lưu chuyển trong sanh tử, không thể nào đoạn trừ phiền não, không làm sao đạt được quả xuất thế, khiến cho phiền não mươi sử trở thành nghiệp chủ động ngăn trở, bốn pháp chân đế trở thành lý bị ngăn trở. Nói là bốn Đế, thì một là Khổ, hai là Tập, ba là Diệt, bốn là Đạo. Giải thích đầy đủ nhân quả bốn Đế theo thứ tự lớn nhỏ giống khác, thì sợ rằng văn vừa nhiều vừa rối nên không thuật lại, nay tạm giải thích sơ lược về tên gọi ấy khiến biết được nhân quả vậy thôi. Sanh diệt vô thường theo lý thật sự là khổ, bức bách hành giả gọi là khổ đế. Đế là nghĩa thật sự, đích xác như vậy không sai, cho nên gọi là Đế. Ba Đế sau có nghĩa giống như một cách giải thích này. Hữu lậu thiện ác đều luôn luôn sanh ra quả, lý chính là nhân tụ hội nên gọi là Tập đế. Phiền não giải quyết hết gọi là diệt, lý thật sự không sanh khởi, gọi là Diệt đế. Quán xét lý trừ diệt bế tắc, điều này thật sự không giả dối, gọi là Đạo đế. Nến ngay nơi một con người luận về bốn Đế, nghĩa là quả báo hữu lậu khổ và vui của thân tâm này, đól Khổ đế. Nếu không quán xét lý dấy khởi thiện ác, cho đến tám thiền, đó là Tập đế. Nếu quán xét thân tâm sanh diệt vô ngã, ngay nơi trí quán xét này, đó là Đạo đế. Nhờ vào trí của đạo này lúc thấy rõ vô ngã, giải quyết được mê hoặc một cách quyết đoán, tức là Diệt đế. Nói về mê lý, thì luận bàn giải thích không giống nhau. Nếu dựa vào luận Tỳ Đàm nói: "Thân kiến và Biên kiến chỉ mê muội Khổ đế, nghĩa là phàm phu đều chấp vào báo ứng khổ đâu làm Ngã, vì vậy Thân kiến duyên vào Khổ đế mà sinh ra, dựa vào báo ứng khổ đau của thân mà chấp là Đoạn – chấp là Thường, vì thế Biên kiến cũng mê theo khổ báo mà sinh ra". Do đó trong luận Tạp Tâm nói: "Thân kiến và Biên kiến dấy khởi nơi quả, chỉ mê muội theo Khổ đế, cứ nghĩ rằng tội và phước là do Ngã tạo ra, không lấy nghiệp nhân thiện ác làm Ngã, vì vậy Thân kiến không dựa vào Tập mà dấy khởi, biết Tập không phải là Ngã cho nên không gọi là mê muội vì Tập. Biên kiến dựa vào thân cũng không nương theo tập, lại cũng không lấy Diệp-Đạo làm Ngã mà chấp Đoạn – chấp Thường. Nghĩa đều giống như vậy, vì thế Thân kiến và Biên kiến chỉ dựa vào báo ứng khổ đau nên gọi là mê muội theo Khổ đế".

Nếu luận về Giới thủ mê muội theo Khổ và Đạo, nghĩa là có người ngu si cứ như vậy nghe nói, chịu khó thực hành khổ hạnh có thể đoạn được sanh tử, không biết là nói như vậy, để hiểu rằng đêm dài khích lệ tâm tư, chịu khó quán xét Khổ – Không, mới đoạn được sanh

tử, tức là nói rằng trong sự đau khổ của thân chính là Đạo, không biết thân đau khổ chẳng phải là Thánh Đạo. Vì vậy Giới thủ mê muội theo Khổ đế mà sanh ra, hoặc có lúc không lấy khổ đau của thân làm Đạo, mà cứ chấp vào Giới và phước hạnh làm Đạo, đây là lấy nhân tụ tập chuyển sang làm Đạo. Như vậy Giới thủ gọi là mê muội theo Đạo đế, lý thật sự thì phàm phu ngu dốt không biết nhân tụ tập, vọng chấp vào đó làm Đạo, đúng là không nhận ra Tập, chỉ vì tâm mê muội kia không chấp phước hạnh lấy làm nhân của Tập, mới chuyển sang làm Đạo. Vì vậy không có thể gọi là mê muội theo Tập. Không giống như người chấp Khổ cho là Đạo, lấy Khổ làm Đạo, cho nên gọi là mê muội theo Khổ. Vì vậy Giới thủ, có người mê muội theo Khổ, có người mê muội theo Đạo, nhưng không mê muội đối với Tập. Diệt là Thánh quả, chúng sanh đều mong cầu, không chọn lấy cái Diệt mê hoặc làm nhân tố thực hành của Đạo, vì vậy Giới thủ không gọi là mê muội theo Diệt.

Nếu luận về Tà kiến – Kiến thủ và Nghi, thì ba loại này đầu mê muội theo tất cả bốn Đế, có nghĩa là Tà Kiến bài báng không có nhân quả, bao gồm cả phàm phu và Thánh, vì vậy nói là tất cả đều mê muội. Nếu luận về Kiến thủ, thì đối với báo ứng của chính mình lấy làm bậc nhất, tức là mê muội theo Khổ; đối với việc làm của thiện nghiệp chấp là bậc nhất thì gọi là mê muội theo Tập. Nếu chọn lấy quả báo của Phạm Thiên- - Vô Tưởng Thiên ... cho là Niết- bàn, thì gọi là mê muội theo Diệt; đối với Giới thủ kia thì Đạo đã nói lấy đó làm bậc nhất, gọi là mê muội theo Đạo. Vì vậy cho nên Kiến thủ thì mê muội tất cả bốn Đế. Nếu luận về tâm Nghi, thì đối với các nhân và quả của phàm Thánh, không biết là có hay không có, sanh ra nghi ngờ không chắc chắn, cho nên cũng mê muội cà bốn Đế.

Từ trước đến nay đã nói về Kiến và Nghi, chỉ mê muội về Đế lý, không gọi là mê muội về sự. Bởi vì mê muội theo lý, cho nên lúc quán xét thấy rõ lý biết là không hề có Ngã – Thân, mới đoạn trừ tâm Ngã và chứng thực biết được tuệ quán, có thể đoạn trừ phiền não phàm phu và nhân quả Khổ – Tập không phải là Đạo. Biết quán xét là Đạo mới đoạn được Giới thủ, chính là biết được Diệt- Đạo cho là bậc nhất, không lấy hữu lậu để làm điều tốt đẹp hơn, biết thế gian đáng chán bỏ mới đoạn trừ Kiến thủ. Vì thấy được bốn Đế không sinh ra nghi ngờ bài báng, chứng thực niềm tin quyết định mới đoạn trừ nghi ngờ sai lạc. Do đó Thân kiến – Biên kiến-Giới thủ-Kiến thủ-Tà kiến và Nghi, không nhận ra lý mà phát sanh tử lại thấy lý để đoạn trừ, không lấy sự việc của sắc-thanh... ngoài trần cảnh để làm Ngã – Nhân mà chấp đoạn chấp thường,

cho nên tuy đích thực biết rõ những sự việc của sắc-thanh, nhưng không đoạn trừ Ngã tâm cho đến Nghi Sử. Nếu luận về bốn Sử là tham-sân-si-mạn, thì cùng chướng ngại cho cái thấy và tu, lý sự đều không nhận ra, nghĩa là dựa vào cái thấy dấy khởi thì gọi là mê theo lý, nếu dựa vào sự việc sanh khởi thì gọi là mê theo sự. Dựa vào cái thấy dấy khởi, nếu luận về tham như yêu thích Thân kiến, thì gọi là tham, bởi vì yêu thích Ngã kiến cho tâm chuyển thành mê muội. Nếu lúc quán xét Sanh Không biết rõ Vô ngã, thì chỉ trích Ngã kiến, tham này sẽ đoạn trừ. Nếu luận về sân, lúc có Ngã tâm, nghe nói đến Vô ngã thì sanh ra sân hận; về sau lúc quán xét Vô ngã biết rõ Vô Nhân, nghe nói về Sanh Không thì tâm hoan hỷ, cho nên lúc nhận ra lý lẽ thì sân kia liền đoạn trừ. Dựa vào cái thấy dấy khởi si mê không biết sai lầm của cái thấy, sau đó vào lúc thấy rõ lý lẽ thì cái si ấy lập tức đoạn trừ. Dựa vào cái thấy dấy lên mạn, cậy vào cái thấy mà tự cao, sau đó vào lúc thấy rõ lý lẽ thì cái mạn kia lập tức đoạn trừ. Vì vậy các loại tham - sân... dựa vào cái thấy dấy khởi, cũng là mê muội theo lý, nhận ra lý lẽ mới đoạn trừ. Dựa vào những cái thấy khác mà dấy khởi, tương tự như vậy, có thể biết. Vốn nói các loại tham - sân..., dựa vào sự việc mà dấy khởi, nghĩa là dựa vào các trần cảnh là sắc-thanh-hương-vị-xúc-, từ đó dấy lên tham triền miên mãi khó mà đoạn trừ, do đó lúc thấy được lý lẽ vẫn có cái chưa đoạn trừ, sau trải qua tu đạo liên tục dần dần loại trừ; sân-man- và si cũng dựa vào sự việc đầu như vậy. Đây là nói về mươi sử mê muội theo lý không giống nhau, mê muội theo Khổ có mươi sử, mê muội theo Đạo có tám sử mê muội theo Tập của Diệt đều có bảy sử, mê muội theo sự có bốn Sử, hợp lại có ba mươi sáu loại, đây là nói về tâm của phàm phu cõi Dục. Nếu luận về trong tâm của phàm phu cõi Sắc thì có ba mươi mốt loại, bởi vì ở cõi ấy không có Sân Sử, ở trong năm hành đều trừ bỏ một loại, bốn Đế tu đạo gọi là năm hành, vì vậy chỉ có ba mươi mốt sử. Tâm phàm phu cõi Vô Sắc cũng có ba mươi mốt sử. Luận chung về ba cõi, toàn bộ có chín mươi tám sử, mê muội theo lý bốn Đế có chín mươi tám sử ba cõi mê muội theo sự thì hợp lại có mười loại. Đây là dựa theo Tỳ Đàm sơ lược giải thích như vậy. Nếu dựa thao Thành Luận thì mươi sử phiền não đều có giữ lấy tánh, đều thông suốt lý lẽ, nghĩa là bốn Đế rỗng rang không có tánh, cho nên cuối cùng vào lúc quán xét Đế rỗng rang không có tánh, đoạn trừ giữ lấy tánh sâu nặng gọi là Kiến đạo, về sau vào lúc đoạn trừ phần vi tế thì gọi là Tu đạo. Đây là trình bày về mê muội theo lý không giống nhau.

***Phần thứ tư:* ĐOẠN CHỨNG**

Lời bàn: mươi sử phiền não này đoạn trừ có khó và dễ, nếu luận về tánh của Sử thì phàm phu luôn luôn có đủ. Nay nói về nhập đạo cho nên thuận rõ sự khó dễ ấy, nhưng các Kiến hoặc khó nhận biết mà dễ đoạn trừ, 4 Sử như tham-sân-si ... dễ nhận biết mà lại khó trừ bỏ. Kiến khó nhận biết, nghĩa là phàm phu thường mê muội. Lý dễ đoạn trừ, là thấy được lý lẽ thì không còn gì vương vấn. Đó gọi là nếu có thể học hỏi quán xét về Vô ngã, lúc bắt đầu thấy được lý thì gọi là Sơ quả. Tức là trước tiên đoạn trừ được tám mươi tám sử, nhưng bắt đầu thấy được Đế thì có lợi độn khác nhau. Nếu là hàng lợi căn, thì quán xét tất cả các pháp, đều nhờ vào Vô tánh, không thấy Ngã-Nhân, trong một niệm đoạn trừ tám mươi tám sử, ngay một niệm này gọi là Kiến đạo. Nếu là hàng độn căn, thì quán xét bốn Đế riêng biệt, theo thứ tự dần dần đoạn trừ tám mươi tám sử.

Vì vậy trong luận Phật Tánh nói: "Nếu người lợi căn thì ở trong một niệm cùng quán xét bốn Đế, tám mươi tám sử cùng đoạn trừ ngay một lúc, đều gọi là Kiến Đế. Nếu người độn căn đối với thứ tự quán xét, thì niệm đầu tiên là quán xét về Khổ, không thấy được ba Đế còn lại, chỉ đoạn trừ được khổ". Lấy văn này chứng minh, quán pháp chung hay riêng, đều có thể nhập đạo, không cần phải chấp vào một phạm trù nào cả. Nếu dựa vào các kinh chỉ dạy người nhập đạo, phần nhiều nói thẳng về quán xét sanh diệt vô ngã, thì đoạn trừ các Kết Sử thoát ra ngoài sanh tử.

Như kinh Địa Trì nói: "Thế gian thọ sanh đều do chấp Ngã. Nếu lìa bỏ chấp Ngã thì không có nơi thọ thân rồi sanh ra giữa thế gian". Lại như kinh nói: "Người có tánh Duyên giác không hiểu rõ tên gọi pháp môn bốn Đế, cứ dựa vào sự duyên quán xét sanh là Vô ngã, trải qua đoạn trừ các kết sử vượt qua những Thanh văn, ở trong chỗ này dứt khoát thực hành quán xét Vô ngã, tuy không dấy lên cách hiểu riêng biệt về bốn Đế, nhưng lúc quán xét như vậy có đủ bốn Đế. Nghĩa là họ đã quán xét báo thân hữu lậu sanh diệt trong từng niệm, là lý của Khổ-tập, theo tên gọi của Khổ trước, sanh ra tên gọi của Tập sau đó, lúc biết rõ vô ngã là thấy được khổ, bất giờ Vô ngã tức là đoạn trừ quan hệ của tập, đã đoạn trừ không sanh nữa tức là chứng thực về Diệt, trí năng quán này chính là Thánh Đạo. Vì vậy lúc thẳng thắn quán xét Vô ngã, có đủ bốn Đế đoạn trừ kết sử được thoát ra, chứ không cần phải quán xét riêng biệt bốn Đế mới thoát ra".

Do đó Thành Luận dẫn kinh giải thích rằng: Như trong kinh Chân

Thúc Ca nói về các loại nhân duyên đắc đạo, không những dùng bốn Đế mà đắc đạo, cho nên biết nhập đạo không cần phải quán xét riêng biệt, quán xét tổng quát một hành Vô ngã cũng được. Nếu có thể nhận thức rõ ràng thân tâm Vô ngã, thì chính là Kiến Đạo. Đoạn trừ các Kiến hoặc nhưng các Kiến hoặc dựa theo Đế mà phân biệt, ba cõi hợp lại nói là có tám mươi tám sử. Nếu dựa vào một con người mà luận về tâm mê muội chung quy thì chỉ là năm kiến và Nghi. Sáu loại này với người ngu thì gọi là khó nhận biết, nếu đối với người trí thì lại gọi là dễ đoạn trừ, nghĩa là những phàm phu ngu muội học cách tu thiện, phần nhiều đều biết chán ngán tham-sân-si-mạn, đối với Ngã tâm và chấp giới..., không hiểu rằng đều là sai lầm, vì vậy khó nhận biết, vì khó nhận biết, cho nên kinh nói là sâu nặng.

Như kinh Niết- bàn giải thích: "Ngã kiến-Giới thủ và các loại như Nghi.., tất cả chúng sanh luôn luôn dấy khởi, lại khó biết được, như bệnh thường phát sanh nên gọi là bệnh nặng. Lại khó nhận biết, cho nên cũng gọi là bệnh nặng".

Lại trong Thành Luận nói: "Người thế gian ở trong Giới thủ không thấy được sai lầm của nó, cho nên khiến trở thành kết sử, do đó biết lợi sử thì người ngu si không nhận thức được". Nói đối với người trí thì gọi là dễ đoạn trừ, nghĩa là nếu học cách quán xét thân tâm sanh diệt, phân biệt thấy rõ Vô ngã, lúc phiền não ít lại, thì biết trí quán là pháp đoạn trừ, chính là Đạo. Sáu Sử trong tâm tự nhiên hoàn toàn không có, nghĩa là biết sắc tâm sanh diệt chẳng phải con người, thì không có Ngã tâm nên Biên kiến tự nhiên đaọn trừ. Bởi vì quán xét thấy rõ lý nhận biết Thánh Đạo, cho nên tin rất chính xác không nghi nhờ gì, bài báng không có tự nhiên đoạn trừ Trí tuệ là Đạo, Giới thủ- Kiến thủ ... chẳng phải là tốt đẹp, thì không có Giới thủ, Kiến thủ tự nhiên đoạn trừ, vì vậy sáu Sử khó nhận biết mà dễ đoạn trừ. Vì khó nhận biết, cho nên mê muội từ vo thỉ đến nay. Vì dễ đoạn rtừ, cho nên hiểu rõ lý hết sạch. không giống như tham –sân ... dễ nhận biết mà khó đoạn trừ. Vì dễ nhận biết, cho nên nhiều người không chấp. Vì khó đoạn trừ, cho nên người nào cũng có. Vì vậy lợi sử mê muội theo lý khiến tâm sai lệch, tự mình che lấp kiến giải cao siêu cùng với hành không thoát được. Không giống như tham-sân ... tách biệt duyên theo sự mà lấy khởi chỉ trở ngại đến tu quán chứ không tự mình mê muội theo lý, cho nên các bậc Thánh nhỏ tuy có tham – sân, mà không gây trở ngại vẫn có thể hiểu được lý không nghi ngờ gì. Vì vậy người trí học tu đạo nghiệp, chỉ tu quán trừ bỏ mê mờ mà nhập đạo. Nếu học quán hành tuy mờ mịt gọi là phàm phu, nhưng lúc có

chút hiểu rõ lý lẽ thì không còn giữ lấy sai lạc. Nếu không học hỏi tìm hiểu thì luôn luôn mê muội đối với đạo pháp, tuy tu những pháp thiện mà thoát ra được. Nhiều người bài báng chánh pháp và hành đạo, bởi vì tâm học mê muội không nhận biết được tà hay chánh, không biết người khác là không giống như mình, liền nói là mình đúng, nói người khác là sai. Vì vậy tâm người mê muội không có đạo pháp, phần nhiều dựa vào pháp thiện thế gian vọng chấp vào tướng sai trái.

Do đó trong luận Câu Xá nói: "Hàng tại gia bởi vì giữ lấy năm tuần, cho nên cùng với tài gia dấy lên tranh đấu; hàng xuất gia bởi vì giữ lấy những cách nhìn hoàn toàn không giống nhau, cho nên cùng với xuất gia dấy lên tranh đấu". Còn trong Thành Luận nói: "nếu người trì giới lấy đó làm thanh tịnh, thì gọi là Giới thủ kết, tức gọi là giữ lấy cái của mình, cho rằng chân thật, còn của người khác đều là nói dối, gọi là Kiến thủ kết. Hai loại này là nguồn gốc đấu tranh lẫn nhau của người xuất gia, cũng chính điều ấy gọi là thuận bên khổ. Còn dựa vào Giới thủ này có thể từ bỏ 8 loại Thánh đạo chân thật, cho rằng đây chẳng phải là Chánh đạo, chẳng phải đạo thanh tịnh, có thể tùy theo sai lầm của khổ. Còn Giới thủ là sự ràng buộc của người xuất gia, các dục là sự ràng buộc của hàng tại gia. Vả lại, Giới thủ ấy tuy là thực hành các loại phương pháp thuộc phần xuất gia, nhưng trống rỗng chẳng có được gì. Lại bởi vì Giới thủ này mà có thể bài báng Chánh đạo và thực hành Chánh đạo, nhưng Giới thủ chính là nơi các ngoại đạo dấy lên kiêu mạn, nghĩ như vậy: Mình hơn hẳn người khác".

Lấy những văn này chứng minh biết rằng, những Giới thủ chỉ là pháp thiện thế gian dẫn đến kết quả sanh tử, cho nên gọi là thuận theo khổ đau, không phải là đạo pháp chơn thật, người ngu si phần nhiều mê muội vọng chấp sinh ra tội lỗi. Vì vậy mươi sử tuy đều là bất thiện, nhưng luận về căn nguyên chướng ngại đạo dấy khởi sai lầm, thì chỉ có 6 Sử làm mê muội tâm là chính. Nếu không thể đoạn trừ được, không những không thoát ra, mà còn vì thế dấy lên tội lỗi sâu nặng phải sanh vào đường ác. Đây là trình bày về đoạn trừ mươi sử có khó dễ khác nhau.

Tụng rằng:

Vời vợi thành trì của Ái Vương,
Cao vút núi non Thứu vui mừng,
Nghiệp kết thành ngục tù ba cõi,
Lợi-độn mười Sử thêm phiền não.
Xấu ác hỗn độn xuôi xuống dưới,

Đoạn trừ lậu hoặc lên đỉnh cao,
Đắm theo Ngã cam chịu khổ báo,
Sợ voi dữ ném xuống giếng sâu.
Ngẩng lên mong cảm hóa nhiệm mầu,
Trong từng niệm loại trừ tâm bệnh,
Vốn có phù hộ gặp Thích Tôn,
Ngưỡng mộ bậc Đại Tiên thông tuệ.
Đã dẹp tan kết sử vô minh,
Trở lại cùng tỏ ngộ chân chánh,
Tâm vui mừng thu gom gánh vác,
Thuận theo nghỉ thảy đều yên ổn.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 73

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần đầu)

Thiên này có 13 phần: Thuật ý, Nghiệp nhân, Quả báo, Sát sanh, Thân đạo, Tà dâm, Vọng ngữ, Ác khẩu, Lưỡng thiệt, Ỷ ngữ, Kiên tham, Sân khuể, Tà kiến.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Xót thương cho kẻ mê muội nghiệp chướng sâu dày, vất bỏ ba xe mà không thích điều khiển chìm nổi giữa biển cả khổ đau, mặc ý cháy khô mà không hề mệt mỏi, như ruồi nhặng thích bu xác chết thối tha, tựa bướm bay lao vào đống lửa hừng hực. Bởi vì mê mờ chìm đắm nhiều kiếp trải qua đủ mọi đau khổ, nhận chịu đủ mọi đắng cay đến nay còn bị thiêu đốt. Vì vậy Như Lai vô cùng xót thương không đành lòng từ bỏ được, chỉ rõ sự khổ – vui ấy khiến cho sinh lòng mừng chán. Do đó ở thiên này sơ lược trình bày về mười ác và hai việc làm gây ra tội - phước.

Phần thứ hai: NGHIỆP NHÂN

Nghĩ rằng phàm phu tạo nghiệp mới có nhiều loại, từ chỗ có tâm tương ứng với thân miệng, cũng có lúc thân miệng cùng với tâm trái nhau. Dựa vào đây mà luận, hễ thân miệng dấy động đều là do tâm sai sử. Nếu tâm bất thiện thì mới có thể làm hại đến vật, nếu trong tâm có thiện thì mới có thể thuận với phước thiện. Tuy lợi và hại không giống nhau, nhưng mà gốc rễ của ba nghiệp, thì lấy tâm làm nguồn cội. Bởi vì nghiệp dấy khởi không giống nhau, sơ lược cần phải giải thích.

Như trong luận Thành Thật nói: "Có ba người cùng đi vòng quanh tháp, một người là vì công đức niệm Phật, một người là vì trộm cắp, một người là vì sự mát mẻ, tuy là thân nghiệp cùng chung việc làm, mà có ba tánh thiện – ác- vô ký khác biệt, nên biết tội – phước do tâm, tướng của nghiệp thân – miệng thiện ác không nhất định". Vì vậy trong Tứ phần

Luật và Thành Luận đều nói: Nếu như vô tâm, tuy lỡ tay giết hại cha mẹ, nhưng không mong tội ác nghịch. Cũng như trẻ thơ tìm đến bầu vú của mẹ mình, thì không thể nào mang tội, bởi vì không có tâm ô nhiễm. Nếu dựa theo Tỳ Đàm, thì nói rằng sắc y báo dấy khởi sắc phương tiện, lấy làm thân nghiệp, âm thanh là khẩu nghiệp, tâm là Thể của tội phước, kín đạo nên không nói. Nếu dựa vào trong Đại thừa giáo thật sự mà nói, thì thân-khẩu-sắc-thanh luôn luôn không phải là tội phước. Nếu nói đến thiện ác thì đều là do ý, như trong ý suy nghĩ phát động ra nơi thân miệng, tức là ý này suy nghĩ, là Thể của nghiệp thân miệng. Nếu cứ như ý suy nghĩ không muốn phát ra nơi thân miệng, thì chỉ gọi là ý nghiệp. Vì thế trong luận Duy Thức nói: "Như người thế gian cho rằng, giặc cướp đốt cháy núi rừng thôn xóm thành ấp, chứ không nói là ngọn lửa đốt cháy". Nghĩa này cũng như vậy, chỉ dựa vào tâm cho nên nghiệp thiện ác thành lập. Vì vậy trong kinh có kệ rằng:

"Các pháp lấy tâm làm căn bản,
Các pháp lấy tâm làm hơn hẳn,
Xa lìa tâm không có các pháp,
Tên gọi thân miệng chỉ do tâm".

Do đó luận giải thích rằng: "Chỉ có tâm thức chứ không có nghiệp của thân miệng; nghiệp của thân miệng chỉ có tên gọi, mà thật sự là ý nghiệp. Tên gọi của thân miệng mà nói, cũng như lâm chung sanh tâm tà kiến thì rơi vào địa ngục, khởi tâm chánh kiến thì sanh đến nơi thiện".

Vì vậy cho nên luận nói: "Xa lìa tâm không có suy nghĩ thì không có nghiệp của thân miệng".

Lại trong kinh Di Giáo nói: "Phóng túng tâm này, thì làm mất việc thiện của người, giữ tâm lại một chỗ, thì không có việc gì không làm được".

Lại trong Kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Có năm nhân duyên, tuy giết hại mà vô tội: 1- Nói và làm với tâm vô ký; 2- Vô tâm làm tổn hại mạng sống các loài sâu kiến bò bay máy cựa...; 3- Nếu ném các loại sắt thép vô tình sát sinh mà đoạn đứt mạng sống của vật; 4- Thầy thuốc chữa bệnh vì làm lợi ích nên đưa thuốc người bệnh uống mà làm mất mạng sống của họ; 5- Đốt lửa sâu bướm bay vào mà chết, vô tình giết hại sâu bướm. Năm loại như vậy tuy đoạn mất mạng sống nhưng không mang tội giết hại. Cho nên biết nghiệp đã tạo ra đều do tâm mà phát khởi". Lại như trong nghiệp giết hại dựa theo tâm cảnh, tâm cảnh không như nhau mà có mức độ cao – trung bình-thấp. Đầu tiên dựa vào

cảnh mà nói, như giết hại súc sanh, Tỳ khưu phạm tội Ba dật đề; giết hại phàm phu là người Học, thì phạm tội Ba La Di; giết hai cha mẹ – La hán thì phạm tội nặng ngũ vô gián; giết hại người tà kiến mất hết thiện căn thì phạm tội rất nhẹ, không bằng tội giết hại súc sanh.

Vì vậy trong kinh Niết- bàn nói: "Bồ tát biết giết hại có ba loại, đó là hạ-trung và thượng. Hạ là loài kiến cho đến tất cả các loài súc sanh; chỉ ngoại trừ Bồ tát thị hiện sinh ra, các loài súc sanh này đều có thiện căn nhỏ bé, vì vậy cho nên giết hại thì nhận chịu đủ mọi tội báo. Giết hại hạng Trung, nghĩa là từ phàm phu đến bậc A-na-hàm. Giết hại hạng Thượng, là cha mẹ- La hán-Bích chi-Bồ tát. Nếu có ai có thể giết hạng Nhất xiển đề, thì không rơi vào trong ba loại giết hại này. Ví như đào đất – cắt cỏ-chặt cây, chém dứt xác chết thì không có tội báo, Xiển đề cũng như vậy (nghĩa là không có tội nặng chứ không phải không có khổ báo nhẹ).

Thứ hai dựa theo tâm mà nói, kết thành tội là do tâm, nghiệp có nặng nhẹ, nếu sân hận nặng nề thì tội nặng, sân hận bình thường thì tội nhẹ. Vì vậy trong Thành Luận nói: "Hoặc vì sự việc sâu nặng cho nên có báo ứng chắc chắn. Như đối với Phật và đệ tử Phật, nếu cúng dường hoặc không cúng dường, nếu tâm khinh thường phỉ báng, hoặc vì tâm sâu nặng cho nên có báo ứng chắc chắn. Như người dùng chất độc nồng đượm giết hại sâu kiến, nặng hơn tâm sơ suất giết người. Nếu tâm không sân hận, thì tuy giết hại cảnh giới hạng thượng cho đến cha mẹ, mà cũng không thành phản nghịch (Từ đây về sau các tội ví dụ có nặng nhẹ, văn vừa nhiều vừa rối cho nên không thuật lại, chủng loại gần như có thể biết)".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Sao nói là không giết? Nếu như lúa bắp đậu mè sinh ra sâu bọ nhỏ bé, không trừ không diệt, biết ở đó có sâu bọ, bảo vệ mạng sống loài sâu bọ này, không chuyển cho người, lại không sát sanh. Nếu trong vết thương trên lưng trâu ngựa la lừa có sâu bọ sinh ra, hoặc lúc dùng nước sạch rửa vết thương này, không dùng cỏ thuốc làm hại mạng sống loài sâu bọ này, lấy lông chim chùi rửa gom những sâu bọ này lại, đặt vào trong chỗ thịt thối nát rữa ở nơi khác, khiến cho sâu bọ bảo toàn mạng sống cùng bảo vệ cho trâu ngựa la lừa này. Sợ làm hại mạng sống lại bảo vệ mạng sống sâu bọ, cho đến mối kiến, hoặc ngày hay đêm, không được buông thả hành động, tâm không nghĩ đến giết hại. Nếu chúng sanh muốn ăn sâu bọ ấy, thì lấy thức ăn thích hợp của loài ấy, để mà trao đổi, khiến cho chúng được thoát nạn".

***Phần thứ ba:* QUẢ BÁO**

Như luận về kinh Di Lặc Vấn nói: "Mười nghiệp đạo bất thiện, có ba loại của nó: 1- Quả của quả báo; 2- Quả của tập khí; 3- Quả tăng thượng. Quả của quả báo, nếu sanh trong địa ngục thì gọi là quả của quả báo. Quả của tập khí, nếu từ địa ngục thoát ra sanh trở lại trong loài người, dựa theo nghiệp sát sanh cho nên có quả mạng sống ngắn ngủi, dựa theo nghiệp trộm cắp cho nên quả báo không có tiền bạc sinh sống, cho đến dựa theo nghiệp tà kiến cho nên tâm ngu si tăng mạnh. Tất cả như vậy gọi là quả của tập khí". Lại như luận Tát Bà Đa nói: " Như Tỳ khưu Ngưu Ti thường làm trạng thái giống như trâu nhai, bởi vì đời đời sinh trong loài trâu. Như một Tỳ khưu tuy được lậu tận, mà thường dùng gương soi tự ngắm nhìn mình, bởi vì đời đời từ trong lòng dâm nữ mà đến. Như Tỳ khưu Mục Liên, tuy được thần thông mà hãy còn luôn luôn nhảy nhót đùa giỡn, bởi vì đời trước đã ở trong loài vượn khỉ mà xuất hiện". Quả tăng thượng là dựa vào mười loại nghiệp đạo bất thiện ấy, tất cả vật bên ngoài không có khí thế gì, đó gọi là đất đai cao thấp – sương mù mưa đá- gai góc-bụi-bặm-mùi thối có nhiều rắn rít, thóc kém thì thóc nhỏ, quả kém thì quả khổ, cho đến khổ đau. Như vậy tất cả gọi là quả tăng thượng. Lại có quả tương tự, tạm thời như nghiệp giết hại, vốn làm hại chúng sanh với các loại khổ đau vô cùng, bởi vì đoạn mất mạng sống, cho nên sau sanh trong loài người phải chịu báo ứng mạng sống ngắn ngủi, do đoạn mất tánh tiếp xúc ấm áp của người khác vậy. (Những loại khác theo đây có thể biết, cũng như luận Địa trì giải thích trong thiên Thọ báo trước đây).

Do đó trong kinh Niết- bàn nói: "Thế nào gọi là phiền não dư báo? Nếu có chúng sanh quen tiếp cận với tham dục, quả báo này chín muồi cho nên rơi vào trong địa ngục, từ địa ngục thoát ra nhận thân súc sanh, đó gọi là những loài thuộc về Bồ câu – Uyên ương – Anh vũ – Thanh tước – cá-rùa-vượn-khỉ-hươu-nai... Nếu được làm thân người thì nhận chịu hình dáng Hoàng môn – người nữ có hai căn – dâm nữ không có căn. Nếu được xuất gia thì phạm vào trọng giới thứ nhất, đây gọi là dư báo. Nếu có chúng sanh vì tâm sâu nặng quen tiếp cận với sân hận, khi quả báo này chín muồi thì rơi vào địa ngục, từ địa ngục thoát ra nhận chịu thân súc sanh, đó là rắn độc có đủ bốn loại độc: 1- Trông thấy độc; 2- Chạm vào độc; 3- Cắn vào độc; 4- Chích vào độc, là các loài thuộc hổ lang sư tử gấu báo sói chồn diều hâu cú vọ. Nếu được làm thân người thì có đủ mười hai loại luật nghi. Nếu được xuất gia thì phạm vào trong giới thứ hai, đây gọi là dư báo. Nếu có chúng sanh quen tiếp cận

với sự ngu si, lúc quả báo này chín muồi thì tơi vào địa ngục, từ địa ngục thoát ra nhận chịu thân súc sanh, đó là hình dáng các loài voi heo trâu dê bọ chét rận ruồi muỗi mối kiến ... Nếu được làm thân người thì đui điếc câm ngọng ốm yếu gù lưng, các căn hoàn chỉnh không có thể thọ nhận giáo pháp. Nếu được xuất gia thì các căn ám độn, thường phạm vào trọng giới thứ ba, đây gọi là dư báo. Nếu có người tu tập mà kiêu mạn, lúc quả báo này chín muồi thì rơi vào địa ngục, từ địa ngục thoát ra nhận chịu thân súc sanh đó là các loài giòi bọ trong phẩn giải – la lừa ngựa chó... Nếu sanh trong loài người thì có lúc nhận thân của hạng nô tỳ, bần cùng phải xin ăn; hoặc được xuất gia, thường bị mọi người khinh rẻ, thường phạm vào trong giới thứ tư, đây gọi là dư báo". Nghi Sử thì đại ý giống như Si, không cần phải thuật lại riêng biệt, cũng gọi là báo ứng của năm độn Sử.

Lại trong Kinh Bồ tát nói: "Lại nữa, này Trưởng giả! Ta quán xét thế gian, tất cả các chúng sanh, bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện, mà luôn luôn tạo thành nơi chốn vững chắc trong tà đạo, phần nhiều rơi vào nẻo ác. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Đoạt lấy mạng sống; 2- Không cho mà lấy; 3- Dâm không chính đáng; 4- Nói lời xằng bậy; 5- Nói lời chia rẽ; 6- Nói lời thô lỗ; 7- Nói lời thêu dệt; 8- Tham đắm; 9- Sân giận; 10- Tà kiến. Này Trưởng giả! Ta thấy chúng sanh bởi vì mười loại nghiệp bất thiện này, cho nên đi theo tà đạo, nhiều đam mê và nhiều đích đến, phần lớn rơi vào đường ác. Bởi vì mong muốn chứng được A nậu Bồ đề cần phải vượt ra tất cả những loại tà đạo, dùng tâm tin tưởng trong sáng, rời bỏ gia đình họ Thích, hướng về đạo Vô thượng cao cả".

Lại trong luận Trí Độ nói: "Đức Phật bảo với Ưu bà tắc Nan Đề Ca: Sát sanh có mười tội lỗi. Những gì là mười tội lỗi? Đó là: 1- Tâm thường ôm ấp độc hại đời đời không dứt; 2- Chúng sanh căm ghét mặt không ưa thấy; 3- Thường ôm ấp ý niệm độc ác suy nghĩ về việc xấu ác; 4- Chúng sanh sợ hãi như trông thấy cọp beo rắc độc; 5- Lúc ngủ thì tâm sợ hãi lúc thức cũng không yên lành; 6- Thường có ác mộng; 7- Lúc mạng chung điên cuồng sợ hãi nên chết rất dữ dằn; 8- Gieo nhân duyên cho nghiệp mạng sống ngắn ngủi; 9- Thân mạng đến lúc kết thúc rơi vào địa ngục Nê lê; 10- Nếu sinh ra làm người thì thường chịu báo ứng mạng sống ngắn ngủi.

Như Đức Phật thuyết về hành động không cho mà lấy có mười tội lỗi. Những gì là mười tội lỗi? Đó là: 1- Người chủ đồ vật thường tức giận; 2- Người lạ nghi ngờ; 3- Không phải lúc không phải nơi mà làm

việc không suy tính; 4- Người xấu ác kết làm bạn mà người hiền thiện lánh xa; 5- Phá hoại tướng tốt lành; 6- Đắc tội với quan binh luật pháp; 7- Của cải tài sản tịch thu đưa vào công quỹ; 8- Gieo nhân duyên của nghiệp bần cùng; 9- Chết rơi vào địa ngục; 10- Nếu sinh ra làm người, chịu khó chịu khổ cầu mong tiền của nhưng bị mọi người lấy làm của chung, hoặc vua quan hoặc giặc cướp, hoặc nước cuốn hoặc lửa cháy, hoặc không có con cái yêu thương sử dụng, cho đến chôn giấu cũng như vậy.

Như Đức Phật thuyết về hành động dâm không chính đáng có mười tội lỗi. Những gì là mười tội lỗi? Đó là: 1- Thường bị người chồng của đối tượng đã dâm bất chính muốn làm tổn hại; 2- Vợ chồng không hòa thuận thường cùng đấu đá với nhau; 3- Các pháp bất thiện càng ngày càng thâm nhiều, đối với các pháp thiện thì càng ngày càng rút giảm; 4- Không giữ gìn thân mạng để cho vợ con chịu cảnh cô quạnh; 5- Tài sản hao hụt từng ngày; 6- Có những sự việc xấu xa thường bị mọi người ngờ vực; 7- Thân thuộc quen biết vốn không yêu thích gặp gỡ; 8- Gieo nhân duyên của nghiệp oán thù; 9- Thân mạng đến lúc kết thúc chết đi rơi vào địa ngục; 10- Nếu sinh ra làm thân nữ thì nhiều người cùng chung một chồng; nếu làm thân nam thì vợ không trinh tiết trong sáng. Các loại nhân duyên như vậy mà không gây ra thì gọi là không tà dâm.

Như Đức Phật thuyết về lời nói xằng bậy có mười tội lỗi. Những gì là mười tội lỗi? Đó là: 1- Hơi thở thường hôi thối; 2- Thiện thần lánh xa mà loài phi nhân được dịp thuận lợi; 3- Tuy có nói lời chân thật mà mọi người không tin nhận; 4- Người trí bàn luận thường không được tham dự; 5- Thường bị phỉ báng, tiếng tăm xấu xa nghe đồn khắp thiên hạ; 6- Mọi người không tôn trọng, tuy có chỉ bày khuyên nhủ mà người ta không tiếp nhận sử dụng; 7- Thường gặp nhiều điều lo buồn; 8- Gieo nhân duyên của nghiệp phỉ báng; 9- Đến lúc thân mạng chấm dứt sẽ rơi vào địa ngục; 10- Nếu sinh ra làm người thì thường bị phỉ báng. Các loại như vậy không làm thì trở thành không nói lời xằng bậy, gọi là thiện luật nghi.

Như Đức Phật thuyết về uống rượu thì có ba mươi sáu lỗi lầm (đầy đủ như trong phần năm giới sau này sẽ nói). Bốn tội như vậy không làm là thân luật nghi, không nói lời xằng bậy là khẩu thiện luật nghi, gọi là năm giới luật nghi”.

Lại trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: “Lại có mười nghiệp, luôn luôn làm cho chúng sanh phải chịu ác báo khác. Nếu có chúng

sanh, đối với mười ác nghiệp vốn có nhiều thói quen hành động, cảm báo đồ vật ngoài thân thảy đều thiếu thốn. Những gì là mười ác nghiệp? Đó là: 1- Bởi vì nghiệp sát sanh ấy, khiến cho các báo ứng bên ngoài như đất đai chua phèn muối mặn cỏ cây không có sức sống; 2- Bởi vì nghiệp trộm cướp ấy, cảm báo các loại sương độc mưa đá sâu bọ phá hoại bên ngoài khiến cho đời người đói kém; 3- Bởi vì nghiệp tà dâm ấy, cảm báo gió mưa xấu ác cùng mọi thứ bụi bặm nhiễm ô; 4- Bởi vì nghiệp vọng ngữ ấy, cảm báo mọi vật bên ngoài sanh ra đều bị thối tha dơ bẩn; 5- Bởi vì nghiệp lưỡng thiệt ấy, cảm báo đất đai bên ngoài cao thất không bằng phẳng, núi đồi gò nống nhấp nhô san sát; 6- Bởi vì nghiệp ác khẩu ấy, cảm báo bên ngoài sanh ra mọi vật xấu ác thô nhám như gạch đá đất cát không thể xúc chạm gần gũi; 7- Bởi vì nghiệp ỷ ngữ ấy, khiến cho mọi nơi sinh ra cỏ cây rừng rậm cành nhánh gai góc um tùm; 8- Bởi vì nghiệp tham lam ấy, cảm báo bên ngoài sanh ra các loại mầm giống hoa màu quả hạt nhỏ bé; 9- Bởi vì nghiệp sân giận ấy, khiến cho các loại cây cối quả hạt đắng chát vô cùng; 10- Bởi vì nghiệp tà kiến ấy, cảm báo bên ngoài sanh ra gặp các loại giống mà hoa màu không hạt, thu hoạch rất ít. Mười nghiệp như vậy phải nhận chịu báo ứng xấu ác bên ngoài".

***Phần thứ tư:* SÁT SANH**

Phần này có 2 mục tách biệt: Thuật ý và dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Nhận chịu thân hình sáu nẻo, không nẻo nào không lưu luyến mà tham sống; tiếp nhận tính khí âm dương, ngay cả loài nhỏ bé mà cũng sợ chết. Tuy rằng lên xuống vạn bậc – ngu trí ngàn loại, mà còn trách khổ cầu vui – tình này đâu khác? Vì lẽ đó chim muông kinh hãi bay vào án thư, giống như xin vua Ngụy cứu mạng; thú vật cùng đường tìm đến am trranh, chính là cầu sống với họ Âu. Hán Vương bỏ mồi câu, liền cảm ứng minh châu đền đáp; Dương Bảo cúng dường hoa, thì dẫn đến vòng bạc đáp trả. Ngay cả Sa di cứu bầy kiến được thọ mạng sống lâu, Lưu Thủy giúp đàn cá trời tung xuống châu báu. Tương tự như vậy, làm sao kể hết. Há cho phép phóng túng quá mức như vậy, cung cấp thì có chờ đợi, cắt đứt khí mạng người khác – đoạn tuyệt ấm thân của họ, tức thì khiến cho ôm khổ đến cuối cùng ngậm đau thương muôn kiếp. Đất bằng tuy rộng mà không nơi nào lẩn tránh được, trời xanh đã cao lại không biết bày tỏ thế nào! Vì vậy trong Kinh nói: "Tất cả đều sợ hãi dao gậy, không loài nào không yêu mạng sống, suy mình có thể làm ví

dụ, đừng giết đừng vung dao múa gậy”. Nhưng phàm tục điên đảo tà kiến vô minh, hoặc vì lành dữ chung riêng cúng tế, chiêu đãi khách bạn quản lý nhà bếp, giết mổ máu hầm thân xác của nhiều loại, cung cấp muốn làm bữa cơm đãi mọi người. Hoặc là năm tháng vút qua công việc rỗi rãi, bầu trời ảm đạm mà giăng mờ sương, đồng hoang chói chang mà đốt mọi nơi, thế là cưỡi ngựa lao nhanh theo gió, ôm chim ưng giỏi vút bay như chớp kiếm thì lớn mà thiếu người dám làm, cung thì đen mà gọi nhiều người kém, tức thì dốc sức tụ học mọi nơi vây chặt rừng rậm kia, lật nhào hang ở cư trú phá toang chỗ ở mọi loài, lưới giăng kéo dài đồng trống, cạm bẫy đặt khắp núi non. Hoặc trước đầy lưới giăng sau người chặn lại, bên trái chặn đánh bên phải chém chặt, bụi đất mịt mù – khói lửa ngút trời. Liền khiến cho chim muông mất bạn mà kinh hãi bay xa, thú vật lìa tàn mà chạy trốn khắp nơi, chim nhạn nghe cung mà đua nhau rơi xuống, vượn khỉ ôm cây mà rên rỉ đau thương. Không có loài nào không đứng trước vực sâu nguy hiểm mà kêu gào đau xót, đối diện rừng rậm cao to mà gào thét tuyệt vọng, ngay sau đó mũi tên không tùy tiện bắn ra, cung nỏ không bật tên vô ích, xuyên nách thâu ngực lìa đầu vơi óc. Hoặc lại buông câu nơi bãi đục rải mồi ở đầm trong, học câu cá chép ở bến sông, cùng bắn cá mắc cạn đáy giếng, vảy đó đã mắc vào, không làm sao có thể chờ tin tức, tâm tánh đã xa vời, mãi không còn điềm lành bước lên thuyết, mịt mù hình hài muôn dặm, có hối hận mà vô ích. Hoặc lại Hiểm Doãn – Khổng Xí, Nghi Thân – Bạc Phạt, vùng sát biên giới Kiền Lưu, tôn thì tư chất Thần Vũ; tuy là Hiền Thánh – Đế Chủ, hãy còn dấy động can qua, Triết Hậu – Minh Quân, hãy còn cần phải chinh phạt. Vì lẽ đó hạng thô lậu lên cao, mới bám lấy danh vọng hão huyền, bậc vui thú đồng hoang, mới xứng với đức hạnh lớn lao. Trong đó có người giúp đỡ rất nhiều mà ỷ thế làm bậy, có người đưa ra ít thôi mà tiến vào sâu sắc, phá tan Tào Công tại xích Bích, diệt trừ Hạng Đế ở Ô Giang, treo đầu Vương Mãng ở đài cao, bêu xác Đổng Trác tại phố chợ, tất cả đều là hạng anh hùng trong chốc lát, bậc uy vũ lúc bấy giờ. Những hạng như vậy, không đáng để nghi nhớ, không kẻ nào không chất xương thành núi – máu chảy thành sông. Nay thì Vương Sư vang như sấm dậy quét sạch loài yêu nghịch, gương binh giúp đỡ tiết tháo làm yên ổn mọi nơi, đã dự định đi trước được nhờ vào lực lượng dự trữ, dưới cờ mây lẽ nào dám tự ngồi yên, giữa đao sương tin chắc rằng nhiều nguy hiểm, cho nên bỏ dao rập đầu buông giáo xin tha mạng. Tội lỗi như vậy không thể nào kể hết. Tất cả chúng sanh đều có xâm hại lẩn nhau, kết thành oán thù hiềm khích, mang nợ hình hài mạng sống,

hoặc gây nhân của mạng sống ngắn ngủi, thì chịu quả của nhiều thứ tật bệnh. Nguyện từ hôm nay vĩnh viễn chấm dứt nối tiếp theo nhau, tận cùng thời gian vị lai làm quyến thuộc Bồ đề, không làm hỏng duyên rốt cùng bạn đến Pháp Thành.

***Thứ hai:* Dẫn Chứng**

Như luật Tỳ Nại Da nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong nước Xá vệ có một Bà-la-môn, thường xuyên cúng dường Ca Lưu Đà Di. Bà-la-môn ấy chỉ có một người con, lớn lên rồi lấy vợ. Lúc Bà-la-môn lâm chung căn dặn con: Sau khi cha mất, con đối đãi với Tôn giả Ca Lưu Đà Di, như cha bây giờ, đừng khiến cho có điều gì thiếu hụt. Sau khi cha mẹ qua đời, người con vâng theo cha mẹ dạy bảo vẫn tiếp tục cúng dường Ca Lưu Đà Di, giống như ngày cha còn sống, không có gì sai khác. Sau đó vào lúc khác con trai Bà-la-môn đi ra ngoài không ở nhà, dặn dò vợ cúng dường như vậy. Ngày đó lại có năm trăm tên giặc, trong đám giặc có một tên giặc mặt mày đoan chánh, người vợ từ xa trông thấy, cho người gọi đến, tiện dịp cùng nhau thông dâm. Ca Lưu Đà Di nhiều lần đi đến nhà ấy, người vợ sợ Sa môn tiết lộ chuyện này, sau đó cùng tên giặc ấy tìm cách giết chết. Vua Ba Tư Nặc nghe tin Tôn giả Ca Lưu Đà Di bị kẻ giặc giết hại, nhà vua nhớ Tôn giả mà lòng tức giận huồn phiền, lập tức sai chém đầu gia đình Bà-la-môn, và giết hại mười tám gia đình khác ở xung quanh đó, bắt năm trăm tên giặc chém đứt tay chân ném vào trong hào thành. Tỳ khưu trông thấy rồi bèn thưa với Đức Phật rằng: Ca Lưu Đà Di vốn tạo ra ác nghiệp gì, mà bị vợ của Bà-la-môn giết hại như vậy? Đức Phật bảo với Tỳ khưu: Ca Lưu Đà Di, từ quá khứ xưa kia làm chủ cúng tế đền thờ Đại Thiên, có năm trăm người dẫn đến một con dê, chặt lìa bốn chân mang đến cúng tế trời đất, mà cùng nhau cầu xin mong ước. Chủ cúng tế có được con dê rồi lập tức giết chết. Bởi vì giết chết con dê cho nên đọa vào địa ngục nhận chịu vô lượng khổ đau. Chủ tế trợpì xưa kia nay chính là Ca Lưu Đà Di, tuy đạt được quả vị La hán nhưng ương họa còn lại chưa sạch, nay phải nhận quả báo này. Con dê lúc ấy nay chính là vợ của Bà-la-môn, năm trăm người chặt lìa chân dê xưa kia chính là năm trăm kẻ giặc bị nhà vua chặt đứt tay chân hôm nay. Đức Phật bảo với Tỳ khưu: Nếu người giết hại, thì quả báo phải nhận chịu không bao giờ sai lạc".

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tên là Lê Kì Di, có bảy người con trai, đều đã lập gia thất. Vợ người con trai út tên là Tỳ Xá Ly, là người rất có tài đức trí tuệ, không có việc gì không biết. Lúc ấy Lê Kì Di đem

gia nghiệp của mình giao phó tất cả cho nàng dâu út. Bởi vì tài đức trí tuệ ấy, vua Ba Tư Nặc tôn trọng giữ lễ làm em gái. Lúc mang thai, đầy tháng thì sanh ra ba mươi hai quả trứng, trong một quả trứng ấy xuất hiện một bé trai dung mạo đoan chánh mạnh khỏe vô cùng, sức của một người địch lại ngàn người, lớn lên thành lập gia thất, đều là con gái của gia đình tài đức trong nước này. Lúc ấy Tỳ Xá Ly, thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến nhà cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, cả nhà đều đạt được quả vị Tu đà hoàn, chỉ riêng cậu con trai út là chưa đạt được dấu tích của đạo, cưỡi voi ra ngoài dạo chơi, gặp con trai quan phụ tướng ngồi xe đi trên cầu, liền tóm lấy nén vào giữa hào nước dưới cầu, làm cho thân thể bị tổn thương. Con trai quan phụ tướng đem chuyện nói với cha mình, quan phụ tướng bảo với con trai rằng: Người ta sức mạnh vô cùng, lại là thân tộc của Quốc Vương, khó mà tranh hơn thua với họ, hãy nghĩ cách bí mật trả thù. Thế là dùng bảy báu làm ba mươi hai chiếc roi ngựa, làm dao toàn thép cứng đặt vào trong trong roi ngựa, tặng cho mỗi người một chiếc. Mọi người yêu thích lắm và vui vẻ nhận lấy, luôn luôn nắm trong tay ra vào gặp gỡ nhà vua. Phép nước thì tiếp kiến nhà vua theo lễ nghi không được mang dao, quan phụ tướng thấy nhận lấy thì đến nơi nhà vua gièm siểm: Con của Tỳ Xá Ly, tuổi trẻ sức mạnh vô cùng. Một người bằng cả ngàn người, nay ôm lòng phản nghịch tìm cách muốn giết hại nhà vua, tất cả đều làm dao sắc giấu trong roi ngựa, sự việc quả nhiên rõ ràng rồi. nhà vua liền lấy xem đúng như lời đã nói, ý nhà vua cho là thật như vậy, tất cả đều bị giết. Giết rồi thì lấy ba mươi hai cái đầu, xếp vào một cái hòm, niêm phong kỹ càng chuyển đến cho cô em gái. Ngày hôm ấy Tỳ Xá Ly thỉnh Đức Phật và chúng Tăng , cúng dường ngay tại nhà, thấy nhà vua chuyển hòm niêm phong đến, nói là nhà vua giúp đỡ cho mình cúng dường, liền muốn mở ra xem. Đức Phật ngăn lại không cho, đợi chúng Tăng dùng cơm xong hãy tính. Bữa cơm đã xong, Đức Phật thuyết pháp cho nghe về Vô thường-Khổ-Không ... Lúc ấy Tỳ Xá Ly đạt được quả vị A-na-hàm. Sau khi Đức Phật rời nhà thì Tỳ Xá Ly mở hòm ra trông thấy ba mươi hai cái đầu của con mình, do đoạn trừ dục ái cho nên không đến nỗi buồn phiền, chỉ nói rằng: Đau khổ thay xót thương thay, người sinh ra có chết đi không thể lâu dài được, rong ruổi trong năm đường sao tự làm khổ mình như vậy! Vợ của ba mươi hai người con và gia đình họ hàng, nghe sự việc phi lý như vậy buồn phiền nói to lên rằng: Đại Vương vô đạo, giết oan người lương thiện. Thế là cùng tập trung binh mã muốn kéo đến báo thù. Lúc ấy nhà vua lo sợ chạy đến chỗ Đức Phật, mọi người dẫn quân lính vây quanh

tịnh xá Kỳ Hoàn. A-nan được biết nhà vua giết ba mươi hai người con của Tỳ Xá Ly, họ hàng nhà vợ muốn bao thù cho họ, nên chắp tay thưa hỏi Đức Phật: Có nhân duyên gì mà ba mươi hai người con bị nhà vua giết hại? Đức Phật bảo với A-nan: chính là quá khứ trước kia có ba mươi hai người, trộm của người ta một con trâu cùng nhau dẫn đi đến nhà một bà cụ, muốn cùng giết thịt, bà cụ vui vẻ lo giúp đồ dùng giết mổ. Lúc ra tay giết thì con trâu quỳ xuống cầu xin tha mạng, ý mọi người đang hăng nên tức khắc giết trâu. Con trâu chết mà thề rằng: Nay các người giết tôi, trong đời tương lai tôi không bao giờ tha cho các ông. Trâu chết rồi cùng nhau làm thịt ăn, bà cụ ăn no vui vẻ nói rằng: Từ trước tới nay khách xa đến dừng chân, không có lúc nào như hôm nay. Đức Phật bảo với A-nan: Con trâu lúc ấy nay chính là vua Ba Tư Nặc; những người trộm trâu lúc ấy nay chính là ba mươi hai người con của Tỳ Xá Ly; bà cụ lúc ấy nay chính là Tỳ Xá Ly. Bởi vì giết trâu, cho nên trong năm trăm đời thường bị giết hại; bà cụ vui vẻ với họ, trong năm trăm đời thường làm mẹ cho họ, lúc con mình bị giết hại thì lòng dạ vô cùng xót xa phiền muộn, nay được gặp Ta cho nên đạt được quả vi A-na-hàm. Họ hàng của những người vợ nghe Đức Phật giảng giải, tâm hận thù liền chấm dứt, tất cả đều nói rằng: Người này tự gieo nhân nay phải nhận chịu quả báo của mình, bởi vì giết một con trâu mà nay còn như vậy, huống gì là nhiều con? Vua Ba Tư Nặc là vua của chúng ta, tại sao ôm lòng oán hận mà muốn giết hại? Liền đến trước nhà vua cầu xin sám hối. Nhà vua cũng thoải mái thư thả không hỏi gì đến tội của họ. A-nan thưa với Đức Phật: Lại tu phước gì mà cao quý mạnh khỏe và được gặp Phật đắc đạo. Đức Phật bảo với A-nan: Quá khứ lâu xa vào thời Đức Phật Ca Diếp, có một bà cụ gom tất cả các loại hương, lấy dầu trộn lại, muốn đi đến xoa lên tháp Phật, giữa đường gặp ba mươi hai người, nhân đó khuyến khích họ cùng đi đến xoa hương vào tháp, xoa tháp xong phát nguyện: Sanh ra những nơi tôn quý giàu có, luôn luôn làm mẹ con, được gặp Phật mà đắc đạo. Từ đó đến nay trong năm trăm đời luôn luôn được tôn quý, thường làm mẹ con với nhau, nay được gặp Phật cho nên đều đạt được dấu tích của đạo".

Chánh báo tụng rằng:

Vui cười giết hại mạng người ta,
Vào địa ngục gào thét đau thương,
Dơ bẩn và nước nóng rực,
Rót trên than liên tục không ngừng,
Tránh lưỡi dao chạy vào ngọn lửa,

Tan xương nát thịt khổ vô cùng,
Muôn đời nhận chịu vô số khổ,
Thương tâm không thể nào nghi hết.
Tập báo tụng rằng:
Sát sanh đi vào nẻo dữ,
Nhận chịu đau khổ ba đường xong,
Được sanh trở lại giữa loài người,
Mạng ngắn nhiều tật bệnh buồn lo,
Dịch bệnh triền miên thật khốn khổ,
Mạng ngắn thường chìm trong sanh tử,
Nếu người có trí tuệ tình thương,
Giết hại sao đành buông thả tâm?

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra mười bảy điềm ứng nghiệm: 1- Phủ quân tướng quân Lưu Nghị thời Tống; 2- Thời Lương có người dùng lòng trắng trứng gà gội tóc; 3- Thời Lương có người bán lươn làm nghề sinh sống; 4- Thời Lương có người khách ăn thịt nướng; 5- Thời Lương có người giết trâu buộc dưới cột chùa; 6- Thời Lương có Bộ Khúc chặt tay kẻ trộm cắp; 7- Thời Tề có người giết trâu ăn thịt mà chết; 8- Thời tề có người đánh cá bị cá cắn; 9- Thời Đường có Ân An Nhân giữ khách giết con lừa làm thịt; 10 – Thời Đường có Dộ dốc Tán Công Đậu Quỹ thích giết hại; 11- Thời Đường có Phan Quả giết dê lưỡi bị co lại; 12- Thời Đường có Hạ Duyệt Vĩnh Hưng buộc chặt lưỡi trâu làm dứt sinh con câm ngọng; 13- Thời Đường có Quả Nghị Hiếu Chính giết ong; 14- Thời Đường có người bị kẻ thù làm hại; 15- Thời Đường có Tề Thổ Vọng thiêu cháy con gà; 16- Thời Đường có Phong Nguyên tắc ăn trộm dê giết thịt; 17- Thời Đường có người ở trong quán bên đường phía Tây tại Kinh thành giết dê.

1/ Thời Tống Cao Tổ sau khi dẹp yên Hoàn Huyền, chọn Lưu Nghị làm Phủ quân tướng quân Thứ sử Kinh Châu, đến Kinh Châu liền bắt Tăng chủ ở chùa Ngưu Mục, nói rằng: Che giấu con nhà họ Hoàn Hộ làm Sa di. Vì thế mà giết hại 4 vị Đạo nhân, đêm sau mộng thấy vị Tăng này đến nói: Tại sao ông lại giết oan bần đạo, bần đạo đã trình bày với Thiên Đế, sợ rằng ông cũng không sống được lâu. Vì vậy liền mắc bệnh bò ăn, ngày càng gầy yếu. Lúc đang lên đường về Dương Đô, có nhiều người cạnh tranh xâm phạm làm nhục quan Tể phụ, Tống Cao Tổ nhân đó sai người đánh dẹp. Lưu Nghị thất bại tro đêm tối một mình cưỡi ngựa phá vòng vây tìm đến chùa Ngưu Mục. Tăng thưa với Phủ

quân: Trước đây giết oan thầy tôi và Đạo nhân chúng tôi, đương nhiên không chấp gì đến lý thù oán, nhưng đâu thích hợp để đến chỗ này, thầy tôi mất đi nhiều lần có linh nghiệm bảo rằng: Thiên Đế sẽ bắt Phủ quân giết chết tại chùa. Lưu Nghị liền than thở, đi ra mỏm đồi sau chùa, tự thắt cổ trên cây to mà chết.

(Chuyện trên đây trích từ trong Oan Đầu Hồn Chí.)

2/ Thời nhà Lương có người, thường lấy lòng trắng trứng gà hòa với nước để gội đầu, nói là làm cho tóc sáng bóng. Mỗi khi gội đầu thì đạp vỡ hai mươi, ba mươi quả trứng. Lúc lâm chung chỉ nghe trong đầu tóc phát ra tiếng chiếp chiếp của hàng ngàn con gà con.

3/ Thời nhà Lương ở vùng Giang Lăng có người họ Lưu, lấy việc bán lươn làm nghề sinh sống. Sau đó sanh ra một người con, đầu vốn là đầu lươn, từ cổ trở xuống mới là thân người mà thôi.

4/ Thời nhà Lương vó Vương Khắc làm quan ở quận Vĩnh Gia, có người thết tiệc mà giết dê làm thịt, khách bạn tụ hội muốn cùng nhau ăn uống. Con dê bứt dây chạy đến chỗ một người khách, quỳ trước mặt lạy hai lạy, liền chiu vào trong ác. Người khách này hoàn toàn không nói gì, hẳn nhiên không cứu giúp như sự thỉnh cầu. Lát sau mổ dê làm thịt nấu nướng, trước tiên đem đến chỗ người khách một miếng thịt nhỏ đưa vào miệng, tức thì lặn vào trong da, đi khắp nơi thân thể kêu gào khổ sở, còn tiếp tục nói nữa, liền phát ra tiếng dê kêu mà chết.

5/ Thời nhà Lương có người làm huyện lệnh, công đường huyện phủ do mình điều hành bị cháy, nương vào chùa mà ở nhờ, dân chúng mang trâu và rượu đến làm lễ huyện lệnh, đem trâu buộc vào cột trụ, gạt bỏ hình tượng tôn nghiêm sắp đặt giường ghế tủ bàn, tiếp khách ở trên nhà chính. Trước khi chưa giết thì trâu buột dây chạy, đến bậc cấp mà lạy. Huyện lệnh cười lớn, sai quân lính giết trâu làm thịt, ăn uống nó say thì nằm ngủ dưới mái hiện. Trước khi tỉnh ngủ thì cảm thấy than hình ngứa ngáy khó chịu, gãi thì ẩn vào trong ruột, vì thế trong chốc lát biến thành đại họa, qua hơn mười ngày thì chết.

6/ Thời nhà Lương có Dương Tư Đạt làm quan ở quân Tây Dương, gặp biến loạn Hầu Cảnh, lúc ấy lại hạn hán mất mùa, dân đói nên ăn trộm lúa trong ruộng, Tư Đạt sai một viên Bộ Khúc canh giữ, bắt được người ăn trộm, thì chặt cổ tay, tất cả gộp lại hơn mười người. Bộ Khúc sau đó sanh ra một bé trai, tự nhiên không có tay.

7/ Thời nhà Tề có một người làm việc trong quan phủ, nhà rất giàu có xa xỉ, không tự tay giết trâu thì ăn thịt không ngon. Năm khoảng ba mươi tuổi mắc bệnh nặng, thấy nhiều trâu xuất hiện, toàn thân như

bị dao dâm, kêu gào mà chết.

8/ Thời nhà Tề ở vùng Giang Lăng có Cao Vĩ, theo nước Ngô đi vào nước Tề, trải qua tất cả mấy năm, đến U Châu ở giữa hồ đánh bắt cá. Sau bị bệnh thì luôn luôn thấy bầy cá bu lại cắn cho đến chết.

Bảy điềm ứng nghiệm trên đây trích từ Hoằng Minh Tạp Truyện.

9/ Thời nhà Đường ở vùng Kinh Triệu có Ân An Nhân là người giàu có, xưa nay tôn thờ thì Tăng ở chùa Từ Môn. Vào năm thứ nhất thời Tùy Nghĩa Ninh mới có khách đến xin ở lại nhà ấy. Khách trộm con lừa của người ta đến nhà ấy giết thịt da lừa để lại cho nhà An Nhân. Đến năm thứ ba thời Đường Trinh Quán, An Nhân liền gặp một người ở đường đi, nói với An Nhân rằng: Truy tìm ông mãi khiến ngày mai đến, ông phải chết thôi. An Nhân sợ hãi đi thẳng đến chùa Từ Môn, ngồi trong điện Phật suốt đêm không ra ngoài. Sáng mai quả nhiên có ba người cưỡi ngựa và mấy chục người lính đi bộ, đều mang theo vũ khí đi vào chùa, từ xa trông thấy An Nhân liền gọi ra. An Nhân không trả lời mà tụng niệm càng gấp rút. Quỷ nói với nhau rằng: Hôm qua không bắt ngay, hôm nay tu phước như vậy, làm sao có thể bắt được. Vì vậy cùng nhau bỏ đi, để lại một người canh giữ. Người canh giữ nói với An Nhân rằng: Ngày trước ông giết con lừa, nay con lừa tố cáo ông, khiến chúng tôi đến bắt giữ ông mà thôi, cuối cùng cần phải đối diện với nhau, không đi nào có ích gì? An Nhân từ xa đáp rằng: Ngày trước người ta ăn trộm và tự giết con lừa, chỉ để lại tấm da cho tôi mà thôi, vốn không phải tôi giết, tại sao lại bị truy tìm? Nhờ ông trở về nói với con lừa giúp tôi, tôi vốn không giết nó, mà nay còn làm phước giúp nó, có lợi cho nó, nên bỏ xa tôi đi. Người này hứa hẹn rằng: Nếu con lừa không đồng ý, thì ngày mai tôi lại đến, nếu như con lừa đồng ý thì không đến nữa. Nói xong rồi đi ra. Ngày mai không thấy đến nữa. Thế là An Nhân làm phước cho con lừa, mà cả nhà ăn chay giữ cẩn thận hơn nữa. Lư Văn Lệ kể lại. An Nhân nay đang còn sống.

10/ Thời nhà Đường ở Lạc Châu có Đô đốc Tán Công Đậu Quỹ, tánh thích giết hại, mới làm Hành đài Bộc xạ vùng Ích Châu, đã giết nhiều tướng sĩ, còn làm hại Hành đài Thượng thư Vi Vân Khởi. Đêm mùa Đông năm thou hai thời Đường Trinh Quán, ở Lạc Châu mắc bệnh rất ngặt nghèo, bỗng nhiên tự nói rằng: Có người mang dưa đến mời ta ăn. Tả hữu thưa rằng tháng mùa Đông không có dưa. Tấn Công nói: Một mâm dưa ngon, tại sao không có vậy? Lát sau kinh hãi nhìn và nói: Không phải là dưa, toàn là đầu người, đi theo ta đòi mạng sống. Lại nói: Giúp ta đứng dậy, gặp mặt Vi thượng thư! Nói xong mà chết.

11/ Thời nhà Đường ở chốn Kinh sư có người họ Phan tên Quả, năm chưa đến tuổi đôi mươi, vào thời Đường Vũ Đức nhận chức quan nhỏ ở Đô Thủy, sau đó về nhà cùng với mấy người trẻ tuổi ra ngoài đồng ruộng dạo chơi vui đùa, đi qua giữa vùng mồ mả thấy một con dê, bị người chăn thả bỏ sót lại, đứng một mình ăn cỏ. Phan Quả nhân đó cùng với mấy người trẻ tuổi bắt được, dẫn theo về nhà. Con dê đó giữa đường kêu gào, Phan Quả sợ người nghe thấy bèn cắt bỏ lưỡi của con dê, thế là đêm đến giết dê ăn thịt. Sau đó trải qua một năm thì lưỡi của Phan Quả dần dần tiêu hết Giải thích việc quan chỉ trần thuật bằng giấy tờ, huyện lệnh Phú Bình là Trịnh Dư Khánh, nghi ngờ có điều gì gian trá không thật bèn ra lệnh há miệng nghiệm xét, mới thấy hoàn toàn không có lưỡi, cuống lưỡi chỉ bằng hạt đậu có lẽ không mất hết. Quan trên hỏi nguyên nhân thế nào, Phan Quả lấy giấy viết để trả lời đúng tình trạng vốn có. Quan trên lập tức răn dạy ra lệnh làm phước cho con dê bằng cách chép kinh Pháp Hoa. Phan Quả phát tâm tin tưởng cung kính trai giới không dứt, tu phước cho con dê. Sau trải qua một năm thì lưỡi dần dần được mọc ra, bình phục như cũ. Lại đến quan phủ trình bày giấy tờ, quan huyện sử dụng làm trong chỗ chính đáng. Dư Khánh đến năm thứ 18 thời Đường Trinh Quán làm chức Giám sát Ngự sử, tự mình đi đến trực tiếp kể lại sự việc như vậy.

(Ba chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.)

12/ Trong niên hiệu Vũ Đức thời nhà Đường, ở vùng Đại Ninh - Tập Châu có người tên là Hạ Duyệt Vĩnh Hưng, vì trâu của người hàng xóm ăn phạm vào ruộng lúa của mình, thế là dùng dây thắt đứt lưỡi trâu. Sau đó Vĩnh Hưng sanh được ba người con, tất cả đều bị câm ngọng không thể nào nói năng.

13/ Thời nhà Đường ở Ưng Châu có Lục Hiếu Chính, trong niên hiệu Đường Trinh Quán làm Tả quả nghị ở phủ Hữu Vệ Tập Xuyên. Hiếu Chính vì tánh nóng nảy, quả thật là tàn hại vô cùng. Trong phủ trước đó có một bộng ong mật, phần bầy bay tụ lại ở trên cây phía Nam tòa nhà. Lúc ấy Hiếu Chính sai người di chuyển đến bộng khác. Trong lúc bầy ong đó chưa đi, Hiếu Chính Rất tức giận liền nấu một chậu nước nóng, đến nơi cây tưới vào tổ ong, tất cả bị chết hết, hầu như không sót con nào. Đến tháng 5 năm sau, Hiếu Chính ngủ ngày tại phòng làm việc, bỗng nhiên có một con ong chích vào trong lưỡi Hiếu Chính, tức thì song to bít chặt miệng, mấy ngày sau thì chết,

14/ Thời nhà Đường ở Lũng Tây có Lý Nghĩa Diễm, trong niên hiệu Đường Trinh Quán làm Huyện úy Hoa Châu. Huyện này bỗng

nhiên mất một người chẳng ai biết ở nơi đâu. Cha và anh người đó nghi ngờ một người có thù oán đã làm hại, đến huyện đường trình bày, Nghĩa Diễm điều tra không thể nào quyết định được, trong đêm cầm đuốt đi hỏi tường tận mọi nơi. Vào một đêm Nghĩa Diễm dựa vào án thì cúi đầu suy nghĩ, bất giác người chết xuất hiện, hãy còn tình trạng đang bị tổn thong và nói: Tôi bị làm hại, tên họ như vậy, bị đánh chết ném vào trong giếng ở nơi đó, quan phủ nên sớm tra tìm, không như vậy thì sợ rằng bị chuyển đi đến nơi khác không thể nào tìm kiếm được. Nghĩa Diễm liền tự mình đi đến tìm kiếm, quả nhiên như lời trình bày. Tìm đến nhà có thù oán nói rõ mới cúi đầu thừa nhận tất cả. Lúc ấy mọi người nghe thấy sự việc, không có ai không than thở kinh ngạc

15/ Thời nhà Đường có Tề Thổ Vọng là người Vũ Cường – Ngụy Châu, vào năm thứ hai mươi mốt niên hiệu Trinh Quán thì chết, trải qua bảy ngày mà sống lại, tự mình nói rằng: Sau khi mới chết bị dẫn đến gặp nhà vua, lập tức giao cho Tào Ti khác sai người điều tra xác đáng. Trải qua bốn, năm ngày tra tìm sổ bộ nói rằng: Họ tên phù hợp giống như người chết, nhưng chưa phải là chết liền. Phán quan nói với Thổ Vọng rằng: Thưở bình sinh ông thích nướng gà, nên nhận chịu tội lỗi mà quay về. Lập tức lệnh cho người đưa ra ngoài cổng, cách Tào Ti khoảng vài dặm, thì trông thấy một khu thành, nghe trong khu thành có tiếng cổ vũ tuyên truyền, Thổ Vọng vui vẻ chạy nhanh mà tiến vào, sau khi đã đi vào thì cổng thành đã đóng lại, trong đó lại không có nhà cửa, khắp nơi đều là tro nóng, Thổ Vọng ruing rời không biết tính thế nào, cháy bỏng tội chân đau khổ cùng cực. Thổ Vọng quay đầu nhìn bốn phía thì thấy cổng thành đều mở toang, thế là chạy hướng về cổng nhưng cánh cổng ấy đã đóng lại, trải qua suốt một ngày. Có người ra lệnh cho người gác cổng rằng: Mở cổng thả tội nhân hôm qua ra ngoài. Đã thoát ra ngoài, liền xin lệnh cho người đưa về. Sứ giả từ chối vì đường xa, kéo dài không chịu đưa đi, mới cầu mong có được tiền và lụa. Thổ Vọng hứa hẹn, tức thì trải qua rừng núi âm u bước đi trên gai góc, đi đến một nơi, giống như bức tường vòng quanh, trong đó có hố sâu đen ngòm, Thổ Vọng sợ hãi, sứ giả đẩy ào liền rơi vào trong hố, bất giác dần dần sống lại. Sau đó mới làm tiền giấy và lụa là các thứ như đã hứa. Sứ giả theo kỳ hạn lại đến, vợ Thổ Vọng cũng cùng trông thấy như thế.

16/ Thời nhà Đường có Phong Nguyên tắc, là người vùng Trường Sa-Bột Hải. Đến giữa niên hiệu Đường Hiển Khánh làm Thái quan quản lý cơm nước cho chùa Quang Lộc. Lúc ấy có khách ở Tây Phồn là Vu Điền Vương đến triều kiến, thức ăn chuẩn bị trước còn lại số dê,

tất cả đến mấy chục con, nhà vua đều nhờ cậy Nguyên Tắc chuyển vào chùa cho Tăng, phóng sanh cầu trường thọ. Nguyên Tắc bèn trộm bớt khiến người hàng thịt giết dê nấu ăn, thâu được một số tiền. Tháng 6 mùa hạ năm thứ nhất niên hiệu Đường Long Sóc, vùng Lạc Dương mưa lớn sấm chớp đùng đùng sét đánh Nguyên Tắt chết ở giữa đường lớn ngoài cổng Tuyên Nhân, bẻ gãy cổ máu chảy lai láng. Người xem đầy đường không có ai mà không kinh ngạc.

(Năm chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Lục.)

17/ Trong niên hiệu Đường Hiển Khánh, có người ở trong cửa hàng bên đường phía Tây thành Trường An, mới cưới vợ sanh một bé trai, ngày đầy tháng họ hàng thân thích tụ hội chúc mừng, mua được một con dê sắp giết thịt. Con dê nhiều lần hướng về người làm thịt quỳ lạy, người làm thịt báo cho trong nhà biết, lớn nhỏ trong nhà không cho là điềm kỳ lạ, liền giết dê làm thịt. Đêm thịt bỏ vào nồi nấu, người khác ham sắp xếp hành tỏi và bánh trái thức ăn, khiến sản phụ ôm con trông coi nấu thịt, ôm con đứng trước lò lửa, nồi lớn rất chắc chắn, bỗng nhiên tự vỡ toang, nồi nước nóng giội vào tro lửa bắn thẳng vào hai mẹ con. Cả mẹ lẫn con đều chết, họ hàng thân thích và người láng giềng, trông thấy cảnh tượng ấy không có ai không đau long chua xót. Tin chắc là có ứng nghiệm, há có thể không cẩn thận hay sao? Người trong cửa hàng thấy và nghe sự việc ấy, vĩnh viễn từ bỏ rượu thịt không ăn thức ăn tanh nồng.

Chuyện này giống như người trong cửa hàng đến quan phủ tự nói rõ đầu đuôi.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 74

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần hai)

Phần thứ năm: **THÂU ĐẠO**

Phần này có 7 mục tách biệt: Thuật ý, Phật vật, Pháp vật, Tăng vật, Hỗ dụng, Phàm vật, Di vật.

Thứ nhất: **THUẬT Ý**

Nhận chịu hình hài sáu nẻo, không loài nào không lấy tham dục làm nguồn gốc; tiếp nhận tính chất mẹ cha, bất cứ ai cũng lấy tiền tài làm căn bản. Tuy rằng người và vật hai loài khác nhau, nhưng mà tham và tiếc hoàn toàn không khác, vì vậy đứng trước tiền của tùy tiện có được, chẳng gọi là người hiểu biết; trông thấy tài lợi quên hết nghĩa tình, không trở thành người hiền đức. Vả lại, tiền bạc ngọc ngà là cái nương nhờ bên ngoài, cờ hoa Tăng vật là sự cúng dường bên trong; lý nên tỉnh ngộ mình nghèo khiến tùy hỷ với người giàu có, há vì mình nghèo thiếu mà tham giành lấy tài sản của người? Vì lẽ đó, Điều Đạt lấy hoa tức thì rơi rụng, Kiều Phạm bớt thóc lại chịu thân trâu, Ca Diếp xin bánh thường bị chê trách, Tỳ kheo ngửi hương thần hồ trách mắng. Quả là biết tội lỗi của trộm cướp, lẽ không phải là tội lỗi lớn? Vì vậy cơm bữa sáng không chỗ nương nhờ, ngủ buổi đêm không nơi gởi gắm, chim dừng cánh-hươu ngủ bìa rừng, thân thể trần trụi nằm co quắp, ngủ yên giấc bên cạnh đường đi, theo như cũ lang thang kiếm ăn. Liền khiến cho mẹ đuổi theo gà gô mà đi về Nam, con thuận theo ngựa Hồ mà quay lên Bắc, chồng giống như bóng mặt trời mà chạy sang Tây, vợ tựa như dòng suối cạn mà chảy về Đông; không có ai không trông về cố hương mà đứt ruột, nhớ nơi sanh ra mà òa khóc, nước mặt đầm đìa mà tuôn máu, lòng dạ buồn đau mà ủ ê. Khổ sở như vậy, đều do thân đời trước không bố thí mà lại trộm cướp. Vì vậy trong kinh nói: “Muốn biết nhân quá khứ, hãy nhìn quả hiện tại; muốn biết quả vị lai, chỉ nhìn nhân hiện

tại”. Vì lẽ đó khuyên nhủ mọi người thực hành, thường cần phải nhắc nhở cố gắng đừng dấy tâm trộm cướp, thậm chí gặp của rơi cũng không tham, huống hồ cố ý trộm cắp vật của người ta!

***Thứ hai:* PHẬT VẬT** (vật của Phật)

Như kinh Niết Bàn nói: ‘Xây dựng chùa Phật dùng ngọc ngà hoa trái tốt đẹp cúng dường, không hỏi gì mà vội vàng lấy đi, hoặc là biết hay không biết đều là tội tìm cách trộm cắp”. Còn trong luận Tỳ Nại Da nói: “Nếu trộm cắp hoa quả phan phướn trong tháp Phật hay tháp Thanh Văn, đều là hướng về thí chủ kết thành tội nặng, bởi vì đoạn mất phước thiện của họ”. Lại trong Thập Tụng Luật nói: “Nếu trộm cắp đồ vật cúng dường trong tháp Phật hay trong tinh xá, nếu như có chủ giữ gìn, thì coi như người chủ phạm vào tội nặng”. Như trong Thập Tụng, trộm cắp xá lợi Phật; trong luận Tát Bà Đa lấy trộm tượng Phật, đều là tâm thanh tịnh cúng dường, tự nghĩ rằng: Họ cũng là đệ tử, mình cũng là đệ tử. Người như vậy, tuy không nói là lấy, mà cúng dường đều không phạm tội. Điều này có nghĩa là tình cảm của thí chủ thông suốt thì không phạm, nếu giới hạn thì phạm tội nặng. Nếu dựa theo luận Ma Đức Lặc Già nói: “Vì chuyển đổi mua bán nuôi sống thân mạng như vậy trộm cắp tượng Phật và xá lợi, thì phạm vào tội rất nặng”.

***Thứ ba:* PHÁP VẬT** (vật của Pháp)

Như luật Tứ Phần nói: “Lúc ấy có người lấy trộm quyển kinh của người khác, Đức Phật dạy: Lời Phật vô giá, tính theo giấy mực phạm vào tội nặng”. Trong Thập Tụng Luật nói: “Mượn Kinh của người ta mà ngang ngược không trả, khiến cho người chủ sanh tâm nghi ngờ, thì phạm vào tội phương tiện (vì tâm chưa quyết định, nếu cự tuyệt thì phạm tội nặng)”. Trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu trộm phương thuốc bí truyền thì phạm tội nặng”. Trong Duy Thức và Quyết Luận nói: “Lén lút lấy kinh luận của người khác mà đọc thậm chí chỉ một câu, cũng phạm vào tội ăn cắp văn chương câu nghĩa (Điều này phải là tâm người chủ cẩn thận giữ kín thì phạm, nếu hời hợp như kinh khác với tình ý thông suốt không tiếc gì, lấy đọc không có gì sai phạm)”. Trong Ngũ Bách Vấn Sự Khẩu Quyết nói: “Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh, bởi vì hơi miệng xấu xa, giống như bụi cũng thế thôi. Nếu đốt kinh cũ thì mang tội nặng, giống như thiêu cháy cha mẹ. Không biết có tội thì phạm nhẹ. Có nhiều người xấu lấy trộm tượng Phật bằng đồng, đốt chảy dung nhan bậc Thánh, đem cung cấp cho thân mạng, cùng cực

trong sự trái nghịch không gì hơn việc này. Hoặc trộm lấy phan phước đẹp đẽ dùng làm áo quần, hoặc đem bán nuôi sống thân mạng. Những tội lỗi như vậy, đời tương lai nhận chịu tai họa, không có hạn kỳ thoát ra”.

Thứ tư: **TĂNG VẬT** (vật của Tăng).

Như Ngũ Phần Luật nói: “Mượn vật của Tăng không trả, coi như trực tiếp phạm tội nặng”. Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “lấy trộm vật tốt đẹp của Tăng, còn hơn tội lỗi giết hại tám vạn bốn ngàn bậc cha mẹ”. Còn trong kinh Bảo Lương nói: “Thà ăn thịt thân mình chứ dứt khoát không được sử dụng vật của Tam Bảo”. Lại dựa theo kinh Phương Đẳng nói: “Bồ tát Hoa tự bày tỏ: Tội lỗi ngũ nghịch – tứ trọng tội tôi cũng có thể cứu được, trộm vật của Tăng thì tôi không thể nào cứu được”. Còn trong kinh Đại Tập – phẩm Tế Long nói: “Lúc ấy có các loài rồng đạt được Túc mạng, tâm tự nghĩ đến nghiệp quá khứ mà đau lòng rơi nước mắt như mưa, đi đến trước Đức Phật cùng thưa như vậy: Con nhớ xưa kia, ở trong Phật Pháp có lúc vì nhân duyên thân thuộc với người thế tục, có lúc lại vì nhân duyên nghe pháp, vốn có tín tâm bố thí các loại hoa quả ăn uống, cùng với các Tỳ kheo thứ tự mà ăn. Hoặc có người nói rằng: Con đã từng ăn các thứ hoa quả và đồ ăn thức uống của chúng Tăng bốn phương. Hoặc có người nói rằng: Con đi đến chùa miếu bố thí chúng Tăng, hoặc là lễ bái và ăn uống như vậy, thậm chí từ thời Thất Phật đến nay, từng làm người thế tục có tín tâm, bởi vì cúng dường cho nên bố thí nhiều thứ hoa quả và các loại đồ ăn thức uống, Tỳ kheo có được rồi trở lại bố thí cho con, con có được thì ăn, do nghiệp duyên ấy vào trong địa ngục, trải qua vô lượng kiếp, sống trong lửa vô cùng ác liệt, hoặc đốt hoặc nấu, hoặc uống nước đồng sôi, hoặc nuốt viên sắt nóng, từ địa ngục thoát ra lại rơi vào trong súc sanh, xả thân súc sanh thì sanh vào trong ngạ quỷ, nhận chụi đầy đủ các loại cay đắng khổ đau như vậy. Đức Phật bảo với các loài rồng: Ác nghiệp này cùng với tội lấy trộm đồ vật của Phật, như nhau chứ không có gì sai biệt, Tỳ kheo tạo nghiệp ngũ nghịch thì tội lỗi ấy chỉ bằng một nửa, nhưng mà tội báo này khó có thể thoát được, ở trong kiếp Hiền gặp được Đức Phật sau cuối, danh hiệu là Lâu Chí, ở thời kỳ Đức Phật ấy thì tội lỗi mới được trừ diệt”.

Lời bàn: Vì sao lấy trộm đồ vật của Tăng mà sử dụng thì tội lỗi ấy lại nặng nề vậy? Đáp rằng: hễ lấy trộm một vật, tức là nhằm vào mười phương phàm Thánh, trên đến chư Phật, dưới đến phàm Tăng, tùy theo

cảnh giới vô biên, lại kết thành vô biên tội lỗi, bụi nhỏ hãy còn có thể biết được số lượng, nhưng tội báo của người lấy trộm này thì không thể lường tính được. Nguyên cớ vì sao? Bởi vì thí chủ ấy vốn xả bỏ một chút tiền bạc gạo luau muốn cung cấp cho phàm Thánh xuất gia mười phương để dùng làm thức ăn ngày đêm tu đạo đức chứ không muốn cung cấp cho phàm tục, vì vậy một tiếng chuông ngâm vang thì xa gần cùng ăn, phàm Thánh đều giúp đỡ cùng thành tựu đạo ngh, âm thầm giúp đỡ thí chủ có được lợi ích vô biên. Nghĩ rằng công đức phước lợi này sánh bằng pháp giới, chiêu cảm thiện duyên đã nhiều thì chuốc lấy tội lỗi lẽ nào lại ít? Nay thấy chúng sanh nguyên si mê muội, không lựa chọn sang hèn không tin vào Tam Bảo, nếu như tham vật phước thiện lấy sử dụng cung cấp thân mình, hoặc ăn thức ăn của Tăng hay hưởng thụ hoa quả, hoặc sử dụng các loài vật của Tăng hay lấy sức lực của Tăng tùy ý sử dụng, hoặc vay mượn đồ vật vay mượn đồ vật của Tăng lâu ngày không trả, thấy Tăng nhiều lần đòi lấy mà lại sanh ra hủy báng làm nhục, hoặc cậy thế quan quyền chờ đợi tìm sai sót của Tăng. Những loại có hại như vậy nêu ra đầy đủ khó mà hết được, lặng yên suy nghĩ tội lỗi này há không đau lòng ư? Nay tiếc rẻ không giúp đỡ, không phải là ham tiếc keo kiệt không ban ân, mà vì thong xót cho hàng bạch y lo rằng nhận chịu đau khổ đời sau. Nếu đem giúp đỡ thì không những làm hại thế tục, mà cũng gây tội đến người có trách nhiệm, đời sau sanh cùng xứ sở cùng chịu chung tai ương đó. Vì vậy trong kinh Phật Bổn Hanh nói: "Một niệm ác có thể mở toang 5 cửa bất thiện, đó là: 1- Niệm ác có năng lực đốt cháy thiện căn của người; 2- Từ niệm ác lại sanh khởi điều ác; 3- Bị Thánh nhân quở trách; 4- Lui sụt đạo quả; 5- Chết đi vào đường ác". Đã biết không dễ dàng quả thật là hết sức khuyên nhủ, về sau giữ lấy để tự kiểm điểm mình mà sử dụng!

***Thứ năm:* HỖ DỤNG** (sử dụng lẫn lộn)

Như trong kinh Bảo Lương Ấn nói: "Vật của Phật và vật của Pháp không được sử dụng lẫn lộn, bởi vì không cho phép làm chủ vật của Phật và Pháp, lại không thể hỏi han rõ ràng không giống như vật của Tăng, là vật của Tăng thường trú, sử dụng lẫn lộn có sự hỏi han. Nếu dùng vật của Tăng sửa sang tháp Phật, dựa theo pháp chọn lấy Tăng hòa hợp thì được sử dụng, Tăng không hòa hợp thì khuyến khích người thế tục sửa sang. Nếu tháp Phật có đồ vật, thậm chí đáng giá một đồng bạc trở lên, vì tâm sâu nặng của thí chủ đã hiến cúng, thì chư Thiên và loài người từ trong vật này nên sanh ý tưởng về Phật – ý tưởng về tháp, thậm chí gió

thổi rách nát hư hoại, cũng không được đổi vật báu mà cúng dường, bởi vì vật trong tháp Như Lai không có người nào định giá trị được". Còn trong Thập Tụng Luật nói: "Phật tùy theo phạm vi của Tăng và tháp Phật, nuôi người làm việc và các loại voi ngựa trâu dê..., tất cả có nơi của mỗi loại không được sử dụng lẫn lộn". Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: "Vật cúng dường Phật, hoa nhiều thì tùy theo mà chuyển sang bán đi để mua hương – đèn, giống như vật cũ còn nhiều thì chuyển sang bán đưa vào trong tài sản vô tận". Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự Khẩu Quyết nói: "Cờ phướn cúng dường Phật nhiều, muốn sử dụng làm Phật sự khác thì được. Nếu thí chủ không đồng ý thì không được làm". Còn trong Tứ Phần Luật nói: "Thức ăn cúng dường tháp Phật, thì người quản lý tháp được ăn". Lại trong luận Thiện Kiến nói: "Trước Phật dâng cơm cúng Phật, thì Tỳ kheo hầu Phật được ăn. Nếu không có Tỳ kheo thì Bạch y hầu Phật cũng được ăn". Lại trong kinh Tội Phước Quyết Nghi nói: "Lúc bắt đầu dâng lên Phật, chỗ ngồi bậc thượng-trung-hạ, cần phải chỉ dẫn hàng Bạch y dâng lên Phật và Tăng, dâng lên Phật xong rồi thì cùng với Tăng ăn không phạm. Nếu không như vậy, thì bởi vì ăn cúng Phật, trải qua ngàn ức năm rơi vào địa ngục A Tỳ. Đàn việt không tiếp nhận lời dạy của thầy, cũng chuốc lấy tội báo như trước. Nếu sanh giữa loài người, thì chia trăm vạn năm rơi vào xứ sở thấp hèn. Tại vì sao? Bởi vì của Phật không có người nào có thể bình xét giá trị được".

Nếu nói rộng ra thì nhà trai chủ và ở chùa Tăng trong hai bữa ăn thường ngày, dâng cúng Phật và Thánh Tăng không hạn chế thức ăn, phù hợp với Phật và Tăng thì không cần phải thu dọn chuộc lại, sau khi xướng to là thức ăn còn thừa lại tất cả đều được ăn. Nếu tình ý nêu rõ giúp cho thức ăn, nhất định đưa vào cúng Phật và Tăng, không bao gồm Bạch y, thì phải chuộc lại rồi mới lấy mà ăn.

Hoặc là thí chủ vốn mong làm hình tượng Thích Ca, thay đổi làm Di Đà; vốn làm Đại Phẩm, thay đổi làm Niết bàn; vốn làm phòng Tăng, thay đổi cung cấp thức ăn cho Tăng; vốn cúng dường hai chúng, thay đổi đưa vào một chúng; vốn dự định cúng dường mười phương, trở lại đưa vào hiện tiền; vốn dự định cho đại chúng, trở lại đưa cho người khác; vốn cúng dường chúng Tăng, trở lại đưa vào hàng Bạch y; tất cả như vậy đều trái ngược với ý thí chủ, tính số tiền bao nhiêu mà chịu, đủ 5 phần trở thành nặng, kém hơn 5 phần có thể xem là nhẹ. Do đó trong Tứ Phần Luật nói: "Hứa với nơi này mà lại đem cho nơi kia, đều là phạm tội". Tội nặng hay nhẹ tùy theo thí chủ trước đó. Theo văn này, kiểm tra so sánh tượng Phật, màu sắc có thừa lại không được làm các hình tượng

Bồ tát là Thánh Tăng, bởi vì địa vị thầy trò khác nhau cho nên không được sử dụng lẫn lộn, mà có thể làm các vật dụng trang nghiêm khác, vẫn đem cúng dường Phật thì không phạm. Nếu tình cảm thí chủ thông suốt thì một pho tượng Phật tùy ý trang nghiêm, các loại hình tượng phàm Thánh đạo tục, các thứ cúng dường lẫn lộn, hoa đẹp cỏ cây hay núi sông chim thú, không hạn chế trong tượng Phật thì làm tất cả không mang tội. Do đó trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: "Dùng màu sắc làm tượng Phật để tạo hình chim thú thì mang tội, trừ khi làm để cúng dường ở trước Phật, vậy thì không phạm".

Nhiều lần hỏi thăm đạo tục vùng xa heo hút, không dính gì đến giới luật, tuy có tâm tốt làm việc phụng sự Tam Bảo, mà tùy ý mình sử dụng lẫn lộn vật của Tam Bảo theo tình cảm của thế gian, ngay cả tiền bạc của Thánh Tăng trong trai hội, hoặc lấy tự nhiên đưa vào, có lúc đưa vào của thường trụ, có lúc làm tượng Phật, có lúc họa vẽ các hình ảnh Ca Diếp – A-nan ... trên từng nhà; tất cả không sử dụng thích hợp mà mang tội, nói đầy đủ như trong thiên Thọ Thỉnh trước đây. Hỏi: Thời nay trong trai đường có tiền cúng Phật, không biết là tiền này đưa vào sử dụng như thế nào? Đáp: Nếu tâm ban đầu của thí chủ quyết định đưa vào tạo tác hình tượng, vẫn như văn sử dụng lẫn lộn trước đây mà quyết đoán, chỉ được tạo hình tượng Phật chứ không được dùng vào việc khác. Nếu như người thiết trai thời nay, sau khi phàm Tăng dùng cơm xong thì cùng đưa ra tiền cúng Phật và Tăng, biết thí chủ không hạn chế rõ gì khác, thì tùy ý lấy mua hương mua dầu – làm cờ phướn – tu tạo điện thờ Phật và các loại cúng Phật, tiếp nhận sử dụng đều được, nhưng không được đưa vào cho Tăng sử dụng riêng biệt từng người. Trên đây sơ lược thuật lại, đều dựa theo văn trong kinh luật mà quyết định, không phải là theo tình cảm của người viết. Nếu không dựa theo pháp thì trái lại kết thêm tội không biết mà không học. Đương nhiên ngoài những điều không biết, thì đầy đủ như trong 10 quyển luật sao của Tăng Ni giải thích rộng hơn. Vì vậy kiểm tra đối chiếu về Tam bảo, sự việc nặng chứ không phải là đơn giản. Tự mình không hiểu rõ ràng về giới luật, tin sâu sắc về nhân quả, thì dụng tâm cẩn thận, sợ hãi nghiệp đạo, thường chịu khó tác ý, không giữ theo tình cảm con người. Người như vậy mới có thể làm tri sự duy trì kỷ cương, đương nhiên người khác không thích hợp để làm.

Lại trong kinh Bảo Lương nói: "Đức Phật bảo với Ca Diếp: Ta tùy theo hai loại Tỳ kheo có thể quản lý được các việc. Như thế nào là hai loại? Đó là: 1- Luôn luôn thanh tịnh trì giới; 2- Sợ báo ứng đời sau. Dụ

như Kim Cang, lại có hai loại. Như thế nào là hai loại? Đó là: 1- Hiểu biết về nghiệp báo; 2- Có những sự tàm quý và tâm hối hận. Lại có hai loại, như thế nào là hai loại? Đó là: 1- A la hán; 2- Người có năng lực tu tám pháp bối xả. Hai loại Tỳ kheo như vậy,Ta tùy theo cho quản lý mọi việc, tự mình không có tỳ vết thì có năng lực giữ gìn ý của người khác. Vì việc này rất khó cn nói với Ca Diếp, ở trong Phật pháp có nhiều loại xuất gia, nhiều loại tánh tình, nhiều loại tâm địa, nhiều loại giải thoát, nhiều loại đoạn trừ phiền não, hoặc có người thích ở nơi vắng vẻ, hoặc có người hành hạnh khất thực, hoặc có người thích ở chốn núi rừng, hoặc có người thích tiếp cận làng xóm thanh tịnh trì giới, hoặc có người có năng lực xa lìa bốn tai ách, hoặc có người chịu khó tu hạnh đa văn, hoặc có người biện giải trình bày các pháp, hoặc có người khéo giữ gìn giới luật, hoặc có người khéo giữ gìn oai nghi và nghi thức Tỳ Ni, hoặc có người đi qua các thành ấp làng xóm thuyết pháp cho mọi người”. Có những Tỳ kheo Tăng thuộc như vậy quản lý mọi việc Tỳ kheo, khéo léo giữ lấy tâm tướng của mọi người như vậy, cho nên trong kinh nói: “Người ấy quản lý mọi việc của Tỳ kheo cần phải phân biệt rõ ràng, vật của thường trú Tăng không được lẫn lộn với chiêu đề Tăng, vật của chiêu đề Tăng không được lẫn lộn với thường trú Tăng, hai loại đồ vật này không được sử dụng lẫn lộn”. Vật của thường trú Tăng và vật của chiêu đề Tăng, không nên lẫn lộn cùng với vật cúng dường Phật, vật cúng dường Phật cũng không được lẫn lộn cùng với hai vật kia. Nếu vật của thường trú Tăng nhiều mà chiêu đề Tăng có những nhu cầu, thì Tỳ kheo quản lý mọi việc nên tập trung Tăng tiến hành tính toán để lấy ý kiến, Tăng hòa hợp thì nên lấy vật của thường trú Tăng phân chia cho chiêu đề Tăng. Nếu tháp thờ Như Lai, hoặc là có sự cần thiết, giống như sắp bị hư hoại, hoặc là vật của thường trú Tăng, hoặc là vật của chiêu đề Tăng có nhiều, Tỳ kheo quản lý mọi việc nên tập trung Tăng tiến hành tính toán để lấy ý kiến, nói ra lời như vậy: Đúng là tháp Phật bị hư hoại, nay có sự cần thiết, vật của thường trú Tăng và vật của chiêu đề Tăng ở đây có nhiều, Đại đức tăng xem sét quyết định, nếu lúc Tăng đến thì Tăng chịu khó xem xét, hoặc là Tăng không tiếc đồ vật bố thí đã có được, như vật của thường trú Tăng, vật của chiêu đề Tăng, nay tôi lấy sử dụng để tu sửa tháp Phật, nếu Tăng không hòa hợp thì sẽ tìm cách khác. Tỳ kheo quản lý mọi việc nên khuyến hóa người tại gia cầu xin tiền bạc vật dụng để tu sửa tháp Phật. Nếu vật của Phật có nhiều, không được phân chia cho thường trú Tăng và chiêu đề tăng, tại vì sao? Bởi vì ở trong đồ vật này nên sanh khởi ý tưởng Thế Tôn, vật thuộc về

Phật thậm chí một chút nhỏ, đều là tín tâm của thí chủ dâng cúng Phật. Vì lẽ đó chư Thiên và người thế gian, ở trong vật này sanh ra ý tưởng tháp Phật, mà ví như vật báu, hoặc là ở trong tháp Phật thà để cho gió thổi mưa tạt rách nát hết, chứ không nên lấy y này trao đổi vật báu. Tại vì sao? Bởi vì vật trong tháp thờ Như Lai không có người nào có thể hình xét được giá trị. Vả lại, Phật không cần đến thứ gì cả, như vậy người quản lý mọi việc, không nên để cho lẫn vật của Tam Bảo, bởi vì tự sử dụng xen tạp thì mang lấy khổ báo to lớn, hoặc nhận chịu một kiếp, hoặc vượt quá một kiếp, chỉ do dùng vật của Tam Bảo không đúng chỗ, tự mình làm thì tự mình chịu vậy thôi.

Lại trong kinh Bảo Lương nói: "Đức Phật dạy: Tỳ kheo quản lý mọi việc nếu như sanh tâm sân giận, ở chỗ của người trì giới thanh tịnh, bởi vì tự do mà cố tình đuổi đi khiến làm kẻ sai sử vất vả, vì thế đọa vào địa ngục. Nếu được trở lại thân người thì làm hạng nô bộc thấp hèn, bị chủ sai khiến vất vả, vì thế đọa vào địa ngục. Nếu được trở lại thân người thì làm hạng nô bộc thấp hèn, bị chủ sai khiến vất vả, còn lại mọi người đánh đập. Vã lại, Tỳ kheo quản lý mọi việc, bởi vì tự do cho nên tạo ra những quy định khắc nghiệt, vượt quá hạn định bình thường của Tăng, trách phạt Tỳ kheo, không phải lúc mà khiến phải làm. Bởi vì căn bất thiện này cho nên đọa vào trong địa ngục nhỏ nhiều đinh nhọn, sanh vào trong chốn này rồi dùng trăm ngàn đinh nhọn đóng lên trên thân thể, thân thể cháy rừng rực như đống lửa lớn. Lại là Tỳ kheo quản lý mọi việc ở nơi có Đại đức trì giới, vì sự việc quan trọng mà sợ hãi, dùng tâm sân giận nói năng cho nên sanh vào trong địa ngục, người đó phải mang chiếc lưỡi dài năm trăm do tuần, lấy trăm ngàn đinh nhọn mà cắm vào lưỡi của họ, trong mỗi một định nhọn phát ra ngọn lửa lớn. Lại là Tỳ kheo quản lý mọi việc nhiều lần được vật dụng được Tăng mà keo kiệt tiếc nuối cất giấu tất cả, hoặc lúc không thích hợp mà đưa cho Tăng, hoặc là không chịu đưa cho, hoặc gặp khốn khó mới dưa cho, hoặc ít khi đưa cho, hoặc là không đưa cho, hoặc có người thì đưa cho, hoặc có người không đưa cho... bởi vì căn bất thiện này, cho nên cố hoài ngạ quỷ dơ bẩn xấu xa thường ăn viên phân, người này mạng chung sẽ sanh vào trong loài đó, ở trong trăm ngàn năm luôn luôn không được ăn, hoặc lúc ăn thì thức ăn biến thành rác rưởi hôi thối, hoặc thành máu mủ. Vì lẽ đó, này Ca Diếp! Tỳ kheo quản lý mọi việc, thà tự mình ăn thịt mình, chứ suốt đời không sử dụng lẫn lộn vật của Tam bảo để làm y bát ăn uống".

Thứ sáu: **PHÀM VẬT** (tất cả đồ vật).

Như luận Thiện Kiến nói: “Canh giữ tài sản đồ vật cho người khác và đồ vật của Tam Bảo, nếu quản lý giữ gìn cẩn thận, khóa chặt cửa kho, mà kẻ cắp lấy trộm từ trong hầm hay trong nhà, hoặc bức bách mà lấy, là sự việc không phải người canh giữ đồ vật có thể ngăn cản được, nhưng nhằm vào chính người ấy mà kết tội, đều không hợp với dấu vết để lộ bên ngoài. Nếu người có trách nhiệm quản lý lơ đãng coi thường không giữ gìn cẩn thận, bị kẻ trộm lấy mất, thì người quản lý đồ vật phải bồi thường, mà nhằm vào người canh giữ để kết tội”.

Vì thế trong Thập Tụng Luật nói: “Nơi xa mà nhận đồ vật gởi gắm của người khác, ở đường đi bị hư hao rách nát, có long tốt giữ gìn vật đã bị hư hao, thì không nên bồi thường, nếu có lòng xấu làm hư hại đồ vật, thì cần phải bồi thường. Nếu mượn đồ vật của người khác, không cần phải hỏi đến lòng tốt hay lòng xấu, nếu như bị hư hoại thì tất cả đều cần phải bồi thường”. Lại trong Thập Tụng Luận nói: “Kẻ cắp lấy trộm đồ vật mang đi, hoặc là có lòng tốt mà bố thí, hoặc vì người khác truy đuổi mà sợ hãi cho nên bố thí thì được nhận. Bởi vì đã trở thành chủ nhân của đồ vật, nhưng không đi theo kẻ cắp mà xin, tự mình mang cho thì được phép lấy. Lấy rồi thay đổi hình dạng màu sắc để sử dụng, nếu có chủ nhân của đồ vật bị mất nhận ra thì nên trả lại”.

Còn trong luận Ma Đức Lặc Già nói: “Nếu người mất trí rự mang đồ vật bố thí, không biết cha mẹ thân thuộc là ai thì được phép lấy. Nếu lấy thịt còn thừa lại của hổ nơi khác thì phạm vào tội nhỏ, bởi vì không từ bỏ mong đợi. Nếu lấy phần còn thừa lại của sư tử thì không phạm, bởi vì đã từ bỏ mong đợi”. Lại trong luận Tát Bà Đa nói: “Lấy trộm phần còn thừa lại của tất cả các loài chim thú thì mang tội nhỏ”. Thời nay thấy thế gian ở nhiều người bình thường hủy hoại hang ổ của loài khác, lấy đi các loại thóc gạo – trái quả tích trữ của chúng, điều này chắc chắn là phạm thôi.

Trong Tứ Phần Luật nói: “Nếu thân thiết muốn lấy, mình có muốn lấy, rách rưới muốn lấy, tạm thời muốn lấy, ý bạn thân muốn lấy..., đều không phạm. Nói về bạn thân, dựa theo luật cần phải có đủ 7 pháp, mới gọi là bạn thân: 1- Việc khó làm có thể làm; 2- Vật khó cho có thể cho; 3- Điều khó nhẫn có thể nhẫn; 4- Việc kín đáo nói cho nhau biết; 5- Che chở lẫn nhau; 6- Gặp khốn khổ không từ bỏ; 7- Nghèo hèn không coi thường. Bảy pháp như vậy, người nào có thể thực hành được, thì đó là bạn tốt thân thiết của mình, lấy mà không phạm lỗi”.

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ

kheo: Nếu người làm chủ kẻ giặc trộm cướp đồ vật của người ta, bị chủ nhân bắt được, trói chặt đưa đến giao cho nhà vua, trừng trị tội lỗi trộm cắp của họ. Nhà vua lập tức sai người nhốt vào lao ngục, hoặc cắt đứt tay chân, hoặc xẻo tai xẻo mũi, hoặc lột da của họ, hoặc rút gân của họ, hoặc đem treo ngược lên, hoặc có lúc cưa xẻ thịt xương, hoặc dùng lửa đun cháy, hoặc có lúc nấu sôi, hoặc dùng da sống trùm kín đầu họ, hoặc lấy nước sôi mà tưới trên thân thể, hoặc dùng cọc gỗ dài mà đâm vào vổ tay họ, hoặc dùng voi dữ để mà đạp chết, hoặc mổ bụng kéo ruột phơi trên cỏ, hoặc có lúc lại trói chặt đánh trống bêu tiếng xấu, đem đến nơi chợ búa chém đầu dưới cột cờ, hoặc lại cắt xẻ thịt da từng mảnh vụn, hoặc dùng dao phá nát, hoặc có lúc bắn tên. Giết chết bằng các loại đau khổ cùng cực như vậy, chỉ vì phạm tội trộm cướp. Vì nhân duyên của ác nghiệp trộm cướp này, sau khi mạng chung sanh vào trong địa ngục, lửa dữ đốt cháy trên thân – nước đồng sôi rót vào miệng, vạc nóng-lò than-núi dao-cây kiếm, tro bụi-phẫn giải giày vò nung nấu, nhận chịu đủ loại đau khổ như vậy, chua xót khổ sở đớn đau không thể kể xiết, trăm ngàn vạn năm không mong gì thoát ra được. Tội của địa ngục kết thúc thì sanh vào trong loài súc sanh làm thân voi ngựa trâu dê lừa la heo chó ..., trải qua trăm ngàn dùng sức đền trả cho người ta. Tội của súc sanh kết thúc thì sanh vào trong loài ngạ quỷ, đói khác khổ não không thể nói hết. Ban đầu không nghe có tên gọi của nước cháo, trải qua trăm ngàn năm nhận chịu khổ đau như vậy. Tội trong đướng ác kết thúc thì sanh vào giữa loài người. Nếu sanh trong loài người thì phải chịu hai loại báo ứng: 1- Bần cùng, áo không che kín thân, cơm không đủ nuôi miệng; 2- Thường bị vua-giặc-nước-lửa và giặc ác cướp đoạt những gì có được”.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Sao lại là trộm cướp? Nếu người suy nghĩ, mong muốn làm cho các loại thóc lúa đậu mè của mình được thành tựu, làm cho thóc lúa đậu mè của mọi người không mọc lên được. Thường dấy lên suy nghĩ bất thiện như vậy. Lại vào lúc khác, chúng sanh kém phước nên ruộng đồng cây cối không có gì thu hoạch; người ác như vậy, thấy đời đói kém, tâm sanh ra vui mừng, như mình đã nghĩ, vào chợ mua bán lương thực, tâm cong queo hoa miệng giả dối, cân đong các loại thóc lúa đậu mè, giả dối làm mê hoặc mọi người, cuối cùng thành nghiệp. Nếu tâm suy nghĩ thì gọi là nghiệp suy nghĩ. Nếu lúc làm điều giả dối thì gọi là nghiệp giả dối. Làm thành nghiệp giả dối rồi, gọi là nghiệp của kết quả cuối cùng”.

Thứ bảy: **DI VẬT** (vật bị rơi mất).

Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu thấy vật rơi lại bên đường, hoặc là vàng-bạc cùng các thứ tiền của quý báu..., lấy rồi nói to lên cho mọi người nghe: Đây là vật của ai? Nếu có người nói: Vật ấy là của tôi. Nên hỏi họ về hình dạng của vật ấy, nếu đúng thì hãy trả lại. Nếu không có người nào phân biệt được, thì trong bảy ngày mang đi theo, ngày ngày nói to như thế, nếu không có người chủ nhận lại, thì đem vật báu này giao cho nhà vua – đại thần hoặc quan đứng đầu châu – quận. Nếu nhà vua – đại thần hay quan đứng đầu châu-quận, thấy người phước đức không lấy vật này, thì về sau sẽ hộ trì Phật pháp và chúng Tăng. Đó gọi là không trộm cắp”.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Nếu gặp áo quần đồ vật bị rơi, thì nên nói to để mọi người biết, không có chủ nhân đến nhận thì treo lên chỗ cao đễ nhìn khiến cho người ta trông thấy. Nếu có người nói là vật của họ, thì nên hỏi rằng: vật của ông mất ở chỗ nào? Trả lời thích hợp thì cho lại. Nếu không có ai phân biệt được, thì hãy giữ lại đến 3 tháng rồi tính sau. Nếu nhặt được trong vườn cây quanh tháp thì sử dụng để sửa sang tháp, nhặt được trong vườn cây thuộc phạm vi của Tăng thì sử dụng cho tứ phương Tăng. Nếu vật bị rơi có giá trị, như vàng-bạc-chuỗi ngọc thì không được để lộ rõ ràng, chỉ nói to lên là nhặt được vật báu, người ta nên xem xét chính xác, nhiều lần xem có tướng mạo thế nào rồi sau đó sẽ đưa ra. Lúc người đến nhận trình bày chính xác thì cho lại, đứng trước mọi người đông đủ mà trao lại, không được ở nơi ngăn che mà trao cho, dạy nên Thọ Tam quy và nói rằng: Phật không chế định giới này, ông khoanh tay mà nhìn thì không được. Nếu không có người nào đến nhận thì giữ lại đến 3 năm, như trước mà xử lý thích hợp với phạm vi để sử dụng. Nếu sửa sang tháp gặp được vật báu chôn giấu, thì lấy sử dụng cho tháp; trong phạm vi của tăng cũng như vậy”.

Vì vậy trong Thành Thật Luận nói: “Kho tàng cất giấu lấy sử dụng không có tội. Thời Đức Phật tại thế, Trưởng giả Cấp Cô là Thánh nhân, cũng lấy vật này, cho nên biết là không có tội. Còn tự nhiên nhặt được thì không gọi là trộm cướp”. Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Người vào trong thôn xóm thấy vật đánh rơi, không được nhặt lấy, đưa cho Tỳ kheo thì được, tức đó là thí chủ. Trong thôn xóm gió thổi bay y không được phép lấy, làm thành phấn tảo muốn lấy thì được. Nếu ở nơi đường đi vắng vẻ không có người thì được phép lấy”. Còn trong Ngũ Phần Luật nói: “Nếu người đưa y trải qua mười hai năm mà không trở lại, thì tập trung tăng chúng bình xét giá trị làm vật sử dụng cho tứ phương

Tăng. Nếu sau đó người ấy trở về, thì lấy vật của Tăng để bồi thường, không nhận lại là tốt".

Chánh báo tụng rằng:

Trộm cướp- cung cấp sử dụng sai,
Một mình rơi vào ngục Nê Lê,
Chim sắt dùng mỏ nhọn Kim Cang,
Mổ não-xé toạc trái tim mình,
Dùng nước đồng sôi sót vào miệng,
Chày sắt – gậy sắt đập nát thân,
Kinh hãi chạy khắp nơi cầu thoát,
Lại lao vào núi kiếm rừng gươm.
Tập báo tụng rằng:
Trộm cướp mà nhận lấy quả báo,
Rơi vào địa ngục bị đun cháy,
Tội hết sanh vào trong loài người,
Đói nghèo mà tự mình nhận chịu,
Chung tài sản bị người hạn chế,
Nào khác gì trong hạng thấp hèn,
Dựa vào lời lẽ ôm phẩm hạnh,
Cần phải suy nghĩ đến tận cùng.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 6 chuyện: 1- Thời nhà Hán ở quận Thương Ngô có đình trưởng Cung Thọ; 2- Thời nhà Hán ở huyện Mi – Kỳ Châu có Li đình trưởng cướp và giết chết con gái người ta; 3- Thời nhà Tùy ở Nghi Châu có người họ Hoàng Phủ tên Thiên; 4- Thời nhà Đường có con gái của Trưởng sử Vi Khánh Thực ở Phủ Ngụy Vương; 5- Thời nhà Đường có con gái của Triệu Thị ở chợ Đông – Tây kinh; 6- Thời nhà Đường có quan chủ bộ họ Chu bị quan nhỏ đánh cướp mà chết.

1/ Thời nhà Hán có Thế hà Thưởng, làm Thứ sử hành bộ vùng Giao Chỉ, đến huyện Cao Yêu quận Thương Ngô, chiếu tối ở lại trong đình Thước Bôn, đêm hãy còn chưa khuya lắm, có một cô gái từ dưới lầu xuất hiện, tự nói rằng: Thiếp họ Tô tên Nga tự là Di Khu, vốn là người xóm Tu ở huyện Quảng Tín, cha mẹ mất sớm, lại không có anh em, chồng cũng mất đã lâu, có 120 xấp tơ lụa lẫn lộn và một người hầu gái, tên là Trí Phú, thiếp cô quạnh và yếu ớt vô cùng không thể nào tự mình phấn chấn lên được, muốn đi đến huyện bên cạnh để bán tơ lụa, nhờ vào người cùng huyện là Vương Bá, thuê một chiếc xe trân, giá tiền phải trả là một vạn hai ngàn, chở thiếp và tơ lụa khiến Trí Phú

cầm dây cương, thế là vào ngày mười tháng 4 năm kia đi đến bên ngoài đình này. Lúc ấy trời tối người đi đường đã vắng, không dám tiến về phía trước, vì vậy nên dừng lại, Trí Phú bỗng nhiên đau bụng quằn quại, thiếp đi đến nhà đình trưởng xin nước uống và lấy lửa, đình trưởng là Cung Thọ cầm dao nắm kích, đi đến bên cạnh xe, hỏi thiếp rằng: Phu nhân từ nơi nào đến đây, trên xe chở những gì, chồng ở đâu, tại sao đi một mình? Thiếp trả lời rằng: Tai sao hỏi như vậy? Cung Thọ nhân đó nắn cánh tay thiếp mà nói: Trẻ đẹp đáng yêu tốt nhất là vui vẻ với nhau vậy. Lúc ấy thiếp sợ hãi không chịu nghe theo. Cung Thọ liền lấy dao đâm vào bên sườn một nhát chết liền, đồng thời giết chết Trí Phú, Cung Thọ đào dưới lầu chôn vùi thiếp và người hầu gái, lấy tiền của đồ vật mà đi, giết trâu đốt xe, khung xe và xương trâu giấu trong giếng cạn phía Đông đình này, thiếp chết vô cùng đau đớn không làm sao nói được, cho nên đến tự mình trình bày với sứ quân! Hà Thưởng nói: Nay muốn khai quật thi hài của cô, lấy gì để xét nghiệm? Cô gái nói: Từ trên xuống dưới thiếp đều mặt áo quần màu trắng, giày tơ màu xanh hãy còn chưa mục nát đâu. Khai quật thì quả là như vậy. Hà Thưởng lập tức sai lính bắt Cung Thọ, tra khảo xét hỏi tất cả đều thích hợp. Sau đến huyện Quảng Tín tra xét rõ ràng, cùng với lời Tô Nga nói giống nhau. Bắt cha mẹ anh em của Cung Thọ giam vào ngục, Hà Thưởng dâng biểu trình bày sự việc Cung Thọ giết người, đối với luật pháp thông thường không đến mức giết hết họ hàng, nhưng Cung Thọ làm điều ác giấu kính trải qua năm tháng, phép vua vốn không có thể làm gì được, quỷ thần tố cáo ngàn năm không có một, xin đều chém đầu, để giúp cho người quá cố bị hại, trình bày lên trên xem xét quyết định.

2/ Thời nhà Hán có Vương Đồn tự là Thiếu Lâm, làm huyện lệnh huyện Mi, từ huyện Mi đến Li đình, đình này thường có quỷ, nhiều lần giết người. Vương Đồn ngủ lại trên lầu, trong đêm có cô gái, nói là muốn bày tỏ nỗi oan, không có áo quần tự che thân. Vương Đồn lấy áo quần đưa cho, mới tiến lên nói rằng: Thiếp vốn là thiếp của Bồi Lệnh, muốn đi đến quan phủ, đi qua đình này ở lại, đình trưởng giết hại thiếp, lớn nhỏ hơn mười người, chôn ở dưới lầu, đoạt lấy áo quần tiền bạc và đồ vật, đình trưởng nay là Du Khiếu dưới huyện môn. Vương Đồn nói: Sẽ trả oan cho cô, đừng tiếp tục hại bừa bãi người lòng thiện nữa! Quỷ trả lại áo quần mà đi. Vương Đồn lại bắt Du Khiếu, vặn hỏi liền nhận tội, bắt hơn mười người cùng âm mưu giết hết. Khai quật lấy các thi hài đem về nhà tẩm liệm mà chôn cất chu đáo, ngôi đình mãi mãi yên lành. Mọi người đặt bài vè rằng: Tin thay Thiếu Lâm đời không có ai bằng,

khăn bay ngựa chạy cùng chuyện trò với quỷ. Khăn bay ngựa chạy, tách ra thành sự việc khác, nay vốn không ghi lại.

(Hai chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.)

3/ Năm thứ tám thời Tùy Đại Nghiệp, hơn bốn mươi dặm về phía Đông Nam thành Nghi Châu có một gia đình, họ Hoàng Phủ, ở nhà anh em có bốn người, anh lớn em nhỏ ai cũng chịu khó lo việc làm ăn, vô cùng nhân từ trung hiếu. Người em trai thứ hai tên là Thiên, giao du với bạn xấu chứ không lo làm việc sinh sống. Sau đó có một lần mẹ còn trong nhà, lấy sáu mươi đồng tiền muốn đến chợ mua đồ dùng, mà đặt nằm trên giường. Mẹ đi ra nhà sau, Thiên từ ngoài đi vào nhà, quay nhìn xung quanh thấy không có người, liền trộm lấy tiền mang ra ngoài riêng mình sử dụng. Mẹ quay vào tìm tiền không có, không biết con mình lấy đi mất, thế là tra xét cả nhà, người sang kẻ hèn đều nói không lấy. Mẹ tức giận vì cả nhà không trong sáng, liền đánh đập từ lớn đến bé, lớn bé đều oán trách. Đến năm sau thì Thiên qua đời, đầu thai vào trong bụng heo mẹ nuôi trong nhà, trải qua 15 tháng đẻ ra một con heo con. Đến năm hai tuổi, vào ngày tế thần đất dịp tháng 8, cần tiền nên bán cho thôn xa tế thần, nhà thu được sáu trăm đồng tiền, quan tế thần bắt đem đi. Vào lúc đầu đêm, liền cảnh báo làm cho cả nhà lớn bé đều tỉnh giấc, trước tiên dùng mũi nhạm vào người vợ, vợ ngủ mộng thấy nói rằng: Tôi là chồng của cô, vì lấy của mẹ 60 đồng tiền, làm oan ức đến cả nhà phải chịu tra khảo khổ sở, khiến tôi làm heo, nay đến trả nợ. Nay đem bán cho người tế thần, người tế thần trói chặt tôi sắp giết, cô là vợ tôi, sao nhẫn tâm không nói với mọi người chuộc tôi về? Người vợ ban đầu giống như trong mộng, bỗng giật mình thức giấc trong lòng kinh hãi, nhưng vẫn chưa tin; tiếp tục ngủ lại mộng thấy như vậy, heo lại dùng mũi nhạm vào người vợ, người vợ kinh sợ mặc áo đi đến nhà báo cho mẹ chồng biết. Mẹ chồng đã ngồi dậy, lại mộng thấy như cô con dâu, trai gái cũng cùng mộng thấy, trong một đêm sắp xếp khiến con trai Thiện đến chuộc Thiên về, và anh trai Thiên mang theo một ngàn hai trăm đồng tiền. Mẹ nói cho con trai biết rằng: Quan tế thần nếu như không chịu thả, cầu xin trả cho gấp đôi số tiền, sợ rằng trời sáng sẽ giết nên cỡi ngựa chạy nhanh rất gấp, vì cách xa nhà hơn 30 dặm đường. Người con trai Thiên đã đến nơi ấy, không nói là người thân của mình, sợ rằng bôi xấu gia tộc, chỉ nói không cần phải giết, nay muốn chuộc lại heo. Quan tế thần không chịu, nay đến lúc ta cúng tế thần linh, heo không cho ông chuộc lại. Nhiều lần ân cần năn nỉ nhưng không thả, người anh Thiên sợ nôn nóng mà e rằng tế thần sẽ giết heo, tự mình

nhờ một người có hiểu biết và tín kính đã từng nhậm chức huyện lệnh, kể lại đầu đuôi sự tình như vậy, sau mới chuộc được, đã chuộc được heo rồi xua chạy vào thửa ruộng hoang, người anh nói với heo rằng: Ông quả thật là em trai ta, thì ông hãy gấp rút trở về nhà trước. Người con trai cũng nói với heo: Quả thật là cha tôi, cũng nên tự mình trở về nhà trước. Heo nghe lời nói này liền chạy nhanh ở phía trước trở về nhà. Sau trải qua thời gian dài bà con xóm làng đều biết nên trai gái xấu hổ vô cùng, hàng xóm kiềm khích nhau đều lấy heo để mắng nhiếc mỉa mai, trai gái kín đáo nói cho heo biết rằng: Nay cha tạo nghiệp bất thiện nên nhận chịu thân heo như vậy, trai gái trong nhà xuất đầu lộ diện không được, ngày cha còn sống, đã cùng với Từ Hiền Giả kết giao sâu đậm, cha đi đến nhà họ Từ, trai gái trong nhà đem thức ăn đến nơi ấy cung cấp cho cha. Heo nghe nói lời như vậy, rơi nước mắt chạy nhanh đến nhà họ Từ, nhà họ Từ cách nhà họ Hoàng Phủ hơn 40 dặm. Đến trong năm thứ 11 thời Tùy Đại nghiệp, heo qua đời ở nhà họ Từ. Tin và biết rõ nghiệp báo không lựa chọn thân sơ, rõ ràng như ở trước mắt, há không thận trọng hay sao? Pháp sư Tịnh Lâm chùa Hoằng Pháp ở Trường An, là người cùng làng với Thiên, tự mình trông thấy heo ấy, Pháp sư đích thân nói rõ chuyện này.

4/ Trong thời Đường Trinh Quán, Vi Khánh Thực là người vùng Kinh Triệu làm Trường sử phủ Ngụy Vương, có cô gái mất sớm, vợ chồng họ Vi thương tiếc vô cùng. Hai năm sau, Khánh Thực mời tất cả bà con khách bạn và chuẩn bị thức ăn đầy đủ. Người trong nhà mua được một con dê nhưng chưa giết thịt, trong đêm vợ Khách Thực nằm mộng, con gái đã qua đời mặc quần áo trắng, trên đầu tóc có một đôi thoa bằng ngọc, là những thứ thường dùng lúc còn sống, đi đến gặp mẹ rơi nước mắt nói rằng: Xưa con đã từng sử dụng đồ vật mà không nói với cha mẹ, vì nghiệp báo này, nay nhận chịu thân dê, để đền trả cho cha mẹ, mạng con sáng mai sẽ bị giết, chính là con dê đen đầu trắng, chỉ mong ân đức thương yêu rủ lòng xin cứu tính mạng! Mẹ giật mình tỉnh giấc, sáng sớm mà tự mình đi đến xem dê, quả nhiên có con dê đen, cổ và ức đều trắng, trên đầu có hai chấm trắng, tương tự như hình dạng cái thoa cài tóc bằng ngọc. Mẹ đứng trước dê đau lòng rơi lệ, ngăn ngừa nhà đừng giết con dê, chờ Khánh Thực đến thả cho đi. Lát sau Khánh Thực đến thúc giục làm thức ăn, người trong bếp thưa rằng: Phu nhân không cho phép giết thịt con dê đen. Khách Thực giận dữ liền ra lệnh giết dê, người mổ thịt dê treo dê sắp giết, khách bạn có nhiều người đã đến, quả là thấy treo một cô gái dung mạo đoan chánh, nói

với những người khách rằng: Tôi là con gái của Trưởng Sử họ Vi, xin cứu mạng tôi! Khách ban đầu kinh ngạc ngăn người mổ thịt dừng tay. Người mổ thịt sợ Khách Thực nổi giận, lại chỉ thấy con dê kêu gào, tức thì giết con dê mổ thịt. Sau đó khách bạn ngồi vào bàn nhưng không ăn, Khách Thực ảm thấy lạ lùng bèn hỏi nguyên do, khách bạn nói rõ đầu đuôi sự việc, Khách Thực đau lòng vô cùng, phát bệnh không ngồi dậy được. Người trong vùng Kinh Triệu sau đó biết rõ sự việc này, đến chỗ Thượng thư Đôn Lễ thuật lại rõ ràng câu chuyện.

5/ Thời nhà Đường ở vùng làng quê chợ búa tại Trường An có phong tục, mỗi khi đến ngày đầu năm, sau đó theo thứ tự làm đồ ăn thức uống mời nhau, gọi là Truyền Tọa. Nhà họ Triệu ở chợ Đông theo thứ tự đầu tiên sẽ tổ chức bữa tiệc. Có người khách đến sớm, đi ra phía sau trông thấy trên cối giã gạo, có bé gái tuổi khoảng 13 – 14, mặc quần xanh áo trắng, bị dây thừng buộc cổ, trói vào cây cột của chiếc cối giã gạo, rơi nước mắt nói với người khách rằng: Tôi là con gái của chủ nhân, trước kia vào lúc chưa chết, lấy trộm của cha mẹ 100 đồng tiền muốn mua son phấn, chưa kịp sử dụng mà chết, số tiền đó nay còn trong góc tường phía Tây Bắc trong nhà bếp, nhưng tôi chưa sử dụng, mà đã lấy trộm tiền, vì vậy phải mang tội, nay cần phải đền bù mạng sống cho cha mẹ! Nói xong hóa thành con dê đầu trắng. Người khách kinh hãi nói cho chủ nhân biết, chủ nhân hỏi về hình dáng dung mạo của cô bé, đúng là con gái bé nhỏ của mình, chết đã hai năm rồi. Vào phía góc tường nhà bếp lấy được 100 đồng tiền, hình như đặt vào chỗ ấy đã lâu. Ngay sau đó đưa con dê đến chùa Tăng nuôi dưỡng, cả nhà không dám ăn thịt nữa. Lư Văn Lệ truyền nhau đi đến thuật lại câu chuyện như vậy.

(Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.)

6/ Thời nhà Đường có quan chủ bộ họ Chu ở huyện Quán Đào – Kí Châu, nhưng quên mất tên gọi. Đến tháng 11 năm thứ 4 thời Đường Hiển Khánh nhận lệnh đi sứ vào phạm vi của thành Quan Hỗ-Lâm Du. Lúc sắp lên đường, dẫn hai người giúp việc cùng đi theo. Họ Chu mang theo tiền bạc và lụa là hơi nhiều một chút, hai người giúp việc bèn dùng dao đè chặt mà giết chết, tất cả tiền bạc lụa là đều cướp lấy mang đi hết, chỉ có áo quần mặc trên người là không lấy. Đến cuối năm mới báo mộng cho vợ, nói lại đầy đủ tình trạng bị giết hại, và nói nơi chốn che giấu tiền bạc đồ vật đã cướp. Người vợ bèn dựa theo như vậy mà trình bày với quan trên. Quan trên điều tra vụ án, phân rõ đầy đủ được thật trạng của tiền bạc lụa là, và bắt được hai người, đều phải chịu tội

chết. Tăng Tuệ Vĩnh ở chùa Trí Lực – Tương Châu nói: Đích thực tự mình được Đạo sĩ Lưu Nhân Khoan ở Đạo quán Minh Đình nói cho biết chuyện này.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 75

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần ba)

***Phần thứ sáu:* TÀ DÂM**

Phần này có 3 tách biệt: Thuật ý, Ha dục, Gian ngụy.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Tiếng dâm làm bại hoại phẩm đức, người trí biết mà không làm; tướng dục làm mê muội thần thức, Thánh nhân biết mà đều xa. Vì vậy, Chu-U mất nước, tin chắc là sai lầm theo Bao Tự; Tấn – Hiếu tan nhà, thật sự là tội lỗi của Lệ Chi; Độc Giác trên núi, không tỉnh ngộ hổ thẹn bị cưỡi cổ; mong ở miếu đường, lẽ nào hiểu rõ khổ cháy thân? Tất cả đều vì chúng sanh cõi Dục không tu hạnh quán sát cởi bỏ, phiền não trói buộc không thể nào đoạn trừ điều phục. Vả lại, đất-nước-gió-lửa, cái gì làm chủ? Thân-thọ-tâm-pháp, tánh vốn rỗng không. Da mỏng da dày bao quanh đống bất tịnh,, tạng sống tạng chín dơ bẩn thật khó bàn, thường muốn dẫn con người rơi vào ba đường ác, vì vậy Bồ tát Đại sĩ thường tu quán hành, chỗ thối tha chảy ra khắp thân hình đều có, giặc thù sáu trần cứ va chạm làm khổ nhau, oan gia năm ấm khó có thể gần gũi được. Phàm phu điên đảo mặc y tham đắm mê muội như vậy, vọng thấy dung mạo lẳng lơ lưu luyến bám vào hình dáng, răng trắng môi đỏ mày dài búi tóc vấn cao, tìm cách uốn éo tăng thêm vẻ đẹp diễm kiều. Vì lẽ đó. Lạc Xuyên cởi ngọc Bội, luôn luôn làm người kéo xe cho Trần Vương; Hán Khúc cầm ngọc châu, tức thì không cho rời khỏi nơi Giao Phủ. Trên đài cao Vu Sơn, dựa vào mây mưa mà qua lại; bên dòng nước Ma Cô, nương theo suối chảy mà đi về; tức thì khiến cho sức lực tự nhiên thanh thoát, khác xa cách làm áo quần của Hàn Thọ; gảy đàn trỗi lên khúc ca, tiếp nhận sâu xa ý nghĩ của Tương Như. Hoặc nhờ gối có mà thành thân thiết, hoặc mượn mũ treo mà thành gắn bó; lẽ nào biết thân hình như bọt nước tụ lại, sắc chất tựa mây trời nổi trôi, cả trong lẫn ngoài đều trống rỗng, tan rã không còn trong khoảnh khắc, mọi chỗ trên

thân đều bất tịnh, tất cả hình thể đều vô thường; mới bỏ mương máng đã vào trong loài sâu kiến, tất cả chúng sanh đều có tà hạnh như vậy, trái với đạo Phạm Thiên – ngăn sự nghiệp Bồ đề, vì nhân của bốn loài-cảm lấy quả ba đường. Quả là biết nguồn gốc của ba cõi thật sự do nghiệp dâm, báo ứng của sáu nẻo chỉ bởi vì nhiễm ái. Bởi vì tưới thấm nghiệp lực thiên về một phía cho nên bậc Thánh chế ngự mà không làm.

Thứ hai: **Ha Dục** (chỉ trích dục vọng)

Thứ 1: Nói rõ về tham dục phát sanh nhiều: như kinh Niết Bàn có kệ rằng:

"Nếu luôn luôn sầu khổ, thì sầu khổ thêm nhiều,
Như người thích giấc ngủ, thì giấc ngủ thêm nhiều,
Tham dâm ham rượu chè, điều ấy cũng như vậy".

Còn trong Kinh Chánh Pháp Niệm có kệ rằng:

"Như lửa cháy đun thêm củi khô,
Ngọn lửa rừng rực bốc lên cao,
Như vậy người hưởng thụ khoái lạc,
Ngọn lửa ái dục càng mạnh lên.
Ngọn lửa củi khô rừng rực,
Mà mọi người đều xa rời được,
Ngọn lửa ái dục cháy thế gian,
Triền miên không thể trừ bỏ được".

Lại trong luận Trí Độ có kệ rằng:

"Người thế gian ngu dại, tham say vào năm dục,
Đến chết không từ bỏ, làm thành nghiệp đời sau,
Chịu vô lượng khổ đau, ví như người ngu si,
Tham say với quả ngon, leo lên cây mà ăn,
Ngồi mãi không chịu xuống, người ta chặt cây ấy,
Cây ngã mới rơi xuống, thân và đầu bể nát,
Đau đớn mà chết thảm, được thì vui chút ít,
Mất thì khổ thật nhiều, như lưỡi dao thoa mật,
Người liếm tham vị ngọt,
Không biết lưỡi bị thương, sau chịu khổ vô cùng".

Còn trong luận Thành Thật có kệ rằng:

"Tham dục thật là khổ, phàm phu vì điên đảo,
Vọng sanh ý tưởng vui, người trí thấy là khổ,
Thấy khổ thì đoạn trừ, thọ dục không thỏa mãn,
Như uống nước biển mặn, cơn khát càng tăng thêm,
Bởi vì khát thêm nhiều, có vui sướng gì đâu?

Ví như chó cắn chặt, khúc xương khô dính máu,
Thêm nước dãi trộn vào, nghĩ là có vị ngon,
Tham dục cũng như vậy, ở trong chỗ vô vị,

Vì sức mạnh tà đảo, cho là có mùi vị, do đó biết sắc dục, khổ thật mà vui thật".

Thứ 2: Nói rõ về quán thân nữ là bất tịnh: chỉ suy nghĩ về những người nữ, bên ngoài vay mượn dung mạo hình dáng, bên trong chứa đầy những thứ thối tha dơ bẩn, người mê muội đắm theo hình tướng, không hiểu rõ là sự giả dối không thật, nhưng người Đại Trí thì luôn luôn biết là đáng ghét. Vì vậy trong kinh Thiền Bí Yếu nói: "Trưởng Lão Mục Liên đạt được quả vị La Hán, vợ của Trưởng lão muốn đi theo, áo quần đẹp đẽ trang nghiêm mong phá hỏng Mục Liên. Lúc bấy giờ Mục Liên vì người vợ mà nói kệ rằng:

Thân cô là bộ xương tạo thành,
Da thịt cùng bó chặt bên trong,
Trong đó chứa đầy vật bất tịnh,
Không một vật nào là tốt đẹp.
Đãy da chứa đầy loại rác rưởi,
Chín lỗ thường chảy ra hôi hám,
Như quỷ chẳng có gì thích hợp,
Đâu đủ để tự cho là quý?
Thân cô như nhà xí lưu động,
Lấy da mỏng để tự che khuất,
Người trí đã từ bỏ rời xa,
Như người bỏ nhà xí ra đi.
Nếu như người biết rõ thân cô,
Giống như tôi đã chán ghét,
Tất cả đều dứt khoát lìa xa,
Như người tránh rơi vào hầm phân.
Thân cô tự trang nghiêm đẹp đẽ,
Dùng các thứ chuỗi ngọc hoa hương,
Phàm phu đều tham đắm thích thú,
Người trí vốn không bị mê hoặc.
Thân cô là nơi đầy bất tịnh,
Tụ tập những vật xấu hôi thối,
Như nhà xí trang hoàng đẹp đẽ,
Người ngu dại lấy làm thích thú.
Hai bên sườn cô bám xương sống,

Như rui nhà dựa vào đòn móc,
Năm tạng phủ ở bên trong bụng,
Bất tịnh giống như thùng đựng rác.
Thân cô giống như nhà chứa rác,
Người ngu si lại tham giữ gìn,
Dùng ngọc châu anh lạc tang điểm,
Bên ngoài đẹp như chiếc bình vẽ.
Nếu như người không còn dục nhiễm,
Trước sau không thể nào đắm say,
Cô muốn đến để đốt cháy tôi,
Như bướm tự lao vào ngọn lửa.
Tất cả những dục vọng độc hại,
Nay tôi đã trừ diệt đến cùng,
Năm dục đã xa lìa vắng bặt,
Lưới ma đã xé tọac không còn.
Tâm tôi như bầu trời trong sáng,
Tất cả không có gì vướng mắc,
Cho dù dục cõi trời xuất hiện,
Cũng không thể vấy nhiễm tâm tôi".

Còn trong Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Thà lấy dùi sắt nung lửa mà đâm vào mắt, chứ không vì nhìn đẹp mà dấy lên ý tưởng điên loạn". Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Tâm tánh của người nữ có lắm đố kỵ, vì nhân duyên này, người nữ sau khi chết phần nhiều sanh trong đường ngạ quỷ, tuy có lời nói tốt đẹp mà tâm giống như độc hại, biết nhiều cách dối gạt không thật có thể làm mê hoặc thế gian".

Thứ 3: Nói rõ về người nữ khó thân thiện mà đáng chán bỏ, cho nên trong kinh Ưu Điền Vương có kệ rằng:

"Người nữ thật là xấu xa nhất,
Khó thân thiết làm thành nhân duyên,
Ân ái một khi đã buộc lại,
Kéo người ta vào cửa tội lỗi".

Không những kéo con người đi vào đường ác, mà trong loài trời giảm rút rơi xuống cũng do người nữ làm cho mê hoặc. Vì vậy trong kinh Chánh Pháp Niệm có kệ rằng:

"Trong loài trời có nhiều ràng buộc,
Không có gì qua khỏi nữ sắc,
Người nữ ràng buộc đến chư Thiên,
Dẫn họ đi vào ba đường ác".

Còn trong luận Trí Độ nói: "Bồ tát quán xét về dục có các loại bất tịnh, ở trong các sự suy thóai thì suy thoái vì người nữ là nặng nhất; các loại thuộc về lửa-dao-sấm chớp-sét đánh-kẻ thù-rắn độc-, hãy còn có thể tạm thợi tiếp cận, nhưng người nữ bủn xỉn ganh tỵ, giận hờn nịnh nọt lẳng lơ xấu xa, đấu tranh tham lam đố kỵ, thì không thể thân cận. Vì vậy Đức Phật thuyết kệ rằng:

Thà lấy sắt nóng đó,
Lăn tròn trong đôi mắt,
Không dùng tâm tán loạn,
Liếc nhìn đến nữ sắc.
Mỉn cười tạo dáng vẻ,
Kiêu mạn của xấu hổ,
Quay mặt giấu ánh mắt,
Nói tốt ganh và giận,
Bước đi cố lẳng lơ,
Để mê hoặc lòng người,
Lưới dâm dục giăng khắp,
Mọi người đều lao vào.
Ngồi nằm và đi đứng,
Liếc mắt đầy quyến rũ,
Người ngu si cạn trí,
Làm cho tâm mê mẫn.
Cầm gươm xông vào giặc,
Thì hãy còn thắng được,
Nữ tặc làm hại người,
Thì không thể ngăn cản.
Rắn độc ngậm nọc độc,
Tay hãy còn bắt được,
Nữ tình mê hoặc người,
Thì không thể tiếp xúc".

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm có kệ rằng:

"Đừng kết giao cùng với người nữ,
Cũng chớ cùng chuyện trò với họ,
Người nào có năng lực lìa xa,
Thì lìa xa được tám nạn khổ".

Vì vậy trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử, Ni Kiền Tử nói kệ rằng:

"Vợ mình không cảm thấy thỏa mãn,
Thích hành dâm cùng phụ nữ khác,

Người này không có chút hổ thẹn,
Chịu đau khổ thường không có vui.
Đời hiện tại và đời vị lai,
Chịu đau khổ và bị ràng buộc,
Xả thân sanh vào chốn địa ngục,
Chịu đau khổ thường không có vui”.

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: “Thời Đức Phật tại thế, có một Bà-la-môn sanh được hai cô con gái, cả hai cô đều đoan chánh, mới cố tình trao vàng trên cao, trong 30 ngày chiêu mộ tìm người nào có năng lực chê trách con gái mình xấu xí, thì sẽ ban cho vàng. Cuối cũng không có ai nhận lời chiêu mộ, bèn dẫn đến chỗ Phật, Phật liền chê trách rằng: Hai cô gái này đều xấu xí không có một chút gì đẹp đẽ. A-nan thưa với Đức Phật rằng: Hai cô gái thật là xinh đẹp, mà Đức Phật nói là xấu xí, có gì không xinh đẹp? Đức Phật dạy: Mắt người không nhìn sắc đó là mặt đẹp, tai mũi miệng cũng như vậy. Thân không name theo mịn màng trơn bóng, đó là thân tốt đẹp. Tay không trộm cắp tiền bạc của người khác, đó là tay tốt đẹp. Nay quán sát hai cô gái này thì mắt nhìn sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, thân ưa trơn bóng mịn màng, tay thích lấy trộm tiền bạc, người như vậy đều không đẹp đẻ gì”.

Lại trong kinh Phật Thuyết Nhật Minh Bồ tát nói: “Bồ tát chỉ trích về pháp sắc dục, nữ sắc là gông xiềng của thế gian, phàm phu đam mê không thể nào tự rút ra được. Nữ sắc là tai họa nặng nề của thế gian, phàm phu mệt mỏi đến chết không tránh được. Nữ sắc là tai họa suy sụp của thế gian, phàm phu gặp phải thì không có tai ách không đến. Hành giả đã có thể xả bỏ, nếu lại chú ý đến nó, thì quả là từ lao ngục được thoát ra mà vẫn còn suy nghĩ vào lại, từ xằng bậy được ngay thẳng mà lại thích xằng bậy, từ bệnh tật được chữa lành lại suy nghĩ mang lấy bệnh tật. Người trí tức giận, biết kẻ xằng bậy mà ngã xuống thì ngày nào cũng chết rồi. Phàm phu coi trọng sắc đẹp cam chịu làm thân nô bộc, suốt đời rong ruổi thật là vất vả cực nhọc, cho dù dao gươm chặt nát thân hình – tên bay đạn lạc cùng lúc lao đến, vẫn cam tâm chịu đựng không cho là tai họa, người điên cuống thích điên cuống không phải là quá đáng. Hành giả nếu có năng lực từ bỏ không chú ý đến nữa, vậy thì phá gông cởi xiềng – ghét điên chán bệnh, lìa xa tai họa suy sụp, đã yên ổn mà lại tốt lành, được thoát khỏi lao ngục vĩnh viễn không cón hoạn nạn ràng buộc cuộc đời mình. Tướng của người nữ thì lời nói của họ giống như mật ngọt, mà tâm tư của họ thì như chất độc; ví như vực nước sâu trong vắt lặng lờ tựa gương soi mà có giao long cư trú, núi

vàng hang báu mà chính là nơi sư tử ẩn mình. Nên biết sự tai hại này không thể tiếp cận dù chỉ là chốc lát. Gia đình bất hòa bởi vì người phụ nữ, làm bại hoại tông môn họ hàng chính là tội lỗi của người phụ nữ, thật sự là kẻ ngấm ngầm huy diệt người trí tuệ sáng suốt, cũng chính là vòng vây của thợ săn ít có loài nào thoát ra được. Ví như lưới giăng trên cao bầy chim rơi xuống thì không thể nào vẫy cánh bay lên được. Lại như mạng lưới dày bầy cá lao vào thì bị mổ ruột chặt vi. Cũng như hầm tối không có mắt lao vào, giống như con thiêu thân lao vào ngọn lửa. Vì vậy người trí biết mà tránh xa, không nhận chịu cái hại dữ dằn mà lại bẩn thỉu, không bị vật này làm cho mê hoặc tâm tư".

Còn trong Kinh Phật Bát Nê Hoàn nói: "Đức Phật bảo với Nại Nữ: Người đam mê tà dâm có năm điều tự mình gây trở ngại: 1- Nhiều tai tiếng không tốt; 2- Vương pháp làm cho đau khổ; 3- Lòng luôn đa nghi; 4- Chết vào địa ngục; 5- Tội địa ngục chấm dứt nhận chịu hình hài súc sanh. Tất cả đều do tội lỗi đã gây nên. Người có thể tự diệt trừ tâm không còn tà dâm có năm điều tăng thêm phước thiện: 1- Nhiều người ca ngợi; 2- Không sợ quan quyền; 3- Thân được yên ổn; 4- Chết sanh lên cõi trời; 5- Thuận theo ý thanh tịnh đạt đến đạo Nê hoàn".

***Thứ Ba:* Gian Ngụy.**

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có chàng trai đoan chánh con nhà họ lớn, dùng vàng làm tượng cô gái mà nói với cha mẹ rằng: Có cô gái nào giống như vậy, thì con mới chịu lấy. Lúc ấy ở nước khác có cô gái, dung mạo cũng đoan chánh, cũng làm một chàng trai bằng vàng, thưa với cha mẹ rằng: Có chàng trai như vậy, con mới chịu lấy làm chồng. Cha mẹ đều nghe liền đi xa tìm người thích hợp. Lúc ấy Quốc Vương cầm gương tự soi mình, nói với quần thần rằng: Người trong thiện hạ có ai có mặt mày giống như Ta không? Các quan thưa rằng: hạ thần nghe nước kia có chàng trai đoan chánh không gì sánh được, vậy nhà vua lập tức sai sứ giả mời đến. Sứ giả đến nói cho biết rằng: Nhà vua muốn gặp Hiền giả! Tức thì ngựa xa nghiêm trang theo xứ giả lên đường rồi tự nghĩ: Nhà vua cho mình hiểu biết thông suốt nên gọi đến để xem tướng đây. Thế là quay lại lấy sách mà thấy vợ cùng với tôi tớ làm chuyện gian dâm, trong lòng buồn bã that vọng vô cùng, làm cho tinh thần sa sút, nhan sắc suy sụp xấu xí. Các quan thấy như vậy, nói là vì đi đường mà gầy ốm mệt mỏi, lặng lẽ buộc ngựa vào trong chuồng không nói gì. Đêm đến vào trong chuồng ngựa thấy Đại phu nhân chính thức của nhà vua cùng với tôi tớ giữ ngựa lén lút hành dâm. Trong lòng mới tự hiểu rằng: Đại phu nhân của nhà vua hãy còn làm chuyện như

vậy, huống gì là vợ mình! Ý hiểu rõ lòng bình thản nhan sắc trở lại như cũ, bèn cùng với nhà vua gặp nhau. Nhà vua hỏi: Vì sao dừng lại bên ngoài ba ngày? Đáp rằng: Hạ thần đến mà có điều quên, phải quay về lấy, mà thấy vợ mình cùng với tôi tớ làm chuyện gian dâm, ý tức giận nên nhan sắc thay đổi suy sụp, cho nên ở trong chuồng ngựa ba ngày, đêm đến thấy phu nhân chính thức của nhà vua đến cùng với tôi tớ giữ ngựa lén lút hành dâm, phu nhân hãy còn như vậy, huống hồ gì người khác! Ý hiểu rõ ràng nên nhan sắc trở lại như cũ. Nhà vua nói: Vợ ta hãy còn như vậy, huống gì người nữ bình thường! Cả hai người cùng từ bỏ, thế là đi vào trong núi, cạo bỏ râu tóc làm Sa môn, suy nghĩ người nữ không thể nào tin theo họ được, tinh tiến không lơi lỏng nên cùng đạt được đạo quả Bích chi Phật”.

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: “Xưa có người phụ nữ sanh được một bé gái, đoan chánh không gì sánh được. Năm mới ba tuổi, Quốc Vương mời Đạo nhân xem hướng đến xem, sau có thể làm phu nhân hay không? Đạo nhân trả lời nhà vua: Cô bé này có chồng, sau này nhà vua lấy được. Nhà vua nói:Ta nên giấu thật kỹ, há có thể sau này lấy được hay sao? Thế là gọi chim Hạc đến, hỏi rằng: Người ở nơi nào? Chim hạc thưa với nhà vua rằng: Tôi ở trên núi lớn, giữa bụng núi có cây, người và súc vật không đến được, bên dưới có dòng nước xoáy, thuyết bè không đi lại được. Nhà vua nói: Ta đem cô bé này nhờ người mang về nuôi nấng. Chim Hạc liền kẹp lấy mang đi, ngày ngày đến chỗ nhà vua, lấy cơm nước cho cô bé. Như vậy mãi về sau, phái trên có một toán lính bị nước cuốn trôi, có một cánh cây theo dòng nước chảy xuống dưới, có một chành trai ôm giữ được cành cây, trôi vào giữa dòng nước xoáy không sao thoát ra được. Trên bờ có cây Bồ đào, vút thẳng lên đứng dựa bên sườn núi. Chành trai tìm cách leo lên được trên cây của chim Hạc, cùng với cô gái tự nhiên hành dâm. Cô gái liền che giấu, chim Hạc cảm thấy thân thể cô gái năng hơn xem xét hai bên tìm được chàng trai, túm lấy mà quẳng đi. Như sự việc thưa với nhà vua, nhà vua nói: Trước đây Đạo nhân là người xem tướng thật chính xác. Sư nói: Con người có đôi từ kiếp trước thì không có khả năng nào chế ngự được, gặp nhau thành đôi thì có thể, súc sanh cũng như vậy”.

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: “Xưa có vị Quốc Vương bảo vệ người nữ rất chặt, phu nhân của nhà vua nói với Thái Tử rằng: Ta là mẹ của con, từ nhỏ đến nay không trông thấy cảnh vật trong đất nước, muốn được một lần đi ra ngoài, con có thể thưa với nhà vua! Như vậy đến ba lần, Thái tử thưa với nhà vua, nhà vua liền đồng ý. Thái tử tự

làm người đánh xe, quần thần ở hai bên đường kính cẩn đoán chào vái lạy. Phu nhân đưa tay vén màn để cho mọi người được trông thấy. Thái tử trông thấy người nữ mặt mày như vậy, liền giả bộ đau bụng mà trở về. Phu nhân nói rằng: Ta không có tướng mạo gì rồi. Thái tử tự nghĩ: Mẹ ta hãy còn làm như vậy, huống hồ người khác ư? Đêm đến liền phó thác đất nước cho quan phụ tướng ra đi tìm vào chốn núi rừng dạo chơi ngắm nhìn. Lúc ấy bên đường có cây lớn, phía dưới có dòng nước, Thái từ đi đến cây lớn trông thấy Phạm Chí, đi một mình vào trong hồ nước tắm gội, tắm xong ăn cơm làm phép thuật, nhả ra một chiếc bình, trong bình có cô gái, mang vật dụng ngăn che làm nhà ở, Phạm chí có thể nằm ngủ. Người con gái từ trong bụng nhả ra một chiếc bình, trong chiếc bình có chàng trai, lại cùng nằm ngủ với nhau. Ngũ dậy rồi nuốt chiếc bình vào bụng, trong chốc lát Phạm chí thức dậy rồi, lại đem cô vợ đặt vào trong chiếc bình, nuốt rồi cầm gậy mà đi. Thái Tử trở về nước thưa với nhà vua, mời Phạm chí và cá quan lại, làm bữa cơm cho ba người ăn, mang đặt sanh một bên. Phạm chí đã đến nói rằng tôi chỉ đến một mình. Thái tử nói: Này Phạm chí, ông nên đem vợ ra cùng ăn. Phạm chí bất đắc dĩ phải đem vợ ra. Thái tử nói: Này cô vợ, cô nên đem chồng ra cùng ăn. Như vậy đến ba lần, bất đắc dĩ phải đem chàng trai ra cùng ăn, ăn xong thì ra đi. Nhà vua hỏi Thái tử: Do đâu mà con biết được? Thái tử thưa rằng: Mẹ con đi xem đất nước mình, con làm người đánh xe, mẹ vén rèm đưa tay ra để cho mọi người trông thấy, con nghĩ là người nữ luôn luôn có nhiều ham muốn, thế là giả bộ đau bụng, trở về đi vào trong núi, trông thấy Phạm chí cất giữ vợ trong bụng, người nữ như vậy gian dâm không thể nào thỏa mãn. Mong Đại Vương tha cho người nữ trong cung tự do đi lại! Nhà vua ban lệnh cho hậu cung, người nào muốn đi thì được phép tùy theo chí hướng của mình mà đi. Sư nói: Trong thiên hạ không đáng tin tường, đó chính là người nữ".

Lại trong Kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: Xưa có bốn giòng họ, giấu kín vợ không để cho người khác trông thấy. Người vợ gặp người áo xanh, làm cho đất nhô cao lên cùng với chàng trai thị bạc thông dâm. Sau đó người chồng biết chuyện của vợ, người vợ nói: Tôi sống không tà hạnh, ông đừng nói xằng bậy. Người chồng nói: Tôi không tin lời cô, tôi sẽ dẫn cô đến cây thần mà lập lời thề. Người vợ nói: Hay lắm! Người chồng trì trai bảy ngày, bắt đầu vào căn phòng trì trai, người vợ bí mật nói với chàng trai thợ bạc: Chàng giả làm người điên cuồng bừa bãi, đến chợ gặp người thì ôm lấy, lôi kéo mà bỏ đi. Người chồng trì trai mãn hạn kỳ liền dẫn vợ ra ngoài. Người vợ nói: Tôi không trông thấy

chợ, ông dẫn tôi đi qua chợ. Chàng trai thợ bạc liền chạy đến ôm lấy, giả bộ điên cuồng nằm lăn trên đất. Người vợ thừa dịp kêu gào chồng mình: Vì sao để cho người ta ôm lấy tôi vậy? Người chồng nói: Đây là người điên, đâu cần phải nghi nhớ làm gì! Vợ chồng cùng đến chỗ cây thần mà rập đầu nói: Con từ lúc sinh ra không làm điều ác, chỉ vì người điên ôm lấy. Người vợ liền được sống, người chồng im lặng mà xấu hổ. Đức Phật dạy: Nên biết rằng tất cả người nữ đều gian trá như vậy, không thể nào tin tưởng được".

Còn trong Thập Tụng Luật nói:"Đức Phật an trú trong nước Xá Vệ, có một Bà-la-môn sanh được cô con gái, diện mạo xinh đẹp nhan sắc trong sáng, tên gọi là Diệu Quang. Thầy xem tướng đoán rằng: Cô gái này sau sẽ cùng với năm trăm người đàn ông chung đụng. Mọi người nghe rồi, năm cô gái 12 tuổi không có người nào cầu hôn. Lúc ấy Bà-la-môn có người khách buôn láng giềng, thường vào biển thu thập vật báu, người khách buôn này ở trên lầu từ xa trông thấy cô gái ấy, liền sanh lòng ham muốn, hỏi người khác rằng: Là con gái nhà ai vậy? Người ta trả lời là con gái của Bà-la-môn họ đó tên đó. Hỏi rằng có ai lấy chưa vậy? Trả lời rằng không có người nào cầu hôn. Hỏi rằng vì sao không có người nào cầu hôn vậy? Trả lời rằng: Cô gái này có một tội lỗi, thầy xem tướng đoán là cô gái này sau sẽ cùng với năm trăm người đàn ông chung đụng, vì lẽ đó không có người nào cầu hôn cả. Lúc ấy người khách buôn nghĩ rằng: Trừ Sa môn Thích tử ra, không có ai bước vào nhà mình. Thế là đến cầu lấy làm vợ. Cô gái đến nhà chưa bao lâu, người khách buôn kết bạn sắp đi vào trong biển, gọi người giữ cổng nói rằng: Ta sắp đi vào biển, không cho phép đàn ông khỏe mạnh ra vào nhà ta, ngoại trừ Sa môn Thích tử, đây là những người không có sai sót. Người giữ cổng đáp rằng: Vâng, đúng như vậy. Sau đó Sa môn vào nhà khất thực, cô gái này gặp rồi nói rằng: Hãy cùng em hành dục! Các Tỳ kheo không biết nên thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: Nhà này chắc chắn có điều trái với phạm hạnh, các thầy không nên đến nữa. Sau đó cô gái này mắc bệnh, vào đêm khuya thì mạng chung. Người trong nhà đó dùng đồ vật trang nghiêm, tất cả đặt vào nơi cô gái chết. Lúc ấy có năm trăm tên giặc, đi đến chỗ này, trông thấy cô gái chết như vậy, liền sanh tâm ham muốn, thế là tập trung mà hành dục. Cô gái này trước đó nói với Sa môn- Bà-la-môn, cùng với mình hành dục. Vì nhân duyên này cho nên đọa vào ác đạo, sanh làm con rồng dâm loạn ở phía Bắc nước ấy, tên gôi là Tỳ Ma Đạt Đa".

Chánh báo tụng rằng:

Tà dâm sanh vào chốn địa ngục,
Trèo lên núi dao rừng kiếm ấy,
Định sắt nóng đỏ nuốt vào miệng,
Nước đồng sôi tưới vào trong tim.
Rồng độc đạp tan tành xương tủy,
Chuột Kim cang gặm toạc âm căn,
Cột đồng cháy bỏng trèo lên xuống,
Giường sắt nằm siết chặt thịt da.

Tập báo tụng rằng:

Mê muội theo tình sắc dâm loạn,
Chịu khổ đau không có trong ngoài,
Nghiệp còn lại được làm thân người,
Tự vợ mình luôn phản bội mình.
Đôi bên thường ôm lòng ngờ vực,
Ai chụi dụng ý thuận theo tình,
Người có một chút tánh linh thiêng,
Lẽ nào có thể không hổ thẹn?

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 12 chuyện: 1- Thời nhà Hán có Đám Sanh kết hôn với người âm; 2- Thời nhà Tấnl Lư Sung kết hôn với người âm; 3- Thời nhà tấn ở Hà Nam có chàng trai cảm được cô gái sông lâi; 4- Thời nhà Tấn có Trương Thế Chi kết hôn với người âm; 5- Thời nhà Tấn có Bằng Mã Tử cảm được cô gái sống lại; 6- Thời nhà Tấn có Hoàn Đạo Mẫn cảm được vợ sống lại; 7- Thời nhà Tống có Hán bá Tử cùng bạn chỉ vào tượng nữ trong miếu mà kết hôn với người âm; 8- Thời nhà Tống có người ở vùng Hoằng Nông cảm được kết hôn với người âm; 9- Thời nhà Tề có Vương Hoán ganh ghét giết chết người thiếp bị báo ứng sâu xa; 10- Thời nhà Tề có Trần Thị ganh ghét làm hại con của người vợ trước mà bị báo ứng sâu xa; 11- Thời nhà Đường có Vương Chí ở Kì Châu kết hôn với người âm; 12- Thời nhà Đường có người họ Vi nước Ấn phạm vào lời thề vụng trộm với người khác mà bị báo ứng sâu xa.

1/ Thời nhà Hán có Đàm Sanh, năm 40 tuổi mà không có vợ, thường cảm kích đọc kinh sách suốt đêm không ngủ. Đến lúc nửa đêm, có một cô gái đẹp tuổi chừng 15-16, dung mạo nhan sắc-quần áo trang điểm thiên hạ không ai sánh bằng. Đi đến cạnh Đàm Sanh, mong được làm vợ chồng, nói rằng: Thiếp không cùng với người chung đêm, chàng cần thận đừng để ánh nên chiếu vào thiếp, đến ba năm sau mới có thể soi sáng được đấy. Đàm Sanh cùng trở thành vợ chồng sanh được một

người con, đã hai tuổi rồi. Không thể nào chịu đựng được sự tò mò nên đêm tối chờ khi vị ngủ, liền trộm soi đèn nhìn vợ ngủ. Thấy vợ mình từ eo long trở xuống thì da thịt như người, từ eo lưng trở lên chỉ toàn là xương khô. Người vợ thức giấc liền bỏ đi, nói rằng chàng phụ tình thiếp, thiếp đã gần thay đổi thân hình, sao không có thể chịu đựng thêm một năm nữa, mà lại tự mình soi đèn xem xét như vậy? Từ tạ với Đàm Sanh mà đau lòng rơi nước mắt không thể nào ngăn lại được, nói rằng: cùng với chàng tuy là nghĩa hớn, nhưng nay sắp biệt ly, mà nhớ đến con của thiếp, sợ chàng nghèo không thể nào tự mình xoay xở được cuộc sống, tạm thời đi theo thiếp tìm vật còn để lại cho chàng. Đàm Sanh đi theo vào gian phòng hoa lệ sáng rực, đồ vật không phải bình thường, thế là lấy cái chăn quý báu trao cho và nói: Có thể tự cung cấp cho mình. Liền xé lấy vạt áo của Đàm Sanh giữ lại rồi từ biệt mà đi. Sau đó Đàm Sanh mang cái chăn đến chợ bán lấy tiền sinh sống. Tuy Dương Vương mua lấy, số tiền trị giá ngàn vạn. Vương nhận ra cái chăn và nói: Đây là các chăn của con gái ta, làm sao có thể ở nơi chợ, người này chắc chắn đã đào mộ con gái ta. Thế là bắt Đàm Sanh để xét hỏi, Đàm Sanh đem tất cả sự thật mà trả lời. Vương hãy còn không tin, bèn đến xem xét phần mộ con gái, phần mộ vẫn hoàn toàn như cũ, thế là mở ra xem, quả nhiên ở dưới nắp quan tài có cái vạt áo. Gọi đứa bé đến nhìn, dung mạo giống như con gái của Vương, lúc ấy Vương mới tin, liền thả Đàn Sanh trở về, nhận làm con rể của mình, sắp xếp cho con của Đàm Sanh làm chức Lang trung.

(Chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.)

2/ Thời nhà Tấn có Lư Sung là người vùng Phạm Dương, cách nhà 30 dặm về phía Tây có phần mộ của Tôi Thiếu Phủ. Lúc 20 tuổi, một ngày trước tiết Đông Chí, ra khỏi nhà đi về phía Tây dạo chơi sấn bắn, thấy có một con hoẵng liền nhắm bắn, bắn trúng thân con hoẵng ngã xuống mà lại đứng dậy chạy tiếp. Lư Sung bước đuổi theo, bất chợt đi xa không hay, bỗng nhiên thấy phía Bắc đường trong khoảng một dặm, bốn phía là nhà ngói giống như chốn quan phủ, không còn thấy con hoẵng đâu nữa. Đến giữa cổng có một cái chuông treo thòng xuống trước mặt khách, lại có một người cầm một bộ quần áo mới nói rằng: Phủ quân đem áo quần này đến đón lang quân. Lư Sung liền lấy mặc vào để tiến bước gặp mặt Thiếu phủ. Nói cho Lư Sung biết rằng: Phủ quân tôn quý không dùng kẻ tôi tớ nông cạn, gần đây được thư của anh, tìm tiểu nữ để kết hôn, cho nên đón tiếp nhau mà thôi. Liền đưa thư cho Lư Sung xem. Lúc cha Lư Sung mất, Lư Sung tuy còn bé nhưng đã biết

bút tích của cha, thế là nức nở không thể nào thoái thác được. Họ Thôi liền báo trong nhà biết Lư Lang đã đến, nhân tiện có thể khiến nữ lang trang nghiêm đến hành lang phía Đông. Đến hoàng hôn thì bên trong thưa rằng nữ lang đã trang nghiêm xong. Họ Thôi nói với Lư Sung: Anh hãy đến hành lang phía Đông. Đã đến hành lang, người phụ nữ đã xuống xe, đứng trước bàn tiệc, liền vái chào nhau. Lúc ấy làm đồ ăn thức uống cung cấp trong ba ngày, ba ngày trôi qua bèn nói với Lư Sung rằng: Anh có thể quay về, nếu cô gái có tướng sanh con trai, thì sẽ đi lại với nhau, sanh con gái thì sẽ tự mình giữ lại nuôi dưỡng. Báo cho bên ngoài chuan bị xe đưa tiễn khách. Lư Sung liền chia tay mà ra ngoài. Họ đưa tiễn đến giữa cổng nắm tay rơi nước mắt. Ra ngoài cổng thấy chỉ có một cỗ xe do trâu xanh kéo. Lại thấy nơi ban đầu mặc áo quần và cung tên, vốn ở bên ngoài cổng. Lát sau sai người chuyển lời, đem một người cầm bộ áo quần, trao cho Lư Sung và hỏi nhau rằng: Duyên vợ chồng bắt đầu như vậy, biệt ly thật sầu thảm khôn nguôi, nay trao cho một bộ áo quần, một bộ chăn gối tự mau. Lư Sung liền lên xe ra đi, chạy nhanh như chớp vút qua, chốc lát về đến nhà. Mẹ hỏi nguyên cớ sự việc, Lư Sung đem tất cả sự việc mà trả lời mẹ. Cách 4 năm sau vào ngày 3 tháng 3, Lư Sung đến bên sông chơi đùa, bỗng thấy bên cạnh dòng sông có một cỗ xe lúc chìm lúc nổi,, lát sau lên bờ, bốn phía đều trông thấy, mà Lư Sung đi đến mở cửa phía sau cỗ xe ấy, thấy con gái họ Thôi cùng bé trai 4 tuổi đang ngồi trên xe. Cô gái ẳm đứa bé để trao cho Lư Sung, lại trao cho cái bát vàng chia tay, đồng thời tặng một bài thơ rằng:

Thể chất linh chi sáng rực rỡ,
Cảnh vật tươi đẹp thật lạ kỳ,
Nụ hoa đang lúc xòe cánh nở,
Tụ hội bày tỏ nét thần kỳ.
Nghiền ngẫm chưa đến chỗ tài hoa,
Giữa mùa Hạ sương giăng trắng xóa,
Vinh quang mãi nỏi thầm lặng,
Đường đời vĩnh viễn không còn cách.
Không hiểu rõ âm dương xoay vần,
Người hiểu biết bỗng lễ vật,
Lúc này cùng giã biệt về sau,
Đến lúc nào ta lại gặp nhau!

Lư Sung nhận con – bát vàng của thi xong, cô gái và chiếc xe bỗng nhiên không thấy nữa. Về sau Lư Sung ngồi xe đến chợ bán chiếc bát vàng, hy vọng có người nhận biết. Có một người hầu gái nhận ra

chiếc bát vàng này, trở về thưa với mọi người rằng: Trong chợ thấy một người ngồi xe bán chiếc bát vàng trong quan tài của Thôi nữ lang. Bà lớn trong nhà lúc bấy giờ chính là dì ruột của họ Thôi, sai con đến xem sao. Quả nhiên đúng như người hầu gái nói, bèn lên xe nói rõ tên họ của mình, nói cho Lư Sung biết rằng: Xưa chị của dì tôi còn trẻ mà chết, trong gia đình thân thích đau đớn vô cùng, tẩng một chiếc bát vàng đặt trong quan tài, ánh có thể nói cho biết đầu đuôi có được chiếc bát vàng! Lư Sung đem sự việc mà kể rõ ràng, chàng trai cũng nuốt lệ xót xa, liền ôm chiếc bát vàng trở về thưa với mẹ, bà mẹ liền khiến Lư Sung về nhà đón con trở lại, nà con thân thích đều quy tụ, đứa bé có hình dáng của Thôi Thị, lại có diện mạo tựa như Lư Sung. Đứa bé và chiếc bát vàng đều nghiệm đúng. Bà dì nói: Đây là cháu ngoại, con của chị gái ta đây. Liền đặt tên là Ôn Hưu. Ôn Hưu ấy chính là U Hôn, tức là kết hôn với người đã chết vậy. Đứa bé lớn lên Thái thú của quận. Con cháu học hành đỗ đạt kế thừa nhau cho đến ngày nay. Về sau gây dựng nên tên là Tử Cán, có tiếng khắp thiên hạ.

(Chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.)

3/ Thời Tấn Vũ Đế, ở quận Hà Gian có đôi trai gái, yêu thương nhau và hứa hẹn sẽ làm vợ chồng với nhau. Sau đó chàng trai tòng quân nhiều năm, cha mẹ đem cô gái gả cho người khác, không bao lâu ưa sầu mà chết. Chàng trai trở về đau xót vô cùng, bèn đến bên ngôi mộ, mới khóc nức nở kể rõ nỗi thương xót, đã vậy không kềm nổi tình cảm, liền mở ngôi mộ bật nắp quan tài lập tức sống lại. Nhân đó cũng về nhà chăm sóc mấy ngày thì bình phục. Chồng cô gái bèn đến cầu xin, chàng trai không đồng ý mà nói rằng: Vợ ông đã chết, thiên hạ há nghe người chết có thể sống lại chăng? Cô gái này trời ban cho tôi chứ không phải là vợ ông. Thế là kiện tụng lẫn nhau, quận huyện không làm sao giải quyết được, chuyển đến Đình Uy giải quyết. Đình Uy tâu bày vô cùng chân thành, vì cảm động đến trời đất cho nên chết mà sống lại, chuyện này nằm ngoài lý lẽ thông thường, không phải là cách giải quyết của lễ nghi, không phải là cách xét đoàn của hình phạt, mà nhất định là thuộc về người khai quật phần mộ.

(Chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.)

4/ Thời nhà Tấn có Thái thú Vũ đô là Lý Trọng Văn, lúc đang ở quận thì cô con gái mới 18 tuổi qua đời, tạm thời mai táng ở phía Bắc thành của quận. Có Trương Thế Chi tạm thay lo việc trong quận, con trai của Thế Chi tên là Tử Trường, tuổi vừa 20 đi theo hầu hạ ở lại trong chuồng ngựa, mộng thấy một cô gái tuổi chừng 17-18, nhan sắc không

bình thường, tự nói là con gái của phủ quân trước đây, không may mất sớm, nay gặp gỡ thì sẽ sống lại, lòng yêu thích nhau cho nên đến gặp nhau. Như vậy 5-6 đêm liền, bỗng nhiên gặp giữa ban ngày, áo quần ướp hương tuyệt vời vô cùng, thế là làm vợ chồng ngủ với nhau, áo quần đều có vết bẩn, như là gái trinh vậy. Sau đó Trọng Văn sai người hầu gái coi sóc phần mộ cô con gái, nhân tiện đi qua chỗ Thế Chi, người vợ tự mình nghe thấy đi vào trong chuồng ngựa, trông thấy một chiếc giày của cô gái này nằm dưới gường của Tử Trường, lấy xem mà khóc nức nở, gọi to rằng: Mở phần mộ ra xem. Cầm chiếc giày quay về đưa cho Trọng Văn xem. Trọng Văn kinh ngạc, sai người hỏi Thế Chi: Con trai ông vì sao có được chiếc giày của con gái đã chết của tôi vậy? Thế Chi gọi con đến hỏi, chàng trai trình bày đầy đủ đầu đuôi sự việc, họ Lý và họ Trương đều nói là thật kỳ quái, mở quan tài ra xem, thấy thân thể của cô con gái đã sanh da thịt, dung mạo nhan sắc như xưa, chân phải có giày mà chân trái không có. Từ đó về sau thì chết, da thịt, dung mạo nhan sắc như xưa, chân phải có giày mà chân trái không có. Từ đó về sau thì chết, da thịt nát rữa không sống lại được. Trong lòng hối hận vô cùng không làm sao nói được điều gì, rơi nước mắt mà từ biệt.

5/ Thời nhà Tấn ở vùng Đông Bình có Bằng Hiếu Tương, làm Thái thú Quảng Châu, có cậu con trai tên là Mã Tử, tuổi hơn 20, nằm ngủ một mình trong chuồng ngựa, đêm mộng thấy cô gái tuổi chừng 18-19, nói mình là con gái của Từ Huyền Phương – Thái thú Bắc Hải trước đây, không may mất sớm, từ khi mất đến nay khoảng chừng 4 năm, bị quỷ giết oan, người chịu trách nhiệm điều tra vụ án ghi chép hơn 80 lần, xem xét phán quyết tôi được sống lại, cần phải có Mã Tử để nương tựa mới có thể sống lại, cũng nên làm vợ với chàng, có thể đi theo mà phó thác được cứu sống chăng? Mã Tử trả lời rằng: Có thể như vậy, cùng với Mã Tử hẹn đến thời hạn sẽ xuất hiện. Đến ngày hẹn thì đầu tóc xuất hiện trước giường, đúng là trải bằng cùng với mặt đất, khiến người quét sạch đi, càng rõ ràng hơn. Mới tỉnh giấc thì thấy người đã mộng, liền bảo người xung quanh tránh đi chỗ khác, thế là dần dần hiện ra cái trán, tiếp đến đồ trang sức trên đầu hiện ra, chốc lát hình hài thân thể bỗng xuất hiện. Mã Tử bèn bảo ngồi đối diện trên giường, nói năng bày tỏ vô cùng kỳ diệu, liền cùng với Mã Tử ngủ chung, luôn luôn nhắc nhủ rằng: Thiếp hãy còn hư huyễn nên tự mình hạn chế. Hỏi: Lúc nào có thể xuất hiện? Đáp rằng: Xuất hiện sẽ được sống lại như ngày xưa, nhưng ngày sanh hãy còn chưa đến. Liền đi vào trong chuồng ngựa. âm thanh nói năng mọi người đều nghe thấy, cô gái tính đến ngày sinh. Cô gái bày

cho Mã Tử đủ mọi phương pháp nuôi dưỡng khi sinh ra, nói xong chào mà ra đi Mã Tử nghe theo lời dặn ấy, đến ngày lấy một còn gà trống đỏ - một bát cơm, một bình rượu trắng, tế lễ ở trước chỗ cô gái mất, cách chuồng ngựa mười mấy bước. Cúng lễ xong đào đất cỗ quan tài xuất hiện, mở ra thấy thân thể cô gái hoàn toàn như xưa, từ từ ẵm ra đặt giựa tấm chăn trong lều, nhưng dưới phần ngực hơi ấm và miệng có hơi thở, khiến 4 người hầu gái trông nom nuôi dưỡng giữ gìn cẩn thận, thường dùng nước sữa dê nhỏ vào hai mắt của cô gái. Bắt đầu mở miệng có thể nuốt cháo, lâu dần có thể nói năng được, trong 200 ngày thì nắm gậy chống đi được. Sau một năm tròn thì da thịt nhan sắc và sức lực đều trở lại bình thường. Bèn sai người báo tin cho nhà họ Từ biết lớn nhỏ đều đến, chọn ngày lành tháng tốt làm lễ, kết thân làm vợ chồng. Sau sanh được hai trai một gái, con trai lớn lên là Nguyên Khánh, đầu thời Tấn Vĩnh Gia làm quan đến chức Bí thư lang trung; con trai nhỏ tên là Kính Độ, làm Thái truyền duyện; cô con gái lấy chồng là Lưu Tử Ngạn ở Tế Nam, cháu nhiều đời của Trưng Sĩ.

(Hai chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.)

6/ Thời nhà Tấn có Hoàn Đọa Mẫn, là người nước Tiêu. Năm thứ 4 thời tấn Long An thì mất vợ, Đạo Mẫn băn khoăn về việc nhà rất sâu nặng, đau lòng thương nhớ không nguôi. Năm ấy vào một đêm mới ngủ, thấy trước bức bình phong có tay người, kinh hãi ngồi dậy cầm đuốc soi sáng phía ngoài bức bình phong, thì chính là vợ mình. Hình dáng dung mạo trang điểm đầy đủ như lúc còn sống, Đạo Mẫn không hề sợ hãi, liền dẫn vào cùng nằm ngủ, chuyện trò qua lại mọi chuyện còn mất. Đạo Mẫn nói: Từ ngày nàng mất đến nay lúc đầu không có tin hiện tượng gì cả, đêm nay sao có thể bỗng nhiên trở về? Đáp rằng: Muốn trở về vô cùng, nhưng đạo lý của con người và thần linh khác nhau, mỗi nơi đều có sự quản lý thuộc về nơi ấy, không biết cách vào tự tùy ý mình được. Lúc sống làm dâu không có tội lỗi gì khác, đích thực là luôn luôn ngờ vực chàng thương yêu kẻ tôi tớ hầu hạ, bởi vì lòng đố kỵ này mà nhận chịu báo ứng địa ngục, mới được thoát ra khỏi nơi ấy, nay sẽ được sống lại làm người, cho nên đến chia tay cùng với chàng. Đaô Mẫn hỏi: Sẽ sanh ở nơi nào, có thể tìm biết nhau được hay không? Đáp rằng: Chỉ biết là sẽ đầu thai, nhưng không biết là ở nơi nào, một khi làm người thế gian, không thể nào biết được mạng đời trước, làm sao tìm kiếm nhau được? Đến trời sáng giã từ ra đi, rơi nước mắt mà chia tay. Đạo Mẫn tiễn đưa đến sau hành lang mấy bước mà quay về, đã vậy mà còn sợ hãi hoảng hốt đến nhiều ngày sau.

7/ Trong thời Tống Hàm Ninh, có Thái thường khanh Hàn Bá Tử, Nội sử Cối Kê Vương Uẩn Tử, Quang lộc đại phu Lưu Đam Tử, cùng dạo qua ngôi miếu ở vùng Tưởng Sơn, trong ngôi miếu có mấy bức tượng đàn bà rất đoan chánh. Những người ấy do giấc mộng chỉ ra thích hợp vô cùng, bèn theo đến hỏi lẫn nhau, mà quả nhiên đều có như giấc mộng này, phù hợp giống như nhau, thế là rất sợ hãi, chuẩn bị bò-dê-lợn đến miếu cúng tế xin nhận lỗi. Lại cùng mộng thấy Tưởng Hầu đích thân đến và nói rằng: Các ông đã vì lòng tham mà thật sự chú ý đến, nay đối với hạn kỳ sắp đến, há cho phép đôi bên lại giữa chừng hối hận hay sao? Trải qua không bao lâu cả ba người đều chết.

(Chuyện trên đây trích từ Chí Quái Truyện.)

8/ Thời nhà Tống có người ở xóm Dương Thủ – xã Đồng vùng Hoa Âm – Hoằng Nông, uống được 8 thạch nước của thần tiên, trở thành Hà bá. U Minh Lục nói: Phía Nam huyện Dư Hàng có thượng nguồn của sông Tương, phần giữa sông Tương làm bờ đê, có một người cưỡi ngựa đi xem, dẫn theo 3-4 người đến thôn Sầm uống rượu, một lúc thì say đến chiều mới quay về. Lúc ấy nóng nực, vì vậy xuống ngựa vào trong nước gối đầu trên đá nằm ngủ, con ngựa bứt dây chạy về, người đi theo lại cùng đi theo ngựa, đến chiều không trở lại. Tỉnh ngủ thì mặt trời đã gần lặn, không thấy người và ngựa đâu cả, thấy một cô gái đi đến, tuổi chừng 16-17, nói rằng: Nữ lang mời đến nhà, ngày đã gần chiều, nơi này thật đáng sợ, chàng làm cách nào? Hỏi rằng: Nữ lang họ gì, sao bỗng nhiên đến hỏi thăm nhau? Lại có một cậu bé tuổi chừng 13-14, rất nhanh nhẹn ngồi trên cỗ xe mới, sau xe có hai mươi người đi đến, gọi người mau lên xe rằng: Đại nhân tạm thời muốn gặp nhau. Nhân đó quay xe đi. Giữa đường gặp trạm dừng chân, lấy nắm tìm đường đi vào thành, xe đến liền tiến vào thành, đi vào phòng lớn phía trên có cờ phướn báo tin, đề rằng Hà Bá Tín. Thấy một người tuổi hơn 30, dung nhan như bức tranh, thị vệ rất đông, gặp mặt nhau rất vui vẻ, truyền lệnh bày rượu thịt và nói rằng: Kẻ tôi tớ có cô con gái rất thông minh, muốn đem trao cho anh làm người quét dọn. Người này biết là thần linh, tôn kính sợ hãi không dám làm trái. Liền truyền lệnh chuẩn bị chu đáo khiến đến trong phòng kết hôn. Nhận lời trình bày đã xong, chuyển đến các thứ áo quần toàn bằng lụa là gấm vóc và giày dép, tất cả đều vô cùng tốt đẹp. Lại cung cvấp cho 10 quan nhỏ và mấy chục người áo xanh. Cô gái tuổi khoảng 18-19, hình dung và dung nhan dịu dàng quyến rũ, thế là thành tựu. Ba ngày sau thết đãi rất long trọng, khách đến chào mừng thật đông. Bốn ngày nói rằng lễ nghi đã có hạn

định, nên tiễn đưa lên đường. Cô gái lấy cái âu bằng vàng và chiếc túi xạ hương đưa cho chồng mà rơi nước mắt trước lúc phân ly. Lại dưa cho 10 vạn đồng tiền và ba quyển sách thuốc chữa bệnh, nói rằng: Có thể làm việc lớn tạo ân đức cho mọi người. Lại nói: 10 năm sau sẽ gặp lại nhau. Người này trở về nhà, cứ thế không chịu kết hôn với người nào khác, từ biệt người thân xuất gia làm Đạo nhân. Có được 3 quyển sách thuốc chữa bệnh, một quyển là nói về hoàn phương, đi khắp nơi cứu chữa bệnh tật đều rất thần nghiệm. Sau mẹ già yếu mà anh trai qua đời, vì vậy trở về kết hôn và ra làm quan.

(Chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.)

9/ Thời nhà Tề có Lang Từ Vương Hoán, làm quan nhà Tề đến chức Thương thư tả bộc xa rất tin kinh Phật, mà lòng đố kỵ rất sâu nặng, thường quên mất ý niệm rộng lượng tha thứ. Đã từng ở trong trai phòng khiến ái thiếp cắt xén ria mép, bỗn nhiên có con quạ ngậm đóa mai vàng bay qua sân nhà mà rơi xuống, Vương Hoán nghi ngờ người thiếp có bí mật hẹn hò ném quả để báo tin, liền sai tôi tớ ra ngoài quan sát, gặp phải một người đến gần hàng rào lén lút đi lại, tôi tớ liền đi đến bắt lại, nhưng người này nói có vẻ tức giận ruồng rã, bèn giật tay bỏ chạy. Tôi tớ trở về thưa lại sự việc, Vương Hoán càng cho là có thật, tra hỏi rất kỹ càng. Người thiếp tự mình trình bày rõ ràng, rốt cuộc không điều tra, liền sai đem xuống bậc thềm đánh chết. Người thiếp cởi áo thề rằng: Hôm nay tôi chết, thật là oan ức vô cùng, nếu có đạo lý trời người, thì sẽ làm cho quan phủ biết. Từ đó về sau nhiều lần thấy người thiếp đến kêu oan. Không lâu sau ra làm Thứ sử Ung Châu, tánh tình dần dần điên cuồng lạ lùng, giống như có chứng cứ vậy, vô cớ đánh giết những quan lại dưới quyền. Trưởng sử Lưu Hưng Tổ vu cho tội muốn làm phản, bị Ngự sử trung thừa Khổng Trĩ Khui tâu trình, Thế Tổ sai Trung thư xá nhân Lữ Văn Hiển thẳng thắn cùng tướng quân Tào Đạo Cương, chỉ huy quân đội nhà Tề bắt giữ Vương Hoán. Con trai Vương Hoán là Vương Bưu vốn có tiếng hung tàn ngang ngược, cùng với con rể là Ân Duệ, liền khuyên Vương Hoán rằng: Bọn Tào-Lữ đang đến, không thấy sắc lệnh xác thực, sợ rằng chỉ là gian thần làm biến loạn, sự việc nên ghi chép lại để tâu trình lên quan trên. Vương Hoán tiếp nhận, lập tức bố trí hơn ngàn người, binh khí đầy đủ đóng cổng chống giữ. Vương Bưu tức thì xông ra đánh nhau với quan quân, Vương Bưu thất bại bèn bỏ chạy. Trưởng sử vùng Ninh Man là Bùi Thúc Nghiệp, từ trong thành chỉ huy quân lính, tiến đánh chém chết Vương Hoán. Người lúc ấy cho rằng người thiếp báo thù vậy.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

10/ Thời nhà Tống ở vùng Đông Hải có Từ Mỗ Giáp, vợ trước là Hứa Thị, sanh được một cậu con trai tên là Thiết Cữu. Nhưng rồi Hứa Thị qua đời, Mỗ Giáp lấy vợ khác là Trần Thị. Trần Thị hung ác bạo ngược tìm cách diệt trừ Thiết Cựu. Trần Thị sanh được một cậu con trai tên là Thiết Chử, sanh ra mà nguyền rằng: Nếu con không loại trừ Thiết Cữu, thì không phải con ta. Vì vậy mà gọi tên là Thiết chử, muốn lấy chày sắt giã vào cối sắt ấy mà. Thế là đánh đập Thiết Cữu, đủ mọi cách khổ đau ác hiểm đói không cho ăn, lạnh không cho thêm áo. Tánh tình của Mỗ Giáp vụng về kém cỏi, lại phần nhiều vắng nhà, người vợ sau tự mình tùy ý hành hạ thật tàn bạo. Thiết Cữu cuối cùng vì Trần Thị giam đói và đánh đập đau đớn mà chết, lúc ấy tuổi mới 16. sau khi qua đời hơn một tuần, quỷ bỗng nhiên trở về nhà, bước lên giường của Trần Thị mà nói rằng: Ta là Thiết Cữu, thật sự không có tội lỗi gì mà bỗng nhiên bị tàn hại, mẹ ta kêu oan lên đến trời, nay được Thiên tào cho phép đến bắt Thiết Chử, sẽ làm cho Thiết Chử gặp phải tật bệnh giống như lúc ta gặp đau khổ, mang đi tự nhiên có hẹn ngày tháng, nay ta dừng lại đây chờ đợi. Tiếng nói giống như lúc còn sống, người nhà và khách bạn không thấy hình dáng nhưng đều nghe rõ tiếng nói đó. Thế là thường ở lại trên xà nhà chờ đợi. Trần Thị quỳ nhận lỗi đập vào mà để tổ chức cúng tế cầu xin tha thứ. Quỷ nói: Không cần phải như vậy, giam đói ta khiến cho chết, lẽ nào một bữa cơm này mà có thể đổi được tội lỗi hay sao? Trần Thị trong đêm trộm nói điều gì, quỷ liền nghiêm giọng nói rằng: Sao dám nói gì ta, nay ta sẽ làm gãy đòn dông nhà của ngươi. Liền có tiếng cưa, một cưa cũng rời xuống theo, bỗng nhiên có tiếng vang, giống như đòn dông thật sự đổ sập. Cả nhà chạy ra ngoài, cầm đèn đuốc soi sáng, cũng rõ ràng không có gì lạ. Quỷ lại mắng Thiết Chử rằng: Ngươi đã giết ta, ngồi yean trong nhà lấy làm vui sướng, ta sẽ đốt cháy nhà của ngươi. Lập tức thấy lửa nùng lên, khói lửa mịt mù trong ngoài khố đốn vô cùng, trong chốc lát tự nhiên tắt đi, mái tranh vẫn như cũ không thấy hư hoại chút nào. Ngày ngày cứ mắng nhiếc, có lúc lại ca rằng: Đào mận hoa nở sum sê, sương rơi làm gì được; đào mận kết trái trũi cành, sương lạnh sớm rơi rụng rồi! Tiếng ca thật là đau thong, tựa như là tự thong xót cho mình không được lớn lên vậy. Lúc ấy Thiết Chử mới 6 tuổi, quỷ đến thì mang bệnh, thân thể đau đớn mà bụng to, bệnh khí tăng lên trở ngại đến sự ăn uống, quỷ nhiều lần đánh đập, khắp nơi bầm tím, hơn tháng mà chết, quỷ cũng bặt tăm.

(Chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.)

11/ Năm thứ 3 thời Đường Khánh, ở huyện Kì Sơn – Kì Châu có Vương Chí nhậm chức huyện lệnh Ích Châu, được tin cha mất nên, trổ về quê nhà. Có cô gái chưa lấy chồng, diện mạo đoan chánh, chưa có gia đình mà chết dọc đường đi, dừng lại ở Miên Châu, khâm liệm và quàn quan tài tại dinh phủ, ở lại mấy tháng liền. Trong dinh phủ trước đây có người học trò, ở lại trong một căn phòng, đầu đêm thấy cô gái đã chết này đến và đi vào trong phòng, trang điểm xinh đẹp duyên , trình bày đầy đủ lễ nghi, ý muốn đến với nhau. Người học trò tiếp nhận, thân thiết bên nhau trải qua tháng trời. Cô gái trao cho người học trò một chiếc gương đồng và khăn đều một chiếc, có ý là sắp lên đường. Cô gái cùng với người học trò, bày tỏ tình cảm gắn bó đau thương mà từ biệt nhau. Người nhà tìm kiếm những vật này không có, sai người đi khắp các phòng tìm kiếm, tìm được từ trong phòng của người học trò, liền sai tả hữu trói và đánh đập người này, cho là lấy trộm. Người học trò trình bày đầy đủ, dừng lại miệng nói: Không những được vợ tặng cho vật này, mà còn để lại hai chiếc áo trên dưới cùng tôi từ biệt, giữ làm tín vật. Sai người mở quan tài kiểm tra, quả nhiên không có áo này, và thấy thân thể cô gái tựa như người chung sống hạnh phúc. Đã thấy hiện tượng này, liền sai người cởi trói, thân tình hỏi han người này rằng: Anh ở nơi nào? Đáp rằng: Vốn là người vùng Kì Châu, bởi vì đi theo cha nhậm chức ở phương Nam, cha mẹ đều qua đời nên tạm thời đi qua các châu huyện để học hỏi, không bao lâu sẽ quay về. Thế là cung cấp áo quần tiền bạc, thu xếp hành lý cùng trở về, lấy làm chồng cô gái, thương yêu rất sâu nặng. (Chuyện này được Tăng Pháp Vân chùa Tây Minh vốn quê ở Tử Châu nói đầy đủ như vậy).

12/ Trong thời Đường Vũ Đức, người nước Ấn họ Vi, cùng với một người đàn bà, thề thốt hẹn hò không phụ lòng nhau. Mấy năm liền nuông chiều có phần thay đổi, người đàn bà oán hận. Họ Vi sợ người ấy phản bội nên tự mình thắt cổ giết chết người ấy. Sau mấy ngày thân thể họ Vi ngứa ngáy khắp nơi, vì vậy phát bệnh lở lát mà chết. Vi Hiếu Hài nói rằng Hướng Lâm Vân, là anh họ của người ấy.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.)

Phần thứ bảy: VỌNG NGỮ

Phần này có 2 mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng

Thứ nhất: Thuật Ý

Nghĩ rằng bẩm thọ hình hài con người thế gian, gặp thời uế trược này; tiếp nhận bản chất thân thể giả tạm, cảnh thường làm hư vọng. Vì

thế vọng tưởng hư cấu, lòng thường mê hoặc, tâm cảnh trái ngược, nói ra đều giả. Trước mọi người dối trá mê hoặc, khiến người ta nhận thức sai lạc, làm cho muôn vàn khổ đau tranh nhau trói buộc, trăm mối ưu sầu thảy đều tụ tập. Gieo trồng nhân tố hư vọng, cảm lấy quả báo hèn hạ, địa ngục khổ đau vô cùng lại thêm nước sôi đỏ, mê mờ pháp tắc làm loạn chân lý thật sự đều do vọng ngữ mà ra.

***Thứ hai:* Dẫn Chứng.**

Như kệ trong kinh Chánh Pháp Niệm nói:

“Người vọng ngữ giảng giải nói năng,
Não hại đến tất cả chúng sanh,
Họ luôn luôn như trong tăm tối,
Có thân mạng cũng giống như chết.
Dao lời nói tự cắt lưỡi mình,
Làm sao lưỡi không bị rơi mất,
Nếu vọng ngữ giảng giải nói năng,
Thì mất hết công đức chân thật.
Nếu như người vọng ngữ nói năng,
Thì trong miệng có loài rắn độc,
Lưỡi dao dựng ở trong miệng họ,
Lửa nóng bốc lên trong miệng họ.
Chất độc trong miệng là chất độc,
Chất độc trên đất không phải độc,
Chất độc trong miệng hại chúng sanh,
Mạng sống kết thúc vào địa ngục.
Nếu như người vọng ngữ nói năng,
Tự trong miệng sinh ra máu mủ,
Bởi lưỡi này là ngục Nê lê,
Lưỡi này cũng như lửa hừng hực.
Nếu như người vọng ngữ dèm pha,
Thì người kia mau thành hèn hạ,
Bị những người tốt đều tránh xa,
Trời thần sẽ không che chở họ.
Thường ganh ghét đối với người khác,
Cùng với các chúng sanh xấu ác,
Tìm cách làm người khác phiền muộn,
Vì vậy sẽ bước vào địa ngục”.

Lại kệ trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói:

“Nếu như lại có người,

Thích sử dụng vọng ngữ,
Người này hiện đang chịu,
Miệng xấu- sắc thân xấu.
Lời nói tuy là thật,
Nhưng người không tin nhận,
Mọi người đều ghét bỏ,
Không thích trông thấy họ.
Đây gọi là quả báo,
Ác nghiệp đời hiện tại,
Xả thân mạng này rồi,
Rơi vào chốn địa ngục.
Nhận chịu nhiều khổ đau,
Đói khát cùng nóng bức,
Đây gọi là quả báo,
Ác nghiệp của đời sau.
Nếu được làm thân người,
Thì miệng không đầy đủ,
Lời nói tuy là thật,
Nhưng người không tin nhận.
Người trông thấy không thích,
Tuy giảng giải chánh pháp,
Nhưng người không thích nghe,
Chỉ là một người ác.
Bởi vì lực nhân duyên,
Tất cả vật ngoài thân,
Tiền của đều giảm bớt,
Do vậy chứng biết rõ,
Người tại nghiệp vọng ngữ,
Chịu khổ đau ba đời".

Lại trong kinh Thiền Bí Yếu nói: "Nếu có bốn chúng, ở trong Phật pháp bởi vì lợi dưỡng, cho nên tham cầu không thỏa mãn; vì thích danh tiếng, mà mượn danh nghĩa để làm điều xấu; thật sự không ngồi thiền, thân miệng phóng dật làm điều phóng dật, vì tham lợi dưỡng cho nên tự nói là mình ngồi thiền. Tỳ kheo như vậy phạm lỗi Thâu lan giá. Quá thời gian không nói tự mình không hối cải, trải qua trong một thời gian ngắn thì phạm vào tội mười ba tăng tàn. Nếu trải qua một ngày, cho đến hai ngày, nên biết rằng Tỳ kheo này là kẻ giặc giữa trời người, kẻ cầm đầu quỷ La sát, ắt phải rơi vào đường ác, phạm đến rất nhiều tội nặng.

Nếu Tỳ kheo - Tỳ kheo Ni, thật sự không thấy xương trắng, tự mình nói là thấy xương trắng, cho đến A na bát na, thì Tỳ kheo- Tỳ kheo Ni dối trá làm mê hoặc các hàng trời rồng quỷ thần... Hạng người xấu xa này, là chủng loại Ba Tuần, bởi vì vọng ngữ cho nên tự nói rằng, tôi đạt đến Bất tịnh quán, cho đến Đảnh pháp. Người vọng ngữ này, sau khi mạng chung nhanh như điện chớp mưa rơi, chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ, thọ mạng trải qua một kiếp. Từ địa ngục thoát ra rơi vào trong ngạ quỷ, trải qua tám ngàn năm ăn viên sắt nóng. Từ ngạ quỷ thoát ra rơi vào trong súc sanh, đời sống luôn luôn mang vác nặng nề chết rồi lại bị lột da xẻ thịt, trải qua năm trăm đời. Trở lại sanh trong loài người, đui điếc câm ngọng ốm yếu tàn tật và đủ mọi thứ bệnh; bởi vì lợi dưỡng mà vọng ngữ nên nhận chịu quả báo, trải qua đau khổ như vậy không thể nào nói hết".

Lại kệ trong kinh Chánh Pháp Niệm nói:

"Cam lộ cùng với những thuốc độc,
Đều ở trong lưỡi của con người,
Cam lộ là lời nói chân thật,
Vọng ngữ thì trở thành thuốc độc.
Nếu như người cần vị cam lộ,
Thì người ấy nói lời chân thật,
Nếu như người cần đến thuốc độc,
Thì người ấy nói lời vọng ngữ.
Thuốc độc không quyết định cái chết,
Vọng ngữ thì quyết định không sai,
Nếu như người nói lời vọng ngữ,
Thì họ phải nói là người chết.
Vọng ngữ không lợi ích cho mình,
Cũng không lợi ích cho người khác,
Nếu như mình và người không vui,
Tại sao phải nói lời vọng ngữ?
Nếu như người xấu xa phân biệt,
Vui thích những lời vọng ngữ,
Chết rơi vào trong lửa và dao,
Phải chịu những khổ não như thế.
Thuốc độc làm hại tuy rất dữ,
Nhưng chỉ có thể giết một thân,
Quả báo của ác nghiệp vọng ngữ,
Làm cho trăm ngàn thân bị hoại".

Lại trong kinh Phật thuyết Tu Lại nói: “Đức Phật dạy: Nói đến vọng ngôn, đó chính là tự lừa dối mình và cũng lừa dối người khác. Vọng ngôn là khiến cho con người xấu xa, trong lòng ngoài miệng không xác thực, khiến cho lòng mình phiền muộn. Vọng ngôn là làm cho miệng mình xấu xa, làm cho thân mình tổn hại, trời thần đều từ bỏ. Vọng ngôn là làm mất đi cội rễ của tất cả mọi điều thiện, đối với chính mình ngu si tối tăm không nhận ra đường thiện. Vọng ngôn là cội rễ tất cả mọi điều ác, là nguồn gốc đoạn tuyệt đời sống thanh thản làm điều thiện”.

Lại trong Kinh Chánh Pháp Niệm, Diêm La Vương nhiều lần trách mắng tội nhân mà nói kệ rằng: “Nói lời chân thật được an lạc, nói lời chân thật được Niết bàn,

Vọng ngữ sanh quả báo khổ đau,
Nay đến ở đây mà nhận chịu.
Nếu như không từ bỏ vọng ngữ,
Thì phải chịu tất cả khổ đau,
Lời nói chân thật không cần mua,
Dễ có được mà không khó gì.
Thật không phải đến từ nơi khác,
Không phải cầu xin từ người khác,
Vì sao bỏ lời nói chân thật,
Ưa thích những lời nói vọng ngữ?
Người nói năng giảng giải vọng ngữ,
Là nhân duyên của chốn địa ngục,
Nhân duyên trước đó đã tạo ra,
Kêu khóc nào có lợi ích gì?
Vọng ngữ là ngọn lửa bậc nhất,
Còn có thể đốt cạn biển lớn,
Huống hồ đốt cháy người vọng ngữ,
Giống như đốt cháy đám cỏ cây.
Nếu người bỏ lời nói chân thật,
Mà dấy lên nói vọng ngữ,
Người ngu si tệ hại như vậy,
Bỏ vật báu mà lấy gạch đá.
Nếu như người không tự thông minh,
Mà yêu quý nơi chốn địa ngục,
Tự mình làm ngọn lửa vọng ngữ,
Ở nơi này tự đốt cháy mình.
Lời nói chân thật rất dễ được,

Trang nghiêm cho tất cả mọi người,
Bỏ lời chân thật dùng vọng ngữ,
Vì ngu si nên đến chốn này”.
Lại trong luận Trí Độ có kệ rằng:
“Lời chân thật là giới bậc nhất,
Lời chân thật là thang lên trời,
Lời chân thật nhỏ giống như lớn,
Vọng ngữ đi vào chốn địa ngục”.

Lại trong luận Tát Bà Đa nói: “Người không vọng ngữ, nếu thuyết pháp bàn luận truyền bá nói về tất cả mọi chuyện đúng sai, không tự xưng vì mình, thì thường khiến cho suy xét dựa vào nguồn gốc phát sinh, tức là không có sai lầm. Không như vậy thì búa rùi ở trong miệng”.

Còn trong Thập Tụng Luận nói: “Nếu nói người dòng họ cao quý mà cho là thấp hèn, nếu người hai mắt mà nói là một mắt, đều mang lỗi vọng ngữ. Lại nói người một mắt rằng ông là người đui mắt, cũng mang tội khinh chê làm người khác buồn bực”.

Chánh báo tụng rằng:

Người giỏi khéo vọng ngữ lừa dối,
Vụng về chịu tội lỗi địa ngục,
Cưa lửa cắt xẻ hình hài họ,
Sắt nóng cày nát trên lưỡi họ.
Dùng nước đồng sôi rót vào miệng,
Dùng sắt nóng đỏ mài lưỡi họ,
Đau thương làm nát tan xương tủy,
Rên rỉ thường trong họng phát ra.
Tập báo tụng rằng:
Vọng ngữ đi vào ba đường khổ,
Tội lỗi ba đường đã quyết định,
Nghiệp còn lại sanh vào loài người,
Bị phỉ báng thường kết ưu sầu,
Trở lại bị người ta lừa dối,
Tâm hận thù như lửa nóng rực,
Người trí đừng đổ lỗi người ta,
Nghiệm biết quả thì nhân phải diệt.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 76

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần bốn)

Phần thứ tám: **ÁC KHẨU**

Phần này có hai mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: **Thuật Ý**

Phàm phu hiểm độc hừng hực lửa nóng giận thường bốc cháy, gặp duyên dấy lên chướng ngại xúc cảnh phát sinh giận dữ. Vì lẽ đó mở lời giận dữ miệng hung dữ đốt cháy tâm, tổn hại mọi người đau đớn hơn bị dao cắt, trái ngược tâm thiện của Bồ tát, xa cách lòng Từ của Như Lai. Do đó, kệ trong kinh nghiệp Báo Sai Biệt nói:

"Lời thô làm người ta phiền muộn,
Thích nói điều xấu ngầm người ta,
Cố chấp ngang bướng khó điều phục,
Sanh trong ngạ quỷ miệng phun lửa".

Thứ hai: **Dẫn Chứng.**

Như luận Trí Độ nói:"hoặc có ngạ quỷ, đời trước ác khẩu, thích dùng lời thô lỗ, nói với mọi chúng sanh, chúng sanh đều ghét bỏ, thấy giống như kẻ thù. Bởi vì tội lỗi này nên vào trong ngạ quỷ".

Còn trong kinh Pháp Cú nói: "Tuy làm Sa môn, nhưng không giữ thân miệng, nói những lời thô ác, làm thương tổn rất nhiều,, mọi người không yêu mến, người trí không luyến tiếc, thân chết thần thức đi, luân chuyển trong ba nẻo, tự sanh và tự diệt, chịu vô lượng khổ não. Chư Phật và các bậc Thánh Hiền không yêu quý, giả sử làm cho thân chúng sanh tuy không sai phạm, nhưng không cẩn thận đối với khẩu nghiệp thì cũng rơi vào đường ác".

Vì vậy luận Trí Độ nói: "Lúc ấy có một con quỷ, đầu giống như đầu heo, giòi bọ hôi thối từ trong miệng sinh ra, thân có ánh sáng màu như vàng. Con quỷ này đời trước làm Tỳ kheo, ác khẩu mà mắng nhiếc Tỳ kheo nơi khác đến. Bởi thân giữ giới thanh tịnh cho nên thân có ánh sáng,

miệng có nói lời tệ hại cho nên giòi hôi thối từ trong miệng sinh ra".

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Thà dùng kiếm sắc cắt đứt lưỡi của mình, chứ không vì lời nói thô ác mà chịu rơi vào ba đường ác".

Còn trong kinh Hộ Khẩu nói: "Thời quá khư Đức Như Lai Ca Diếp, xuất hiện ở thế gian giảng thuyết chánh pháp giáo hóa chúng sanh, giáo hóa đã chu toàn, đi vào cảnh giới Vô dư Niết bàn mà nhập Niết bàn. Thời gian sau có Tỳ kheo thông suốt tam Tạng giáo pháp, tên gọi là Hoàng Đầu, chúng tăng bày tỏ rằng: Tất cả mọi việc không để cho thầy phải bận lòng, chỉ cần giảng giải những pháp vi diệu cho những người hậu học. Lúc ấy Tỳ kheo thông suốt tam tạng, trong lòng khinh miệt không tránh khỏi mệnh lệnh của Tăng, bắt đầu giải thích nghĩa lý trong kinh cho hàng hậu học. Gọi người tiếp nhận nghĩa lý rằng: Đầu voi mau tiến lên trước! Tiếp gọi người thứ hai rằng: Đầu ngựa! Lại gọi đầu lạc đà – đầu lừa-đầu heo-đầu dê-đầu sư tử-đầu cọp! Như vậy gọi chủng loại của các loài thú không thể nào kể hết, tuy giảng dạy nghĩa lý trong kinh nhưng không tránh khỏi tội lỗi ấy. Lúc thân hoại mạng chung vào trong địa ngục, trải qua mấy ngàn vạn kiếp nhận chịu vô lượng khổ đau. Tội lỗi khác chưa hết, từ địa ngục thoát ra sanh trong biển lớn, nhận hình hài của loài ở dưới nước, một thân có trăm đầu, hình thể rất lớn, loài khác trông thấy thảy đều bỏ chạy".

Còn trong kinh Xuất Diệu nói: "Xưa, thời Đức Phật tại thế, Tôn giả Mãn Túc đến cảnh giới ngạ quỷ, thấy một ngạ quỷ hình trạng xấu xí khó coi, người nào trông thấy thì đều sợ hãi dựng cả lông tóc, không có ai không kinh hãi. Thân phát ra ngọn lửa hừng hực, giống như đống lửa lớn, miệng sinh ra giòi bọ, máu mủ chảy đầy, mùi hôi thối không thể đến gần. Có lúc miệng bốc lên ngọn lửa dài mấy chục trượng, có lúc mắt-tai-mũi- thân thể tay chân phát ra những ngọn lửa hừng hực dài mấy chục trượng, môi miệng xệ xuống giống như heo rừng, thân thể ngang dọc một do tuần. Tay tự cào cấu, cất tiếng gào khóc, chạy khắp mọi nơi thật khốn khổ. Mãn Túc trông thấy bèn hỏi: Ông gây ra tội lỗi gì mà nay chịu khốn khổ như vậy? Ngạ quỷ thưa rằng: Xưa con xuất gia tham nắm giữ chặt phòng ốc lưu luyến không rời ra được, tự cậy thế mình dòng họ cao sang phát lời xấu xa tệ hại, nếu thấy Tỳ kheo tinh tiến trì giới, thì lại trừng mắt cất tiếng mắng nhiếc làm nhục họ, hoặc gây chuyện rắc rối ác hiểm cho họ, cho nên chịu khốn khổ như vậy. Thà dùng dao sắc tự cắt lưỡi mình chịu khổ nhiều kiếp, chứ không nên dù một ngày mắng nhiếc phỉ báng Tỳ kheo tinh tiến trì giới. Nếu lúc Tôn giả trở về cõi Diêm phù đề, đem hình trạng của con để khuyên nhủ các

Tỳ kheo, cố gắng giữ gìn lỗi lầm do miệng đừng tùy tiện nói năng, thấy người trì giới nên nghĩ rằng trì tụng đức hạnh của họ. Từ khi con nhận chịu hình trạng ngạ quỷ này đến nay đã mấy ngàn vạn năm, thường chịu nỗi đau khổ này, sau này mạng chung sẽ vào chốn địa ngục. Nói lời này xong, gào khóc rạp mình sát đất, như Thái Sơn đổ sụp, long trời lở đất. Đây là vì lỗi lầm của miệng, vốn khiến cho như vậy".

Còn trong kinh Bách Duyên nói: "Có người vợ Trưởng giả vào lúc mang thai, thân thể hôi hám bẩn thỉu cũng không thể nào đến gần, đủ ngày tháng sanh con, chỉ là đứa trẻ da bọc xương, ốm yếu tiều tụy không thể nào nhìn được, lại nhiều phân dơ xoa đầy thân thể mà sống. Tuổi dần lớn lên không muốn ở trong nhà, ham thích phân dơ không chịu xa rời. Cha mẹ bà con thân thích ghét bỏ không muốn trông thấy, đuổi rời xa nhà khiến cho không được đến gần. Thế là ở nơi khác thường ăn phân dơ, mọi người trông thấy rồi vì thế đặt cho tên gọi là Giãm Bà La. Được gặp Phật và xuất gia đắc quả La Hán. Bởi vì vào thời quá khứ có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Câu Lưu Tôn, xuất gia làm chủ chùa, có những thí chủ giặt rửa cho chúng Tăng xong, lại dùng dầu thơm xoa trên thân thể chúng Tăng. Có một la Hán, chủ chùa trông thấy rồi, giận dữ mắng nhiếc:" Ông là người xuất gia, dầu thơm xoa ướp thân thể, giống như dùng phân người bôi trên thân thể ông. La Hán thong xót bèn hiện bày thần thông, chủ chùa thấy rồi sám hồi tội lỗi nguyện xin trừ diệt lỗi lầm. Bởi vì sự mắng chưởi tệ hại này, trong năm trăm đời thân thường hôi hám bẩn thỉu, không thể nào đến gần. Nhờ xưa kia xuất gia hướng về sám hối La Hán kia, cho nên nay được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo. Vì thế cho nên chúng sanh cần phải giữ gìn khẩu nghiệp đừng mắng nhiếc làm nhục lẫn nhau".

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, cùng với các Tỳ kheo đi về thành Tỳ Xá Ly. Đến sông Lê Việt, thấy người đánh cá giăng lưới bắt được một con cá, thân có trăm đầu, có năm trăm người kéo nhưng không ra khỏi dòng nước. Lúc ấy bên sông có năm trăm người đang cùng nhau chăn trâu, liền nhờ kéo giúp cá lên bờ. Cả ngàn người hợp sức mới kéo ra khỏi dòng nước được, trông thấy mà kinh ngạc vô cùng, mọi người tranh nhau đến xem. Đức Phật cùng với các Tỳ kheo, đi đến chỗ con cá kỳ lạ. Đức Phật hỏi cá rằng: Người dạy bảo cho ông nay ở nơi nào? Cá trả lời Đức Phật rằng: trong địa ngục A Tỳ. A-nan thấy rồi thưa hỏi về nhân duyên ấy. Đức Phật bảo với A-nan: vào thời Phật Ca Diếp ở quá khứ xưa kia, có Bà-la-môn sanh được một bé trai, tên là Ca Tỳ Lê, thông minh hiểu biết đa văn bậc nhất. Sau khi

cha mất người mẹ hỏi con rằng: nay con thông minh hơn người thì ở thế gian có thể có ai còn hơn con nữa hay không? Người con trả lời mẹ rằng: Sa môn là bậc thù thắng, con có điều nghi ngờ đến thưa hỏi Sa môn, không có ai giải thích cho con khiến con hiểu được rõ ràng, nếu người ta hỏi con, thì con không thể nào trả lời được. Bà mẹ liền nói với con: Nay con sao không học tập pháp đó? Người con trả lời mẹ rằng: Nếu muốn học tập thì phải làm Sa môn, con là Bạch y, làm sao có thể học được! Bà mẹ nói với con rằng: Nay con tạm thời có thể giả làm Sa môn, học thông suốt rồi trở về nhà. Người con nghe lời mẹ chỉ bày liền làm Tỳ kheo, trải qua một thời gian ngắn học hỏi thông suốt ba tạng giáo pháp, quay trở về nhà. Bà mẹ lại hỏi con: Nay có thể thắng chưa? Người con trả lời mẹ rằng: Hãy còn chưa thắng được. Bà mẹ nói với con rằng: Từ nay trở đi, nếu cùng bàn luận, giả sử lúc không bằng được thì có thể mắng chưởi làm nhục, con sẽ thắng được. Người con nghe lời mẹ chỉ bày. Sau đó tranh luận không bằng, thì mắng nhiếc rằng: Sa môn các ông ngu ngốc không biết gì, đầu giống như đầu thú, đầu của trăm loài thú không có loài nào không bằng. Bởi vì mắng nhiếc như vậy cho nên nay nhận chịu thân loài cá này, một thân trăm đầu, lạc đà-lừa-ngựa-trâu-dê-heo-chó..., đầu của các loài thú không loài nào không có đủ. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Lúc nào sẽ qua hết, hãy còn như cũ chứ không thoát được thân cá này. Vì nhân duyên này, nghiệp của thân khẩu ý không thể nào không cẩn thận".

Còn trong Vương Huyền Sách Hành Truyện nói: "Thời Đức Phật tại thế, đi qua thành Tỳ Da Ly, nhìn tất cả chúng sanh hễ ai có điều khổ não, thì muốn cứu giúp cho họ. Thế là quan sát thấy trong nước này, có hai chúng Kê Việt Tra tổng cộng năm trăm người, ở bên sông Bà La Câu mạt Để, giăng lưới bắt được cá lớn Ma Kiệt, có mười tám đầu - ba mươi sáu mắt, đầu của nó thuộc nhiều loài thú (tự tánh ra giống như trước). Đức Phật thuyết pháp cho cá, cá nghe pháp rồi thì liền mạng chung, được sanh lên cõi trời mà làm Thiên tử lại quán thấy thân trước đây là loài cá lớn, gặp Đức Phật thuyết pháp liền được sanh cõi trời. Thế là mang các loại hương hoa anh lạc-ngọc quý, từ cõi trời mà xuống trần gian đến cúng dường Đức Phật. Lúc ấy hai chúng cùng phát tâm hối hận về lỗi lầm của mình, liền ở tại phía bắc sông Câu Mạt Để hơn một trăm bước đốt cháy lưới đánh cá, chứa tro trong bình đồng, chôn vào nơi thuyết pháp trước kia, dựng tháp thờ ở phía trên, hình tượng tôn nghiêm rất cung kính. Cho đến bây giờ vẫn đang còn, chạm trổ trang hoàng đúng như pháp, người nhìn thấy phát tâm hướng thiện".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Xưa vào thời Đức Phật tại thế, vợ vua Ba Từ Nặc là phu nhân Mạt Lợi sanh được một cô con gái, tên gọi là Kim Cang, diện mạo rất xấu xí, thân thể thô ráp, giống như da rắn; đầu tóc thô cứng, giống như đuôi ngựa. Nhà vua trông thấy không vui chút nào, truyền lệnh giữ chặt trong thâm cung không để cho ra ngoài. Tuổi dần trưởng thành thì dù sao cũng phải lấy chồng, bèn sai một vị quan, tìm kiếm một người vốn là dòng họ cao quý mà nay lâm vào cảnh nghèo thiếu, tìm được thì hãy dẫn đến. Vị quan tiếp nhận lệnh vua rồi, tìm được dẫn đến giao cho nhà vua, nhà vua dẫn đến nơi che khuất bí mật tự mình nói chuyện: nghe khanh là dòng học cao quý nay gặp cảnh nghèo thiếu, ta có một cô con gái diện mạo rất xấu xí, mong khanh tiếp nhận thì ta sẽ cung cấp đầy đủ! Lúc ấy người nghèo thiếu này quỳ thưa với nhà vua rằng: Cho dù Đại Vương đem chó mà ban cho, cũng không dám làm trái, huống là con gái do Vương nữ Mạt Lợi sanh ra. Nhà vua liền gả chồng cho con gái, xây dựng cho tòa nhà có bảy lớp cổng. Nhà vua dặn dò chồng của con gái: Hãy tự mình giữ chặt móc cửa, ra vào đóng lại cẩn thận, đừng để cho người ta trông thấy. Nhà vua chi dùng tiền bạc của cải cung cấp cho con rể không có gì thiếu thôn, tấn phong làm Đại thần. Sau cùng với những người giàu có sang trọng cùng nhau tổ chức lễ hội trong thốn ấp thỏa thuận với nhau rằng lúc tụ hội thì để cho vợ cùng tham dự. Tất nhiên những người khác đều dẫn vợ đến, chỉ riêng vị Đại thần này đi một mình chứ không dẫn vợ đến. Mọi người nghi ngờ cảm thấy quái lạ, có lẽ vợ người ấy hoặc là người rất xinh đẹp, hoặc là rất xấu xí không thể nào xuất hiện rõ ràng được, vì vậy mà không đến. Lại vào lần sau tụ hội, bí mật cùng nhau mời ép uống rượu khiến cho say nằm mê mệt, cởi lấy móc cửa, khiến năm người làm ngôi nhà ấy đến xem. Đến nhà mở cửa thì vợ nghi ngờ không phải chồng mình, ở bên trong tự mình trách móc, buồn phiền mà nói rằng: Tôi vốn có tội gì mà bị chồng giữ chặt trong nhà không nhìn thấy trời trăng gì cả? Tức thì chí tâm từ xa lễ lạy Thế Tôn, nguyện cầu Đức Phật từ bi hãy đến trước mặt con tạm cứu giúp nỗi khổ sở này. Đức Phật biết ý niệm đó, liền ở trong mặt đất bỗng nhiên xuất hiện trước mặt người nữ, tướng tóc đen pha hồng hiện rõ. Người nữ ấy ngẩng đầu trông thấy tướng tóc Đức Phật nên tâm cung kính hoan hỷ, tóc người nữ tự nhiên như màu đen pha hồng. Đức Phật dần dần hiện rõ khuôn mặt, tâm người nữ hoan hỷ gấp bội nên khuôn mặt càng đoan chánh, tướng xấu da thô tự nhiên thay đổi không còn. Đức Phật hiện rõ toàn thân khiến cho người nữ trông thấy tất cả thì càng thêm hoan hỷ, thân

thể đoan chánh giống như Thiên nữ. Đức Phật liền thuyết cho nghe các loại pháp yếu đạt được quả vị Tu đà hoàn. Sau lúc Đức Phật ẩn đi thì năm người đi vào trông thấy người nữ đoan chánh ít người bì kịp. Quan sát xong rồi , trở lại đóng cửa buộc móc chỗ cũ. Người chồng trở về nhà trông thấy người phụ nữ đoan chánh, vui vẻ hỏi rằng: Cô là người nào? Người vợ trả lời chồng rằng: Thiếp là vợ của chàng. Người chồng liền nói rằng: Trước đây nàng rất xấu xí, vì sao nay xinh đẹp như vậy? Người vợ bèn bày tỏ với chồng, nói đầy đủ sự việc như trước. Người vợ lại đến bên chồng ngỏ lời: Thiếp muốn gặp vua cha, chàng hãy giúp thiếp thông báo tin tức. Người chồng đến thưa với nhà vua: Công chúa nay muốn đến mặt vua cha. Nhà vua trả lời chồng của con gái: Đừng nói đến chuyện này, hãy nhanh chóng giữ chặt, cẩn thận đừng khiến cho ra ngoài. Chồng của em gái thưa với nhà vua: Công chúa bây giờ được nhờ uy thần của Đức Phật, liền được đoan chánh, không khác gì Thiên nữ. Nhà vua nghe vậy rồi liền sai quân lính đến noun, trông thấy con gái đoan chánh nên vô cùng hoan hỷ, dẫn đến nơi Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Không biết cô con gái này xưa kia gieo phước thiện gì, được sanh vào nhà cao quý mà lại xấu xí khó coi? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quá khứ xưa kia, ở nước Ba-la-nại, có một vị Trưởng giả, hằng ngày cúng dường một Bích chi Phật, thân thể xấu xí khó coi. Lúc ấy nhà Trưởng giả có một cô gái nhỏ, thấy vị Bích chi Phật mà tâm xấu dấy lên mắng rằng: Diện mạo xấu xí khó coi, thân thể da dẻ sần sùi, đáng ghét biết bao. Lúc ấy vị Bích chi Phật sắp nhập Niết bàn, liền hiện bày thần lực làm ra mười tám điều biến hóa. Cô gái bé nhỏ trông thấy rồi lập tức tự trách mình cầu xin sám hối. Bởi vì ở quá khứ mắng vị Bích chi Phật cho nên sanh ra thường xấu xí. Nhờ trở lại sám hối mà nay được đoan chánh. Bởi vì cúng dường, cho nên sanh vào những nơi giàu sang cao quý vui sướng vô cùng".

Còn trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: Thích Ca ở quá khứ vì nói lời xấu ác rằng: Sa môn Ca Diếp trọc đầu nào có Phật đạo. Vì thế ngày nay trong sáu năm khổ hạnh mỗi ngày ăn một hạt mè – một hạt gạo hoặc là đậu lớn – đậu nhỏ".

Còn trong Tứ Phần Luật nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời xa xưa trước kia, ở nước Đắc Sát Thi La có Bà-la-môn có con trâu, ngày đêm nuôi dưỡng tắm rửa xoa nắn cẩn thận. Lúc ấy nước Đắc Sát Thi La lại có trâu của Trưởng giả, ở khắp đường đi lối về trong thành thị xóm làng tự nói lên rằng: Ai có trâu khỏe mạnh, cùng với trâu khỏe mạnh của tôi, thi đấu kéo trăm xe, thắng được thưởng ngàn lạng vàng.

Lúc ấy trâu của Bà-la-môn nghe tiếng rao gọi tự nghĩ rằng: Bà-la-môn này ngày đêm nuôi dưỡng tắm rửa xoa name cho mình, nay mình cần phải dốc sức tự lấy trọn ngàn lạng vàng ấy để báo đáp ân tình của người này. Lúc ấy con trâu kia liền nói với Bà-la-môn: Nay ông nên biết! Trong nước Đắc Sát Thi La có Trưởng giả, rao mời như vậy: Ai có trâu đầu cùng với trâu của tôi, thi nhau kéo trăm xe, bên nào thắng được thưởng ngàn lạng vàng. Nay ông chủ có thể đi đến nhà Trưởng giả ấy nói rằng: Tôi có con trâu có thể đầu cùng với trâu của ông, thi nhau kéo trăm xe, bên nào thắng được thưởng ngàn lạng vàng. Trưởng giả trả lời: Nay đúng là thời cơ. Bà-la-môn liền dắt trâu mình đến, cùng với trâu của Trưởng giả thi nhau kéo trăm xe để nhận tiền thưởng một ngàn lạng vàng. Lúc ấy đông người đến xem, Bà-la-môn ở trước mọi người nói lời bới móc rằng: Cụt rừng có thể kéo đi. Lúc ấy con trâu nghe lời bới móc thì hổ thẹn không chịu dốc sức cùng với đối phương tranh tài, thế là trâu của Trưởng giả đắc thắng còn trâu của Bà-la-môn chịu thua, phải trao cho bên thắng một ngàn lạng vàng. Lúc ấy, Bà-la-môn nói với con trâu kia rằng: Ta ngày đêm nuôi dưỡng xoa nắn tắm rữa hy vọng ngươi sẽ ủng hộ ta dốc sức thắng được trâu bên ấy, tại sao hôm nay ngược lại làm cho ta thua một ngàn lạng vàng như vậy? Con trâu nói với Bà-la-môn rằng: Ông ở trước môi người bới móc tôi rằng cụt sừng có thể kéo đi, khiến cho tôi hổ thẹn với mọi người, vì thế cho nên không làm sao tiếp tục dốc sức cùng với trâu bên kia thi nhau kéo xe. Nếu có thể thay đổi lời nói trước đây, lại không bới móc tên gọi – hình tường của tôi, thì có thể đến nói với Trưởng giả ấy rằng: có thể tiếp tục cùng với trên của tôi thi nhau kéo trăm xe, thì chi ra gâp bội tiền thưởng là hai ngàn lạng vàng. Bà-la-môn nói với trâu rằng: nay đừng tiếp tục làm cho ta thua thêm hai ngàn lạng vàng. Trâu trả lời Bà-la-môn rằng: Ông đừng tiếp tục ở trước mọi người bới móc tôi rằng cụt sừng có thể kéo đi, mà ở trước mọi người nên khen ngợi tôi là kéo khỏe vào hõi sừng đẹp đoan nghiêm. Lúc ấy, Bà-la-môn đến nhà Trưởng giả kia nói cho biết rằng: Có thể tiếp tục cùng với trâu của tôi thi nhau kéo trăm xe, tiền thưởng là hai ngàn lạng vàng. Trưởng giả trả lời rằng: Nay đúng là thời cơ. Lúc trâu của Bà-la-môn cùng với trâu của Trưởng giả, thi nhau kéo trăm xe, tiền thưởng là hai ngàn lạng vàng, đông người cùng nhau đến xem. Lúc ấy, Bà-la-môn ở trước mọi người khen rằng: Kéo khỏe vào hõi sừng đẹp đoan nghiêm. Trâu nghe lời này, tức thì phấn chấn dốc sức cùng trâu bên kia thi nhau kéo xe. Trâu của Bà-la-môn đắc thắng, trâu của Trưởng giả thua cuộc. Bà-la-môn nhận được hai ngàn lạng vàng.

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Người bình thường muốn có những lời nói, thì nên nói lời tốt lành, không nên nói lời tệ hại. Nói lời tốt lành là thân thiện, nói lời tệ hại thì tự sanh ra phiền muộn bực bội. Vì vậy này các Tỳ kheo, súc sanh bị người bới móc hãy còn tự mình hổ thẹn không thể dốc sức tiến lên, huống là đối với người bị người khác hủy nhục mà có thể không có lòng hổ thẹn hay sao?"Do đó trong Thành Thật Luận nói: "nếu người ác khẩu mắng nhiếc bới móc đủ loại, thì tùy theo lời nói mà nhận chịu báo ứng".

Còn kệ trong kinh Tu Hành Đạo Địa nói:

"Miệng ngu si mà tâm ngang ngạnh,
Không nói lời dịu dàng mền mỏng,
Thường chứa đầy hai lưỡi xấu xa,
Không nghĩ đến tốt đẹp của người.
Những gì nói ra không rõ ràng,
Che giấu vào cháy bỏng chân người.
Lời nói thường dụi dàng êm ái,
Thuận theo lời làm người bằng lòng,
Nói và làm mà hợp với nhau,
Tâm và thân thông làm hại người.
Ví như cây trổ hoa tốt đẹp,
Kết thành ngọt quả cũng ngọt thơm,
Phật Thế Tôn giải thích điều này,
Tâm và khẩu tìm cách như nhau".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn mới thành Phật, liền muốn giáo hóa các Long Vương, cho nên tiện đi đến chân núi Tu Di, hiện ra hình tướng Tỳ kheo ngồi yên định trong tư duy. Lúc ấy có chim chúa cánh vàng, vào trong biển lớn bắt một con rồng nhỏ, trở về trên đỉnh Tu Di tìm cách để ăn thịt. Lúc con rồng nhỏ kia mạng sống hãy còn chưa chấm dứt, từ xa trông thấy Tỳ kheo ngồi nghiêm trang tư duy, bèn chí tâm cầu cứu trong chốc lát thì mạng chung. Đầu thai vào nhà Bà-la-môn ở nước Xá Vệ, tên gọi là Phụ Lê, đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian, vì vậy đặt tên gọi là Tu Bồ Đề. Tuổi dần trưởng thành thông minh trí tuệ, không có ai sánh kịp, nhưng tánh tình rất dữ dằn. Hễ mắt nhìn thấy người và súc sanh, thì lập tức giận dữ mắng nhiếc chưa từng bỏ qua, cha mẹ thân thuộc đều cùng nhau chán ghét lo sợ, không có ai thích gặp mặt. Thế là bỏ nhà đi vào trong chốn núi rừng, mới trông thấy chim thú cho đến cỏ cây bị gió thổi làm cho lay động, cũng sanh ra giận dữ, rốt cuộc không hề vui được. Lúc ấy có vị

Sơn Thần nói với Tu Bồ đề rằng: Nay ông vì sao bỏ nhà đến giữa chốn núi rừng này, đã không tu thiện thì không lợi ích gì mà chỉ tự làm cho mình mệt mỏi khổ sở, nay có Đức Thế Tôn ở trong Tinh xá Kỳ Hoàn, có phước đức lớn luôn luôn dạy cho chúng sanh tu thiện đoạn ác, nếu bây giờ ông đến nơi ấy thì chắc chắn Ngài sẽ trừ được tánh giận dữ ác độc cho ông. Lúc ấy Tu Bồ đề nghe Sơn Thần nói, thì sanh lòng hoan hỷ, liền hỏi rằng: Bây giờ Thế Tôn đang ở nơi nào? Đáp rằng: Ông chỉ cần nhắm mắt, ta tự mình mang ông đến nơi Thế Tôn. Lúc ấy Tu Bồ Đề nghe theo lời Sơn Thần mà nhắm mắt lại, bất giác trong chốc lát tự nhiên ở trong Tinh xá Kỳ Hoàn, thấy Đức Phật đầu đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu rọi khắp nơi như trăm ngàn vầng mặt trời, tâm tràn đầy hoan hỷ tiến lên lạy dưới chân Đức Phật rồi lùi lại ngồi một bên. Đức Phật liền giảng cho nghe về lỗi lầm tai hại của nóng giận, ngu si phiền não, dốt cháy tất cả thiện căn, tăng trưởng mọi điều ác, sau phải nhận chịu quả báo rơi vào địa ngục, chịu đủ mọi nỗi đau khổ không thể nói hết, giả sử được thoát ra, hoặc làm rồng rắn-la sát-quỷ thần, tâm thường chứa đầy hiểm độc lại tàn hại lẫn nhau. Lúc ấy Tu Bồ Đề nghe Đức Thế Tôn giảng những lời này rồi, tâm kinh hãi sởn lông tóc liền tự hối hận trách mình, tức thì ở trước Đức Phật sám hối tội lỗi đã tạo, trong chốc lát đạt được quả vị Tu đà hoàn, tâm tư vui sướng đã hòa vào trong đạo. Đức Phật liền tiếp nhận và bảo: Hãy cố gắng lên Tỳ kheo nhé! Tức thì râu tóc tự nhiên rụng hết, pháp phục mang trên thân, liền trở thành Sa môn, tinh tiến tu tập đạt được quả vị A la hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ kheo thậy sự việc này rồi thỉnh cầu Đức Phật giải thích về duyên vốn có. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Trong Hiền kiếp này có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca Diếp. Ở trong giáo pháp của Phật Ca Diếp có một Tỳ kheo, thường đi khuyến hóa, trong một vạn năm dẫn các Tỳ kheo đi khắp nơi cúng dường. Thời gian về sau Tăng có ít duyên nên cuối cùng không được đi theo, liền phát lời mắng nhiếc tệ hại rằng: Các ông tàn ác tựa như rồng độc. Phát ra lời này rồi lập tức ra đi. Vì nghiệp duyên này mà trong năm trăm đời chịu thân rồng độc, tâm thường chất chứa hiểm độc xúc chạm làm phiền chúng sanh, nay tuy được làm người mà tập khí trước không trừ bỏ, cho nên lại phát sanh nóng giận. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Cần phải biết rằng Tỳ kheo khuyến hóa mà ác khẩu mắng nhiếc lúc ấy, nay chính là Tu Bồ Đề. Bởi vì lúc bấy giờ cúng dường Tăng, cho nên nay được gặp Ta mà xg đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Thời Đức Phật tại thế, trong thành Vương Xá có một Trưởng giả, tiền bạc châu báu vô lượng không thể tính được. Vị của Trưởng giả mang thai mười tháng tròn thì đến lúc phải sanh con, nhưng thai nhi không chụi ra. Về sau lại có thai, đã đủ mười tháng thì sanh được một người con. Thai nhi mang trong bụng trước đây nằm ở sườn bên phải. Như vậy lần lượt mang thai chín người con, đều đủ mười tháng mà sanh ra, chỉ riêng một người con đầu tiên cố tình ở trong thai không chịu ra. Người mẹ vô cùng lo sợ, tìm các loại thuốc thang để tự chữa trị, bệnh không thuyên giảm nên dặn dò mọi người trong nhà. Con trong bụng tôi vốn là sống chư không chết, nay nếu như tôi qua đời thì ắt phải mổ bụng tôi lấy con ra mà nuôi sống. Người mẹ vào lúc ấy không tránh khỏi tai họa, nên liền mạng chung. Những người trong quyến thuộc chở thi hài đến nơi phần mộ, mời Đại y Kì Bà, mổ bụng coi xét, thì có được một đứa bé, hình dáng vốn là trẻ nhỏ nhưng đầu tóc bạc trắng, lưng còng cúi xuống mà đi, quay đầu nhìn bốn phía và nói với những người thân rằng: Mọi người nên biết, bởi vì thân đời trước tôi ác khẩu mắng nhiếc làm nhục chúng Tăng, cho nên ở trong chỗ nóng bức tối tăm này trải qua sáu mươi năm, nhận chịu khổ não như vậy khó có thể nói hết được. Những người thân nghe rồi khóc sụt sùi xót xa không làm sao trả lời được. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ xa biết thiện căn người này đã chin muồi, liền dẫn Đại chúng đi đến nơi đặt thi thể người mẹ, bảo cho đứa true biết rằng: Ông là Trưởng lão Tỳ kheo phải không? Thưa rằng: Thật sự như vậy. Lần thứ hai – thứ ba cũng hỏi như vậy, có ý nói là đạo như vậy. Lúc ấy Đại chúng thấy đứa bé này cùng với Đức Phật đối đáp, đều nghi không trong lòng, nên tiến lên thưa với Đức Phật rằng: Nay người già này xưa kia tạo ra nghiệp gì, ở trong bụng mẹ đến bạc tóc, lưng còng cúi xuống mà đi, lại cùng với Như Lai hỏi đáp qua lại với nhau?

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Đại chúng: Trong Hiền kiếp này, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca Diếp. Có các Tỳ kheo vào mùa an cư, chúng Tăng hòa hợp cử ra một Tỳ kheo tuổi đã già nua làm Duy na Tăng. Cùng nhau chế định mức độ quy cách, ở trong mùa hạ này cần phải đạt được đạo quả, thì cho phép cùng nhau tự tứ, nếu ai chưa đạt thì không cho phép tự tứ. Nay vị Duy na này một mình không đạt được đạo quả, chúng Tăng đều không cho phép bố tát tự tứ, tâm tư buồn phiền mà phát ra lời nói như vậy: Một mình tôi vì các ông mà quản lý việc của Tăng chúng, để cho bọn các ông yên ổn hành đạo, nay lại trở ngược còn không cho phép tự tứ bố tát yết ma! Tức thì giận dữ mắng nhiếc

nhục mạ chúng Tăng, lát sau liền quay vào trong phòng đóng chặt cửa, cất tiếng nói to rằng: Khiến cho bọn ông thường sống nơi tối tăm không thấy ánh sáng, như tôi bây giờ ở trong phòng tối này. Nói lời này xong tự kết liễu mạng sống của mình, đạo vào trong địa ngục nhận chịu khổ não vô cùng. Nay mới được thoát ra cho nên ở trong thai mẹ chịu sự khổ não này.

Chúng Tăng nghe xong đều tự mình giữ gìn ba nghiệp, chán ngán xa lìa sanh tử, có người đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm Bích chi Phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Lúc ấy những người thân thuộc trở về dẫn đứa trẻ tuổi già đến nhà nuôi dưỡng, tuổi dần lớn lên tùy ý để cho xuất gia đạt được quả vị A la hán.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Bởi vì ở thời xa xưa cúng dường chúng Tăng và làm Duy na quản lý việc của Tăng chúng, cho nên nay được gặp ta mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe rồi hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Chánh báo tụng rằng:

Ác khẩu như mũi tên tẩm độc,
Dính vào vật thì làm tổn thương,
Cửa địa ngục mở ra chờ sẵc,
Lao đầu vào vạc sôi lò lửa.
Cắt lưỡi để tự mình ăn lấy,
Đau đớn vô cùng khó nghĩ được,
Nếu không ích gì cho chính mình,
Cẩn thận miệng cũng nào ngại gì?

Tập báo tụng rằng:

Ác khẩu làm va chạm ngang ngược,
Địa ngục gặp phải lửa thiêu đốt,
Báo còn lại sanh trong loài người,
Lại nghe toàn những lời dao búa.
Giả sử có bàn luận điều gì,
Tranh cãi bị người ta thù oán,
Báo xưa kia cam lòng nhận chịu,
Bỏ điều ác thì thiện tự sáng.

Nhân duyên cảm ứng.

Thời nhà Đường có Dương Sư Thao là người làng Đông Dương – huyện Lễ Tuyền – Ung Châu. Vào đầu thời Đường Trinh Quán thì nhậm chức Tư trúc giám, sau vì việc chung nên chuyển đến nhậm chức Huyện úy huyện Lam Điền. Năm thứ 21 niên hiệu Trinh Quán, vì tuổi

già nên trở về nhà tự cày cuốc làm ăn sinh sống. Nhưng Sư Thao vốn có tánh độc ác và bạo miệng, từ nhỏ đến nay chỉ thích tìm hiểu lỗi lầm của người ta, cứ mỗi lần người trong làng có chuyện gì thì ghi chép tố cáo với quan phủ. Ty huyện vì Sư Thao đã từng làm việc trong triều cho nên cũng giữ chút thể diện. Như Sư Thao vẫn cứ ác hiểm không chịu hối cải, nhiều lần quấy nhiễu kiện tụng bừa bãi, kiếm chuyện sai sót của người trong lòng chẳng hỏi gì lớn bé, cứ luôn luôn dọa nạt làm cho sợ hãi. Ở trong thôn xóm của mình, không có chuyện gì cũng bất ngờ tìm cách chỉnh lý, lớn nhỏ mỉa mai chỉ trích – điều rắc rối tùy tiện gây ra; chỉ có trâu dê thả rông- trai gái tranh luận với nhau, thì mang lên tới huyện. Huyện lệnh là Bùi Cù Đàm vì vậy mà rất phiền toái, ban đầu nhiều lần cho là hợp lý, về sau thấy sự việc có nhiều điều không hợp lý; Sư Thao sau đó thẳng đến châu phủ, hoặc dâng biểu khắp nơi. Ác tâm ngày càng lớn, mọi người đều không ưa gặp mặt, nhưng Sư Thao tự biết tánh ác của mình, cũng hướng về mọi người nói rằng: Tánh tôi quả thật là nóng nảy bạo miệng. Từ thời Vũ Đức đến nay đã bốn lần thọ giới, giữ gìn thực hành lễ bái, hàng ngày tụng kinh luận, chỉ bày người làm điều thiện, nhưng có điều gì xâm phạm thì Sư Thao không thể nào nhịn được. Sau vào trong đêm mồng bảy tháng tư năm thứ nhất thời Đường Vĩnh Huy, bỗng nhiên có một người, từ phía Đông đi đến, cưỡi ngựa trắng mặc áo đen, đi thẳng đến cửa nhà Sư Thao. Sư Thao trông thấy liền cùng chào hỏi chuyện trò với nhau xong, người ấy nói: Quan Đại giám Đông Dương có ý sai tôi truy tìm ông, bởi vì ông từ lúc sinh ra đến nay, tâm hiểm độc trói buộc mãi không thể nào chịu từ bỏ được, gặp người ta thì giảng giải khuyến khích làm thiện, còn bản thân mình thì trì giới không trọn vẹn; tham lam keo kiệt không hề bố thí, tự nói rằng mình có thiện tâm cúng dường Tam Bảo, nhưng mà chưa hề bố thí một chút tài vật; tuy miệng nói là hổ thẹn, mà trong lòng thì nảy sinh mưu kế khác làm cho phàm tục bị mê hoặc, vì vậy cho gọi ông! Lát sau không trông thấy người được phái đến. Sư Thao đang ở trong cổng bỗng nhiên ngã nhào xuống đất, miệng không thể nào nói được, chỉ có trên ngực còn chút hơi ấm, người nhà khiêng đem vào trong nhà nằm, suốt đêm không tỉnh. Nhưng mà Sư Thao đã đến chốn Đô lục Đông Dương. Lúc ấy Phủ quân Đại nha chưa phân tán. Sư Thao liền lén theo người trong nha môn đi xem mọi nơi; đâu cũng có bàn ghế giường phãn, thật vô cùng đẹp đẽ sang trọng, cũng có những người bị cầm tù, hoặc mang gông xiềng từ trên đầu xuống ngang hông, hoặc đứng ngồi đi lại, tội nhân như vậy không thể tính đếm được. Sư Thao hướng về phía Đông

đi qua đến một nơi, ở trong lỗ hổng rất nhỏ, chỉ thấy đốm lửa rất nhỏ tóe ra ngửi thấy mùi khói khét lẹt, người đứng lại không chịu nổi. Lại có hai người, tay cầm gậy sắt chữa lại đầu cổng, Sư Thao nhân đó hỏi người cầm gậy, đây là nơi nào? Người đó đáp rằng: Là địa ngục lửa dữ, định sửa sang để giam người trì giới không trọn vẹn, hoặc là người tu thiện nửa chừng ngưng hẳn, biết mà cố tình vi phạm, chết sẽ vào nơi này, nghe nói có một người tên Dương Sư Thao, cả đời thích nói đến sai lầm của người ta, cứ mỗi lần tố cáo lên quan phủ là nói chuyện hay dở của họ, gặp người ta thì làm ra vẻ biết hổ thẹn, mà có một chút xâm phạm thì thật sư không thể nào nhịn được, nay sắp đẩy vào chỗ này, cho nên phải sửa chữa lại, người đó trong hôm nay là ngày mồng tám tháng tư, người nhà vì Sư Thao đã chết mà bố thí cúng lễ trai phạn, các quan trong phủ bình xét làm sáng tỏ còn tha cho trở về, nhưng chưa được biết quyết định là tiến hay dừng, tôi phải ở nơi này chờ đợi Sư Thao. Sư Thao nghe xong liền rập đầu lạy nhận lỗi mà tự nói rằng: Dương Sư Thao chính là đệ tử này đây, nguyện tìm cách giúp cho, nếu được cứu thoát thì xin sửa mình. Người ấy đáp rằng: Ông chỉ dốc lòng thành kính lễ lạy chư Phật mười phương, tâm thiết tha sám hối chừa bỏ lòng hiểm độc, thì sẽ được vãng sanh, không đến chỗ này đâu, tuy chất chứa ý niệm xấu ác nhưng một khi có thể hối hận thì vẫn được đổi thay, như Bồ tát hạnh xả bỏ thân mạng không tiếc được sanh về Tịnh độ. Sư Thao được nghe lời này rồi, lập tức y theo lời dạy phát lộ ân cần sám hối, liền được tha thứ trở về nhà, trải qua ba ngày được sống lại. Sư Thao được tỉnh lại rồi kể đầu đuôi sự việc này. Thời gian sau Sư Thao đến chỗ Thiền sư Huệ Tĩnh sám hối sữa chữa lỗi lầm, người nay thấy vẫn còn sống, tuổi đến 75 thường ngày ăn chay lễ sám sáu thời. Sư Thao trên đường đến Lam Điền, nhân tiện đi thăm ruộng lúa, thấy ba con trâu mặc sức ăn lúa mạ, Sư Thao đến bên trâu hổ thẹn, không dám đuổi ra. Trở về nhà ngày hôm sau đi xem ruộng lúa thì ruộng lúa không hư hại gì, chỉ có dấu tích của trâu để lại. Vùng phía Tây của huyện Kinh Dương có ngôi chùa Trần Vương, nhiều người tụ tập, Sư Thao đến giữa mọi người kể lại đầy đủ việc ấy, đạo tục kinh hãi cảm thấy kỳ lạ nên lễ sám càng thiết tha. Đêm ấy nằm mộng thấy có người đến nói với Sư Thao rằng: Tôi là người đi làm sứ cố tình đến tới ông, ông đã ngừng hết niệm ác nên không tiếp tục truy bắt ông nữa, ông chỉ cần thường xuyên chân thành tu thiện, không cần phải lo buồn. Có vị Tăng gặp Sư Thao, truyền nhau đi đến thuật lại câu chuyện.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

***Phần Thứ Chín:* LƯỠNG THIỆT**

Phần này có hai mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Nói đến sinh lão bệnh tử, thì không có hạn kỳ tự nhiên ra khỏi; Bồ đề Niết bàn, lại có lộ trình tu tập mà tiến vào. Sở dĩ chư Phật đắc đạo, là nhờ thực hành Tứ Nhiếp cho nên phàm đều quy y; sở dĩ Bồ tát thành Thánh, là nhờ thực hành Lục Độ cho nên thiện ác đều tôn kính. Nay thấy hạng phàm phu tục tử, chỉ chuyên cấu kết che đậy tìm cách hại lẫn nhau, làm cho quyến thuộc người ta phân ly-bạn bè chia cách; thích gieo nghiệp giận hờn bất hòa, cảm nổi khổ sống phỉa chia ly. Dù cho tâm thiện khuyên bảo người ta lìa bỏ điều ác, mà cũng là phá hoại có lợi ích chứ không có tội. Vì vậy trong luận Thành Thật nói: "Nếu tâm thiện giáo hóa, tuy là biệt ly nhưng cũng không mang tội. Nếu vì tâm ác làm cho người ta đấu đá hỗn loạn, thì đây là hai lưỡi mang tội rất nặng, phải rơi vào chốn địa ngục – súc sanh – ngạ quỷ, nếu sanh trong loài người thì bị người ta phỉ báng, chỉ gặp cảnh dối trá xấu xa phá hoại quyến thuộc". Nên biết rằng trong lỗi lầm của vọng ngữ nói trước đây là vì làm trái ngược lẫn nhau, mà gây ra lỗi của vọng ngữ. Căn cứ vào nghĩa này mà thêm bớt không thật tức là lưỡng thiệt. Nếu nói về tội lỗi thì gây ra khổ báo của ba đời. Như trước đã nói, không cần phải thuật lại.

***Thứ hai:* Dẫn Chứng**

Như trong Tứ Phần Luật nói: " Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông hãy lắng nghe! Thưở xa xưa có hai con thú hung dữ làm bạn với nhau, một con tên là Thiện Nha Sư Tử, một con tên là Thiện Bác Hổ, ngày đêm rình bắt những loài hươu nai. Lúc ấy có một con Dã Can đi theo sau hai con thú kia, ăn thịt còn thừa lại để tự bảo toàn mạng sống của mình. Bấy giờ con Dã Can kia âm thầm tự nảy sinh ý nghĩ: Nay mình không thể nào để cho chúng đi theo nhau mãi, nên dùng cách gì làm cho hai con thú kia đấu đá với nhau mà không thể đi theo nhau được. Lúc ấy con Dã Can liền đến chỗ Thiện Nha Sư Tử, nói với Thiện Nha như vậy: Thiện Bác Hổ có nói lời như vậy, ta sinh ở nơi tốt đẹp, dòng họ cao quý, hình dáng diện mạo tốt đẹp hơn ông, thế lực hơn hẳn ông. Tại vì sao? Bởi vì ngày nay ta được ăn những thức ngon lành tốt đẹp, Thiện Nha Sư Tử đi theo sau ta, ăn thịt còn thừa lại của ta để tự bảo toàn mạng sống. Liền nói kệ rằng:

Hình dáng diện mạo và nơi sinh, thế lực lớn mà lại hơn hẳn,

Thiện Nha không thể nào sánh được, Thiện Bác đã nói lời như

vậy.

Thiện Nha hỏi Dã Can rằng: Vì cớ gì ông biết được? Đáp rằng: Hai loài thú như các ông cùng tụ tập một nơi, gặp nhau tự nhiên sẽ biết. Bấy giờ Dã Can lén lút nói với Thiện Nha rồi, liền đến nói với Thiện Bác Hổ rằng: Ông có biết không, Thiện Nha có nói như vậy, ta hôm nay có dòng họ- nơi sinh ra thảy đều hơn ông, thế lực cũng hơn hẳn, tại vì sao? Bởi vì ta thường ăn thịt ngon, Thiện Bác Hổ ăn thịt còn thừa lại của ta mà tự nuôi sống mạng mình. Bấy giờ liền nói kệ rằng:

Hình dáng diện mạo và nơi sinh,
Thế lực lớn mà lại hơn hẳn,
Thiện Bác không thể nào sánh được,
Thiện Nha đã nói lời như vậy.

Thiện Bác hỏi rằng: Vì cớ gì ông biết được? Đáp rằng: Hai loài thú như các ông cùng tụ tập một nơi, gặp nhau tự nhiên sẽ biết. Sau đó hai con thú cùng tụ tập một nơi ánh mắt nhìn nhau giận dữ. Thiện Nha Sư Tử liền dấy lên nghĩ rằng: Ta không cần thì không hỏi, liền ra tay đánh nó trước là hay nhất. Bấy giờ Thiện Nha Sư Tử đi đến trước Thiện Bác Hổ mà nói kệ rằng:

Hình dáng diện mạo và nơi sinh,
Thế lực lớn mà lại hơn hẳn,
Thiện Nha không thể sánh bằng ta,
Thiện Bác đã nói lời này chăng?

Đối phương tự nghĩ rằng: Chắc chắn là Dã Can làm cho chúng ta đánh nhau. Thiện Bác Hổ nói kệ trả lời Thiện Nha Sư Tử rằng:

Thiện Bác không hề nói lời này,
Hình dáng diện mạo và nơi sinh,
Thế lực lớn mà lại hơn hẳn,
Thiện Nha không thể nào sánh được.
Nếu tiếp nhận lời không ích lợi,
Tin người ta nói này nói nọ,
Tình thân sâu đậm tự phá hoại,
Liền trở thành thù oán lẫn nhau.
Nếu như dùng cái biết chân thật,
Thì nên diệt trừ mọi buồn giận,
Nay có thể nói rất thành thật,
Khiến cho thân mình được lợi ích.
Nay nên cố gắng để điều phục,
Trừ diệt những hạng ác tri thức,

Hãy giết chết con Dã Can ấy,
Kẻ bày mưu chúng ta đấu đá.

Thế là đánh chết con Dã Can. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Hai con thú này bị kẻ khác phá hoại, cùng tụ tập một nơi, gặp nhau không vừa lòng; huống hồ đối với con người, bị người ta phá hoại, mà tâm có thể không phiền muộn hay sao?"

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Diêm La Vương trách mắng những tội nhân mà nói kệ rằng: Vui quá quả thật là lắm lời, thêm tham khiến người ta sợ hãi,

Lỗi của miệng tự mình nói khóac, lưỡng thiệt ở vị trí đầu tiên".

Còn trong kinh Hoa Thủ, Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Ác khẩu mà cọng thêm lưỡng thiệt,
thích đưa ra lỗi của người khác,
Người có ý bất thiện như vậy,
Không điều ác nào mà không làm".

Còn trong luận Trí Độ nói: "Thật ngữ thì không dựa vào bố thí-trì giới-học rộng biết nhiều, mà chỉ cần tu dưỡng thật ngữ cũng có được vô lượng phước thiện".

Còn trong kinh Báo Ân nói:

"Đức Phật thuyết kệ rằng: Đức Phật bảo với A-nan:

Con người sống giữa thế gian,
Tai họa từ miệng sinh ra,
Nên giữ gìn đối với miệng,
Hơn là đối với lửa dữ;
Ngọn lửa bốc cháy rừng rực,
Đốt cháy tài sản thế gian,
Ngọn lửa ác khẩu rực cháy,
Đốt cháy bảy tài sản Thánh,
Đối với tất cả chúng sanh,
Tai họa từ miệng sinh ra,
Là búa rìu hủy hoại thân,
Là tai họa tự diệt thân".
Chánh báo tụng rằng:
Lưỡng thiệt làm người ta đấu đá,
Chết vào địa ngục bị xé nát,
Ngục tốt tách miệng người đó ra,
Dùng dao lửa cắt đứt lưỡi họ,
Đau khổ nhận chịu đã như vậy,

Lại còn chịu khổ vì đói khát,
Ác nghiệp không thể tự do được,
Trở lại uống nước trong thân mình.

Tập báo tụng rằng:

Dèm pha làm hại người quá mức,
Phải nhận chịu nỗi khổ ba đường,
Giả sử được sinh ra làm người,
Nghiệp báo còn lại vẫn đi theo,
Quyến thuộc gặp nhiều điều tệ hại,
Chống đối và buông thả – giận dữ,
Chỉ làm cho điều ác dai dẳng,
Địa ngục không hề vắng xưa nay.
Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra hai chuyện: 1- Thời nhà Hán có Tống Hoàng hậu ưu sầu mà chết; 2- Thời nhà Đường có người phụ nữ họ Lương chết rồi sau sống lại.

1/ Thời Hán Linh Đế có Tống Hoàng hậu được sủng ái, mà ở địa vị chính thức. Hạnh Cơ ở hậu cung cùng với mọi người dèm pha nói xấu. Lúc ấy có quan sơ trung thường thị là Vương Phủ, giết oan Vương Khôi ở Bột hải và bà phi, bà phi chính là em gái chồng của Hoàng hậu. Vương Phủ sợ Hoàng hậu oán trách, bèn cùng với Thái trung đại phu Trình Hà, cùng nhau cấu kết vu oan Hoàng hậu cất giữ bùa chú tà đạo. Linh Đế tin là thật, tức thì bắt Hoàng hậu trả lại dây lụa đeo ấn. Hoàng hậu tự nhiên bị dưa đến lãnh cung nên vì ưu sầu mà chết, cha và anh em đều bị chém đầu. Những thái giám nhỏ thường xuyên hầu hạ ở trong cung Hoàng hậu, đều thương xót cho Tống Hoàng hậu vô tội mà vạ lây đến gian đình cha mẹ. Linh Đế sau đó mộng thấy Hoàn Đế, giận dữ nói rằng: Tống Hoàng hậu vô tội, mà ngươi nghe theo lời gian tà nịnh hót làm cho mạng sống người ta chấm dứt, Vương Khôi ở Bột Hải đã bị giáng chức mà còn chịu cảnh đầu rơi, nay Tống Hoàng hậu và Vương Khôi tự mình tố cáo đến trời, Thượng Đế đùng đùng nổi giận, tội này khó mà cứu được. Mộng thấy rất rõ ràng, Linh Đế đã tỉnh giấc mà vô cùng sợ hãi, đem sự việc hỏi quan Vũ lâm tả giám Hứa Băng, đây là điềm gì, điềm ấy có thể cầu khẩn tránh được chăng? Hứa Băng trả lời bởi vì Tống Hoàng hậu và Vương Khôi ở Bột Hải là vô tội, nên cải táng cả hai để cho oan hồn được yên ổn, trở lại là người của nhà họ Tống, lại phong thưởng tặng cho Vương Khôi ở Bột Hải, khiến cho tội lỗi được trừ diệt - tai họa không còn. Linh Đế không thể nào làm được, không

bao lâu cũng qua đời.

(Chuyện này trích trong Oan Hồn Chí.)

2/ Thời nhà Đường ở vùng Hàm Dương có người phụ nữ họ Lương, trong thời Trinh Quán bỗng nhiên chết, trải qua bảy ngày mà sống lại. Tự mình nói rằng: Bị người ta bắt dẫn đến trong một công đường lớn, thấy có một phòng làm việc rất rộng, có một vị quan, cầm bút dựa vào bàn, người đứng hầu hai bên rất nhiều, sai người quan sát và hỏi rằng: Người phụ nữ này đã đến lúc chết hay chưa? Có người liền ôm đến một văn bản đối chiếu nói rằng: So sánh với người đã đến lúc chết thì tên họ giống nhau, cho nên truy bắt mà thôi. Vị quan ra lệnh cho tả hữu lập tức phải thả về. Họ Lương thưa với vị quan rằng: Không biết họ Lương con lại có tội lỗi gì khác, xin lập tức chịu tội mà trở về. Vị quan liền sai đối chiếu văn bản và nói rằng: Họ Lương sống trên đời chỉ có tội lưỡng thiệt và ác khẩu, lại không có tội gì nữa. Liền sai một người kéo lưỡi ra và một người cầm rùi chặt đứt lưỡi, mỗi ngày thường bốn lần như vậy, tất cả trải qua bảy ngày, mới chuyển giao khiến quay về. Ban đầu giống như rơi xuống vực sâu, chốc lát giống như ngủ mà tỉnh giấc. Người nhà nhìn thấy trên lưỡi người sống lại, hãy còn sưng tấy rất nhiều. Từ đó về sau vĩnh viễn đoạn dứt rượu thịt, cho đến bây giờ hãy còn giữ cẩn thận.

(Chuyện này trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

***Phần Thứ Mười*: Ỷ NGỮ**

Phần này có hai mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Rằng trung ngôn cho nên lý rõ ràng, ỷ ngữ cho nên sai sự thật. Bởi trung ngôn cho nên có thật, có thật cho nên công đức phát sinh, công đức phát sinh vốn là nguyên do thành tựu quả Thánh. Vì ỷ ngữ cho nên hư vọng, hư vọng cho nên gây ra tội lỗi, gây ra tội lỗi chính là nguyên cớ nhận chịu khổ đau. Do đó biết rằng hướng về lý cầu quả Thánh, thì cần phải nói là chân thật. Lời nói nếu hư vọng không thật thì rốt cuộc là trái với lý, có nghĩa là lời nói không chính đáng đều gọi là ỷ ngữ. Nhưng mọi lời nói có tính chất ỷ ngữ chẳng ích lợi gì cho mình và người, mà chỉ tăng thêm phóng túng nuôi lớn những mần nống bất thiện, chết rơi vào ba chốn khổ đau; sau sinh ra làm người, dù có nói những lời chính đáng nhưng người ta cũng không tin. Hễ nói đến điều gì mà lời lẽ không biện giải rõ ràng, thì cũng gọi là ỷ ngữ. Vì vậy trong luận Thành Thật nói: “Lời nói tuy là chân thật nhưng không phải lúc mà nói, cũng thuộc

về ỷ ngữ vậy”.

***Thứ hai:* Dẫn Chứng.**

Như trong luận Trí Độ nói kệ rằng:

“Có người rơi vào trong ngạ quỷ,
Ngọn lửa từ trong miệng phun ra,
Kêu gào khốn khổ chạy khắp nơi,
Là vì báo ứng lỗi khẩu nghiệp.
Tuy là người học nhiều hiểu rộng,
Ở giữa mọi người nói giáo pháp,
Bởi vì nghiệp không thành niềm tin,
Nên mọi người đều không tin nhận.
Nếu như muốn danh tiếng vang xa,
Làm cho mọi người đều tin nhận,
Thì cần phải hết sức thành thật,
Không nên gây ra lỗi ỷ ngữ”.

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: “Trong bốn lỗi của miệng luôn luôn xảy ra đều có bốn trường hợp: 1- Hoặc có lỗi lưỡng thiệt nhưng không vọng ngữ-không ác khẩu. Như có một người đem lời nói của người này đến nói với người kia, nói đúng sự thật cho nên không phải vọng ngữ, nói lời mền mỏng cho nên không phải ác khẩu. Bởi vì tâm niệm chia cách mọi người với nhau cho nên gọi là lưỡng thiệt. 2- Hoặc có lỗi lưỡng thiệt chính là vọng ngữ nhưng không ác khẩu. Như có một người đem lời nói của người này đến nói với người kia, bởi vì tâm niệm chia sẽ khác nhau cho nên là lưỡng thiệt, bởi vì nói xằng bậy cho nên là vọng ngữ, bởi vì nói lời mền mỏng cho nên không phải là ác khẩu. 3- Hoặc có lỗi lưỡng thiệt là do ác khẩu chứ không phải vọng ngữ. Như có một người đem lời nói của người này đến nói với người kia, bởi vì tâm niệm chia rẽ sai khác vốn chính là lưỡng thiệt, bởi vì nói lời thô lỗ cho nên là ác khẩu, nói đúng sự thật cho nên không Phải là vọng ngữ. 4- Hoặc có lỗi lưỡng thiệt là do vọng ngữ cũng là ác khẩu. Như có một người đem lời nói của người này đến nói với người kia, bởi vì tâm niệm chia rẽ sai khác vốn chính là lưỡng thiệt, bởi vì nói xằng bậy cho nên là vọng ngữ, bởi vì nói tiếng dữ dằn cho nên là ác khẩu. Tự tách ra thì vọng ngữ-ác khẩu đều làm thành bốn trường hợp cũng như vậy”. Một loại ỷ ngữ cũng không tách rời nhau, cho nên không giải thích riêng biệt. Do đó trong luận Thành Thật nói: “Ba nghiệp còn lại của miệng, hoặc hợp lại hoặc tách ra, một loại ỷ ngữ, chắc chắn không tách rời lẫn nhau”.

Chánh báo tụng rằng:

Ỷ ngữ không hợp với nghĩa lý,
Khiến cho tâm người bị rối loạn,
Làm mất thiện căn của người khác,
Nước đồng sôi vạch miệng rót vào,
Sắt nóng rực đốt cháy trên lưỡi,
Ruột gan thân thể đều cháy nát,
Nỗi khổ này không thể chịu đựng,
Thường kêu gào thật là đau thương.

Tập báo tụng rằng:

Lời nói suông che mờ chân lý,
Vì vậy chìm sâu trong nẻo dữ,
Rời nơi ấy tạm được làm người,
Nói ra không giải thích rõ ràng,
Sống không có lòng tin nương cậy,
Thường bị người khác cười chế nhạo,
Làm người luôn cảm thấy xấu hổ,
Sao không nói những lời nhã nhặn?
Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra bốn chuyện: 1- Thời nhà Hán có Man Di ở nước Đàn giỏi về chú thuật; 2- Thời nhà Tấn có người nước Thiên Trúc có nhiều phép thuật; 3- Thời nhà Đường có Bà-la-môn nước Tây có chú thuật; 4- Thời nhà Đường ở huyện châu Ốc có Trình Phổ Lạc tuổi trẻ thích âm thanh.

1/ Thời Hán Minh Đế, có người Man Di ở nước Đàn giỏi về các loại huyễn thuật, có thể chuyển dời dễ dàng trên đầu trâu ngựa, trổ tài cho các quan cùng xem để làm trò cười vui vẻ. Đến thời Tam Quốc ở nước Ngô có người tên là Từ Quang, không biết là người nơi nào, cũng thường pàm phép thuật biến hóa kì ảo, đi vào trong chợ, theo người xin quả dưa. Chủ bán dưa không cho, liền từ sợi dây, đào đất mà trồng. Trong chốc lát dưa mọc lên, một lát bò lan ra và đơm hoa, lát sau kết thành trái. Mọi người đều chăm chú nhìn vào đó. Quả đã thành bèn lấy mà ăn, nhân tiện lấy tặng cho người xem. Đến chỗ người bán dưa, nhìn lại quả dưa được tặng đều bị hư hoại cả rồi. Những loại thuộc về cam quýt bưởi táo đào mận cũng như vậy, những sự biến hóa kì ảo đó đều tương tự như vậy.

2/ Trong niên hiệu Vĩnh Gia nhà Tấn, có người ở nước Thiên Trúc đi đến Giang Nam, ngôn ngữ dịch ra nói rồi sau đó sẽ thông suốt. Người

đó có nhiều phép thuật, có thể cắt lưỡi dứt lìa mà nối lại, phun ra lửa biến hóa kỳ lạ vô cùng. Mọi người ở chỗ đó tụ tập cùng nhau xem thử, người ấy sắp cắt lưỡi thì trước tiên thè lưỡi ra để mọi người xem rõ sau đó lấy dao cắt đứt, máu chảy tràn đất, bèn lấy đặt vào trong đĩa, chuyển cho mọi người nhìn thấy, trông thấy đầu lưỡi, nhìn trong miệng người ấy chỉ còn lại nửa phần lưỡi. Lát sai lại lấy ngậm vào, được một lúc thè ra để mọi người xem rõ, lưỡi vẫn như cũ. Người ấy tiếp tục cắt đứt tấm vải lụa đưa cho người ta, tất cả cầm một đầu vải, lấy cái kéo cắt rồi mà lấy hai đoạn, hợp lại cầm trong tay chú nguyện, thì lại nối liền nhau, cùng với tấm vải cũ không khác gì. Lúc ấy người ta vô cùng thắc mắc cho là biến hóa kì ảo, bèn âm thầm mà thử xem, giống như là tấm lụa của mình. Người ấy phun lửa, trước tiên có thuốc ở trong cái đĩa, lấy một chút cùng với hạt kê ngậm vào, hết lần này đến lần khác thổi phù phù mà há miệng cho lửa phụt ra. Nhân đó đến chỗ nóng lấy làm bếp, thì ngọn lửa rực cháy lên. Lại lấy các loại giấy vở và dây chỉ ném vào trong lửa, mọi người cùng nhìn thấy rõ ràng, thấy ngọn lửa đốt cháy đồ vật tiêu tan không còn gì, bèn gạt giữa tro mà đưa ra, vốn là vật trước đây ném vào. Huyễn thuật như vậy làm ra không phải là ít. Lúc ấy thiên hạ mới hỗn loạn đồn rằng: Kiến An Hoắc Sơn có thể lánh đời. Thế là đi vào vùng Đông Dã không biết ở nơi nào.

3/ Năm thứ hai mươi thời Đường Trinh Quán, nước phía Tây có năm Bà-la-môn, đi đến chốn Kinh Sư, có sở trường về âm nhạc – chú thuật và những trò ảo thuật, như cắt lưỡi-rút ruột-đi trên dây-cắt đứt nối lại. Cũng vào thời Hiển Khánh đến nay, Vương Huyền Sách cùng mấy người đi làm sứ đến 5 vùng thuộc Ấn độ, Thiên Vương nước phía Tây vì sứ giả triều Hán thết tiệc vui vẻ, hoặc có người vút lên hư không mà chạy- lấy giày dép đi trên dây, trai gái tránh nhau ca hát đùa vui như thường; hoặc có người nữ tay cầm ba loại binh khí như dao-giáo-thương..., ném lên hư không mà tay noun lấy dây thừng chạy nhưng không rơi xuống; hoặc có người cắt lưỡi tự buộc lại, cởi ra y như cũ không làm phiền đến công lao của con người. Những trò biến hóa kỳ ảo như vậy, đủ loại khó mà kể hết.

4/ Thời nhà Đường ở phía Tây Bắc huyện Châu Ốc nằm phía Tây vùng Ung Châu có phường của người Nguyên Tùng. Trình Phổ Lạc là người Nguyên Tùng tuổi trẻ ham thích âm thanh. Vào ngày mồng 7 tháng 5 năm thứ sáu thời Đường Vĩnh Huy, vì có tai nạn nhỏ mà chết đột ngột, trải qua năm ngày nhưng ngực còn ấm không thối, người nhà không dám mai táng, đến rạng sáng ngày thứ sáu thì tỉnh lại, vẫn như

thường ngày, nói rằng: Lúc mới chết có hai người mặc áo xanh, đến trước giường thông báo, nhà vua cho gọi anh. Phổ Lạc hỏi: Vua nào? Đáp rằng: Vua Diêm La. Hỏi: Cho gọi vì việc gì? Đáp rằng: Cần có sự đối chiếu tra hỏi, nhanh chóng đi ngay không cần phải nói thêm gì nữa. Một người tay tóm lấy Phổ Lạc, kéo ra cửa phía Nam của phường dần dần hướng về dưới chân núi phía Nam đến một nơi cây cỏ hoang vu, có phần mặn nên cỏ cây không mọc nổi, có một hố lớn giống như miệng cái chum to, nói với Phổ lạc rằng: Vào đi. Phổ lạc sợ hãi không chịu vào, một người đẩy đi vào, không cảm thấy có gì tổn hại. Đi thẳng vào thấy Đại điện của nhà vua, người cầm binh trượng rất đông. Nhà vua cùng các quan và phi hậu trong cung ngồi ở trên Đại diện, cách nhau bức màn ngồi trước có nhiều ca nhi vũ nữ-đủ loại âm thanh-nhiều trò làm cho vui vẻ. Người đi làm nhiệm vụ trình với nhà vua rằng: đã truy tìm người mang đến. Nhà vua hỏi là người nào? Thưa là Trình Phổ Lạc. Ông hiểu nói chậm biếm hay không? Đáp rằng: Không hiểu. Nhà vua quay đầu nhìn và hỏi một người ca nhi họ Trương tên Xá Nhi: Người này không hiểu nói chạm biếm là gì, vì sao truy tìm gọi đến? Xá Nhi thuở bình sinh cùng với Phổ Lạc lần đầu quen thân, sau bởi vì giận nhau mà ôm mối oán hờn, Xá Nhi vì mối oán hờn, sơ ý dẫn ra người này, Xá Nhi không dám lừa dối nhà vua, vẫn dựa vào sự thật mà nói. Nhà vua giận dữ ra lệnh làm trò, âm thanh trước điện trong một lúc cùng cất vang. Vẫn thấy đánh trống múa may trèo lên cột cao, người trèo lên cột cao bắt đầu trèo lên đến đầu cột, sau đó theo cột vào trong miệng đâm thẳng dưới, đầu cột từ phần sau lòi ra đến mặt đất lại hướng lên phía trên, sáu căn đều rách tọac, chin lỗ chảy máu đầm đìa, trèo lên cột cao từ trên xuống dưới, thảy đều như vậy. Lại thấy ca nhi vũ nữ thời Hoàng Đường đến nay, giống như con trẻ xông ra ngoài thành một con heo chống lại mấy chục đều cầm gậy, khiến làm trò nói châm biếm. Lúc ấy trong miệng phun lửa rút lưỡi quấn quanh chỗ ấy một vòng, trăm ngàn chim sắt và các loại sâu bọ ác độc từ hư không bay xuống, trong một lúc đến trên lưỡi mà mổ loẹt xọet, nhận chịu nỗi khổ vô cùng ấy mà cất tiếng kêu la vang động trời đất, làm cho người ta không thích nghe. Còn lại người làm những trò ảo thuật khác và những sâu bọ bằng sắt bé nhỏ, trông thấy vỗ tay trong một lúc, tiếng kêu thét vang lên như khói như lửa, cùng lúc bị thiêu cháy, thiêu cháy chết rồi lại sống, lại tự mình nhận chịu đau khổ không có lúc nào tạm thời dừng lại, âm thanh không bỏ nhận chịu khổ đau không ngừng. Nhà vua tuy thả gậy xuống nhưng sai ngục tốt tay cầm gậy sắt – kích nhọn – cung tên sát vây quanh canh

giữ, ra lệnh phải tạo ra âm nhạc chịu khổ đau không dứt. Phổ Lạc đến địa ngục năm ngày thấy những người làm trò này nhận chịu đau khổ như vậy. Đến sáng sớm ngày thứ sáu nhà vua gọi Phổ lạc nói cho biết rằng: Ngươi nhận chịu đau khổ như vậy. Đến sáng ngày thứ sáu vua gọi Phổ lạc nói cho biết rằng: Ngươi chưa đến lúc chết, kiểm tra qua những văn bản thì ba năm sau mạng sống của ngươi coi như chấm dứt, sẽ đến đây nhận chịu đau khổ như vậy. Người này vì thưở bình sinh vọng ngữ-ác khẩu-ỷ ngữ, trêu nghẹo nói xấu Tăng Ni, khinh chê cười cợt Phật pháp, mượn danh nghĩa Tam Bảo, lừa gạt lấy tài sản của người ta, chỉ đem về nuôi sống vợ con, thích giết hại heo dê, ăn thịt uống rượu bừa bãi; hoặc bởi vì đến chốn già lam ăn uống sử dụng đồ của Tăng làm cho ô uế bất tịnh, những tội lỗi như vậy là vì không giữ gìn trai giới thanh tịnh cho nên nhận chịu tai họa này. Ngươi tuy không có tội nặng như vậy, nhưng không phải là không có lỗi lầm gì khác, cũng phải nhận chịu như vậy, nay tạm tha cho người đi, lúc chết sẽ bắt lấy ngươi. Sau đó sai hai người trước đây đưa về đến trong nhà, thấy ở một chiếc giường, biến thành rừng gai cánh lá dày đặc, hai người khiếp đi vào rừng này. Người đó ban đầu không chịu vào, hai người lập tức đẩy vào, bèn nhắm mắt mà đi vào, thì cảm thấy thân đã sống lại ở trên giường. Phổ Lạc này bởi vì trông thấy hiện tượng như vậy, cho nên lập tức đi đến chốn Kinh Sư tìm chùa xin thọ giới, kiên trì không phạm, ăn chay trường và luôn lễ lạy cung kính không dám thiếu sót. Nhân đó đến cầu Tăng sám hối của kể lại đầu đuôi sự việc này.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 77

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần Năm)

Phần thứ mười một: **XAN THAM**

Phần này có hai mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: **Thuật Ý**.

Rằng chúng sanh mắc bệnh mê hoặc bởi vì chấp ngã là đầu mối, phàm phu mê muội tà vạy bơi vì xan tham là gốc rỗ. Vì lẽ đó điều thiện ít ỏi như mảy tóc mà điều ác sâu nặng như núi cao, phước đức ít như băng mỏng mùa Xuân mà nghèo túng nhiều như mưa dầm mùa Thu. Mạng lưới cửa sáu tình không dễ dàng có thể thoát ra, bến bờ của ba độc không làm sao có thể vượt qua; thân nặng về thường chìm xuống ví như những loài cá sống trong dòng sông, vỗ đôi cánh muốn bay lên khó giống như những loài chim giữa trời cao. Khiến cho nghèo thêm nghèo tiếp theo nhau không ngừng bức gách xâm phạm, khổ thêm khổ nối liền nhau cứ mãi gây ra tồn hại, giống như bướm qua lửa tự nhận lấy cái chết thiêu thân, giống như tằm làm kén chứ không phải ai khác ràng huộc mình. Bởi vì tham lam keo kiệt làm cản trở mà phải nhận chịu tội lỗi đói lạnh khốn cùng, bốn thí chính là nhân tố luôn luôn làm cho đời sống được vui sướng sung túc.

Thứ hai: **Dẫn Chứng**

Như kệ trong kinh Phân Biệt Nghiệp Báo nói:

"Thường vui thích tu hạnh trí tuệ,
Mà không hành hạnh bố thí,
Sinh ra thường thông minh hiểu biết,
Mà nghèo túng không có tài sản.
Tuy thích thực hành hạnh bố thí,
Mà không tu tập hạnh trí tuệ,
Sinh ra được tài sản to lớn,
Thường ngu si không hiểu biết gì.

Bố thí-trí tuệ tu cả hai,
Sinh ra đủ tài sản-trí tuệ,
Người không tu dưỡng cả hai hạnh,
Nghèo hèn ngu dốt suốt cuộc đời".

Vì vậy trong Nhiếp Luận nói: "Keo kiệt là chướng ngại của giàu có, đố kỵ là chướng ngại của tôn quý". Nhưng chúng sanh dấy khởi tham lam không gì hơn được sắc-tài. Thứ nhất yêu quý sắc đẹp quả thật là tai họa, như trước đã nói, không giống với ý nơi này cho nên nay lại luận bàn sơ lược. Như trong kinh Niết bàn giải thích: "Ví như có người lấy La sát nữ để làm thê thiếp, thì La sát nữ tùy theo những người con sinh ra, sinh ra thì ăn thịt, con đã ăn hết rồi, cuối cùng ăn luôn cả chồng mình. Yêu thích La sát nữ cũng lại như vậy, thuận theo các chúng sanh sanh ra con thiện căn, hễ sanh ra là ăn, con thiện căn đã ăn hết lại ăn luôn chúng sanh, khiến cho rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-sáu sanh. Lại như có người tánh yêu thích hoa đẹp, không lấy tai họa rắn độc của cành hoa, liền tiến đến nắm lấy, nắm lấy rồi bị rắn cắn, bị cắn rồi mạng chung. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, tham hoa năm dục không thấy là tai họa rắn độc của yêu thích, ma thường nắm lấy, liền bị độc chất của yêu thích châm vào, sau khi mạng chung rơi vào ba đường ác". Thứ hao đối với tài lợi sanh ra tham lam, tham lam tài lợi dẫn đến tai họa làm cho phiền muộn khổ đau vô cùng, rời xa đạo tục – mất hết thân sơ. Vì vậy trong luận Trí Độ nói: "Tài vật là các loại phiền não, là nhân duyên của tội ngh; giống như các loại thiện pháp trì giới-thiền định-trí tuệ, là nhân duyên của Niết bàn. Vì lý do này, tài vật hãy còn phải tự mình lìa bỏ, huống gì trong ruộng phước tốt lành mà không bố thí? Ví như có hai người là anh em, cùng gánh 10 cân vàng đi giữa đường, lại không có bạn bè nào khác. Người anh trước tiên dấy lên nghĩ rằng: Tại sao mình không giết em để lấy vàng, nơi này vắng vẻ người giữa đường không có ai biết được. Người em lại nảy sinh ý niệm muốn giết anh để lấy vàng. Hai anh em đều có tâm niệm xấu xa, cử chỉ nói năng ánh mắt nhìn nhau đều khác lạ. Hai anh em liền tự nhiên hiểu ra, lại sanh tâm hối hận, chúng ta không phải là người, so với cầm thú có khác gì đâu, anh em cùng mẹ sinh ra mà vì một số vàng, cố tình để nảy sinh tâm độc ác. Hai anh em cùng đến bên một dòng nước, anh lấy vàng ném vào trong nước, em nói rằng: Tốt lành thay, tốt lành tha! Em lại bỏ vàng trong nước, anh nói rằng: Tốt lành thay, thốt lành thay! Hai anh em lại hỏi lẫn nhau: Tại vì sao nói là tốt lành thay? Cả hai đều tự mình trả lời rằng: Bởi vì số vàng này cho nên sinh tâm bất thiện muốn làm tổn hại nhau, nay có thể

vứt bỏ nó cho nên nói là tốt lành thay. Hai người đều nói như vậy, vì nhân duyên này, hãy thường thuận theo mà tự mình xả bỏ".

Còn trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Xưa tôi đã từng nghe trong nước Xá Vệ, lúc bấy giờ Đức Phật cùng với A-nan đi giữa cánh đồng bát ngát, đến một bờ ruộng thấy có kho tàng ẩn giấu. Đức Phật bảo với A-nan: Là rắn độc to lớn. A-nan thưa với Đức Phật: Là rắn độc hung ác. Bấy giờ giữa thửa ruộng có một người đang trồng trọt, nghe Đức Phật và A-nan nói có rắn độc, bèn dấy lên nghĩ rằng: Mình nên nhìn xem, vì sao Sa môn nói là rắn độc hung ác? Liền đi đến chỗ ấy thì trông đống vàng ròng thật sự, mà dấy lên nói rằng: Sa môn đã nói là rắn độc, đó chính là vàng ròng quý báu. Liền lấy số vàng này đem về đặt trong nhà. Người đó trước đây nghèo túng cơm ăn áo mặc không cung cấp đủ, vì được số vàng cho nên trở thành giàu có, cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ. Vương gia và quan binh cảm thấy quái lạ sao người ấy bỗng nhiên giàu có, bèn tra xét thâu lấy tất cả đem giam vào trong ngục. Trước vốn được vàng đã tiêu dùng hết, hãy còn không thể nào tránh khỏi, mà sắp bị gông cùm chịu hình phạt tội chết. Người ấy nói to rằng: Rắn độc A-nan, rắn độc hung ác Thế Tôn. Người bên cạnh nghe vậy bèn đem tình trạng này thưa với nhà vua. Nhà vua gọi người đó mà tra hỏi rằng: Tại sao nói to lên là rắn độc A-nan, rắn độc hung ác Thế Tôn? Người ấy thưa với nhà vua: Thảo dân vào ngày nọ đang trồng trọt giữa ruộng, nghe Đức Phật và A-nan nói rằng là rắn độc-rắn độc hung ác, đến bây giờ thảo dân mới thật sự hiểu ra rõ ràng. Nhà vua nghe giải thích như vậy liền tha cho trở về nhà".

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Xưa thời Đức Phật tại thế, ở trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tên gọi là Bà Đề, ở nhà rất giàu có vô số tài sản, vàng bạc không thể nào tính được. Người ấy tuy giàu nhưng bủn xỉn giữ gìn không dám ăn-không dám mặc, quần áo sử dụng – đồ ăn thức uống rất là nghèo nàn sơ sài, cũng không bề bố thí cho vợ con – quyến thuộc-nô tỳ-tôi tớ-bạn bè quen biết và các vị Sa môn – Bà-la-môn... một thứ gì. Lại dấy lên tà kiến đoạn mất thiện căn, nhưng không có con nối dõi, dau khi mạng chung tất cả tài sản châu báu đều sung vào của ông. Vua Ba Tư Nặc tự mình đến nơi thu nhận tài sản. Thu nhạnc đã xong lại đi đến chỗ Đức Phật, bèn thưa với Đức Phật rằng: Trưởng giả Bà Đề, hôm nay sau khi mạng chung thì sanh đến chỗ nào? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Trưởng giả bà Đề phước vốn có đã hết mà không tạo những thiện nghiệp mới, bởi vì dấy khởi tà kiến đoạn mất thiện căn, cho nên mạng chung rồi sanh vào địa ngục khóc

nỉ non. Vua Ba Tư Nặc nghe Đức Phật giảng giải rồi, đau lòng rơi nước mắt mà thưa với Đức Phật rằng: Trưởng giả Bà Đề, xưa gây ra nghiệp gì mà sanh vào nhà giàu có, lại gây ra điều ác gì mà không được hưởng sự vui sướng rất giàu có như vậy? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quá khứ lâu xa có Đức Phật Ca Diếp, sau khi Ngài nhậnp Niết bàn, thì Trưởng giả này sanh trong nước Xá vệ, làm con một người làm ruộng, có vị Bích chi Phật đi đến nhà ấy. Bấy giờ Trưởng giả này liền mang cơm và thức ăn bố thí, vị Bích chi Phật xin được thức ăn bay lên hư không mà đi. Trưởng giả trông thấy rồi phát ra thệ nguyện rằng: Giữ thiện căn này khiến cho con đời đời sinh ra những nơi luôn luôn có nhiều tài sản châu báu chứ không rơi vào ba đường ác. Bố thí rồi sau đó lại sinh tâm hối tiếc, thức ăn trước đây mình nên cho nô tỳ tôi tớ, chứ không nên cho Sa môn trọc đầu. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Trưởng giả Bà Đề nhờ vào công đức phát nguyện khi ở quá khứ bố thí thức ăn cho vị Bích chi Phật, mà sanh ra những nơi luôn luôn có nhiều tài sản châu báu không thiếu hụt thứ gì? Bởi vì sau khi bố thí lại sinh tâm hối tiếc, ở những nơi sinh ra, tuy cuộc sống giàu sang nhưng không được hưởng sự vui sướng rất giàu có như vậy, keo kiệt tiếc rẻ giữ gìn kỹ càng không tự mình ăn mặc sung túc, lại không bố thí cho vợ con quyến thuộc, cũng không bố thí cho bạn bè quen biếtv các vị Sa môn-Bà-la-môn... Vì vậy người trí, nghe nhân duyên này, nếu có tài vật thì cần phải bố thí chớ sinh lòng keo kiệt bủn xỉn. Lúc bố thí chí tâm tự tay mình chân thành đưa cho, bố thí rồi hoan hỷ đừng sinh tâm niệm hối tiếc. Có thể bố thí như vậy thì cảm được quả báo to lớn vô lượng vô biên".

Còn trong kinh Xuất Diệu nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong nước Xá Vệ có một Trưởng giả, tên gọi là Nan Đà, nhà rất giàu có, tài sản vàng bạc rất nhiều, voi ngựa xe cộ, nô tỳ tôi tớ phục dịch, áo quần trang điểm, ruộng vườn cơ nghiệp, không thể nào hạn lượng được, giàu có nhất nước không có ai hơn được. Tuy ở chốn giàu sang mà không có tín tâm, tham lam keo kiệt và đố kỵ, nhà cửa bảy lớp, dặn người canh cổng nếu có người đến xin thì không được cho ai vào nhà. Trên khoảng không giữa sân lắp đặt tấm lưới thưa bằng sắt, sợ có chim chóc bay đến ăn thóc gạo đậu mè. Dưới chân tường rào bốn phía dùng đất sét trắng bao kính, sợ chuột bọ đào hang làm tổn hại đến tài vật. Chỉ có một người con tên là Chiên Đàn Hương, lúc sắp qua đời dặn dò con rằng: Bệnh hoạn của cha ắt phải chết, nếu sau khi cha chết thì tất cả tài sản châu báu đừng làm cho hao phí tùy tiện, đừng giúp cho Sa môn và Bà-la-môn; nếu có người cầu xin thì đừng bố thí cho một đồng, những

tài vật này đủ để cung cấp cho bảy đời. Dặn dò xong rồi mạng chung. Sanh trở lại trong bụng bà mẹ mù thuộc gia đình chiên đà la trong thành Xá Vệ. Sau khi sanh ra khỏi thai mẹ, bị mù không có mắt, bà mẹ mù nghi rằng: Nếu sinh con trai, thì mình nay mù mắt, cần phải được giúp đỡ. Nghe con sinh ra bị mù thì bà mẹ thêm phần ưu sầu, rơi nước mắt đau thương nói kệ rằng:

Con mù mà mẹ cũng mắt mù,
Hai mẹ con không có đôi mắt,
Gặp phải hoàn cảnh suy tàn này,
Lòng mẹ cũng ưu sầu đau khổ.

Lúc ấy bà mẹ mù nuôi con đã lớn, năm 8-9 tuổi có thể đi lại được rồi, đưa cho con một cây gậy và một đồ vật để đựng đồ ăn, mà bảo với con rằng: Con tự xin ăn mà sống chứ không cần phải ở lại nơi này, mẹ cũng không có mắt, lại phải xin ăn để giúp cho mạng sống còn lại. Đứa trẻ mù này đi cầu xin từng nhà, sau đó dần dần đến nhà của Chiên Đàn Hương, đứng ở ngoài cổng, nói to rằng trẻ mù xin ăn. Lúc ấy người canh cổng, giận dữ cầm tay ném vào hố sâu, làm gãy cánh tay trái, lại đánh toạc đầu, thức ăn xin được đều bỏ trên đất. Có người đi đến trông thấy bị thương tổn thật đáng thương xót, đến nói cho bà mẹ mà biết. Bà mẹ mù nghe rồi chống gậy lần đi, đến chỗ đứa con mù ôm vào trên đầu gối, mà nói với con rằng: Con có lỗi lầm gì mà gặp phải tai ách đau khổ này? Con trả lời mẹ rằng: trước đây con đến ngoài cổng nhà của Chiên Đàn Hương mà cầu xin, thì gặp phải người ác đánh và ném như vậy.

Lúc ấy Đức Phật biết rồi bảo với A-nan rằng: Tai họa, thật là tai họa! Trưởng giả Nan Đà, mạng chung đầu thai làm con cho người phụ nữ mù ở nhà Chiên đà la kia, sanh ra không có đôi mắt, xưa vốn ở nơi sản nghiệp giàu có vô lượng, voi ngựa bảy báu không thể tính được, ngày nay lại gặp phải tình cảnh chính mình không có ích gì. Như vậy là do tham lam keo kiệt mà nhận chịu quả báo mù mắt này. Từ đây mạng chung rơi vào địa ngục A tỳ. Đến lúc xế trưa Đức Phật cùng với chúng Tỳ kheo đi vào kinh thành, dân chúng vây quanh đi đến chỗ dứa bé mù trước cổng nhà của Chiên Đàn Hương. Lúc ấy Chiên Đàn Hương nghe Đức Phật đang ở bên ngoài, liền ra ngoài cổng lễ lạy rồi đứng về một bên. Đức Phật biết mọi người tụ tập, lại không thấy Chiên Đàn Hương, nên vì tất cả mọi người thuyết về nghiệp tham lam keo kiệt và đố kỵ nhận chịu vô lượng tội lỗi, Ngài thuyết thêm về hạnh giúp đỡ làm ơn cho người nhận được phước thiện vô cùng tận, muốn khiến cho xa lìa các pháp hữu lậu hướng về đạo lý vô vi. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn

muốn làm cho Chiên Đàn Hương bait trừ nỗi khổ địa ngục, liền bảo với đứa trẻ rằng: Ông là Trưởng giả Nan Đà phải không? Đứa trẻ trả lời rằng: Thật sự là Nan Đà. Như vậy đến ba lần, đại chúng nghe điều này ngạc nhiên mà nói: Trưởng giả Nan Đà chính là nhận chịu hình hài này. Lúc ấy Chiên Đàn Hương nghe và trông thấy sự việc này, đau lòng rơi nước mắt không thể nào tự ngăn lại được, lễ lạy Đức Phật cầu cứu giúp nguyện bạt trừ gốc rễ tôi lỗi, bèn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày mai đến nhà thọ trai cúng dường. Đức Phật ngày mai đến thọ trai xong thuyết diệu pháp cho Chiên Đàn Hương nghe, lúc ấy Chiên Đàn Hương đạt được quả vị Tu đà hoàn.

Đức Phật bảo với A-nan: Nếu như người tích trữ tiền của không tư mình ăn mặc đầy đủ, lai không bố thí, thì người ấy thuộc loại ngu nhất trong mọi cái ngu. Vì vậy cho nên người trí cần phải thực hành bố thí, cầu mong xa rời sanh tử, đừng sanh lòng keo kiệt bủn xỉn mà nhận chịu vô biên khổ đau".

Còn trong Kinh Lô Chí Trưởng giả nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tên gọi là Lô Chí. Nhà đó rất giàu có, tài sản vô số kể, giống như Tỳ Sa Môn. Bởi vì từ thời xa xưa bố thí phước tiền thù thắng cho nên cảm của báo ứng này. Nhưng lúc bố thí ấy không thể nào chí tâm. Cho nên nay tuy giàu có mà ý niệm luôn luôn thấp kém. Mặc thì áo quần rách rưới dơ bẩn, ăn thì cám gạo với rau, để ngăn lại cơn đói, khát chỉ có uống nước, đi thì dùng cỗ xe mục nát, thường xuyên quản lý gia nghiệp, giống như hạng nô bộc, thường bị người đời cười nhạp là đồ ngốc. Sau đó vào một hôm, ở trong thành mọi người cùng nhau mở hội rộn ràng long trọng, nhà cửa trang nghiêm treo cờ phướn tàn lọng rực rỡ, nước thơm vẩy trên đất và rải các loại hoa đẹp, đủ loại trang nghiêm ca múa âm nhạc tưng bừng, vui sướng đón nhận sự tốt lành, giống như chư Thiên vậy. Lô Chí trông thấy rồi thì này sinh ý niệm rằng: họ đã tụ hội vui vẻ thì mình cũng nên như vậy. Liền nhanh chóng trở về nhà tự mở kho tàng, lấy được năm đồng tiền. Lấy được rồi suy nghĩ: Nếu ăn ở nhà thì mẹ – vợ và quyến thuộc không thể nào đầy đủ được, nếu đến nhà người ta thì sợ chủ nhà đoạt mất. Thế là liền dùng hai đồng tiền mua bột gạo rang, hai đồng tiền mua rượu, một đồng tiền mua củ hành, từ trong nhà lấy được một nắm muối, tất cả bọc trong vạt áo, ôm đi ra ngoài thành, đến dưới một tán cây. Đã đến dưới tán cây thấy có nhiều chim quạ, sợ chúng đến giành ăn mất. Liền đi đến giữa bãi tha ma, lại thấy có heo chó quanh quẩn. Lại tiếp tục tránh đi nơi khác, đến chỗ vắng vẻ yên lặng, bỏ muối vào trong rượu hòa với bột

gạo rang mà uống, lúc ấy lại nhấm củ hành. Trước đây không hề uống rượu, nên lập tức say mèm. Say rồi đứng dậy múa may cất tiếng mà ca hát. Lời bài ca ấy rằng:

Hôm nay ta chúc mừng lễ hội, uống rượu rất vui vẻ thoải mái,

Vượt xa Tỳ Sa Môn Thiên Vương, cũng hơn hẳn cả Thiên Đế Thích. Đúng lúc ấy Đế Thích cùng chúng sanh chư Thiên sắp đến nơi Phật, gặp phải Lô Chí say mèm múa mà ca haut nói rằng hơn hẳn cả Đế Thích. Đế Thích im lặng suy nghĩ: Người tham lam keo kiệt này ở nơi che khuất uống rượu chưởi mắng làm nhục đến ta, ta làm cho kẻ kia phải phiền lòng mới được. Liền biến đổi thân mình làm thành hình dạng Lô Chí, đi đến nhà đó, tập trung mẹ-vợ-nô tỳ và quyến thuộc lại, ngồi ở trước mặt mẹ mà thưa với mẹ rằng: Con từ đầu đến cuối có con quỷ rất keo kiệt, đi theo cạnh con khiến cho con keo kiệt tiêc nuối, không ăn không mặc không cung cấp cho quyến thuộc, đều do con quỷ keo kiệt; hôm nay đi ra bên ngoài gặp một Đạo nhân, ban cho con câu chú tốt lành trừ được con quỷ keo kiệt, nhưng mà con quỷ keo kiệt này cùng với con tương tự nhau, nếu nó đến thì cần phải dùng gập mà đánh, nó nhất định giả bộ xưng tôi là Lô Chí, tất cả mọi người đừng tin lời nói đó, hãy nhanh chóng đóng cổng, con quỷ keo kiệt nếu như xuất hiện, thì đợi con làm xong sau đó mới mở cổng. Liền làm những món ăn cả nhà đều ăn no đủ, lại mở kho tàng lấy ra các thứ tài vật châu báu-áo quần-chuỗi ngọc, tặng cho mẹ và vợ cùng quyến thuộc ở trong nhà, cũng bố thí cho những người khác. Xong xuôi rồi trổi nhạc múa hát vui vẻ, không thể nào nói hết. Người ta nghe Lô Chí trừ được con quỷ keo kiệt, đều đến quan sát. Lô Chí tỉnh rượu quay về nhà vào đến cổng, nghe tiếng ca múa thật là kinh ngạc vô cùng, đập cửa kêu gọi cũng không có ai nghe. Đế Thích nghe tiếng gọi bèn nói với mọi người rằng: Kẻ đập cửa kêu gọi ấy có lẽ là con quỷ keo kiệt. Mọi người nghe con quỷ keo kiệt thì mở cửa chạy trốn. Lô Chí vào được rồi, quyến thuộc ở trong nhà, thảy đều không thừa nhận, nói là có quỷ keo kiệt thì lập tức tóm lấy chân, kéo ngã xuống lấy gập đánh, xua đuổi khiến đi ra khỏi cổng. Đến đầu ngõ khóc lớn, cất tiếng than rằng: Quái lạ thay, thân hình mình bây giờ, là khác với trước kia, hay là không khác trước kia, tai sao người nhà thấy mà xua đuổi như vậy, nói mình là quỷ đã không được thừa nhận, giờ đây mình nói như thế nào mới được! Lô Chí bấy giờ giống như điên cuồng, bà con xóm giềng đều đến an ủi nói cho biết: Ông là Lô Chí, tôi là láng giềng thân cận với ông, cho nên đến hỏi thăm ông, ông nên gắng tập trung tâm ý để tìm cách sử dụng làm cho tự nhiên rõ ràng. Lô

Chí nghe rồi tâm ý có phần yên ổn, lau nước mắt mà nói: Xin mọi người cùng nhìn lại mặt tôi, nay tôi có thật sự là Lô Chí hay không? Mọi người đều cười và nói rằng: Ông giờ đây thật sự là Lô Chí. Liền nói với mọi người rằng: Mọi người đều có thể làm chứng cho tôi không? Mọi người đều nói: Chúng tôi làm chứng ông thật sự là Lô Chí. Lô Chí trả lời rằng: Mọi người nếu như vậy thì lắng nghe tôi nói nhân duyên:

Có ai là người trẻ ít tuổi,
Cùng với tôi vô cùng giống nhau,
Cùng chung người vợ tôi yêu quý,
Ngồi chung giường đầu gối liền nhau?
Những người thân cùng với quyến thuộc,
Gặp mặt đánh đuổi ra khỏi nhà,
Người thân đều yêu quý người kia,
Yên ổn ở lại trong nhà tôi.
Tôi chịu đựng đói lạnh khốn khổ,
Dành dụm những tài sản tiền bạc,
Người ta nay tự do sử dụng,
Tôi không có một xu dính túi.
Giống như Tỳ Sa Môn Thiên Vương,
Tự nhiên thoải mái chuyện cơm áo,
Hết thảy mọi người ở trong thành,
Ai cũng nghi ngờ thật quái lạ,
Đều dấy lên nói lời như vậy:
Chuyện này nên giải quyết thế nào?
Trong đó có người trí sáng tỏ,
Mà quyết định nói lời như vậy,
Ở đây có người rất ranh mãnh,
Hình dáng tướng mạo tựa Lô Chí,
Biết Lô Chí tham lam keo kiệt,
Cố tình đến gây ra não loạn,
Chúng tôi cùng nhau chứng minh rõ,
Không nên để cho bị vứt bỏ.

Lúc bấy giờ mọi người nghe lời này rồi, thảy đều đồng lòng nói rằng: Lô Chí! Nay ông thế nào? Muốn làm điều gì? Lô Chí nói: Mong làm chứng cho tôi, tôi muốn gặp nhà vua, và mong cho tôi mượn hai tấm vải bông trắng có thể làm cho trị giá hơn bốn lạng vàng, dùng để dâng lên nhà vua. Mọi người đều cười nói: Lô Chí nay chính là Đại thí chủ. Ôm hai tấm vải bông đến cổng cung vua, nói với người canh cổng

rằng: Giúp tôi trình bày lên nhà vua, tôi muốn dâng tặng lễ vật. Người gác cổng ngạc nhiên cười, lập tức đi vào thưa với nhà vua. Nhà vua nghe mà nghĩ rằng: Lô Chí keo kiệt bủn xỉn, mang vật bất tử đến, cuối cùng có thể như vậy. Nhà vua liền gọi vào. Đã đến trước nhà vua, lấy tay kéo tấm vải bông, để dâng tặng nhà vua. Nhưng nách kẹp chặt kéo không sao ra được, liền tự xoay người hết sức kéo ra, mới có thể kéo ra được, đã kéo ra được rồi, Đế Thích liền hóa làm hai bó cỏ. Lô Chí trông thấy có xấu hổ ngồi bệt dưới đất, buồn bã sụt sùi không làm sao nói được. Nhà vua thấy thương xót bèn nói rằng: Cho dù là cỏ cũng không có gì khổ tâm, có muốn nói điều gì thì tùy ý ông cứ nói: Lô Chí buồn bã hướng về nhà vua trình bày rằng: Thảo dân trông thấy cỏ này thì hổ thẹn vô cùng, không thể nào làm cho thân mình lún sâu vào trong đất, không biết bây giờ là có thân này, hay là không có thân này, biết nói làm sao đây? Nhà vua nghe mà thương xót nói với người bên cạnh rằng: Người kia đã đau xót tắc nghẹn không thể nào nói được, biết ý người ta thì hãy nói thay cho họ. Người bên cạnh trả lời nhà vua: Không biết người nào, hình dung tướng mạo tương tự, đến trong nhà đó, mạo xưng là Lô Chí, người nhà đều tin, sử dụng tài vật phân tán cho mọi người, thảy đều có ohần và hết sạch kho tàng, người nhà không biết dùng gậy đánh đập đuổi ra khỏi cổng. Lô Chí thật trái lại giống như người ngoài đường, vì vậy mà buồn phiền không thể nào nói được. Nhà vua nghe chuyện liền sai người gọi người tương tự ấy đến, nhà vua nói người đến sau thật là Lô Chí ấy, bèn nói với người đến trước rằng: Nay ông còn muốn nói năng gì nữa không? Lô Chí trả lời rằng: Thảo dân là Lô Chí, người kia không phải Lô Chí. Nhà vua hỏi người đến sau: Lô Chí tham lam keo kiệt mà ông thì thích bố thí ban ơn, tại sao xưng rằng là Lô Chí vậy? Người đến sau liền trả lời nhà vua rằng: Tôi nghe Đức Phật thuyết giảng, người tham lam keo kiệt rơi vào trong chốn ngạ quỷ, trăm ngàn vạn năm nhận chịu nỗi khổ đói khát, sợ hãi nhân duyên ấy cho nên bỏ thói tham lam keo kiệt. Nhà vua nói: Thật sự như vậy, giống như áo bẩn giặt sạch bụi đất thì sạch sẽ, tâm phiền não dơ bẩn nghe pháp liền trừ bỏ. Nhà vua thấy sự việc này rồi, liền tách hai người đưa vào hai chỗ khác nhau, đều khiến nghi chép rõ ràng thân thuộc có bao nhiêu người, các loại tài sản đồ vật thế nào, hãy nhanh chóng ghi chép đầy đủ đem đến. Hai người mang đến thì toàn bộ sự việc bí mật cho đến bút tích, tất cả đều giống nhau, nhà vua không làm sao phân biệt được. Nhà vua gọi bà mẹ đến hỏi, bà mẹ nói với nhà vua rằng: Đây là con tôi, kia không phải con tôi mà là con quỷ keo kiệt. Nhà vua lại hỏi bà mẹ: Có thể thấy

trên người có vết thẹo hay nốt ruồi đen hoặc điều gì bí mật, có thể nhận biết hay không? Bà mẹ trả lời nhà vua rằng: Con tôi dưới sườn bên trái có vết thẹo nhỏ, giốn như hạt đậu nhỏ. Nhà vua sai cởi áo đưa cao cánh tay xem xét, thấy hai vết thẽo lớn bé giống hệt nhau. Nhà vua trông thấy cười lớn cảm thấy quái lạ chưa từng có, tự mình hết sức tra hỏi sâu sắc chính mình, tất cả chúng sanh vì ngu tối che phủ, không phân biệt được thật giả, sự việc như vậy chỉ có Đức Phật mới có năng lực hiểu rõ được. Liền đem hai người đặt trên lưng voi, cùng nhau đến chỗ Đức Phật cầu xin giải quyết mối nghi ngờ này.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, đưa cánh tay tướng hảo trang nghiêm lên, nói với Đế Thích rằng: Ông làm chuyện gì vậy? Đế Thích liền diệt trừ thân tướng giả dạng Lô Chí mà trở lại hình tướng của mình, đủ loại ánh sáng, chắp tay hướng về Đức Phật mà nói kệ rằng:

Thường xuyên bị keo kiệt sai khiến,
Không chịu tự mình ăn và mặc,
Lấy năm đồng tiền mua rượu – bột,
Bỏ muối vào trộn lẫn mà uống.
Uống vào rồi thì say ngất ngưỡng,
Cười cợt đùa vui mà ca múa,
Tùy tiện mắng chư Thiên chúng con,
Bởi vì nhân duyên bất thiện này,
Con cố tình gây ra sự việc,
Làm cho khổ não sợ nhân quả.

Đức Phật bảo với Đế Thích: Tất cả chúng sanh đều có lỗi lầm, nên thuận theo buông bỏ. Hóa thân trở lại hình tướng Đế Thích, mà thưa với Đức Phật rằng: Người này tham lam keo kiệt không tự mình ăn mặc đầy đủ, lấy năm đồng tiền mua rượu và bột gạo rang bỏ muối vào hòa lẫn mà uống, uống rượu say mèm ca múa rồi tùy tiện mắng chư Thiên, cho nên con tức giận. Đức Phật bảo với Đế Thích: Tất cả chúng sanh đều có lỗi lầm, nên thuận theo buông bỏ. Đức Phật bảo với Lô Chí: Ông hãy trở về nhà trông coi tài sản đồ vật của ông. Lô Chí thưa với Đức Phật: Tất cả tài sản đồ vật Đế Thích sử dụng hết sạch, trở về nhà làm gì! Đế Thích nói rằng: Ta không làm hại một chút tài sản đồ vật gì của ông cả. Lô Chí nói rằng: Tôi không tin Đế Thích, tôi chỉ tin lời Đức Phật. Bởi vì tin Đức Phật cho nên liền đạt được quả vị Tu đà hoàn. Lúc ấy Thiên Long bát bộ cùng với bốn chúng, tất cả nghe như vậy rồi đạt được bốn đạo quả, có người gieo trồng nguyên Tam Thừa".

Còn trong kinh La Tuần Du nói: "Thời Đức Phật tại thế, có con

trai bạc phước của một Bà-la-môn, thầy xem tướng quan sát không có tướng nảo cả. Đến năm 12 tuổi cha mẹ đuổi ra ngoài, thế là đi xin ăn, bèn đến tinh xá Kỳ Hoàn. Đức Phật vì lòng Đại Từ đưa tay xoa đầu, đầu tóc liền rụng hết – ca sa khoác trên thân, Đức Phật đặt tên cho, gọi là La Tuần Du. Lúc ấy cùng với năm bộ tăng cứ mỗi lần ra ngoài khất thực, mà bộ nào có La Tuần Du thì đành ôm bát không quay về. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo phân chia để giúp cho, như vậy không phải là một lần. Mục Liên nghĩ rằng: Do Tỳ kheo này mà Tăng không được ăn. Đức Phật biết rõ ý đó, bèn cùng đi chung với Xá Lợi Phất, bảo Mục Liên và La Tuần Du đều tự phân ra làm một bộ. Đức Phật bảo với Mục Liên: Ta ở chỗ ấy không cần phải đến đó. Mục Liên liền cùng cới La Tuần Du đi chung, vừa sắp đến nơi thì trông thấy Đức Phật và Xá Lợi Phất lại ở tại nhà đó. Như vậy trải qua hơn năm trăm ức cõi nước, vẫn không được ăn. Mục Liên thầm nghĩ: Mình vào hôm nay chắc chắn không có được cơm ăn. La Tuần Du hết sức đói bụng, nên dừng lại ở bên sông Hằng. Mục Liên tức thì đi đến chỗ Phật, trong bình bát của Phật hãy còn có thức ăn thừa lại, liền đưa cho Mục Liên. Mục Liên nghĩ rằng: Nay mình đói lắm muốn nuốt cả núi Tu Di hãy còn nói là không no được, chỉ một ít cơm này sao đủ để ăn nó. Đức Phật bảo với Mục Liên: Chỉ ăn cơm này chớ lo gì không đủ. Mục Liên liền ăn, ăn đã no rồi mà trong bình bát không giảm bớt chút nào. Xá Lợi Phất liền nghĩ rằng: La Tuần Du nay chưa được ăn, đang rất đói khổ. Bèn thưa với Đức Phật rằng: Nguyện xin cơm còn thừa đem cho La Tuần Du. Đức Phật liền bảo cho biết rằng: Ta không tiếc cơm, chỉ vì La Tuần Du vốn có hành động phải chịu quả báo không được ăn, nếu như nói là không đúng thì ông có thể đem cho. Xá Lợi Phất liền lấy cơm, đem cho, La Tuần Du được cơm thì muốn ăn ngay, nhưng bình bát liền đi vào lòng đất sâu trăm trượng. Xá Lợi Phất dùng tay đạo lực, tìm bình bát liền được, lấy đưa lại cho La Tuần Du. Vừa lúc sắp ăn, thì lỡ tay lật úp bình bát, đổ hết cơm và thức ăn, tất cả đều rơi vào trong nước. La Tuần Du trở lại ngồi yên lặng, trong ý tự suy nghĩ rằng: Cứ mỗi lần mình cùng với các Tỳ kheo đi chung, thì không có được thứ gì mà ôm bình bát không quay về, Đức Phật lấy cơm cho mình thì lại đổ mất, đều là do tội báo thì phải nhận chịu. Liền tự mình tư duy, giải trừ phiền não loại bỏ cấu uế đạt được quả vị la hán, tức thì ăn đất mà nhập Niết bàn.

Muốn biết nghiệp duyên của La Tuần Du, thì vốn vào thời Đức Phật Duy Vệ ở quá khứ, người này là phàm phu, thường ôm lòng tham lam keo kiệt không chịu bố thí, lúc đang muốn ăn cơm thì cởi áo trải

trên đất sợ rằng hạt cơm rơi mất. Có Sa môn đi đến nơi ấy khất thực, La Tuần Du trông thấy nói rằng: Nên lấy cái gì để cho đây? Liền dùng tay vốc đất đưa cho Sa môn. Sa môn liền chú nguyện rằng: Quả là ngu si cho nên vậy thôi, nên khiến cho ông sớm được độ thoát. Từ lúc ấy cho đến bây giờ trải qua thời gian lâu xa trôi lăn trong dòng sanh tử, thậm chí đến nay sanh ra nơi nào, thì cũng không thể ăn được. Giờ đây đạt được đạo quả mà ăn đất rồi nhập Niết bàn, chính là bởi vì lấy đất đưa cho Sa môn. Xá Lợi Phất ơi, vì vậy cho nên biết tội phước giờ đây đều phải nhận lấy tai ương".

Còn trong kinh Di Giáo Tam Muội nói: "La Tuần Du này đời kiếp xưa kia là con trai của một người hiền đức, làm người ôm lòng đố kỵ sâu nặng, thấy Sa môn đến khất thực, thì đứng trước cổng nhà nói rằng: Người lớn không có nhà. Sa môn lại đến nhà khác, lại bày cho nhà khác đóng cổng nhà cũng nói: Người lớn không có nhà. Vì vậy ngày này khất thực không làm sao có được. Đúng vào lúc trông thấy người ta bố thí đồ ăn thức uống, hoan hỷ tổ chức lễ hội, thì lại nghĩ rằng: Mình cũng muốn làm Sa môn. Vì thế ngày nay khốn cùng đến mức như vậy".

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc ấy có bốn vị Đại La Hán là Mục Kiền Liên-Ca Diếp-A na Luật-Tân Đầu Lô, tập trung ở một nơi mà nói lời như vậy: Chúng ta cùng quan sát trong thành La Duyệt này, có người nào không cúng dường Phật – Pháp – Tăng làm công đức. Lúc bấy giờ có Trưởng giả tên là bạt Đề, tiền của châu báu rất nhiều không thể tích kể được, nhưng tham lam keo kiệt không chịu bố thí cho Phật-pháp-Tăng, không có một chút thiện nghiệp, phước vốn có đã hết lại không đạo thiện nghiệp mới. Trưởng giả ấy có bảy lớp cổng, đều có người canh giữ không để cho người xin ăn đến cổng được. Lại dùng lưới sắt giăng trùm giữa khoảng không trong sân, sợ rằng có chim chóc bay đến trong tâm. Trưởng giả có cô em gái, tên gọi là Nam Đà, cũng rất tham lam keo kiệt, cũng ôm lòng tà kiến chứ không có tâm bố thí làm phước, cũng không lúc nào chọn lấy sự chứng đắc về đạo, cũng có bảy lớp cổng vẫn theo cánh giống như trước, không có ai có thể đến được cổng nhà. Lúc bấy giờ Trưởng giả Bạt Đề vào sáng sớm ăn bánh, lúc này A Na Luật từ trong mặt đất của nhà Trưởng giả bỗng nhiên hiện ra, chìa bình bát hướng về Trưởng giả, lúc ấy Trưởng giả trong lòng vô cùng ưu sầu, liền trao cho A Na Luật một chút bánh. Lúc ấy A Na Luật có được bánh rồi trở về lại chỗ của mình. Lúc này Trưởng giả liền nổi cơn giận dữ, nói với người giữ cổng rằng: ta có dặn dò không để cho người nào đi vào, tại sao có người đến đây? Người giữ

cổng trả lời rằng: Cổng đóng chắc chắn, không biết Đạo sĩ này là từ đâu xuất hiện? Lúc bấy giờ Trưởng giả lặng lẽ không nói gì. Lúc Trưởng giả đã ăn bánh xong tiếp đến ăn cá thịt. Tôn giả Đại Ca Diếp bỗng nhiên xuất hiện từ lòng đất ở trong nhà Trưởng giả, chìa bát hướng về Trưởng giả, thì Trưởng giả trong lòng rất ưu sầu trao cho một ít cá thịt. Lúc ấy Ca Diếp có được cá thịt thì ở nơi ấy đi quay trở về trú xứ của mình. Lúc này Trưởng giả lại giận dữ gấp bội, nói với người giữ cổng rằng: Trước đây ta có dặn không để cho người nào đi vào, tại sao lại để chi hai Sa môn đi vào nhà xin ăn? Lúc ấy người giữ cổng trả lời rằng: Chúng tôi không thấy Sa môn này là từ nơi nào xuất hiện.Trưởng giả nói rằng: Sa môn trọc đầu này có sở trường về phép thuật biến hóa kì ảo, lừa dối làm mê hoặc người đời chứ không có đức hạnh chân chính gì đâu. Lúc bấy giờ vị Trưởng giả đang ngồi cách Trưởng giả không xa, nghe vậy liền nói với Trưởng giả rằng: Nên tự mình giữ gìn miệng đừng phát ra lời nói cho rằng là phép thuật biến hóa kì ảo như thế, những Sa môn này có uy thần to lớn, cho nên đến đây là có nhiều điều ích lợi hơn kia. Trưởng giả biết hai vị Tỳ kheo này chăng? Trưởng giả trả lời rằng: Tôi không biết họ. Lúc ấy người vợ nói cho biết rằng: Là con trai của Hộc Phạn Vương tên là A Na Luật, lúc đang sinh ra thì nơi này phát lên sáu thứ chấn động, vòng quanh nhà do tuần có những kho tàng ẩn kín tự nhiền kiện ra. Lúc ấy người vợ nói với Trưởng giả: Con trai của dòng tộc cao quý này, tu hành phạm hạnh đạt được đạo quả A la hán, là vị có Thiên nhãn bậc nhất. Tiếp đến là Tỳ kheo thứ hai, là con trai vị Đại Phạm chí tên gọi Ca Tỳ La ở trong thành la Duyệt này, tiền của châu báu rất nhiều không thể nào kể xiết, nói có chín trăm chín mươi chín con trâu cày ruộng. Con trai người đó tên gọi là Tì Ba La Da Đàn Na, thân có sắc vàng ròng, người vợ tên là Bà Đà, xinh đẹp nhất trong phái nữ, giả sử đưa ra lại vàng Tử Ma đặt ở trước mặt, thì hãy còn đen so với trắng. Lúc ấy Trưởng giả trả lời rằng: Tôi nghe tên gọi của hai người này, nhưng lại không trông thấy. Người vợi nói cho biết rằng: Người đến sau vào lúc trước đây chính là người ấy, bỏ Ngọc Nữ quý báu ấy mà xuất gia học đạo, nay đạt được quả vị A la hán, thường xuyên hành hạnh đầu đà không có lúc nào bỏ. Tôi xem thấy ý nghĩa này cho nên nói như vậy: Cố gắng tự giữ miệng mình đừng báng bổ Thánh nhân và nói là làm phép thuật biến hóa kì ảo, đây là đệ tử của Đức Thích Ca, đều là những bậc thần thánh đức hạnh.

Lúc ấy Tôn giả Mục Liên đắp y ôm bát bay vút lên giữa hư không. Trưởng giả trông thấy ngồi giữa hư không bèn dấy lên nói rằng: Ông là

người cõi trời chăng, Càn Đạp Hòa chăng, hay ông là quỷ chăng, ông là quỷ La Sát ăn thịt người chăng? Mục Liên nói cho biết rằng: Ta không phài là quỷ La Sát... Lúc ấy Trưởng giả liền nói kệ này:

Là người trời hay Càn Đạp Hòa,
Là quỷ La Sát-thần linh chăng?
Lại nói không phải là người trời,
Hoặc quỷ La Sát hay thần linh,
Không giống như loài Càn Đạp Hòa,
Lang thang đi khắp mọi nơi chốn,
Nay ông tên gọi như thế nào,
Tôi nay mong muốn được biết rõ!

Bấy giờ Mục Liên lại dùng kệ trả lời rằng:

Chẳng phải trời hay Càn Đạo Hòa,
Chẳng phải quỷ thần hay La Sát,
Là Thánh được giải thoát ba đời,
Bây giờ ta chính là thân người,
Có thể hàng phục được ma quân,
Thành tựu đạo Bồ đề Vô thượng,
Thầy ta danh hiệu Thích Ca Văn,
Ta tên là Đại Mục Kiền Liên.

Lúc ấy Trưởng giả nói với Mục Liên rằng: Tỳ kheo dạy bảo điều gì? Mục Liên nói cho biết rằng: Ta muốn thuyết pháp cho ông, cố gắng nghĩ nhớ đừng quên. lúc ấy Trưởng giả lại dấy lên nghĩ rằng: Những Sa môn này luôn luôn nặn vào sự ăn uống, nay muôn luận bàn thì chính là luận về cái ăn, nếu theo mình nài xin thì mình nên nói là không có, vậy thì mình nghe người này nói một chút. Lúc bấy giờ Mục Liên biết ý niệm trong tâm Trưởng giả bèn thuyết kệ này:

Như Lai thuyết về hai loại thí,
Đó là pháp thí và tài thí,
Nghĩ rằng nên thuyết về pháp thí,
Hãy một lòng một dạ lắng nghe!

Lúc ấy Trưởng giả nghe sẽ thuyết về pháp thí, thì trong lòng hoan hỷ, nói với Mục Liên rằng: Nguyện diễn thuyết bây giờ, nghe sẽ biết ý nghĩa. Mục Liên nói cho Trưởng giả biết rằng: Như Lai thuyết về năm điều bố thí to lớn, chính là không giết hại – không trộm cắp-không dâm tà-không nói dối-không uống rượu, suốt cuộc đời cố gắng mà tu dưỡng thực hành. Trưởng giả nghe rồi trong lòng hết sức hoan hỷ, nay những lời lẽ đã nói ấy quả là không cần dùng đến vật báu, như mình hôm nay

không dám giết hại mạng sống, điều này có thể vâng theo thực hành; lại trong nhà mình tiền bạc châu báu rất nhiều, suốt đời không trộm cắp, điều này mình cũng thực hành được; lại trong nhà mình có đàn bà rất xinh đẹp thì suốt đời không dâm tà, điều này mình thực hành được; còn mình không thích người nói dối, huống hồ tự mình sẽ nói dối hay sao, điều này mình cũng thật sự thực hành được; như mình hôm nay trong ý không nghĩ đến rượu, huống hồ tự mình uống hay sao, điều này thì mình cũng thực hành được. Lúc ấy Trưởng giả nói với Mục Liên rằng: Năm pháp thí này thì tôi có thể vâng theo thực hành, nay tôi nên mời Mục Liên xuống nơi này ăn cơm.

Trưởng giả ngước đầu nói với Mục Liên rằng: Có thể thân thần lực lại mà xuống chỗ ấy mà ngồi. Trưởng giả tự mình mang cơm cho Mục Liên. Lúc ấy đi vào trong kho mà chọn lấy tấm không đẹp thì lại gặp tấm tốt đẹp, bỏ xuống rồi lại lấy, cố ý như thế mà vẫn đẹp hơn. Lúc này Mục Liên biết tâm niệm của Trưởng giả, liền nói kệ này:

Bố thí cùng với tâm trái nhau,
Phước này người hiền đức vất bỏ,
Lúc bố thí khác lúc so sánh,
Lúc thích hợp bố thí tùy tâm.

Lúc bấy giờ Trưởng giả biết thì dấy lên nghĩ rằng: Nay Mục Liên biết những gì nghĩ trong tâm mình. Liền mang tấm vải bông trắng dâng lên Mục Liên. Mục Liên ngay lúc ấy cùng chú nguyện rằng:

Quan sát bố thí là đứng đầu,
Biết rằng có Thánh nhân hiền đức,
Trong bố thí thật là cao nhất,
Ruộng tốt sẽ đơm hoa kết trái.

Lúc ấy Mục Liên chú nguyện rồi nhận lấy tấm vải bông trắng này, khiến cho Trưởng giả được phước vô cùng tận. Trưởng giả đã đến ngồi một bên, Mục Liên từ từ nói cho biết về pháp thí và luận về giữ giới sanh lên cõi trời, chỉ trích tham dục là bất tịnh và mong muốn vượt ra là vui sướng, liền ở trên chỗ ngồi đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Bởi vì được thấy rõ pháp cho nên không còn hoài nghi gì nữa, mà thọ trì năm giới tự quy y Phật-Pháp và Thánh chúng. Lúc ấy Mục Liên thấy Trưởng giả đã đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền nói kệ này:

Kinh pháp Như Lai đã thuyết ra,
Đều đầy đủ tất cả căn nguyên,
Mắt thanh tịnh không có vết bẩn,
Không nghi ngờ-không do dự gì".

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Lúc bấy giờ có bà lão, tên gọi là Nan Đà, tự mình làm bánh. Lúc ấy Tôn giả tân Đầu Lô liền đến lúc, khóac y ôm bát đi vào thành La Duyệt khất thực, dần dần đến nhà bà lão Nan Đà, từ trong lòng đất bất ngờ hiện ra, chìa tay ôm bát hướng về bà lão Nan Đà khất thực. Lúc này bà lão trông thấy Tân Đầu Lô, trong lòng vô cùng tức giận, phát ra lời nói dữ như vậy: Tỳ kheo nên biết, giả sử mắt ông có lòi ra thì cuối cùng tôi cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tân Đầu Lô liền nhập vào tam muội, làm cho đôi mắt lòi ra. Lúc này bà lão lại càng tức giận, nói rằng: Cho dù Sa môn có treo ngược hư không, thì cuối cùng tôi cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tôn giả lại treo ngược ở giữa hư không. Bà lão lại càng tức giận, nói rằng: Cho dù Sa môn bốc khói toàn thân, thì cuối cùng tôi cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tôn giả lại làm cho toàn thân bốc khói. Bà lão lại càng tức giận, nói rằng: cho dù toàn thân Sa môn bốc cháy, thì cuối cùng tôi cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tân Đầu Lô làm cho toàn thân bốc cháy. Bà lão trông thấy rồi lại nói rằng: Cho dù toàn thân Sa môn tuôn nước, thì cuối cùng tôi cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tân Đầu Lô liền làm cho toàn thân đều tuôn nước. Bà lão trông thấy rồi lại nói rằng: Cho dù Sa môn chết ở trước mặt tội, thì cuối cùng cũng không cho ông ăn. Lúc ấy Tân Đầu Lô lập tức không còn hơi thở ra vào, chết ở trước mặt bà lão. Bà lão thấy không thou ra vào nữa, thì trong lòng kinh hãi, lông tóc đều dựng đứng, mà nói lời như vậy: Sa môn này được nhiều người biết đến, Quốc Vương cũng tôn kính, nghe chết trong nhà mình, chắc chắn gặp phải tai ách quan quyền, sợ rằng không tránh khỏi phiền phức, nếu như sống lại thì tôi sẽ cho ăn. Lúc ấy Tân Đầu Lô liền từ trong Tam muội đứng lên, thì bà lão lại dấy lên nghĩ rằng: Cái bánh này rất to, nên tiếp tục làm cái nhỏ hơn mà cho. Lúc này bà lão lấy một chút bột làm bánh, bánh liền to lên. Bà lão trông thấy rồi nghĩ rằng cái bánh này rất to, nên làm lại cái nhỏ hơn, vậy mà cái bánh tức thì to lên, nên lấy cái bánh làm trước tiên mà cho, nhưng những cái bánh đều dính chặt vào nhau. Bà lão nói với Tân Đầu Lô rằng: Tỳ kheo muốn ăn thì hãy tự lấy mà ăn, tại sao tự làm phiền đến mức như vậy! Tân Đầu Lô trả lời rằng: Đại tì ơi, tôi không cần ăn đâu, chỉ cần có những lời muốn nói với bà thôi. Bà lão trả lời: Muốn khuyên nhắc điều gì? Tân Đầu Lô nói cho biết rằng: Nay mang bánh này đến chổ Đức Thế Tôn, nếo có khuyên nhắc điều gì thì tôi cùng vâng lới thực hành. Bà lão trả lời: Việc này rất nhanh chóng. Lúc ấy bà lão tự mình mang những chiếc bánh này đi theo sau, tân Đầu Lô đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy chân Ngài rồi đứng ở một bên,

thưa với Đức Thế Tôn rằng: Bà Nan Đà này là chị của Trưởng giả Bạt Đề, tham lam keo kiệt ăn một mình chứ không chịu bố thí cho người, chỉ cầu mong Đức Thế Tôn thuyết cho nghe pháp thành tâm tín ngưỡng khiến được hiểu rõ ràng! Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với bà lão rằng: Nay bà mang bánh bố thí cho Phật và các Tỳ kheo Tỳ kheo Ni-Ưu bà -tắc-Ưu bà di cùng những người nghèo khó, vậy thì bánh vốn có, hãy mang bỏ vào chỗ sạch sẽ và trong nước không có sâu bọ. Tức thì lấy bánh này lần lượt trao cho mọi người, và bỏ vào trong nước sạch, lập tức ngọn lửa bốc lên. Bà lão trông thấy rồi thì trong lòng rất kinh hãi. Đức Thế Tôn từ từ thuyết cho nghe về pháp thí và nói về giới sanh lên cõi trời, khổ và tập đều là đạo. Ngay lúc ấy ở trong chỗ ngồi đạt được pháp nhãn thanh tịnh, tiếp theo thờ kính Tam Bảo và thọ trì năm giới, khiến cho hoan hỷ lễ lạy Đức Phật mà trở về".

Còn trong Thập Tụng Luật nói: "Đức Phật an trú trong nước Xá Vệ, lúc ấy có Trưởng lão Ca Lưu Đà Di đạt được đạo quả A la hán, ôm bình bát đi vào thành khất thực, đến nhà một Bà-la-môn. Chủ nhân đi vắng, người vợ đóng cửa làm bánh rán, Tỳ kheo Ca Lưu Đà Di liền nhập thiền định phát khởi thần thông, từ bên ngoài ẩn vào đất bất ngờ xuất hiện trong sân nhà, bèn dùng ngón tay bật ra tiếng. Người vợ liền quay đầu nhìn lại dấy lên nghĩ rằng: Sa môn này từ nơi nào đi vào vậy, người này chắc chắn vì tham bánh mà đến, mình dứt khoát không cho. Liền nói với Ca Lưu Đà Di rằng: Cho dù mắt ông lòi ra cũng không cho. Ca Lưu Đà Di bèn dùng thần lực làm cho hai mắt lòi ra. Người vợ lại nghĩ: Cho dù mắt lòi ra như cái bát, thì tôi cũng không choo. Ca Lưu Đà Di liền biến hóa đôi mắt giống như cái bát. Người vợ lại nghĩ: Cho dù giống như đứng ngược trước tôi, thì tôi cũng không cho. Ca Lưu Đà DI liền làm cho đứng ngược ở trước mặt. Người vợ lại nghĩ: Cho dù ông giống như chết, thì tôi cũng không cho. Ca Lưu Đà Di liền nhập định diệt thọ tưởng, tâm và tưởng đều diệt không còn sự nhận biết gì nữa. Lúc ấy vợ Bà-la-môn lôi kéo không hề nhúc nhích, thì vô cùng sợ hãi, nghĩ rằng: Sa môn này thường đi lại với vua Ba Tư Nặc và chính là thầy của phu nhân Mạt Lợi, nếu nghe tin chết ở trong nhà mình, thì nhà mình gặp phải tai họa khôn lường. Liền nói với Tỳ kheo rằng: Nếu ông sống lại thì tôi xin đưa cho một chiếc bánh! Ca Lưu Đà Di liền xuất định. Người vợ liền nhìn xem những chiếc bánh, chiếc bánh rán trước tiên ngon lành nên ý tiếc rẻ không cho, lại cạo hai bên mép chậu được một chút bột, rán lên trở thành ngon lành hơn, bèn lấy chiếc bánh rán đầu tiên đưa cho, vừa lấy ra một chiếc thì những chiếc bánh còn lại đều dính

theo nhau. Ca Lưu Đà Di nói rằng: Bà chị cho tôi nhiều ít? Người vợ trả lời: Cả bốn chiếc bánh muốn đem cho. Ca Lưu Đà Di nói rằng: Tôi không cần bánh này đâu, hãy mang cho Tăng trong tinh xá Kỳ Hoàn!

Người vợ này đời trước đã gieo trồng thiện căn, liền tự mình tư duy: Tỳ kheo này thật sự không tham bánh, chỉ thong hại mình cho nên xin vậy thôi. Thế là mang cả rổ bánh, đến trong tinh xá Kỳ Hoàn bố thí cho chúng Tăng xong, ngồi ở trước mặt Ca Lưu Đà Di. Ca Lưu Đà DI quán xét nhân duyên của người ấy bèn thuyết cho nghe về diệu pháp, ngay ở tại chỗ ngồi đạt được pháp nhãn thanh tịnh, làm một Ưu bà di thành tín. Trở về nhà nói cho chồng biết, chồng nghe rồi liền đến nơi Ca Lưu Đà Di. Ca Lưu Đà Di thuyết cho nghe về diệu pháp và đạt được pháp nhãn thanh tịnh, làm một Ưu bà tắc thuần thành, thường dốc hết tài lực cúng dường bậc thầy dẫn lối. Thậm chí thân sắp chết đi hãy còn dặn dò con cái cúng dường khiến cho về sau không đoạn dứt".

Còn trong kinh Bách Duyên nói: "Đức Phật an trú trong tinh xá Trúc Lâm-Ca Lan Đà tại thành Vương Xá. Lúc bấy giờ Mục Liên ở dưới một tán cây trông thấy một ngạ quỷ, thân hình giống như cây cột khô, bụng như núi Thái, cổ như kim nhỏ, tóc như dao nhọn, trói chặt đâm vào thân thể, giữa các khớp xương thảy đều bốc lửa, đói khác muốn chết – môi miệng cháy khô, muốn đi đến dòng sông thì sông hóa làm khô cạn, giả sử trời tuôn mưa ngọt mà rơi trên thân ngạ quỷ thì đều hóa làm lửa cháy. Mục Liên liền hỏi nghiệp duyên thế nào, ngạ quỷ thưa rằng: Con khát cháy cổ không làm sao trả lời được, Tôn giả hãy tự mình thưa hỏi Đức Phật. Mục Liên liền đến nơi Đức Phật thuật lại đầy đủ sự việc trước đó, hướng về Đức Phật cầu xin giảng rộng ra, đời trước tạo nghiệp gì mà nhận chịu khổ não như vậy? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Mục Liên rằng: Nay ông lắng nghe kỹ càng, Ta sẽ giải thích rõ ràng cho ông biết. Hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca Diếp. Có một Sa môn đi trên đường xa, rất mệt mỏi vì nóng bức và khát nước. Lúc ấy có người con gái, tên gọi là Ác Kiến, đứng bên giếng múc nước. Sa môn đi đến xin nước uống, cô gái trả lời rằng: Để cho ông khát đến chết, tôi cũng không cho đâu, bởi vì làm cho nước của tôi hao hụt, không thể mang đi được. Lúc ấy Sa môn đã không xin được nước uống theo đường mà đi. Lúc người con gái ấy dấy lên tính tham lam keo kiệt, có người đến xin thì dứt khoát không giúp cho, sau đó mạng chung rơi vào trong loài ngạ quỷ, vì nghiệp duyên này cho nên nhận chịu khổ đau như vậy.

Đức Phật bảo với Mục Liên: Cần phải biết rằng người con gái lúc

ấy không cho nước, nay chính là ngạ quỷ này. Lúc Đức Phật giảng về duyên của Ác Kiến này, các Tỳ kheo cùng xả nghiệp tham lam keo kiệt, có người đạt được một trong bốn quả Sa Môn, có người phát tâm Bồ đề Vô thượng, nghe Đức Phật giảng thuyết mà hoan hỷ vâng theo thực hành".

Còn trong kinh Phú Pháp Tạng nói: "Lúc ấy có La hán Tăng Già Da Xá, có Đại trí tuệ ngôn từ biện giải rõ ràng. Xưa tuy xg nhưng chưa chứng đến dấu tích của đạo, đi lang thang bên bờ biển lớn trông thấy một cung điện, trang nghiêm bằng bảy báu sáng ngời đẹp đẽ vô cùng. Tăng Già Da Xá thấy đã đến giờ ăn, liền hướng đến cung điện ấy nói kệ xin ăn rằng:

Đói khát là căn bệnh thứ nhất,
Đi lại là nỗi khổ thứ nhất,
Người biết rõ pháp vốn như vậy,
Có thể đạt được Niết bàn.

Lúc ấy chủ nhà liền đi ra đón tiếp tôn trọng, trải bày đệm chiếu mời vào chỗ ngồi. Tăng Già Da Xá thấy trong nhà đó có hai ngạ quỷ, thân hình trần truồng đen đúa gầy ốm thật là hãi hùng, thân và đầu của chúng đều bị xích chặt vào một chiếc giường. Lại có một bình bát chứa đầy cơm thơm trong đó, lấy một bình đầy nước đặt bên cạnh chỗ ấy. Lúc bấy giờ chủ nhà liền lấy thức ăn này dâng cho Tỳ kheo, nói rằng: Đại Đức, cẩn thận đừng lấy thức ăn này đưa cho ngạ quỷ ấy! Bấy giờ Tỳ kheo trông thấy đói khổ như thế, liền lấy một ít cơm đưa cho ngạ quỷ. Ngạ quỷ được ăn rồi thì nôn ra máu, chảy đầy trên mặt đất làm bẩn cung điện ấy. Lúc bấy giờ Tỳ kheo cảm thấy quái lạ bèn hỏi, quỷ này vì sao nhận chịu tôi báo này? Chủ nhà trả lời rằng: Quỷ này vào đời trước đây, một là con của tôi, một là vợ của con tôi, xưa tôi bố thí làm các công đức, mà vợ chồng chúng thường ôm lòng tức giận tiếc rẻ, tôi nhiều lần khuyên dạy nhắc nhủ nhưng chúng cũng không tiếp thu, vì vậy lập lời thề rằng: Tội nghiệp như vậy chắc chắn phải chịu ác báo, nếu lúc nhận chịu tội báo ta sẽ trông coi các người. Bởi vì nhân duyên này mà phải chịu khổ não như vậy.

Lát sau lại đi về phía trước đến một trú xứ, nhà cửa trang hoàng đẹp đẽ đủ các loại tuyệt vời kỳ lạ, trong đó có chúng Tăng đang kinh hành hoặc ngồi thiền suy tư. Giờ ăn đã đến, tiếng bảng phát ra tập trung ăn cơm, ăn đã sắp xong, thì lúc bấy giờ cơm canh ngon lành biến thành máu mủ, liền dùng chém cùng đánh đạp ném vào nhau, đầu mặt rách toạc máu chảy đầy mình, mà phát ra lời như vậy: vì sao tiêc rẻ thức ăn, nay phải chịu nổi khổ này? Tăng Già Du Xá tiến lên hỏi nguyên cớ tại

sao. Trả lời rằng: Trưỡng lão ơi, chúng tôi ở đời trước đây trong thới Phật Ca Diếp, cùng cư trú một nơi, có Tỳ kheo phương xa đến, chúng tôi đều rất tức tối, cất giấu đồ ăn thức uống mà không phân chia để cùng sử dụng, bởi vì duyên nghiệp này cho nên nay phải chịu nỗi khổ này".

Chánh báo tụng rằng:

Tham lam thích giả vì đạo đức,
Gọt giữa làm thành nghiệp tinh xảo,
Trong lòng lừa dối muôn vàn cách,
Tâm cầu danh lợi quấn ngàn vòng,
Nhận chịu tội báo trong địa ngục,
Tập khí hãy còn theo bao kiếp,
Dao sắc đan nhau cắt hết thịt,
Xương khô trắng bạc nối liền nhau.

Tập báo tụng rằng:

Bởi vì nhân duyên của tham dục,
Chìm đắm quanh quẩn trong đường ác,
Tội hết sanh vào trong loài người,
Tập khí còn lại vẫn theo thân,
Thường ôm chí thỏa lòng gian ác,
Chẳng người nào thương mến mừng vui,
Suốt đời không hiểu được điều này,
Đáng cười thay người ngu cố chấp!
Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Tư Mã Tuyên Vương thời nhà Ngụy; 2- Chi Pháp Tồn người Hồ thời nhà Ngụy; 3- Thái thú Trương Thiện thời nhà tề.

1/ Thời nhà Ngụy có Tư Mã Tuyên Vương, công lao sự nghiệp ngày càng tịnh vượng, nhưng sát hạo Tào Sảng là Đại tướng quân của nhà Ngụy, dấu tích cướp ngôi có phần rõ ràng. Vương Lăng lúc ấy làm Thứ sử Dương Châu, vì Ngụy Đế quản thúc, đối với bề tôi kiên cường không thể làm chủ được, Sở Vương Bưu tuổi cao mà lại có tài, muốn đón về lập ngôi vua. Thứ sử Duyên Châu là Hoa Dĩ Lăng âm mưu trình bày với Tuyên Vương. Tuyên Vương tự mình mang Trung quân đánh dẹp Vương Lăng, bất ngờ quân lính ập đến, Vương Lăng tự biết thế cùng bèn một mình bơi thuyền ra đón Tuyên Vương. Tuyên Vương đưa Vương Lăng trở về Kinh Sư, Vương Lăng đến khu thành rập đi qua bên cạnh miếu thờ Giả Quỷ, Vương Lăng gọi to rằng: Giả Lương Đạo, tôi vốn dốc lòng đối với xã tắc của nhà Ngụy, chỉ riêng ông có thần kỳ

mới biết rõ điều nay! Vương Lăng liền uống thuốc mà chết, ba họ thân thuộc đều bị chém đầu. Năm đó Tuyên Vương mắc bệnh, ban ngày thấy Vương Lăng xuất hiện, cùng với Giả Quỳ làm điều ám muội, vì thế gọi to tên rằng: Ngạn Vân Hoãn là ta. Thân thể Tuyên Vương cũng có chỗ bị đánh, vài ngày sau liền qua đời.

2/ Thời nhà Ngụy có Chi Pháp Tồn, vốn là người Hồ, sinh ra và lớn lên tại Quảng Châu, có sở trường tuyệt vời về thuật chữa bệnh, tức thì trở thành giàu có, có tám cánh Hấp Đăng, làm trăm loại hình tượng màu sắc ánh sáng rực rỡ làm lóa mắt. Lại có chiếc giường tám thước bằng gỗ trầm hương, chỗ ở thường thơm phức. Vương Đàm là Thứ sử Quảng Châu, con trai lớn là Thiệu Chi nhiều lần nài xin hai vật ấy, nhưng Pháp Tồn không cho. Vương Đàm mượn Pháp Tồn bày ra rồi sau đó giết chết, mà tịch thu gia tài. Sau khi chết thì hình dáng hiện ra ở trong phủ, nhất định là đánh trống ở dưới lầu, tựa như nói là oan hồn. Như vậy trải qua cả tháng. Vương Đàm mắc bệnh nặng, thường trông thấy Pháp Tồn canh giữ, không bao lâu thì chết. Thiệu Chi đến Dương Đô lại qua đời.

(Hai chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.)

3/ Thời nhà Tề có Trương Thiện là Thái thú vùng Dương Địch, rất hà khắc và tham lam, tiếng ác vang khắp nơi. Lan Đài phái Ngự sử là Ngụy Huy Tuấn đến quận ngăn chặn và sửa trị làm yên lòng dân, mới điều tra biết được nhiều vụ tham ô hối lộ bừa bãi, tội đáng khép vào chỗ chết. Trương Thiện ở trong ngục sai người tố cáo khắp nơi, vu oan cho Huy Tuấn nhận tiền hối lộ của dân bắt người vô tội giam vào ngục. Văn Tuyên Đế rất giận, cho rằng quan lại hành pháp bức ép không hợp đạo lý, nhất định phải chấn chỉnh lại đến cùng, sai Thượng thư Tả thừa tướng Lô Phỉ điều tra rõ sự việc. Lô Phỉ liền được dịp hiếm có, tạo thành tội trạng của Huy Tuấn dâng biểu trình tấu, chém đầu ở chợ. Huy Tuấn di chúc lại cho Lệnh Sử rằng: Tình lý của tôi thì ông có đủ, sự việc hôm nay có thể khôi phục như thế nào? Nên chuẩn bị nhiêu giấy, mực để cạnh bên thì thể của tôi. Nếu có linh thiêng thì ắt phải báo thù để rửa sạch nỗi oan! Lệnh Sử đau đớn tưởng niệm bán cả quần áo, mai táng cho Huy Tuấn, và mua đầy đủ giấy bút. Sau mười lăm ngày Trương Thiện mắc bệnh nặng, chỉ nói rằng: Rập đầu lạy Ngụy thong thư. Thượng thư là người thế tục gọi đến tên thường gọi là Đài Sử. Chưa được một tuần thì chết. Vừa mới trải qua hai tháng, Lô phỉ ngồi chê Tuần Ngụy sử bị Ngụy Sử bắt mà trình tấu. Văn Đế nổi giận giết chết Lô Phỉ.

(Chuyện này trích từ Minh Tường Ký.)

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 78

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần sáu)

***Phần thứ mười hai:* SÂN NHUẾ**

Phần này có hai mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý.**

Bốn con rắn nhảy nhót không ngừng-ba chất độc băng băng lao đến, sáu tên giặc xâm hai lẫn nhau – trăm mối lo cứ mãi tụ tập; hoặc vốn có hiềm khích nhau sâu nặng – chờ đời tìm những điều tốt xấu, thường ôm lòng kết thành căm phẫn-chỉ tìm cách làm tổn hại nhau, hoàn toàn không có chút nhân nghĩa – lập tức mất đi hết từ bi, giết chết giáo pháp cùng nhân duyên-chỉ bày và ca ngợi cái chết. Hoặc lại ngấm ngầm làm các loại thuốc độc – bí mật sai tà ma chú thuật, liền khiến cho tạng phủ chứa đầy chất độc phát ra xé nát tim gan, làm cho người ta ngậm đua thong suốt đời-ôm hờn căm xuống tuyền đài, trằn trọc sao nói hết-phiền muộn tò cùng ai?! Vì vậy trong kinh nói: "Trong nhà Trưởng giả có nhiều cây độc, La sát trong biển nhiều lần xin túi nổi phao bơi, cũng như vạn bó củi khô chỉ cần một đóm lửa thì có thể cháy sạch, căn nhà u ám suốt trăm năm chỉ một ngọn nến thì phá tan bóng tối". Vì vậy, biết tâm sân hận còn hơn lửa dữ, hành giả nên tự mình phòng hộ, giặc cướp công đức không có gì được mối hại này, nếu dấy lên một niệm sân hận thì ngọn lửa bùng lên thiêu rụi tất cả công đức thiện. Vì thế người có tánh ác hiểm thì người và vật đều sợ hãi, không gần gũi người lương thiện, nói thì trở thành chất độc, thích làm hỏng tâm người ta, khiến cho người ta chán ghét, mọi người không có ai thích, ai cũng sợ hãi lánh xa, như tránh hổ lang hung dữ, hiện tại thì bị khinh rẻ, chết thì đọa vào địa ngục. Vì vậy cho nên người trí, thấy rõ tai họa như vậy, dùng nhẫn nại mà trừ diệt, không sợ những điều khổ đau.

***Thứ hai:* Dẫn Chứng.**

Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu dấy khởi sân hận thì tự

đốt cháy thân mình, tâm tư bí hiểm độc địa, nhan sắc thay đổi lạ lùng, người khác ruồng bỏ thảy đều kinh hãi xa lánh, mọi người không yêu mến mà khinh thường phỉ báng, đến lúc thân mạng kết thúc thì đọa vào địa ngục. Bởi vì sân hận cho nên không việc xấu gì không làm. Vì vậy người trí xả bỏ sân hận như ngọn lửa, biết tai họa của sân hận cho nên có thể làm lợi ích cho mình, vì muốn lợi mình và lợi ích cho người khác, thuận theo nên thực hành nhẫn nại. Ví như lửa lớn đốt cháy nhà cửa có người khỏe mạnh dũng cảm lấy nước dập tắt. Nước của trí tuệ có năng lực dập tắt lửa sân hận, cũng lại như vậy. Người luôn luôn ném chịu đựng là tâm thiện bậc nhất, luôn luôn xả bỏ sân hận, được mọi người yêu mến, mọi người đều thích gặp mặt, được mọi người tin nhận, nhan sắc trong sáng tươi tỉnh, tâm tư vắng lặng rõ ràng, tâm không nóng nảy bồn chồn, dễ dàng lắng đọng thâm tâm, xa lìa lỗi của thân miệng, xa lìa tâm tư sầu não, xa lìa nỗi sợ đường ác, xa lìa mọi sự oán ghét, xa lìa tên gọi xấu ác, xa lìa mọi sự ưa não, xa lìa nỗi sợ oan gia, xa lìa người ác mắng nhiếc thô tục dữ dằn, xa lìa nỗi sợ ân hận, xa lìa nỗi sợ tiếng xấu, xa lìa nỗi sợ không có lợi ích, xa lìa nỗi sợ khổ đau, xa lìa nỗi sợ ngạo mạn. Nếu người có năng lực xa lìa những nỗi sợ như vậy, thì tất cả công đức thảy đều đầy đủ, tên gọi khắp nơi đều nghe đến, đạt được niềm vui của hai đời hiện tại và tương lai, mọi người nhìn thấy giống như cha mẹ mình, là người nhẫn nhục thì được mọi người gần gũi. Vì vậy sân hận giống như rắn độc, như dao sắc như lửa nóng, dùng nhẫn nhục mà dập tắt, có năng lực làm cho đều loại trừ hết. Có thể nén chịu đựng sân hận, đó gọi là nhẫn. Nếu có người thiện có thể tu tập hành thiện, nên dấy lên nghĩ rằng: Nhẫn nhục giống như vật báu nên cố gắng giữ gìn. Nhưng các chúng sanh thiện ác hiện bày sai khác, người ngu mắng chưởi xúc phạm hơn người ta cho là thắng, người trí hạ mình im lặng cho là bậc nhất. Người ngu bởi vì dấy lên một chút tranh chấp liền trở thành mối hận to lớn. Nếu mình đắc thắng thì người ta oán hận càng sâu sắc. Nếu tự mình đuối lý thì trái lại càng thâm ưu sầu khổ sở. Nếu luôn luôn cẩn thận lời nói không nói đến điều tốt xấu của người, cho dù người ta mắng chưởi mình thì đều là nghiệp vốn có chứ không phải là báo ứng ngang ngược”.

Còn trong kinh Lục Độ Tập nói: “Xưa kia thân Bồ tát làm voi chúa, tâm tư rộng lớn bao la, biết rõ có Phật Pháp Tăng, thường tự quy thuận ba ngôi tôn quý, thường dùng lòng từ cứu giúp tất cả chúng sanh, thệ nguyện được thành Phật sẽ hóa độ tất cả. Có năm trăm con voi đi theo, lúc ấy có hai người vợ, voi chúa vào trong nước hái được

một cành hoa sen, hoa ấy màu sắc rất tuyệt vời, đem tặng cho người vợ cả. Người vợ cả có được cành hoa vui thích nói rằng: Băng lạnh vô cùng, làm sao có được cành hoa này vậy? Người vợ nhỏ tham ganh tức giận mà thề rằng: Sẽ dùng chất độc rất mạnh để giết ngươi thôi. Giận dữ kết buộc mà chết, hồn linh thiêng cảm ứng hóa làm con gái trong loài người, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, thông minh trí tuệ, biết rộng xưa nay, ngước lên xem Thiên văn, hiểu rõ thời thế thạnh suy. Nhà vua nghe như vậy, cưới về làm phu nhân. Đến cung vua thì sắp đặt công việc sửa trị đất nước, ý nghĩa phù hợp với trung thần, nhà vua vui sướng mà rất kính trọng, cứ mỗi khi nói là nhất định nghe theo. Phu nhân nói: Thiếp mộng thấy con voi sáu ngà, lòng mong muốn ngà voi đó để làm đồ trang sức, nhà vua không quan tâm thì thiếp sẽ chết thôi. Nhà vua nói: Đừng nói lời không hay, người ta nghe thấy sẽ cười chê. Trong lòng phu nhân sanh ra buồn rầu, nhà vua truyền mời bốn vị cận thần bàn bạc, tự nói mình mộng thấy rằng: Xưa nay có con voi này chăng? Một cận thần trả lời rằng: Không có con voi như vậy. Một cận thần nói: Nhà vua không mộng. Một cận thần nói: Đã từng nghe là có con voi này, ở nơi xa xôi vô cùng.một cận thần nói: Nếu như Đế Thích thì có thể tìm được, nay rõ ràng ở nơi ấy rồi. Bốn vị cận thần lập tức mời thợ săn khắp nơi đến hỏi: Thợ săn ở phương Nam nói: Cha tôi lúc còn sống thường nói là có, nhưng mà xa xôi khó tìm được. Vị cận thần trên nghe được nói rằng: Người này biết con voi đó. Nhà vua lập tức gặp mặt thợ săn, phu nhân nói: Ông đi thẳng về phía Nam ba ngàn dặm, vào trong núi đi khoảng chừng hai ngày, thì đến chỗ voi ở, đào hố bên đường, cạo bỏ râu tóc của ông, mặc y phục Sa môn, ở trong hố mà bắn, cắt lấy ngà voi, đem hai tấc về đây. Thợ săn voi làm như mệnh lệnh, đi đến chỗ của voi, trước khi bắn voi, lại mặc pháp y, cầm bình bát đứng ở trong hố. Voi chúa trông thấy Sa môn thì cúi đầu nói: Kính lạy Đạo sĩ, bởi vì chuyện gì mà thừ thân mạng của tôi? Đáp rằng: Muốn có được ngà của ông. Voi chúa nói: tôi đau đớn khó chịu nổi hãy mau chóng cắt lấy ngà đi, đừng làm tâm tôi rối loạn mà sinh ác niệm. Bởi chí niệm ác thì chết rồi vào trong đường địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh. Người lòng dạ nhẫn nại thực hành Từ Bi, ác rời xa mà thiện hướng về, là hạnh trên cao của Bồ tát. Người thợ săn liền cắt lấy ngà. Voi chúa nói: Đạo sĩ ơi, ông nên đi đi, đừng để chobầy voi tìm theo dấu chân. Voi chúa vào lúc người thợ săn đi xa, đau đớn quá khó chịu đựng nổi, ngã nhào xuống đất rống to, chốc lát mà chết, liền sanh lên cõi trời. Bầy voi từ bốn phía chạy đến đều nói: Người nào giết hại chúa tể của chúng tôi? Đi tìm khắp nơi không gặp,

trở về canh giữ thi thể voi chúa, đau lòng gào thét xót xa. Thợ săn đem ngà trở về, nhà vua nhìn thấy ngà voi thì tâm tư đau xót hãi hùng. Phu nhân lấy ngà name trong tay, thích ý nhìn mãi. Sấm sét chớp giật nổi lên, đánh cho hộc máu, chết đọa vào địa ngục.

Đức Phật bảo với các Sa môn: Voi chúa lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Người vợ lớn nay chính là Cù Di. Thợ săn nay chính là Điều Đạt. Phu nhân nay chính là Diệu Thủ. Bồ tát giữ tâm chí hóa độ không cùng tận và thực hành trì giới như vậy".

Còn trong Trí Độ Luận nói: "Thích Đề Hoàn Nhân thưa hỏi Đức Phật rằng:

Giết vật gì sẽ được an ổn,
Giết vật gì không còn âu lo?
Vật gì là nguồn gốc của độc,
Làm hủy diệt tất cả điều thiện?
Đức Phật trả lời rằng:
Giết sân hận thì được an ổn,
Giết sân hận thì không âu lo,
Sân hận là nguồn gốc của độc,
Sân hận diệt tất cả điều thiện".

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng có kệ nói:

"Được thắng cuộc tăng thêm thù oán,
Thua cuộc thì thêm nhiều ưu khổ,
Người không tranh dù thắng hay thua,
Niềm vui ấy thật là bậc nhất.

Nếu người thực hành nhẫn nhục thì có năm đức: 1- Không có thù hận; 2- Không có trách mắng; 3- Được mọi người yêu mến; 4- Có danh tiếng tốt đẹp; 5- Sanh vào đường thiện. Năm đức này gọi là quan hệ có tác dụng ôn hòa".

Còn trong kinh Trường A Hàm có kệ rằng:

"Ngu mắng nhiếc mà trí im lặng,
Thì trở thành người thắng kẻ kia,
Người ngu kia không có hiểu biết,
Nói là mình ôm lòng sợ hãi.
Mình quán xét ý nghĩa bậc nhất,
Nhẫn nhục lặng im là cao nhất,
Người xấu ác trong mọi xấu ác,
Đối với sân lại sinh sân hận.
Có thể đối với không sân,

Là người cao nhất trong cuộc chiến,
Nói rằng con người có hai duyên,
Vì mình cũng là vì người khác.
Mọi người có xảy ra tranh cãi,
Người không đáp lại là hơn hẳn,
Nói rằng con người có hai duyên,
Vì mình cũng là vì người khác.
Trông thấy người không có tranh cãi,
Không nói là ngu si ngốc nghếch,
Nếu như người có nhiều sức lực,
Có thể nhịn người không có sức,
Sức lực này trở thành bậc nhất,
Cao nhất ở trong mọi nhẫn nhịn.
Ngu si tự nói có sức lực,
Sức này chẳng phải là sức lực,
Người có sức nhẫn nhịn như pháp,
Sức này không thể ngăn cản được".

Còn trong kinh Tu Hành Đạo Địa có kệ rằng:

"Miệng nói lời mềm mỏng dịu dàng,
Mà lòng dạ hiểm độc tai hại,
Đối xử với người rất hoan hỷ,
Thuận theo nhau giống như người thân.
Miệng nói mà dịu dàng thuận ý,
Trong tâm tư chứa đầy ác hiểm,
Như cây có hoa màu sắc đẹp,
Trái hạt đắng chát như chất độc".

Còn trong kinh Xích Chủy Ô Dụ nói: "Xưa có con quạ tên gọi là Câu Kì (thời Lương nói là Xích Chủy Ô), dạo chơi ở trong rừng cây, sinh đẻ các con còn ở trên cây. Lúc ấy có con Câu Kì và một con khỉ cùng làm bạn thân thiết sâu đậm. Lúc ấy trong lùm cây có một con rắn độc, đợi lúc đi vắng không có nhà bò lên ăn con của Câu Kì, không để sót lại con nào. Câu Kì mất con, kêu khóc buồn thảm nỉ non vô cùng, không biết con ở nơi nào, tự mình suy nghĩ kỹ càng, biết con rắn đã ăn. Con khỉ trở về trông thấy, hỏi xảy ra chuyện gì. Trả lời rằng: Rắn ăn mất con tôi, hết sạch không còn gì cả. Con khỉ nói: Tôi sẽ trả thù. Lúc ấy con rắn độc đi lại, con khỉ quấy nhiễu phía trước, con rắn tức giận quấy lấy con khỉ, con khỉ nắm được đầu rắn kéo đến trên tảng đá, mài toạc đầu mà chết, sau đó ném bỏ mà trở về. Con Câu Kì vui mừng nhảy nhót. Loài

súc sanh còn có báo thù lẫn nhau, huống hồ là đối với loài người?"

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có một con rắn, đầu và đuôi tự tranh cãi với nhau. Đầu nói với đuôi rằng: Tôi phải là lớn. Đuôi nói với đầu rằng: Tôi phải là lớn. Đầu nói: Tôi có tai luôn luôn nghe, có mắt luôn luôn nhìn, có miệng luôn luôn ăn, lúc đi thì ở phía trước, cho nên được làm lớn, ông không có kỹ thuật này. Đuôi nói: Tôi làm cho ông đi, cho nên có thể đi mà thôi, nếu tôi không đi mà dùng thân quấn quanh cây ba vòng, ba ngày không dứt, không thể tìm được thức ăn, đói lả gần chết. Đầu nói với đuôi rằng: Ông có thể tha cho tôi, tùy ý ông là lớn. Đuôi nghe nói lời ấy, lập tức tha cho. Đầu lại nói với đuôi rằng: Ông đã làm lớn, tùy ý ông đi trước. Đuôi đi ở phía trước, chưa qua được mấy bước thì rơi xuống hố rất sâu mà chết. Dụ cho chúng sanh không có trí mà cố chấp làm cho người và mình rốt cuộc rơi vào ba đường khổ đau".

Còn trong Tăng Kỳ Luật nói: "Vào thời quá khứ có một bầy gà nương vào rừng cây Phỉ mà cư trú, có con cáo xâm nhập ăn thịt con gà trống, chỉ có gà mái còn lại. Sau đó con quạ đến che chở, cùng sanh được một con. Lúc con cất tiếng kêu, thì cha nói kệ rằng:

Con này không phải là mình có,
Cha ngoài đồng mẹ trong thôn xóm,
Cùng kết hợp sinh ra con cái,
Chẳng phải quạ lại chẳng phải gà.
Nếu như muốn học theo tiếng cha,
Lại là do gà mẹ sinh ra,
Nếu như muốn bắt chước tiếng mẹ,
Thì người cha ấy lại là quạ.
Bắt chước quạ tựa như gà kêu,
Theo gà lại thành tiếng quạ,
Gà và quạ nếu cùng học theo,
Thì cả hai không thể thành tựu.

Đây là dụ cho đạo- tục trì cấm giới mà tạp nhiễm không thuần nhất, trong hình tướng tựa như thiện mà miệng phát ra lời nói tệ hại, muốn gọi là thiện thì miệng lại phát ra lời ác, muốn gọi là chẳng phải thiện thì tướng mạo lại là người xuất gia".còn trong kinh Phạt Độc Thọ nói: "Xưa ở nước Xá Vệ có vườn cây chung mọc lên một loài cây độc, người dạo chơi dưới tán cây đều bị đau đầu muốn nổ tung, hoặc mắc phải chứng bệnh đau long. Chặt rồi vẫn mọc lại, đẹp nhất trong các loài cây, môi người trông thấy rất thích mà không biết kiêng kị, đều dẫn đến

cái chết. Có người trí tuệ nói là nên trừ hết gốc rễ của cây, vừa lúc sắp đào rễ lại sợ rằng chắc chắn sẽ chết, lại tiếp tục suy nghĩ làm sao? Xuất gia học đạo cũng lại như vậy. Đức Phật thuyết kệ rằng:

Chặt cây không trừ hết gốc rễ,
Tuy chặt mà hãy còn sống lại,
Chặt ái không tận cùng nguồn gốc,
Nhiều lần lại sinh ra đau khổ.

Tâm thức tỉnh mà quở trách nghiêm khắc liền đạt được Sơ quả”.

Còn trong kinh Bột thuyết kệ rằng:

“Ác do tâm sinh ra,
Lại lấy làm hại mình,
Như sắt sinh rỉ sét,
Tiêu hủy hình thể nó.
Cây sum sê hoa quả,
Trở lại gãy cành cây,
Rắn rít ngậm nọc độc,
Trở lại hại thân mình”.

Còn trong Thiện Kiến thuyết kệ rằng:

“Nếu như người khởi tâm sân giận,
Vì như xe chạy nhanh quá mức,
Người đánh xe có thể kìm lại,
Không đủ để cho là khó khăn,
Người có thể chế ngự tâm sân,
Việc này thật là khó vô cùng”.

Còn trong kinh Tu Hành Đạo Địa có kệ rằng:

“Người nào có sân hận mặc sức,
Oán giận làm hại đến người khác,
Đời sau sinh vào loài rắn rít,
Hoặc làm loài thú rất hung dữ.
Ví như cây tre tâm thẳng vào,
Con la mang thai mền như chuối,
Trở lại hại mình cũng như vậy,
Cho nên hãy phát khởi tâm từ”.

Còn trong kinh Bách Duyên nói: “Đức Phật an trú trong tinh xá Trúc lâm Ca Lan Đà tại thành Xá Vệ, lúc ấy trong thành có một Trưởng giả tên là Hiền Diện, tiền bạc châu báu vô lượng không thể kể xiết, có nhiều điều nịnh hót quanh co, keo kiệt tham lam và ganh tị, hoàn toàn không có tâm giúp đỡ, thậm chí chim bay cũng xua đuổi không cho gần

nhà. Có những Sa môn và Bà-la-môn, nghèo túng xin ăn đi theo người ấy cầu xin, thì bị mắng chưởi dữ dằn. Về sau mạng chung chịu báo ứng làm thân rắn độc, trở lại canh giữ tài sản vốn có. Người có đến gần, trợn mắt phồng mang, nhìn bằng ánh mắt thật dữ dằn, có thể khiến cho người ta sợ chết khiếp. Vua Tần Bà Sa La nghe xong mà lòng dạ kinh hãi vô cùng, nay con rắn độc này thấy người thì làm hại, chỉ có Đức Phật mới có năng lực điều phục. Suy nghĩ như vậy rồi liền dẫn theo quần thần đi đến nơi Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Đức Phật xong lùi lại ngồi về một phía, thưa rõ đầu đuôi sự việc trước đó, chỉ nguyện xin Đức Thế Tôn, làm cho con rắn này phải thuần phục đừng để cho làm hại môi người. Đức Phật gật đầu đồng ý. Vào ngày hôm sau, Đức Phật đắp y ôm bát đi đến chỗ rắn. Rắn thấy Đức Phật đến thì sân hận rừng rực muốn cắn Như Lai. Đức Phật dùng sức mạnh từ bi ở năm đầu ngón tay, phóng ra ánh sáng 5 màu chiếu rọi vào thân rắn kia, lập tức được mát mẻ độc tố nóng nảy tiêu trừ, lòng dạ vui sướng ngước đầu nhìn bốn phía, là người phước đức thế nào, có năng lực phóng ra ánh sáng này, soi chiếu vào thân thể mình, khiến cho được mát mẻ sảng khoái không thể nói được. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thấy rắn đã điều phục, bèn nói cho biết duyên vốn có. Rắn nghe lời Đức Phật nói mà tự trách mình hết sức sâu sắc, mây mù bao phủ ngăn cách trừ diệt tự nhớ lại túc mạng của mình, lúc làm Trưởng giả vốn gây ra ác nghiệp, nay phải chịu báo ứng này, mới ở trước Đức Phật phát sinh niềm tin tôn kính sâu sắc. Đức Phật bảo cho biết rằng: Thuận theo Đức Phật được giảng dạy không dám làm trái giáo lệnh. Đức Phật bảo với rắn rằng: Nếu ông điều phục thuận theo thì vào trong bình bát của Ta. Đức Phật nói xong rồi thì rắn liền vào trong bình bát, Ngài mang đến trong rừng. Nhà vua và quần thần nghe Đức Thế Tôn điều phục cảm hóa rắn độc đựng trong bình bát mang về, nhân dân cả nước đều đến cùng nhau nhìn xem. Rắn thấy mọi người sanh lòng hổ thẹn vô cùng, chán ngán thân rắn này mà lập tức mang chung, sanh lên cõi trời Đạo Lợi thì tự mình nghĩ rằng: Mình tạo nên phước gì mà được sanh đến cõi trời? Liền tự quán sát thấy ở thế gian chịu thân hình rắn độc, nhờ được gặp Đức Phật cho nên sanh tâm tin tưởng tôn kính, chán ghét thân rắn được sanh đến nơi này hưởng niềm vui sướng của cõi trời, nay nên trở lại đền đáp ân đức của Phật Thế Tôn. Thế là ôm hoa cầm hương ánh sáng rực rỡ chói lòa, đi đến trước nơi Đức Phật lễ lạy dưới chân Ngài, cúng dường xong rồi lui về chỗ ngồi ở một bên, lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, tâm ý hiểu rõ thông suốt đạt được quả vị Tu đà hoàn. Liền ở trước Đức Phật nói kệ ca ngợi Đức Phật rằng:

Đấng Đại Thánh Tôn thật uy nghiêm,
Tất cả công đức đều đầy đủ,
Có năng lực mở toang mù tối,
Trong khoảnh khắc đạt được đạo quả,
Loại trừ hết phiền não cấu trược,
Vượt lên trên biển sâu sinh tử,
Nay nhờ được ân đức của Phật,
Đã đóng chặt ba đường khổ đau.

Lúc bấy giờ Thiên Tử ca ngợi Đức Phật xong, đi vòng quanh Đức Phật ba vòng trở về lại cung trời. Lúc ấy vua Tần Bà Sa La nghe Đức Phật thuyết về duyên keo kiệt tham lam, những người trong pháp hội lúc ấy, có người đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề, tất cả đều vâng mạng hoan hỷ thực hành".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Đức Phật an trú tại nước Kiều Tát La, dẫn các Tỳ kheo sắp đến dưới tán cây Lặc Na. Đến trong một đầm nước, có năm trăm con trâu rất là hung dữ, lại có năm trăm người chăn trâu, từ xa trông thấy Đức Phật đi đến dẫn theo các Tỳ kheo đi trong con đường này, cất tiếng gọi to lên: Xin Đức Thế Tôn đừng đi vào đường này, trong bầy trâu này có con trâu rất dữ tợn, rất bất ngờ làm tổn thong người ta, khó có thể đi qua được. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với người chăn trâu dê rằng: Các ông bây giờ đừng quá lo sợ, con trâu kia nếu có đến húc Ta thì Ta tự biết thời cơ. Nói trong chốc lát, con trâu hung dữ bất ngờ đi đến, vểnh đuôi chúi sừng, tung đất gào rống, nhảy chồm thẳng về phía trước. Bấy giờ Như Lai từ năm đầu ngón tay hóa hiện năm con sư tử, ở hai bên Đức Phật, vòng quanh bốn phía có hầm lửa lớn. Lúc ấy con trâu dữ tợn kia thật là hoảng sợ, lồng lên chạy khắp bốn hướng, nhưng không có nơi nào đi được, chỉ có một chút đất trước chân Đức Phật, mát mẻ yên lành, bèn chạy nhanh hướng về nơi ấy, tâm ý bình tĩnh, không còn sợ hãi gì nữa, quỳ thẳng cúi đầu liếm chân Đức Thế Tôn. Lại nhân tiện ngước đầu nhìn Đức Phật mà lòng vui mừng không sao kể xiết. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết trâu dữ tợn kia trong lòng đã được điều phục, liền vì trâu mà thuyết kệ rằng:

Tâm tràn đầy dấy khởi ác ý,
Muốn xông đến làm tổn hại Ta,
Quả thật hy vọng được thắng cuộc,
Nhưng trái lại đến liếm chân Ta.

Lúc ấy con trâu kia nghe Đức Thế Tôn thuyết kệ này xong thì sinh ra hổ thẹn hết sức, bỗng nhiên thức tỉnh rõ ràng mây mù che lấp âm u

bị trừ sạch, biết thân đời trước ở trong loài người đã gây ra ác nghiệp nên sinh tâm hổ thẹn bội phần, bỏ ăn bỏ uống thế là mạng chung. Sanh lên cõi trời Đạo Lợi, bỗng nhiên lớn lên như đứa trẻ tám tuổi, liền tự suy nghĩ rằng: Mình tu phước thiện gì mà sanh lên cõi trời này? Lập tức tự mình quán sát, biết là ở thế gian nhận chịu thân loài trâu, nhờ Đức Phật hóa độ được sanh lên cõi trời, nay mình nên trở lại đền đáp ân đức của Đức Phật. Dấy lên ý niệm này rồi, ôm hương cầm hoa đi đến chĩ6 Đức Phật, ánh sáng chói lòa soi chiếu vào Đức Phật, tiến lên lễ lạy dưới chân Đức Phật rồi hùi lại ngồi về một phía. Đức Phật liền vì Thiên thần thuyết về pháp Tứ Đế, tâm ý thông hiểu đạt được quả vị Tu đà hoàn, đi vòng quanh Đức Phật ba vòng rồi trở lại cung trời. Lúc ấy năm trăm người chăn đàn trâu, vào sáng sớm hôm ấy đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà tâm mở mang ý hiểu rõ, tất cả đều đạt được dấu tích của đạo bèn cầu xin xuất gia. Đức Phật liền bảo rằng: Hãy cố gắng lên Tỳ kheo! Tức thì râu tóc tự nhiên rụng hết, pháp phục mang trên thân, liền trở thành Sa môn, tinh chuyên cần mẫn tu tập, đạt được quả vị A la hán. Lúc ấy các Tỳ kheo thấy sự việc này rồi, bèn thưa với Đức Phật rằng: Nay con trâu này và năm trăm người chăn trâu, đời trước tạo ra nghiệp gì mà sanh trong loài trâu, lại tu phước gì mà được gặp Đức Thế Tôn? Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông muốn biết túc nghiệp đã tạo các duyên ác nghiệp, nay Ta sẽ nói cho các ông biết. Kệ rằng:

Vốn có tạo ra nghiệp thiện ác,
Qua năm kiếp mà không hủy hoại,
Nhờ vào nhân duyên của nghiệp thiện,
Bây giờ được báo ứng như vậy.

Ở trong Hiền kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca Diếp. Ở trong giáo pháp của ngài có một Tỳ kheo tên gọi Tam Tạng, dẫn năm trăm đệ tử đi qua nước khác, ở giữa đại chúng mà cùng nhau bàn luận. Có người chất vấn không thể thông suốt được, liền nổi sân hận lại còn mắng nhiếc tệ hại rằng: Các ông bây giờ không hiểu biết gì, gắng chất vấn ta giống như trâu bất ngờ đến húc người vậy. Lúc ấy các đệ tử thảy đều tác đồng, tất cả tự nhiên tản ra. Bởi vì nhân duyên của nghiệp ác khẩu này, trong năm trăm đời sanh vào trong loài trâu, và người chăn trâu cùng đi theo nhau, cho đến bây giờ vẫn chưa thoát được.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Cần phải biết rằng Tỳ kheo Tam tạng kia, nay chính là con trâu hung dữ trong bầy này. Các đệ tử lúc ấy,

nay chính là năm trăm người chăn trâu.

Lúc Đức Phật giảng giải về nhân duyên của con trâu này, tất cả đều tự mình giữ gìn nghiệp thân khẩu ý, chán ngán sinh tử đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm vô thượng Bồ đề, nghe Đức Phật giảng giải đều hoan hỷ vâng lời thực hành".

Chánh báo tụng rằng:

Người ngu si sân hận dày,
Bị lửa địa ngục luôn thiêu đốt,
Lang sói vây quanh tranh giành nhau,
Rắn rít độc hại tranh đến trước,
Mắt trợn trừng cắn xé ăn thịt,
Thân hình ngang dọc bị xuyên thủng,
Tự gây ra cũng tự gánh chịu,
Lửa sân hận tranh nhau đốt cháy.

Tập báo tụng rằng:

Tâm giận dữ thật là độc hại,
Nhấn chìm trong ác đạo khổ đau,
Ra khỏi nơi ấy được thân người,
Dư báo vẫn bị người não hại,
Người thấy tìm lỗi lầm của họ,
Ghét bỏ chê bai như cỏ độc,
Lỗi này đã không ích lợi gì,
Ngu si sân hân nào đáng quý?

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 10 chuyện: 1- thời nhà Lương có người họ Hoằng quên tên ở vùng Khúc A; 2- Thời nhà Lương có Lệnh Chu Trinh ở Mạt Lăng; 3- Thời nhà Lương có Lạc Cái Khanh ở vùng Nam Dương; 4- Thời nhà Lương có Tham quân Dương Đạo Sanh; 5- Thời nhà Lương có Thứ sử Trương Cao; 6- Thời Chu Văn Đế có Vũ Văn Thái; 7- Thời nhà Trần có Trung thư xá nhân Ngu Trắc; 8- Thời nhà trần có Dữu Quý Tôn; 9- Thời nhà Lương ở Vũ Xương có Thái thú Trương Huyến; 10- Thời nhà Lương có Bùi Thực.

1/ Lương Vũ Đế muốn dựng chùa trên lăng mộ cho Văn Hoàng Đế, nhưng chưa có gỗ tốt, bèn nói rõ ý với các quan sai người tiến hành hỏi han tìm kiếm. Trước đó có người học Hoằng quên tên ở vùng Khúc A, gia đình rất giàu có, mới cùng với thân độc mang nhiều tiền bạc, đi đến Tương Châu làm ăn sinh sống, trải qua mấy năm kiếm được một bè gỗ, dài khoảng chứng ngàn Bộ, gỗ thuộc loại tốt đẹp hiếm có ở thế

gian, xuôi trở về đến Nam tân. Hiệu úy vùng Nam tân là Mạch Thiếu Khanh, hy vọng triều đình sẽ có ý chỉ tuyển dụng bèn tiến hành đo đạc chuẩn mực. Họ Hoằng đã bán áo quần lụa là, hãy còn có thừa lại đôi chút, Thiếu Khanh vu oan cho là đi đường cướp giật mà có, đồng thời lập tức tạo ra tội lỗi để ràng buộc, không phải điều nên làm của người buốn bán, kết thành tội phải xử tử, tịch thu bè gỗ đưa vào làm của công, lấy sử dụng làm chùa. Trình tấu liền thi hành. Ngày sắp hành hình, họ Hoằng dặn dò vợ con mình, hãy lấy một trăm tờ giấy vàng và đầy đủ bút mực đặt vào trong quan tài, chết mà có biết thì nhất định sẽ giã bày nỗi oan ức, còn viết tên họ Thiếu Khanh mấy chục lần mà nuốt chửng. Trải qua khoảng chừng một tháng, Thiếu Khanh ngồi ngay thẳng thì thấy họ Hoằng xuất hiện, ban đầu hãy còn tránh để bảo vệ, sau mới chầm chậm thuyết phục, chỉ nói cầu xin ân đức nôn ra máu mà chết. Tất cả các quan cai ngục và chủ thư xá nhân, tham dự vào sự việc trong ngục này cùng với người thay quyền trình đấu, theo thứ tự mà chết. Chưa qua khỏi một năm mà đều điêu tàn thảm hại. Ngôi chùa to lớn xây dựng mới hoàn thành thì bị lửa trời đốt cháy rụi, không còn mảy may. Cột gỗ đã chôn vào đất cũng trở thành tro bụi.

2/Thời nhà Lương có Chu Trinh làm huyện lệnh Mạt Lăng, vì lỗi lầm bị quan vào ngục. Đình úy Bình Ngu Chuyên điều tra sự việc ấy, kết luận chính thức khép tội rất nặng. Chu Trinh sai Tương Văn nói với Ngu Chuyên rằng: Tội của ta đáng chết, không dám cầu xin ân huệ gì, nhưng hãy còn hy vọng Chúa thượng rộng lòng tha thứ cho phần nào mà thôi, ngày mai đã không ngày xuống mồ của học Chu ta thì xin được nghe qua bản tấu trình ấy thích hợp như thế hay không? Ngu Chuyên trả lời rằng: Điều này về lý thì không sai, có gì là không đúng đâu, xin nghe theo chỉ thị thôi. Bèn lấy bó tấu sớ về sự việc của Chu Trinh để ngày mai vào trước. Ngu Chuyên nhân tiện gặp khách cùng uống rượu hàn huyên đến say mèn, thế là quên rút văn thư ra. Lại nói: Người nhà đem tất cả tấu sớ bỏ vào trong hòm áo quần, lần lượt mở ra mới thấy văn bản sự việc này, tình thế không thể giấu giếm không, thì như thế mà tấu trình. Vũ Đế rất giận dữ nói: Chu Trinh phải chết, đưa ra bên ngoài xử tử rõ ràng. Chu Trinh nghe tin vô cùng oán hận nói: Ngu Chuyên là thằng tồi lừa dối người sắp chết, ma quỷ dường như không biết bởi vì giống với tro bụi, nếu như có biết thì thề phải báo thù. Chu Trinh đưa đến chợ thị mới chịu tuyệt mạng, mà Ngu Chuyên đã trông thấy oan hồn xuất hiện. Từ đó về sau luôn luôn trông thấy, Ngu Chuyên thấy xuất hiện rất dữ dằn. Lại mộng thấy ngồi xe đi ở dưới chân núi, Chu

trinh ở trên núi xô đá ép xuống. Hơn tháng sau vào ngày Ngu Chuyên được phong chức huyện lệnh Khúc A, ngày mai làm lễ tấn phong đến nhận ấn dấu ở dưới cửa cung điện, thì vợ Ngu Chuyên bình thường mà bất ngờ qua đời ở nhà, Ngu Chuyên khốn đốn lập tức trở về. Bước vào nhà khóc thương vợ, ngẩng đầu trông thấy Chu Trinh ở trên xà nhà. Ngu Chuyên nói: Chu Trinh huyện lệnh Mạt Lăng ở đây, vợ tôi há có thể không chết! Nói chưa xong mà căn nhà vô cớ bỗng nhiên đổ sụp, Ngu Chuyên và trai gái nô tỳ tôi tớ hơn mười người trong một lúc cùng mất mạng. Quan Hữu thừa là Ngu Trắc vôn là thân thích trong họ, lo liệu việc tang từ lúc bắt đầu, thấy Ngu Chuyên trở về thì tạm thời tránh xuống nhà dưới, chỉ một mình được thoát nạn.

3/ Thời nhà Lương vào lúc Lư Lăng Vương ở tại Kinh Châu, đã từng sai tùy tùng đo đạc bao quát ruộng đất của dân chúng. Lạc Cái Khanh ở Nam Dương cũng đảm nhiệm là một người đi làm sứ. Lúc ấy Công phủ xá nhân là Vi Phá Lỗ, triển khai sắc lệnh khuyên nhắc, không đúng với ý vốn có của Vương, và Cái Khanh cũng vì làm trái mà đắc tội. Phá Lỗ kinh hoàng sợ hãi không dám khơi ra sai lầm, chỉ nói dối với Cái Khanh rằng: Tự mình để phân chia rõ ràng không nhọc lòng bày tỏ với ai. Trong mấy ngày thì bị chém đầu ở chợ. Cái Khanh kêu khóc không biết làm sao tự bày tỏ, chỉ nói với người nhà lấy giấy mực liệm theo. Sau khi chết mấy hôm thì Phá Lỗ ở trong chuông chăm sóc trâu, bỗng nhiên thấy Cái Khanh đưa cái đầu lên mà đi vào, cầm một bát dưa muối đưa cho Phá Lỗ. Phá Lỗ bỏ chạy kinh hãi gọi to, không được lấy mà uống. Vì thế mắc bệnh không bao lâu mà chết. Còn Đỗ Nghi làm Thứ sử Lương Châu là con trai thứ hai của Hoài Dao, nhậm chức Thứ sử ở phía Tây vùng Kinh Châu, tánh tình rất ngang ngược và hay ganh ghét, mới cưới một người thiếp, tuổi tác và diện mạo đều phù hợp, cưng chiều rất nồng hậu. Người thiếp nhận được thư cha mình nói rằng: Những ngày gần đây khốn khổ muốn có đôi chút khẩn cầu. Người thiếp dựa mành đọc thư, Đỗ Nghi từ ngoài trở về, mà người thiếp tự vì mới đến, xấu hổ vì chuyện này nên không muốn Đỗ Nghi biết, do đó nhai nuốt bức thư. Đỗ Nghi nói là thư của người tình gởi, liền khiến mổ bụng lấy thư. Người thiếp hơi thou chưa dứt mà thư đã lấy ra, Đỗ Nghi xem xong than rằng: Ta không tự ý vôi vàng như vậy, làm tổn thương hòa khí của thiên hạ thì có thể lâu dài được chăng? Đêm ấy thấy người thiếp giãi bày, Đỗ Nghi trong mười ngày mà chết. Người vùng Tương Dương cho đến bây giờ vẫn lấy làm cái cớ có thể lợi dụng để nhắc nhủ.

4/ Thời nhà Lương ở vùng Thái Sơn có Dương Đạo Sanh, làm

tham quân trong quân đội của Thiệu Lăng Vương nhà Lương, anh trai là Hải Trân nhậm chức Thứ sử Trá Châu, Đạo Sanh xin nghỉ để đi thăm anh. Về sắp đến chỗ thì anh đứng bên đường chờ Đạo Sanh, Đạo Sanh trông thấy trói một người ở gốc cây, đi đến nhìn thì chính là Bộ Khúc bạn cũ của mình. Trông Tháy Đạo Sanh mà khóc chảy nước mắt đau xót giãi bày rằng: Trá Châu sắp ban cho cái chết, cầu xin cứu giúp. Đạo Sanh hỏi vì tội gì? Đáp rằng: Thất ý mà bỏ trốn. Đạo Sanh nói: Điều này đáng giận nhất. Liền xuống ngựa dùng dao đeo ở đai áo khoét đôi mắt nuốt chửng. Bộ Khúc kêu trời kêu đất vô cùng đau đớn. Lát sau Hải Trân đến, lại khuyến khích anh dứt khoát chém đầu. Đến chỗ ngồi rất lâu mới cảm thấy đôi mắt ở trong cổ họng, tắc lại mà không chịu xuống, tìm rượu uống xuống, liên tiếp dốc hết mấy chén nhưng cuối cùng không thể nào hết được, chuyển sang cảm thấy phình lên tắc nghẹn, tức thì không thể yên ổn được mà từ biệt, ở bên đường mấy ngày thì chết. Người lúc ấy trông thấy, không có ai không cho là có đạo trời ứng nghiệm thật sự.

5/ Thời nhà Lương có Trương Cao là Tứ sử ở phía Đông vùng Từ Châu, là cháu của Bộc Xạ Vĩnh, đã từng bị thất bại mà tiến vào phía Bắc. Có một người dân địa phương, cùng với Trương Cao ăn thề hết nghĩa, cùng đưa trở về phương Nam, thành công liền xuất gia tên là Tăng Việt, được Trương Cao cúng dường đầy đủ, đến lúc ở phía Đông vùng Từ Châu cũng tùy ý theo đến, cậy mình đã từng có công lao mà thường dùng lời lẽ ngang ngược đối với Trương Cao. Trương Cao vô cùng tức giận, liền sai hai đệ tử, một người họ Tỉnh, một người họ Bạch, đều không biết được tên của họ, đêm đến chết kẻ ngang ngược. Từ đó về sau đêm đêm mộng that Tăng Việt bảo là sẽ báo oán. Mấy hôm sau ra ngoài săn bắn, mà mũi tên dính màu đen làm tổn thương ngón tay, mới có thể thấy máu, không cho là điều cần thiết. Sau bởi vì da nứt ra, nước vất nước dính nơi vết thong, mới bắt đầu song mủ. Ngưng lại hơn mười ngày trên cánh tay vô cớ lại mọc ra một vết lở, máu mủ cùng với ngón tay thông nhau, hơn tháng mà chết.

6/ Thời Chu Văn Đế có Vũ Văn Thái, ban đầu làm Thừa tướng nước Ngụy, gặp lúc triều nhà Lương loạn lạc tang tác, Hiếu Nguyên Đế nhà Lương là Tương Đông Vương, lúc ấy ở Kinh Châu, thường sai sứ hòa giải với nhau, lễ vật bang giao vô cùng tốt đẹp, cùng với Văn Thái chặt vàng lập hội ăn thề kết nghĩa làm anh em. Sau khi dẹp yên Hầu Cảnh, Hiếu Nghiệp lên ngôi, Văn Thái giống như dân chúng bề tôi, không sùng kính gì thêm nữa, mà còn xúc phạm coi khinh, lại yêu cầu

đòi hỏi không chán. Nếu như không thỏa mãn, tức thì sai quân tiến đánh Giang Lăng, bắt làm tù binh từ quan lại triều đình cho đến dân chúng, gồm một trăm bốn mươi vạn người, mà hại đến Hiếu Nguyên rồi. Còn Ngụy văn Đế trước kia thân nhận Như Như là người đứng đầu bộ tộc Ưc Cửu Lư và con gái của A Na Khôi trong làng làm hoàng hậu, hòa hiếu bang giao rất sâu đậm, để sang năm sát hại Lương Vương. A Na Khôi vì nước Tề thua trận đất nước bị san bằng, dẫn theo dân chúng còn lại mấy ngàn người chạy đến nước Ngụy, mà Đột Quyết trước đây có oàn thù với Như Như, lập tức sai ban cho Văn Thái ba ngàn con ngựa, yêu cầu giết hại đồng bọn của A Na Khôi. Văn Thái liền đồng ý, phục cho quân lính Đột Quyết cùng với A Na Khôi hội tụ ca hát, say sưa thì bắt trói, ngay hôm ấy diệt cả bộ tộc Ưc Cửu Lư hơn năm trăm người, máu chảy ngập đến mắt cá chân. Như Như sắp chết, nhiều lần có lẽ ngước lên trời cao mà tố cáo. Mùa Đông sang năm Văn Thái đi săn ở Lũng Hữu mắc phải bệnh, thấy Hiếu Nguyên và A Na Khôi làm điều ám muội, Văn Thái phát giận bất chấp hết thảy mà mắng nhiếc, ra lệnh lấy rượu ban cho, khoảng hai tháng mà chết.

7/ Nhà Trần mới thành lập thì con trai thứ chín của Lương Nguyên Đế là Tấn An Vương làm chủ, mà người phụ tá là Ngu Trắc ở vùng Cối Kê, trước kia ở thời Lương Vũ Đế làm trung thư xá nhân thượng thư hữu thừa tướng, lúc ấy mộng thấy Lương Vũ Đế nói với Ngu Trắc rằng: Khanh là tả hữu trước đây của Ta, có thể nói với Trần chủ đừng giết hai con cháu của Ta, nếu như giết hại thì không đốt cho Trần chủ đâu. Sự việc rất rõ ràng, Ngu Trắc đã không thấy có điềm biểu hiện của sự soán ngôi giết hại, cho nên không dám nói ra. Mấy ngày sau lại mộng thấy như vậy, và nói với Ngu Trắc rằng: Nếu khanh không truyền ý của Ta, thì khanh cũng không có sự yên lành. Ngu Trắc tuy than thở thương tiếc nhưng quyết không nói theo lý lẽ. Một thời gian sau Thái sử trình báo rằng: Trong Đại điện đang có sự cố khẩn cấp. Trần chủ nói: Sự cố khẩn cấp chính là do ta sắp xếp mà thôi. Mọi người hoảng loạn bỏ chạy sai lính phiến loạn giết hại Thiếu chủ nhà Lương mà tự lên ngôi. Sau đó Ngu Trắc liền mắc bệnh. Lại mộng thấy Lương Vũ Đế nói rằng: Khanh không thể nào vì Ta mà nói với Trần chủ, khiến cho tai họa xảy ra cả khanh lẫn họ Trần, sau này sẽ biết. Ngu Trắc mới viết thư trình bày rõ sự việc. Trần chủ là người rất tin vào ma quỷ, nghe chuyện này thì vô cùng kinh hãi, sai lính đánh xe đón Ngu Trắc gặp nhau hỏi rõ ràng sự việc thế nào. Thế là trách Ngu trắc rằng: Sao khanh không nói, sự việc lạ và không bình thường như vậy? Sáu-bảu ngày sau Ngu Trắc chết, lập

tức có họ Vi ghi lại sự việc kỳ lạ.

8/ Thời nhà Trần có Dữu Quý Tôn tánh rất thích giết hại, mùi vị cá thịt và săn bắn vốn là chuyện bình thường. Nô tỳ mắc sai lầm tội lỗ, cũng có lúc giết chết họ để thỏa mãn mình. Thường mắc nhiều căn bệnh trầm trọng, mộng thấy có người nói rằng: Nếu như có thể chấm dứt sự giết hại thì bệnh này sẽ lành, nếu không như vậy thì chắc chắn phải chết. Liền ở trong giấc mộng thề là không giết hại nữa. Kinh hãi tỉnh giấc run rẩy sợ hãi mồ hôi tuôn chảy toàn thân, bệnh cũng dần dần lành hẳn. Mấy năm sau có ba người đồ đệ, đoạt lấy hai người thiếp của chủ mà bỏ trốn, sai người truy tìm bắt được, lập tức giết chết tất cả. Đêm ấy lại thấy người trước đây đến nói rằng: Tại vì sao thất tín, tội lỗi người này không đến nỗi phải chết, chuyện vụng trộm không nên tự ý phạt tội chết, nay thay đổi dứt khoát không còn cách gì cứu giúp. Tìm đến nơi sáng sủa nôn ra máu, mấy ngày sau mà qua đời.

9/ Thời nhà Lương có Trương Huyến là Thái thú vùng Vũ Xương thường đi lại bằng thuyền, có một Bộ Khúc làm nô dịch mà sức yếu không được như ý, Trương Huyến liền tự mình đánh đập, chốc lát liền ngã xuống bất tỉnh, không còn trạng thái của sự sống, Trương Huyến liền đẩy xuống giữa dòng sông. Trong chốc lát thấy người này từ dòng nước mà nổi lên, hướng về Trương Huyến vòng tay nói rằng: Tội không đáng phải chết, bị quan trên giết hai oan uổng, nay đến để báo thù. Lập tức nhảy vào miệng Trương Huyến, Trương Huyến vì vậy mắc bệnh nặng, mấy ngày sau chết.

10/ Thời nhà Lương có Bùi Thực đi theo Quý Thúc, Quý Thúa làm việc từ phía Nam của Duyễn Châu đi vào phía Bắc, làm quan ở triều nhà Nguyên chứa vị lên đến Thượng thư. Bùi Thực chung nhà với em rể là Vi Bá Đỉnh có chức nghiệp học hành, cậy có sự nghiệp to lớn mà ra vẻ tự cho mình là tài trí thường khinh khi xúc phạm, Bùi Thực căm ghét như kẻ thù. Sau ở tại Lạc Dương vu cáo Bùi Thực có âm mưu tiến hành phế lập ngội vị, Bùi Thực vì chuyện này mà mang tội tử hình. Hơn 100 ngày sau Bá Đỉnh mắc bệnh, hướng lên bầu trời mà nói rằng: Bùi thượng thư chết không những trông thấy nguyên do mà sao lại tức giận? Trong chốc lát mà chết. Vạn Nữu Vu Trung là người Bắc phạt, làm quan thời nhà Ngụy với chức Thị tring lãnh quân, Minh Đế có công lao chuyên quyền ở trong Thượng thư. Bộc xạ Quách Tộ và Thương thư Bùi Thực, mới cùng nhau khuyên Cao Lăng Dương Vương trục xuất Vu Trung. Vu Trung nghe được uy hiếp quan lại tấu trình vu oan tội lỗi ấy, mượn chiếu thư cùng giết chết cả hai. Triều đình và dân chúng phẫn

nộ, không có ai là không nghiến răng đau xót. Hai năm sau Vu Trung mắc bệnh, thấy Bùi Thực và Quách Tộ làm điều ám muội chốc lát mà chết.

(Mười chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 79

Thiên thứ 84: THẬP ÁC (Phần bảy)

***Phần thứ mười ba:* TÀ KIẾN**

Phần này có 2 mục tách biệt: Thuật ý; Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Bắt đầu đi vào Phật pháp, cần phải lấy tín tâm làm đầu. Vì như có người đi đến nơi hòn núi châu báu, nếu không có niềm tin thì tay không mà trở về, chẳng có ích lợi gì cả. Vì vậy trong kinh nói: "Người ngu si dốt nát không nhận thức được nhân quả, vọng tưởng dấy lên tà kiến bài báng không có Tam Bảo – Tứ Đế, không có họa – không có phước thậm chí không có thiện – không có ác, cũng không có nghiệp báo của thiện ác, cũng không có chúng sanh thọ sanh ở đời này và đời sau. Người như vậy, đạp đổ tư tưởng về pháp thiện pháp ác, đó gọi là đoạn diệt thiện căn, chắc chắn phải rơi vào địa ngục A tỳ.

Thứ hai: **Dẫn Chứng**

Như kinh Đại Phẩm nói: "Nếu người không tin mà phỉ báng kinh Đại thừa Bát Nhã, thì dứt khoát rơi vào địa ngục A tỳ, nhận chịu khổ đau vô cùng trong vô lượng trăm ngàn vạn ức năm, từ một địa ngục đến một địa ngục, nếu kiếp này hết thì sanh vào trong địa ngục lớn ở phương khác, kiếp ở phương khác hết thì lại sanh trong địa ngục lớn ở phương này. Như vậy lần lượt chuyển vòng khắp nơi mười phương thế giới. Kiếp ở phương khác hết sanh trở lại trong địa ngục lớn nơi này, tội báo địa ngục chấm dứt thì sanh trong loài súc sanh, cũng khắp nơi mười phương thế giới. Tội báo súc sanh chấm dứt, sanh đến nơi không có Phật pháp ở trong loài người, nghèo khó hèn hạ thiếu khuyết các căn, thường ngu si điên cuồng khờ dại không phân biệt hiểu biết được gì. Tuy không ngu dần như loài vật mà cho dù là người thông minh, vọng tưởng nảy sinh cố chấp lạ lùng thì cũng gọi là tà kiến".

Do đó, trong Thành Thật Luận nói: "Ngu si có sự sai biệt, nguyên

cớ do đâu? Bởi vì không phải tất cả ngu si đều là bất thiện, nếu ngu si tăng lên chuyển thành tà kiến, thì gọi là nghiệp đạo bất thiện. Vì vậy từ ngu si tăng lên thành tà kiến, thì trở thành tội lỗi sâu nặng, chắc chắn rơi vào địa ngục A tỳ. Cứ như ngay nơi tà kiến tự nó cũng có nặng nhẹ, nhẹ thì có thể chuyển hóa, nặng thì không thể chuyển hóa".

Vì vậy trong kinh Bồ Tát Địa trì nói: "Tà kiến có hai loại: Một là có thể chuyển hóa, hai là không thể chuyển hóa. Phỉ báng nhân quả – nói không có Thánh nhân, đó gọi là loại không thể chuyển hóa. Không phải là nhân xem là nhân, không phải là quả xem là quả, loại này gọi là có thể chuyển hóa. Vì thế cho nên ác nghiệp gọi là tà kiến, thiện nghiệp thì gọi là chánh kiến. Loại không bài báng Tứ Đế mà mê muội Thánh đạo, không biết lý của đạo là từ tự tâm sinh ra, chỉ thường làm cho chân đau khổ để mong cầu giải thoát, như con chó đuổi theo viên bi mà không biết tìm đến nơi ban đầu".

Do đó, trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Ví như sư tử vào lúc bị bắn, mà sư tử kia tìm đuổi theo người chạy. Ví như con chó ngu si có người ném đá, liền đuổi theo hòn đá mà không biết tìm nguồn góc do đâu. Nói sư tử là dụ cho người trí tuệ biết tìm cầu nguồn gốc sự việc mà diệt trừ phiền não. Nói con chó ngu si, tức là dụ cho ngoại đạo dùng năm thứ móng thiêu đốt thân thể mà không biết do tâm làm gốc (bốn phía bày những ngọn lửa, phía trên có mặt trời thiêu đốt, thân mình ở trong chỗ ấy để lấy khổ đau mà cầu đạo). Nhưng các loại phàm phu dốt phần nhiều mê mờ đạo lý chân thật, không biết quán sát thân tâm vô ngã, chỉ bắt chước khổ hạnh mà lấy đó làm đạo, thì giống như ngoại đạo vọng tưởng thực hành tà pháp- sai lầm chấp trước trái ngược chân lý chỉ trở thành ác pháp".

Vì vậy trong Trí Độ Luận nói: "Tà kiến vốn là tội lỗi sâu nặng, tuy trì giới và nghiệp thân miệng tốt đẹp, nhưng đều thuận theo ác tâm tà kiến. Như Đức Phật tự giải thích thí dụ: Như gieo trồng chủng loại đắng chát tuy là do 4 Đại mà thành nhưng đều tạo thành vị đắng chát; người tà kiến này cũng như vậy, tuy tinh tiến trì giới mà đều trở thành ác pháp, không bằng không chấp trước mà thực hành một ít tuệ thí. Không có chấp trước thì dễ dàng cảm hóa, có chấp trước thì khó mà hóa độ, không phải tự hủy hoại mình thì cũng làm tổn hại người khác".

Do đó, trong Thành Thật Luận nói: "Thà rằng dừng lại thực hành chứ đừng thực hành tà đạo, đến lúc thân hoại mạng chung sẽ rơi vào ác thú khổ đau".

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Diêm La Vương thuyết kệ

quở trách sai lầm của tội nhân rằng:

Ngươi tà kiến ngu si dốt nát,
Lưới ngu si ràng buộc con người,
Nay phải rơi vào địa ngục này,
Nằm ở biển khổ đau vô hạn.
Ác kiến đốt cháy mọi thiện căn,
Phàm phu nhất ở trong loài người,
Ngươi sợ hãi địa ngục ràng buộc,
Đây đều là nhà cửa của ngươi.
Nếu như người thuộc về tà kiến,
Thì người kia không phải thông tuệ,
Tất cả hành động của địa ngục,
Do tâm oan gia mà lừa dối.
Tâm chính là kẻ thù thứ nhất,
Kẻ thù này thật là tàn ác,
Kẻ thù này luôn trói chặt người,
Đưa tiễn đến xứ dở Diêm La.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn thuyết kệ rằng:

Tâm ngu si như cá trong bùn,
Sinh sống trong căn nhà của ái,
Lúc tạo nghiệp vui cười thích thú,
Lúc chịu khổ gào thét khóc lóc".

Còn trong Kinh Tu Hành Đạo Địa có kệ rằng:

"Khẩu nghiệp có lời nói ngu si,
Lòng dạ con người luôn tối tăm,
Đã không thể nào nghĩ điều ác,
Cũng không có tâm nghĩ điều thiện.
Đầu óc mê muội thường mù mịt,
Mọi chuyện không thể nào làm được,
Như đun nấu trong lúc nóng nảy,
Không điều gì có thể hoàn thiện.
Người có nhiều tập khí ngu si,
Các căn không hoàn toàn đầy đủ,
Sanh vào trong các loài trâu dê,
Sau đó sẽ rơi vào địa ngục".

Trong kinh Nguyệt Quang Đồng Tử, cũng gọi là kinh Phật Thuyết Thân Nhật nói: "Lúc ấy có Trưởng giả, tên gọi là Thân Nhật, theo lời của lục sư ngoại đạo muốn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, khiến

Trưởng giả ở ngoài cổng chính giữa đào làm hố sâu năm trượng sáu thước, lấy lửa than đổ xuống hơn nửa hố, dùng sắt mảnh làm mành, phía trên phủ một lớp đát mỏng, bày các thứ đồ ăn thức uống, đem chất độc bỏ vào trong đó, hầm lửa không chịu nổi, cơm có độc đủ để sát hại, làm theo kế hoạch này, lo gì không chết? Như lời dạy mà làm, ngoại đạo đều vui mừng. Ngay sau thân đó Thân Nhật liền đi đến chỗ Đức Phật, thiết tha thỉnh cầu Đức Phật và các vị Thánh chúng. Lúc này Đức Thế Tôn thương xót cho sự ngu si điên cuồng ấy, muốn cứu thoát cho họ, Ngài im lặng nhận lời thỉnh cầu. Trong lòng Thân Nhậ vui mừng, quả nhiên giống như kế hoạch. Đâu biết rằng chất độc bằng núi Tu Di, lửa dữ cõi Đại Thiên, dao kiếm sắc nhọn chói lòa, không thể nào đủ sức động đến mảy lông của Đức Phật, nay dùng hầm lửa cơm độc muốn hủy hoại Đức Phật, ví như ruồi muỗi muốn lay động Thái Sơn, cánh của ruồi muỗi muốn ngăn che ánh sáng mặt trời mặt trăng, chỉ tự hủy hoại mình không bằng sám hối trước. Lúc bấy giờ Trưởng giả do tội lỗi bao phủ mà bịt kín tâm tư không hiểu rõ được, Đức Thế Tôn tâm niệm: nay nhận lời thỉnh cầu của Trưởng giả Thân Nhật, không giống như bình thường, hiện bày nhiều uy thần làm chấn động mười phương. Trăm ngàn Thánh chúng cùng các Long Thần, bay trên hư không – đi dưới mặt đất, không thể kể xiết, cùng một lúc đến nhà Trưởng giả để làm lợi ích. Đức Phật dùng uy thần công đức lập tức biến hầm lửc thành hồ bảy báu, đầu đủ tám vị; cơm độc biến thành cam lộ cõi trời, người ăn vào no đủ vui sướng. Lục sư ngoại đạo hoảng sợ đều bỏ chạy tán loạn. Trưởng giả quỳ phục cúi đầu lạy sát đất, than thở ân hận quỳ thẳng dưới chân Đức Phật tự mình bày tỏ, nay đã giác ngộ theo Đức Phật độ thoát. Những người đến pháp hội đều vui mừng đón nhận pháp âm, đạt được phước thiện được dộ thoát không thể kể hết”.

Còn trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thưa với vua cha rằng: Trưởng giả Tu Đạt trong thành Xá vệ, có một bà lão tên là Tỳ Đê La, chăm chỉ cẩn thận đối với gia nghiệp, Trưởng giả sai khiến tự tay cầm chìa khóa kho tàng, từ trong lấy ra giao phó tất cả cho bà cụ. Tu Đạt thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cung cấp những thứ cần thiết, lúc ấy Tỳ kheo bệnh có nhiều điều yêu cầu chu cấp, bà cụ keo kiệt tiếc rẻ giận dữ chê bai Phật pháp và cả chúng Tăng, mà nói lời rằng:Trưởng giả tôi ngu si mê hoặc tiếp nhận phép thuật của Sa môn, những người xin ăn này cầu mong nhiều thứ không chán, nào có đạo lý gì? Nói lời này rồi lại phát ra ác nguyện: Lúc nào sẽ có thể không nghe tên gọi của Phật, tên gọi của Tăng? Tiếng nói tệ hại như vậy lần lượt

chuyển đến khắp thành Xá Vệ, Mạt Lợi phu nhân nghe thấy lời này rồi, mà nói lời rằng:" Trưởng giả Tu Đạt, như đóa hoa sen tươi đẹp, mọi người đều thích gặp mặt, vì sao lại có rắn độc bảo vệ? Liền gọi vợ Tu Đạt mà nói cho biết rằng: Bà lão nhà cô ác khẩu phỉ báng Phật pháp sao không gạt ra ngoài? Lúc ấy vị Tu Đạt quỳ xuống thưa với phu nhân: Người tệ ác như hạng Ương Quật Ma La, Đức Phật hãy còn có năng lực điều phục huống gì bà lão giúp việc? Mạt Lợi phu nhân nghe vậy hoan hỷ nói rằng: Ngày mai Ta thỉnh Đức Phật, cô sai bà lão giúp việc đến. Ngày mai đến giờ ăn, Trưởng giả sai bà lão giúp việc, mang bình đựng đầy vàng giúp nhà vua cúng dường. Mạt Lợi phu nhân thấy bà lão đến bèn cất tiếng bảo rằng: Người tà kiến này, nêu Đức Phật hóa độ thì Ta chắc chắn sẽ được lợi ích. Đức Phật ngay lúc bấy giờ từ cửa chính giữa đi vào, Nan Đà hầu bên trái, A-nan hầu bên phải, La hầu La đi phía sau Đức Phật. Bà lão giúp việc trông thấy Đức Phật trong lòng kinh hãi sởn tóc gáy, nói rằng người ác này đi theo sau mình đến đây, lập tức rút lui, theo lỗ chó chui mà ra ngoài, nhưng cáo lỗ chó chui liền đóng lại, bốn cửa đều khép chặt, chỉ có cửa chính giữa mở ra. Bà lão giúp việc liền trùm kín mặt lấy quạt tự che chắn. Đức Phật ở trước mặt bà lão, khiến cho cái quạt như tấm gương không có gì chướng ngại, quay đầu nhìn lại phía Đông thấy phía Đông có Đức Phật, phía Nam-Tây-Đông cũng đều như vậy, đưa đầu ngước nhìn phía trên thì phía trên có Đức Phật, cúi đầu xuống đất thì đất hóa thành Đức Phật, lấy tay che mặt thì mười đầu ngón tay đều hóa thành Đức Phật. Bà lão giúp việc nhắm mắt, tâm nhãn mở ra trông thấy, hư không hóa thành Đức Phật đầy khắp mười phương thế giới. Lúc bấy giờ trong thành có hai mươi lăm người nữ dòng Chiên đà la, lại có năm mươi người nữ dòng Bà-la-môn, và những chủng loại xen lẫn, cùng với tất cả năm trăm người nữ trong cung của Mạt Lợi phu nhân, đều là người không tin Phật, trông thấy Đức Phật Như Lai đi giữa hư không để hiện bày vô số thân cho bà lão giúp việc thấy, tất cả đều phá bỏ tà kiến đầu đảnh lễ Đức Phật, xưng gọi Nam Mô Phật. Xưng gọi xong trong giây lát thấy Hóa Phật nhiều như rừng, liền phát tâm Bồ đề. Bà lão giúp việc tà kiến sâu dày vẫn chưa sanh khởi niềm tin, nhờ trông thấy Phật cho nên trừ hết tội sanh tử trong tám mươi vạn ức kiếp. Được trông thấy Đức Phật rồi nhanh chóng chạy trở về nhà, thưa với mọi người rằng: Hôm nay tôi gặp phải đối thủ vô cùng ghê gớm, trông thấy Cù Đàm ở cửa Vương cung, làm ra những phép thuật biến hóa kỳ ảo, thân giống như núi vàng, mắt vượt quá sen xanh, tỏa sáng chói lòa. Nói lời này xong vào trong cái hòm gỗ, lấy trăm tấm da phủ trên hòm

gỗ, vải bông trắng quấn chặt đầu mà lại nằm nơi tối mù.

Đức Phật trở về Kỳ Hoàn, Mạt Lợi phu nhân thưa với Đức Phật: Nguyện xin cảm hóa người nữ tà kiến đừng trở về tinh xá. Đức Phật với Mạt Lợi phu nhân: Người giúp việc này tội lỗi sâu nặng không có duyên đối với Phật, đối với La Hầu La có nhân duyên to lớn. Đức Phật đã trở về rồi bảo La hầu La, đến nhà Tu Đạt hóa độ bà lão giúp việc ấy. La Hầu La biến hóa làm thân Chuyển Luận Thánh Vương, lúc ấy một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo hóa làm Thiên tử, đi đến nhà Tu Đạt, lấy bà lão giúp việc làm Ngọc Nữ quý báu. Lúc bấy giờ Thánh Vương liền dùng ngọc châu như ý soi chiếu vào mặt người nữ, khiến cho người nữ tự thấy mình giống như Ngọc Nữ quý báu, vô cùng hoan hỷ mà nói lời như vậy: Các Sa môn đều bàn xa nói rộng, tự nói mình có đạo mà không có một chút hiệu nghiệm. Thánh Vương xuất thế làm lợi ích nhiều nơi, khiến cho bà già giúp việc tôi đây giống như Ngọc Nữ quý báu. Nói lời này xong năm vóc sát đất lễ lạy Thánh Vương. Lúc ấy vị quan trông coi kho tạng tuyên đọc mười điều thiện của nhà vua, người nữ nghe mười điều thiện trong lòng vô cùng hoan hỷ, Thánh Vương đã giảng giải ý nghĩa thì không có gì chẳng phải điều thiện, vì thế làm lễ nhà vua và tự trách hối hận về sai lầm của mình, tâm đã được điều phục. Lúc ấy La Hầu La và các Tỳ kheo trở lại hình dáng ban đầu, bà lão giúp việc thấy rồi liền nói lời rằng: pháp pháp thanh tịnh không bỏ chúng sanh, biết mình xấu xa tệ hại mà vẫn còn hóa độ. Liền thọ năm giới thành tựu quả vị Tu đà hoàn, theo đến nơi Phật để làm lễ Đức Phật, sám hối tội lỗi trước đây, cầu xin xuất gia theo Phật, đạt được quả vị A la hán, ở giữa hư không thực hiện mười tám loại biến hóa. Vua Ba Tư Nặc và Mạt Lợi Phu Nhân, trông thấy bèn thưa với Đức Phật rằng: Bà lão giúp việc này đời trước có tội gì mà nay sanh làm thân tôi tớ phục dịch, lại có phước thiện gì mà được Phật xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quá khứ lâu xa có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Nhất Bảo Cái Đăng Vương. Sau khi nhập Niết bàn, ở trong thời Tượng pháp có vị vua, tên gọi là Tạp bảo Hoa Quang, hoàng tử tên gọi Khoái Kiến, ở trong thời Tượng pháp có vị vua, tên gọi là Tạp Bảo Hoa Quang, hoàng tử tên gọi Khoái Kiến, xuất gia học đạo,tự cậy thế mình là con vua, thường ôm lòng kiêu mạn. Hòa thượng giải thích cho nghe về nghĩa Đại Không của Kinh Thậm Thâm Bát Nhã Ba La Mật. Vương tử nghe rồi hiểu sai thành tà thuyết. Sau khi thầy diệt độ liền dấy lên nói rằng: Đại hòa thượng thầy của ta trống rỗng chẳng có trí tuệ, chỉ ca ngợi nghĩa lý của Không, nguyện cho ta đời sau không thích trông thấy; A xà lê của

ta trí tuệ biện tài, nguyện cầu đời đời làm thiện tri thức. Nói lời này rồi dạy cho các đồ chúng đều thực hành tà kiến, tuy trì cấm giới, mà bởi vì bài báng Bát Nhã hiểu sai nói năng tà vạy, sau khi mạng chung đọa vào địa ngục A tỳ, trong tám ngàn ức kiếp nhận chịu vô lượng khổ đau, tội hết ra khỏi địa ngục làm người nghèo hèn, trong năm trăm đời mang thân ngu si nghễng ngãng không có mắt, một ngàn hai trăm đời mang thân luôn luôn làm người đầy tớ.

Đức Phật bảo với Đại Vương: Hòa thượng lúc ấy nay chính là thân Ta, A xà lê lúc ấy nay chính là La Hầu La, Tỳ kheo Vương tử lúc ấy nay chính là bà lão giúp việc, đồ chúng đệ tử lúc ấy nay chính là những người nữ tà kiến phát tâm bồ đề”.

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: “Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong thành Uất Xà Diên có Nghiêm Xí Vương, hỏi Tát Già Ni Kiền Tử rằng: Nếu có người ác không tin Tam Bảo, đốt cháy chùa tháp-kinh sách-tượng thờ, lời tệ hại hủy báng chê bai, nói người tạo tác không có phước đức, người cúng dường như thế hiện tại hao tốn không được gì, vị lai không có ích lợi; hoặc chê bai chùa tháp và những hình tượng, gây trở ngại cho những nơi này, phá hoại trừ diệt đưa đến đặt vào nơi khác; hoặc phá hoại nhà cửa phòng ốc của Sa môn; hoặc lấy vật của Phật – vật của Pháp- vật của Tăng và vườn rừng ruộng đất – nhà cửa-voi ngựa-xe cộ-nô tỳ-vật nuôi-áo quần-đồ ăn thứ uống cùng tất cả châu báu; hoặc bắt Sa môn làm nô dịch sai khiến, chỉ trích xúi giục họ dừng lại khiến phải hoàn tục; có lúc âm khinh thường trêu đùa đủ cách; có lúc hủy báng chê bai mắng nhiếc làm nhục; hoặc dùng gậy gỗ tự tay đánh đập; hoặc dùng đủ loại làm tổn thong đến thân thể họ, người ác như vậy trong phạm vi chúng sanh thì thuộc về loại nào? Đáp rằng: Thưa Đại Vương, thuộc về trong phạm vi chúng sanh ác nghịch, Đại Vương cần phải trị tội ở mức độ cao, vì sao như vậy? Bởi vì gây ra tội lỗi căn bản sâu nặng hết sức. Có năm loại tội lỗi gọi là căn bản. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Phá hoại chùa tháp đốt cháy kinh tượng, lấy vật của Tam Bảo, tự mình làm-bày cho người khác làm và thấy làm mà vui lòng giúp đỡ, đó gọi là tội nặng căn bản thứ nhất; 2- Bài báng giáo pháp ba Thừa, nói xấu gây khó dễ, bao che giấu giếm điều tệ hại, đó gọi là tội nặng căn bản thứ hai; 3- Nếu có Sa môn tín tâm xuất gia cạo bỏ râu tóc thân mặc ca sa, hoặc có trì giới, hoặc không trì giới, mà bắt bớ giam cầm xiềng xích trói chặt, bắt làm nô dịch sai khiến mắng nhiếc đưa ra những điều luật trái ngược, hoặc cởi ca sa bức bách làm cho phải hoàn tục, hoặc kết liễu mạng sống của họ, đó gọi là tội nặng căn bản thứ ba;

4- Ở trong năm tội trái nghịch, nếu gây ra một tội trái ngịch, đó gọi là tội nặng căn bản thứ tư; 5- Bài báng không có tất cả nghiệp báo thiện ác, trong cuộc đời tối tăm thường làm mười nghiệp bất thiện, không sợ báo ứng đời sau, tự mình làm và bày cho người khác làm cố chấp không bỏ, đó gọi là tội nặng căn bản thứ năm. Nếu phạm vào tội nặng căn bản như vậy mà không tự mình hối cải, thì nhất định tiêu diệt tất cả mọi thiện căn, hướng vào đại Địa ngục nhận chịu khổ đau không bao giờ ngừng lại, vĩnh viễn không có hạn kỳ thoát ra. Nếu trong đất nước có người ác như vậy, hủy diệt Tam Bảo gây tổn hại cho chúng sanh, thì tất cả La hán-Thánh nhân và chư Phật, đều rời bỏ đất nước mà ra đi, chư Thiên rơi lệ xót thong, Thiện thần thông bảo vệ, mọi người tự giết hại lẫn nhau, giặc cướp nổi lên khắp nơi, Long Vương ẩn kín làm cho mưa nắng thất thường, mưa gió trái mùa lúa mè hoa màu không thành tựu, nhân dân đói kém cướp giật tranh giành lẫn nhau, xương trắng đầy đồng thêm nhiều dịch bệnh, người chết vô số, nhân dân không biết tự mình suy nghĩ đến lỗi lầm này, trái lại oán trách chư Thiên và Thiên thần không linh thiêng”.

Còn trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Có bảy loại tội nặng, mỗi một tội có thể làm cho chúng sanh đọa vào địa ngục A tỳ, trải qua tám vạn bốn ngàn Đại kiếp: 1- Không tin nhân quả; 2- Phỉ báng không có mười phương Phật; 3- Không học hiểu Bát nhã; 4- Phạm bốn tội nặng mà ăn không của tín thí; 5- Sử dụng đồ vật của Tăng chúng; 6- Bức bách xâm phạm Tỳ kheo Ni tịnh hạnh; 7- Người trong thân thuộc mà làm hành vi bất tịnh”.

Còn trong kinh Tiểu Ngũ Trược nói: “Ngoài tội Ngũ ngịch còn có tội ngũ nghịch khác, đó là thứ nhất vô lễ với cha mẹ mà tôn thờ quỷ thần, thứ hai ganh ghét với bậc vua chúa, thứ ba con cháu mà khinh bạc, thứ tư coi rẻ thân mạng mà coi trọng tài sản, thứ năm rời bỏ phước thiện mà đi theo tội lỗi”.

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nếu như người phàm trần ngu si gây ra ác hạnh do thân- ác hạnh do miệng-ác hạnh do ý, thì sau khi mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục, nhận chịu khổ đau cùng cực luôn luôn không có niềm vui. Ví như có người phạm tội ăn trộm giao cho nhà vua trừng trị tội lỗi ăn trộm của họ, nhà vua lập tức sai người vào lúc sáng sớm, dùng một trăm cây kích để mà đâm, mạng sống người kia hãy còn, đến buổi trưa nhà vua lại ra lệnh dùng hai trăm cây kích đâm vào, mạng sống ấy vẫn còn; đến lúc sẩm tối nhà vua lại truyền lệnh dùng ba trăm cây kích

đâm vào, thân thể người ấy thảy đều rách nát, mạng sống của họ vẫn còn tồn tại. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ý ông nghĩ thế nào, người này bị kích nhọn đâm nát là đau khổ hay không? Tỳ kheo trả lời Đức Phật: Lúc bị một cây kích đâm vào hãy còn đau khổ, huống hồ ba trăm cây kích đâm vào? Đức Phật liền dùng tay lấy một ít cát sỏi, như những hạt đậu, bảo với các Tỳ kheo rằng: Đá sỏi trong tay Ta so với đá sỏi trên núi Tuyết, đá sỏi nơi nào là nhiều? Tỳ kheo trả lời Đức Phật: Đá sỏi trên núi Tuyết nhiều lắm, không thể làm ví dụ được. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nỗi khổ đau do ba trăm cây kích đâm vào so với nỗi khổ đau trong địa ngục, chỉ giống như một chút đả sỏi, còn nỗi khổ đau của địa ngục thì giống như đá sạn trong núi Tuyết, trăm ngàn vạn lần không thể làm ví dụ được.

Nỗi khổ đau trong địa ngục thì điều ấy như thế nào? Nếu có chúng sanh rơi vào trong chốn địa ngục, ngục tốt lấy rìu đốt khiến cho thật nóng, chặt đứt thân hình thành tám khúc và bỏ ở bốn phía, trải qua trăm ngàn năm khiến cho vô cùng đau khổ, nhưng mà không chấm dứt mạng sống, cần phải khiến cho ác nghiệp kết thúc; lại ngồi trên giường bằng sắt, dùng kiềm sắt kẹp miệng phải nuốt viên sắt nóng, trải qua trăm ngàn năm; lại ngồi trên giường bằng sắt, lấy nước đồng sôi rout vào miệng, trải qua trăm ngàn năm; lại nằm trên đất bằng sắt, dùng đinh sắt nóng đóng vào đầu người ấy, trải qua trăm ngàn năm; lại kéo lưỡi người ấy ra khiến liếm đất bằng sắt, dùng đinh đóng vào lưỡi, như căng tấm da trâu, trải qua trăm ngàn năm; lại kéo gân cổ buộc vào trên xe trải qua trăm ngàn năm. Lại đốt nóng đất bằng sắt khiến đi trên đó trải qua trăm ngàn năm; lại đốt cháy núi lửa khiến ở dưới đưa chân đạp lên-ở trên máu thịt lập tức tiêu hết, đưa chân lên thì sống lại trải qua trăm ngàn năm; lại ở trong vạc sôi trải qua trăm ngàn năm, khiến cho vô cùng đau khổ, nhưng mà không chấm dứt mạng sống, cần phải làm cho ác nghiệp không còn mới được thoát ra mà thôi. Đó là nỗi đau khổ trong địa ngục Nê lê. Tội lỗi địa ngục chấm dứt sanh vào trong các loài súc sanh, thường ở nơi tối tăm cùng ăn thịt lẫn nhau, nhận chịu vô lượng khổ đau không thể nói hết. Tội lỗi súc sanh chấm dứt có thể sanh trong loài người. Nếu từ súc sanh được làm người thì thật là khó, giống như rùa mù gặp bộng cây nổi. Giả sử sanh trong loài người thì nghèo hèn thấp kém, bị người khác sai khiến, hình dáng và dung mạo xấu xa khó coi, hoặc các căn không hoàn chỉnh, hoặc là mạng sống ngắn ngủi. Nếu người gây ra ác nghiệp thì chết đi lại sanh vào trong địa ngục Nê lê, luân chuyển vô cùng tận không thể náo nói hết.

Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Người phàm phu ngu si gây ra ba ác hạnh của thân-khẩu-ý, thì chịu tội báo như vậy. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nếu người trí tuệ thực hiện thiện hạnh do thân-thiện hành do miệng-thiện hạnh do ý, thì mạng chung sanh vào đường thiện trên cõi trời, luôn luôn hưởng thụ vui sướng, như Chuyển Luân Vương, cùng với bảy báu đầy đủ, và bốn điều tuyệt diệu giữa trần gian, Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ý ông nghĩ thế nào, điều này là vui sướng hay không? Tỳ kheo trả lời Đức Phật: Một thứ báu – một điều tuyệt diệu hãy còn là vô cùng vui sướng, huống hồ ở nơi có bảy thứ báu và bốn điều tuyệt diệu! Đức Phật lại dùng tay lấy một ít cát sỏi, như những hạt đậu, bảo với các Tỳ kheo: Cát sỏi trong tay Ta so với cát sỏi trong núi Tuyết, nơi nào là nhiều hơn? Tỳ kheo trả lời Đức Phật: Cát sỏi trong núi Tuyết quả thật là không thể làm ví dụ. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Sự vui sướng của Chuyển Luân Vương so với sự vui sướng trên cõi trời chỉ giống như một ít cát sỏi, sự vui sướng trên cõi trời thì giống như cát sỏi trong núi Tuyết, trăm ngàn vạn lần không thể ví dụ được. Sự vui sướng trên cõi trời thì điều ấy như thế nào? Nếu sanh lên cõi trời thì sự hưởng thụ sáu trần cảnh không có gì không tùy ý, hưởng thụ vui sướng vô cùng không thể nào nói hết. Nếu từ trên cõi trời mà sanh vào cõi người thì sanh trong dòng dõi Đề Vương, hoặc sanh trong họ tộc cao quý, vô cùng sang trọng giàu có, nhiều tiền bạc nhiều châu báu, danh tiếng vang rộng khắp nơi, đoan chánh tuyệt vời hết sức, mọi người ai cũng yêu mến.

Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nếu người trí tuệ thực hiện ba thiện hành của thân-miệng và ý, thì đạt được phước đức như vậy. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Đây là niềm vui hữu lậu của thế gian, nếu tu thiện căn hồi hướng bồ đề, quả báo tiếp nhận ở trong sanh tử, cho đến niết bàn cuối cùng không có điểm ngừng hết”.

Lại trong kinh Trung A Hàm nói: “Lúc bấy giờ trong nước Tư Hòa Đề, có vị vua tên gọi Ti Tứ, vô cùng giàu có sung sướng tiền của tài sản vô lượng, cùng với cư sĩ Phạm chí trong nước Tư Hòa Đề, đi về phía Bắc đến rừng Thi Nhiếp Hòa, từ xa trông thấy nơi cư trú của Tôn giả Cưu Ma La Ca Diếp, cùng nhau đến chào hỏi rồi lùi lại ngồi một phía, hỏi Ca Diếp rằng: Tôi thấy như vậy, nói như vậy, không có đời sau, không có csd sinh ra. Sa môn Cưu Ma La Ca Diếp bảo rằng: Bây giờ mặt trăng mặt trời này là đời nay hay là đời sau vậy? Nhà vua nói: Tuy là nói như vậy, nhưng mà không có đời nay, không có chúng sanh sinh ra. Ca Diếp ví dụ loại đủ mọi phương tiện để giải thích, nhưng nhà vua cố chấp cách nhìn của mình mà không thể từ bỏ. Ca Diếp lại bảo với Ti Tứ: Ông lắng

nghe Ta nói thí dụ, nếu người có trí tuệ, nghe thí dụ thì hiểu rõ điều ấy. Này Ti Tứ! Giống như người nuôi heo, lúc người ấy đi đường, thấy có đống phân rất nhiều mà không có chủ, liền nghĩ thế này: Đống phân này có thể nuôi no bụng cho nhiều con heo, tốt nhất là mình tự lấy thật nhiều mà đi. Liền lấy mà vác đi. Người ấy ở giữa đường gặp trời mưa to, phân chảy tan ra dính đầy thân thể dơ bẩn vô cùng, nhưng vẫn vác đi chứ không chịu vứt bỏ. Người ấy đã tự gánh chịu rất nhiều điều tệ hại, cũng bị mọi người chê bai ghét bỏ. Nên biết rằng Tui Tứ cũng lại như vậy, nếu ông muốn chọn lấy cách nhìn này thì sợ rằng ngu si cuối cùng không bỏ được, ông sẽ nhận chịu vô lượng điều tệ hại, cũng sẽ bị mọi người chê bai ghét bỏ, giống như người nuôi heo kia vậy. Vua Ti Tứ nói: Sa môn tuy nói như vậy, nhưng tôi muốn chọn lấy cách nhìn này mà không oán hận sợ hãi ngu si không thể bỏ được. Tôn giả Ca Diếp bảo rằng: Này Ti Tứ! Tiếp tục lắng nghe Ta nói thí dụ cuối cùng, nếu ông biết thì tốt, nếu không biết thì Ta không tiếp tục thuyết pháp nữa. Này Ti Tứ! Giống như con heo lớn nhất làm chúa tể của năm trăm con heo đi trên con đường đầy hiểm nạn, heo chúa đó ở giữa đường gặp phải một con hổ, bởi vì đã gặp thì dấy lên suy nghĩ mà nói với hổ rằng: Nếu muốn đánh nhau thì có thể cùng đánh với nhau, nếu không như thế thì tránh đường để tôi đi qua. Con hổ kia nghe rồi liền nói với heo rằng: Tùy ý ông cùng đánh nhau chứ không tránh đường cho ông. Con heo lại nói rằng: Này hổ ơi, ông dừng lại một chút, đợi lúc tôi mặc áo giáp của Tổ phụ tôi vào, trở lại sẽ cùng đánh nhau. Con hổ kia nghe rồi bèn dấy lên nghĩ rằng: Con heo kia không phải là đối thủ của mình, huống là áo giáp của Tổ phụ ư? Liền nói với con heo rằng: Tùy ý muốn của ông. Con heo lập tức trở về đến nơi nhà xí của mình, lăn lộn trong phân bôi đầy thân hình đến tận mắt rồi, liền đi đến chỗ con hổ nói rằng: Ông muốn đánh nhau thì có thể cùng đánh với nhau, nếu không như thế thì tránh đường để tôi đi qua. Con hổ trông thấy con heo rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Mình thường không ăn sâu bọ nhỏ bé hỗn tạp, bởi vì tiếc cho hàm răng vốn có, huống là phải gần con heo hôi thối này ư? Con hổ nghĩ vậy rồi liền nói với con heo rằng: Ta nhường đường cho ông nhưng không đánh nhau với ông. Con heo đi qua được rồi, liền quay lại hướng về con hổ mà nói tụng rằng:

Này hổ ơi ông có bốn chân,
Heo tôi cũng có đủ bốn chân,
Ông có thể cùng tôi đánh nhau,
Ý gì sợ hãi mà bỏ đi?

Lúc ấy con hổ nghe rồi, cũng lại nói trả lời con heo rằng:

Ông lông lá dựng đứng um tùm,
Thấp nhất trong các loài súc vật,
Heo ơi ông có thể đi mau,
Phân hôi thối không thể chịu được,

Lúc ấy con heo tự khoe khoang, lại nói tụng rằng:

Hai nước Ma Kiệt và Uyên Ương,
Nghe tôi cùng đánh với ông,
Ông có thể cùng tôi đánh nhau,
Vì sao sợ hãi mà bỏ đi?

Con hổ nghe vậy rồi, lại nói tụng rằng:

Toàn thân lông lá đều dơ bẩn,
Heo ông hôi thối ta ngạt thở,
Ông đánh nhau muốn lấy phần thắng,
Nay ta cho ông giành phần thắng.

Tôn giả Ca Diếp bảo rằng: Này Ti Tứ! Nếu ông muốn chọn lấy sự oán hận sợ hãi ngu si mà cuối cùng không bỏ, thì ông sẽ tự mình gánh chịu vô lượng điều xấu xa, cũng bị mọi người đều chê bai ghét bỏ, giống như con hổ kia nhường cho con heo phần thắng vậy. Vua Ti Tứ nghe rồi hoan hỷ vâng mạng tiếp nhận cầu mong trí tuệ tuyệt vời trên cao".

Chánh báo tụng rằng:

Sáu kẻ giặc gian tà giả dối,
Bảy thức hỗn loạn trái chân thật,
Hủy báng chánh lý rất u huyền,
Vọng ngữ làm đầy tớ tham sân.
Ác nghiệp làm tung hoành không ngán,
Lời khuyên thành thực không thích nghe,
Một khi vào địa ngục Vô gián,
Đau khổ tranh nhau trói buộc thân.

Tập báo tụng rằng:

Tà kiến huân tập nghiệp ngu si,
Nhận chịu khổ đau ngục A tỳ,
Kiếp hết sanh vào trong loài người,
Lại cùng tà kiến nối tiếp nhau.
Tà và chánh đã trái ngược nhau,
Tự nhiên thành nịnh hót quanh co,
Tâm này nếu như không thay đổi,
Vòng quanh địa ngục mãi không dừng.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1- Thời Tống có Thẩm tăng Phúc; 2- Thời Tống có Sa môn Tích Đạo Chí; 3- Thời Tống ở Đông Hải có Đường Văn Bá; 4- Thời Tống ở Quảng Lăng có Chu Tông; 5- Thời Tống ở Lang Nha có Vương Hoài Chi; 6- Thời Tống có Tữ Cừ Mông Tốn; 7- Thời Tống có Thôi Hạo; 8- Chu Vũ Đế; 9- Thời Tùy có chú của Sa môn Thích Tuệ Vân; 10- Thời Đường có Thái sử lệnh Phó Dịch; 11- Thời Đường có Hình bộ lang trung Tống Hành Chất; 12- Thời Đường ở Kí Châu có Khương Đằng Sanh; 13- Thời Đường có Diêu Minh Giải.

1/ Thời nhà Tống cở vùng Ngô Hưng có Thẩm Tăng Phúc, cuối thời Tống Đại Minh vùng này mất mùa đói kém, đi tìm miếng ăn mà đến vùng Sơn Dương, ngày vào thôn xóm xin ăn, tối về ở nhờ hai bên nhà cửa trong chùa. Lúc ấy các chùa ở vùng Sơn Dương có rất nhiều tượng bằng đồng cỡ nhỏ, Tăng Phúc cùng mấy người đồng long với mình tụ tập lấy trộm dần dần, thế là mấy chiếc túi và 4 cái hòm nhỏ đều đầy tượng. Vì thế mang trở về nhà cùng nhau đúc làm tiền. Sự việc đã bị phát giác, quan phủ bắt giữ đưa ra khỏi kinh đô. Vào trong thuyền thì nói rằng: Thấy bị người dùng lửa mà đốt. Ngày đêm kêu gào đau đớn, tự mỉnh nói là không thể nào chịu đựng nổi. Chưa kịp xử phạt tự dưng mà chết, toàn thân thể đều tỏa hơi nóng hầm hập, giống như bị lửa đốt. Chu Hưởng ở quận Ngô gần gũi biết rõ Tăng Phúc, trông thấy đầu đuôi sự việc ấy.

2/ Thời nhà Tống có Sa môn Đạo Chí, là Tăng ở tháp Đa Bảo phía Bắc, đã từng được Tăng sai coi sóc điện tháp, tự mình lấy trộm màn che cùng các vật báu trang hoàng trong chỗ thờ tự, đã lấy rất nhiều thứ. Sau đó thì lấy trộm viên ngọc nơi tướng tốt giữa chặng mày của pho tượng, đã vậy mà còn mở toang cửa xô sập tường giống như người ngoài ăn trộm, vì vậy Tăng chúng không thể nào biết được. Trải qua hơn một tuần mà mắc bệnh, thường thấy người kỳ lạ lấy giáo nhọn đâm vào, lúc đến lúc đi, đến thì kinh hãi kêu gào theo tiếng kêu mà máu chảy ra. Ban đầu giống như vào buổi trưa thì xảy ra một hai lần như vậy. Về sau bệnh nặng thì đâm hơi nhiều, vết thương đầy mình, rên rĩ không thể nào dứt tiếng. Tăng chúng trong chùa rất nghi ngờ là có tội lỗi gì, muốn sám hối nhận lỗi thay cho Đạo Chí, mới hỏi nguyên do nhưng giấu giếm mà không nói. Sắp hết hai ba ngày, mới tự mình kể lại đầu đuôi sự việc mà khóc lóc xin cứu giúp rằng: Tôi ngu si sai trái không hiểu biết, nói là không có đường đau khổ khốn cùng, thất ý gây ra tội lỗi, dẫn đến tai họa tàn khốc này, sống nhận chịu tra tấn khổ đau, chết thì dao sắc vạc

nóng quấn quanh, thân đã nát nhừ, chỉ mong rũ lòng thương xót tha thứ, nay không còn sót lại vật gì, chỉ có áo quần chăn màn giày dép, có lẽ đủ để làm một lần trai hội, và nhiều lần thỉnh nguyện sám hối cho đầy đủ, trước kia lấy trộm viên ngọc nơi tướng tốt của pho tượng có hai hạt, một hạt đã thuộc về người của bà lão không thể lấy lại được, một hạt đem cầm lấy tiền ở nhà Trần Chiếu, nay có thể chuộc lấy. Đạo Chí đã chết. Tăng chúng gom góp tất cả chuộc được viên ngọc làm tướng tốt, và tổ chức trai hội sám hối. Ban đầu lúc người thợ gắn lại viên ngọc vào chỗ cũ, xoay qua xoay lại nhiều lần nhưng cuối cùng không sao phù hợp được. Tăng chúng lại thắp hương lễ lạy cầu khấn, mới có thể gắn vào được. Hơn một năm trôi qua mà những người cùng học, ở trong đêm tối nghe giữa hư không phát ra lời nói, lắng nghe kỹ càng chính là tiếng của Đạo Chí. Tự nói rằng: Từ khi chết đến nay nhận chịu đủ mọi sự đau đớn triền miên, còn liên tục bao kiếp chưa có hạn kỳ ra khỏi, nhờ được chúng Tăng thương xót mà cứu hộ, chuộc lại viên ngọc nơi tướng tốt của pho tượng, cho nên ở trong chỗ đau khổ tàn khốc có lúc được dừng lại đôi chút, cảm ân tình không biết làm sao nói hết, vì vậy tạm thời đến tỏ lời cảm ơn như vậy mà thôi. Lúc nghe lời ấy có mùi tanh nồng hôi thối khó chịu vô cùng. Nói xong rất lâu thì mùi thối mới dần dần tản hết. Sự việc này vào năm cuối niên hiệu Thái Thỉ nhà Tống, chùa ấy có việc từ thiện, đã ghi lại rõ ràng đầy đủ.

3/ Thời nhà Tống có Đường Văn Bá, người ở vùng Trang Du-Đông Hải. Có em trai thích đánh bạc cho nên tiền của trong nhà đều hết sạch. Trong thôn có ngôi chùa, người đi ngang qua có lúc đem tiền cúng Phật cầu phước, người em nhiều lần lấy trộm, lâu sau mắc bệnh phong hủi. Người xem bói nói rằng: Nguyên do lấy trộm tiền cúng Phật. Người cha giận dữ nói: Phật là thần thánh gì mà khiến cho con ta đến mức này, ta sẽ thưa tiếp tục chiếm đoạt, nếu như có thể mắc bệnh thì mới chấp nhận. Vợ của Hà Hân quan huyện lệnh trước kia, kéo sợi dệt vải thành bảo cái có được bốn tấm, bèn lấy trộm dùng làm dây lưng, không đến một trăm ngày lại mắc phải căn bệnh quái ác, bắt đầu phát ra vết lở là từ nơi sợi dây lưng. Lúc ấy vào thời Nguyên Gia nhà Tống năm thứ nhất.

4/ Thời nhà Tống có Chu Tông, là người vùng Phì Như – Quảng Lăng. Năm thứ bảy niên hiệu Nguyên Gia đi theo Lưu Ngạn Chi đánh Vương Sư ở phương Bắc không thành công, cùng với sáu người đồng hương đi tách ra mà chạy trốn, vào trong một ngôi chùa vắng vẻ ở phái Bắc của Bành Thành, không có Tăng chúng cư trú, trong chùa có pho

tượng, dùng thủy tinh làm thành hình tướng, nhân đó cùng nhau lấy trộm, đem ra thôn xóm đổi lấy thức ăn. Một người trong bọn mắc bệnh, cả bọn khinh thường mà không phân cho người ấy. Tất cả đã trở về nhà, trong vòng ba – bốn năm thì Chu Tông cùng đồng bọn tiếp theo nhau mắc bệnh phong hủi mà chết. Người không được chia phần thì một mình được tránh khỏi tai họa.

5/ Thời nhà Tống có Vương Hoài Chi tự là Nguyên Tăng, người ở vùng Lang Nha. Hết đời này đến đời khác theo đạo Nho mà dứt khoát không tin Phật pháp, thường nói là thân xác và thần thức đều hủy diệt, lẽ nào có ba đời. Trong thời Nguyên Gia nhà Tống làm quan chứ huyện lệnh Đan Dương, 10 năm mắc bệnh hơi thou như dừng lại, không mất chốc trở lại sống tạm một thời gian ngắn. Lúc ấy huyện Kiến Khang là Hạ Đạo Lực, đến thăm hỏi thì mua chóng xuống giường, đúng lúc Hoài Chi nói với Đạo Lực rằng: Mới biết giáo pháp của Phật không giả dối, người chết mà thần thức tồn tại, tin là có bằng chứng rồi. Đạo Lực nói: Rõ ràng thou bình sinh quan phủ không nhìn nhận theo cách như vậy, nay vì sao cách nhìn đổi khác? Hoài Chi nhíu mày đáp rằng: Thần thức thật sự không diệt đi, Phật giáo không thể vào không tin. Nói xong mà qua đời.

(Năm chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

6/ Thời nhà Tống có Thủ Cừ Mông Tốn, lúc ấy có Sa môn Đàm Ma Sấm, là người hiểu rộng biết nhiều, được Mông Tốn tin tưởng và kính trọng vô cùng. Họ sai Lý Thuận bái Mông Tốn làm Lương Vương, nhiều lần cầu cạnh Đàm Ma Sấm, nhưng Mông Tốn cẩn thận mà không đồng ý. Ma Sấm ý muốn đi vào đất Ngụy, nhiều phen đi theo Mông Tốn xin đi, Mông Tốn giận quá mà giết chết. Sau đó tùy tùng thường giữa ban ngày, trông thấy Ma Sấm dùng gươm đánh Mông Tốn, vì thế mắc bệnh mà chết.

(Chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.)

7/ Vào năm Bính Tuất là năm thứ 23 niên hiệu Nguyên Gia- Tống Văn Đế, là năm thứ 7 niện hiệu Thái Bình Chân Quân – Bắc Ngụy, Thái Vũ Hoàng Đế tín nhiệm Thôi Hạo nịnh hót quan xảo, tôn sùng kính trọng Khấu Khiêm gọi là Thiên Sư, tàn hại Thích chủng phá hủy chùa tháp, phế bỏ cúng tế quá nhiều. Lúc ấy các quan đều nói: Như Khương Tăng cảm ứng điềm tốt lành Thái Hoàng sáng lập chùa chiền, nếu cũng trừ bỏ thì sợ rằng để lại sự ân hận cho đời sau. Lại ở trong hậu cung đào đất gặp một pho tượng bằng vàng, Thôi Hạo bèn làm cho bẩn thỉu ô uế, thì chỗ kín trên thân nhà vua rất đau đớn lên tiếng kêu là khó

chịu nổi. Thái Sử xem qua nói: Bởi vì xúc phạm đến Đại thần linh. Thế là cầu khấn khắp những núi lớn có tiếng và cúng vái nhiều miếu thờ linh thiêng, mà chỗ kín càng thêm khổ sở và bên trong đau đớn càng lắm. Có người tín tâm ở trong cung nhiều lần tìm cách can ngăn rằng: Sự đau đớn của Bệ hạ là do xúc phạm đến tượng Phật, thỉnh cầu Đức Phật thì có thể giảm bớt khổ đau. Thôi Hạo nói: Phật là Đại thần linh ư, thou có thể cầu xem. Vừa thỉnh cầu thì khỏi đau đớn, vui mừng thay đổi tâm địa, bèn dùng ngựa xe đón Pháp sư Khương Tăng Hội, thỉnh cầu sám hối trừ bỏ thuận theo thọ trì năm giới, càng thêm kính trọng hết sức. Thái Vũ Hoàng Đế mới biết Khấu Khiêm ngấm ngầm sử dụng tà thuật làm hại, bèn tiến hành trừng phạt rất nặng, đem đặt ở vùng ngoại thành, chôn thân hình để lộ cái miệng, để cho người đi đường qua lại đều lấy cái miệng đó làm nhà xí, cho đến lúc thân mạng kết thúc. Những kẻ cùng bè đảng đều bị xử chém. Đến năm Canh Dần, Thái Vũ gặp phải bệnh tật, mới bắt đầu cảm xúc hiểu ra, cùng có Thiền sư Đàm Thỉ Bạch Túc, đến khởi phát lẫn nhau, sanh tâm ân hận hổ thẹn, lập tức chém đầu Thôi Hạo. Đến năm Nhâm Thìn thì Thái Vũ Đế băng hà, Tôn Văn Thành lên ngôi, liền xây dựng chùa chiền bị phá hủy trải qua bảy năm trở lại phát triển Tam Bảo. Đến năm thứ ba niên hiệu Hòa Bình, Chiêu Huyền Đô Thống là Sa môn Thích Đàm Điệu, phẫn kích cho sự xúc phạm hủy hoại trước kia nay vui mừng được phát triển trở lại, cho nên ở tại đài cao của chùa Thạch Thất này, quy tụ các Tăng chúng phiên dịch kinh điển lưu truyền, nối thông với hàng tài đức về sau khiến cho pháp tạng trú trì muôn đời không phai. Theo đây thì đào đất gặp được tượng Phật, biết rõ ràng là từ thời Tần – Chu đã có sự ứng nghiệm của Phật giáo rồi.

8/ Xưa nhà hậu Chu kế thừa vận mạng của nhà Ngụy, nhà Ngụy tiếp nhận thay thế cơ nghiệp của nhà Tấn, còn những thời đại khác thì chỉ có Vương mà không có căn cứ xác thực; nhưng khoảng thời gian của Tống-Tề-Lương-Trần, đương nhiên có ghi chép giữ lại, mà nước mất-vua bị phế truất, thì theo các tay bút thêm bớt, có thể không như vậy chăng? Tiên tổ của nhà Chu là Vũ Văn Giác, tức là thế hệ con của Hắc Thái nguyên là Đại thừa tướng của Tây Ngụy. Hắc Thái cử Cao Dương Vương làm Ngụy Đế. Tây Ngụy dời về Trường An, thay đổi áo quần cờ phướn thành màu đen, lấy hiệu là Đại Tống nguyên niên. Được mười tám năm, thay đổi niên hiệu phế truất ngôi vua, lập Ngụy Tề Vương lên ngôi, trị vì bốn năm mà băng hà Văn Giác được thay Ngụy nhường ngôi cho, ngay năm ấy bị phế truất, lập Đệ Dục làm Đế, trị vì bốn năm mà

băng hà; lập Đệ Ung làm Đế, chính là con thứ ba cũng Thái Tổ. Rộng rãi độ lượng, cai quản tất cả các nước nhỏ, trị vì mười hai năm giết chú là Đại tể tướng, bao che cho mười cha con của Tấn Quốc Công và sáu nhà Đại thần, thay đổi niên hiệu là Kiến Đức. Đến trong năm thứ ba, thu nhận Đạo sĩ Trương sĩ Trương Tân nịnh hót mê hoặc lòng người rằng: Phật pháp không tốt cho đất nước, có thể diệt trừ mới tốt hơn. Đến năm thứ sáu niên hiệu Kiến Đức, tiến về phía Đông san bằng nước Tề, đồng thời hủy diệt chùa tháp công tư của triều đại trước từ mấy trăm năm nay, tiêu diệt không còn sót lại gì, nấu chảy tất cả tượng thờ bằng kim loại, đốt cháy kinh điển; chùa Phật ở các châu huyện có bốn mươi ngàn ngôi lớn nhỏ, đều ban cho hàng Vương công sử dụng; Tăng sĩ ba phương còn lại ba trăm vạn, trở về lại với gia đình. Đế cho rằng Đại Chu là thiên hạ vô địch, không nói là tai họa từ thân mình mà trở thành đại họa, chí hướng to lớn suy nghĩ xa xôi, thay đổi niên hiệu là Tuyên Chính được năm tháng mà băng hà. Thái tử Vân lên ngôi, giết tám cha con của Tề Vương, thay đổi niên hiệu là Đại Thành, hai tháng lập Tử Diễn làm Thái tử, nhường ngôi cho con, thay đổi niên hiệu là Đại Tượng, tự xưng hiệu là Thiên Nguyên Hoàng Đế, lập lên bốn Hoàng Hậu, oai nghi trang phục nhiều gấp bội so với cổ xưa. Tháng năm năm thứ hai niên hiệu Đại Tượng thì Thiên Nguyên băng hà. Tử Diễn lên ngôi, ngày mồng một tháng Giêng thay đổi niên hiệu thành Đại Định, tháng hai nhường ngôi cho nhà Tùy. Triều đại nhà Chu gồm có năm Đế, tồn tại được hai mươi lăm năm, đóng đô tại Trường An.

(Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện Ký.)

9/ Năm thứ mười một niện hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, Nội thái phủ tướng là Triệu Văn Xương thân không bệnh tật mà đột ngột qua đời, trải qua mấy ngày nhưng trên ngực vẫn còn ấm, mọi người không dám khâm liệm. Sau một thời gian thì nói được, quyến thuộc cảm thấy quái lạ bèn hỏi thế nào. Văn Xương nói rằng: Tôi chết rồi có người dẫn đến nơi vua Diêm La, vua nói với Văn Xương rằng: Ông từ lúc sinh ra đến nay đã làm phước nghiệp gì? Văn Xương trả lời: Nhà nghèo không có vật gì có thể làm công đức, chỉ chuyên tâm tụng kinh Kim Cang bát Nhã. Vua nghe nói vậy thì chắp tay khép đầu gối lại, ca ngợi rằng: Tốt lành thay, tốt lành thay! Ông luôn luôn thọ trì Bát Nhã, công đức rất lớn, không thể nghĩ bàn được. Vua nói với người đã bắt tội nhân rằng: Cần phải đối chiếu chính xác, đừng để sai sót mà bắt người đến đây. Người đi xứ trong chốc lát, đối chiếu chính xác biết là sai sót, liền thưa với nhà vua rằng: Người này thật sự bắt nhầm, tính ra sống thêm phải hơn

hai mươi năm nữa. Nhà vua nghe lời này, liền nói với người đi sứ: Ông dẫn Văn Xương đến trong tàng kinh các, lấy kinh Kim Cang Bát Nhã mang đến đây. Người đi sứ tiếp nhận mệnh lệnh, liền dẫn Văn Xương đi về phía Tây khoảng năm dặm thì đến nơi tàng kinh các, trông thấy mấy chục gian nhà, rất hoa lệ hoàn mĩ, trong đó kinh điển xếp đầy mọi nơi, trục vàng hộp quý trang sức vô cùng tốt đẹp. Văn Xương trông thấy rồi thiện tâm càng phát khởi, chấp tay dốc lòng nhắm mắt tin tưởng tự tay rút lấy một quyển, lớn nhỏ giống như quyển kinh tụng trước kia. Văn Xương mãi lo sợ rằng không phải là Bát Nhã, nhờ người đi sứ đổi lại, nhưng người đí sứ không bằng lòng mà thấy được đầu đề nói rằng: Thật là bậc nhất trong mọi công đức. Văn Xương lập tức mở mắt xem thì chính là kinh Kim Cang Bát Nhã. Văn Xương hoan hỷ mang đến chỗ nhà vua. Nhà vua khiến một người cầm quyển kinh đứng bên phía Tây, khiến Văn Xương đứng phía Đông, mặt hướng về quyển kinh, bảo Văn Xương tụng kinh, người đi sứ so sánh thử xem, một chữ không để sót, thảy đều thông suốt rõ ràng. Lúc ấy nhà vua tha cho Văn Xương trở về nhà, nhiều lần dặn dò kỹ càng Văn Xương rằng: Ông thường xuyên thọ trì kinh này đừng làm cho quên mất. Sau đó sai một người dẫn Văn Xương đi theo cửa phía Nam ra ngoài. Sắp đến trước cửa, thì trông thấy Chu Vũ Đế ở trong phòng phía Đông cửa ra vào trên cổ bị trói ba lớp xiềng xích, liền gọi Văn Xương rằng: Ông là người trong đất nước tôi, tạm dừng một chút đến đây, tôi cần nói với ông đôi điều. Văn Xương thấy gọi thì đi đến chỗ Vũ Đế, nhân tiện chào hỏi nhau. Vũ Đế nói: Ông biết tôi không? Văn Xương đáp rằng: Hạ thần xưa kia vốn có bảo vệ Bệ hạ, nên nhận ra Bệ hạ. Vũ Đế nói: Khanh đã là bề tôi trước kia của ta, nay khanh trở về nhà, giúp ta đến chỗ Tùy Văn Hoàng Đế nói đầy đủ những tội lỗi của ta, và muốn biện giải rõ ràng chỉ có tội hủy diệt Phật pháp là nặng nhất không có thể hết được. Lúc đó vì thị vệ Nguyên Tung chỉ bày mà ta hủy diệt Phật pháp, gần đây nhiều lần truy tìm Nguyên Tung không được, vì vậy không rõ ràng tội lỗi do ai. Văn Xương hỏi: Nguyên Tung đi đến chỗ nào mà nhà vua truy tìm không được? Vũ Đế đáp rằng: Lúc đó ta không hiểu ý của Nguyên Tung, sai lầm hủy diệt Phật pháp, Nguyên Tung vốn là người ở ngoài ba cõi, không phải là nơi Diêm La Vương có thể cai quản được, vì vậy mà truy tìm không được. Ông nói với Tùy Văn Đế, xin cho ta một ít đồ vật, tu tạo công đức phước thiện, hy vọng nhờ vào phước thiện giúp đỡ mà được ra khỏi địa ngục. Văn Xương nhận lời nhắn nhủ rồi chia tay mà đi. Lát sau ra bên ngoài cửa phía Nam, trông thấy trong một hầm phân lớn có một người, lộ ra

một mảng đầu tóc. Văn Xương hỏi người dẫn đường: Đây là người nào? Người dẫn đường đáp rằng: Đây là Bạch Khởi, tướng của nhà Tần, hãm hại Triệu Tốt, gởi giam vào trong này, tội lỗi hãy còn chưa hết. Người dẫn đường đem Văn Xương đến nhà thì được sống lại. Trải qua ba ngày tai họa của Văn Xương dần dần trừ hết, Văn Xương đem sự việc này tâu bày đầy đủ với Văn Đế. Văn Đế ra sắc lệnh khắp mọi nơi trong nước, mỗi người trích ra một quan tiền, tụng kinh Kim Cang Bát Nhã giúp cho Chu Vũ Đế, và giữ trai tịnh ba ngày. Vẫn ra lệnh ghi chép sự việc này vào trong sử củ triều đại nhà Tùy.

10/ Thời nhà Tùy ở vùng Đông Xuyên có Sa môn Thích Tuệ Vân, là người vùng Phạm Dương. Năm mười hai tuổi xuất gia, đi khắp nơi lắng nghe làm chủ yếu. Đến năm mười tám tuổi, cưỡi con lừa đi đến nhà người chú. Người chú nhìn thấy con lừa thì rất vui, tìm cách giết hại để đoạt con lừa. Vừa lúc cầm dao đến, thấy dưới chân tường phía Đông có người mặc áo vàng, đưa name tay ra trước và mắng rằng: Đạo nhân này mới được thông suốt pháp hành của Đại Sĩ, sao nhẫn tâm muốn làm hại? Người chú sợ hãi nói với vợ, vợ nói rằng: Tâm chàng không cương quyết, hoa mắt mà đến nỗi ấy thôi. Nghe xong lại đi đến, lại thấy dưới chân tường phía Tây người mặc áo vàng nói: Đừng giết hại Đạo nhân, nếu giết hại thì tai họa to lớn sẽ tiếp xảy ra. Người chú kinh hãi bèn dừng lại. Sáng sớm từ biệt đi đến nhà chị gái, người chú lại cầm dao đưa đi, nói với Tuệ Vân rằng: Đường này vắng vẻ nguy hiểm cho nên đưa Sư đi qua nơi hiểm nạn. Tuệ Vân đi ở phía trước, đang ở nơi rất hiểm trở, người chú ở phía sau vung dao sắp chém, bỗng nhiên trông thấy chồng chị gái ở bên cạnh, thế là tránh được tổn hại. Tuệ Vân cũng không hay biết. Về sau sự học vấn của Tuệ Vân có danh tiếng đức hạnh vang xa. Đến giữa niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, dẫn đồ chúng gồm năm trăm người đi đến nhà người chú. Người chú thấy cảm hóa rõ ràng rất thẹn với sự mê muội xưa kia, bèn dâng tặng mười xấp lụa, vợ chồng bày tỏ ăn năn, Tuệ Vân mới biết sự tình, thế là thuyết pháp cho nghe vĩnh viễn đoạn trừ tâm địa ác độc. Thường lấy sự việc này cứ mỗi lần khuyên nhủ mọi người rằng: Xưa kia ta không sử dụng đồ vật tốt đẹp thì đâu làm liên lụy đến người khác? Đương nhiên người tham dự học hỏi nghe rồi đều thường xuyên tiết kiệm. Với danh tiếng long lẫy không biết tuổi cuối đời là bao nhiêu.

11- Thời nhà Đường có Thái sử lệnh Phó Dịch, vốn là người vùng Thái Nguyên, những năm cuối triều nhà Tùy dời đến vùng Phù Phong. Thưở trẻ thích học rộng, có sở trường về thiên văn lịch số, biện giải

thông minh có thể bàn luận nhanh nhạy. Từ niên hiệu Vũ Đức đến niên hiệu Trinh Quán, trong hơn hai mươi năm thường làm Thái sử lệnh, tánh không tin vào Phật pháp, đã từng khinh miệt Tăng Ni, còn lấy tượng đá dùng làm gạch xây tường. Đến mùa Thu năm thứ mười bốn niên hiệu Trinh Quán nhà Đường bị bệnh nặng đột ngột mà chết. Ban đầu Phó Dịch cùng đồng bạn là Phó Nhân Quân và Tiết Trách, cùng làm Thái sử lệnh, Tiết Trách trước đó nợ Nhân Quân năm ngàn quan tiền chưa trả, mà Nhân Quân sau khi chết, thì Tiết Trách mộng thấy Nhân Quân, chuyện trò với nhau như lúc bình thường. Tiết Trách nói rằng: Bởi vì trước đây có mắc nợ tiền thì bây giờ nên giao cho ai? Nhân Quân nói: Có thể giao cho người Nê lê. Tiết Trách hỏi: Người Nê lê là ai? Đáp rằng: Chính là Thái sử lệnh phó Dịch. Lát sau tỉnh giấc. Đêm ấy Thiếu phủ Giám Bằng Trường Mạng lại mộng, đã ở một nơi gặp nhiều người quá cố trước kia, Trường Mạng hỏi: Nghe trong kinh văn nói về báo ứng của tội phước, không biết là chắc chắn có hay không? Đáp rằng: Tất cả đều có cả đấy. Lại hỏi rằng: Như Phó Dịch thì lúc còn sống không tin, chết sẽ nhận chịu báo ứng nào? Đáp rằng: Tội phước chắc chắn là có, nhưng mà Phó Dịch đã bị đưa vượt qua châu này, trở thành người Nê lê rồi. (Nói là Nê Lê, dựa theo kinh phiên ra là Đại địa ngục Vô gián). Trường Mạng sáng sớm đi vào công đường gặp Tiết Trách, nhân đó nói lại điều mình mộng thấy. Tiết Trách lại tự nói về sự việc của người Nê lê. Hai người cùng trong một đêm âm thầm mà phù hợp với nhau, cùng nhau than thở xót xa, sự việc tội phước không thể không tin. Tiết Trách đã thấy bằng chứng, vẫn đưa tiền giao cho Phó Dịch, và nói điều đã mộng cho Phó Dịch nghe. Trong mấy ngày sau mà Phó Dịch bỗng nhiên qua đời. Ngày mới mất có nhiều hiện tượng dữ dằn, không thể nói hết được. Đứng ở trước công đường, hai vị quan tự mình trông thấy, nói lại giấc mộng đều giống nhau.

12- Thời nhà Đường có Thượng thư hình bộ lang trung là Tống Hành Chất, người vùng Bác Lăng, tánh không tin theo Phật, có lời báng bổ ngạo mạn, đến tháng 5 năm thứ 2 niên hiệu Vĩnh Huy nhà Đường bị bệnh mà chết. Đến ngày mồng 9 tháng 6, thượng thư đô quan lệnh sử là Vương Thọ đột ngột mà chết, trải qua hai ngày mà sống lại. Tự mình nói rằng: Lúc mới chết thấy có bốn người dẫn đến chỗ ấy nói là quan phủ truy tìm ông. Vương Thọ đi theo vào một cổng lớn, trông thấy công đường rất hùng tráng, làm hướng về phía Bắc. Trong phía Tây trên công đường có một người ngồi, hình dáng to lớn và đen sì; trong phía Đông công đường có một vị Tăng ngồi, tương đương với quan phủ, mặt đều

hướng về phía Bắc, đều có giường ghế án thư đầy đủ; đồng tử hầu hạ hơn hai trăm người, có người đội mũ có người thắt bím tóc, dung mạo đều xinh đẹp. Dưới bậc thềm có người lo liệu văn bản vụ án, có một người già mang gông bị trói chặt đứng dưới bậc thềm phía Đông. Vương Thọ đến sân công đường thì cũng bị trói, người cầm giấy bút hỏi Vương Thọ rằng: Năm thứ mười tám niên hiệu Trinh Quán nhà Đường vào ngày nhậm chức Tá sử ở Trường An, vì sao thay đổi quê quán có tên họ là Lý Tu Đạt? Đáp rằng: Vương Thọ trước khi nhậm chức Tá sử ở Trường An, tự năm Trinh Quán thứ mười sáu lọt vào vòng được chọn, đến năm thứ mười bảy được trao cho chức Tư nông tự phủ sử, năm thứ mười tám thay đổi quê quán, không phải là đội của Vương Thọ. Đại quan trên công đường đọc lời biện giải ấy, quay đầu lại nói vơi người tù già ở dưới bậc thềm phía Đông rằng: Tại vì sao tố cáo xằng bậy như vậy? Người tù nói: Tuổi Tu Đạt thật sự chưa đến, bởi vì Vương Thọ thay đổi quê quán, thêm nhiều tuổi vào cho Tu Đạt, lẽ nào dám xằng bậy chẳng? Vương Thọ nói: Vương Thọ đến năm thứ 17, thay đổi chức vụ tự mình trình bày đến nay trông thấy còn, xin truy tìm nghiệm xét điều ấy. Quan lớn gọi ba người dẫn Vương Thọ đi, cởi trói cho Vương Thọ đến lấy văn bản của tự mình trình bày. Văn bản của tự mình trình bày đưa đến quan lớn, tự đọc xong nói với người tù già rằng: Người ta thay đổi chức vụ rất rõ ràng, ông không có lý. Lệnh cho người đưa người tù già ra ngoài cửa phía Bắc, có nhiều khu thành mờ mịt, trên thành đều có bờ tường thấp có những khe ngắm bắn, tựa như là nơi dữ dằn đáng sợ. Quan lớn nhân đó viết trên văn bản, nói với Vương Thọ rằng: Ông không có tội, tha cho ông đi. Vương Thọ bái tạ cáo từ. Có người dẫn đường Vương Thọ đến bậc thềm phía Đông bái tạ cáo từ vị Tăng, vì Tăng đóng dấn vào cánh tay Vương Thọ và nói rằng: Có thể ra đi. Người dẫn đường đưa Vương Thọ được ra phía Đông Nam vượt qua ba lớp cổng, mỗi lớp cổng đều đối chiếu xem xét dấu đóng trên cánh tay, sau đó mới đồng ý cho ra ngoài. Đến cổng thứ tư, cổng này rất to lớn hùng vĩ, tầng lầu màu hồng nhạt có ba cửa đều mở toang, hình dáng giống như cổng cung thành, thị vệ canh gác vô cùng nghiêm ngặt, lại nghiệm xét dấu đóng rồi mới cho ra cổng. Đi về phía Đông Nam mấy chục bước, nghe có người với theo gọi Vương Thọ, Vương Thọ quay đầu lại nhìn thì trông thấy Thị Lang Tống Hành Chất, sắc mặt đen đủi thảm hại, tình cảnh giống như đất ướt, đầu lộ ra mặc áo dài đỏ xưa kia, đầu tóc ngắn rủ xuống, giống như người Hồ vậy, đứng ở dưới bậc thềm, có người dẫn đường chịu trách nhiệm canh giữa. Gần thành phía Tây có một tấm biển

lớn bằng gỗ, cao khoảng chừng một trượng hai thước, trên tấm biển có viết chữ lớn rằng: Đây là nơi đối chiếu chính xác quyết định người đi qua Vương phủ. Chữ ấy lớn còn hơn khoảng thước rất rõ ràng. Trên công đường có giường ngồi và bàn ghế, giống như nơi quan phủ, mà không có người ngồi. Hành Chất trông thấy Vương Thọ mà buồn vui lẫn lộn, miệng nói rằng: Vì sao ông có thể đến đây? Vương Thọ nói: Quan truy tìm đối chiếu xét hỏi về việc thay đổi quê quán, không có quan hệ gì nên tha cho trở về. Hành Chất cầm hai tay nói với Vương Thọ rằng: Tôi bị quan tra hỏi về sổ công đức, trong tay tôi không có sổ công đức, vì vậy chịu khốn khổ nơi này, cọng thêm nỗi khổ vì đói khát lạnh lẽo không thể nói hết được, ông có thể cố gắng đến nhà tôi nói cho biết hãy gấp rút làm công đức giúp tôi. Thiết tha dặn dò nhiều lần như vậy, Vương Thọ đến lúc từ biệt mà đi. Đi được mấy chục bước, lại gọi Vương Thọ, còn chưa kịp nói gì thì trên công đường có quan lớn đến ngồi giận dữ quát Vương Thọ rằng: Ta mới đối chiếu tra hỏi sự việc, ông là người nào mà nhất định đến chỗ tù tội? Liền sai quân lính nhét gì vào lỗ tai Vương Thọ rồi đẩy khiến đi ra. Vương Thọ chạy lại đến một cổng, lính canh cổng nói: Ông bị nhét chặt lỗ tai, lỗ tai đang bị điếc, tôi giúp ông lấy vật trong đó ra. Nhân đó đưa tay móc lỗ tai của Vương Thọ, trong tai có tiếng vang mới nghiệm là đúng, liền thả đi ra ngoài cổng tối đen như mực. Vương Thọ không biết là nơi nào, dùng tay mò mẩm từ Tây đến Nam, đều là tường vách, chỉ riêng phía Đông không có gì chướng ngại mà tối mù không thể đi được. Đứng chờ một lát thấy người lính trước đây truy tìm Vương Thọ từ trong cổng đi ra đến nói với Vương Thọ rằng: Ông hãy còn có thể chờ đợi tôi rất tốt, có thể cho tôi xin một ngàn quan tiền được không? Vương Thọ không trả lời mà trong lòng tự suy nghĩ rằng: Mình không có tội tha cho đi, vì sao kiếm cớ để hối lộ? Người lính liền nói rằng: Ông không thể nào không thực hiện, nếu trước đây tôi không sớm dẫn ông đi qua, thì quan ra lệnh chịu trói hai ngày, há không khốn đốn chăng? Trong lòng Vương Thọ cho là không sai, vì vậy hổ thẹn xin lỗi rằng: Đồng ý theo lời. Người lính nói:Tôi không sử dụng tiền đồng của ông, muốn có được tiền bằng giấy trắng kia, hẹn ngày mười lăm đến lấy. Vương Thọ đồng ý, nhân đó hỏi đường trở về. Người lính nói: Chỉ đi về phía Đông hai trăm bước, sẽ gặp một nơi, chọc thủng tường thấy sáng, có thể đẩy sập xuống, tức thì đến nhà ông. Vương Thọ như dấu hiệu làm tin mà tin, đến bức từng đẩy rất lâu, thậm chí dựa vào nơi đổ sụp mà ra, liền đến chỗ ở của mình, nơi cửa Nam phường Long Chính rồi. Ngay sau đó trở về nhà thấy mọi người đang ngồi khóc nỉ

non, đi vào cửa mà sống lại. Đến ngày mười lăm Vương Thọ quên giao tiền, ngày mai lại mắc bệnh khốn đốn vô cùng, thấy người lính đến giận dữ nói rằng: Quả nhiên ông không thực hiện, hẹn giao tiền cho tôi mà không chịu giao, bây giờ lại dẫn ông đi. Vì thế liền đuổi đi, ra ngoài ánh sáng chói lòa khiến cho rơi vào hố. Vương Thọ vái lạy nhận lỗi hơn trăm vái, liền thả cho trở về. Lại sống lại, Vương Thọ nói với người nhà mua một trăm tờ giấy làm tiền đưa đi. Ngày mai Vương Thọ lại bệnh khốn đốn, lại thấy người lính nói rằng: Mong ông có thể giao tiền cho tôi, mà tiền không tốt lắm. Vương Thọ nói lời xin lỗi mong làm lại tốt hơn. Lại được sống. Đến ngày hai mươi, Vương Thọ khiên dùng sáu mươi quan tiền mua một trăm tờ giấy trắng làm tiền cùng với rượu thịt, tự mình đến đốt trên mương nước cửa phía tây phường Long Chính, lát sau không thể khỏe mạnh thoải mái, liền niệm tụng không bỏ. Đến hỏi sự việc ấy, lúc đó cùng với Hình bộ thị lang Lưu Yên dời đến ở Đại Lý và Thiếu Khanh-Tân mậu mời mọc, ở Đại Lý thẩm vấn đề nghị Lưu Yên mời Vương Thọ đến, cùng với Thiếu Khanh – Tân Mậu đối diện hỏi han mà nói như vậy.

(Ba chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.)

13/ Thời nhà Đường ở Kí Châu có Khương Đằng Sanh vốn là người vùng Quán Thành, cuối niên hiệu Vũ Đức bỗng nhiên gặp phải căn bệnh quái ác, liền đi vào vùng Mông Sơn, chữa bệnh nhiều năm không bớt, sau mới trở về nhà, thân thể bở loét nát rữa, ngón tay ngón chân rơi rụng. Đêm ngủ bỗng nhiên mộng thấy một pho tượng đá màu trắng, có thể cao hơn ba thước, nói rằng: Chỉ làm thêm tay cho ta thì khiến cho ông lập tức khỏi bệnh. Đến sáng sớm bỗng nhiên nhớ lại, vào năm đầu niên hiệu Vũ Đức ở trong ruộng kê bắt con chim Tước, vào trong điện Phật của thôn vốn có, lấy kinh Duy Ma xé rách để dùng, buộc con chim Tước vào đầu gậy dọa làm cho sợ. Có người trông thấy nói rằng xé kinh là tội lớn. Đằng Sanh trở lại mắng nhiếc dữ dằn, liền vào trong điện Phật đánh pho tượng đá màu trắng, tay phải cuối cùng bị rời rã. Trong mộng đã thấy giống hệt pho tượng trước kia, liền đến trước Phật đầu mặt cúi lạy sát đất, hết lòng hối hận về sai lầm của mình, mướn thợ làm lại cánh tay của pho tượng ấy, làm lại bốn mươi quyển kinh, xây dựng một tinh xá. Trong một năm thì căn bệnh chữa lành. Người trong thôn gọi là Thánh tượng, điện Phật và pho tượng ấy đều thấy vẫn còn.

14/ Thời nhà Đường có Diêu Minh Giải, vốn là Sa môn ở chùa Phổ Quang, tánh thông minh có văn chương hoa mĩ, giỏi về viết văn tự,

có sở trường về hội họa, còn như gảy đàn thì cũng rất tuyệt vời vào lúc đó, nhưng luôn vui với niềm vui phàm tục mà không thích phương pháp học đạo. Vào năm thứ nhất niên hiệu Long Sắc nhà Đường, tất cả mọi người thuận theo chiếu thư, tự mình đi đến Lạc Dương, và thi đỗ phẩm bậc mà trở về thế tục, có thể là có nói điều gì khác, không bao lâu mà chết. Sau đó thác gởi trong mộng cho Tăng Trí Chỉnh ở chùa Tịnh Độ vốn là bạn tương tri rằng: Minh Giải vốn không có phước nghiệp cũng không tuân theo nội giáo, nay nhận chịu tội lỗi sâu nặng rất đói khát, nếu như có tình cảm của bạn cũ, thì có thể tự mình ban ơn cho một bữa ăn hay không? Trí Chỉnh trong mộng đồng ý nhận lời và sau khi tỉnh mộng mới bắt tay làm thức ăn, đến đêm vừa mới ngủ, thì thấy Minh Giải đến hổ hổ thẹn ngỏ lời cảm ơn. Đến giữa mùa Thu năm Long Sóc thứ hai lại thác gởi trong mộng với người thợ vẽ rằng: Vì tôi không tin Phật pháp cho nên bây giờ nhận chịu rất nhiều khổ đau, cố gắng giúp tôi viết mấy quyển kinh. Sau đó cầm tay thiết tha làm thơ nói từ biệt, bảo người thợ vẽ đọc 18 lần khiến cho nhớ kỹ. Tỉnh giấc bèn nhớ lại, thơ ấy nói rằng: Bắt tay không thể nào từ biệt, đấm ngực lại tự làm hai mình, đau đớn quá thời gian ngắn ngủi, xót thương thay nẻo dữ dài lâu, rừng tùng kinh hãi gió lộng thổi, mồ hoang sương lạnh còn lưu lại, nói lời chia ly lấy gì tặng, lưu tâm trong giáo pháp rõ ràng.

Người thợ vẽ ấy xưa nay không biết chữ, bỗng nhiên tĩnh giấc mà nhờ người ghi lại, đem bày tỏ với bạn cũ quen biết với Minh Giải, mọi người đều nói: Đúng là thể văn của Minh Giải không nghi hoặc gì. Người nghe người thấy không có ai là không xót xa rầu rĩ, đạo tục ở kinh sư truyền miệng cho nhau nghe không phải là ít.

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Tập Di Ký.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 80

Thiên thứ 85: **LỤC ĐỘ** (Phần một).

Thiên này có 6 phần: Bố thì, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.

***Phần thứ nhất:* BỐ THÍ**

Phần này có mười một mục tách biệt: Thuật ý, Kiên ngụy, Cục thí, Thông thí, Pháp thì, Lương cảnh, Quán điền, Tương đối, Tài thí, Tùy hỷ, Thí phước.

***Thứ nhất*: Thuật Ý.**

Nói đến việc làm bố thí, chính là nguồn cội của các hạnh, đã nêu lên đầu tiên trong Lục Độ, lại đưa ra trước hết trong Tứ Nhiếp. Vì lẽ đó Cấp Cô Độc mua vườn, lấy vàng ròng lát đất mà không tiếc; Vương tử Tu Đạt Noa thời xa xưa, cho voi trắng mà không hề ngần ngại. Hãy còn thường xuyên cứu giúp ách nạn, mà quên hình hài thân mạng của mình, cho nên Tát Đỏa dẫn thân vào, để cứu mạng cho hổ đói; Thu Tỳ cắt bắp vế, để thay mồi cho chim ưng. Há đối với vợ con đất nước, đâu đủ để giữ mãi trong lòng; tiền bạc châu báu chứa trong kho, lẽ nào cho phép luôn để ý? Sách vở thế tục hãy còn nói: “Sẻ áo nhường cơm xoa đầu đến đón, ngựa xe áo quần bạn bè cùng hưởng; không ai không trọng nghĩa khinh tài yêu hiền chuộng sĩ”. Vả lại tự nhiên tài vật vô thường, nào quan hệ đến việc người, vất vả tâm sức tích tụ, cuối cùng lại đâu bố thí, bốn nỗi sợ hãi dày cò, năm kẻ oan gia tranh đoạt; có người trí nào mà đang ngắm nhìn vật báu, ví như phàm phu ngu dại tham tiếc gia tài, không có tâm buông xả mà đánh mất thân mạng, chỉ vì ham sống mà luôn lo sợ không sống, liền khiến cho vợ con khinh rẻ anh em bất hòa, quyến thuộc chia ly thân bằng ngăn cách. Bởi vì nhân bủn xỉn – duyên bủn xỉn-pháp bủn xỉn-nghiệp bủn xỉn, mà trái với tâm của Bồ tát, gây trở ngại cho đạo Từ Bi, không sanh ý niệm cứu hộ, chỉ dấy khởi tình phiền não. Sai lầm như vậy, thật sự là do tham lam bủn xỉn làm gốc.

Thứ hai: **Kiên Ngụy** (bủn xỉn giả dối).

Như trong kinh Bồ Tát Xử Thai, Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Người đời nhiều ngu si mê hoặc,
Bủn xỉn giữ gìn không bố thí,
Tích lũy tiền của ngàn vạn ức,
Nói ra là của mình vốn có,
Đến lúc thọ mạng sắp chấm dứt,
Mắt trông thấy quỷ thần hung ác,
Dao gió cắt thân thể mình,
Không còn hơi thở ra vào nữa,
Thần thức tham tùy theo thiện ác,
Nhận chịu báo ứng thật khổ đau,
Dẫn đến nơi nhận chịu tội lỗi,
Ăn năn hối hận đã muộn rồi".

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử có kệ rằng:

"Người tham lam tích tụ thật nhiều,
Có được không sinh lòng thỏa mãn,
Bởi vì tâm điên đảo vô minh,
Thường nghĩ đến tranh giành người khác.
Hiện tại gây ra nhiều oán ghét,
Xả thân rơi vào trong đướng ác,
Vì vậy cho nên người có trí,
Cần phải nghĩ đến hạnh tri túc.
Tiếc nuối tiền của không bố thí,
Cất giấu tất cả sợ người biết,
Xả thân ra đi tay trống rỗng,
Nhận chịu khổ đau trong ngạ quỷ.
Đói khát lạnh nóng thật khốn cùng,
Sầu lo rầu rĩ thường hành hạ,
Người trí không tích tụ tiền của,
Để phá trừ bủn xỉn tham lam".

Còn trong kinh Phân Biệt Nghiệp Báo có kệ rằng:

"Tu hành căn bản là bố thí,
Tánh nóng lại nhiều giận dữ,
Không dựa vào nhớ nghĩ chính đáng,
Đời sau làm loài rồng sức mạnh".

Còn trong kinh Bồ tát Bổn Hạnh nói: "Nếu thấy người cầu xin có bộ nhăn nhó lo lắng, thi nên biết rằng người này từ trong loài ngạ quỷ

mới thoát ra”.

Còn trong kinh Đại Tập nói: “Có bốn pháp làm chướng ngại đối với Đại thừa. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1- Không thích ban ân bố thí; 2- Bố thí rồi sinh ân hận; 3- Bố thí rồi xét tìm tội lỗi; 4- Không nghĩ đến tâm bồ đề. Lại có bốn pháp: 1- Vì ham muốn mà bố thí; 2- Vì giận dữ mà bố thí; 3- Vì ngu si mà bố thí; 4- Vì sợ hãi mà bố thí. Lại có bốn pháp: 1- Không chí tâm bố thí; 2- Không tự tay bố thí; 3- Không ngay nơi gặp mà bố thí; 4- Khinh mạn mà bố thí”.

Còn trong kinh Ưu Bà tắc Giới nói: “Đức Phật dạy: Bồ tát bố thí xa lìa bốn điều ác: 1- Phá giới; 2- Nghi ngờ; 3- Tà kiến; 4- Keo kiệt bủn xỉn. Lại xa rời năm pháp: 1- Lúc bố thí không chọn có đức hay không có đức; 2- Lúc bố thí không nói đến thiện ác; 3- Lúc bố thí không chọn lựa dòng giống đẳng cấp; 4- Lúc bố thí không coi thường người cầu xin; 5- Lúc bố thí không mắng nhiếc thô ác.

Lại có ba sự việc, bố thí rồi không đạt được quả báo tốt đẹp: 1- Trước phát tâm nhiều mà sau thì cho ít; 2- Chọn lựa vật xấu kém mang ra để cho người ta; 3- Đã thựa hành bố thí rồi mà tâm sinh ra hối hận. Lại có tám sự việc, bố thí rồi không thể thành tựu quả cao đẹp” 1- Bố thí rồi thấy sai lầm của người nhận; 2- Lúc bố thí tâm bố thí không bình đẳng; 3- Bố thí rồi yêu cầu người nhận phải làm việc; 4- Bố thí rồi vui mừng tự ca ngợi mình; 5- Nói không có lần sau mới cho; 6- Bố thí rồi mắng thô ác; 7- Bố thí rồi mong cầu trả lại gập bội; 8- Bố thí rồi sinh tâm nghi ngờ. Người bố thí như vậy thì không thể nào được thân cận gặp gỡ các bậc Hiền Thánh và chư Phật. Nếu dùng đầy đủ sắc-hương-vị-xúc, bố thí những người ấy, thì gọi là bố thí thanh tịnh.

Nếu chỉ vì ruộng phước tốt lành mà bố thí chứ không thích bố thí thường xuyên, người này ở đời vị lai lúc đạt được quả báo mà không thích ban ân bố thí.

Nếu người bố thí rồi sinh lòng ân hận, hoặc cướp đoạt đồ vật của người khác dùng để bố thí, người này ở đời vị lai tuy có được tiền bạc của cải nhưng thường hao tổn không quy tụ.

Nếu làm phiền quyến thuộc có được đồ vật để bó thí, thi người này ở đời vị lao tuy đạt được quả báo to lớn nhưng thân thể thường bệnh tật khổ sở.

Nếu người trước đó không tự mình cung dưỡng cha mẹ, làm phiền vợ con mình và gây khốn khổ cho tôi tớ hầu hạ, mà thực hành bố thí, thì đó gọi là người ác, là giả danh bố thí chứ không gọi là bố thí hợp với chính nghĩa. Người bó thí như vậy, gọi là không có lòng thương xót và

không biết báo đền ân nghĩa, người này ở đời vị lai tuy có được tiền bạc châu báu, mà thường mất mát chứ không quy tụ, không thể nào có để sử dụng, thân mang nhiều bệnh tật khổ sở”.,

Thứ ba: **Cục Thí** (bố thí có hạn chế).

Lời thuật lại: Hoặc lại có người hứa giúp cho người nghèo thiếu khiến họ hoan hỷ, mà sau đó hối hận không cho, gây ra khổ sở càng nhiều hơn. Hoặc có chúng sanh tự mình không có niềm tin bố thí, thấy người khác thực hành bố thí đã không thể nào tùy hỷ, mà lại nảy sinh chê bai bới móc làm cho người ta không bố thí, thì mắc phải tội nặng nhất. Hoặc có chung đồ vật mà lại sử dụng nhiều hơn, như tiền của đồ vật trong gia đình thì vợ con cùng cảm, nhiều người có phần chứ không phải là chỉ một mình cảm được, ở trong đó một mình bủn xỉn không chịu ban ân bố thí, ngăn cản người ta tu phước, thì mắc phải ác nghiệp sâu đậm nhất.

Vì vậy trong kinh Chánh Niệm nói: “Như có người chồng nói với người vợ của mình khiến bố thí thức ăn cho các vị Sa môn – Bà-la-môn. Người vợ ấy keo kiệt tiếc nuối thật sự là có mà nói không có, nói với chồng mình rằng: Nhà không có gì cả, nên lấy thứ gì để bố thí cho các vị Sa môn và những người phước thiện? Người vợ như vậy dối gạt chồng mình keo kiệt tiền bạc mà không bố thí, đến lúc thân mạng hủy hoại kết thúc rơi vào trong chốn ngạ quỷ khâu miệng, bởi vì tập khí tích tụ ấy mà tạo ra nhiều ác nghiệp, cho nên người vợ nhiều đời ở trong đường ngạ quỷ. Tại vì sao? Bởi vì người nữ nhiều tham dục ganh tỵ cho nên không bằng người nam, người nữ tâm địa nhỏ nhoi nông cạn không bằng người nam. Vì nhân duyên này, sanh trong ngạ quỷ, thậm chí ác nghiệp ganh tỵ không mất đi, không hủy hoại không loại bỏ, ở trong ngạ quỷ không thể nào thoát ra được. Nghiệp hết được thoát ra, từ nơi này mạng chung sanh trong loài súc sanh, nhận chịu thân của loài chim Giá Tra Ca (loài chim này chỉ ăn lúc trời mưa, ngửa miệng hứng được nước trên trời mưa xuống mà uống, chứ không được uống những loại nước khác), thường lo sợ đói khát và nhận chịu khổ não vô cùng. Trong loài súc sanh chết đi rồi sanh vào trong loài người, bởi vì nghiệp còn lại cho nên thường đói khát khốn khổ, nhận chịu đau khổ vô cùng, thường phải đi xin ăn”.

Hoặc lại ở trong gia đình cùng có sự cung cấp, mà cứ ăn một mình chứ không cho người khác, cũng mắc phải tội nặng.

Vì vậy trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Thức ăn ngon nhiều mà tự mình ăn uống, không bố thí cho vợ con và vợ con của những quyến thuộc khác, họ chỉ được ngửi mùi thơm của thức ăn mà không

biết vị của thức ăn. Ở trước mặt vợ con mà ăn một mình, bởi vì keo kiệt ganh tỵ, cho nên quyến thuộc cùng chung nghiệp lực mà không bố thí cho nhau. Cũng bày cho người khác không cung cấp cho vợ con thì khởi tâm tùy hỷ. Tạo ra nhiều lỗi lầm như vậy, mà không hối cải, không sanh lòng hổ thẹn. Người ác như vậy, đến lúc thân mạng hủy hoại kết thúc thì sanh vào trong loài ngạ quỷ ăn mùi hương. Sau khi đã sanh ra thì đói khát đốt cháy thân hình chạy trốn khắp mọi nơi, rên rĩ kêu gào-khóc lóc xót xa-sâu lo vô cùng, chỉ nhờ cậy vào tháp miếu và những dịp cúng tế trời đất, người có niềm tin thiết bày những vật cúng dường, nhờ vào mùi hương đó và ngửi còn lại để tự duy trì mạng sống".

Do đó biết rằng chúng sanh một mình sử dụng đồ vật trong gia đình và cố ý ăn uống một mình, đều mắc phải tội lớn. Hoặc suy nghĩ rằng không có tiền bạc thậm chí cỏ cây nước uống, cũng không đem ra bố thí, về sau nhận chịu nghèo khổ đời đời không chấm dứt.

Vì vậy trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Người không có tiền bạc tự nhiên nói là không có tiền bạc, thì nghĩa này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì tất cả nguồn nước-đồng cỏ thì con người không có ai là không có phần. Tuy là vua chúa đứng đầu đất nước và không hẳn đã có năng lực luôn bố thí, tuy là người nghèo khó cùng cực nhưng không phải là không có thể bố thí. Tại vì sao? Bởi vì người nghèo khó cùng cực cũng có phần ăn, ăn rồi rửa đồ dùng, lấy nước chùi rửa đã bỏ đi, bố thí cho những loài cần ăn, cũng có được phước đức. Hoặc dùng chút bột bố thí cho loài kiến, cũng có được quả báo phước đức vô lượng. Người nghèo khó nhất trong thiên hạ, ai sẽ không có một chút bột như mảy bụi chăng? Người nghèo túng cùng cực thì ai sẽ để thân thể trần trụi không có áo quần? Nếu có áo quần, thì lẽ nào không có một sợi chỉ hay một mũi kim bố thí cho người, hoặc chút tiền bạc băng bó vết thương nơi một ngón tay để làm bấc neon hay sao? Này người thiện nam! Người trong thiên hạ thì ai hiện tại nghèo khó cùng cực không có thân hình? Nếu như có thân hình, thì thấy người khác làm phước mình nên đến để giúp đỡ, tìn đến tự mình quét rác vẩy nước cũng có được phước báo".

Do đó trong Thành Thật Luận nói: "Quét sạch đất trong một ngôi chùa Tăng, không bằng quét sạch đất nơi một bàn tay của tượng Phật".

Còn trong Tứ Phần Luật và Di Sa Tắc Luật nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong thành Bạt Đề có Đại cư sĩ, tự là Mân Đồ, tiền của châu báu dồi dào có uy lực to lớn, tùy ý muốn gì thì cấp cho người ta thứ ấy, trong nhà kho có hầm, lớn bằng trục xe, thóc gạo tự nhiên sinh

ra. Người vợ lấy 8 thăng gạo nấu cơm, nuôi quân lính bốn bộ và người từ bốn phương đến, ăn vẫn còn không hết. Người con trai lấy ngàn lượng vàng giúp cho quân lính bốn bộ và người xin ăn bốn phương, tùy theo ý muốn không hết. Vợ người con trai lấy một túi hương xoa cho quân lính bốn bộ và người từ bốn phương đến cầu xin, tùy theo ý muốn khiến cho đầy đủ, hương vẫn còn không hết. Người giúp việc dùng một cái cày bảy thửa ruộng, gạo sinh ra thêm nhiều. Người hầu gái lấy tám thăng thóc cho quân lính bốn bộ, người ngựa ăn mà không hết. Người sang kẻ hèn trong nhà cùng tranh nhau, ai cũng cho là phước lực của mình. Mân Đồ đến nơi Đức Phật thưa hỏi là lực của ai. Đức Phật dạy: Mọi người cùng có. Xưa trong thành Vương Xá có một người thợ dệt, người thợ dệt có vợ, lại có một người con trai, người con trai lại có vợ, có một người giúp việc và một người hầu gái, trong một lúc cùng nhau ăn cơm, có vị Bích chi Phật đi đến nhà khất thực, mọi người muốn đem phần của mình để cúng dường. Vị Bích chi Phật nói: Mỗi người bớt một chút, với mọi người không thiếu, còn tôi được vừa đủ. Liền cùng nhau nghe theo. Vị Bích chi Phật ăn xong, ở giữa hư không hiện bày các loại thần thông biến hóa rồi mới đi. Người thợ dệt và quyến khi xả bỏ thân mạng thì sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, còn như cõi trời Tha Hóa thì lần lượt trải qua bảy lần, phước còn lại sinh ở nơi này, quả báo đều như nhau”.

Thứ tư: **Thông Thí** (Bố thí thông suốt)

Như kinh Niết bàn nói: “Bồ tát lúc bình thường thực hành bố thí, không thấy người nhận là trì giới hay phá giới, là ruộng phước hay không phải ruộng phước, đây là tri thức hay đây không phải là tri thức. Lúc bố thí không thấy là đức độ hay không phải đức độ, không chọn ngày giờ hay chỗ đúng chỗ sai, lại cũng không suy nghĩ là mất mùa đói kém hay được mùa vui sướng, không thấy nhân quả, đây là chúng sanh hay đây không phải chúng sanh, là phước hay không có phước. Tuy là không thấy người bố thí người nhận thí, cùng với tiền bạc đồ vật, thậm chí không thấy đoạn đứt và quả báo, mà luôn luôn thực hành bố thí không có đoạn tuyệt. Nếu Bồ tát còn thấy trì giới hay phá giới cho đến quả báo, thì rốt cuộc không thể nào bố thí. Nếu không bố thí thì không đầy đủ Đàn ba la mật. Nếu không đầy đủ Đàn Ba la mật thì không thể nào thành tựu A nậu bồ đề. Ví như có người thân thể bị trúng tên độc, quyến thuộc của người ấy muốn làm cho yên ổn, vì trừ bỏ chất dộc cho nên lập tức sai người mời thầy thuốc giỏi, để mà rút mũi tên ra. Người đó mới nói: Tạm thời chờ đợi đừng chạm vào, nay tôi đang quan sát mũi

tên độc như vậy, từ phía nào bắn tới vậy? Người nào đã bắn, là Sát lợi-Bà-la-môn-Tỳ xá hay Thủ đà? Lại tiếp tục dấy lên suy nghĩ: Là loại gỗ gì vậy, trúc hay là dương liễu chăng? Sắt đầu mũi tên ấy, nơi nào luyện ra, cứng hay mền? Lông chim nơi mũi tên ấy, là cánh của loài chim nào, quạ-diều hâu hay đại bàng vậy? Chất độc vốn có ấy, là từ đâu làm ra, tự nhiên mà có, là chất độc do người chế, hay là chất độc của rắn dữ chăng? Người ngu si như vậy lại không thể nào biết rằng chốc lát thì mạng sống chấm dứt. Bồ tát cũng như thế, nếu lúc thực hành bố thí, phân biệt người nhận là trì giới hay phá giới cho đến quả báo thì rốt cuộc không thể nào bố thí. Nếu không thể nào bố thí thì không đầy đủ Đàn ba la mật, cho đến Bồ đề".

Còn trong kinh Tịnh Nghiệp Chướng nói: "Nếu Bồ tát quán xét keo kiệt và bố thí không làm thành hai tướng, trì giới và hủy giới không làm thành hai tướng, sân giận và nhẫn nhục – giải đãi và tinh tiến – loạn tâm và thiền định-ngu si và trí tuệ không làm thành hai tướng, vậy thì gọi là thanh tịnh các nghiệp chướng".

Còn trong kinh Phật thuyết Thái Tử Tu Đại Noa nói: "Đức Phật bảo với A Na: thời qáu khứ không thể tính được số kiếp, lúc ấy có nước lớn, tên gọi là Diệp Ba, vua nước ấy hiệu là Thấp ba, nhà vua có hai vạn phu nhân, không hề có con. Nhà vua tự mình cầu xin nơi đền thờ các vị thần linh. Phu nhân liền cảm giác có thai, đến mười tháng tròn thì sinh hạ Thái Tử, tự là Tu Đại Noa. Đến năm mười sáu tuổi tài nghệ sách vở thảy đều đầy đủ. Từ lúc thơ dại đến nay thường thích Bố thí. Thái tử đến tuổi trưởng thành, nhà vua cưới Phi hậu cho Thái tử, tên gọi Man Để, là con gái của Quốc Vương, đoan chánh tuyệt vời. Thái tử có một nam-một nữ, Thái tử tư duy, muốn thực hiện Đàn ba la mật, ra ngoài hoàng thành đi khắp nơi quan sát. Đế Thích hóa làm một người đui điếc câm ngọng bần cùng, nằm ở bên đường. Thái tử trông thấy rồi ưu sầu không vui. Thái tử thưa với vua cha: Muốn từ Đại Vương cầu xin một nguyện ước, không biết có đồng ý hay không? Nhà vua trả lời: Muồn nguyện ước như thế nào, cha không làm trái ý con. Thái tử thưa: Con nguyện ước mong có được tất cả châu báu trong kho tạng của Đại Vương, đặt ngoài bốn cổng thành và đặt ở trong chợ, dùng để bố thí ngay cho người cầu xin không ngược với ý muốn của họ. Nhà vua nói với Thái tử: Tùy mong cầu của con, cha không làm trái ý con. Thái tử liền dùng xe kéo châu báu đặt ngoài bốn cổng thành và đặt ở trong chợ, tùy ý người đã cầu xin mà lấy. Tám phương trên dưới không có ai không nghe biết, người đến từ ngàn dặm – vạn dặm, túy ý muốn mà cho không

ngược với ý muốn của họ. Lúc ấy có nước đối địch óan thù, nghe Thái tử ưa thích bố thí ngay cho người cầu xin không ngược với ý muốn của họ, liền tập hợp các quan và những Đạo sĩ, cùng tập trung bàn bạc rằng: Vua nước Diệp Ba có voi trắng đi trên hoa sen, tên gọi là Tu Đàn Diên, quả thật là sức mạnh, đánh nhau hơn hẳn bình thường, cứ mỗi lần cùng với các nước công phạt với nhau, voi này thường thắng trận, cai có thể đến cầu xin voi ấy? Các quan đều nói: không có năng lực đến đó. Trong đó có tám người Bà-la-môn, liền thưa với nhà vua rằng: Chúng tôi có thể đến cầu xin, hãy cung cấp long thực cho chúng tôi. Nhà vua lập tức cung cấp cho họ. Nhà vua nhân tiện nói rằng: Có thể xin được voi ấy Ta sẽ trọng thưởng cho các ông. Tám người Đạo sĩ liền đến nước Diệp Ba, đến cổng cung Thái tử, tất cả đều chống gậy cùng co một chân mà đứng tự nói rằng: Vốn là từ xa đến muốn có những cầu xin. Thái tử nghe thế thật vô cùng hoan hỷ, liền đi ra đón chào, tiến lên để làm lễ, giống như con thấy cha, nhân đó hỏi thăm nhau. Hỏi rằng cầu xin điều gì? Đạo sĩ đáp rằng: Tôi nghe Thái tử vui bố thí không ngược với ý muốn của người xin, danh tiếng Thái tử tr đi nghe thấy khắp tám phương, trên thấu tận trời xanh – dưới đến tận suối vàng, công đức của sự bố thí không thể suy lường được, muốn từ nơi Thái tử cầu xin voi trắng đi trên hoa sen. Thái tử liền dẫn đến trong chuồng khiến chọn lấy một chú voi. Tám người Đạo sĩ cùng nói rằng: Chúng tôi đích thực muốn có được voi trắng đi trên hoa sen tên là Tu Đàn Diên Ất. Thái tử nói: Chú voi lớn ấy là chú voi được yêu thích nhất của Phụ Vương ta, nhà vua coi như Ta, nếu cho các khanh thì Ta đã làm trái ý Phụ Vương, có thể đuổi Ta ra khỏi đất nước. Thái tử liền tự tư duy: Trước đây mình có yêu cầu bố thí ngay cho người cầu xin không ngược với ý muốn của họ, nay không cho thì làm trái với tâm ban đầu của mình, nếu không đem chú voi này bố thí, thì từ đâu có thể thành tựu vô thường bình đẳng? Lền truyền lệnh tùy tùng khoác yên vàng trên long voi, nhanh chóng dắt ra ngoài. Thái tử dùng tay trái cầm nước rửa tay cho Đạo sĩ, tay phải dắt voi để trao cho. Tám người có được voi liền cầu nguyện chó Thái từ rồi cùng nhau cỡi voi trắng hoan hỷ mà đi.. thái tử nói với các Đạo sĩ rằng: Các khanh hãy nhanh chóng đi đi, nếu phụ vương ta biết được, thì đuổi theo lấy mất của các khanh. Tám người Đạo sĩ lập tức ra đi. Các quan trong nước nghe đem voi bố thí cho kẻ thù, đều vô cùng kinh sợ. Nhà vua nghe rất ngạc nhiên, nay có được thiên hạ là nhờ có voi này, voi này mạnh hơn sức lực của sáu mươi con voi, mà Thái tử dùng để cho kẻ thù, sợ rằng mất nước, nên làm như thế nảo? Thái tử bố thí như vậy trong kho tạng ngày càng

trống rỗng, các quan sợ rằng cả nước và vợ con của Thái tử cũng đem giúp cho người. Nhà vua nghe nói vậy thì thêm lo buồn, nhà vua cùng các quan bàn bạc, muốn dùng các loại hình phạt đối với Thái tử. Có vị Đại thần thưa với nhà vua là không thể được, chỉ đuổi ra khỏi nước đưa vào trong chốn núi non ruộng đồng hoang vắng, trong khoảng mười hai năm, sẽ làm cho hổ thẹn. Nhà vua liền nhuận theo lời của vị Đại thần này. Nhà vua nói với Thái tử: Con hãy ra khỏi đất nước, phạt tù con ở trong núi Đàn Đặc mười hai năm. Thái tử thưa với nhà vua: Không dám làm trái lời dạy, lại nguyện xin bố thí bảy ngày để mở rộng tâm bé nhỏ của con, rồi mới đi ra khỏi đất nước. Nhà vua nói: Chính vì con bố thí quá mạnh mẽ, mà kho tạng của đất nước ta trống rỗng, mất cả voi báu chống giặc của ta, vì vậy đành phải đuổi con đi mà thôi, hãy mau chóng ra đi, không tùy ý của con được. Thái tử thưa rằng: Không dám làm trái giáo lệnh của Đại Vương, con tự mình có tiền bạc riêng của mình, nguyện được bố thí hết mới ra đi, không dám làm phiền đất nước.

Hai vạn Phu nhân cùng đến chỗ nhà vua, xin giữ lại Thái tử, bố thí bảy ngày xong mới khiến rời khỏi đất nước. Nhà vua liền đồng ý. Người từ bốn phương xa đến tùy ý mà ban cho, bảy ngày thì tiền bạc không còn, người nghèo khổ được giàu có, muôn dân vô cùng hoan hỷ. Thái tử từ biệt với vợ, Phi hậu nghe mà ngạc nhiên, Thái tử lỗi lầm gì mà phải chịu như vậy? Thái tử trả lời đầy đủ mọi nhân duyên, vì vậy cho nên mình bị đuổi. Man Để nói: Làm cho đất nước phong phú tuyệt vời giàu có vui sướng vô cùng tận, chỉ nên cố gắng cùng nhau ở trong úi cầu tìm đạo pháp mà thôi. Thái tử nói: Người ở trong núi là nơi rất đáng sợ, nàng bình thường an lành vui sướng, sao có thể chịu đựng được như vậy! Phi hậu trả lời Thái tử: Thiếp dứt khoát không thể nào xa lìa nhau được, vua thì lấy cờ phướn làm hiệu, lửa thì lấy khói làm dấu hiệu, vợ thì lấy chồng làm trụ cột, thiếp chỉ dựa vào Thái tử, nếu có người đến xin ăn thì thiếp sẽ thuận theo mà giúp đỡ, thậm chí có người xin thiếp và con cái thì thuận theo Thái tử mà bố thí. Thái tử nói: Nàng có thể như vậy thì rất tốt.

Thái tử và Phi hậu cùng với hai con mình, cùng nhau đến chỗ mẹ từ biệt sắp chia xa, thưa với mẹ mình rằng: nguyện xin mẹ nhiều lần nhắn nhủ vua cha dùng chánh đạo sửa trị việc nước đừng lấy tà đạo làm oan ức cho người! Mẹ nghe từ biệt mà cảm kích bi ai, nói với người hầu cận rằng: Than ta như đá, tâm ta như thép cứng, tôn thờ hậu hạ Đại Vương chưa hề có lỗi lầm, nay có một người con mà lại bỏ ta ra đi, tâm ta sao có thể không nát tan mà chết! Thái tử và Phi hậu cùng với hai

con, đều hướng về cha mẹ lễ lạy mà ra đi. Hai vạn Phu nhân lấy mỗi người một hạt trân châu để tặng Thái tử, bốn ngàn Đại thần dùng châu ngọc bảy báu dâng lên Thái tử. Thái tử từ trong cung đi ra ngoài thành đều bố thí cho bốn phía, trong phút chốc đều hết sạch. Mấy ngàn vạn người lớn nhỏ trong nước, cùng nhau đưa tiễn Thái tử, người nhìn thấy đều luyến tiếc rơi lệ mà từ biệt. Thái tử và Phi hậu cùng nhau tự đánh xe chở đồ đạc mà đi. Đi về phía trước đã xa bèn dừng lại dưới tán cây, có Bà-la-môn đến xin ngựa, Thái tử liền dỡ xe, lấy ngựa mà cho. Đem hai con nhỏ đặt trên xe, Phi hậu ở phia sau đẩy, Thái tử đi giữa càng xe kéo mà đi. Tiếp tục đi về phía trước, lại gặp Bà-la-môn đến xin xe, Thái từ liền lấy xe mà cho. Tiếp tục đi về phía trước, lâi có Bà-la-môn đến xin, Thái tử nói rằng: Ta không có gì yêu quý để cho khanh, tiền bạc đồ vật của ta đều hết sạch. Bà-la-môn nói: Không có tiền bạc đồ vật thì cho tôi chiếc áo trên người. Thái tử liền cởi áo mà cho. Lại mặc một chiếc áo cũ, tiếp tục đi về phía trước, lại gặp Bà-la-môn đến xin, Thái tử lấy quần áo của Phi hậu mà cho. Tiếp tục đi về phía trước, lại gặp Bà-la-môn đến xin, Thái tử lấy quần áo của hai con mà cho. Thái tử bố thí xe – ngựa – tiền bạc- đồ vật – áo quần rồi, hết sạch không còn có gì sót lại, tâm ban đầu không hối hận gì, dù chỉ lớn bằng mảy lông. Thái tử tự mình cõng cậu con trai, Phi hậu bế cô con gái, đi bộ mà tiến về phía trước, theo nhau đi vào núi.

Núi Đàn Đặc, cách nước Diệp Ba hơn sáu ngàn dặm, cách xa đất nước, đi ở trong vùng ao đầm đói khát rất khổ nhọc. Đế Thích trên cung trời Đao Lợi liền ở nơi đầm lầy hoang vắng hóa làm thành quách, trong thành có đầy đủ cơm áo đồ dùng, có người đi ra đón tiếp niềm nở rằng: Thái tử nhân tiện có thể dừng lại ở nơi này ăn uống để cùng nhau vui thú thỏa thích! Phi hậu nói với Thái tử: Đường đi thật vô vùng vất vả, có thể dừng lại nghỉ ngơi ở đây được không? Thái tử nói: Phụ Vương lệnh chuyển ta vào trong núi Đàn Đặc, ở lại nơi này là làm trái lời dạy của Phụ Vương, không phải là con hiếu. Liền đi ra ngoài thành quay đầu nhìn lại, không còn trông thấy khu thành. Lại tiếp tục đi về phía trước đến núi Đàn Đặc, dưới núi có dòng nước, sâu không thể vượt qua. Phi hậu nói với Thái tử: Tạm thời nên dừng lại đây, đợi lúc nước cạn bớt thì lội qua. Thái tử nói: Phụ Vương lệnh chuyển ta vào núi, dừng lại ở đây thì làm trái lời dạy của Phụ Vương. Tâm Từ của Thái tử khiến cho giữa dòng nước có hòn núi dùng làm bờ đập chắn ngang dòng nước, vén áo mà lội qua. Liền tâm niệm rằng: Dòng nước đang tuôn chảy sẽ giết bao người và súc vật. Lập tức quay đầu lại nhìn nói với dòng nước rằng:

Tiếp tục chảy như cũ, nếu có ai muốn đi đến chỗ ta, thì đều nên để cho họ đi qua. Thái tử vừa nói xong thì dòng nước liền tiếp tục chảy như cũ. Tiến lên đến trong núi thấy núi cao ngất, cây cối um tùm, chim chóc líu lo, suối chảy róc rách, hồ trong nước mát, hoa trái ngọt ngào. Thái tử nói với Phi hậu: Nhìn trong núi cũng có người học đạo. Thái tử đi vào núi, chim thú trong núi đều rất hoan hỷ, đến đón chào Thái tử. Trên núi có một Đạo nhân, tên gọi A Châu Đà, năm ấy đã năm trăm tuổi, có đức hạnh tuyệt diệu, Thái tử làm lễ rồi lùi lại đứng thưa rằng: Nay ở trong núi, nơi nào có suối nước và hoa trái thuận tiện đáng làm nơi dừng chân vậy? A Châu Đà nói" Trong núi này thì đều là nơi phước địa có thể dừng chân. Đạo nhân lại nói: Nay trong núi này là nơi thanh tịnh, tại sao khanh mang vợ con đến mà muốn học đạo ư? Thái tử trả lời, Man Để liền hỏi Đạo nhân rằng: Ở nơi này học đạo được bao nhiêu năm rồi? Đạo nhân nói: Bốn-năm trăm năm rồi. Man Để nói: Tính ra còn có chấp ngã, lúc nào thì đắc đạo? Đạo nhân nói: Bốn-năm trăm năm rồi. Man Để nói: Tính ra còn có chấp ngã, lúc nào thì đắc đạo? Đạo nhân nói: Tôi thật sự không nghĩ đến điều này. Thái tử liền hỏi Đạo nhân rằng: Có thể có nghe đến Thái tử Tu Đại Noa con vua nước Diệp Ba hay không? Đạo nhân nói: Tôi nhiều lần nghe đến, nhưng chưa trông thấy mà thôi. Thái tử nói: Tôi chính là Tu Đại Noa đây. Đạo nhân hỏi Thái Tử: Có mong cầu như thế nào? Thái tử trả lời răng: Mong cầu Ma Ha Diễn. Đạo nhân nói: Công đức chính là như vậy, nay không bao lâu đạt được Ma Ha Diễn lúc Thái tử đạt được đạo Vô thượng, tôi sẽ làm đệ tử thần túc thứ nhất. Đạo nhân liền chỉ ra và nói cho Thái tử biết nơi dừng chân. Thái tử liền cho pháp đạo bên tóc vấn trên đầu, lấy nước suối quả rừng làm đồ ăn thức uống, rồi làm lều cỏ nam nữ ở tách biệt. Con trai tên là Gia Lợi năm ấy được bảy tuổi, mặc áo cỏ theo cha ra vào; con gái tên là Kế Noa Diên năm ấy được sáu tuổi, mặc áo da hươu theo mẹ ra vào. Chim thú trong núi thảy đều hoan hỷ, đến nương tựa Thái tử, hồ cạn đều tuôn chảy dòng nước, cây khô đều sinh trưởng lá hoa, các loại độc đều tiêu tán, cây trái đều sum sê. Con trai và con gái của Thái tử ở bên bờ suối cùng chơi đùa với chim thú.

Lúc ấy ở nước Câu Lưu có Bà-la-môn nghèo túng, 40 tuổi mới lấy vợ, vợ vô cùng đoan chánh. Bà-la-môn có mười hai người con xấu xí, hình dáng giống như quỷ, người vợ thấy ghét liền nguyền rủa muốn làm cho chết hết. Người vợ đi múc nước, trên đường gặp người trẻ tuổi giễu cợt nói xấu chồng mình, mang nước mà quay về nói chồng mình rằng: Tôi vừa đi lấy nước gặp người trẻ tuổi trêu ghẹo tôi, đòi làm tôi tớ hầu

hạ cho tôi, tôi không tự đi múc nước, người ta cũng không cười nhạo tôi. Người chồng nói: Tôi nghèo làm sao mà có được cái gì? Người vợ nói: Không tìm người làm tôi tớ hầu hạ cho tôi, thì tôi sẽ ra đi, không thể chung sống với nhau. Người vợ lại nói: Tôi thường nghe Thái tử Tu Đại Noa bởi vì bố thí quá mạnh mẽ, cho nên vua cha bắt phải dời đến ở trong núi Đàn Đặc, có một cậu con trai và một cô con gái có thể đến xin. Lúc ấy Bà-la-môn lập tức đi đến núi Đàn Đặc, đến bên dòng nước lớn, chỉ nghĩ đến Thái tử, tức thì di qua được. Lúc ấy Bà-la-môn liền đi vào trong núi gặp thợ săn mà hỏi nơi của Thái tử, liền chỉ rõ ràng nơi chốn. Bà-la-môn lập tức đến nơi ở của Thái tử. Thái tử từ xa trông thấy vô cùng hoan hỷ, chào đón để hỏi han, nhân đó thăm hỏi lẫn nhau, hỏi là từ nơi nào đi đến. Bà-la-môn nói: Tôi từ xa đến đây, người ở nước Câu Lưu, từ lâu nghe Thái tử vui thích bố thí, muốn đi theo Thái tử cầu xin bố thí. Thái tử nói: Ta không tiếc gì với ông, ta hết sạch tất cả, không còn gì để cho ông. Bà-la-môn nói: Nếu không có vật gì, thì cho tôi hai đứa trẻ để làm giúp việc sai bảo. Như vậy đến ba lần, Thái tử nói: Ông cố tình từ xa đến đây, sao không giúp cho nhau được. Lúc ấy hai trẻ nhỏ đi chơi, Thái tử gọi về nói cho biết rằng: Bà-la-môn này từ xa đến xin hai con, cha đã đồng ý, hai con hãy đi theo! Thái tử liền dắt trao cho, mặt đất liền chấn động dữ dội. Hai trẻ nhỏ không chịu đi theo, quay lại đến trước mặt cha, quỳ thẳng nói với cha rằng: Chúng con vốn có tội gì mà nay gặp phải như vậy, mới từ dòng dõi Quốc Vương trở thành nô tỳ cho người ta, hướng về trước cha ăn năn hối lỗi, từ nhân duyên này mà tội diệt phước sanh, đời đời không còn gặp cảnh như vậy! Thái tử nói với hai con rằng: Ân ái trong thiên hạ đều phải biệt ly, tất cả đều vô thường đâu có thể giữ mãi được, lúc cha đạt được đạo vô thượng thì tự cha sẽ độ cho các con. Hai trẻ nhỏ nói với cha rằng: Giúp chúng con tạ lỗi với mẹ, nay thì vĩnh viễn cách xa, xót lòng không từ biệt trước mặt mẹ, tự chúng con vốn có tội lỗi nên gặp phải nỗi khổ đau vô cùng như vậy, nghĩ đến mẹ mất chúng con sẽ chịu đựng nỗi sầu lo đau đớn biết bao! Bà-la-môn nói: Tôi già mà ốm yếu, hai đứa trẻ đều sẽ bó tôi đến chỗ mẹ của chúng, tôi phải làm thế nào để giữ được, nên trói lại giao cho tôi. Thái tử liền nắm tay hai trẻ nhỏ, khiến Bà-la-môn tự trói lại, giữ khiến cho liền với nhau, cứ cầm đầu sợi dây. Hai trẻ nhỏ không chịu đi, dùng roi đánh máu chảy đầy đất. Thái tử trông thấy mà nước mắt tuôn trào rơi xuống đất, mặt đất liền sôi sục. Thái tử cùng các loài chim thú đều tiễn đưa hai trẻ nhỏ, đến lúc không còn trông thấy mới quay về, lúc ấy các loài chim thú đều đi theo Thái tử về đến nơi hai trẻ

nhỏ chơi đùa mà kêu khóc tự bổ nhào về phía trước. Hai trẻ nhỏ ở giữa đường lấy dây quấn quanh thân cây không chịu đi. Mong mỏi mẹ mình đến. Bà-la-môn lấy roi đánh đập, hai trẻ nhỏ nói: Đừng đánh chúng tôi nữa, chúng tôi tự mình đi mà thôi. Ngửa mặt lên trời gọi to rằng: Tất cả Sơn thần – Thọ thần xin nghĩ tình thong xót, chúng con không gặp mẹ để từ biệt, hãy nói cho mẹ chúng con biết, hái quả mau chóng đến đây, cho chúng con cùng trông thấy mẹ. Mẹ ở trong núi, dưới chân trái tự nhiên ngứa, mắt phải lại nóng rực, hai bầu vú chảy nước, liền tự tư duy: Chưa từng có điều lạ lùng như vậy, trước mắt dùng quả để làm gì, người nên trở về nhìn xem con mình, có thể không có chúng thì sao? Thế là bỏ giỏ trái cây chạy về. Thiên Vương Đế Thích biết Thái tử, đem con cho người sợ rằng Phi hậu làm trở ngại thiện tâm của Thái tử, liền hóa làm con sư tử, ngồi chễm chệ ngay giữa đường. Phi hậu nói với sư tử: Nguyện xin tránh nhau một chút để cho tôi có thể đi qua! Sư tử biết Bà-la-môn đã đi xa, bèn đứng dậy tránh đường để cho Phi hậu được đi qua. Phi hậu trở về trông thấy Thái tử ngồi một mình, không thấy hai con nên tự mình đến nhà cỏ, tìm khắp nơi mà không thấy, liền trở về đến chỗ Thái tử hỏi hai con ở đâu? Thái tử không trả lời. Hay la mang cho ai, nói sớm cho thiếp biết đừng cho thiếp điên cuồng! Như vậy đến ba lần, Thái tử không trả lời. Phi hậu càng sầu khổ: Thái tử không trả lời thiếp càng mê loạn!

Thái tử nói với Phi hậu: Có một Bà-la-môn ở nước Câu Lưu, đến đi theo ta xin hai trẻ nhỏ, ta liền đem cho. Phi hậu nghe mà cảm kích ngã nhào xuống đất, như Thái sơn sụp đổ, quằn quại khóc sướt mướt mà không thể dừng lại được. Thái tử nói: Hãy dừng lại, nàng biết thời Đức Phật Hòa Kiệt La ở quá khứ chúng ta muốn gì không vậy? Ta vào lúc bấy giờ làm con trai của Bà-la-môn, tên là Bích Đa Vệ; nàng làm con gái của Bà-la-môn, tên là Tu La Đà. Nàng cầm bảy cành hoa, ta cầm năm trăm đồng tiền bằng bạc, mua của nàng năm cành hoa, muốn đem rải trên Đức Phật, nàng lấy hai cành hòa nhờ ta dâng lên Đức Phật, mà cầu nguyện rằng: Nguyện cho thiếp đời sau thường làm vợ chàng! Ta nào lúc bấy giờ nói rõ ràng với nàng là ai muốn làm vợ tôi, nên thuận theo ý tôi ở chỗ bố thí không ngược với tâm người, nhưng không đem cha mẹ để bố thí mà lại làm rối thiện tâm của ta chăng? Phi hậu nghe Thái tử nói, tâm ý hiểu thông suốt liền biết rõ túc mạng, tùy ý thuận theo Thái tử bố thí mau chóng đạt được tâm nguyện của mình. Thiên Vương Đế Thích thấy Thái tử bố thí như vậy, liền xuống thử Thái tử để biết mong cầu điều gì, hóa làm Bà-la-môn cũng có mười hai người con

xấu xí, đến trước mặt Thái tử mà tự mình nói rằng: Thường nghe Thái tử vui thích bố thí không ngược với ý người xin, cho nên đi đến đây, nguyện xin cho tôi bà Phi. Thái tử nói: Đồng ý, rất tốt, có thể được. Phi hậu nói: Nay đem thiếp cho người ta, ai sẽ là người cung dưỡng cho Thái tử? Thái tử trả lời rằng: Nay không đem nàng bố thí, làm sao có thể thành tựu vô thượng bình đẳng? Thái tử liền dẫn Phi hậu trao cho, Thiên Đế Thích biết và trông thấy Thái tử hoàn toàn không có ý hồi tiếc, chư Thiên ngợi ca rồi trời đất chấn động dữ dội. Lúc ấy Bà-la-môn liền mang Phi hậu rơi xa, đi đến bảy bước thì mang Phi hậu quay lại, đem gởi cho Thái tử và nói đừng cho người khác nữa. Thái tử nói: Vì sao không lấy? Bà-la-môn nói với Thái tử rằng: Tôi không phải là Bà-la-môn, mà chính là Thiên Đế Thích, cố tình đến tự mình thử để biết ý nguyện như thế nào! Liền trở lại thân tướng Đế Thích. Phi hậu lập tức làm lễ cầu xin cho ba điều nguyện: 1- Khiến cho Bà-la-môn dẫn hai con trẻ của tôi trở về bán vào trong nước của tôi; 2- Khiến cho hai con trẻ của tôi không bị đói khát khốn khổ; 3- Khiến cho tôi và Thái tử sớm được trở về nước. Thiên Đế Thích nói rằng: Sẽ được ý nguyện như trước. Thái tử nói: Nguyện khiến cho chúng sanh đều được độ thoát, không còn nổi khổ của sinh lão bệnh tử. Đế Thích nói: Vĩ đại thay, ý nguyện Vô thượng, ý nguyện vô cùng cao quý, không phải là tôi có thể đạt được! Đế Thích nói xong bỗng nhiên không còn trông thấy.

Lúc ấy Bà-la-môn ở nước Câu Lưu, xin được hai trẻ nhỏ trở về nhà. Người vợ ngang ngược mắng nhiếc. Sao đành lòng mang hai đứa trẻ nay trở về, hai đứa trẻ này là dòng dõi Quốc Vương mà không có tâm Từ, đánh đập khiến cho sinh ra lở loét, thân thể đều là máu mủ, hãy mau mang đến chợ bán, lại có người tìm để sai bảo đấy. Người chồng thuận theo người vợ nói, liền dẫn đi bán. Thiên Đế Thích đi vào chợ nói: Hai trẻ nhỏ này cao quý không ai có thể mua được. Thế là dẫn đến nước Diệp Ba. Đã đến trong nước Diệp Ba, Đại thần và dân chúng nhận ra chính là con của Thái tử, cháu của Đại Vương. Cả nước đau lòng xót xa, các quan liền hỏi do đâu có được hai trẻ nhỏ này mang đến đây. Bà-la-môn nói: Tôi tự mình cầu xin mà được. Mọi người muốn giành lấy, trong đó có Trưởng giả bèn can ngăn mọi người rằng: Đây chính là tâm bố thí của Thái tử, để đến nỗi như vậy, nếu bây giờ giành lấy thì làm trái ý nguyện Thái tử, không bằng thưa với nhà vua, nhà vua nghe biết thì tự nhiên sẽ chuộc lại. Các quan thưa với nhà vua. Nhà vua nghe vô cùng kinh hãi, liền gọi Bà-la-môn khiến dẫn hai trẻ nhỏ vào cung. Nhà vua và Phu nhân cùng các cung nữ, từ xa trông thấy hai trẻ nhỏ không

có ai không xúc động nghẹ ngào. Nhà vua hỏi do đâu có được hai trẻ nhỏ này, Bà-la-môn trả lời rằng: Tôi cầu xin được từ Thái tử mà thôi. Nhà vua gọi hai trẻ nhỏ mà muốn ôm chầm lấy cháu, hai trẻ nhỏ đều khóc tấm tức mà không chịu đến ôm nhà vua. Nhà vua hỏi Bà-la-môn: Đòi bán bao nhiêu tiền? Bà-la-môn chưa trả lời, cậu bé trai liền nói: Con trai trị giá một ngàn đồng tiền bằng bạc và một trăm con trâu đực, con gái trị giá hai ngàn đồng tiền vàng và hai trăm con trâu cái. Nhà vua nói: Con trai được người ta coi trọng, vì sao con trai rẻ mà con gái lại đắt vậy? Trẻ nhỏ nói: Thể nữ trong Hậu cung cùng với vua không thên thích, có người xuất thân nơi nhà nghèo hèn, có người chỉ là hầu hạ sai khiến, may mắn hợ ý vua liền được tôn quý, vua chỉ có một người con trai mà lại đuổi vào núi sâu, rõ ràng không có ý nhớ đến con, vì vậy biết rõ ràng con trai rẻ mà con gái đắt. Nhà vua nói vậy thì cảm kích xót xa than thou rơi nước mắt và nói: Ta thật có lỗi, vì sao cháu không đếm ôm ta, cháu giận ta chăng, hay sợ Bà-la-môn, xưa là cháu của vua, nay làm kẻ tôi tớ, đâu có lý tôi tớ mà đến ôm Quốc Vương, vì vậy cho nên không dám. Nhà vua nghe nói vậy thì càng thêm bi thương, liền như lời trẻ nhỏ, mà gọi trẻ nhỏ, hai trẻ nhỏ lập tức chạy đến ôm chầm nhà vua. Nhà vua ôm lấy hai cháu, tay xoa đầu hai cháu, hỏi hai trẻ nhỏ rằng: Cha mẹ cháu ở trong núi, ăn uống bằng cách gì, áo quần như thế nào? Trẻ nhỏ trả lời đầy đủ. Nhà vua lập tức sai người mau chóng đón Thái tử về. Sứ giả theo mạng lệnh nhà vua mà thưa với Thái tử, Thái tử trả lời rằng: Nhà vua chuyển ta vào trong núi mười hai năm làm kỳ hạn, nay con ở một năm nữa, hết thời hạn sẽ trở về. Sứ giả quay về thưa với nhà vua, nhà vua lại tự tay viết thư để trao cho Thái tử rằng: Con là người trí, lúc ra đi nên nhẫn nại, lúc trở về cũng nhẫn nại, tại vì sao giận ta mà không quay về? Thái tử nhận được thư trở về, tất cả trở nên rối loạn quần quại tự ngã nhào xuống đất kêu gào, khe suố trở thành khô cạn, các loài thú thì không có sữa, các loài chim đều kêu khóc buồn thảm, nởi vì mất Thái tử.

Thái tử và Phi hậu cùng trở về nước mình. Nước oán thù đối địch nghe tin Thái tử được trở về, lập tức sai sứ giả lắp yên cương bằng vàng-bạc trên thân voi trắng, dùng bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, đón ở giữa đường để trả lời cho Thái tử, nói lời xin lỗi và ân hận về sai lầm của mình rằng: Trước đây cầu xin voi trắng bởi vì ngu si mà thôi , do tôi mà Thái tử bị đuổi đi, nay nghe được trở về trong lòng rất hoan hỷ, bây giờ đem voi trắng kính trả Thái tử, nguyện rủ lòng thâu nhận để trừ diệt tội lỗi! Thái tử trả lời rằng: Ví như có người bày ra

nhiều món ăn, chỉ có những thứ đặc biệt mà người ấy ăn rồi nôn mửa trên đất, há còn thơm ngon sạch sẽ để có thể tiếp tục ăn lại hay không? Nay ta bố thí ví dụ cũng giống như nôn ra vẫn dứt khoát không nhận lại, mau cỡi voi mà đi, xin lỗi Quốc Vương của ông. Dường như làm cho sứ giả khuất phục mà từ xa thăm hỏi nhau, ngay sau đó sứ giả liền cỡi voi quay về, thưa với nhà vua như vậy. Nhờ voi này mà oán thù của nước đối địch hóa thành nhân ái hòa hiếu, Quốc Vương và các quan đều phát tâm Vô thượng bình đẳng.

Phụ Vương cỡi voi ra đón Thái tử, Thái tử liền tiến lên cúi đầu làm lễ, theo nhà vua mà trở về, nhân dân trong nước không có ai không hoan hỷ, mọi người rải hoa đốt hương để chờ đón Thái tử. Thái tử vào cung liền đến trước mặt mẹ, cúi đầu làm lễ rồi hỏi chuyện sinh hoạt thường ngày. Nhà vua đem kho báu mà giao cho Thái tử, tùy ý bố thí càng mạnh hơn trước, bố thí không ngừng cho đến lúc tự mình đạt được Phật quả.

Đức Phật bảo với A-nan: Túc mạng của ta đã hành bố thí như vậy, Thái tử Tu Đại Noa chính là thân Ta bây giờ. Phụ Vương lúc ấy Ta nay chính là vua Duyệt Đầu Đàn – cha hiện tại của Ta. Mẫu hậu lúc bấy giờ nay chính là Phu nhân Ma Gia-mẹ hiện tại của Ta. Phi hậu lúc ấy nay chính là Cù Di. Đạo nhân A Châu Đà trong núi lúc ấy nay chính là Mục Kiền Liên. Thiên Đế Thích lúc ấy nay chính là Xá Lợi Phất. Thợ săn lúc ấy nay chính là A-nan. Cậu con trai Gia Lợi lúc ấy nay chính là La Vân-con trai hiện tại của Ta. Cô con gái Kế Noa Diên lúc ấy nay chính là mẹ hiện tại của La Hán Mạt Lợi. Bà-la-môn xin hai trẻ nhỏ lúc ấy nay chính là Được(iều Đạt. Vợ của Bà-la-môn lúc ấy nay chính là Đàn Giá Na Ma. Chịu khó chịu khổ như vậy, trải qua vô lượng số kiếp, thường xuyên thực hành Đàn Bà-la-môn, bố thí như vậy".

***Thứ năm:* Pháp Thí**

Lời thuật lại: Ở đây trình bày về tài – pháp đối lập với nhau để so sánh sự hơn –kém. Do đó trong Trí Độ Luận nói: "Đức Phật giải thích pháp thí là đứng trong mọi hạnh thí. Tại vì sao? Bởi vì tài thí là hữu lượng, pháp thí là vô lượng. Tài thí là báo cõi Dục, pháp thí là báo vượt ra ngoài ba cõi. Tài thí không có năng lực đoạn trừ lậu, pháp thí rõ ràng lên đến bờ giải thoát. Tài thí chỉ cảm được báo ứng trời-người, pháp thí cảm được tất cả quả của ba Thừa. Tài thí thì ngu-trí cùng làm được, pháp thí chỉ hạn chế trong phạm vi người có trí. Tài thí chỉ có người hành bố thí được phước, pháp thí thì người thí và người nhận đều ích lợi. Tài thí thì người ngu và súc vật đều có thể nhận được, pháp thí

thì hạn chế trong phạm vi người thông minh nhanh nhạy. Tài thí chỉ có ích cho sắc thân, pháp thí có năng lực lợi ích cho tâm tư thần thức. Tài thí có thể tăng thêm bệnh tham lam, pháp thí luôn luôn loại trừ ba độc". Vì thế trong kinh Đại Tập nói: "bố thí châu báu tuy nhiều nhưng không bằng chí tâm tụng trì một bài kệ, pháp thí tuyệt vời nhất và hơn hẳn mọi đồ ăn thức uống vi diệu hiếm có".

Còn trong kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên nói: "Thiên Đế hỏi rằng: Bố thí ăn uống và bố thí pháp có công đức thế nào, xin nguyện giải thích cho biết điều ấy. Dã Can đáp rằng: Bố thí đồ ăn thức uống có ích cho mạng sống một ngày, bố thí châu báu ngọc ngà có ích cho sự thiếu thốn của một đời, làm tăng thêm ràng buộc hệ lụy; thuyết pháp giáo hóa gọi là pháp thí, có năng lực làm cho chúng sanh thoát ra ngoài quỹ đạo của thế gian".

Còn trong luận Đại Trượng Phu nói: "Tài thí là có trong đạo làm người, pháp thí là có trong tâm Đại Bi. Tài thí là trừ diệt nỗi khổ nơi thân chúng sanh, pháp thí là trừ diệt nỗi khổ trong tâm chúng sanh. Tài thí đối với người nhiều ái thì bố thí cho tiền bạc châu báu, người ngu si nhiều thì giúp cho họ phương pháp tỉnh ngộ. Tài thí là làm cho tiền bạc của cải trở thành vô tận, pháp thí là làm cho đạt được trí tuệ vô tận. Tài thí là làm cho đạt được niềm vui nơi thân, pháp thí là làm cho đạt được niềm vui trong tâm. Tài thí la làm cho chúng sanh yêu mean, pháp thí là làm cho thế gian cung kính. Tài thí là làm cho người ngu si yêu mến, pháp thí là làm cho người trí tuệ yêu mến. Tài thí là có năng lực ban cho niềm vui hiện tại, pháp thí là có năng lực giúp chi niềm vui của cõi trời và cảnh giới Niết bàn. Như kệ nói:

Trí Phật rộng lớn như hư không,
Đại Bi là vầng trăng dày đặc,
Pháp thí như làn mưa giữa đời,
Chứa đầy ao hồ cõi u minh.
Bốn nhiếp pháp dùng làm phương tiện,
Nhân của niềm an lạc giải thoát,
Tu tập dựa theo tám chánh đạo,
Có thể đạt được quả Niết bàn".

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát thực hành đối với pháp thí thì có mười loại lợi ích. Như thế nào là mười loại? Đó là: 1- Xa rời việc xấu ác; 2- Có năng lực làm việc thiện; 3- Trú trong pháp của người thiện; 4- Thanh tịnh thế giới của Phật; 5- Hướng đến nơi đạo tràng; 6- Bỏ những điều ái trước; 7- Làm

cho phiền não phải khuất phục; 8- San sẻ phần phước đức cho mọi chúng sanh; 9- Tu tập tâm Từ đối với mọi chúng sanh; 10- Thấy pháp được vui thích".

Còn trong luận Bồ Tát Địa Trì nói: "Bồ tát biết hạng tà kiến kia cầu pháp hạn hẹp, thì không trao cho pháp ấy, cũng không đưa cho kinh sách. Nếu người có tính tham cầu tiền tài mà bán rẻ kinh sách, thì cũng không bố thí pháp cho họ. Nếu có được kinh sách mà cất giấu không bày ra, thì cũng không bố thí pháp cho họ. Nếu không phải nghĩa lý mà người ấy biết được, thì cũng không bố thí pháp cho họ. Nếu không phải nghĩa lý người ấy đã biết, thì cũng không bố thí pháp cho họ. Nếu như là nghĩa lý ấy đã biết, đối với kinh sách này đã tự biết nghĩa lý, thì liền mang kinh tùy theo sự vui thích mà giúp cho. Nếu như chưa biết nghĩa thì tự mình cần phải tu học. Lại biết người khác vốn có kinh như vậy nói cho biết nơi ấy, hoặc lại viết giúp cho, Bồ tát nên tự quán xét tâm mình, người có chút khiếm khuyết đối với pháp, nên mang kinh trao cho, để làm pháp thí. Mình thà dùng pháp thí giúp cho người ngu si câm ngọng ở đời hiện tại, vì trừ diệt phiền não, hãy còn nên bố thí, huống hồ làm phương tiện trí tuệ cho tương lai ư?"

Còn trong kinh Ưu Bà tắc Giới nói: "nếu có Tỳ kheo - Tỳ kheo Ni - Ưu bà tắc - Ưu bà di, có năng lực giáo hóa người đầy đủ giới thí đa văn trí tuệ, hoặc dùng giấy mực khiến người khác viết chép, hoặc tự mình viết chép kinh điển đích thực của Như Lai, sau đó bố thí cho người khiến có thể đọc tụng, đó gọi là pháp thí. Người bố thí như vậy, đời vị lai sanh lên cõi trời có được sắc thân tốt đẹp. Tại vì sao? Bởi vì chúng sanh nghe pháp mà đoạn trừ tâm nóng giận, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai được thành tựu sắc thân tốt đẹp. Chúng sanh nghe pháp sinh ra tâm Từ không giết hại, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai có được thọ mạng lâu dài. Chúng sanh nghe pháp nên không trộm cắp tài sản báu vật của người, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai có nhiều tài sản châu báu. Chúng sanh nghe pháp nên tâm tư mở mang vui thích bố thí, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai thân có được sức mạnh tràn trề. Chúng sanh nghe pháp xa rời những điều phóng túng, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai thân được an lành vui sướng. Chúng sanh nghe pháp trừ bỏ tâm nóng giận ngu si, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị la có được biện tài vô ngại. Chúng sanh nghe pháp nên tâm tin tưởng không còn nghi ngờ, nhờ nhân duyên này ở trong đời vị lai có tâm tin tưởng rõ ràng. Giới thí đa văn trí tuệ cũng lại như vậy". Do đó biết pháp thí thù thắng vượt quá tài thí. Hỏi: Đã biết pháp thí hơn hẳn tài thí, chúng sanh thời đại bây

giờ chỉ học pháp thí mà không thực hành tài thí, không biết có thích hợp hay không? Đáp: Bởi vì không hiểu tài thí mà dùng tâm sai lạc để bố thí, nếu như mong cầu quả báo vui thú về sắc - thanh trong cảnh giới trời - người, thì sợ rằng rơi vào ba đường xấu ác mà không thành tựu quả báo xuất thế. Vì lẽ đó bậc Thánh nhân ân cần ca ngợi pháp, khiến cho hiểu rõ Thể Không của ba mối quan hệ mà thực hành tài thí, lâu dài thì thành tựu quả vị thù thắng của Bồ tát Niết bàn, đương nhiên còn lại Giới - Nhẫn trong lục độ vạn hạnh, đều dựa vào trí tuệ dẫn dắt làm thông suốt mà thành tựu tốt đẹp.

Lại trong luận Trí Độ nói: "Năm độ trước đều ví như người mù, độ thứ sáu là Bát Nhã hệ giống như có mắt. Nếu như không được Bát Nhã dẫn dắt làm thông suốt 5 độ trước, thì sẽ rơi vào ác đạo mà không thành tựu quả báo xuất thế. Nếu nghe pháp thí hơn xa tài thí, người ngu si không hiểu thì lập tức gác lại tài thí, chỉ vui thích đọc tụng kinh pháp. Nếu thực hành pháp này, thì không bằng có người dùng tâm hiểu biết bố thí một đồng bạc, hơn hẳn tâm mê muội đọc tụng kinh pháp cả trăm ngàn vạn quyển. Vì vậy Như Lai thiết lập giáo pháp với ý nghĩa thuộc về hiểu biết mà thực hành. Nếu chỉ hiểu biết mà không có thực hành, thì sự hiểu biết sẽ trống rỗng. Nếu chỉ thực hành mà không có hiểu biết, thì sự thực hành sẽ lẻ loi. Cần phải đầy đủ hiểu biết và thực hành mới đến được bến bờ an lạc giải thoát".

Còn trong kinh Bồ tát tạng nói: "nếu biết rằng Bồ tát ma ha tát đầy đủ pháp Tứ nhiếp như vậy, nhờ vào pháp này cho nên Bồ tát ma ha tát luôn luôn ở trong đêm dài tăm tối tiếp nhận các chúng sanh. Những gì là bốn pháp? Đó là Bố thí - Ái ngữ - Lợi hành và Đồng sự, như vậy gọi là bốn loại Nhiếp pháp. Vốn nói là Bố thí thì gồm có hai loại: 1- Tài thí; 2- Pháp thí. Đó là Bố thí. Nói là Ái ngữ, nghĩa là đối với tất cả những người đến cầu xin, hoặc thích nghe pháp thì Bồ tát đều thường xuyên dùng ái ngữ hỏi han chỉ bày. Nói là Lợi hành, nghĩa là luôn luôn đầy đủ tất cả ý niệm vui vẻ của mình hoặc là người. Nói là Đồng sự, tùy theo trí và công đức vốn có của mình mà diễn giảng giải thích cho người, tiếp nhận xây dựng tất cả chúng sanh, làm cho họ được an trú như trí như pháp. Nói là Pháp thí, thì như pháp đã được nghe nói rộng ra cho người. Nói là Ái ngữ, thì dùng tâm vô nhiễm phân biệt chỉ bày rõ ràng. Nói là Lợi hành nghĩa là đối với người thì giảng dạy đọc tụng kinh điển, cho đến thuyết pháp không có gì chán nản mệt mỏi. Nói là Đồng sự, thì dùng tâm Nhất thiết trí không rời bỏ, an trí hàm sinh vào nơi Chánh pháp. Vì vậy Bồ tát ở trong tất cả mọi lúc luôn luôn thực

hành pháp thí. Nếu tự mình không có tiền của thì tùy hỷ hạnh thí của người khác. Nếu tự mình có tiền của thì cúng dường người trí, vẫn có được quả báo thông minh”.

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: “Lúc ấy các Tỳ kheo đều nảy sinh nghi ngờ, Hiền giả A-nan vốn tạo ra hạnh gì mà được đa văn tổng trì như vậy, nghe Đức Phật thuyết giảng không quên mất một lời, bèn cùng hướng về nơi Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Hiền giả A-nan, vốn tạo ra phước thiện gì mà có được vô lượng tổng trì như vậy, chỉ nguyện Đức Thế Tôn, khai thị cho biết điều ấy! Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: A tăng kỳ kiếp quá khứ trước kai, có một Tỳ kheo độ cho một Sa di luôn luôn dùng sự chỉ bày nghiêm khắc, dạy cho tụng kinh, hạn định thời khóa hằng ngày, tụng kinh đầy đủ thì rất hoan hỷ, nếu không đủ số thì quở trách hết sức khắc khe. Thế là Sa di thường mang lòng buồn phiền, đọc kinh tuy đầy đủ mà ăn uống lại không điều độ được. Nếu đi khất thực, lúc có được thức ăn sớm, thì đọc đủ số; nếu khất thực được thức ăn muộn hơn, thì đọc kinh không đủ. Nếu đọc kinh không đủ thì sẽ bị quở trách khắt khe. Lòng dạ buồn rầu khóc tấm tức mà đi. Lúc ấy có Trưởng giả trông thấy khóc tấm tức như thế, tiến đến gọi mà hỏi nguyên do, vì sao buồn phiền? Sa di trả lời rằng: Trưởng giả nên biết, Thầy tôi rất nghiêm khắc dạy tôi đọc kinh, hạn định thời khóa hằng ngày, nếu d8ủ số ấy thì rất hoan hỷ, nếu không đủ số ấy thì bị quở trách hết sức khắt khe; tôi đi khất thực nếu sớm có được thì đọc kinh đủ số, nếu khất thực có muộn hơn thì đọc kinh không đủ số, nếu kinh không đủ số thì bị quở trách khắt khe, bởi vì điều này cho nên tôi buồn phiền mà thôi. Thế là Trưởng giả liền nói với Sa di: Từ nay trở đi thường đến nhà tôi, tôi sẽ cúng dường thức ăn khiến ông không còn lo lắng, ăn rồi dốc lòng chịu khó đọc kinh hơn nữa. Lúc ấy Sa di nghe nói vậy rồi, có thể dốc hết tâm ý chịu khó đọc kinh hơn nữa, hạn định thời khóa không giảm hằng ngày luôn luôn đầy đủ, thầy trò từ đó luôn luôn được hoan hỷ.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vị Thầy lúc bấy giờ chính là Định Quang Phật. Sa di lúc ấy nay chính là thân Ta. Đại Trưởng giả cúng dường thức ăn lúc ấy nay chính là A-nan. Chính là nhờ quá khứ tạo ra công hạnh này, cho nên nay đạt được tổng trì không có gì quên mất sai sót”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 81

Thiên thứ 85: **LỤC ĐỘ** (Phần hai).

Phần thứ nhất: **BỐ THÍ** (Tiếp Theo)

***Thứ sáu:* Lượng Cảnh.**

Lời thuật: Nói rằng người chủ động bố thí thì thực hành có trí và ngu. Nếu người trí thực hành bố thí thì cần phải quan sát người đang ở trước mặt, có ích cho họ thì bố thí, không có ích cho họ thì không nên bố thí.

Vì thế trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu thấy người nghèo túng thì trước hãy nói với họ rằng: Ông có thể quy y Tam bảo thọ trì trai giới hay không? Nếu họ nói có thể, thì trước hãy giảng dạy cho họ biết về Tam quy và trai giới, sau mới bố thí cho họ. Nếu họ nói không thể, thì sau đó hãy nói với họ rằng: có thể thuận theo tôi nói mà nghĩ nhớ tất cả pháp là vô thường-vô ngã- Niết bàn tịch diệt hay không? Nếu họ nói có thể, thì giảng giải rồi mới bố thí."

Nếu như không có tiền của thì chỉ bày cho người có tiền của khiến họ thực hành bố thí như vậy. Nếu người ngu si tham đắm tiền của, không biết thân mạng con người vô thường thì đồ vật thuộc về người khác, mà cứ tham luyến tiếc nuối keo kiệt. Bồ tát thấy vật không ích lợi như vậy, thì lập tức gấp rút bố thí, chứ không bỏ dở sự nghiệp tu đạo cao xa của mình.

Do đó trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Nếu như vật có thể làm cho dấy khởi phiền não thì không nên cất giữ. Dù cho vật báu cũng nhất định phải có lúc rời xa, như ong làm mật mà người khác có được chứ tự mình không có được; tiền của châu báu cũng như vậy."

Còn trong luận Địa Trì nói: "Nếu Bồ-tát bố thí khiến cho người chịu khổ, hoặc làm cho bị bức bách, hoặc bị xâm phạm ức hiếp và mong cầu phi pháp, thì tự lực hay tha lực cũng không thuận theo mong muốn của họ. Vốn vì chúng sinh, thà rằng tự mình xả bỏ thân mạng chứ không

thuận theo mong muốn của họ, khiến cho đến mức bức bách thì không nên bố thí, không phải là lúc Bồ-tát hành bố thí thanh tịnh. Ngoài ra Bồ-tát không bố thí, là nếu có chúng sinh mong cầu những thứ chất độc-lửa-dao-rượu hay các loại làm ra những trò vui đùa vô ích, cùng những người đến cầu xin tất cả mọi điều phi pháp, thì Bồ-tát không bố thí. Nếu bố thí mà sinh khởi nhiều điều ác, thì rơi vào đường ác chứ không đạt đến được bến bờ giải thoát. Nếu người khác cầu xin thân mạng của mình, thì cần phải bố thí chứ không cần suy tính gì khác về người trước mặt mà khởi tâm rút lui.”

Còn trong luận Trí Độ: “Hỏi: Thế nào là bố thí đến được bờ giải thoát và không đến được bờ giải thoát? Đáp: Như Xá Lợi Phất ở trong sáu mươi kiếp thực hành Bồ-tát đạo muốn vượt qua bờ giải thoát. Lúc ấy có người ăn xin đến cầu xin con mắt, Xá Lợi Phất nói: Con mắt không được gì, tại sao cầu xin nó? Nếu như cần thân mạng tôi cùng với tiền bạc của cải, thì tôi sẽ đem giúp cho nhau? Đáp rằng: Không cần, chỉ muốn được con mắt, nếu ông thật sự hành bố thí, thì lấy con mắt mà cho tôi. Lúc bấy giờ Xá Lợi Phất lấy ra một con mắt đưa cho, người xin được mắt, ở trước mặt Xá Lợi Phất ngửi con mắt, chê hôi thối rồi nhổ nước bọt mà vứt xuống đất, còn lấy chân đạp lên. Xá Lợi Phất tư duy rằng: Người tệ hại như vậy khó có thể vượt qua, con mắt thật sự vô dụng mà cứ dứt khoát cầu xin, đã có được rồi không dùng mà vứt bỏ, lại dùng chân giẫm đạp, sao mà quá tệ hại, hạng người như vậy không thể vượt qua được, không bằng tự điều phục để sớm vượt qua sanh tử. Tư duy như vậy rồi đối với Bồ-tát đạo thối lui mà hướng về Tiểu thừa. Đó gọi là không đến được bờ giải thoát. Nếu có thể không thối lui mà thành tựu Phật đạo thì gọi là đến được bờ giải thoát.”

Thứ bảy: **Quán Điền** (quán xét ruộng phước).

Như kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Nếu bố thí cho súc sinh thì được cảm quả báo trăm lần, bố thí cho người phá giới được cảm báo ngàn lần, bố thí cho người trì giới được cảm báo mười vạn lần, bố thí cho người ngoại đạo lìa dục được cảm báo trăm vạn lần, bố thí cho người hướng về đạo được cảm báo ngàn ức lần, bố thí cho Tu đà hoàn được cảm báo vô lượng, hướng đến Tư đà hàm cũng cảm báo vô lượng, cho đến cúng dường Phật cũng cảm báo vô lượng. Nay Ta vì ông phân biệt rõ ràng những phước điền, cho nên giải thích như vậy. Nếu có thể chí tâm phát sinh thương xót rộng rãi bố thí cho súc sinh, chuyên tâm cung kính cúng dường đối với chư Phật, thì phước ấy đích thực như nhau không có gì sai biệt. Nói được trăm lần, như dùng thọ mạng sức lực của sắc thân làm

cho con an ổn để bố thí cho người, thì người bố thí ở đời sau có được thọ mạng sắc lực an lạc biện tài, tất cả đều cảm báo trăm lần, cho đến vô lượng cũng lại như vậy. Vì thế cho nên Ta giảng giải ở trong khế kinh rằng: Ta cúng dường Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất cũng cúng dường đối với Ta, nhưng Ta được nhiều phước, không phải là Xá Lợi Phất được nhiều phước."

Hoặc có người nói: Người nhận làm điều ác thì tội lỗi đến với người bố thí, nghĩa này không phải như vậy. tại vì sao? Bởi vì lúc người bố thí thực hành bố thí là phá trừ nỗi khổ của người kia, chứ không phải là gây ra tội lỗi, vì vậy người bố thí phải có được quả thiện; người nhận làm điều ác, tội lỗi tự mình gánh chịu, chứ không liên quan đến người bố thí. Hỏi: Nếu cúng dường Thánh nhân được nhiều phước, thì tại sao trong kinh nói người trí hành bố thí không chọn lựa phước điền? Đáp: Nay giải thích về ý nghĩa này thì có nhiều cách, trình bày về người Năng thí, có phân biệt ngu-trí; cảnh Sở thí, có bi-kính khác nhau. Bi là nghèo khó khốn khổ, Kính là Tam bảo cao quý. Bi là điền (ruộng phước) xấu mà tâm tốt, Kính là ruộng tốt mà tâm xấu. Nếu chọn lấy tâm tốt cúng dường Phật, thì không bằng bố thí cho người nghèo khó.

Vì vậy tronh kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Có những chúng sinh, thấy người khác tụ tập làm các phước nghiệp, chỉ cầu nổi tiếng mà dốc hết tiền của đồ vật trong nhà dùng để bố thí, đến khi gặp người nghèo túng cô độc, thì mắng nhiếc đuổi đi nơi khác chứ không giúp cho một đồng. Chúng sinh như vậy gọi là điên đảo mà làm thiện chứ ngu si không biết gì họa-phước, gọi là làm phước không chính đáng. Những người như vậy thật đáng thương xót, sử dụng tiền của rất nhiều mà được phước rất ít. Này người thiện nam! Ta ở một lúc nọ bảo với các đại chúng: Nếu người ở trong A tăng kỳ thân mạng mà cúng dường mười phương chư Phật và các Bồ tát cùng chúng Thanh văn, không bằng có người bố thí cho súc sinh một chút đồ ăn thức uống, phước ấy hơn hẳn phước kia gấp trăm ngàn vạn lần đến vô lượng vô biên, thậm chí bố thí cho chó đói và các loài sâu kiến, thì Bi điền là tốt đẹp nhất."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Như Xá Lợi Phất, đem một bát cơm dâng lên Đức Phật, Đức Phật liền quay lại bố thí cho chó, rồi hỏi Xá Lợi Phất: Ai được nhiều phước? Xá Lợi Phất thưa: Như con hiểu nghĩa lý của Phật pháp, thì Phật bố thí cho chó được phước nhiều hơn." Nếu căn cứ vào sự cung kính pháp-tôn trọng người-biết địa vị tu đạo, thì Kính điền là hơn xa. Vì thế trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu bố thí cho súc sinh thì được cảm báo trăm lần, cho đến Tu đà hoàn được cảm báo vô

lượng.” La Hán và Bích chi Phật hãy còn không bằng Đức Phật, huống là chủng loại khác. Nếu căn cứ vào bình đẳng mà thực hành bố thí, thì không cần hỏi đến Bi hay Kính, tâm bình đẳng mà bố thí thì được phước to lớn vô cùng. Do đó trong kinh Duy ma nói: “Phân ra làm hai phần, một phần cúng dường Nan Thắng Như Lai, một phần giúp cho người ăn xin thấp kém nhất trong thành, thì phước điền không khác nhau.”]

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: “Dì ruột của Đức Phật là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề, lúc Phật đã xuất gia, tự tay mình kéo sợi, làm sẵn một tấm vải bông sắc vàng, tâm tư tình cảm tích lũy qua bao tháng ngày chỉ đợi dịp gặp Đức Phật. Đã được gặp Đức Phật thì vui mừng biểu lộ ra tận đáy lòng, liền mang tấm vải bông này dâng lên Đức Như Lai. Đức Phật bày tỏ với Kiều Đàm Di: Dì mang tấm vải này đến cúng dường chúng Tăng. Bà dì Ba Đề lại thưa với Đức Phật rằng: Từ lúc Phật xuất gia tâm tư luôn luôn nghĩ đến, cho nên tự tay kéo sợi khuyên nhủ lòng dạ đợi dịp gặp Phật, chỉ mong rủ lòng thương xót vì Dì mà nhận lấy. Đức Phật nói cho biết rằng: Biết là Dì chuyên tâm muốn đem cúng dường cho Như Lai, nhưng mà tâm ân ái cúng dường thì phước không rộng lớn, nếu cúng dường chúng Tăng thì phước cảm được báo càng nhiều, Như Lai biết rõ điều này vì vậy mà tự mình khuyến khích.”

Còn trong kinh Cư Sĩ Thỉnh Tăng Phước Điền nói: “Thỉnh riêng năm trăm La Hán, không bằng một phàm phu Tăng theo thứ tự của Tăng. Trong pháp của Ta không nhận lời thỉnh cầu riêng biệt. Nếu có thỉnh cầu Tăng riêng biệt, thì không phải là đệ tử của Ta, mà chính là pháp của Lục sư ngoại đạo, Thất Phật vốn không thích hợp.”

Do đó biết rằng bố thí có ba loại, cho nên không thể lấy một mà luận bàn tất cả.

Thứ tám: **Tương Đối** (đối lập với nhau).

Lời thuật: Ở đây phân biệt có năm loại tương đối.

Thứ nhất là ruộng và tiền của tương đối, có bốn: 1. Ruộng tốt mà tiền của kém, như Đồng Tử bố thí đất cát cho Đức Phật; 2. Tiền của tốt mà ruộng kém, như đem vật báu bố thí cho những người nghèo túng; 3. Ruộng và tiền của đều tốt, như đem vật báu cúng dường chư Phật; 4. Ruộng và tiền của đều kém, như đem cỏ bố thí cho các loài súc sinh.

Thứ hai là nặng và nhẹ tương đối, có bốn: 1. Tâm nặng mà tiền của nhẹ, như người nữ nghèo túng mang một đồng tiền cúng dường Đại chúng cảm được phước to lớn; 2. Tiền của nặng mà tâm nhẹ, như Phu nhân hàng Đế vương, tâm khinh mạn đem nhiều vật báu bố thí Đại chúng mà cảm được phước rất ít. Hai loại sau có thể biết.

Thứ ba là có và không tương đối, có bốn: 1. Tâm không mà cảnh chẳng không, như tuy rằng học pháp quán không nhưng mà tiếc nuối tiền của không chịu bố thí vẫn cảm đến báo ứng nghèo túng; 2. Cảnh không mà tâm chẳng không, biết tiền của không bền vững mà luôn luôn vui thích bố thí nhiều hơn, cảm được phước thêm nhiều. Hai loại sau có thể biết.

Thứ tư là nhiều và ít tương đối, như trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Bố thí có bốn điều. Như thế nào là bốn điều? Đó là: 1. Bố thí nhiều được phước báo ít; 2. Bố thí ít được phước báo nhiều; 3. Bố thí ít được phước báo ít; 4. Bố thí nhiều được phước báo cũng nhiều. Sao nói là bố thí nhiều được phước báo ít? Bởi vì người ấy ngu si giết hại sinh mạng mà cúng tế, uống rượu ca mua, hao tốn tiền bạc châu báu mà không có phước huệ, vậy là bố thí nhiều mà được phước báo ít. Sao nói là bố thí ít được phước báo nhiều? Bởi vì luôn luôn dùng tâm Từ cúng dường người đạo đức, chúng Tăng ăn rồi tinh tiến tu học đọc tụng, bố thí như vậy tuy ít mà phước thiện ấy rất lớn, đó là bố thí ít được phước nhiều. Sao nói là bố thí ít được phước báo ít? Bởi vì tham lam keo kiệt có ác ý bố thí cho phàm phu-đạo sĩ, cả hai đều ngu si, vì vậy cho nên bố thí ít được phước báo cũng ít. Sao nói là bố thí nhiều được phước báo nhiều? Nếu có người hiền tài hiểu rõ cuộc đời là vô thường, tâm tốt lành chi ra tiền của, xây dựng chùa tháp, tinh xá-vườn cây hoa trái, cúng dường Tam bảo, áo quần chăn màng giày dép giường ghế, nấu nướng đồ ăn thức uống, phước này như năm dòng sông lớn chảy xuôi hoài vào biển rộng; dòng phước tuôn trào như vậy, đời đời không dứt đoạn, đó là bố thí nhiều thì phước báo ấy cũng nhiều."

Thứ năm là nhiễm và tịnh tương đối, như trong luận Trí Độ nói: "Trong Phật pháp có bốn loại bố thí: 1. Người bố thí thanh tịnh mà người nhận thí bất tịnh; 2. Người bố thí bất tịnh mà người nhận thí thanh tịnh; 3. Người bố thí và người nhận thí đều thanh tịnh; 4. Người bố thí và người nhận thí đều bất tịnh. Phật tự mình cúng dường chư Phật, đó là cả hai đều thanh tịnh; như hoa sinh ra từ năng lực công đức của Đức Phật Bảo Tích ở Đông phương, nhờ vào Pháp thân Thập trú của Bồ tát Phổ Minh, chuyển hoa này đến rãi trên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni; biết rõ chư Phật mười phương là phước điền bậc nhất, đó là cả hai đều thanh tịnh." (Những câu còn lại có thể hiểu).

***Thứ chín:* Tài Thí.**

Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Tài thí có năm loại: 1. Chí tâm mà bố thí; 2. Tín tâm mà bố thí; 3. Đúng lúc mà bố thí; 4. Tự tay mình

mà bố thí; 5. Như pháp mà bố thí.”

Lời thuật: Nhưng mà tiền bạc đã bố thí, có đúng có sai. Vật phi pháp cho dù mang ra để bố thí cũng cảm được phước rất ít. Tiền của như pháp thì cảm được phước báo rộng lớn.

Như trong kinh Đại bảo Tích nói: “Vật không nên bố thí lại có năm điều: 1.Tiền bạc mong cầu không hợp lý không nên bố thí cho người, bởi vì vật ấy bất tịnh; 2. Rượu và thuốc độc không nên bố thí cho người, bởi vì làm cho chúng sinh hỗn loạn; 3. Lưới giăng cung tên không nên bố thí cho người, bởi vì não hại chúng sinh; 4. Dao gươm gậy gộc không nên bố thí cho người, bởi vì làm hại đến chúng sinh; 5. Âm nhạc và nữ sắc không nên bố thí cho người, bởi vì làm hỏng tâm thanh tịnh.”

Còn trong luận Trì Địa nói: “Bồ tát cũng không nên bố thí thức ăn không như pháp, đó gọi là bố thí đồ ăn thức uống còn thừa lại cho người xuất gia, thức nă bị rác rưởi-nước mũi nước miếng-máu mủ làm bẩn, không nói không biết là cơm và cơm lúa mạch. Không như pháp và vứt bỏ, đó là không ăn hành tỏi lẫn tạp dơ bẩn, không ăn thịt cá, không uống rượu lẫn tạp dơ bẩn. Những thứ trộn lẫn với nhau không như pháp như vậy, không nên bố thí cho người.”

Còn trong luận Trí Độ nói: “Nếu người dùng cách đánh đập-tra khảo-giam cầm có được tiền của mà làm bố thí, thì sinh trong loài voi ngựa trâu bò, tuy nhận chịu thân hình súc sinh mang nặng còn bị quất roi- yên cương ràng buộc để người cưỡi đi lại, mà được ở nhà đẹp-thức ăn ngon, được người coi trọng để cung cấp cho người. Lại như người ôm ấp nhiều tâm địa nóng giận bởi vì không đứng đắn mà hành bố thí, sẽ đọa vào trong loài rồng có được cung điện bảy báu- ăn uống ngon lành-sắc thân tốt đẹp. Còn như người kiêu ngạo tâm địa nhiều khinh mạn nóng giận mà bố thí, đọa lạc vào trong loài chim cánh vàng thường được tự tại, có ngọc báu như ý để làm chuỗi ngọc, các loại cần sử dụng đều được tùy ý, không có gì không như ý muốn, biến hóa không lường chẳng có điều gì không làm được. Còn như người làm quan đứng đầu lạm dụng chức quyền gây oan trái cho nhân dân chứ không thuận theo pháp sửa trị, mà lấy tiền bạc của cải dùng để bố thí, rơi vào trong loài quỷ thần làm quỷ Cưu bàn trà, có năng lực biến hóa đủ loại, lấy 5 trần làm sự vui thích của mình. Còn như người nhiều nóng giận tàn bạo ham mê rượu thịt mà thực hành bố thí, rơi vào trong loài quỷ Dạ xoa ở mặt đất, thường có được các loại đồ ăn thức uống và âm nhạc vui vẻ. Còn như có người ngang nghạnh cố chấp mà có thể bố thí ngựa xe thay cho đi bộ, rơi vào trong loài quỷ Dạ xoa ở giữa hư không, có sức mạnh vô

cùng, đi lại nhanh như gió. Còn như có người tâm địa luôn luôn ghanh tị thích tranh cãi mà có thể đem nhà cửa phòng ốc- giường chiếu chăn màn-áo quần ăn uống tốt đẹp để bố thí, do đó sinh vào trong loài quỷ dạ xoa có cung điện lâu đài bay lượn đi lại, có các loại đồ vật vui thú luôn luôn bên thân. Nếu người não hại người trước mặt, dùng sức mạnh uy hiếp cầu lấy đồ vật của người ta mà làm phước, thì trái lại phải chuốc lấy tội lỗi, không bằng lắng lòng tu sửa nội tâm đạt được lợi ích càng tốt đẹp hơn."

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu như não hại quyến thuộc có được đồ vật để bố thí, thì người này ở đời vị lai tuy cảm được báo to lớn mà thân phải mang bệnh tật khổ sở. Nếu người trước đó không luôn luôn cung dưỡng cha mẹ, làm phiền vợ con-tôi tớ mình thật khốn khổ mà bố thí thì đó gọi là người ác, là giả danh bố thí, không gọi là bố thí hợp với chính nghĩa. Bố thí như vậy thì gọi là không có lòng thương xót, không biết đền đáp ân tình, người này ở vị lai tuy có được tiền của châu báu, mà luôn luôn mong cầu chứ không quy tụ, không có thể đem ra sử dụng, thân thể mang nhiều bệnh tật khốn khổ."

Lấy văn này chứng minh cưỡng bức sử dụng vật của người ta để mưu cầu tu phước, thì trái lại chuốc lấy khổ báo, đâu gọi là có lợi ích? Hiện nay là thời mạt pháp, kẻ Tăng người Tục suy tàn sai lạc, tranh nhau tổ chức trai hội thuyết giảng, gượng gạo áp chế chạy theo tiền của, xây dựng chùa tháp theo kinh không hợp đạo lý, trái lại chuốc lấy tội lỗi ở tương lai; không bằng ngồi yên lặng trong tâm tu dưỡng thực hành, tốt đẹp nhất trong sự lìa xa không có gì hơn được điều này. Nếu như có tâm thanh tịnh thuyết pháp cho người, người trước mặt cung kính chân thành cầu pháp mà bố thí, thì cần phải giảng giải cho họ khiến thành tựu phước trí, không được nhìn thấy có phê phán trước đây, nói hùa theo cuối cùng gạt bỏ sinh ra mỉa mai hủy báng xằng bậy, ngăn chặn phước thiện của tương lai.

Còn trong Vô tánh Nhiếp Luận Thích nói: "Nói Bồ tát thấy chúng sinh ấy, đối với tiền bạc địa vị của họ, có nghiệp chướng sâu nặng, vì vậy mà không bố thí, khiến cho biết bố thí ban ân trống rỗng chẳng có kết quả gì. giả sử có bố thí thì người kia cũng không có thể nhận được, đâu cần phải bố thí làm gì? Như có tụng nói:

Như sữa mẹ nuôi lớn con thơ,
Trải qua tháng ngày không mỏi mệt,
Cổ họng con thơ nếu khép lại,
Sữa mẹ mong muốn nào được gì?

Thà làm cho thiếu hụt đối với tiền bạc địa vị, xa lìa nẻo xấu ác của những việc làm tệ hại, chớ đừng để cho giàu sang làm các căn bị hỗn loạn, khiến cảm lấy hình hài đầy đau khổ ở tương lai."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Bố thí đúng lúc có năm điều lợi ích. Thế nào là năm đều? Đó là: 1. Bố thí cho người từ xa đến; 2. Bố thí cho người sắp đi xa; 3. Bố thí cho người bệnh tật; 4. Bố thí lúc mình tiết kiệm; 5. Nếu lần đầu có được hoa quả hoặc các loại đậu và thóc lúa, trước hãy mang cho người tinh tiến trì giới rồi sau đó tự mình mới ăn. Vì thế cho nên muốn thực hành năm loại bố thí này, nên nghĩ đến bố thí đúng lúc. Nếu người bố thí thanh tịnh đúng lúc, thì cũng cảm được quả báo đúng lúc. Gọi là đúng lúc mà thích hợp với tâm thanh tịnh để bố thí, nếu lúc giá lạnh thì bố thí những thứ như nhà cửa ấm áp- chăn đắp-củi lửa-đồ ăn nóng ấm, nếu lúc nóng nực thì bố thí những thứ như nhà cửa mát mẽ-áo mỏng-nước quạt-vật dùng mát lạnh, lúc khát thì giúp cho nước uống, lúc đói cung cấp cho cơm ăn, gió mưa thì chuyển đến để cung cấp, trời dễ chịu thì mời Tăng đến nhà. Đúng lúc như vậy thì thích hợp tình thế khiến cho vui vẻ, đời vị lai cảm được phước cũng nhận quả báo thuận như ý."

Còn trong luận Bồ Tát Địa Trì nói: "Tất cả các loại bố thí, nói sơ lược có hai loại, một là vật bên trong, hai là vật bên ngoài. Bố thí xả thân, đó gọi là bố thí vật bên trong. Nếu là thức ăn nhả ra cho chúng sinh, ăn rồi nhả ra mà bố thí, đó gọi là bố thí vật cả trong lẫn ngoài. Trừ ra những điều nói trên, thì đó là bố thí vật bên ngoài. Bồ tát bố thí vật bên trong, có hai loại: 1. Thuận theo điều mong muốn dấy lên tha lực tự tại xả thân àm bố thí, ví như có người vì cơm áo cho nên hệ thuộc với người ta làm tôi tớ sai khiến của họ; như vậy Bồ tát không vì lợi dưỡng, chỉ vì Vô thượng Bồ đề, vì sự an lạc của chúng sinh, vì đầy đủ Đàn ba la mật, thuận theo điều mong muốn dấy lên tha lực tự tại xả thân mà bố thí; 2. Thuận theo những nhu cầu của người khác, thì tay chân mắt mũi... tất cả đều bố thí cho họ. Bồ tát bố thí vật bên ngoài, lại có ba loại: 1. Thuận the sự mong cầu của chúng sinh có được để dùng vui vẻ đầy đủ mà làm hoan hỷ bố thí cho họ; 2. Vì phụng sự cho chúng sinh cho nên tâm xả bỏ tất cả àm bố thí cho chúng sinh tất cả mọi thứ; 3. Vật bên trong và bên ngoài của Bồ tát không phải là không có sai biệt, bình đẳng bố thí tất cả, hoặc có điều bố thí, hoặc có điều không bố thí. Nếu đối với chúng sinh vui sướng mà không an lành, không vui sướng cũng không an lành, thì không bố thí cho họ. Nếu đối với chúng sinh an lành mà không vui sướng, cũng an lành mà cũng vui sướng, vậy thì tất cả đều

bố thí cho họ."

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Bồ tát có bốn loại bố thí đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là 1. Dùng giấy-bút-mực giúp cho Pháp sư viết chép kinh pháp; 2. Các loại nhà cửa tô điểm trang nghiêm và bàn ghế tuyệt vời để cúng dường Pháp sư; 3. Dùng những vật dụng cúng dường cần thiết mà dâng lên Pháp sư; 4. Tâm không hề nịnh bợ quanh co mà ca ngợi Pháp sư."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Nếu người bố thí tu phước, không thích làm công việc sinh sống có tính chất hữu vi, thì được sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Nếu người bố thí thực hành cung dưỡng cha mẹ-chú bác-anh em-chị em..., không nóng giận không oán hận, không thích tranh cãi, cũng không vui khi người tranh cãi, thì được sanh lên cõi trời Đao Lợi cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại."

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu dùng áo quần để bố thí thì cảm được sắc thân tuyệt vời nhất. Nếu dùng thức ăn mà bố thí thì cảm được sức lực không gì hơn. Nếu dùng đèn nến mà bố thí thì cảm được mắt nhìn trong sáng tuyệt vời. Nều dùng xe cộ mà bố thí thì thân cảm thọ sự an lành vui sướng. Nếu dùng nhà cửa mà bố thí thì những nhu cầu cần thiết không bao giờ thiếu thốn.

Nếu dùng đồ vật sạch sẽ tuyệt vời mà bố thí, đời sau cảm được sắc diện tốt đẹp, mọi người đều thích nhìn, danh tiếng tốt lành truyền đến mọi nơi, mong cầu đều được như ý, sinh trong dòng dõi cao quý, đó không gọi là ác.

Nếu vì tự thân mình làm ra áo quần trang nghiêm đẹp đẽ và các loại đồ dùng, làm xong hoan hỷ tự mình chưa sử dụng ăn mặc, mang ra mà bố thí cho người, thì người này ở đời vị lai cảm được cây như ý. Nếu có người có thể hằng ngày lập ra yêu cầu: Trước hãy bố thí cho người khác ăn, sau đó tự mình mới ăn. Nếu làm trái yêu cầu này thì thề quyên tặng Bồ tát cúng Phật; phạm voà thì sinh lòng hổ thẹn. Nếu như không làm trái chính là nhân duyên của trí tuệ vi diệu. Bố thí như vậy là cao đẹp nhất trong các loại bố thí, người này cũng được gọi là người bố thí thuộc bậc cao.

Nếu cung cấp cơm ăn áo mặc cho vợ con-tôi tớ, luôn luôn dùng tâm thương yêu hoan hỷ mà cho, thì ở đời vị lai cảm được vô lượng phước đức. Nếu như nhìn thấy trong ruộng lúa hay kho tàng có nhiều chim chuột phá hại thóc lúa đậu mè làm cho hoang phí, luôn luôn sinh lòng thương xót lại dấy lên suy nghĩ như vậy: Chim chuột như vậy dựa vào mình mà sống được. Nghĩ rồi hoan hỷ không có ý tưởng làm não hại

chúng. Nên biết rằng người này cảm được phước thiện vô lượng."

Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Nếu dùng hoa để bố thí, thì đã có nhân duyên đầy đủ bảy đóa hoa giác ngộ Đà la ni. Nếu dùng hương bố thí, thì đầy đủ giới định tuệ xông ướp xoa vào thân. Nếu dùng quả bố thí, thì thành tựu đầy đủ quả vô lậu. Nếu dùng thức ăn bố thí, thì đầy đủ mọi niềm vui về thọ mạng-biện tài-sắc lực. Nếu dùng áo quần bố thí, thì đầy đủ sắc thân thanh tịnh, ngoại trừ không có tàm qúy. Nếu dùng đèn nến bố thí, thì đầy đủ Phật nhãn hiểu rõ ràng tất cả tánh của các pháp. Nếu dùng voi ngựa xa cộ bố thí, thì cảm được đầy đủ thần thông Vô thượng thừa. Nếu dùng chuỗi ngọc bố thí, thì đầy đủ tám mươi vẻ đẹp tuỳ theo hình tướng. Nếu dùng châu báu bố thí, thì đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Nếu dùng sức lực của tôi tớ sai khiến mà bố thí, thì đầy đủ mười lực và bốn vô úy của Phật.

Lấy điều quan trọng mà nói, cho đến đất nước-vợ con-đầu mắt tay chân toàn thân mà bố thí, tâm không có gì luyến tiếc, vốn là vì đạt được Vô thượng Bồ đề hóa độ chúng sinh."

Còn trong kinh Đại Bồ tát Tạng nói: "Bồ tát vốn là vì đạt được A nậu Bồ đề, lúc thực hành Đàn Ba la mật đa, đã tu hạnh bố thí. Lại cảm được mười loại xưng tán lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Bồ tát ma ha tát dùng năm dục thượng diệu mà bố thí, cho nên cảm giới định tuệ thanh tịnh quy tụ cùng với giải thoát- giải thoát tri kiến quy tụ, không có gì không đầy đủ; 2. Bồ tát dùng đồ vật chơi đùa vui vẻ thượng diệu mà bố thí, cho nên cảm được pháp lạc du hý thanh tịnh, không có gì không đầy đủ; 3. Bồ tát dùng chân àm bố thí, cho nên cảm được chân của Pháp Nghĩa viên mãn, hướng về ngồi nơi Bồ đề, không có gì không đầy đủ; 4. Bồ tát dùng tay mà bố thí, cho nên cảm được tay pháp thanh tịnh viên mãn, cứu giúp chúng sinh không có gì không đầy đủ; 5. Bồ tát dùng tai và mũi mà bố thí, cho nên cảm được các căn thành tựu viên mãn, không có gì không đầy đủ; 6. Bồ tát dùng chi tiết mà bố thí, cho nên cảm được thân Phật uy nghiêm thanh tịnh vô nhiễm, không có gì không đầy đủ; 7. Bồ tát dùng mắt mà bố thí, cho nên cảm được pháp nhãn thanh tịnh không có chướng ngại, nhìn thấy tất cả chúng sinh, không có gì không đầy đủ; 8. Bồ tát dùng máu thịt mà bố thí, cho nên cảm được thân mạng kiên cố, thâu nhiếp nuôi dưỡng giữ gìn tất cả chúng sinh, chân thật dễ dàng thích ứng, không có gì không đầy đủ; 9. Bồ tát dùng tủy não mà bố thí, cho nên cảm được viên mãn không thể phá hoại như thân Kim cang, không có gì không đầy đủ; 10. Bồ tát dùng đầu mà bố thí, cho nên chứng được đầu của trí Nhất Thiết trí tối thượng

vô thượng viên mãn vượt lên trên ba cõi, không có gì không đầy đủ. Này Xá Lợi Tử! Bồ tát ma ha tát vì đạt được Bồ đề mà hành hạnh bố thí như vậy, thâu nhiếp tiếp nhận tướng mạo công đức thượng diệu-lợi ích xưng tán Phật pháp viên mãn như vậy, đều vốn là đầy đủ Đàn Ba la mật đa. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, bèn nói tụng rằng:

Hành thí không mong cầu sắc-tài tuyệt diệu,
Cũng không nguyện cảm được quả báo trời-người,
Ta cầu đạo Vô thượng Bồ đề thù thắng,
Thí sâu xa thì cảm được vô lượng phước.”

Còn trong kinh Bách Duyên nói: “Thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng không thể tính kể. Người vợ Trưởng giả sinh được một bé trai, đoan chánh tuyệt vời vô cùng hiếm có ở thế gian. Ngay trong ngày sinh trời tuôn mưa lớn, cha mẹ hoan hỷ, cả nước nghe biết, thầy xem tướng bói quẻ tốt lành, nhân đó đặt làm tên, gọi là Da Xa Mật Đa. Không uống sữa dù mẹ chăm sóc kỹ càng, trong hàm răng bé trai tự nhiên có nước tám công đức sinh ra vì vậy tự nhiên đầy đủ. Tuổi dần lớn lên được gặp Đức Phật mà xuất gia đắc quả A La Hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ kheo thấy sự việc này rồi, thỉnh cầu Đức Phật giảng giải cho biết về nhân duyên phước thiện vốn có.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Trong Hiền kiếp này có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca Diếp, ở trong giáo pháp của ngài có một Trưởng giả, tuổi tác rất cao và già yếu, xuất gia nhập đạo không thể nào tinh chuyên cần mẫn được, lại gặp bệnh nặng, thầy thuốc giỏi xem bệnh khuyên nên uống sữa đặc, bệnh mới có thể lành. Liền theo lời khuyên của thầy thuốc lấy sữa đặc mà uống. Ở trong đêm ấy thuốc phát tán làm nóng lên khát cháy cổ, chạy đến mọi nơi tìm nước, đồ dùng chứa nước đều trống rỗng. Lại đi đến sông suối nhưng tất cả đều khô cạn. Khắp nơi như vậy mà tìm nước không được, tự mình hết sức hối hận và trách móc bản thân, ở tại bờ sông ấy cởi áo buộc vào cây, bỏ mà quay trở về. Đến lúc sáng sớm đem tình cảnh đó thưa với Thầy, Thầy nghe nói như vậy liền trả lời rằng: Ông gặp tình cảnh khổ sở này tựa như ngạ quỷ, nay ông có thể lập tức lấy nước trong bình của ta đi đến trong Tăng mà rót. Tức thì làm theo lời dạy đi lấy bình nước, nhưng nước cũng khô cạn, lòng dạ lo sợ, nói rằng mình mạng chung chắc chắn rơi vào ngạ quỷ. Liền đi đến nơi Đức Phật thưa rõ đầy đủ sự việc trên, rồi thưa vơi Đức Thế Tôn: Mong chỉ bày cho con được thấy. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nay ông nên ở giữa chúng Tăng lấy nước trong tốt mà

rót để cúng dường, có thể thoát được thân ngạ quỷ này. Nghe xong hoan hỷ, lập tức ở trong Tăng thường đi lấy nước trong cúng dường, trải qua hai vạn năm thì mạng chung, ở nơi sinh ra trong hàm răng ấy, thường có nước tám công đức thanh tịnh, tự nhiên đầy đủ, không uống sữa hoặc bú mớm gì, cho đến bây giờ gặp được Ta mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành."

Còn trong kinh A Dục Vương nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, các Tỳ kheo cùng với A-nan trước sau vây tròn xung quanh Đức Phật, đi vào thành Vương Xá mà hành khất thực. Đến trong một ngõ đường thấy hai trẻ nhỏ, một trẻ tên là Đức Thắng, một trẻ tên là Vô Thắng, nghịch đất cát mà chơi đùa, vun đất làm ra thành quách-nhà cửa-kho tàng, lấy đất cát làm bột gạo rang đặt vào trong kho. Hai đứa trẻ này trông thấy tướng tốt của Đức Phật có ánh sáng sắc vàng rực rỡ soi chiếu mọi nơi trong thành. Đức Thắng hoan hỷ bốc nắm đất trong kho gọi là bột gạo rang ấy, dâng lên Đức Thế Tôn, mà phát nguyện rằng: Khiến cho con ở tương lai bao trùm cả trời đất làm nhiều sự cúng dường. Nhờ vào thiện căn và công đức phát nguyện này, một trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, làm Chuyển luân vương uy hùng nhất cõi Diêm Phù Đề, trú tại thành Hoa Thị, dùng chánh pháp sửa trị thế gian, hiệu là A Thứ Già Vương, phân chia xá lợi Phật mà xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Vị vua ấy tín tâm thường xuyên thỉnh chúng Tăng vào trong cung cúng dường. Lúc ấy trong cung vua có một người hầu gái, nghèo khổ thấp hèn nhất, thấy nhà vua làm phước tự mình hết sức trách móc bản thân rằng: Thân đời trước của nhà vua lúc ấy bố thí Như Lai một vốc đất, cho nên nay cảm được giàu sang, ngày nay lại làm thì tương lai càng tốt đẹp hơn; mình thân đời trước tội lỗi, ngày nay làm kẻ hầu thấp kém, lại còn nghèo túng, không có cách gì tu phước, tương lai càng hèn hạ hơn, nào có hạn kỳ thoát ra được! Suy nghỉ rồi khóc nĩ non. Chúng Tăng ăn xong, người hầu gái này quét dọn đất cát rác rưởi, trong lúc quét dọn nhặt được một đồng tiền bằng đồng này lập tức bố thí chúng Tăng, tâm sinh hoan hỷ vô cùng. Sau đó không lâu mắc bệnh mà mạng chung, thác sinh trong bụng của Phu nhân A Dục Vương, đủ 10 tháng tròn sinh ạh một bé gái, đoan chánh tuyệt vời vô cùng, thế gian ít có người sánh kịp, tay phải của cô bé luôn luôn nắm chặt. Năm tròn năm tuổi, Phu nhân nói rõ với nhà vua: Cô con gái sinh ra mà một tay luôn luôn nắm chặt. Nhà vua liền gọi đến đặt tên đầu gối, nhà vua xoa tay con, tay liền tự nhiên mở ra, ở trong bàn tay có một đồng tiền bằng vàng, cứ lấy đi là sinh ra mà không cùng tận, trong chốc lát tiền vàng chứa đầy kho tàng.

Nhà vua cảm thấy quái lạ, cho nên liền dẫn đến hỏi Thượng tọa Da xá La Hán: Cô con gái này thân đời trước làm phước đức gì, mà ở trong lòng bàn tay có đồng tiền bằng vàng này, lấy không cùng tận? Thượng tọa trả lời rằng: Cô bé này thân đời trước làm người trong cung vua, trong lúc quét dọn rác rưởi nhặt được một đồng tiền bằng đồng đem bố thí chúng Tăng, nhờ thiện căn này được sinh trong chốn Vương gia, àm làm con gái nhà vua. Bởi vì nhân duyên thiện căn một đồng tiền bố thí chúng Tăng xưa kia, cho nên luôn luôn nắm trong tay một đồng tiền bằng vàng quý báu lấy không bao giờ hết."

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa ở trong núi Kỳ Xà Quật có nhiều vị Tăng cư trú, người các nơi nghe tin nên chuyển đồ vật cúng dường đến rất nhiều. Có một người phụ nữ nghèo túng ăn xin xưa nay, thấy các Trưởng giả chuyển đồ vật cúng dường đến núi, liền dấy lên nghĩ rằng: Vậy là chắc chắn mở lễ hội, mình nên đến đó xin ăn. Liền hướng vào trong núi thấy các Trưởng giả, đem các loại thức ăn cúng dường chúng Tăng, bèn tự mình tư duy rằng: Những người giàu có ấy đời trước tu phước thiện, ngày nay được giàu sang, nay lại tiếp tục làm, vị lai càng tốt đẹp, mình trước không tu phước đời này chịu nghèo khổ, nay đến không làm thì vị lai càng khổ hơn. Suy nghĩ rồi khóc nỉ non. Trước đây từ trong rác rưởinhặt được hai đồng tiền, luôn luôn cất giữ luyến tiếc để đến lúc cầu xin không được, sẽ dùng để mua lương thực, nay mình mang đến bố thí chúng Tăng. Trong ý đoán chừng một-hai ngày không có ăn, đợi chúng Tăng ăn xong liền bố thí. Vị Tăng duy na tiến lên muốn cầu nguyện cho người bố thí, vị Thượng tọa không đồng ý, mà tự mình để chú nguyện, còn để lại cơm và thức ăn ban cho. Những người đã gặp Thượng tọa khất thực, những người ấy cũng giúp cho, người phụ nữ rất hoan hỷ nói rằng: Tôi được quả báo. Mang đồ ăn đi ra bên ngoài, đến dưới một tán cây, ăn xong mà nằm ngủ. Phước bố thí đã cảm có áng mây vàng rực che phủ nơi ấy. Lúc ấy gặp dịp Phu nhân lớn nhất của Quốc Vương qua đời đã bảy ngày, nhà vua sai người tìm hiểu ai có phước đức thích hợp làm Phu nhân. Sứ giả và thầy xem tướng đến dưới tán cây ấy trông thấy người phụ nữ này, thầy xem tướng quan sát, thấy người phụ nữ này có phước đức có thể làm Phu nhân. Thế là lấy nước ấm pha hương thơm mời tắm rửa sạch sẽ, đưa cho áo quần của Phu nhân quá cố khiến mặc vào, kích cở hợp với nhau, liền dùng ngựa xe có quân lính hộ vệ đưa đến chỗ nhà vua. Nhà vua trông thấy hoan hỷ, tâm rất kính trọng. Sau đó tự mình suy nghĩ: Nay mình vốn cảm được phước báo này, là nhờ vào hai đồng tiền bố thí chúng Tăng cho nên mới như

vậy, nên biết rằng chúng Tăng nơi ấy đã có ân đức rất sâu nặng đối với mình. Ngay sau đó thưa với nhà vua rằng: Thiếp trước kia là hạng tôi tớ, nhà vua trông thấy cho gột rữa để đưa lên được làm Phu nhân, tiếp tục nguyện cho phép đi đến nơi chúng Tăng kia để đền đáp ân đức. Nhà vua nói:Tùy theo ý muốn. Phu nhân liền dùng xe chở đồ ăn thức uống cùng với châu báu, đi đến núi bố thí. Thượng tọa liền cử Tăng duy na chú nguyện, chứ không tự mình chú nguyện. Phu nhân nghĩ rằng: trước đây bố thí hai đồng tiền thì được chú nguyện cho, nay chở châu báu đến lại không được chú nguyện. Tỳ kheo trẻ tuổi cũng không vừa ý với điều này. Lúc bấy giờ Thượng tọa nói với Phu nhân rằng: Tâm niệm không vừa ý với tôi, lúc bố thí hai đồng tiền được tôi chú nguyện, nay chở châu báu đến không được chú nguyện, trong Phật pháp của thầy tôi chỉ quý trọng thiện tâm chứ chẳng coi trọng châu báu, lúc trước kia Phu nhân bố thí hai đồng tiền với thiện tâm rất tốt đẹp, nay bố thí châu báu mà phân biệt nhân-ngã cao ngạo, vì vậy này tôi không tự mình chú nguyện, những người trẻ tuổi cũng đừng hiềm nghi gì tôi. Tỳ kheo trẻ nghe rồi mà hổ thẹn, tất cả đều đạt được quả vị Tu đà hoàn. Phu nhân nghe pháp sinh lòng hổ thẹn cũng đạt được quả vị Tu đà hoàn.”

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa ở nước Câu Lưu Sa có vị vua tên là Ác sanh, đến vườn cảnh trước căn nhà chính trông thấy một con mèo bằng vàng, từ góc Đông bắc đi vào góc Tây nam. Lúc ấy nhà vua trông thấy liền sai người đào đất, gặp được một cái chậu bằng đồng, cái chậu chứa được ba hộc, trong chậu chứa đầy tiền vàng. Dần dần đào sâu xuống lại gặp được một cái chậu. Như vậy lần lượt gặp được ba lớp chậu, đều chứa được ba hộc, đều chứa đầy tiền vàng. Lại chuyển sang bên cạnh đào dọc theo năm dặm, trong từng bước đều gặp được chậu đồng, đều chứa đầy tiền vàng. Nhà vua tuy có được tiền nhưng sợ hãi không dám sử dụng. Cảm thấy quái lạ về nguyên cớ ấy, liền đi đến nơi Tôn giả Ca Chiên Diên, nói rõ duyên ấy. Tôn giả trả lời nhà vua: Đây là nhân vốn có của nhà vua đã cảm được phước báo, cứ sử dụng không có gì sợ hãi. Nhà vua liền thưa hỏi về nhân duyên xưa kia. Tôn giả trả lời nhà vua: Trong 91 kiếp quá khứ xưa kia, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, trong giáo pháp để lại có các Tỳ kheo, đặt bình bát nơi tìa bố thí đầu nãg tư đường đi, ở trên đó giáo hóa, mà nói lời như vậy: Nếu có người nào có thể đem tiền của đặt vào trong kho tạng bền vững này, nếu đưa vào kho tạng này thì vua quan-giặc cướp-nước lửa đều không thể nào làm mất được. Lúc ấy có người nghèo khổ, trước đó nhờ bán củi có được 3 đồng tiền, thấy Tăng giáo hóa nên hoan hỷ bố thí,

liền đem số tiền này lần lượt đặt vào trong bình bát, phát nguyện mà đi. Cách nhà năm dặm bước từng bước hoan hỷ, đến cổng sắp đi vào, lại từ xa hướng về Tăng chí tâm cúi đầu lễ lạy, phát nguyện mà bước vào. Người nghèo khổ lúc ấy nay chính là thân nhà vua, nhờ ba đồng tiền xưa kia hoan hỷ bố thí cho Tăng, mà đời đời tôn quý thường được như vậy, ba lớp chậu đồng trong chứa đầy tiền vàng; nhờ trong năm dặm bước từng bước hoan hỷ, mà luôn ở trong năm dặm có tiền vàng này. Vì nhân duyên này, nếu lúc bố thí thì cần phải chí tâm, hoan hỷ bố thí cho người đừng sinh tâm hối tiếc."

***Thứ mười:* Tùy Hỷ**

Như kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Đức Phật dạy: Nếu người có tiền của thấy có người đến cầu xin, mà nói không có-nói vội vàng, nên biết người này đã nói rằng mình ở đời sau sẽ nghèo túng ít phước đức. Người như vậy gọi là trốn tránh bừa bãi, tự nói mình không có tiền của, nghĩa này không đúng tại, vì sao? Bởi vì tất cả nguồn nước cỏ cây thì không người nào không có. Tuy là hàng vua chúa nhưng không phải là có năng lực bố thí, tuy là người nghèo túng mà không phải không có thể bố thí. Tại vì sao? Bởi vì người nghèo túng cũng có phần ăn, ăn xong rửa dọn đồ dùng, lấy nước chùi rửa đã bỏ đi để bố thí cho những loài cần ăn, cũng cảm được phước đức. Nếu dùng một chút bột rang bố thí cho loài sâu kiến thì cũng cảm được quả báo phước đức vô lượng. Nghèo nhất trong thiên hạ thì ai mà không có một chút bột rang này chăng? Có ai một ngày không ăn ba nắm bột rang mà mạng sống không giữ được? Vì vậy mọi người nên lấy một nửa phần ăn của mình bố thí cho người cầu xin. Này người thiện nam! Người nghèo túng nhất có ai lõa lồ thân thể mà không có áo quần? Nếu có áo quần, há không có một mảnh vải bố thí cho người buộc chặt vết thương, hoặc một chút tiền bạc để làm bấc đèn hay sao? Người trong thiên hạ có ai nghèo túng đến nỗi không có thân hình? Nếu như có thân hình thì thấy người ta làm phước, tự mình nên đi đến phụ giúp hoan hỷ không chán, cũng gọi là người bố thí, cũng cảm được phước đức, hoặc là có phần, hoặc có giúp như nhau, hoặc có người gánh vác. Vì nhân duyên này, Ta nhận đồ ăn của vua Ba Tư Nặc thì cũng chú nguyện, nhà vua và người nghèo túng đều cảm được công đức như nhau không có gì sai biệt. Như người mua hương, hương xoa-hương bột-hương rải hay hương thắp, bốn loại hương như vậy có người tiếp xúc, người mua-người bán cùng ngửi thấy không có sai khác, mà các loại hương không mất đi chút nào. Đức của tu hạnh bố thí cũng lại như vậy, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc to hay nhỏ, hoặc là tâm tùy hỷ mà

thân hướng về phụ giúp, hoặc từ xa thấy hay nghe mà tâm sinh ra hoan hỷ, tâm ấy như nhau cho nên cùng cảm được quả báo không có gì sai biệt. Nếu như không có tiền của vật dụng mà thấy người ta bố thí rồi tâm không vui mừng tin tưởng, nghi ngờ đối với ruộng phước, thì gọi là nghèo túng chẳng có gì. Nếu như nhiều tiền bạc châu báu tự tại vô ngại có ruộng phước tốt lành, mà bên trong không có tín tâm không có thể cúng dường bố thí, thì cũng gọi là nghèo túng chẳng có gì. Vì vậy cho nên người trí tự quán xét còn lại một nắm cơm, mình ăn thì sống, cho người ta thì mình chết, mà còn phải bố thí, huống là nhiều hay sao? Người trí lại quán xét, thế gian nếu có người trì giới đa văn cho đến đạt được quả vị A La Hán, còn không thể nào ngăn cặhn được những nỗi đói khát khổ đau, hoặc nhà cửa-áo quần-ăn uống-giường chiếu-bệnh tật-thuốc thang, đều do nhân duyên đời trước không bố thí. Người phá giới nếu vui với hạnh bố thí, người này tuy rơi vào ngạ quỷ súc sanh, nhưng luôn được no đủ không hề thiếu thốn; tuy giàu có nhất bốn thiên hạ, thọ nhận vô lượng niềm vui, mà hãy còn không biết đầy đủ. Vì vậy cho nên Ta phải vì đạo Vô thượng mà thực hành bố thí, chứ không vì quả báo trời người. Tại vì sao? Bởi vì vô thường, bởi vì có giới hạn. Nếu người bố thí hoan hỷ không hối tiếc, thì gần gũi với người thiện, của cải tự nhiên tùy ý, sanh vào gia đình dòng dõi cao quý, cảm được niềm vui của trời người, đạt đến quả Vô thượng, có năng lực xa lìa tất cả phiền não ràng buộc muôn đời.

Nếu người bố thí luôn luôn tự tay mình bố thí, thì sanh vào gia đình dòng dõi cao quý gặp được thiện tri thức, có nhiều tiền của châu báu, quyến thuộc thành tựu tốt đẹp, luôn luôn sử dụng tự mình bố thí, tất cả chúng sinh vui mừng thích được gặp mặt, gặp rồi cung kính tôn trọng ngợi ca.”

Còn trong luận Đại Trượng Phu nói: “Nếu người nhiều tâm keo kiệt, thì tuy là bùn đất mà nặng hơn vàng ngọc. Nếu người nhiều tâm thương xót, thì cho dù bố thí vàng ngọc mà nhẹ tựa cỏ cây. Nếu người tâm nhiều keo kiệt, mất đi tiền của châu báu, thì tâm vô cùng phiền muộn. Nếu người thực hành bố thí, khiến cho người nhận vui sướng, thì tự mình cũng vui sướng. Giả sử có đồ ăn ngon, nếu không bố thí mà ăn một mình, thì không lấy làm ngon. Giả sử có đồ ăn dở mà thực hành bố thí, sau đó mới ăn thì trong tâm vui sướng cho rằng rất ngon. Nếu bố thí xong có thừa lại tự mình ăn uống, thì tâm của bậc trượng phu tốt lành sinh ra niềm vui thật sự, như đạt đến cảnh giới Niết bàn. Người không có tín tâm thì ai tin được lời này? Giả sử có đồ ăn dở, có người đói lả

ở trước mặt, hãy còn không thể nào bố thí cho họ, huống là những thứ ngon lành tuyệt diệu mà có thể cho người ta ư? Như người ở bên dòng nước lớn, hãy còn không thể nào lấy chút nước bố thí cho chúng sinh, huống là tài sản tốt đẹp nào khác, người này ở thế gian thì rác rưởi dễ dàng có được hơn là nước. Người tham lam keo kiệt nghe xin rác rưởi thì trong lòng hãy còn tiết rẻ, huống là tiền của đồ vật hay sao?

Như có hai người, một người rất giàu có, một người rất nghèo túng, có người ăn xin đến, hai người như vậy đều cảm thấy khổ não trong lòng. Người có tiền của đồ vật thì sợ người ta cầu xin, người không có tiền của đồ vật thì nghĩ rằng mình nên làm sao có được chút tiền của đồ vật giúp cho họ. Hai người như vậy ưu sầu khổ não tuy giống nhau, nhưng quả báo đều khác biệt. Người nghèo suy nghĩ thương xót thì sanh trong trời người nhận được vô lượng niềm vui, những giàu tham lam keo kiệt thì sanh trong ngạ quỷ nhận chịu vô lượng khổ đau. Nếu Bồ tát chỉ có tâm niệm thương xót, thì cũng đầy đủ, huống là giúp cho một ít đồ vật. Tâm Bồ tát thương xót nghĩ đến bố thí mà không có tiền bạc của cải, lúc thấy người cầu xin không đành lòng nói không có, thương xót đớn đau tuôn trào nước mắt. Giả sử nghe người ta khổ đau hãy còn không thể nào chịu đựng nổi, huống là mắt nhìn thấy người ta khổ não mà không cứu giúp, thì điều này không bao giờ có. Người có tâm thương xót thấy chúng sinh nghèo khổ, không có tiền của có thể giúp đỡ, đau buồn khổ sở than thở xót xa, không thể nào nói được. Người cứu giúp chúng sinh, thấy chúng sinh chịu khổ đau thì thương xót tuôn trào nước mắt, bởi vì tuôn trào nước mắt cho nên biết tâm người ấy xúc động. Bồ tát rơi nước mắt có ba tình cảnh: 1. Thấy người tu tạo công đức, bởi vì yêu quý cung kính cho nên rơi nước mắt; 2. Thấy chúng sinh khổ não không có công đức, bởi vì xót thương mà rơi nước mắt; 3. Lúc tu hạnh bố thí to lớn, buồn vui chan chứa mà rơi nước mắt. Nghĩ rằng Bồ tát rơi nước mắt từ xưa đến này nhiều hơn nước bốn biển lớn, chúng sinh thế gian xa lìa thân thuộc yêu thương xót xa đau đớn mà rơi nước mắt, không bằng lúc Bồ tát thấy chúng sinh nghèo khổ mà không có tiền của bố thí nên xót xa đau buồn tuôn trào nước mắt. Bồ tát nghe tiếng người cầu xin đã vì họ mà tuôn trào nước mắt, người cầu xin thấy Bồ tát rơi nước mắt, tuy không nói là giúp cho mà đang biết nhất định có được. Lúc Bồ tát thấy người cầu xin xuất hiện, trong tâm vô cùng xót xa khổ sở; lúc người cầu xin có được tiền của đồ vật, trong tâm vô cùng hoan hỷ diệt trừ được xót xa khổ sở. Lúc Bồ tát nghe người cầu xin mở miệng, thương xót khổ sở không thể nào tự ngan lại nổi; người cầu xin

nói đủ, lúc bấy giờ mới giảm bớt xót xa.

Bồ tát tu hành bố thí rồi, chúng sinh đã được đầy đủ, thì đi vào chốn núi rừng, tu hành thiền định, diệt trừ ba độc, tiền của đồ vật nhiều gấp bội, không có người cầu xin nhưng có thể bố thí. Nay mình xuất gia đoạn trừ các kiết sử, Bồ tát nguyện cứu độ các chúng sinh, những chúng sinh có mong cầu gì thì tất cả đều bố thí cho. Người có tâm thương xót, vì người khác cho nên Niết bàn hãy còn buông xả, huống hồ xả bỏ thân mạng tài sản thì có gì là khó khăn. Người xả bỏ tài sản đồ vật thì không bằng xả bỏ thân mạng, xả bỏ thân mạng thì không bằng buông xả Niết bàn. Niết bàn hãy còn buông xả, thì có gì không thể buông xả? Tâm thương xót cùng tận đáy lòng đạt đến tình thương tự tại, làm người cứu giúp thì Đại Bồ tát bố thí, cũng không có gì khó khăn. Tâm thương xót của bố thí đều thấy biết được thân phận của tất cả chúng sinh, tất cả đều là bệnh tật. Người không có hiểu biết, nhờ vào ba điều kiện cho nên biết thân có bệnh. Thế nào là ba điều kiện? Đó là ăn uống-áo quần-thuốc thang chính là tướng trạng của bệnh. Tâm thương xót của Bồ tát dùng ba điều kiện biểu hiện rõ ràng. Thế nào là ba điều kiện? Đó chính là tài thí-pháp thí và vô uý thí. Bồ tát làm niềm vui cho tất cả chúng sinh, vì diệt trừ đau khổ của tất cả chúng sinh, cho nên xả thân cứu giúp. Bồ tát không cần quả báo, mà nhìn quả báo như cỏ dại. Lòng thương xót bao la của Bồ tát làm thành các loại phương tiện, giống như bầu sữa ngọt ngào. Dùng máu bố thí cho người, dễ dàng hơn người thế gian lấy nước để bố thí. Như Bồ tát ngày xưa làm cho năm chỗ chảy máu mà bố thí các quỷ Dạ xoa, hoan hỷ nhảy lên không thể nào ví dụ được.”

***Thứ mười một:* Thí Phước.**

Như kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: “Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát tin tưởng vui với Đàn ba la mật thì có mười điều lợi ích. Những gì là mười điều? Đó là: 1. Làm cho phiền não keo kiệt phải hàng phục; 2. Tiếp tục tu tập tâm buông xả; 3. Cùng các chúng sinh có chung tài sản, thâu nhiếp giữ gìn kiên cố cho đến lúc diệt độ; 4. Sanh vào gia đình giàu có; 5. Ở nơi sinh ra tâm bố thí hiện rọ trước mắt; 6. Thường được bốn chúng yêu mến vui vẻ; 7. Ở giữa bốn chúng không luống cuống không sợ hãi; 8. Thanh danh tốt đẹp truyền đến khắp mọi nơi; 9. Tay chân mềm mại, bàn tay bàn chân đầy đặn bằng phẳng; 10. Cho đến đạo quả không xa rời bậc thiện tri thức.”

Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Người vui với hạnh bố thí có được năm loại danh lợi, đó là: 1. Thường được gần gủi với tất cả Hiền Thánh; 2. Tất cả chúng sinh đều tiếp xúc; 3.Vào giữa đại chúng thì mọi

người đều tôn kính; 4. Thanh danh tốt đẹp nổi tiếng khắp nơi; 5. Có năng lực làm nhân tuyệt diệu nhất cho Bồ đề."

Còn trong kinh Bồ Tát Thiện Giới nói: "đầy đủ ba loại ân huệ bố thí mới có thể thọ trì cấm giới của Bồ tát. Đó là: 1. Bố thí; 2. Bố thí vĩ đại; 3. Bố thí vô thượng. Thứ nhất là bố thí, đối với bốn thiên hạ hãy còn không tiếc rẻ gì, huống là đối với vật nhỏ nhoi, đó gọi là bố thí. Thứ hai là bố thí vĩ đại, ấy là có thể bố thí cả vợ con thân yêu. Thứ ba là bố thí vô thượng, đó là đầu mắt tủy não xương thịt máu mũ cũng hoan hỷ bố thí. Bồ tát đầy đủ ba loại bố thí như vậy, mới có đủ nhẫn nại để có thể giữ gìn cấm giới."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Nếu người đàn việt bố thí ban ân hằng ngày thì cảm được năm điều công đức. Những gì là năm đều? Đó là: 1. Bố thí mạng sống; 2. Bố thí sắc thân; 3. Bố thí sự an lành; Bố thí sức lực; 5. Bố thí sự biện giải. Bố thí mạng sống thì mong muốn cảm được thọ mạng lâu dài. Bố thí sắc thân thì mong muốn cảm được hình hài đoan chánh. Bố thí sự an lành thì mong muốn cảm được không có bệnh tật. Bố thí sức lực thì mong muốn cảm được không ai có năng lực hơn hẳn. Bố thí biện giải thì mong muốn cảm được biện tài chân chính vô thượng."

Còn trong luận Thập Trú Tỳ Bà Sa nói: "Bồ tát tại gia mà tham tiếc đồ vật, nếu có người ăn xin tha thiết đi theo cầu xin: Ông dùng vật này bố thí cho tôi, thì mau chóng được thành Phật. Bồ tát liền thuận theo tư duy rằng: Nếu bây giờ mình không buông xả vật này, thì vật này chắc chắn phải xa lìa mình, giả sử đến lúc chết không đi theo mình, thì vật này chính là tướng của sự xa lìa, nay vì phát tâm Bồ đề cho nên cần phải bố thí, sau lúc chết đi tâm không có gì hối hận, chắc chắn sanh đến chỗ tốt lành, thì cảm được lợi ích to lớn. Nếu như vẫn còn tham thì nên từ chối với người cầu xin rằng: Đừng sinh lòng sân hận, tôi phát tâm nên thiện căn chưa đầy đủ, đối với pháp lành của Bồ tát chưa có được thế mạnh, vì vậy chưa có thể bố thí cho vật này, sau nkhi có được thế mạnh, thiện căn kiên cố, sẽ đem bố thí cho nhau."

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu cúng dường Đức Phật rồi, sử dụng hay không sử dụng, thì quả báo đã xác định. Người cúng dường và Tăng, có hai loại phước: 1. Sinh ra thuận theo người sử dụng; 2. Sinh ra thuận theo người nhận. Tại vì sao? Bởi vì thí chủ cúng dường thì tự mình phá bỏ keo kiệt, người nhận sử dụng thì phá trừ keo kiệt của người ta, vì thế cho nên nói rằng: Phước thiện sinh ra thuận theo người sử dụng."

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 82

Thiên thứ 85: LỤC ĐỘ (Phần ba)

***Phần thứ hai:* TRÌ GIỚI**

Phần này có 3 mục tách biệt: Thuật ý, Khuyến trì, Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Trộm nghe rằng: Giới là Thầy của người, đạo-tục đều tôn trọng; tâm là chủ của nghiệp, phàm-Thánh cùng chế ngự. Bởi vì Tam bảo đã giúp cho Tứ sanh cùng có lợi, cho nên kinh nói: "Chánh pháp trụ-chánh pháp diệt." Ý nghĩa ở chỗ này vậy. Vì thế trì giới là đức, biểu hiện từ Đại Kinh; tánh thiện đáng kính, rõ ràng ở Đại Luận. Giới lại còn là mặt trăng-mặt trời, ví như viên ngọc quý báu, nghĩa giống như xoa hương, sự giống như tiếc nước, vượt qua biển mênh mông, gọi là thuyền vững chắc; sanh trưởng mầm của thiện, còn gọi là đất bằng. Vì vậy Bồ tát bẩm thọ mảy may không thiếu sót, La Hán hộ trì mảy may không sai phạm, thà chịu ôm khác mà chết chứ không uống nước có trùng, quả là có thể bị trói buộc mà không làm hại hoa cỏ. Sách xưa nói: "Lập thân hành đạo, nêu cao tên tuổi cho đời sau; ngôn hành trung tín, mọi việc đều rụt rè thận trọng." Há có thể phóng túng con ngựa trong tâm mà không chịu buộc hàm và dây cương ghìm lại, rong ruổi con khỉ trong ý mà cũng không có xích khóa để kềm chế lại; túi phao đã hỏng thì con đường phía trước mong mỏi vào đâu, bình đức đã vở thì nhân duyên tốt đẹp mãi mãi cắt đứt. Hoặc lại muốn tụ tập người ác làm bạn kết thành bè đảng hung dữ, tiếp tục kích động lẫn nhau gây ra đủ thứ tội lỗi, không còn hổ thẹn không biết nhục nhã, ngày càng thêm tệ chìm nổi không ngừng. Tựa như cây Đình Lịch-Ngả Khao thì cành lá đều đắng, quả cây Ha Lê khắp nơi không có vị ngọt. Từ nơi sáng sủa đi vào chỗ tối tăm không còn hạn kỳ ra khỏi, kiếp số đã xa xăm mà đau thương khó chịu nổi. Ngay sau đó vạc sôi lao thẳng đến nóng bỏng sôi sục ngút trời lò than đỏ rừng rực tiếng nổ tung toé mặt đất, nước đồng nóng chảy rót

vào miệng thì ruột gan tan nát, cột đồng ngùn ngụt áp vào thân thì thịt xương rời rã, quằn quại kêu la sao có thể nói hết. Những khổ đau như vậy thật sự là do hủy phạm giới cấm.

Thứ hai: **Khuyến Trì.**

Như luận Đại Trang Nghiêm nói: "Nếu có thể chí tâm trì giới cho đến lúc kết thúc mạng sống thì cảm được quả báo hiện tại. Xưa tôi từng nghe: Trong thành Nan Đề Bạt Đề có Ưu bà tắc, cả hai anh em cùng thọ trì năm giới. Người em vào lúc bấy giờ bất ngờ mắc bệnh sườn vô cùng đau đớn, khí lực sắp muốn chấm dứt. Lúc ấy thầy thuốc nói cho biết rằng: Ăn thịt chó mới làm, và dùng rượu để uống thì căn bệnh chắc chắn trừ khỏi. Người bệnh thưa rằng: Thịt chó thì có thể đến chợ mua về ăn, còn chuyện uống rượu thì nguyện xả bỏ thân mạng, chứ dứt khoát không phạm giới mà uống rượu lành bệnh.

Người anh thấy em thật là nguy cấp khốn khổ, mang rượuđến nói với người em: Hãy xả giới mà uống rượu, để chữa lành căn bệnh. Người em thưa với anh rằng: Em tuy là bệnh nguy cấp, nhưng nguyện xả bỏ thân mạng của mình, chứ dứt khoát không phạm giới mà uống rượu này. Liền nói kệ rằng:

Quái lạ thay sắp sửa mạng chung,
Phá bỏ giới quý báu của mình,
Dùng giới trang nghiêm cho thân thể,
Không cần khâm liệm những vật gì.
Thân người đã khó mà có được,
Gặp được giới lại càng khó hơn,
Nguyện xả bỏ trăm ngàn thân mạng,
Không thể nào phá hủy cấm giới.
Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp,
Lúc ấy mới gặp được giới pháp,
Ở trong thế giới Diêm Phù này,
Thân người rất khó mà có được,
Cho dù lại có được thân người,
Gặp được chánh pháp khó bội phần,
Lúc đã gặp được pháp qúy báu,
Mà người ngu không biết giữ lấy,
Người khéo léo có thể phân biệt,
Điều này cũng lại rất khó khăn.
Giới qúy báu nằm trong aty tôi,
Tại sao lại muốn làm mất đi,

Đây chính là người luôn oán ghét,
Không phải là thân thích của tôi.

Người anh nghe vậy rồi, trả lời em mình rằng: Bởi vì anh là thân thích cho nên không làm trở ngại cho em. Người em thưa với anh rnằg: Không phải là thân thích yêu thương mà chính là người làm cho hư hoại. Liền nói kệ rằng:

Tôi sắp đi đến nơi tốt đẹp,
Làm hỏng giới khiến cho rơi ngã,
Bởi giới pháp chính là như vậy,
Sao gọi là thân thích yêu thương?
Tôi chịu khó rèn luyện giới căn,
Mà mong trong thấy bị cướp đoạt,
Trong năm giới cấm đã thọ trì,
Giới rượu là giới quan trọng nhất,
Nay muốn bắt ép tôi phá hủy,
Không thể nào gọi là người thân.

Người anh hỏi em rằng: Tại sao lấy rượu làm giới căn bản vậy? người em liền nói kệ mà trả lời anh rằng:

Nếu như ở trong các giới cấm,
Không dốc lòng luôn luôn hộ trì,
Thì làm xa cách tâm Đại Bi,
Đầu ngọn cỏ có một giọt rượu,
Hãy còn không dám tiếp xúc thử,
Vì vậy cho nên tôi biết rõ,
Rượu là nhân đưa đến đường ác,
Trong kinh luật của hàng tại gia,
Nói về quả báo xấu của rượu,
Chỉ riêng Phật có thể phân biệt,
Ai có năng lực suy lường được,
Đức Phật nói về thân khẩu ý,
Việc làm xấu ác của ba nghiệp,
Chỉ do rượu làm thành căn bản,
Lại rơi vào trong việc làm ác,
Xưa kia có người Ưu bà di,
Bởi vì nhân duyên phạm vào rượu,
Liền phá hỏng bốn giới còn lại,
Đây gọi là bao việc làm ác,
Do rượu làm nguồn gốc phóng dật.

Không uống rượu đường ác đóng lại,
Có thể đạt đến tâm tin vui,
Bỏ keo kiệt luôn luôn bố thí,
Thủ đà la nghe Đức Phật dạy,
Có thể đạt được nhiều lợi ích,
Tôi cũng không có ý sai khác,
Mà người muốn phá hủy vi phạm,
Nói sơ lược như vậy để biết.
Thà rằng bỏ thân thể khô kiệt,
Chứ dứt khoát không uống rượu này.
Giả sử phá hỏng phạm vào giới,
Thọ mạng dài lâu trăm ngàn năm,
Không bằng bảo vệ được giới cấm,
Mà thân mạng lập tức hủy diệt.
Quyết định có thể khiến lành bệnh,
Tôi vẫn còn cố tình không uống,
Huống hồ nay không biết chắc chắn,
Là lành bệnh hay không lành bệnh?
Dấy lên tâm quyết định như vậy,
Tâm sinh ra hoan hỷ vô cùng,
Lập tức trừ được thấy rõ chân đế,
Căn bệnh vốn có được tiêu trừ.”

Nghĩ rằng người Đại trí chán đời mà tu đạo, tuy trì giới đầy đủ, nhưng bên trong chứa đầy định tuệ; không hiện rõ ra tướng trì giới, mà bên trong nói là có đức hạnh chân thật. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Như thế nào là giới xa lìa tà mạng? Đó là Bồ tát không dấy lên tướng trì giới thanh tịnh muốn làm cho người khác biết, bên trong không có đức hạnh chân thật mà hiện bày ra tướng đức hạnh chân thật, chỉ trì giới thah tịnh luôn luôn cầu pháp, đến cuối cùng là Tát bà nhã. Như thế nào là giới không khởi ác niệm? Đó là Bồ tát không tự cho mình là cao quý, nói là mình trì giới, thấy người phạm giới cũng không đến nỗi quở trách khiến cho họ buồn lo khổ sở, chỉ một lòng trì giới thanh tịnh, quả tốt đẹp có thể cảm được chứ không cần phải nghi hoặc.”

Còn trong kinh Bồ Tát Tạng nói: “Này Xá Lợi Tử! Bồ tát Ma ha tát thực hành Thi la ba la mật đa, cho nên đạt được mười loại Thi la thanh tịnh, ông nên biết điều ấy. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Đối với các chúng sinh không hề làm cho tổn hại; 2. Đối với tài sản vật dụng của người khác không làm điều trộm cướp sai trái; 3. Đối với vợ

con người ta lìa xa những tập khí nhiễm ô; 4. Đối với các chúng sinh không dấy lên ý niệm lừa dối; 5. Hòa hợp với quyến thuộc không có trái ngược chia lìa; 6. Đối với các chúng sinh không dấy lên lời nói thô lỗ, do có năng lực có thể nhận chịu lời nói xấu xa của họ; 7. Lìa xa lời nói thêm bớt, hễ có nói gì thì nói rất chính xác trung thực; 8. Lìa xa mọi điều tham đắm, đối với sự thọ dụng củang vốn không có gì của mình; 9. Xa lìa nóng giận, khéo léo có thể nhận chịu những lời thô lỗ làm nhục; 10. Xa lìa cách nhìn tà vạy, bởi vì không tôn thờ các hàng Thiên-Tiên và quỷ thần nào khác."

Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Thứ hai là thọ trì mười thiện nghiệp giới, có năm điều lợi ích: 1. Có thể kềm chế ác hạnh; 2. Có thể phát sinh thiện tâm; 3. Có thể ngăn chặn phiền não; 4. Thành tựu thanh tịnh; 5. Giới luôn luôn lớn mạnh.

Nếu người khéo léo tu hạnh không phóng dật, thì tám vạn bốn ngàn vô lượng giới phẩm, tất cả đều ở trong mười thiện giới."

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát có năng lực trì giới thanh tịnh thì phát sinh mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là:1. Đầy đủ tất cả trí; 2. Như Phật đã học mà học; 3. Người trí không hủy phạm; 4. Không lui sụt thệ nguyện; 5.An trú đốivới công hạnh; 6. Vất bỏ sanh tử; 7. Ưa thích Niết bàn; 8. đạt được tâm không còn ràng buộc; 9. Đạt được Tam muội tốt đẹp; 10. Không thiếu tài sản niềm tin.

Còn trong kinh Lục độ Tập nói: "lại có bốn loại trì giới đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Trì giới thường xuyên diễn thuyết giáo pháp; 2. Trì giới thường xuyên chịu khó cầu mong giáo pháp; 3.Trì giới đúng đắn phân biệt rõ ràng các pháp; 4. Trì giới hồi hướng quả vị Bồ đề."

***Thứ ba*: Dẫn Chứng.**

Như luận Đại Trang Nghiêm nói: "Xưa tôi từng nghe: Có các Tỳ kheo cùng với các khách buôn đi vào biển thu thập châu báu. Đã đến giữa biển thì tàu thuyền bị hư hỏng, lúc bấy giờ một Tỳ kheo trẻ tuổi, nắm được một tấm ván, Tỳ kheo lớn tuổi không nắm được tấm ván, sắp chìm giữa dòng nước. Lúc ấy Tỳ kheo lớn tuổi lo sợ hốt hoảng, sợ rằng sẽ bị dòng nước cuốn trôi, nói với Tỳ kheo trẻ tuổi rằng: Lẽ nào ông không nhớ giới luật mà Đức Phật đã chế định, nên tôn trọng hàng Thượng tọa, ông có được tấm ván nên lấy đưa cho tôi. Lúc bấy giờ Tỳ kheo trẻ tuổi liền tự tư duy; Như Lai Thế Tôn thật sự có dạy như thế, có những gì lợi ích yên lành nên trước tiên nhường cho người lớn tuổi. Lại

dấy lên nghĩ rằng: nếu như mình lấy tấm ván đưa cho Thượng tọa thì mình chắc chắn chìm trong dòng nước, tai họa giữa biển khơi dập dờn sóng nước, thật là sâu rộng mênh mông, giờ đây mạng sống của mình sẽ không giữ được, vả lại mình trẻ tuổi mới bắt đầu xuất gia chưa đạt được đạo quả, vì vậy làm cho buồn rầu, nay mình xả thân để cứu giúp Thượng tọa, chính là lúc này. Dấy lên ý nghĩ này rồi bèn nói kệ rằng:

Tôi vì tự mình khiến cứu giúp,
Là thuận theo lời Đức Phật dạy,
Quy tụ vô lượng các công đức,
Tên gọi tốt đẹp khắp mười phương.
Thân mạng thật hèn mọn thấp kém,
Tại sao làm trái với Thánh giáo,
Nay tôi thọ giới cấm của Phật,
Đến chết phải kiên quyết giữ gìn.
Bởi vì thuận theo lời Phật dạy,
Biếu tấm ván để lại thân mạng,
Nếu không phải là việc khó khăn,
Cuối cùng không nhận được quả khó.
Nếu tôi giữ lấy tấm ván này,
Chắc chắn vượt qua nạn biển khơi,
Nếu như không thuận theo Thánh chỉ,
Thì sẽ chìm trong biển sinh tử.
Nay tôi chìm chết trong dòngnước,
Tuy chết mà còn tên gọi tốt,
Nếu bỏ mất lời dạy của Phật,
Thì mất đi lợi ích trời-người,
Cùng với cảnh giới Đại Niết bàn,
Là niềm vui bậc nhất vô thượng.

Nói kệ này xong, liền thả tấm ván đưa cho Thượng tọa. Đã trao tấm ván rồi, lúc ấy thần biển cảm động trước lòng chân thành sâu sắc, liền đón lấy Tỳ kheo trẻ tuổi đặt ở trên bờ. Thân biển chắp tay thưa với Tỳ kheo rằng: Nay tôi quy y người kiên quyết trì giới, nay ông gặp phải sự cố nguy hiểm khó khăn này, mà có thể giữ gìn giới pháp của Phật. Thần biển nói kệ báo cho biết rằng:

Ông thật sự là một Tỳ kheo,
Thật sự là người hành khổ hạnh,
Tên gọi của ông là Sa môn,
Ông thật xứng với tên gọi ấy.

Bởi vì lực công đức của ông,
Chúng bạn và tài sản quý báu,
Được tránh khỏi tai nạn biển khơi,
Tất cả yên ổn thoát ra được.
Ông nói lời thệ nguyện kiên cố,
Cung kính thuận theo lời pháp dạy,
Ông là người vô cùng tốt đẹp,
Có thể trừ bỏ mọi hoạn nạn.
Nay tôi phải nói như thế nào,
Mà không ủng hộ nhiều hơn nữa,
Thấy chân lý luôn luôn trì giới,
Việc này không lấy làm khó khăn.
Phàm phu không phá hủy cấm giới,
Đây mới gọi là điều hiếm có,
Tỳ kheo ở cảnh giới yên ổn,
Thanh tịnh tự mình luôn cẩn thận.
Có thể không hủy phạm cấm giới,
Đây cũng chưa lấy làm khó khăn,
Chưa đạt được dấu tích của đạo,
Ở nơi chốn vô cùng sợ hãi,
Bỏ tính mạng yêu quý của mình,
Hộ trì giới pháp Phật đã dạy,
Khó làm mà có thể làm được,
Đây thật sự là hiếm có nhất.”

Lại trong luận nói: “Xưa tôi từng nghe: Có một Tỳ kheo, theo thứ tự khất thực, đến nhà người thợ xâu chuỗi ngọc đứng ở ngoài cổng. Lúc ấy người thợ làm ngọc châu kia đang xâu chuỗi ngọc ma ni cho Quốc Vương, Tỳ kheo mặc y đỏ đi đến chiếu vào ngọc châu ấy làm cho ngọc châu có màu sắc đỏ hồng. Người thợ xâu chuỗi ngọc ấy, liền đi vào nhà lấy cơm cho Tỳ kheo. Lúc ấy có một con ngỗng thấy ngọc châu màu đỏ, hình dạng giống như miếng thịt, liền nuốt chửng viên ngọc. Người thợ xâu chuỗi ngọc mang cơm để bố thí Tỳ kheo, lát sau tìm viên ngọc không biết nằm ở đâu. Viên ngọc này giá trị rất đắt, người thợ xâu chuỗi ngọc nghèo khó vội vàng nói với Tỳ kheo rằng: Có thấy viên ngọc của tôi chăng? Tỳ kheo sợ rằng sẽ giết con ngỗng mà lấy viên ngọc, nên tìm cách tránh được tai họa ấy, liền nói kệ rằng:

Nay tôi giữ mạng sống người khác,
Thân phận chịu khổ não vô cùng,

Lại không có phương tiện nào khác,
Chỉ dùng tính mạng thay điều ấy.
Nếu nói người khác lấy mang đi,
Lời này lại không thể thích hợp,
Nói tự mình có thể không sai,
Không nên gây ra lời giả dối.
Nay tôi xả bỏ thân mạng này,
Là vì mạng sống con ngỗng ấy,
Vốn là duyên tôi giữ gìn giới,
Nhân đó có thể thành giải thoát.

Lúc bấy giờ người thợ xâu chuỗi ngọc tuy nghe kệ này, nhưng nói với Tỳ kheo rằng: Nếu không thấy trả lại thì ông chỉ có nậhn chịu khổ đau, dứt khoát không bỏ qua cho nhau được. Tỳ kheo liền nhìn về bốn phía không nơi nào có thể cậy nhờ, như hươu vào vòng vây không biết hướng về nơi nào, Tỳ kheo không có ai cứu giúp cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ Tỳ kheo liền tự mình thu thân hình lại và sửa sang y phục nghiêm trang. Người thợ ấy nói với Tỳ kheo rằng: nay ông cùng với tôi đánh nhau chăng? Tỳ kheo đáp rằng: Không cùng với ông đánh nhau đâu, tội tự mình cùng với kiết sử đánh nhau. Lại nói kệ rằng:

Lúc tôi xả bỏ thân mạng này,
Rơi xuống đất giống như củi khô,
Nên khiến cho người nói tốt đẹp,
Vì con ngỗng có thể xả thân.
Cũng khiến cho người ở đời sau,
Đều sinh ra buồn lo khổ não,
Mà xả bỏ như thân mạng này,
Người nghe khuyến khích nhau tinh tiến.
Tu hành hướng về đạo chân thật,
Kiên quyết giữ gìn những giới cấm,
Có ai đã hủy phạm giới cấm,
Nguyện vui lòng đối với trì giới.

Lúc ấy người thợ xâu chuỗi ngọc liền tiến hành đánh bằng gậy, bởi vì hai tay và đầu kẹp lại đều bị trói chặt, quay nhìn bốn phía không biết nói cùng ai, bèn dấy lên nghĩ rằng: Sinh tử nhận chịu đau khổ đều phải như vậy. Lại nói kệ rằng:

Tôi ở trong đời kiếp quá khứ,
Dâm dục-trộm cắp bỏ thân mạng,
Như vậy không thể nào tính kể,

Hươu dê và các loài súc vật,
Bỏ thân mạng không thể kể hết,
Lúc ấy chịu khổ không được gì,
Vì giới mà xả bỏ thân mạng,
Hơn hẳn đối với phá cấm giới.
Giả sử muốn tự mình ủng hộ,
Có thể đi đến nơi hủy diệt,
Không bằng vì giữ gìn giới cấm,
Để bảo vệ thân mạng của người.
Xả bỏ thân mạng mong manh này,
Để giữ lấy mạng căn giải thoát,
Tội mặc vào chiếc y hoại sắc,
Khất thực để duy trì sự nghiệp.
Cư trú ở dưới tán cây xanh,
Bởi vì những nhân duyên thế nào,
Mà phải làm hạng người trộm cắp,
Ông nên tự mình khéo quán sát!

Lúc bấy giờ người thợ xâu chuỗi ngọc nói với Tỳ kheo rằng: Cần gì phải nhiều lời! Liền trói buộc thêm nữa, lại đánh đập nhiều hơn, dùng dây thừng xiết chặt tai mắt mũi miệng mọi nơi đều chảy máu. Lúc ấy con ngỗng kia liền đến ăn máu, người thợ xâu chuỗi giận giữ đánh con ngỗng chết tươi. Tỳ kheo hỏi rằng: Con ngỗng này sống hay chết? Người thợ xâu chuỗi ngọc đáp rằng: Con ngỗng nay sống hay chết, đâu đủ để hỏi nguyên nhân! Lúc ấy Tỳ kheo kia liền hướng về nơi con ngỗng, thấy con ngỗng đã dhết mà rơi nước mắt không vui. Liền hướng về cong ngỗng nói kệ rằng:

Tôi nhận chịu những nỗi khổ não,
Mong cho con ngỗng này được sống,
Nay mạng sống tôi chưa chấm dứt,
Cong ngỗng chết ở trước mắt tôi.
Tôi mong bảo vệ mạng của ông,
Nhận chịu khổ đau cùng cực này,
Ý gì ông đã vội chết trước,
Quả báo của tôi không thành tựu,?

Người thợ xâu chuỗi ngọc hỏi Tỳ kheo rằng: Cong ngỗng này đối với ông cuối cùng là thân thuộc thế nào mà lại ưu sầu khổ não đến mức như vậy? Tỳ kheo đáp rằng: Không thỏa mãn tâm nguyện của tôi cho nên không vui. Người thợ xâu chuỗi ngọc hỏi rằng: Muốn thực hiện tâm

nguyện gì? Tỳ kheo dùng kệ đáp rằng:

Bồ tát ở thời kiếp xưa kia,
Xả thân để cứu chim bồ câu,
Tôi cũng dấy lên ý như vậy,
Bỏ mạng muốn thế cho con ngỗng.
Tôi đạt được tâm tốt đẹ nhất,
Muốn bảo vệ mạng con ngỗng này,
Tồn tại lâu dài thường yên vui,
Bởi vì ông giết chết con ngỗng,
Cho nên tâm nguyện không thỏa mãn.

Lúc bấy giờ Tỳ kheo lại nói đầy đủ sự việc rồi, người thợ xâu chuỗi ngọc lập tức mỗ bụng con ngỗng mà trở lại tìm được viên ngọc. Đã trông thấy viên ngọc tồi lại cất tiếng gào khóc, nói với Tỳ kheo rằng: Ông bảo vệ mạng sống con ngỗng không tiếc gì thân mạng, khiến cho tôi tạo ra điều phi pháp như vậy. Liền nói kệ rằng:

Ông cất giấu việc làm công đức,
Giống như bụi tro che ngọn lửa,
Bởi vì tôi ngu dốt si mê,
Cho nên đốt cháy mấy trăm thân.
Ông đối với Phật nêu rõ tướng,
Đạt tới điểm cao thật tương xứng,
Bởi vì tôi ngu dốt si mê,
Không có thể khéo léo quán sát.
Bị lửa ngu si đã thiêu đốt,
Nguyện trước mắt tạm thời dừng lại,
Lắng nghe tôi sám hối đôi lời,
Giống như người trượt chân ngã nhào.
Dựa vào đất cũng được đứng lên,
Nam mô bậc tu hành thanh tịnh,
Nam mô bậc kiên quyết trì giới,
Gặp phải khổ nạn cùng cực này.
Không làm hủy hoại thiếu công hạnh,
Không gặp phải việc ác như vậy,
Trì giới không phải là hiếm có,
Cần phải nhận chịu nỗi khổ này.
Người có năng lực trì cấm giới,
Như vậy thì gọi là khó khăn,
Vì con ngỗng tự thân chịu khổ,

Không hủy phạm đối với giới cấm.
Sự việc này quả thật khó có,
Lời sám hối đã kết thcú rồi,
Liền thả cho Tỳ kheo trở về.”

Còn trong luận Đại Trang Nghiêm nói: “Có các Tỳ kheo, đi giữa đồng hoang trống trải, bị bọn giặc đánh cướp, lột hết áo quần. Lúc ấy đám giặc cướp này sợ các Tỳ kheo đi đến nói cho người trong thôn xóm biết, tất cả sẽ bị giết chết. Trong đám giặc cướp có một người trước kia từng xuất gia, nói với đồng bọn rằng: Tại sao bây giờ muốn giết chết tất cả, pháp của Tỳ kheo không được làm hại cỏ cây, nay lấy dây cỏ trói các Tỳ kheo, họ sợ làm hại cho nên cuối cùng không thể nào chạy đến bốn phía mà tố cáo được. Bọn giặc liền dùng dây cỏ mà trói buộc nạn nhân bỏ lại đó mà đi. Các Tỳ kheo đã bị dây cỏ trói buộc, sợ rằng phạm vào giới cấm không được kéo dứt, thân thể không còn áo quần bị mặt trời thiêu đốt, ruồi muỗi sâu kiến bu lại cắn chích, từ sáng sớm bị trói cho đến chiều tối. Chuyển sang lúc mặt trời lặn thì tối tăm mù mịt, cầm thú đi đêm chạy qua chạy lại gầm gừ dữ tợn, thật đáng kinh sợ. Có Tỳ kheo lớn tuổi nói với các Tỳ kheo nhỏ tuổi, dùng kệ khuyên nhắc rằng:

Nếu như người nào có trí tuệ,
Có thể kiên quyết giữ giới cấm,
Cần cảnh giới trời người Niết bàn,
Xứng ý mà đạt được mong cầu.
Tên gọi khắp nơi đều nghe biết,
Tất cả đều cung kính cúng dường,
Chắc chắn được niềm vui trời người,
Cũng đạt được quả vị giải thoát.
Xưa có Long Vương Y La Bát,
Bởi vì đã hủy phạm cấm giới,
Làm tổn thương lá cây Y La,
Mạng chung sanh vào trong loài rồng.
Chư Phật đều không thể thọ ký,
Lúc kẻ ấy được thoát loài rồng,
Luôn luôn kiên quyết giữ giới cấm,
Việc này thật là rất khó khăn.
Tướng của giới thật sự rất nhiều,
Phân biệt rõ ràng rất khó,
Như rừng gươm gai gốc rậm rịt,

Vào trong đó tổn hại biết bao.
Ngu si hèn yếu không chịu nổi,
Hộ trì cấm giới cũng như vậy.

Các Tỳ kheo này bị nỗi khốn khổ bức bách, không thể nào co duỗi và cử động được, sợ rằng làm hại mạng sống cỏ cây, chỉ nên giữ giới cấm đến chết không phạm, liền nói kệ rằng:

Chúng tôi từ xưa kia đến nay,
Tạo ra nhiều nghiệp chướng xấu xa,
Hoặc được sanh vào giữa loài người,
Trộm cắp-dâm với vợ người ta,
Gặp luật pháp xử phạt tội chết,
Tính ra không thể nào kể hết,
Lại nhận chịu khổ đau địa ngục,
Như vậy cũng khó mà tính kể.
Hoặc nhận chịu thân hình súc sanh,
Bò ngựa trâu dê gà heo chó,
Hươu nai cùng các loài cầm thú,
Bị người ta giết hại tan thân,
Thân mạng mất đi không kể xiết,
Chưa từng có mảy may lợi ích.
Chúng tôi quay về từ hôm nay,
Vốn là vì giữ gìn Thánh giới,
Xả bỏ thân mạng be 1nhỏ này,
Chắc chắn được lợi ích to lớn.
Chúng tôi nay gặp phải nguy ách,
Thế nào cũng xả bỏ thân mạng,
Nếu thích hợp sau khi mạng chung,
Sanh cõi trời hưởng được vui sướng.
Nếu phá hủy phạm vào giới cấm,
Hiện tại tiếng xấu ác vang xa,
Bị mọi người coi khinh ghét bỏ,
Mạng chung rơi vào đường ác hiểm.
Nay đang cùng nhau lập lời thề,
Ở tại nơi này đến mất mạng,
Giả sử ánh sáng mặt trời ấy,
Thiêu đốt cháy khô thân mạng mình,
Chúng tôi cần phải giữ Phật giới,
Dứt khoát không để cho hủy phạm.

Giả sử gặp những loài ác thú,
Vồ xé tay chân thể mình,
Dứt khoát không dám để hủy phạm,
Giới cấm của sư tử họ Thích,
Chúng tôi thà giữ giới mà chết,
Không bằng lòng phạm giới mà sống!

Các Tỳ kheo cùng nghe Tỳ kheo lớn tuổi nói kệ này rồi, đều giữ thẳng thân mình không cử động nhúc nhích, ví như cây lớn trong lúc không có gió thì cành lá không hề lay động. Lúc ấy Quốc Vương kia gặp dịp ra ngoài săn bắn, dần dần đi qua mọi nơi đến chỗ các Tỳ kheo bị trói. Nhà vua từ xa trông thấy nên tâm sinh ra nghi hoặc, nói đó là những kẻ Ni Kiền Tử tu hạnh lõa thể, liền sai người đến xem thử thế nào. Các Tỳ kheo đều hết sức xấu hổ, tìm cách che đậy thân thể, khiến cho người của vua biết đích xác là Sa môn Thích tử. Vì sao biết được? Bởi vì vai bên phải đen sạm. Liền trở lại trình bày rằng: thưa Đại Vương! Họ là Sa môn, không phải là Ni Kiền Tử. Liền nói kệ rằng:

Đại Vương nay cần phải biết rằng:
Họ là những người bị giặc cướp,
Xấu hổ vì dây cỏ trói thâna
Như móc sắt kềm chế voi lớn.

Lúc ấy Đại Vương nghe chuyện này rồi, hết sức nghi ngờ cảm thấy quái lạ, lặng lẽ dấy lên nghĩ rằng: nay ta nên đến nơi các Tỳ kheo kia. Dấy lên suy nghĩ vậy rồi, liền nói kệ rằng:

Cỏ xanh dùng để trói tay chân,
Giống như đôi cánh chim Anh Vũ,
Lại như con dê cúng trời đất,
Không cử động cũng không nhúc nhích.
Tuy biết rằng ở nơi hiểm nạn,
Mà lặng lẽ không hại cỏ cây,
Như rừng bị ngọn lửa đốt cháy,
Trâu đen vì chiếc đuôi mà chết.

Nói kệ này xong, đi đến chỗ ấy, dùng kệ hỏi rằng:

Thân thể rất mạnh khỏe trẻ trưng,
Không bệnh tật tựa như có sức,
Bởi vì nhân duyên như thế nào,
Dây cỏ trói không hề nhúc nhích?
Các ông lẽ nào không tự biết,
Thân mình có sức lực hay sao?

Bị bùa chú làm cho mê hoặc,
Hay là thực hành khổ hạnh chăng?
Hay tự mình chán ngán thân này,
Nguyện mau chóng nói rõ ý mình!

Ngay sau đó các Tỳ kheo, dùng kệ trả lời nhà vua rằng:

Bởi vì giữ gìn các giới cấm,
Không dám kéo làm cho dứt đoạn,
Đức Phật dạy các loại cỏ cây,
Đều là nơi ở của quỷ thần.
Chúng tôi không dám trái lời dạy,
Vì vậy không thể nào cắt đứt,
Giống như trong nơi chốn cầu nguyện,
Vẽ rắn làm thành những cảnh giới,
Bởi vì năng lực của thần chú,
Mà rắn độc không dám vượt qua,
Đức Mâu Ni vẽ ra cảnh giới,
Chúng tôi không dám vượt qua được,
Chúng tôi tuy giữ gìn thân mạng,
Nhưng biết rằng thuộc về hủy diệt,
Nguyện cầu vì trì giới mà chết,
Dứt khoát không phạm giới mà sống.
Có đức cùng với không có đức,
Đều xả bỏ thọ mạng như nhau,
Có đức sẽ giữ lại tuệ mạng,
Cũng mất luôn danh dự của mình,
Chúng tôi đều là những Sa môn,
Lấy trì giới làm thành sức mạnh.
Đối với giới là ruộng tốt lành,
Luôn luôn sinh ra mọi công đức,
Là bậc thang sanh lên cõi trời,
Là hạt giống danh tiếng tuyệt vời,
Là bến bờ đạt đến Thánh quả,
Là đầu và mắt những lợi ích,
Người nào có được trí tuệ ấy,
Muốn làm hỏng bình đức của giới?

Lúc bấy giờ Quốc Vương nghe nói kệ xong, tâm vô cùng hoan hỷ, liền giúp các Tỳ kheo cởi dây cỏ trói buộc thân thể, mà nói kệ rằng:

Lành thay người kiên quyết giữ gìn,

Giới pháp của sư tử họ Thích,
Thà xả bỏ thân mạng của mình,
Bảo vệ pháp không làm hủy phạm.
Nay ta cũng quay về vâng mạng,
Đại pháp biểu hiện rõ như vậy,
Quy y lìa xa mọi nhiệt não,
Đức mâu Ni giải thoát tuyệt vời,
Người kiên quyết giữ gìn cấm giới,
Nay Ta cũng quay về vâng mạng.”

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra hai chuyện: Sa môn Thích Pháp Thông thời nhà Lương; Sa môn Thích Pháp Cung thời nhà Tùy.

1. Thời Hậu Lương có Sa môn Thích Pháp Thông ở chùa Cảnh Không phía Nam vùng Tương Dương, là người vùng Tân Được- Nam Dương, thông minh chính trực tuyệt vời, tánh tình trong sáng như ngọc, rau lá đều thỏa mãn không mong cầu cơm nước gì thêm. Bởi vì đến suối Bạch mã ở núi Tản Cái vùng Tương Dương, làm thất vuông vức mỗi bề một trượng, dùng làm chỗ ở cho tâm nghĩ ngơi, đi vào hai hang núi bố trí căn nhà vắng vẻ thâm u. Nay người đến núi hãy còn nhận biết nền cũ của căn nhà.

Đầu thời nhà Lương, Tấn An Vương theo tin đồn đến hỏi, sắp đến thiền thất ngựa cưỡi đi theo nhau, vô cớ rút lui, Vương xấu hổ mà quay về. Đêm cảm thấy ác mộng. Sau lại tiếp tục đến, ngựa rút lui như cũ. Vương bèn trai tịnh dốc lòng tự mình cung kính, mới có thể tiến hành gặp gỡ. Ban đầu đến bên chùa, chỉ nhìn thấy cả hang núi toàn là lửa dữ, đứng nhìn rất lâu bỗng nhiên biến thành nước, dừng lại một lát ngước nhìn, lúc ấy nước không còn mà căn nhà hiện rõ ra, đem sự việc hỏi han thế nào, mới biết lúc bấy giờ nhập trong định Thủy-Hỏa. Trong căn nhà ở hai bên giường dây nơi chỗ ngồi, mỗi bên có một con hổ. Vương không dám đi vào, Pháp Thông bèn đưa tay ấn đầu xuống sát đất, bịt hai mắt lại rồi gọi Vương khiến tiến lên, mới có thể tiến hành lễ lạy. Nhân đó bày tỏ ở trong khu vực có nhiều hổ dữ gây ra tai họa, thỉnh cầu Pháp Thông cứu giúp. Pháp Thông liền nhập định, chốc lát có mười bảy con hổ to lớn đi đến thì cho thọ tam quy y giới, ra lệnh đừng xâm phạm bừa bãi đến dân chúng. Lại lệnh cho đệ tử, lấy vải buộc vào cổ các con hổ, đủ bảy ngày rồi hãy đến chỗ này. Vương đến ngày hẹn thiết trai quy tụ mọi người, những con hổ cũng đến, liền cho ăn uống rồi cởi tấm vải, thế là không còn làm hại. Ngày đó dẫn Vương đến suối Bạch

Mã, trong suối có con rùa trắng, đến lấy thức ăn trong tay Pháp Thông, Pháp Thông nói với Vương rằng: Đây là con rồng đực. Lại đến dòng suối Linh. Có con cá chép năm màu, cũng đến ăn trong tay, nói đây là con rồng cái. Vương cùng các quan tấm tắc ca ngợi sự việc ấy, bố thí rất nhiều rồi mới trở về. Có mấy chục người tùy tùng khỏe mạnh rất hung dữ, đến đêm muốn cướp lấy đồ vật đã bố thí, gặp phải hổ gầm gừ ngăn chặn đường đi, lại trông thấy người to lớn đứng dựa vào thiền thất, bên cạnh có cây tùng cao chỉ đến đầ gối, cầm chày Kim cang sắp có sự canh giữ, suốt đem quanh quẩn đến trưa mời trở về. Vương cảm thấy quái lạ về điều ấy mới đem sự việc thú tội. Tức thì dâng biểu tâu bày những điều thấy nghe.

Lúc đầu Pháp Thông ở thiền đường, thường có con hươu trắng-con chim tước trắng thuần phục ở lại bên cạnh. Đi đến mọi nơi lấy Từ Bi cứu giúp làm trước tiên. Nhân thấy người làm nghề giết mổ đuổi hơn một trăm con heo, Pháp Thông ba lần nói rằng: Giải thoát Thủ Lăng Nghiêm. Bầy heo liền đứt dây chạy tản ra. Những người giết mổ rất tức giận, vì sự việc mà muốn ra tay, nhưng đều đứng sừng sững không nhúc nhích. Liền quay lại hối hận về sai lầm của mình, nhờ đó đoạn tuyệt nghiệp giết hại. Lại ở vùng Hán Thủy gặp người đánh cá kéolưới, như trước nói to ba lần, kéo lưới không được, mới quy tâm kính phục mang lưới không cầu mưa, người đi cầu thỉnh trở về thì trời trút mưa lớn, ao hồ đều tràn đầy. Sau qua đời tại chùa Thiên Cung ở giang Lăng, tức là vào niên hiệu Lương Thái Sơ. Chùa ấy hiện có bia ký để lại.

2. Đời nhà Tùy có Sa môn Thích Pháp Sung ơ chùa Hóa Thành vùng Lư Sơn-Giang Châu, người quê Cửu Giang-họ Tất. Thường tụng Pháp Hoa và Đại Phẩm, cuối đời ở tại chùa Hóa Thành giữa lưng chừng đỉnh Lư Sơn tu định. Tự mình không phải là Tăng sự thì không hẳn yên tâm thực hiện. Thường khuyên nhủ Tăng chúng không để cho đàn bà con gái bước vào chùa, trên thì làm tổn hại sự giáo hóa của Phật-dưới thì rơi vào tin đồn thất thiệt của thế gian. Nhưng bởi vì cơ sở sự nghiệp của chùa rất quan trọng cho nên có người không thuận theo. Pháp Sung than rằng: Sanh ra không được gặp Phật đã là tội duyên, chánh giáo không thực hành hợp với chính nghĩa và lợi ích chung thì cần phải chết sớm, là gì nơi chốn mà không tôn trọng giới pháp ư? Liền hướng về đỉnh Hương Lư ở núi này, tự lao mình xuống, thề tan xương nát thịt, để sanh về Tịnh Độ. Liền ở giữa hư không mà đầu bỗng nhiên quay ngược lên phía trên, từ từ mà hạ xuống ở vào hang sâu, không tổn hại mảy may. Chúng trong chùa không biết. Sau có người theo đường lên trên đỉnh nui

nhìn xuống phía dưới, cách xa hơn ngàn Nhẫn (một Nhẫn bằng 8 thước) nghe có tiếng người nói, bèn đi đến tìm kiếm, chính là Pháp Sung. Thân mạng vẫn còn miệng tụng như xưa. Đón về đến chùa, Tăng chúng cảm động hết mức trước lời khuyên nhắc để đoạn tuyệt đàn bà con gái. Trải qua sáu năm mới từ giã cõi đời. Lúc ấy là mùa hè nóng bức mà thi thể không thối rữa, bấy giờ đang vào năm cuối của niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy.

(Hai chuyện tên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.)

***Phần thứ ba:* NHẪN NHỤC**

Phần này có bốn mục tách biệt: Thuật ý, Khuyến nhẫn, Nhẫn đức, Dẫn chứng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Đã từng nghe: Nhẫn nhục là đức cao quý ở bậc cao nhất, trì giới khổ hạnh vốn không thể nào sánh kịp. Vì vậy Tỳ kheo Sạn Đề, bị hành phạt tàn bạo mà không hận; Tiên nhân Nhẫn nhục, chịu cắt xẻ thân thể mà không sân. Vả lại, đạo lý Từ Bi, cứu giúp vươn lên làm trước hết; lòng dạ Bồ tát, thương xót đau buồn làm công dụng. Thường xuyên thận theo đi qua tất cả địa ngục chịu đau khổ thay cho chúng sinh, hóa đọ hết thảy chúng sinh ban cho mọi điều yên vui, lẽ nào để cho một chút đụng chạm phiền muộn mà lại sinh ra bao điều sân hận? Thậm chí ánh mắt dữ dằn phát ra tiếng nói bằng nhan sắc nghiêm ngặt đau thương, tức thì đánh đập lẫn nhau tiện tay dùng thêm gậy gộc. Hoặc là cha con-anh em tự mình làm tổn hại lẫn nhau, bạn bè-quyến thuộc trở lại thay đổi làm hại nhau. Tàn ác phản ngịch còn hơn loài diều hâu, ngầm chứa hiểm độc vượt quá loài ong dữ. Vì lẽ đó qua bao đời kiếp oán thù chồng chất, đời đời tăng thêm không chấm dựt được.

***Thứ hai:* Khuyến Nhẫn.**

Như kinh Bồ tát Tạng nói: "Người nóng giận thì tự mình làm tổn hại thiện căn tích tập được qua trăm ngàn đại kiếp một cách nhanh chóng, nếu các thiện căn bị nóng giận làm hại rồi, lại cần phải trải qua trăm ngàn đại kiếp mới bắt đầu chịu khó chịu khổ tu hành Thánh đạo. Nếu là người như vậy, thì A nậu Bồ đề rất khó có thể đạt được. Vì vậy mình nên khoát giáp nhẫn nhục, dùng sức mạnh kiên cố phá tan quân giặc nóng giận. Này Xá Lợi Tử! Nay Ta sẽ vì ông nói rộng về điều ấy. Ta nhớ thời quá khứ, làm một đại Tiên Nhân, tên gọi Tu Hành Xứ. Lúc ấy có ác ma, hóa làm năm trăm người đàn ông giỏi mắng chửi, luôn luôn tìm theo ta gây ra những điều mắng chửi tệ hại, ngày đêm qua lại

đi đứng ngồi nằm trong Tăng phòng-tịnh thất-làng xóm hay nhà thế tục, hoặc tại ngõ phố, hoặc nơi vắng vẻ, hễ Ta đứng hay ngồi, thì các hóa ma dùng lời thô ác mắng chửi phỉ báng phát tháo chỉ trích, suốt năm trăm năm chưa hề dừng bỏ. Này Xá Lợi Tử! Ta tự nhớ lại xưa kia trong năm trăm năm bị các ác ma chỉ trích phỉ báng, mà chưa hề đối với chúng Tăng khởi tâm sân hận nhỏ bé nhất, luôn luôn dấy lên Từ Bi cứu giúp dùng để quán sát."

Còn trong Thành Thật Luận nói: "Ác khẩu mắng chửi làm nhục thì người bình thường không chịu được giống như chim gặp cơn mưa đá, ác khẩu mắng chửi làm nhục thì người bề trên có thể nhận chịu giống như voi gặp cơn mưa hoa. Hành giả luôn luôn quán xét nhân duyên đầu đuôi của người trước mặt, hoặc ở quá khứ làm cha mẹ nuôi dạy thân mình, không trốn tránh mọi điều tội-phước, chưa hề báo ân, đâu cần phải dấy lên tức giận? Hoặc làm anh em vợ con quyến thuộc, hoặc là Thánh nhân xưa làm bạn tốt, phàm tình không nhận biết đâu cần phải vội vàng phỉ báng làm gì?

Còn trong Nhiếp Luận nói: "Dực vào quán xét năm nghĩa để loại trừ nóng giận: 1. Quán xét tất cả chúng sinh, từ vô thỉ đến nay có ân đối với mình; 2. Quán xét tất cả chúng sinh, luôn luôn hoại diệt trong từng ý niệm, người nào có thể làm hại và người nào bị làm hại; 3. Quán xét chỉ có chứ không có chúng sinh, có gì có thể làm hại và bị làm hại; 4. Quán xét tất cả chúng sinh đều tự mình nhận chịu đau khổ, tại sao lại muốn làm cho đau khổ thêm; 5. Quán xét tất cả chúng sinh đều là con cái của mình, tại sao ở trong đó muốn làm cho phát sinh tổn hại? Nhờ vào năm sự quán xét này cho nên có thể diệt trừ nóng giận."

Còn trong kinh Báo Ân nói: "Giả sử vòng sắt nóng xoay tròn ở trên đầu mình, vẫn dứt khoát không vì nỗi khổ này mà phát ra tâm niệm xấu ác."

Trong Thành Thật Luận nói: "Người thực hành tâm Từ, ngủ an lành-thức an lành, không thấy ác mộng, trời che chở-người mến yêu, không gặp hiểm độc-không gặp chiến tranh, không gặp nạn nước-nạn lửa"

Còn trong Tứ Phần Luật có kệ rằng:

Nhẫn nhục là đạo lý bậc nhất,
Đức Phật dạy vô vi là nhất,
Xuất gia làm phiền lòng người khác,
Không xứng để gọi là Sa môn.

Còn trong kinh Di Giáo nói: "Người có thể thực hành nhẫn nhục,

mới có thể gọi là người bậc trên có sức mạnh.”

Lại trong kinh nói: “Thấy lỗi của người thì miệng không được nói, bản thân mình có điều sai trái thì cần phải bày tỏ rõ ràng.”

Còn trong sách nói: “Nghe lỗi của người giống như nghe tên gọi của cha mẹ, tai có thể được nghe nhưng miệng không được nói.”

Lại trong kinh nói: “Ca ngợi điều thiện của người chứ không nói điều tốt của mình.”

Còn trong sách nói: “Quân tử nêu cao cái đẹp của người mà không khoe điều thiện của mình.”

Lại trong Kinh nói: “bố thí không mong người ta đền đáp, nếu được người khác ban ân dù chỉ là bé nhỏ nhưng đều hướng về cầu nguyện và hổ thẹn tôn trọng tiếp nhận.”

Còn trong sách nói: “Công tử có đức đối với người ta, mong rằng Công từ hãy quên. Người ta có đức đối với Công tử, mong rằng Công tử đừng quên.”

Lại nói: “Giúp cho người ta cẩn thận đừng nhớ, nhận của bố thí cẩn thận đừng quên.”

Lại trong kinh nói: “Tha thứ mình có thể làm ví dụ, đừng giết hại đừng dùng roi gậy.”

Còn trong sách nói: “Điều mình không muốn đừng gây ra cho người.”

Nên biết rằng nội giáo thì căn bản đều giống nhau, tuy biểu hiện ra có trắng đen khác, nhưng mà lập hạnh không hề khác biệt. Nếu trái với ý nghĩa này thì giống như dung tục nào y theo nội giáo hay ngoại giáo?

Như trong kinh nói: “Đức Phật vì chúng sinh thuyết pháp để đoạn trừ vô minh tối tăm mê hoặc, giống như thầy thuốc giỏi tùy theo căn bệnh trao cho thuốc, đó gọi là nội giáo.”

Còn trong sách nói: ‘Đạo trời không có thân sơ, chỉ có lòng nhân ái là phát khởi.” Đó gọi là ngoại giáo. Nhưng, nếu người xuất gia luôn luôn quán xét khổ-không-vô thường-vô ngã, chán ngán lìa xa sanh tử quyết chí cầu pháp xuất thế, đây là dựa theo nội giáo. Nếu trái với công hạnh này thì ngược lại trở thành ngoại giáo thế tục. Người tại gia nếu có thể chán ngán từ bỏ tình ý thế tục vui thích mong cầu chí hướng cao xa, dốc lòng tôn sùng Tam bảo-tu tập giữ gìn Tứ Đức, vâng mạng thực hành hiếu đễ-nhân nghĩa-lễ trí-trinh hòa-ái kính, luôn luôn thực hành công hạnh này, thì trái lại cùng là nội giáo. Nếu trái với ý nghĩa này thì cũng giống như ngoại đạo. Người ở đời thường, có thể thuận theo nội giáo, thì

hiểu rõ chân lý mà tâm thường hợp với đạo, dần dần tiến vào con đường tốt đẹp đến nơi chốn Bồ đề. Đã biết như vậy, muốn thực hành công hạnh này, chỉ cần phải tự mình nhún nhường, nhường đức cho người ta, như cái khăn lau bụi, nhận lấy dơ bẩn về mình, giữ gìn sự sạch sẽ cho người. Vì vậy trong kinh nói: "Lùi lại mà đạt được ấy là Phật đạo."

Do đó trong sách xưa nói: "Quân tử nhường lại mà đạt được thì điều ấy vốn là hợp với chính nghĩa và lợi ích chung, luôn luôn cần phải tiến lên gánh vác mọi việc của người khác, luôn luôn cần phải nghiêm khắc với chính bản thân mình."

***Thứ ba:* Nhẫn Đức.**

Như kinh Đại Bảo Tích nói: "Thứ ba là nhẫn nhục, có mười điều: 1. Không quán xét đối với tướng của Ngã và Ngã sở; 2. không nghĩ đến dòng họ chủng loại; 3. Phá trừ kiêu căng ngạo mạn; 4. Điều ác xảy ra không đáp trả; 5. Quá xét nghĩ đến vô thường; 6. Tu dưỡng hướng về Từ Bi; 7. Tâm không buông thả tùy tiện; 8. Xả bỏ mọi điều như đói khát khổ vui; 9. Đoạn trừ nóng giận; 10. Tu tập trí tuệ. Nếu như người có thể thành tựu mười điều như vậy, nên biết rằng người này có năng lực tu tập công hạnh nhẫn nhục."

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát an trú trong hạnh Từ Nhẫn, thì phát sinh mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Lửa không thể nào đốt cháy; 2. Dao không thể nào cắt đứt; 3. Độc không thể nào hại được; 4. Nước không thể nào cuốn trôi; 5. Được loài Phi nhân bảo vệ; 6. Cảm được thân tướng trang nghiêm; 7. Bịt chặt các đường ác; 8. Tùy theo những ưa thích sanh đến cõi Phạm Thiên; 9. Ngày đêm thường được yên lành; 10. Thân mình không xa rời vui sướng."

Còn trong kinh Tư Ha Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nhẫn nhục có sáu điều, đạt được Nhất thiết trí. những gì là sáu điều? Đó là: 1. Cảm được thân lực; 2. Cảm được khẩu lực; 3. Cảm được ý lực; 4. Cảm được thần túc lực; 5. Cảm được đạo lực; 6.Cảm được tuệ lực."

Còn trong kinh Lục Độ Tập nói: "Lại có bốn loại nhẫn nhục đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Vào lúc cầu pháp nhẫn nhục trước sự mắng nhiếc tệ hại của người ta; 2. Vào lúc cầu pháp không trốn tránh đói khát lạnh nóng gió mưa; 3. Vào lúc cầu pháp tùy thuận công hạnh của Hòa thượng A xà lê; 4. Vào lúc cầu pháp có năng lực nhẫn nại đối với Không-Vô tướng-Vô nguyện."

Còn trong kinh Tỳ Kheo Tị Nữ Nhân Ác Danh có kệ rằng:

Tuy nghe nhiều tai tiếng xấu xa,

Nhưng người khổ hạnh nén chịu đựng,
Không thuận theo khổ tự nói ra,
Cũng không thuận theo sinh phiền muộn.
Người nghe tiếng tăm mà sợ hãi,
Đây là loài thú trong rừng sâu,
Là chúng sinh dễ dàng nóng nảy,
Không thành tựu giáo pháp xuất gia.
Người nhân ái có thể chịu được,
Tai tiếng xấu xa thấp-vừa-cao,
Người giữ tâm an trú vững vàng,
Chính là pháp xuất gia tốt đẹp.
Không nhờ vào người khác nói năng,
Khiến cho ông đạt được La Hán,
Như ông tự biết rõ chính mình,
Chư Thiên cũng tự nhiên biết rõ.”

***Thứ tư:* Dẫn Chứng.**

Như trong Ngũ Phần Luật nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời kiếp quá khứ, bên hồ nước A Luyện Nhã có hai con chim nhạn, và một con rùa cùng nhau kết làm bạn thân. Thời gian sau nước hồ khô cạn, hai con chim bèn bàn bạc với nhau rằng: Nay nước hồ này khô cạn, bạn thân chắc chắn chịu nhiều khổ sở. Bàn nhau rồi nói với con rùa rằng: Nước hồ này khô cạn, ông không có cách nào cưu mình, nên ngậm một cành cây, chúng tôi mỗi người ngậm một đầu, mang ông đến nơi có nhiều nước, lúc ngậm cành cây cẩn thận không được nói gì! thế là ngậm chặt cành cây, bay qua thôn xóm, những trẻ thơ trông thấy đều nói to: Chim nhạn ngậm con rùa bay đi, chim nhạn ngậm con rùa bay đi. Con rùa liền nổi giận nói rằng: Đâu phải chuyện của các người. Ngay lập tức tuột mất cành cây, rơi xuống đất mà chết. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhân chuyện này thuyết kệ rằng:

Con người sống giữa đời,
Búa rìu ở trong miệng,
Cho nên chặt đứt thân,
Do mình nói lời ác,
Đáng chê lại khen ngợi,
Đáng khen lại chê trách,
Tự nhận lấy tai họa,
Cuối cùng chẳng vui gì.

Đức Phật dạy con rùa ấy chính là Điều Đạt. Xưa vì lời nói nóng

giận khiến cho gặp phải cái chết khổ đau, nay lại giận dữ mắng nhiếc Như Lai mà rơi vào Đại địa ngục."

Cò trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa kia, lúc La Vân chưa đắc đạo, tâm tánh thô lỗ lời nói thiếu tin tưởng thành thật, Đức Phật bảo với La Vân: Ông đến ở trong tinh xá Hiền Đề, giữ gìn miệng thâu nhiếp ý chịu khó tu tập kinh giới. La Vân vâng theo lời dạy làm lễ mà đi, ở đó chín mươi ngày hổ thẹn tự mình hối hận, ngày đêm không nghỉ. Đức Phật đến xem xét thăm hỏi, La Vân hoan hỷ hướng về phía trước lễ lạy Đức Phật, bày giường dây để Đức Phật ngồi. Đức Phật ngồi trên giường dây, bảo với La Vân rằng: Đem chậu rửa tay đến lấy nước, để cho ta rửa chân. La Vân theo lời dạy lấy nước giúp Đức Phật rửa chân. Rửa chân xong rồi Đức Phật nói với La Vân: Ông thấy nước trong chậu rửa không? La Vân thưa với Đức Phật: Dạ trông thấy như thế. Đức Phật nói với La Vân: Nước này có thể dùng để ăn uống được không? La Vân thưa rằng: Không thể dùng được nữa, nguyên cớ do đâu? Bởi vì nước này trước đây thật sự sạch sẽ, nay dùng rửa chân tiếp nhận những bụi bẩn, vì vậy cho nên không thể dùng được nữa. Đức Phật nói với La Vân: Ông cũng như vậy, tuy là con Ta và cháu của Quốc Vương, rời bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý nhất định làm Sa môn, không nghĩ đến sự tinh tiến thâu nhiếp thân giữ gìn miệng, ba độc dơ bẩn chứa đầy lòng dạ, cũng như nước này không thể dùng được nữa. Đức Phật nói với La Vân: Đổ nước trong chậu rửađi. La Vân liền đổ đi. Đức Phật nói với La Vân: Chậu rửa tuy rỗng không mà có thể dùng đựng đồ ăn thức uống được chăng? La Vân thưa với Đức Phật rằng: không thể dùng được nữa, vì sao như vậy? Bởi vì có tên gọi là chậu rửa đã từng tiếp nhận những thứ không sạch sẽ. Đức Phật nói với La Vân: Ông cũng như vậy, tuy là Sa môn nhưng miệng nói không có tin tưởng thành thật, tâm tánh thì cứng cỏi ngang bướng, không nghĩ đến sự tinh tiến, đã từng tiếp nhận tai tiếng xấu xa, cũng như chậu rửa không thích hợp để đựng thức ăn Đức Phật dùng ngón chân đẩy lùi chậu rửa, lập tức quay tròn mà chạy tự nhảy lên rồi rơi xuống, xoay mấy lần nữa mới dừng lại. Đức Phật nói với La Vân: lẽ nào ông tiếc chậu rửa sợ rằng sẽ vở nát chăng? La Vân thưa với Đức Phật: Đồ dùng rửa chân là vật có giá rẻ, trong ý tuy tiếc nhưng không thiết tha lắm. Đức Phật nói với La Vân: Ông cũng như vậy, tuy là Sa môn nhưng không thâu nhiếp thân miệng, nói năng thô lỗ tệ hại đã có nhiều điều làm cho thương tổn, mọi người không yêu quý-người trí không luyến tiếc, đến chết rời xa luân chuyển trong ba đường, tự sinh ra khổ não; vô lượng chư Phật-Hiền Thánh cũng không yêu quý,

cũng như ông nói không tiếc cái chậu rửa. La Vân nghe vậy rất hổ thẹn và sợ hãi. Ví như voi ra trận thì hai ngà-hai tai-bốn chân và đuôi có chín người lính đều vây chặt, thì trước tiên cần phải bảo vệ lỗ mũi. Nguyên cớ do đâu? Bởi vì lỗ mũi voi mềm dễ bị tổn thương, bị trúng tên thì chết liền; người phạm vào chín điều ác chỉ nên giữ gìn miệng nói. Vì lẽ đó giữ gìn miệng nói, nên sợ ba đường-mười ác đều phạm vào. Người không giữ gìn miệng nói như voi bị tổn thương lỗ mũi, người phạm vào mười ác không nghĩ đến ba đường hiểm ác đầy cay đắng đau thương. Liền thuyết kệ rằng:

Ta như voi ra trận,
Không sợ bị trúng tên,
Thường đem lòng tín thành,
Độ người không có giới,
Ví như voi điều phục,
Có thể được vua cởi,
Điều phục thành người quý,
Mới tiếp nhận tín thành.

La Vân nghe lời Đức Phật dạy bảo chân thành thiết tha, cảm kích tự động viên mình ghi nhớ không quên, tinh tiến nhu hòa lòng dạ nhẫn nhục như đất, thức và tưởng vắng lặng liền đạt được quả vị A La Hán."

Còn trong kinh La Vân Nhẫn Nhục nói: "Lúc bấy giờ La Vân đến khất thực một nhà Bà la môn không có niềm tin, tiếc rẻ không cho, La Vân còn bị đánh vỡ đầu chảy máu, lại vốc cát bỏ vào trong bát. La Vân âm thầm chịu đựng tâm không chịu đối đáp gì cả, liền ôm bát đến bờ sông rửa sạch đầu và bình bát xong, mà tự nói với mình rằng: Mình tự nhiên đi khất thực, vô cớ gây chuyện ngang ngược với mình, mình đau trong một lát, mà người kia khổ dai dẳng làm sao, giống như gươm sắc cắt đứt xác thối, xác thối không biết đau, chứ không phải là gươm không sắc; lại như cam lồ cõi trời nuôi cho đàn heo kia ăn, đàn heo bỏ mà chạy, không phải là cam lồ không ngon; mình theo lời chân thật của Đức Phật dạy bảo thế gian hung ác ngu si, kẻ hung ác ngu si không chịu suy nghĩ, há không phải như vậy ư? Trở về rồi thưa với Đức Phật, Đức Phật dạy: Kẻ dấy lên ác tâm, là bởi vì suy yếu, khinh bạc người ác, mạng chung vào nữa đêm, sẽ vào trong địa ngục không chọn lựa gì, ngục quỷ làm cho đau khổ, không có ác hiểm nào không nhận chịu, trải qua tám vạn bốn ngàn năm thọ mạng ấy mới chấm dứt, hồn phách thần thức lại chịu thân mãng xà ngậm độc, độc trở lại tự hại mình, thân đó

chấm dứt rồi lại bắt đầu, tiếp tục chịu hình hài loài rắn, thường ăn đất cát, vạn năm mới hết. Bởi vì ý nóng giận hướng về người trì giới, cho nên chịu thân hiểm độc; bởi vì lấy cát bỏ vào trong bình bát, cho nên đời đời ăn đất cát mà chết. Tội hết mới được làm người, lúc mẹ mang thai sẽ có bệnh nặng, trong nhà hao tổn từng ngày, con trẻ sinh ra ngu dốt đần độn, cũng không có tay chân, thân thuộc vô cùng kinh sợ, đều nói rằng yêu quái nào đến gây ra điều không tốt, liền đem vứt bỏ ở ngã đường đi, người đi đường qua lại không có ai không ngạc nhiên, tranh nhau dùng gạch đá dao gậy đánh vào đầu, bị đánh vỡ não đau khổ vô cùng trải qua mười ngày mới chết. Sau khi chết linh hồn liền tiếp tục sinh trở lại, nhất định là không có tay chân, ngu dốt đần độn như trước, trải qua năm trăm đời tội nặng mới hết, sau sinh ra làm người thường có căn bệnh đau đầu. Người nào ở giữa cuộ đời không có thể nhẫn chịu, thì nơi sanh ra không gặp được thời đại có Phật, trái giáo pháp xa lìa Tăng, thường ở trong ba đường đau khổ. Nếu có được phước còn lại, được sanh ra làm người, bẩm tính thường ngu si hung ác bạo ngược tự tìm theo mình, làm người xấu xí khó coi bị mọi người căm ghét, đời sống thì nghèo khó Thánh Hiền không giúp đỡ."

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên, an trú trong núi Kỳ xà Quật, lúc ấy Tôn giả Xá Lợi Phất mới thế phát, thì có quỷ Già Tra và quỷ Ưu Ba Già Tra xuất hiện. Quỷ Ưu Ba Già Tra thấy Tôn giả Xá Lợi Phất mới cạo bỏ râu tóc, bèn nói với quỷ Già Tra rằng: Nay tôi sẽ đến đánh vào đầu Sa môn kia. Quỷ Già Tra nói: Ông đừng nói lời như vậy, Sa môn ấy có Đại đức Đại lực, ông chớ dấy lên nóng giận mà suốt đêm dài gánh lấy khổ đau vô cùng chứ không ích lợi gì đâu. Nói nhiều lần như vậy, nhưng lúc ấy quỷ Ưu Ba Già Tra nhiều lần không cần nghe lời của quỷ Già Tra, liền dùng tay đánh vào đầu Tôn giả Xá Lợi Phất, đánh rồi liền tự gọi to rằng: Tôi bị đốt Già Tra ơi, tôi bị nấu Già Tra ơi! Gọi to nhiều lần rồi lún sâu vào trong lòng đất, rơi xuống địa ngục A tỳ. Mục Kiền Liên nghe Xá Lợi Phất bị quỷ đánh, liền đến hỏi rằng: Tôn giả đau đớn khổ sở thế nào có thể chịu đựng được không? Xá Lợi Phất đáp rằng: Tôn giả Mục Kiền Liên! Tuy là khổ sở đau đớn nhưng mà ý có thể chịu đựng được, không đến nỗi khổ sở lắm. Mục Kiền Liên nói với Xá Lợi Phất rằng: Kỳ lạ thay Tôn giả Xá Lợi Phất, thật sự là Đại đức Đại lực, quỷ này nếu dùng tay đnáh vào núi Kỳ Xà Quật, thì có thể khiến cho nát vụn như cám, huống hồ đánh vào người mà không đau đớn khổ sở! lúc bấy giờ Xá Lợi Phất nói với mục Kiền Liên: Tôi thật sự không đau đớn

khổ sở lắm. Lúc ấy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên,cùng thăm hỏi lẫn nhau, thì Đức Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe tiếng trò chuyện của họ rồi, liền thuyết kệ rằng:

Tâm đó giống như tảng đá cứng,
An trú vững vàng không lay động,
Tâm đã lìa xa mọi nhiễm trước,
Nóng giận không đáp trả trở lại,
Nếu tu tâm đã đạt đến như vậy,
Có gì phải đau khổ buồn phiền?"

Còn trong Tân Bà Sa Luận nói: "Từng nghe quá khứ trong Hiền kiếp này, có vị vua tên là Kiệt Lợi. Lúc ấy có vị Tiên nhân, hiệu là Nhẫn Nhục, trú một mình trong rừng thường ngày tu hành khổ hạnh. Bấy giờ vua Kiệt Lợi loại trừ tất cả đàn ông, cùng với quyến thuộc trong cung làm các vũ nữ ca hát, dạo chơi trong rừng tùy ý vui thú, qua một thời gian mệt mỏi chán ngán bèn tìm vào giấc ngủ. Các phụ nữ trong cung bởi vì hoa trái ngon lành cho nên dạo chơi trong những rừng cây, từ xa trông thấy vị Tiên nhân, ở tại phạm vi của mình thân ngồi trang nghiêm yên lặng suy tư, liền cùng nhau hướng về nơi ấy, đều tập trung quanh vị Tiên nhân. Đến nơi ấy đảnh lễ rồi vây tròn xung quanh mà ngồi. Vị Tiên nhân liền vì họ mà nói về lỗi lầm của dục vọng, đó gọi là những dục vọng đều là pháp bất tịnh ô uế, là pháp đáng chỉ trích, là pháp đáng chán bỏ, ai có trí tuệ thì nên luôn luôn gần gũi luyện tập, các cô đều nên sinh lòng chán ngán rời bỏ.

Nhà vua từ trong giấc ngủ thức dậy không thấy những người phụ nữ, liền dấy lên nghĩ rằng: Mong sao không có người nào dụ dỗ cướp đi vậy! liền rút gươm sắc đi khắp nơi tìm kiếm, mới thấy những người phụ nữ đang ngồi vây quanh ở chỗ Tiên nhân, nhà vua rất tức giận, là con quỷ lớn nào dụ dỗ những người phụ nữ của mình. Lập tức đến trước mặt hỏi rằng: Ông là ai vậy? Đáp rằng: Tôi là Tiên nhân. Lại hỏi: Ở đây làm chuyện gì vậy? Đáp rằng: Tu đạo nhẫn nhục. Nhà vua dấy lên nghĩ rằng: Người này thấy ta giận dữ cho nên liền nói là mình tu nhẫn nhục, nay ta thử xem sao! Liền tiếp tục hỏi rằng: Ông đạt được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ chăng? Đáp rằng: Không đạt được. Lần lượt vặn hỏi cho đến: Ông đạt được Sơ thiền chăng? Đáp rằng: Không đạt được. Nhà vau càng giận dữ hơn, nói rằng: Ông là người chưa lìa bỏ dục vọng, tại sao buông thả tình ý ngắm nhìn những người phụ nữ của ta? Lại nói rằng tôi là người tu nhẫn nhục. Nhà vua nói hãy duỗi một cánh tay ra thử xem có thể nhẫn hay không. Lúc bấy giờ Tiên nhân liền duỗi

ra một cánh tay, nhà vua dùng gươm sắc chém đứt, giống như chặt đức cuống ngó sen rơi ở trên đất. Nhà vua lại vặn hỏi: Ông là người nào? Đáp rằng: Tôi là người tu nhẫn nhục. Lúc ấy nhà vua lại ra lệnh duỗi một cánh tay còn lại, lập tức tiếp tục chém đứt. Vẫn như trước vặn hỏi, Tiên nhân cũng như trước đáp rằng: Tôi là người tu nhẫn nhục. Như thế tiếp tục chặt hai chân lại cắt hai tai, còn xẻo luôn lỗ mũi, tất cả đều vặn hỏi và đáp từng câu một như trước, khiến cho bảy phần thân thể của Tiên nhân rơi xuống đất, gây ra bảy vết thương rồi tâm nhà vua liền dừng lại. Tiên nhân nói cho biết rằng: Nay nhà vua vì sao tự sanh ra mệt mỏi chán nản, giả sử chặt đứt tất cả thân thể của tôi, giống như hạt cải thậm chí nát vụn thành bụi đất, tôi cũng không dấy lên một ý niệm giận dữ, đó nói là nhẫn nhục hoàn toàn không có gì khác. Lại phát nguyện rằng: Như ông hôm nay thì tôi thật sự vô tội, mà chặt đứt thân thể tôi làm thành bảy phần, gây ra bảy vết thương, ở đời vị lai lúc tôi đạt được A nậu Bồ đề, vì tâm Đại Bi không đợi ông phải thỉnh cầu, đầu tiên sẽ khiến cho ông tu bảy loại đạo, đoạn trừ bảy thứ tùy miên.

Nên biết rằng Tiên nhân nhẫn nhục lúc bấy giờ, chính là Đức Thế Tôn Thích Ca mâu Ni bây giờ. Vua Kiệt Lợi lúc ấy, chính là Tỳ kheo Kiều Trần Na ngày nay. Vì vậy cho nên Kiều Trần Na thấy được Thánh đế rồi, Đức Phật dùng thần lực phá trừ mọi ám chướng, khiến cho nhớ lại sự việc ở đời quá khứ, làm cho lập tức tự thấy mình là vua Kiệt Lợi và Đức Phật là vị Tiên nhân, tự mình cùng gươm sắc chặt đứt 7 phần thân thể của Đức Phật làm thành 7 vết thương, Đức Phật không sân hận mà lại dùng thệ nguyện muốn thêm nhiều lợi ích, lẽ nào Đức Phật làm trái lời nguyện ngày xưa ư? Kiều Trần Na nghe xong trong lòng vô cùng hổ thẹn, chắp tay cung kính lễ lạy Đức Phật.”

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 83

Thiên thứ 85: LỤC ĐỘ (Phần bốn)

***Phần thứ tư:* TINH TIẾN**

Phần này có bốn mục tách biệt: Thuật ý, Giải đọa, Sách tu, Tiêu ích.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Nói đến tình cảm thực hành nhẫn nhục thì hãy còn mơ hồ, ý nghĩa xem xét đích thực thì vẫn chưa biểu hiện, cho nên sách tiến lười nhác khiến tâm không lơi lỏng. Vì vậy trong kinh nói: "Các thầy Tỳ kheo, nên thường xuyên tinh tiến, mặt trời trí tuệ đầy đủ mười lực đã lặn xuống rồi, các thầy sẽ bị bóng đen vô minh che phủ." Lại nói: "Người hạng xiển đề như thây xác nằm suốt ngày, mà nói là sẽ thành đạo thì điều này hoàn toàn vô lý." Trong Thích Luận nói: "Người tại gia lười nhác làm mất đi lợi ích thế gian, người xuất gia lười nhác làm mất đi giáo pháp quý bau. Vì vậy Tư Na dũng mãnh được chư Phật khen ngợi nêu cao, Ca Diếp tinh chuyên được Như Lai ngợi khen rõ ràng." Trong sách xưa nói: "Thức khuya dậy sớm, dốc hết sức mình,mới gọi là trung thần, mới xưng là hiếu tử." Vì vậy buông thả tùy tiện lười nhác qua ngày vốn là điều không đáng tôn sùng, tinh tiến cần cù chịu khó chịu khổ không có lúc nào không thích hợp. Lẽ nào có thể buông thả lòng dạ ngu si mặc cho tình ý rong ruỗi, khiến cho chủng tử thiện căn không thể tiếp tục nảy chồi đâm lộc, cành nhánh cây đạo sum suê ngày càng héo hon tàn tạ; vả lại thân mạng thuộc về vua chết-gọi tên dẫn tới u quan, bỗng nhiên quay lại đêm dài tức thì bỏ hết tư lương, ngục tốt âm binh tra hỏi lấy gì đối đáp trình thưa? Đang lúc như vậy có hối hận cũng đã muộn rồi! Vì vậy cho nên bây giờ khuyên nhắc mọi người thực hành, nghe thân còn sức hãy chuẩn bị lương thực cho tương lai; luôn luôn cần phải giữ gì kiểm xét ba nghiệp, đừng để cho sai trái trong mọi lúc mọi nơi, từng ngày từng đêm, từ sáng đến trưa, từ trừa đến chiều, từ chiều đến đêm,

từ đêm đến sáng, thậm chí một thời một khắc, một niệm một sát na, giữ gìn kiểm xét ba nghiệp, có bao nhiêu tam hành thiện, có bao nhiêu tâm hành ác, có bao nhiêu tâm hành hiếu, có bao nhiêu tâm hành nghịch, có bao nhiêu tâm hành chán ngán xa lìa tài-sắc-tâm, có bao nhiêu tâm hành tham lam say đắm tài-sắc-tâm, có bao nhiêu tâm hành là nghiệp thiện căn trời-người, có bao nhiêu tâm hành là nghiệp bất thiện ba nẻo, có bao nhiêu tâm chán ngán xa lìa danh tiếng say đắm Ngã tâm, có bao nhiêu tâm tham lam mong cầu danh tiếng say đắm Ngã tâm, có bao nhiêu tâm vui mừng tu tập tâm xuất thế ba Thừa, có bao nhiêu tâm tùy tiện ngạo mạn với tâm ba Thừa mà rất thích dục lạc thế gian? Thiện ác với ngày đêm trái ngược nhau như vậy, người thực hành luôn luôn cần phải giữ gìn kiểm xét đừng để cho buông thả tùy tiện rơi vào mạng lưới tà vạy, luôn luôn tự kiểm lại ba nghiệp theo thứ tự khuyên nhủ nhau cố gắng, tâm và miệng khuyên răn dạy bảo lẫn nhau. Tâm nói với miệng rằng: Ông thường nói điều thiện đừng nói điều phi pháp. Miệng trở lại nói với tâm: Ông suy nghĩ chánh pháp đừng suy nghĩ phi pháp. Tâm lại nói với thân: Ông chịu khó tinh tiến đừng làm cho lười nhác. Như vậy tâm mình tự kiềm thúc-miệng minh tự cẩn thận-thân mình tự chịu đựng, tự mình đốc thúc như vậy đủ để có thể tiến lên cao, đâu phiền đến người khác điều khiển rồi bất ngờ nổi lên oán ghét hận thù!

Vì vậy trong kinh nói: “Thân hành thiện-miệng hành thiện-ý hành thiện-ý hành thiện, chắc chắn sanh đến đường thiện. Thân hành ác-miệng hành ác-ý hành ác, chắc chắn sanh vào đường ác. Lại như con tuấn mã ngắm bóng vút nhanh, không giống như con ngựa tồi phải thêm các loại roi gậy quất đánh mới chịu lao đi.” Nếu không tự mình khuyên nhắc thì cần phải nhờ người khác trách mắng, lại tăng thêm va chạm buồn bực làm cho tội lỗi càng sâu dày thêm.

***Thứ hai:* Giải Đọa.**

Như kinh Bồ Tát Bổn Hạnh nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Người lười nhác thì làm liên luỵ đến các hành. Ở nhà lười nhác thì cơm áo không cung cấp, sản nghiệp không phát triển. Xuất gia lười nhác không thể nào thoát ra được nỗi khổ của sanh tử. Tất cả mọi việc đều do tinh tiến mà được hưng khởi. Lúc này Đế Thích liền nói kệ rằng:

Muốn cầu đạo tốt đẹp bậc nhất,
Không tiếc gì thân mạng của mình,
Bỏ thân như cặn bã rác rưởi,
Hiểu rõ ràng không có ngã-nhân.
Tuy dùng tiền của mà bố thí,

Việc này không có gì là khó,
Người luôn luôn dũng mãnh như vậy,
Tinh tiến mau chóng được quả Phật.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: ‘Nếu có người lười nhác gieo hành nghiệp bất thiện, thì đối với việc làm sẽ có sự tổn hại. Nếu có thể không lười nhác thì đây là điều tốt đẹp kỳ diệu nhất. Vì sao như vậy? bởi vì Bồ tát Di Lặc trải qua ba mươi kiếp sẽ được làm Phật, Ta dùng sức mạnh tinh tiến của tâm dũng mãnh, khiến cho Di lặc thành Phật sau ta. Vì vậy cho nên hãy luôn nghĩ đến tinh tiến đừng có lười nhác!”

Còn trong kinh Thí Dụ nói: “Thời Phật Ca Diếp có hai anh em, cùng làm Sa môn. Người anh trì giới tọa thiền dốc lòng cầu đạo mà không bố thí, người em bố thí tu phước mà thích phá giới. Người anh theo Thích ca xuất gia đạt được quả vị A La Hán, áo mặc thường ngày không đủ, cơm ăn thường ngày không no. Người em sanh trong loài voi, làm con voi có thừa sức mạnh, có năng lực đẩy lùi quân thù, được Quốc Vương yêu quý, thân hình trang sức bằng vàng bạc châu báu chuỗi ngọc đẹp đẽ, phong tặng mấy trăm hộ trong vùng cung cấp cho con voi này, tùy ý những gì voi cần đến. Lúc ấy người anh là Tỳ kheo gặp lúc đời sống rất tiết kiệm, đi khắp nơi khất thực, bảy ngày không có được, cuối cùng xin được một chút thức ăn sơ sài, có thể giữ được mạng sống. Trước đó biết con voi này là em đời trước của mình, liền đi đến chỗ con voi đưa tay nắm lấy tai voi, mà nói cho biết rằng: Xưa kia tôi ông đều có tội. Con voi suy nghĩ lời của Tỳ kheo nói liền biết được mạng sống đời trước, thấy rõ nhân duyên trước kia nên ưu sầu không ăn uống gì. người trông voi sợ hãi liền đến thưa với nhà vua. Nhà vua hỏi người trông voi: Trước đó không có ai đụng chạm đến voi này phải không? Người trông voi đáp rằng: Không có người lạ nào khác, chỉ có một Sa môn đi đến bên voi chốc lát liền ra đi. Nhà vua lập tức sai người tìm được Sa môn, hỏi rằng: Đến bên voi đã nói gì vậy? Sa môn đáp rằng: Tôi nói với voi là tôi và ông đều có tội mà thôi. Sa môn đến chỗ nhà vua giải thích đầy đủ như trên, ý nhà vua liền hiểu ra mà tha cho Sa môn.”

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cùng với vô ương số đệ tử đang thuyết pháp cho họ. Có một Tỳ kheo lớn tuổi, hướng về Đức Thế Tôn duỗi chân mà ngủ. Có Sa di Tu Ma Na, năm ấy gần 8 tuổi, cách Thế Tôn không xa, đang ngồi xếp bằng tròn, buộc ý niệm ở trước mắt. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Tỳ kheo lớn tuổi duỗi chân mà ngủ, lại thấy Sa di ngồi ngay ngắn tư duy, liền thuyết

kệ rằng:

Người mà người ta gọi Trưởng lão,
Chưa hẳn đã cạo bỏ râu tóc,
Tuy là tuổi tác đáng bậc thầy,
Nhưng không tránh khỏi những ác hạnh.
Nếu như có pháp thấy chân lý,
Không có ác ý trước mọi người,
Rời bỏ những ác hạnh xấu xa,
Đây gọi là xứng bậc Trưởng lão.
Nay Ta nói đó là Trưởng lão,
Chưa hẳn là người xuất gia trước,
Tu tập nghiệp hạnh căn bản thiện,
Phân biệt rõ ràng với chánh hạnh.
Giả sử có trẻ thơ ít tuổi,
Các căn không có gì thiếu sót,
Đây gọi là xứng danh Trưởng lão,
Phân biệt thực hành đúng chánh pháp.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Các ông có thể trông thấy Trưởng lão ấy duỗi chân mà ngủ chăng? Các Tỳ kheo thưa rằng: Đều không thấy như vậy. Đức Thế Tôn nói cho biết rằng: Tỳ kheo Trưởng lão này, trong năm trăm đời trước luôn luôn làm thân loài rồng, nay giả sử có mạng chung cũng sẽ sanh trong loài rồng. Vì sao như vậy? bởi vì không có lòng cung kính đối với Đức Phật và pháp chúng. Nếu người không có tâm cung kính đối với Phật và pháp chúng, thì mạng chung đều sẽ sanh trong loài rồng. Các ông có thể trông thấy Sa di Tu Ma Na năm nay gần tám tuổi, cách Ta không xa, đang ngồi ngay ngắn tư duy hay không? Các Tỳ kheo thưa rằng: Đều trông thấy. Đức Thế Tôn nói rằng: Sa di này bảy ngày sau sẽ đạt được bốn thần túc và đạt được pháp bốn đế. Vì vậy cho nên luôn luôn phải chịu khó cọng thêm lòng cung kính đối với Phật và pháp chúng."

Còn trong kinh Phật Thuyết Mã Hữu Bát Thái Thí Nhân nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ngựa có 8 trạng thái xấu xa tệ hại. Những gì là 8 trạng thái? Đó là: 1. Trạng thái lúc cởi yên cương thì lôi xe muốn chạy; 2. Trạng thái kéo xe nhảy cẩng lên điên cuồng muốn lao vào người ta; 3. Trạng thái thường đưa hai chân trước lên kéo xe mà chạy; 4. Trạng thái thường làm hư hại khung xe; 5. Trạng thái làm cho người đứng giữ gọng xe chen thân kẹp sát xe đi lùi lại; 6. Trạng thái thường đi sát mà chạy nghiêng; 7. Trạng thái thường kéo xe chạy nhanh gặp phải

bùn đục thì đứng lại không chịu đi; 8. Trạng thái treo sọt thức ăn quen nhìn mà không ăn, lúc người chủ dắt đi sắp kéo xe, vội vàng ngậm vào nhai hít nhưng ăn uống không được. Đức Phật dạy: Con người cũng có 8 trạng thái xấu xa tệ hại. Những gì là tám trạng thái? Đó là: 1. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì bỏ đi không muốn nghe, như con ngựa lúc cởi bỏ yên cương kéo xe mà chạy; 2. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp mà ý không hiểu không biết nói về điều gì, thì giận dữ gây rối loạn không muốn nghe, như con ngựa lúc kéo xe thì nhảy lồng lên điên cuồng muốn lao vào người ta; 3. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì chống lại không tiếp nhận, như lúc con ngựa đưa hai chân trước lên kéo xe mà chạy; 4. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì mắng nhiếc, như lúc con ngựa làm hư hại khung xe; 5. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì đứng dậy đi ra, như con ngựa vào lúc người ta đứng giữ gọng xe thì chen thân kẹp sát xe mà đi lui; 6. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì không chịu lắng nghe mà cúi đầu nhìn nghiêng nói nhỏ vào tai, như lúc con ngựa đi sát mà chạy nghiêng; 7. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì muốn chất vấn làm khó vô cùng, không thể nào tương ưng được, trả lời thì bảo thủ bằng cách vọng ngữ, như con ngựa gặp phải bùn dơ thì đứng lại chứ không đi tiếp; 8. Trạng thái nghe thuyết giảng kinh pháp thì không chịu lắng nghe, lại nghĩ đến phóng túng dục vọng mong cầu nhiều thứ chứ không muốn lắng nghe tiếp nhận, lúc chết đi vào đường ác mới mong muốn học hỏi hành đạo, cũng không thể nào còn có thể hành đạo, như con ngựa treo sọt thức ăn quen nhìn mà không chịu ăn, lúc người chủ dắt đi sắp kéo xe, mới vội vàng ngậm vào nhai hít mà cũng không được ăn. Đức Phật dạy: Ta nói ngựa có 8 trạng thái xấu xa tệ hại, con người cũng có 8 trạng thái xấu xa tệ hại như vậy. các Tỳ kheo nghe kinh hoan hỷ lễ lạy mà lui ra.”

***Thứ ba:* Sách Tu**

Như kinh Trì Thế nói: :Bồ tát bảo Quang ở trước Đức Phật Diêm Phù Đàn Kim phát khởi tinh tiến, chỉ vì tiến vào cánh cửa phương tiện của giáo pháp như vậy, suốt hai mươi ức năm hoàn toàn không sinh khởi tâm niệm xấu ác, hoặc là tâm niệm lợi dưỡng. Vả lại, Bồ tát bảo Quang suốt hai mươi ức năm tinh tiến như vậy, chưa hề phát khởi tâm niệm dâm-nộ-si. Còn Bồ tát Vô Lượng Ý và Bồ tát Vô Lượng Lực, ở trong bốn vạn năm hoàn toàn không ngủ nghỉ, thường không ăn đầy bụng, cũng không nằm mà hoặc là ngồi hay đi kinh hành, chỉ nghĩ về tướng của năm thủ ấm.”

Còn trong kinh Đại Tập nói: “Tỳ kheo Pháp Ngữ trong hai vạn

năm không có lúc nào ngủ nghỉ, sau đó lên cao trên hư không, cao bằng một cây đa la, ngồi xếp bằng tròn, đủ một ngàn năm không cử động không nhúc nhích, lấy pháp hỷ làm thức ăn, đạt được Tỉ trí lạc thuyết vô ngại.”

Còn trong kinh Thí Dụ nói: “Sa môn nước La Duyệt Kỳ, ngồi tự mình thề rằng: Tôi không đạt được đạo quả thì cuối cùng không đứng dậy. Tâm muốn ngủ nghỉ, làm cái dùi nhọn dài tám tấc đâm vào hai bắp đùi, đau đớn không được ngủ, một năm thì đạt được đạo quả.”

Còn trong kinh Bạc Câu La nói: “Bạc Câu La nói rằng: Tôi từ lúc xuất gia đến nay trong 18 năm, chưa từng nằm ngửa, một bên sườn chạm xuống giường, lưng có chỗ tựa vào.”

Còn trong kinh Di Giáo nói: “Các thầy Tỳ kheo, nếu chuyên cần tinh tiến thì không có việc gì khó khăn, vì thế cho nên các thầy luôn luôn chuyên cần tinh tiến. Ví như nước nhỏ mà luôn chảy thì có thể xuyên thủng cả đá. Nếu người hành đạo mà tâm luôn luôn lười nhác buông bỏ, thì ví như kéo lửa chưa nóng mà dừng lại, tuy mong muốn có được lửa mà lửa khó có thể có được. Đó gọi là tinh tiến.”

Còn trong Trí Độ Luận nói: “Thân tinh tiến là nhỏ, tâm tinh tiến là lớn. Ngoài tinh tiến là nhỏ, trong tinh tiến là lớn. Lại nữa, Đức Phật nói năng lực của ý nghiệp rất lớn, như lú Tiên nhân tức giận có thể làm cho Đại quốc bị tiêu diệt. Lại nữa, thân và miệng gây ra tội ngũ nghịch, quả báo lớn thì một kiếp ở địa ngục A tỳ; nhận chịu nghiệp lực của ý, có thể sanh lên cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thọ mạng tám vạn đại kiếp, cũng ở cõi Phật mười phương có thọ mạng vô lượng. Vì vậy cho nên thân và miệng tinh tiến là nhỏ, ý tinh tiến là lớn. Như vậy các kinh ca ngợi nhiều về hạnh tinh tiến, nhất tâm chánh niệm nhanh chóng đạt được đạo quả, chưa hẳn cần phải hiểu biết nhiều.”

Lại trong Trí Độ Luận nói: “Nếu người muốn những điều nghe được đều giữ lại không quên, thì cần phải dốc lòng nhớ lại khiến cho ý nghĩ tăng thêm, đối với sự việc tương tự, giữ ý niệm khiến biết được sự việc không thấy; như Tỳ kheo Châu Lợi Bàn Đà Già, giữ tâm trong vật dùng lau giày ý nghĩ nhớ đến thiền định, trừ bỏ pháp dơ bẩn trong tâm thế là đạt đến quả vị A La Hán. Người ấy ám độn khiến đọc hai chữ Tảo Trửu, hãy còn không nhớ được cả hai, được Tảo quên Trửu, được Trửu quên Tảo. Đầu óc đần độn như vậy hãy còn đạt được Thánh quả, huống gì người lanh lợi mà không đạt được Thánh quả ư? Người đần độn nhất thiên hạ há có ai hơn được người này? Phật pháp coi trọng thực hành chứ không coi trọng không thực hành, chỉ có thể chịu khó thực hành, cho

dù ít hiểu biết nhưng cũng tiến vào đạo trước hết.”

Còn trong Tỳ Bà Sa Luận nói: “Như hai người cùng đi đến một nơi, một người cỡi ngựa mạnh mẽ, một người cỡi ngựa chậm chạp, tuy cỡi ngựa chậm chạp, nhưng bởi vì xuất phát trước, cho nên đã đến nơi trước. Người tin tưởng giải thoát, chịu khó thực hành tinh tiến, đến Niết bàn đầu tiên, chính là giống như Châu Lợi Bàn Đà Già.”

Còn trong kinh Lục Độ Tập nói: “Đức Phật bảo với đệ tử: Nên chịu khó tinh tiến lắng nghe đọc tụng không được lười nhác để bóng tối che phủ. Ta nhớ thời quá khứ vô số kiếp. Có Đức Phật danh hiệu là Nhất Thiết Độ Vương, lúc ấy trong chúng có hai Tỳ kheo, một người tên là Tinh Tiến Biện, một người tên là Đức Lạc Chỉ, cùng nhau nghe pháp. Tinh Tiến Biện thì nghe kinh hoan hỷ, hợp thời liền đạt được A duy việt trí, đầy đủ thần thông. Đức Lạc Chỉ thì ngủ say không tỉnh, một mình không đạt được gì. Lúc ấy Tinh Tiến Biện nói với Đức lạc Chỉ rằng: Đức Phật rất khó gặp, trăm ngàn ức đời kiếp mới xuất thế một lần, nên chịu khó tinh tiến làm gốc rễ các đều thiện, làm sao ngủ mãi được? Bấy giờ Đức Lạc Chỉ nghe lời khuyên bảo ấy liền đứng dậy, đi kinh hành. Ở giữa rừng cây mới vừa bắt đầu kinh hành, lại mơ màng trong giấc ngủ, tâm tư rối bời như vậy không thể nào tự ổn định được. Đi đến bên bờ suối ngồi muốn tư duy, lại sinh ra buồn ngủ. Lúc ấy tinh Tiến Biện liền dùng thiện trí ứng biến đi mà độ, hóa làm con ong chúa bay đến nơi đôi mắt, giống như sắp chích vào mắt. Bấy giờ Đức Lạc Chỉ kinh hãi thức dậy mà ngồi vì sợ con ong chú này, lát sau lại ngủ rồi. Lúc ấy con ong mật chúa lại bay vào dưới nách chích tên ngực và bụng, Đức Lạc Chỉ kinh hãi trong tâm run sợ, không dám ngủ nữa. Lúc ấy giữa dòng suối có cành hoa tươi đẹp, đủ các màu sắc kỳ lạ, thì con ong mật chúa bay đến trên cành hoa hút vị cam lồ của đóa hoa. Bấy giờ Đức Lạc Chỉ ngồi atrang nghiêm nhìn con ong, sợ lại bay đến nên không dám ngủ, tư duy về con ong chúa quá xét nguồn gốc của nó. Con ong chúa hút vị ngọt trong hoa không bay ra, trong chốc lát con ong chúa ngủ say, rơi xuống trong bùn dơ thân thể xoay tròn đắm chìm nơi đó, rồi lại bay về đậu trên cành hoa. Lúc ấy Đức Lạc Chỉ đến nơi con ong mật chúa nói kệ rằng:

Ở đây hút vị ngọt của hoa,
Thân thể được thanh thản an lành,
Không chịu tiếp tục mang trở về,
Cho tất cả vợ con của mình,
Tại sao rơi vào trong bùn dơ,
Tự vấy bẩn thân thể của mình,

Như vậy là không có trí khôn,
Làm hỏng vị cam lồ của hoa.
Lại giống như cành hoa đẹp này,
Không nên ở lâu dài trong đó,
Mặt trời lặn đóa hoa khép lại,
Tìm lối ra thì không thể được.
Phải đợi khi mặt trời tỏa sáng,
Bấy giờ mới có thể ra được,
Đêm dài tăm tối làm mệt mỏi,
Như vậy thật vô cùng khổ sở.

Lúc ấy con ong mật chúa hướng về Đức Lạc Chỉ nói kệ trả lời rằng:

Đức Phật ví như vị cam lồ,
Lắng nghe không bao giờ thỏa mản,
Không nên sinh ra tâm lười nhác,
Không ích lợi gì cho tất cả.
Sanh tử năm đường như biển rộng,
Ví như rơi vào bùn dơ bẩn,
Bị ràng buộc trong vòng ái dục,
Không có trí vì quá mê lầm.
Mặt trời mọc trăm hoa nở rộ,
Ví như sắc thân của Đức Phật,
Mặt trời lặn cánh hoa khép lại,
Như Đức Thế Tôn nhập Niết bàn.
Được gặp Đức Như Lai xuất thế,
Nên chịu khó tinh tiến thọ trì,
Trừ bỏ bóng che của ngủ nghỉ,
Đừng nói là Đức Phật thường còn.
Tuệ cần phải đi sâu vào pháp,
Không thể dùng nhân duyên sắc chất,
Hiện tại có người đang đắm trước,
Nên biết là thiện trí ứng biến.
Thiện trí ứng biến mà hóa độ,
Có ích chứ chẳng phải trống không,
Mà hiện tại biến hóa ở đây,
Cũng vốn là bởi vì tất cả.

Lúc ấy Đức Lạc Chỉ nghe nói kệ như thế, liền đạt được pháp nhẫn không đứng dậy, hiểu rõ các pháp vốn có đạt đến Đà Lân Ni.

Đức Phật bảo với A-nan: Tinh Tiến Biện lúc bấy giờ nay chính là thân Ta, Đức Lạc Chỉ nay chính là Di Lặc. Ta vào lúc bấy giờ cùng với Di Lặc cùng nghe kinh pháp, Di Lặc lúc bấy giờ ngủ say một mình không có gì đạt được, Ta không thực hành thiện trí ứng biến mà cứu độ, thì Di Lặc cho đến bây giờ hãy còn trong sanh tử chưa được độ thoát."

Còn trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa có Tỳ kheo, hàng ngày đến trong ngôi mộ nơi cánh đồng hoang vắng ngoài thành, con đường phải đi qua ruộng người ta mới có thể đến nơi được. Người chủ ruộng thấy rồi liền nổi cơn giận dữ, đây là Đạo nhân ở đâu, hàng ngày qua lại nơi này mà không tu dưỡng đạo đức, bèn hỏi Đạo nhân: Ông là Khất sĩ nơi nào, ở trong ruộng tôi qua lại tùy tiện, mới thành dấu chân người như vậy? đạo nhân trả lời rằng: Tôi có điều tranh cãi với nhau, đi tìm người chứng minh, cho nên đi trong ruộng. Người chủ ruộng vốn có duyên đan liền với nhau nên đúng lúc gặp có thể hóa độ, liền đi theo Đạo nhân trong trạng thái lén lút sợ bắt gặp. Thấy giữa bãi tha ma hoang vắng, thi hài ngỗn ngang, phình trướng nát rữa hôi thối, chim thú rúc rỉa nhai nuốt, rơi vãi mỗi nơi một thứ, hoặc có thi hài bị ăn hết hay đang còn ăn dở, có thi hai giống như màu chim bồ câu xám, giòi bọ lúc nhúc thối tha khó mà đến gần. Tỳ kheo đưa tay nói với người ấy rằng: Các loài chim thú này là người làm chứng cho tôi. Người ấy hỏi rằng: Các loài chim thú này sao có thể là người làm chứng, ông nay là Tỳ kheo thì cùng tranh cãi với ai? Tỳ kheo trả lời rằng: Vì tâm bị bệnhsinh ra nhiều phiền não buồn bực, tôi quán xét hình hài này phân biệt rõ ràng mọi thứ xấu xa, liền trở về nơi ở cũng tự quán xét thân mình, từ đầu đến chân cùng với thây xác kia không khác, nhưng mà tâm ý này rong ruổi muôn nẻo, theo đuổi các pháp sắc-thanh-hương-vị-xúc huyễn ảo không thật, nay tôi muốn ngăn chặn nguồn gốc phát sinh của tâm, ông nên biết rằng tâm phát khởi ý niệm này, thì không làm cho tôi đi vào trong chốn địa ngục-ngạ quỷ, nay tôi là phàm phu chưa cởi bỏ được những ràng buộc, nhưng kẻ giặc trong tâm này không được nghe theo nó, vì vậy cho nên hàng ngày đến nơi đồng hoang u tịch, để nói ra ý nghĩ bất tịnh xấu xa một cách rõ ràng, lại nói với tâm rằng, tâm là kẻ giặc hung bạo, làm rối loạn không hề yên ổn, tâm nay đang sửa đổi không tạo thêm duyên xấu ác. Lúc ấy người chủ ruộng nghe Đạo nhân giải thích, đưa tay gạt nước mắt nghẹn ngào khó nói được. Nhưng mà người chủ ruộng ấy, ở trong thời Phật Ca Diếp trải qua mười ngàn năm tu pháp tưởng bất tịnh, lập tức phân biệt rõ ràng ba sáu vật bất tịnh xấu xa. Lúc bấy giờ Tỳ kheo và người chủ ruộng ấy, ngay nơi chốn mồ hoang vô cùng đáng sợ giữa đồng lạnh heo

hút đạt được quả vị Tu đà hoàn.

Vì vậy biết rằng Thánh trước Thánh sau cùng ân cần khuyên nhủ, không được khinh thường lười nhác tự làm hại quả báo đời sau. Quyến thuộc không lâu dài, duyên hợp trong chốc lát, báo ứng thiện ác đan nhau, thân sơ nào có nhất định. Không thể nào cố chấp tham lam ay đắm nhà cửa tài sản, cho dù có được địa vị vinh hoa nhưng chỉ trong chốc lát chứ không lâu dài. Ví như thấy người phàm tục ngu dốt không biết lẽ Vô thường, làm nhiều ruộng vườn nhà cửa lưu luyến ân ái vợ con, tham lam mong cầu danh lợi không biết thỏa mãn lòng dạ, suốt cuộc đời không biết tu tạo phước duyên, chết đi vẫn thuộc về người khác mà thôi."

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói rằng: "Xưa ở một nước thấy có Thanh tín sĩ, cúng dường Tam bảo từ đầu đến cuối không hề thỏa mãn. Lúc ấy có Sa môn qua lại cùng làm bạn thân, đạt được thần thông, sanh tử đã hết. Lúc ấy Thanh tín sẽ gặp phải căn bệnh khốn cùng, thuốc thang chữa trị đủ cách nhưng không thể nào chữa lành được. Lúc ấy người vợ ở bên cạnh đau xót than thở, cùng là vợ chồng sao một mình nhận chịu nổi đau này, nếu ông vô thường thì tôi nương dựa nơi đâu, con cái cô đơn nhờ cậy vào đâu! Người chồng nghe xót thương lưu luyến trong chốc lát liền qua đời, hồn vía thần thức trở về ở trong lỗ mủi người vợ hóa làm một con sâu. Người vợ khóc nĩ non không làm sao tự dừng lại được. Lúc ấy Đạo nhân đến cùng người vợ thăm hỏi nhau, biết người chồng mạng chung làm con sâu trong lỗ mũi, vì thế cần phải khuyên nhủ nói cho biết để giảm bớt ưu sầu. Người vợ thấy Đạo nhân đến càng thêm đau xót, than rằng: làm sao Hòa thượng ơi, chồng tôi đã chết! Lúc ấy người vợ đau lòng tuôn nước mắt thì con sâu trong lỗ mũi liền rơi xuống đất, người vợ xấu hổ muốn đưa chân giẫm lên. Đạo nhân nói cho biết rằng: Dừng lại, dừng lại chớ giết, là chồng của cô đó, hóa làm con sâu này. Người vợ thưa với Đạo nhân rằng: Chồng tôi tôn trọng kinh pháp giữ gìn giới luật, tinh tiến khó ai sánh bằng, vì sao mạng sống chấm dứt thì rơi vào trong loài sâu này? Đạo nhân trả lời rằng: Bởi vì cô ân ái đau xót kêu than, nên chồng cô khởi tâm ân ái lưu luyến ưu sầu, do đó mạng sống chấm dứt liền rơi vào trong loài sâu. Đạo nhân nói kinh cho con sâu nghe: Ông tinh tiến phụng trì kinh pháp, phước đáng sanh lên cõi trời ở trước chư Phật, nhưng vì nghĩ đến ân ái lưu luyến không quên, vì thế rơi vào trong loài sâu này cũng đáng hổ thẹn. Con sâu nghe lời ấy, tâm ý hiểu rõ ràng thông suốt, liền tự trách móc mình hết sức, lập tức mạng sống chấm dứt, nhân đó được sanh lên cõi trời.

Vì vậy bây giờ chỉ cần kiểm xét sửa chữa biết rõ tâm thiện ác, sửa sai làm thiện, kiểm điểm bản thân làm người, không được lười nhác tự làm hại quá báo của đời sau."

***Thứ tư:* Tiêu Ích.**

Như kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát luôn luôn thực hành tinh tiến, thì có mười điều lợi ích. Những gì là mười điều? Đó là: 1. Người khác không làm khuất phục được; 2. Được chư Phật gia hộ; 3. Được loài Phi nhân bảo vệ; 4. Nghe pháp không quên; 5. Điều chưa nghe có thể nghe; 6. Tăng thêm biện tài; 7. Đạt được tánh Tam muội; 8. Ít tật bệnh ít buồn phiền; 9. Tùy những thứ được ăn, ăn rồi có thể tiêu hóa dễ dàng; 10. Như hoa Ưu bát la không để cho hư hoại."

Con trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Thứ tư là tinh tiến có mười niệm: 1. Niệm đến công đức vô lượng của Phật; 2. Niệm đến sự giải thoát không nghĩ bàn được của pháp; 3. Niệm đến sự thanh tịnh không nhiễm trước của Tăng; 4. Niệm đến công hạnh đại Từ để an ổn cho mọi chúng sinh; 5. Niệm đến công hạnh Đại Bi cứu giúp trừ mọi khổ đau; 6. Niệm đến chánh định tụ vui mừng tu thiện; 7. Niệm đến tà định tụ nhổ sạch khiến cho quay về nguồn gốc; 8. Niệm đến sự đói khát giày vò hành hạ của các ngạ quỷ; 9. Niệm đến các loài súc sanh luôn luôn nhận chịu những khổ đau; 10. Niệm đến các chốn địa ngục nhận chịu tất cả mọi sự đốt cháy nóng bỏng. Bồ tát tư duy về mười niệm và công đức Tam bảo như vậy, chuyên chú ý niệm không tán loạn, đó gọi chánh niệm tinh tiến."

Còn trong kinh Lục Độ nói: "Lại có bốn loại tinh tiến đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Chịu khó đối với đa văn; 2. Chịu khó đối với tổng trì; 3. Chịu khó đối với lạc thuyết; 4. Chịu khó đối với chánh hạnh."

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 5 chuyện: 1. Sa môn Bạch Tăng Quang thời Tấn; 2. Sa môn Trúc Đàm Du thời Tấn; 3. Sa môn Thích Tăng Quy thời Tống; 4. Sa môn Thích Tuệ Cảnh thời Chu; 5. Sa môn Thích Đàm Tuần thời Tùy.

1.Thời nhà Tấn ở núi Ẩn Nhạc thuộc vùng Diệm có Bạch Tăng Quang, hoặc gọi là Đàm Quang, không biết là người nơi nào, thuở trẻ luyện tập thiền nghiệp. Đầu thời Tấn Vĩnh Hòa đi đến vùng Giang Đông, tìm vào núi Thạch Thành của vùng Diệm, dân sống cạnh núi đều nói: Trong núi này xưa có tai họa của mãnh thú, và Sơn thần tung

hoành hung ác cho nên từ lâu bặt dấu chân người. Tăng Quang không hề tỏ ra sợ sệt chút nào, nhìn mọi người vạch đường vác gậy mà tiến lên. Đi vào mấy dặm, bỗng nhiên mưa gió ào ào, bầy hổ gầm gào dữ tợn. Tăng Quang đến phía nam vùng núi trông thấy một hang đá, bèn dừng lại trong đó chắp tay ngồi thiền yên ổn, lấy làm nơi cư trú tu thiền. Đến sáng sớm mưa tạnh, bèn đi vào thôn xóm khất thực, chiều lại trở về trong hang. Trải qua ba ngày mới thấy Sơn thần, hoặc làm thân hình loài hổ, hoặc làm thân hình loài rắn, tranh nhau đến đe dọa Tăng Quang, Tăng Quang không một chút sợ hãi. Trải qua ba ngày lại mộng thấy Sơn thần, tự nói rằng: Chuyển đến cư trú trong núi Hàn Thạch ở huyện Chương An nhường hang đá bởi vì tôn trọng nhau. Từ đó về sau hái củi đổi lấy lương thực đạo tục trong vùng rất tôn trọng. Người thích học pháp thiền tìm đến, dựng chòi tranh ở bên cạnh hang đá, dần dần làm thành nhà cửa chùa chiền, nhân đó gọi là Ẩn Nhạc. Tăng Quang mỗi khi nhập định thì bảy ngày không đứng dậy. Ở trong núi 53 năm, tuổi thọ 1mười năm. Cuối đời Tấn Thái Nguyên, dùng y che đầu ngồi yên lặng mà qua đời. Tăng chúng đều nói là theo lệ thường nhập định, sau quá bảy ngày cảm thấy lạ lùng vì không đứng dậy, mới cùng nhau đến xem sao. Sắc diện như thường, nhưng trong mũi không có hơi thở, thần thức chuyển dời tuy đã lâu mà hình hài không hư hoại. Đến năm thứ hai đời Tống Hiếu Kiến, Quách Hồng nhậm chức ở huyên Diệm, đi vào núi lễ bái, thử dùng gậy như ý đẩy vào ngực, gió ào ào nổi lên làm cho da thịt tiêu tán, chỉ còn lại xương trắng. Quách Hồng vô cùng hổ thẹn và sợ hãi thu nhặt đưa vào hang, dùng gạch xây lên mà tô vữa bên ngoài, họa thành hình tượng, đến nay vẫn còn.

2.Thời nhà Tấn ở núi Xích Thành vùng Thỉ Phong có Trúc Đàm Du, hoặc gọi là Pháp Du, người vùng Đôn Hoàng, thuở trẻ sống khổ hạnh, luyện tập thiền định. Sau đi đến Giang Tả dừng lại trong núi Thạch Thành của vùng Diệm, khất thực ngồi thiền. Đã từng đi đến một nhà chuyên nuôi sâu độc khất thực, Đàm Du chú nguyện xong, bỗng nhiên thấy con rết từ trong thức ăn nhảy ra, Đàm Du tự nhiên ăn chứ không có gì khác. Sau chuyển đến ngồi thiền ở hang đá nơi núi Xích Thành vùng Thỉ Phong, có mấy chục con hổ dữ ngồi chồm hổm ở phái trước Đàm Du, Đàm Du tụng kinh như cũ, cả bầy hổ chỉ có ngủ, Đàm Du dùng gậy như ý gõ vào đầu hổ trách mắng, vì sao không nghe kinh. Trong chốc lát cả bầy hổ đều bỏ đi. Một lúc sau loài mãng xà tranh nhau xuất hiện, lớn hơn mười vòng tay ôm, cứ vòng lại ngước đầu hướng về Đàm Du, suốt nửa ngày lại bò đi. Sau đó một hôm có vị thần hiện rõ hình dáng, nói với

Đàm Du rằng:Uy đức của Pháp sư đã sâu dày, đến ở tại núi này, đệ từ nhất định phải nhường hang đá để tỏ lòng tôn kính nhau. Đàm Du nói: Bần đạo tìm đến núi mong được gặp nhau, tại sao không cùng cư trú? Vị thần nói: Đệ tử thuận theo tự nhiên chứ không phải như thế, nhưng thuộc hạ chưa tiếp xúc với giáo pháp cảm hóa, bất ngờ khó mà chế ngự được, người phương xa qua lại, có lẽ làm xúc phạm lẫn nhau, bởi người và thần khác nhau về đạo lý, vì vậy ra đi mà thôi. Đàm Du nói: Vốn là thần gì, ở đây đã bao lâu, muốn chuyển đến nơi nào vậy? Vị thần nói: Đệ tử là con trai của vua Hạ, ở tại núi này hơn hai ngàn năm, núi Hàn Thạch là nơi cai quản của nhà cậu, nên đến cư trú ở đó. Lát sau trở về miếu thờ ở phía Bắc của núi, trước lúc từ biệt tự tay cầm tặng cho Dàm Du ba hộp hương, ngay sau đó vỗ bao kiếm thổi tù và rồi cưỡi mây mà đi. Núi Xích Thành có đỉnh cao lẻ loi, đứng một mình vượt ra ngoài tầng mây bao phủ, Đàm Du đập đá làm bậc thang lên trên mỏm núi cao ngồi an nhàn, nối những ống trúc dẫn nước để cung cấp sử dụng hằng ngày. Người đến học thiền có hơn mười người, Vương Hy Chi nghe mà có ý đến nương nhờ, cùng nhau đến đỉnh cao kính chào mà trở về.

Đỉnh Xích Thành và thác nước Thiên Thai cùng khe nước linh thiêng Tứ Minh, tất cả đều nối liền với nhau, mà Thiên Thai thì núi cao vách đứng, đỉnh sừng sừng chọc trời. Cổ xưa tương truyền rằng: Phía trên có Tinh xá rất đẹp, là nơi cư trú của những người đắc đạo. Tuy có cầu đá vượt qua khe núi mà đá lớn chắn ngang cắt lối người đi, và lại đầy rêu xanh trơn trợt, từ xa xưa đến ney không có người nào đến được. Đàm Du đi đến nơi cầu đá, nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Biết ông chân thành, nhưng nay chưa đi qua được, mười năm sau tự nhiên sẽ đến được. Trong lòng Đàm Du buồn bã, nhiều tối dừng lại ngủ qua đêm, trong đêm vắng nghe tiếng người hành đạo xướng lên Bố tát. Sáng sớm lại muốn tiến lên, gặp một người mày râu bạc phơ, hỏi Đàm Du mong muốn điều gì? Đàm Du trả lời đầy đủ ý nguyện. Người ấy nói: Ông là thân sanh tử, sao có thể đến được, ta là Sơn thần cho nên tự mình nói cho biết mà thôi. Đàm Du bèn quay trở về, đường đi qua một hang đá, liền vào trong hang nghỉ chân, chốc lát mây mù tối đen trong hang đều sáng tỏ, thần sắc Đàm Du không hề thay đổi. Sáng sớm thấy người mặc áo mỏng khép nách xuất hiện, nói rằng đây chính là nơi ở của tôi tớ, hôm qua đi vắng, trng nhà liền trở nên bừa bộn, thật vô cùng hổ thẹn. Đàm Du nói: Nếu là nhà của ông, thì xin để tự nhiên trả lại. Vị thần nói: Nhà ở của kẻ tôi tớ đã chuyển nơi khác, xin dừng lại cư trú nơi này. Đàm Du dừng lại không bao lâu, Dàm Du tiếc là không qua được cầu

đá, sau đó trai tịnh nhiều ngày lại muốn tiếp tục đi đến cầu đá. Trong thấy tảng đá chắn ngang mở ra thông suốt, qua cầu trong chốc lát, nhìn thấy Tinh xá và các Thần Tăng, quả nhiên giống như người đã nói. Nhân đó thắp hương rồi ăn cơm trưa. Ăn xong Thần Tăng nói với Đàm Du rằng: mười năm sau hãy tự mình nên đến chỗ này, bây giờ chưa dừng lại được. Ngay sau đó bèn trở về, quay đầu nhìn lại thì thấy tảng đá chắn ngang khép lại như cũ.

Trong thời Tấn Thái Nguyên có ngôi sao tà ác xuất hiện, nhà vua lập tức ban sắc lệnh cho các nước chư hầu tìm Sa môn có đức hạnh khiến trai tịnh sám hối cầu khấn để tránh tai họa. Đàm Du bèn chân thành cầu khấn cảm ứng sâu xa, đến sáng sớm ngày thứ 6 thấy đứa trẻ mặc áo xanh xuất hiện, ăn năn hối lỗi rằng: Bất ngờ làm phiền đến Pháp sư, đêm nay ngôi sao xấu sẽ rút lui.

Chỗ khác nói rằng: Cầu khấn để tránh sao xấu là Bạch Tăng Quang. Không rõ chính là ai? Đàm Du vào cuối thời Thái Nguyênthì mất tại hang núi, thi hài hãy còn ngồi bình thường mà cả thân thể có màu xanh. Cuối thời Tấn Nghĩa Hi, ẩn sĩ Thần Thế Tiêu vào núi leo lên đỉnh, cho nên trông thấy thi hài của Đàm Du không hủy hoại. Sáu đó người nào muốn đến xem, thì mây mù làm cho kín mít không có ai nhìn thấy được.

(Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện).

3. Thời nhà Tống có Sa môn Tăng Quy, là Tăng trong chùa Võ Đang. Lúc ấy Trương Du ở vùng Kinh Triệu, đến ở huyện này thường thỉnh Tăng Quy cúng dường tại nhà. Ngày mồng 5 tháng mười hai năm thứ nhất thời Tống Vĩnh Sơ, không bệnh hoạn gì mà đột ngột qua đời, hai ngày sau sống lại, tự mình nói rõ rằng: Giữa canh 5 đêm ngày mồng 5, nghe trong cổng rõ ràng có tiếng nói, chốc lát thấy có năm người cầm đèn đuốc sáng bừng và cờ phướn làm dấu hiệu đi thẳng đến tiến vào nhà, quát mắng Tăng Quy. Tăng Quy mệt mỏi nằm xuống mê man, năm người liền lấy dây đỏ trói lại dẫn đi. Đi đến một vùng núi hoàn toàn không có cỏ cây, màu đất rất đen có nơi giống như sắt đá, hai bên núi chất đầy xương trắng. Qua vùng núi mấy chục dặm đến ba đường rẽ, có một người rất cao lớn, mặc áo giáp cầm cây gậy, hỏi rằng: Năm người đi có mấy người đến? Đáp rằng: chỉ có một người mà thôi. Năm người lại dẫn Tăng Quy đi vào trong một con đường ở giữa, chốc lát đến một khu thành, bên ngoài có mấy chục gian nhà, làm toàn bằng đất, trước nhà có cây gỗ dựng đứng, cao hơn mười trượng, phía trên có xà ngang bằng sắt, hình dạng như cái cần múc nước từ giếng sâu, hai

bên có hòm chứa đất, đất đều có số để phân biệt, hoặc có mười hộc, hình dạng cũng lớn bằng cái hộp năm thăng. Có một người mặc áo và khăn bịt đầu đều màu đỏ, nói với Tăng Quy rằng: Lúc ông sống ở thế gian có tội phước gì, cứ thật thà nói hết, không được nói dối. Tăng Quy kinh hoàng sợ hãi chưa trả lời. Người áo đỏ như hàng quan lại bảo rằng: Có thể mở sổ sách kiểm tra tội phước của người này! Một lát sau vị quan đến dưới cây gỗ cao, lấy một hòm đất treo lên xà ngang bằng sắt để cân, như cảm thấy chúi thấp xuống, vị quan nói với Tăng Quy rằng: Đây là cái cân để biết rõ tội phước, ông tội nhiều phước ít, nên trước hết chịu xử phạt. Chốc lát có một người áo mũ cao lớn, nói với Tăng Quy rằng: Ông là Sa môn, sao không niệm Phật, ta nghe ăn năn hối lỗi thì có thể vượt qua được tám vạn. Thế là Tăng Quy dốc lòng niệm Phật. Người mang áo mũ nói với vị quan rằng: Có thể tiếp tục cân cho người này vì đã là đệ tử của Phật, mong là có thể được độ thoát. Vị quan bèn tiếp tục treo hòm đất lên cân, cán cân quả là ngang bằng. Lát sau dẫn Tăng Quy đến trước quan giám sát để phán xét. Quan giám sát cầm bút nhìn sổ sách chần chừ một lúc lâu. Lại có một người mặc áo đỏ đội mũ đen đeo ấn tín cầm thẻ ngọc đến nói rằng: Coi như trong sổ sách chưa có tên người này. Quan giám sát ngạc nhiên, truyền lệnh cho tùy tùng thu nhận lời này. Trong chốc lát thấy trở lại trói năm người trước đây dẫn đến. Quan giám sát nói: Quỷ chết tiệt tại sao tùy tiện dẫn người đến đây? Thế là sai lính đánh đòn. Lát sau có sứ giả báo rằng Thiên đế cho gọi Đạo nhân đến. Đã đến Thiên cung đi qua mọi nơi thấy chân đạp trên mặt đất toàn là vàng quý báu, sạch bóng sáng ngời, không thể nhìn chăm chú được . tùy tùng của Thiên đế mặc áo đỏ đội mũ báu trang sức bằng hoa châu báu. Thiên đế nói: Ông là Sa môn, sao không chịu khó tu hành, mà bị tiểu quỷ bất ngờ bắt lấy như vậy? Tăng Quy rập đầu lạy chư Phật cầu ân thỉnh phước. Thiên đế nói: Mạng ông chưa hết, nay được sống lại, nên chịu khó tinh tiến, đừng giao du nhiều nơi nhà hàng Bạch y, quỷ chết tiệt đi bắt người cũng có nhiều lúc oan ức sai lầm, ví dụ như ông vậy. Tăng Quy nói: Tai ách oan ức bất ngờ, nên dùng cách gì để cứu giúp tránh được? Thiên đế nói: làm nhiều việc phước thì hành thiện là bậc nhất, nếu không làm được như thế thì có thể thực hành Bát quan trai, sống tránh được tai họa bất ngờ-chết xa rời chốn địa ngục, đó cũng là điều thứ hai. Nói xong bảo Tăng Quy đi ra. Đi cũng chưa bao lâu, trông thấy một Tinh xá, có rất nhiều Sa môn, thấy chủ chùa Võ Đang là Bạch Pháp sư và đệ tử là Tuệ Tiến đều ở trong đó, nhà cửa rộng lớn ngăn nắp-tiền của chu cấp tự nhiên. Tăng Quy xin được ở lại nơi ấy, có

một Sa môn nói: Đây là nơi phước thiện chứ không phải là nơi mà ông ở được. Sứ giả dẫn Tăng Quy về đến nhà Trương Du mà chia tay.

Hà Đạm Chi là người vùng Đông Hải, làm quan Đại Tư Nông nhà Tống, không tin kinh pháp mà làm nhiều điều tàn hại, trong thời Tống Vĩnh Sơ mắc bệnh trông thấy một con quỷ, hình dáng rất cao lớn có thân người- đầu trâu, tay cầm chĩa sắt canh giữ suốt ngày đêm; lo sợ tìm cách ngăn che, cầu Đạo gia làm bùa chú phù phép bảo vệ, đủ các loại cầu khấn trừ khử mà cuối cùng vẫn thấy như cũ, Sa môn Tuệ nghĩa vốn có quen biết nhau, nghe tin bị bệnh ấy nên đến thăm hỏi Đạm Chi. Đạm Chi nói cho biết những điều mình thấy, Tuệ Nghĩa nói: Đây là người đầu A Bàng, tội phước không che giấu chỉ cho người gây ra, ông có thể chuyển tâm hướng về giáo pháp, thì con quỷ này tự nhiên mất đi. Đạm Chi rất mê muội không chịu thay đổi, không bao lâu thì chết.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký).

4.Năm thứ hai thời Chu Đại Đồng có Pháp sư Tuệ Cảnh làm chủ chùa, đạo hạnh xưa nay cao xa trong sángcó trí tuệ hưng sùng giáo pháp. Sư trước đó ở chùa, sau lên bảy núi dựnayhai gian nhà tu hạnh đầu đà, luôn có thiện thần bảo vệ che chở. Ngày 20 tháng 4 năm thứ nhất niên hiệu Phổ Thông (nhà Lương), có Tuệ Trưng là Tăng mới thọ giới, đến trong nhà tụng giới, có chút mệt mỏi uể oải, Sơn thần hiện rõ hình tướng, lại mặc áo đen, thân cao một trượng, tay cầm dây trói. Tuệ Trưng kinh hoàng sợ hãi liền trở về chùa. Ngày 15 tháng 4 năm thứ 8 niên hiệu Phổ Thông, Tăng trong chùa là Tăng Phúc đi đến trong căn nhà này thề tụng kinh cả mùa hạ. Ban đầu ở đó một ngày tụng trì luyện tập không lơi lỏng. Đến ngày thứ hai trở về chùa nghỉ ngơi dừng lại, trong chốc lát đá trên núi lăn xuống, tiếng động giống như sấm chớp ầm ào, có một hòn đá đánh vào căn nhà, Tăng Phúc kinh hãi bật dậy, nhận lỗi đứng dậy tụng kinh không dám ngủ nữa. Trong ngày 12 tháng 4 năm thứ 4 niên hiệu Đại Đồng (nhà Lương), lại có một khác Tăng tên gọi là Pháp Trân, bởi vì nhà ở Thọ Dương, đến chùa lễ bái, nhiều lần đến chùa sau đó lên núi, đã thấy trong hang đá trước đây có dòng nước tốt lành, nước rất sạch sẽ, nên đến đây ngồi thiền, trong chốc lát giữa hư không tự nhiên có tiếng nói khiến hãy tránh đi. Pháp Trân cũng không nhúc nhích, lát sau cóp con hổ xuất hiện, dùng chân trước túm lấy đầu Pháp Trân, máu chảy đầy mặt, hơn 40 ngày, vết thương lành hẳn mà đi. Ngày mồng 5 tháng 2 năm thứ nhất niên hiệu Trung Đại Đồng (nhà Lương), Sơn thần ở vùng Nhiếp hiện rõ hình tướng, trùm khăn Bồ tát khoát ca sa, hình dáng tướng mạo vô cùng đoan chánh, người theo hầu

hai bên hơn ba mươi người, có một người bưng lò hương ở phía trước, đi đến tiến vào thiền đường đến nơi Pháp sư Hoằng Thệ, tự nhiên ngồi vào chiếc giường nhỏ, cùng trò chuyện với Pháp sư, và thỉnh Tăng trong chùa hành đạo. Lại vào đêm mồng 4 tháng 4 năm ấy, lúc bấy giờ gió mạnh nổi lên ở thiền đường, Tăng Trí Viễn cùng mọi người nghe bên ngoài giống như có tiếng chân đi của mấy chục người, đến cuối đêm thấy bên cửa thiền đường có một cây to. Tuệ Cảnh-Trí Viễn cùng mọi người vẫn trở về chùa lớn kết thúc trai kỳ. Sau đó trở lại thiền đường mở cửa đã thấy như vậy. tuệ Cảnh ngồi ở giường thiền, thấy một tờ giấy viết khiến an trú trong hang đá sau thiền đường trước kia. Tuệ Kiền ban đầu dùng hai tay nâng không hề di chuyển, cuối cùng nói sẽ di chuyển hang đá thì đưa lên nhẹ nhàng. Đến ngày 14 tháng 5 năm ấy, lại tiếp tục viết trên phiến đá cho 2 Tăng là Tuệ Cảnh-Trí Viễn, khiến trồng trúc ở sau thiền đường, tự xưng tên là Bồ Đề.

5.Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Đàm Tuần ở chùa Bách Tiêm Sơn-Hoài Châu, người dòng họ Dương ở vùng Hoa Âm-Hoằng Nông, cẩn thận giữ gìn tự tu với tôn chỉ tiếp nhận tâm học, đi xa tìm hiểu núi sâu rừng vắng mong được ẩn tu, dạo qua đến chùa Lâm Lạc Tuyền ở phái Bắc núi Bạch Lộc gặp Thiền sư Đàm Chuẩn, giảng dạy cho pháp thiền. Lại đến nơi Thiền sư Trù, hỏi về bến bờ của đạo ấy, hết sức trọng đãi lẫn nhau, thiền vị dễ dàng thích hợp. Sau trải qua 3 mùa Hạ chuyển đến ở hang Lộc Thổ tu thiền, vốn là dòng suối khô lại có nước chảy ra, hươu nai quy tụ thành đàn quanh chỗ ở, bởi vì nay có được nước ngọt ngào làm cho loài thú thuần phục, ngày ngày giúp ích cho gần với đạo. Người theo học chúc mừng lẫn nhau trước sự may mắn tốt lành này. Lúc ấy bởi vì thỉnh pháp cho nên tạm thời đi đến Vân Môn, gặp đường đi mây mù che phủ mờ mịt nên lạc đường, bỗng nhiên được Sơn thần chỉ đường mới biết được lộ trình ban đầu. Đây chính là sự giáo hóa cảm đến chốn u minh được thần linh giúp đở chở che. Lúc ấy có kẻ trộm đến lấy cắp rau trái, mang đi sắp ra khỏi vườn, liền bị đàn ong bu lại chích đầy người, Đàm Tuần nghe đi đến cứu giúp, tâm Từ đem vào chữa trị được giữ lại mạng sống. Đã từng có người ở nước Triệu từ xa đến rất ân cần, cung kính lễ lạy bày tỏ rằng: Đệ tử vì căn bệnh chết rồi sống lại, đến gặp Diêm La Vương, truy hỏi tội lỗi đáng giam vào ngục, nhờ được Pháp sư đàm Tuần đến xin cứu mạng giúp cho, Diêm La Vương nhân đó tha cho khỏi tội, từ nhỏ chưa gặp mặt cho nên ở xa tìm hỏi mới biết đích thực. Lại đi giữa núi gặp hai con hổ đánh nhau, nhiều ngày không ngừng, Đàm Tuần cầm tích trượng để phân giải, dùng thân mình

để che lấp, nói rằng: các ông cùng ở chốn rừng rậm, sách lược không trái ngược nhau lắm, mong rằng mỗi bên phân ra mỗi đường, đâu cần phải khăng khăng giận dữ! Hai con hổ nghe xong cúi đầu, nuốt giận mà rời ra. Nhiều lần gặp gấu và hổ, đánh nhau liên tục không ngừng, Đàm Tuần đều đến cứu giúp, đại khái giống như trước đã nói. Lúc nhập định chim không làm náo loạn, thú dữ thấy như tượng gỗ. Còn âm đức cảm đến vật biểu hiện rõ ràng tác dụng làm thành lòng nhân ái. Mỗi khi vào trong thiền định thì lấy bảy ngày làm kỳ hạn, hổ trắng đi vào phòng cùng ở trong hang đá, một mình ở nơi vắng lặng suốt mười năm không ra ngoài. Tùy Văn Đế coi trọng đức hạnh nhiều lần chuyển tặng ấn thư, và ban tặng hương hoa cúng dường hết năm này đến năm khác. Vào năm thứ nhất niên hiệu Khai Hoàng bệnh mề đay bỗng nhiên tăng mạnh, qua đời tại chùa Bách Tiêm Sơn, thọ 80 tuổi. Lúc mới nhuốm bệnh hấp hối, bỗng nhiên có ánh sáng thần diệu chiếu soi rõ ràng và gió thơm lướt nhẹ qua. Lại cảm đến loài chim kỳ lạ có thân đỏ cổ trắng, bay giữa bầu trời xung quanh trú xứ, cất tiếng kêu đau xót vô cùng. Đến lúc hơi thở hoàn toàn ngưng lại, chim đậu xuống nền nhà, tự nhiên đến gần bên cạnh, không sợ người ở xung quanh; hoặc có chim đậu ở cửa phòng cho đến ở nơi chỗ nằm, kêu gào thương xót càng buồn thảm hơn đến nổi máu đỏ vừa đầy trong mắt. Lát sau đến lúc hóa thân, chim liền bay ra ngoài lượn vòng giữa hư không bỗng nhiên bay đi mất dạng. Lại cảm đến hổ dữ vòng quanh trú xứ gầm gào đau buồn. Hai đêm mây mù che phủ- ba ngày trời đất ảm đạm. Lại thêm núi lở-đá rơi-rừng khô-suối dừng, người và súc vật kinh động lo buồn hốt hoảng mất nơi nương tựa. Sự đau xót-cảm ứng điềm lành linh thiêng ấy làm sao có thể ghi lại hết được.

(Hai chuyện trên đây trích từ Cao Tăng Truyện).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 84

Thiên thứ 85: **LỤC ĐỘ** (Phần năm)

Phần thứ năm: **THIỀN ĐỊNH**

Phần này có năm mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng, Đầu đà, Lợi ích, Định chướng.

Thứ nhất: **Thuật Ý**

Thắng nghiệp thần thông không phải thiền định thì không thể sinh ra, tuệ căn vô lậu không phải tịch tĩnh thì không thể phát được. Vì vậy trong kinh nói: "Tu sâu vào thiền định đạt được năm thứ thần thông, tâm ở tại một duyên là tướng của Tam Muội." Sách xưa cũng có nói: "Phải làm cho hình hài giống như cây khô, tâm tư giống như tro nguội, không làm công việc đào bới giàu sang, không rơi vào nơi giữ lấy nghèo hèn, thần thức dừng lại trạng thái vắng vẻ sâu xa, hình hài để lại ngoài tướng mạo bụi bám khắp nơi." Vì vậy một nơi chính là rừng cây công đức, thả ý trong chốc lát thì gọi là La sát phiền não. Vì lẽ đó Thích tử Đàm Quang thuần phục hổ dữ ở trước đầu gối, Tiên nhân Loa Kế ngủ trong ổ chim ở trên cành cao; quả là biết bậc Đại Sĩ thường tu pháp ngồi lặng suy tư, không đoạn trừ phiền não mà tiến vào Niết bàn, không rời bỏ đạo pháp ngay nơi việc phàm phu. Lại luôn luôn quán sát thân này, từ đầu đến chân gồm ba sáu vật-tám vạn loài trùng, đều là bất tịnh- vô thường- khổ-không- vô ngã. Nhưng tâm tánh của chúng sinh ví vượn khỉ chạy nhảy đùa bám theo duyên-vui vẻ lao đến quá mức tùy tiện, không thể nào nhắm mắt-giữ thân-buộc tâm-kềm ý, ngang bướng cố chấp khó giáo hóa –tàn ác tội lỗi không thuần phục, thói quen gần gũi năm trần trôi lăn mãi trong ba cõi, dính chặt vào keo của ngoại đạo, xâu vào đầu gậy của Thiên ma, thế là mãi mãi chìm trong biển khổ-luôn luôn rơi vào lao ngục hiểm nguy, đều do buông thả tình ý suy nghĩ-làm rối tâm tư thần thức. Tương tự ngọn đèn trước gió, ví như bóng trăng giữa sóng,

đung đưa dập dờn tùy tiện, trôi nổi bềnh bồng khắp nơi, ảnh đã không hiện rõ ra, chiếu rọi lẽ nào sáng được? Vì lẽ đó mọi điều ác dựa vào đây mà dấy lên, những điều thiện do vậy mà cùng dứt bỏ. Bởi vì không tu pháp đoạn mê lầm, luôn luôn dấy niệm tham sân, không điều phục chẳng biết gì, chỉ hưởng thụ nhiều khoái lạc; liền khiến cho mê hoặc ngăn cách thiền định liên tục tranh nhau xuất hiện, duyên tố trở ngại vắng lặng cùng lúc giành nhau tụ tập. Năm cái che phủ tâm tư thiền môn đã khép lại, sáu Trần ngày nơi ý niệm loạn tưởng mãi ruỗi rong, giống như voi điên mà không có móc sắt, tựa như vượn khỉ mà gặp được cây rừng. Do đó cần phải từng niệm từng niệm thúc giục tâm tư-những điều mới lạ tu tập dấy lên; lẽ nào niệm trước đều ác, liền chịu khó mà lắng cảnh trần, niệm sau khởi thiện, thi thuận ý mà nêu niệm ác hay sao? Vì lẽ đó Luận làm đẹp bốn thời-Kinh ca ngợi một niệm, sau đó mới có thể suy tưởng chính đáng làm thay đổi hẳn tâm địa phàm trần. Nếu trái với lý này thì bậc Thánh cũng không làm gì được. Nay vạn cảnh lồng lộng bao la không thể nào tự mình tiếp xúc được, cần phải noi theo lối cũ dựa vào các căn bên trong suy tưởng cảm nhận mà phát ra. Tại sao biết như vậy? bởi vì nay có tâm cảm nhận ở bên trong- sự phát ra ở bên ngoài, hoặc là duyên ở bên ngoài dấy lên những nhiễm trước ở bên trong, cho nên biết trong và ngoài cung cấp cho nhau- ngoài và trong sử dụng theo thứ tự, vua-tôi-tâm-thức không thể nào hoàn toà bỏ được. Vì vậy trong kinh nói: “ Nếu tâm vương ngay thnẳng thì sáu tâm bề tôi không tà vạy, thức và ý ảm đạm mê mờ thì do chúa tể của nó không rõ ràng. Nay sáu tâm bề tôi ân hận nên tự mỗi người đều hổ thẹn chế ngự sáu căn không để cho rong ruỗi tản mác khắp nơi.”

***Thứ hai:* Dẫn Chứng.**

Như phẩm Tâm Ý trong kinh Pháp Cú giải thích rằng: Xưa vào thời Đức Phật tại thế, có một Đạo nhân ở dưới tán cây bên bờ sông học đạo, trong mười hai năm ý tưởng tham lam không trừ được, tâm rong ruỗi ý tản mác chỉ nghỉ đến 6 thứ dục, mắt nhìn sắc, tai nghe thanh-mũi người hương-miệng nếm vị-thân cảm thọ-tâm phân biệt pháp, thân yên lặng mà ý rong ruỗi không hề dừng lại yên ổn, trong mười hai năm không thể nào đắc đạo. Đức Phật biết có thể hóa độ, bèn làm Sa môn, đi đến chỗ ấy, cùng trú ngụ dưới tán cây. Trong chốc lát vầng trăng tỏa sáng, có con rùa từ trong dòng sông nổi lên bơi đến dưới tán cây. Lại có con chó nước đói bụng đi kiếm ăn, cùng với con rùa gặp nhau, liền muốn ăn thịt con rùa. Con rùa rút đầu co đuôi và bốn chân giấu vào trong mai, con chó nước không thể nào ăn thịt được, lát sau bỏ đi xa.

Con rùa lại thò đầu và chân ra, chầm chậm bước đi như cũ, không thể làm gì được, thế là được thoát nạn. Ngay sau Đạo nhân hỏi hóa Sa môn: Con rùa này có áo giáp bảo vệ mạng sống, con chó nước không thể nào có được dịp thuận tiện ấy? Hóa Sa môn đáp rằng: Tôi nghĩ người đời không bằng con rùa này, không biết vô thường mà buông bỏ tùy tiện theo sáu tình, để cho tà ma ngoại đạo được dịp thuận tiện, hình hài hủy hoại thần thức ra đi, sinh tử nào hay duyên cớ, xoay tròn năm đường khổ não trong trăm ngàn cảnh, đều do ý mà tạo ra. Nên tự khuyến khích mình cầu diệt độ an lành. Thế là hóa Sa môn liền nói kệ rằng:

Giấu sáu chỗ như rùa,
Giữ ý như giữ thành,
Tuệ cùng ma đánh nhau,
Thắng thì không lo sợ.

Còn trong kinh Cầu Ly Lao Ngục nói: "Lúc ấy có em trai vua A Dục, tên là Thiện Dung (cũng gọi là Vi Đà Thủ Kì) đi vào núi săn bắn dạo chơi, thấy các Phạm chí lõa hình khổ hạnh mà không được gì. Em trai nhà vua gặp mà hỏi rằng: Ông ở đây hành đạo, có điều gì lo lắng vất vả mà không thành tựu đạo nghiệp? Phạm chí trả lời rằng: Bởi vì có bầy hươu đã nhiều lần cùng nhau hợp hội (giao cấu), tôi trông thấy nên động tâm không thể nào tự kềm chế được. Em trai nhà vua nghe rồi, liền sanh ra ác niệm: Những Phạm chí này, uống gió ăn hơi nên sức lực gầy yếu mệt mỏi, hãy còn có tai họa dâm dục không trừ bỏ, Sa môn Thích tử ăn uống ngon ngọt còn ngồi trên giường ghế tốt đẹp, áo quần tùy thời tiết hương hoa tự nhiên xông ướp, lẽ nào có thể không còn dục vọng? Lúc ấy vua A Dục nghe em trai có điều bàn luận như vậy, thì trong lòng cảm thấy ưu sầu: Ta chỉ có một người em trai, bỗng nhiên sanh lòng tà kiến, sợ rằng mãi mãi mê muội, ta nên tìm cách thích hợp để loại bỏ ác niệm ấy. Liền trở về trong cung truyền lệnh cho các kỹ nữ, đều tự mình tang điểm đẹp đẽ, đến chỗ Thiện Dung cùng nhau chơi đùa vui vẻ. Chuẩn bị trước sắc lệnh cho Đại thần: Ta có kế hoạch này, nếu Ta truyền lệnh cho khanh giết Thiện Dung, thì các khanh liền can gián, cần phải đợi đến bảy ngày cứ tùy ý nhà vua mà giết!

Lúc ấy các kỹ nữ liền đi đến chơi đùa vui vẻ, chưa được bao lâu thì nhà vua tự mình đến đó, nói với em trai rằng: Vì sao tùy ý dẫn kỹ nữ thê thiếp của Ta để tự mình tiêu khiển vui vẻ? Bất ngờ dùng uy quyền giận dữ lấy chiếc vòng ném lên hư không, gọi các Đại thần lập tức tuyên bố rằng: các khanh biết hay không, ta chưa già yếu, cũng không có giặc ngoài hay kẻ địch hùng mạnh đến xâm lấn đất nước, ta

từng nghe cổ xưa các bậc hiền đức có câu ngạn ngữ này, rằng có người phước thì khắp nơi đều quy phục-phước hết đức mỏng thì sự bội phản nảy sinh từ nơi thân cận, như ta tự xét mình chưa có biến động này, nhưng mà Thiện Dung là em trai ta dụ dỗ kỹ nữ thê thiếp của ta mặc tình tự nhiên làm điều tùy tiện, sự việc đã như vậy há còn có ta chăng? Các khanh mang đi đến chợ chém đầu! Các quan can gián rằng: Chỉ mong Đại Vương xem xét đôi lời sâu xa của hạ thần, chỉ có một người em trai này, lại thiếu con cái đời sau không có người kế tự, mong cho bảy ngày tùy ý làm vua, cầu xin nghe theo chỉ thị của nhà vua. Lúc ấy nhà vua lặng lẽ nghe theo lời can gián của các quan. Nhà vua lại rộng lòng ban ân, truyền lệnh nói với các quan: Chỉ thị tuỳ ý Vương tử, mặc quần áo trang sức của ta, mũ niệm uy dung như ta không khác, ở trong cung của ta làm mọi thứ kỹ nhạc, cùng chơi đùa vui vẻ như thường. Lại truyền lệnh cho một cận thần bắt đầu từ hôm nay mặc áo giáp cầm binh khí, rút gươm sắt nhọn, đến nói với Vương tử Thiện Dung rằng: Biết hạn kỳ bảy ngày kết thúc chăng, bây giờ nên đến lúc cố gắng cắt bỏ năm dục để tự mình làm cho vui vẻ, nay không tự nhiên thích hợp thì sau khi chết rồi có hối hận cũng không ích gì. một ngày đi qua rồi vị cận thần lại đến nói: Còn lại sáu ngày. Như vậy lần lượt cho đến một ngày, vị cần thần đến thưa rằng: Vương tử nên biết, sáu ngày đã trôi qua chỉ còn lại ngày mai, sẽ đi vào chỗ chết, cố gắng buông thả tình ý, tự mình vui với năm dục. Cuối cùng bảy ngày đến, nhà vua sai sứ hỏi: Thế nào Vương tử, trong bảy ngày ý chí tự do khoái lạc hay không vậy? em trai trả lời nhà vua rằng: Đại Vương nên biết, không thấy không nghe có gì khoái lạc cả! Nhà vua hỏi em trai rằng: Mặc quần áo trang sức của ta, vào trong cung điện của ta, các kỹ nữ tự nhiên vui thú, ăn uống thì dùng toàn vị ngon lành, vì sao tự mình lừa dối nói là không thấy không nghe không khoái lạc gì cả? Em trai thưa với nhà vua rằng: Người phải chết, tuy mạng sống chưa chấm dứt mà đâu khác gì so với chết, nên đâu có tình cảm đắm theo năm dục? Nhà vua nói cho em trai biết rằng: Người ngu dốt vụng về đã kể, nay em có một thân mà lo buồn trăm mối, một thân đoạn diệt mà đối với dục còn không vui, huống gì Sa môn ưu sầu nghĩ đến ba đời, một thân chết đi lại nhận chịu một thân, trăm ngàn vạn ức đời, thân này thân khác nhận chịu khổ đau vô lượng ưu sầu lo lắng, tuy sanh ra làm người mà để cho người ta sai khiến, hoặc sanh trong nhà nghèo khó cơm áo thiếu thốn vô cùng, nghĩ đến nỗi chua xót này cho nên xuất gia hành đạo, cầu mong đạo lý vô vi vượt khỏi thế gian, nếu như không tinh tiến thì sẽ tiếp tục trải qua nhiều đời kiếp khổ đau.

Lúc này Vương tử trong lòng mở mang ý nghĩ hiểu rõ, tiến lên thưa với nhà vua rằng: Nay nghe nhà vua dạy boả mới được thức tĩnh sợ hãi, sanh-lão-bệnh-tử thật là đáng chán ngán lo sợ, ưu sầu khổ não lưu chuyển không ngừng, chỉ mong Đại Vương, cho em được pháp vì đạo, cẩn thận tu hành! Nhà vua bảo với em trai rằng; Thích hợp là biết rõ đúng lúc. Người em trai liền từ biệt nhà vua xuất gia làm Sa môn, tôn trọng giữ gìn giới cấm tinh tiến suốt ngày đêm, liền đạt được quả vị A La Hán, sáu thần thông hoàn toàn đầy đủ không có gì ngăn trở vướng mắc."

Lại trong truyện A Dục Vương nói: "Vua A Dục nghe em trai đắc đạo, tâm vô cùng hoan hỷ, cúi rập đầu lễ lạy cung kính, xin cúng dường suốt đời. Nhưng em trai nhà vua đã chán ngán cuộc đời đau khổ không vui sướng gì của chốn nhân gian, thề dựa vào rừng núi hoang vắng để nuôi dưỡng mạng sống còn lại. Vua A Dục liền sai khiến quỷ thần ở trong cung thành của mình làm ra núi sông cây cối, núi cao mấy chục trượng, đoạn tuyệt mọi người không được qua lại. Em trai nhà vua mới thuận theo mạng lệnh thẳng thắn yêu cầu ban cho tiền bạc, làm một pho tượng đá, thân cao một trượng sáu. Nhà vua lập tức ở tại hang đá làm khám thờ trong núi cúng dường em trai mình. Núi và pho tượng này ngày đều còn."

***Thứ ba*: Đầu Đà.**

Năm dục ràng buộc che lấp đều là sự chướng ngại đến thiền định. Đã có thể trừ bỏ, thì tâm tư vắng lặng, có thể tự tu đạo. Do đó trong phần này, trình bày đầy đủ về mười hai hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc không gì hơn được những hạnh này. Tây Vực nói là Đầu Đà, Trung Hoa nói là Đẩu Tẩu, thường suyên thực hành pháp này thì có năng lực giặt tung phiền não xa lìa tham trước. Như áo quần giũ tung có thể trừ sạch bụi bẩn, vì vậy theo thí dụ làm tên gọi, cho nên gọi là Đầu Đà. Kinh luận phân biệt rõ ràng, đều nói mười hai hạnh; luận tổng quát về chung và riêng, tất cả có mười sáu loại. Như trong y phục có bốn loại, trong ăn uống có sáu loại, trong trú xứ có sáu loại, cho nên gồm có mười sáu loại. Trong y phục có bốn loại:1. Y phấn tảo; 2. Y bằng lông thú; 3. Y bằng vải rách khâu lại; 4. Ba y thường sử dụng. Trong ăn uống có sáu loại: 1. Khất thực; 2. Theo thứ tự khất thực; 3. Ăn đúng pháp, không ăn sau bửa ăn; 4. Luôn luôn ngồi mà ăn; 5. Ăn một nắm, cũng gọi là ăn có mức độ; 6. Sau giờ Ngọ không uống nước hồ-sữa... Trong trú xứ có sáu loại: 1. Ở nơi A lan nhã; 2. Ở giữa gò mã; 3. Ở dưới tán cây; 4. Ở nơi trống trải; 5. Đúng pháp thường ngồi; 6. Đúng pháp thuận theo mà

ngồi. Ngay nơi mười sáu loại ẩn hiển ly hợp này, vốn nói là 1hai loại. Như bốn loại trong y phục, căn cứ vào Tứ Phần Luật và Trí Độ Luận, giống nhau chỉ nói hai loại: 1. Mặc y bằng vải rách khâu lại; 2. Mặc ba y thường sử dụng; Không bàn đến hai loại còn lại. Căn cứ vào kinh Niết bàn nói ba loại, đó là Khất thực luôn luôn ngồi mà ăn-ăn chỉ một nắm.

Nguyên cớ không nói đến thứ tự khất thực, là bởi vì lúc thường xuyên như pháp khất thực, nhất định phải có thứ tự, do đó không nói riêng biệt; nhưng có thể ăn chỉ một nắm và ăn một lần, thì tự nhiên không làm ra cách ăn sau bửa ăn và sau giờ Ngọ không uống nước hồ-sữa..., vì vậy không nói riêng biệt. Trong Tứ Phần Luật nói ăn uống có bốn loại, ba loại trước như đã nói, thêm vào thứ tự khất thực. Trong Trí Độ Luận nói ăn uống có năm loại, không nói đến ăn đúng pháp thì không ăn sau bửa ăn. Trong trú xứ có sáu loại, căn cứ vào Trí Độ Luận nói năm loại, trừ ra đúng pháp thuận theo mà ngồi. Trong kinh Niết bàn và Tứ Phần Luật, đều nói đủ sáu loại, trừ ra đúng pháp thuận theo mà ngồi. Trong kinh Niết bàn và Tứ Phần Luật, đều nói đủ sáu loại. Nay căn cứ vào các Bộ thì tất cả có mười sáu loại.

Còn trong luận Thập Trú Tỳ Bà Sa: "Mười hai hạnh đầu đà có Danh và Thể hơi khác biệt: 1. Suốt đời khất thực; 2. Tiếp nhận A luyện nhã; 3. Mang y phấn tảo; 4. Ăn ngày một bửa; 5. Thường xuyên ngồi; 6. Sau bửa ăn không được uống phi thời; 7. Chỉ có ba y; 8. Y bằng lông thú; 9. Tuỳ nơi trải chỗ ngồi; 10. Ở dưới tán cây; 11. Ở nơi trống trải; 12. Ở nơi mồ mả.

Thứ nhất là suốt đời khất thực có mười điều lợi ích: 1. Sử dụng mạng sống tùy thuận nơi mình chứ không phụ thuộc về người khác; 2. Chúng sinh cho mình thức ăn thì khiến họ cúng dường Tam bảo rồi sau đó mới ăn; 3. Nếu có người cho mình thức ăn thì làm cho tâm Bi phát sanh, mình nên cố gắng tinh tiến khiến dễ dàng trú vào bố thí, thực hiện rồi mới ăn; 4. Vốn có tùy thuận lời Phật dạy; 5. Dễ đầy đủ dễ nuôi dưỡng; 6. Thực hành pháp phá trừ kiêu mạn; 7. Thiện căn không trông thấy đỉnh cao; 8. Thấy mình là người xin ăn, người khác có tu thiện pháp cũng sẽ bắt chước mình; 9. Không cùng với đàn ông lớn nhỏ phát sinh những nhân duyên quan hệ; 10. Bởi vì theo thứ tự khất thực, ở giữa chúng sinh phát sinh tâm niệm bình đẳng chính là chủng tử giúp cho Nhất thiết trí.

Thứ hai là tiếp nhận nơi chốn A luyện nhã cũng có mười điều lợi ích: 1. Đi lại không bị ràng buộc; 2. Không có mình cũng không có cái của mình; 3. Tùy theo ý muốn mà cư trú không có gì chướng ngại; 4.

tâm trở nên vui với thói quen ở A luyện nhã; 5. Ở nơi ít ham muốn ít quan hệ; 6. Không tiếc thân mạng làm cho đầy đủ công đức; 7. Xa lìa mọi chuyện trò ồn ào; 8. Tuy làm công đức mà không mong cầu báo đền ơn nghĩa; 9. Tùy thuận thiền định để được nhất tâm; 10. Ở nơi trống vắng dễ dàng phát sinh ý tưởng không có gì chướng ngại.

Thứ ba là mang y phấn tảo cũng có mười điều lợi ích: 1. Không dùng y phục hòa lẫn với người tại gia; 2. Không vì y phục mà hiện rõ tướng cầu xin y phục; 3. Cũng không dùng phương tiện nói ra tướng có được y phục; 4. Không vì y phục mà cầu xin khắp nơi; 5. Nếu không có được y phục thì cũng không buồn; 6. Có được y phục cũng không vui; 7. Vật hèn mọn dễ có được mà không có gì lo sợ lỗi lầm; 8. Thuận theo công hạnh bắt đầu tiếp nhận pháp tứ y; 9. Phù hợp ở trong những nơi áo quần thô kệch; 10. Không bị người khác tham trước.

Thứ tư là ăn một ngày một bữa cũng có mười điều lợi ích: 1. Không có sự mệt mỏi khổ sở vì mong cầu ăn bữa thứ hai; 2. Không quan trọng lắm đối với những sự thọ dụng; 3. Không có gì làm cho phải mỏi mệt khổ sở; 4. Trước khi ăn không có gì mệt mỏi khổ sở; 5. Phù hợp đối với tế hạnh trong cách ăn uống; 6. Thức ăn dễ tiêu hóa sau khi ăn; 7. Ít gặp tai họa gây trở ngại; 8. Ít gặp phải tật bệnh; 9. Thân thể nhẹ nhàng nhanh nhạy; 10. Thân cảm thọ vui vẻ thư thái.

Thứ năm là thường xuyên ngồi cũng có mười điều lợi ích: 1. Không ham sự vui sướng nơi thân; 2. Không ham sự ưa thích ngủ nghỉ; 3. Không ham sự vui thích đồ nằm; 4. Không nằm thì sườn dính chiếu cảm thấy đau; 5. Không tùy theo ham muốn của thân thể; 6. Ngồi thiền được dễ dàng; 7. Dễ dàng đọc tụng kinh pháp; 8. Ít ngủ nghỉ; 9. Thân dễ dàng đứng dậy; 10. Tâm ít mong cầu đồ dùng ngồi nằm và y phục.

Thứ sáu là sau bửa ăn không được uống phi thời cũng có mười điều lợi ích: 1. Không ăn nhiều; 2. Không ăn no; 3. Không ham vị ngon; 4. Ít mong cầu ham muốn; 5. Ít tai họa gây trở ngại; 6. Ít tật bệnh; 7. Dễ dàng vừa lòng; 8. Dễ dàng nuôi dưỡng; 9. Biết vừa đủ; 10. Ngồi thiền tụng kinh thân thể không mệt mỏi uể oải.

Thứ bảy là chỉ có ba y cũng có mười điều lợi ích: 1. Ngoài ba y không mong cầu thọ nhận làm cho quá đổi mệt mỏi; 2. Không có gì phải giữ gìn quá sức mệt mỏi; 3. Vật cất giữ không nhiều; 4. Chỉ có mặt kín thân thể là đủ; 5. Giới hạnh vi tế luôn luôn thực hành; 6. Đi lại không vướng bận gì; 7. Thân thể nhẹ nhàng nhanh nhẹn; 8. Tùy thuận ở nơi chốn A luyện nhã; 9. Khắp nơi đi đến không có gì tiếc rẻ; 10. Tùy thuận thực hành theo đạo.

Thứ tám là nhận y bằng lông thú cũng có mười điều lợi ích: 1. Thuộc về những y phục thô kệch; 2. Ít những sự mong cầu; 3. Tùy theo ý muốn có thể ngồi; 4. Tùy theo ý muốn có thể nằm; 5. Giặt giũ dễ dàng; 6. Lúc nhuộm màu cũng dễ dàng; 7. Ít có côn trùng làm hỏng; 8. Khó hư hỏng; 9. Không nhận thêm y khác; 10. Không mất chí nguyện cầu đạo.

Thứ chín là tùy nơi trải chỗ ngồi cũng có mười điều lợi ích: 1. Không quá mệt mỏi vì mong cầu ở nơi tinh xá tốt đẹp; 2. Không quá mệt mỏi vì mong cầu đồ dùng ngồi nằm tốt đẹp; 3. Không làm phiền người bậc trên; 4. Không làm cho người dưới phải buồn rầ phiền muộn; 5. Ít ham muốn; 6. Ít tai họa; 7. Thuận theo có được mà sử dụng; 8. Ít sử dụng thì ít ham muốn; 9. Không gây ra nhân duyên tranh cãi đúng sai; 10. Không giành lấy vật dụng của người khác.

Thứ mười là ở dưới tán cây cũng có mười điều lợi ích: 1. Không có sự mệt mỏi quá sức vì mong cầu nhà cửa; 2. Không có sự mệt mỏi vì mong cầu đồ dùng ngồi nằm; 3. Không có sự mệt mỏi quá sức vì những điều yêu thích; 4. Không có sự mệt mỏi quá sức vì hưởng thụ; 5. Không quan tâm đến tên tuổi; 6. Không có tai họa đấu tranh; 7. Tùy thuận với pháp Tứ y; 8. Ít mà dễ dàng có được không sai lầm gì; 9. Tùy thuận công hạnh tu đạo; 10. Không có nhiều người làm cho ồn ào.

Thứ mười một là ở nơi mồ mả cũng có mười điều lợi ích: 1. Thường xuyên có thể nghĩ đến lẽ vô thường; 2. Thường xuyên có thể nghĩ đến cái chết; 3. Thường xuyên có thể nghĩ đến sự bất tịnh; 4. Thường xuyên có thể nghĩ đến tất cả thế gian không đáng vui thích; 5. Thường được xa lìa tất cả những người yêu thích; 6. Thường được có tâm Bi; 7. Xa lìa sự trêu ghẹo ngạo nhạo báng; 8. Tâm thường chán ngán lìa xa; 9. Chịu khó thực hành tinh tiến; 10. Có năng lực loại trừ tâm lý sợ hãi.

Thứ mười hai là ngồi nơi trống trải cũng có mười điều lợi ích: 1. Không mong cầu ở dưới tán cây; 2. Lìa xa những gì mình có; 3. Không có sự tranh cải đúng sai; 4. Nếu đi nơi khác thì không có gì tiếc nuối; 5. Ít trêu ghẹo nhạo báng; 6. có thể chịu đựng được gió mưa lạnh nóng và các loài ruồi muỗi trùng độc; 7. Không bị âm thanh chua chát chói tai làm cho tổn thương; 8. Không làm cho mọi người làm cho sanh lòng sân hận; 9. Tự mình cũng không có sầu lo oán hận; 10. Nơi không có nhiều người qua lại ồn ào."

Còn trong Kinh Bảo Lương nói: "Đức Phật bảo với Ca Diếp: Nếu Tỳ kheo muốn đến ở chốn A lan nhã, thì nên nghĩ về . Những gì là ? Đó là: 1. Mình nên xả thân; 2. Cần phải xả mạng; 3. Nên xả bỏ lợi dưỡng; 4. Xa lìa tất cả những nơi hưởng thị vui sướng; 5. Chết ở giữa núi rừng

nên giống như cái chết hiên ngang; 6. Ở nơi A lan nhã nên tiếp nhận A lan nhã hạnh; 7. Nên theo pháp mà tự nhiên sinh hoạt; 8. Không vì phiền não mà tự sinh hoạt."

***Thứ tư:* Lợi Ích.**

Như kinh Đại Bảo Tích nói: Bồ tát tu định lại có mười pháp không giống với Nhị thừa. Những gì là mười pháp? Đó là: 1. Tu định không có nhân ngã, vốn đầy đủ các thiền định của Như Lai; 2. Tu định không phân biệt không đắm trước, xa lìa tâm nhiễm ô không cầu niềm vui cho bản thân; 3. Tu định đầy đủ các sự nghiệp thần thông, vốn là để biết tâm hành của chúng sinh; 4. Tu định để biết rõ tâm của chúng sinh, vốn là độ thoát cho tất cả mọi chúng sinh; 5. Tu định thực hành Đại Bi, vốn là đoạn trừ kết nghiệp phiền não cho các chúng sinh; 6. tu định là các thiền Tam Muội, vốn dễ dàng biết rõ vào ra vượt qua ba cõi; 7. Tu định luôn luôn được tự tại, vốn đầy đủ tất cả các thiện pháp; 8. Tu định thì tâm tư vắng lặng rỗng rang, vốn hơn hẳn các thiền Tam Muội của Nhị thừa; 9. Tu định thường phù hợp trí tuệ, vốn vượt qua các thế gian đến bến bờ giải thoát; 10. Tu định có năng lực phát huy chánh pháp, tiếp nối xây dựng Tam bảo làm cho không thể đoạn tuyệt. Tu định như vậy, không giống với hàng Thanh văn-Bích chi Phật."

Còn trong kinh Lục Độ Tập nói: "Lại có bốn loại thiền định đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Thường thích ở một mình; 2. Thường vui với nhất tâm; 3. Cầu thiền định và thần thông; 4. cầu Phật trí vô ngại."

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát, trú vào hạnh ngồi yên lặng suy tư, thì có 10 lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Tâm tư không vẫn đục; 2. Dừng lại không buông thả; 3. Chư Phật ba đời yêu thương che chở; 4. Tin tưởng thực hành theo chánh pháp; 5. Không nghi ngờ đối với Phật trí; 6. Biết ân đức và đền đáp ân đức; 7. Không bài báng chánh pháp; 8. Luôn luôn cố gắng phòng ngừa giữ gìn; 9. Đến phạm vi điều phục. 10. Chứng bốn trí vô ngại."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu có Bồ tát yêu thích nhàn rỗi thư thái thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Nhận ra sự việc thế gian; 2. Xa lìa mọi sự náo nhiệt; 3. Không có tranh cãi sai trái; 4. An trú nơi không có phiền muộn; 5. Không tăng thêm hữu lậu; 6. Không dấy lên tranh cãi đúng sai; 7. An trú trog im lặng; 8. Tùy thuận nối tiếp nhau với giải thoát; 9. Mau chóng chứng giải thoát; 10. Có công thực hành mà đạt được Tam Muội."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu Bồ tát có năng lực cùng tương

ưng với thiền thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. An trú trong nghi thức; 2. Cảnh giới thực hành Từ hạnh; 3. Không có những điều phiền muộn; 4. Bảo vệ các căn; 5. cảm được các món ăn vui thích; 6. Xa lìa ái dục; 7. Tu thiền không trống rỗng; 8. Giải thoát được lưới ma; 9. An trú trong cảnh giới Phật; 10. Giải thoát được thành tựu."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu có Bồ tát vui với hạnh đầu đà khất thực thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Bẻ gãy cột cờ ngã mạn; 2. Không mong cầu thân ái; 3. Không vì danh tiếng; 4. Trú vào trong dòng Thánh; 5. Không nịnh hót không lừa dối không hiện bày tướng kỳ dị, cũng không ngạo mạn; 6. Không tự nâng cao mình; 7. Không phỉ báng người khác; 8. Đoạn trừ yêu ghét; 9. Nếu đến nhà người thì không cầu ăn uống mà vì thực hiện pháp thí; 10. Có giảng nói pháp gì cũng được người ta tin nhận."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Tam muội có hai loại: 1. Phật; 2. Bồ tát. Những Bồ tát này ở trong Tam muội của Bồ tát đạt được tự tại, chứ không phải Tam muội của Phật. Như trong kinh Chư Phật Yếu Tập giải thích rằng: Văn Thù Sư Lợi mong muốn gặp được chư Phật quy tụ nhưng không thể nào đến được. Chư Phật đều trở về trú xứ của mình, Văn Thù Sư Lợi đến nơi chư Phật quy tụ, có một người nữ, ngồi gần Đức Phật mà tiến vào trong Tam muội. Văn Thù Sư Lợi bước đến lễ dưới chân Đức Phật rồi, thưa với Đức Phật rằng: Vì sao người nữ này được ngồi gần Đức Phật, mà con thì không được: Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi rằng: Ông thức tỉnh người nữ này khiến từ Tam muội đứng lên, ông hãy tự nói điều đó. Văn Thù Sư Lợi liền bật ngón tay để thức tỉnh mà không thể thức tỉnh được, dùng tiếng lớn kêu gọi cũng không thể thức tỉnh, nắm tay kéo cũng không thể thức tỉnh, lại dùng thần thông làm chấn động Đại thiên thế giới cũng không thức tỉnh. Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn, con không thể nào làm cho thức tỉnh được. Lúc này Đức Phật phát ra ánh sáng to lớn soi chiếu thế giới Hạ phương, trong thế giới ấy có một Bồ tát, tên là Khí Chư cái, lập tức từ Hạ phương xuất hiện đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng ở một phía. Đức Phật bảo với Bồ tát Khí Chư Cái: Ông hãy đánh thức người nữ này! Bồ tát lập tức bật ngón tay, người nữ này từ Tam muội mà đứng dậy. Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật: Vì nhân duyên gì con làm chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới mà không thể nào khiến cho người nữ nãy đứng dậy, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái bật ngón tay liền từ Tam muội mà đứng dậy? Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi: Ông nhờ người nữ này mới phát tâm Bồ đề, người nữ này nhờ vào

Bồ tát Khí Chư Cái mới phát tâm Bồ đề, vì lý do này cho nên ông không có năng lực làm cho thức tỉnh, ông ở trong Tam muội của chư Phật chưa có đủ công đức, Bồ tát Khí Chư Cái này ở trong Tam muội được tự tại. Trong Tam muội của Phật bắt đầu tiến vào ít nhiều mà chưa được tự tại cho nên vậy thôi."

***Thứ năm:* Định Chướng.**

Như trong kinh Thiền Bí Yếu nói: "Tỳ kheo ở nơi A luyện nhã bởi vì năm loại sự cố mà phát điên: 1. Bởi vì âm thanh làm hỗn loạn; 2. Bởi vì danh vọng xấu xa; 3. Bởi vì lợi dưỡng; 4. Bởi vì cảnh sắc bên ngoài; 5. Bởi vì thái độ bên trong. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn thuyết thần chú rằng: Nam mô Phật đà, nam mô Đạt ma, nam mô Tăng già, nam mô ha ra lê sư, tỳ xà la xà, ái đốt đà đạt đà, bà mãn đà, phệ xà la sí, đà la quật đồ thệ đồ già lợi già lợi, ma ha già lợi hu ma lợi hu ma lặc sí, tất đam bính diêm bính, a diêm bính lợi, cứu cúc cúc sí, tát bà đà la ni sí, a phiến đề ma câu ma nghệ hu di hu di ma hu ma hu, ma bà sa ha.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết thần chú này xong, nói cho Xá Lợi Phất biết rằng: Thần chú như vậy vô lượng chư Phật quá khứ đã thuyết, nay ta hiện tại cũng thuyết. Thnầ chú như vậy có công đức như Tự Tại Thiên, có căng lực làm cho các Tỳ kheo xấu xa trong năm trăm năm hậu thế được thanh tịnh tâm ý, điều hòa dễ dàng đối trị sự tăng giảm của bốn đại, cũng chữa trị 404 mạch của 404 căn bệnh trong tâm đã dấy lên chủng tử của tánh dục gần 98 sử làm hỏng thế giới, cũng sửa trị nghiệp chướng phạm giới làm cho mọi ác niệm vĩnh viễn trừ sạch không sót lại gì. thần chú này gọi là Đà la ni dễ dàng chữa trị 72 loại bệnh ưu sầu phiền muộn, cũng gọi là Đà la ni trừ bỏ năm loại bóng tối vô minh căn bản, cũng gọi là hiện ngay trước mắt được thấy chư Phật và các vị Thanh văn thuyết về pháp chân thật để phá trừ mọi kết sử phiền não."

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 6 chuyện: 1. Sa môn Chi Đàm Lan thời Tấn; 2. Sa môn Thích huyền Cao thời Tống; 3. Sa môn Thích Phổ Đằng thời Tống; 4. Sa môn Thích Tăng Thù thời Tề; 5. Sa môn Thích Pháp Tiến thời Tùy; 6. Sa môn Thích Tuệ Dung thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Chi Đàm Lan ở núi Xích Thành-Thỉ Phong, là người vùng Thanh Châu, ăn cơm rau vui với thiền, học thuộc lòng ba mươi vạn lời. Trong thời Tấn Thái Nguyên thường qua lại huyện Diệm thuộc tỉnh Chiết Giang, sau nghỉ lại núi Xích Thành-Thỉ Phong, thấy một nơi rừng vắng suối trong bèn cư trú nơi ấy. Trải qua mấy ngày,

bỗng nhiên gặp một người cao lớn vô cùng, gọi Đàm Lan bảo đi nơi khác. Lại thấy các loài cầm thú hình dạng lạ kỳ đến dọa nạt Đàm Lan, thấy Đàm Lan tự nhiên thoải mái, bèn quỳ gối mà lễ lạy thưa rằng: Châu Khi Vương là nhà cậu, nay đến núi Vi Hương cư trú, nhường nơi này để tỏ lòng tôn trọng lẫn nhau. Từ đó về sau khoảng 3 năm bỗng nhiên nghe tiếng xe ngựa văng vẳng rộn ràng, người đi theo đầy núi. Chốc lát có người quấn khăn bịt đầu xưng là Châu Khi Vương, tất cả đã tiến lên theo vợ con người ấy cùng hai mươi ba người trai gái, hình dáng và tướng mạo đều đoan chánh hơn hẳn người thế gian. Đã đến chỗ Đàm Lan trò chuyện thăm hỏi nhau xong, Đàm Lan hỏi cư trú nơi nào? Đáp rằng: ở núi Vi Hương huyện Lạc An, đã lâu mến phục và vốn có hỏi thăm, nay cùng cả nhà tìm đến nương nhờ, xin thọ giới quy y. Đàm Lan liền giảng dạy trao cho. Thọ giới pháp xong, cúng dường một vạn đồng tiền và hai bình mật, rồi từ biệt mà ra đi, liền nghe tiếng đàn reo rất vang lên làm rung động khe núi. Đàm Lan cùng thiền chúng hơn mười người đều nghe thấy. Vào giữa thời Tấn Nguyên Hi, tạ thế ở hang núi, hưởng thọ 83 tuổi.

2. Thời Tống Nguỵ Nguỵ ở Bình Thành có Thích Huyền Cao, họ Nguỵ, vốn tên là Linh Dục, người gốc Vạn Niên-Bằng Dực. Mẹ là người họ Khấu vốn thờ ngoại đạo, bắt đầu đi lấy chồng người họ Nguỵ, đầu tiên mang thai sinh được một cơ con gái, chính là chị đầu của Huyền Cao. Sinh ra thì tin theo Phật, mới cầu nguyện cho mẹ, nguyện trong nhà không có tà kiến nhất định phụng thờ Đại pháp. Bà mẹ vào năm thứ 3 thời Hoằng Thỉ-Nguỵ Tần, mộng thấy Tăng người Hồ rải hoa khắp nhà, tỉnh giấc liền cảm thấy có thai. Đến ngày mồng 8 tháng 2 năm Hoằng Thỉ thứ 4 sinh được một cậu con trai, trong nhà bỗng nhiên có mùi hương kỳ lạ, và ánh sáng chiếu rọi tường nhà, đến sáng sớm mới hết. Mẹ sinh con ra thấy điềm lành xuất hiện, nhân đó gọi là Linh Dục. Người lúc ấy tôn trọng, lại xưng là Thế Cao. Năm 12 tuổi xin cha mẹ đi vào núi, lâu lắm mà cha mẹ không đồng ý. Một ngày nọ có một người học trò ở nhờ qua đêm trong nhà Thế Cao, nói rằng muốn đi vào ở ẩn thường xuyên trong núi, cha mẹ liền cho Thế Cao đi theo, đêm ấy đều thấy người trong thôn cùng nhau đến đưa tiễn. Sáng sớm người trong thôn cùng đến thăm hỏi Thế Cao, cha mẹ nói rằng: Đêm qua đã tiễn đưa nhau, bây giờ lại tìm ư? Người trng thôn nói: Tất cả đều không biết là sẽ đi, lẽ nào có ai đã đưa tiễn? Cha mẹ mới hiểu ra đêm qua mọi người đưa đón chính là người thần.

Thế Cao đã rời bỏ thế tục, đổi tên gọi là Huyền Cao, thông minh

phát ra trí tuệ nên học không phải suy nghĩ gì thêm, đến năm 15 tuổi đã thuyết pháp cho Sơn Tăng. Về sau thọ giới luôn luôn tập trung vào thiền-luật, nghe ở vùng Quan Trung có thiền sư Phù Đà Bạt đang hoằng pháp ở chùa Thạch Dương, Huyền Cao tìm đến chỗ thiền sư, trong mười ngày khéo thông suốt pháp thiền một cách kỳ lạ. Phù đà Bạt khen rằng: Tốt lành thay Phật tử, mới có thể hiểu sâu sắc như vậy! Thế là Phù Đà Bạt khiêm tốn rút lui không nhận lễ nghi làm thầy. Huyền Cao bèn tiếp tục đi về Tây Tần ẩn cư trong núi Mạch Tích, người theo học rất đông, tất cả đều chú trong ý nghĩa dạy bảo, tiếp nhận thiền đạo sâu xa. Lúc ấy có Sa môn Thích Đàm Hoằng ở Trường An, là bậc cao túc của nước Tần, ẩn tại núi này cùng với Huyền Cao gặp nhau, lấy làm bạn đồng nghiệp. Lúc này có Khất Phục Xí Bàn Khoa ở Lũng Tây, phía Tây tiếp cận với lãnh thổ nước Lương, thường có học trò theo học hơn ba người. Có Huyền Thiện là người vùng Lũng Tây-Tần Châu, học hỏi suy xét kỹ về các thiền pháp, thần lực tự tại, ngón tay tuôn nước cung cấp cho Huyền Cao tắm rửa sử dụng, nước ấy sạch và thơm gấp bội bình thường; mỗi khi có được hương hoa kỳ lạ đều dùng cúng dường Tam bảo. Linh thiêng kỳ lạ như Huyền Thiệu có mười một người. Về sau Huyền Thiệu vào núi Đường Thuật thoát xác mà qua đời. Sau đó Huyền Cao cùng với Đàm Hoằng bèn đi về Hà Nam, Quốc Vương và thần dân đứng bên đường đợi chờ đón tiếp, trong ngoài cung kính tôn sùng làm vị Quốc sư. Ở Hà Nam giáo hóa xong tiếp tục đi qua lãnh thổ nước Lương, Tữ Cừ Mông Tốn tự mình rất cung kính hầu hạ, quy tập người có tài năng trí tuệ gợi mở sự hiểu biết tốt đẹp cao xa. Lúc ấy ở Tây Hải có Phàn Tăng Ấn, cũng theo Huyền Cao tiếp nhận học hỏi, chí hướng hẹp hòi lòng dạ không bao dung, đạt được chút ít cho là đủ, liền nói là mình đã đạt được La Hán thông suốt tận cùng thiền môn. Huyền Cao bèn bí mật dùng thần lực, khiến cho Tăng Ấn ở trong định thấy đầy đủ chư Phật khắp mười phương tếh giới đã thuyết giảng vô lượng pháp môn khác nhau. Tăng Ấn suốt một mùa Hạ tìm kiếm những điều đã thấy ấy nhưng vĩnh viễn không thể nào hết được, mới biết rằng dòng nước định không có nơi cuối cùng, sanh lòng vô cùng hổ thẹn sợ hãi.

Lúc ấy Nguỵ Lỗ là Thác Bạt Đào chiếm cứ Bình Thành, đưa quân xâm lấn khu vực thuộc nước Lương, cậu của Thác Bạt Đào là Dương Bình Vương cố tình thỉnh cầu Huyền Cao cùng trở về Nguỵ Đô. Đã đến Bình Thành thì pháp hóa được lưu thông rộng rãi. Nguỵ Thái Tử là Thác Bạt Hoảng thờ kính Huyền Cao làm thầy. Thác bạt Hoảng trong một lúc gặp phải gièm pha nên bị cha mình nghi ngờ, bèn bày tỏ với Huyền

Cao rằng: Lưới trời lồng lộng oan ức do đâu cởi bỏ? Huyền Cao khiến tổ chức trai hội Kim Quang Minh chân thành sám hối bảy ngày. Thác Bạt Đào liền mộng thấy ông nội và cha mình đều cầm gươm vô cùng uy dũng mà hỏi: Vì sao ông tin lời gièm pha nghi ngờ oan ức cho Thái Tử? Thác Bạt Đào giật mình tỉnh giấc, triệu tập tất cả quần thần nói cho biết giấc mộng mà thần linh đã nói sự việc như thế. Các quan đều nói: Thái Tử không có lỗi, thật sự như Hoàng đế linh thiêng giáng mộng báo cho biết. Thế là Thác Bạt Đào đối với Thái Tử không còn nghi ngờ gì nữa, chính là nhờ năng lực chân thành của Huyền Cao cảm ứng.

Lúc ấy Thôi Hạo và Khấu Thiên Sư trước đây cùng được Thác Bạt Đào tin dùng, sợ rằng Thác Bạt Hoảng đến lúc lên ngôi kế thừa thì làm mất đi uy quyền của mình, bèn gièm pha rằng: Sự việc trước đây thật sự Thái Tử có tâm mưu cầu, nhưng kết thân với Huyền Cao có lắm đạo thuật, cho nên khiến Tiên Đế giáng mộng như vậy, điều này luận về dấu tích của sự việc thì có phần biểu hiện bên ngoài, nếu không loại trừ thì làm hại rất lớn. Thác Bạt Đào liền thu nhận, hầm hầm tức giận, lập tức truyền lệnh bắt giữ Huyền Cao. Huyền Cao trước đó đã bí mật nói cho đệ tử biết rằng: Phật pháp sẽ suy vong, ta và Sùng Công sẽ gặp tai họa đầu tiên. Lúc ấy mọi người nghe như vậy không có ai là không xúc động. Bấy giờ ở Lương Châu có Sa môn Thích Tuệ Sùng, là bậc thầy trong nhà Thượng thư Hàn Vạn Đức của Nguỵ Nguỵ, đức đã đứng sau Huyền Cao, cũng bị nghi ngờ bắt giữ. Đến thnág 9 năm thứ 5 thời Nguỵ Thái Bình, Huyền Cao và Sùng Công đều bị giam vào ngục tối, ngày 15 tháng ấy thì tai họa xảy ra, qua đời ở góc phía Đông của Bình Thành, hưởng thọ 43 tuổi, năm này là năm thứ 21 thời Tống Nguyên Gia. Vào đêm ấy mọi người không hề hay biết, canh ba đêm này bỗng nhiên thấy ánh sáng vòng quanh ba vòng nơi tòa tháp là trú xứ trước kia của Huyền Cao rồi trở lại tiến vào trong hang thiền, nhân đó nghe trong ánh sáng có tiếng nói rằng: Ta đã qua đời rồi. Các đệ tử mới biết rằng đã hóa thân, gào khóc đau xót khổ sở vô cùng. Sau đó đón thi hài đến cánh đồng hoang vắng ở phía Nam thành, tắm rửa mà tẩm liệm, và lo việc mai táng Sùng Công, ở một nơi khác. Kẻ đạo người tục ở chốn đô thành đều thở than hĩa hùng. Đệ tử là Huyền Sướng lúc ấy ở Vân Trung, cách Nguỵ Đô 600 dặm, sáng sớm bỗng nhiên gặp một người nói cho biết biến cố này, vẫn cung cấp cho con ngựa đi suốt 600 dặm. Thế là vung cao roi thúc ngựa mà trở về, buổi tối về đến đô thành thấy thầy đã qua đời, đau xót quá độ không làm sao nói được, nhân đó cùng với bạn đồng học khóc lóc nói rằng: Pháp nay đã diệt có thể hưng khởi

trở lại, không giống như có thể tiếp tục hưng khởi, xin Hòa thượng ngồi dậy, đức hạnh của Hòa thượng không phải là người bình thường, chắc chắn sẽ hiểu rõ điều ấy rồi. Nói xong đôi mắt Huyền Cao hơi mở ra, sắc diện sáng ngời trở lại, thân thể toát mồ hôi có mùi thơm ngào nạgt. Trong chốc lát ngồi dậy nói với đệ tử rằng: Đại pháp ứng hóa thuận theo duyên thịnh suy, thịnh suy thuộc về dấu tích mà lý luôn luôn sâu xa như thế, chỉ nghĩ đến các ông không bao lâu lại phải giống như ta mà thôi, chỉ có Huyền Sướng trước mắt có thể đi qua phía Nam, các ông sau khi chết thì pháp sẽ hưng sùng trở lại, cố gắng tự mình tu tâm không để cho giữa chừng hối hận. Nói xong liền nằm xuống lập tức ngừng thở. Sáng sớm di chuyển linh cữu sắp hỏa thiêu, trong nước quy định không cho phép, thế là sự việc lập tức chuyển sang mai táng, đạo tục đau xót kêu than khóc lóc không sao kể xiết. Có Sa môn Pháp Đạt, làm Tăng chánh của nước Nguỵ, kính trọng Huyền Cao lâu ngày mà chưa được tiếp nhận học hỏi, bỗng nhiên nghe đã qua đời vì vậy mà khóc lóc nói rằng: Thánh nhân qua đời, nay biết nương dựa vào đâu? Nhiều ngày không ăn uống, thường gọi Cao thượng Thánh nhân tự tại, sao có thể không hiện thân một lần? Thuận theo tiếng trông thấy Huyền Cao bay giữa hư không mà đến. Pháp đạt đảnh lễ xót xa van xi, mong được cứu giúp. Huyền Cao nói: Ông nghiệp nặng khó mà cứu giúp, nên biết làm sao được, từ nay về sau dựa vào kinh Phương Đẳng mà khẩn cầu sám hối, sẽ được nhẹ tội. Pháp Đạt nói: Nếu như phải chịu khổ báo thì nguyện được thương xót cứu giúp. Huyền Cao nói: Không quên tất cả lẽ nào chỉ có một mình ông? Pháp Đạt lại nói: Pháp sư và Sùng Công sinh nơi nào? Huyền Cao nói: Ta nguyện sinh vào đời ác trược để cứu giúp chúng sinh, tức là ta sanh trở lại cõi Diêm Phù; Sùng Công thường cầu mong về cõi An Dưỡng, đã đạt được tâm nguyện rồi. Pháp Đạt lại hỏi: Không biết Pháp sư đã ở tầng bậc của Địa nào? Huyền Cao nói: Các đệ tử của ta tự nhiên có người biết. Nói xong bỗng nhiên không thấy nữa. Pháp Đạt âm thầm hỏi thăm các đệ tử của Huyền Cao, tất cả đều nói: Đúng là đạt đến pháp Nhẫn của Bồ tát. Đến năm thứ 7 thời Nguỵ Thái Bình, Thác Bạt Đào quả nhiên hủy diệt Phật pháp, tất cả đều như lời Huyền Cao đã nói.

3. Thời nhà Tống ở nước Thục có Thích Phổ Hằng trú tại chùa An Lạc, họ Quách, người vùng Thành Đô thuộc quận Thục. Lúc còn là trẻ thơ, đã từng ở giữa ánh sáng mặt trời ban ngày trông thấy Thánh Tăng ở giữa vầng mây thuyết pháp, đến chỗ mọi người kể lại sự việc, nhưng mọi người đều không tin lời của trẻ thơ. Sau hết sức cầu xin xuất gia,

chỉ yêu cầu ở dưới chùa An Lạc, ở một mình một phòng không có người quen biết qua lại, luyện tập thiền định rất chu đá, dễ dàng nhập định-xuất định và an trú, cùng với Thao Luật Sư ở nước Thục trở thành người có ý nghĩ như nhau. Tự nói mình nhập Hỏa Quang tam muội, ánh sáng từ lông mày soi thẳng xuống đến phạm vi Kim Cang, ở trong ánh sáng nhìn thấy những cảnh tượng, nghiệp báo của thân đời trước cũngrất rõ ràng. Thời Tống Tăng Minh, người ta nói là lời nói đùa chứ không thật. Làm việc suốt ngày hơi có chút tướng trạng của bệnh tật, chỉ để một người tôi tớ trong nhà chăm sóc, sáng sớm ngồi yên lặng mà qua đời, tuy gập lại 3 ngón, thử vuốt theo thì duỗi ra nhưng duỗi ra rồi vẫn gập vào lại. Lúc sống thì thân thể đen sạm. Chết rồi thì tươi sáng trắng trẻo. Tế́h là đại chúng y theo pháp đắc đạo mà làm lễ trà tỳ, chất củi vào bắt đầu chẩm lửa, thì có làn khói ngũ sắc bay lên, mùi thơm ngào ngạt kỳ lạ vô cùng. Châu Tưởng-Vương Huyền tải, bèn làm bài thơ ca ngợi rằng:

Đại giác mênh mông không hình tướng,
Cảm ứng sâu xa quý lặng yên,
Nhất niệm có thể đến đạo tràng,
Trôi qua trống rỗng vạn kiếp sai.
Tín tâm rỗng lặng tưởng Đông phương,
Gặp Thánh điển tô bóng Tây phương,
Diệu thú lắng trong tình ba cõi,
Chuyển thần thức đến cảnh bốn thiền.
Tình thế tục vốn thêm sai biệt,
Tánh chân như lý thường sáng tỏ,
Giấu tài gửi gắm đời tạm bợ,
Để lại đức lành mới hóa thân.

4. Thời nhà Tề có Sa môn Thích Tăng Trù ở chùa Vân Môn núi Tây Long thuộc vùng Nghiệp, họ Tôn, vốn sinh ra ở vùng xương Lê, cuối đời ở vùng Anh Đào-Cự Lộc, tánh thường trong sáng và hiếu tính nổi tiếng khắp vùng, mà chăm chỉ học hỏi sách vở thế gian thông thạo đầy đủ kinh sử, nhưng rồi căn cơ tu đạo giữ kín trong tâm bỗng nhiên bừng dậy chán ngán thế gian đầy phiền muộn khổ đau, một khi xem qua kinh Phật thì thần thức hiểu rõ tất cả. Ban đầu theo Thiền sư Đạo Phòng tiếp nhận học tập pháp môn Chỉ Quán, sau đó đến chỗ Thiền sư Đạo Minh tại núi Chướng Hồng-Triệu Châu tiếp nhận mười sáu pháp đặc biệt tốt đẹp nhất. Đã từng ở nơi vắng lặng thuộc Thước Sơn cảm được thần linh đến vây quanh, ôm vai xoa lưng làm cho khí lực xông lên trên đỉnh đầu, Tăng Trù tâm cần phải nguội lạnh nhờ đó chứng được định

sâu xa, chín ngày không đứng dậy. Sau đó từ trong định hiểu rõ tình và tưởng lắng trong đến cuối cùng gạt bỏ thế gian, làm cho không có gì vui thích, liền đến Thiền sư Tam Tạng ở chùa Thiếu Lâm trình bày sự chứng đạt của mình. Bạt Đà nói: Từ Thông Lĩnh đến phía Đông, đứng đầu về thiền học, ông là bậc nhất rồi. Thế là trao truyền những pháp hết sức quan trọng. Đến trú tại chùa Tung Nhạc, Tăng có một trăm người mà dòng suối vừa mới đủ nước sinh hoạt, bỗng nhiên thấy người phụ nữ áo quần rách rưới ôm cái chỗi mà lại ngồi trên bậc thềm nghe Tăng tụng kinh, mọi người không biết là người thần, liền quở mắng đuổi đi. Người phụ nữ có vẻ giận, dùng chân đạp làm cho dòng suối lập tức khô cạn, thân hình cũng không thấy. Mọi người đem sự việc trình bày với Tăng Trù. Tăng Trù gọi Ưu bà di, gọi ba lần mới xuất hiện, bèn nói với thần linh rằng: Chúng Tăng hành đạo nên ủng hộ thêm. Người phụ nữ dùng chân gạt ngang nơi dòng suối cũ, nước liền tuôn chảy. Lúc ấy mọi người đều hết sức kỳ lạ về uy nghi như vậy. Sau đó đến núi Vương Khuất ở phía Tây Hoài Châu tu tập pháp môn trước đây, nghe hai con hổ đánh nhau tiếng gầm gừ vang dội khắp ngọn núi, bèn dùng tích trượng chống đứng giữa hai con hổ, cả hai đều rời ra mà đi. Một hôm bỗng có hia quyển kinh của đạo Tiên nằm ở trên giường, Tăng Trù nói: Tôi vốn tu Phật đạo, lẽ nào câu thúc trong phạm vi của người trường sinh bất lão ư? Trong giây lát tự nhiên biến mất. Sự cảm ứng u hiển ấy đều tương tự như vậy. Lại chuyển đến núi Mã Đầu ở Hoài Châu, Nguỵ Hiếu Minh vốn có Thừa Lệnh Đức trước sau mời gọi ba lần, nhưng kiên quyết từ chối không đến. Lại chuyển đến núi Chuyển Thường ở phía Bắc, Thứ sử Định Châu là Lũ Duệ cùng với Vương Cao Du ở Bành Thành, thỉnh đến để thọ pháp, đạo tục tìm đến tặng lễ vật bổ sung thêm, bị danh lợi trói buộc, cho nên nói kệ ngăn lại, tất cả đều luôn luôn tiết kiệm. Năm thứ 2 niên hiệu Thiên Bảo thời Tề Văn Tuyên ban chiuế chỉ rằng:

Từ lâu nghe tin đức hạnh thường suy nghĩ gặp dịp bày tỏ, nay sắc lệnh cho Định Châu theo chỉ thị mời Sư đến Nghiệp Đô giáo hóa quần sanh hợp với chính nghĩa không cho phép chỉ lo riêng mình, mong rằng lập tức năm tích trượng tạm thời đi qua nhận lời rõ ràng, suy nghĩ cần phải truyền bá rộng rãi đạo pháp nhiệm mầu để cứu giúp khổ đau cho vùng này. Ngày đến đây nếu như cần phải trở lại núi, thì sẽ tùy ý đến mọi nơi không có gì ngăn ngại.

Tăng Trù sống ở núi lâu ngày quen với sự nghiệp cứu giúp suốt đời, nghe có sắc lệnh mời gọi rất ít khi nhận lời, khổ vì tự nhà vua chân thành nói cho biết nên mới lập tức bằng lòng. Ngay trong ngày thu xếp

hành trang sắp đi ra cửa núi thì hai bên núi bỗng nhiên kinh động, tiếng vang buồn đau thả thiết, người và súc vật run sợ hãi hùng, cầm thú bay nhảy chạy qua chạy lại nhốn nháo. Suốt ba ngày như vậy, Tăng Trù quay đầu lại nhìn, nói rằng: Ngưỡng mộ đạo pháp lòng đầy nhân ái cảm động tương tự như vậy, lẽ nào không phải tình thương yêu dễ nắm giữ mà sự phóng túng khó giữ gìn hay sao? Thế là không hẹn điều gì giữ lại mà chống tích trượng hướng về Chương Phẩu. Nhà vua tự mình đem xa giá ra ngoài cung thành đón tiếp, thiên hạ quay về điều thiện, đều nhờ vào Tăng Trù rồi. Lại đến chùa núi Vân Môn, phía trước hang thiền nơi cư trú có một hố sâu, thấy người thân hình đầy lông lá hết sức cao lớn mà tướng mạo là người Hồ, đặt nồi nhóm lửa, nước sắp sôi sục tuôn trào, chốc lát có con Mãng Xà to lớn, từ trong nước xuất hiện, muốn nhảy vào trong nồi. Tăng Trù dùng chân gạt nồi, con mãng xà liền vào trong nước, người lông lá cũng ẩn đi. Đêm ấy có vị thần xuất hiện, đảnh lễ Tăng Trù rồi thưa rằng: Đệ tử có con thơ năm nào cũng bị ác thần ăn thịt, các con thơ đều tiếc thân mạng không dám gánh vác trách nhiệm, đệ tử già yếu sắp chết, cho nên tự mình cung cấp thức ăn, được Sư bảo vệ cho nên thoát được tai nạn này. Tăng Trù lấy nước ngậm vào miệng rồi phun ra, bỗng nhiên biến thành mây mù. Lúc ấy có kẻ gièm pha Tăng Trù đối với Tuyên Đế mà ngạo mạn không hề tôn trọng. Tuyên Đế vô cùng giận dữ nên tự mình đến làm hại. Tăng Trù âm thầm biết rõ sự việc, từ nhỏ không đến nhà bếp của Tăng, bỗng nhiên không có việc gì mà đến ư? Ngày mai có khách quý đến, làm nhiều thứ để tiếp đãi chu đáo. Đến canh 5 chuẩn bị trước xe trâu, đi một mình đến cửa hang, cách chùa hơn hai mươi dặm, đứng trơ trọi một mình bên đường. Chốc lát Tuyên Đế đến, cảm thấy quái lạ bèn hỏi nguyên cớ thế nào? Tăng Trù nói: Sợ rằng thân bất tịnh chảy máu làm ô uế chốn già lam nên ở đây chờ đợi mà thôi. Tuyên Đế xuống ngựa lễ lạy cúi đầu thừa nhận hổ thẹn hối hận mãi không thôi, nói với Thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng: Người chân thật như vậy sao có thể hủy báng được! Bèn tự mình cõng thân hình Tăng Trù đến chùa. Tăng Trù lên tiếng thuyết phục không nhận. Tuyên Đế nói: Đệ tử cõng thầy đi khắp thiên hạ chưa đủ để tạ tội. Nhân đó nói rằng: Thân đời trước đệ tử đã từng làm điều gì? Đáp rằng: Làm vua loài La sát, vì vậy nay hãy còn thích giết hại. Liền chú vào chậu nước khiến Tuyên Đế tự nhìn mình, trông thấy hình ảnh của mình giống như La sát vậy. Hằng năm vào ngày đầu năm thường hỏi điều lành dữ suốt trong một năm. Sau đến năm thứ mười hiệu Thiên Bảo, nói rằng: Năm nay không tốt lắm đâu. Tuyên Đế

không vui lắm, bèn hỏi Sư lại như thế nào? Đáp rằng: Bần đạo cũng không bao lâu. Đến tháng 10 Tuyên Đế băng hà, sang năm tức là năm thứ nhất niên hiệu Càng Minh nhà Tề, vào giờ Thìn ngày 13 tháng 4, từ trần mà không bệnh hoạn khổ sở gì, ngồi nghiêm trang qua đời tại chùa núi, hưởng thọ 81 tuổi. Lúc đang từ giã cõi đời có mùi hương kỳ lạ tỏa ngát trong chùa, người ngửi thấy có vẻ sợ hãi, truyền lệnh an ủi ân cần, khiến y pháp trà tỳ trong nước, bốn bộ chúng đầy núi-người đưa tiễn gồm mấy vạn, củi thơm ngàn gánh, đúng giờ Ngọ dùng lửa châm vào,đạo tục đau thương quá độ tiếng khóc vang động núi rừng. Lúc đưa lên đài hỏa táng có bầy chim trắng mấy trăm con lượn vòng trước làn khói cất tiếng kêu đau xót vô cùng, lúc di chuyển mới bay đi. Vẫn ở tại phía Tây Bắc của chùa xây tòa tháp bằng gạch, đã từng có cảnh tượng linh thiêng mùi hương kỳ lạ ứng hiện đối với đạo tục. Ngày còn khoẻ mạnh Tuyên Đế nói với Tăng Trù rằng: Đệ tử chưa thấy cảnh tượng linh thiêng kỳ lạ của Phật, có thể được nhìn thấy hay không? Tăng Trù nói: Điều này không phải là Sa môn mà được. Tuyên Đế liền nài nĩ mãi, bèn ném ca sa vào đất, Tuyên Đế sai mấy chục người nâng lên nhưng không thể nào lay chuyển được. Tăng Trù bảo Sa di lấy lên, dễ dàng không có gì là nặng nề cả, vì vậy hết lòng tin theo ngày càng sâu đậm.

Bốn chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

5. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Pháp Tiến ở chùa núi Hưởng Ứng vùng Ích Châu, không biết dòng họ nào, là đệ tử của Thiền sư Huy, thường vào rừng trúc ngồi thiền, có bốn con hổ đi vòng quanh ở hai bên, Sư nói đừng tiết ra những vật bất tịnh. Sau đó sư dạy làm lều tranh nghỉ chân uống nước. Mọi người đi lấy củi, thấy trước giường dây có nước trong ngon lành, xếp hai tảng đá trắng đặt yên trong nước. Pháp Tiến chiều tối trở về chùa càng cảm thấy lưng đau, hỏi tất cả mọi người rằng người nào xếp đá, nói cho biết để ngày mai đến chỗ ấy để từ bỏ tảng đá này. Đến sáng sớm Pháp Tiến ngồi thiền, mọi người vẫn thấy nước trong như ban đầu, liền từ bỏ tảng đá thì cơn đau liền khỏi. Từ đó luyện tập thiền định không rời khỏi núi này. Trong thời Khai Hoàng thì Thục Vương mời dạo đến Ích Châu, phi hậu mắc bệnh nên thỉnh cầu Pháp Tiến chữa trị bớt bệnh. Sau từ giã trở về núi, Vương và phi hậu tự mình đưa tiễn về núi, Vương cùng phi hậu trông thấy chân Pháp Tiến cách mặt đất 4-5 tấc. Vào ngày mồng 8 tháng Giêng năm thứ 13 niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy qua đời tại núi này.

6. Thời nhà đường có Sa môn Thích Tuệ Dung ở chùa Phổ Quang thuộc Trường An, tự là Viên Chiếu, là người vùng Nam Dương, họ

Trương. Thuở còn thơ ấu mà luôn tinh tiến không phạm điều ác dù là nhỏ bé, tuổi trẻ cắt tóc xuất gia, thì vui với pháp thiền, đã từng ẩn cư tại núi Thái. Sau nhận được chiếu chỉ tìm đến đưa vào kinh đô trú tại chùa Phổ Quang. Luôn dạo đến núi Chung Nam, hoặc qua hoặc lại, đã từng leo lên núi gặp lúc tuyết phủ rất dày, không thể nào tiến lên được, bỗng nhiên có một con hổ ở trước mắt ngoắc tai cúi đầu xuống, Tuệ Dung biết ý đó, bèn cỡi lên lưng con hổ. Con hổ liền cõng Tuệ Dung mà leo lên phía trên, thường có cặp chim ở trong núi rừng bay phía trước dẫn đường. Đến đầu thời Vĩnh Huy nhà Đường xả thân chuyển thần ở tại chùa này. Tăng chúng trong chùa vào phòng của Tuệ Dung, trông thấy ánh sáng năm màu tỏa ra, đến lúc vào trong núi hỏa táng thi hài, thịt xương đều tiêu hết, chỉ có trái tim còn nguyên vẹn.

(Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 85

Thiên thứ 85: LỤC ĐỘ (Phần sáu)

Phần thứ sáu: TRÍ TUỆ

Phần này có 3 mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng, Tuệ ích.

Thứ nhất: Thuật Ý

Nói đến hai loại trang nghiêm thì tuệ gọi là tối thắng, thứ tự ba phẩm thì không gì hơn được. Vì vậy trong kinh nói: "Năm Độ không có trí tựa như ngu si mù lòa, cho nên Bát nhã vượt ra ngoài thế gian phá trừ mọi vô minh phiền não." Trong Thích luận lại nói: Đức Phật là mẹ của chúng sinh, Bát nhã có năng lực sinh ra Phật, vậy thì trí là tổ mẫu của tất cả chúng sinh." Vì vậy Ngoại Thư nói: "Có trí tuệ nhìn sâu xa kính trọng hiểu biết, mới gọi là đức hạnh của Phóng Huân; nhân nghĩa lễ trí, mới gọi là đạo lý của Tuyên Ni." Nên nghĩ rằng pháp của trí tuệ không thể nào không tu, nhân của xuất thế không nên không luyện tập. Có thể loại trừ màn đêm dày đặc, ví như trăng tròn chiếu sáng ba nẻo; khéo éo trừ bỏ mọi điều độc hại, tựa như thuốc quý (ma kỳ) diệt mọi điều ác. Lẽ nào mặc ý vô thường suốt đời giữ mê muội mãi hoài như vậy, dẫn đến ràng buộc đan nhau thắt chặt quấn quanh trong tâm mình, thường phát sinh nhiều ái niệm luôn luôn lớn những vô minh, chưa thông hiểu những nhân duyên không thường xuyên tu các pháp đối trị. Vì lẽ đó núi mạn rậm rạp hoa cao vút nguy hiểm, sông ái cuồn cuộn biển xanh thẫm rộng ra. Hoặc tùy tiện chấp đoạn chấp thường-cố tình luận bàn tức ly, thần vàng thần trắng, ngã thấy ngã biết. Một chân thường co lên-năm phía luôn thiêu đốt, bắt chước trâu ăn cỏ-như loài chó ăn phân. Hoặc nói nhiều đến chân lý, nào biết tôn chỉ của Trung đạo? Hoặc chấp chặt vào kinh thư, đâu hiểu ý nghĩa của đại thừa. Hoặc nói rằng tối tăm bắt đầu sinh ra hiểu biết mà điều ấy vĩnh viễn không biết, thế gian chắc chắn thường con chỉ có điều này là đáng quý vô cùng. Hoặc nói rằng

đến cõi Phi hữu tưởng chính là chứng Niết bàn, chấp cõi trời Tự tại có năng lực tạo tác thế giới. Ngu si dốt nát mê mờ-tầm thường gàng bướng trống rỗng, nhìn ngón tay cầu thấy trăng-ôm gốc cây mà đợi thỏ, lừa ngựa hãy còn nghi hoặc lẽ nào phân rõ đậu thóc? Tuy biết cười sung sướng, nuôi tò vò mà không hay; chỉ có biết nói năng, cùng đười ươi mà không khác. Bởi chẳng nhận thức được lý không mà thường ở trong vô minh, phàm là tâm điên đảo đều gọi là tà kiến, năm trụ phiền não không giãm bớt chút nào, trăm lẻ tám sử trói buộc hãy còn dày đặc. Vì vậy bậc Đại Sĩ, để cầu được tám chữ mà không tiếc thân mạng, sợ còn trong ràng buộc gặp khổ là lùi bước, cho nên tự giữ chặt tâm để bảo vệ chí nguyện kiên cố.

Thứ hai: **Dẫn Chứng**.

Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ tát vì cầu pháp cho nên luôn luôn thực hành theo pháp, có người phát ra lời nói như vậy; Nếu có thể lao thân vào hầm lửa sâu 7 Nhẫn, sẽ trao pháp cho ông. Bồ tát nghe vậy vô cùng hoan hỷ, dấy lên tư duy rằng: Mình vì pháp cho nên thân mạng còn không tiếc, ở trong các nẻo ác của địa ngục A tỳ nhận chịu vô lượng khổ đau, huống là vào hầm lửa nhỏ bé của nhân gian mà được nghe pháp hay sao?"

Theo kinh Tập Nhất Thiết Công Đức Tam Muội nói: "Thích Ca trong quá khứ lâu xa làm Tiên nhân có năm thần thông, tên gọi là Tối Thắng."

Theo luận Trí Độ nói: "Thích Ca Văn Phật lúc xa xưa làm Bồ tát, tên gọi là Lạc Pháp. Lúc ấy thế gian không có Phật, không nghe đến lời thiện, đi khắp nơi cầu pháp tinh tiến không hề lơi lỏng, cuối cùng không thể nào gặp được. Lúc bấy giờ ma vương biến thành bà la môn, mà nói lời rằng: ta có một bài kệ do Phật thuyết ra, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, viết chép bài kệ này, sẽ mang lại pháp lạc cho ông. Lập tức tự nghĩ rằng; Mình đời đời mất đi vô số thân mà không có được lợi ích này. Liền tự lột da mình phơi làm cho khô, mong muốn viết bài kệ ấy, ma vương lập tức diệt thân. Lúc ấy Phật biết tâm chí thành ấy, liền từ Hạ phương vọt lên thuyết cho nghe về pháp sâu xa, tức thì đạt được Vô sanh pháp nhẫn."

Còn trong kinh Niết bàn nói: "Bồ tát vì pháp nhân duyên mà khoét thân làm đèn, lấy vải bông quấn chặt thịt da, dùng bơ tưới vào, đốt để làm đèn. Bồ tát vào lúc bấy giờ chịu đựng đau khổ vô cùng như vậy, tự trách tâm mình mà dấy lên nói rằng: Khổ đau như vậy so với nỗi khổ của địa ngục, trăm ngàn vạn phần còn chưa bằng một phần, ông ở trong

vô lượng trăm ngàn kiếp, nhận chịu khổ não vô cùng, cũng không có lợi ích gì, nếu ông không có thể nhận chịu nổi khổ nhỏ nhoi này, thì làm sao có năng lực để vào trong địa ngục cứu giúp chúng sinh đang chịu đau khổ? Lúc Bồ tát ma ha tát quán xét như vậy, thân không cảm thấy đau khổ, tâm ấy không lùi bước, không hề lay động. Lúc bấy giờ Bồ tát thuận theo tự mình biết sâu sắc, mình nhất định phải đạt được A nậu bồ đề. Lúc bấy giờ Bồ tát đầy đủ phiền não chưa có gì đoạn, vì pháp nhân duyên mà có thể dùng dùng đầu mắt tủy não tay chân máu thịt bố thí cho chúng sinh, dùng đinh nhọn đóng vào thân đến ngọn núi rực lửa. Bồ tát lúc bấy giờ tuy nhận chịu vô lượng khổ đau như vậy, mà tâm ấy không lùi bước, không hề lay động. Bồ tát lúc ấy biết rõ, nay mình chắc chắn tâm không lùi bước, sẽ đạt được quả vị A nậu bồ đề."

Còn trong kinh Đại Tập nói: " Bồ tát vì hướng về nghĩa lý của một câu một chữ, mà có thể dùng ngọc ngà châu báu khắp mười phương thế giới dâng lên cúng dường Đấng Pháp Vương. Vì một bài kệ nhân duyên mà sẵn sàng xả bỏ thân mạng. Tuy ở vô lượng hằng hà sa kiếp tu hạnh bố thí, nhưng không bằng một lần nghe được câu chuyện của Bồ tát khiến cho tâm sinh ra hoan hỷ, đối với chánh pháp mà thích nghe-thích nói, thường được chư Phật và chư Thiên hộ niệm. Nhờ vào năng lực hộ niệm cho nên hết thảy kinh điển sách luận của thế gian đều có thể thông đạt."

Còn trong kinh Đại Phương Tiện Báo Ân nói: "Bồ tát thường chịu khó tìm thiện tri thức, để được nghe Phật pháp thậm chí dù chỉ một câu-một bài kệ-một ý nghĩa, làm cho phiền não của ba cõi thảy đều úa tàn. Lúc Bồ tát chí tâm mong cầu lời Phật dạy, khao khát giáo pháp tình ý sâu nặng không tiếc gì thân mạng, giả sử đạp trên sắt nóng hay trên lửa đỏ, cũng không lấy làm lo sợ. Bồ tát vì một bài kệ cho nên thân mạng còn không tiếc, huống là đối với mười hai bộ kinh ư? Vì một bài kệ cho nên tính mạng còn không tiếc rẻ, huống là tài vật gì khác ư? Nghe pháp được lợi ích cho nên thân nhất định an lạc, phát sanh tín tâm sâu sắc-tâm thẳng thắn nhìn nhận đúng đắn, thấy người nói pháp như thấy cha mẹ, tâm không hề kiêu mạn. Vì chúng sinh cho nên chí tâm nghe pháp, chứ không vì lợi dưỡng. Vì chúng sinh chứ không vì lợi ích riêng mình. Vì chánh pháp cho nên không sợ mọi việc dù là vua chúa quyền thế-đói khát lạnh nóng-hổ lang thú dữ-giặc thù trộm cướp... Trước cần phải tự điều phục phiền não của các căn, rồi sau đó mới nghe pháp."

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ tát phương tiện cầu pháp như vậy, tất cả ngọc ngà châu báu không có gì tiếc rẽ coi trọng, ở

giữa các vật này không sanh ý tưởng khó gặp. Nếu được một câu pháp chư từng nghe đến, còn hơn có được ngọc ngà châu báu đầy trong tam thiên đại thiên thế giới; được nghe một bài kệ còn hơn được ở nơi địa vị Chuyển Luân Thánh Vương-Thích Đề Hoàn Nhân hay Phạm Thiên Vương. Bồ tát dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình nhận được một câu pháp, giả sử khiến cho lửa lớn đầy trong tam thiên đại thiên thế giới, từ trên cõi Phạm Thiên mà tự mình lao thân xuống hãy còn không sợ, huống gì là lửa nhỏ ư? Tất cả khổ đau của các địa ngục mình hãy còn nhận chịu đến cùng, giống như thuận theo cầu pháp, huống gì là những khổ não nhỏ bé giữa loài người? Vì cầu pháp cho nên phát tâm như vậy. như pháp được nghe mà tâm luôn luôn hoan hỷ an lạc, đều có năng lực quán xét đúng đắn."

Trong kinh Vị Tằng Hữu nói: "Xưa ở núi Tỉ Đà nước Tỳ Ma có một con Dã can, bị Sư tử rượt đuổi mà rơi xuống một cái giếng hoang ngoài đồng, đã trải qua ba ngày, trong lòng biết chắc là đến chỗ chết, bèn tự nói kệ rằng:

Tất cả mọi thứ đều vô thường,
Hối hận không cho sư tử ăn,
Làm sao chết dưới giếng ngoài đồng,
Tham mạng sống mà chết vô ích.
Vô ích rồi thật là hối hận,
Lại làm bẩn trong nước của người,
Sám hối chư Phật khắp mười phương,
Nguyện rũ lòng biết rõ tâm con.
Những ác nghiệp của đời kiếp trước,
Nay đền trả đều làm cho sạch,
Từ đây mong gặp được minh sư,
Tu hành cuối cùng thành quả Phật.

Đế Thích nghe kệ ấy, cùng với tám vạn chư Thiên đến bên cạnh giếng ấy nói rằng: Không nghe Thánh giáo ở mãi trong chốn tối tăm, trước đây nói thật là khác thường nguyện xin tiếp tục nói ra lời pháp. Dã can trả lời rằng: Thiên Đế không có chuẩn mực không biết lúc thích hợp, Pháp sư ở dưới thấp cò mình ở trên cao, ban đầu không tu hạnh cung kính mà lại hỏi về pháp quan trọng ư? Thế là Đế Thích dùng áo cõi trời đón lấy Pháp sư mà rập đầu sám hối, nhớ lại xưa kia mình đã từng thấy người thế gian, trước hết bày ghế ngồi trên cao sau đó mới thỉnh cầu Pháp sư. Chư Thiên liền cùng nhau cởi áo quý báu chất thành chỗ ngồi trên cao. Dã can bước lên chỗ ngồi nói rằng: Có hai nhân

duyên lớn, một là nói pháp khai hóa cho người cõi trời vốn là phước vô lượng, hai là vốn thực hiện đền đáp ân tình giúp cho ăn uống. Thiên Đế thưa rằng: Được tránh khỏi tai ách giếng sâu thì đền trả công lao phải to lớn, tại sao ân tình không sánh kịp vậy? Trả lời rằng: Sanh tử đều thích hợp, có người tha sống, có người ưa chết; có người ngu si, không biết sau khi chết lại sanh ra, xa cách Phật pháp, không gặp được minh sư, tham sống sợ chết thì chết rồi rơi vào địa ngục; có người trí tuệ, tôn thờ Tam bảo, gặp được minh sư, bỏ ác tu thiện, người như vậy chán sống ưa chết, chết thì sanh lên cõi trời. Thiên Đế nói: Như Ngài đã dạy giữ vẹn mạng sống mà vô ích, nguyện xin nghe về bố thí ăn uống-bố thí giáo pháp. Trả lời rằng: Bố thí ăn uống cho người đói cứu giúp mạng sống của một ngày; giúp cho ngọc ngà châu báu thì cứu được sự thiếu thốn của một đời, tăng thêm sanh tử; thuyết pháp giáo hóa thì có thể làm cho chúng sinh biết tu đạo xuất thế gian, đạt được quả của ba Thừa, tránh khỏi ba đường dữ, thọ nhận niềm vui của trời người, vì vậy Đức Phật dạy dùng pháp để bố thí có công đức vô lượng. Thiên Đế nói: Nay Sư có hình hài này là vì nghiệp báo, hay là ứng hóa? Trả lời rằng: Là tội báo chứ không phải ứng hóa. Thiên Đế nói: Tôi nói là Thánh còn nghe tội báo, không biết nguyên cớ điều ấy, nguyện xin nghe biết nhân duyên. Trả lời rằng: Xưa sinh ở thành Ba Đầu Ma thuộc nước Ba La Nại, làm con nhà nghèo, dòng dõ Sát Lợi tuổi thơ lòng dạ sáng suốt thông minh, chỉ ham học tập, đến năm 12 tuổi theo thầy vào núi, không sai lạc thời gian, trải qua 50 năm, 9sáu loại kinh thư, không loại nào không thông hiểu, đều nhờ ân của Hòa thượng. Công ấy khó đền đáp được. Bởi vì trước đó học hỏi có được trí tuệ tự nhận biết mạng sống đời trước của mình, nhờ đó tiếp nhận địa vị vua chúa hoang dâm vô độ đắm say dục lạc, thiện báo không còn mạng sống chấm dứt sanh vào chốn địa ngục-súc sanh (Từ đây trở xuống... lược mà không thuật lại).

Lúc ấy Đế Thích cùng tám vạn chư Thiên, thuận theo thọ mười thiện nghiệp. Đế Thích nói rằng: Nay trở về Thiên cung, lúc nào Hòa thượng xả tội báo này được sanh lên cõi trời ? Dã can nói rằng: Đúng bảy ngày sau sẽ xả thân này sanh lên cõi trời Đâu Suất, các người thì có thể nguyện sanh đến cõi trời ấy, có nhều Bồ tát thuyết pháp giáo hóa. Đúng bảy ngày mạng sống chấm dứt sanh lên cung trời Đâu Suất, lại nhận biết mạng sống đời trước mà thực hành mười thiện đạo.”

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: “Đức Phật trú tại nước Ba La Nại, ở giữa chốn rừng sâu đầm lạnh hiện thân thuyết diệu pháp cho chư Thiên-loài người cùng bốn loại chúng sinh. Lúc ấy giữa hư không xuất hiện

năm trăm con chim nhạ tụ lại thành đàn, nghe âm thanh của Đức Phật mà tâm tư vô cùng vui thích, bay qua bay lại muốn hạ xuống. Thợ săn giăng lưới ra bẫy nhạn rơi vào trong lưới, bị thợ săn giết thịt liền sanh lên cõi trời Đao Lợi, ở trên đầu gối của cha mẹ giống như đứa trẻ 8 tuổi, đoan nghiêm tuyệt vời rạng rỡ như núi vàng. Lúc ấy tự nghĩ rằng: Mình vì sao sanh ở nơi này? Lập tức biết rõ được mạng sống đời trước cảm được quả báo thích nghe giáo pháp liền cùng nhau mang hoa xuống cõi Diêm Phù Đề, đến nơi Đức Thế Tôn, lễ lạy chân Ngài mà thưa rằng: Chúng con được nhờ pháp am sanh ở cõi trời kỳ diệu, nguyện xin Thế Tôn tiếp tục chỉ dạy cho biết! Đức Phật liền thuyết cho nghe về pháp Tứ Đế đạt được quả Tu Đà Hoàn, rồi trở về cõi trời.”

Thứ ba: **Tuệ Ích.**

Trong kinh Đại Bảo Tích nói: “ Thứ sáu là Bồ tát tu hạnh trí tuệ, lại có mười pháp không giống với hàng Nhị thừa. Những gì là mười pháp? Đó là: 1. Tư duy phân biệt về gốc rễ của định tuệ; 2. Tư duy không rời bỏ hai phía đoạn-thường; 3. Tư duy về nhân duyên sinh khởi của các pháp; 4. Tư duy không có chúng sinh-ngã-nhân-thọ mạng; 5. Tư duy không có pháp của ba đời quá khứ-vị lai-hiện tại; 6. Tư duy không có hành nghiệp phát ra không đoạn nhân quả; 7. Tư duy về pháp không mà gieo trồng thiện căn không lơi lỏng; 8. Tư duy về Vô tướng mà độ chúng sinh không buông bỏ; 9. Tư duy về Vô nguyện mà cầu Bồ đề không lìa xa; 10. Tư duy về Vô tác mà hiện tướng thọ thân không bỏ. Tuệ như vậy thì không giống với Thanh văn và Bích chi Phật.”

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: “Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát luôn luôn thực hành Bát nhã thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Tất cả đều rời bỏ mà không giữ lấy ý tưởng bố thí; 2. Trì giới không thiếu sót mà không dựa vào giới; 3. Trú vào sức mạnh của nhẫn mà không trú vào ý tưởng của chúng sinh; 4. Thực hành tinh tiến mà xa rời thân tâm; 5. Tu thiền định mà không có gì đắm trước; 6. Ma Vương Ba Tuần không thể làm nhiễu loạn được; 7. Đối với những luận thuyết khác mà tâm vẫn không lay chuyển; 8. Có năng lực đến được tận cùng biển sanh tử; 9. Đối với các chúng sinh khởi tâm Bi rộng lớn; 10. Không vui với đạo lý của Thanh văn và Bích chi Phật.

Đức Phật lại dạy: Nếu có Bồ tát tin tưởng và vui với hạnh đa văn thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Biết phiền não là duyên giúp đỡ; 2. Biết thanh tịnh là duyên giúp đỡ; 3. Xa lìa mọi nghi hoặc; 4. Trú trong cách nhìn chân chánh; 5. Xa lìa đạo lý sai trái; 6. An trú trong con đường đúng đắn; 7. Mở thông cánh cửa cam, lộ; 8. Tiếp

cận Bồ đề quả Phật; 9. Thân cận với tất cả chúng sinh mà làm ánh sáng dẫn đường; 10. Không sợ hãi đường ác.”

Còn trong kinh Lục Độ nói: “ Lại có bốn loại trí tuệ đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? 1. Không trú trong đoạn kiến; 2. Không vào trong thường kiến; 3. Hiểu rõ ràng mười hai nhân duyên; 4. Nhẫn nại thực hành Vô ngã.

Bồ tát lại có bốn loại ủng hộ đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Ủng hộ Pháp sư giống như Quân Vương của mình; 2. Bảo vệ các thiện căn; 3. Duy trì bảo vệ thế gian; 4. Bảo vệ lợi ích của người khác.

Bồ tát lại có bốn loại công danh không hề thỏa mãn mà đầy đủ trí tuệ: 1. Vui với hạnh đa văn không có gì thỏa mãn; 2. Vui với hạnh thuyết không có gì thỏa mãn; 3. Thực hành tuệ không có gì thỏa mãn; 4. Thực hành trí không có gì thỏa mãn.”

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Phật tử! Hết thảy chư Phật có mười loại chưa từng lỡ mất thời gian, những gì là mười loại? Đó là: 1. Hết thảy chư Phật thành tựu Đẳng Chánh Giác chưa từng lỡ mất thời gian; 2. Hết thảy chư Phật chưa từng lỡ mất thời gian vì thiện căn nghiệp báo; 3. Hết thảy chư Phật thọ ký cho Bồ tát chưa từng lỡ mất thời gian; 4. Hết thảy chư Phật tùy thuận chúng sinh mà thị hiện thần lực chưa từng lỡ mất thời gain; 5. Hết thảy chư Phật thị hiện thân tướng Như Lai chưa từng lỡ mất thời gian; 6. Hết thảy chư Phật đều thực hành công hạnh bố thí chưa từng lỡ mất thời gian; 7. Hết thảy chư Phật đi vào thành ấp thôn xóm chưa từng lỡ mất thời gian; 8. Hết thảy chư Phật tiếp nhận làm cho chúng sinh hoan hỷ chưa từng lỡ mất thời gian; 9. Hết thảy chư Phật đối với chúng sinh khó hóa độ nhưng mà không bao giờ buông bỏ, vì điều phục khéo léo cho nên chưa từng lỡ mất thời gian. Này Phật tử! Đó là mười loại chưa từng lỡ mất thời gian của hết thảy chư Phật.”

Tụng rằng:

Ba đường cách trở khổ đau,
Sáu Độ cùng thuận theo nhau,
Bố thí-Trì giới-Nhẫn nhục,
Tinh tiến-Thiền-Trí dẫn đầu,
Bốn Đẳng hạnh Từ soi chiếu,
Ba Học lo lắng xót thương,
Nhưng phước thiện lợi ích này,
Thật sự do tâm kính trọng.
Nhiễm-tịnh tùy theo tình chấp,

Lấy-bỏ tự mình quyết định,
Biết phải triển hoặc mất đi,
Tự dứt vọng tưởng đến cùng.
Sáu Dục lấp chặt đã lâu,
Tám Chánh Đạo cùng dung thông,
Phước- trí cảm ứng cả hai,
Lý tùy theo đều xuyên suốt.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 7 chuyện: 1. Thời nhà Tấn có miếu thờ thần linh hồ thiên; 2. Thời nhà Nguỵ có Sa môn Thích Chí Trạm; 3. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Nhân; 4. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Lăng; 5. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Mẫn; 6. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Không Tạng; 7. Thời nhà Đường có Tiêu Thị là vợ của quan Đại Phu Tư Nguyên.

1. Thời nhà Tấn ở Dương Châu có miếu thờ thần Đình Hồ bên bờ sông, nghiêm khắc rất hung dữ. Lúc ấy có một Khách Tăng dòng Bà la môn, tên gọi là Pháp Tạng, có sở trường về trì chú trừ bỏ những loại tà độc, tất cả đều có ứng nghiệm. Có một vị Tăng trẻ nơi khác đến học chú thuật của pháp Tạng, trải qua mấy năm thì sự học tập được thành tựu, cũng có thể hàng phục được những loại tà độc hung ác, cho nên đến miếu thần Đình Hồ ngủ lại, tụng chú muốn làm cho thần hàng phục. Đêm ấy trông thấy thần, tức thì dẫn đến mất mạng. Pháp Tạng là thầy nghe đệ tử tụng chú dẫn đến mất mạng, lòng đầy tức giận liền tự mình trong đêm đi đến miếu thần, ý giận dữ mà tụng chú. Trông thấy thần xuất hiện, tự mình cũng dẫn đến cái chết. Cùng chùa với Pháp Tạng có vị Tăng thường ngày trì tụng Bát Nhã, nghe cả thầy lẫn trò đều bỏ mạng, liền đến nơi miếu thần, ở tại miếu trong đêm tụng Kim Cang Bát Nhã. Đến nửa đêm nghe giữa hư không có tiếng gió rất mạnh, trong chốc lát thấy có một vật, hình dáng to lớn, sừng sững che kín rợn người, lạ lùng đáng sợ, hàm răng dài sắc nhọn, ánh mắt sáng như điện, các loại thần biến không thể nào kể hết. Vị Tăng tụng kinh ngồi nghiêm trang chánh niệm trì tụng, không lơi lỏng dù chốc lát, tinh thần không khiếp sợ, cũng không lo lắng gì. Thần trông thấy hình dáng bình tĩnh, bèn thu lại các uy thế đi đến trước mặt vị Tăng, đầu gối bên phải quỳ sát đất chấp tay cung kính, lắng nghe tụng kinh. Tụng kinh xong vị Tăng hỏi thần rằng: đàn việt là thần linh thế nào? Ban đầu xuất hiện dự dằn đáng sợ mà sau lại hoan hỷ như vậy? thần trả lời: Đệ tử vì nghiệp báo xấu ác nên phải chịu như vậy, là thần ở hồ này, nhưng rất tin tưởng và

kính trọng thầy tụng kinh. Lại hỏi: Nếu thần tin tưởng và kính trọng thì ý gì cả hai vị Sư trước đây đều làm cho mất mạng? Trả lời rằng: Hai Sư trước đây mất mạng, bởi vì không có năng lực thọ trì kinh điển Đại thừa, mà tâm giận dữ tụng chú, thấy đệ tử xuất hiện đón đầu để nguyền rủa, chỉ tụng những lời ác hiểm, muốn làm cho đệ tử phải khuất phục, nhưng đệ tử không chịu khuất phục, vào lúc ấy hai Sư trông thấy hình dáng dữ tợn của đệ tử thì tự nhiên sợ hãi mà chết, cũng không phải đệ tử cố tình giết hại hai Sư.

Đạo tục ở gần đó thấy hai Sư trước bị giết hại, nói là vị Tăng tụng kinh cũng chết, nên dẫn nhau đến xem xét, mà thấy vẫn bình an, dung mạo vui vẻ thư thái. Lúc ấy mọi người cảm thấy rất quái lạ, tranh nhau hỏi nguyên cớ thế nào, trả lời đầy đủ như trước. Thật sự là nhờ vào uy lực của Bát Nhã, Thánh giáo không hề hư vọng. Mọi người vì thế phát tâm thọ trì Bát Nhã rất đông.

2. Thời nhà Nguỵ có Sa môn Thích Chí Trạm ở chùa Hàm Thảo-núi Nhân Đầu-Thái nhạc, người huyện Sơn Trang-Tề Châu, là đệ tử của hàng chắt (tằng tôn) Lãng Công. Lập hạnh thuần hậu ít nói bớt phiền hà, trú tại chùa Hàm Thảo, chùa này do Cầu Na Bạt Ma thời nhà Tống đã dựng nên. Dạo chơi với các loài cầm thú mà không hề kinh sợ hỗn loạn, thường tụng Pháp Hoa dùng làm công việc hằng ngày. Ngày sắp mạng chung, Sa môn bảo Chí tâu với Lương Vũ Đế rằng: Huyện Sơn Trang ở phương Bắc có vị Tăng trú tại chúa Hàm Thảo, là Thánh nhân Tu đà hoàn, hôm nay nhập Niết bàn. Đạo tục ở Dương Đô hỏi thăm, Bảo Chí đều khiến từ xa mà hướng về lễ kính. Ngồi trang nghiêm mà hóa thân, hay tay đều duỗi thắng một ngón. Có vị Tăng người vùng Tây Thiên Trúc giải thích rằng: Nếu là Thánh nhân chứng quả thứ hai thì đều duỗi thẳng hai ngón tay, Chí Trạm duỗi một ngón thì chắc chắn là quả thứ nhất. An táng tại núi Nhân Đầu, xây tòa tháp thờ phụng, chim trú không làm bẩn, nay hãy còn tồn tại.

Lại ở Ung Châu có vị Tăng cũng tụng Pháp Hoa, ẩn cư tại núi Bạch Lộc, cảm được một Đồng tử cung cấp thường ngày. Đến lúc mạng chung đặt thi thể phía dưới mõm núi đá, hình hài khô rã nhưng chỉ có chiếc lưỡi nhiều năm mà không hư hoại.

Còn ở thời Tề Vũ Thành có người sinh sống bên cạnh núi Đông Khán-Tính Châu, đào đất gặp một chỗ đất, màu đất vàng rực, và bên cạnh có điều kỳ lạ, tìm thấy một vật, hình dạng như đôi môi con người, bên trong có chiếc lưỡi, màu sắc đỏ tươi. Đem sự việc tâu lên nhà vua, nhà vua hỏi các Đạo nhân nhưng không có ai có thể biết được đó là Sa

môn. Pháp sư Đại Thống tâu lên nhà vua rằng: Người này trì kinh Pháp Hoa, khiến cho sáu căn không hủy hoại, thành tâm tụng đủ ngàn biến chắc chắn cảm được dấu tích chứng minh điều này. Nhà vua bèn truyền cho Trung thư xá nhân là Cao Trân rằng: Khanh là người tin đạo xưa nay, tự mình đến nơi xem sao, chắc chắn có điều linh ứng kỳ lạ, nên chuyển đến an trí ở chỗ sạch sẽ mà thiết trai cúng dường! Cao Trân vâng lệnh đến chỗ ấy, tập trung các Sa môn trì kinh Pháp Hoa, đều bưng lư hương thành kính đi vòng quanh, mà khấn nguyện rằng: Bồ tát Niết bàn năm tháng đã lâu xa, thời tượng pháp lưu hành phụng mạng không có gì sai lầm, thỉnh cầu thị hiện điềm cảm ứng linh thiêng. Vừa mới lên tiếng thì môi và lưỡi cùng lúc động đậy, tuy không có tiếng vang mà giống như đang đọc tụng, những người cùng trông thấy không ai không sởn tóc gáy. Cao Trân đem cảnh tượng tâu bày, nhà vua truyền lệnh đặt vào hộp đá chuyển đến na trí trong hang đá trên núi.

Lại ở thời nhà Nguỵ vào năm thứ nhất niên hiệu Thái Hòa có một hoạn quan trong cung thuộc Bắc triều, tự chán ngán hình hài tàn tệ không sánh bằng người khác, sau đó tâu bày xin vào núi tu đạo, được nhà vua cho phép bèn ôm một bộ Hoa Nghiêm, ngày đêm đọc tụng, lễ lạy sám hối không hề lơi lỏng. Đầu mùa Hạ trở về núi, đến cuối tháng 6 râu ria đều mọc ra, âm tướng lại hiện bày, tướng trạng đàn ông trở lại như xưa. Đem tất cả sự việc tâu lên nhà vua, Cao Tổ thêm tin tưởng, trong cung đều kinh ngạc. Thế là trong đất nước thuộc Bắc triều, Hoa Nghiêm trở nên thịnh hành.

(Chuyện trên đây thấy trong hầu Quân Tố Tập).

3. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Nhân ở chùa đại Trang Nghiêm vùng Tây Kinh, là người vùng Hải Diêm-quận Ngô có họ Vu. Bẩm tính thông minh nhanh nhẹn xét rõ tất cả luân thường đạo lý. Sau đến chỗ Pháp sư Trường Can Biện, theo học ba bộ luận, tận cùng ngôn ngữ sâu xa của thật tướng, mở rộng ý nghĩa thầm kín của chữ Mạn, nước chảy vào một bình, xanh lại càng xanh hơn. Sau từ chỗ Trường Can Biện trở về trong chốn núi rừng vắng lặng, thì học trò tự nhiên tìm đến, đệ tử theo học hơn năm trăm người, nối gót lưu truyền ánh sáng trí tuệ, gần 30 năm. Năm thứ 8 thời Thần Thái Kiến, bắt đầu an cư, bỗng nhiên cảm đến sứ giả âm ty nói: Nhà vua cho mời Pháp sư. Tùy tùng rộn ràng, đàn sáo vang vang, ngay lúc ấy ngưng thở giống như xả bỏ thọ mạng, thân thể như ngày thường. Trải qua thời gian bảy đêm dường như từ trong định sâu xa đứng dậy, học trò thưa hỏi, bèn nói rằng: Xem thử trong hòm thấy có vật gì? tìm thấy có hai xấp lụa. Tuệ Nhân nói: đây

là vật cúng dường để lại. Tiếp tục hỏi về nguyên do. Nói rằng: Vọng tưởng điên đảo, biết sao không làm, Ta bị vua Diêm La gọi, mùa Hạ ngồi giảng Đại Phẩm Bát Nhã, ở trong cõi âm nói là trải qua 3 tháng, lại thấy các tướng địa ngục theo thứ tự năm đều khổ đau, không phải tâm Từ ấy bao gồm hạnh nghiệp u-hiển hết sức cảm thông, há có thể đến cõi âm kia cầu xin thần thức đi qua xứ sở khác hay sao?

Vào ngày 12 tháng 2 năm thứ nhất niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, qua đời tại chùa Đại Trang Nghiêm, hưởng thọ 89 tuổi.

4. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Lăng ở chùa Tử Kim-Tương Châu, họ Thân Đồ, hễ có luận bàn về pháp thì đều làm cho kể lại đầy đủ, lời nói chất phác bàn luận về lý vô cùng tinh tế. Người đương thời cùng gọi là Đắc Ý Lăng. Vào giữa tháng Giêng năm thứ 14 niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, có Pháp sư Sưởng ở chùa Cảm Thông-Tương Châu nói rằng: Mộng thấy vua Diêm La mời Lăng Công muốn giảng về ba bộ luận, Sưởng Công giảng Pháp Hoa như thế nào? Tuệ Lăng nói: Tốt lành thay, Tuệ Lăng phát nguyện, thường ở chốn địa ngục giáo hóa chúng sinh, giảng kinh Đại thừa, đã có dấu hiệu này, thì nguyện ấy thành tựu rồi. Vào cuối tháng 9, Tưởng Vương thấy sức lực Tuệ Lăng suy yếu, đưa đến hai bình sữa Thiền Châu, ép buộc phải uống. Đêm ấy mộng thấy một người áo mũ chỉnh tề nói rằng: Đừng uống sữa này, vua Diêm La trang nghiêm đạo tràng đã xong, có nhiều vị thuốc chế ra từ sữa. Đến lúc hoàng hôn vào ngày giữa tháng 10, liền cảm thấy không khỏi bệnh, nói cho đệ tử biết rằng: Ngũ tạng của Ta đã vỡ, không có chỗ nào mà đau đớn. Đến canh 4 ngồi dậy, nói với chủ chùa là Bảo Độ rằng: Nhớ lại năm 8 tuổi trú tại chùa Long Tuyền nhờ vào Quán Âm, chưa đến Kỳ xà đã giảng ba lần, sáng tỏ như ở trước mắt. Lời nói chưa hết, bên ngoài có tiếng lớn nói cho biết rằng: Pháp sư đứng dậy trước thắp hương, người làm sứ lập tức đến ngay. Bảo Độ nói: Người nào? Đáp rằng: Sứ giả của vua Diêm La đến nói Pháp sư Tuệ Lăng. Liền đứng dậy tắm rửa thắp hương sám hối lễ lạy Phật xong, trở về trong phòng từ biệt vời Bảo Độ. Ăn cháo chưa xong, lấy lấy tập ghi chép riêng suốt cả đời đốt đi mà nói rằng: tập ghi chép riêng này đến nơi khác mà đọc, không thể nào bày tỏ được rồi. Đến giờ ăn sáng hương thơm kỳ lạ bỗng nhiên tỏa ngát, Tuệ Lăng nghiêm nét mặt lại liền hóa thân, chính là ngày 1sáu tháng mười năm thứ 14 niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, hưởng thọ 65 tuổi.

5. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Mẫn ở chùa Tịnh Lâm-Việt Châu, họ Tôn người vùng Đan Dương, thường giảng Pháp Hoa và

ba bộ luận không gián đoạn. đến năm thứ nhất niên hiệu Trinh Quán nhà Đường trở về Đan Dương, giảng Pháp Hoa và Niết bàn. Đến năm thứ hai, Điền đô đốc ở Việt Châu tìm đưa trở về chùa Nhất Âm, giảng cho đạo tục mấy ngàn hội chúc mừng tốt đẹp. Đến năm thứ 19 niên hiệu Trinh Quán, sĩ tục ở vùng Cối Kê thỉnh đến chùa Tịnh Lâm giảng kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng 6 chính thức giảng, mọi người tề tựu, có con rắn treo nửa thân ở phái trên đỉnh đầu Pháp Mẫn, cao hơn 7 thước, thân có sắc vàng rực, tỏa ra ánh sáng năm màu, giảng xong mới ẩn đi. Đến hết mùa Hạ trở về chùa Nhất Âm, đêm có hai người mặc áo đỏ lễ lậy Pháp Mẫn mà nói rằng: Pháp sư giảng 4 bộ kinh Đại thừa, công đức khó nghĩ bàn, cần phải đi đến phương khác giáo hóa, cho nên từ phương Đông đến đón Pháp sư. Đệ tử gồm mấy chục người cùng trông thấy cảnh tượng này. Đến ngày 17 tháng 8, trước đó ba ngày 3 đêm tự nhiên tối mịt, đến lúc sắp ra đi, bỗng nhiên phát ra ánh sáng chói lòa, đêm sáng như ban ngày, nhân đó chuyển thần hóa thân, hưởng thọ 67 tuổi. Tang lễ quàn lại bảy ngày mà hương thơm không mất đi, đạo tục cảm động thở than cùng nhau đưa tiễn đến chốn an nghĩ.

6. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Không Tạng ở chùa Hội Xương chốn Kinh Sư, họ Vương Thị, tổ tiên người vùng Tấn Dương, nay ở huyện Tân Phong thuộc Ung Châu. Ngày mẹ mới mang thai, tự nhiên không ăn thịt uống rượu, các thứ tanh nồng không nếm, mà giống như thai nhi âm thầm thật đặc biệt kỳ lạ. Sau khi đã sinh ra thì nhanh nhạy thông minh ngày càng rõ ràng, tình ý cao xa chỉ thường đọc tụng kinh luận, suy nghĩ tìm cách cứu giúp, chịu khó tìm hiểu không gì sánh được, ngày tụng vạn lời, đến tuổi trưởng thành, tổng cọng kinh luận đọc thuộc hơn ba trăm quyển, sao chép trích lấy những điều quan trọng trong các kinh Đại thừa hơn mười quyển, lưu hành ở thế gian. Ngàn vị Phật thuộc Hiền kiếp mỗi ngày lễ lạy một lần, mùa Xuân-mùa Hạ phương pháp như nhau, luôn luôn ngồi chứ không nằm, chịu khó vươn lên không thêm gì khác, không bỏ phí một chút thời gain. Vào ngày 12 tháng 5 năm thứ 16 niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, qua đời tại chùa Hội Xương, hưởng thọ 74 tuổi. Thân thể để lại ở bên cạnh chùa Long Trì, thu nhặt hài cốt xây tháp tôn trí, xương sọ và hai tai thông với nhau, trên đỉnh đầu có hai lỗ, hốc mắt hợp lại cùng một lỗ. Gồm có ba lỗ như vậy. Đệ tử cùng nhau tìm lại chỉ có vĩnh viễn hướng về, dựng bia đá tại chùa Hội Xương, Tả bộc xạ yên quốc công Vu Chí Ninh làm lời văn khắc bia.

Lại có Thích Di Dụ, thường tụng Pháp Hoa hơn một ngàn lần. Vào đầu niên hiệu Trinh Quán vì bệnh sắp qua đời, di chúc cho người bạn

là Tuệ Khoách rằng: gần đây tuy tụng kinh mà ý mong cầu điều linh nghiệm, sau khi thân này hết rồi không cần để lộ hình hài, mà hãy mai táng, đến mười năm sau đào lên để vạch ra xem cuống lưỡi có hủy hoại hay không, nếu như quả thực không hư hoại thì xây giúp cho một tòa tháp, để nêu rõ sự cảm ứng của kinh. Nói xong mà qua đời, y theo lời dặn để mai táng. Đến năm thứ 11 niên hiệu Trinh Quán, Tuệ Khoách cho bạn bè biết cùng đến khai quật phần mộ, thân thịt hoàn toàn hủy hoại, chỉ có cuống lưỡi là không hư hoại. Dân chúng già trẻ trai gái cả huyện đều nhìn thấy, vô cùng tôn kính và ngưỡng mộ. Dùng hộp đựng chiếc lưỡi, chuyển về bờ Nam vùng Tánh Cốc ở phái Bắc địa phận Dương Lăng để xây tháp ghi nhớ, biết rõ sự việc tôn nghiêm mà phát sinh niềm tin tụng kinh tu tập.

Lại có Sử Kha Đảm ở thôn Sử phía Nam Phước Thủy thuộc vùng Nam xã Phong cốc về phía Tây của Kinh Thành, tuổi trẻ lòng đầy thiện niệm, thường tụng Pháp Hoa. Lúc sắp qua đời cảm được hương thơm kỳ lạ tỏa ra, ngào ngạt khắp thôn xóm. Mai táng về sau mười năm, vợ qua đời nên mở phần mộ mai táng cùng chồng, thấy còn lại chếc lưỡi đỏ tươi rõ ràng vô cùng.

Còn Tiêu bộc xạ là anh của Tống quốc công Đại Khanh ở dinh Thái Phủ, địa vị cao quý vinh hoa, quốc sử cùng truyền tụng, lòng vui với đạo nghiệp, không bỏ phí một chút thời gian, âm thầmtụng Pháp Hoa hơn một vạn lần. Hai anh em cùng làm ra một ngàn bộ Pháp Hoa, có người học trò trong sáng hiệu đính không sai lầm gì. Trang hoàng hộp đựng kinh, phân ra giao cho lưu thông khắp nơi, tên người xin nhận cùng ghi lại thành một tập, tự mình lễ lạy cung kính một ngày đêm một lần. Tống quốc công tự mình soạn ra kinh sớ hơn mười quyển, lưu tập nhiều những học phái xưa nay có 30 loại, chọn lấy những tinh hoa kết hợp lại để ghi nhớ trong lòng. Bốn mùa luôn yên ổn, bước lên chỗ ngồi thường chú ý, đến lúc bắt đầu mở đề, thường mời các bậc danh đức chốn kinh thành và các vị đứng đầu cao quý trong triều đình hoặc giữa dân chúng, tự mình đên trước chỗ ngồi để nói rõ chủ-khác. Anh của Đại Khanh tính thích đọc tụng, vốn chép được một ngàn bộ Pháp Hoa, tự mình hiệu đính lại. Mỗi ngày vào chầu, nhất định sai người hầu cầm kinh ở trước mặt. Đối với việc chung, hễ có chút rỗi rãi, thì tự mình đọc lại để so sánh. Ngày tụng một lần, lấy làm quy định không thay đổi. Điềm lành linh cảm-dấu tích biểu hiện rất khó ghi chép hết được, gia môn cao xa không thể nào truyền nhau thuật lại được tất cả.

(Những chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

7. Thời nhà Đường có Tiêu Thị, là vợ của quan Đại Phu Tư nguyên Thôi Nghĩa Khởi, là con gái của Tiêu Khanh, Tiêu Khanh là cháu của Bộc xạ. Tiêu Thị là người đố kỵ và nhiều sân giận, thường đánh đập người hầu kẻ hạ, không tin vào nghiệp báo nhân quả. Vào năm thứ nhất niên hiệu Lân Đức nhà Đường, theo xa giá đến Lạc Dương. Tháng Giêng năm thứ hai thì không còn, chết đọa vào địa ngục. Dưới quyền của Tiêu Thị luôn luôn có một người hầu gái được yêu quý, tên là Nhuận Ngọc, tuổi khoảng chừng 18, tuy là thân phận người hầu nhưng dung mạo đoan chánh, tánh tình thông minh nhanh nhạy, tin tưởng và vui với Phật pháp. Đến tháng hai, trong nhà thiết trai làm tuần thứ ba cho Phu nhân, lúc Tăng đang dùng cơm thì Phu nhân tự nhiên xuất hiện, đến xem trai lễ làm như thế nào, cổ mang gông-lưng đeo xiềng có ngục tốt đi theo canh giữ, người khác không hay biết gì, chỉ có người hầu gái này trông thấy. Linh hồn Phu nhân dựa vào người hầu gái này mà nói, âm thanh cùng với tiếng nói của Phu nhân lúc còn sống không khác, khiến chuyển lời hướng về mọi người lớn nhỏ trong nhà, nói rằng: Tôi từ lúc đi lấy chồng ở nhà họ Thôi đến nay, vì tánh nhiều sân giận, sanh ra ganh tị ngang ngược, thường đánh đập người hầu kẻ hạ, và không tin nhân quả nghiệp báo, nay đến chốn địa ngục chịu tội ác rất nặng, trải qua tất cả mọi sự khổ đau không thể nào nói hết được; nghe trong nhà hôm nay vào tuần thứ ba thiết trai giúp cho tôi, cầu xin ngục quan tha cho một ngày, tạm thời đến xem trai lễ, nói với trai gái các người-lớn nhỏ cả nhà, từ lúc tôi cùng với mọi người ở chung một nhà đến nay, thân 3 nghiệp-miệng 4 nghiệp và ý bừng bừng ba độc, thường nóng giận đánh đập mọi người và ganh tỵ với chồng mình, đã đối xử với người hầu kẻ hạđủ mọi điều không tốt, phát khởi nghiệp ác nay nhận chịu báo ứng khổ đau không thể nào kể lại hết được; mong trai gái các người và lớn nhỏ cả nhà, quyến thuộc bà con nội - ngoại, thuận theo mọi người sám hối, mong hoan hỷ thực hành, như vậy trai gái các người nhớ ân tình tôi chăm sóc bú mớm, đem vật dụng của cải lúc còn sống tôi đã có được, nhanh chóng bố thí tu phước hy vọng trừ diệt đau khổ ở chốn âm cung, đến tuần thứ bảy lúc thiết trai giúp cho tôi, để cho công đức này mau chóng được thành tựu, đến ngày trai tôi lại cầu xin quan trên hy vọng được trở lại; nói với chồng và các con mình, cuộc đời của chồng tánh nôn nóng và nhiều sân giận, không được sân giận quá mức mà đánh đập người hầu kẻ hạ, khuyến khích tin vào Tam bảo-kính trên nhường dưới, tu trì trai giới-bố thí-nhẫn nhục không ngừng. Lúc sắp ra đi nói với tất cả trai gái trong nhà rằng: Tôi tạm thời mang Nhuận Ngọc đi, để ở

chốn địa ngục thấy tôi chịu đau khổ như thế nào, trải qua năm, sáu ngày vẫn thả họ trở về, khiến cho trai gái mọi người biết rõ tôi chịu đau khổ thật-hư ra sao.

Nói những lời này xong Nhuận Ngọc liền chết đi, nhưng trên phần ngực còn ấm mà các nơi khác đều lạnh ngắt, thân thể nằm trên đất chứ không dám mai táng.

Người hầu gái này đã đến địa ngục, thấy một cổng đi vào cung điện to lớn, quân lính canh giữ nghiêm ngặt, nói là cung điện nhà vua không dám nhìn trộm qua tường. Đi đến tòa nhà phía Đông, thấy trong phòng khác có vị quan lớn uy nghiêm, nói là vị quan phán xét tội lỗi. Tiếp tục đi qua phía Đông tòa nhà thấy có địa ngục đủ các loại dụng cụ làm cho đau khổ, hoàn toàn giống như tranh vẽ. Phu nhân nói với người hầu gái rằng: Cô xem ta nhận đau khổ của tội lỗi! Nói lời này xong tức thì có các loại ngục tốt-la sát, nhào về phía Phu nhân túm lấy ném xa rồi cắt chặt thân thể, bỏ vào vạc sôi đun nấu, nấu rồi sống lại; sống rồi lại trải qua các địa ngục kềm sắt kéo lưỡi, chim sắt mỗ da; lại nằm trên giường sắt nóng, chim bay-lửa dữ cùng lúc chạm vào thân, chết rồi lại sóng, sống rồi lại nhận chịu các loại khổ đau, không thể nào kể lại hết được. Phu nhân tỉnh lại rồi, liền thấy cha mình là Tiêu Khanh ngồi trên tòa hoa sen bằng vàng tía bay giữa hư không mà đến. Tiêu Khanh thì thuở bình sanh đã trải qua nhiều nơi đảm nhận các chức quan, nhưng không bao giờ uống rượu ăn thịt cùng các loại tanh nồng, thường xuyên tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày một lần, cung kính Tam bảo, ngày đêm sáu thời lễ lạy đọc tụng không thiếu sót, nay sanh đến cõi thiện, thấy con gái mình nhận chịu khổ đau cho nên đến cứu giúp lẫn nhau. Liền nói với con gái rằng: Ngày cha còn sống, thường khuyên nhủ con sinh tâm tin tưởng ngăn lại nóng giận, con không chịu nghe lời cha, nay dẫn đến tai họa này, con lại dựa vào đâu mà dẫn người hầu gái đến đây? Con gái trả lời cha rằng: Vì con lúc còn sống không tin cho nên nay nhận chịu tội lỗi khổ đau, cố ý mang người hầu gái này đến xem con nhận chịu tội lỗi nặng hay nhẹ, để có thể về thuật lại với trai gái trong nhà khiến cho họ sinh tâm tin tưởng. Người cha nghe liền đồng ý, nói với con gái rằng: Tuy cha sinh đến cõi thiện, nhưng chưa có năng lực cứu giúp tất cả đau khổ cho con, con cố gắng tự động viên mình phát tâm và nhờ vào phước thiện trong nhà cùng giúp đở nhau thì nhất định mong được thiát ra sanh lên trên cõi người-cõi trời. Nói lời này xong bỗng nhiên có một vị Sư dòng Bà la môn, tuổi trẻ đoan chánh cũng cưỡi hư không mà đến, nói vơi Phu nhân rằng: Bởi vì cô không tin nhân quả cho nên nay phải

chịu tội lỗi khổ đau, không biết người hầu gái này tánh tình thần thức như thế nào, tôi muốn dạy cho tụng kinh để truyền lại trong nhà làm cho người thế gian sanh tâm tin tưởng! Phu nhân thưa rằng: Xin Sư cứ chỉ dạy, người hầu gái này thông minh tụng kinh có thể được. Vị Sư liền dạy cho tụng kinh Kim Cang Bát Nhã trước, ban đầu được hai-ba hàng thì có một-hai câu không nhớ, sau đó tiếp tục giảng dạy, dần dần được nửa tờ rồi một tờ, không mấy chốc tụng được chẳng quên. Lại dạy cho tụng Dược Sư-Pháp Hoa, khi đã tiếp nhận thì không quên. Ba bộ kinh này đều dùng Phạm âm chứ không sử dụng tiếng Hán, văn từ chuẩn mực hcính xác-âm vận rõ ràng trong tgrẻo, câu văn đều thông thuộc, lập tức cho trở về. Sắp đến nơi nói cho biết rằng: Cô về trong nhà hễ gặp người là tụng, đạo-tục người Hán không phân biệt được âm thanh của cô, khiến tìm Bà la môn có sở trường Phạm ngữ, tụng xem thử mới biết rõ thiện ác, người thế gian có nhiều kẻ tin thờ tà đạo không tích gì Phật pháp, đã thấy cô thân phận người hầu mà còn có thể tụng được ba bộ kinh tiếng Phạm, lẽ nào không sinh tâm tin tưởng ư, nếu như làm cho một người có thể bỏ tà theo chánh, chẳng những Phu nhân được phước, mà cũng khiến cho cô sau này cảm báo không vào trong ba đường đau khổ mịt mù. Đã thâu nhận lời này rồi thì thả ra, đến nhà liền tỉnh lại. Giống như trước đây liền tập trung lớn nhỏ trong nhà nói đầy đủ sự việc Phu nhân nhận chịu tội lỗi khổ đau nơi địa ngục, giống như e rằng con cái của chủ mà mọi người không tin, liền nằm dưới đất, làm lại cảnh tượng Phu nhân nhận chịu đau khổ trong địa ngục. Có lúc nói: Xem Phu nhân nuốt viên sắt nóng, há miệng nuốt xuống, miệng đỏ bụng nóng như lữa. Có lúc nói: Xem Phu nhân chịu nỗi khổ đau nằm trên giường sắt nóng, thì thân thể đỏ hồng khí nóng như lửa. Biến hiện các loại cảnh tượng đau khổ như vậy, sau đó tỉnh lại. Tiếp tục nói đến sự việc trong thấy cha của Phu nhân khuyên nhủ dạy bảo, lại nói đến sự việc được Bà la môn day cho tụng kinh, mong cầu Phu nhân được thoát khỏi địa ngục cảm báo sanh lên cõi trời.

Người hầu gái này liền vì người trong nhà ngồi ngay thẳng mà tụng, từng lời từng câu đều bằng Phạm âm, giọng nói rõ ràng trong trẻo làm cho mọi người thích nghe. Lớn nhỏ trong nhà trông thấy thiện-ác linh nghiệm như vậy, hiếm có mà chưa từng nghe. Trai gái lớn nhỏ của Phu nhân tự nhiên ngã nhào toàn thân, gào khóc đau đớn vô cùng, càng thương xót hơn khi mới mất. Đạo tục quan quận nghe tin đều khuyến khích, chuyển tâm quay về tin thờ trai giới không bỏ.

Năm thứ nhất niên hiệu Lân Đức có bốn vị Bà la môn xứ Tây

Vực, đến dâng tặng một xá lợi xương đỉnh đầu của Đức Phật, nhân dịp trong nhà thân bằng quyến thuộc của tướng quân Tiết Nhân Quỹ thiết trai, những người thnâ thiết tụ tập, các quan lớn cùng nhau bàn bạc rằng: Người hầu gái ấy tuy tụng được bằng tiếng Phạm, nhưng chúng ta đều không phân biệt được, cho nên mời mọc làm cho đón tiếp được 4 vị Bà la môn này, đến nhà tướng quân dự trai, lại gọi được người hầu gái ấy, không nói với bốn vị Tăng là học tụng được ở trong địa ngục, chỉ nói là có vị Bà la môn nơi khác dạy cho tụng được ba bộ kinh này, bí mật thử xem thật-hư thế nào? Liền đứng trước bốn vị Tăng khiến người hầu gái tụng kinh, mà tụng Kim Cang Bát nhã xong, thì bốn vị Bà la môn này cùng lúc đều đứng dậy chắp tay ngợi khen vô cùng hiếm lạ chư từng có. Vì sao người Hán có thể được như vậy? Tiếp tục tụng Dược Sư và Pháp Hoa cho họ nghe xong, càng thêm hoan hỷ cung kính như bậc thầy vậy, liền dịch lời truyền tụng nói rằng: Cô gái này nhờ đâu đạt được âm thanh ngôn từ khéo léo tốt đẹp như vậy, câu văn chuẩn mực chính xác-kinh thông thuộc không sai, người tây Vực chúng tôi thông thạo có thể đọc tụng, cũng chưa có thể như vậy, điều này không phải là người phàm tục mà có thể đạt được như vậy! các quan lớn cùng mọi người mới cho là nói thật. Bốn vị Tăng khóc chảy nước mắt bởi vì không phải là Thánh lực âm thầm gia hộ, há có thể lời văn câu chữ chuẩn mực chính xác như vậy ư? Các quan và đạo tục chứng kiến đều than thở ngậm ngùi, tin sâu sắc vào Phật pháp chứ không dám khinh mạn. Tướng quân nhờ trong thấy việc này, tâu lên Hoàng Đế tất cả mọi người đều nghe thấy, sắc lệnh ban ra cho các quan, tin tưởng và biết rõ Phật pháp trên tất cả Thánh thần, âm thầm phù hộ mà thành tựu, ai không có thể tin tưởng được? Các quan bái tạ chúc mừng điều chưa được nghe. Bởi vì Tam bảo tôn kính phước ân sâu nặng-tâm Từ che chở bốn loại chúng sinh, không phải hạng thần dân ngu dốt có thể suy nghĩ lường tính được, Phàm-Thánh đều được lợi ích, há có thể không tin hay sao?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 86

Thiên thứ 86: SÁM HỐI

Thiên này có 6 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Vi thuận, Hội ý, Nghi thức, Tẩy sám.

***Phần thứ nhất:* Thuật Ý**

Cung kính nghĩ rằng: Mặt trời lặn dần Chánh-Tượng gần sai lạc, tình con người hiểm ác hơn đời nay càng khắc nghiệt, ngửa mặt từ biệt Đại Sư ngàn bảy trăm năm, chúng sanh ngu dốt mù lòa thiện căn bạc nhược, Chánh pháp đã suy tàn tà kiến càng thêm mạnh. Trong không có hiểu biết rõ ràng, thường bị năm Cái tự nhiên ràng buộc; ngoài mất đi duyên tố tốt lành, khiến cho bốn Ma được dịp thuận tiện. Vì vậy phóng túng ba Độc rong ruổi theo sáu Trần, ngày đêm bám duyên đều tạo thành tai họa, gây tranh chấp sai lầm tội chồng càng lắm, nay đã giác ngộ dốc lòng thành sám hối. Nhưng nghi thức sám hối, cần phải nhờ Thánh giáo, giáo pháp có Đại-Tiểu, tội lỗi có nặng-nhẹ, thông-tắc không giống nhau, khai-giá có khác biệt. Vì thế cho nên thứ nhất dẫn ra nhiều Thánh giáo trình bày về sám hối có thành tựu hay không? Như người trong bảy chúng, đã từng thọ được năm giới-tám giới-mười giới-cụ túc giới-tam tụ tịnh giới, nếu phạm vào bốn trọng giới đầu tiên của Tiểu thừa mà không che giấu, thì dựa theo luật khai mở cho phép, suốt đời học hỏi hối hận, không thể giới hạn thời gian. Nếu như che giấu, cho dù có sám hối nhưng dựa theo luật thì không cho phép. Thiên thứ hai trở xuống tùy theo phạm nhẹ hay nặng, che giấu hay không che giấu, nhưng biết được danh nghĩa-chủng loại, dựa theo luật thì có thể trừ diệt, có đủ trong Địa giáo, chứ không trình bày ở đây. Nếu phạm vào tam tụ tịnh giới của Đại thừa, ngoại trừ bài báng Phương Đẳng-duyên tà kiến sâu nặng-nghiệp tư rất nặng nề thì giới thể không toàn vẹn, cho dù có tâm sám hối nhưng mắc phải nạn lớn, nhất định phải sử dụng tâm ý chân thành đến cuối cùng. Nếu phạm các giới nhẹ khác, thì sám hối

có thể thông suốt. Nay dựa theo kinh Phương Đẳng-kinh Phật Danh, không cần hỏi tại gia hay xuất gia, giới Đại thừa hay Tiểu thừa, nếu có phạm vào thì không nhắc lại danh nghĩa-chủng loại. Vì lẽ đó khai mở sám hối. Chỉ có điều là pháp sám hối này để trừ diệt tội chướng, mong muốn tránh được nghiệp sai trái, vui mừng ngưỡng mộ trong sáng lên cao, xa hơn mong cầu Đại Thánh, suy nghĩ tận cùng Đại sự, không thể nào dễ dàng được. Đương nhiên không phải là không dính dáng đến Thánh giáo, không thích hợp thì phải diệt trừ, biết rõ tội lỗi là thật hay giả, nhiễm và tịnh dung hòa không thật, tâm và cảnh mở ra khép lại, luôn luôn cần phải tác ý, không dấy lên bám theo duyên, tội lỗi mới diệt trừ được.

***Phần thứ hai:* Dẫn Chứng.**

Như kinh Tối Diệu Sơ Giáo nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ta nhớ xưa kia, có một Tỳ kheo, tên gọi Hân Khánh, phạm bốn giới nặng, đi đến trong Tăng, chín mươi chín đêm sám hối tự trách mình, tội nghiệp được trừ diệt- giới căn liền phát sinh, như lúc mới thọ giới không có gì khác nhau. Như người dời cây đến nơi khác được sống, càng sinh trưởng lên thêm mới có thể trở thành cây, phá giới sám hối cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ Tỳ kheo phá giới, tự biết mình phạm tội, tâm sinh hổ thẹn vô cùng, chuyển sang thực hành khổ hạnh, thế là trải qua bảy năm, thành tựu đạo quả La Hán. Lúc thuyết phẩm này, có năm trăm Tỳ kheo phá giới, nhờ tâm hổ thẹn mà giới căn được khôi phục."

Còn trong Đại Trang Nghiêm Kinh Luận nói: "Nếu người có học thức tuy rằng làm hỏng công hạnh, mà nhờ sức mạnh của học thức thì có thể khôi phục lại được. Bởi vì nghĩa này cho nên cần phải chịu khó học hỏi. Xưa Ta từng nghe, có một Tỳ kheo đa văn trú ở ở chốn A lan nhã, lúc ấy có thiếu phụ góa chồng nhiều lần qua lại nơi ở của Tỳ kheo này, nghe Tỳ kheo thuyết pháp. Vào lúc ấy Tỳ kheo có học thức, đối với thiếu phụ góa chồng này sinh tâm nhiễm trước, bởi vì nhiễm trước cho nên tất cả thiện pháp dần dần suy kém, là tâm phàm phu bị kiết sử chi phối nên cùng với người thiếu phụ này mà nói rõ yêu cầu. Người thiếu phụ nói: Nếu bấy giờ thầy có thể bỏ đạo hoàn tục, thì tôi sẽ tự mình đi theo. Lúc ấy Tỳ kheo liền bỏ đạo, đã bỏ đạo rồi nhưng không thể nào chịu đựng nổi những điều khổ não của thế gian, thân thể gầy yếu không biết cách làm ăn, không biết làm ít mà có được nhiều tiền bạc, liền tự tư duy: Bây giờ mình làm cách nào để sinh sống được đây? Lại dấy lên nghĩ rằng: Chỉ có người lái buôn giết dê dụng công rất ít mà kiếm được một chút lợi nhuận. Dấy lên nghĩ vậy rồi tìm đến nơi này. Vì tâm phàm

phu dễ bị suy thoái cho nên tạo ra nghiệp ấy, trở lại cùng với người giết mổ làm thành bạn thân. Vào lúc bán thịt có một Đạo nhân khất thực vốn quen biết nhau, ở trên đường đi gặp nhau nhìn thấy quen, thấy rồi liền nhận ra, đầu tóc rối tung mặc áo màu đen, trên thân có máu giống như Diêm la –La sát, cầm cân để cân thịt đều là máu vấy bẩn, thấy người ấy cân thịt sắp bán cho người ta. Tỳ kheo trông thấy rồi thì than ngắn thở dài, dấy lên tư duy rằng: Lời Phật dạy chân thật, tâm phàm phu nhảy nhót không ngừng, rất dễ xoay chuyển, trước đây thấy người này chịu khó tu hành học hỏi giữ gìn cấm giới, tại sao hôm nay bỗng nhiên làm chuyện này? Dấy lên nghĩ vậy rồi liền nói kệ rằng:

Nếu ông không điều phục ngựa tâm,
Buông thả tạo ra nhiều nghiệp ác,
Tại vì sao xa rời hổ thẹn,
Vất bỏ pháp thiện điều phục tâm?
Oai nghi và đi đứng qua lại,
Được mọi người ưa thích trông thấy,
Các loài chim bay và thú chạy,
Nhìn thấy cũng không hề sợ hãi.
Đi lại sợ tổn thương sâu kiến,
Từ bi thương xót mọi chúng sanh,
Tâm thương xót hiền từ như vậy,
Nay bị ông bỏ ở nơi nào?

Người phàm phu thì tâm tư bất định, nếu nhìn thấy được thực tế thì gọi là Sa môn-Bà la môn, lại nói kệ rằng:

Dũng mãnh bảo vệ mà tự xưng,
Nói là mình thật sự Sa môn,
Vì tâm này không điều phục được,
Bỗng nhiên làm nghiệp ác ở đây!

Nói kệ này xong, lập tức tư duy: Nay mình làm cách gì, khiến cho người đó hiểu ra; như Đức Phật nói rằng: Nếu lúc khuyên dạy người ta, trước tiên nên làm họ quán xét vào bốn Đế; nay nên vì người ấy nói về căn bản gây ra nghiệp! Dấy lên nghĩ vậy rồi mà nói lời rằng: Ông bây giờ rất thông thạo cân đong. Lúc ấy người bán thịt dấy lên nghĩ rằng: Tỳ kheo này đã không mua thịt, vì sao lại nói với mình là rất thông thạo cân đong? Dấy lên nghĩ vậy rồi, liền nói kệ rằng:

Vậy thì chắc chắn có xót thương,
Mà đến gặp nhau để cứu giúp,
Tỳ kheo là người luôn như vậy,

Xa rời cách mua bán đã lâu,
Trông thấy tôi làm những ác nghiệp,
Cho nên đến mong cứu độ giùm,
Thật sự là Thánh nhân đức hạnh,
Giúp cho tôi làm điều lợi ích.

Nói kệ này xong, liền nhớ lại xưa kia lúc làm Tỳ kheo tạo ra các hạnh, nghĩ đến trước đây có tụng minh, nói là đau khổ tụ hội do lỗi lầm của ham muốn-mùi vị của ham muốn. Tư duy vậy rồi, liền lấy cái cân thịt ném ra xa trên mặt đất, từ trong sanh tử chán ngán buồn rầu vô cùng, nói với Tỳ kheo ấy rằng: Đại đức, Đại đức! Bèn nói bài kệ:

Mùi vị là lỗi lầm ham muốn,
Điều gì là tạo nghiệp nhiều nhất,
Tôi vì hổ thẹn giữ trong lòng,
Cầm lấy cán cân của trí tuệ,
Suy nghĩ mãi sự việc như vậy,
Tâm tư đã hiểu được thông suốt,
Không thấy nó có chút lợi ích,
Đần độn vì ham muốn suy tàn,
Vì vậy cho nên ngay bây giờ,
Tôi nên rời xa mọi ham muốn,
Đi đến ở tại nơi vắng lặng,
Trở lại cầu mong được xuất gia.

Lúc Tỳ kheo bỏ đạo nói kệ này xong, liền từ bỏ ác nghiệp, xuất gia tu tập tinh cần, đạt được quả vị A La Hán."

Lấy văn này chứng minh, phá giới phạm tội nặng, chuyển tâm học đạo, chịu khó tu tập thì được thoát tội. Tuy là dựa theo lý nhưng quan trọng cần phải dốc lòng tinh tiến, phát tâm dũng mãnh không tiếc thân mạng, thường cần phải tự kiểm xét mình đừng dấy lên tà niệm, lập thệ nguyện to lớn không hạn định kiếp số, tận cùng thời gian vị lai suốt đời muốn độ thoát, bạt trừ đau khổ mang lại niềm vui cho mọi chúng sanh, biết tâm vọng tưởng lay động xa lìa cảnh tượng trước mắt, không dấy khởi nghiệp mới mà luôn trừ diệt kiết sử xưa kia, cho dù có tiếp tục sai lầm nhưng liền có thể giảm đi, nghiệp ác tuy nặng mà không bằng thiện tâm. Vì vậy trong kinh Niết bàn nói: "Ví như tấm vải hoa đẹp đẽ tuy có ngàn cân mà rốt cuộc không thể nào sánh bằng một lượng vàng ròng. Như bỏ một Thăng muối vào trong sông Hằng thì người uống nước không cảm thấy vị mặn trong nước. Dụ cho tâm có thể quán xét tốt hơn thì diệt được tội nặng."

Còn trong Kinh Hư Không Tạng nói: “Nếu Ưu bà tắc-Sa di ni, phá hủy năm giới phạm vào tám giới trai tịnh, Tỳ kheo-Tỳ kheo ni-Sa di ni-Thức xoa ma na phạm vào bốn trọng giới của hàng xuất gia, Bồ Tát tại gia hủy phạm sáu trọng giới, người ngu dốt như vậy, trước kia Đức Thế Tôn ở trong Tỳ Ni quyết định loại bỏ, như phá bỏ tảng đá lớn. Nay ở tại kinh này, thuyết về Đại Bi Hư Không Tạng có năng lực cứu giúp những khổ đau và thuyết thần chú để diệt trừ tội lỗi. Nếu như có người như vậy, lấy gì để chứng minh?

Đức Phật bảo với Ưu Ba Ly: Có ba lăm vị Phật dạy cho pháp Đại Bi cứu giúp thế gian, ông nên cung kính lễ lạy, lúc bấy giờ nên mặc áo hổ thẹn, như mắt mọc mụt nhọt sinh ra hổ thẹn vô cùng, như người mắc bệnh hủi thuận theo thầy thuốc giỏi khuyên bảo; ông cũng như vậy, nên sinh lòng hổ thẹn, đã hổ thẹn rồi, một ngày cho đến bảy ngày, lễ lạy chư Phật mười phương, xưng danh hiệu của ba mươi lăm vị Phật, hoặc là xưng danh hiệu của Bồ Tát Đại Bi Hư Không Tạng, tắm gội thân thể sạch sẽ, thắp các loại hương quý giá, xông trầm hương ngào ngạt, lúc sao Mai xuất hiện, quỳ thẳng chắp tay đau xót tuôn trào nước mắt, xưng danh hiệu Hư Không Tạng, thưa rằng: Thưa Đại đức, Bồ Tát Đại Bi, nghĩ thương xót con cho nên vì con hiện bày thân tướng. Lúc bấy giờ đang khởi lên ý tưởng này, thì trên đỉnh đầu Bồ Tát Hư Không Tạng có ngọc châu như ý, ngọc châu như ý đó có màu vàng tía, nếu thấy ngọc châu như ý thì trông thấy mũ cõi trời. Trong mũ cõi Trời này có hình tượng của ba mươi lăm vị Phật hiện bày, trong ngọc châu như ý hiện bày hình tượng chư Phật mười phương. Thân của Bồ Tát Hư Không Tạng cao hai mươi lăm do tuần, nếu hiện bày toàn thân thì cùng với Quán Thế Âm bằng nhau. Bồ Tát này ngồi xếp bằng tròn, tay cầm ngọc châu như ý, ngọc châu như ý đó diễn thuyết các loại pháp âm, phù hợp với Tỳ Ni. Hoặc Bồ Tát này thương xót chúng sanh, làm hình tướng Tỳ kheo và tất cả các hình tướng, hoặc ở trong mộng, hoặc lúc ngồi thiền, dùng ấn ngọc ma ni ấn vào cánh tay người ấy, trong hoa văn của ấn có chữ Trừ Tội, cảm được chữ này rồi, vào lại trong Tăng chúng, thuyết giới như ban đầu. Nếu Ưu bà tắc cảm được chữ này, thì không ngăn cách xuất gia. Nếu như không cảm được chữ này, thì giữa hư không phát ra tiếng nói rõ rằng: Tội diệt, tội diệt. Nếu không có tiếng giữa hư không khiến cho biết rõ Tỳ Ni thì mộng thấy Hư Không Tạng, nói cho biết rằng: Tỳ Ni Bồ Tát, Tỳ kheo tên họ ấy, Ưu bà tắc tên họ ấy, khiến sám hối hơn nữa, một ngày cho đến bảy ngày, lễ lạy ba mươi lăm vị Phật, nhờ uy lực của Bồ Tát Hư Không Tạng, tội lỗi của ông được giảm nhẹ. Người

biết pháp thì lại dạy cho để lau chùi quét dọn nhà xí, trải qua tám trăm ngày, từng ngày nói cho biết rằng: Ông làm điều bất tịnh, nay ông nhất tâm lau chùi tất cả nhà xí, đừng để cho người ta biết, lau chùi xong tắm gội, lễ lạy ba mươi lăm vị Phật, xưng danh hiệu Hư Không Tạng, hướng về 12 bộ kinh rạp lạy sát đất, nói rõ sai lầm xấu xa của ông, sám hối như vậy tiếp tục trải qua hai mươi mốt ngày. Lúc bấy giờ người trí, nên tập trung tự nhiên sâu nặng ở trước hình tượng Đức Phật danh hiệu ba mươi lăm vị Phật và xưng danh hiệu Bồ Tát Hư Không Tạng. Văn Thù Sư Lợi cùng các Bồ Tát thuộc Hiền kiếp làm chứng cho người ấy, lại bạch yết ma thọ giới như trước. Người này gắng sức hành khổ hạnh cho nên tội báo vĩnh viễn trừ diệt, không làm trở ngại ba loại sự nghiệp của Bồ Tát.

Đức Phật bảo với Ưu Ba Ly: Ông giữ gìn pháp quán này của Hư Không Tạng, vì chúng sanh không có lòng hổ thẹn ở đời vị lai phạm nhiều tội lỗi xấu xa, mà giải thích phân biệt rộng sa. Lúc thuyết lời này, Bồ Tát Hư Không Tạng ngồi xếp bằng tròn phóng ra ánh sáng sắc vàng rực rỡ, trong ngọc châu như ý hiện bày ba mươi lăm vị Phật rồi, thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nay dùng ngọc châu như ý này thuyết về Thủ Lăng Nghiêm, vì vậy chúng sanh trông thấy ngọc châu này sẽ được tự tại như ý. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Ưu Ba Ly: Ông giữ gìn kinh này không nên nói rộng ra cho nhiều người mà chỉ nói cho một người giữ gìn Tỳ Ni, vì làm đôi mắt cho chúng sanh mù lòa ở đời vị lai, nên cẩn thận đừng quên mất! Lúc ấy Ưu Ba Ly nghe Đức Phật giảng thuyết căn dặn mà hoan hỷ vâng lời thực hành.”

Còn dựa theo kinh Phật Danh nói: “Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Nếu người thiện nam người thiện nữ nào cầu mong A nậu Bồ đề, thì nên trước tiên sám hối tất cả các tội lỗi. Nếu Tỳ kheo phạm vào bốn trọng giới, Tỳ kheo Ni phạm vào tám trọng giới, Thức xoa ma na-Sa di –Sa di ni phạm vào giới căn bản của xuất gia; nếu Ưu bà tắc phạm vào trọng giới của Ưu bà di, nếu Ưu bà di phạm vào trọng giới của Ưu bà tắc; cầu mong sám hối, thì nên tắm gội sạch sẽ-mặc áo quần sạch sẽ-không ăn các thứ tanh nồng, nên ở nơi vắng lặng tu tập sửa đổi trong nhà, dùng hoa hương cờ phướn trang nghiêm đạo tràng, trộm hương nhão xoa mặt đất, treo bốn chín cái phan, trang nghiêm bàn thờ tôn trí hình tượng Đức Phật, thắp các loại hương, rải các loại hoa, phát tâm Từ Bi rộng lớn, nguyện chúng sanh đau khổ chưa được độ thoát thì khiến được độ thoát, đối với tất cả chúng sanh thì tâm hạ thấp xuống như tâm tôi tớ nhỏ bé. Nếu Tỳ kheo phạm bốn trọng giới, suốt

ngày đêm như vậy trải qua bốn mươi chín ngày, nên đối trước tám vị tăng thanh tịnh phát lộ tội lỗi đã phạm, bảy ngày một lần hướng về phát lộ, chí tâm thiết tha sâu nặng sám hối việc làm trước kia, nhất tâm quy mạng chư Phật mười phương, xưng niệm danh hiệu lễ lạy, tùy theo khả năng tùy theo mức độ, chí tâm như vậy đủ bốn mươi chín ngày, tội lỗi chắc chắn trừ diệt, người này được thanh tịnh. Lúc ấy sẽ có tướng hiện rõ, hoặc trong lúc đang tỉnh, hoặc ở trong giấc mộng, chư Phật mười phương sẽ thọ ký cho người ấy; hoặc thấy Bồ Tát thọ ký cho mình, dẫn đến đạo tràng cùng làm bạn mình. Hoặc thân thiết xoa đầu vĩnh viễn diệt trừ tướng trạng tội lỗi, hoặc tự thấy mình vào trong pháp hội sắp xếp theo thứ bậc của chúng, hoặc thấy hiện thân ở giữa chúng thuyết pháp, hoặc thấy Pháp sư hay Sa môn giới hạnh thanh tịnh dẫn đến đạo tràng bày tỏ với chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu lúc Tỳ kheo sám hối tội lỗi, hoặc thấy tướng trạng như vậy, thì nên biết rằng người này được trừ diệt tội lỗi, ngoại trừ không chí tâm.

Nếu Tỳ kheo Ni sám hối tám trọng tội, thì nên như pháp Tỳ kheo đầy đủ bốn mươi chín ngày sẽ được thanh tịnh, ngoại trừ không chí tâm. Nếu Ưu bà tắc-Ưu bà di sám hối trọng tội, cần phải chí tâm cung kính Tam bảo, nếu thấy Sa môn thì lễ lạy cung kính và sinh ý tưởng khó gặp, nên thỉnh đến đạo tràng thiết lễ cúng dường các loại, nên thỉnh một Tỳ kheo với tâm kính trọng mà đến nơi vị ấy phát lộ các tội lỗi đã phạm, chí tâm sám hối, nhất tâm quy mạng chư Phật mười phương, xưng niệm danh hiệu lễ lạy cung kính. Như vậy đầy đủ bảy ngày chắc chắn được thanh tịnh, ngoại trừ không chí tâm.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni-Ưu bà tắc-Ưu bà di, muốn sám hối những tội lỗi, nên tắm gội sạch sẽ-mặc áo quần mới-tu sửa trong phòng, bày tòa cao đẹp đẽ trang nghiêm tôn trí hình tượng Đức Phật, treo bốn chín cái phan, cúng dường các loại hương hoa, tụng sanh hiệu ba mươi lăm vị Phật này, ngày đêm sáu thời sám hối đủ hai mươi lăm ngày, diệt trừ các tội lỗi bốn trọng-tám trọng. Thức xoa ma na-Sa di - Sa di Ni cũng như vậy."

Còn trong Phương Đẳng Đà La Ni nói: "Lúc bấy giờ Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn diệt độ, nếu như có Tỳ kheo hủy phạm bốn trọng giới, Tỳ kheo Ni hủy phạm tám trọng giới; hoặc Bồ Tát, hoặc Sa di-Sa di Ni-Ưu bà tắc-Ưu bà di, nếu hủy phạm tất cả các giới như vậy, thì nên làm thế nào để diệt trừ những lỗi lầm như vậy? Đức Phật dạy: Nhanh nhạy thay Văn Thù!

Chính ông mới có thể thưa hỏi những điều như vậy, ông Từ Bi hơn hẳn cho nên có thể đưa ra câu hỏi này, nếu ông không đưa ra câu hỏi này, thì Ta hoàn toàn không nói đến điều tệ hại ấy, nay ông lắng nghe kỹ càng, ta sẽ nói cho ông. Nếu sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ kheo luật nghi không tốt hủy phạm bốn trọng giới, im lặng tiếp nhận cúng dường mà không hối cải, nên biết rằng Tỳ kheo này chắc chắn nhận chịu khổ báo của địa ngục mà không nghi ngờ gì nữa. Nay Ta sẽ đưa ra phương thuốc tốt cứu giúp Tỳ kheo ấy, bây giờ ông lắng nghe kỹ càng, ta sẽ nói cho ông!

Ly bà ly bà đế, cừu ha cừu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tỳ ma ly đế, sa ha.

Này Văn Thù Sư Lợi! Đà la ni này là bảy vị Phật quá khứ đã tuyên thuyết, bảy lần bảy như vậy cũng không thể nào tính đếm, cũng không thể nào nói hết. Đà la ni này cứu giúp thân nhiếp chúng sanh, hiện tại bảy vị Phật khắp mười phương không thể tính-không thể đếm, cũng đọc tụng Đà la ni này để cứu giúp thâu nhiếp chúng sanh, cùng Tỳ kheo luật nghi không tốt ở thời kỳ cuối cùng khiến cho họ kiên cố trú vào nơi chốn thanh tịnh.

Nếu có Tỳ kheo hủy phạm bốn trọng giới, chí tâm nhớ nghĩ Đà la ni, tụng một ngàn bốn trăm biến rồi, là một lần sám hối, thỉnh một Tỳ kheo để làm người chứng minh, tự bày tỏ lỗi lầm của mình, hướng về trước hình tượng sám hối trong tám mươi bảy ngày rồi, nếu các giới căn này không phát sinh trở lại, thì điều này hoàn toàn không có. Nếu tâm A nậu Bồ đề không kiên cố, thì điều này cũng vô lý.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Tại sao lúc ấy biết là giới được thanh tịnh? Này người thiện nam! Nếu ở trong mộng thấy có bậc thầy đưa tay xoa đầu mình, hoặc cha mẹ-Bà la môn hay người lớn tuổi có đức, đưa cho đồ ăn thức uống-áo quần-đồ nằm, thuốc thang, nên biết người này trú trong giới thanh tịnh. Nếu thấy một tướng như vậy, thì nên như pháp hướng về vị thầy trình bày rõ ràng, mà trừ diệt tội lỗi như vậy. Nếu Tỳ kheo Ni hủy phạm tám trọng giới, nếu mong muốn trừ diệt tội lỗi hủy phạm tám trọng giới, thì trước tiên thỉnh một Tỳ kheo hiểu biết rõ ràng luật lệ trong-ngoài, hướng về Tỳ kheo ấy để trình bày tội lỗi của mình. Tỳ kheo ấy thuận theo như pháp mà dạy cho biết luật lệ trong-ngoài mà ta đã nói:

A lệ ly bà la đế, la đế bà, ma la đế, a ma la đế, sa ha.

Này người thiện nam! Đà la ni này nếu có ai thọ trì đọc tụng tu hành như pháp, trong chín mươi bảy ngày, mỗi ngày tụng bốn mươi

chín biến, chính là một lần sám hối, thuận theo thầy tu hành, thì các ác nghiệp nếu không trừ diệt, điều này hoàn toàn vô lý. Nếu ở trong mộng thấy những điều như trên, nên biết rằng Tỳ kheo Ni ấy trú trong thanh tịnh đầy đủ giới thanh tịnh. Nếu có Sa di-Sa di Ni-Ưu Bà tắc-ưu bà di nào hủy phạm những giới cấm, cũng nên thỉnh một Tỳ kheo hiểu biết rõ ràng luật lệ trong- ngoài, hướng về trước hình tượng Đức Phật, hoặc trước kinh Bát Nhã tôn quý, tự trình bày lỗi lầm của mình. Hướng về Tỳ kheo này bày tỏ, Tỳ kheo này nên dạy cho pháp của luật làm thanh tịnh mà ta đã nói:

Y già la đế, mộ già la đế, a đế ma la đế, úc già la đế, bà la đế bà, tòa la già kiệt đế, tòa la kiệt đế, đậu la xa kiệt đế, tỳ xa kiệt đế, ly bà kiệt đế, bà la lệ a lệ, kỳ la lệ a lệ, trì la lê a lệ, lỳ lan lệ a lệ, đề lan lệ a lệ, tỳ la lệ a lệ, sa ha.

Này người thiện nam! Ta vì thương xót tất cả chúng sanh mà thuyết ra Đà la ni này, nếu có Sa-Sa di ni-Ưu bà tắc-Ưu bà di thấp kém, cũng đọc tụng tu hành Đà la ninày, tụng bốn trăm biến chín là một làn sám hối, như vậy lần lượt trải qua bốn mươi bảy ngày, lúc đang sám hối nên tự bày tỏ lỗi lầm của mình, khiến cho tai nghe rõ như trên đã nói, trong mộng thấy được tất cả sự việc, thì nên biết rằng Sa di-Sa di Ni... này trú trong thanh tịnh đầy đủ giới thanh tịnh.

Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi: Như ông đã suy nghĩ, người thực hành cần tu năm đều, giữ gìn cảnh giới của các giới, đó là không phạm vào nghĩa lý của Đà la ni, không bài báng kinh Phương Đẳng, không thấy lỗi lầm của người, không hủy báng Đại thừa, không hủy báng Tiểu thừa, không xa rời bạn tốt, thường nói về diệu hạnh cho chúng sanh biết. Lại có năm điều, đó là không nói đến cảnh giới phía trên mà mình đã thấy, cũng không nói đến sự việc tốt xấu mà mình đã làm, cũng nên hằng ngày ba lần xoa đất, cũng nên hằng ngày tụng một biến và mỗi ngày sám hối một lần. Năm điều như vậy, là làm cho người thực hành không phạm giới. Lại có năm điều, nếu có Tỳ kheo thực hành pháp này, cho đến hàng Bạch y không được thờ cúng quỷ thần, lại cũng không được khinh chê đối cới quỷ thần, lại cũng không được phá hoại miếu thờ quỷ thần, giả sử có người thờ cúng quỷ thần cũng không được khinh chê, cũng không được cùng với người đó qua lại thăm viếng. Năm điều như vậy là làm cho người thực hành bảo vệ cảnh giới của các giới. Lại có năm điều, đó là không được qua lại thân thiết với người hủy báng kinh Phương Đẳng, không được qua lại thân thiết với Tỳ kheo phá giới, không được qua lại thân thiết với Ưu bà tắc phá năm giới, không được

qua lại thân thiết với người thợ săn, không được qua lại thân thiết với người thường nói lỗi lầm của Tỳ kheo. Lại có năm điều, đó là không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề thuộc da, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề nhuộm chàm, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề nuôi tằm, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề nuôi tằm, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề ép dầu, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề đào hang bắt chuột. Lại có năm điều, đó là không được qua lại thân thiết với nhà của người trộm cướp, không được qua lại thân thiết với nhà của người ăn trộm, không được qua lại thân thiết với nhà đốt cháy chỗ ở của Tăng, không được qua lại thân thiết với người ăn cắp vật của Tăng chúng, không được qua lại thân thiết với người thậm chí ăn cắp của một vị tăng. Lại có năm điều, đó là không được qua lại thân thiết với nhà nuôi heo dê gà chó, không được qua lại thân thiết với nhà làm nghề xem tinh tú thiên văn, không được qua lại thân thiết với nhà của đàn bà dâm đãng, không được qua lại thân thiết với nhà của đàn bà góa chồng, không được qua lại thân thiết với nhà bán rượu. Bảy loại năm đều như vậy là làm cho người thực hành bảo vệ cảnh giới của các giới.”

***Phần thứ ba:* Vi Thuận** (trái-thuận).

Nói đến Tứ trọng-ngũ nghịch thì giống như xác chết trong biển Phật pháp, kinh luật Tiểu thừa ví dụ giống như người đã bị chặt đầu, luật đã không mở thông duyên thì sám hối không trở lại được; dựa theo kinh Đại thừa thì cho phép trừ sạch tội lỗi ấy, giống như lời cầu nguyện cây khô trở lại đơm hoa kết trái. Tuy cho phép sám hối tội lỗi nhưng cần phải pháy Đại tâm, thuận theo giáo pháp vâng mạng thực hành như chết được sống lại, công hạnh của Đại Sĩ hợp với chính nghĩa không hề trống rỗng, thân trì giới-tâm phát tuệ nhờ chí nguyện luôn luôn tu tập. Đã hổ thẹn mà còn ân hận tha thiết nhắc nhở thân tâm, tâm tưởng hãy còn không thật thì tội há có tánh cố định? Nay cần phải xét định đưa theo hành nghiệp nêu rõ ràng về sự trái-thuận, thiện-ác và tội-phước gồm đủ hai loại: trước tiên dựa theo ác nghiệp để luận về trái-thuận, trái với Niết bàn mà thuận với sinh tử, phân rõ về sự trái-thuận này sơ lược biểu lộ qua mười tâm, người làm điều có lỗi, cần phải biết được tướng trạng của nghiệp tùy theo sự việc mà thực hành thôi.

1. Vô minh điên đảo phiền não làm cho mê hoặc, xúc cảnh sinh ra đắm trước mờ mịt tối tăm không tỉnh ngộ, cho nên tạo ra tội lỗi.

2. Bên trong đã ngu si mê muội, bên ngoài bị bạn ác làm cho lầm lạc, thuận theo pháp sai trái để tâm xấu xa càng thêm hừng hực, cho

nên tạo ra tội lỗi.

3. Duyên trong-ngoài có đủ, tự phá hủy thiện hạnh của mình, cũng phá hủy thiện hạnh của người, đối với các điều thiện không có tâm tùy hỷ, cho nên tạo ra tội lỗi.

4. Đã không tu thiện mà chỉ có ác là thuận theo, buông thả ba nghiệp tùy tiện, không có điều ác nào không làm, cho nên tạo ra tội lỗi.

5. Việc ác đã tạo ra, tuy chưa nhiều khắp nơi, mà tâm ác bao trùm tất cả, làm mất đi tất cả niềm vui, mang lại tất cả mọi nỗi khổ, cho nên tạo ra tội lỗi.

6. Niệm ác nối tiếp theo nhau suốt ngày đêm không dứt, tâm chỉ nghĩ đến điều ác ban đầu mà không lúc nào dừng lại, cho nên tạo ra tội lỗi.

7. Che giấu lỗi lầm bưng bít tội lỗi, trong lòng chứa đầy gian trá, ngoài mặt hiện vẻ hiền đức tốt đẹp cho nên tạo ra tội lỗi.

8. Thân thể và sức lực mạnh khỏe cho rằng mình thường tồn tại, tăng thêm trạng thái gây ra tội lỗi không sợ ác đạo, cho nên tạo ra tội lỗi.

9. Gàn bướng ngu si, hung ác dữ dằn, thuận theo tội lỗi, bất ngờ chống trả, khôn hổ không thẹn, không có một chút nhục nhã, cho nên tạo ra tội lỗi.

10. Bát bỏ không có nhân quả, không tin vào thiện căn, đoạn mất các thiện căn, làm hạng nhất xiển đề, không thể nào cứu chữa, cho nên tạo ra tội lỗi.

Mười tâm như trên do vô minh làm gốc, tăng thêm không ngừng cuối cùng đến xiển đề, thuận dòng trôi vào sinh tử, từ tối tăm đi vào tối tăm, đan thành nghiệp lực trói buộc không có hạn kỳ giải thoát, đây gọi là tâm trái-thuận do vô minh. Người đã nhận thức được tội ác-sinh tử, gặp được Đức Phật Từ Bi gia hộ nhiếp thọ, thiết lập phương pháp sám hối mở toang cánh cửa giải thoát, làm cho thiện căn của mình lại được lớn lên, như vị vua lên ngôi tha thứ tội lỗi giảm nhẹ hình phạt, mong muốn thực hành sám hối trừ bỏ, tu dưỡng thiện hạnh sửa đổi ác nghiệp. Sự trái-thuận trong thiện cũng có đủ 10 tâm, luôn luôn cần phải vận dụng ý tưởng để đối trị tội lỗi trước đây, từ đó về sau thiết lập nghi thức quán xét phá bỏ tất cả. Đây chính là sự ăn năn hối lỗi làm nền tảng vững chắc cho công hạnh tồn tại lâu dài.

1. Đích thực tin vào nhân quả không sai lạc không mê lầm, làm điều thiện được phước, làm điều ác chịu tội. Tuy không có ai làm ra nhưng quả báo không sai lạc, tuy từng ý niệm diệt đi nhưng nghiệp nhân

không mất dấu. Niềm tin là suối nguồn của đạo, trí tuệ là có năng lực tiến vào, đã có niềm tun lại có trí tuệ làm gốc rễ cho các thiện căn, sử dụng niềm tin đúng đắn này, trở lại phá tan tâm không tin tưởng của hạng nhất xiển đề, nhờ có đủ tâm này mới có năng lực phát khởi sám hối.

2. Sám hối tội lỗi cần phải lấy sự hổ thẹn làm gốc, mình thẹn vì tội lỗi này không được vào trong dòng sống của loài người, mình thẹn vì tội lỗi này không được chư Thiên che chở; đây là pháp thanh tịnh, cũng là pháp thanh tịnh xuất thế của hành nhân tam thừa và Đệ nhất nghĩa Thiên. Đây là sự hổ thẹn trở lại phá trừ pháp phiền não không có hổ thẹn. Cần phải có đủ tâm này mới có năng lực thực hành sám hối những điều nêu ra như sau. 3- Sợ hãi vô thường vì tính mạng như đám bọt nước mỏng manh, một hơi thở ra không trở lại thì tùy nghiệp mà lưu chuyển, hiểu rõ vô thường rồi không có thời gian rỗi để ăn nghỉ, đây là tâm vì vô thường trở lại phá bỏ tâm cho là thường tồn tại không sợ hãi ác đạo.

4. Hướng về người khác phát lộ nói hết lỗi lầm nặng nhẹ. Bởi vì phơi bày lỗi lầm cho nên lỗi lầm lập tức khô cháy. Như rễ cây phơi bày thì cành lá tàn tạ rơi rụng. Đây là tâm phát lộ trở lại phá tổn tâm che giấu hiện bày thanh tịnh.

5. Đoạn trừ tâm nối tiếp theo nhau đến cuối cùng rời bỏ ác hạnh, cương quyết khắc phục hùng dũng uy mãnh giống như dao sắc. Đây là tâm quyết định cần phải đoạn trừ ác hạnh trở lại phá bỏ ác niệm nối tiếp theo nhau.

6. Phát tâm Bồ đề, bạt trừ tất cả khổ đau khắp nơi, mang lại tất cả an vui khắp nơi, tâm này rộng rãi bao la không nơi nào không có mặt. Đây là tâm Bồ đề Đại thừa trở lại phá bỏ tâm xấu ác khắp nơi.

7. Công đức tu tập bù cho lỗi lầm, thường xuyên thôi thúc ba nghiệp tinh tiến không nghĩ. Đây là tâm tu tập công sức lập nên đức hạnh trở lại phá bỏ tâm không tu dưỡng ba nghiệm mà dấy khởi ác hạnh một vô cớ.

8. Bảo vệ Chánh pháp không nghĩ đến ngoại đạo-tà sư phá hoại Phật pháp, thề cần phải làm cho biểu hiện rạng rỡ để tồn tại mãi mãi giữa thế gian. Đây là tâm bảo vệ trở lại phá bỏ tâm hủy diệt tất cả các điều thiện.

9. Nghĩ đến vô lượng công đức thần thông trí tuệ của mười phương chư Phật, mong cầu gia hộ cho mình, thương xót mình chịu khổ đau, ban cho mình phương thuốc tốt lành thanh tịnh trừ sạch tội lỗi. Đây là tâm niệm trở lại phá bỏ tri thức xấu ác.

10. Quán xét tánh của tội lỗi rỗng không, tội lỗi phát sinh bắt đầu do tâm, nếu tâm có thể có được thì tội lỗi không thể không có. Tâm mình tự nó rỗng không, rỗng không tại sao mà có? Thiện tâm cũng như vậy, tội-phước không có chủ, không phải trong-không phải ngoài, cũng không có trung gian, không luôn luôn tự nhiên có, chỉ có tên gọi, gọi đó là tâm; chỉ có tên gọi, gọi là tội-phước. Tên gọi tức là rỗng không, quay về nguồn gốc trở lại ban đầu suy cho cùng là thanh tịnh. Đây là tâm quán xét tánh của tội lỗi rỗng không trở lại phá bỏ vô minh chấp trước điên đảo.

Nếu vô minh diệt thì các hành diệt, các hành diệt cho nên sinh tử không còn. Đây là gốc đại thụ của 12 nhân duyên bị hủy hoại, cũng gọi là cởi bỏ được sự ràng buộc của nhân quả khổ-tập, cũng gọi là hiển bày hai chân lý đạo-diệt. Đây là vầng mặt trăng-mặt trời của tuệ quán Phương Đẳng soi sáng, chúng sanh gặp được ân đức sâu nặng này cho nên được thấy chư Phật mười phương. Ở đây chỉ nêu ra đại ý, còn giải thích đầy đủ thì như trong kinh.

***Phần thứ tư:* Hội Ý.**

Hỏi: Trong kinh nói sám hối có năng lực diệt trừ tội lỗi nghiệp chướng, tại sao chỉ nói tâm trí tuệ quán xét theo lý thì có thể diệt trừ các nghiệp? Giải thích rằng: Sám hối có hai cách, một là tâm mê muội dựa theo Sự mà sám hối, nghĩa là ở trước hình tượng Đức Phật hành đạo lễ lạy cung kính phát nguyện, cần phải hạn định đoạn trừ làm điều ác; hai là tâm trí tuệ dựa theo Lý mà sám hối, nghĩa là quán xét thân tâm đoạn trừ kiết sử. Nhưng nghiệp đã tạo thì có nhẹ có nặng, nếu luận về nghiệp nhẹ thì Sự sám cũng diệt trừ được, nếu luận về nghiệp nặng thì có lúc có thể chuyển đổi được, cũng có thể chuyển nặng thành nhẹ, nghĩa là nghiệp báo trong ba nẻo mà người tạo ra có thể nhận chịu nhẹ hơn.

Vì vậy trong luận Thập Trú Bà Sa nói: "Ta nói sám hối tội lỗi sẽ được giảm nhẹ, nhận chịu khổ báo không bao lâu. Vì vậy biết rằng Sự sám chuyển nặng thành nhẹ, quả báo dẫn dắt không nhất định, bởi vì không đoạn trừ kiết sử vốn có, năng lực hữu lậu nhỏ nhoi, nghiệp cũ không hết, sau nhất định phải nhận chịu quả báo, không phải là hoàn toàn bất định. Nay vốn nói về một phía, quán xét theo Lý đoạn trừ kiết sử, không làm cho mê hoặc lớn thêm nghiệp lực, nghiệp không dẫn dắt phát sinh, tùy theo phạm vi mà đoạn trừ, nghiệp cũ vĩnh viễn không còn, đối với nghiệp hiện đang tạo tác cũng không làm cho phát sinh, thì đối với thiện-ác đã tạo trong quá khứ và hiện tại, mới đúng là cuối cùng quả báo dẫn dắt không nhất định."

Nay căn cứ vào nghĩa này, là bởi vì nói về một phía, cho nên những người có trí, muốn đoạn trừ nghiệp nặng ba nẻo của quá khứ và hiện tại, thì học hỏi quán xét theo Lý mà vĩnh viễn tránh khỏi đường dữ. Vì thế cho nên Sơ quả gọi là trừ nợ (Để trái).

Do đó trong Nhiếp Luận nói: "Nếu không có khổ đằng sau vô minh thì các hành không sinh khởi. Nếu hành đã sinh khởi thì không có tu đạo, các hành vô minh không thành thục. Tại vì sao? Bởi vì người T đà hoàn không tạo nghiệp cảm sinh báo, người A-na-hàm không tiếp nhận sinh báo của cõi dưới."

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: Nếu người có đủ các nghiệp của cõi Dục đạt được quả vị A-na-hàm, thì có thể chuyển nghiệp đời sau mà tiếp nhận trong hiện tại; La Hán cũng như vậy. Vì thế biết rằng quán xét theo Lý là thực sự sám hối."

Vì vậy trong kinh Hoa Nghiêm có kệ rằng:

"Tất cả biển rộng của nghiệp chướng,
Đều do vọng tưởng mà phát sinh,
Nếu như muốn sám hối tội lỗi,
Thì nên cầu được tướng chân thật."

Còn trong kinh Đại bảo Tích nói: "Kiết nghiệp tập khí lâu xa từ trăm ngàn vạn kiếp, dùng một pháp quán chân thật thì đều tiêu diệt sạch sẽ."

Còn trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: "Nếu Bồ Tát có thể thấy tánh của tất cả chúng sanh chính là tánh Niết bàn, thì có thể diệt trừ tội lỗi nghiệp chướng đến tận cùng".

Còn trong kinh Phổ Hiền Bồ Tát nói: Quán xét tâm không có tâm, từ vọng tưởng điên đảo dấy khởi. Tướng tâm như vậy từ vọng tưởng dấy khởi, như gió giữa bầu trời không có nơi nương tựa, cho nên biết thiện ác lấy tánh làm tướng, vì không hiểu rõ lý chứ không phải là không có vọng nghiệp. Nếu sau khi hiểu rõ lý thì nghiệp trước kia liền diệt trừ, không có pháp nào có thể tồn tại, cho nên không dẫn đến sinh khởi. Vào lúc đang quán xét theo Lý, nên tư duy các chướng ngại vốn chỉ có rỗng rang vắng lặng, luôn luôn cùng với chư Phật chung một chân tánh, hằng sa vạn đức không khác gì pháp giới, nhưng vì vô minh ngăn cách sâu dày không thể nào nhìn thấy được. Vì không nhìn thấy cho nên luôn luôn ở trước Phật mà phá giới làm trái đạo, mười ác- năm nghịch không có lỗi lầm nào không làm. Giống như một nhà mời chung cả phàm Thánh ở tại nhà cúng dường, có nhiều người mù, bởi vì không có mắt cho nên liền ở trước mọi người tạo ra đủ mọi điều xấu xa. Lúc ấy người có trí thương

xót mãi không thôi, liền nói với người mù rằng: Nhà này có đủ chúng Tăng phàm Thánh, tại sao ông ở trước họ tạo điều xấu xa không kiêng nể gì? Người mù nghe rồi hổ thẹn sợ hãi, nhận lỗi không có nơi thoát, lập tức nói rõ ý nghĩ thưa bày tường tận với chúng Tăng rằng: Đệ tử tên này họ này cung kính trình bày với các thầy có mặt trong nhà, đệ tử vô phước từ nhỏ đến nay mù mắt, tuy cùng với các thầy ở chung một nhà mà không thể nào nhìn thấy được, bởi vì mù mắt không thấy cho nên liền ở trước các thầy mà không có lỗi lầm nào không làm, nay nhờ bạn tốt giảng giải khuyên bảo mới biết có các thầy, hổ thẹn sợ hãi không thể nào nói hết được, đệ tử từ nay thuận theo các thầy có mặt trong nhà xót xa cầu xin sám hối, chỉ mong các thầy tiếp nhận đệ tử quay lại chân thành sám hối. Nhưng người mù này tuy chính mình không có mắt nên không trông thấy chúng Tăng, vậy mà biết Tăng chúng trước đây đều đã tiếp nhận sự sám hối của mình. Chúng ta cũng như vậy, thời xa xưa tạo ra tội lỗi luôn luôn ở trước Phật, nay muốn ăn năn hối lỗi, biết rõ ràng chư Phật thảy đều thấy rồi. Hết thảy chư Phật thông đạt ba trí linh thiêng, năm mắt soi chiếu rõ ràng, biết không có gì không cùng tận, đừng hỏi gì xa gần, trong ngoài sáng tối như xem viên ngọc trong lòng bàn tay, thuận theo căn cơ mà đến không bao giờ sai."

Lại biết tội duyên không có tự tánh, chỉ vì nhân duyên vọng tưởng, nhận chịu khổ đau này một cách oan uống.

Vì vậy kinh Duy Ma nói: "Tâm cấu nhiễm cho nên chúng sanh cấu nhiễm, tâm thanh tịnh cho nên chúng sanh thanh tịnh. Vọng tưởng là cấu nhiễm, không có vọng tưởng là thanh tịnh. Tánh của tội lỗi không ở trong-không ở ngoài-không ở trung gian, tâm cũng không ở trong-không ở ngoài- không ở trung gian. Nếu như tâm như vậy, thì tội lỗi cấu nhiễm cũng như vậy. Như vậy lại suy ra tánh của tội lỗi đều trống rỗng, ngọn lửa trí tuệ bùng lên thì bóng tối vô minh không còn. Từ vô thỉ đến nay đã tạo ra những ác nghiệp, giống như căn nhà tối đen; sám hối chính là cởi bỏ, giống như ngọn đèn sáng, ngọn đèn sáng vừa chiếu rọi thì bóng tối mịt mù đều trừ diệt, không thề vì bóng tối từ vô thỉ đến nay mà có thể đẩy lùi ánh đèn. Sáng-tối-hiểu biết-mê hoặc từ vô thỉ đến nay, mê nhân-lầm quả tạo ra đủ các lỗi lầm, theo Sự đều giống như bóng tối. Nay muốn sám hối trừ bỏ, dựa vào sức mạnh của Phật tánh mà phát ra ngọn lửa Chánh kiến, theo Sự giống như ngọn đèn sáng tỏ, ngọn đèn cháy lên thì bóng rối diệt trừ, hiểu biết sinh ra thì mê hoặc mất đi, ý nghĩa không có gì không trừ diệt. Cũng như sương tuyết đợi mặt trời lên mà trừ diệt, cũng như bệnh tật cần có thuốc tốt mới diệt trừ, cũng như

lạc mất phương hướng phải đợi tỉnh táo mới tìm đúng hướng; cũng như ác nghiệp là các loại củi-sám hối giống như ngọn lửa lớn, trong chốc lát bị đốt cháy rụi."

Vì thế cho nên Niết bàn nói: "Ví như tấm vải hoa đẹp đẽ tuy nặng ngàn cân mà không bằng một lạng vàng ròng, tạo tội lỗi tuy nhiều mà không bằng làm một điều thiện nhỏ. Đã ở trước Phật mà tạo ra tội lỗi, trở lại giống như người mù hướng về chúng Tăng sám hối. Tội lỗi không có tự tánh, thuận theo duyên mà diệt trừ."

Dó đó trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có kệ rằng:

"Nếu như người tạo ra tội nặng,
Làm rồi hết sức tự trách mình,
Sám hối không tạo ra thêm nữa,
Có thể loại bỏ nghiệp căn bản."

Đã biết thật-giả thì biết tội lỗi nghiệp chướng do duyên, thuận theo sự việc mà phát sinh, tình ý mê hoặc ngăn cách hiểu biết, mê muội mà không tỉnh táo, cho nên có tội lỗi này. Như mây che mặt trời, như bóng tối trong căn nhà lạnh lẽo, nay hiểu rõ tâm duyên theo lý mà phát sinh, hiểu biết dấy lên thì mê hoặc mất đi, như ánh sáng diệt trừ bóng tối. Tâm trước tuy gây ra tội nặng, mà niệm sau quán xét theo lý thì vọng tâm liền trừ diệt-vọng cảnh không thể sinh ra, huân tập lâu dài không nghỉ thì chủng tử của nghiệp tự nhiên mất đi.

Vì vậy trong kinh Vị Tằng Hữu nói: "Tâm trước làm ác giống như mây che mặt trời, tâm sau dấy khởi thiện giống như ngọn đuốc xua tan bóng tối."

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Như chiếc áo dính bẩn suốt trăm năm có thể trong một ngày giặt giũ làm cho sạch sẽ. Như vậy các nghiệp bất thiện đã tích tụ trong trăm ngàn kiếp, nhờ năng lực Phật pháp cho nên khéo léo thuận theo tư duy, có thể trong một ngày một giờ đều có năng lực tiêu diệt tất cả."

***Phần thứ năm:* Nghi Thức.**

Đây là một phần khi người thực hành muốn sám hối, cần phải hướng về Tam bảo đối trước cảnh duyên tốt đẹp, chỉ để lộ một cánh tay cởi bỏ khăn mũ giày dép, người nữ không cần để lộ cánh tay mà đầy đủ oai nghi thích hợp, chấp tay cung kính, thỉnh một Đại đức cao tuổi phạm hạnh, tự tâm cung kính. Trước tiên nên phụng thỉnh Tam bảo mười phương để làm duyên tố tốt lành, người sám hối đọc bài kệ rằng:

Quy mạng hết thảy chư Phật khắp mười phương,
Đảnh lễ biển giác ngộ thanh tịnh vô biên,

Đảnh lễ pháp vi diệu không thể nghĩ bàn,
Kho tàng thanh tịnh của tự tánh chân như.
Các bậc Thánh nhân đắc đạo và chứng quả,
Trú trong địa vị con một rất yêu thương,
Con dùng ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh,
Tất cả cùng quy mạng cúi đầu lễ lạy.

Sau đó người sám hối thỉnh cầu rằng:

Đại đức cùng một tâm niệm, đệ tử tên họ như vậy, nay thỉnh cầu Đại đức làm A xà lê để sám hối, nguyện xin Đại đức vì đệ tử làm A xá lê sám hối, đệ tử dựa vào Đại đức cho nên được sám hối, nguyện xin thương xót! (Một lần cũng được, ba lần càng tốt).

Thứ hai là sám hối, trước tiên vị thầy dạy bảo cho biết về tánh tội lỗi nặng nhẹ trước kia, có đủ ý như ở trước. Dựa theo luận thì sám hối nói chung có bốn loại: 1- Sám hối thay đổi giúp cho dễ dàng trừ bỏ, là pháp sám hối của hàng phàm phu Hạ phẩm; 2- Sám hối vĩnh viễn đoạn trừ nối tiếp theo nhau, là pháp sám hối của hàng phàm phu Thượng phẩm; 3- Sám hối tiêu nghiệp, là pháp sám hối của bậc Hiền nhân; 4- Sám hối diệp nghiệp, là pháp sám hối của bậc Thánh nhân. Hai loại trước là sám hối trong Sự, đối địch với nhau mà trừ diệt, không có thể diệt hết nghiệp mà tạm thời kềm chế không cho dấy lên. Bởi vì không dựa vào lý quán xét, chưa tiến vào phần vị Thánh nhân, tuy có thể tránh được nhưng không phải là vị lai không vào đường ác. Như vậy tánh của nghiệp này thường còn, bởi vì huân tập trở thành chủng tử, cho nên như người chặt cây chỉ chặt bỏ cành nhánh gốc rễ của cây vẫn còn. Hai laọi sau là pháp sám hối cần phải duyên vào Không mà hiểu rõ lý, tâm và cảnh rỗng rang dung hòa với nhau, luôn luôn cần phải tác ý thấy được chân lý dần dần tu tập, sau đó mới diệt trừ được.

Nay tạm thời dựa vào pháp sám hối vĩnh viễn đoạn trừ nối tiếp theo nhau của hàng phàm phu thứ hai, khiến cho nghiệp kềm xuống chứ không gây ra, thường dựa vào bạn tốt phát khởi thệ nguyện rộng lớn, lúc sắp mạng chung cũng được tùy nguyện sanh đến Tịnh độ ở mười phương, vĩh viễn xa lìa ba đường ác. Bởi vì ở cõi Ta bà sợ rằng tâm yếu hèn không có năng lực kiên cố, ý sẽ bị lui sụt, nên dùng năm pháp trợ giúp đạt được quả không hối hận, đó là: 1- Tín; 2- Tàm; 3- Quý; 4- Thiện tri thức; 5- Tôn kính giới.

1. Tín là nguồn gốc của đạo, là mẹ của mọi công đức, tất cả các pháp thiện nhờ vào tín mà phát sinh; 2. Tàm là tự mình không gây ra tội lỗi; 3. Quý là không dạy người khác gây ra tội lỗi, vả lại tàm là trong

lòng tự hổ thẹn với người, quý là hổ thẹn với trời, vì có tàm quý cho nên sẽ luôn luôn cung kính đối với cha mẹ-thầy dạy và tất cả phàm Thánh; 4. Thiện tri thức là người đầy đủ phạm hạnh; 5. Giới là bậc Đại Sư của mình. Tam bảo là nơi nương tựa của hết thảy phám Thánh, cho nên cần phải dốc lòng cung kính. Giới là bậc thầy trong lúc đứng trước sự việc xảy ra thì bắt đầu dạy dỗ đủ loại cách thức khiến cho phát tâm rộng lớn vĩnh viễn đoạn trừ lỗi lầm phạm phải sau này. Lúc đứng trước sự việc xảy ra mà khuyên nhủ cố gằng thì không thể nào hết được.

Phần thứ sáu: **Tẩy Sám.**

Như trong kinh Xá Lợi Phất Hối Quá nói: "Đức Phật dạy: Nếu có người thiện nam-người thiện nữ, mong cầu đạo quả A La Hán, mong cầu đạo quả Bích chi Phật, mong cầu Phật đạo muốn biết mọi điều của quá khứ-vị lai, thì thường xuyên vào lúc rạng sáng- buổi trưa-buổi chiều hoặc có thể nửa đêm gà gáy, súc miệng rửa mặt rửa sang áo quần, chắp tay lễ lạy chư Phật mười phương, từ nơi ở của mình hướng về, nên ăn năn hối lỗi rằng:

Thân mạng đời trước của con từ vô số kiếp đến nay, đã phạm những lỗi lầm tệ hại. Cho đến đời này đã phạm vào tham dâm, phạm vào sân hận, phạm vào ngu si. Lúc không biết Phật, lúc không biết Pháp, lúc không biết Tỳ kheo Tăng, lúc không biết thiện ác. Hoặc thân có phạm lỗi lầm, hoặc miệng phạm lỗi lầm, hoặc tâm phạm lỗi lầm. Hoặc ý muốn làm hại Phật, chê bai căm ghét kinh đạo. Hoặc đánh Tỳ kheo Tăng, hoặc giết A La Hán, hoặc giết cha mẹ mình. Hoặc phạm ba lỗi của thân-bốn lỗi cũa miệng-ba lỗi của ý. Tự mình sát sinh, bày cho người ta sát sinh, thấy người ta sát sinh thì mình vui thay họ. Thân tự làm điều trộm cắp, bày cho người ta làm điều trộm cắp, thấy người ta làm điều trộm cắp, thì mình vui thay họ. Thân tự lừa dối người khác, bày cho người ta lừa dối người khác, thấy người ta lừa dối người khác thì mình vui thay họ. Thân tự nói hai lưỡi, bày cho người ta nói hai lưỡi, thấy người ta nói hai lưỡi thì mình vui thay họ. Thân tự mắng nhiếc, bày cho người ta mắng nhiếc, thấy người ta mắng nhiếc thì mình vui thay họ. Thân tự nói dối, bày cho người ta nói dối, thấy người ta nói dối thì mình vui thay họ. Thân tự ganh ghét, bày cho người ta ganh ghét, thấy người ta ganh ghét thì mình vui thay họ. Thân tự tham ăn, bày cho người ta tham ăn, thấy người ta tham ăn thì mình vui thay họ. Thân tự không tin, bày cho người ta không tin, thấy người ta không tin thì mình vui thay họ. Tự mình không tin làm thiện được phước thiện-làm ác phải bị quả ác, thấy người ta làm điều ác thì mình vui thay họ. Tự mình trộm cắp

của cải trong chùa Phật, hoặc của cải thuộc về Tỳ kheo Tăng, bày cho người ta đi lấy trộm, thấy người ta đi lấy trộm thì mình vui thay họ. Tự mình cân nhẹ-đấu nhỏ-thước ngắn lừa dối người ta,, dùng cân nặng-đấu lớn-thước dài xâm phạm người ta, thấy người ta xâm phạm người khác thì mình vui thay họ. Tự mình cố ý làm giặc, bày cho người ta làm giặc, thấy người ta làm giặc thì mình vui thay họ. Tự mình ác nghịch, bày cho người ta ác nghịch, thấy người ta ác nghịch thì mình vui thay họ. Những thân mạng đã trải qua đến nay sanh trong năm đường, lúc ở trong địa ngục, lúc ở trong súc sanh, lúc ở trong ngạ quỷ, lúc ở trong loài người, lúc ở trong loài trời. Lúc thân sinh vào trong năm đường này, đã phạm những lỗi lầm tệ hại, không hiếu thuận đối với cha mẹ, không hiếu thuận đối với thầy dạy, không kính trọng đối với bạn tốt, không kính trọng đối với Sa môn-Đạo nhân, không kính trọng đối với bậc trưởng lão. Tùy tiện đối với cha mẹ, tùy tiện đối với thầy dạy, tùy tiện đối với người cầu đạo quả A La Hán, tùy tiện đối với người cầu đạo quả Bích chi Phật. Hoặc phỉ báng ganh ghét, thấy Phật đạo nói rằng sai trái, thấy ác đạo nói rằng đúng đắn, thấy chân chính nói là bất chính, thấy bất chính nói là chân chính.

Những lỗi lầm tệ hại mà chúng con đã làm, nguyện nương theo chư Phật mười phương van xin xót xa ăn năn hối lỗi, khiến cho chúng con ở đời này không phạm lỗi lầm tai họa này, khiến cho chúng con ở đời sau cũng không gặp phải lỗi lầm tai họa này. Vì lẽ đó nương theo chư Phật mười phương xót xa van xin, điều gì chư Phật cũng có năng lực thấy xuyên suốt nghe tận cùng, chúng con không dám lừa dối ở trước chư Phật, chúng con có những lỗi lầm tệ hại không dám che giấu, từ nay về sau đều không dám tiếp tục phạm vào.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Nếu có người thiện nam-người thiện nữ, nguyện ước không muốn bước vào ba nẻo khổ đau, thì những lỗi lầm đã gây ra đều phải ăn năn hối lỗi, không nên che giấu. Không muốn sanh vào vùng biên địa không có Tam bảo, thì đều phải ăn năn hối lỗi, không nên che giấu. Cho đến người mong muốn đạt được đạo quả Tam Thừa, thì đều phải ăn năn hối lỗi, không được che giấu.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Nếu khiến cho người nam-người nữ khắp thiên hạ, đều đạt được quả vị A La Hán và Bích chi Phật, nếu có người cúng dường đầy đủ tất cả các vị A La Hán và Bích chi Phật khắp thiên hạ, không bằng người giữ tâm ăn năn hối lỗi trải qua ngày đêm sáu thời đọc qua suốt ngày, thì phước có được của người này hơn hẳn người cúng dường tất cả A La Hán và Bích chi Phật khắp thiên hạ,

gấp trăm lần ngàn lần vạn lần ức lần.”

Lại căn cứ vào kinh Phổ Hiền Quán nói: “Ý chính của pháp sám hối sáu căn, là bởi vì nghiệp chướng, cho nên sáu căn bất tịnh, tạo ra đũ mười ác nghiệp, tham trước mọi nơi, khắp sáu tình thức của căn. Nghiệp cành nhánh hoa lá của sáu căn này, đầy khắp ba cõi tất cả mọi nơi sanh ra, làm cho vô minh thêm lớn. Nay muốn sám hối, thỉnh cầu tất cả chư Phật-Bồ Tát, đọc tụng kinh điển Đại thừa chí tâm đến tận cùng, phát nguyện mong cầu phá hoại tất cả ác nghiệp của thân tâm, trong từng niệm được thấy Phổ Hiền và chư Phật mười phương. Vì thế thuyết kệ rằng:

Nếu như có nhãn căn xấu xa,
Bởi nghiệp chướng nhãn căn bất tịnh,
Chỉ nên tụng kinh điển Đại thừa,
Suy nghĩ về nghĩa lý bậc nhất,
Đó gọi là sám hối nhãn căn,
Diệt trừ hết những nghiệp bất thiện.
Nhĩ căn nghe những tiếng hỗn loạn,
Tạp nhạp làm hỏng nghĩa hòa hợp,
Vì vậy dấy khởi những cuồng loạn,
Giống như vượn và khỉ ngu si,
Chỉ nên tụng kinh điển Đại thừa,
Quán xét các pháp Không-Vô tướng,
Vĩnh viền rời xa mọi điều ác,
Thiên nhĩ nghe khắp cả mười phương.
Tỳ căn đắm say các loại hương,
Thuận theo nhiễm dấy khởi các xúc,
Mũi mê hoặc điên cuồng như vậy,
Thuận theo nhiễm sinh ra các trần,
Nếu đọc tụng kinh điển Đại thừa,
Quán xét các pháp như thực tế,
Vĩnh viễn rời xa những ác nghiệp,
Đời sau không tiếp tục sinh ra,
Thiện căn dấy khởi có năm loại,
Nghiệp bất thiện ác khẩu-vọng ngôn,
Nếu mong muốn tự mình điều thuận,
Nên thường xuyên tu dưỡng tâm Từ,
Tư duy nghĩa chân tịnh của pháp,
Không có những hình tướng phân biệt.

Tâm tưởng giống như loài vượn khỉ,
Không có lúc nào tạm dừng lại,
Nếu mong muốn làm cho khuất phục,
Nên đọc tụng kinh điển Đại thừa,
Nghĩ đến Phật là thân Đại Giác,
Thành tựu do năng lực vô úy.
Thân là đứng đầu mọi cơ quan,
Như bụi thuận theo gió xoay chuyển,
Dạo chơi giữa sáu kẻ trộm cướp,
Tự tại không có gì vấn vương.
Nếu muốn diệt trừ ác nghiệp này,
Vĩnh viễn rời xa mọi trần lao,
Nên ở trong thành trì Niết bàn,
Tâm an lạc không màng danh lợi,
Chỉ nên tụng kinh điển Đại thừa,
Nghĩ đến mẹ của các Bồ Tát,
Vọ lượng phương tiện tốt đẹp nhất,
Đạt được từ tư duy Thật tướng.
Tất cả sáu pháp đều như vậy,
Đó gọi là sáu tình thuộc căn,
Biển rộng của tất cả nghiệp chướng,
Đều từ vọng tưởng mà sinh ra.
Nếu như muốn sám hối nghiệp chướng,
Ngồi trang nghiêm nghĩ đến Thật tướng,
Mọi tội lỗi như làn sương mai,
Mặt trời trí tuệ luôn trừ sạch,
Vì vậy cho nên phải chí tâm,
Sám hối nghiệp chướng sáu tình căn."

Lời bàn: Tôi tự mình thường xuyên cố gắng tìm hiểu tất cả kinh luận, tuy là dạy cho người ta về pháp sám hối tội lỗi tổng quát, nhưng mà văn phần nhiều tản mát nên không thể nào ghi chép hết được, lấy văn sám trong hai kinh trước lược bớt một ít, cho nên chỉ đưa ra văn này. Trộm nghĩ rằng chúng sanh từ vô thỉ cho đến ngày nay tạo ra rất nhiều lỗi lầm, tên gọi kể ra nhiều như cát bụi, nếu dựa theo văn sám trước thì sợ rằng gột rửa không thể nào hoàn toàn hết được. Nay từ đây trở xuống lại dựa theo hai Pháp sư Đàm Thiên và Linh Dụ thời nhà Tùy, tổng quát sám hối về mười nghiệp ác, hy vọng đầy đủ tất cả. Tuy là do hàng phàm phu soạn ra, nhưng mà văn nghĩa đều chọn lấy Thánh ý

trong luận về kinh Địa trì để quy tập lại, dựa theo đó tu hành đều hợp với ý Phật, các vị tài đức xưa nay soạn ra văn sám rất nhiều, tương đối đầy đủ tất cả, chưa có văn nào có thể vượt qua hai văn dưới đây.

Văn sám về mười ác nghiệp (Pháp sư Đàm Thiên soạn văn).

Đệ tử chúng con, vì tất cả chúng sanh khắp pháp giới, phát lộ tội lỗi nghiệp chướng đã gây ra từ vô thỉ đến nay. Hoặc là sát hại quân thần họ hàng và Thánh nhân La Hán, dấy động chiến tranh gươm chúa tàn ác hình phạt sai lầm quá mức, thậm chí hàm linh bẩm tánh bò bay máy cựa, tất cả các loài chúng sanh đều bị tàn hại sát thương, cho đến thú dữ diều hâu dần bị chính mình ăn thịt. Hoặc trộm cắp đồ vật của Phật-Pháp-Tăng và tiền bạc châu báu của người, làm quan chức dựa vào công việc mà nhận tiền của tham ô. Hoặc không phải vợ chồng mình mà hành dâm làm xấu vợ-chống của người, không kể thân thuộc chẳng tránh Tăng-Ni, ngang ngược dấy lên yêu-ghét ngông cuồng đố kỵ lẫn nhau. Hoặc gian trá không thật nói năng xằng bậy lừa dối mê hoặc quân thần họ hàng, không biết không thấy nói biết nói thấy, dựa theo quỷ thần lừa gạt thế gian. Hoặc gièm pha nịnh hót hai lưỡi làm cho hai bên đấu đá hỗn loạn, đem lời ác nơi này đến chỗ kia bày tỏ, mang lời ác chỗ kia trở lại bàn tán nơi này, ngăn cách quân thần chia lìa ruột thịt, tất cả hòa hợp vì vậy mà bị tổn hai điêu tàn. Hoặc phát ra lời nói thô lỗ chê bai người khác, mặc sức quát mắng nhục mạ xấu xa tràn miệng. Hoặc không dùng lời ngay thẳng, mà làm thành lời thêu dệt, nói thiện thành ác, lấy thối thành thơm, gọi dài thành ngắn, nói trắng thành đen, lời lẽ sai trái nói năng của xảo trá xúi giục mọi người. Hoặc chí hướng còn ham hưởng thụ, cầu mong đạt được không biết hạn chế, tánh nhiều sân giận, bừng bừng oán hận tự trói buộc mình. Hoặc không nhận biết lý lẽ chính đáng làm cho tà kiến mê hoặc, phỉ báng Phật-Pháp-Tăng nói không có nhân quả, không tin tu thiện được báo vui sướng trời người, không tin làm ác chịu báo khổ đau địa ngục. Hoặc cho rằng thân này không có nhân duyên mà được. Hoặc nói là vị lai đoạn dứt không có nhân quả, hủy hoại chùa tháp đốt phá kinh điển, nấu chảy tượng Phật để lấy vàng-đồng, làm ô uế chốn già lam vượt bỏ mọi giới cấm. Hoặc uống rượu ăn thịt và ăn các thứ tanh hôi, ngu si tà kiến khô g điều ác nào không tạo. Tất cả mười loại ác nghiệp đã kể ra như vậy, tự mình gây ra-bày cho người khác, thấy người khác làm mình cùng vui theo, từ vô thỉ cho đến ngày nay chắc chắn có tội lỗi này. Bởi vì nhân duyên tội lỗi luôn luôn làm cho chúng sanh đọa vào địa ngục-súc sanh-ngạ quỷ. Nếu sanh trong loài người thì nhiều bệnh tật mạng sống ngắn ngủi, thường

ở vào nơi hèn hạ thấp kém, và nghèo khó khốn khổ vô cùng, cùng với người có tiền của không được tự nhiên thoải mái. Vợ không hiền lành cẩn thận, hai vợ tranh chấp lẫn nhau, gặp phải nhiều phỉ báng, bị người lừa gạt mê hoặc. Tất cả quyến thuộc phản bội tệ hại xấu xa, không nghe lời nói tốt lành thường gặp tai tiếng dữ dằn. Hễ có trình bày điều gì luôn luôn xảy ra tranh cãi, nếu có nói lời chân thật thì người cũng không tin nhận. Âm thanh từ ngữ phát ra lại không phân rõ phải trái. Tham lam tiền của không chán mà mong cầu thì không được, thường bị người khác xoi mói tốt xấu của mình. Không có hiểu biết tốt lành thường làm não hại lẫn nhau, luôn luôn sanh vào gia đình tà kiến, thường ôm ấp tâm địa nịnh hót quanh co. từ vô thỉ cho đến ngày nay, mười nghiệp bất thiện đều từ phiền não tà kiến mà sinh ra, nay dựa vào sức mạnh chánh kiến của Phật tánh, cho nên phát lộ sám hối, đều được trừ diệt. Ví như viên ngọc quý đặt vào nước đục, nhờ uy đức của ngọc quý nên nước đục lập tức trong veo; uy đức của Phật tánh cũng lại như vậy, đặt vào nước đục phiền não ngũ nghịch-tứ trọng của các chúng sanh, thì đều làm cho lập tức trong sạch. Đệ tử chúng con cùng tất cả pháp giới chúng sanh, bắt đầu từ thân này cho đến lúc thành Phật, nguyện không gây ra thêm các tội lỗi như vậy.

Quy mạng cung kính lễ lạy thường trú Tam bảo, sám hối xong rồi tiếp theo phát nguyện hồi hướng công đức lễ sám, tụng bài kệ rằng:

Nguyện cho con ở đời vị lai,
Được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ,
Thân công đức vô lượng vô biên,
Con cùng với những ai tin tưởng,
Đã được trông thấy Đức Phật rồi,
Nguyện đạt được ánh mắt trong sáng,
Thành tựu quả Bồ đề Vô thượng,
Cứu độ hàm thức khắp mọi nơi.

Kệ văn sám tổng quát mười nghiệp ác (Pháp sư Linh Dụ soạn văn).

Tự nghĩ rằng mình hoài sinh tử,
Quá khứ không có lúc bắt đầu,
Cho đến tận đời sống hôm nay,
Nối tiếp theo nhau không đoạn dứt.
Bởi vì ngu si che mịt mù,
Ngọn lửa ba độc luôn bùng cháy,
Tuy có thân thể và tâm tư,

Mà không thể nào tự giác ngộ.
Không gặp được hết thảy chư Phật,
Tỏa ánh sáng mặt trời trí tuệ,
Chiếu rọi hai loại thân của mình,
Cũng không biết bao giờ tỉnh ngộ.
Trong lòng mê hoặc sanh các nẻo,
Không loại nào mà không trải qua,
Suy xét tường tận nhân duyên này,
Ai không phải quyến thuộc của mình?
Lại nghĩ đến tất cả chúng sanh,
Vốn cùng chung một biển tâm tư,
Bởi vì sóng vọng tưởng ý thức,
Huyễn ảo sinh ra thân các nẻo.
Thân này không có các chủng loại,
Cùng với mình một tánh giống nhau,
Vốn bởi vì ý niệm sai lầm,
Phân biệt sanh ra mình và người.
Do đó dấy khởi yêu và ghét,
Luôn luôn cùng đấu đá lẫn nhau,
Ngày đêm ôm ấp những oán hờn,
Suy nghĩ tìm cách trả mối thù.
Thế là ở giữa mọi chúng sanh,
Không một loài nào không tổn thương,
Tham lam giành lấy mọi của cải,
Không yên phận dấy lên dục nhiễm.
Giả dối không có lời chân thật,
Ác khẩu không chọn lựa ngôn từ,
Hai lưỡi làm tổn hại lẫn nhau,
Thêu dệt tìm cách xúi giục người.
Biển tham lam không hề thỏa mãn,
Lửa sân giận bùng lên hừng hực,
Tà kiến quay lưng với chánh giáo,
Nịnh hót quanh co không thành thật.
Phạm vào tất cả các giới cấm,
Làm trái lời dạy của Như Lai,
Thù hận hiềm nghi và yêu – ghét,
Không tâm địa nào mà không có.
Tội lỗi này nếu không sám hối,

Suốt đêm dài xông ướp tự tâm,
Xông ướp tích tụ mãi không thôi,
Thay đổi trở thành chốn địa ngục.
Và mang lại mọi nỗi khổ đau,
Chư Phật ở vào lúc như vậy,
Thảy đều không thể nào cứu được,
Chỉ trừ ra tự mình phát lộ.
Tất cả tội lỗi đã tạo ra,
Hợp với tâm chư Phật-Bồ Tát,
Tùy thuận tánh thanh tịnh vốn có,
Từ vô thỉ kiếp luôn vô minh.
Từ đây dần dần được giảm bớt,
Vì vậy cho nên lòng hổ thẹn,
Tâm hết sức hối hận tội lỗi,
Nguyện Phật phóng ánh sáng Từ Bi.
Chiếu soi đến chúng sanh đau khổ,
Tất cả phiền não đã tích tụ,
Đều khiến cho tiêu diệt không còn,
Tự tánh vốn có tâm thanh tịnh.
Từ đây cho đến lúc cuối cùng,
Bình đẳng với pháp giới chân như,
Được viên mãn ngay tại đời này.

Dưới đây có chín hàng kệ do Luật sư Huyền Uyển chùa Diên Hưng-trường An soạn:

Làm hại mình từ vô thỉ tùy tự tậm, Theo dòng dục vọng rơi vào trong xoáy nước,

Cô độc trong có không có ai cứu giúp, tạo ra mọi đau khổ vô lượng vô biên.

Lúc nhận chịu khổ đau báo ứng rõ ràng, uy thần chư Phật không thể nào cứu được,

Bức bách khốn đốn tận cùng đến trước mắt, mới tỉnh ngộ còn có một ý niệm này.

Bởi vì vô minh sâu dày che màng mắt, ngọn lửa ba độc luôn luôn cháy rừng rực,

Ý muốn lìa xa không thể nào lìa được, như ung nhọt đã chín chờ lúc vỡ ra.

Chỉ nguyện chư Phật phóng ánh Từ Bi, luôn luôn chiếu rọi đến người rất khổ đau,

Xưa kia đã tạo lỗi ba nghiệp, và hiện tại dấy lên tất cả điều ác,

Vị lai thuận theo sinh ra các phiền não, đảnh lễ sám hối nguyện diệt trừ tất cả.

Tụng rằng:

Năm vóc sám hối trước ban mai,
Ba lạy ăn năn giữa đêm khuya,
Chuông kêu khuyên nhủ suốt ngày dài,
Xót thương mình đau khổ vô cùng.
Đưa mắt xem qua lời vàng ngọc,
Đau buồn tích tụ nhiều bụi bẩn,
Lạ thay hình hài chẳng phải mình,
Than thở xưa kia thường chìm đắm.
Ngập ngừng đường vẽ nhiều nguy hiểm,
Vẫy tay từ chối tách ra giữa,
Gột rửa về chân thành sám hối,
Mây quang trời rộng trăng sáng trong.
Vắng lặng lìa xa nghiệp khổ đau,
Lên cao thuận theo duyên vươn lên,
Tuy chưa sánh kịp dấu tích cao,
Mà tránh khỏi đi qua đường ác.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 3 chuyện: 1- Sa môn Tuệ Đạt thời Tấn; 2- Sa môn Pháp Sủng thời Lương; 3- Sa môn Đức Mỹ thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Sa môn Tuệ Đạt, họ Lưu tên tát Hà, người vùng Ly Thạch-tây Hà. Lúc chưa xuất gia có sở trường về việc quân binh, không nghe đến Phật pháp, hãy còn sức lực uy vũ thường thích đi săn, năm 31 tuổi bệnh nặng đột ngột mà chết, thân thể hãy còn hơi ấm mềm mại, trong nhà đâu dám tẩm liệm. Đến bảy ngày thì sống lại, nói rằng: Lúc sắp chết, thấy có hai người bắt trói dẫn đi, đi về phía tây Bắc. Đường đi chuyển lên cao một chút thì gặp đường cái lớn bằng phẳng, hai bên đường cây cối thẳng hàng, thấy có một người cầm cung mang kiến đang đứng bên đường, chỉ tay nói với hai người dẫn Tát Hà đi về phía Tây, trông thấy nhà cửa rất nhiều đều có tường trắng cột đỏ. Tát Hà đi vào một ngôi nhà, có những có gái áo quần trang điểm xinh đẹp, Tát Hà đi đến xin ăn, giữa trời cao có tiếng nói rằng: Đừng cho người đó. Có người từ trong lòng đất hiện ra, cầm chày sắt muốn đánh Tát Hà. Tát hà vội vàng bỏ chạy qua từng nhà một, vào hơn 10 nhà đều như vậy, thế là không có được điều gì. Tiếp tục đi về phía Tây Bắc gặp một bà

lão ngồi trên cỗ xe, đưa cho Tát Hà một quyển sách. Tát Hà nhận lấy, đi về phía Tây đến một ngôi nhà, nhà cửa sang trọng đẹp đẽ, có bà lão ngồi ở ngoài cửa, răng nanh trong miệng mọc chìa ra ngoài, trong phòng giường màn sáng ngời đẹp đẽ, ghế trúc-bàn xanh. Lại có người con gái sống ở nơi ấy, hỏi Tát Hà có được sách mà đến phải không? Tát Hà lấy quyển sách đưa cho cô gái, cô gái lấy quyển sách khác để so sánh. Chốc lát thấy hai Sa môn, nói với Tát Hà rằng ông biết tôi không? Tát Hà đáp không biết. Sa môn nói: Nay nên quay về tôn kính Thích Ca Văn Phật. Tát Hà như lời nói phát khởi ý niệm, nhân đó đi theo cùng hai Sa môn, từ xa trông thấy một tòa thành, tương tự thành trường An, mà màu rất đen, giống như cái vung bằng sắt chụp trên thành. Thấy người có thân hình rất cao lớn, da đen như sơn, đầu tóc kéo lê tên đất. Sa môn nói: Quỷ trong địa ngục đấy, nơi đó rất lạnh, có băng giá như chiếc chiếu, bay tán ra dính vào đầu người thì đầu sẽ bị cắt đứt, dính vào chân thì chân sẽ gãy. Sa môn thứ hai nói: Đây là địa ngục băng lạnh. Tát Hà liền tự nhận thức rõ ràng thân mạng đời trước biết hai Sa môn, xưa ở thời Phật Duy Vệ đều là thầy của mình; lúc làm Sa di, bởi vì phạm tội như người thế tục cho nên không được thọ giới, thế gian lúc ấy tuy có Phật nhưng cuối cùng không gặp được. Từ trước tới nay được làm thân người. Luôn luôn sanh trong chủng tộc người Khương, nay sanh trong chủng tộc người Tấn. Lại thấy người bác họ ở trong địa ngục này, nói với Tát Hà rằng: Thời xưa ở vùng Nghiệp đô không biết thờ Phật, thấy người nấu đồng đúc tượng nên thử bắt chước đôi chút, mà không chịu trả lại giá trị, nay nhận chịu tội lỗi trước kia, còn có phước rót đồng may mắn được sanh lên cõi trời. Tiếp đến thấy địa ngục núi dao, lần lượt đi qua nhìn thấy rất nhiều, mỗi một địa ngục đều khác nhau, thành quách không lẫn lộn với nhau, người nhiều như cát không thể nào tính đếm được, hình phạt đau khổ ác hiểm, đại khái giống như trong kinh đã nói. Tát hà tự mình bước chân đi trên địa ngục, rõ ràng thấy có cảnh tượng như vậy. Trong chốc lát bỗng nhiên thấy ánh sáng vàng rực, soi chiếu rạng rỡ, thấy người cao hơn hai trượng, tướng tốt trang nghiêm rực rỡ, thân thể có màu vàng ròng. Người hai bên cùng nói rằng: Đại Sĩ Quán Thế Âm. Mọi người đều đứng dậy lễ lạy đón chào. Có hai Sa môn, hình hài thể chất tương tự nhau, cùng đi về phía Đông. Tát Hà làm lễ xong, Bồ Tát thuyết pháp cho tất cả mọi người có thể hơn ngàn lời, cuối cùng nói: Tất cả làm phước giúp cho người đã mất, như cha mẹ anh em, cho đến bảy đời có duyên chồng vợ thân thích-bạn bè hoặc người đi đường, có lúc ở tại tinh xá, có lúc ở trong nhà mình, người đã mất đang chịu đau

khổ liền được thoát khổ, ngày 15 tháng 7 Sa môn thêm được tuổi Hạ, lúc này thiết lễ cúng dường càng được tốt đẹp. Nếu làm các đồ vật để đưa đến cúng dường, thì nơi mỗi đồ vật nghi rõ ràng: Thay cho người thân đó dâng lên cúng dường Tam bảo. Phước cúng dường càng nhiều thì sự vui mừng đến với người thân càng nhanh. Sa môn và bạch y thấy tự mình làm điều lỗi lầm và các loại ác nghiệp tội lỗi của đời trước, có thể ở giữa đại chúng tự mình phát lộ tất cả, sự việc rành mạch không sai sót và chịu khó chân thành sám hối, thì tội lỗi liền được tiêu diệt. Nếu như hèn kém xấu hổ cảm thấy nhục nhã khi phát lộ lỗi lầm ở giữa đại chúng, thì có thể ở nơi kín đáo, lặng lẽ tự mình nhớ mà bày tỏ, mọi việc làm không sai sót, thì tội lỗi cũng được giảm trừ. Nếu có những điều để sót chứ không phải cố ý che giấu, tuy không được thoát nhưng chịu khổ báo nhẹ hơn phần nào. Nếu không thể nào hối hận cũng không có tâm hổ thẹn, thì như vậy gọi là giữa lấy lỗi lầm không thể quay lại, sau khi mạng chung lập tức rơi vào địa ngục. Lại giống như người khác xây dựng tháp thờ và chùa chiền nhà cửa, tuy là một nắm đất-một cây gỗ hoặc nhiễm trước hay thanh tịnh, thẳng thắn chân thành cúng dường giúp đỡ, được phước cũng rất nhiều. Nếu thấy chùa tháp, hoặc có cỏ rác dơ bẩn, không tự mình nhổ sạch mà đạp lên đi qua, thì công đức lễ lạy lập tức mất hết. Lại nói: Kinh là chuẩn mực tôn quý, là bến bờ dẫn dắt cảm hóa, kinh Ba La mật có công đức tốt đẹp nhất, kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng đứng sau. Nếu nơi nào có người tốt lành dọc tụng kinh điển, thì nơi đó đều là Kim Cang, chỉ vì mắt thịt của chúng sanh không có năng lực trông thấy mà thôi, có thể chịu khó trì tụng thì không rơi vào địa ngục. Bản kinh Bát Nhã và bình bát của Như Lai, sau này sẽ truềyn về phía Đông đến địa phận của nhà Hán, có thể xây dựng một nơi tốt đẹp cúng dường kinh điển và bình bát này, thọ phước báo sanh cõi trời đạt được công đức gấp bội. Thuyết giảng rất nhiều, chỉ chọn điều quan trọng để ghi lại. Tát hà sắp từ tạ ra đi, Bồ Tát nói cho biết rằng: Ông phải trải qua đời kiếp nhận chịu đầy đủ tội báo, bởi vì đã từng nghe kinh pháp mà sanh tâm hoan hỷ, nay sẻ được một lần nhận chịu báo ứng nhẹ nhàng thì tránh khỏi, ông được cứu sống có thể làm Sa môn, 5 vùng là Lạc Dương-Lâm Tri-Kiến Nghiệp-Mậu âm và Thành Đô, đều có tháp của vua A Dục, còn hai pho tượng đá ở Ngô Trung, do vua A Dục sai quỷ thần tạo ra, có thể đạt được tướng chân thật, người luôn đến đó lễ lạy thì không rơi vào địa ngục. Nói xong đi về phía Đông. Tát Hà làm lễ mà từ biệt, đi ra đường lớn phía Nam, rộng hơn trăm bước, người đi lại trên đường không thể tính kể được, bên đường có tòa cao, cao ngất

mấy chục trượng, có Sa môn ngồi trên tòa cao, hai bên có Tăng chúng xếp hàng dựa vào nhau rất đông, có người cầm bút đứng xoay mặt về phía bắc, nói với Tát Hà rằng: Lúc ở Tương Dương tại vì sao giết hại con hươu? Quỳ xuống trả lời rằng: Người khác bắn con hươu, tôi mới làm bị thương mà thôi, lại không dám ăn thịt thì vì sao nhận chịu quả báo? Ngay lập tức trông thấy nơi giết hại con hươu ở Tương Dương, cỏ cây khe núi bỗng nhiên hiện rõ trước mắt, những người cưỡi ngựa đen đều có thể nói được, tất cả chứng minh ngày giờ năm tháng Tát Hà giết hại con hươu. Tát Hà sợ hãi không trả lời được. Chốc lát có người dùng gió thổi thân hình tụ lại một lúc bên bờ, bỗng nhiên không hiểu sao trở lại đầy đủ hình hài. Người cầm bút lại hỏi: Ông còn bắn chim trĩ, cũng đã từng giết hại chim Nhạn. Nói xong xóc ném vào vạc sôi, rã nát như trước. Nhận chịu khổ báo này xong mới khiến Tát hà đ ra, tiến vào một tòa thánh lớn, có người sống ở đó, nói với Tát Hà rằng: Ông nhận chịu tội báo nhẹ rồi lại được sống mà trở về, chính là nhờ phước lực giúp đỡ, từ nay về sau còn gây ra tội lỗi nữa không? Thế là sai người đưa Tát Hà đi, từ xa trông thấy thân vốn có nhưng ý không muốn trở về. Người đưa đường xô đẩy dẫn đi, rất lâu mới dựa vào hình hài mà được sống lại. Tinh cần vâng theo giáo pháp, sau đó thì xuất gia, tự là Tuệ Đạt. Cuối thời Thái Nguyên nhà Tấn vẫn còn tại Kinh sư, sau đi đến Hứa Xương, không biết kết thúc thế nào?

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

2. Thời nhà Lương có Sa môn Pháp Sủng ở chùa Tuyên Vũ-Dương Đô, họ Phùng, người vùng Quán Quân-Nam Dương. Năm 38 tuổi, Đạo nhân Pháp Nguyện ở chùa Chánh Thắng, sở trường thông suốt phép thuật tướng số, nói với Pháp Sủng rằng: Ông hết năm này sẽ chết, không có nơi nào có thể tránh được, chỉ chân thành cầu khấn chư Phật mà sám hối trừ diệt tội lỗi trước kia, có lẽ có thể còn hy vọng mà thôi. Pháp Sủng nhân đó lấy gương xem xét sắc diện, thấy mặt có trạng thái xấu, thế là bán hết y bát gom tất cả tiền bạc còn lại để mua hương cúng dường,

Dùng thuyền đi qua phía Đông, thẳng đến vùng Hải Diêm, ở tại gian nhà để không của Quang Hưng lễ lạy sám hối, cắt đứt mọi quan hệ với người khác, ngày quên ăn bỏ ngủ, đêm không hề cởi y. mãi đến đêm cuối của năm 40 tuổi, bỗng nhiên cảm thấy hai tai sưng tấy đau đớn, càng thêm sợ hãi, đêm ấy lễ sám đến canh tư, nghe ngoài cửa có người nói rằng: Nghiệp chết của ông đã hết. Vội vàng ra mở cửa cũng không thấy gì cả. Sáng sớm xin hỏi mọi người, mọi người đều nói: trạng

thái xấu đều trừ hết, hai tai quả là mọc xương. Đây thật sự là nhờ thiết tha sám hối trừ diệt nên khiến cho kéo dài tuổi thọ. Vào ngày 1sáu tháng 3 năm thứ 5 niên hiệu Phổ Thông nhà Lương, từ trần ở nơi cư trú, hưởng thọ 74 tuổi.

(Chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện).

3. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Đức Mỹ ở chùa Hội Xương chốn Kinh Sư, họ Vương, người huyện Lâm Thanh-Thanh Hà, tuổi còn ngây thơ tự nhiên thích làm điều thiện, miệng có nói điều gì thường ngâm nga tán tụng, vun đất thành đống chơi đùa nhất định trước tiên làm thành tòa tháp, mỗi khi thấy hình tượng tôn quý thì sinh hiểu biết lễ lạy cung kính. Vì vậy cha mẹ có ý hiữ kín mà rất lấy làm lạ, biết rằng không phải là con nối dõi đời sau, tùy ý cho theo thầy học đạo. Năm 19 tuổi xuất gia, tuy đọc đủ các kinh luận, mà lấy luật làm quan trọng cần phải lưu tâm, cho nên một bộ Tứ Phần thông suốt trong lòng. Đến núi Thái Bạch, tụng một bộ Phật Danh gồm mười hai quyển, cứ mỗi lần thực hành sám hối thì tụng mà thêm lễ lạy, ăn cơm rau, mặc áo vải chứ không mặc áo quần lụa là quý giá. Ban đầu theo học với Thiền sư Tăng Ung tại núi Thái Bạch-Cửu Lũng, về sau trú tại chùa Tuệ Vân ở chốn Kinh sư, gặp Thiền sư Tịnh Mặc, lại đi theo xin học. Mỗi khi đến Hạ lễ sám gần hết đạo tràng, cứ kỳ hạn bảy ngày hết sức tinh tiến, một vạn năm ngàn vị Phật mỗi ngày một biến, tinh thành khó có người sánh kịp, cảm được nhiều điềm tốt lành. Từ lúc nhỏ đến khi từ trần Đức Mỹ lễ lạy một ngàn biến. Kế thừa thầy là Tịnh Mặc, có nhiều phước đức, đã từng phát khởi làm thiện. Năm ấy ngàn vị Tăng hành đạo bảy ngày, hết kỳ hạn cúng dường rất nhiều, dâng cúng mỗi người 10 xấp lụa, đến lúc vừa hết thì sáng sớm ở bên ngoài chuyển đến gấp bội. Vì vậy từ cuối thời Khai Hoàng nhà Tùy, cuối cùng vào năm thứ 10 thời Đại Nghiệp nhà Tùy, hàng năm cúng dường rất nhiều, sự kỳ lạ đó đều như vậy. Tịnh Mặc sắp diệt độ, đem tất cả phước điền để phó thác cho Đức Mỹ. Đức Mỹ đón nhận thực hành, Bi-Kính đều giữ gìn tốt đẹp, mỗi năm tổ chức một hội, còn tất cả tiền bạc đồ vật cuối Hạ thường bố thí. Giữa màu Hạ cuối thời Đại Nghiệp mời ngàn vị tăng hành đạo bảy ngày, bỗng nhiên cảm ứng người kỳ lạ, hình tướng y phục vô cùng đẹp đẽ, đến bảo với Đức Mỹ rằng: Thời toết đã rất nóng rực, sao không làm bánh để mà cúng dường? Lại gom góp hai mươi Hộc bột làm suốt hai ngày, sáng sớm sắp thiết lễ, nửa đêm liền vùng dậy, trộn bột làm động bàn ghế, mọi người kinh hãi lộn xộn cùng làm vội món cháo, để cúng dường đại chúng. Trong chốc lát cắt bột đem nấu chín, ngàn người ăn no như nhau

đều vui vẻ vô cùng, bánh lại dẻo dai không hư hoại gì cả. Thử tìm xem người thợ làm bánh, hỏi tất cả nhưng không biết nơi nào, mọi người vô cùng kỳ lạ cảm động vì sự linh ứng này.

Lại đến đầu thời Vũ Đức nhà Đường, xây dựng chùa Hội Xương, mời Đức Mỹ cư trú, thế là ở tại viện phía Tây làm ra gian nhà sám hối, thiết trí hình tượng trang nghiêm rực rỡ, điện thờ rộng rãi khang trang, thề cùng với hàm sinh đoạn trừ những ác nghiệp, mãi mãi giữ lễ sám làm trong sáng Phương Đẳng, sắp có lễ hội cúng tế cần phải dựa vào Đức Mỹ sám hối. Lại vào một thời gian giếng nước bỗng nhiên khô cạn, sám hối làm lại từ đầu chứ không có cách nào sám hối khôi phục nguồn nước như cũ. Đức Mỹ bưng lư hương đến trước giếng cầu khấn, lập tức dòng nước tuôn trào, tràn đầy giống như đã từng có. Lúc ấy mọi người cùng ca ngợi và cảm thấy kỳ lạ. Nhờ phước lực giúp đỡ, mà giữ được xá lợi, cất vào trong hộp báu, mang đi theo bên mình, đến đâu cũng dâng tặng cúng dường. Mỗi khi có xây dựng chùa tháp thỉnh cầu giải trừ cho, tinh thành cầu khấn cảm ứng thông suốt tùy tình đều giúp cho. Lại đến lúc cuối Hạ đầu Thu thường đi chân đất, sợ đạp lên sâu kiến làm tổn thương chúng sanh. Lại vào năm khác hạnh đạo suốt mùa Hạ không ngồi, hoặc im lặng qua ba năm không nói, hoặc hành hạnh Bất Khinh lễ lạy tất cả bảy chúng, hoặc tiết kiệm một trong 4 phần cơm ăn áo mặc. Khổ hạnh như vậy, tướng trạng ấy thật sự rất nhiều. Hoặc cuộc đời bình thường ngừng ý tưởng mà luôn dốc lòng hướng về Tây phương, miệng tụng Di Đà đến cuối cùng mạng sống kết thúc. Vào ngày 2sáu tháng mười hai năm thứ 11niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, chấp tay niệm Phật, từ trần tại chùa Hội Xương, hưởng thọ 60 tuổi. Thi hài đưa đến Xi Minh Đôi ở Nam Sơn, các đệ tử thâu nhặt di hài xây tháp dựng bia tại chùa Hội Xương, Thì trung Vu Chí Ninh làm văn khắc bia.

(Chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 87

Thiên thứ 87: THỌ GIỚI (Phần một)

Thiên này có 7 phần: Thuật ý, Khuyến trì, Tam quy, ngũ giới, Bát giới, Thập thiện và tam tụ.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Rằng ba cõi chẳng yên lành, giống như ngôi nhà lửa, trừ khổ và ban vui, cần phải kính trọng giới; kinh nói rõ nhiều loại, mà kể lại ba-năm, có thể vượt đường xa, ví như đôi bàn chân; giữ gìn được tất cả, ví như đất mênh mông; nuôi vạn vật lớn lên, ví như mưa đúng mùa; khéo chữa lành các bệnh, ví như thầy thuốc giỏi; có thể trừ đói khát, ví như vị cam lồ; cứu giúp mọi chìm đắm, ví như cầu vượt sông; vận chuyển qua biển rộng, ví như túi phao nổi; chiếu rọi trừ đen tối, ví như ngọn đèn sáng; ngăn điều trái dừng ác, ví như khéo cảnh giác. Quay về với giải thoát, hoàn toàn thờ Thi La, tô điểm thêm Pháp thân, ví như chuỗi anh lạc. Những ví dụ như vậy, cũng có nhiều vô lượng, lẽ nào không kính trọng, dốc tâm ý phụng trì?

Phần thứ hai: KHUYẾN TRÌ

Như kinh Niết bàn nói: "Muốn thấy Phật tánh chứng được Niết bàn, cần phải dốc tâm ý tu trì tịnh giới. Nếu phá hủy tịnh giới là quyến thuộc của ma, không phải là đệ tử của Phật."

Còn trong kinh Đại Phẩm nói: "Nếu ta không trì giới thì sẽ rơi vào trong ba đường ác, thân người hãy còn không có được, huống hồ có năng lực thành tựu chúng sanh, làm sạch cõi nước Phật, đầy đủ Nhất thiết chủng trí ư?"

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: "Nếu Ta không trì giới thì ngay cả thân Dã can ghẻ lở hãy còn không có được, huống gì là có được thân công đức vô biên?"

Còn trong kinh Hoa Nghiêm có kệ rằng:

"Giới là gốc của đạo Bồ đề Vô thượng,
Cần phải giữ gìn giới thanh tịnh đầy đủ,
Nếu luôn luôn kiên quyết giữ gìn giới cấm,
Thì người này được Như Lai thường khen ngợi."

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Tuy có sắc tướng thọ mạng và đa văn,
Nếu không có giới thì ví như cầm thú,
Dù ở địa vị thấp hèn ít thấy nghe,
Mà giữ giới thanh tịnh gọi là thắng sĩ."

Còn trong kinh Di Giáo nói: "Giới là căn bản đích thực thuận với giải thoát, lại giữ gìn giới này có thể phát sinh các thiền định, và tôn trọng giới này là bậc Đại Sư của các ông, nếu Ta ở thế gian thì cũng không khác gì giới ấy."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Nếu cầu mong lợi ích to lớn thì nên kiên quyết trì giới, giống như tiếc vật báu vô giá, giống như bảo vệ thân mạng của mình, bởi vì giới là trú xứ của tất cả mọi pháp thiện. Lại giống như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, là điều không thể có được. Nếu không có giới thanh tịnh mà muốn đạt được quả báo tuyệt vời, cũng lại như vậy. Nếu rời bỏ giới này, cho dù ở núi rừng uống thuốc ăn cỏ mà cùng với cầm thú nào có khác gì. Nếu có thể giữ gìn giới thanh tịnh, thì hương đức hạnh tỏa khắp mười phương, thanh danh truyền rộng mọi nơi, trời người yêu mến kính trọng, những ước nguyện đều đạt được. Người giữ giới thanh tịnh vào lúc thọ mạng chấm dứt, dao gió cắt xẻ thân hình-xương thịt rời rã-nhịp sống đoạn tuyệt mà tâm không hề sợ hãi."

Còn trong luận Địa Trì nói: "Nhân của ba mươi hai tướng không là gì khác, đều do trì giới mà đạt được. Nếu không trì giới thì thân người thấp hèn hãy còn không có được, huống gì là báo tướng của bậc Đại nhân".

Còn trong luận Thành Thật nói: "Lâu đài của Đạo phẩm lấy giới làm lớp tường ngoài, tòa thành của tam thiền định lấy gioới làm cột chống, phải đeo ấn của giới mới có thể tiến vào trong mọi pháp thiện."

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Giới có bốn nghĩa, cố ý hủy phạm thì nặng hơn so với kinh. 1- Giới là đất bằng của Phật pháp, mọi điều thiện từ đây mà sinh ra và lớn lên; 2- tất cả Phật tử đều dựa vào giới mà an trú, nếu không có giới thì không có

nơi nào nương tựa, tất cả chúng sanh nhờ vào giới mà tồn tại; 3- Giới là cánh cửa thứ nhất hướng đến Niết bàn, nếu không có giới thì không biết từ đâu có thể tiến vào tòa thành Niết bàn; 4- Giới là xâu chuỗi ngọc của Phật pháp, luôn luôn trang nghiêm làm rạng rỡ Phật pháp. Nhưng vì sao luật mới kết tập, mà lại hơn hẳn, mà lại giữ kín? Chỉ vì các khế kinh không chọn lựa thời gian và con người tuyên thuyết mà được gọi là kinh, luật thì không như vậy, chỉ riêng Phật tự mình thuyết giảng, chủ yếu ở trong Tăng đoàn, cho nên hơn hẳn."

Còn dựa theo kinh Niết bàn nói: "Như hộ trì giới trọn vẹn cho đến suốt đời, dù mạng chung cũng không cố tình vi phạm. Đức Phật nói thí dụ rằng: Như một la sát theo người vượt qua biển rộng cứ cầu xin chiếc túi phao. Người vượt biển đáp rằng: Thà giết chết thân mạng chứ chiếc phai thì không được. La sát lại nói: Không bằng lòng cho hết thì có thể làm ơn ban cho một nửa túi phao. Người ấy vào lúc bấy giờ cũng không cho. Như vậy lần lượt cho đến xin chỉ một mảy nhỏ. Người ấy vào lúc bấy giờ ngay cả mảy nhỏ cũng không cho. Bồ Tát ma ha tát lúc trì cấm giới cũng lại như vậy, La sát phiền não cúi giục làm cho Bồ Tát phạm vào bốn trọng giới, bảo vệ các khinh giới còn lại nhưng Bồ Tát không nghe theo. Khuyên phâm vào lỗi Tăng tàn, Bồ Tát không đồng ý. Khuyên phạm vào lỗi Ba dật đề, Bồ Tát không bằng lòng. Khuyên phạm vào lỗi Đề xá ni, Bồ Tát không chấp nhận. Khuyên phạm vào lỗi Đột cát la, Bồ Tát không thuận theo."

Vì vậy trong kinh nói: "Bồ Tát ma ha tát giữ gìn bốn trọng giới cho đến Đột cát la, kính trọng kiên cố như nhau chứ không có gì sai khác. Phát ra lời nguyện rằng: Thà lấy thân này lao vào hố sâu lửa dữ rừng rực, chứ suốt đời không hủy phạm cấm giới của chư Phật ba đời, cùng với các nữ cư sĩ mà làm điều bất tịnh. Lại phát nguyện rằng: Thà dùng sắt nóng quấn quanh thân mình, chứ suốt đời không dám dùng thân phá giới nhận lấy y phục của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng: Thà dùng miệng này nuốt viên sắt nóng, chứ suốt đời không dám dùng miệng phá giới ăn những đồ ăn thức uống của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng: Thà để thân này nằm trên sắt nóng rực lửa, chứ suốt đời không dám dùng thân phá giới nhận lấy giường chiếu chăn màn của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng: Thà dùng thân này nhận chịu ba trăm mũi kiếm, chứ suốt đời không dám dùng thân phá giới nhận lấy thuốc thang chữa trị của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng: Thà dùng thân này lao vào vạc sắt nóng, chứ suốt đời không dám dùng thân phá giới nhận lấy phòng ốc của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng:

Thà dùng chày sắt đánh nát thân này khiến như cát bụi, chứ suốt đời không dám dùng thân phá giới nhận sự lễ lạy của đàn việt tín tâm. Lại phát nguyện rằng: Thà dùng sắt nóng móc hai mắt mình, chứ không dùng tâm nhiễm ô tham nhìn sắc đẹp; thà dùng dùi sắt đâm chọc khắp hai tai, chứ không dùng tâm nhiễm ô nghe nhận các âm thanh; thà dùng dao sắc cắt bỏ mũi mình, chứ không dùng tâm nhiễm ô tham đắm theo các mùi hương; thà dùng dao sắc cắt bỏ lưỡi mình, chứ không dùng tâm nhiễm ô tham đắm theo những vị ngon; thà dùng rùi sắc chặt đứt thân mình, chứ không dùng tâm nhiễm ô tham đắm theo những sự xúc chạm. Tại vì sao? Bởi vì những nhân duyên này có năng lực làm cho hành giả rơi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh.

Lại phát nguyện rằng: Bồ Tát hộ trì các cấm giới như vậy rồi, tất cả đem giúp cho hết thảy chúng sanh, nguyện làm cho chúng sanh đạt được giới thanh tịnh, không làm tổn thất đến giới, không giảm sút giới, tùy thuận với giới, cuối cùng là giới, thành tựu đầy đủ giới Ba la mật. Lúc Bồ Tát ma ha tát tu trì giới thanh tịnh như vậy, thì được trú vào phần vị Bất Động Địa thứ nhất."

Lời thuật lại: Bồ Tát đã có thể kiên quyết giữ gìn cấm giới đạt được quả bất thối như vạy, nay khuyến khích đạo tục có ai có thể ngưỡng mộ, thuận theo thọ ba tụ tịnh giới- mười vô tận giới-hai mươi bốn giới và tất cả các giới thuộc tại gia hay xuất gia, như hai trăm năm mươi giới hoặc năm trăm giới..., đều có thể giữ gìn trọn vẹn, là Phật tử thật sự, mở cánh cửa Phật tánh, tiến vào đạo Niết bàn.

Còn trong kinh Thập Luân nói: "Hoặc có người hỏng giới mà kiến không hủy hoại thì ở trong Thánh đạo có thể đảm nhận được pháp khí". Bốn câu phân biệt rõ ràng, suy nghĩ ý nghĩa có thể biết rõ. Do đó trong kinh Niết bàn nói: "Đối với Thừa mà trì hoãn thì mới gọi là trì hoãn, đối với Giới mà trì hoãn thì không gọi là trì hoãn." Cũng có bốn câu phân biệt rõ ràng có thể biết.

Còn trong kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử nói: "Đức Phật giảng giải cho con trai của Trưởng giả Biện ý, cần phải có năm việc làm sẽ được sanh lên cõi trời, mà dùng kệ tụng rằng:

Không sát sinh cảm được sống lâu,
Không có bệnh tật thường giải thoát,
Tất cả được địa vị cõi trời,
Thân yên ổn rạng rỡ vô cùng.
Không trộm cắp thường được giàu có,
Tiền của châu báu đều tự nhiên,

Bảy báu làm cung đện rực rỡ,
Tâm vui vẻ luôn luôn tốt lành.
Nam và nữ đều không tà dâm,
Thân thể sáng ngời luôn sạch sẽ,
Sanh ra thường đứng đắn trang nghiêm,
Đức hạnh tự nhiên thật rõ ràng.
Không lừa dối giọng nói sang sảng,
Lời nói thường thông minh nhanh nhạy,
Bàn luận không bao giờ nói lắp,
Nói ra được mọi người tôn trọng.
Rượu thịt không đưa vào trong miệng,
Không có ý sai lầm tán loạn,
Nếu đang ở nơi đã sinh ra,
Trời người thường tôn trọng giữ gìn.
Nếu sau khi thọ mạng chấm dứt,
Hai mươi lăm vị thần đón tiếp,
Năm phước tự nhiên quy tụ đến,
Hình bóng sáng ngời thật rực rỡ.”

Còn trong luận Đại trang nghiêm nói: “Xưa có gia đình Chiên Đà Lợi sanh được bảy người con trai, sáu người anh đều đạt được quả vị Tu đà hoàn, chỉ riêng người em út vẫn ở địa vị phàm phu. Người mẹ thuộc tầng lớp Chiên Đà Lợi, chính mình đạt được quả vị A-na-hàm. Anh em gồm bảy người đều giữ năm giới, nước ấy theo lệ thông thường thì tầng lớp Chiên Đà Lợi sẽ làm công việc giết người, trai gái trong nước phạm tội giết hại-trộm cắp-tà dâm và những tội nặng khác, đều sai tầng lớp Chiên Đà Lợi giết chết người phạm tội. Lúc ấy Quốc Vương cho gọi người anh cả nhà ấy nói rằng: Có kẻ phải chết, ông hãy đi giết chết kẻ ấy. Người anh cả xin phép tự trình bày: Chỉ mong rộng lòng tha thứ, tôi thọ năm giới giữ thân cẩn thận, thậm chí sâu kiến cũng không dám giết hại, không thể nào làm điều sai trái, thà tự giết chết mình chứ không dám phạm giới. Lúc ấy nhà vua nổi giận truyền lệnh đem đến chợ chém đầu. Lại thưa với nhà vua rằng: Thân là dân của nhà vua, tâm là tâm của tôi, tùy ý nhà vua muốn giết, nhưng giết chết tâm tôi thì không được, kính cẩn nghe theo mạng lệnh của nhà vua lập tức khiến cho bêu đầu. Sau đó cho gọi những người em, cả năm người đều nói: Thọ giới không dám làm việc giết hại. Nhà vua giận dữ vô cùng, sai giết chết cả năm người. Tiếp đến lại cho gọi người em út, hai mẹ con cùng đến. Nhà vua thấy người mẹ đến lại giận gấp bội, hỏi rằng: Trước đây giết

sáu người con mà mẹ không đưa đi, nay cho gọi người con út, tại sao lại đến? Người mẹ nói: Mong lắng nghe đôi lời để tự mình nói rõ lý lẽ, sáu người con trước đây đều đạt được đạo quả Tu đà hoàn, cho dù Đại Vương làm cho thân sáu người đó nát vụn như cát bụi nhưng hoàn toàn không dấy lên ác niệm bằng một mảy lông, nay người con út này còn ở địa vị phàm phu, thân tuy tu thiện nhưng chưa đạt được đạo pháp, đã chưa đạt được Thánh đạo thì có lẽ có thể thất ý, sợ mạng lệnh của nhà vua, tiếc mạng sống của mình, phá hỏng giới làm việc giết người, đến lúc thân mạng chấm dứt vào trong Đại địa ngục, vì nghĩ thương cho con mà phải đưa đến đây. Nhà vua lại hỏi người mẹ: Sáu người con chết trước đây đều đạt được quả Tu đà hoàn chăng? Đáp rằng: Tất cả đều đắc đạo. Nhà vua lại hỏi người mẹ: bà mẹ đạt được đạo quả gì? Đáp rằng: Đạt được đạo quả A-na-hàm. Nhà vua nghe lời nói này tự nhiên ngã nhào xuống đất than thở tự trách mình, mình gây ra nguồn gốc của tội lỗi, vì vậy không được yên ổn. Ngay sau đó tự mình sắp xếp đầy đủ hương hoa-củi lửa, mang 6 thi thể mà hỏa thiêu, xây dựng 6 tòa tháp để cho mọi người cúng dường cung kính. Nhà vua tự mình mỗi ngày sám hối ba lần, lại xuất tiền bạc đồ vật cung cấp cho bà mẹ của sáu người, còn đến ngày trai luôn luôn sám hối, cầu mong tội lỗi được giảm bớt tránh khỏi chốn địa ngục khổ đau."

Do đó trong kinh Niết bàn nói: "Đạt được quả vị Tu đà hoàn tuy sanh vào đất nước xấu ác, nhưng nhờ vào đạo lực cho nên vẫn trì giới vốn có không gây ra những lỗi lầm như giết hại-trộm cắp-tà dâm-nói dối-uống rượu."

Còn trong kinh Tạp Bảo tạng nói: "Xưa có Tôn giả chứng quả A La Hán tên là Kì Dạ Đa, lúc Đức Phật diệt độ, sau 700 năm, sanh vào nước Kế Tân. Lúc ấy ở nước Kế tân có một con rồng hung dữ, tên gọi A Lợi Na, gây ra nhiều tai hại. Lúc ấy có hai ngàn La Hán, tất cả dùng hết thần lực, xua đuổi con rồng này, khiến ra khỏi biên giới quốc gia. Trong đó có một trăm La Hán, dùng thần thông lay động mặt đất; lại có năm trăm người phóng ra ánh sáng rộng lớn; lại có năm trăm người nhập thiền định kinh hành, mọi người đều dùng hết thần lực của mình nhưng không thể nào làm cho con rồng nhúc nhích. Lúc ấy Kì Dâ-đa, cuối cùng đi đến nơi hồ nước con rồng trú ngụ, bật ngón tay ba lần và nói: Này rồng, nay ông hãy đi nơi khác, không được cư trú nơi này. Con rồng lập tức đi nơi khác chứ không dám ở lại. Lúc bấy giờ hai ngàn La Hán nói với Tôn giả rằng: Chúng tôi và Tôn giả, đều đạt được Pháp thân giải thoát lậu tận, tất cả đều bình đẳng, nhưng mà chúng tôi đều

dùng hết thần lực của mình vẫn không thể nào làm cho nhúc nhích, vì sao Tôn giả bật ngón tay ba lần mà khiến cho con rồng rời xa vào trong biển rộng như vậy? Lúc ấy Tôn giả trả lời rằng: Tôi từ lúc còn là phàm phu cho đến bây giờ thọ trì cấm giới, cho dù Đột cát la nhưng tâm hộ trì bình đẳng, giống như bốn giới trọng không có khác gì; còn mọi người bây giờ, sở dĩ không thể nào lay chuyển được con rồng này, là vì thần lực không như nhau cho nên không có năng lực lay chuyển."

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Lúc ấy có Tỳ kheo khất thực trì giới thanh tịnh, có một đệt ử còn là Sa di, hộ trì cấm giới cho dù mất mạng cũng không phạm. Có một Ưu bà tắc, thường xuyên thỉnh vị thầy đó, hằng ngày khỏi phải lo thức ăn, cứ đến nơi cúng dường. Lúc ấy cả nhà Ưu bà tắc cùng đến nơi khác thăm viếng họ hàng, chỉ để lại một cô con gái giữ nhà, quên không đưa thức ăn đến. Lúc bấy giờ Tôn giả sợ rằng giờ ăn hằng ngày sẽ muộn, liền bảo với Sa di: Con đi đến nhà ấy lấy thức ăn. Sa di khéo léo giữ gìn oai nghi đến nhà ấy gõ cửa, cô con gái hỏi là ai? Đáp rằng: Sa di đến lấy thức ăn cho thầy, cô gái trong lòng hoan hỷ nghĩ rằng nguyện ước của mình thỏa mãn rồi, liền đi ra mở cửa. Cô gái này đoan chánh, dung mạo xinh đẹp vô cùng, tuổi mới 16, ngọn lửa dâm dục bốc cao, ở trước mặt Sa di làm ra những điệu bộ lẳng lơ, đưa mày liếc mắt ngắm bóng soi hình, hiện rõ tướng trạng của sự nhiễm dục. Sa di thấy rồi nghĩ rằng: Cô gái này là có bệnh co giật-bệnh mất trí chăng, hay là cô gái này đang bị phiền não vô dục chi phối muốn quấy nhiễm làm hỏng giới hạnh thanh tịnh của mình chăng? Nghĩ vậy rồi kiên quyết giữ gìn oai nghi sắc mặt không thay đổi. Lúc ấy cô gái liền rạp lạy sát đất, bày tỏ với Sa di rằng: Em thường nguyện ước nay đã đến lúc, em luôn luôn hướng về chàng mong có sự trình bày, nhưng chưa gặp được dịp thuận tiện yên ổn, nghĩ rằng chàng đối với em cũng thường có ý, nên bằng lòng với em, en ở trong nhà này có nhiều châu báu ngọc ngà, giống như kho báu cung trời Tỳ Sa Môn, nhưng mà không có chủ, chàng hãy đồng ý làm chủ ngôi nhà này, em làm đầy tớ cung cấp cho chàng sai khiến, nhất định đừng xa cách em, cho em thỏa mãn ước nguyện!

Trong lòng Sa di nghĩ rằng: Mình có tội lỗi gì mà gặp phải duyên ác như vậy, nay mình thà xả bỏ thân mạng chứ không thể nào phá hủy giới cấm. Lại tiếp tục tư duy: Nếu như mình trốn chạy đột ngột thì cô gái với tâm tràn trề dục vọng sẽ vất bỏ sự hổ thẹn, chạy ra ngoài lôi kéo và phỉ báng mình, người đi đường trông thấy sẽ không khỏi điều ô nhục xấu xa, nay mình nên xả bỏ mạng sống ở tại nơi này. Lúc ấy tìm cách

thuận tiện nói với cô gái rằng: Đóng chặt cửa ngõ, tôi vào một phòng làm những điều cần thiết. Cô gái liền đóng cửa. Sa di đi vào phòng, đóng chặt cửa ra vào, nhặt được một con dao nhỏ, tâm rất hoan hỷ, cởi y phục trên thân đặt trên giá, chấp tay quỳ hướng về nơi Đức Phật Niết bàn, tự lập thệ nguyện: Nay con không rời bỏ Phật-Pháp-tăng, không rời bỏ Hòa thượng A xà lê, cũng không rời bỏ giới hạnh, mà chính là trì giới phải xả bỏ thân mạng này, nguyện sanh đến nơi nào cũng được xuất gia học đạo, tu phạm hạnh thanh tịnh trừ hết phiền não thành tựu đạo quả. Liền dùng dao cắt cổ mà chết, máu chảy lai láng trên thân.

Lúc ấy cô gái cảm thấy quái lạ bèn chầm chậm đi đến cửa xem thử, thấy cửa không mở, gọi không có tiếng đáp lại, mới tìm cách mở cửa, thấy Sa di đã chết nên mất đi vẻ mặt ban đầu, tâm dục vọng liền ngừng lại, xấu hổ buồn phiền vô cùng, tự vò đầu bứt tóc cào rách mặt mày, quần quại giữa bụi đất, gào khóc đau xót tuôn trào dòng lệ, mê man bất tỉnh. Người cha đúng lúc ấy trở về gõ cửa gọi con gái, cô con gái im lặng không trả lời. Người cha cảm thấy quái lạ vì sự yên lặng ấy, sai người phá cửa. Cửa mở nhìn thấy con gái như vậy, liền hỏi con gái rằng: Con vì sao như vậy? Cô gái im lặng không trả lời, tâm tự tư duy: Nếu mình trả lời thật thì rất đáng hổ thẹn; nếu nói Sa di làm nhục mình, thì phỉ báng người lương thiện phải đọa vào địa ngục, nhận chịu tội báo vô cùng tận, không nên lừa dối mới đúng. Liền lấy sự thật mà trả lời, kể lại đầy đủ nguyên cớ trước đó. Người cha nghe con gái nói, tâm không có gì kinh sợ, liền bảo với con gái rằng: tất cả các pháp đều là vô thường, con đừng lo sợ. Ngay sau đó đi vào trong phòng thấy thi thể Sa di, máu đều nhuộm đỏ giống như cây chiên đàn, liền đến phía trước làm lễ ca ngợi rằng: Lành thay người hộ trì giới pháp của Phật mà có thể xả bỏ thân mạng! Chuyển thi thể Sa di đến nơi bằng phẳng, gom các loại gỗ thơm để làm lễ hỏa táng cúng dường. Người cha lập tức thỉnh vị thầy nói về pháp vi diệu cho tất cả đại chúng biết, tất cả mọi người thấy nghe đều phát tâm bồ đề."

Phần thứ ba: **TAM QUY**

Phần này có 6 mục: Thuật ý, Công năng, Thần vệ, Quy ý, Thọ pháp, Đắc thất.

Thứ nhất: **Thuật Ý**

Tam bảo ứng hóa tùy theo căn cơ mà cảm lợi ích, một âm diễn thuyết tùy loại có thể hiểu biết giống nhau. Vì vậy trong Luận nói: "Quy y Phật, đó gọi là năm phần Pháp thân của Nhất thiết trí. Quy y Pháp,

đó gọi là Niết bàn Diệt đế. Quy y Tăng, đó gọi là nơi không còn thân tự tha-công đức-học-vô học của các bậc Thánh Hiền. Tức là nơi phiền não phân biệt tự-tha diệt hết không còn gì, cho nên nói nơi cuối cùng không còn.” Do đó trong kinh Bát Nhã nói: “Tất cả Thánh nhân đều lấy pháp vô vi mà có được tên gọi”. Vô vi tức là nhân khác của vô lậu. Bởi vì Tam bảo này thường trú ở thế gian, không bị pháp thế gian làm cho từ từ suy thoái, vì vậy gọi là bảo. Như giữa thế gian thì châu báu được chúng sinh coi trọng, nay Tam bảo này làm nơi quay về nương tựa của bảy chúng ba Thừa và các chúng sanh, cho nên gọi là Tam Quy.

***Thứ hai*: Công Năng**

Như kinh Hy Hữu Giảo Lượng Công Đức nói: “Lúc bấy giờ Trưởng lão A-nan hướng vè Đức Phật mà thưa lời này: Nếu có người thiện nam-người thiện nữ, có thể nói như vậy, nay con quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng. Học có được bao nhiêu công đức, con thật sự chưa hiểu, chỉ nguyện Như Lai diễn thuyết phân biệt, khiến cho các chúng sanh có được sự thấy biết chính đáng!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với A-nan rằng: Hãy lắng nghe kỹ càng và cố gắng suy nghĩ điều đó, Ta sẽ giải thích phân biệt rõ ràng cho ông. Giả sử người Tu đà hoàn đầy khắp cõi Diêm Phù Đề, ở đó có người thiện nam-người thiện nữ suốt một trăm năm, mang tất cả các loại vui sướng vốn có ở thế gian đều cung cấp giúp đỡ, lại dủng bốn sự cúng dường đầy đủ, cho đến sau khi diệt độ, thâu nhận xá lợi của họ xây tháo bảy báu, cúng dường như trước, ý ông nghĩ thế nào, được phước nhiều hay không? A-nan thưa với Đức Phật: Rất nhiều, thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật bảo rằng: Không bằng người thiện nam-người thiện nữ dùng tâm thanh tịnh thuần phác phát ra lời nói như vậy: Nay con quy y Phật-Pháp-tăng. Công đức họ cảm được, đối với phước đức của người cúng dường kia, trăm phần không bằng một, ngàn phần vạn phần thậm chí toán số thí dụ cũng không nào sánh bằng phước đức của người quy y. Đức Phật bảo với A-nan: Giả sử người Tư đà hàm đầy khắp cõi Tây Cù Đà Ni, suốt hai trăm năm cúng dường như trước, cũng không thể nào sánh kịp. Giả sử người A-na-hàm đầy khắp cõi Đông Phất Bà Đề, suốt ba trăm năm cúng dường như trươc, cũng không thể nào sánh kịp. Giả sử các bậc A La Hán đầy khắp cõi Uất Đan Việt ở Bắc phương, suốt bốn trăm năm cúng dường như trước, cũng không thể nào sánh kịp. Giả sử các bậc Bích chi Phật đầy khắp bốn thế giới, suốt mười ngàn năm cúng dường như trước, cũng không thể nào sánh kịp. Giả sử chư Phật Như Lai khắp tam thiên Đại thiên thế giới, nếu có người thiện nam-người thiên

nữ, trong hai vạn năm cúng dường như trước, tuy có được phước đức vô lượng vô biên không thể tính đếm, mà hãy còn không bằng có người dùng tâm thanh tịnh chân thành phát ra lời nói như vậy. Nay con quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng. Công đức họ cảm được, hơn hẳn người trước trăm lần-ngàn lần-vạn lần không thể tính kể được, ngôn từ thí dụ tương tự không thể nào biết được số đó.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với A-nan: Nếu có người có thể quy y Phật rồi-quy y Pháp rồi-quy y Tăng rồi, thậm chí trong khoảng thời gian bật ngón tay có thể tiếp nhận mười thiện, tiếp nhận rồi tu hành. Nhờ vào nhân duyên này mà cảm được công đức vô lượng vô biên. Nếu lại có người có thể một ngày một đêm tiếp nhận 8 trai giới rồi, như thuyết tu hành, đã cảm được công đức hơn hẳn phước đức của người trước ngàn lần-vạn lần-trăm ngàn vạn lần, thậm chí toán số thí dụ cũng không thể nào tính được. Nếu có thể thọ trì năm giới, suốt cuộc đời mình, như thuyết tu hành, công đức đã cảm được hơn hẳn phước đức của người trước trăm lần-ngàn lần-vạn lânức lần, không phải toán số thí dụ mà có thể biết được. Nếu lại có người thọ Sa di giới-Sa di Ni giới, thì lại hơn hẳn so với trước. Nếu lại có người thọ Thức xoa ma na giới, thì lại hơn hẳn so với trước. Nếu lại có người thọ Đại giới Tỳ kheo Ni, thì lại hơn hẳn so với trước. Nếu lại có người suốt cuộc đời thọ Đại giới Tỳ kheo, tu hành không thiếu sót, thì lại hơn hẳn so với trước.

A-nan nghe giải thích về 3 nơi quy y cho đến suốt đời đạt được công đức vĩ đại, ca ngợi là chưa từng có, kinh này vi diệu không thể nghĩ bàn, nghĩa rõ ràng rất sâu xa, công đức to lớn, khó có thể suy nghĩ so sánh. Vì vậy Đức Phật dạy: Gọi là kinh Hy Hữu Hy Hữu, ông nên tôn trọng giữ gìn."

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: "nếu người thọ ba pháp tự quy, thì đã cảm được quả báo không thể cùng tận, như bốn kho báu to lớn nhân dân cả nước trong bảy năm ròng vận chuyển ra không hết, người thọ ba quy y thì phước thiện ấy hơn hẳn điều đó, không thể kể xiết."

Lại trong kinh Giảo Lượng Công Đức nói: "trong bốn đại châu đầy người hcứng quả Nhị thừa, có người suốt đời cúng dường cho đến xây tháp, không bằng người nam-người nữ phát ra lời nói như vậy: Con tên là... quy y Phật-Pháp-tăng. Công đức họ cảm được, không thể nghĩ bàn, bởi vì trong mọi phước đức chỉ có Tam bảo là hơn hẳn. Nếu dấy lên hủy báng thì nhận chịu vô biên tội lỗi. Bởi vì thiện ác theo quy luật như nhau, Kì Vực và Điều Đạt cùng làm thân Phật chảy máu, do tâm thiện ác, làm cho thọ mạng đời kiếp giống nhau, mà khổ vui có khác biệt."

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: "Cùng với Tu Đạt khiến thọ ba quy y cuối cùng sanh lên cõi trời. Có người mang thai vì con trong bào thai, thọ ba pháp tự quy, con sinh ra về sau có sự thấy biết chính đáng, lại dạy ba quy y. giả sử có nô tỳ ở nhà người ta mang thai sinh con, cũng fạy như vậy. Nếu mua nô tỳ có thể thọ ba quy y cùng với năm giới, sau đó mua người đó, chứ không thể không mua. Thậm ch1i xin vay, đưa ra nhưng dừng lại mà yêu cầu thọ ba quy y, sau đó hãy đưa cho họ. Nếu có người bố thí vật của Tam bảo, từ Thế Tôn nghe xưng danh chú nguyện là được sanh lên cõi trời. Đức Phật dạy: Lành thay! Như Lai có tri kiến Vô thượng, biết đích xác phương tiện đều được sanh lên cõi trời, cho nên biết công lực của ba quy y là to lớn nhất, không thể nào không thọ."

Còn trong kinh Pháp cú Dụ nói: "Xưa kia Thiên Đế Thích đến lúc năm đức rời xa thân xuất hiện, tự biết mạng sống chấm dứt sẽ sanh xuống thế gian nhận chịu thai loài lừa ở nhà người thợ làm gốm, tự biết phước mình không còn cho nên vô cùng ưu sầu, tự nghĩ rằng người cứu giúp tai ách khổ đau trong ba cõi, chỉ có Đức Phật mà thôi. Ngay sau đó chạy nhanh đến chổ Phật, rập đầu làm lễ, nằm sát đất chí tâm thọ ba pháp tự quy mạng Phật-Pháp-Thánh chúng. Trong lú chưa đứng dạy thì thần thức bỗn nhiên thoát ra, liền đến nhà người thợ gốm làm con trong bụng lừa mẹ. Lúc ấy con lừa tự nhiên tuột dây buộc, chạy giữa phôi gốm chưa nung, phá hỏng đồ vật đang chờ nung. Người chủ nổi giận đánh con lừa, lập tức làm tổn hại đến bào thai, thần thức ấy liền trở về vào trong thân cũ, năm đức trở lại đầy đủ tiếp tục làm Thiên Đế. Đức Phật rời khỏi Tam muội, khen ngợi rằng: Lành thay Thiên Đế, có thể ở trong lúc mất mạng mà quy mạng 3 ngôi tôn quý, đau khổ đối diện đã hết không còn trải qua chịu khó chịu khổ nữa. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng kệ khen ngợi rằng:

Các hành đều vô thường,
Gọi là pháp hưng-suy,
Có sinh thì có chết,
Diệt này là vui.
Ví như người thợ gốm,
Nhào đất làm đồ vật
Tất cả cần phải hoại,
Mạng người cũng như vậy.

Đế Thích nghe bài kệ, biết sự quan trọng của vô thường, thông suốt sự biến đổi của tội phước, hiểu rõ gốc rễ của hưng suy, tôn trọng

công hạnh của tịch diệt, hoan hỷ vâng mạng tiếp nhận đạt được đạo quả Tu đà hoàn."

Còn trong kinh Tăng Hộ nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Tỳ kheo Tăng Hộ: Ông ở trong biển đã thấy Long Vương, nhờ vào sự nghe pháp, tuy nhận chịu thân loài rồng, nhưng sau khi mạng chung sanh lên cõi trời Đâu Suất, mạng giữa cõi trời kết thúc được thọ thân người, đến lúc Di Lặc xuất thế làm Đại trưởng giả, tiền bạc của cải rất nhiều, là một Đại đàn việt, cúng đường công đức như vậy, huống hồ đệ tử của Ta xuất gia như pháp, ngồi thiền tụng kinh đầy đủ ba nghiệp, chắc chắn chứng đến Niết bàn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, không hỏi mà tự giải thích rằng:

Người quy y Đức Phật,
Cảm được nhiều tốt lành,
Trong tâm suốt ngày đêm,
Nhớ Phật không rời xa.
Người quy y Chánh Pháp,
Cảm được nhiều tốt lành,
Trung tâm suốt ngày đêm,
Nhớ Pháp không rời xa.
Người quy y Tăng Già,
Cảm được nhiều tốt lành,
Trong tâm suốt ngày đêm,
Nhớ Tăng không rời xa."

Còn trong kinh Cựu tạp Thí Dụ nói: "Xưa Đức Phật Thích Ca đi đến cõi trời Đạo Lợi thứ hai thuyết kinh cho mẹ, lúc ấy có một người cõi trời thọ mạng sắp chấm dứt, có bảy sự việc ứng hiện rõ ràng: 1- Ánh sáng giữa đỉnh đầu không còn; 2- Hoa trang điểm phủ trên đầu úa tàn; 3- Sắc mặt thay đổi; 4- Trên y phục có bụi bẩn; 5- Dưới nách toát mồ hôi; 6- Thân hình gầy ốm; 7- Rời khỏi chỗ ngồi của mình. Người cõi trời liền tự tư duy: Sau khi thọ mạng chấm dứt, sẽ rời b3o cõi trời vui sướng sanh xuống trần gian làm con trong bụng heo mẹ nhận chịu ghẻ lở ở nước Câu Di Na Kiệt. Vì vật rất ưu sầu không biết cách gì tránh được tội khổ này? Có người cõ trời cho biết rằng: Nay Đức Phật ở đây thuyết kinh cho mẹ, Đức Phật là bậc cứu thoát tất cả chúng sanh ba đời, chỉ có Đức Phật có năng lực diệt trừ tội nặng của ông, sao không đến quy y? Người cõi trời sắp chấm dứt thọ mạng lập tức đi đến nơi Đức Phật cúi rập đầu làm lễ, chưa kịp thưa hỏi, Đức Phật đã bảo với người cõi trời rằng: Tất cả mọi vật đều quy về vô thường, ông xưa nay

đã biết điều đó, tại sao phải ưu sầu? Người cõi trời thưa với Đức Phật rằng: thưa Đức Thế Tôn! Tuy con biết phước cõi trời không thể còn mãi được, nhưng tiếc là xa rời này sẽ làm con trong bụng heo mẹ; vì đây là điều ác hiểm, chứ thọ thân loài người thì không có gì là sợ hãi. Đức Phật dạy: Muốn thoát khỏi thân loài heo thì nên thuận theo ba pháp tự quy, nói rằng: Nam mô Phật-nam mô Pháp-Nam mô Tỳ kheo tăng, quy mạng phật-quy mạng Pháp-quy mạng -Tỳ kheo tăng; mỗi ngày ba lần như vậy. Người cõi trời nghe theo lời Đức Phật dạy, sớm khuya chí tâm tự quy y, sau đó bảy ngày thọ mạng cõi trời chấm dứt, thần thức đi đến nước Duy Da Ly làm con của Trưởng giả, ở trong bào thai của mẹ, mỗi ngày ba lần tự quy y. Lúc mới sanh ra, cũng quỳ xuống tự quy y. Người mẹ sinh đẻ mà thân lại không có vấy bẩn gì, người hầu hạ bên cạnh mẹ sợ hãi mà bỏ chạy, mẹ cũng hết sức cảm thấy quái lạ vì trẻ mới sanh ra đã nói được, cho là tà ma mê hoặc, ý muốn giết chết đứa trẻ. Sau đó tự nghĩ rằng: Mình không có con trai nối dõi, nếu giết chết đứa trẻ này thì cha nó nhất định phải làm cho mình đau khổ. Liền trình bày đầy đủ lý do ấy với Trưởng giả. Cha đứa trẻ nói: Đừng, đừng làm vậy, đứa trẻ này không phải là người phàm tục, người sống trăm tuổi hãy còn không biết quy y, huống hồ trẻ thơ mới sanh ra mà có thể tự mình xưng niệm Đức Phật, hãy nuôi nấng chăm sóc thật tốt, không được khinh mạn tùy tiện. Đức trẻ dần lớn lên, 7 tuổi cùng với bạn bè ngang tuổi chời đùa ở bên đường, lúc ấy các đệ tử Đức Phật là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đúng lúc đi bên cạnh đứa bé, đứa bé nói: Con chào Hòa thượng. Đứa trẻ nói: Đạo nhân không biết con chăng, Đức Phật ở trên cõi trời thuyết kinh cho mẹ, lúc ấy con là người cõi trời sẽ xuống trần gian làm heo, nghe theo lời Đức Phật dạy bảo thọ pháp tự quy y được làm người, Ngài lẽ nào không biết hay sao? Xá-lợi-phất liền nhập thiền định cũng tìm biết được, liền chú nguyện cho đứa bé. Gia đình đứa bé đó thỉnh Phật và Tăng cúng dường xong, Đức Phật thuyết pháp cho nghe, cha mẹ và bà con nội ngoại của đứa bé lập tức đều đạt đến phần vị A duy việt trí, chính là nhờ phước thiện tự quy y.”

Thứ ba: **Thần Vệ** (thần bảo vệ).

Dựa theo kinh Thất Phật nói: Người thọ ba quy y có chín thiện thần bảo vệ cho người thực hành. Chín thiện thần là vị nào?

Quy y Phật có 3 thiện thần: 1- Tên là Đà Ma Tư Na; 2- Tên là Đà Ma Bà La Na; 3- Tên là Đà Ma Lưu Chi. Quy y Pháp có 3 thiện thần: 1- Tên là Pháp bảo; 2- Tên là Ha Trách; 3- Tên là Biện Ý. Quy y Tăng có 3 thiện thần: 1- Tên là Tăng Bảo; 2- Tên là Hộ Chúng; 3- Tên là An

Ẩn.”

Còn dựa theo kinh Quán Đảnh nói: “Đức Phật ở tại nước Xá Vệ thuyết pháp cho đại chúng, vào lúc ấy có một ngoại đạo là Phạm Chí Lộc Đầu, đi đến nơi Đức Phật cúi rập đầu làm lễ, quỳ xuống chấp tay thưa với Đức Phật rằng: Nghe Đấng Cù Đàm đã lâu, danh tiếng truyền tụng khắp nơi, nay muốn từ bỏ pháp học của ngoại đạo mà thọ ba pháp tự quy y và năm giới pháp. Đức Phật dạy: Lành thay, lành thay, Phạm chí! Ông có thể từ bỏ ngoại đạo mà quy mạng với Ta, nên tự mình ăn năn hối lỗi, tội lỗi của sanh tử, trải qua vô lượng đời kiếp, không thể nào tính kể được. Phạm chí nói: Thưa vâng, thọ giáo lập tức thanh tịnh thân khẩu ý. Lại phát ra lời nói như vậy: Chỉ nguyện Đức Thế Tôn bảo với Phạm Chí: Ông có thể nhất tâm trải qua ba pháp tự quy y rồi, Ta sẽ vì ông và mọi người khắp mười phương, khuyên nhủ Thiên đế Thích sai phái các quỷ thần, để bảo vệ người nam-người nữ thọ ba pháp quy y. phạm chí nhân đó thưa hỏi Đức Phật rằng: Những vị đó là quỷ thần nào vậy? Con mong muốn được nghe, và mở mang làm thay đổi những người thọ pháp quy y khắp mười phương. Đức Phật dạy: Thiên thần Quán Đảnh như vậy, nay Ta sẽ vì ông nói sơ lược về 36 bộ Thần Vương.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Bất-la-bà (Hán nói là Thiện Quang) chịu trách nhiệm về tật bệnh.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần tên gọi Di-lật-đầu bà-ha-sa (Hán nói là Thiện Minh) chịu trách nhiệm về đau đầu.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Sa-la-ba (Hán nói là Thiện Lực) chịu trách nhiệm về lạnh-nóng.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Chiên-đà-la (Hán nói là Thiện Nguyệt), chịu trách nhiệm về đầy bụng.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Đà-lợi-xa (Hán nói là Thiện Hiện) chịu trách nhiệm về ung nhọt-phù thủng.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Ha-lâu-ha (Hán nói là Thiện Cung) chịu trách nhiệm về điên cuồng.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Già-sa-đế (Hán nói là Thiện Xả) chịu trách nhiệm về ngu si.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Chí-ni-đa (Hán nói là Thiện Tịch) chịu trách nhiệm về sân giận.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Đêbà-tát (Hán nói là Thiện Giác) chịu trách nhiệm về dâm dục.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Đề-ba-la

(Hán nói là Thiện Thiên) chịu trách nhiệm về tà ma quỷ quái.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu ha-bà-đế (Hán nói là Thiện trú) chịu trách nhiệm về thương vong.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Bất-nhã-la (Hán nói là Thiện Phước) chịu trách nhiệm về phần mộ.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu tất-xà-già (Hán nói là Thiện Thuật) chịu trách nhiệm về bốn phương.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Già-lệ-bà (Hán nói là Thiện Đế) chịu trách nhiệm về oan gia thù hận.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu La-xà-giá (Hán nói là Thiện Vương) chịu trách nhiệm là trộm cắp.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Tu-càn-đà (Hán nói là Thiện Hương) chịu trách nhiệm về người cho vay.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Đàn-na-ba (Hán nói là Thiện Thí) chịu trách nhiệm về giặc cướp.

Tứ Thiên Thượngsai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Chi-đa-na (Hán nói là Thiện Ý) chịu trách nhiệm về bệnh dịch ác hiểm.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu la-bà-na (Hán nói là Thiện Cát) chịu trách nhiệm về năm loại bệnh truyền nhiễm.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Tam-hát-ma-da (Hán nói là Thiện San) chịu trách nhiệm về sâu bọ ăn xác chết.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Tam-ma-đà (Hán nói là Thiện Điều) chịu trách nhiệm về chú ý gắn bó với nhau.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Lệ-đế-đà (Hán nói là Thiện Bị) chịu trách nhiệm về chú ý khôi phục.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Ba-lợi-đà (Hán nói là Thiện Phóng) chịu trách nhiệm về dẫn lối cho nhau.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Ba-lợi-na(Hán nói là Thiện Tịnh) chịu trách nhiệm về đồng bọn hung ác.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Kiền-già-địa (Hán nói là Thiện Phẩm) chịu trách nhiệm về các loài sâu độc.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Tỳ-lê-đà (Hán nói là Thiện kết) chịu trách nhiệm về sự dợ hãi.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Chi-đầu-na (Hán nói là Thiện Thọ) chịu trách nhiệm về tai nạn nguy hiểm.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Già-lâm-ma (Hán nói là Thiện Du) chịu trách nhiệm về sinh sán.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu A-lưu-già

(Hán nói là Thiện Nguyện) chịu trách nhiệm về quan quyền.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Xá-lợi-đà (Hán nói là Thiện Nhân) chịu trách nhiệm về lời nói tranh luận.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu A-già-đà (Hán nói là Thiện Chiếu) chịu trách nhiệm về lo âu sầu muộn.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu A-ha-sa (Hán nói là Thiện Sanh) chịu trách nhiệm về những điều không yên ổn.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Bà-hòa-la (Hán nói là Thiện Chí) chịu trách nhiệm về những điều kỳ quái.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Ba-lợi-la (Hán nói là Thiện Chí) chịu trách nhiệm về những điều kỳ quái.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Ba-lợi-na (Hán nói là Thiện Tạng) chịu trách nhiệm về ganh ghét.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Chu-đà-na (Hán nói là Thiện Âm) chịu trách nhiệm về sự nguyền rủa.

Tứ Thiên Thượng sai phái vị thần, tên gọi Di-lật-đầu Vi-đà-la (Hán nói là Thiện Diệu) chịu trách nhiệm về sự thỏa mãn mong cầu.

Đức Phật bảo với Phạm Chí: Đây là Thần Vương của 36 bộ quỷ thần, những thiện thần này gồm có vạn ức hằng sa quỷ thần để làm quyến thuộc, âm thầm thay đổi phạm vi cho nhau, để bảo vệ những thế hệ người nam-người nữ thọ pháp ba quy y. Nên viết tên gọi của Thần Vương mang vào trên thân, đi lại ra vào không có gì sợ hãi, loại trừ tà ma xấu ác, tiêu diệt mọi điều bất thiện. Phạm Chí nói: Thưa vâng, Đấng cao quý nhất trong mọi điều cao quý (bậc Thiên Trung Thiên)."

Thứ tư: **Quy Y** (ý nghĩa quy y).

Như kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Trưởng giả Thiện Sanh nói: Như Đức Phật giải thích trước đây, có người đến cần xin, nên trước hết dạy cho thọ ba quy y, sau đó mới giúp cho là thế nào? Thế nào gọi là ba quy y? Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Bởi vì san bằng những đau khổ, đoạn trừ các phiền não, thọ nhận niềm vui tịch diệt Vô thượng. Vì nhân duyên này mà thọ ba quy y. như ông đã hỏi, thế nào là ba quy y, đó có nghĩa là Phật-Pháp-Tăng. Phật là bậc có năng lực thuyết giảng về nhân hủy diệt phiền não mà được giải thoát thực sự. Pháp chính là cách hủy diệt nhân của phiền não mà giải thoát chân thật. Tăng là người vâng theo phương pháp tiếp nhận phá tan nhân của phiền não mà được giải thoát đích thực. Hoặc có người giải thích rằng: Nếu như vậy thì chính là một quy y. ngiã này không đúng, tại vì sao? Bởi vì Như Lai xuất thế và không xuất thế, Chánh pháp thường có mà không hề phân biệt, Như Lai

xuất thế rồi thì có phân biệt, vì vậy cần phải quy y Phật riêng biệt. Như Lai xuất thế và không xuất thế, Chánh pháp thường có nhưng không có người thọ trì, Như Lai xuất thế rồi thì có người thọ trì, vì vậy cần phải quy y Pháp riêng biệt. Như Lai xuất thế và không xuất thế, Chánh pháp thường có mà không có người thọ nhận, Như Lai xuất thế rồi thì có người thọ nhận, chúng đệ tử của Đức Phật có thể vâng lời thọ nhận, ví vậy cần phải quy y Tăng riêng biệt. Chánh đạo giải thoát, đó gọi là Pháp. Không có thầy chỉ tự mình giác ngộ, đó gọi là Phật. Có năng lực tiếng nhận đúng như pháp, đó gọi là Tăng. Nếu không có ba quy y, thì tại sao nói có bốn niềm tin bất hoại?"

Còn trong luận Tát Bà Đa: "Hỏi: Thế nào là quy? Thế nào là thu? Đáp rằng: Quy là phần ít của Diệt đế, thú là lời nói của miệng. Lại có nơi giải thích: Thú chính là tâm có thể phát khởi qua lời nói của miệng. Lại có nơi giải thích: Tin pháp này thích hợp đó gọi là thú. Hỏi: Quy ấy là quy y Sắc thân, hay là quy y Pháp thân vậy? Đáp: Quy y Pháp thân. Hỏi: Nếu như vậy tại sao hủy hoại Sắc thân lại phạm vào nghịch tội? Đáp: Sắc thân là bộ máy của Pháp thân cho nên làm hại thì mang nghịch tội. Hỏi: Quy y Phật là chỉ quy y một vị Phật, hay là tất cả chư Phật ba đời vậy? Đáp: Chư Phật cùng một Pháp thân cho nên cần phải quy y tất cả, chứ không chỉ quy y một mình Đức Phật Thích Ca, tuy chỉ duyên vào một vị Phật làm cảnh giới, mà lúc phát ra lời nói thì theo lý cần phải quy y tất cả chư Phật; ngoài ra Pháp và tăng theo lý cũng quy y tất cả. Hỏi: Cảnh giới của Phật và Pháp thì vô lượng vô biên, tại sao chỉ nói có ba loại chứ không thêm không bớt vậy? Đáp: Nếu bỏ ba thuận theo cảnh thì cảnh phân biệt vô lượng vô biên, nếu bỏ cảnh thuận theo ba thì ba quy y thâu nhiếp tất cả, tức là bao gồm tất cả pháp giới."

Còn luận về kinh Đại trang Nghiêm nói: "Xưa tôi từng nghe, có một Tỳ kheo, thường gặp phải trộm cướp, trong một ngày nọ kiên quyết đóng chặt cửa ngõ, tên trộm lại đi đến gõ mà gọi. Tỳ kheo đáp rằng: Lúc tôi trộm thấy ông thì vô cùng kinh sợ, ông có thể đưa tay vào trong cửa sổ kia, tôi sẽ lấy đồ vật đưa cho ông. Tên trộm liền đưa tay đặt vào trong cửa sổ, Tỳ kheo lấy dây trói vào cột trụ. Tỳ kheo cầm gậy mở cửa ra đánh cho một hồi rồi nói rằng: Quy y Phật. Tên trộm vì sợ hãi cho nên lập tức nói theo là quy y Phật. Lại đánh lần thứ ba, lại nói rằng: Quy y Tăng. Tên trộm lúc ấy sợ hãi cho nên nói quy y Tăng, liền tự mình tư duy: Nay Đạo nhân này có mấy thứ quy y, nếu như có nhiều thì chắc chắn không được tha cho. Thân thể đau đớn rã rời liền cầu xin xuất gia. Có người hỏi rằng: Trước đây ông làm kẻ trộm tạo ra những việc làm

xấu xa, vì tai họa gì mà xuất gia tu đạo? Trả lời người kia rằng: Tôi cũng quan sát thấy được lợi ích của Phật pháp, sau đó xuất gia, ở ngày trước kia tôi gặp thiện tri thức, dùng gậy đánh tôi ba lần chỉ có một chút mạng sống còn lại không cắt đứt, Như Lai Thế Tôn thật sự là bậc Nhất thiết trí, nếu Ngài dạy cho đệ tử bốn pháp quy y, thì mạng sống của tôi hết đường, Đức Phật từ xa thấy được sự việc này, cho nên dạy Tỳ kheo đánh kẻ trộm ba lần, khiến cho tôi không chết, vì vậy chỉ nói ba quy y mà không nói bốn quy y."

***Thứ năm:* Thọ Pháp.**

Dựa theo luận Tỳ Ni Mẫu: "Ba quy y có năm loại: 1- Lọai bỏ tà vạy; 2- Năm giới; 3- Tám giới; 4- Mười giới; 5- Đại giới." (Năm-tám-mười giới và ba quy y trở xuống dựa theo văn thọ thì tự nhiên khác nhau. Đại giới và ba quy y, lúc Đức Phật mới độ cho người chưa y theo pháp yết ma về trước, có người thọ ba quy y thì đắc giới, có người chỉ nói Thiện lai thì đắc giới. Nay trong tôn chỉ này chỉ trình bày về tin theo tà đạo đã lâu, bây giờ bắt đầu thay đổi tâm niệm quya về với Chánh đạo, Phật dạy trước hết thọ ba quy y sau đó mới sám hối, đó gọi là ba quy y loại bỏ tà vạy. Do đó luận Trí Độ nói: "Trước hết ba quy y sau đó bắt đầu sám hối. Nếu từ lâu đã tin Phật thì không cần phải trước hết thọ quy y. nhưng dựa theo năm giới-tám giới mà thọ ba quy y, trước hết hãy sám hối, sau mới thọ ba quy y, sau đó sẽ nói về giới tướng."

Dựa theo luận Trí Độ: "Lúc chính thức sắp thọ giới cần phải tu dưỡng đầy đủ các oai nghi, đến trước mặt một người xuất gia, giới sư giảng giải cho biết về hai pháp thiện-ác, khiến cho nhận thức được tà-chánh, phát sinh vui mừng-chán bỏ, mở mang tâm tư thần thức, sau đó mới trao truyền giới pháp cho họ, nói rằng:

Con tên là... nguyện suốt đời, quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng (nói ba lần). Con tên là ... nguyện suốt đời, quy y Phật rồi-quy y Pháp rồi-quy y Tăng rồi (nói ba lần). Ba quy y thứ nhất xong thì phát sinh thiện pháp, sau đó ba lần kết lại rồi, chỉ có thân miệng chứ không có giáo thuộc về mình."

Vì vậy trong luận Tát Bà Đa nói: "Nếu tâm thiết tha chân thành thọ giới thì có đủ giáo và vô giáo. Nếu tâm khinh mạn thọ giới thì chỉ có giáo ấy, chứ không có vô giáo của mình. (Nói giáo và vô giáo, giống như là tác-vô tác giới.)"

***Thứ sáu:* Đắc Thất** (được và mất).

Như trong luật Tát-bà-đa: Hỏi: Người ta vì cầu thọ pháp quy y mà hướng về, thì người này là đạt được pháp hay không? Đáp: Hoặc

có chười đạt được, có người không đạt được, như cô gái Ca Thi bọ câm không thể nói được, người khác thọ thay thì đạt được; nếu tự mình có thể nói mà nhờ người khác thọ thay, thì không đạt được giới pháp quy y."

Còn dựa theo kinh Đại tạo nói: "Người nữ thân mang thai sợ rằng thai nhi không yên ổn, trước hết thọ ba quy y rồi thì thai nhi không có điều gì tổn hại, cho đến sau khi sanh ra thì thân tâm hoàn thiện, được thiện thần che chở giúp đỡ."

Hỏi: Chung và riêng thế nào? Đáp: Hai loại đều đạt được.

Vì vậy trong luật Thiện Kiến nói: "Thọ pháp có hai loại. Một là thọ riêng nói rằng: Con tên là ... nguyện quy y Phật, quy y Phật rồ (Pháp-tăng cũng như vậy). Hai là thọ chung, chính là thọ pháp như trước." Nếu Sư dạy nói quy y Phật, đệ tử đáp rằng: Không đúng, mà nói là thọ pháp như trước." Nếu Sư dạy nói quy y Phật, đệ tử đáp rằng: Không đúng, mà nói là quy y Phất. Nếu Sư nói là Phật, đệ tử nói là Phất thì không thể nào thành tựu. Nếu Sư và đệ tử nói không đúng, thì không thành tựu ba quy y. nếu Sư dạy nói quy y Phật, đệ tử đáp rằng: Như vậy. Hoặc nói không ra khỏi miệng, hoặc nói theo Sư không đầy đủ, lại không nói tên họ của mình, cũng không giống nhau, không hiểu được lời nói của nhau thì không thành tựu. Nếu dựa vào sự việc dạy bảo hiểu được thì có thể thành tựu. Giống như người rợ Di rất thích sát sinh, giới sư tay cầm con dao để ví như súc sanh, nói rằng: Ông từ nay trở về sau không được tiếp tục giết hại như vậy, ông có thể giữ được hay không? Người Rợ Di gật đầu đáp rằng: Được. Cũng được thành tựu sự thọ giới."

Hỏi: Trước và sau thế nào? Đáp: Như luận Tát-bà-đa nói: "Nếu đệ tử trước xưng Pháp-sau xưng Phật, thì không hiểu biết gì, không phải là ác tâm nói không theo thứ tự, thì đương nhiên không mang lỗi, mà cũng thành tựu ba quy y. Nếu trước đó có hiểu biết mà cố tình nói ngược lại thì mang lỗi, cũng không thành tựu ba quy y."

Hỏi: Đối và thú là thế nào? Đáp: Như luận tát –bà-đa nói: "Thú là tất cả năm đường đều được thọ ba quy y, trừ ra địa ngục sâu nặng, đương nhiên ngoài địa ngục ra thì ở giữa núi rừng-dưới tán cây-đồng hoang trống trải-bên bờ biển-tù ngục tội nhẹ, đều có thể quy y thành tựu, mà không có pháp thọ giới."

Còn trong luận Thành Thật: "Hỏi: Chúng sanh ở đường khác đạt được giới luật nghi hay không? Đáp: trong kinh nói những loài rồng cũng có thể thọ giới một ngày, cho nên biết là có thể có."

Còn trong luận Thiện Kiến nói: "Những hàng rồng-thần có thể

thọ ba quy y và năm giới hay không?” Đáp: Như luật Tát-ba-đa giải thích: “Các loài rồng và súc sanh vì nghiệp báo không hiểu biết gì, cho nên không thành tựu thọ giới, trừ ra trong ba kinh nói có thể thọ tám giới trai tịnh, chỉ tăng thêm thiện pháp chứ không đạt được trai tịnh.”

Còn như luật Tứ Phần nói: Rồng có thể thọ ba quy y, như ngững anh em người buôn chỉ có thể thọ ba quy y loại bỏ tà vạy chứ không có giới đó.” Tuy trong luật nói rồng-thần có thể thọ ba quy y, nhưng những loài này đều hiểu biết lời nói của con người, nhận thức được ý thú đó, mới cho phép thọ giới. Đương nhiên ngoại trừ những loài heo dê chó mèo nghêu sò ốc hến... ngu si, hoàn toàn không thể phát ý quy y.

Hỏi: Tiệm và đốn là thế nào? Đáp: Nếu dựa theo luận tát-bà-đa, thì tiệm và đốn đều không đạt được.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh và luận nói có những Ưu bà tắc một lời-hai lời? Đáp: Đây là trước khi chế định, nếu sau khi chế định thì không được.

Hỏi: Có thể thuận theo một-hai-ba người cùng thọ một quy y hay không? Đáp: Điều này không có được.

Hỏi: Có thể thọ trong thời gian một năm-hai năm hay không? Đáp: Tùy theo thọ với thời gian bao nhiêu đều được cả.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 88

Thiên thứ 87: THỌ GIỚI (Phần hai)

***Phần thứ tư:* NGŨ GIỚI**

Phần này có 6 mục tách biệt: Thuật ý, Già nạn, Thọ pháp, Giới tướng, Đắc thất, Thần vệ.

***Thứ nhất:* Thuật Ý**

Nói đến nơi thế tục hướng về, là nhân-nghĩa-lễ-tìn-trí; giúp đỡ cho hàm thức là không sát-đạo-dâm-vọng-tửu. Tuy đạo-tục khác nhau, nhưng dạy thấm tất cả. Vì vậy người phát sinh đối với Nhân thì không Sát, người tôn thờ đối với Nghĩa thì không Đạo (trộm), người cung kính đối với Lễ thì không Dâm, người vui thích đối với Tín thì không Vọng, người gương mẫu đối với trí thì không Tửu. Dựa vào đây tiếp nhận thay đổi trong thời gian ngắn, chứ không phải chính là giáo căn bản của sự tu tập; giáo căn bản của sự tu tập thì gọi là Chánh pháp, trong lời dạy bảo hoằng đạo cần phải bắt đầu từ Nhân. Nhân chính là sát-đạo-dâm-vọng-tửu. Vậy thì quyết định ở pháp chân thật, dựa vào sự việc nói thẳng. Đo đó không mượn lời nói che đậy chân tướng, không lấy danh nghĩa thể hiện ý tứ, như vậy mà tu nhân, không mong quả mà quả tự chứng, không câu vui mà vui rõ ràng. Nếu bỏ gần mà mong xa, bỏ ít mà giữ nhiều, thì không có nơi quay về. Vì vậy biết thọ trì nhân của không sát hại, thì tự chứng được quả của nhân nghĩa. Bởi lẽ biết rõ điều ấy như vậy, nay được tôn thờ giới thì giới không Sát, không mong cầu Nhân mà Nhân sáng tỏ, giữ gìn giới không Đạo, không mong mỏi Nghĩa mà Nghĩa tròn vẹn; bảo vệ giới không Dâm, không hy vọng Lễ mà Lễ tồn tại; tuân theo giới không Vọng, không ngưỡng mộ Tín mà Tín truyền xa; tiếp nhận giới bỏ Tửu, không làm việc trí mà trí rõ ràng. Thật sự như vậy, có thể nói giương lưới cầm giềng thì mọi mắt lưới hiện bày rõ ràng, thích ứng với mọi hàn cảnh mà xa lìa sự khác nghiệp, lại công vào có thể thêm vào, đức nào có thể rời bỏ? Nếu không tu thì mê muội

theo dục vọng, chỉ làm cho bản thân lo nghĩ mỏi mòn, tâm tư vất vả hơn so với mọi người, tinh thần mệt mỏi trong đêm khuya vắng lặng, hiểu biết mất đi lúc sáng sớm yên lành. Sao trái xa với đạo, chết mà không hối hận chăng? Có được gốc rễ ấy thì không mong muốn nào mà không thực hiện được. Mới biết cá nuốt thuyền không sinh ra tng dòng nước kênh rạch, chim đại bàng lẽ nào bay trong rừng bé nhỏ của chim yến?

Thứ hai: **Già Nạn.**

Người sắp thọ giới, trước hết Giới Sư cần phải hỏi về già nạn đối với họ. Vì vậy trong luận Thành Thật hỏi để ngăn chặn người phạm nghịch tội trở thành tặc trú, những Tỳ kheo Ni nhiễm ô không cho phép làm Tỳ kheo, những người như vậy nếu làm người bạch y thì đạt được luật nghi tốt đẹp, không ngăn trở tu hành những điều thiện như bố thí-từ bi, chỉ có giới thuộc về thế gian. Bởi vì người như vậy bị ác nghiệp làm cho vấy bẩn cũng chướng ngại đến Thánh đạo, do đó không cho phép xuất gia.

Còn trong kinh Ưu-bà-tắc Giới nói: "Đức Phật dạy: Nếu muốn thọ giới Ưu bà tắc để tăng thêm tài sản cho mạng sống, thì trước hết nên hỏi ý cha mẹ sinh ra mình, sau đó báo cho vợ con-nô tỳ của mình biết, sau nữa trình bày với Quốc Vương (ở đây người cần phải trình bày bị Quốc Vương ngăn cấm không cho phép thọ giới, vì vậy cần phải trình bày. Nếu trước đó không bị ngăn cấm, thì không cần phải trình bày). Đã hỏi và cho phép rồi, người nào có phát tâm Bồ đề xuất gia, thì đến nơi thọ giới chân thành làm lễ, chào hỏi nói năng mềm mỏng, phát ra lời nói như vậy: Thưa Đại Đức, con là thân nam tử đầy đủ tướng trượng phu, muốn thọ giới Bồ Tát-Ưu bà tắc, chỉ mong Đại Đức thương xót mà xem xét tùy thuận (Nói một lần thì được. Néu thọ giới Thanh Văn biệt giải thoát, cho dù không phát tâm Bồ đề, nhưng phát tâm Tiểu thừa, thì thọ giới Thanh Văn biệt giải thoát, cho dù không phát tâm Bồ đề, nhưng phát tâm Tiểu thừa, thì thọ bên cạnh người trong 5 chúng xuất gia đều được giới). Lúc này Tỳ kheo cần phải nói như vậy: Cha mẹ-vợ con-nô tỳ-Quốc chúa của ông đều thuận ý hay không? Nếu nói thuận ý, thì tiếp tục nên hỏi rằng: Ông chưa hề mắc nợ mọi vật gì của Phật-Pháp-tăng và vật của người khác chăng? Nếu nói không mắc nợ, thì tiếp tục nên hỏi rằng: Nay trong thân thể ông đã không còn bệnh gì trong ngoài thân tâm chăng? Nếu nói không có, thì tiếp tục nên hỏi rằng: Ông không làm điều gì phi pháp đối với các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni chăng? Nếu nói không làm, thì tiếp tục nên hỏi rằng: Ông đã không gây ra năm tội nghịch chăng? Ông không làm người trộm pháp phải không? Ông không phải

là người vô căn và hai căn phải không? Ông không thọ tám giới trai và không phạm trọng giới chăng? Cha mẹ và thầy bệnh tật ông không bỏ đi chăng? Ông đã không giết hại người phát tâm bồ đề chăng? Ông không trộm cắp đồ vật của hiện tiền tăng chăng? Ông không nói hai lưỡi-thô ác trở thành người tệ hại chăng? Ông không làm điều phi pháp đối với mẹ và chị em gái chăng? Ông không gây ra điều dối trá xằng bậy đối với mọi người chăng? Nếu nói không có, thì tiếp tục nên nói rằng: Này người thiện nam! Giới này rất khó, có năng lực để làm căn bản cho mười giới Sa di-Đại giới Tỳ kheo và giới Bồ Tát cho đến Bồ đề, chí tâm thọ trì có thể đạt được vô lượng lợi ích của các giới như vậy. Nếu có người phá hủy những giới như vậy, thì ở trong ba đường ác nhận chịu khổ não vô cùng trải qua vô lượng vô biên đời kiếp. Nay ông muốn có được vô lượng lợi ích, có thể chí tâm thọ trì hay không? Nếu nói có thể, thì tiếp theo dạy cho thọ ba quy y. lại cần phải hỏi rằng: Giới này rất khó, nếu quy y Phật rồi thì thà xả bỏ thân mạng chứ suốt đời không dựa theo các hạng sách vở của ngoại đạo, nếu quy y Tăng rồi thì thà xả bỏ thân mạng chứ suốt đời không dựa theo ngoại đạo tà giáo. Ông có thể chí tâm quy y đối với Tam bảo như vậy hay không? Nếu nói có thể, thì nên khiến cho gần gũi phụng sự người xuất gia có trí hết thời gian sáu tháng. Người có trí lại cần phải chí tâm quan sát bốn loại oai nghi của người đó. Nếu biết người này có thể thực hiện như lời dạy, trải qua sáu tháng rồi vào lúc chúng Tăng hòa hợp, đủ hai mươi người tác bạch yết ma rằng: Đại đức Tăng xem xét, người này nay ở trong Tăng cầu xin thọ giới Ưu bà tắc rồi, trong sáu tháng thanh tịnh bốn oai nghi, chí tâm thọ trì rất trang nghiêm thanh tịnh, là người trượng phu đầy đủ thân tướng nam tử, nếu chúng Tăng thuận ý thì chúng Tăng đều lặng yên, không thuận ý thì lên tiếng." (Nói một lần thì được. Nếu không tin theo tà giáo, xưa nay tin theo Chánh giáo, thì không cần phải thọ ba pháp quy y loại bỏ tà kiến này thử thách qua sáu tháng, mà hỏi thẳng vào Già Nạn dạy cho sám hối, sám hối rồi thì thọ ba pháp quy y-năm giới-tám giới vẫn được, không nhất định phải giống như ở đây.)

***Thứ ba:* Thọ Pháp**

Nếu muốn thọ giới thì phải tu dưỡng đầy đủ các oai nghi, đối diện trước một người thuộc 5 chúng xuất gia mà thọ. Vì vậy trong luận Trí Độ nói: "Con tên là... nguyện quy y Phật-quy y Tăng (nói ba lần). Con tên là ... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (nói ba lần). Con là Ưu bà tắc (Ưu bà di) đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cầu xin Đức Phật chứng minh cho con. Con tên là ... từ hôm nay cho đến cuối

cuộc đời quy y Phật-Pháp-tăng. Giới Sư nên nói: Này Ưu bà tắc lắng nghe điều này! Bậc Đa Đà A Già Độ A La Ha Tam Miệu tam Phật Đà (Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri) biết người thấy người, vì Ưu bà tắc thuyết ra năm giới như vậy, ông suốt đời thọ trì. Những gì là năm giới? Đó là: 1- Suốt cuộc đời không sát sanh, là giới Ưu bà tắc, trong suốt cuộc đời này không được cố ý sát sanh, điều này nếu có thể thì nên nói đồng ý (tuy luận nói là đồng ý, thay đổi đồng ý nói là có thể cũng không có gì sai). 2- Suốt cuộc đời không trộm cắp, là giới Ưu bà tắc, trong suốt cuộc đời này không được trộm cắp; điều này nếu có thể thì nên nói là có thể. 3- Suốt cuộc đời không tà dâm, là giới Ưu bà tắc, trong suốt cuộc đời này không được tà dâm; điều này nếu có thể nên nói là có thể. 4- Suốt cuộc đời không không nói dối, là giới Ưu bà tắc, trong suốt cuộc đời này không được nói dối; điều này nếu có thể thì nên nói là có thể. 5- Suốt cuộc đời không uống rượu, là giới Ưu bà tắc trong suốt cuộc đời này không được uống rượu; đều này nếu có thể thì nên nói là có thể.

Đã nói về tướng rồi, lại cần phải nói cho biết rằng: Năm giới Ưu bà tắc này suốt đời thọ trì, nên cúng dường Tam bảo, thường xuyên tu phước đức, xa thì cầu Phật đạo, gần thì chứng trời người, một năm 3 tháng chay trường, một tháng sáu ngày trai, nếu có thể giữ gìn thì đều cần phải thực hành.

Nếu thọ một giới, thì trong văn nên trừ ra một chữ 5, thẳng thắn nói rằng con làm Ưu bà tắc giữ giới không sát sinh, văn còn lại như ba quy y trước. Lần thứ 3 xong thì đưa ra năm giới, sau đó ba lần kết lại, thẳng thắn dặn dò mà truyền trao giới pháp."

Do đó trong luận Tát Bà Đa: Hỏi: Nếu không thọ ba pháp quy y thì có thể thọ năm giới hay không? Đáp: Không thể được, cần phải trước tiên thọ ba pháp quy y, sau mới có thể thọ giới." (Sau thọ tám giới cũng như pháp này)

***Thứ tư:* Giới Tướng**.

Như luận tát-bà-đa: "Hỏi: Trong năm giới có mấy giới là thật giới? Đáp: Bốn giới trước là Phật giới, một giới sau là già giới. Sở dĩ cùng kết lại, bởi vì giới này là gốc rễ của sự buông thả, có thể phạm vào bốn giới. Như thời Đức Phật Ca Diếp, có Ưu bà tắc vì uống rượu cho nên dâm với vợ người ta và trộm gà của người ta mà làm thịt. Người khác đến hỏi, thì trả lời không làm chuyện ấy, liền phạm vào nói dối, cũng có thể gây ra bốn tội nghịch , chỉ riêng tội phá của Tăng thì không thể gây ra được." Nếu người thọ giới không sát sanh, thậm chí tất cả các loài có hình hài bò bay máy cựa cũng không được làm hại, cho đến ăn các thứ

thịt và các loại tanh nồng, đều không được phạm vào.

Vì vậy trong kinh Lăng Già nói: Đức Phật bảo với Đại Tuệ: Bồ Tát có vô lượng nhân duyên không nên ăn thịt, nay Ta nói sơ lược về mười loại nhân duyên. Đó là: 1- Tất cả chúng sanh từ xưa đến nay theo nhân duyên xoay tròn, thường làm cha mẹ-anh em-vợ chồng với nhau, vì nghĩ đến người thân cho nên không thể ăn thịt. 2- La lừa lạc đà chồn cáo chó mèo trâu ngựa, thịt các loài súc vật do con người giết mổ bày bán lẫn lộn thật đáng sợ. 3- Do các thành phần bất tịnh mà sinh ra và lớn lên. 4- Chúng sanh ngửi thấy mùi đều sinh ra sợ hãi, giống như hạng Chiên Đà La, chó trông thấy căm ghét kinh hãi tập trung thành bầy mà sửa vang. 5- Làm cho người tu hành không phát sinh được tâm Từ. 6- Phàm phu ngu muội do ham những vật thối tha bất tịnh mà không có danh xưng tốt lành. 7- Làm cho các loại chú thuật không thành tựu. 8- Người vì sát sanh cho nên thấy hình hài dấy khởi thức nhiễm ô đắm theo mùi vị. 9. Người ăn thịt thì chư Thiên rời bỏ khiến cho hơi miệng hôi thối thật là xấu xa. 10- Ở trong núi rừng vắng vẻ hổ lang ngửi thấy mùi hôi. Ta đã từng nói rằng: Tất cả những thức ăn đồ uống nên dấy lên nghĩ đến thịt của con gái, dấy lên nghĩ rằng uống thuốc chữa bệnh. Cho nên thời quá khư có vị vua, tên là Sư Tử Tô Đà Bà, ăn các loại thịt, cho đến thịt người, thần dân trăm họ không chịu nổi, liền tìm cách chống lại.” Như kinh Ban Túc Vương nói đầy đủ.

Còn trong kinh Niết bàn nói: “Người ăn thịt thì đoạn mất chủng tử Đại Từ, đi đứng nằm ngồi tất cả chúng sanh ngửi thấy mùi thịt đều sinh tâm sợ hãi. Ví như có người, ở gần sư tử, mọi người trông thấy, ngửi thấy mùi hôi của sư tử, cũng sinh tâm sợ hãi. Như người ăn hành tỏi hôi hám dơ bẩn đáng ghét, người khác gặp mặt ngửi mùi hôi hám liền bỏ đi, nói rằng từ xa trông thấy còn không muốn nhìn, huống gì là đến gần? Các loài ở dưới nược-rên đất liền-giữa không gian đều bỏ chạy, tất cả đều nói: Người này là kẻ thù của chúng ta. Vì vậy cho nên Bồ Tát không có tập khí ăn thịt.”

Ý nghĩa là những Ưu bà tắc thọ năm giới, nếu như giếng nước của người thế gian, có rất nhiều các loại côn trùng bé nhỏ, thì tất cả cần phải học cẩn thận rồi trả về lại chỗ cũ. Muốn chuyển dơi đi lại thì cũng cần phải mang cái đẫy lọc nước đi theo bên mình.

Nếu người thọ giới không trộm cắp, thì thậm chí một nhánh rau-một hạt đậu..., đều không được lấy.

Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “Kiều Phạm Bát Đề, xem thứ một hạt thóc còn xanh hay đã chín mà không trả lại cho người chủ, phạm

vào nghiệp đạo hãy còn làm trâu trong năm trăm đời, cho đến lúc thành La Hán rồi mà còn tự nhai lại thức ăn."

Nếu người thọ giới không tà dâm, thì như luận Trí Độ nói: "ngoại trừ vợ mình, tất cả nam nữ-quỷ thần-súc sanh khác mà có thể hành dâm, thì đều là tà hạnh. Tuy là vợ mình thì không phạm, nhưng cần phải tránh những nơi không thích hợp, nghĩa là không phải đường sinh dục của vợ mình và khi vợ mình mang thai rồi, cũng cần phải hạn chế hành dâm, vì sợ rằng thương tổn đến thai nhi. Sinh đẻ rồi trong thời gian 3 năm cũng cần phải kiêng cữ cẩn thận, nghĩa là phòng nguồn sữa khô cạn. Nếu có mẹ vú riêng thì không có gì hạn chế."

Còn trong luận Thành Thật nói: "Không phải chỗ thích hợp của vợ mình, nghĩa là miệng và nơi đại tiện. Cho đến tất cả người nữ được cha mẹ-con cái bảo vệ, những người nữ xuất gia được pháp bảo vệ, cho nên cũng gọi là tà dâm nếu xâm hại đến họ. Nếu người nữ không có ai chịu trách nhiệm mà ở trước mọi người tự đến làm vợ, đúng như pháp thì không phạm."

Còn trong kinh Đề Vị nói: "Một năm ba tháng chay tịnh, mỗi tháng sáu ngày trai, mỗi ngày ba lần sáng tỏ, hằng tháng đèn đuốc hương khói và tám ngày Vượng, cũng gọi là tám ngày Tiết đều cần phải ngăn ngừa." (tám ngày Vượng như phần sau sẽ nói).

Nếu người thọ giới không nói dối, nhưng làm cho tâm không thật, chẳng cần hỏi gì tình huống thật giả thì đều phạm.

Còn trong luận Trí Độ: "Hỏi: Vì sao Ưu bà tắc phải cẩn thận với luật nghi của miệng và mạng thanh tịnh vậy? Đáp: Hành bạch y ở nhà hưởng thụ niềm vui thế gian, bao gồm tu dưỡng phước đức, không thường xuyên thực hành tất cả các giới pháp, vì vậy Đức Phật dạy cho giữ gìn năm giới. Lại đối với khẩu nghiệp thì nói dối là nặng nhất, bởi vì nói dối cho nên có thể gây ra những lỗi lầm khác; hoặc cố tình gây ra hay không cố tình gây ra, nếu chỉ nói dối thì đã thâu nhiếp cả ba việc của khẩu nghiệp. Nếu như lời chân thật, thì bốn loại Chánh ngữ đều đã thâu nhiếp cả rồi, trong mọi điều thiện thì chân thật là lớn nhất."

Còn trong luận Thành Thật nói: "Tuy là nói lời chân thật, nhưng bởi vì không đúng lúc thì gọi là nói thêu dệt; hoặc nói đúng lúc mà vì thuận theo sự phiền muộn sa sút chứ không lợi ích gì; hoặc là tuy có lợi ích, mà nói không có nghĩa lý căn bản, không theo thứ tự, tâm phiền muộn mà nói cho nên đều gọi là nói thêu dệt."

Còn trong luận Ma Đắc Lặc Già nói: "Chuyển lời mắng nhiếc thay người khác thì đều mang lỗi."

Còn trong luận Tát-bà-đa nói: “Nói dối-nói hai lưỡi-nói thô ác, trải qua từng loại đều làm thành 4 câu để phân biệt: Một là nói dối mà không phải là nói hai lưỡi-nói thô ác, đó là chuyển lời của người này đến nói với người kia, bởi vì không chân thật cho nên đều là nói dối, không dùng tâm phân cách chia rẽ cho nên không phải là nói hai lưỡi, nói lời mền mỏng cho nên không phải là nói thô ác.” Những câu khác tương tự lẫn nhau có thể biết.

Còn trong luận Thành Thật nói: “Ba nghiệp còn lại, hoặc hợp chung hoặc phân ra, nhưng nói thêu dệt là một loại chắc chắn không xa lìa nhau.”

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: “Nếu là nói dối, thì cũng thuộc về nghĩa của nói thêu dêt-nói hai lưỡi và nói thô ác.”

Còn trong luận Tát-bà-đa nói: “Người không nói dối, nếu giải thích nghĩa lý của pháp bàn luận biểu đạt tất cả đúng sai, không tự nói mình là đúng, thường làm cho suy xét dựa vào nơi vốn có thì không lỗi lầm gì. Không như vậy thì búa rìu ở trong miệng.”

Nếu người thọ giới không uống rượu, thì như trong luật Tứ Phần nói: “Nếu thọ giới không uống rượu, thì ngay cả lấy ngọn có dính giọt rượu bỏ vào trong miệng cũng không được.”

Còn trong luận Trí Độ nói: “Uống rượu có 35 lỗi lầm. Những gì là 35 lỗi lầm? Đó là: 1- Đời hiện tại cạn kiệt của cải. Tại vì sao? Bởi vì uống rượu say sưa thì tâm ý tán loạn không còn giới hạn tiết chế, chi dùng hoang phí không còn mức độ nào nữa. 2- Cửa vào của mọi căn bệnh. 3- Gốc rễ của sự đấu tranh. 4- Lộ ra trần trụi không có liêm sỉ. 5- Tiếng xấu phơi bày mọi người không hề tôn trọng. 6- Không còn trí tuệ. 7- Vật cần phải có được mà đã không có được, vật đã có được mà lại tản mác hết. 8- Những điều che giấu nói hết cho người ta biết. 9- Các loại sự nghiệp bỏ dở không hoàn thành được. 10. Say sưa là nguồn gốc của sầu não. Tại vì sao? Bởi vì trong lúc say sưa có nhiều sai sót, tỉnh rồi thì hổ thẹn ưu sâu. 11- Sức lực của thân thể trở thành suy yếu. 12- Sắc diện thân hình hủy hoại. 13- Không biết cung kính đối với cha. 14- Không biết cung kính đối với mẹ. 15- Không cung kính đối với Sa môn. 16- Không cung kính đối với Bà la môn. 17- Không cung kính đối với chú bác và các bậc tôn trưởng. Tại vì say sưa mê loạn giận dữ không còn phân biệt gì nữa. 18- Không tôn kính đối với Phật. 19- Không tôn kính đối với Pháp. 20- Không tôn kính đối với tăng. 21- Gần gũi với bạn bè xấu ác. 22- Rời xa người hiền lành tài đức. 23- Trở thành người phá giới. 24- Không có hổ thẹn. 25- Không giữ gìn sáu trạng thái

của tình cảm. 26- Buông thả theo sắc dục. 27- Bị mọi người căm ghét không thích gặp mặt. 28- Thân thuộc quý trọng và các bậc tri thức dầu gạt bỏ tránh xa. 29- Làm những pháp bất thiện. 30- Rời bỏ pháp thiện. 31- Người sáng suốt có trí không hề tin dùng. Tại vì sao? Bởi vì rượu là nguồn gốc của sự buông thả. 32- Rời xa Niết bàn. 33- Gieo trồng nhân duyên điên cuồng ngu si. 34- Thân mạng đến lúc chấm dứt thì rơi vào trong đường ác địa ngục. 35- Nếu được làm người thì sinh ra ở đâu cũng thường chịu điên cuồng ngu ngốc. Những loại sai sót lỗi lầm như vậy, cho nên không thể nào uống rượu."

Còn trong luận tát-bà-đa nói: "Ưu bà tắc thọ năm giới cũng tùy mình buôn bán nhưng không được làm 5 nghề: 1- Không được buôn bán súc sanh, tự mình có thì tùy ý bán thẳng, không được bán cho người làm nghề giết mổ; 2- Không được buôn bán dao gươm cung tên, tự mình có thì tùy ý bán thẳng, không được bán cho người giết mổ sát hại; 3- Không được bán rượu làm nghề kiếm sống, tự mình có thì tùy ý cứ bán; 4- Không được ép làm nghề sinh sống, trong hạt vừng của nước ngoài có nhiều sâu bọ cho nên phạm, chỉ riêng nơi này không có sâu bọ thì thích hợp là không phạm; 5- Không được làm nghề nhuộm năm màu cơ bản, bởi vì giết chết nhiều sâu bọ, như người nước Tần nhuộm màu xanh cũng giết chết nhiều sâu bọ đưa vào trong năm màu cơ bản làm màu tươi hơn."

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: "Người thọ giới, có năm chỗ không nên qua lại, đó là nhà người làm nghề giết mổ, nhà người nữ dâm đãng, quán rượu, cung điện vua chúa, nhà của tầng lớp Chiên đà la. Lại có năm loại nghề nghiệp không nên làm đó là bán thuốc độc-nấu rượu-chơi trò gieo xúc xắc-cờ vây đánh bạc-múa hát làm trò vui..., tất cả đều không được làm, cũng không được gần gũi những người như vậy."

Còn trong kinh Bảo vân nói: "Người trì giới không được phép đến xin ăn ở nhà người phá giới."

Còn trong kinh A Hàm nói: "Xa rời ác- gần gũi thiện có bốn pháp, nên gấp rút chạy tránh xa ngoài trăm do tuần. Một do tuần là bốn mươi dặm, trăm do tuần là bốn ngàn dặm. Bốn pháp là: 1- Bạn bè xấu; 2- Nhiều người xấu; 3- Nơi nhiều người nói cười; 4- Nơi có giận dữ hoặc tranh chấp."

Còn trong kinh Ưu Bà tắc ngũ Giới Tướng nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Phạm giới sát hại có ba loại làm mất đi mạng sống của người: 1- Tự mình làm; 2- Bày người khác làm; 3- Sai khiến người khác làm." Tự mình làm, là chính mình làm mất đi mạng sống của người

khác. Bày cho người khác làm, là dạy dỗ nói với người khác rằng: Bắt người này giam cầm trói buộc làm mất đi mạng sống của họ. Sai khiến người khác làm, là nói với người ấy rằng: Ông biết người tên họ ấy hay không, ông bắt người này giam cầm trói nuộc làm mất đi mạng sống của họ. Lúc người ấy bị sai khiến thuận theo lời làm mất đi mạng sống của người kia, thì Ưu bà tắc phạm vào tội không thể hối hận được. Lại có ba loại: 1- Sử dụng nội sắc; 2- Sử dụng không phải nội sắc; 3- Sử dụng nội sắc và không phải nội sắc. Thứ nhất, sử dụng nội sắc mà sát hại, nghĩa là sử dụng tay đánh, hoặc dùng chân và các bộ phận thân thể khác khiến cho người kia chết, thì phạm vào tội không thể hối hận được. Nếu không chết ngay lúc ấy mà về sau vì vậy chết đi thì cũng phạm vào tội không thể hối hận được. Nếu sau đó không chết, thì mang tội trung bình có thể hối hận được. Thứ hai, sử dụng không phải nội sắc mà sát hại, nếu người dùng gỗ đá dao kiếm cung tên... làm cho người kia chết, thì mang tội giống như trước. Thứ ba, sử dụng nội sắc và không phải nội sắc mà sát hại, là dùng tay cầm gỗ đá... đánh đập khiến người ta chết, thì mang tội giống như trước. Lại có lúc không dùng 3 cách sát hại này, nhưng kết hợp các loại thuốc độc bỏ vào trong chăn đệm-đồ ăn thức uống, hay trên thân thể và mắt-tai-mũi của người ta, người bị trúng độc liền mất mạng, thì tội lỗi cũng giống như trước.

Nếu Ưu bà tắc, hoặc làm hố lửa vì tâm khinh mạn mà tạo ra, nếu người rơi xuống chết thì phạm vào tội không sám hối được; loài phi nhân quỷ thần rơi vào trong hố mà chết, thì phạm vào tội trung bình có thể sám hối; súc sanh rơi vào mà chết, thì phạm vào tội ở mức thấp có thể sám hối. Nếu rơi vào mà không chết, thì phạm vào tội nhẹ thuộc 3 phương tiện có thể sám hối. Nếu tâm mong mỏi chỉ vì người tạo ra hố lửa chứ không chung cho các loài khác, nếu người rơi vào mà chết thì phạm tội không thể sám hối, không chết thì phạm tội phương tiện; loài phi nhân và súc sanh rơi vào mà chết thì không phạm. Nếu ưu bà tắc, hoặc dùng khẩu nghiệp làm các loại chú thuật khiến cho chết; hoặc có lúc than thở mà chết, khen ngợi mà chết; hoặc có người sức mạnh mà tâm khởi lên ác niệm khiến phải chết; hoặc nạo thai khiến phải chết, thì mang tội nặng nhẹ đều nhất định giống như trước. Không phạm là hoặc có người đi lại vào ra lỡ tay làm rơi gỗ đá... mà chết, thì vì vô ý cho nên không phạm, còn lại như trong luật nói đầy đủ.

Thứ hai là giới trộm cắp, dùng ba loại lấy vật quan trọng của người ta thì phạm vào tội không thể sám hối được: 1- Dụng tâm mà lấy; 2- Dùng thân mà lấy; 3- Rời xa nơi ban đầu. Thứ nhất, dụng tâm mà lấy,

nghĩa là dấy tâm suy nghĩ muốn lấy trộm cho được. Thứ hai, dùng thân mà lấy, nghĩa là sử dụng những bộ phận của thân thể lấy vật của người ta. Thứ ba, rời xa nơi ban đầu, tùy theo vật ở chỗ ấy mang đi đặt vào nơi khác, đều mang tội nặng. Lại có ba loại lấy vật quan trọng của người ta thì phạm tội không thể sám hối được: 1- Tự mình lấy; 2- Bày cho người khác lấy; 3- Sai khiến người khác lấy. Lại có năm loại lấy vật quan trọng của người ta thì phạm tội không thể sám hối được: 1- Tha thiết mà lấy; 2- Khinh mạn màlấy; 3- Mạo xưng tên của người khác mà lấy; 4- Cưỡng bức cởi ra mà lấy; 5- Được gởi gắm mà lấy. Vật quan trọng là như lấy trộm năm đồng tiền. Nếu lấy trộm vật đáng giá trị năm đồng tiền, thì phạm vào tội không thể sám hối được.

Lại có bảy loại lấy vật của người ta thì phạm vào tội không thể sám hối được: 1- Không phải thuộc về mình; 2- Không có sự đồng ý; 3- Không tạm thời sử dụng; 4- Biết vật có chủ; 5- Không phải điên cuồng; 6- Không phải loạn tâm; 7- Không bị bệnh rối trí. Đủ 7 trạng thái này mà lấy vật quan trọng của người ta thì phạm tội không thể sám hối được. Lấy vậy bình thường của người ta không đáng giá 5 đồng tiền thì phạm tội trung bình có thể sám hối. Trái lại với bảy loại lấy vật của người ta nói trước đây, thì nặng nhẹ đều không phạm.

Thứ ba là giới tà dâm, tà dâm có bốn loại: 1- Nam; 2- Nữ; 3- Hoàng môn; 4- Hai căn. Nữ là người nữ-phi nhân nữ-súc sanh nữ. Nam là người nam-phi nhân nam-súc sanh nam. Hoàng môn và hai căn đều có ba loại giống như trước. Nếu Ưu bà tắc cùng với người nữ-phi nhân nữ-súc sanh nữ hành dâm ở ba chỗ, đó là miệng và nơi đại tiện-tiểu tiện, thì phạm vào tội không thể sám hối được. Nếu Ưu bà tắc cùng với người nam-phi nhân nam-súc sanh nam-hoàng môn nam và hai căn hành dâm ở hai chỗ, đó là miệng và nơi đại tiện, thì phạm vào tội không thể sám hối được. Nếu dấy tâm muốn hành dâm nhưng chưa hòa hợp, thì phạm vào tội không thể sám hối được. Nếu hai người hòa hợp dừng lại mà không dâm thì phạm vào tội trung bình có thể sám hối. Trừ ba chỗ ấy ra mà hành dâm những chỗ khác, thì tội này đều có thể sám hối. Nếu người chết cho đến súc sanh chết, mà thân căn chưa hủy hoại, ở ba chỗ ấy cùng hành dâm với thi thể, thì phạm vào tội không thể sám hối được. Ở những chỗ khác thì phạm tội nhẹ giống như trước. Nếu Ưu bà tắc tuy không thọ giới, mà phạm vào người giữ giới thanh tịnh là đệ tử Phật, cho dù không có tội của sự phạm giới, nhưng mà sau này vĩnh viễn không đạt được năm giới-tám giới cho đến giới cụ túc của hàng xuất gia. Nếu người điên cuồng tâm tán loạn, hết sức phiền muộn đang

trói chặt mà không tự mình hiểu được, thì không phạm.

"Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ta có hai thân, mộ là Sanh thân, hai là Giới thân. Nếu người thiện nam, vì Sanh thân của Ta, dựng tòa tháp bảy báu, cao đến cõi Phạm Thiên; nếu người làm cho sụp đổ, thì tội lỗi ấy hãy còn có thể sám hối được, phá hủy Giới thân của Ta, thì tội lỗi ấy vô lượng, nhận chịu tội báo như Long Vương Y La Bát, phạm vào không thể sám hối."

Thứ tư là giới nói dối. "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ta dùng đủ mọi cách trách mắng người nói dối, khen ngợi người không nói dối, ngay cả cười nói vui đùa hãy còn không nên nói dối, huống gì cố tình nói dối mà phạm vào trong giới này? Nếu Ưu bà tắc là người chưa hề biết-chưa hề nhận thức được Thánh pháp, mà tự mình nói rằng: Tôi là người đạt được quả Tứ đẳng A La Hán, cho đến đạt được Tứ thiền-Từ Bi Hỷ Xả-Tứ không định-Bất tịnh quán-A na ban na niệm, trời đến-rồng đến chỗ tôi cúng dường tôi, họ hỏi nghĩa lý nơi tôi, tôi trả lời điều họ hỏi. Như vậy đều phạm vào tội không thể sám hối được." Nếu thật sự thấy mà nói không thấy, thật sự nghe mà nói không nghe, thật sự nghi mà nói không nghi, có mà nói không có, không có mà nói có, những điều nói dối không nghiêm trọng như vậy, là phạm vào tội có thể sám hối. Nếu dấy tâm muốn nói dối, nhưng chưa nói ra thì phạm vào tội ở mức độ thấp có thể sám hối. Nói mà không hết ý, thì phạm ở mức độ trung bình có thể sám hối. Nếu tự nói mình đạt được Thánh đạo, thì phạm tội không thể sám hối được. Nếu tâm tư tán loạn điên cuồng không tỉnh táo mà nói thì không phạm.

Thứ năm là giới uống rượu. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: "Nếu nói mình là đệ tử của Phật thì không được uống rượu, thậm chí một giọt dầu cọng cỏ cũng không được uống." Rượu có hai loại là rượu làm từ ngũ cốc và rượu làm từ cây cỏ. Rượu làm từ ngũ cốc, chính là dùng các loại ngũ cốc trộm lẫn với gạo làm ra rượu. Rượu làm từ cây cỏ, chính là dùng rễ thân lá quả, hoặc sử dụng các loại hạt quả cỏ thuốc trộn lẫn nhau làm ra rượu. Màu rượu-mùi rượu-vị rượu uống vào có thể làm cho người mê muội, đó gọi là rượu. Nếu người nếm mà nuốt, thì cũng gọi là uống. Nếu uống rượu làm từ ngũ cốc, nuốt vào cổ họng thì phạm. Nếu uống rượu giấm, hoặc uống rượu ngọt, hoặc ăn men ủ rượu có thể làm cho người mê muội; nếu ăn bã rượu, hoặc uống rượu cặn, hoặc uống các loại tựa như màu rượu, tựa như mùi rượu-tựa như vị rượu, có thể làm cho người mê muội, ngay cả thuận theo nuốt vào cổ đều phạm lỗi. Nếu chỉ làm ra màu rượu mà không có mùi rượu-không có vị rượu, không

có thể làm cho người mê muội, và uống những loại khác thì đều không phạm lỗi.

Nếu dựa theo luật Tứ Phần, thì Tỳ kheo mắc bệnh mà những loại thuốc khác chữa trị không khỏi, dùng rượu làm thuốc là không phạm lỗi. Người điên cuồng tâm tán loạn, bệnh hoạn phiền muộn không còn hiểu biết gì mà uống thì cũng không phạm.

Thứ năm: **Đắc Thất.**

Hỏi: Tiệm và Đốn thế nào? Đáp: Đều đạt được. Vì vậy trong luận Thành Thật: "Hỏi: Có người nói thọ đầy đủ năm giới, việc này thế nào? Đáp: Tùy ý thọ nhiều hay ít đều đạt được luật nghi của giới, nhưng chọn lấy điều quan trọng là 5."

Do đó trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Hoặc có một phần, hoặc cóphần ít, hoặc có phần không có, hoặc có phần nhiều, hoặc có phần đầy đủ. Nếu thọ ba quy y rồi mà không thọ năm giới thì gọi là Ưu bà tắc. Nếu thọ ba quy y và thọ trì một giới, thì gọi là một phần. Thọ ba quy y rồi thọ trì hai giới, thì gọi là phần ít. Nếu thọ ba quy y rồi, thọ trì một giới, nếu phá một giới thì gọi là không có phần. Nếu thọ ba quy y rồi thọ trì bốn giới, thì gọi là phân nhiều. Nếu thọ ba quy y rồi thọ trì năm giới, thì gọi là phần đầy đủ. Nay ông muốn thọ phần nào? Lúc ấy người có trí nên tùy ý mà treo truyền cho họ."

Còn trong Luận Trí Độ nói: "Giới có năm loại, bắt đầu từ không sát sanh cho đến không uống rượu, nếu thọ một giới thì thực hành một phần, nếu thọ hai giới-ba giới thì gọi là thực hành phần ít, nếu thọ bốn giới thì gọi là thực hành nhiều phần, nếu thọ năm giới thì gọi là thực hành đủ toàn phần. Người đoạn tuyệt dâm dục, thọ năm giới rồi, ở trước mặt Giới Sư, lại phát ra lời thề rằng: Con từ hôm nay dối với vợ (chồng) của mình không còn dâm nữa; đó gọi là năm giới." Trong kinh tăng Nhất A Hàm cũng nói: "Một phần-hai phần đều có thể thọ."

Hỏi: Đã có thể thọ từng giới, có thể thuận theo năm vị thầy đều được thọ mỗi vị thầy một giới hay không? Đáp: Như trong kinh Phú Pháp Tạng nói: "Tôn giả Bạc Câu la thọ một giới không sát sanh, cảm được 5 báo ứng không chết". Hỏi: Có thể thọ lại hay không? Đã thọ năm giới, về sau lại có thể thọ thâm lần nữa hay không? Đáp: Dựa theo luận Thành Thật thì có thể tiếp tục thọ giới lần nữa, cho nên trong luật Tứ Phần nói: "Phu nhân Mạt Lợi lần thứ hai-thứ ba hướng về Đức Phật thọ cũng được giới."

Hỏi: Thời gian dài ngắn thì có thể thọ năm giới trong giới hạn 30 ngày hay không? Đáp: Theo luận Thành Thật, cũng có thể trong

nhiều ngày, thọ tất cả đến cuối cuộc đời. Do đó trong luật Thập Tụng nói: Hoặc ngày hay đêm, thọ năm giới cũng có được một phần ít thiện duyên.”

Còn trong kinh Ưu Bà tắc Giới nói: Đức Phật dạy: Người trí nên quán sát là giới có hai loại, một là giới thế gian, hai là giới Đệ nhất nghĩa. Nếu thọ giới mà không dựa vào Tam bảo, thị gọi là giới thế gian, giới này không bền vững, giống như màu sắc mà không có keo dính, vì vậy ta trước hết quy y Tam bảo, sau đó mới thọ giới.” Nói đến giới thế gian, thì không có năng lực phá hủy các ác nghiệp trước kia. Thọ giới ba quy y thì có năng lực phá hủy ác nghiệp, tuy gây ra tội lớn mà cũng không mất giới. Tại vì sao? Bởi vì nhờ vào thế lực ưu việt của giới. Như cùng có hai người gây ra tội lỗi giống như nhau, một người có thọ giới, một người không thọ giới, người đã thọ mà phạm thì tội nặng, người không thọ mà phạm thì tội nhẹ. Tại vì sao? Bởi vì hủy báng lời Phật dạy. Tội có hai loại: Một là tánh trọng, hai là giá trọng. Hai loại tội này lại có nhẹ có nặng, hoặc có người có thể là tội nặng mà làm thành nhẹ, tội nhẹ mà trở thành nặng. Như Ương Quật Ma La thọ giới thế gian, Long Vương Y La Bát thọ giới Đệ nhất nghĩa, Ương Quật Ma la phá hủy đối với tánh trọng mà không mang tội nặng, Long Vương Y La Bát phá hủy đối với già chế mà mang lấy tội nặng. Vì vậy không nên cho rằng giới giống nhau, thì quả đạt được cũng giống nhau.

***Thứ sáu:* Thần Vệ** (thần bảo vệ)

Theo kinh Thất Phật nói: “Nếu có người có năng lực thọ trì năm giới, thì cảm được hai mươi lăm vị thần luôn luôn bảo vệ.

Giới sát sanh có năm vị thần: 1- Tên là Ba Tra La; 2- Tên là Ma Na Tư; 3- Tên là Bà Hầu La; 4- Tên là Hô Nô Tra; 5- Tên là Pha La Tra.

Giới trộm cắp có năm vị thần: 1- tên là Pháp Thiện; 2- Tên là Phật Nô; 3- Tên là Tăng Hỷ; 4- Tên là Quảng ngạch; 5- Tên là Từ Thiện.

Giới tà dâm có năm vị thần: 1- Tên là Trinh Khiết; 2- Tên là Vô Dục; 3- Tên là Tịnh Khiết; 4- Tên là Vô Nhiễm; 5- Tên là Đãng Địch.

Giới nói dối có năm vị thần: 1- Tên là Mỹ Chỉ; 2- Tên là Thật ngữ; 3- Tên là Chất Trực; 4- Tên là Trực Đáp; 5- Tên là Hòa Hợp Ngữ.

Giới uống rượu có năm vị thần: 1- Tên là Thanh Tố; 2- Tên là Bất Túy; 3- Tên là Bất Loạn; 4- Tên là Vô Thất; 5- Tên là Hộ Giới.”

Còn trong kinh Quán Đảnh nói: Đức Phật bảo với Phạm Chí: nếu người trì năm giới, thì có hai mươi lăm vị thiện thần chịu trách nhiệm bảo vệ thân mạng người ấy, ở hai bên người ấy, canh giữ trước cửa ngõ

nhà ở hoặc nơi làm việc, khiến cho mọi việc đều tốt lành. Phạm Chí thưa rằng: Chỉ mong Đức Thế Tôn, giảng giải điều ấy cho con. Đức Phật dạy: này Phạm Chí! Nay ta giảng giải sơ lược bảo vệ thân mạng của người thọ giới, tên gọi các vị thiên thần với chương cú như vậy, hai mươi lăm thần Vương có tên gọi như vậy.

Thần tên là Thái Sô Tỳ Dũ Tha Ni, chịu trách nhiệm bảo vệ thân mạng người ấy xa lìa mọi thứ tà ma quỷ quái.

Thần tên là Du Đa Lợi Đà Ni, chịu trách nhiệm bảo vệ lấy trạng thái tình cảm của người ấy đều làm cho đầy đủ.

Thần tên là Tỳ lâu Giá na Thế Ba, chịu trách nhiệm bảo vệ lục phủ ngũ tạng trong bụng người ấy thường xuyên điều hòa.

Thần tên là A Đà Long Ma Trì, chịu trách nhiệm bảo vệ huyết mạch của người ấy đều được thông suốt.

Thần tên là Bà La Hoàn Ni Hòa bà, chịu trách nhiệm bảo vệ móng tay-móng chân của người ấy không có gì làm hại.'

Thần tên là trì Ma A Tỳ Bà Đà, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy ra vào đi lại thường được yên lành.

Thần tên là A Tu Du Bà La Đà, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy sử dụng những đồ ăn thức uống thơm ngon tốt đẹp.

Thần tên là Bà La Ma Đàn Hùng Thư, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy mộng điều an lành tỉnh giấc được vui vẻ.

Thần tên là Bà La Môn Địa Bích Đa, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị sâu bọ độc hại làm cho tổn thương.

Thần tên là Na Ma Hô Đa Da Xá, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị sương mù ác độc làm hại.

Thần tên là Phật Đà Tiên Đà lâu Đa, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không xảy ra tranh cãi đúng sai.

Thần tên là Bính Xà Da Tẩu Đa bà, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị quỷ dịch bệnh độc ác nắm giữ.

Thần tên là Niết Ni Hê Đà Đa Da, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị mang họa do quan quyền bức ép.

Thần tên là A La Đa Lại Đô Da, chịu tránh nhiệm bảo vệ người ấy và xua đuổi mọi tai họa hung ác xung quanh nhà cửa của họ.

Thần tên là Ba La Na Phật Đàm, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy dẹp yên tám vị thần trong nhà cửa của họ.

Thần tên là A Đề Phạm Giả San Da, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị quỷ mồ mả làm rối loạn.

Thần tên là Nhân Đài La Nhân Đài La, chịu trách nhiệm bảo vệ

cửa ngõ của người ấy tránh khỏi mọi điều tà ác.

Thần tên là A Già Phong Thi Bà Đa, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị quỷ thần nơi khác làm tổn hại.

Thần tên là Phật Đàm Di Ma Đa Đa, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị tai họa lửa cháy làm cho lan dài.

Thần tên là An Lại Xoa Tam mật Đà, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị trộm cướp xâm phạm tài sản.

Thần tên là A Ma La Tư Đâu Hi, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy nếu đi vào núi rừng không bị hổ lang làm hại.

Thần tên là Na La Môn Xà Đâu Đế, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị đau thương mất mát làm rối loạn.

Thận tên là Bích Ni Kiền na Ba, chịu trách nhiệmn bảo vệ người ấy loại trừ các thứ quạ kêu cáo tru.

Thần tên là Đồ Bích Đấu Tỳ Xá La, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy loại trừ các thứ chó-chuột biến thành yêu quái.

Thần tên là Già Ma Tỳ Na Ni Khư, chịu trách nhiệm bảo vệ người ấy không bị sự chú ý nguy hiểm làm cho liên lụy.

Đức Phật bảo với Phạm Chí rằng: Nếu người nam-người nữ nào đeo tên gọi hai mươi lăm vị thiện thần với chương cú Quán Đảnh này trong người, nếu lúc tiến vào quân trận đánh nhau, thì dao gươm không làm hại đến thân, tên bắn không vào, quỷ thần La Sát hoàn toàn không thể đến gần làm rối loạn. Nếu đến nhà có sâu độc cũng không có thể làm hại được. Nếu đi lại ra vào có ma quỷ bé nhỏ, cũng không đến gần được. Mang theo tên gọi những Thần Vương này trên thân, đêm không có ác mộng gặp quan quyền-giặc cướp-tai họa nước lửa-quỷ quái tà ma-oai gia mưu kế ngấm ngầm-miệng lưỡi tranh cãi rối loạn, đều tự nhiên hoan hỷ, hai bên trở thành hòa giải, đều sinh khởi tâm Từ, ác ý đều diệt sạch. Yêu ma quỷ quái-ngoại đạo tà giáo-phù chú cầu yểm-ngạ quỷ ngang ngược, yêu tinh cây cối-yêu tinh chim thú-yêu tinh hang núi khe suối, quỷ thần trong cửa-quỷ thần trong nhà-quỷ thần giếng nước nhà bếp-qủy thần ao đầm, quỷ thần trong nhà xí, tất cảcác quỷ thần, đều không được ở lại trong thân người ấy. Nếu người nam-ngườ nữ nào mang tên gọi của các thiện thần bảo vệ ba quy y-năm giới này trên thân, thì lúc người ấy đi vào núi rừng-hang động-khe suối-đường vắng đồng trống mà giặc cướp tự nhiên không xuất hiện, sư tử hổ lang gấu beo rắn rít đều tự ẩn trốn không làm hại đến người.”

***Phần thứ năm:* BÁT GIỚI**

Phần này có 6 mục tách biệt: Thuật ý, Hội danh, Công năng, Đắc thất, Thọ pháp, Giới tướng.

***Thứ nhất:* Thuật Ý.**

Ba phẩm giới định tuệ, là kế hoạch lớn của tạo hóa; các Thánh đều tuân theo, là nơi quan trọng của vạn linh. Ngoài ra, vì tôn chỉ quan trọng của giới luật, quy về một mối nhờ vào định tuệ, nếu như có sự trái ngược tồn tại, thì tâm sáng suốt không thể biểu hiện. Vì vậy, bậc Đại Bi thị hiện cứu nạn, lập pháp thực hành để giữ gìn. Kẻ mê hoặc che kính, tìm dấu tích chân lý mà chứng nhập; người gieo trồng nghiệp nhân, theo dấu vết sự tướng mà buộc giữ. Ngõ hầu làm cho từng niệm từng niệm tỉnh ngộ rút lui, luôn luôn đổi mới thúc giục tiến lên; làm việc lớn mãi không thôi, tình sai lầm mới rõ ràng. Nhưng thiện ác do mình, dấy khởi thì thăng trầm, không làm thì dừng lại, làm thì nghiệp phát sinh. Dây nghiệp lực-lưới mê hoặc, dính chặt vào càng kín mít; tự mình không dốc sức chân thành kiên trì khắc phục ngăn cản thân tâm, xót xa đau thương nhân trước kia sợ hãi quả sau này, quyết thề hạn kỳ quan trọng, vĩnh viễn đoạn trừ nối tiếp. Vì vậy văn chương lời lẽ, trang nghiêm đạo tràng, gột rửa phiền não, mắc áo mới sạch, trong ngoài thanh tịnh, hướng về nói hết tội căn, phát lộ ăn năn hối lỗi, toàn thân đổ sụp sát đất, giống như Thái Sơn nhào xuống, năm vóc thiết tha sâu nặng, chân thành quy y Tam bảo, cung kính đem tâm hồi hướng, sau đó mới thọ giới pháp. Giới này thời gian tuy ngắn, nhưng đã chân thành tâm ý, vì thành tựu tam tụ tịnh giới, vì cứu độ chúng sanh bốn nẻo, vậy thì công vượt quá trời người, đức sánh bằng Phật vị. Do đó luận Trí Độ nói: “Ví như sánh bằng mãnh tướng, cũng là cùng Phật như nhau.”

***Thứ hai*: Hội Danh.**

Hỏi: Trong các kinh-luận sao gọi là Bát quan trai, cũng gọi là Quan giới vậy? Đáp: Bát trước là đóng kín 8 điều ác không dấy khởi những lỗi lầm. Không ăn phi thời, là Trai. Trai là đầy đủ. Nghĩa là ngăn cản sáu tình không nhiễm theo 6 trần, cùng đoạn trừ những điều ác-tu đầy đủ mọi điều thiện, cho nên gọi là Trai. Nhưng Trai-giới thì Thể như nhau mà tên gọi khác biệt. Nếu theo tên gọi mà xác định Thể, thì Thể có lẽ khác biệt phần nào. Trai thì quá giữa trưa không ăn làm tên gọi, Giới thì phòng sai ngăn ác làm nghĩa. Vì vậy trong luật Tát Bà Đa nói: “Tám câu là Giới, câu thứ chín là trai. Hợp số của Trai-Giới cho nên có chín câu.”

***Thứ ba:* Công Năng.**

Như kinh Trai pháp nói: Ví như 16 nước lớn trong thiên hạ chứa đầy các loại châu báu không thể nào kể xiết, không bằng một ngày thọ trai pháp của Phật. So sánh phước ấy, thì 16 nước lớn chỉ là một hạt đậu mà thôi.”

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: “Lúc các Thánh đệ tử đa văn thọ trì tám chi Trai Pháp, nhớ nghĩ đến danh xưng mười hiệu của Như Lai, nếu như có tư duy xấu ác bất thiện thì đều bị loại trừ.”

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Nếu có người dùng bảy báu chứa đầy trong bốn kho báu lớn mang đi bố thí, công đức người ấy có được, không bằng có người một ngày một đêm thọ trì tám giới được loại trừ năm nghịch tội, tất cả tội lỗi khác thảy đều tiêu diệt, vậy thì cảm được vô lượng quả báo cho đến niềm vui Vô thượng. Thọ trai suốt trăm năm trong thời Di Lặc xuất thế, không bằng ngay hôm nay giữa dòng đời dẫy đầy ác trược mà thọ trì suốt một ngày một đêm.”

Còn trong luận Trí Độ: “Hỏi: năm giới và tám giới trong một ngày một đêm, giới nào là hơn hẳn? Đáp: Vốn có nhân duyên, hai loại giới đều bình đẳng, nhưng năm giới giữ gìn suốt đời, còn tám giới chỉ giữ gìn trong một ngày đêm. Vả lại, năm giới luôn luôn giữ gìn, thời gian nhiều mà giới ít; tám giới giữ gìn trong một ngày đêm, thời gian ít mà giới nhiều. Nếu không có tâm rộng lớn thì tuy là giữ gìn suốt đời, mà không bằng có tâm rộng lớn giữ gìn tám giới trong một ngày đêm. Ví như người nhu nhược yếu hèn làm tướng, tuy là suốt đời làm tướng cầm quân nhưng cuối cùng không có công lao danh tiếng; nếu anh hùng hăng hái xông pha giữa mọi hiểm nguy,

Thì chắc chắn trong một ngày có công lao nổi tiếng khắp thiên hạ. Tám giới so với những giới khác cũng lại như vậy.”

Lại trong luận Trí Độ: Hỏi: Hàng bạch y ở nhà chỉ có năm giới này, lại có pháp nào khác chăng? Đáp: Có, trì giới trong một ngày đêm và giữ 6 ngày trai hằng tháng, cảm được vô lượng công đức. Nếu trong 12 tháng cứ đến ngày 15, thọ trì giới này, thì phước thiện nhiều nhất.”

Hỏi: Vì sao thọ tám giới tu phước đức trong sáu ngày trai? Đáp: Ngày này các loài quỷ thần đuổi theo người muốn đoạt lấy mạng sống con người, tật bệnh suy tàn nguy hiểm khiến cho con người không an lành. Vì vậy thời kiếp ban đầu, các bậc Thánh nhân dạy cho con người trì trai tu thiện làm phước, để tránh mọi sự suy tàn xấu ác, lúc bấy giờ trai pháp không thọ tám giới, cứ lấy một ngày không ăn làm thành trai giới. Sau khi Đức Phật xuất thế, mới dạy cho thọ trì tám giới quá giữa trưa không ăn, sống thanh tịnh trong một ngày đêm như chư Phật, là

công đức đưa lối cho con người đi đến niềm vui Niết bàn.

Còn luận dẫn trong kinh Tứ Thiên Vương: "Đức Phật dạy: Hằng tháng vào sáu ngày trai thì sứ giả-Thái tử và Tứ Thiên Vương tự xuống trần gian quan sát chúng sanh, ai không bố thí-trì giới-hiếu thuận cha mẹ thì sứ giả liền lên cõi trời Đạo Lợi để trình tâu với Đế Thích tâm chư Thiên đều không vui. Nếu có nhiều người bố thí-trì giới-hiếu thuận cha mẹ, thì tâm chư Thiên-Đế Thích đều hoan hỷ. Lúc ấy Thích Đề Ba Na Thị, liền nói kệ rằng:

Tháng sáu ngày trai đủ thiện thần,
Giới thanh tịnh thọ trì không thiếu,
Người này sau khi mạng sống hết,
Công đức nhất định giống như con.

Đức Phật bảo với Thích Đề Hoàn Nhân: Tại sao nói dối? Nếu trì giới trong một ngày đêm, thì công đức phước báo chắc chắn được như Ta, đây là lời nói chân thật. Ở nơi nào có người trì giới này, thì ác quỷ tránh xa, nơi cư trú được yên ổn, vì vậy vào sáu ngày trai mà trì trai thọ giới thì được phước thêm nhiều."

Hỏi: Vì sao những hạng quỷ thần xấu ác, vào sáu ngày trai này lại làm não hại đến chúng sanh? Đáp: trong kinh Thiên Địa Bổn Khởi nói: "Lúc kiếp mới tạo thành có Phạm Thiên Vương Tử kỳ lạ, là cha của các quỷ thần như Ma Hê Thủ la, tu pháp khổ hạnh của Phạm Chí, ở trên cõi trời đủ mười hai năm, vào sáu ngày này cứ cắt máu thịt mình để bỏ vào trong lửa, qua mười hai năm rồi, Thiên Vương đi xuống nói với Thiên Tử rằng: ông cầu nguyện điều gì? Đáp: Tôi cầu mong có con. Thiên Vương nói: Pháp cúng dường người Tiên, là dùng các loại hương hoa trái quả tốt đẹp, vì sao ông lấy máu thịt bỏ vào trong lửa, như pháp trừng trị tội ác, ông phá bỏ pháp thiện thích làm việc ác, khiến cho ông sanh ra con cái xấu xa ăn thịt uống máu. Lúc đang nói như vậy thì trong ngọn lửa có tám con quỷ lớn xuất hiện, thân đen như mực, tóc vàng mắt đỏ, có ánh sáng rộng lớn. Những thần Ma hê Thủ la từ tám con quỷ này sanh ra. Vì vậy cho nên những thần Ma hê Thủ La, vào sáu ngày này có thế lực to lớn làm não hại đến chúng sanh." Trong các loài quỷ thì Ma Hê Thủ La lớn nhất, trong một tháng đều có phân chia từng ngày. Ma Hê Thủ La một tháng có phân chia 4 ngày, đó là ngày mồng 8-14 và 29. Những thần khác một tháng có phân chia hai ngày, đó là ngày mồng 1 và 16. Ngày mồng 2-17-15 và 30 trong tháng thuộc về tất cả các thần. Ma Hê Thủ La là chúa tể của các thần, lại có được nhiều ngày, cho nên kể ra 4 ngày làm trai, những ngày khác là ngày của tất cả các thần, cũng

kể làm trai. Vì vậy những quỷ thần xấu ác, vào sáu ngày này nhất định là có thế lực. Nhưng trong Phật pháp thì ngày không có gì tốt xấu, thuận theo nhân duyên ngày xấu của thế gian, cho nên Đức Phật dạy bảo chúng sanh giữ gìn trai giới, để trừ những tai họa ấy vậy.

Còn trong kinh Đề Vị nói: "trưởng giả Đề Vị thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Một năm có 3 tháng trai đều có nguyên nhân của mỗi tháng, vì sao đích thực dùng tháng Giêng-tháng Năm-tháng Chín, sáu ngày trai thì dùng ngày mồng 8-14-15-23-29 và 30 hằng tháng? Đức Phật dạy: Tháng Giêng là Thiếu Dương nắm quyền, các thần thay đổi vị trí, âm dương trao đổi tinh hoa, vạn vật bắt đầu phát sanh, đạo khí nuôi sống mọi loài, cho nên khiến Thái Tử vào ngày mồng 1 tháng Giêng trì trai lặng lẽ hànhđạo; vì trợ giúp hòa khí nuôi lớn vạn vật, do đó khiến cuối cùng đến ngày 15. tháng Năm là Thái Dương nắm quyền, vạn vật thay đổi vị trí, có cây nảy nở theo chủng loại, lớn lên kết thành mọi loài, mang thai chưa thành tựu, thành tựu thì chưa tồn tại, đều dựa vào đạo khí, cho nên trì trai ngày mồng 1 tháng năm, hoàn tất vào ngày 15, để trợ giúp đạo khí, nuôi vạn vật lớn lên. Tháng Chín là Thiếu Âm nắm quyền, trời đất thay đổi vị trí, vạn vật cuối cùng đến lúc chấm dứt, suy bại không vững bền, chúng sanh ẩn kín, thần khí quay về ban đầu, dựa vào đạo tự yên ổn, cho nên trì trai từ ngày mồng 1 tháng chín, hoàn tất vào ngày 15. Mùa Xuân vạn vật sinh sôi, mùa hạ vạn vật lớn lên, mùa Thu vạn vật thu hoạch, mùa Đông vạn vật cất giữ. Dựa theo đạo lý sinh ra và diệt đi, trời đất có nhiều điều cấm kỵ, cho nên khiến đệ tử thích điều tốt lành thì trì trai tránh những điểu cấm, cứu giúp các thần cho nên như vậy.

Trưởng giả Đề Vị thưa với Đức Phật: Ba tháng trường trai tại sao đích thực sử dụng ngày mồng 1 đến ngày 15? Lại thưa: Như thế nào gọi là điều cấm? Đức Phật dạy: Bốn mùa thay thế qua lại, âm dương chuyển đổi vị trí, cuối năm ba lần phúc đáp-8 lược đính chính, một tháng 6 phen tấu trình, ba cõi rõ ràng-năm chốn ghi vào sổ sách, chúng sanh làm điều quái lạ-năm quan chủ quản tiếp nhận, đối chiếu quyết định mức độ cao thấp của việc làm tội phước, phẩm loại quy chách muôn lối sai khác. Chư Thiên-Đế Thích-Thái Tử-Sứ giả, nhật nguyệt-quỷ thần-địa ngục-Diêm la, trăm vạn thần chúng hệ thuộc..., đều dùng ngày mồng một tháng Giêng-mồng một tháng năm-mòng một tháng Chín, phân bố khắp nơi để tiến hành đối chiếu hành vi thiện ác của vua chúa quan lại-dân chúng mọi nơi-các loài chim thú quỷ thần gây ra, xem xét so với sự trình báo lên Tứ Thiên Vương vào ngày mồng 8 -15 đến cuối ngày 30 hằng

tháng có giống nhau hay không, khiến cho thiên hạ bình đẳng không có sai sót oan uổng xảy ra, phúc đáp đính chính chúng sanh khắp ba cõi thuộc về tội hay phước, cái gì nhiều-cái gì ít. Phước thiện nhiều thì sanh lên cõi trời, trên lập tức truyền lệnh cho Tứ trấn-ngũ la-Đại vương ti mạng, tăng thêm tuổi thọ; dưới thì Diêm la Vương thâu nhiếp Ngũ quan loại trừ tội danh, xác định phước lộc vốn có, khiến cho giữ gìn ba tháng trường trai này. Vì vậy ba lần phúc đáp-8 lượt đính chính ấy tức là tám ngày Vượng, cũng là ngày Thiên Đế Thích cùng Ngũ la-Tứ vương phụ trấn và chúa tể địa ngục- A tu la-chư thiên, tiến hành đối chiếu so sánh để xác định ghi chép rõ ràng phạm vi sanh tử, tăng giảm tội phước nhiều ít, có đạo nghĩa hay không có đạo nghĩa, ý rộng lớn hay ý nhỏ hẹp, hiểu thông suốt hay không hiểu thông suốt, xuất gia hay không phải xuất gia, đối chiếu so sánh với sự trình bày, đều sử dụng tám ngày Vượng. Như thế nào là tám ngày Vượng? Đó là Lập Xuân-Xuân phân, Lập hạ-hạ chí, Lập Thu-Thu phân, Lập Đông-Đông chí, đó là tám ngày Vượng, vào những ngày này các thần trong trời đất và trạng thái âm dương thay đổi qua lại, cho nên gọi là tám ngày Vượng. Ngày mồng 8-14-15-23-29-30 hằng tháng, đều là ngày của trời đất nắm quyền, thượng hạ huyền vọng sóc hối (đầu tháng-giữa tháng, cuối tháng) đều là ngày ghi chép so sánh trình báo lên cấp trên. Do đó khiến vào những ngày này tự mình giữ gìn trai tịnh, để trở về tự mình đối chiếu khiến cho không thể phạm vào điều cấm, tự nhiên cảm được sanh vào nơi tốt lành.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, muốn có được 8 quan trai xa lìa mọi nỗi khổ, được diệt hết các phiền não tiến vào thành trì Niết bàn, thì nên cấu phương tiện thành tựu tám trai pháp. Địa vị vinh hoa trong loài người không đủ để coi là cao quý, niềm vui sướng trên cõi trời không thể nào nói hết. Người mong cầu phước thiện Vô thương, nên cầu được trai pháp này. Người muốn sanh lên cõi trời Lục Dục và cõi trời Sắc-Vô sắc, nên giữ gìn trai pháp này. Người mong cầu địa vị Thiên Tử và Chuyển Luân Thánh Vương cai quản một phương-hai phương-ba phương-bốn phương, cũng đạt được nguyện ước ấy. Người mong cầu Thanh văn-Duyên giác-Phật thừa, đều thành tựu ý nguyện của mình. Nay Ta thành tựu nhờ vào sự trì giới ấy, trì tám giới-mười thiện thì không có nguyện nào không đạt được.”

Còn trong kinh Niết bàn nói: “Đức Phật dạy: Đại Vương! Ở nước Ba La Nại có người làm nghề giết mổ, ở trong từng ngày giết mổ rất nhiều trâu dê, gặp Xá-lợi-phất liền thọ tám giới trải qua một ngày đêm,

nhờ nhân duyên này sau khi mạng chung được làm con của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở phương Bắc. Đệ tử của Như Lai hãy còn có phước quả công đức to lớn như vậy, huống là Đức Phật ư?"

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Đức Phật dạy: này người thiện nam! Chúng sanh đời sau thân cao 8 trượng, thọ mạng đầy đủ tám vạn bốn ngàn tuổi, lúc ấy thọ giới so với chúng sanh ở thời ác trược này mà thọ giới, thì hai quả báo đã cảm được đích thực như nhau. Tại vì sao? Bởi vì ba thiện căn vốn bình đẳng không sai khác."

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa vào sau khi Đức Phật Ca Diếp diệt độ, giáo pháp của ngài để lại sắp đến lúc cuối cùng, có hai Phạm chí đến bên Tỳ kheo cùng thọ tám giới, một người nguyện sanh lên cõi trời, một người nguyện làm Quốc Vương. Người nguyện sanh lên cõi trời, về đến nhà bị vợ ép buộc ăn phi thời, bởi vì phá giới cho nên mới sanh vào trong loài rồng. Người nguyện làm Quốc Vương, giữ giới đầy đủ, được sanh vào dòng dõi Vương gia, làm vị Đại Quốc Vương. Trong vườn cây của nhà vua có nhiều hoa thơm trái ngọt, luôn luôn phái một người thường xuyên đến chăm sóc cẩn thận. Người ấy sau đó ở trong vườn cây nhặt được một quả táo, màu sắc và mùi thơm rất kỳ lạ, mang đến đưa cho người gác cổng, lần lượt chuyển đến dâng lên nhà vua. Nhà vua ăn quả táo này thấy rất thơm ngọt ngào, bèn hỏi Phu nhân, lần lượt thay nhau tìm hiểu đến nơi người giữ vườn. Nhà vua liền gọi đến quở trách rằng: Táp ngon lành như vậy vì sao không đưa đên? Thế là người giữ vườn trình bày đầy đủ đầu đuôi. Nhà vua nổi giận nói rằng: Từ nay về sau thường xuyên đưa táo này đến. Người giữ vườn trình bày với nhà vua là táo này không có chủng loại, làm sao có thể lo liệu được? Nhà vua lại nói rằng: Nếu không có thể lo được thì sẽ chặt thân của ông. Người ấy trở lại vườn cây cất tiếng khóc to. Lúc ấy có một con rồng từ trong dòng suối xuất hiện, biến đổi thân hình làm người, hỏi vì sao mà khóc. Người giữ vườn trình bày đầy đủ. Con rồng nghe xong đi vào dòng nước, liền lấy khay vàng đựng đầy táo trao cho, sai mang đi dâng lên nhà vua, đồng thời nhiều lần nhắc lại ý mình rằng: Tôi và nhà vua vốn là bạn thân, chính là ở thời kiếp xưa kia đều là Phạm Chí, cùng thọ tám giới, mỗi người cầu mong theo ý nguyện của mình, nhà vua giữ giới đầy đủ được làm vua cõi người, giới tôi không trọn vẹn cho nên sanh loài rồng, nay muốn vâng mạng tu tạo quan trai cầu xả bỏ thân này, nên giúp tôi tìm văn quan trai mang đến cho tôi, nếu như tự mình làm trái, tôi lật nhào đất nước của nhà vua, sử dụng làm biển rộng. Người giữ gìn dâng táo, trình bày đầy đủ ý của con rồng. Nhà vua nghe chuyện

rất lo âu, bởi vì thế gian lúc ấy không có Phật pháp, trai pháp khó mà có được. Nhà vua lệnh cho một vị quan: Hãy tìm trai pháp cho con rồng, mong rằng khanh tìm được, nếu không tìm được, Ta sẽ giết khanh. Vị quan về đến nhà, trong lòng rất lo buồn. Cha vị quan thấy con mình vẻ mặt không vui, hỏi biết nguyên do lo buồn, người cha nói với con rằng: Cột chống cháy nhà của mình đã từng thấy ánh sáng, thứ phá xem nhất định là có vật gì kỳ lạ. Liền phá cột chống nhà, có được hai quyển kinh, một quyển là 12 nhân duyên, một quyển là văn 8 quan trai. Có được rồi dâng lên nhà vua, nhà vua rất hoan hỷ, tự mình mang đến cho rồng. Con rồng có được kinh này, liền dùng châu báu quý giá, tặng lại cho nhà vua. Nhà vua và con rồng lại tu tám giới, thọ mạng kết thúc sanh lên cõi trời, cùng ở chung một nơi. Đến lúc Đức Phật Thích Ca xuất thế, đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho nghe, hai người cõi trời đều đạt quả vị Tu đà hoàn. Đã được quả vị rồi, liền trở về lại trên cõi trời."

Còn trong luận Trí Độ nói: Nếu người mong cầu lợi ích phước thiện lớn nhất, thì cần phải trì giới. Giới như mặt đất bao la, tất cả vạn vật có hình tướng chủng loại, đều dựa vào mặt đất mà tồn tại; giới cũng như vậy, tất cả pháp thiện đều dựa vào giới mà tồn tại. Nếu người thế gian, trì giới thuộc bậc thấp được sanh trong loài người, trì giới thuộc Bậc trung bình sanh lên cõi trời, cho đến trì giới thanh tịnh thuộc bậc cao, có thể đạo quả thành Phật. Nếu như phá giới thì rơi vào ba đường ác. Vì vậy Đức Phật dạy: Người trì giới không có việc gì không đạt được, người phá giới thì tất cả đều mất đi. Ví như có người, chán ngán lo sợ nghèo túng, cúng dường chư Thiên, đủ mười hai năm, cầu mong giàu sang, trời thương xót người này, tự hiện rõ thân hình, mà hỏi người ấy rằng: Ông cầu mong giàu sang, trời thương xót người này, tự nhiên rõ thân hình, mà hỏi người ấy rằng: ông cầu mong những điều gì? Người nghèo đáp rằng: Tôi cầu mong giàu sang, muốn làm cho ước nguyện trong lòng đều đạt được. Trời đưa cho một vật, gọi là chiếc bình phước đức, mà nói cho biết rằng: Vật gì cần có đều từ chiếc bình này sinh ra. Người đó có được rồi tùy ý mong cầu không có gì không đạt được. Đươc như ý rồi, làm ra đầy đủ nhà cửa dẹp đẽ và ngựa voi xe cộ, bảy báu sung túc, cung cấp cho bạn bè khách quen, mọi điều không có gì thiếu hụt. Khách bạn hỏi rằng: Trước kia ông nghèo túng, ngày nay nhờ đâu mà được giàu có như vậy? Người ấy đáp rằng: Tôi được trời cho chiếc bình, chiếc bình có năng lực sinh ra tất cả các vật này, cho nên giàu có như vậy. Khách bạn nói rằng: Mang chiếc bình ra cho xem, và làm cho đồ vật sinh ra. Người ấy nghe rồi, liền đem chiếc bình ra cho khách bạn

thấy, từ trong bình lấy đưa ra tất cả các loại đồ vật, người ấy kiêu căng quá mức đứng múa nay bỡn cợt trước chiếc bình, chiếc bình liền bị vỡ tan, tất cả các loại đồ vật trong cùng một lúc biến mất. Người trì giới cũng lại như vậy, nếu luôn luôn trì giới thì các loại vui sướng tuyệt diệu không có nguyện gì không đạt được; nếu người phá giới kiêu ngạo quá mức, tự mình không thả, cũng như người kia phá vỡ chiếc bình mất hết lợi ích."

***Thứ tư:* Đắc Thất.**

Như luận Tát Bà Đa nói: "Nếu người muốn thọ tám giới, trước tiên tự mình buông thả theo nữ sắc, hoặc làm các thứ âm nhạc, hoặc tham ăn uống đùa đủ loại, phóng túng quá mức như vậy, dốc lòng cố ý làm hết, sau đó mới thọ giới, thì không cần phải hỏi trong thời gian trước hay trong thời gian sau đều không đạt được giới. Nếu không có tâm chủ yếu thọ giới, phóng túng đủ cách, sau gặp được bậc tri thức liền cho thọ giới, thì không cần phải hỏi trong thời gian trước hay trong thời gian sau đều có thể thọ giới thành tựu."

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: "Nếu những người sang trọng thường sai khiến làm điều ác, nếu muốn thọ trai giới, thì trước hết nên nói ra khiến cho khu vực thuộc quyền của mình vào ngày trai đừng làm việc ác, thanh tịnh như vậy thì đạt được trai giới. Nếu không ngăn chặn thì không thành tựu, bởi vì vốn có luật nghi bất thiện."

Còn trong luận Câu Xá nói: "nếu người trước đó tác ý thọ đối với ngày trai, thì cho dù ăn xong cũng có thể thọ được."

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: "Nếu thọ tám giới, thì nên nói một ngày đêm không sát sanh..., khiến cho bặt dứt nói năng bàn luận, đừng làm cho lẫn lộn cùng với giới suốt đời thọ trì."

Còn trong luận Thành Thật: "Hỏi: Tám trai pháp này chỉ nên thọ đầy đủ hay là có thể thọ một phần? Đáp: Tùy theo khả năng có thể giữ gìn nhiều ít đều được thành tựu thọ giới. Lại có người nói: Pháp này chỉ thọ một ngày một đêm, việc này thế nào? Đáp: Tùy theo thọ nhiều ít đều được, hoặc một ngày một đêm, hoặc nửa ngày nửa đêm, hoặc một tháng hay nưã tháng..., tùy theo khả năng đều được."

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Nếu thọ 8 quan trai, trước hết cần phải sám hối tội lỗi trước kia, sau đó hãy thọ giới." (Phương pháp sám hối như thiên Sám Hối ở trươc đã nói; chọn người hỏi về già nạn, như trong phần ngũ Giới ở trước giải thích).

***Thứ năm:* Thọ Pháp.**

Dựa theo luận Trí Độ: Lúc thọ giới nói rằng: Con tên họ là... hôm

nay trong một ngày một đêm, quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng, làm Ưu bà tắc thực hành thanh tịnh (Nữ thì nói Ưu bà di, nói ba lần). Con tên họ là quy y Phật rồi-quy y Pháp rồi-quy y Tăng rồi (nói ba lần)."

Đã thọ giới được rồi, sau đó nên nói cho biết về giới tướng.

Như chư Phật suốt đời không sát sanh, con tên họ là... trong một ngày một đêm không sát sanh cũng nhhư vậy.

Như chư Phật suốt đời không trộm cắp, con tên họ là... trong một ngày một đêm không trộm cắp cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không dâm dục, con tên họ là... trong một ngày một đêm không dâm dục cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không nói dối, con tên họ là... trong một ngày một đêm không nói dối cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không uống rượu, con tên họ là... trong một ngày một đêm không uống rượu cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không ngồi trên giường cao ghế rộng, con tên họ là... trong một ngày một đêm không ngồi trên giường cao ghế rộng cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không mang chuỗi ngọc hoa hương-không thoa dầu thơm vào thân-không mặc áo quần ướp hương thơm, con tên họ là... trong một ngày một đêm không mang chuỗi ngọc hoa hương-không thoa dầu thơm vào thân-không mặc áo quần ướp hương thơm cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không tự mình ca múa làm vui cũng không đến nơi xem nghe, con tên họ là... trong một ngày một đêm không tự mình ca múa làm vui cũng không đến nơi xem nghe, cũng như vậy.

Như chư Phật suốt đời không ăn quá giữa trưa, con tên họ là... trong một ngày một đêm khôna ăn quá giữa trưa cũng như vậy.

Con tên họ là... thọ và thực hành tám giới học theo chư Phật gọi là bố tát, nguyện giữ gìn phước thiện này không rơi vào 3 ác 8 nạn, cũng không cầu niềm vui của thế giới Luân Vương-Phạm Vương, nguyện đoạn trừ các phiền não đến được Tát Vân Nhã thành tựu Phật đạo (Bố tát vào thời Tần nói là Cọng trú)."

Vì vậy trong luật tăng Kỳ nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Hôm nay là ngày trai, gọi Ưu bà tắc, tắm gội sạch sẽ, mặc áo sạch sẽ thọ Bố tát.":

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: "Chắc chắn không có người nào thọ, chỉ cần tâm nghĩ đến miệng nói ra, tự quy y Tam bảo con giữ gìn tám giới, cũng được."

Còn trong luận Thành Thật nói: “Có người nói: Giới này phải thọ từ người khác. Việc ấy thế nào, thì cũng không nhất định. Nếu lúc không có người, chỉ cần tâm nghĩ đến miệng nói ra, cho đến con giữ gìn tám giới cũng được. (người nữ thọ giới không cần phải để trần cánh tay mà tự mình sự dụng phương pháp khác, đều giống như trước đã nói).”

***Thứ sáu:* Giới Tướng.**

Đã thọ được giới rồi, lý cần phải biết rõ tướng trạng để hộ trì, nếu không biết rõ tướng trang thì gặp phải duyên vẫn phạm. Năm giới trước, giống như trong phần Ngũ Giới đã nói. Ba giới sau, nay tiếp tục giải thích về sự xa lìa đồ dùng trang nghiêm.

Như luận Câu Xá nói: “Xa lìa sự trang nghiêm không phải đã từng có. Tại vì sao? Bởi vì nếu dồ vật trang nghiêm thường ngày được sử dụng, không sanh tâm say mê lẫn lộn quá mức cần thiết.”

Lời bàn: Có thể truyền giới cho người nữ, nhưng không cho phép trẻ nhỏ còn bú sữa cùng ở lại, sợ rằng nói là phá giới. Lại không cho phép ngồi nằm trên giường gỗ-ngà cao rộng sang trọng, khiến trải chăn đệm nằm đất. Lại không cho phép dùng bát gỗ thường sử dụng mà uống nước trái thời, sợ rằng bị chất nhầy làm cho phá trai. Thực hiện các loại cấm chế xằng bậy như vậy, đều không hợp với Thánh giáo, trái lại kết thêm tội lỗi không biết gì mà không chịu học hỏi. Cho dù cùng với bậc cha-anh cùng chung nơi cư trú, nhưng đối với giới không phạm, thì không gọi là phá giới.

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: “Nếu đã thọ tám giới mà đánh đạp chúng sanh; hoặc nói:

Đợi đến ngày mai sẽ đánh. Đều làm cho giới không được thanh tịnh, chứ không phải là phá giới.”

Còn trong kinh A Hàm nói: “Giường cao rộng to lớn, thì chân cao một thước sáu không phải là cao, rộng bốn thước không phải là rộng, dài tám thước không phải là to lớn. Vượt quá mức này, mới gọi là giường cao rộng to lớn. Lại có tám loại giường, bốn loại đều dựa theo vật mà phân rõ, thể loại quý gá thì không nên ngồi; bốn loại sau dựa theo con người mà phân rõ, tất cả cho dù là chăn đệm trải trên đất, nghĩ đến người tôn kính cũng không nên ngồi. Đó là: 1- Giường làm bằng vàng; 2- Giường làm bằng bạc; 3- Giường làm bằng ngà; 4- Giường làm bằng sừng; 5- Giường của Phật; 6- Giường của Bích chi Phật; 7- Giường của La Hán; 8- Giường của Sư Tăng (giường ghế của cha mẹ không thuộc về hạn định cấm cản).”

***Thứ bảy:* Là phân rõ vị trí.**

Như luận tát Bà Đa nói: "Hỏi: ngoài bảy chúng ra có giới Mộc xoa hay không? Đáp: Chính là tám giới". Từ nghĩa này suy ra người thọ tám giới, không thâu nhiếp vào trong bảy chúng. Nếu biết vị trí thì nên ngồi ở trước hàng Ưu bà tắc thọ năm giới, bởi vì thọ nhiều giới. Do đó trong luận Trí Độ nói: "Lấy tám giới ví như vị tướng khỏe mạnh."

Còn trong luận Thành Thật nói: "Hàng Ưu bà tắc thọ tám giới, thời Tần nói là Thiện Túc Nam, là người phát tâm thiện xa lìa lỗi lầm phá giới vốn có. Ưu bà tắc, trong các kinh cũng nói là Thanh Tín Sĩ, cũng gọi là Cận Phật Nam. Ưu bà di, cũng gọi là Thanh Tín Nữ, cũng gọi là Cận Phật Nữ. Như dựa theo người thế tục ở Tây Vực thọ trì năm giới hoặc tám giới, mới được gọi là Ưu bà tắc-Ưu bà di, y phục-nơi ở-việc làm thích hợp đứng sau người xuất gia, ngồi ở trước những người không trì giới; không giống như xứ sở nước Hán, người không có phép tắc của hàng bạch y, nghiệp hạnh đen tối nhiễm ô lẫn tạp, phụ họa theo gọi là hàng Ưu bà tắc, cũng xưng là Hiền giả. Không có xem xét gì, đừng vượt quá điều này."

Lại trong kinh Thị Pháp Phi Pháp nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Có pháp của bậc Hiền giả, có pháp không phải là Hiền giả. Như thế nào là pháp không phải Hiền giả? Nếu Tỳ kheo thuộc dòng dõi lớn muốn học đạo, có bạn đồng học khác không phải dòng dõi lớn, cố tình vì dòng dõi của mình mà kiêu ngạo khinh khi những người khác, đó là pháp không phải Hiền giả. Như thế nào là pháp của bậc hiền giả? Nghĩa là học mà nghĩ rằng mình không phải dòng dõi lớn, luôn luôn đoạn trừ tham sân si; hoặc là lúc có người không phải dòng dõi lớn phương tiện thọ trì giới pháp, thực hành như pháp đã giải thích, không tự khen mình cũng không khinh mạn đối với người khác, đó gọi là pháp của bậc Hiền giả."

Còn trong luận Thập Trú Tỳ Bà Sa nói: "Hỏi: Trai pháp như thế nào? Đáp: Nên phát ra nơi lời như vậy: Như các bậc Thánh nhân, thường xa lìa sát sanh, vất bỏ mọi dao gậy, thường không còn giận dữ, luôn có tâm hổ thẹn, Từ Bi với chúng sanh; con tên họ là ... hôm nay trong một ngày một đêm, xa lìa không sát sanh, vất bỏ mọi dao gậy, không có tâm giận dữ, có tâm niệm hổ thẹn, Từ Bi với chúng sanh, chọn pháp như vậy theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, xa lìa trộm cắp, thân thực hành thanh tịnh, thọ nhận mà biết đủ; con hôm nay trong một ngày một đêm xa lìa trộm cướp-không cho mà lấy, cầu thọ nhận thanh tịnh tự sống, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường đoạn trừ dâm dục, xa lìa lạc thú thế gian; con hôm nay trong một ngày một đêm, đoạn trừ với dâm dục, xa lìa lạc thú thế gian, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa lìa nói dối, luôn giữ lời chân thật, và lời nói chính trực; con hôm nay trong một ngày một đêm, xa lìa lời nói dối, mà nói lời chân thật, nói lời luôn chính trực, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa lìa uống rượu, rượu là nơi phóng túng, gây ra mọi sai lầm; con hôm nay trong một ngày một đêm, xa lìa đối với rượu, để giữ gìn tâm ý, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thươờng xa lìa ca múa, và các loại vui thú, cùng hương hoa chuỗi ngọc, đồ vật trang điểm thân; con hôm nay trong một ngày một đêm, xa lìa sự ca múa, và các loại vui thú, cùng hương hoa chuỗi ngọc, đồ vật trang điểm thân, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa lìa giường ghế, cao rộng và quý giá, ở nơi giường nhỏ hẹp, đệm cỏ làm chỗ ngồi; con hôm nay trong một ngày một đêm, xa lìa mọi giường ghế, cao rộng và quý giá, ở nơi giường nhỏ hẹp, chiếu cỏ làm chỗ ngồi, chọn pháp như vậy học theo Thánh Nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường không ăn quá ngọ, xa lìa ăn phi thời, làm thức ăn phi thời; co hôm nay trong một ngày một đêm, không ăn quá giờ ngọ, xa lìa ăn phi thời, làm thức ăn phi thời, chọn pháp như vậy học theo Thánh nhân. Như kệ nói rằng:

Sát sanh-trộm cắp và dâm dục,
Nói dối-uống rượu dùng hoa hương,
Chuỗi ngọc-ca múa mọi thú vui,
Giường cáo quý báu-ăn quá ngọ,
Các bậc Thánh nhân đã lìa bỏ,
Hôm nay con cũng học như vậy,
Nhờ nhân duyên của phước thiện này,
Nguyện cầu tất cả cùng thành Phật.”

Còn trong kinh Phật Thuyết trai nói: “Đức Phật ở tại cung điện của gia đình Thừa tướng phía Đông thành Xá Vệ, mẹ của Thường Tướng tên là Duy Da, sáng sớm tắm gội mặc áo lụa màu, cùng với các con dâu đều đi ra cúi đầu lây dưới chân Đức Phật rồi ngồi về một phía.

Đức Phật hỏi Duy Da: Sáng sớm tắm gội có việc gì? Thưa rằng: Muốn cùng với các con dâu đều thọ trai giới. Đức Phật dạy: Trai giới có ba loại, thích thọ trai giới như thế nào? Duy Da quỳ thẳng thưa rằng: Con nguyện được nghe thế nào gọi là 3 lọai trai giới! Đức Phật dạy: Một là trai giới của người chăn trâu, hai là trai giới của ngoại đạo, ba là trai giới của Phật pháp. Trai giới của người chăn trâu, như người chăn trâu cầu mong đồng cỏ và nguồn nước tốt lành cho trâu bò của họ ăn uống, chiều tối trở về suy nghĩ, cánh đồng nào có điều kiện màu mỡ, chờ đến trời sáng sẽ đi tìm. Nếu như nam nữ họ hàng thân thuộc, đã thọ trai giới, ý quyết định bởi lợi dưỡng ở nhà, nghĩ đến đồ ăn thức uống ngon lành nuôi dưỡng cho hình hài, đó là ý giống như người chăn trâu kia, không có được phước thiện to lớn, không phải là trí tuệ sáng suốt rộng lớn. Thứ hai là trai giới của ngoại đạo, ngày 15 hằng tháng đến thời gian trai giới thì nằm úp trên mặt đất thọ trai giới, vì các thần linh trong 10 do tuần mà vái lạy nói rằng: Con hôm nay trai giới không dám làm điều ác, không vì vợ con-nô tỳ, không phải là điều con có, cho đến ngày mai. Như ngoại đạo Ni Kiền kia, không có được phước thiện to lớn, không phải là trí tuệ sáng suốt lớn. Thứ ba là trai giới của Phật pháp, đệ tử ở trong đạo vào sáu ngày trai hằng tháng thọ trì tám giới. Sao gọi là tám giới? Đó là:

Giới thứ nhất: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không có ý niệm giết hại, từ bi nghĩ đến chúng sanh, không được tàn hại các loài bò bay máy cựa, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hạnh.

Giới thứ hai: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không có ý niệm tham lam, suy nghĩ bố thí loại trừ ý niệm keo kiệt tham lam, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hành.

Giới thứ ba: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không có ý niệm dâm dục, không nghĩ đến chuyện sinh hoạt vợ chồng, tu sửa phạm hạnh, không làm điều tà dục, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hành.

Giới thứ tư: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không có ý niệm nói dối, suy nghĩ hết sức thành thật, lời nói không để cho giả dối, tâm và miệng thích hợp với nhau, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hành.

Giới thứ năm: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không uống rượu, ý không say mê tán loạn-buông thả bừa bãi, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hành.

Giới thứ sáu: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không cầu an, không đắm theo hoa hương, không thoa ướp son phấn, không làm những động tác múa may ca hát, quyến rũ theo âm nhạc, như giới thanh tịnh, nhất

tâm mà thực hành.

Giới thứ bảy: Suốt một ngày một đêm giữ tâm không cầu an, không nằm trên giường tốt đẹp hay giường tầm thường với chiếc cỏ đơn sơ mà trừ bỏ sự ngủ nghỉ, suy nghĩ đến kinh đạo, như giới thanh tịnh, nhất tâm mà thực hành.

Giới thứ tám: Suốt một ngày một đêm giữ tâm tôn kính giáo pháp, lúc quá giờ ngọ không ăn, như giới thanh tịnh, nhất tam mà thực hành."

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 89

Thiên thứ 87: **THỌ GIỚI** (Phần ba)

Phần thứ sáu: **THẬP THIỆN**

Phần này có 6 mục tách biệt: Thuật ý, sám hối, thọ pháp, giới tướng, công năng.

Thứ nhất: **Thuật Ý**

Bởi lẽ Thánh đạo xa xôi mà khó mong mỏi, tịnh tâm gần kề lại dễ mê hoặc, làm núi thì gốc từ một sọt đất, làm Phật bắt đầu từ niệm đầu tiên. Vì vậy, lộ trình vạn dặm, xa rời bước đầu tiên mà không tiến lên, công lao ba kiếp, không phải tâm bắt đầu thì không thành tựu. Vì thế cho nên người thực hành đưa chân thường bước bằng tâm này, bắt đầu chỉ rõ mới học cần phải chú trọng đến mười thiện. Nay đã bước vào thời kỳ năm trược đan nhau rối bời, sai phạm lỗi lầm phát sinh ngày càng rõ rệt, không làm thì ngừng lại, làm thì rất sâu nặng. Dùng điều này suy xét tình ý thì khinh miệt như thế nào? Như trong kinh nói người phạm tội nặng so với cõi Diêm Phù này là một vạn sáu ngàn năm, mới giống như ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại sống một ngày một đêm; dùng thọ mạng trái qua thời gian dài một vạn sáu ngàn năm này, so với năm tháng của cõi Diêm Phù Đề thì trải qua chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm, ở trong địa ngục A tỳ. Nếu cứ mãi ngoan cố không tin theo kinh Phật, thì dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội, vượt quá tội lỗi giết tám vạn bốn ngàn bậc cha mẹ, sâu nặng khó tính được, không thể nào trừ diệt. Gần đây thấy đạo tục đối với những ngày trai chỉ có thọ năm giới-tám giới và ba tụ giới, còn luận đến mười thiện thì cũng không có người nào thọ. Bởi lẽ những vị Tăng giấu kín Thánh giáo, làm cho không lớn mạnh, mất đi phạm vi đối với đạo. Vì vậy trong kinh Vị Tằng Hữu nói: "Mười thiện ở bậc hạ, nghĩa là trong một ý niệm. Mười thiện ở Bậc trung, nghĩa là trong một bữa ăn. Mười thiện ở Bậc thượng,

nghĩa là từ sáng sớm đến giữa trưa, ở trong thời gian này tâm nghĩ đến mười thiện, ngăn lại mười ác. Tâm của con Dã can nghĩ đến mười thiện, bảy ngày không ăn được sanh lên cõi trời Đâu Suất.” Còn trong kinh Thượng Sanh nói: “Sau khi Ta diệt độ, 4 chúng-8 bộ muốn sanh lên cõi trời thứ tư, nên từ một ngày cho đến ngày thứ bảy, giữ ý niệm vào cõi trời ấy thọ trì giới cấm của Phật, suy nghĩ về mười thiện, thực hành đạo lý mười thiện. Đem công đức này hồi hướng nguyện sanh ở trước Đức Phật Di Lặc, tùy theo ý niệm mà vãng sanh.” Nói là bảy ngày, tạm thời luận theo thời gian gần, hãy còn cảm sanh đến cõi trời kia, huống gì suốt cả đời mà không có thể đạt được hay sao? Hỏi: Quả báo tốt đẹp trên cõi trời không thể nghĩ bàn được, như thế nào mà bảy ngày thì cảm được phước to lớn? Đáp: Nhân thiện tuy nhỏ mà đạt được quả rất to lớn, như ngọn lửa nhỏ có thể đốt cháy núi lớn; một niệm thiện có thể phá tan tội ác lớn, cũng như ngọn đèn nhỏ có thể phá tan bóng đen dày đặc, ánh mặt trời bé nhỏ có thể làm tiêu tan lớp lớp sương mù, hạt giống nhỏ nhoi có thể sanh ra cây lớn, chuyện thế gian hãy còn như vậy, huống gì năng lực của thiện niệm ư?

***Thứ hai:* Sám Hối.**

Lời bàn: Gần đây thấy kẻ ngu si không chịu tiếp nhận sám hối, miệng phát ra lời ngông cuồng, nói rằng tôi chỉ cần không điều ác, thì gọi là thiện, đâu cần phải khiến tôi trải qua tiếp nhận sám hối? Đáp: Bậc Đại Thánh phát huy giáo pháp thì sự việc giống như phù hợp với nhau, nếu không tiếp nhận thực hành thì không có gì kiểm nghiệm công khai. Vì vậy cần phải nguyện-cần phải cầu không tạo ra những điều ác, dựa vào nguyện phát khởi hạnh có hể được chấp nhận. Như trâu tuy có sức mạnh kéo xe, nhưng cần phải có người điều khiển mới có thể có nơi đi đến. Nếu không lo liệu trước mà nhất định ngột phát khởi thiện hạnh, thì bên trong không có biện pháp quản lý, sau gặp phải tội duyên liền tạo ra không dừng lại được. Bởi vì trước kia không có nguyện cho nên tạo ra những điều ác, bậc Đại Thánh biết rõ căn cơ cho nên khiến tiếp nhận điều thiện. Nếu nói rằng mình không tạo điều ác thì chính là thiện, vậy thì ông không làm điều thiện cũng phải là điều ác. Như trâu ngựa lừa la cũng không sát sanh, lẽ nào đều là thiện chăng? Đây chính là tâm thuộc về vô ký, không có nghiệp quả tội-phước, cho nên cần phải phát khởi ý niệm, chuyên chí sâu nặng mới thành nghiệp đạo. Như kinh Vị Tằng Hữu nói: “Lúc ấy có vợ Bà la môn ngoại đạo, tên là Đề Vi, chồng mất nhà nghèo, tự trách mình cô quạnh nghèo khó, muốn tự thiêu thân tế trời cầu phước cho đời tương lai. Lúc ấy có Đạo nhân, tên gọi Biện

tài, giáo hóa người nữ Đề Vi rằng: Ví như có con trâu chán ngán chiếc xe cho nên muốn làm cho chiếc xe hư hỏng, chiếc xe trước nếu hư hỏng thì tiếp tục mang lấy chiếc xe sau, cái ách vẫn quàng vào cổ, bởi vì tội lỗi chưa chấm dứt; con người cũng như vậy, giả sử nay thiêu hủy trăm ngàn vạn thân mạng, nhưng nhân duyên nghiệp tội nối tiếp nhau không mất, như địa ngục A tỳ thiêu cháy những tội nhân, trong một ngày tám vạn lần chết đi-tám vạn lần sống lại, qua một kiếp rồi tội lỗi ấy mới hết, huống là cô bây giờ một lần thiêu thân mà mong cầu diệt hết tội lỗi, nào có lý gì thích hợp được? Đề Vi thưa rằng: Nên tìm cách gì khiến cho tội lỗi được tiêu diệt? Biện tài đáp rằng: Tâm trước làm ác như mây che mặt trăng, tâm sau phát khởi thiện như ngọn đuốc trừ hết bóng tối, tự nhiên có phương tiện diệt trừ tai ương tội lỗi, đời hiện tại an ổn sau sanh đến nơi tốt lành. Đề Vi nghe rồi tâm vô cùng hoan hỷ, nỗi lo sợ hãi hùng lập tức trừ diệt, liền dẫn theo nô tỳ và quyến thuộc trong nhà hơn năm trăm người, vây tròn xung quanh rập đầu lễ lạy, chắp tay cung kính, thưa với Biện Tài rằng: Trước đây Tôn giả đã nói về nội dung sự việc diệt trừ tội lỗi, nguyện tiếp tục nói cho biết về pháp loại trừ tội lỗi, sẽ thực hành đúng như pháp. Biện Tài đáp rằng: Nguyên do phát khởi tội lỗi từ thân miệng ý sinh ra, sát sanh-trộm cắp-tà dâm là nghiệp bất thiện của thân, nói dối-hai lưỡi-thọ ác-thêu dệt là nghiệp bất thiện của miệng, ganh tỵ nóng giận-kiêu mạn-tà kiến là nghiệp bất thiện của ý, đó là mười điều ác, nhận chịu tội báo xấu ác, nay nên dốc lòng chân thành sám hối, hoặc ở quá khứ, hoặc ở đời này, có tội như vậy nay đều sám hối, đưa ra tội diệt trừ tội, nên tự mình lập thệ nguyện cứu độ quyến thuộc thay họ sám hối tội lỗi, phước thiện đã tu tập mong giúp cho tất cả chúng sanh đang nhận chịu khổ đau khiến họ có được niềm vui, chúng sanh có tội lỗi mình sẽ nhận chịu thay họ, nhờ vào đây thọ thân cho đến lúc thành tựu Phật đạo. Sám hối xong rồi, lại dạy cho những điều thiện khác, nên chịu khó vâng mạng thực hành. Biện tài tiếp tục cho thọ pháp của mười thiện." Pháp đầy đủ như sau.

***Thứ ba:* Thọ Pháp**

Lời bàn: Nếu muốn thọ giới, cần phải đối diện trước một người trong năm chúng xuất gia mà thọ, chấn chỉnh lại các oai nghi, quỳ thẳng chắp tay một vị Giới Sư rằng: Con tên họ là... nay thỉnh Đại Đức làm Giới Sư A xà lê mười thiện cho con, nguyện Đại Đức làm Giới Sư A xà lê mười thiện cho con, con dựa vào Đại Đức cho nên được thọ mười thiện, mong thương xót dạy bảo cho con. (Nói ba lần như vậy. Ở đây tuy không có văn, nhưng theo đúng nghĩa thỉnh Sư thọ Đại giới cũng không

sai. Không thỉnh tuy cũng thành tựu, nhưng không bằng thỉnh để sanh thiện.Nhưng mà mười thiện này là căn bản của ba thừa, là thuốc tốt của trời người, nhận được quả tốt đẹp, thật sự nhờ vị thầy dạy bảo, lẽ nào có thể không thỉnh hay sao? Dù cho đối trước Đại chúng chùng thỉnh trong một lúc cũng được.)

Thọ pháp này đại ý có hai cách: Đầu tiên đối trước người mà thọ, sau là tự mình thọ pháp. Một là đối trước người mà thọ, dựa theo kinh sơ lược dẫn ra hai văn. Tạm thời dựa theo kinh Vị Tằng Hữu nói: "Nay ông đang thành tâm quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tỳ kheo Tăng, nói ba lần như vậy. Nay hướng về suốt đời thọ mười thiện đạo, con là đệ tử tên họ....từ nay cho đến suốt đời không sát sanh-không trộm cắp-không tà dâm, là thiện nghiệp của thân; không nói dối-hai lưỡi-thô ác-thêu dệt, là thiện nghiệp của miệng; không ganh tỵ-nóng giận-kiêu mạn-tà kiến, là thiện nghiệp của ý; vậy thì gọi là pháp của mười thiện giới."

Dựa theo kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn; pháp thọ mười thiện, thì mười thiện này cùng với văn mười giới Sa di xuất gia giống nhau, nhưng ý kinh này cũng bao gồm Bồ Tát tại gia, cũng được thọ như nhau. Vì vậy kinh nói: "Lúc bấy giờ Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Thế nào là quy y Phật? Đức Phật bảo với Văn Thù: Người quy y Phật nên nói như vậy: Thưa Đại Đức! Con tên họ là... quy y Phật cho đến Bồ đề, quy y Pháp cho đến Bồ đề, quy y Tăng cho đến Bồ đề (nói ba lần như vậy). Con tên họ là... đã quy y Phật rồi, đã quy y Pháp rồi, đã quy Tăng rồi (nói ba lần như vậy). Sau đó thọ giới tướng, nói rằng: Thưa Đại Đức! Con trì giới Bồ Tát, con tên họ là... từ nay cho đến Bồ đề không giết hại chúng sanh mà xa lìa ý tưởng sát sanh, cho đến Bồ đề không trộm cắp cũng xa lìa ý tưởng trộm cắp, cho đến Bồ đề không trái với phạm hạnh mà xa lìa ý tưởng trái với phạm hạnh, cho đến Bồ đề không nói dối mà xa lìa ý tưởng nói dối, cho đến Bồ đề không uống các thứ rượu mà xa lìa ý tưởng uống rượu, cho đến Bồ đề không xoa ướp hương hoa cũng không sanh ý tưởng xoa ướp hương hoa, cho đến Bồ đề không ca múa làm vui mà xa lìa ý tưởng ca múa, cho đến Bồ đề không ngồi nằm trên giường ghế cao rộng to lớn mà xa lìa ý tưởng ngồi nằm giường ghế cao rộng, cho đến Bồ đề không ăn quá giờ Ngọ mà xa lìa ý tưởng ăn quá giờ Ngọ, cho đến Bồ đề không nắm giữ vàng bạc châu báu mà xa lìa ý tưởng nắm giữ vàng bạc châu báu, cho đến Bồ đề phải đầy đủ 6 Ba la mật Đại Từ Đại Bi."

Hai là trình bày về tự mình thọ pháp. Nếu như lúc không có người xuất gia để có thể đối trước họ mà thọ, thì vào ngày trai hướng đến

ở trước hình tượng Đức Phật, chí thành sám hối rồi tự mình phát khởi thiện nguyện, mong muốn thọ mà nói rằng: Con tên họ là....nguyện quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng (nói ba lần như vậy). Con tên họ là... quy y Phật rồi-quy y Pháp rồi-quy y Tăng rồi (nói ba lần như vậy). Sau đó thọ giới tướng, nói rằng: Con tên họ là... nguyện suốt cuộc đời ở trong tất cả hữu tình, tâm thực hành Đại Từ không lựa chọn phàm Thánh, cho đến Bồ đề không khởi tâm sát hại, cho đến không khởi lên tà kiến (nói ba lần như vậy). Con tên họ là... suốt cuộc đời ở trong tất cả hữu tình, tâm thực hành Đại Từ không lựa chọn phàm Thánh, cho đến Bồ đề không khởi tâm sát hại rồi, cho đến không khởi lên tà kiến rồi (nói ba lần như vậy. Đối trước người mà thọ dựa theo cách này để thọ cũng được, tuy không phải là Chánh văn nhưng theo đúng ý thì không ngại gì).

***Thứ tư:* Giới Tướng**

Dựa theo kinh Đại Bát Nhã quyển thứ 473 nói: "Tự mình thọ trì mười thiện nghiệp đạo, cũng khuyến khích người khác thọ trì mười thiện nghiệp đạo, khen ngợi nêu cao pháp thọ trì mười thiện nghiệp đạo không trái ngược, hoan hỷ ca ngợi người thọ trì mười thiện nghiệp đạo." (năm giới-tám giới-giới xuất gia... cũng đều tự mình thọ và khuyến khích người khác thọ trì như vậy.)

Lại trong kinh Văn Thù Sư Lợi vấn, nói: "Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Giới xuất thế gian có mấy loại? Đức Phật bảo với văn Thù Sư Lợi: Nếu dùng tâm phân biệt nam nữ hay chẳng phải nam nữ..., thì Bồ Tát phạm Ba la di.

Nếu dùng tâm phân biệt súc sanh-quỷ thần-chư Thiện nam nữ và chẳng phải nam nữ..., thì Bồ Tát phạm Ba la di.

Nếu dùng hành nghiệp của thân miệng không thể chịu được ba thừa, không phát khởi tâm Từ Bi, thì Bồ Tát phạm Ba la di.

Nếu dùng hành nghiệp của thân miệng không thể chịu được ba thừa, nếu đối với vật của người khác mà khởi lên ý tưởng trộm cắp, thì pham Ba la di.

Nếu dùng hành nghiệp của thân miệng không thể chịu được ba thừa, nếu khởi lên tâm nói dối, thì phạm ba la di."

Còn trong kinh Phạm Võng nói: "Đức Phật bảo với các Bồ Tát rằng: Nay Ta cứ mỗi nửa tháng nửa tháng tự mình tụng giới pháp của chư Phật, tất cả Bồ Tát các ông, cho đến các Bồ Tát Thập Địa, cũng tụng giới này. Giới này là bổn nguyên của chư Phật, là căn bản thực hành Bồ Tát đạo. Nếu người thọ giới, là Quốc Vương-Vương tử-quan lại-tướng sĩ, Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, mười tám Phạm Thiên-chư Thiên

sáu cõi Dục, dân chúng quê mùa, hoàng môn-dâm nam-dâm nữ-nô tỳ, tám bộ quỷ thần-các thần Kim Cang, súc sanh cho đến người biến hóa, chỉ cần hiểu được lời nói của Pháp Sư, thì đều thọ được giới, đều gọi là người thanh tịnh bậc nhất. Đức Phật bảo với các Phật tử rằng: Có mười giới trọng (Ba la đề mộc xoa), nếu người thọ giới Bồ Tát mà không tụng giới này, thì không phải là Bồ Tát, không phải là chủng tử thành Phật. Ta cũng tụng như vậy, tất cả Bồ Tát đã học, tất cả Bồ Tát sẽ học, tất cả Bồ Tát đang học. Ta đã nói sơ lược về tướng mạo của Ba la đề mộc xoa, cần phải học và dốc lòng cung kính vâng mạng thọ trì.

Đức Phật bảo với Phật tử: Nếu tự mình giết hại-dạy người khác giết hại-tìm cách mà giết hại-khen ngợi sự giết hại, thấy làm mà tùy hỷ cho đến bùa chú mà giết hại; nghiệp giết hại-pháp giết hại-nhân giết hại, cho đến tất cả loài có mang sống thì không được cố ý giết hại; là Bồ Tát thì nên phát khởi tâm Từ Bi-tâm hiếu thuận thường trú tìm phương tiện cứu hộ, mà lại tự mình buông thả tâm ý tùy tiện sát sanh, đây là tội Ba la di thứ nhất của Bồ Tát. (Nói ba la di thì ở đây nói là rất nặng).

Nếu Phật tử, tự mình trộm cắp-dạy người khác trộm cắp-tìm cách mà trộm cắp, nghiệp trộm cắp-pháp trộm cắp-duyên trộm cắp, bùa chú mà trộm cắp cho đến trộm cắp vật có chủ của quỷ thần, tất cả mọi thứ tài vật dù chỉ một cây kim-một ngọn cỏ cũng không được cố ý trộm cắp; mà Bồ Tát cần phải sanh tâm Phật tánh-hiếu thuận-Từ Bi, luôn luôn giúp đỡ tất cả mọi người phát sanh phước thiện-phát sanh niềm vui, nhưng trái lại còn trộm cắp đồ vật của người, đây là tội Ba la di thứ hai của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình dâm dục-dạy người khác dâm dục cho đến tất cả mọi người nữ không được cố ý dâm dục, nhân dâm dục-nghiệp dâm dục-pháp dâm dục-duyên dâm dục, cho đến súc sanh nữ-chư Thiên quỷ thần nữ, và hành dâm dục trái đạo; mà Bồ Tát cần phải sanh tâm hiếu thuận cứu độ tất cả chúng sanh, mang giáo pháp thanh tịnh đến cho mọi người, nhưng trái lại còn khởi lên ý niệm dâm dục đối với tất cả mọi người, không chọn lựa súc sanh, thậm chí hành dâm với mẹ-chị em gái và bà con thân thuộc, không còn tâm Từ Bi, đây là tội Ba la di của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình nói dối-dạy người khác nói dối- dạy người khác nói dối-tìm cách mà nói dối, nhân nói dối-nghiệp nói dối-pháp nói dối-duyên nói dối, cho đến không thấy nói thấy-thấy nói không thấy, thân tâm nói dối; mà Bồ Tát luôn luôn phát sanh lời nói chính đáng-cách nhìn chính đáng, cũng phát sanh lời nói chính đáng-cách

nhìn chính đáng cho chúng sanh, mà trái lại còn khởi lên lời nói tà vạy-cách nhìn tà vạy-nghiệp hạnh tà vạy đối với tất cả chúng sanh, đây là tội Ba la di thứ tư của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình bán rượu-dạy người khác bán rượu, nhân bán rượu-nghiệp bán rượu-pháp bán rượu-duyên bán rượu, tất cả mọi thứ rượu đều không được bán, vì rượu là nhân duyên gây ra tôi lỗi; mà Bồ Tát cần phải phát sanh trí tuệ thông hiểu sáng suốt của tất cả, nhưng trái lại còn phát sanh điên đảo cho chúng sanh, đây là tội Ba la di thứ năm của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, miệng tự nói lỗi lầm của Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni-Bồ Tát xuất gia và tại gia, dạy người khác nói đến lỗi lầm, nhân lỗi lầm-nghiệp lỗi lầm-pháp lỗi lầm-duyên lỗi lầm; mà Bồ Tát nghe người ác ngoại đạo và người ác Nhị thừa nói đến pháp sai trái-luật sai trái trong Phật pháp, thường sanh tâm Bi, giáo hóa hạng người ác này khiến cho phát sanh niềm tin tốt đẹp đối với Đại thừa, nhưng Bồ Tát trái lại còn tự mình nói đến lỗi lầm trong Phật pháp, đây là tội Ba la di thứ sáu của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, miệng tự khen mình chê người cũng dạy người khác tự khen mình chê người, nhân chê người-nghiệp chê người-pháp chê người-duyên chê người; mà Bồ Tát cần phải nhận chị thay cho tất cả chúng sanh, mọi điều chê bai nhục mạ xấu xa hướng về mình còn điều tốt đẹp nhường cho người khác, nếu tự nêu cao đức hạnh của mình để che giấu điều tốt đẹp của người ta, làm cho người ta bị chê bai, đây là tội Ba la di thứ bảy của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình keo kiệt-dạy người khác keo kiệt, nhân keo kiệt-nghiệp keo kiết-pháp keo kiệt-duyên keo kiệt; mà Bồ Tát thấy tất cả nhưng người nghèo khổ đến cầu xin, tùy theo người trước mặt cần gì thì cung cấp tất cả giúp cho họ, nhưng Bồ Tát dấy lên tâm xấu ác-tâm nóng giận, thậm chí không cho một đồng-một cây kim-một ngọn cỏ; có người đến cầu pháp, không vì họ mà nói cho một câu-một kệ-một chút nhỏ giáo pháp, trái lại còn mắng mỏ làm nhục, đây là tội ba la di thứ tám của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình nóng giận-dạy người khác nóng giận, nhân nóng giận-nghiệp nóng giận-pháp nóng giận-duyên nóng giận; mà Bồ Tát cần phải phát sanh thiện căn trong tất cả chúng sanh, sự việc không hề tranh chấp, thường sanh tâm Bi, nhưng trái lại còn ở trong tất cả chúng sanh cho đến ở trong loại chẳng phải chúng sanh, dùng lời thô ác mắng mỏ làm nhục, còn dùng tay đánh, và dùng dao gậy, ý hãy còn

không ngưng, người trước mặt cầu xin hối lỗi dùng lời tốt lành sám hối nhận lỗi, hãy còn giận dữ không cởi bỏ, đây là tội Ba la di thứ chín của Bồ Tát.

Nếu Phật tử, tự mình bài báng Tam bảo, dạy người khác bài báng Tam bảo, nhân bài báng-nghiệp bài báng-pháp bài báng-duyên bài báng; mà Bồ Tát thấy ngoại đạo cùng với người ác nói một lời bài báng Đức Phật, âm thanh ấy như ba trăm mũi kiếm đâm vào tim, huống là tự miệng mình bài báng không sanh tâm tin tưởng-tâm hiếu thuận, nhưng trái lại còn giúp người ác-người tà kiến bài báng, đây là tội Ba la di thứ mười của Bồ Tát.

Nếu các Nhân giả cố gắng học, thì mười trọng giới (ba la đề mộc xoa) Bồ Tát này, cần phải học, ở trong trọng giới không nên phạm vào một giới nào dù chỉ bằng mảy bụi nhỏ, huống là phạm đủ cả mười giới hay sao? Nếu có phạm vào thì thân hiện tại không thể nào phát tâm Bồ đề, cũng đánh mất địa vị Quốc Vương-địa vị Chuyển Luân Vương, cũng đánh mất địa vị Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, cũng đánh mất quả vị tuyệt vời thường trú trong Phật tánh của mười Phát Thú-mười Trưởng Dưỡng-mười Kim Cang-mười Địa, tất cả đều đánh mất mà rơi vào trong ba đường ác hiểm, hai kiếp-ba kiếp không nghe được tên gọi của cha mẹ-Tam bảo. Vì vậy tất cả không nên phạm vào, tất cả những Bồ Tát các ông đã học-đang học và sẽ học, mười giới này cần phải học, dốc lòng cung kính vâng mạng thọ trì.” Phẩm tám vạn oai nghi sẽ trình bày rộng ra, học mười giới này rồi, lại có bốn mươi tám khinh pháp, đều cần phải học, bởi vì văn nhiều cho nên không thuận lại, người học xem trong kinh Phạm Võng sẽ biết.

***Thứ năm:* Công Năng**

Như kinh Đại Tập nói: “Đức Phật dạy: Này các Nhân giả! Chấm dứt nghiệp sát sanh cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Đối với các chúng sanh cảm được không có gì sợ hãi; 2- Đối với các chúng sanh cảm được tâm Đại Từ; 3- Đoạn trừ tập khí xấu ác; 4- Giảm bớt các bệnh tật, làm việc rất quyết đoán; 5- Cảm được thọ mạng lâu dài; 6- Được loài phi nhân bảo vệ; 7- Thức hay ngủ đều được an lành, không có những ác mộng; 8- Không có những oán thù; 9- Không sợ đường ác; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Nay các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp sát sanh cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu chứng được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy xa lìa những điều sát hại,

chúng sanh sống lâu kiếp sau sanh đến quốc gia ấy.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp trộm cắp cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Vốn có quả báo to lớn, làm việc rất quyết đoán; 2- Tất cả tiền bạc của cải không cùng với người khác mà có; 3- Không cùng với năm loại hao tổn; 4- Mọi người kính mến không có ai chán ghét; 5- Đi lại mọi nơi không có điều gì làm khó dễ; 6- Qua lại khắp chốn không có gì sợ hãi; 7- Lấy sự bố thí làm niềm vui; 8- Không mong cầu tiền của châu báu mà tự nhiên có được nhanh chóng; 9- Có được tiền của không tán mác; 10-Thân mạng chấm dứt sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp trộm cắp cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt được Vô thương trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy đầy đủ các loại hoa quả rừng cây-áo quần-chuỗi ngọc và đồ vật trang nghiêm, vật báu quý hiếm không có gì không đầy đủ.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp tà dâm cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Cảm được luật nghi của các căn, làm việc rất quyết đoán; 2- Được trú trong sự ly dục thanh tịnh; 3- Không phiền muộn đối với người khác; 4- Mọi người vui thích; 5- Mọi người thích nhìn; 6- Luôn luôn phát khởi tinh tấn; 7- Thấy sai lầm của sanh tử; 8- Thường thích bố thí; 9- Thường thích cầu pháp; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp tà dâm cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy không có sự sống vốn có, cũng không có nữ căn, không thực hiện dâm dục, thảy đều hóa sanh.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp nói dối cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Mọi người bảo vệ tùy ý nói điều gì cũng tin; 2- Ở tất cả mọi nơi cho đến chư Thiên hễ phát ra lời nói thì được thành tựu; 3- Miệng tỏa ra mùi thơm như hoa Ưu bát la; 4- Ở giữa trời người một mình làm người chứng minh; 5- Mọi người kính mến xa rời mọi điều nghi hoặc; 6- Thường phát ra lời nói chân thật; 7- Tâm ý luôn luôn thanh tịnh; 8- Thường không có lời nịnh bợ, nói thì nhất định hợp với căn cơ; 9- Thường nhiều sự hoan hỷ; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp nói dối cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt

được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy không có sự sống vốn có, các loại hương quý báu vi diệu thường tỏa khắp đất nước ấy.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp nói hai lưỡi cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Thân không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 2- Quyến thuộc không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 3- Bạn tốt không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 4- Niềm tin không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 5- Giáo pháp không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 6- Oai nghi không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 7- Xa ma tha không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 8- Tam muội không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 9- Nhẫn nhục không thể nào phá hoại sự bình đẳng; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp nói hai lưỡi cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy vốn có quyến thuộc, tất cả các loại ma oán và bè đảng của chúng, cũng không thể nào phá hoại được.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp nói thô ác cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1-Cảm được lời nói êm dịu; 2- Lời nói nhanh nhạy sắc bén; 3- Lời nói hợp với lý lẽ; 4- Lời nói tốt đẹp có lợi; 5- Nói thì nhất định được thích hợp; 6- Lời nói thẳng thắn; 7- Lời nói không sợ hãi; 8- Lời nói không dám khinh khi xúc phạm; 9- Nói pháp biện giải rõ ràng; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp nói thô ác cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâi đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy âm thanh giáo pháp đầy đủ mọi nơi, xa lìa những ngôn ngữ xấu ác.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp nói thêu dệt cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Trời người kính mến; 2- Người quang minh chính đại tùy hỷ; 3- Thường vui với sự thật; 4- Không bị người quang minh chính đại hiềm nghi, cùng cư trú không xa rời; 5- Nghe lời nói có thể hiểu ý; 6- Thường được tôn trọng kính mến; 7- Thường cảm được yêu thích những nơi vắng lặng; 8- Yêu thích sự lặng lẽ của Hiền Thánh; 9- Xa lìa người ác-gần gũi Hiền Thánh; 10-Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp nói thêu dệt cảm được 10 loịa công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người

này không bao lâu đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy đoan chánh, chúng sanh đến quốc gia ấy, có trớuu việt không hề quên và vui vẻ an trú trong sự ly dục.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp tham dục cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Thân căn không thiếu sót; 2- Khẩu nghiệp luôn thanh tịnh; 3- Ý không bị tán loạn; 4- Được quả báo tốt đẹp; 5- Được giàu sang vô cùng; 6- Mọi người đều thích nhìn; 7- Quả báo đã đạt được thì quyến thuộc không thể nào phá hoại; 8- Thường với người quanh minh chính đại gặp gỡ lẫn nhau; 9- Không xa rời âm thanh giáo pháp; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp tham dục cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, ở lãnh thổ quốc gia ấy xa lìa đối với ma oán và các loại ngoại đạo.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp nóng giận cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Lìa xa tất cả mọi sự nóng giận; 2- Vui với ý niệm không tích chứa tài sản; 3- Các bậc Thánh vui thích; 4- Thường cùng với Hiền Thánh gặp gỡ lẫn nhau; 5- Cảm được việc làm lợi ích; 6- Dung nhan đoan chánh; 7- Thấy chúng sanh vui sướng thì sanh tâm hoan hỷ; 8- Đạt được Tam muội; 9- Cảm được thân miệng ý điều hòa mềm mại sáng ngời; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp nóng giận cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này không bao lâu đạt được Vô thượng trí, lúc đến quả vị Bồ đề, tất cả chúng sanh ở lãnh thổ quốc gia ấy, đều đạt được Tam muội, kiếp sau sanh đến quốc gia ấy tâm tư vô cùng thanh tịnh.

Đức Phật dạy: Chấm dứt nghiệp tà kiến cảm được mười loại công đức. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Tâm tánh nhu mì thân thiện, bạn bè có tài đức; 2- Tin có nghiệp báo thạm chí mất đi mạng sống cũng không khởi lên những ác niệm; 3- Cung kính tin tưởng Tam bảo, giả sử vì mạng sống cũng không tin theo Thiên thần; 4- Có được cách nhìn chính đáng, không làm điều quái dị cũng không chọn lựa ngày tốt giờ tốt; 5- Thường sanh trong trời người lìa xa những đường ác hiểm; 6- Thường thích làm việc phước đức được người quang minh chính đại khen ngợi; 7- Rời bỏ lễ nghi thông tục, thường mong cầu Thánh đạo;8- Xa rời cách nhìn Đoạn- Thường tiến vào trong pháp nhân duyên; 9-

Thường cùng nhau hội ngộ với người phát tâm chính đáng và có chí nguyện chính đáng; 10- Thân mạng chấm dứt được sanh vào đường tốt lành. Này các Nhân giả! Đây gọi là chấm dứt nghiệp tà kiến cảm được mười loại công đức. Nếu có thể dùng thiện căn này hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề, thì người này nhanh chóng đầy đủ 6 ba la mật, ở tại cõi Phật thanh tịnh mà thành tựu Chánh Giác. Đạt được quả vị Bồ đề rồi, ở lãnh thổ quốc gia ấy dùng công đức trí tuệ và tất cả thiện căn để tự trang nghiêm; chúng sanh kiếp sau đến quốc gia ấy, không tin theo Thiên thần, xa lìa đường ác hiểm đáng sợ, ở quốc gia ấy mạng chung sanh trở lại những nơi tốt lành."

***Phần thứ bảy*: TAM TỤ**

Phần này có 13 mục tách biệt: Thuật ý, Tổn ích, Giản đức, Sám hối, Thọ pháp, Thỉnh chứng, Giới tướng, Khuyến thỉnh, Tùy hỷ, Hồi hướng, Phát nguyện, Ưu liệt, Thọ xả.

***Thứ nhất:* Thuận Ý**

Nói đến mười thiện-năm giới thì nhất định phải biểu hiện bằng thọ nhận, giới thanh tịnh của Bồ Tát thì có thể thành tựu do tâm. Bởi vì giới pháp thì Lý rộng mà Sự sâu, tại gia-xuất gia bình đẳng mà thọ, mầm Tuệ nhờ vào đây để thành tựu, nước Định theo cách này mà tràn đầy; chắc chắn trang nghiêm bằng Lục Độ, đeo xâu chuỗi ngọc bằng Tứ Đẳng. Tuy rằng ngôi nhà chưa thành tựu, mà nền móng đã được mở rộng. Chỉ có điều là Giới Bổn này, lưu truyền đến đất Hán, bắt đầu cuối nhà Tấn, Sa môn Đàm Vô Sấm người xứ Trung Thiên Trúc, ôm theo Giới Kinh này và pháp Ưu Bà Tắc, theo hướng Đông vượt qua vùng hoang mạc Lưu Sa, trích lấy tất cả mọi thứ tự và chương mục, sao chép lại đưa ra làm thành tập Giới Bổn. Ở Lương Châu có Pháp Sư Đạo Tiến, tâm đạo thật siêu việt, tuệ lực ít người sánh, nghe Giới Bổn lưu truyền, bèn hướng đến Đôn Hoàng, tự mình xin nghênh tiếp. Giới pháp đã đến nơi, lúc ấy không có Sư, thế là trịnh trọng y theo kinh văn tự thề mà thọ. Lúc bấy giờ đạo tục ở Lương Châu cũng chưa có ai biết. Sau đó Pháp Sư Đạo Lãng ở chùa ấy, mộng thấy Đạo Tiền được Đức Phật thọ ký, và Tăng Ni Tín Sĩ gồn mười mấy người, tất cả cùng mộng thấy như vậy, cùng nhau nói cho biết hện tượng. Không bao lâu Đạo Tiến trở về, quả nhiên tiếp nhận giới pháp này. Đạo Lãng tuổi tác và đức hạnh cao vời đáng kính, hướng về phía Tây Thiên, đã yêu thích Đại thừa, còn chứng thực mộng lành, tâm vô cùng vui sướng, đã thọ theo Đạo Tiến. Bởi vì là chốn tốt đẹp của Bồ Tát vượt lên trên ba thừa, cho nên tức thì gạt bỏ tu-

ổi tác hạ xuống làm Pháp đệ. Sau đó danh đức Tăng-Ni và Thanh tín sĩ-Thanh tìn nữ, lần lượt theo học hơn ba ngàn người. Thứ sử Lương Châu nghe giới hạnh của Đạo Tiến, tôn trọng tuân theo giữ lễ tiết của thầy trò. Thế là giới pháp Bồ Tát truyền đến khắp nơi mọi miền đất nước. Từ lúc ấy đến nay người tốt kẻ xâu thuận theo họ trì vô số. Nguyện cầu pháp vị cam lộ này, bình đẳng rưới mát khắp Đại thiên! Kính cẩn viết ra điều này để ghi lại đầu đuôi sự việc ấy mà thôi.

Thứ hai: **Tổn Ích** (mất và được).

Dựa theo kinh Anh Lạc nói: "Đức Phật dạy: Các Phật tử! Nay Ta vì các Bồ Tát kết lại tất cả giới căn bản, đó gọi là Tam tụ giới, là Phật tử thọ mười giới vô tận rồi thì thọ giới ấy, vượt qua 4 ma thoát ra ngoài 3 cõi khổ đau, từ đời này đến đời khác không mất đi giới này, thường đi theo người thực hành cho đến lúc thành Phật."

Trong kinh Phạm Võng nói: "người giới vô tận là: 1- Không sát sanh; 2- Không trộm cắp; 3- Không tà dâm; 4- Không nói dối; 5- Không uống rượu và không bán rượu; 6- Không tự khen mình chê người; 7- Không nói lỗi lầm của Bồ Tát tại gia và xuất gia; 8- Không tham; 9- Không sân; 10- Không bài báng Tam bảo. Đây gọi là mười giới vô tận."

Kinh Anh Lạc lại nói: "Các Phật tử! Nếu tất cả chúng sanh ba đời quá khứ-vị lai-hiện tại không thọ giới Bồ Tát này, thì không gọi là người có tình thức, không khác gì súc sanh, không đáng gọi là người, thường xa rời biển rộng Tam bảo, không phải là Bồ Tát, không phải là nam-không phải là nữ, mà gọi là súc sanh, gọi là người tà kiến, gọi là ngoại đạo, không hợp với tình người. Vì vậy biết rằng giới Bồ Tát có pháp tiếp nhận mà không có pháp rời bỏ, tận cùng thời gian vị lai có phạm cũng không mất. Nếu có người muốn thọ giới Bồ Tát, thì Pháp Dư trước hết hãy giải thích cho hô khiến trong lòng vui thích theo giới pháp, sau đó mới cho thọ giới. Vả lại, Pháp Sư có thể ở trong tất cả các quốc độ, giáo hóa một người xuất gia thọ giới Bồ Tát, thì phước thiện của Pháp Sư này hơn hẳn việc làm tám vạn bốn ngàn tòa tháp, huống là hai người-ba người cho đến trăm người-ngàn người..., thì phước báo không thể nào tính kể được. Vĩ Pháp Sư ấy, thì vợ chồng con cái cha mẹ có thể làm thầy cho nhau. Người thọ giới ấy, tiến vào trong số Bồ Tát ở cảnh giới chư Phật, vượt lên trên khổ đau của ba kiếp sanh tử. Vì vậy cho nên hãy thọ giới, người có giới mà phạm, hơn hẳn người không có giời không phạm. Vả lại, phạm gọi là Bồ Tát, không phạm thì gọi là ngoại đạo. Vì vậy cho nên có thọ một phần giới thì gọi là một phần Bồ

Tát, cho đến hai-ba-bốn... mười phần thì gọi là thọ giới đầy đủ. Vì vậy cho nên tâm tận cùng thì giới cũng tận cùng, tâm không có gì tận cùng cho nên giới cũng không có gì tận cùng. Chúng sanh trong sáu đường thọ được giới, chỉ cần hiểu được lời nói thì đạt được giới không mất."

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: "Có hai nhân duyên mất giới Bồ Tát, một là hủy bỏ tâm Bồ đề, hai là mang tâm niệm vô cùng độc ác. Lìa bỏ hai nhân duyên này, cho đến đời khác ở trong địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, cuối cùng cũng không mất giới. Nếu vào đời sau lúc tiếp tục thọ giới Bồ Tát, thì không gọi là mới lần đầu có được, mà gọi là bắt đầu bày tỏ sáng rõ trong suốt."

Còn trong kinh Phạm Võng nói: "Lúc bấy giờ người trí hướng về mười phương chư Phật thay cho người thọ giới, nói to theo pháp yết ma xong, mười phương chư Phật và các Bồ Tát, từ xa trông thấy người này phát sanh ý tưởng là con- ý tưởng là em, tất cả đều rủ lòng thương sót hộ niệm. Nhờ chư Phật-Bồ Tát hộ niệm từ xa, khiến cho người thọ giới tăng thêm công đức, không mất thiện căn; khiến cho người thọ giới cảm thấy lỗ chân lông toàn thân từ đỉnh đầu đến chân, như làn gió mát lùa vào thân thể, toàn thân run rẩy sợ hãi. Nên biết rằng người thọ trong sâu thẳm có đủ giới tướng ấy. Lúc bấy giờ thuận theo có mười phương chư Phật, dùng ánh mắt Chánh pháp nhìn thấy người thực hành này có tâm chân thật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở giữa Thánh chúng, liền nói to lời như vậy: Bày tỏ với tất cả đại chúng, trong thế giới ấy có Bồ Tát ấy ở quốc độ ấy, từ người trí ấy thỉnh cầu giới pháp Bồ Tát, người này không có thầy, Ta làm thầy cho người ấy, mong hãy thương xót.

Đức Phật lại dạy: này Phật tử! Lúc cho người thọ giới, chỉ trừ ra người có bảy tội nghịch không được thọ giới Bồ Tát, ngoài năm tội nghịch ra còn thêm tội giết hại Hòa thượng-A xà lê, thì tất cả Quốc Vương-Vương Tử-Đại thần-quan chức, Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, thiện tín nam-nữ, dâm nam-dâm nữ, mười tám trời cõi Phạm, người không có căn-hai căn-hoàng môn-nô tỳ, tất cả quỷ thần-các thần Kim Cang, súc sanh và người biến hóa, chỉ cần hiểu lời Pháp Sư nói đều được thọ giới. Nên dạy bảo cho biết cà sa mang trên thân, đều dùng áo hoại sắc, cùng với ngoại đạo khác biệt nhau.

Đức Phật lại dạy: Nếu Phật tử, với danh phận Thái Tử lúc sắp tiếp nhận địa vị Quốc Vương, lúc tiếp nhận địa vị Chuyển Luân Vương, lúc quan chức tiếp nhận địa vị, nên trước hết hãy thọ giới Bồ Tát, thì tất cả quỷ thần cứu giúp bảo vệ thân thể Quốc Vương và thân thể của các quan chức, chư Phật thảy đều hoan hỷ. Đã được giới rồi nên sanh tâm

hiếu thuận-tâm cung kính, thấy Thượng Tọa-Hòa thượng-A xà lê-Đại đức và người cùng học-cùng cách nhìn-cùng thực hành, mà Bồ Tát lại sanh tâm kiêu ngạo-tâm ngu si-tâm khinh mạn, không đứng dậy chào đón lễ phép, tất cả không đúng như pháp. Nếu lúc muốn cúng dường, hãy tự bán mình, quốc thành-con cái-tài sản-bảy báu đều dùng để cung cấp đầy đủ. Nếu không như vậy thì phạm vào tội khinh cấu.”

Thứ ba: **Giản Đức** (Lựa chọn tài đức).

(Từ đây xuống dưới, các phần đều dựa vào luận Địa Trì, soạn ra giới pháp này).

Cung kính tìm trong Thánh giáo, quy định thọ giới rất nhiều, trộm cho rằng luận Địa trì, là then chốt quan trọng nhất. Nay lại trịnh trọng dựa theo, soạn thành cách thức chủ yếu, mô phỏng để tự sử dụng, nào dám kiêm cả mọi người.

Rằng luận về thọ giới chỉ có hai loại:

Một là đệ tử, bảy chúng trong ngàn dặm là Giới Sư, nhưng trong bảy chúng thì Tỳ kheo là trên hết; trong Tỳ kheo lại chắc chắn là bậc cao niên làm hơn hẳn, nhưng đức của bậc cao niên lại có ba loại: 1- Cùng chung pháp Bồ Tát, hiểu đầy đủ chủng tánh; 2- Đã phát nguyện Bồ Tát, nghĩa là phát tâm đầy đủ; 3- Người có trí tuệ-có năng lực, khéo nói năng-khéo giảng giải, luôn luôn tụng-luôn luôn trì, chương mục chung quy là giống nhau. Tóm lại là có đủ 3 đức này mới có thể làm Sư. Nếu hoàn toàn không có đức hạnh này thì không thể tùy ý làm Sư. Đệ tử thì cũng có đủ chủng tánh phát tâm mới cho phép thọ giới. Hai là thỉnh Sư, trong kinh Phổ Hiền Quán nói: “Mong muốn thọ giới Bồ Tát, trước tiên thỉnh Phật-Bồ Tát làm Sư. Thỉnh rằng: Đệ tử chúng con, cùng tất cả pháp giới chúng sanh, phụng thỉnh Đức Thích Ca Như Lai để làm Hòa thượng, phụng thỉnh Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi làm A xà lê, phụng thỉnh Bồ Tát Di Lặc làm Giáo thọ Sư, phụng thỉnh chư Phật mười phương làm Chứng minh Sư, phụng thỉnh Bồ Tát mười phương để làm bạn đồng tu của mình. Nay chúng con y theo vi diệu rất sâu xa của Đại thừa, quy y Phật-quy y Pháp-quy y Tăng (nói ba lần như vậy).” Đã thỉnh được Sư, thì tiếp theo sau đó là tùy ý cho phép. Người muốn thọ giới, sửa sang đầy đủ oai nghi lễ kính Giới Sư rồi, nên phát ra lời nói như vậy: Con hướng về Đại Đức cầu xin thọ giới Bồ Tát, Đại Đức Đối với con không ngại vất vả, thương xót cho nên tùy ý cho phép (nói ba lần). Giới Sư đáp lại rằng: Được. Đã đồng ý cho phép rồi, thì dạy cho học về luận Phương Quảng Ma Đức Lặc Già-luận ngũ Minh..., để biết rõ phạm hay không phạm-nhiễm ô hay không nhiễm ô-mềm mỏng Bậc

trung Bậc thượng và 42 giới, cũng cần phải thực sự hiểu rõ, sau đó đối trước Phật mà cho thọ. Nếu người trước đó đã học biết Đại thừa, thì cho phép mà thọ ngay lúc ấy, không giống như thể lệ ở đây, nghĩa là từ sau khi Giới Sư đồng ý cho phép, hoặc ba năm, hoặc một trăm ngày, hoặc một ngày, ở trong đạo tràng trệch áo bày vai phải, lễ lạy hết thảy chư Phật khắp mười phương-ba đời, lễ lạy hết thảy Bồ Tát khắp thế gian. Lễ lạy chư Phật-Bồ Tát rồi, nghĩ đến ba tụ công đức của chư Phật và hết thảy Bồ Tát bao la như thế. Đến lúc lễ lạy Giới Sư xong quỳ thẳng cúi người, phát ra lời nói như vậy: Chỉ nguyện Đại Đức truyền đạt được giới, không nghĩ đến điều gì khác.

***Thứ tư:* Sám Hối.**

Rằng muốn tiếp nhận giới pháp thanh tịnh, cần phải gột rửa nộ tâm mới có thể thọ được. Tất cả cáu bẩn của tâm ô nhiễm chỉ do mê và chướng. Mê thì bài báng không có Tam bảo, chướng thì liên tục dấy khởi mười ác hạnh. Nay khuyên dạy sám hối là đích thực sám hối hai loại này.

Lại dựa theo kinh Phạm Võng nói: “Nếu Pháp Sư dạy cho biết về giới, thấy người mong muốn thọ giới, thì nên khuyên bảo thỉnh hai vị Sư, làm Hòa thượng và A xà lê. Hai vị Sư nên hỏi rằng: Ông có bảy Già tội hay không? Nếu thân hiện tại có bảy Già tội, thì Sư không cho phép thọ, không có bảy Già tội thì được thọ. Nếu người có phạm mười giới, thì khuyên bảo sám hối, ở trước hình tượng của Phật-Bồ Tát, ngày ngày sáu thời tụng mười giới và 4tám giới khinh. Nếu lễ kính ngàn vị Phật trong ba đời thấy được tướng tốt, hoặc trong bảy ngày- mười bốn ngày- hai mươi mốt ngày cho đế một năm, cần phải thấy được tướng tốt, Đức Phật đến xoa đỉnh đầu, thấy được các loại tướng trang kỳ lạ sáng ngời rực rỡ, thì tội lỗi được diệt trừ. Nếu không thấy được tướng trạng kỳ lạ sáng ngời rực rỡ, thì tội lỗi được diệt trừ. Nếu không thấy được tướng tốt thì tuy sám hối cũng vô ích, cho dù là thân hiện tại cũng không đạt được giới. Nếu đã từng thọ giới, hoặc là người phạm vào bốn mươi tám giới khinh, thì đối diện với Tăng sám hối diệt trừ tội lỗi, không giống như bảy Già tội. Vả lại, nếu lúc sắp thọ giới, thì hỏi rằng: Thân hiện tại không gây ra bảy nghịch tội chăng? Không được cho phép người có bảy nghịch tội thọ giới. Bảy nghịch tội là: 1- Làm thân Phật chảy máu; 2- Giết cha; 3- Giết mẹ; 4- Giết Hòa thượng; 5- Giết A xà lê; 6- Phá yết ma-chuyển pháp luân Tăng; 7- Giết Thánh nhân. Nếu vốn có bảy Già tội thì thân không đạt được giới, tất cả những người khác thì được thọ giới. Pháp của người xuất gia không hướng về Quốc Vương mà vài

lạy, không hướng về cha mẹ mà vái lạy, không hướng về họ hàng thân thích mà vái lạy, không hướng về quỷ thần mà vái lạy; chỉ cần hiểu lời của Pháp Sư nói, thì đều đạt được giới. Người từ trăm dặm-ngàn dặm đến cầu pháp, nhưng Pháp Sư Bồ Tát bởi vì tâm xấu ác-tâm nóng giận, mà không lập tức truyền giới cho tất cả chúng sanh, thì phạm vào tội khinh cấu."

Đệ tử chúng con, cung kính chân thành bày tỏ trước chư Phật mười phương, đệ tử chúng con từ lúc ban đầu có tình thức đến nay, cho đến thân này, hoặc tự mình không tin Tam bảo, hoặc bày cho người khác không tin Tam bảo, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ, hoặc tự mình khinh mạn Tam bảo, hoặc bày cho người khác khinh mạn Tam bảo, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ; hoặc tự mình xâm phạm làm hại Tam bảo; hoặc bày cho người khác xâm phạm làm hại Tam bảo, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ; hoặc từ mình sát-đạo-dâm, hoặc bày cho người khác sát-đạo-dâm, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ; hoặc tự mình nói dối-hai lưỡi-thô ác-thêu dệt, hoặc bày cho người khác nói dối-hai lưỡi-thô ác-thêu dệt, hoặc thấy người làm mà tùy hủy; hoặc tự mình tham-sân-si, hoặc bày cho người khác tham-sân-si, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ; đối với những tội lỗi này không sanh lòng hổ thẹn, làm sai giới Bồ Tát mà không tự mình hiểu biết, nay hướng về trước Đức Phật chí thành sám hối, nguyện những tội lỗi vĩnh viễn đoạn trừ không sót lại gì, chí tâm cung kính lễ lạy hết thảy chư Phật (một lần cũng được, ba lần càng tốt).

Thứ năm: **Thọ Pháp**.

Phần này có bốn đoạn: 1- Xác định chủng tánh của họ; 2- Xác định sự phát tâm của họ; 3- Xác định sự nhanh chậm của họ; 4- Chính thức cho thọ giới.

Thứ nhất hỏi rằng: người thiện nam-người thiện nữ ấy là thân thuộc của ông có thuận ý làm pháp tỷ-pháp muội Bồ Tát với ông hay không? Đáp rằng: Có, Giới Sư hoặc là ngồi hay đứng mà hỏi đều được. Sở dĩ ngồi được là vì Giới Sư già cả mà lại không có sức. Sở dĩ đứng được là vì Giới sư còn trẻ lại có sức khỏe. Dùng từ Mỗ Giáp, là mượn tên gọi thường sử dụng do cha mẹ-thầy dạy đặt cho mình, chứ không phải là xưng danh hiệu của dòng họ hưng thịnh-hoàng đế-quan chức của mình. Giả sử có xưng gọi thì cũng không phát sinh giới pháp, chỉ trái với pháp mà thuận theo tình, chứ không phải lễ nghi của sự tôn trọng đạo pháp.

Thứ hai hỏi là có phát nguyện Bồ Tát hay không? Đáp rằng: Đã

phát nguyện. Nguyện Bồ Tát ấy chính là tên gọi khác của Đạo tâm vậy.

Thứ ba hỏi về sự nhanh chậm của họ. Dựa theo kinh Bồ Tát Thiện Giới nói: "Ưu Ba Ly hỏi về pháp thọ giới Bồ Tát: Bồ Tát ma ha tát thành tựu giới pháp Bồ Tát lợi ích cho chúng sanh, thì trước hết cần phải học đầy đủ giới Ưu bà tắc-giới Sa di-giới Tỳ kheo, nếu không có đủ giới Ưu bà tắc mà đạt được giới Sa di, thì điều này là vô lý. Nếu không có đủ giới Sa di mà đạt được giới Tỳ kheo, thì điều này cũng không có. Nếu không có đủ ba loại giới như vậy mà đạt được giới Bồ Tát, thì điều này cũng không có. Ví như tầng lầu có bốn bậc theo thứ tự, không dựa vào bậc thứ nhất đến bậc thứ hai, thì điều này là vô lý; không dựa vào bậc thứ hai đến được bận thứ ba, không dựa vào bậc thứ ba đến được bậc thứ tư, thì điều này cũng không có."

Nếu dựa theo Luận Tát Bà Đa nói: "Nếu muốn thọ giới Sa di thì trước tiên hãy thọ năm giới Ưu bà tắc. Nếu muốn thọ giới cụ túc Tỳ kheo thì trước tiên phải thọ mười giới Sa di. Như người đi vào biển từ cạn đến sâu, như vậy đi vào biển rộng Phật pháp, cũng nên như vậy. Nếu như có nạn duyên không thể thọ từng giai đoạn được, lập tức thọ giới cụ túc Tỳ kheo, thì cũng đạt được ba loại giới, nhưng mà người truyền giới phải mang tội nhỏ.")Theo như trước thì Bồ Tát, cũng phải như vậy. Dựa theo luận Địa trì, nhanh chóng phát tâm Đại thừa thẳng thắn thọ giới Bồ Tát cũng được.)

Thứ tư là chính thức cho thọ giới. Giới Sư hỏi: Những người thiện nam-người thiện nữ, muốn từ nơi tôi mà thọ tất cả các giới pháp Bồ Tát, đó gọi là Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiếp chúng sanh giới, những giới này tất cả Bồ Tát quá khư-vị lai-hiện tại đã trú vào giới, tất cả Bồ Tát quá khứ đã học, tất cả Bồ Tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ Tát hiện tại đang học, các người có thể thọ được hay không? Đáp rằng: Có thể (nói ba lần). Nay nói người thiện nam-người thiện nữ, đó là chỉ cho một người. Nếu đối với nhiều người, thì nói là các Phật tử.

Tiếp đến trình bày về tâm niệm của người thọ pháp. Nếu không có người đức hạnh để có thể hướng về thọ giới, thì người thực hành nên đầy đủ oai nghi đến trước hình tượng Đức Phật, lễ lạy Đức Phật rồi quỳ xuống chân thành thưa rằng: Con tên họ là... thưa thịnh hết thảy chư Phật khắp thế giới mười phương và chư vị Bồ Tát trong vô lượng vô biên thế giới, nay con ở trước chư Phật-Bồ Tát thọ tất cả các giới Bồ Tát, đó gọi là Nhiếp luật nghi giới-Nhiếp thiện pháp giới-Nhiếp hữu tình giới, những giới này tất cả Bồ Tát quá khứ-vị lai-hiện tại đã trúvào

giới, tất cả Bồ Tát quá khứ đã học, tất cả Bồ Tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ Tát hiện tại đang học (nói ba lần).

Trong kinh Phạm Võng nói: "Nếu thọ từ Sư thì không cần dựa vào tướng tốt, bởi vì Giới Sư có năng lực lần lượt nối tiếp lẫn nhau. Nếu đối trước hình tượng Đức Phật tự mình thề nguyện mà thọ, thì cần phải thỉnh cầu cảm được tướng tốt mới có thể thọ giới; bởi vì không thọ từ Sư mà tự mình không có năng lực, cho nên cần phải thỉnh cầu Thánh Hiền gia hộ. Nếu ở trong định, hoặc từ trong giấc mộng, hoặc ở trong lúc tỉnh giấc, cảm được tướng tốt, tương ưng với Thánh giáo thì mới đạt được. Nếu người thọ giới, chỉ từ miệng mình phát ra thệ nguyện thì cần phải sử dụng hạn kỳ thọ nhận theo phương pháp văn từ, hoàn toàn giống như dựa vào Sư mà thọ pháp."

***Thứ sáu:* Thỉnh Chứng**.

Đã thọ được giới thì cần phải thỉnh cầu chứng minh, trước là thỉnh các vị Bồ Tát, sau thỉnh cầu đối với chư Phật. Đầu tiên thỉnh cầu Bồ Tát, gọi là Đại địa Bồ Tát. Đại địa nghĩa là Chủng tánh Địa-Giải hạnh Địa cho đến Thập Địa, Phổ Hiền cho đến Hiền Thủ đều là vậy. Người thọ quỳ xuống, Giới Sư bắt đầu thay họ, lễ lạy các chúng Bồ Tát mười phương phát ra lời như vậy: Con là đệ tử pháp hiệu..., cung kính thỉnh cầu các chúng Bồ Tát vô lượng vô biên khắp mười phương, các vị Đại Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi-Kim Cang tràng-Công Đức Lâm..., những Bồ Tát tên họ... này ở trước hình tượng đó-già lam đó-quốc gia đó-thế giới đó, hướng về nơi con là đệ tử pháp hiệu..., ba lần nói thọ giới Bồ Tát, con làm chứng cho họ (nói ba lần). Thỉnh chư Phật, nghĩa là hết thảy chư Phật mười phương, mà ngay trong một giáo pháp, Đức Phật Thiện Đức ở Đông phương cho đến Đức Phật Minh Đức ở Hạ phương cùng hết thảy chư Phật, là bậc Đại Sư thứ nhất, hiện rõ tri kiến giác ngộ,m đối với tất cả chúng sanh hiện rọ tri kiến giác ngộ, nay Bồ Tát tên họ là... ở trước hình tượng Đức... tại già lam... thuộc thế giới..., hướng về nơi con là đệ tử pháp hiệu... ba lần nói rõ thọ giới Bồ Tát, con làm chứng cho họ (nói ba lần). Dùng sự thưa bày như vậy, ở trước vô lượng chư Phật và vô lượng vô biên Bồ Tát thuận theo pháp có điềm lành ứng hiện, hoặc có ánh sáng, hoặc có làn gió mát rượi, hoặc có mùi hương kỳ lạ. Bởi vì có tướng trạng ứng hiện, chư Phật mười phương đối với Bồ Tát tân họ...này khởi lên ý tưởng như con, vô lượng vô biên Bồ Tát khởi lên ý tưởng như con. Bởi vì khởi lên ý tưởng như con-ý tưởng như em, cho nên có tâm niệm Từ Ái, khiến cho Bồ Tát này từ khi thọ giới về sau nếu phạm thì lập tức hối hận, dốc lòng an trú chánh niệm kiên quyết giữ gìn

không phạm, cho đến Bồ đề hoàn toàn không còn thối chuyển, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt- tám mươi vẻ đẹp, tất cả đều thanh tịnh, mười lực-bốn vô úy-3 Niệm xứ-3 nghiệp Bất hộ, Đại Bi không quên chánh pháp, đoạn trừ các tập khí, tất cả các loại Diệu Trí- một trăm bốn mươi pháp Bất cọng thẩy đều đầy đủ, nương theo Đại Từ Bi đi qua khắp nơi mười phương, hóa độ hết thảy chúng sanh không từ gian khổ, tất cả chúng sanh đều có chung lợi ích này.

Thứ bảy: **Giới Tướng.**

Nói đến bậc Đại Thánh hóa độ người khác, công lao chỉ thuộc về giới. Nếu luận về giới, thì quan trọng nhất ba loại: 1- Giới tại gia, đó chính là năm giới-tám giới; 2- Giới xuất gia, đó chính là mười giới- hai trăm năm mươi giới; 3- Giới thực hành chung cả tai gia và xuất gia, đó chính là ba tụ giới. Nhưng ba tụ giới này lại có ba loại: 1- Chính là giới chủng và chủng tánh; 2- Chính là tâm giới-tâm Bồ đề-bốn vô lượng; 3- Chính là giới hạnh-sáu độ-bốn nhiếp. Nhưng trong sáu độ-bốn nhiếp này, nếu thuận theo oai nghi thì gọi là ba tụ, nếu dựa theo hành vị thì gọi là bảy, nếu ngay nơi đức vị thì gọi là bảy Địa và mười ba trú. Tất cả giải thích như vậy đều là do giới pháp không giống nhau. Trên đây nói sơ lược về tôn chỉ quan trọng của Giới Thể. Như vậy từ đây trở xuống là trình bày rộng về người thực hành.

Đã thọ được giới rồi, cần phải nhận thức về giới tướng, biết rõ lúc thọ giới ấy, hiểu rõ ràng khinh-trọng, có công năng nhiều-ít, và nên tụng trì đừng để cho quên mất, mình là đệ tử thọ giới Bồ Tát, từ giờ phút ấy-ngày ấy-tháng ấy-năm ấy, hướng về nơi vị Sư ấy, y theo luận Địa trì, thọ được ba tụ tịnh giới của Bồ Tát. Ba tụ ấy là gì? Đó là: 1- Nhiếp luật nghi giới, nghĩa là lìa bỏ mọi điều ác, phát khởi hạnh chứng đạo, là nhân của Đoạn đức, cuối cùng thành tựu Pháp thân; ngăn lại tức là giữ gìn, thực hiện chính là vi phạm (chỉ trì tác phạm), thuận theo giáo pháp tôn trọng tu tập cản thân mà không gây ra. 2- Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là tích góp mọi điều thiện, phátkhởi hạnh trợ đạo, là nhân của trí đức, cuối cùng thành tựu Báo thân; thực hiện tức là giữ gìn, ngăn lại chính là vi phạn (tác trì chỉ phạm), thuận theo giáo pháp tôn trọng tu tập để thành tựu đức hạnh. 3- Nhiếp chúng sanh giới, nghĩa là cứu độ mọi chúng sanh, phát khởi hạnh không trú vào đạo, là nhân của Ân đức, cuối cùng thành tựu Ứng thân; thực hiện tức là giữ gìn, ngăn lại chính là vi phạm (tác trì chỉ phạm).

Nhiếp luật nghi giới, quan trọng chỉ có bốn loại: 1- Không được vì lợi dưỡng mà cố tình tự khen mình-chê bai người khác, là tội vô tàm

Ba la di; 2- Không được cố tình keo kiệt mà không giúp cho người trước mặt, là tội vô tàm Ba la di; 3- Tâm giận dữ đánh mắng chúng sanh, người trước mặt xấu hổ nhận lỗi mà không nhận sự sám hối của họ, là tội vô tám Ba la di; 4- Tâm ngu si phỉ báng Đại thừa, là tội vô tàm ba la di. Đây chính là trình bày chung do ba tụ mà xa lìa lỗi lầm. Thể của người xa lìa lỗi lầm, nghĩa là tư duy về nghiệp của thân-miệng-ý.

Nhiếp thiện pháp giới, là tích góp mọi điều thiện, nghĩa là thân-miệng-ý thiện và ba tuệ văn-tư-tu, mười Ba la mật- tám vạn bốn ngàn hạnh trợ đạo, thuận theo giáo pháp tôn trọng tu tạo để thành tựu đức hạnh.

Nhiếp chúng sanh giới, lấy bốn vô lượng làm tâm, bốn nhiếp pháp làm hạnh. Bốn vô lượng gọi là Từ Bi Hỷ Xả, Bi có năng lực diệt trừ tất cả khổ đau; Từ có năng lực mang lại niềm vui tràn đầy; Hỷ là chúc mừng chúng sanh xa lìa tận cùng khổ đau cảm được pháp an lạc tràn đầy; Xả là làm cho chúng sanh thực hành ở trong công hạnh của Phật, đạt đến cảnh giới của Phật đạt đến, mới phát sanh tâm niệm xa rời. Bốn nhiếp pháp làm hạnh, đó gọi là Bố thí-Ái ngữ-Lợi ích-Đồng sự. Bồ Tát mong muốn thâu nhiếp mọi loài, trước hết dùng tài sản cứu giúp tránh khỏi sự khổ đau về hình hài, tiếp đến dùng lời nói yêu thương chỉ bày thức tỉnh tâm tư của họ, khiến cho họ tin hiểu đối với lời nói và việc làm. Lợi ích nhiếp là dựa vào sự tin hiểu trước đây tiếp theo làm cho phát khởi công hạnh. Hạnh nghĩa là giới-định-tuệ, khiến cho tất cả tôn trọng tu tập, chính là công hạnh thâu nhiếp bằng lợi ích. Đồng sự là tu hành đã đầy đủ, chuyển sang dựa vào cuối cùng thành tựu 3 thân, giống như sự chứng đạt của bậc Thánh. Vì vậy trong luận Địa trì nói: “Bố thí-ái ngữ thì người chưa phát tâm khiến cho phát tâm, lợi hành thì người chưa thành thục khiến cho thành thục, đồng sự thì người chưa giải thoát khiến cho giải thoát.”

Những điều nêu ra trên đây, khiến cho người thọ giới đọc thuộc lòng, biết rõ thời gian thọ giới, dựa vào Sư tiếp nhận giáo pháp, nhận thức sơ lược đối với trì-phạm.

Lời bàn: Đã thọ được giới, dựa theo kinh cũng cần phải nhận biết veề những giới như sáu trọng-tám trọng...

Thứ nhất là sáu giới trọng, như dựa theo kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Nếu Ưu bà tắc đã thọ trì giới, tuy là trời người cho đến sâu kiến nhưng tất cả đều không được giết hại. Nếu thọ giới rồi, hoặc miệng dạy cho người khác giết hại, hoặc tự mình giết hại, thì người này lập tức mất giới Ưu bà tắc, Noãn pháp hãy còn không đạt được, huống là bốn quả

Sa môn. Đây gọi là giới trọng thứ nhất. Như vậy không được trộm cắp, không được nói dối là mình đạt đến quán bất tịnh, không được tà dâm, không được rêu rao nói những lỗi lầm vốn có của bốn chúng, không được bán rượu. Nếu phá những giới này thì mất giới Ưu bà tắc, Noãn pháp hãy còn không đạt được, huống là đạt được bốn quả Sa môn. Đây gọi là sáu giới trọng.”

Thứ hai là tám giới trọng, như dựa theo kinh Bồ Tát Thiện Giới nói: “Bồ Tát có hai loại: 1- Sáu giới trọng của tại gia; 2- Tám giới trọng của xuất gia. Nếu phạm mỗi một giới trọng, thì hiện tại không có năng lực trang nghiêm vô lượng đối với Vô thượng Bồ đề, không có năng lực làm cho tâm vắng lặng rỗng rang, vậy thì gọi là Bồ Tát trên danh tự chứ không phải là Bồ Tát đúng nghĩa, đây gọi là Bồ Tát thuộc hạng Chiên đà la. Tâm Bồ Tát có ba bậc là Thượng-Trung-Hạ. Nếu như bốn giới trọng sau, tâm bậc hạ-Bậc trung phạm vào, thì không gọi là phạm. Nếu dùng tâm Bậc thượng với tâm xấu ác mà phạm, thì gọi là phạm vào Bậc thượng, đó gọi là thích gây ra bốn việc, tâm không có tàm quý, không biết sám hối, không thấy mình phạm tội, khen ngợi người phá giới, đây gọi là tâm xấu ác Bậc thượng vi phạm. Bồ Tát tuy phạm vào bốn giới trọng như vậy, nhưng cuối cùng không mất đi giới Bồ Tát.”

(Tám giới trọng, như sau bốn giới trọng của Tỳ kheo thêm vào những giới trọng của Bồ Tát như không được vì tham cầu lợi dưỡng mà cố ý tự khen ngợi bản than của mình... Bốn tội ba la di như trước, thêm bốn giới tọng đầu, thì thành ra tám giới trọng).

Nếu dựa theo kinh Phạm Võng và luận Địa trì, thì có thọ giới Bồ Tát này, có bốn mươi hai giới khinh cấu không được phạm, tạm thời theo điều quan trọng sơ lược nói lại đôi điều, còn lại ở trong văn kinh nói nhiều.

Vì thế cho nên trong kinh nói: “Nếu là Phật tử, thì luôn luôn cần phải nhất tâm thọ trì đọc tụng giới này, viết chép giới cấm Đức Phật chế định; vỏ cây-giấy-rơm-lụa là... cũng thuận theo đều viết chép thọ trì, thường dùng bảy thứ báu-hương hoa vô giá và tất cả các vật báu lẫn lộn làm hòm rương, cất giữ các quyển kinh-luật. Nếu không như pháp cúng dường, thì phạm vào tội khinh cấu.

Nếu là Phật tử, thì không được cất giữ dao gậy cung tên, buôn bán bằng cách cân nhẹ-đong ít, dựa vào thế lực quan quyền đoạt lấy tài sản đồ vật của người, tâm làm hại ràng buộc phá hoại sự thành công, nuôi nhiều mèo chó heo dê. Nếu cố ý nuôi giữ, thì phạm vào tội khinh cấu.

Nếu là Phật tử, dùng tâm xấu xa cố tình xem tất cả nam nữ-quân

trận... đánh nhau, cũng không được nghe các loại âm nhạc, những trò chơi gieo xúc xắc, làm sứ mạng cho giặc. Nếu cố tình thực hiện, thì phạm vào tội khinh cấu.

Nếu là Phật tử, dùng tâm xấu xa vì lợi dưỡng mà buôn bán nam nữ tài sắc, tự tay làm thức ăn, tự xay tự giã, xem tướng tốt xấu, chú thuật tinh xảo, phương pháp huấn luyện chim chó, hòa hợp các loại thuốc độc, đều không có tâm Từ, thì phạm vào tội khinh cấu.

Nếu dùng tâm xấu xa tự mình bài báng Tam bảo, giả vờ hiện ra dung mạo gần gũi thân thiện, miệng giả nói là không có, mà việc làm ở trong cái có. Nếu gặp ngoại đạo hay tất cả người ác-giặc cướp, bán hình tượng của Phật-Bồ Tát và cha mẹ, buôn bán kinh-luật, buôn bán Tăng-Ni, mà Bồ Tát thất sự việc này rồi, tìm cách giáo hóa để chuộc lại. Nếu không chuộc lại, thì phạm vào tội khinh cấu."

Đã nhận thức sơ lược về trì phạm thì cần phải lễ lạy rút lui. Vì vậy trong luận Địa Trì nói: "Khiến người thọ giới, lễ Đức Phật một lạy, Đại địa Bồ Tát một lạy, nhưng không nói đến lễ lạy Pháp, nghĩa chính xác là lễ lạy tất cả, ba lạy thì càng tốt lành hơn."

***Thứ tám:* Khuyến Thỉnh.**

Lời bàn: Lúc Pháp Sư bước lên chỗ ngồi xong tán tụng ca ngợi để cúng dường, sắp giảng giải về pháp quan trọng cho Đại chúng, nhờ vào sự gia hộ của Thánh Hiền mới có thể giải thích rõ ràng. Đồng thời Đại chúng vận dụng tâm niệm thỉnh cầu Thánh Hiền gia hộ. Phàm Thánh mười phương gồm hai chúng thuyết giảng và lắng nghe, tăng thêm tâm tư quán sát, trong thêm nhiều trí tuệ tốt đẹp, ngoài tăng thêm lời nói để biện giải, mới có thể nhận thức được căn muốn biết, lời đã nói không có gì trái ngược. Còn tăng thêm cho người nghe, nhất tâm cung kính lắng nghe không có gì trái ngược.

Vì vậy trong kinh A Hàm có kệ rằng:

"Người nghe nghiêm trang nhìn như khát được uống,
Nhất tâm tiến vào trong nghĩa lý ngôn từ,
Nghe pháp cảm động tâm buồn vui lẫn lộn,
Người như vậy đáng vì họ thuyết giáo pháp."

Lại giống như thỉnh cầu chư Phật chuyển vận vòng quay Chánh pháp, mười phương thế giới thuận theo thành chư Phật, từ trong từng niệm niệm lưu hành xuất hiện ở thế gian, vượt quá số lượng, niệm trước đã như vậy, niệm sau cũng như thế, đều cần phải thỉnh cầu chư Phật mười phương tuyên thuyết. Phàm-Thánh mười phương ở trong căn nhà của pháp giới, đều thỉnh cầu an trú lâu dài để chuyển vận vòng quay

Chánh pháp. Nhưng các phàm Thánh cung kính đối với người-tôn trọng đối với pháp, bởi vì tâm chí thành, cho nên chư Phật tùy cơ nhận lời thỉnh cầu chuyển vận vòng quay Chánh pháp. Tùy thuận là lúc chư Phật thuận theo căn cơ chúng sanh nhận lời thỉnh cầu chuyển vận vòng quay Chánh pháp. Mình và Thánh chúng thường tham dự trong dòng người khuyến thỉnh, không có ai đi qua trống rỗng. Tại vì sao? Bởi vì trong từng niệm thường khuyến thỉnh, khiến cho các chúng sanh nghe pháp được hiểu rõ ràng, bỏ tà tiến vào chánh, vượt qua phàm đạt được Thánh, sửa trị mình từ vô thỉ đến nay bày cho người ta làm điều ác, phá hoại thiện niệm của người ta, đoạt lấy lợi ích tốt đẹp của người ta, bài báng Phật-Pháp-tăng, cùng vô số nghiệp chướng. Nhưng các chúng sanh đã nghe pháp rồi thức tỉnh tiến vào chứng thực đạt được chân lý, lần lượt chỉ bày dẫn dắt tất cả chúng sanh, tận cùng thời gian vị lại luôn luôn không có gì đoạn tuyệt.

Trong luận Thập trú Tỳ bà Sa nói:

“Hết thảy chư Phật khắp mười phương,
Hiện tại thành tựu đạo quả Phật,
Con thỉnh cầu chuyển vận pháp luân,
An lạc cho tất cả chúng sanh.
Hết thảy chư Phật khắp mười phương,
Nếu như sắp xả bỏ thọ mạng,
Nay con cúi đầu cung kính lạy,
Khuyến thỉnh đề an trú lâu dài.”

Lời bàn: Kệ trước thỉnh Phật chuyển vận vòng quay Chánh pháp, tăng thêm trí tuệ, sửa trị mình từ vô thỉ đến nay gây ra tội lỗi tự mình làm-chỉ bày người khác làm và bài báng Chánh pháp. Kệ sau thỉnh Phật an trú lâu dài nhận sự cúng dường của mọi người, tăng thêm phước nghiệp, sửa trị mình gây ra tội lỗi ác nghiệp hoặc tự mình làm-chỉ bày người khác bài báng Phật pháp. Vậy thì phước-trí tuệ thực hành song song.

Nguyện làm cho thân và tâm con,
Giống như đài gương thật trong sáng,
Cõi nước chư Phật khắp mười phương,
Hiện bày tự nhiên ở trong gương.
Mỗi một cõi nước thanh tịnh ấy,
Tràn đầy thân tướng của chư Phật,
Quán sát tường tận thân chư Phật,
Chân thật không có gì đi-đến.

Đều tỏa ra ánh sáng tốt lành,
Vi diệu khó mà nghĩ bàn được,
Chiếu rọi trừ phiền não cho con,
Như mặt trời tiêu hết sương mù.
Được trừ sạch mọi phiền não rồi,
Chứng thực thấy chư Phật mười phương,
Ở phía trước mỗi một Đức Phật,
Khuyến thỉnh tu pháp thiện cúng dường.
Thân và tâm nếu chưa tận cùng,
Thì nguyện khuyến thỉnh không dừng nghỉ,
Lại nguyện cho thân và tâm con,
Giống như pháp giới luôn thanh tịnh,
Từ trong nội một lỗ chân lông,
Tuôn ra vầng mây của chư Phật.
Vầng mây chư Phật khó nghĩ bàn,
Che phủ khắp tất cả chúng sanh,
Tùy theo điều thấy nghe của họ,
Cảm thọ niềm an lạc như ý.
Pháp giới chúng sanh nếu tận cùng,
Tâm duyên pháp giới có thể tận.
Nguyện trong tâm con luôn thanh tịnh,
Phật xuất hiện không thể dừng bỏ.

***Thứ chín:* Tùy Hỷ.**

Trộm nghĩ rằng con đã tu tập, các thiện căn bố thí-trì giới...,

Đều thuận theo pháp giới tuôn trào, là những công hạnh của chư Phật.

Chấp nhã ngu si mà thô lậu, thường phải chìm trong những điều ác,

Biết bao năm tháng gần tận cùng, được phát tâm bố thí-trì giới...

Tự mừng lo hiếm có mà được, vui mừng nhảy máu không tả được,

Bởi vì trông thấy các chúng sanh, tu hành thiện pháp của phàm phu.

Thậm chí chỉ trong một khoảng khắc, tâm con đều luôn luôn tùy hỷ,

Huống là các bậc Đại Bồ Tát, thành tựu các pháp ba la mật.

Đầy đủ đạo vị của các Địa, mà không đáng mừng vui ngưỡng mộ,

Vì vậy cho nên con mừng chúc, cúi đầu lạy các tạng Chánh

pháp.

***Thứ mười:* Hồi Hướng**.

Tội lỗi lớn nhất trong tội lỗi, ác nghiệp nhiều nhất trong ác nghiệp,

Ở trong tất cả các chúng sanh, chỉ riêng con là người độc nhất.

Tự nhiên không phải lực chư Phật, cùng với thiện căn của chúng sanh,

Vì tự mình đã gây ra nghiệp, mong tiêu trừ tội lỗi của mình.

Có thể không có gì thích hợp, vì vậy thuận theo điều đã làm,

Tất cả các thiện căn tốt đẹp, không dám tự thừa nhận riêng mình.

Tất cả hồi hướng giúp chúng sanh, tức thì trở lại vì chúng sanh,

Giữ gìn thiện căn đã giúp ấy, hồi hướng quả vị Đại Bồ đề.

Khiến cho cuối cùng được giải thoát, chúng sanh đã trở thành vị Phật,

Tất cả dùng năng lực tự tại, đều cùng nhau nhiếp thọ cho con,

Khiến luôn luôn hành đạo Bồ đề, để tiến vào cảnh giới chư Phật.

Vì vậy con đối với chúng sanh, thành tựu Đẳng Chánh Giác cuối cùng,

Vì lẽ đó thanh tịnh thân tâm, đảnh lễ xin hồi hướng tất cả.

***Thứ mười một:* Phát Nguyện.**

(Ban đầu có 10 Đại nguyện trích từ văn của Nhiếp Luận, từ đây trở xuống các nguyện sau, đều là do người thuật lại mà thôi).

1. Nguyện cúng dường: nguyện cúng dường bậc Pháp chủ là vị Thầy có phước điền và duyên lành hơn hẳn.

2. Nguyện thọ trì: Nguyện thọ trì Chánh pháp vi diệu tốt lành.

3. Nguyện chuyển pháp luân: nguyện ở giữa đại chúng tề tựu chuyển pháp luân chưa từng có.

4. Nguyện tu hành: Nguyện như giáo pháp tu hành tất cả chánh hạnh của Bồ Tát.

5. Nguyện thành thục: Nguyện thành thục thiện căn Tam Thừa cho tất cả chúng sanh thế giới này.

6. Nguyện thừa sự: Nguyện hướng về cõi nước chư Phật, thường thấy chư Phật, luôn luôn được hầu hạ cung kính và lắng nghe tiếp nhận Chánh pháp.

7. Nguyện Tịnh độ: Nguyện làm cho cõi nước của mình thanh tịnh, an lập Chánh pháp và chúng sanh có năng lực tu hành.

8. Nguyện bất ly: Nguyện ở tất cả mọi nơi sinh ra luôn luôn không

xa rời chư Phật-Bồ Tát, cảm được ý hành như nhau.

9. Nguyện lợi ích: Nguyện ở tất cả mọi nơi sinh ra luôn luôn làm lợi ích cho chúng sanh, việc làm không có gì trống rỗng vô ích.

10. Nguyện Chánh giác: Nguyện cùng với tất cả chúng sanh đều đạt được Vô thượng Bồ đề, luôn luôn làm Phật sự.

Con nguyện làm mặt đất bao la,
Rộng dài không hề có hạn lượng.
Vì tất cả các loại chúng sanh,
Làm nơi chốn nương tựa thật sự,
Hễ có ai tiếp nhận sử dụng,
Thành tựu đạo phương tiện đối trị,
Diệt trừ các vọng tưởng phân biệt,
Tâm bồ đề sinh trưởng tốt tươi,
Sâu xa không có gì chướng ngại,
Tiếp nhận sử dụng không thể hết.
Con nguyện làm mặt nước mênh mông,
Đầy đủ tám công đức kỳ lạ,
Chỉ gột rửa tâm niệm chúng sanh,
Trừ sạch mọi phiền não nhiễm ô,
Đều khiến cho hoàn toàn sạch sẽ,
Đầy đủ quả vị Phật Bồ đề.
Con nguyện làm ngọn lửa rừng rực,
Ánh sáng như trăng-sao-mặt trời,
Đốt hết những ngục tù giá lạnh,
Soi chiếu khắp mọi nẻo tối tăm,
Hướng đến tất cả các chúng sanh,
Cứu giúp tiếp nhận không còn sót,
Khiến cho tất cả được thấy đạo,
Cởi bỏ hết thảy mọi lỗi lầm.
Con nguyện làm làn gió ào ạt,
Lồng lộng đầy khắp giữa hư không,
Những nơi có nóng bức phiền muộn,
Quạt đến làm cho được mát lành,
Trong chốc lát cảm thọ vô tận,
Không còn những khổ sở buồn lo.
Con nguyện làm hư không vô tận,
Vắng lặng không có gì chướng ngại,
Nhiếp thọ tất cả mọi chúng sanh,

Hết thảy không có gì sót lại,
Có ai muốn tiếp nhận sử dụng,
Đều đạt được hai pháp vô ngã,
Dùng tam muội không làm niềm vui,
Mà cùng nhau làm cho vui vẻ.
Con nguyện làm cây thuốc chúa tể,
Che phủ khắp pháp giới chúng sanh,
Những ai thấy-nghe và uống thuốc,
Trừ khỏi bệnh-tiêu các chất độc,
Độc tiêu tan-bệnh đã trừ khỏi,
Phiền não cũng không còn dấy khởi,
Sau đó dùng ý vị Chân Như,
Làm cho tròn vẹn Pháp thân Phật.
Con nguyện làm đồ ăn thức uống,
Có đủ sắc hương và vị ngon,
Hướng đến trước mặt các chúng sanh,
Tất cả đều hiện bày rõ ràng,
Thuận theo những mùi vị ưa thích,
Tất cả đều khiến cho đầy đủ,
Thậm chí đến phạm vi sanh tử,
Thức ăn này mới tự tiêu tan.
Con nguyện làm mọi thứ áo quần,
Nhẹ-mềm màu sắc thật vi diệu,
Lớn-nhỏ thuận theo mọi hình hài,
Ấm áp thích hợp với tình người,
Tâm bình đẳng giúp cho chúng sanh,
Nhất định không có sót lại,
Khiến cho tâm họ được thanh tịnh,
Đầy đủ mọi trang nghiêm vi diệu.

Con nguyện thiện căn đã gieo trồng từ đời trước và ngay trong đời này, dùng thiện căn này giúp chot ất cả vô biên chúng sanh, tất cả cùng hồi hướng cho Vô thường Bồ đề, khiến cho nguyện này của con tăng thêm trong từng niệm từng niệm, đời đời sinh ra luôn luôn giữ chặt trong tâm hoàn toàn không quên mất, thường được sự che chở của pháp Đà la ni.

***Thứ mười hai:* Ưu-Liệt.**

Nghĩ rằng tại gia trì giới, tất cả có bốn loại: 1- Bậc hạ; 2- Bậc

Do đó trong luận Trí Độ nói: “Người trì giới bậc hạ sanh trong cõi

người. Người trì giới Bậc trung sanh trong sáu trời cõi Dục. Người trì giới bậc Thương thực hành bốn Thiền-bốn Không định, sanh trong cõi trời thanh tịnh vô sắc. Vả lại, trì giới thanh tịnh bậc Hạ đạt được đạo quả La Hán, trì giới thanh tịnh Bậc trung đạt được đạo quả Bích chi Phật, trì giới thanh tịnh Bậc thượng đạt được đạo quả Phật."

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu sợ thầy mà trì giới thì gọi là trì giới bậc hạ, không phải sợ thầy mà trì giới thì gọi là trì giới Bậc trung, sỡ đường ác mà trì giới thì gọi là trì giới Bậc thượng."

Thứ mười ba: **Thọ-Xả.**

Như giới Bồ Tát Đại thừa có ba loại, đó chính là ba tụ tịnh giới trước đây. Giới này thọ rồi thì nói là cùng với tâm có đủ, tâm không có giới hạn sau cùng cho nên giới không mất. Còn trong kinh Thiện Giới nói: "Có hai nhân duyên mất giới Bồ Tát: 1- Hủy bỏ tâm Bồ Tát; 2- tâm ác được tăng lên. Lìa bỏ hai nhân duyên này cho đến xả thân vào đời khác ở địa ngục-súc sanh, cuối cùng cũng không mất giới. Về sau nếu thọ lại thì không gọi là mới có được, mà gọi là bắt đầu bày tỏ trong suốt, giới cũ lớn lên."

Còn trong kinh Ưu Bà tắc Ngũ Giới Oai Nghi nói: "Các Đại Đức nhất tâm lắng nghe kỹ càng, nay tôi sắp nói lên ba đời chư Phật-Bồ Tát thành tựu giới công đức lợi ích cho tất cả chúng sanh". Trú trong ba giới Bồ Tát như vậy, tức là bốn Ba la di trước đây, nếu người có phạm thì không gọi là Bồ Tát, thân hiện tại không có năng lực trang nghiêm cho Bồ đề, vả lại không có năng lực làm cho tâm rỗng lặng, thì tựa như Bồ Tát mà không phải là Bồ Tát thật sự. Phạm có ba loại, có Hạ-Trung-Thượng. Nếu phạm với tâm bậc hạ và Trung, thì không gọi là mất. Nếu là phạm với tâm tăng thượng, thì gọi là mất. Thế nào là Thượng? Nếu phạm bốn giới trước, nhiều lần thích phạm, tâm không có hổ thẹn, không tự hối hận trách móc mình, thì gọi là phạm Bậc thượng. Bồ Tát tuy phạm vào bốn điều ở Bậc thượng, nhưng không lập tức vĩnh viễn mất giới, không giống như Tỳ kheo phạm vào bốn giới trọng lập tức bị mất giới vĩnh viễn. Bồ Tát không như vậy, tại vì sao? Bởi vì Tỳ kheo phạm vào bốn giới trọng, thì không có đường nào thọ lại; Bồ Tát tuy phạm nhưng có thể thọ lại được, vì vậy cho nên không giống nhau. Nếu dựa theo Tiểu thừa thì giới có bốn loại: 1- Năm giới và tám giới của tại gia; 2- Mười giới và hai trăm năm mươi giới của xuất gia. Bốn loại giới này, một khi thọ được rồi thì nói là cùng với hình hài như nhau, thân còn thì giới còn, thân mất thì giới mất. Vốn là thiếu giới của Đại thừa. Dựa theo luận Tỳ Đàm nói: "Giới biệt giải thoát thì xả có bốn loại: 1- Tác

pháp mà xả; 2- Mạng chung mà xả; 3- Đoạn thiện căn thì xả; 4- Hai hình sinh ra thì xả.”

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: “Nếu thọ trai giới rồi, gặp phải nhân duyên xấu ác, người bị bức bách muốn xả giới, thì không cần phải từ bên cạnh người xuất gia mà xả, hướng về một người thích hợp để nói rõ thì thành xả giới.”

Lời bàn: Nếu có nạn duyên phạm giới thì người bị bức bách phạm giới, thà rằng xả giới, thời gian sau thọ lại không có gì sai lầm.

Vì vậy trong luận nói: “Nếu phạm một giới trọng trong năm giới, thì thọ tám giới không thành tựu. Nếu phạm một giới trọng trong tám giới, thì thọ mười giới xuất gia không thành tựu; cho đến giới cụ túc cũng như vậy.” Vốn nói là bốn giới trọng, nghĩa là trộm đủ quan tiền-hành dâm không đúng chỗ-giết người-tự nói mình đạt được Thánh quả. Hễ phạm một trong bốn giới ấy, thì gọi là phạm giới trọng, ở trong giới luật không có pháp sám hối được. Nếu dựa vào các kinh Đại Thừa Phương Đẳng, thì mới mở thông chấp nhận sám hối, nhưng cũng có các Sư không đồng ý. Xưa nay Ưu bà tắc đều nói đến bốn giới trọng, sợ rằng trở thành sai lầm. Nếu không đồng ý, thì tại sao trước lúc sắp thọ giới lại lần lượt cật vấn đủ điều? Nếu lúc xả giới tùy ý đối trước một người mà xả, thì hoàn toàn có thể không hỏi gì đạo-tục mà đều thành tựu xả giới.

Hỏi: Lúc thọ giới vì sao cần phải đối trước người xuất gia mới thành tựu thọ giới, lúc xả giới thì đối trước người tại cũng được?

Đáp: Thọ giới cần phải giống như leo lên núi tìm kiếm vật báu, cho nên có phần khó khăn; xả giới thì phải giống như tuột xuống dốc bỏ mất ngọc quý, cho nên hết sức dễ dàng.

Vì vậy trong luật Tứ Phần nói: “Nếu có người xả giới, thì đối với Phật pháp trở thành đã chết, đầu thai lại thì khó, hướng đến cái chết thì rất dễ”. Lúc xả giới nên nói rằng: Đại Đức nhất tâm nghĩ cho, trước đây con thọ được năm giới làm Ưu bà tắc (Ưu bà di), nay đối trước Đại D(ức xả giới trở lại làm bạch y tại gia (nói một lần thì thành tựu xả giới. Tám giới cũng như vậy). Về sau nếu lúc tâm tốt lành phát sinh, muốn thọ giới lại thì cần phải trước hết sám hối tội lỗi, sau hãy thọ cũng được.

Tụng rằng:

Đại Từ gióng trống vang Chánh pháp,
Thức tỉnh người đui điếc vô minh,
Lò lửa nung chảy tâm dơ bẩn,
Ngăn điều sai trái như gươm sắc.

Bảo vệ muôn loài không tiếc mạng,
Giữ gìn hoa cỏ nuôi chúng sanh,
Năm thiên ngăn chặn giới khinh-trọng,
Bảy tụ gột rửa sạch cõi lòng.
Sáng sớm nói ra lời kệ ngọc,
Đêm khuya lòng thành kính hương trầm,
Gần thì cầu thoát ra biển khổ,
Xa thì nghĩ dấu tích Pháp thân.
Bảy chi thiện thanh tịnh ba nghiệp,
Năm phần hương sáng rực kim dung,
Cùng nguyện cho giới pháp kiên cố,
Tịnh độ nhất định gặp lại nhau.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 10 chuyện: 1- Sa môn Thượng Thống thời nhà Tề; 2- Sa môn Tuệ Vĩnh thời nhà Tấn; 3- Sa môn Pháp An thời nhà Tấn; 4- Sa môn Đàm Ung thời nhà Tấn; 5- Sa môn Pháp Độ thời nhà Tống; 6- Sa môn Trí Thuận thời nhà Lương; 7- Sa môn Tịnh Nghiệp thời nhà Tùy; 8- Sa môn Linh Cán thời nhà Tùy; 9- Cư sĩ Trương Pháp Nghĩa thời nhà Đường; 10- Cư sĩ Hạ Hầu Quân thời nhà Đường.

1. Thời nhà Tề có chuyện về Sa môn Thượng Thống, nói rằng: Hán Minh ban đầu cảm Ma Đằng-Pháp Lan, chỉ có hai người đầu tiên đến nơi này, không được thọ cụ túc giới, nhưng cùng với đạo-tục, cắt tóc mặc pháp phục Sa di (man điều y), chỉ thọ năm giới – mười giới mà thôi. Cúi đầu suy nghĩ: Như Lai xuất thế 8 năm mới bắt đầu yết ma, Chấn Đán ở phía Đông cách Bạch Mộc Điều hai vạn bảy ngàn dặm, bắt đầu trì luật có năm người được trao truyền Đại giới. Từ đó về sau đến thời Hoàng Đế là triều vua thứ 10 của nhà hán, trong khoảng thời gian hơn mười năm hãy còn sử dụng ba quy y-năm giới-mười giới, thay nhau truyền thụ. Từ thời Hoàn Đế về sau, ở nước Bắc Thiên trúc có năm vị tăng người Tây Trúc, đi đến đất Hán, cùng với Đại Tăng thọ cụ túc giới; năm vị Tăng ấy là: 1- Tên gọi Chi Pháp Lĩnh; 2- Tên gọi Chi Khiêm; 3- Tên gọi Trúc Pháp Hộ; 4- Tên gọi Trúc Đạo Sanh; 5- Tên gọi Chi Lâu Sấm. Lúc ấy Đại Luật chưa có, Chi Pháp Lĩnh miệng tụng ra một quyển Giới Bổn-một quyển Yết Ma Bổn, lưu hành ở đây, thời này gọi là Cựu Yết ma. Sau đến năm thứ 3 thời Hoàng Sơ nhà Ngụy, Đàm Ma Ca la lại dịch ra giới luật. Sau đến thời Nguyên Hiếu Văn nhà Bắc Ngụy, Luật sư Hữu Quang nghiệm xét lại Cựu Yết Ma cùng với Giới Bổn, văn có thêm bớt nhiều ít không đáng, căn cứ vào bản Đại Luật theo thứ tự sửa

chữa biên tập lại, lưu hành ở thời này, gọi là Tân Yết Ma. Lúc ấy Ni chúng đến cầu thọ giới Chi Pháp Lĩnh nói: Như luật đã trình bày, chỉ mở ra cho vùng biên địa có năm người làm Tăng thọ cụ túc giới, chứ không nói đến Ni chúng. Lúc ấy các Ni bị từ chối mà quay về, nước mắt tuôn trào không thể nào tự kìm mình được. Về sau đến cuối thời nhà Hán đầu thời nhà Ngụy, ở nước Đông Thiên Trúc có hai Tỳ kheo Ni, đi đến Trường An, gặp chúng Tỳ kheo Ni, hỏi họ rằng: Các cô thọ giới ở đâu? Ni chúng đáp rằng: Chúng tôi đến nơi Đại Tăng thọ năm giới-mười giới mà thôi. Hai cô Ni than thở: Các Ni vùng biên địa đều chưa có giới cụ túc. Vì vậy trở về đất nước mình thuyết phục được 1năm người đi theo, ba người chết cóng tại núi Tuyết, hai người rơi xuống khe sâu mà chết, số còn lại đến được xứ sở này, chỉ có mười chín người. Các Ni ở đây đều đi đến Kinh Sư, được trao truyền giới cụ túc. Sau đến đất Ngô cũng trao truyền giới cụ túc cho Ni chúng ở đó xong rồi, Ni xứ Tây trúc nhớ đến quê hương mình, liền theo thuyền đi biển vượt qua Nam Hải mà trở về, và đến trên thuyền chỉ có bảy người, ba người đã qua đời. Đi lại trải qua quãng thời gian hơn mười năm. Sau đến thời Ngụy Văn Đế năm thứ 3, trong nước sắc lệnh tổ chức pháp hội Vô Già, Ngụy Đế ban lệnh hỏi về nguyên do có được giới của Tăng-Ni ở xứ sở này, có điều gì linh nghiệm. Các vị Đại Đức thảy đều im lặng không trả lời. Lúc ấy liền có Tỳ kheo, xin đi nước Tây Trúc thưa hỏi các bậc Thánh nhân về nguyên do có được giới. Lên đường tại Trường An đi đến Thiên Trúc, gặp một La Hán bèn thưa hỏi Tăng-Ni vùng Chấn Đán có được giới hay không? La Hán đáp rằng: Ta là Thánh bậc nhỏ không biết là có được hay không, ông dừng lại ở đây, Ta sẽ thay ông lên trên cung trời Đâu Suất thưa hỏi Đức Di Lặc Thế Tôn có được hay không có được để trả lời. Sau đó lập tức nhập định hướng đến cung trời Đâu Suất, thưa hỏi đầy đủ sự việc trước. Di Lặc đáp rằng: Tăng-Ni đều có được giới rồi. La Hán vẫncầu thỉnh sự linh nghiệm. Di Lặc liền lấy hoa bằng vàng và nói: Nếu Tăng-Ni vùng biên địa có được giới, thì nguyện đóa hoa bằng vàng đi vào trong lòng bàn tay của La Hán, không có được giới thì không tiến vào. Phát nguyện xong rồi, lấy đóa hoa ấn vào bàn tay, đóa hoa ấy đi vào trong lòng bàn tay, hiện rõ hình ảnh cao một thước. Di Lặc nói cho biết rằng: Ông đi đến chỗ Tỳ kheo Chấn Đán, cũng nên giống như pháp này của Ta. La Hán trở lại chỗ Tỳ kheo, như pháp của Di Lặc, lấy đóa hoa ấn vào tay của Tỳ kheo, tức thì tiến vào trong lòng bàn tay, hiện rõ hình ảnh cao một thước. Điềm cảm ứng đã có dấu tích biểu lộ. Lúc ấy liền có đạo-tục từ phương xa, khâm phục và ngưỡng mộ cùng nhau kéo

đến, cầu xin thọ ba quy y và năm giới, quả là có vô số, ngay thời gian ấy gọi là Tỳ kheo Hoa Thủ. Lúc đang cách xa thì có 18 người, từ những nơi khác ngưỡng mộ ở lại nước Tây trúc, hoặc có người liều lĩnh vượt qua vùng Lưu Sa hoang vu gió lạnh mà phải mất mạng, chỉ có Tỳ kheo Hoa Thủ một mình trở về đất Hán. Vào ngày ra đi có thần Ca Tỳ La hiện thân, nói với Hoa Thủ rằng: Đường đi xa xôi có nhiều hoạn nạn nguy hiểm, đệ tử đưa tiễn thầy đến nơi ấy để qua lại được yên lành. Trong lúc chưa đến nơi, trước cung điện của Ngụy Văn Đế có đóa hoa bằng vàng hiện rõ giữa hư không. Văn Đế hỏi Thái Sử rằng: Có điều gì biến đổi lạ kỳ? Thái Sử trả lời rằng: Chánh pháp của Tây Vực sắp truyền đến nơi này. Không đầy một tháng, Tỳ kheo Hoa Thủ mang đóa hoa bằng vàng trong lòng bàn tay đến xứ sở này. Ngày mới đến thì đóa hoa bằng vàng giữa hư không liền mất đi không còn hiện rõ. Điềm lành to lớn đã biểu hiện rõ ràng, cho nên giới pháp phước thiện được lưu truyền mãi mãi vậy.

2. Thời nhà Tấn có Sa môn Thích Tuệ Vĩnh ở Lư Sơn, người họ Phan ở vùng Hà Nội, trong sáng tự nhiên, tâm tư vắng lặng tự kiềm chế mình, nói thường mỉm cười, lời nói không làm thương tổn người khác, đam mê kinh điển và có sở trường về thuyết giảng, ăn cơm rau mặc áo vải, sống đạm bạc cả một đời, thích ở tại Lư Sơn cùng chung chỗ với Tuệ Viễn. Lại dựng lên một căn nhà tranh riêng biệt ở trên núi, cứ mỗi lần muốn thiền định tư duy thì đến ở nơi ấy. Lúc ấy có người đến nơi căn nhà, cũng ngửi thấy mùi hương kỳ lạ. Trong căn nhà của Tuệ Vĩnh thường có một con hổ, người lạ chắc là rất sợ, thì đuổi đi khiến lên trên núi, sau khi người ta đi rồi lại trở về nằm ở chổ cũ. Tuệ Vĩnh đã từng đi đến thôn ấp gần tối mới trở về núi, đén vùng Ô Kiều, chủ trại ô Kiều say rượu cưỡi ngựa chắn ngang đường, ngăn cản Tuệ Vĩnh không cho đi qua. Lúc ấy trời gần tối, Tuệ Vĩnh dùng gậy từ xa chỉ về con ngựa, con ngựa kinh sợ bỏ chạy, trại chủ ngã nhào xuống đất. Tuệ Vĩnh cõng về trại, trại chủ vì thế mà mang bệnh. Sáng sớm đến chùa, hướng về Tuệ Vĩnh ăn năn hối lỗi. Tuệ Vĩnh nói: Không phải là chủ ý của bần đạo, do thần giới làm cho sợ hãi mà thôi. Người tốt kẻ xấu nghe biết vui vẻ quy phục rất đông. Đến năm thứ 10 thời Tấn nghĩa Hi gặp phải tật bệnh nguy cấp, mà chuyên tâm cẩn trọng giữ gìn giới luật, chí nguyện vững vàng càng chịu khó hơn, tuy khổ vì bệnh nặng kéo dài, nhưng sắc mặt vẫn luôn vui vẻ thư thái. Chưa được bao lâu thì bỗng nhiên sửa sang lại áo quần chấp tay tìm giày muốn đứng dạy, như có trông thấy điều gì. Mọi người đều kinh hãi hỏi han, đáp rằng: Đức Phật đến. Nói xong mà

qua đời, hưởng thọ 83 tuổi, đạo-tục ở trong núi đều nửi thấy hương thơm kỳ lạ, qua bảy ngày mới hết.

3. Thời nhà Tấn có Sa môn Thích Pháp An ở huyện Tân Dương, một tên khác là Từ Khâm không biết rõ người ở nơi nào, là đệ tử của Tuệ Viễn, khéo giữ gìn giới hạnh, thuyết giảng về các kinh, và tu tập phước nghiệp. Vào giữa niên hiệu Tấn Nghĩ Hi, huyện Tân Dương xảy ra tai họa do hổ, huyện có gò đất rộng, dưới tán cây dựng tòa miếu thờ thần, cư dân bốn phía rất đông, người nào gặp phải hổ là chết, mỗi đêm có một-hai người. Pháp An đã từng đi qua huyện ấy, chiều tối đi vào thôn này, dân chúng vì sợ hổ cho nên đóng cổng thôn xóm rất sớm. Pháp An thẳng đến dưới tán cây, ngồi thiền suốt đêm, gần sáng nghe hổ vác người đến ném vào phía Bắc tán cây, trong thấy Pháp An như vui mừng như kinh hãi, nhảy đến nằm cúi đầu ở trước Pháp An. Pháp An thuyết pháp trao truyền giới pháp cho hổ, hổ ngồi dưới đất không động đậy, một lát sau bèn bỏ đi. Sáng sớm người trong thôn đuổi đi theo hổ đến dưới tán cây, trông thấy Pháp An cùng kinh hãi, nói là người thần. Thế là truyền cho nhau biết, quan dân cả huyện tôn kính bái phục, tai họa do hổ từ đó mà chấm dứt. Vì vậy sửa lại miếu thờ thần giữ Pháp An lập thành ngôi chùa, ruộng vườn bốn phía đều đưa vào làm sự nghiệp chung. Sau đó muốn làm pho tượng cần phải có đồng thau, nhưng khốn nỗi không thể nào có được. Đêm mộng thấy một người đứng gần trước giường, nói rằng: Dưới chỗ này có chiếc chuông đồng. Tỉnh giấc liền đào đất, quả nhiên có được hai chiếc. Nhờ đó lấy đồng thau làm thành phi tượng. Sau đem đồng giúp Tuệ Viễn đúc tượng Phật. Pháp An về sau không biết là đi đâu.

4. Thời nhà Tấn có Sa môn Thích Đàm Ung ở Lư Sơn, người họ Dương vùng Quan Trung, thân hình cao tám thước, uy hùng hơn người, từ miền Nam tìm đến Lư Sơn, tìm Tuệ Viễn làm thầy, kinh sách trong ngoài có nhiều điều đã trải qua, chí nguyện tôn sùng truyền bá giáo pháp không ngại vất vả mệt nhọc. Thế là ở tại phía tây Nam của núi, dựng lên một căn nhà tranh tách biệt, cùng với đệ tử là Đàm Quả, yên lặng suy tư về pháp thiền, đã từng ở đó một thời gian. Đàm Quả mộng thấy Sơn thần cầu xin thọ năm giới. Đàm Quả nói: Thầy tôi ở đây, nên đến thưa hỏi để trao truyền. Sau đó không bao lâu, Đàm Ung thấy một người mặc áo mỏng khép nách, phong cách tư thái đoan trang nho nhã, có hơn hai mươi người tùy tùng, thỉnh cầu thọ năm giới. Đàm Ung từ giấc mộng trước kia của Đàm Quả, biết là Sơn thần, bèn thuyết pháp truyền giới cho Sơn thần. Sơn thần lấy hai chiếc thìa của nước ngoài

cúng dường Đàm Ung, lễ lạy rồi từ biệt, chốc lát bỗng nhiên không thấy nữa. Đàm Ung sau đến Kinh Châu, qua đời tại chùa trúc Lâm.

5. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Pháp Độ ở vùng Nhiếp Sơn-Lang Gia, người Hoàng Long, tuổi trẻ xuất gia, đi qua các xứ phía Bắc học hỏi tổng hợp đầy đủ các kinh, mà chuyên lấy sự chịu khó tiết chế làm thành sự nghiệp. Cuối thời nhà Tống đi đến chốn Kinh Sư, Cao Sĩ ở quận Tề là Minh Tăng Thiệu, cự tuyệt dấu tích với người ngoài, ở ẩn trong vùng Nhiếp Sơn-Lang Gia, thấy Pháp Độ thuần khiết sáng suốt, tiếp đãi theo lễ của thầy bạn, đến lúc mất bố thí nơi ở của mình làm thành chùa Thê Hà, thỉnh Pháp Độ cư trú. Trước đó có Đạo sĩ, muốn lấy đất làm Đạo quán, người ở đó nhất định là chết, đến sau khi làm chùa hãy còn nhiều biến động làm cho sợ hãi, từ khi Pháp Độ cư trú thì yêu ma quỷ quái đều chấm dứt. Trải qua thời gian khoảng chừng một năm, bỗng nhiên có tiếng người ngựa trống kèn vang động, chốc lát trông thấy một người mang tờ giấy đề tên thông báo với Pháp Độ rằng Cận Thượng. Pháp Độ tiến về phía trước. Cận Thượng hình dáng rất thanh nhã, thị vệ cũng rất nghiêm trang, chào hỏi cung kính rồi mới nói: Đệ tử làm vua có ở núi này hơn bảy trăm năm, thần đạo có pháp, người khác không được xâm phạm, trước kia có những người dừng lại nhờ cậy, hoặc là không được chân chính, cho nên bệnh tật chết chóc nối tiếp theo nhau, cũng là do mạng của họ. Pháp Sư do đạo đức mà trở về, xin bố thí để cung cấp hầu hạ, và nguyện thọ năm giới để mãi mãi kết duyên về sau. Pháp Độ nói: Đạo của người và thần khác nhau không cho phép làm trái ngược nhau, vả lại đàn việt uống nước ăn thịt do mọi người cúng tế, đây là điều cấm kỵ nhất của năm giới. Cận Thượng nói: Nếu có đủ môn đồ thì trước hết trừ bỏ giết hại. Ngay sau đó cáo từ ra đi. Sáng sớm hôm sau Pháp Độ trông thấy một người chuyển đến một quan tiền cùng hương-nến-dao con, có sớ ghi rằng: Đệ tử Cận Thượng cung kính cúng dường. Đến ngày 15 hằng tháng Pháp Độ tổ chức trai hội, Cận Thượng lại đến, cùng với mọi người lễ lạy hành đạo thọ giới mà đi. Thầy mo ở miếu thờ Nhiếp Sơn mộng thấy thầy thần bảo cho biết rằng: Ta đã thọ giới ở tại Pháp sư Pháp Độ, cúng tế trong miếu thờ không được giết hại, từ đây trong miếu thờ cùng nhau cúng tế chỉ dùng rau quả mứt bánh mà thôi. Pháp Độ đã từng bị ngã nhào xuống đất, tông thấy Cận Thượng từ bên ngoài đi đến dùng tay xoa tên đầu xuống chân mà đi, lát sau lại đến, mang theo một cái âu bằng lưu ly, trong cái âu dường như có nước và đưa cho Pháp Độ ngậm vào miệng, vị ngọt mà lạnh. Pháp Độ đã kiên trì liền hỏi, những hiện tượng cảm ứng ấy như

vậy. Tề Cánh lăng Vương Tiêu-Tử Lương Thỉ An Vương..., đều từ xa cung kính theo lễ thầy trò, tôn kính cung cấp bốn sự cúng dường, sáu thời không thiếu sót. Vào năm thứ hai thời Tề Vĩnh Nguyên, qua đời ở trong núi, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi.

6. Thời nhà Lương có Sa môn Thích Trí Thuận ở chùa Vân Môn-Sơn Âm, vốn người họ Từ ở vùng lâm nghi-Lang Gia, giữ gìn giới cấm không có sai sót, say sưa rèn luện tìm hiểu các kinh. Tề Cánh Lăng văn Tuyên Vương, vô cùng kính trọng. Vào năm thứ sáu thời Lương Thiên Giám, qua đời ở chùa núi, hưởng thọ 61 tuổi. Ban đầu trí Thuận bệnh nặng không ăn uống nhiều ngày, trong một lúc cuối cùng bỗng nhiên tìm thuốc uống. Đệ tử là Đàm Hòa, bởi vì trí Thuận không ăn uống lâu ngày, nên bí mật lấy nửa nắm gạo trộm lẫn nấu chín đem đến cho Trí Thuận. Trí Thuận uống vào mà lại nhổ ra lấy nước súc miệng, nói với Đàm Hòa rằng: ông vĩnh viễn ra khỏi chùa Vân Môn, không được ở lại. Sự giữ gìn tiết chế vô cùng kiên trì đều tương tự như vậy. Ngày lâm chung trong phòng ngửi thấy mùi hương rất kỳ lạ, cũng có người thấy hoa cõi trời-lọng che của cõi trời xuất hiện.

(Năm chuyện trên đây trích từ Lương Cao tăng truyện).

7. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tịnh nghiệp ở đạo tràng Ngộ Chân vùng Chung Nam Sơn, người Đông Tùy vùng đát Hán, tập trung nghiền ngẫm bộ Luật, tổng hợp nhiều điều nghe thấy khác nhau, thực sự đi sâu vào nội điển khiến cho danh tiếng lan truyền ra bên ngoài. Năm thứ hai thời Tùy Nhân Thọ được nêu ra đề chuyển xá lợi đến chùa Cảnh Tạng ở An Châu. Ban đầu muốn an trí rại chùa Thập Lực, đi đến chùa Cảnh tạng bỗng nhiên cảm thấy có mùi hương kỳ lạ, chúng trong chùa đều bàn tán cho là điều lạ lùng, vì vậy mà xây dựng tòa tháp an trí xá lợi. Lúc sắp đưa xá lợi vào tháp, ánh sáng đỏ rực bỗng nhiên tỏa ra chiếu rọi vào người và vật, trên lầu cao của chùa nghe có tiếng nhiều người đi lại, và hướng đến nhìn xem thì kính mít, then cài cửa vẫn đóng chặt như ban đầu, không thất một người nào. Phía Bắc tòa tháp có hồ nước, Sa môn Tịnh Phạm đang trao truyền giới Bồ Tát cho các đạo-tục, quả là có đàn cá bơi lội tung tăng, đầu đều hướng về phía Nam tựa như tướng trạng đang thọ pháp quy y. tịnh Phạm liền chèo thuyền vào hồ nước truyền giới cho đàn cá, đàn cá đều quay đầu vòng quanh thuyền, như có vẻ lắng nghe tiếp nhận, cũng không có gì sợ sệt. Tịnh Nghiệp chúc mừng đều nhìn thấy như vậy, mới đem xá lợi an trí ở điện Phật, trước có một pho tượng Bồ Tát, không thể nào di chuyển được. Đến sáng sớm mới thấy quay đầu lại mặt hướng về xá lợi, hình dáng giống

như tự nhiên, hoàn toàn không có chỗ nào tổn thại. Nhiều lần xuất hiện điềm lành kỳ lạ, lời truyền tụng không hết được. Ngày 18 tháng 2 năm thứ 1hai thời Tùy Đại Nghiệp, qua đời tại chùa này, hưởng thọ năm mươi ba tuổi.

8. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Linh Cán ở đạo tràng chùa Đại Thiền Định - Tây Kinh, người họ Lý ở vùng Địch Đạo – Kim Thành, mà lập tánh vươn lên cung kính ngưỡng mộ thâu nhiếp trở thành tiết tháo, giữ gìn ba nghiệp bằng cách kiềm chế ngăn chặn tánh tình. Năm thứ hai thời Tùy Nhân Thọ, nhận lệnh truyền chuyển xá lợi từ lạc Châu đến an trí tại tháp thờ ở chùa Hán Vương. Lúc mới đưa đến tháp đã nhiều lần phát ra ánh sáng thần kỳ, gió nổi lên tắt hết đèn đuốc, mà suốt đêm sáng ngời không cần đến đèn đuốc soi chiếu. Lại cảm thấy mùi hương kỳ lạ theo gió mà đến, đạo-tục đều trông thấy. Ngày mồng 8 tháng 4, lúc đưa xá lợi vào tháp, cây lá trong chùa viện đều úa tàn, chim chóc cất tiếng kêu buồn bã, đến lúc đưa vào yên ổn thì tất cả trở lại như ngày thường. Vào ngày 29 tháng Giêng năm thứ 8 thời Tùy Đại nghiệp, qua đời tại chùa này, hưởng thọ 78 tuổi.

(Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

9. Thời nhà Đường có Cư sĩ Trương Pháp Nghĩa là người huyện Trịnh-Hoa Châu tuổi trẻ không có đạo lý, không tu dưỡng tính cách lễ độ. Năm thứ 11 thời Đường Trinh Quán đi vào Hoa Sen chặt cây, gặp được một vị Tăng ngồi trong hang đá, Pháp Nghĩa liền đến cùng trò chuyện. Đến lúc trời tối mịt không trở về được, bèn xin vị Tăng cho ở lại. Đêm đến vị Tăng bày vụn cây tùng bách để ăn, nói với Pháp Nghĩa rằng: Bần đạo đã lâu không muốn người ngoài biết, đàn việt ra khỏi đây cẩn thận đừng nói là gặp nhau! Vì vậy nói cho Pháp Nghĩa biết người thế tục nhiều tội lỗi tích tụ lúc chết đều rơi vào đường ác, chí tâm sám hối thì có thể diệt trừ tội lỗi. Sau đó khiến tắm rửa sạch sẽ, khoác tăng y thanh tịnh để sám hối. Sáng sớm từ biệt mà quay về. Đến năm thứ 19 thời Đường Trinh Quán, Pháp Nghĩa bị bệnh mà chết, chôn ở ngoài đồng hoang. Nhà nghèo không có quan quách nên dùng gỗ tạp bó lại đem chôn, mà sống lại tự đẩy bó gỗ tạp chui ra quay quách nên dùng gỗ tạp bó lại đem chôn, mà sống lại tự đẩy bó gỗ tạp chiu ra quay về nhà. Người trong nhà kinh ngạc hỏi han kỹ càng, biết thật sự sống lại quả là vui mừng. Pháp Nghĩa tự mình kể lại: Ban đầu có hai người đến bắt cưỡi hư không mà đi, đến quan phủ tiến vào cổng lớn, lại đi theo đường về phía Nam hơn mười dặm, hai bên đường đều có dinh phủ của quan, cửa ngõ đối diện với nhau, không thể nào kể xiết. Pháp Nghĩa đến một dinh

phủ thấy một vị quan, từ xa khiển trách sứ giả rằng: Chính là trương Pháp Nghĩa ở Hoa Châu, vốn hạn định trong ba ngày phải đến tại sao lại kéo dài đến bảy ngày? Sứ giả nói: Chó của nhà Pháp Nghĩa rất hung dữ, và có Sư chú nguyện, thần chú nguyện trông thấy đánh rất khốn đốn. Bàn phanh áo mà bày rõ lưng, lưng bị bầm đen sưng tấy. Vị quan nói: Tra cứu có quá nhiều tội lỗi, đánh cho 20 gậy. Nói xong thì quất gậy cũng hết, máu chảy lai láng trên trời đất. Vị quan nói: Dẫn Pháp Nghĩa đi qua quan Lục Sự. Quan Lục Sự thay quyền giao cho văn thư, sai chuyển đến giao cho Phán Quan. Phán Quan gọi người trông coi sổ sách, lấy bản án của Pháp Nghĩa. Sổ sách bản án rất nhiều chứa đầy cả một chiếc giường. Người trông coi sổ sách đứng trước Pháp Nghĩa mở ra kiểm tra nói: Sổ sách trước kia rất nhiều đã chấm dấu đỏ toàn bộ, có sổ chưa chấm dấu đỏ, thì ghi chép lại sự việc rằng: Năm thứ 11 thời Đường Trinh Quán, cha Pháp Nghĩa sai đi cắt lúa, Pháp Nghĩa trương mắt nhìn lại lớn tiếng trách móc không có hiếu thuận, nên đánh cho 80 gậy. Mới ghi chép một điều, liền thấy vị Tăng ở trong hang núi xưa kia xuất hiện, Phán Quan đứng dậy đón chào và hỏi có việc gì? Vị Tăng nói: Trương Pháp Nghĩa là đệ tử của bần đạo, tội lỗi ấy đều đã sám hối và diệt trừ tất cả, trong bản án của Thiên Tào đã chấm dứt, nay truy tìm oan uổng đến đây không đáng phải chết. Người trông coi sổ sách nói: Trải qua sám hối thì bản án này đã chấm dứt, còn như tội trương mắt trách móc cha, tuy nhờ sám hối nhưng sự việc chưa chấm dứt được. Vị Tăng nói: Nếu không thể như vậy, thì nên lấy bản án để so sánh, thuận theo nếu có phước lợi thì mong Phán Quan sai người trông coi sổ sách dẫn Pháp Nghĩa đi qua chỗ vua. Cung điện của vua ở phía Đông, lầu đài nhà cửa hoành tráng, thị vệ có mấy ngàn người. Vị Tăng cũng đi theo đến chỗ vua. Vua đứng dậy đón chào vị Tăng, vua nói: Vì sao thầy phải trực tiếp đến đây? Vị Tăng đáp rằng: Không thể nào đến sau được, có đệ tử là Trương Pháp Nghĩa bị bắt đến đây, người này vốn có tội lỗi nhưng bần đạo đã giải quyết xong, chưa đến lúc phải chết, người trông coi sổ sách lại vì sự việc trương mắt nhìn cha mà dẫn qua chỗ vua. Vua nói: Trương mắt nhìn cha dù sám hối thì tội này cũng không được miễn, nhưng thầy vì đệ tử mà đến thỉnh cầu, có thể đặc biệt tha cho bảy ngày. Pháp Nghĩa thưa với vị Tăng rằng: Bảy ngày đã không nhiều, lần sau đến sợ rằng không gặp thầy, thỉnh cầu đến ở bên cạnh thầy. Vị Tăng nói: Bảy ngày tức là bảy năm, nên đi sớm là tốt hơn. Pháp Nghĩa kiên quyết xin đi theo vị Tăng. Vị Tăng nhân đó thỉnh cầu vua dùng bút viết trong lòng bàn tay Pháp Nghĩa một chữ, còn thỉnh cầu vua đóng dấu. Vua đóng dấu xong,

nói rằng: Nên gấp rút đi về nhà, dựa vào phước báo, lần sau đến không thể nào gặp Ta, nên đưa bàn tay có đóng dấu trình với nhà vua, lúc ấy nhà vua tự nhiên sẽ tha cho ông. Pháp Nghĩa bèn từ tạ đi ra. Vị Tăng khiến người đưa đường thoát ra, đến trong nhà mình chỉ thấy tối đen, Pháp Nghĩa không dám bước vào. Sứ giả đẩy té nhào liền sống lại, cảm thấy nằm trong đất rất mỏng manh, dùng tay đẩy đất mà thoát ra được. Nhân đó đi vào núi đến chỗ Sơn Tăng tu phước. Nơi đã đóng dấu trong lòng bàn tay Pháp Nghĩa, đường nét không thể nhận ra, nhưng đều làm thành vết sẹo, cuối cùng không thể nào lành lặn được, cho đến bây giờ hãy còn tồn tại.

Vương Bác Xoa ở Lũng Tây cùng với Pháp Nghĩa là người gần bên cạnh biết rõ ngọn nguồn sự việc, Vương Bác Xoa đến kể lại cho biết như vậy.

(Chuyện này trích từ Minh Báo ký).

10. Thời nhà Đường có Cư sĩ Hạ Hầu Quân, là người vùng Phu Thành-Kí Châu. Năm thứ hai thời Đường Hiển Khánh, mắc bệnh trải qua hơn 40 ngày hôn mê tán loạn hầu như chết. Tự mình nói rằng: Bị đưa vào làm trâu nhiều lần trải qua kiện tụng khổ sở vô cùng. Nói rằng: Đã từng ba lần đến nơi Ẩn Sư thọ giới sám hối, tự kiểm xét mình không có lỗi lầm, sao chịu được sự sai khiến làm thành thân trâu nhận lấy khổ sở như vậy? Hầu Quân đã bị đưa vào nơi xay bột, trải qua hai mươi ngày, hết sức kêu nài sứ giả, sau đó tiến hành đối chiếu đúng là có thọ giới, điều này có thật chứ không giả dối, mới được miễn tội. Người này thưở bình sinh rất có sức lực, uống rượu say thích gây chuyện, nay đang đoạn tuyệt rượu thịt, là người thanh tín có đức có tài, làm đệ tử trai gái không quên của Ẩn Sư.

(Chuyện này trích từ Minh Báo Thập Di Ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 90

Thiên thứ 88: PHÁ GIỚI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Nghĩ rằng giới đức bổn nguyện này sâu nặng, cứu chúng sanh lợi ích cho vật, tương xứng điều này là bậc nhất. Vì vậy thọ giới thì rất dễ dàng, trì giới có phần khó khăn. Nếu không phải hộ trì chu đáo, thì Đại quả lẽ nào chứng được? Sợ rằng sai một ly, đi ngàn dặm. Nếu như sai lầm nhỏ mà che giấu, thì trở thành khó trừ diệt, tội lỗi lớn mà phát lộ, thì lại có thể tha thứ. Do đó biết rằng có lỗi lầm cần phải hối hận thì được đứng trong bảy chúng, giữ ngu si không sám hối thì mãi mãi rơi vào ba đường. Vì lẽ đó một chương này trình bày chung về đạo-tục trì-phạm được-mất. Nếu là bạch y cư sĩ, đã từng có niềm tin bé nhỏ thọ được giới, không chịu nổi danh lợi, thất ý có làm trái, cho nên cùng trình bày ở đây. Nếu là bạch y ngu ngơ, gió nghiệp thức rong ruổi mê muội theo tài sắc, dễ tham lam danh lợi, say đắm theo năm dục, không tin vào Phật pháp, thì đây là người chắc chắn mang tội lỗi, không phải ở đây mà có thể trình bày. Bàn luận đến thời nay, Tăng-ni xuất gia và Ưu bà tắc-Ưu bà di, sợ rằng trái với lời Phật dạy nhiễm theo danh lợi phù du, cho nên nay cố ý nói đến. Nếu là bạch y phẩm chất cao thượng, thấy Phật quở trách người xuất gia phạm tội, thì tự khuyên nhủ động viên mình, tự thức tỉnh mình không nên làm, người xuất gia trong sáng rỗng lặng ngưỡng mộ cao xa quỹ phạm huyền diệu, hãy còn có lúc thất ý làm trái bị Phật quở trách, hạng bạch y chúng ta không có hổ thẹn xấu xa, tạo tội lỗi không kiêng nể gì, ngày đêm không hề lơi lỏng, chưa từng hổ thẹn sửa chữa, cho nên Như Lai vứt bỏ chúng ta, không được dạy dỗ, liền tự mình sửa sai dừng ý không vi phạm. Ví như người có trí trước hết khuyên nhủ bản thân, người khác trông thấy quở trách cũng tự mình hối hận sửa chữa. Vì vậy sách xưa nói: “Thấy người có đức có tài suy nghĩ

làm cho bằng người, thấy người không có tài đức mà trong lòng tự ngẫm lại mình.” Nếu là người phẩm chất thấp kém phàm tục ngu si không có hiểu biết, thấy Phật quở trách chúng Tăng phạm phải lỗi lầm, chỉ tăng thêm cười nhạo khinh chê làm cho thiện tâm hủy hoại, không tự mình suy nghĩ thật ngu si đần độn còn hơn loài súc sanh, cũng như người say ngã xuống nằm trong hố phân nôn mửa bừa bãi cứt đái vấy bẩn thân hình, ngước mặt nhìn lên người trên bờ lại trách mắng cho rằng không đứng đắn. Người ngu si cũng như vậy, vì thế cho nên Như Lai tuy muốn cứu giúp nhưng không có đường nào thoát ra được. Do đó trong kinh nói: “Ví như có người rơi vào hầm phân, toàn thân ngập sâu không còn mảy tóc có thể kéo lên, biết phải cứu giúp bằng cách nào?”

***Phần thứ hai*: DẪN CHỨNG**

Như kinh Đại Phẩm nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Nếu Ta không trì giới, thì sẽ rơi vào trong ba ác đạo, thân người thấp hèn hãy còn không được, huống là có năng lực thành tựu chúng sanh thanh tịnh cõi nước của Phật, đầy đủ Nhất thiết chủng trí ư?”

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền nói: “Nếu không trì giới, thì ngay cả thân Dã can ghẻ lở hãy còn không được, huống hồ sẽ được thân công đức ư?”

Còn trong kinh Phạm Võng nói: “Nếu là Phật tử, tín tâm xuất gia thọ giới cấm của Phật, người cố ý khởi tâm hủy phạm Thánh giới, thì không được nhận sự cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được uống và ở trên đất và nước của Quốc Vương; năm ngàn quỷ lớn thường ngăn chặn trước mặt họ, quỷ nói họ là giặc lớn. Đi vào trong nhà cửa thôn xóm thành ấp, quỷ lại quét sạch dấu chân của họ. Tất cả người thế gian mắng họ là giặc trong Phật pháp. Tất cả chúng sanh, mắt không muốn thấy người phạm giới, không khác gì súc sanh, không khác gì gỗ đá.”

Còn trong kinh Bảo Lương nói: “Nếu Tỳ kheo phá giới, thọ nhận sự cúng dường lễ lạy cung kính của người trì giới, không tự biết mình xấu xa thì mắc phải khinh. Những gì là khinh? Đó là: 1- Làm người ngu si; 2- Miệng câm ngọng; 3- Nhận chịu thân hình thấp bé xấu xí; 4- Dung mạo xấu xa mặt nghiêng về một bên, người trông thấy cười cợt chế giễu; 5- Chuyển sang thọ thân người nữ làm tôi tớ hầu hạ nghèo túng; 6- Thân hình gầy gò thọ mạng ngắn ngủi; 7- Mọi người không kính trọng thường phát sinh tai tiếng xấu xa; 8- Không gặp được thời có Phật.

Đức Phật dạy: Nếu có người không phải Sa môn mà tự nói mình

là Sa môn, không phải phạm hạnh mà tự nói mình là phạm hạnh, thì ở mặt đất bao la này thậm chí không có nơi để nhổ nước mũi-nước miếng, huống là đưa chân đặt chân đi lại co duỗi. Tại vì sao? Bởi vì Đại Vương thời quá khứ nắm giữ mặt đất bao la này, bố thí cho người trì giới có đức hạnh, khiến họ tu hành theo trung đạo, là Tỳ kheo phá giới thì tất cả tín thí không đến với người này, huống là ở phòng ốc của Tăng? Y bát-đồ nằm-thuốc thang của tín thí vốn không nên thọ nhận, nếu như Tỳ kheo có phá giới. Như phân một mảy lông làm thành trăm phần, nếu có Tỳ kheo xấu xa thọ nhận sự tín thí của người bằng một phần mảy lông, tùy theo phần mảy lông đã thọ nhận mà làm hại đến thí chủ.

Ví như sư tử là chúa tể các loài thú, nếu có chết đi thì không có loài thú nào có thể ăn được thịt của sư tử, mà trong thân sư tử tự sinh ra những loài sâu trở lại ăn thịt của sư tử. Ở trong giáo pháp của Ta sinh ra những Tỳ kheo xấu ác như vậy, tham tiếc lợi dưỡng bị lòng tham che lấp, không nhận thức được ác pháp có năng lực hủy hoại giáo pháp của Ta. Nên biết rằng Tỳ kheo xấu ác này thành tựu 4 pháp: 1- Bất kính đối với Phật; 2- Bất kính đối với pháp; 3- Bất kinh đối với Tăng; 4- Bất kính đối với Giới. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn thuyết kệ rằng:

Tâm mong cầu lợi dưỡng,
Miệng nói là biết đủ,
Tà mạng cầu được lợi,
Thường không có vui vẻ.
Tâm tư lắm gian trá,
Lừa dối với tất cả,
Người lòng dạ như vậy,
Cũng không thanh tịnh được.
Chư Thiên và Thần-Rồng,
Người có được Thiên nhãn,
Chư Phật và Bồ Tát,
Tất cả đều biết rõ.

Đức Phật bảo với Ca Diếp: Thế nào là Sa môn Chiên đà la? Này Ca Diếp! Ví như Chiên đà la thường ở trong bãi tha ma đi tìm xác chết không có lòng Từ Bi đối với chúng sanh, thấy được xác chết trong tâm rất vui sướng. Như vậy Sa môn Chiên đà la, thường không có tâm Từ Bi đến nhà thí chủ thực hiện tâm bất thiện, mong cầu đạt được rồi sanh tâm quý trọng, từ nhà thí chủ thọ nhận lợi dưỡng rồi, không dạy theo Phật pháp mà thân cận với đại gia, cũng không có tâm Từ Bi thường mong cầu lợi dưỡng, đó gọi là Sa môn Chiên đà la. Chiên đà la như vậy bị tất

cả mọi người đều rời bỏ, như xứ sở của Chiên đà la đã đến mà không đến được xứ sở tốt lành, tại vì sao? Bởi vì tự mình thực hiện pháp xấu ác. Như vậy xứ sở của Sa môn Chiên đà la đã đến, cũng không đến được thiện đạo, gây ra nhiều ác nghiệp, bởi vì không có pháp nào ngăn chặn ác đạo. Ví như hạt giống hư hoại rốt cuộc không thể nảy mầm, như vậy Sa môn bại hoại biến chất, tuy ở trong Phật pháp mà không sinh ra thiện căn, không đạt được quả Sa môn."

Còn trong kinh Niết bàn nói: "Giống như biển rộng không giữ lại xác chết,, như chim Uyên ương không ở nơi nhà xí, Thích Đề Hoàn Nhân không cư trú cùng với quỷ, chim Cưu Sí La không dừng lại trên cây khô; người phá giới cũng lại như vậy."

Còn trong kinh Ca Diếp nói: "Đức Phật bảo với Ca Diếp: Người xuất gia ở trong Chánh pháp, nên dấy lên nghĩ rằng: Chư Phật hiện tại khắp thế giới mười phương đều biết rõ tâm mình, đừng làm kẻ giặc Sa môn đối với Phật pháp. Này Ca Diếp! Thế nào gọi là kẻ giặc Sa môn? Kẻ giặc Sa môn có bốn loại. Những gì là bốn loại? Này Ca Diếp! Nếu có Tỳ kheo chỉnh lý pháp phục giống như hình dáng Sa môn, mà phá giới cấm, thực hiện pháp bất thiện, thì gọi là kẻ giặc Sa môn thứ nhất. Hai là sau lúc trời tối, trong tâm tư duy về pháp bất thiện, đó gọi là kẻ giặc Sa môn thứ hai. Ba là chưa đạt được Thánh quả, tự biết mình là phàm phu, nhưng vì lợi dưỡng cho nên tự nói mình đạt được quả A La Hán, đó gọi là kẻ giặc Sa môn thứ ba. Bốn là tự ca ngợi mình chê bai người khác, đó gọi là kẻ giặc Sa môn thứ tư. Này Ca Diếp! Ví như có người đầy đủ thế lực to lớn, đối với hết thảy châu báu – tất cả đồ vật ưa thích của chúng sanh trong ba ngàn Địa thiên thế giới, dùng dao gậy làm cho tổn hại mà đoạt lấy tất cả mọi thứ. Này Ca Diếp! Trong ý của ông nghĩ thế nào, người này mang tội lỗi có nhiều hay không? Ca Diếp thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn, rất nhiều! Đức Phật bảo với Ca Diếp: Nếu có phàm phu chưa đạt được quả Thánh, mà vì lợi dưỡng cho nên tự nói là mình đạt được quả Tu đà hoàn, nếu thọ nhận một bữa ăn, thì tội lỗi nhiều hơn người kia, Ta nhìn trong pháp Sa môn lại không có tội lỗi nào nặng hơn tội ngông cuồng nói mình đạt được quả Thánh. Đức Phật bảo với Ca Diếp" Người xuất gia lại có bốn loại phiền não vi tế. Những gì là bốn loại? Đó là: 1- Thấy người ta có được lợi ích thì tâm sinh ra ganh tỵ; 2- Nghe giới cấm trong kinh mà lại cố tình hủy phạm; 3- Làm trái với lời Phật dạy mà che giấu không hối lỗi; 4- Tự biết mình phạm giới mà thọ nhận sự tín thí của người khác. Người xuất gia có những phiền não này, như gánh gánh nặng đi vào nơi địa

ngục. Này Ca Diếp! Người xuất gia có bốn điều phóng túng đi vào chốn địa ngục. Những gì là bốn điều? Đó là: 1- Phóng túng do đa văn, tự cậy mình đa văn mà sanh ra phóng túng; 2- Phóng túng do lợi dưỡng, bởi vì có được lợi dưỡng mà sanh ra phóng túng; 3- Phóng túng do bạn thân, dựa vào bạn thân mà sanh ra phóng túng; 4- Phóng túng do đầu đà, tự cậy mình tu hạnh đầu đà mà tự cao ngạo chê bai người ta. Đây gọi là bốn điều phóng túng rơi vào địa ngục.

Lúc bấy giờ Ma ha Ca Diếp thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Năm trăm năm sau thuộc thế hệ cuối cùng ở tương lai, có người tương tự Sa môn, thân khoác ca sa mà hủy diệt A nậu Bồ đề do Như Lai tích tập trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp là thế nào? Đức Phật bảo với Ca Diếp: Ông đừng hỏi điều này, tại vì sao? Bởi vì người ngu si kia, thật sự có sai lầm tệ hại, tất cả ma sự thảy đều tin nhận, Như Lai không nói là người kia đạt được đạo quả, giả sử ngàn vị Phật xuất hiện ở thế gian, dùng các loại thần thông thuyết pháp giáo hóa, đối với dục vọng tệ hại của người kia cũng không thể khiến cho chấm dứt được. Ca Diếp thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con thà đội trên đầu tất cả chúng sanh-sông núi-làng xóm trong 4 thế giới, trải qua một kiếp, hoặc giảm một kiếp, chứ không thể nào nghe âm thanh bất tín của chúng sanh mà ngu si kia. Thưa Đức Thế Tôn! Con thà ngồi ở trên một hạt mè, trải qua một kiếp, hoặc giảm một kiếp, chứ không thể nào nghe âm thanh phá giới của người ngu si bất tín kia. Thưa Đức Thế Tôn! Con thà ở trong đại kiếp lửa đỏ hoặc đi-hoặc đứng-hoặc ngồi-hoặc nằm trải qua trăm ngàn ức năm, chứ không thể nào nghe âm thanh phá giới của người ngu si bất tín kia. Thưa Đức Thế Tôn! Con thà nhận chịu tất cả chúng sanh giận dữ mắng chưởi làm nhục-đánh đập làm hại, chứ không thể nào nghe âm thanh phá hủy giới cấm của tên giặc lớn trộm pháp là người ngu si bất tín kia.”

Còn trong luận Trang Nghiêm có kệ rằng:

“Người gian trá giả dối nịnh bợ,
Tâm luôn dừng lại trong lợi dưỡng,
Bởi vì tham đắm theo lợi dưỡng,
Không thích nơi vắng vẻ yên lặng.
Tâm luôn luôn bám theo lợi dưỡng,
Ngày đêm không bao giờ dừng lại,
Nơi ấy có áo quần ăn uống,
Người ấy là bạn thân của mình.
Nhất định đến xin giúp mạng mình,

Tâm ý có nhiều cách bám theo,
Làm cho tâm vắng lặng hư hoại,
Không thích nơi trống trải yên lặng.
Thường thích ở giữa chốn đông người,
Bởi vì lợi dưỡng mà tàn tạ,
Rơi vào trong ba đường xấu ác,
Chướng ngại đối với đạo xuất thế.”

Lấy văn này chứng minh, người ngu rời bỏ đạo chuyên mong cầu danh lợi, chỉ tạo thành ác nghiệp, thường thuận theo sanh tử, luôn luôn ở trong tối tăm. Nếu nghe đến giới cấm – học rộng hiểu biết nhiều, thì nói mình là hạng hạ căn phàm tục ngu si, tất nhiên không phải là Đại Thánh thì đâu có năng lực y theo đầy đủ. Nếu nghe vua quan trưng dụng sai khiến khổ sở đủ điều, cưỡng bức giống như lao dịch bình thường, thì nói mình là Sa môn xuất gia tu hành thanh tịnh, cao hơn trời người-coi trọng hơn vàng ngọc, lẽ nào tham gian việc ấy?

Vì vậy trong kinh Phật Tạng nói: “Ví như con dơi lúc muốn bắt chim thì chui vào hang làm chuột, lúc muốn bắt chuột thì bay giữa hư không làm chim, mà thật sự không có hoạt dụng của chim lớn, thân hình của nó hôi hám bẩn thỉu chỉ thích bóng tối. Này Xá-lợi-phất! Tỳ kheo phá giới cũng lại như vậy, đã không vào nơi Bố tát Tự tứ, cũng không vào nơi vua quan sai khiến, không gọi là bạch y, không gọi là xuất gia, như củi thiêu xác chết còn thừa lại không có thể dùng được nữa.”

Còn trong luận Thành Thật nói: “Không thực hành tu thiện mà cố tình ăn thì nuôi dưỡng giặc thù vô ích, cũng làm hỏng phước của thí chủ – có hai đến sự cúng dường của người khác, như vậy thì không nên ăn thức ăn của người ta.”

Lại trong kinh Phật tạng nói: “ Được xuất gia rồi tự xưng là Sa môn, không có năng lực có thể tiếp nhận lời Phật giáo hóa đúng như thật, ở trong giáo pháp này không thường xuyên tu tâm, không cảm được ý vị, vung tay mà rời xa, rơi vào trong đường ác. Giống như con đẻ bỏ giường đệm ấm mà đi, Tỳ kheo phá giới phải trải qua trăm ngàn ức kiếp số cắt xẻ thịt mình để trả nợ thí chủ. Nếu sanh làm súc sanh thì thân thường mang nặng. Nguyên cớ do đâu? Bởi vì giống như tách một sợi tóc ra làm ngàn ức phần, Tỳ kheo phá giới hãy còn không có năng lực tiêu được một phần cúng dường, huống là có năng lực tiêu được áo quần-đồ nằm-thuốc thang của người ta cung cấp ư? Hạng người như vậy, xuất gia cầu đạo ở trong giáo pháp của Ta mà mang chịu tội lỗi nặng nề. Này Xá-lợi-phất! Người như vậy, ở trong giáo pháp của

Ta làm giặc phản nghịch thật sự, là giặc phá hoại giáo pháp thật sự, là người lừa dối gian trá thật sự, chỉ cầu mong mạng sống mà tham đắm sâu nặng đối với cơm ăn áo mặc, vậy thì gọi là hạng tôi tớ nô lệ của dục lạc thế gian.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Hoặc có người được cúng dường áo quần-ăn uống-giường đệm đồ nằm-thuốc thang chữa trị bệnh tật, người ấy có được rồi thì tự mình ăn uống sử dụng, không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có ý ham muốn; không khởi lên những ý tưởng, cũng không có ý niệm này, tự mình biết rõ pháp xuất thế quan trọng. Giả sử không có được lợi dưỡng, không khởi lên ý niệm bừa bãi, tâm không có gì thêm bớt. Giống như Sư tử chúa ăn thịt loài vật bé nhỏ, lúc bấy giờ chúa tể muôn thú kia cũng không dấy lên nghĩ rằng: Thịt loài thú này ngon, thịt loài thú này không ngon. Không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có ý ham muốn, không khởi lên những ý tưởng. Người này cũng lại như vậy. Lại như có người thọ nhận sự cúng dường của người ta, có được rồi thì tự mình ăn uống sử dụng, khởi tâm nhiễm trước, sinh ra ý niệm yêu thích ham muốn, không biết gì pháp xuất thế gian trọng. Giả sử không có được thì luôn luôn sinh ra ý niệm nghĩ đến điều này. Người kia được cúng dường rồi, hướng về các tỳ kheo mà tự mình cao ngạo chê bai coi thường người khác, chỉ riêng mình có năng lực đạt được lợi dưỡng, những Tỳ kheo này không thể nào có được điều ấy. Giống như trong bầy heo có một con heo, tách khỏi bầy rồi đến nơi đống phân lớn, con heo này ăn phân dơ no rồi, trở về lại giữa bầy heo, liền tự mình cao ngạo cho rằng mình có thể được ăn ngon như vậy, những con heo khác không thể nào có được để ăn. Ở đây cũng như vậy, kẻ cao ngạo tham trước ví như con heo này. Tỳ kheo nên bắt chước Sư tử chúa chứ đừng học theo con heo ngu si!”

Còn trong luận Trí Độ nói: “Có người xuất gia thích pha chế chuốc thang-gieo vãi thóc đậu-trồng cây cối... chu cấp cho mạng sống bất tịnh, đó gọi là Hạ khẩu thực. Quan sát tinh tú nhật nguyệt-gió mưa sấm chớp-giông tố hạn lụt để chu cấp mạng sống bất tịnh, đó gọi là Ngưỡng khẩu thực. Nịnh bợ quyến rũ kẻ có thế lực lớn sai sử tất cả bốn phương-nói lời hoa mỹ cầu mong nhiều điều chu cấp cho mạng sống bất tịnh, đó gọi là Phương khẩu thực. Nếu học các loại chú thuật-bói toán lành dữ-tâm địa bất chính, những cách chu cấp cho mạng sống bất tịnh như vậy, đó gọi là Duy khẩu thực. Lại có năm loại tà mạng. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Vì lợi dưỡng cố tình biểu hiện tướng trạng kỳ dị lạ lùng một cách gian trá; 2- Vì lợi dưỡng cố tình tự nói công đức của mình; 3- Vì

lợi dưỡng cố tình xem tướng tốt xấu nói nhiều cho người ta nghe; 4- Vì lợi dưỡng cố tình lớn tiếng biểu hiện quyền uy làm cho người ta kính sợ; 5- Vì lợi dưỡng cố tình nói ra những vật đã được cúng dường để tác động đến tâm tư người ta. Nên biết rằng người xuất gia, vì cầu lợi dưỡng mà làm các loại tà mạng nuôi sống thân mình, đều là phá giới, không tránh khỏi đường ác. Nhưng người xuất gia cần phải luôn luôn lìa bỏ đắm trước, nếu cố ý giữ chặt một nơi thì sinh ra nhiều tham đắm vướng mắc, đối với bản thân mình thì yêu quý, đối với người khác thì sanh tâm ganh ghét."

Còn trong kinh Ma Ha Ca Diếp nói: "Đức Phật bảo với Di Lặc: Năm trăm năm sau thuộc thế hệ cuối cùng ở tương lai, những người tự xưng là Bồ Tát mà thực hành theo pháp chó mèo, ví như có con chó đến nhà người ta trước, thấy con chó đến sau trong tâm sanh ra giận dữ, trừng mắt sủa vang, trong lòng dấy lên ý tưởng, nói đây là nhà mình. Tỳ kheo cũng như vậy, đến nhà thí chủ của họ trước nảy sinh ý tưởng là nhà của mình. Đã tham đắm ý tưởng này, thấy Tỳ kheo đến sau thì trừng mắt mà nhìn, tâm sinh ra căm ghét, phỉ báng lẫn nhau, nói Tỳ kheo đó có lỗi lầm như vậy, mọi người đừng gần gũi.". tâm sinh ra ganh tỵ, việc làm mang nhân tố ngạ quỷ, chính là nhân của bần cùng, tức là thuộc về keo kiệt nơi chốn quen biết của mình đối với người khác trong năm loại keo kiệt mà luận Thành Thật đã nói.

Còn trong kinh Bồ Tát tạng nói: " Lại nữa, Xá Lợi Tử! Bồ tát xuất gia lại có năm pháp, nếu như thành tựu thì không gặp thời Phật xuất thế, không gần gũi bạn lành, gặp nhiều hoạn nạn, hủy hoại thiện căn, không thuận theo an trú trong luật nghi của Bồ tát tu học Chánh pháp, cũng không mau chóng giác ngộ Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Tử! Những gì gọi là Bồ tát xuất gia thành tựu năm pháp? Đó là: 1- Hủy phạm Thi la; 2- Phỉ báng chánh pháp; 3- Tham đắm danh lợi; 4- Cố chấp ngã kiến; 5- Luôn luôn đối với người khác sinh ra nhiều ý niệm keo kiệt ganh ghét. Này Xá Lợi Tử! Như vậy gọi là Bồ tát xuất gia thành tựu năm pháp, không gặp thời Phật xuất thế cho đến không đạt được Vô lthượng Chánh đẳng Bồ đề. Này Xá Lợi Tử! Ví như con chó đói rầu rĩ đi dọc theo con đường gặp được bộ xương khô lâu ngày không còn thịt dính, chỉ thấy bụi đất bám đỏ nói là có vị nồng nàn, liền đến ngậm lấy. Đến nơi đông người giữa ngã tư đương, vì tham mùi vị cho nên nước dãi chảy ướt trên khúc xương, vọng tưởng nói là ngon ngọt, hoặc cắn-hoặc liếm-hoặc gặm-hoặc mút, vui sướng thích thú giữ chặt không hề rời bỏ. Lúc ấy có hàng Sát đế lợi-Bà la môn và các

Trưởng giả, đều rất giàu sang, đi dạo qua con đường này. Lúc ấy con chó đói này từ xa trông thấy những người kia đi đến, tâm sinh ra bực bội nóng nảy dấy lên ý nghĩ như vậy: Những người kia đi đến, lẽ nào không giành lấy món ăn mà mình coi trọng? Liền phát khởi giận dữ vô cùng đối với những người này, cất tiếng rất gay gắt, mắt dữ dằn nhìn ngang dọc, lộ ra hàm răng, chờ dịp thuận tiện xông đến làm tổn hại. Này Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ thế nào? Những người đi đường kia, nên làm điều khác, lẽ nào lại cầu mong khúc xương không còn thịt bám đầy bụi đỏ này chăng? Xá Lợi Tử thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Không thể nào thưa Đức Thế Tôn, không thể nào thưa Đấng Thiện Thệ! Đức Phật bảo với Xá Lợi Tử: Nếu là như vậy, thì con chó đói keo kiệt kia, vì những điều gì mà cất tiếng rất gay gắt nhe răng sủa vang? Xá Lợi Tử thưa rằng: Như ý con hiểu, bởi vì sợ những người đi đường kia tham đắm món ăn ngon, chắc chắn có thể đoạt lấy món ăn ngon ngọt của mình, vì ý nghĩ như vậy cho nên nhe răng sủa vang mà thôi. Đức Phật bảo với Xá Lợi Tử: Đúng như vậy! Như ông đã nói, thế hệ cuối cùng ở tương lai có những Tỳ kheo, đối với thí chủ của họ thường xuyên quen thói keo kiệt với người khác, say mê đắm trước cặn bã rác rưởi ngông cuồng tăng thêm trói buộc bên trong, tuy gặp được Như Lai đầy đủ không có gì khó khăn, mà thường vứt bỏ không tu tập hợp với pháp tắc. Tỳ kheo như vậy, Ta nói tâm hành của họ, giống như con chó ngu si trước đây. Này Xá Lợi Tử! Nay Ta xuất thế thương xót cho chúng sanh. Muốn ngăn chặn cho nên luôn suy nghĩ đến sự việc này, vì những Tỳ kheo tệ hại thuộc hạng như vậy, mà nói thí dũ này.

Lại nữa, này Xá Lợi Tử! Là các Bồ Tát ma ha tát, vì mong muốn lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh mà cầu đạt được Phật trí, thực hành Tỳ lê gia Ba la mật đa, các Bồ Tát ma ha tát ấy đối với thịt xương của mình hãy còn mang đi bố thí ban ơn, huống là tìm cách mong cầu vọng tưởng thịt xương xấu ác, mà đối với người khác khởi lên những ý niệm keo kiệt ganh ghét hay sao? Này Xá Lợi Tử! Những Tỳ kheo kia vì keo kiệt đối với người khác, Ta nói hạng người này là hạng trượng phu ngu si, là người vì mạng sống, là người giữ lấy tài sản thóc lúa-tôi tớ nô lệ, là người coi trọng tiền của châu báu ngắm nhìn đắm say, chỉ đối với cơm ăn áo mặc mà tỏ lòng tôn sùng kính trọng, là người mong cầu vọng tưởng ham thích thịt xương xấu ác mà khởi lên ý niệm keo kiệt ganh ghét.

Này Xá Lợi Tử! Nay Ta lại nói Chánh pháp như vậy, những Tỳ kheo kia đến trước nơi nhà người khác, không nên nhìn Tỳ kheo khác

mà sanh lòng ganh ghét! Nếu có Tỳ kheo làm trái với giáo pháp của Ta, thấy Tỳ kheo khác hoặc dấy lên nói rằng: Nhà thí chủ này trước là chỗ quen biết của tôi, ông từ đâu đến mà lại ở đây vậy? Tôi đối với nhà này rất là thân mật, vui đùa thăm viếng lẫn nhau, ông từ đâu đến, mà nhất định xâm phạm giành chỗ của tôi? Này Xá Lợi Tử! Vì những điều gì mà Tỳ kheo keo kiệt kia, đối với người đến sau lại sanh ra ganh ghét? Này Xá Lợi Tử! Bởi vì những nhà thí chủ hứa giúp cho họ y bát-đồ ăn thức uống-đồ nằm- thuốc thang chữa trị bệnh tật và cung cấp nhiều đồ vật tiền bạc cho họ, người kia dấy lên nghĩ rằng: Sợ thí chủ ấy đem đồ vật hứa giúp cho họ trước kia để giúp cho người đến sau. Bởi vì như vậy, cho nên chính Tỳ kheo này đối với nhà thí chủ khởi lên ba loại sai lầm: 1- Khởi lên sai lầm về trú xứ, thấy Tỳ kheo khác, hoặc là khởi lên căm ghét nói rằng: Tôi từ hôm nay sẽ xa lìa nơi này; 2- Tất cả những nơi gần gũi quen biết, sẽ nói là không biết thuận theo hay không thuận theo; 3- Đối với những nơi không nhất định vọng khởi những lỗi lầm.

Này Xá Lợi Tử! Tỳ kheo keo kiệt ấy đối với người đến sau phát ra ba lời tệ hại: 1- Nói đến lỗi lầm của trú xứ, dùng những điều xấu xa nói thêm cho nhà ấy, khiến tâm Tỳ kheo đến sau không muốn ở lại; 2- Đối với tất cả lời nói chân thật của Tỳ kheo đến sau lại cho là nói không thật; 3- Biểu hiện tướng mạo thân thiện giả dối để nịnh bợ gần gũi người này, chờ dịp có sơ hở thì đứng trước mọi người rêu rao đưa ra. Này Xá Lợi Tử! Tỳ kheo như vậy, đối với nhà thí chủ của họ sanh ra ý niệm keo kiệt ganh ghét, nhanh chóng hủy diệt tất cả pháp vốn có của hàng bạch y, vĩnh viễn mất hết không còn sót lại gì."

Còn trong kinh Ca Diếp nói: "Người xuất gia có bốn loại phóng túng dẫn vào nơi địa ngục: 1- Phóng túng do đa văn; 2- Phóng túng do lợi dưỡng; 3- Phóng túng do bạn thân; 4- Phóng túng do khổ hạnh. Người có bốn loại phóng túng này, thật sự bởi vì người xấu ác bước vào trong Phật pháp mà không cầu xuất thế gian, chỉ tùy ý tham đắm danh lợi để nuôi sống thân mạng, cho nên rơi vào đường ác."

Còn trong kinh Tối Diệu Thắng Định nói: "Sau một ngàn năm, trong ba trăm năm, vô cùng hỗn loạn làm sao! Nô lệ bỏ trốn-tôi tớ lánh đi, nước mất-nhà tan, quả thật là không còn sự sống, đi vào trong giáo pháp của Ta, giống như đám giặc cướp đoạt lương thiện. Đang lúc như vậy 12 bộ kinh vào trong lòng đất, không còn kinh điển để đọc tụng. Giả sử có thực hành Đầu đà, nhưng phần nhiều không đúng như pháp, thường đi vào thôn xóm không ở chốn núi rừng, thậm chí Pháp sư giải thích lời Phật dạy, nói nhiều mà không ích gì. Lúc ấy có nhiều bạch

y hoặc nam-hoặc nữ, trì giới thực hành thanh tịnh chỉ trích Tỳ kheo, về sau là lời lẽ nói tà vạy hoa mĩ vô nghĩa, lấy làm lời nói có ý nghĩa, như người mù chỉ mặt trời giữa không trung, nói hoặc lớn-hoặc nhỏ đủ loại.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Tỳ kheo xấu xa kia biểu hiện hình tướng trì giới, khiến cho tâm đàn việt ấy tin tưởng kính trọng rồi, cùng với những bạn bè nhiều lần đi đến nhà đàn việt ấy. Tỳ kheo như vậy, tùy theo điều mình đã nghe biết chút ít Phật pháp, cùng với đồng bạn của mình, nói pháp biết được cho đàn việt ấy. Như vậy tìm cách muốn làm cho đàn việt cự tuyệt Tỳ kheo đã có được lợi dưỡng kia mà giúp cho mình. Tỳ kheo như vậy là kẻ giặc lớn thứ nhất trong hình tướng Sa môn, đến nhà đàn việt, tìm cách cướp đoạt tài sản lợi ích và vật cúng dường của người khác. Tỳ kheo như vậy thấy tài sản lợi ích của người khác, thấy người khác được cúng dường thì sanh tâm tham lam ganh tỵ, không hề tạm thời thực hành pháp thiện trong một chút thời gian nhắm mắt-mở mắt. Tỳ kheo xấu xa kia phá giới Sa môn, rời bỏ hạnh nghiệp ngồi thiền-đọc tụng kinh điển, không có một niệm nào không thuộc về địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh.”

Lấy văn này chứng minh, tham đắm lợi dưỡng dẫn đến khổ đau, đừng biểu hiện hình tướng tốt đẽp để mong cầu danh lợi không thật. Vì vậy những người xuất gia cho dù thường xuyên trì giới, nhưng không hiểu rõ ràng ý nghĩa kinh pháp, thì chưa hẳn đã đoạn được nghi hoặc. Bởi vì không quán xét lý lẽ cho nên không đoạn được kiết sữ phiền não, phần nhiều biểu hiện hình tướng tốt đẹp cho mình là hơn người. Giả sử nghe người trí tuyệt với nói là thật sự vô ngã, thì không tin nhận mà nói là không phải lý lẽ chính đánh. Bởi vì điều này mà phỉ báng giáo pháp và người hành đạo, lớn thêm ngã mạn chết rơi vào địa ngục. Vì vậy cho nên người ngu dốt cho dù có thể y theo giới, mà không có trí hiểu biết đối với đạo pháp thì gây ra nhiều hành nghiệp tội lỗi.

Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Người xuất gia có hai loại ràng buộc: 1- Ràng buộc do nhận thức; 2- Ràng buộc do lợi dưỡng. Lại có hai loại chướng ngại đến pháp: 1- Gần gũi với người bạch y; 2- Ghét bỏ người tốt lành. Lại có hai loại ung nhọt xấu xa: 1- Cầu mong thấy được lỗi lầm của người; 2- Tư che giấu tội lỗi của mình. Lại có hai loại tâm bất tịnh: 1- Đọc tụng kinh sách ngoại đạo; 2- Cất giữ nhiều các loại y bát tốt đẹp”.

Còn trong kinh Niết bàn nói: “Người xuất gia có bốn loại bệnh xấu xa, vì vậy cho nên không đạt được bốn quả Sa môn. Những gì là

bốn loại bệnh? Đó gọi là bốn ham muốn xấu xa: 1- Ham muốn áo quần; 2- Ham muốn ăn uống; 3- Ham muốn đồ nằm; 4- Ham muốn có được. Có bốn vị thuốc tốt có năng lực chữa trị những bệnh này: 1- Y phấn tảo, có năng lực chữa trị Tỳ kheo vì ham muốn xấu xa theo áo quần; 2- Khất thực, có năng lực phá trừ Tỳ kheo vì ham muốn xấu xa theo ăn uống; 3- Ngồi dưới tàn cây, có năng lực phá trừ Tỳ kheo vì ham muốn xấu xa theo đồ nằm; 4- Thân tâm vắng lặng, có năng lực phá trừ Tỳ kheo vì ham muốn xấu xa theo những gì có được. Lấy bốn vị thuốc này trừ bỏ bốn căn bệnh này, đó gọi là Thánh hạnh. Thánh hạnh như vậy thì được gọi là thiểu dục tri túc."

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Người phá giới thì vô lượng chư Phật khắp nơi mười phương đều không hệ niệm, tuy gọi là Tỳ kheo mà không ở trong Tăng số. Tại vì sao? Bởi vì đi vào phạm vi của ma quân. Ta cũng không cho phép người phá hủy giới luật thọ nhận sự tín thí của người khác dù chỉ bằng hạt Đình lịch. Tại vì sao? Bởi vì người này lìa xa giáo pháp của Như Lai."

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm có kệ rằng:

"Nếu như không có tâm đọc tụng,
Không có thiền-không có lậu tận,
Tuy là có hình tướng Tỳ kheo,
Mà như vậy không phải Tỳ kheo.
Thà rằng ăn sâu bọ rắn độc,
Và các loại đồng-sắt nóng chảy,
Suốt đời không phá hủy giới cấm,
Mà ăn uống cơm nước của Tăng."

Vì vậy trong luận về tinh thần Đại Trang Nghiêm có kệ rằng:

"Nếu như hủy phạm đến giới cấm,
Đời hiện tại nghe tên xấu xa,
Bị mọi người khinh chê hèn hạ,
Mạng chung rơi vào đường ác hiểm."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Người phá giới thì mọi người không tôn kính, nhà của họ như mồ hoang bởi vì mọi người không bước đến. Người phá giới mất các công đức, ví như cây khô mọi người không yêu thích. Người phá giới như sương độc làm hại hoa sen, mọi người không thích trông thấy. Người phá giới tâm xấu xa đáng sợ, ví như La sát. Tỳ kheo phá giới tuy hình tướng tựa như người tốt mà bên trong không có thiện pháp; tuy là cạo đầu khoác y theo thứ tự cầm thẻ gọi là Tỳ kheo, nhưng thật sự không phải Tỳ kheo. Người phá giới nếu mặc pháp phục,

thì chính là đồng-sắt giát mỏng nóng đỏ đem quấn quanh thân mình; nếu bưng bình bát thì chính là đồ vật chứa đầy nước đồng nóng chảy; nếu có được ăn uống thì chính là nuốt viên sắt nóng-uống nước đồng nóng chảy; nếu thọ nhận người ta cúng dường cung cấp, thì chính là ngục tốt canh giữ người chốn địa ngục; nếu đi vào tinh xá, thì chính là đi vào địa ngục lớn; nếu ngồi vào giường ghế của chúng Tăng, thì chính là ngồi trên giường sắt nóng đỏ. Người phá giới trong lòng thường sợ hãi, như người bệnh nặng thường sợ cái chết đến. Người phá giới sau khi chết rơi vào trong ác đạo. Như ở địa ngục trụ đồng, ngục tốt La sát hỏi các tội nhân: Người từ nơi nào đến? Đáp rằng: Tôi vô cùng đau khổ buồn rầu không biết nơi nào đến, chỉ lo lắng phải chịu đói khát. Nếu người nói khát nước, thì lúc ấy ngục tốt lập tức xua đuổi tội nhân khiến ngồi trên trụ đồng nóng bỏng, dùng kìm sắt banh miệng lấy nước đồng nóng chảy rót vào. Nếu người nói đói cơm, thì bắt ngồi trên trụ đồng nóng bỏng, lấy viên sắt nóng nuốt vào, nuốt vào miệng thì miệng cháy đen, vào cổ họng thì cổ họng chín rữa, vào bụng thì bụng rách nát, ngũ tạng cháy khô rã rời tan nát, thẳng qua rơi xuống đất. Những hạng người này do nhân duyên hành nghiệp xưa kia, trộmn cướp tài sản của người khác để tự cung cấp cho miệng. Những người xuất gia, có lúc giả vờ bệnh hoạn cầu mong nhiều bơ sữa đường mật; hoặc có người không tu thiền-không giữ giới-không có trí tuệ, mà thọ nhận nhiều sự chu cấp của người ta; hoặc có người nói lời thô ác làm tổn thương người khác. Đủ các loại nhân duyên như vậy, vì nghiệp lực vốn có, rơi vào trong địa ngục trụ đồng vô số không thể nói hết. Người thực hành cần phải một lòng thọ trì giới luật.”

Còn trong kinh Vị Tằng Hữu nói: “Có những Tỳ kheo, lời nói và việc làm không giống nhau, trong lòng và ngoài miệng trái ngược nhau, hoặc có người vì lợi dưỡng tiền tài ăn uống, hoặc có người vì danh dự muốn tụ tập quyến thuộc; hoặc có người chán ngán Vương pháp ác độc sai khiến, xuất gia vì đạo mà cũng không có tâm hướng đến ba giải thoát môn-vượt qua khổ đau của ba cõi. Vì tâm bất tịnh tham lam thọ nhận của tín thí, không biết đời sau trải qua bao kiếp nhận chịu tai ương đền tỏa món nợ xưa kia của mình. Nếu như trải qua tu thiện sanh lên cõi trời, thì vẫn còn tội lỗi sót lại, trong cõi trời cũng phải nhận chịu.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có người cõi trời ở đời trước có nghiệp lực trộm cắp chưa trừ hết, thì lúc bấy giờ tự mình bị các Thiên nữ, cùng đoạt lấy đồ vật trang nghiêm của mình đang đeo, đem tặng cho các Thiên tử khác.” Không thể kể hết được.

Còn trong knh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Trong đời vị lai, tất cả những người thế tục khinh rẻ Tam bảo, chính là bởi vì Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni không đúng như pháp, thân mặc pháp phục mà luôn luôn quan tâm đến duyên thế tục, hoặc là ở chốn chợ búa mua bán tự sinh sống; hoặc là vượt đường xa buôn bán cầu lợi; hoặc làm thợ vẽ-kinh doanh làm ăn theo các nghề nghiệp thủ công tinh xảo; hoặc xem tướng nam nữ-nhà cửa-ruộng vườn-đủ loại lành dữ; hoặc uống rượu say-ca múa làm vui- đánh cờ-chơi bạc; hoặc tham tiền tài cầu lợi dưỡng kéo dài thời gian qua bao năm tháng bỏ quên sự nghiệp tu hành kinh pháp; hoặc chú thuật trị bệnh dựa vào kinh sách tu thiền bói xem sự việc để nuôi mạng sống bằng việc làm tà vạy; hoặc làm thầy thuốc châm cứu pha chế thuốc thang- xem mạch kê đơn-nam nữ qua lại hỗn tạp. Vì vậy dẫn đến nhiễm ô, thiện căn hư hoại-ác nghiệp tăng lên, làm cho người thế tục gièm pha báng bổ, quả thật bởi vì như vậy. Nói đến người xuất gia vì cầu giải thoát, trước hết cần phải xa lìa tội lỗi, lấy giới làm đầu. Nếu không dựa vào giới thì các pháp thiện không phát sanh, như người không có đầu thì các căn cũng hủy hoại, đó gọi là người đã chết.”

Vì vậy trong luận Giải Thoát Đạo nói: “Như người không có đầu thì tất cả các căn không thể nào giữ được pháp trần, lúc này gọi là chết. Như vậy Tỳ kheo lấy giới làm đầu, nếu đầu đã đứt thì mất các thiện pháp, đối với Phật pháp là kẻ đã chết, cũng như biển rộng không dung chứa xác chết.”

Do đó trong luật Tứ Phần có kệ rằng:

“Ví như có thây xác ném vào,
Biển rộng không bao giờ tiếp nhận,
Bị gió mạnh cuốn theo chiều gió,
Vất bỏ ở trên bờ cát cháy.”
Còn trong luận Trí Độ có kệ rằng:
“Chúng Tăng như nước trong biển rộng,
Kết giới làm bờ giới hạn,
Nếu như có người nào phá giới,
Cuối cùng không còn trong Tăng số.”

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: “Lúc bấy giờ có Tỳ kheo dẫn một Sa di, trở về thăm quê hương họ hàng, đường đi qua cánh đồng bát ngát, giữa đường có loài Phi nhân, hóa làm con rồng, vòng quanh bên phải Sa di lấy hoa rải trên người, ca ngợi rằng: Tốt lành thay, có được lợi ích tốt lành to lớn bỏ nhà xuất gia, không giữ vàng bạc và tiền của! Tỳ kheo đến nhà họ hàng thân thuộc, chào hỏi xong sắp quay về. Lúc ấy

người phụ nữ trong nhà họ hàng thân thuộc nói với Sa di rằng: Nay ông trở về, đường xa có nhiều vất vả mệt mỏi, nên cầm tiền này đi chợ để mua những thứ cần dùng. Sa di nhận lấy buộc vào đầu áo mà đi. Giữa đường loài Phi nhân thấy Sa di cầm tiền đi ở đằng sau Tỳ kheo, lại hóa làm con rồng đến vòng quanh bên trái Sa di, lấy đất rải lên trên người, nói lời như vậy: Ông mất lợi ích tốt lành, xuất gia tu đạo mà cầm tiền đi theo. Sa di liền khóc, Tỳ kheo quay đầu lại nhìn và hỏi Sa di rằng: Tại sao con khóc? Sa di nói: Con không nhớ có lỗi lầm gì không mà vô cớ gặp phải buồn bực? Thầy nói: Con có cầm theo gì chăng? Đáp rằng: Có mang theo tiền này đi. Thầy nói: Vất bỏ! Vất bỏ rồi loài Phi nhân lại cúng dường như trước.

Lúc bấy giờ Đại Mục Kiền Liên cùng Sa di Chuyên Đầu, sau bữa ăn đến trên hồ rộng A Nậu ở cõi Diêm Phù Đề ngồi thiền. Lúc ấy Sa Di Chuyên Đầu thấy cát vàng lấp lánh bên hồ liền dấy lên nghĩ rằng: Nay mình nên chứa cát này đem về, có thể đặt vào nơi Đức Thế Tôn tắm rửa. Tôn giả Đại Mục Kiền Liên từ trong thiền định đứng lên, liền dùng thần thông cưỡi hư không mà trở về. Lúc ấy Sa di Chuyên Đầu bị loài Phi nhân giữ lại cho nên không thể nào bay vào không gian được. Bấy giờ Đại Mục Kiền Liên quay lại trông thấy bèn gọi Sa di đến. Đáp rằng: Con không thể nào đến được. Hỏi: Con có cầm theo gì chăng? Đáp rằng: Con cầm theo cát vàng ở đây. Bảo rằng con phải vất bỏ! Vất bỏ rồi liền cưỡi hư không mà đi. Đem nhân duyên này, thưa bày rõ ràng với Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy: Kể từ hôm nay không cho phép Sa di nắm giữ vàng bạc và tiền của.”

Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có người ngu muội dạy bảy người con, một người con chết trước. Lúc ấy người ngu này thấy con đã chết thì muốn đặt con lại ở trong nhà mình, tự mình muốn bỏ đi nơi khác. Người hàng xóm thấy vậy bèn nói người ngu rằng: Sống và chết khác con đường, nên nhanh chóng tẩm liệm chu đáo đưa đến đặt ở chỗ khác. Lúc bấy giờ người ngu nghe lời nói này rồi, liền tự suy nghĩ: Nếu không giữ lại được thì cần phải đi mai táng, nên giết thêm một đứa con để gánh đủ hai đầu, mới có thể gánh đi được. Thế là giết thêm một người con, đặt vào gánh mà đi, đến một khu rừng xa vắng để mai táng. Lúc ấy mọi người trông thấy, vô cùng buồn cười mà giễu cợt, cảm thấy quái lạ chưa từng có. Ví như Tỳ kheo tự mình phạm vào một giới, trong lòng sợ không dám hối cải, im lặng che giấu lỗi lầm, tự nói mình là thanh tịnh. Hoặc có người biết được, liền nói cho biết rằng: người xuất gia giữ gìn giới cấm, như giữ gìn ngọc sáng vô giá, không làm cho bị hư hoại, nay

ông tại sao vi phạm giới pháp đã thọ, mà không muốn sám hối? Người phạm giới nói rằng: Nếu như cần phải sám hối, thì đến lúc vi phạm thêm, sau đó sẽ nói ra. Thế là phạm thêm giới khác, làm nhiều điều bất thiện, bấy giờ mới cúi đầu nói ra. Như người ngu kia, một người con đã chết, còn giết thêm một người con; nay Tỳ kheo này cũng lại như vậy."

Còn trong kinh Niết bàn, Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Đừng khinh việc ác nhỏ,
Cho rằng không tai họa,
Giọt nước tuy nhỏ bé,
Lâu dần đầy vò lớn."

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có vị Quốc Vương, có một cây rất đẹp, cao rộng to lớn vô cùng, đang lúc đơm quả tốt đẹp, thơm ngát mà lại ngọt ngào. Lúc ấy có một người đi đến chỗ nhà ua, nhà vua nói cho biết rằng: Trên cây này sắp đơm quả ngon ngọt, ông có thể ăn không? Người ấy liền trả lời nhà vua rằng: Cây này cao rộng, cho dù muốn ăn nhưng do đâu mà có thể hái được! Thế là bèn chặt gãy cây hy vọng có được quả của cây đó. Đã không được gì mà chỉ có tự mình vất vả cực nhọc. Sau trở lại mong dựng lên thì cây đã chết khô, cũng không có cách gì sống lại được. Người thế gian cũng lại như vậy; Như Lai là bậc Pháp Vương có cấy trì giới tu các công đức, người không hiểu rõ phương tiện mà còn hủy phạm giới cấm, như người chặt cây kia còn mong cây sống trở lại cũng không thể nào có được, người phá giới cũng lại như vậy."

Còn trong kinh Giới Tiêu tai nói: "Thời Đức Phật tại thế, có một huyện thành mà mọi người đều tôn trọng thực hành năm giới-mười thiện, không có ai ủ men nấu rượu. Trong huyện có người con nhàn thuộc dòng họ lớn, muốn đi xa buôn bán sắp sửa lên đường, cha mẹ nói rằng: Con thường xuyên giữ gìn năm giới-mười thiện, cẩn thận đừng uống rượu phạm vào trọng giới của Phật! Đi đến nước khác gặp lại bạn học trước đây, vui mừng lấy rượu Bồ đào ra muốn uống với nhau. Người buôn kiên quyết từ chối không uống, người chủ mời mọc ân cần, không đành lòng được cho nên thuận lời. Sau đó trở về nhà thú nhận toàn bộ sự việc trước đó. Cha mẹ nói cho biết rằng: Con làm trái lời cha mẹ dặn và phạm giới của mình, dần dần làm cho pháp rối loạn, không phải là con có hiếu. Liền lấy đồ vật có được đuổi người con khiến ra khỏi nước. Người con bèn đến nước khác ở nhờ nhà người ta. Người chủ thờ 3 quỷ thần, có thể làm thành hình hài con người cùng nhau đối diện ăn uống,

trò chuyện với người. Thờ đã nhiều năm, tiền của tích tụ không còn gì cả, mà trong nhà luôn bệnh tật, người chết không ngớt. Kín đáo cùng nhau bàn luận điều đó. Quỷ biết ý người, quỷ cùng nhau bàn bạc rằng: tài sản của người này không còn gì cả, chính là vì bọn ta chưa hề làm điều gì có ích, nay tự mình chán nản lo lắng, bọn ta nên cầu tìm châu báu giúp cho họ. Thế là đi lấy trộm vật báu tốt đẹp trong kho tạng của vua nước khác, tích tụ ở trong vườn nhà ấy, và báo cho biết rằng: Ông thờ cúng chúng tôi nhiều năm, chịu khó chịu khổ rất lâu, nay muốn làm cho phước của ông được giàu có thêm. Người chủ vui vẻ đi vào khu vườn trông thấy đồ vật, đem xe chở về nhà, từ biệt cảm ơn xin nhận ân huệ này. Ngày mai bày biện cơm nước mời mọc, quỷ thần đến cửa trông thấy người nước Xá Vệ ở trong nhà người chủ, liền bỏ chạy không dám tiến vào. Người chủ đuổi theo gọi: Đã đến rồi mà quay lui bỏ chạy là sao? Quỷ thần nói: Nhà khanh có khách tôn quý, chúng tôi làm sao tiến vào được. Lại tiếp tục bỏ chạy thật kinh hãi. Người chủ suy nghĩ: Trong nhà mình không có người nào lạ, đích thực chỉ có người này. Liền ra ngoài trò chuyện từ đầu đến cuối rất cung kính, nhân đó hỏi rằng: Khanh có công đức gì, mà quỷ thần do tôi thờ cúng, sợ ông bèn bỏ chạy như vậy? Khách ở nhờ nói đầy đủ về công đức của Phật. Người chủ nói: Tôi muốn phụng trì năm giới. Nhân dịp thuận theo khách ở nhờ thọ ba pháp tự quy y và năm giới, dốc lòng tinh tiến không dám lơi lỏng, do đó hỏi Đức Phật ở nơi nào. Đáp rằng ở vườn Cấp Cô Độc thuộc nước Xá Vệ. Người chủ dốc lòng đi đến nơi ấy, đi qua quãng đường xa vào trong một ngôi đình dừng chân, có một người phụ nữ đoan chánh, là vị của con quỷ ăn thịt người. Đi trải qua đoạn đường xa xôi, lúc ấy trời gần tối, theo người phụ nữ xin dừng chân ở lại qua đêm. Người phụ nữ liền nói cho biết rằng: Cẩn thận đừng ở lại nơi này, nên gấp rút đi về phía trước. Người đàn ông tự mình nghĩ: Trước đây người nước Xá Vệ có đủ bốn giới của Phật, quỷ thần của mình hãy còn sợ hãi, mình đã thọ ba quy y và năm giới, tâm không hề lơi lỏng, tại sao lại sợ hãi ư? Thế là tự mình ở lại qua đêm. Lúc quỷ ăn thịt người trông thấy uy thần hộ giới, rời xa ngôi đình bốn mươi dặm, suốt đêm không quay về. Sáng sớm hôm sau người đàn ông tiến về phía trước trông thất gài cốt của người bị quỷ đã ăn thịt rơi vãi bừa bộn, tâm sợ hãi mà hối hận lui bước tự suy nghĩ rằng: Không bằng dắt theo người phụ nữ này mang trở về xứ sở của mình cùng nhau sống như xưa. Lập tức quay trở về, vì vậy lại theo người phụ nữ cầu xin ở lại. Người phụ nữ nói với người đàn ông rằng: Cần gì mà quay lại vậy? Đáp rằng: Nghĩ rằng chuyến đi không thành, cho nên

quay trở lại mà thôi. Lại ở nhờ qua một đêm, người phụ nữ nói: Khanh chết rồi, chồng tôi là quỷ ăn thịt người, mới đến không lâu, khanh nên mau rời xa. Người đàn ông này không tin, vẫn dừng lại không đi; còn bị ý dâm làm cho mê hoặc, lại sinh lòng không tin, không còn tin ba quy y- năm giới của Phật, Thiên thần liền rời xa, quỷ được dịp quay trở về. Người phụ nữ sợ rằng người đàn ông này sẽ bị ăn thịt, bèn giấu vào trong chiếc vò. Quỷ ngửi thấy hơi người bèn nói với vợ rằng: Nàng có được thịt chăng, tôi muốn ăn thịt. Người phụ nữ nói: Tôi không đi thì từ đâu mà có được thịt? Người phụ nữ hỏi quỷ rằng: Hôm qua vì sao ông không trở về? Quỷ nói: Bởi vì chổ của nàng làm nơi cư trú của khách tôn quý, khiến cho tôi bị đuổi đi. Người đàn ông trong chiếc vò càng thêm sợ hãi. Người phụ nữ nói: Tại sao không kiếm được thịt vậy? Quỷ nói: Chỉ vì nhà của nàng có đệ tử của Phật, Thiên thần đuổi tôi ra ngoài bốn mươi dặm, ở giữa chốn trống trải làm cho vô cùng sợ hãi, giờ đây không yên ổn, cho nên không kiếm được thịt. Người phụ nữ vì thế hỏi chồng: Giới của Phật là thế nào? Quỷ nói: Đói lắm rồi, hãy mau chóng lấy thịt đem đến đây, không cần phải hỏi điều này, đây là giới của sự chân chính không gì hơn, tôi không dám nói đến đâu. Người phụ nữ nói: Nhưng hãy nói cho tôi biết, tôi sẽ lấy thịt cho khanh. Quỷ vì thế phải nói về ba quy y- năm giới. Lúc quỷ bắt đầu nói về giới thứ nhất, người phụ nữ nhất định phải tiếp nhận, đến giới thứ năm thì tâm nhớ miệng tụng. Người đàn ông ở trong chiếc vò biết được năm giới, thuận theo mà tiếp nhận. Thiên Đế Thích biết tâm hai người này tự quy y Phật, lập tức tuyển chọn 50 vị thiện thần vây quanh bảo vệ hai người, quỷ liền bỏ chạy xa. Đến sáng hôm sau người phụ nữ hỏi người đàn ông: Ông sợ chăng? Đáp rằng: Rất sợ, may nhờ ân của người nhân hậu, tâm hiểu rõ và biết đến Phật. Người phụ nữ nói: Là người đàn ông vì sao lại quay trở về? Đáp rằng: Tôi trông thấy xương cốt người chết mới-cũ khắp nơi, vì sợ hãi cho nên quay lại mà thôi. Người phụ nữ nói: Xương cốt là do tôi đã vất bỏ, tôi vốn là con gái của gia đình lương thiện, bị quỷ đã cướp mang tôi về làm vợ, đau xót vô cùng không biết nói cùng ai, nay được nhờ ân của người nhân hậu, được nghe đến giới của Phật, xa rời con quỷ này. Hai người cùng nhau trở về, trên đường đi gặp được bốn trăm chín mươi tám người, cùng đến nơi nơi Phật, nhất tâm lắng nghe kinh pháp, tâm ý hiểu biết thông suốt, đều xuất gia làm Sa môn, đạt được quả vị A La Hán. Nhưng hai người này chính là thầy đời trước của bốn trăm chín mươi tám người ấy. Lúc người cầu đạo, cần phải gặp được bậc thầy của mình và bạn bè tốt lành, thì lúc ấy mới hiểu biết vậy thôi."

Còn trong kinh Quán Đảnh nói: “Đức Phật bảo với Phạm Chí: Xưa ở nước lớn Ba La Nại có con trai của Bà la môn, tên gọi là Chấp Trì, giàu sang thuộc dòng họ lớn, không tôn kính Tam bảo, thờ 9năm loại ngoại đạo, để cầu phước che chở. Mãi về sau, nghe trong nước ấy có thế hệ Trưởng giả tài đức, đều tôn kính Phật-Phát-tăng, cảm hóa dẫn dắt đều được giàu sang, hưởng thụ niềm vui yên lành, có thể thoát khỏi sanh lão bệnh tử, tiếp nhận giáo pháp vô cùng tận, đời này – đời sau không rơi vào trong ba ác đạo. Trưởng giả Chấp Trì dấy lên ý nghĩ rằng: Không bằng mình rời bỏ những đạo khác để tôn thờ cung kính Tam bảo. Nghĩ vậy liền đến nơi Phật, cúi đầu sát đất mà lễ lạy Đức Phật, thưa với Đức Phật rằng: Nay con đã thờ đạo không phải là chân thật, cho nên quay đầu nương dựa với Đức Phật mà thôi, cầu xin Đức Phật hãy xót thương con mà trừ bỏ hạnh nghiệp xấu xa để tiếp nhận pháp ngôn thanh tịnh của Đức Phật! Ngay sau đó Đức Thế Tôn cho thọ ba quy y và năm giới pháp xong, lễ lạy mà quay về. Từ đó về sau, Trưởng giả Chấp trì đến trong nước khác, thấy người sát sanh-người trộm cắp tiền bạc của cải, thấy người say mê nữ sắc thì tham đắm ái dục, thấy người tốt-xấu thì bàn luận về đạo, thấy người uống rượu thì muốn đuổi đi, tâm ý như vậy không có lúc nào ổn định. Liền tự mình nghĩ rằng: Hối hận là theo Đức Phật thọ pháp ba quy y-năm giới với lời thề sâu nặng. Dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình nên trả lại pháp ba quy y và năm giới của Phật. Lập tức đến nơi Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Trước đây con thọ pháp ba quy y và năm giới có nhiều điều cấm chế không được. Lại từ ý nghỉ ban đầu đã dấy lên nghĩ rằng: Tự mình tư duy muốn ngừng, không có thể thờ Đức Phật, có thể cho phép như vậy hay không? Tại vì sao? Bởi vì Phật pháp tôn trọng không phải là hạng phàm phu mà tham gia được, nên có thể trả lại giới pháp chăng? Đức Phật im lặng không trả lời. Nói xong mà trong miệng chưa dứt hẳn, liền có quỷ thần tự nhiên cầm chày sắt đánh vào đầu Trưởng giả, lại có quỷ thần cởi bỏ áo quần của Trưởng giả, lại có quỷ thần dùng móc sắt đưa đến trong miệng Trưởng giả kéo lấy lưỡi, có quỷ thần là dâm nữ dùng dao nắm lấy âm căn của Trưởng giả mà cắt bỏ, lại có quỷ thần lấy nước đồng nóng chảy giội vào trong miệng Trưởng giả. Trước sau hai bên các quỷ thần tranh nhau kéo đến, phân chia giành lấy máu thịt của Trưởng giả mà ăn nuốt. Trưởng giả Chấp Trì sợ hãi run rẩy không biết nơi nào quay về, mặt mày tái mét như người chết. Lại có ngọn lửa tự nhiên đốt chấy thân thể trưởng giả, cầu sống không được, cầu chết không xong, các lớp quỷ thần giữ chặt trưởng giả không để cho nhúc nhích được. Đức Phật

trông thấy như vậy nghĩ thương xót cho Trưởng giả, vì thế hỏi Trưởng giả: Nay ông nên trả lời thế nào? Trưởng giả miệng cứng đơ không thể nào trả lời được, chỉ có thể đưa tay tự đánh mình mà thôi, thuận theo Đức Phật xót xa van xin bỏ ác theo thiện. Đức Phật liền dùng uy thần cứu độ trưởng giả. Các quỷ thần chúa tể, thấy Phật Thế Tôn dùng sức mạnh uy thần cứu độ trưởng giả, tất cả đều dừng lại đứng về một phía. Trưởng giả ngay lúc ấy tỉnh lại được đôi chút, liền đứng dậy rập đầu, tiến lên thưa với Đức Phật rằng: Trong thân con có năm kẻ giặc này, dắt con đi vào trong 3 ác đạo, bởi vì muốn gây ra tội lỗi mà làm trái giới pháp đã thọ, nguyện xin Đức Phật xót thương con mà nhận sự sám hối của con. Đức Phật dạy: Tự tâm và miệng của ông đã gây ra, nên đổ lỗi cho ai? Trưởng giả thưa với Đức Phật: Con bắt đầu từ hôm nay sửa chữa lỗi trước-tu dưỡng tương lai, tôn kính thọ ba quy y và năm giới pháp, giữ sáu ngày trai hằng tháng- vâng theo ba tháng chay trường hằng năm, đốt hương rải hoa treo phan cái cúng dường thờ phụng Tam bảo, từ hôm nay trở đi không dám vi phạm làm hỏng giới pháp quy y nữa. Đức Phật dạy: Nói lời như vậy, quả là rất tốt đẹp, nay ông thọ ba quy y và năm giới này, không trở lại thọ giới pháp như trước, phá quy-giới này thì gọi là tái phạm. Nếu phạm ba lần, thì bị Ngũ quan bắt giữ, thì do quan nhỏ phụ giúp nhà vua và các vị Độ lục-Giám ty-ngũ đế-Sứ giả bắt giữ, sẽ bắt giữ thần thức thâu tóm mạng sống đều căn cứ theo tội lỗi vốn có. Vì vậy cho nên Ta nói lời này, khuyên răn người thọ quy-giới thì quỷ thần giữ gìn giúp đỡ, chư Thiên hoan hỷ tán đồng, vô lượng chư Phật-Bồ Tát-La Hán khắp mười phương đều cùng nhau khen ngợi, đúng là Thanh tín sĩ-nữ, đệ tử của Đức Phật. Luận về lúc mạng chung, thì chư Phật đều phân thân mà đến tiếp nhận đưa về, không để cho người nam-người nữ trì giới rơi vào trong ác đạo. Nếu người trì giới không hoàn thiện thì nên làm thêm phước thiện công đức.”

Tụng rằng:

Mênh mông không rõ ràng,
Sớm khuya mãi mơ màng,
Sắc tâm luôn nhiễm trước,
Không biết mặt trời lên.
Thân mong manh dễ mất,
Đổi thay trong phút chốc,
Bình giới đã vỡ tan,
Báo thanh tịnh đâu còn?
Bảy chi không bảo vệ,

Ba nghiệp mất oai nghi,
Hiền Thánh cùng rời bỏ,
Quỷ thần tranh nhau hại.
Chúng thanh tịnh không nhận,
Loại bỏ như xác chết,
Vừa rơi vào ác đạo,
Vạn kiếp mãi tan nát.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 4 chuyện: 1- Sa môn Trúc Đàm Toại thời Tấn; 2- Sa môn Thích Trí Đạt thời Tống; 3- Sa môn Thích Đàm Điển thời Tống; 4- Sa môn Thích Tuệ Đàm thời Tùy.

1) Trong thời Tấn Thái Nguyên, có Sa môn Trúc Đàm Toại, con nhà họ Tũ, tuổi hơn 20, sáng suốt đoan chánh nhưng là hạng Sa môn dung tục. Tự mình đã từng nhiều lần đi qua trước miếu Thanh Khê, tiện thể đi vào trong miếu, xem đến chiều tốt mới quay về, đêm mộng thấy một người phụ nữ đi đến nói rằng: Chàng về sau này có bằng lòng làm thần trong miếu của thiếp hay không? Đêm tiếp đó Đàm Toại mộng thấy hỏi, người phụ nữ là ai? Người phụ nữ nói: Thiếp là cô trong miếu Thanh Khê. Hơn một tháng như vậy thì cuối cùng mắc bệnh, lúc sắp chết nói với bạn đồng học trẻ tuổi: Tôi không có phước cũng không có tội lớn, chết rồi sẽ làm thần trong miếu Thanh Khê, các anh đi ngang thì có thể nhìn thấy. Lúc đã chết rồi, sau đó các Đạo nhân trẻ tuổi đã đến, thì phát ra lời nói linh thiêng thăm hỏi lẫn nhau, âm thanh như lúc còn sống. Lúc sắp ra đi nói rằng: Đã lâu không nghe tán kệ, nghĩ là được một lần. Bạn của Đàm Toại là Tuệ Cận liền vì thế mà cất tiếng tán kệ xong, lúc ấy giống như đọc tán, lời tán nói rằng: Bí quyết của chỗ rẽ còn có thê thảm xót xa, huống là trái với điều này, hình hài thần thức phân tán, than thở bao nỗi sâu kín, tình nào có thể nói được. Lát sau nức nở xót xa không tự kìm mình được, các Đạo nhân cũng đều rơi nước mắt cho Đàm Toại.

(Chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký)

2) Thời nhà Tống có Sa môn Trí Đạt, là Tăng trong chùa riêng lẻ ở Ích Châu, việc làm rất dung tục hủ lậu mà có sở trường về kinh tán, tuổi chừng 23, Tháng sáu năm thứ 3 thời Tống Nguyên Huy, chết vì bệnh nhưng thân còn ấm cho nên không tẩm liệm. Trải qua hai ngày thì sống lại, đến sáng ngày thứ 3 thì có thể nói và nhìn thấy được. Tự mình kể lại rằng: Lúc mới bị khốn đốn thấy có 2 người, đều mặc quần khâu viền vải vàng, một người đứng ở ngoài cửa, một người đi thẳng

đến trước giường nói: Người bề trên đi theo chúng tôi, hãy rời khỏi chỗ nằm! Trí Đạt nói: Thân thể bần đạo gầy yếu không thể nào vượt qua đường xa. Người này lại nói: Có thể ngồi xe. Nói xong liền có xe đến. Trí Đạt đã bước lên xe, ý thức bỗng nhiên không thấy gì nữa, người thân-nhà cửa và cả chiếc xe mình đang ngồi, nhìn hết tầm mắt khắp bốn phía, chỉ thấy đồng hoang trơ trọi, con đường nguy hiểm gian nan, nói cho biết là nơi đặt chân leo lên, đuổi đi không được nghỉ ngơi. Đến một cánh cổng màu đỏ, tường thành-cửa nhỏ rất sáng sủa, Trí Đạt đi vào đến dưới thềm nhà, trên phòng rộng có một người sang trọng, mặc áo đỏ-đội khăn bịt đầu ngạo nghễ ngồi trước bàn, tư thái diện mạo nghiêm túc thật sự rất uy phong, quân lính bảo vệ hai bên hơn trăm người, đều mặc áo đỏ chống dao xếp hàng thẳng tắp uy nghiêm đáng sợ. Người sang trọng trông thấy Trí Đạt, liền nghiêm nét mặt nói rằng: Người xuất gia tại sao lại quá nhiều lỗi lầm? Trí Đạt nói: Từ khi có nhận thức đến nay không nhớ đã gây ra tội lỗi. Hỏi rằng: Tụng giới có bỏ hay không? Trí Đạt nói: Lúc mới thọ cụ túc giới, thật sự thường xuyên đọc tụng thực hành, gần đây thuận theo trai giảng luôn luôn tham gia tụng kinh, cho nên vào lúc tụng giới có bỏ sót. Người sang trọng lại nói: Sa môn mà không tụng giới, đây không phải là tội lỗi thì là cái gì? Có thể tạm thời tụng một biến kinh! Trí Đạt liền tụng ba phẩm kinh Pháp Hoa mà dừng lại. Người sang trọng lệnh cho sứ giả đã bắt giữ Trí Đạt rằng: Có thể chuyển đến nơi xấu ác nhưng đừng làm cho quá khốn khổ. Hai người dẫn Trí Đạt đem đi, đi khoảng mấy chục dặm nghe thoang thoảng có tiếng ầm ào náo động như nước sôi lửa cháy, mà đường đi phía trước trở nên tối tăm. Sau đó đến một cánh cổng, cao mấy chục trượng, màu sắc đen thui rất kiên cố, bởi lẽ đó là cổng bằng sắt, tường thành cũng như vậy. Trong tâm trí Đạt tự nghĩ rằng trong kinh nói địa ngục, chính là nơi này rồi. Thế là vô cùng sợ hãi, hối hận là lúc còn trên đời không tu dưỡng nghiệp hạnh. Đến lúc vào bên trong cổng lớn, tiếng náo động trở nên to lớn, lâu lâu nghe yên lặng một hồi, mới biết là âm vang kêu gào của con người. Bên trong cánh cổng chuyển sang tối đen không còn trông thấy gì nữa. Lúc ấy ánh lửa chợt tắt ngấm chợt lóe lên, thấy có mấy người bị trói chặt đi phía trước, đằng sau có mấy người cầm chĩa ba xóc vào thân hình, máu chảy như suối`. Trong đó có một người là bác gái trong họ của Trí Đạt, hai bên gặp nhau ý muốn cùng nói vài lời, có người kéo ra chỗ khác rất nhanh nên không kịp nói gì được. Vào trong cổng khoảng chừng hai trăm bước, thấy có một vật hình dạng giống như cái cót chứa gạo, cao khoảng chừng hơn trượng. Hai người nắm Trí Đạt

ném vào trong cái cót, bên trong có lửa hừng hực đốt cháy thân hình Trí Đạt, một nửa thân thể đều bị chín rữa, đau đớn không thể chịu đựng nổi, từ trong cái cót rơi xuống đất bất tỉnh rất lâu. Hai người lại mang Trí Hải đi, thấy có hơn mười cái vạc sắt, đều nấu luộc tội nhân, người ở trong vạc chìm nổi theo nước sôi sùng sục, bên trong vạc sôi có người, lấy chĩa ba đâm vào. Hoặc có người bám vào vạc leo ra, hai mắt lồi hẳn-lưỡi thè ra hơn thước, da thịt đều nứt toác nát rữa mà vẫn không chết. Những cái vạc đều tràn đầy, chỉ có một cái vạc hãy còn trống không. Hai người nói với Trí Đạt rằng: Người bề trên lập tức phải vào trong cái vạc này. Trí Đạt nghe câu nói đó, ruột gan rơi hết vô cùng kinh hãi, bèn cầu xin rằng: Các ông cho phép bần đạo được lạy Phật một lần. Liền chí tâm rập đầu lạy, nguyện xin tránh khỏi nỗi khổ đau này. Nằm sát dưới đất trong khoảng bữa ăn, cầu khấn ân hận vô cùng chí thành. Lát sau nhìn bốn phía không còn thấy gì nữa, chỉ thấy đồng cỏ bằng phẳng cây cối tốt tươi, cảnh sắc trong sáng mát mẻ. Nhưng mà hai người hãy còn dẫn trí Đạt đi đến dưới một tòa lầu, tòa lầu hình dạng cao mà nhỏ, phía trên có người đoán chừng là quan lớn đang ngồi uy nghiêm, nói với Trí Đạt rằng: Sa môn đang nhận chịu tội báo nhẹ nhàng thật đáng vui mừng. Trí Đạt ở dưới tòa lầu bỗng nhiên không biết thế nào mà trở lại nơi thân đã chết. Trí Đạt lúc ấy nay hãy còn ở chùa riêng lẻ một mình, trai giới càng kiên định, thiền tụng càng chu đáo hơn.

3) Thời nhà Tống có Sa môn Thích Đàm Điển, lúc còn là bạch y vào năm 30 tuổi bỗng nhiên bị bệnh nặng đột ngột mà chết, trải qua bảy ngày mới sống lại. Tự kể lại rằng: Lúc mới chết thấy có hai người xua đuổi dẫn đi, người sai khiến qua lại và thế hệ bạn bè có khoảng chừng mấy ngàn người, đi suốt ngày đêm không hề dừng lại nghỉ ngơi. Gặp hai Đạo nhân nói: Tôi là Bổn Sư năm giới của ông, đến thăm hỏi mọi người. Thầy dẫn đi đến chỗ quan lớn, nói rằng: Đây là đệ tử của bần đạo, lại không có tội lỗi gì lớn, hạn số chưa hết, xin lập tức cho phép thả ra. Hai Đạo nhân đưa Đàm Điển đến nhà, dừng lại trước nhà, chỉ ra đầy đủ quy ước cho Đàm Điển, có thể làm Sa môn chịu khó tu tập đạo nghiệp. Nói xong rời khỏi nhà, Đạo nhân đẩy Đàm Điển vào dưới nách thây xác, ngay sau đó mà tỉnh lại. Sau xuất gia trải qua 20 năm, mất vào năm thứ 14 thời Tống Nguyên Gia.

(Hai chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

4) Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tuệ Đàm ở Đông Xuyên, không biết là người nơi nào, biện giải thông minh khiến cho hơn hẳn những người thông minh lớn nhỏ, trú tại chùa bảo Minh lòng dạ gắn liền với

kinh điển. Vào ngày 15 tháng 4, lúc sắp thuyết giới, Tăng chúng đều tề tựu trong điện Phật, Tuệ Đàm ở vị trí đứng đầu, bèn trình bày với đại chúng rằng: Giới Bổn ngăn ngừa sai trái, mọi người đều tụng được, đâu phải làm phiền đồ chúng nhiều lần nghe giới, có thể để cho một vị Tăng giải thích nghĩa lý khiến hàng hậu học có sự hiểu biết thông suốt. Tuệ Đàm có phong cách khí thế hơn người, lúc bấy giờ không có ai dám chống cự, tất cả đều thuận theo. Từ đó về sau đến cuối Hạ thường bỏ thuyết giới. Đến sáng sớm ngày 15 tháng 7, sắp bước vào chỗ ngồi, thì chỗ của Tuệ Đàm không còn, đại chúng vì chưa thọ tuổi Hạ mới, cùng bỏ Tự Tứ, trong một lúc phân tán ra, đi khắp nơi tìm kiếm. Thế là ở phía bên chùa khoảng chừng 3 dặm, tìm được Tuệ Đàm ở giữa ngôi mộ cổ, khắp thân thể máu chảy lai láng như bị dao cắt. Mượn cớ hỏi về nguyên nhân sự việc, nói rằng có một người đàn ông cầm dao lớn 3 thước, nét mặt nghiêm khắc quát mắng Tuệ Đàm thay đổi quy định Bố tát, ngông cuồng làm ra vẻ giải thích nghĩa lý, vì thế cầm dao cắt khắp thân hình, đau đớn vô cùng khó mà chịu nổi. Nhân đó dưa trở về chùa, dốc lòng sám hối, thế là trải qua mười năm, thuyết giới Bố tát, đọc tụng các kinh, lấy làm công việc thường ngày. Ngày sắp qua đời, có mùi hương kỳ lạ tỏa ngát, thiền sắc không tán loạn, thanh thản mà từ giã cõi đời. Tất cả hiện tượng tốt lành biểu hiện ra, chính là răn đe cảnh cáo cho người thế gian tu tỉnh.

(Chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng truyện.)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 91

Thiên thứ 89: THỌ TRAI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Rằng sở dĩ Chánh pháp lưu truyền khắp nơi, quý trọng thuộc về kinh pháp tôn kính, sở dĩ phước điền tăng lên tốt đẹp, công lao nhờ vào giữ gìn trai giới. Vì vậy bố thí cung cấp một bữa ăn, phước thiện tiếp nối lương thực khác, giúp cho người khác một đồng tiền, cảm quả vượt trên báo cõi trời. Vì lẽ đó phước điền đáng coi trọng, tiền của đáng coi khinh, cùng xây dựng pháp hội vô giá, cùng làm nên phước thiện vô hạn.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có bốn dòng họ thỉnh cầu Đức Phật thọ trai cúng dường. Lúc ấy có một người bán sữa trâu, người họ lớn giữ lại ăn cơm, bày cho trì trai-thọ giới-nghe kinh rồi mới quay về. Người vợ nói: Tôi từ sáng đến giờ chờ đợi nhau chưa ăn cơm. Liền ép buộc khiến cho người chồng ăn cơm, làm hỏng ý trai tịnh của người ấy. Tuy là như vậy mà bảy lần sanh lên cõi trời- bảy lần sanh giữa thế gian. Sư nói: Trì trai một ngày có sáu mươi vạn năm dư thừa lương thực. Lại có năm phước thiện: 1- Ít bệnh tật; 2- Thân yên ổn; 3- Ít nảy sinh ý dâm; 4- Ít nằm ngủ; 5- Được sanh lên cõi trời, thường biết được việc đã làm của những đời trước.

Còn vua Ba Tư Nặc muốn tặng chỗi ngọc thơm ngát cho Phu nhân Mạt Lợi, gọi ra ngoài cung để nhìn. Phu nhân vào ngày trai mặc quần áo trắng mà đi ra, ở giữa 6 vạn Phu nhân, sáng ngời như mặt trăng – mặt trời, đẹp đẽ gấp bội so với thường ngày. Ý nhà vua có vẻ sợ hãi, dường như cung kính hỏi rằng: Có đạo đức gì mà đẹp đẽ rực rỡ có phần kỳ lạ như vậy? Phu nhân trình bày với nhà vua: Tự nghĩ rằng kém phước mà nhận lấy thân nữ này, tình cảm biểu lộ trên nét mặt dơ bẩn, mạng sống

ngắn ngủi trong ngày đêm, sợ rơi vào ba nẻo tăm tối khổ đau, vì vậy hằng tháng giữ gìn trai pháp của Phật tôn kính, cắt bỏ tình ái thuận theo đạo pháp, đời đời được nhờ phước thiện, nguyện đem chuỗi ngọc thơm ngát dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn!"

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: "Lúc bấy giờ mẹ của Lộc Tử là Tỳ Xá Khư, sáng sớm tắm gội mặc áo quần sạch sẽ, dẫn con trai-con dâu cùng với quyến thuộc, đi đến nơi Đức Phật, cúi rập đầu làm lễ, thưa với Đức Thế Tôn rằng: Nay con trì trai tu thiện. Đức Thế Tôn hỏi rằng: Này vị cư sĩ, nay cô trì trai thuộc loại như thế nào đây? Trai có ba loại. Thế nào là ba loại? Đó là: 1- Trai pháp của người chăn trâu; 2- Trai pháp của ngoại đạo Ni Kiền; 3- Trai pháp của tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là trai pháp của người chăn trâu? Như người chăn trâu, sáng sớm thả trâu trong ao đầm, xế chiều tập trung lại trở về thôn xóm. Lúc người ấy trở về thôn xóm, dấy lên nghĩ như vậy: Hôm nay mình thả trâu ở nơi này, ngày mai nên thả trâu ở chỗ kia; hôm nay mình cho trâu uống nước ở nơi này, ngày mai nên cho trâu uống nước ở chỗ kia; hôm nay trâu của mình dừng lại nghỉ ngời ở nơi này, ngày mai nên cho trâu dừng lại nghỉ ngơi ở chỗ khác. Như vậy có người, nếu lúc trì trai, dấy lên suy nghĩ rằng: Hôm nay mình ăn thức ăn như vậy, ngày mai nên ăn thức ăn như thế; hôm nay mình uống thức uống như vậy, ngày mai nên uống thức uống như thế; hôm nay mình mỉn cười với cách mỉn cười như vậy, ngày mai nên mỉn cười với cách mỉn cười như thế. Người ấy ở trong một ngày đêm như vậy vui thích bám vào những ham muốn đi qua, đó gọi là trai pháp của người chăn trâu. Nếu trì trai như vậy, thì không thu được lợi ích to lớn, không đạt được kết quả to lớn, không có công đức to lớn, không có thể ban bố rộng ra. Thế nào gọi là trai pháp của ngoại đại Ni Kiền? Như hạng Ni Kiền xuất gia, họ khuyên nhủ mọi người rằng: Ông đi về phía Đông vượt ra ngoài một trăm do tuần, có những chúng sanh, vây quanh bảo vệ ông, vất bỏ mọi thứ gao gậy. Như vậy phía Nam-tây-bắc cũng như thế. Hoặc cởi bỏ quần áo lõa lồ hình hài, ta không có cha mẹ vợ con, khuyên nhủ tiến lên nói lời hư vọng, lấy làm chân đế. Hoặc cố chấp khổ hạnh, tự giam đói mình và các tà pháp kỳ dị..., đó gọi là trai pháp của ngoại đạo Ni Kiền. Nếu trì trai như vậy, thì cũng không thu được lợi ích to lớn, không đạt được quả to lớn, không có công đức to lớn, không có thể ban bố rộng ra. Thế nào gọi là trai pháp của tám chi Thánh đạo? Đệ tử đa văn của bậc Thánh, nếu lúc trì trai dấy lên tư duy rằng: Người chân thật là bậc A la ha, suốt cả cuộc đời, lìa xa sát sanh-đoạn tuyệt sát sanh vất bỏ tất cả dao gậy, có lòng hổ thẹn, có tâm Từ

Bi, làm lợi ích cho tất cả, thậm chí loài côn trùng bé nhỏ, đối với nghiệp sát giữ tâm luôn thanh tịnh; cho đến suốt cả cuộc đời, lìa xa ăn phi thời-đoạn tuyệt ăn phi thời, ăn một lần-không ăn đêm-vui với bữa ăn đúng thời. Ta dùng Chi pháp này đối với các bậc A la ha giống nhau không hề sai khác, vì vậy cho nên nói là trai. Họ trú trong trai pháp của tám chi Thánh đạo này rồi, hướng lên phía trên nên nhớ nghĩ đến mười tôn hiệu không có gì đắm trước của Như Lai, là pháp xuất thế thanh tịnh, xa rời pháp bất thiện xấu ác uế tạp nhiễm ô, đó gọi là trai pháp của tám chi Thánh đạo. Nếu chủng tánh là người nữ, trì trai pháp của tám chi Thánh đạo này, đến lúc thân mạng hủy hoại kết thục thì được sanh lên 6 cõi trời Dục, tương lai đạt được 4 quả Sa môn."

Còn trong Luật Tăng Kỳ nói: "Đức Phật trú tại thành Xá vệ, phía Nam có thôn ấp tên gọi Đại Lâm. Lúc ấy có người buôn, xua tám con trâu đến phía bắc nước Câu Đa, có một người buôn cùng thả trâu ở trong đầm. Lúc ấy có người tên Ly Xa bắt rồng mà ăn thịt, bắt được một Long nữ, Long nữ thọ pháp Bố tát không có tâm làm hại, nhưng Ly Xa xâu lỗ mũi kéo đi. Người buôn trông thấy, liền khởi tâm Từ, hỏi Ly Xa rằng: Ông kéo con rồng này muốn làm những điều gì? Đáp rằng: Ta muốn giết để ăn thịt. Người buôn nói: Đừng giết, tôi đưa cho ông một con trâu để đổi lấy con rồng. Người bắt rồng không đồng ý. Cho đến tám con trâu, mới nói: Thịt này ngon lắm, nay vò ông cho nên ta sẽ thả con rồng. Lúc ấy người buôn thả Long nữ đi ra rồi, tự mình nghĩ rằng: Đây là người ác, sợ rằng lại truy đuổi nên bắt đầu lấy thêm lần nữa, thả trong hồ khác theo mình để chăm sóc. Con rồng biến thành người, nói với người buôn rằng: Người nhân ái cho tôi mạng sống, nay muốn báo ân, có thể cùng tôi đi vào trong cung, sẽ đền đáp ân đức người nhân ái. Người buôn đáp rằng: Tánh loài rồng thẳng thắn nóng nảy, giận dữ không bình thường, chắc là có thể giết tôi. Rồng hóa người đáp rằng: Không phải vậy đâu, người trước đây bắt giữ tôi, sức tôi có thể giết chết người ấy, nhưng bởi vì thọ pháp Bố tát, cũng không có tâm giết hại, huống là nay người nhân ái cho tôi mạng sống, mà lại làm hại hay sao? Nếu như không đi, thì dừng lại giữa chốn này một lát, tôi sắp đặt trước. Thế là nhanh nhẹn đi vào. Sau đó tiến vào trong cung thấy bên cổng cung rồng, có hai con rồng buộc vào một chỗ, người buôn hỏi rằng: Ông vì chuyện gì mà bị trói vậy? Đáp rằng: Long nữ này trong nửa tháng có ba ngày thọ trai pháp, anh em tôi bảo vệ Long nữ này, vì không vững vàng, đã bị ly Xa bắt được, vì vậy mà bị trói, chỉ cầu mong lòng Từ bao la nói giúp khiến tha cho chúng tôi! Long nữ sắp đặt xong liền gọi đi

vào cung, ngồi trên giường quý báu. Long nữ thưa rằng: Trong loài rồng có thức ăn có thể đến hết tuổi thọ mới tiêu, có loại 20 năm mới tiêu, có loại bảy năm mới tiêu, có loại là thức ăn cửa người cõi Diêm Phù Đề, không biết người nhân ái nay muốn ăn loại thức ăn nào? Đáp rằng: Muốn sử dụng thức ăn của cõi Diêm Phù Đề. Lập tức mang ra các loại đồ ăn thức uống mời mọc. Người buôn hỏi Long nữ rằng: Hai con rồng này vì sao bị trói? Long nữ nói: Hai con rồng này có lỗi lầm, tôi muốn giết chúng. Người buôn nói: Long nữ đừng giết. Long nữ nói: Không thể như vậy, cần phải giết chúng. Người buôn nói: Long nữ tha cho họ thì tôi sẽ ăn thôi. Long nữ trình bày rằng: Không thể nào cứ mãi tha cho chúng như vậy, phải phạt chúng sáu tháng bị bỏ rơi ở chốn nhân gian. Người buôn thấy trong cung rồng, đủ loại vật báu trang nghiêm cung điện, người buôn liền hỏi rằng: Long nữ có sử dụng đồ vật trang nghiêm như vậy thì thọ pháp Bố tát làm gì? Đáp rằng: Pháp của loài rồng chúng tôi có năm điều đau khổ. Những gì là năm đều? Đó là lúc sinh-lúc ngủ-lúc dâm-lúc giận-lúc chết, trong một ngày ba lần da thịt rơi xuống đất, cát nóng dính sát vào thân cháy bỏng. Lại hỏi: Long nữ mong cầu những điều gì? Đáp rằng: Sanh trong loài người, bởi vì trong loài súc sanh đau khổ là do không biết giáo pháp, muốn đến nơi Đức Thế Tôn cầu xin xuất gia. Long nữ liền đưa cho tám chiếc bình bằng vàng, nói cho biết rằng: Vàng này đủ để cha mẹ và quyến thuộc của ông sử dụng suốt đời không hết. Nói với người buôn rằng: Ông nhắm mắt lại. Liền dùng thần biến mang đặt vào đất nước của người buôn. Người buôn lấy tám chiếc bình bằng vàng mang đưa cho cha mẹ, nói rằng: Đây là vàng của loài rồng, cắt rồi lại sinh ra, sử dụng suốt đời, không lúc nào hết được.” (Suy nghĩ đến lòng Nhân Từ thì không thể nào không thực hành, tạm thời cứu Long nữ mà ân đáp lại càng sâu, huống là trì trai rộng lớn mà thọ phước lẽ nào nhỏ bé ư?)

Còn trong kinh Bồ Tát Thọ Trai nói: “Con tự quy y Phật-tự quy y Pháp-tự quy y Tỳ kheo Tăng.

Thân con đã làm điều ác, miệng con đã nói lời ác, ý con đã nghĩ điều ác, nay đã trừ bỏ, bao nhiêu ngày-bao nhiêu đêm, thọ trai pháp Bồ Tát, tự quy y Bồ Tát?

Đức Phật bảo với Tu Bồ Đề: Ngày trai của Bồ Tát có mười giới. Đó là: Thứ nhất, Bồ Tát vào ngày trai không được trang điểm son phấn-thoa ướp hương hoa. Thứ hai, Bồ Tát vào ngày trai không được ca múa-gõ trống-đánh đàn trang sức bằng các thứ âm nhạc, thứ ba, Bồ Tát vào ngày trai không được nằm trên giường cao. Thứ tư, Bồ Tát vào ngày

trai quá Ngọ về sau không được ăn nữa. Thứ năm, Bồ Tát vào ngày trai không không được cầm dao gươm-vàng bạc châu báu. Thứ sáu, Bồ Tát vào ngày trai không được ngồi trên xe trâu-xe ngựa. Thứ bảy, Bồ Tát vào ngày trai không được đánh con cái-tôi tớ-súc sanh. Thứ tám, Bồ Tát vào ngày trai đều trì trai này thuận theo phần Đàn bố thí cảm được phước. Bồ Tát vào ngày trai bỏ thời gian nằm ngủ, ở trước hình tượng Đức Phật chắp tay nói: Hôm nay tất cả mười phương, nơi nào có người trì trai giới-thực hành Lục độ, con đều giúp cho họ được vô lượng an lành, khuyến khích giúp cho hoan hỷ với phước thiện bố thí; tất cả mọi người và loài phi nhân khắp mười phương đang ở nơi tai ách hoạn nạn chịu khó chịu khổ, đều khiến cho cảm được phước thiện thoát khỏi mọi sự lo sợ khổ nhọc, sanh ra làm người yên ổn gặp nhiều niềm vui vô bờ bến. Thứ chín, Bồ Tát vào ngày trai không được ăn uống hết mọi thứ trong đồ đựng. Thứ mười, Bồ Tát vào ngày trai không được cùng với người nữ sánh đôi với nhau đùa ngồi chung chỗ ngồi, người nữ cũng như vậy. Đó lá mười giới không được phạm, không được bày cho người khác phạm, cũng không được khuyến khích người khác phạm.

Lúc Bồ Tát giải trai pháp nói: Nam mô Phật-nam mô Pháp-Nam mô Tỳ kheo Tăng, con bao nhiêu ngày-bao nhiêu đêm trì trai của Bồ Tát, thuận theo phần Đàn bố thí sẽ đạt được Lục độ Ba la mật, như 6 vạn pháp Bồ Tát của các Bồ Tát. Ngày trai vào ban đêm chia thành 3 phần, một phần thiền-một phần tụng kinh-một phần nằm ngủ, đó là pháp trong ngày trai của Bồ Tát.

Bắt đầu từ ngày 14 tháng Giêng thọ trì đến ngày 17 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng Tư thọ trì đến ngày 15 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng Bảy thọ trì đến ngày 16 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày 14 tháng Chín thọ trì đến ngày 16 thì giải trai.”

Lời bàn: Đã thọ trai rồi, nếu muốn giải trai thì cần phải đợi đến lúc tướng sáng tỏ xuất hiện mới được ăn cháo, nếu không như vậy thì phá trai. Sao gọi là tướng sáng tỏ? Như luận Tát Bà Đa nói: “Tướng sáng tỏ có ba loại màu sắc.. nếu mặt trời chiếu vào thân cây ở cõi Diêm Phù Đề, thì có màu đen. Nếu chiếu vào lá cây, thì có màu xanh. Nếu vượt qua lá và thân cây, thì có màu trắng.” Ở trong ba màu sắc thì màu trắng là chủ yếu, mới được giải trai và ăn cháo vậy.

Tụng rằng:

Hằng tháng kiến lập trai rõ ràng,

Ngày tốt tiếp nối không giới hạn,
Bốn bộ theo thời gian quy tụ,
Bảy chúng đúng lúc lên điện Phật.
Tiêu điều cử Phạm âm trong trẻo,
Ai oán làm lay động Cung-Thương,
Mùi hương ngào ngạt tỏa trên không,
Theo gió nhẹ tản khắp phương xa.
Ca ngợi đức tìm hiểu sâu xa,
Lời phân rõ thông suốt ngàn kiếp,
Diệt phiền não trình câu vi diệu,
Đến lúc mở ra chương đẹp đẽ.
Tại gia-xuất gia nương tựa nhau,
Tài thí-pháp thí tỏa sáng ngời,
Phước điền đêm nay thêm tròn vẹn,
Ân huệ truyền người còn-kẻ mất.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 4 chuyện: 1- Sa môn Pháp Hiển thời Đông Tấn; 2- Sa môn Tăng Già Đạt Đa thời Tống; 3- Cư sĩ Quách Thuên thời Tống; 4- Sa môn Bảo Công thời Cao Tề.

1. Thời Đông Tấn ở vùng Từ Châu có chùa Ngô, Thái Tử suy nghĩ pho tượng ấy là do Sa môn Pháp Hiển thời nhà Tấn trước kia, khí tiết hăng hái đi qua những Thánh tích ở Tây Thiên, tìm vào một ngôi chùa, lớn nhỏ gặp đều đón tiếp. Lúc ấy Pháp Hiển gặp phải bệnh tật, chủ nhân là hàng Thượng tọa tự mình làm mọi công việc, bảo Sa di kiếm thức ăn chay ở quê mình cho khách Tăng. Bỗn nhiên trở về, chân có vết máu, nói là đến nhà Ngô Thương Ưng ở Bánh Thành xin thức ăn, đã bị chó cắn. Pháp Hiển cảm thấy quái lạ vì trong chốc lát mà đi ngoài mấy vạn dặm, mới hiểu rằng Tăng trong chùa, đều không phải là người bình thường. Sau theo thuyền trở về nước, cố tình đến Bành Thành tìm hỏi gặp được Ngô Thương Ưng, hỏi đầy đủ tình huống ấy. Đáp rằng có chuyện này, liền chỉ vào nơi còn lại vết náu bôi trên cửa, pháp Hiển nói: Đây là máu của Thánh nhân La Hán, lúc ấy xem như là kiến thức ăn mà thôi, sao lại bị làm hại là thế nào? Thương Ứng nghe xấu hổ sợ hãi, liền xả bỏ nhà cửa làm thành chùa, tự mình đi đến Dương Đô cầu tìm các kinh tượng. Trong lúc đang vượt qua sông, thuyền liền nghiêng về một bên, bỗng nhiên có hai ống xương đều dài một trượng, dập dềnh trôi theo sóng nước, kẹp vào giữa thuyền, lập tức được yên ổn chuyển lên bờ. Để sự việc trình bày, nghe biết chính là răng của rồng. Thương

Ưng tìm cầu kinh tượng chưa được, ngược sông lên phía tây, tạm thời dừng nghỉ giữa rừng, gặp được Bà la môn Tăng mang pho tượng này đi đến nói: Muốn đi đến Từ Châu cúng dường cho Ngô Thương Ưng. Thương Ưng nói: Chắc chắn Như Lai nói chính, là đệ tử vậy. Liền giao cho pho tượng mang trở về đến kinh đô, nói cho biết để mê phỏng làm ra mười pho tượng, đều cho khắc dấu dưới chân, mà mọi người không có ai phân rõ mới hay cũ, tùy ý Thương Ưng chọn lấy. Pho tượng lại báo mộng, chỉ rõ hình tướng vốn có, chọn lấy đúng thì được mang về. Pho tượng từ phía Đông mang về Từ Châu, đã từng phát ra ánh sáng kỳ lạ. Thời Nguyên Ngụy Hiếu Văn Đế thỉnh vào Bắc Đài. Đến thời gian sau Cao tề làm chủ sai sứ giả Thường Bưu Chi đón trở về Nghiệp Hạ. Nhà Tề diệt vong nhà Chu bãi bỏ Phật giáo, pho tượng được Tăng cất giấu tránh mọi tai họa. Đại Tùy khôi phục Phật giáo thì pho tượng lại tiếp tục phát ra ánh sáng. Nay thuộc về chùa Đại Từ ở Tương Châu.

(Chuyện trên đây thấy trong Tấn Sử Tạp Lục).

2. Thời nhà Tống trong chùa Đạo Lâm ở chốn Kinh Sư có Sa môn Tăng Già Đạt Đa- Tăng Già La Đa..., đều thông hiểu nhiều kinh luận, chỉ lấy thiền định tư duy làm sự nghiệp. Vào đầu thời Tống Nguyên Gia, đi đến nước Tống, Đạt Đa thường ở trong núi ngồi thiền, giờ ăn hàng ngày sắp đến, nghĩ rằng sắp thọ trai, thế là có bầy chim ngậm trái quả bay đến trao cho. Đạt Đa tư duy: Xưa kia vược khỉ dâng bát mật, Đức Phật cũng đón nhận mà sử dụng, nay chim bay đến trao cho thức ăn, vì sao không có thể sử dụng? Thế là đón nhận mà ăn.

(Chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.)

3. Thời nhà Tống ở vùng Thuận Dương có Quách Thuyên tự là Trọng Hành, làm Thứ sử Ích Châu thuộc nhà Tấn. Sau khi qua đời hơn ba mươi năm, vào năm thứ 8 thời Tống nguyên Gia, bỗng nhiên hiện hình, đến nhà con rể là Lưu Ngưng ở Nam Dương, xe cộ tùy tùng rất long trọng, nói với Lưu Ngưng rằng: Kẻ tôi tớ có điều trách móc, có thể được coi là tiến hành trai hội cúng dường 30 vị Tăng, sẽ được miễn trừ. Nói xong không thấy nữa. Lưu Ngưng nói là yêu ma quỷ quái, không hề để ý. Đêm sau Quách Thuyên lại cho con gái mộng thấy nói rằng: Cha có điều bị trách phạt, đã nói cho chồng của con biết để lo liệu pháp hội giúp cha, sao không hề thấy thương hại chút nào cả? Con gái sáng sớm thức dậy thấy Quách Thuyên từ cửa đi qua giận dữ nói: Cuối cùng không thể nào cứu giúp nhau, nay đành phải chịu tội. Con gái kêu gọi vùng dậy giữ lại, hỏi nên tổ chức trai hội ở đâu? Đáp rằng: Có thể trở về nhà của cha. Bỗng nhiên lại biến dạng. Lưu Ngưng lập tức lo liệu đồ

cúng thật vội vàng. Trai hội hết thúc, có người xưng là Thuyên Tín nói cho Lưu Ngưng tự mình nghe rằng: Cảm được ân huệ sâu dày của ông nay sự việc mới tha thứ. Nói xong mất dạng. Thế là sau đó vắng bặt.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký Lục).

4. Đầu thời Cao Tề có Sa môn Bảo Công, là Cao Thế Sĩ ở Tung Sơn. Sáng sớm từ trong rừng nghĩ rằng đi đến núi Bạch Lộc, bởi vì lạc đường, mặt trời sắp lặn, bỗng nghe tiếng chuông bèn tìm theo âm vang mà tiến về phía trước. Núi cao lớp lớp ngăn trở leo lên cao mà hướng về, mới trông thấy một ngôi chùa đơn độc dựa vào rừng sâu, ba cổng nằm hướng chính Nam to lớn rực rỡ. Tiến về phía trước đến nơi cổng, thấy bức hoành đề chữ Linh Ẩn Tự. Ngoài cổng chùa có năm-sáu con chó, thân hình to lớn bằng con trâu, lông trắng mỏn đen, có con nhảy lên-có con nằm im, đưa mắt liếc nhìn Bảo Công. Bảo Công sợ hãi sắp quay lui, chốc có vị Tăng người Hồ từ bên ngoài đi đến, Bảo Công gọi không đáp lại, cũng không quay đầu lui, đi thẳng vào trong cổng, con chó cũng theo vào. Rất lâu bảo Công thấy không có người, dần dần đi vào cổng tiếp theo, nhà cửa bốn phía, cửa phòng đều đóng kín. Tiến lên đến giảng đường, chỉ thấy giường ghế tòa cao trang nghiêm. Bảo Công đi vào ngồi trên chiếc giường góc Tây Nam, lâu sau bỗng nhiên nghe giữa nóc nhà có tiếng vang, ngước lên nhìn thấy mở ra lỗ hổng giống như cái giếng lớn, các Tỳ kheo trước sau từ lỗ hổng bay xuống, có đến 50-60 người, theo vị trí ngồi vào xong, tự hỏi han nhau rằng: Giờ thọ trai hôm nay đến ăn cơm nơi nào? Có người nói ở Dự Chương-Thành Đô-Trường An-Lũng Thạch-Kế Bắc-Lĩnh Nam-Ngũ Thiên Trúc..., không có nơi nào không đến, động một tí thì đã hơn ngàn vạn dặm. Cuối cùng một vị Tăng từ không trung hạ xuống, mọi người lại tranh nhau hỏi: Sao đến muộn quá vậy? Đáp rằng: Hôm nay chùa Bỉ Ngạn ở phía Đông thành Tương Châu có Giám Thiền Sư giảng hội, tất cả đều đưa ra nghĩa lý, có nhiều người trẻ tuổi thông minh tài trí chất vấn, lời lẽ ttôn chỉ đưa ra sắc bén thật là đáng xem, không bao lâu thì đã muộn nên phải đến trễ. Bảo Công vốn thờ Giám Thiền Sư làm Hòa thượng, đã nghe nói như vậy, mong là có thể tìm hiểu trò chuyện, hy vọng mở rộng tâm tư thuận hướng lên cao, bèn sửa lại y phục đứng lên, trả lời các vị Tăng rằng: Giám Thền Sư thật sự là Hòa thượng của tôi. Các vị Tăng nhìn thẳng về trước, bỗng nhiên chùa chiền nhà cửa ẩn mất, một mình ngồi trên tảng đá dưới tán cây Sơn Tra, chùa chiền trước đây không còn thấy một chút nào, chỉ nhìn thấy hang núi, chim muông tụ tập kêu hót ồn ào thật náo loạn tâm tư. Ra ngoài đem chuyện hỏi Pháp sư Thượng Thống. Thượng

Thống nói: Tên gọi chùa này do Pháp sư Phật Đồ Trừng đặt ra từ thời nhà Triệu, năm tháng trôi qua đã lâu, nơi cư trú của Thánh Hiền chứ không phải là nơi ở của phàm phu, có lúc hiện ra-có lúc ẩn đi, chuyển dời không hề nhất định. Nay người tu hành trong núi, hãy còn nghe thấy tiếng chuông vang vang.

(Chuyện này thấy trong Hầu Quân Tố Tinh Dị Ký Lục).

Thiên thứ 90: PHÁ TRAI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Suy tư buồn cho vô thường-khổ-không, nghĩ đến lo cho sanh-lão-bệnh-tử đêm dài xót thương nỗi khổ treo ngược, trôi nổi xót xa chìm trong hầm sâu, ngẫm lòng hết sức đau thương, cũng vô cùng đáng sợ vậy. Bởi vì phước điền nhỏ noi, tín thí khó tiêu, trai gới không bền, giống như bình đất, dễ hỏng khó giữ, lại giống sương mai, nhân-ngã càng nhiều, bám hơn keo sơn, không sợ tai ương của nhiều kiếp, chỉ lo mạng sống của một thân. Vì lẽ đó, ăn no ngủ mãi, đâu khác gì heo-chó, phá trai ăn đêm khuya, không khác gì loài quỷ. Vì thế cho nên thí chủ mất đi phước thiện vun trồng, chúng Tăng giảm bớt chủng loại ruộng tốt.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Xá-lợi-phất Vấn nói: "Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: Có những đàn việt xây dựng già lam cúng dường chúng Tăng, sắp xếp chu đáo cung cấp tiền của giúp Tăng đi lại thuận tiện; có người tựa như Tăng xuất gia, trái thời đến nơi Tăng trông coi việc ăn uống lấy thức ăn, thì người đưa cho thức ăn và người ăn mang lấy tội lỗi như thế nào? Những đàn việt đã cung cấp ấy cảm được phước thiện như thế nào? Đức Phật dạy: Người ăn trái thời, là người phá giới, là người phạm tội ăn cắp. Người cho trái thời, cũng là người phá giới, cũng là người phạm tội ăn cắp vật của đàn việt, là không cho mà lấy, trái với ý của thí chủ; thí chủ không có phước, bởi vì vật bị mất, nhưng hãy còn có thiện nghiệp phát tâm sắp xếp cung cấp. Xá-lợi-phất thưa: Nhận đúng thời-ăn đúng thời, ăn không hết thì trái thời ăn lại; hoặc có lúc nhận đúng thời, đến lúc trái thời mà ăn, có cảm được phước hay không? Đức Phật dạy: Ăn đúng thời thanh tịnh thì chính là phước điền, thì chính là xuất gia, thì chính là Tăng già, thì chính là bạn tốt của trời người, thì chính là bậc

thầy dẫn dắt của thời người. Có người ăn không thanh tịnh, giống như là phá giới, là hạng trộm cướp lớn, đó chính là ngạ quỷ, là sáo huyệt của tội lỗi. Người xin trái thời, mà đúng thời-trái thời nhất định là cho, thì người cho thức ăn, đều gọi là giảm sút đạo, đó gọi là ác ma, đó gọi là ba ác đạo, đó gọi là hỏng phạm hạnh, đó gọi là người mắc bệnh ghẻ lở, bởi vì phá hỏng thiện quả, xin ăn trộm cắp tự nuôi sống thân mạng. Vì thế cho nên những Bà la môn không ăn trái thời, Phâm Chí ngoại đạo cũng không ăn bằng tà mạng, huống là đệ tử của Ta biết rõ pháp-thực hành pháp mà làm như vậy? Tất cả những như vậy, không phải là đệ tử của Ta, mà chính là người trộm cắp giáo pháp lợi ích của Ta đặt vào nơi không có phép tắc, đó gọi là người trộm cắp ăn uống không hợp phép tắc. Trộm đưa cho-trộm nhận lấy, một nắm-một nhúm-chút muối-chút giấm, chết đều rơi vào địa ngục cháy khô gan ruột nuốt viên sắt nóng, từ địa ngục thoát ra sanh vào trong loài heo chó ăn những thứ bất tịnh, lại sanh làm loài chim dữ tợn, mọi người đều oán trách tiếng kêu của chúng. Sau sanh làm ngạ quỷ, trở về trong già lam, ở trong nhà xí ăn toàn phân dơ cặn bã rác rưởi, trải qua trăm ngàn vạn năm; lại sanh trong loài ngời làm hạng bần cùng hạ tiện, mọi người đều ghét bỏ, không thể nào nói hết được, mọi người không tin tưởng sử dụng, không giống như trộm cắp đồ vật của người, tội lỗi ấy hãy còn nhẹ. Bởi vì chiếm đoạt của nhiều người, làm hại đến phước điền tốt đẹp, cho nên đoạn tuyệt đạo lý xuất thế diệu kỳ."

Còn trong kinh Kiền Đà Quốc Vương nói: "Thời Đức Phật tại thế, lúc ấy có Quốc Vương, hiệu gọi là Kiền Đà, phụng thờ Bà la môn. Bà la môn sống ở trong núi, trồng nhiều cây ăn quả. Lúc ấy có người hái củi nghèo túng phá hoại cây ăn quả trồng nơi ấy, Bà la môn bắt được, liền mang đến nơi nhà vua, nói rằng: Người này vô cớ phá họai làm hỏng cây ăn quả của tôi, nhà vua nên trị tội chết. Nhà vua thờ kính Bà la môn, không dám làm trái, lập tức giết chết người hái củi. Sau đó không lấu có con trâu ăn lúa mạ của người, người chủ ruộng liền đánh gãy một sừng của con trâu, máu chảy đầy mặt, đau đo8n1 không thể nào chịu nổi. Con trâu chạy đến chỗ nhà vua thưa rằng: Tôi thật sự vô cớ ăn một ít lúa mạ của người này, mà bây giờ đánh gãy sừng của tôi. Người chủ ruộng cũng đuổi theo đến chỗ nhà vua. Nhà vua biết tiếng nói của chim thú, nhà vua nói với con trâu rằng: Ta sẽ giết chết người này cho ông. Con trâu liền trả lời rằng: Nay tuy giết chết người này nhưng cũng không có thể làm cho tôi không đau đớn, chỉ nên ban lệnh quy định sau này không ai được phép làm như vậy. Nhà vua cảm động

suy nghĩ rằng: ta thờ kính Bà la môn, chỉ bởi vì cây ăn quả bị phá hoại, mà khiến cho Ta phải giết người, không giống như con trâu này; nay theo đạo này lại không tránh khỏi sanh tử, đâu cần gì đạo này? Thế là đến nơi Đức Phật, năm vóc sát d0ất, lễ lạy Đức Phật, nguyện xin thọ trì năm giới-mười thiện. Đức Phật dạy: Bố thí-trì giới đời hiện tại cảm được phước, nhẫn nhục-tinh tiến-nhất tâm-trí tuệ, thì phước đức ấy vô lượng, sau sanh lên cõi trời. Nhà vua ngay lúc ấy hoan hỷ đạt được quả Tu đả hoàn. A-nan thưa với Đức Phật rằng: Vị vua này cùng với con trâu vốn có nhân duyên gì? Đức Phật dạy: Chính là xưa kai vào thời Đức Phật Câu na Hoàn Mâu Ni, nhà vua và con trâu là anh em làm Ưu bà tắc, cùng nhau thọ trì trai giới một ngày một đêm, nhà vua tuân theo pháp hành tinh tiến không dám lơi lỏng, thọ mạng kết thúc sanh lên cõi trời, thọ mạng trên cõi trời hết rồi sanh xuống làm Quốc Vương. Con trâu lúc ấy ăn đêm phạm vào trai giới, sau nhận chịu tội lỗi ấy, tội lỗi kết thúc, lại làm thân trâu trong năm trăm đời, hãy còn có biết về đời trước cho nên đến khai ngộ tâm ý nhà vua, con trâu sau bảy ngày thọ mạng chấm dứt sanh lên trên cõi trời. Đức Phật dạy: Bốn chúng đệ tử thọ trì trai giới không nên vi phạm."

Còn trong kinh Pháp Cú nói: "Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá Vệ, thuyết pháp cho trời người rồng quỷ thần. Phía Đông có đất nươ1c tên gọi Uất Đa La Ba Đề, có hàng Bà la môn gồm năm trăm người, dẫn nhau muốn đến bên bờ sông Hằng, có ba đền thờ thần, tắm gội trừ sạch cáu bẩn, tu pháp lõa hình cầu Tiên, như pháp của ngoại đạo Ni Kiền. Con đường đi qua đầm lớn. Lạc hướng không thể vượt qua được, thiếu hụt lương thực giữa đường, từ xa nhìn thấy một cây lớn, như có thần khí, nghĩ rằng có người cư trú, liền băng băng chạy đến dưới tán cây, hoàn toàn không thấy gì cả. Những Bà la môn cất tiếng khóc to, đói và khát khiến cho nguy khốn, cuối cùng ắt là chết tại đầm ấy. Thọ thần hiện thân hỏi các Phạm Chí: Các Đạo sĩ từ đâu đến, nay muốn đi đến đâu? Đồng thanh đáp rằng: Muốn đến đạo thần tắm gội cầu đạo Tiên, hôm nay đói khát mong thương xót cứu giúp! Thọ thần đưa tay ra, rất nhiều đồ ăn thức uống từ bàn tay hiện ra đầy đủ, cung cấp cho mọi người ăn uống đều được thỏa mãn, đồ ăn thức uống còn lại đủ cung cấp lương thực đi đường. Lúc sắp từ biệt ra đi đến nơi Thọ Thần thưa thỉnh hỏi han: Vốn thực hành đức hạnh gì mà khiến cho to cao đồ sộ như vậy? Thọ Thần trả lời các Phạm Chí: Ta xưa kia ở tại nước Xá Vệ, lúc ấy trong nước có quan Đại thần, tên gọi là Tu Đạt, cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, đi vào chợ mua sữa đặc, không có

người chuyển sữa đặc về, nhờ ta chuyển sữa giúp một tay; đi đến tinh xá khiến ta rót sữa, xong rồi đi lấy nước rửa trang nghiêm ngồi nghe pháp, tất cả đều hoan hỷ khen ngợi vô cùng tốt lành. Lúc ấy ta tôn trọng trai pháp, chiều tối trở về không ăn cơm, người vợ cảm thấy quái lạ hỏi Ta: Không biết oán giận điều gì? Đáp rằng: Không oán giận gì đâu, thấy Trưởng giả Tu Đạt cúng dường Đức Phật tại tinh xá, mời tôi đến thọ trì trai giới, trai pháp gọi là Bát Quan. Người vợ đùng đùng nổi giận nói rằng: Cù Đàm làm rối loạn phong tục, sao đủ để chấp nhận, ông không hủy bỏ trai giới thì tai họa tranh chấp từ đây. Nhăn nhó bức bách mãi không thôi, liền cùng nhau ăn cơm. Lúc ấy Ta vào đêm khuya coi như tuổi thọ đã hết, qua đời vào lúc nửa đêm, thần thức đến thọ sanh nơi này; bởi vì người vợ ngu si này phá hỏng trai pháp của ta, không theo nghiệp của mình mà sanh đến đầm này, làm Thọ thần ở đây. Nhờ phước chuyển sữa đặc về mà tay sinh ra các thứ đồ ăn thức uống, nếu như giữ được trai pháp thì sẽ sanh lên cõi trời, hưởng phước thiện tự nhiên. Liền vì các Phạm Chí, mà làm tụng rằng:

Cúng tế gieo thêm gốc ai ương,
Ngày đêm nuôi lớn thêm cành lá,
Khổ đau vô ích làm hại mình,
Trai pháp độ Tiên thế gian."

Còn trong kinh Bách Duyên nói: "Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá Vệ, vào đầu đêm ấy có năm trăm Thiên tử, ôm hương cầm hoa ánh sáng rực rỡ, chiếu rọi trong từng Kỳ Hoàn, đi đến nơi Đức Phật, lễ lạy xong thì lại ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt quả vị Tu đà hoàn, đi quanh Đức Phật ba vòng rồi trở về lại cung trời. Vào lúc sáng sớm, A-nan thưa hỏi nhân duyên chư Thiên xuất hiện. Đức Phật bảo với A-nan: Quá khứ xưa kia vào thời Phật Ca Diếp , có hai Bà la môn, đi theo Quốc Vương đến nơi Đức Phật, lễ lạy thăm hỏi cung kính. Lúc ấy trong số người tùy tùng ấy có một Ưu bà tắc, khuyên hai bà la môn cùng thọ trai pháp, một người cầu sanh cõi trời, một người cầu làm vua cõi người. Thọ rồi cùng trở về nơi các Bà la môn tụ hội. Các Bà la môn nói: Các ông đói khát thì hãy cùng nhau ăn uống. Ân cần khuyến khích nhiều lần cho nên không tránh được ý đó, người cầu sanh cõi trời liền thuận lòng ăn uống. Bởi vì phá trai cho nên sự mon cầu không thành tựu, sau đó mạng chung sanh vào trong loài rồng. Người không ăn ấy thì được làm Quốc Vương; vì thân đời trước cùng thọ trai pháp, cho nên sanh trong hồ nước ở khu vườn của Quốc Vương kia. Lúc ấy người giữ vườn hằng ngày thường chuyển

các loại hoa quả dâng lên nhà vua, từ giữa hồnước nhặt được một quả cây kỳ lạ, màu sắc và mùi thơm rất đặc biệt, dấy lên suy nghĩ rằng: Tuy mình ra vào thường xuyên nhưng mà người canh cửa lại trông thầy đầu tiên, mình mang quả này đến cho người ấy. Suy nghĩ như vậy rồi, lập tức mang đến đưa cho người canh cửa. Người canh cửa có được quả này rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Tuy mình ra vào nhưng mà được Hoàng môn trông thấy đầu tiên, nên mang quả này đến cho người ấy. Nghĩ như vậy rồi lập tức mang đến đưa cho người Hoàng môn. Người Hoàng môn có được quả này rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Phu nhân vì mình mà thường đến cạnh Đại Vương khen ngợi đức hạnh của mình, mình nên mang quả này đến biếu cho Phu nhân. Nghĩ như vậy rồi tức thì mang đến biếu cho Phu nhân. Phu nhân có được quả này rồi lại dâng lên Đại Vương. Nhà vua có được quả này rồi tức thì lấy ăn, cảm thấy rất thơm ngon, liền hỏi Phu nhân: nay nàng từ nơi nào có được quả này vậy? Phu nhân lập tức đúng như sự thật trả lời rằng: Thiếp có được quả này mang đến là từ người Hoàng môn. Như vậy lần lượt suy ra đến người giữ vườn. Nhà vua liền gọi đến hỏi: Trong vường của Ta có quả ngon này, sao không thấy đưa đến mà lại đem cho người khác? Thế là người giữ vườn tự trình bày đầu đuôi sự việc, nhà vua không nghe nói mà bảo rằng: Từ nay về sau thường chuyển quả này đến, nếu không chuyển đến thì Ta sẽ giết ông. Người giữ vườn quay trở về đi vào trong khu vườn ấy, kêu gào tuôn nước mắt không thể nào kìm mình được, quả này không trồng do đâu mà có được đây? Lúc ấy Long Vương kia nghe tiếng khóc này, hóa làm thân người đi đến hỏi rằng: Nay ông vì sao khóc lóc như vậy? Người giữ vườn trả lời đầy đủ nguyên do, con rồng nghe lời này liền tiến vào trong hồ nước, lấy quả thơm ngon xếp trên mâm bằng vàng, mang đưa cho người giữ vườn, nhân đó lại nói cho biết rằng: Ông mang quả này dâng lên nhà vua, và nói rõ ý tôi rằng, tôi và Quôc Vương xưa vào thời Đức Phật tại thế, vốn là bạn thân, đều làm Phạm Chí cùng thọ Bát quan trai, mỗi người cầu theo ý nguyện của mình, giới của Quốc Vương trọn vẹn được làm Quốc Vương, giới của tôi không toàn vẹn nên sanh trong loài rồng, nay tôi vẫn muốn tôn thờ tu tập trai pháp cầu xả thân này, mong Quốc Vương giúp tôi tìm văn về Bát quan trai, mang đến cho tôi; nếu như làm trái ý đó thì tôi lật úp đất nước của Quốc Vương dùng làm biển rộng. Thế là người giữ vườn nhận lấy mâm quả, dâng lên nhà vua rồi, nhân đó tiếp tục trình bày lời của con rồng đã dặn dò. Nhà vua nghe chuyện này rồi thật là buồn lo. Vì sao như vậy? Bởi vì đang lúc bấy giờ thậm chí tên gọi Phật pháp cũng không cvó, huống là có thể có văn về

bát quan trai hay sao? Nếu như không tìm được thì sợ rằng phải gặp nguy hại vô cùng. Suy nghĩ cách này không biết nhờ đâu có thể lo liệu được. Lúc ấy Quốc Vương kia có một vị Đại thần, được nhà vua kính trọng nhất, nhà vua bèn nói cho biết rằng: Rồng yêu cầu Ta tìm văn về vát quan trai, nhờ vào khanh tìm được giúp Ta. Vị Đại thần trả lời rằng: Thời nay không có pháp, làm sao có thể tìm được! Nhà vua lại nói cho biết rằng: Nếu khanh không tìm được, thì Ta nhất định giết khanh. Vị Đại thần nghe rồi, quay về đến nhà, sắc diện khác hẳn ngày thường, thật vô cùng sầu não. Lúc ấy vị Đại thần có người cha, tuổi đã già rồi, từ bên ngoài trở về, trông thấy sắc diện con trai thay đổi khác thường, liền đến hỏi han. Vị Đại thần đến cạnh cha trình bày đầy đủ ngọn nguồn tình lý. Người cha trả lời con trai rằng: Cột chống nhà của mình, cha thấy có ánh sáng, con hãy đến chặt ra xem sao! Thử lấy rìu bổ ra xem thì có được hai quyển kinh, một quyển là Thập Nhị Nhân Duyên, một quyển là văn Bát Quan Trai. Vị Đại thần có được rồi thật vô cùng hoan hỷ, đặt trên mâm bằng vàng tôn kính dâng lên cho nhà vua. Nhà vua có được thì vui mừng không sao tả xiết, chuyển đến đưa cho Long Vương. Long Vương có được rồi vô cùng mừng rỡ vui sướng, mang nhiều châu báu tặng cho nhà vua, tất cả trở về nơi cư trú của mình. Long Vương cùng với năm trăm rồng quyến thuộc thường xuyên thực hành tôn trọng tu tập quan trai sau đó mạng chung sanh lên cõi trời Đạo Lợi đến cúng dường Ta, chính là ánh sáng kia vậy. Đức Phật bảo với A-nan: Cần phải biết rằng năm trăm rồng quyến thuộc tôn trọng tu tập trai pháp lúc ấy, nay chính là năm trăm Thiên tử. Lúc Đức Phật thuyết về nhân duyên này, có người đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề, nghe Đức Phật thuyết giảng đều hoan hỷ vâng theo thực hành."

Còn trong luật Di Giáo Pháp nói: " Nếu xuất gia sử dụng ngựa xe một ngày thì trừ bớt năm trăm ngày trai, một năm có 360 ngày sử dụng, tính ra trừ bớt mười tám vạn ngày trai. Xá-lợi-phất thưa hỏi Đức Phật: Vì sao Tỳ kheo sử dụng ngựa xe một ngày mà trừ bớt năm trăm ngày trai? Đức Phật dạy: Tỳ kheo là người biết rõ luật cấm, người khác trông thấy sinh tâm bài báng, khiến cho người ta mang tội, trừ người già yếu-bệnh tật tạm thời sử dụng thì không phạm." (Hỏi: Vì sao không nói đến người thế tục? Đáp: Bởi vì người xuất gia thuần khiết đạm bạc, thương xót chúng sanh, cho nên sử dụng ngựa xe thì người khác trách móc chê bai; người bạch y dung tục vẩn đục thường tạo ra tội lỗi, giết hại trộm cắp rất tầm thường, đâu kể gì nặng nhẹ, cho nên người ta trông thấy không đáng lấy làm lạ.)

Tụng rằng:

Tâm tham chưa bao giờ thỏa mãn,
Phước thiện chưa bao giờ buồn lo,
Chỉ cầu mong ăn thứ ngọt ngon,
No nê bụng không còn hổ thẹn.
Bụi mờ hoàn toàn chưa lau sạch,
Tâm dơ há có thể trừ bỏ,
Phá trai thường ăn giữa đêm khuya,
Không xứng với tín thí nan tiêu.
Khổ muôn đời mạng mình ngắn ngủi,
Nghiệp thúc giục đi trong đem tối,
Nổi trôi giữa bốn bề biển rộng,
Khó gặp được con thuyền Lục Độ.
Điều ác nhỏ hãy còn không sửa,
Việc thiện lớn sao có thể tu,
Giống như rồng ở hồ trong vườn,
Sao có thể sánh bằng bậc cao?

Nhân duyên cảm ứng:

Sơ lược dẫn ra 3 chuyện: 1- Tôn Trĩ thời nhà Tấn- 2- Vương Thị thời nhà Tề; 3- Lý Tư Nhất thời nhà Đường.

1. Thời nhà Tấn có Tôn Trĩ là Pháp Huy, người huyện Bàn Dương nước Tề. Cha là Tôn Tô làm Thái Trung đại phu triều nhà Tấn, Tôn Trĩ còn nhỏ mà phụng trì trai pháp. Năm 18 tuổi vào tháng 8 năm thứ nhất thời Tấn Hàm Khang bị bệnh mà chết. Tôn Tộ sau đó chuyển đến ở Vũ Xương. Vào ngày mồng 8 tháng 4 năm Hàm Khang thứ 3, Sa môn Vu Pháp Giai, mang pho tượng tôn nghiêm đi qua trước cổng nhà, vợ chồng con cái lớn nhỏ đi ra nhìn xem. Tôn Trĩ cũng ở trong mọi người, đi theo hầu pho tượng, trông thấy cha mẹ, quỳ lạy chào hỏi cùng đi theo về nhà. Tôn Tộ trước đó mắc bệnh, Tôn Trĩ nói: Không có tai hại gì nghiêm trọng lắm đâu, không tự mình bảo vệ mà xảy ra thôi, đến tháng 5 sẽ khỏi. Nói xong từ biệt ra đi. Ngày 15 tháng 7 năm ấy, lại trở về quỳ lạy chào hỏi, đều giống như lúc còn sống. Nói rằng ông ngoại của mình làm Thái Sơn phủ quân, gặp Tôn Trĩ nói tên của mẹ Tôn Trĩ rằng: Con là con cái của người đó ư, chưa đúng lúc đến, sao có thể đến đây? Tôn Trĩ đáp: bác trai sau này sắp bị khiển trách, có lệnh xét hỏi phải phạt đánh đòn, Tôn Trĩ cứu giúp mà được tha thứ. Anh của Tôn Trĩ là Tôn Dung tự Tư Uyên, lúc ấy ở bên cạnh, Tôn Trĩ nói cho biết rằng: Tuy lìa hình hài trước kia nhưng ở nơi vui sướng tốt đẹp, chỉ đọc sách chứ không có

mong cầu gì khác, anh đừng buồn lo nữa, chỉ chịu khó tinh tiến giữ lòng tu thiện, phước tự nhiên đi theo người thôi. Em trải qua hai năm học hành thành tựu được sanh trong nhà Quốc Vương; cùng hàng có năm trăm người, nay ở trong nhà phước đức, học hành thành tựu đều được sanh lên trên cõi trời thứ 6, em vốn cũng được sanh lên cõi trời, nhưng bởi vì nhân duyên giải cứu cho người quá cố mà còn ràng buộc, một mình sanh vào nhà Quốc Vương thôi. Đến ngày mồng 7 tháng bảy năm Hàm Khang thứ 5 lại trở về nói: Chu Thành sẽ xảy ra nạn giặc cướp. Sự việc đưa ra rất nhiều, tất cả đều đúng như lời nói. Người nhà giữ kín, vì thế không có ai nói ra. Lại nói: Người quá cố có nhiều tội lỗi bị khiển trách, nên làm phước giúp cho họ, nay con đầu thai trong loài người, không cần phải nghĩ cách gì cả, mà chỉ cứu giúp người quá cố thôi, mong cha và anh chịu khó làm công đức tạo phước, giờ ăn cốt phải làm cho thuần khiết, tất cả đều đúng như pháp thì nhận được phước trên cao, kém đi thì phước sẽ kém. Nếu không có thể như vậy thì chỉ uổng phí sức lực mà thôi, nên làm cho tâm bình đẳng không có phân biệt mình và người, phước ấy mới nhiều. Lúc ấy Tôn Tộ có người hầu gái, lúc Tôn Trĩ chưa trở về, bỗng nhiên bệnh gần chết, toàn thân đều đau đớn. Tôn Trĩ nói: Người hầu gái này muốn phản bội, trước đó con đã đánh cho, không có thể rời bỏ nữa đâu. Xét hỏi thì người hầu gái nói: Trước đây thật sự là muốn phản chủ nên cùng với người ta hẹn rồi, ngày hẹn sắp đến mà phải dừng lại v.v...

2. Thời nhà Tề có Vương Thị tên là Tứ Nương, bệnh mà chết vào năm thứ 3 thời Tề Vĩnh Minh, đưa thi thể đặt vào nơi chuẩn bị tắm rửa thay áo quần liệm thì cảm thấy phần ngực còn ấm, do đó chưa tẩm liệm. Trải qua hai đêm thì thân thể có phần ấm lên, hơi thở dần dần trở lại, lát sau có thể nói được. Tự mình nói rằng có hai người bắt trói dẫn đi đến một căn nhà lớn, có một Sa môn ngồi trên rập cao, trông thấy rất kinh hãi, hỏi vì sao đến đây? Thế là mắng hai người ấy rằng: Các ông bắt nhầm người đến, mỗi người phạt đánh 40 hèo. Nói với Tứ Nương rằng: Cô có thể đi. Đáp rằng: Từ trước đến nay mù mịt không biết đường đi, xin cho người chỉ rõ đường đi. Sa môn liền sai một người tiễn đưa. Đi một đoạn trông thấy người tôi tớ đã chết trước kia đứng dựa trên lầu cao, kinh hãi hỏi Tứ Nương rằng: Sao bỗng nhiên đến nơi này, muốn gặp cô dâu không? Đáp rằng không biết nơi nào, gọi người tôi tớ tự mình đưa đi. Người tôi tớ nói không thể đưa đi được, Tứ Nương cứ đi, đường phía trước sẽ gặp nhau. Nói xong ném cho một chiếc roi ngựa và bảo rằng: nắm chặt chiếc roi này thì tự biết đường đi. Đi khoảng chừng vài dặm,

thì trông thấy cô dâu, chính là chị dâu cũ Tứ Nương, đang bị trách phạt khổ sở, hai tay hai chân bị trói chặt, như cách trói ngỗng vịt treo ở cạnh đường đi. Gặp nhau kêu khóc buồn thảm, cô dâu tự nói rằng: Lúc còn sống gây ra tội lỗi, nay sanh vào nơi đau khổ hiểm ác này. Muốn co tay đánh vào má cầu xin xót xa giúp đỡ, mà tay bị co quắp không sao đánh vào má được. Lại nghe tiếng nhận chịu đau khổ ở xung quanh, mà không nhìn thấy hình dạng, Tứ Nương hỏi đó là tiếng gì vậy. Đáp rằng: Đó là những vị tăng không có đức hạnh, phá trai phạm giới, nhận chịu khổ báo nơi này, chính là tiếng kêu gào ấy vậy. Ngay sau đó men theo đường mà trở về, chốc lát đã đến nhà, trông thấy thi hài của mình mà ý thật chán ngán, không mong trở về nữa. Bất chợt có người đẩy ngã dúi vào thi hài, thế là được dựa vào thân xác mà dần dần sống lại. Người ấy nay tốt lành và hãy còn tồn tại (trong thời gian người viết chuyện kể lại sự việc này thôi).

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

3. Thời nhà Đường có Lý Tư Nhất ở Lũng Tây, nay sống tại huyện Phẫu Dương thuộc Tương Châu. Đã chết vào tháng Giêng năm thứ 1hai thời Đường Trinh Quán, qua một ngày mà sống lại; nói rõ ở trong Minh Báo Ký. Đến tháng 5 năm thứ 3 thời D(ường Vĩnh Huy lại chết, qua một đêm mà sống lại, nói rằng bởi vì tuổi thọ chưa hết, được nhà vua tha cho trở về, ở trước nhà vua trông thấy Biện Khuê là Tăng ở chùa Pháp Quán huyện Phẫu Dương-Tương Châu, lại trông thấy Hoằng Lượng và Tuệ Bảo là Tăng ở chùa Hội Phước, cả ba người đèu ở trước mặt nhà vua. Trả lời rõ ràng những điều trông thấy ở chốn âm tu rằng: Tuệ bảo thời hạn chết chưa đến nên tu công đức, Biện Khuê và Hoằng Lượng năm nay chắc chắn sẽ chết. Biện Khuê và Hoằng Lượng vào năm này quả nhiên kế tiếp nhau qua đời. Sau đó Tăng trong chùa mời một thầy mo đến phòng cũ của Biện Khuê và Hoằng Lượng chiêu hồn hai vị Tăng hỏi han. Biện Khuê nói: Vì tôi phá trai cho nên nay chịu đau khổ vô cùng. Đồng thời nói với các đệ tử rằng: Giúp tôi thiết trai cứu thoát khổ nạn! Hạng đệ tử liền tiến hành thiết trai cúng dường. Thầy mo lại nói: Biện Khuê đã được miễn tội. Hoằng Lượng nói: Vì tôi phá trai và ngông cuồng xử lý những điều tốt-xấu của người ta, nay bị rút lưỡi đau khổ vô cùng, khong có thể nói nhiều được. Tuệ Vinh và các Tăng trong chùa Trí Lực ở Tương Châu nói lại chuyện như vậy.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

Thiên thứ 91: THƯỞNG PHẠT

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Rằng ham sống sợ chết, là điều mà hàm thức chúng sanh đều mong mỏi, lợi mừng hại giận, là điểu mà kẻ trí người nhân không tránh khỏi. Vì vậy sống chết đạp trên đạo nghĩa, hoặc thỏa mãn với lòng mình, trái tánh tổn thương hòa thuận, làm cho căm hận kéo dài, đã từng chèn ép oan uổng, gây ra bao mối oan khiên. Sử Thiên nói: "Có cái chết nhẹ như lông hồng." Trang Chu nói: "Sống thì coi trọng hơn thiên hạ." Vì vậy sống chết trái với tánh, thì sự oán hận tàn khốc ở chốn âm cung; thưởng phạt sai thứ tự, thì tiếng đau thương xót xa kết thành căm giận. Hình ảnh âm vang còn ở nghe và nhìn, mơ màng tỉnh giấc quay về đúng và sai, làm gì ở đâu cũng luôn trở lại, thở than đau xót thật đáng sợ hãi. Ngõ hầu người địa vị quyền thế trên cao, xem gương sáng mà bỏ uy quyền; người ôm lòng mong mỏi lợi danh, mở mai rùa mà kềm chế mình. Người vô tội thì được giữ vạn thân hình, người làm phước thì thọ cùng trời đất.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Bách Dụ nói: "Xưa có hai người, cùng nhau trồng mía, mà phát ra lời thề rằng: Người trồng mía ngọt thì thưởng, người trồng mía không ngọt thì chịu phạt nặng. Lúc ấy trong hai người, có người nghĩ rằng: Mía rất ngọt, nếu ép lấy nước mía, trở lại tưới cho mía, thì cây mía ắt phải được ngọt hơn. Đã lấy nước mía tưới cho cây mía, hy vọng tăng thêm vị ngọt, mà trái lại cây mía đã trồng bị hư hoại, mía vốn có đều bị hủy hoại. Người thế gian cũng như vậy, mong cầu phước thiện, mà cậy mình quyền uy cao quý, dựa vào thế lực, bức kiếp dân đen, xâm phạm chiếm đoạt tiền của đồ vật, dùng làm những việc mong cầu phước thiện; không biết rằng tương lai trái lại phải nhận chịu tai ương do mình gây ra, giống như ép mía đôi bên đều mất."

Trong kinh A Dục Vương nói: "Xưa vợ của vua A Dục là Phu nhân Liên Hoa snh ra một bé trai, diện mạo đoan chánh (theo kinh Phú Pháp Tạng thì tên gọi là Pháp tăng), mắt tựa như mắt của Câu Na La, nhân đó đặt tên là Câu Na La. Nhà vua rất yêu quý tôn kính. Lớn lên lấy vợ tên là Chân Kim Man. Sau đó cùng nhà vua đến chùa Kê Đầu Ma, đi đến chỗ Thượng tọa. Thượng tọa Dạ Xa biết chắc chắn sẽ mất đôi mắt, thường thuyết pháp cho nhe về tướng vô thường của mắt. Đại Phu nhân

của nhà vua tên là Đế Thất La Xoa, thấy đôi mắt đoan chánh dấy tâm ô nhiễm đòi lấy đôi mắt. Thái Tử nghe bịt tai không thuận theo mong muốn ấy. Phu nhân giận giữ thường cầu cho chết sớm, muốn móc lấy đôi mắt. Về sau nước Kiền Đà La ở phương Bắc, có khu thành tên gọi Đắc Xoa Thi La, nhân dân nổi lên phản nghịch, nhà vua phái Thái Tử đến trấn giữ. Sau đó nhà vua mắc bệnh, trong miệng hôi thối, những lỗ chân lông trên thân chảy ra nước phân dơ, không có người nào có thể chữa trị, truyền gọi Câu na La muốn Thái Tử kế thừa ngôi vua. Đế Thất La Xoa nghe rồi nghĩ rằng: Nếu Thái Tử làm vua thì mình không có cách gì sống được. Liền tìm cách mà thưa với nhà vua rằng: Thiếp có thể chữa trị cho nhà vua. Lập tức truyền lệnh trong nước ai mắc bệnh như nhà vua, đều theo lệnh dẫn đến, Ta chữa trị cho. Lúc ấy có một người có căn bệnh như vậy, người vợ hỏi thầy thuốc để chữa cho chồng, thầy thuốc nói dẫn đến sẽ chữa trị cho chồng của cô. Đã đến chỗ thầy thuốc, liền chuyển đến giao cho Phu nhân. Phu nhân giết chết, mổ bụng thấy sâu bọ, thuận theo phân dơ đi lên-đi xuống cũng như vậy, dùng các loại thuốc nhưng không thể nào làm cho chết được, sau mới lấy củ hành cho ăn thì sâu bọ lập tức chết đi. Vì nhân duyên này khuyên nhà cua ăn hành củ. Nhà vua ăn thì sâu bọ chết, theo đường thải phân mà ra ngoài. Bệnh nhà vua được chữa khoỉi, nói với Phu nhân rằng: Muốn có được mong cầu gì? Đáp rằng: Muốn được làm vua bảy ngày. Nhà vua liền đồng ý. Đã được làm vua rồi, làm giả chiếu thư của nhà vua, nói với người ở thành Đắc Xoa Thi La rằng: Câu-na-la có tội lỗi lớn, lập tức móc mắt ra. Làm giả chiếu thư đã xong, đến lúc nhà vua đi ngủ trộm lấy ngọc tỉ của nhà vua đóng vào. Nhà vua nằm mộng kinh hãi tỉnh giấc nói với Phu nhân rằng: Mộng thấy hai con chim Đại bàng muốn móc đôi mắt của Thái Tử Câu-na-la con Ta. Nói xong lại ngủ. Lại mộng thấy mà tỉnh giấc nói với Phu nhân rằng: Mộng thấy Câu-na-la đầu tóc rất dài mà ngồi dưới đất. Phu nhân an ủi nhà vua lại tiếp tục ngủ. Nhà vua ngủ rồi phu nhân lấy được ấn ngọc ấn vào chiếu thư, sai sứ mang đi. Nhà vua lại mộng thấy hàm răng rơi rụng. Sáng sớm gọi thầy xem tướng, đoán xem giấc mộng lành dữ thế nào. Thầy tướng nói: Giấc mộng này chắc chắn là tướng của Thái Tử mất đôi mắt. Nhà vua nghe nói chấp tay quy mạng chư Phật bốn phương-đạo thần tin tưởng Pháp-Tăng, cầu xin bảo vệ Thái Tử con trai của con. Chiếu thư đến nước kia, Câu-na-la nhận được chiếu thư thì tin vào lời nói ấy, mướn một người Chiên-đà-la khiến móc đôi mắt của mình, nhưng người ấy không chịu móc mắt. Chỉ vì nghiệp duyên chín muồi, tự nhiên có người mặt mày xấu xí đáng sợ,

đến xin móc mắt. Thái Tử nói với người xấu xí: Trước hãy móc một mắt đặt trong tay Ta. Đưa dao đến mắt, tất cả dân chúng kêu gào oán thán vang động trời đất, quái lạ thay đau khổ thay! Mọi người xót xa ân hận khóc nỉ non không thể nào tự kèm nén được."

Còn trong chuyện Phú Pháp Tạng nói: "Cầu một người ác khiến móc mắt bên phải, đặt trong lòng bàn tay xem xét, liền nghĩ đến lời khuyên nhũ của Da Xá trước kia, mà phát ra lời nói rằng: Mắt là vô thường, giống như huyễn hóa, lúc xưa kỳ diệu, nay nhìn có gì đáng yêu, nên xả bỏ pháp mục nát hiểm nguy, chuyên cầu tuệ nhãn thanh tịnh tối thắng. Lúc dấy lên quán xét như vậy liền đạt được Tu-đà-hoàn. Lại móc một mắt suy xét sâu xa, chán ngán tình ý xấu xa cuối cùng đạt được quả Tư-đà-hàm. Vợ của Thái Tử là Chân Kim Man nghe chồng bị móc mắt, gào khóc tuôn trào đôi dòng nước mắt, kinh hãi khóc nức nở mà chạy đến, trông thấy rồi nhất lịm rất lâu mới tỉnh lại. Lúc ấy Câu-na-la dùng kệ nói rõ cho vợ biết rằng:

Xưa kia tôi làm những nghiệp ác,
Hôm nay trả lại tự mình chịu,
Tất cả đau khổ của thế gian,
Là ân ái hội tụ biệt ly,
Nàng nên tư duy thật tường tận,
Đâu cần phải khóc lóc nỉ non!

Lại trong kinh A Dục Vương nói: "Lúc ấy Thái Tử Câu-na-la trả lời vợ: Chúng ta tự tạo ra hôm nay phải nhận chịu, ân ái hội tụ chia ly đâu cần phải khóc lóc nỉ non! Bị người đi làm sứ đuổi ra khỏi đất nước, vợ chồng dẫn nhau đi gảy đàn ca hát xin ăn để tự sống, duy trì tính mạng lần lượt mà đi. Quay trở về đất nước mình, muốn đi vào cung vua, nhưng người canh cổng ngăn lại, liền đến ở nhờ qua đêm trong chuồng voi ngoài cổng. Đến sáng gảy đàn, tự nói ra sự việc khổ đau, nhà vua nghe thấy tiếng đàn, trong lòng tha thiết nhớ đến con, liền sai người gọi vào. Đã đến nơi nhà vua, nhà vua trông thấy mắt mù, hình hài dung mạo gầy gò xấu xí, áo quần rách rưới thảm hại, cũng không nhận ra, chỉ thấy hình tướng là người trẻ tuổi, lập tức hỏi rằng: Ông là Câu-na-la con trai của ta phải không? Đáp rằng: Chính là con đây. Nhà vua nghe thấy lời ấy, ngất lịm ngã nhào xuống đất, vẩy nước mới tỉnh lại, ôm vào trong đầu gối, tay xoa đôi mắt khóc chảy nước mắt mà nói: Đôi mắt con xưa kia tựa như Câu-na-la, cho nên liền lấy làm tên gọi, nay đều mất đi, lấy gì làm tên gọi, ai móc mắt con, khiến cho con gặp phải khốn khổ tiều tụy như vậy, hãy mau nói cho Ta biết, nay Ta thấy con hình hài thân thể

tiều tụy, ví như lửa dữ đốt cháy thân tâm Ta tan nát tất cả, đau xót vô cùng. Thái Tử nói với nhà vua rằng: Mong Phụ Hoàng đừng buồn phiền xót xa, con tự tạo nghiệp không thể oán trách người khác được, nhận được chiếu thư có ấn ngọc của Phụ Hoàng đóng vào, truyền lệnh móc mắt cho nên con không dám trái lệnh. Nhà vua lập lời thề rằng: Nếu Ta truyền lệnh móc mắt thì nên tự cắt lưỡi mình, nếu dùng ấn ngọc thì nên nhổ hết răng Ta, nếu mắt Ta nhìn thấy thì tự móc mắt của mình. Sau đó nhà vua suy xét biết chính là La –xoa làm chiếu thư sai móc mắt, nhà vua gọi đến mắng rằng: Đồ xấu xa không tốt lành, nơi nào che chở cho ngươi giờ đây ngươi không tự mình chìm xuống đất lạnh, ngươi thật sự là kẻ thù của Ta, giả gần gũi ôm ấp thân thiện mà lòng đầy mưu mô hiểm ác. Mắng nhiếc đủ điều rồi, chất củi rưới dầu châm lửa mà chiêu chết."

Còn trong truyện Phú Pháp tạng nói: "Lúc ấy Thái Tử Câu-na-la khởi tâm Đại Bi, mà thưa với vua cha rằng: Nếu bây giờ gây thêm thù oán với người kia, thì chắc chắn phải trải qua nhiều đời kiếp cùng làm oán thù gây hại lẫn nhau, ví như nhờ vào âm thanh thì có tiếng vang đáp lại, cũng như trẻ thơ không biết nghĩa lý mà mắng nhiếc làm nhục cha mẹ không có tâm khiêm tốn cung kính, mà cha mẹ của trẻ thơ này lẽ nào đối với con mình lại dấy lên sân hận hay sao? Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị phiền não làm cho tối tăm, ngu si vô trí giống như trẻ thơ, làm sao vì kẻ ấy mà sinh lòng giận dữ. Tâm nhà vua đang chứa đầy giận dữ không chấp nhận lời nói đó, chất nhiều củi tưới dầu vào mà đốt chết cháy."

Lại trong kinh A Dục Vương nói: "Lúc bấy giờ các Tỳ kheo trông thấy bèn hỏi Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa: Có nhân duyên gì? Tôn giả đáp rằng: Câu-na-la xưa kia làm một thợ săn ở nước Ba-la-nại, vào trong hang núi bắt được năm trăm con hươu, nếu như giết chết tất cả thì thịt sẽ thối rữa, móc mắt của bầy hươu ra, mỗi ngày ăn thịt một con hươu. Từ lúc ấy đến nay, trong năm trăm thân mạng thường bị móc mắt. Lại vào thời quá khư sau khi Đức Phật Câu Lưu Tôn nhập Niết-bàn, lúc ấy Quốc Vương tên gọi là Đoan Nghiêm, tiến hành xây dựng tòa tháp bằng đá, trang nghiêm bằng 7 thứ báu. Sau khi nhà vua qua đời có một vị vua độc ác, tên gọi là Bất Tín, phá hủy tòa tháp lấy châu báu, chỉ để lại đất đá gỗ cây. Câu-na-la lúc bấy giờ là con trai trưởng giả., lại dùng 7 thứ báu tu sửa tòa tháp này, còn làm phi tượng lớn cùng với thân Phật như nhau không khác, phát thệ nguyện rằng: Khiến cho con ở đời sau đạt được giải thoát thù thắng giống như Đức Phật này. Duyên xưa kia tạo

tháp được sanh trong dòng dõi tôn quý, nhờ xưa làm phi tượng cho nên thường được thân hình đoan chánh, nhờ vào lời phát nguyện cho nên nay đạt được dấu tích của đạo.”

Còn dựa theo Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Ký nói: “ Tâm nhà vua ấy biết người vợ kế là kẻ xấu, nuốt bực bội mà tha thứ, còn chịu thêm hình phạt đánh đập của người vợ kế. Lúc ấy quan phụ tá cùng bị lưu đày vào vùng đất khô cằn sỏi đá phía Đông Bắc vùng Tuyết Sơn. Thánh Tăng tên gọi Yến Sa ở chùa Ma Ha Bồ đề, là bậc Đại A-la-hán. Nhà vua nghe là bậc cao đức, dắt theo con trai mù trình bày đầy đủ sự việc trước đây, rủ lòng thương xót giúp cho mắt sáng lại. Vị Tăng nhận lời thỉnh cầu của nhà vua, bày tỏ với tất cả dân chúng trong nước, sáng ngày mai tôi sẽ giảng thuyết về pháp sâu xa, mọi người mang theo đồ dùng đến, để chứa nước mắt. Ngày ấy đạo-tục từ xa tranh nhau đến dự pháp hội. Lúc nghe thuyết về mười hai nhân duyên, mọi người đau buồn xót xa tuôn trào máu lệ mà thôi. Thâu nhận tất cả nước mắt đặt trong cái chậu bằng vàng, vị Tăng lập lời thề rằng: Pháp đã thuyết trước đây nếu lý ấy thích hợp, nguyện dùng nước mắt của mọi người rửa đôi mắt của con trai nhà vua khiến cho được sáng trở lại, nếu lý không thích hợ thì đôi mắt mù chư cũ! Ngay sau đó lấy nước mắt rửa đôi mắt, đôi mắt tức thì bình phục. Lúc ấy nhà vua và con trai không nén được vui mừng, mọi người lúc ấy đều vui sướng cùng nói to: Tốt đẹp thay, chỉ có Thánh lực mới được như vậy. Con trai nhà vua chính là Thái từ Câu-na-la. Bây giờ tòa tháp hãy còn tồn tại.”

Còn trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: “Lúc bấy giờ đến thời gian khất thực, Đức Thế Tôn khóac y ôm bình bát mà đi một mình. Muốn xin được thức ăn, phải dần dần đến thôn xóm Đại Binh Tướng kia. Đi vào thôn ấp kia rồi, thì đến nhà Bà-la-môn Binh Tướng. Đến nhà ấy rồi, liền tiến vào trong cổng nhà ấy, trải chỗ ngồi mà ngồi. Lúc bấy giờ Đại Bà-la-môn Binh Tướng, có hai cô con gái, một cô tên là Nan-đà, một cô tên là Ba-la. Lúc ấy hai cô con gái kia đi ra đến bên Đức Phật. Đến nơi Đức Phật rồi cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật, lùi lại đứng về một phía. Đức Phật thuyết pháp cho nhe đạt được quả Tu-đà-hoàn, xin thọ ba pháp quy y và năm giới xong, liền lấy bình bát của Đức Phật đem đồ ăn thức uống thơm ngon ngọt nào, chứa đầy trong bình bát để mang đến dâng cúng Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn thọ nhận thức ăn ấy rồi, từ trong thôn mà đi ra. Lúc bấy giờ Đại Bà-la-môn Đề-bà, từ người khác nói cho nghe là Đại Sa môn ấy đi đến nơi này, nghe rồi liền dấy lên suy nghĩ: Xưa mình đã từng thỉnh mời Đại Sa môn ấy, hứa bố thí đồ ăn thức uống, nay

mình nghèo túng, nên làm cách nào? Người vợ Đề-bà trả lời chồng rằng: Xin nghe theo lời có thể nói, không biết phải như vây hay không? Thiếp nhớ trước kia lúc tuổi còn trẻ, Đại Bà-la-môn Binh Tướng, đã từng chơi đùa với thiếp, mong cầu đến việc đời, lúc ấy thiếp không nghe theo, người ấy tạm thời chạm vào ngón tay, bây giờ chàng đem thiếp giao cho người ấy để làm những việc thế tục, từ người ấy tùy ý lấy ít nhiều tiền bạc đồ vật, có được rồi thì làm thức ăn bố thí cho Đại Sa môn kia! Lúc bấy giờ Đề Bà trả lời vợ mình rằng: Việc này không phải như vậy, theo lý của Bà-la-môn chúng tôi thì không nên làm điều như vậy. Lúc ấy Đề-bà liền đến chỗ Binh Tướng trình bày rằng: Tốt lành thay, tốt lành thay! Chỉ mong cho tôi vay mượn năm trăm quan tiền, nếu tôi có khả năng trả lại thì điều này tốt đẹp thay, nếu như không có khả năng trả lại thì hai vợ chồng tôi nói rõ là cùng bước vào nhà ông đem sức mình làm việc cho ông. Bấy giờ Binh Tướng liền đưa cho Đề-bà số tiền đủ năm trăm quan, mà nói với Đề-bà rằng: Bây giờ ông mang đi tùy theo ý mình mà sử dụng, việc ấy nếu hoàn tất thì không được tiếp tục chuyển sang đi theo người khác để vay mượn mang đến trả lại cho tôi đâu, như ông đã yêu cầu tự thân mình dốc sức kiếm tiền cho tôi thôi. Lúc bấy giờ Đề-bà từ bên nhà Binh Tướng, y theo pháp nhận lấy năm trăm quan tiền rồi, về đến nhà mình giao cho người vợ, mua sắm đầy đủ đồ ăn thức uống. Liền đi đến trong rừng, hướng về phía Đức Phật, mong muốn thỉnh mời Như Lai rằng: Tốt lành thay Đại Đức Sa môn Cù Đàm, chỉ mong nhận lời con ngày mai cúng dường bữa cơm! Lúc ấy Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thưa thỉnh. Đề-bà lễ chào Đức Phật mà đi, cho đến nhà mình, thì tất cả đường dọc ngõ ngang trong thành đều mua thức ăn chọn lựa kỹ càng. Bấy giờ Đề-bà ngay trong đêm ấy chuẩn chị chu đáo nhiều loại đồ ăn thức uống ngon lành ngọt ngào. Đêm ấy lo liệu tất cả các món ăn như vậy, đêm trôi qua trời sáng tỏ rải nước quét sạch trong nhà trải bàn ghế chỗ ngồi xong, liền đến bên Đức Phật quỳ thẳng thưa rằng: Đồ ăn thức uống đã sắp đặt xong, nguyện đến nhà con! Lúc bấy giờ đã đến giờ ăn, Đức Thế Tôn khoác y ôm bình bát chầm chậm mà đi, đến nhà Đề-bà thuận theo trải chỗ ngồi mà ngồi. Hai vợ chồng tự tay bưng lên nhiều loại đồ ăn thức uống đầy đủ mùi vị thanh tịnh vi diệu, đặt vào phía trước Đức Phật để dâng cúng Đức Thế Tôn: Chỉ mong Như Lai tự tùy ý mình sử dụng. Lúc ấy Đề-bà dân cúng thức ăn lên Đức Phật rồi, rời ra ở bên cạnh Đức Phật trải chổ ngồi mà ngồi. Ngồi yên rồi Đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho Đề-bà như mong muốn, khiến cho hoan hỷ vô cùng, rồi từ chỗ ngồi mà đứng dạy tùy ý quay về. Bấy giờ Đề-bà

tiễn đưa Đức Phật đi ra, vợ của Đề-bà từ nơi khác mượn áo để mặc, trông thấy Đức Phật rời nhà quay về thì liền cởi áo, đặt vào một nơi mà quét dọn nhà cửa. Lúc ấy có một kẻ trộm cắp, bất ngờ trộm lấy chiếc áo ấy mang đi. Lúc người vợ vì mất chiếc áo cho nên tâm tư vô cùng sầu não, Đề-bà tiễn đưa Đức Phật sau đó trở lại nhà, thấy vợ hoảng loạn, liền hỏi rằng: Tại sao phiền não như vậy? Vợ trả lời chồng rằng: Bởi vì biết là chiếc áo đã mượn, không biết ai trộm, bỗng nhiên mất rồi. Lúc ấy Đề-bà nghe nói lời này rồi, lòng dạ mịt mờ tán loạn không biết làm sao, bèn nói như vậy: Tôi đã thuận theo người ta vay mượn năm trăm quan tiền, dùng để mua vật dụng cúng dường, nay nàng từ nơi khác mượn áo để mặc, bỗng nhiên lại mất đi, nhà mình nghèo thiếu lấy gì trả cho đủ, nên làm cách gì đây? Lúc bấy giờ Đề-bà mong muốn tự tử, liền đi đến trong rừng Thi-đà, trèo lên trên cây to muốn tự mình ngã nhào xuống đất, nhưng không thể nào rơi xuống được, thì trở lại lo lắng vô cùng. Nhưng mà người ăn trộm kia cầm chiếc áo ấy đến từng Thi-đà, bỗng nhiên quay trở lại, ở dưới tán cây mà Đề-bà đang ngồi phía trên, đào đất chôn lại, lấy đất phủ phía trên, thải phân lên phía trên chỗ ấy xong mà đi. Lúc đó Đề-bà ngồi ở trên cây, từ xa trông thấy việc này, sau khi kẻ trộm cắp rời xa thì từ trên cây tụt xuống, đào lấy chiếc áo ấy, mang trở về trả cho vợ mình. Lúc ấy vợ Đề-bà quét dọn mọi nơi trong nhà, đến lúc quét một góc phòng ấy, bỗng nhiên tự lún xuống, cúi đầu nhìn xem, thấy dưới lồng đất có một chiếc lọ đồng màu đỏ, trong chiếc lọ có vàng... (cho đến nơi sơ lược thôi). Trông thấy chiếc lọ thứ hai-thứ ba-thứ thư, tất cả đều là chiếc lọ như vậy. Lại tiếp tục nhìn xem dưới chỗ ấy, còn thấy một cái chum đồng màu đỏ, trong chum cũng đầy vàng. Người vợ trông thấy vàng rồi thì kêu lên rất ngạc nhiên, chỉ rõ cho chồng biết rằng: Chàng yêu quý, chàng yêu quý ơi! Mau đến đây, mau đến đây, thiếp đã có được rồi. Lúc bấy giờ Đề-bà nghe tiếng vợ rồi, dấy lên suy nghĩ như vậy: Cô vợ cũng thật đáng thương, vì sao tâm tư tán loạn, nói dối như vậy chứ, nói mình đã có được đồ vật, trước đó mượn áo ở nơi khác đã bị mất đi; mình đã có được áo, áo hiện tại ở đây vì sao nói to là thiếp đã có được rồi? Lúc ấy Đề-bà mang chiếc áo đi vào nhà, hỏi vợ mình rằng: Ao mặc ở nhà, nàng đã có được cái gì? Người vợ liền chỉ cho biết số vàng ấy, nói cho biết rằng: Chàng yêu quý, thiếp có được ở đây này. Lúc này Đề Bà lại nói với vợ rằng: Nàng bị mất áo, tôi cũng tìm được vậy. Thế là người vợ lấy chiếc áo đem đến nơi đã mượn trả về lại cho người chủ. Lúc bấy giờ Đề-bà dấy lên suy nghĩ rằng: Nay mình chỉ có một mình không thể nào tiêu dùng hết được

số vàng rất nhiều như vậy. Lập tức mang theo năm trăm quan tiền, đi thẳng đến phía nhà Binh Tướng, mà trả lại món nợ ấy. Đến nơi rồi nói với Đại Binh Tướng rằng: Tôi vay mượn năm trăm quan tiền từ người nhân ái, nay đem trả lại cho ông. Lúc ấy Binh Tướng nói với Đề-bà rằng: Trước đây tôi nói với ông không được mượn tiền từ người khác đem trả cho tôi, mà chỉ dốc sức của chính mình để kiếm tiền trả cho tôi. Đề-bà lại nói: Tôi không vay lấy vật này từ người khác. Binh Tướng lại hỏi: Ông từ đâu có được? Đề-bà trả lời rằng: Tôi được kho vàng này từ dưới đất. Binh Tướng không tin được. Bấy giờ Đề-bà liền dẫn Binh Tướng đến nhà mình chỉ cho biết kho vàng ấy. Lúc bấy giờ Binh Tướng trông thấy một đống than, nói với Đề-bà rằng: Sao ông nói dối vậy, nói với tôi chính là than, dùng làm tướng của vàng? Lúc ấy Đề-bà lại tiếp tục nói với Binh Tướng rằng: Đây thật là vàng ròng, chứ không phải là than củi đâu. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần như vậy rồi, dùng tay chạm vào kho vàng ấy nói to cho biết rằng: Đây là vàng chứ không phải là than. Lại phát ra thề nguyện: Như lực nhân duyên thiện nghiệp của con cho nên có được số vàng này, cầu xin chỉ rõ cho Binh Tướng trông thấy. Nói như vậy rồi thì than hóa thành vàng, Binh Tướng trông thấy kho vàng nơi này rồi, lại hỏi: Nay ông cúng dường cho ai, là trời hay là Tiên, hay là những người tốt lành, mà họ ban cho ông nguyện báo như vậy? Đề-bà trả lời rằng: Vào hôm nay nhà tôi chỉ cúng dường một người, đó chính là Đại Sa môn, dâng cúng bữa cơm, cảm ứng nhờ vào công đức ấy mà quả báo được thành tựu. Binh Tướng trả lời rằng: Kho vàng này hết thảy đều do nhân duyên thiện nghiệp ấy mà sinh ra, quả báo này không có người nào có thể chiếm đoạt, không có người nào có thể cắt đứt được, ông đừng sanh lòng ngờ vực, yên ổn mà sử dụng.

Lúc bấy giờ Đề-bà dấy lên nghĩ như vậy: Nhờ cúng dường Đại Sa môn một bữa ăn mà phát sanh công đức to lớn. Tâm tư sanh niềm hoan hỷ, hăng hái vô cùng, khắp thân thể chan chứa vui mừng. Lại đi đến bên Đức Phật, tiếp tục thưa thỉnh Đức Phật đến nhà thọ nhận cúng dường. Sau khi Đức Phật đến, hai vợ chồng trải chỗ ngồi mà nghe pháp. Đức Phật biết tâm hành-thể tánh của vợ chồng họ đã gần sạch hết các kiết sử, thuyết cho họ nghe về Tứ Đế đạt được quả Tu-đà-hoàn.

Lúc ấy các Tỳ kheo liền thưa hỏi rằng: Đề-bà và vợ của mình, xưa kia làm thiện nghiệp gì mà cảm được quả báo này, lại đến bên cạnh Đức Phật đạt được những pháp thuộc bậc Thánh; lại tạo ra nghiệp gì mà trước nghèo sau giàu, chỉ trong một ngày như vậy? Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Xưa kia thọ ba pháp quy y-năm giới từ nơi Đức Phật Ca Diếp,

mà không thực hành bố thí, nay chính là Đề-bà. Nhưng lúc mạng chung xin phát nguyện, nguyện được gặp Ta. Vì nhân duyên này cho nên nay được gặp ta, vì không thực hành bố thí cho nên nay gặp quả báo nghèo túng. Thuận theo mang thức ăn bố thí cho Ta mà cảm được quả báo ở đời hiện tại. Vì nhân duyên này, các ông là những thế hệ Tỳ kheo, đều thuận theo thường xuyên cần phải hướng về cạnh Phật-Pháp-tăng sanh tâm cung kính hiếm có, giống như Đề-bà thân hiện tại thọ nhận phước thiện. Vì tham lam keo kiệt không chịu bố thí, nay nhận chịu tai họa của đời sống nghèo hèn khốn khổ."

Tụng rằng:

Có đạo nghĩa thì hội tụ,
Không có nghĩa thì chia ly,
Quẻ Ly không có tốt lành,
Phù hợp trở thành quy tắc.
Có công đáng được khen thưởng,
Không có công đáng sửa trị,
Đừng làm oan ức quá đáng,
Báo trả lại chẳng nghi ngờ.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1- Đỗ Quốc Chi Bá Thường thời Chu; 2- Tùy tùng của Vương Tế thời Hán; 3- Vũ Lâm trung lang Du Ân thời Hán; 4- Huyện lệnh Phú Dương là Vương Phạm thời Tấn; 5- Trương Tuấn thời Tấn; 6- Dương San thời Tấn; 7- Khổng Cơ thời Tấn; 8- Dữu Lượng thời Tấn; 9- Chân Tử thời Tề; 10- Văn Tuyên Đế Cao Tường thời Tề; 11- Lưu đại phu không biết tên thời Lương; 12- Vũ Đế Trần Bá Tiên thời Trần; 13- Vương Huyền Sách Hành Truyện Tây Vức Nghiệp Xưng thời Đường.

1. Thời nhà Chu có Đỗ Quốc Chi Bá tên gọi là Thường, là Đại phu của triều nhà Chu. Nàng hầu của Truyên Vương tên gọi là Nữ Cưu, mong muốn thông dâm, Đỗ Bá không đồng ý, Nữ Cưu bèn tố cáo với Tuyên Vương rằng: Bá Thường trộm qua lại cưỡng bức thiếp. Tuyên Vương tin lời, bắt giam Đỗ bá vào ngục, sai Tiết Phủ và Tư Công Kì giết chết Đỗ Bá. Bạn của Đỗ Bá là Tả Nho nhiều lần can ngăn, mà Tuyên Vương không nghe. Tả Nho hết cách. Đỗ Bá đã chết, liền hiện làm người gặp Tuyên Vương nói: Bá Thường tội gì vậy? Tuyên Vương gọi họ Chúc mà đem lời của Đỗ Bá nói cho biết sự việc. Họ Chúc nói: Bắt đầu giết Đỗ Bá, ai bày mưu cho Tuyên Vương? Tuyên Vương nói: Tư Công Kì. Họ Chúc nói: Sao không giết Công Kì mà tạ lỗi? Tuyên

Vương bèn giết Công Kì, sai họ Chúc để tạ lỗi Đỗ Bá. Đỗ Bá vẫn còn hiện làm người mà đến, nói người ấy vô tội. Tư Công Kì lại hiện làm người mà đến nói rằng: Hạ thần có tội gì? Tuyên Vương bảo với Hoàng Phủ rằng: Họ Chúc cũng bày mưu cho Ta mà giết người, những người do ta giết lại đều hiện làm người mà trông thấy, nên làm thế nào vậy? Hoàng Phủ nói: Giết họ Chúc để tạ lỗi. Tuyên Vương bèn giết họ Chúc để cùng tạ lỗi vậy. Nhưng vô ích, đều hiện làm người mà đến, họ Chúc cũng nói: Tôi có biết gì đâu, tại sao lấy điều này làm tội, mà giết tôi vậy? Sau 3 năm dạo chơi ở chốn ruộng vườn, người đi theo đầy đồng, giữa ba trưa Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng mặc áo màu trắng, Tư Công Kì ở bên trái, họ Chúc ở bên phải, mặc áo đỏ-đội mũ đỏ, đứng ở bên trái đường đi, cầm cung đỏ-mũi tên đỏ bắn vào Tuyên Vương, trúng vào tim-gãy xương sống, nằm úp lên cung tên-áo quần mà chết.

2. Thời nhà Hán có tùy thùng của Vương Tế, đã từng ở trong đêm tối đến chỗ người hầu gái lấy áo quần đồ vật cho Vương Tế, người hầu gái muốn gian dâm, người ấy nói không dám. Người hầu gái nói: Nếu không thuận theo tôi, thì tôi sẽ la lớn. Người này cuối cùng không bằng lòng. Người hầu gái liền la lớn rằng: Người này muôn gian dâm tôi. Vương Tế lập tức sai người giết chết. Người này tự mình trình bày đầy đủ, Vương Tế hãy còn không tin, cho nên lúc dẫn đi, quay đầu lại nói với Vương Tế rằng: Oan uổng không thể chấp nhận, cần phải kiện đến Phủ quân ở trên trời. Sau đó Vương Tế mới mắc bệnh, bỗng nhiên thấy người này nói cho biết rằng: Trước kia trình bày đầy đủ sự thật, đã không nhìn thấy lý lẽ, thì nay phải ra đi. Mấy ngày sau Vương Tế chết.

3. Thời nhà Hán có Du Ân tự là Ấu Tề, làm tướng Vũ lâm trung lang thời nhà Hán, trước đó cùng với Hồ Chẩn làm chức Tư lệ hiệu út có hiềm khích. Hồ Chẩn liền đặt điều vu cáo giết chết. Du Ân chết hơn tháng, Hồ Chẩn mắc bệnh con mắt lồi ra, chỉ nói nhận tội. Du Ấn tề dẫn quỷ đến, ngay sau đó liền chết.

4. Thời nhà Tấn có Vương Phạm là huyện lệnh Phú Dương, có người thiếp tên là Đào Anh, có dung mạo rất xinh xắn, liền cùng với hai người là Cáp Hạ Đinh Phong-Sử Hoa Kỳ gian dâm với nhau. Vương Phạm đã từng đi ra ngoài không trở về trong trướng, Đô đốc Tôn Nguyệt nghe trong nhà Đinh Phong có tiếng vòng xuyến chạm nhau, nhìn xem thì thấy Đào Anh và Đinh Phong chung chăn mà nằm, Nguyên Bật gõ cửa quát mắng, Đào Anh liền đứng dậy, kéo váy, sửa lại tóc-rón rén bước chân trở về trong trướng. Nguyên Bật lại trông thấy dây đeo đai

áo của Hoa Kỳ và xạ hương của Đào Anh, hai người sợ Nguyên Bật tố cáo, bèn cùng nhau vu cáo Nguyên Bât và Đào Anh có thông dâm với nhau. Vương Phạm không suy xét rõ ràng, liền giết chết Nguyên Bật. Có Trần Siêu, lúc ấy có mặt, khuyên kết thành tội của Nguyên Bật. Sau đó Vương Phạm trở về thay thế địa vị, Trần Siêu cũng ra ngoài đô thành xem xét thay Vương Phạm, đi đến dưới núi Xích Đình thì gặp dông tố, ngày tối bỗng nhiên có người xố nách Trần Siêu kéo thẳng mang đi vào trong đầm hoang. Chớp lóe sáng chiếu rọi trông thấy một con quỷ, mặt mày xanh đen, mắt không có con ngươi, nói Ta là Tôn Nguyên Bật, tố cáo nỗi oan với Hoàng Thiên, sớm được lý giải rõ ràng, suốt thời gian qua chờ đợi ông, nay mới gặp nhau. Trần Siêu rập đầu chảy máu, quỷ nói: Vương Phạm đã làm người chủ, sẽ bị giết chết trước; Giả Cảnh Bá- Tôn Văn Độ, ở dưới Thái Sơn Huyền Đường, cùng quyết định ghi tên vào sổ sanh tử; hồn phách của Đào Anh cũng thu vào ở Nữ Thanh Đình, là tên gọi của địa ngục thứ ba, ở dưới Hoàng Tuyền chuyên trừng trị nữ quỷ. Trước khi đến trời sáng thì quỷ không còn ở chổ đó, Trần Siêu đến Dương Đô thăm viếng Vương Phạm, không dám nói sự tình, thì thấy quỷ từ bên ngoài xuất hiện đi thẳng vào trướng của Vương Phạm. Đến đêm Vương Phạm vừa mới ngủ, bỗng nhiên bị bóng đè nặng gọi mãi không tỉnh, người nhà dắt trâu xanh đến phía trước Vương Phạm, và thêm Đào Anh ở bên trái, gần sáng hơi tỉnh lại, hơn 10 ngày sau mà chết, người thiếp cũng đột ngột qua đời. Trần Siêu cũng chạy trốn trong nhà chùa Trường Can, thay đổi họ tên là Hà Quy. Năm năm sau vào ngày mồng 3 tháng 3 đứng trước sân uống rượu say, Trần Siêu nói: Nay sẽ không còn sợ con quỷ này nữa. Cúi đầu nhìn thì thấy hình ảnh của quỷ đã ở trong nước, đưa tay tóm đánh Trần Siêu, máu mũi chảy ào ra, khoảng hơn một thăng, mấy ngày sau mà chết.

5. Thời nhà Tấn có Trương Tuấn chiếm cứ vùng Lương Châu, ghen ghét làm hại Tướng quân Vũ Uy Âm Giám đứng đầu ba quân, bởi vì họ tộc ấy hùng mạnh mà lại nhiều công lao. Liền nói bóng gió với người chịu trách nhiệm sổ sách là Nguy Soạn, khiến vu cáo Âm Giám mưu phản. Trương Tuấn bức bách Âm Giám tự sát. Sau 3 năm Nguỵ Soạn mắc bệnh, thấy Âm Giám ở bên cạnh liền chết.

6. Thời nhà Tấn có Dương San, tự là Ý Bành Tổ, làm Thái thú Lư Lăng thời nhà tấn, là người ngang ngạnh hà khắc thô bạo, cậy tghế quan hệ thông gia với quốc chủ mà mặc ý ngang ngược thái quá, hiềm khích ai điều gì thì khép vào hình phạt phải giết chết. Đại tướng quân đánh dẹp phía tây là Dữu Lượng chuyển giao tù nhân, đem tất cả tình

trạng nghe thấy, có quan lại tâu bày, Dương San giết tướng sĩ-quan lại và dân chúng cùng Giản Lương Đằng ở quận là hai trăm chín mươi người, người bị đày đi nơi khác hơn một trăm người, cần phải chém đầu bêu chị, dựa vào tám đề nghị cầu xin tha thứ.” Hiển Tông ban chiếu nói: “Việc này xưa nay chưa hề có, điều này mà có thể nén chịu đựng thì còn cái gì không thể chịu được, đâu có 8 đề nghị, có thể giam vào ngục mà ban cho tính mạng.” Anh của Dương San là Tử Bôn, trước kia hãy còn Công chúa Nam Quận, tự dâng biểu từ bỏ kết hôn, ban chiếu không chấp nhận. Lang Gia Hiếu Vương, cháu trai của Dương San là con của bà Phi họ Sơn, hết sức để cầu xin giúp, thế là Tư Đồ Vương Tuân kể tội Dương San không thể tha thứ mà nên dùng biện pháp nặng nhất. Sơn Thái Phi ưu sầu cảm động thành bệnh, ân của Bệ hạ không gì cao hơn, nên được tha thứ giữ vạn mạng sống. Ngay sau đó ban chiếu nói rằng: “Sơn Thái Phi chỉ vì một người cậu này nói năng ngang ngược, thậm chí nôn ra máu, vì nghĩ tình sâu nặng. Trẫm gặp phải cảnh tàn hại, thọ ân nuôi nấng của Thái Phi, giống như người mẹ hiền, nếu không chịu nổi căn bệnh khó chịu đựng, mà dẫn đến tai họa bất ngờ, thì Trẫm cũng mặt mũi nào để nương nhờ. Nay quyết định tha mạng sống cho Dương San, để an ủi Thái Phi gọi là đền ân nuôi dưỡng.” Thế là xóa tên làm dân thường, không lâu sau thì mắc bệnh, thường trông thấy Giản Lương Đẳng nói: Oan ức há chấp nhận được sao, nay đến tìm nhau, tự nói rõ dưới suối vàng. Trải qua đêm mà chết.

7. Thời nhà Tấn có Khổng Cơ ở vùng Cối Kê, chịu khó học hành có chí khí tiết tháo, người trong họ đều nhờ cậy, Khổng tệ Tệ khiến hai con trai của mình lấy Khổng Cơ làm thầy, mà con của Tệ tệ đều hung dữ thấp hèn, chí hướng và hứng thú còn không giống nhau. Khổng Cơ nhiều lần nói cho Tệ tệ biết, những đứa con của tệ tệ thường có biểu hiện căm giận. Sau đó Tệ tệ qua đời, tang chế đã trừ, Khổng Cơ vì bạn cũ xưa kia mới ôm bình rượu dê đến thăm hỏi chuyện trò với con của Tệ tệ. Con của Tệ tệ hãy còn ôm mối oán hận trước kia, bí mật sai tôi tớ ở bên đường chờ giết chết Khổng Cơ. Tôi tớ trở về chưa đến nơi, nhưng không thấy Khổng Cơ xuất hiện, mở to mắt xắn ống tay áo, nghiêm giọng nói rằng: Gian trá xấu xa hèn mọn đáng khinh, tiểu nhân mặt người dạ thú, ta đến thăm viếng còn chân thành biếu bình rượu cất giấu xưa kia, từ trước đến nay có gì oán hận xấu xa mà chờ bên đường để làm hại, đồ khinh trời quên cha, người- thần không tha thứ, cần phải làm cho dòng dõi nhà ông đoạn tuyệt. Từ đó về sau nhiều lần trông thấy hiện hình, họ Khổng chẳng có mấy người, con trai đầu đi đến nhà

xí bỗng nhiên mà cười ngất, Lạc Dịch đến xem thì đã chết ở dưới đất. Người con trai thứ không bao lâu lại mắc bệnh mà chết. Anh em không con không cháu.

8. Thời nhà Tấn có Dữu Lượng chém đầu Đào Xưng. Sau vào tiết Đông Chí năm thứ 5 thời Tấn Hàm Khang, văn võ bá quan tụ hội gồm mấy mươi người, bỗng nhiên đều đứng dậy hướng về bậc thềm vái chào, Dữu Lượng kinh ngạc mà hỏi, mọi người cùng nói: Đào Công đến. Đào Công là Xưng Phụ Phẩm vậy. Dữu Lượng cũng đứng dậy đón tiếp. Đào Công dựa vào hai người, đều là đã từng có oán thù, truyền lệnh cho mấy chục người tùy tùng đều cầm giáo cúi đầu. Đào Công nói với Dữu Lượng rằng: Lão già này đưa ông lên thay thế mình, không ngờ ân này lại chết kẻ đơn độc, vì vậy đến hỏi nhau, Đào Xưng tội gì, tự mình đã có thể kiện đến nhà vua rồi. Dữu Lượng không nói được một lời, liền mắc bệnh mà chết vào ngày mồng 1 năm tấn Hàm Khang thứ 8.

(Tám chuyện trên đây trích trong Oan Hồn Chí.)

9. Thời nhà Tề có Chân Tử Dung. Thời nhà Tề đã từng là người cố gắng mở mang đường xá hiểm trở thuộc huyện Tỉnh Hình, tiền của đưa hối lộ rất nhiều, bị người ta bắt trói. Tề chgủ muốn dùng hành pháp, ý quyết định trừng trị đến cùng, bèn giao cho Cục than quân sự ở thành Tỉnh Châu là Thôi Viện và Trung thư xá nhân Thái Huy, cùng kiểm tra vụ án ấy. Nhưng việc làm của Tử Dung đều do trước kia đã tha, Thôi Viện và Thái Huy xem chừng ý cấp trên mà tha cho. Nhưng lúc Tử Dung sắp bị tử hình, kể rõ oan khuất mọi bề, đã không thấy quan tâm, bèn thề rằng: Nếu những kẻ này yên ổn tốt lành, thì thật là không có đạo trời. Sau 15 ngày hành pháp, Thôi Viện không bệnh tật gì mà đột ngột chết. Trải qua khoảng chừng một năm, Thái Huy bệnh nằm liệt giường, da thịt nát rữa, cũng khổ sở vô cùng, hơn một trăm ngày mới chết.

10. Thời nhà Tề, Văn Tuyên Đế Cao Tường đã chết, Thái Tử Ân nối ngôi, niên hiệu là Càn Minh. Em cùng mẹ với Văn Tuyên là Thường Sơn Vương Diễn, trước kia ở Tích Châu quyền thế rất lớn, dựa vào Văn Tuyên mà Thường Sơn ra ngoài tham gia với Tùy Tử Cung, đến vùng nghiệp lấy đất xem thấy nghi ngờ, vẫn lưu tâm để ghi lại việc làm của Thượng Thư. Vương Diễn liền phẫn nộ, bí mật tìm cách khác. Đến tỉnh thành nói: Quan lại trong ngoài đều đến tập trung. Lập tức bắt trói Thượng thư là người tâm phúc của Càn Minh, khiến Dương Tuân Ngạn cùng với năm người, đều làm tấu văn thuật lại sự việc để chém đầu. Không bao lâu cũng phế truất Càn Minh mà tự lên ngôi vua, chính là Hiếu Chiêu Đế. Sau ở Tính Châu, người xem vận khí tâu

rằng giữa vùng Nghiệp có vận khí Thiên tử. Bình Tần Vương Cao Quy Ngạn khuyên nên giết Càn Minh, liền xiềng chặt đem đến Tính Châu mà giết. Năm ấy Hiếu Chiêu nhiều lần trông thấy Văn Tuyên, gây ra những điều yêu quái, đến đòi con trai của mình. Bùa yểm cầu khấn đủ cách, cuối cùng không thể nào xua đuổi được mà chết.

11. Thời nhà Lương vùng Giang Lăng bị đánh chiếm, có người ở vùng Quan Nội bị Lương Nguyên Huy bắt làm tù binh, là một Sĩ đại phu họ Lưu, ở thành Nhật Tân nhưng quên mất tên gì. Trước kia người này đã từng gặp phai loạn hầu Cảnh, người trong nhà chết hết, chgỉ còn lại đứa con trai nhỏ năm ấy mới mấy tuổi, tự mình chăm sóc nuôi nâng, còn mang theo gông cùm giềng xích, gặp lúc tuyết rơi trơn trợt không thể nào tiến lên phía trước. Nguyên Huy bức bách khiến vứt bỏ đứa bé người họ Lưu luyến tiếc coi trọng lấy cái chết để cầu xin, lập tức cưỡng bức đoạt lấy đứa bé ném vào trong tuyết, gậy đánh tới tấp đằng sau ép buộc chân cà nhắc khiến phải đi. Người họ Lưu bèn từng bước quay đầu lại kêu gào tuyệt vọng, vất vả mệt nhọc vô cùng, lại vì bi thương chỉ mấy ngày mà chết. Sau khi chết, ngày ngày Nguyên Huy trông thấy người họ Lưu kéo tay đòi lại con mình. Vì vậy mắc bệnh, cho dù chính mình hướng về ân hận nhận lỗi, mà vẫn đến mãi không thôi. Nguyên Huy mang bệnh, về đến nhà mà chết.

12. Trần Vũ Đế là Trần Bá Tiên, đã hại Đại tư mã nhà Lương là Vương Tăng Biện, sau đó đánh dẹp các tướng. Thái thú vùng Nghĩa Hưng là Vi tải, con trai thứ 4 của Hoàng môn Lang Phóng, vì vương công mà cố thủ. Trần chủ nhiều lần sai tấn công bao vây nhưng không làm gì được. Sau tiếp tục chinh phạt, tìm cách khuyến dụ Vi Tải rằng: Đồng bọn thân thích của Vương công đều đã bị tiêu diệt, một khu thành đơn độc này có gì mà mong đợi, chống đỡ hơn nhau được chăng, nếu có thể chuyển sang đầu hàng thì không mất hết giàu sang đâu! Vi Tải đáp rằng: Binh sĩ đều biết đã vốn là Vương công, vì lẽ đó chống lại Đại quân thì trở thành thù địch, nay cũng kế thừa Vương Công Quốc chúa ra sức giữ vững Giang tả, tự giữ thành quách đến cùng chắc chắn không còn đường sống, nhưng dao nhọn đan nhau dày đặc sát thương quá đáng, binh lính phẫn nộ sợ không được toàn mạng, mẹ già ở quê càng sợ tai họa xảy ra, cho nên cố gắng kéo dài ngày tháng, chưa có thể bó tay mà thôi, nhất định phải có thề ước không dám làm phiền uy vũ thần thánh lâu ngày. Trần chủ bèn sai giết ngựa trắng để thề ước. Vi Tải liền mở cổng thành, Trần chủ cũng bày tỏ sự rộng lượng xác tín. Sau khi trở về Dương Đô, Trần chủ lên ngôi, phái Vi Tải theo quân tội đi đánh dẹp.

Bởi vì chậm chạp một lúc, mượn cớ trước đây thất vọng mà chém đầu. Lát sau ở tại Đại điện xem xét công việc, thì trông thấy Vi Tải xuất hiện, kinh hãi đứng dậy đi vào bên trong, dời đến ngồi trong điện Quang Nghiêm thì Vi Tải lại đi theo vào, quay lại hỏi tùy tùng, mọi người đều không hề thấy gì. Vì vậy mắc bệnh mà chết.

(Bốn chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

13. Trong Đường Vương Huyền Sách Hành Truyện nói: Pháp luật của nước Ma-già-đà, nếu người phạm tội, không sử dụng tra khảo đánh đập, chỉ dùng cái cân thần linh để cân. Cách cân người, lấy vật và người nặng nhẹ tương tự, đặt ở một đầu cái cân, người ở một đầu, hai đầu cái cân ngang bằng, thì lại làm một lá bùa, cũng dùng vật khác, cân biết sự nặng nhẹ ấy, liền lấy lá bùa dán trên đỉnh đầu người phạm tội. Dùng vật đã cân khác cọng thêm vật trước đó, nếu người vô tội thì cân ở đầu vật sẽ nặng, nếu người có tội thì cân ở đầu vật nhẹ hơn. Căn cứ vào sự nặng nhẹ này dùng thiện-ác mà xét định tội lỗi. Khoét mắt-cắt cổ tay, chặt tay, chặt chân, xét theo phạm nặng hay nhẹ, để tiến hành xử phạt tội lỗi của họ. Nếu những loại tội lỗi nhỏ như mắc nợ..., thì cũng xích hai chân để thực hiện đúng nghĩa phạt tội.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 92

Thiên thứ 92: LỢI HẠI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Hàm thức trong ba cõi tiếp nhận mạng sống bốn loại chúng sanh, duyên thuận theo sáu loại tình cảm kết thành nghiệp do bảy thức. Vì lửa dục thiêu đốt tâm tham khó thỏa mãn, mọi việc như sông trôi thớt giống như lửa giội. Bởi lẽ sóng dài mà bóng ngắn, sức mạnh vốn không thể giữ được. Điều khiển chuyến xe tháng ngày, anh hùng tài trí không ai có thể ngăn lại; trong đó uống đắng ăn độc, ôm mói đớn đau ngậm nỗi xót xa dằng dặc. Thân miệng bị mười kiết sử chi phối, do ý nghĩ mới làm thành tám vết, quan trọng nhất đều là vì ái trước, vợ con tài sắc trói buộc phía sau, khiến cho từ vô thỉ đến nay, luôn luôn nhận chịu tám nỗi khổ đau. Tự mình làm-bày cho người làm nối tiếp nhau không dứt, thấy điều thiện không ca ngợi- nghe việc ác liền vui theo, rừng cháy trụi-đầm khô cạn thỏa mãn hết sức. Cười đùa làm ác bỗng nhiên thành sai trái, khinh mạn hình tượng-xúc phạm đến chùa tháp, không kính trọng kinh điển-phá hòa hợp Tăng, tự quy định cân đong-bỏ thăng dấu khác, tâm thẹn dựa lý xin lỗi dối người thân. Tuy bảy thước trái với người ta- tấc vuông thuộc về mình, mà có thể tánh tình mông muội-do người không thay đổi. Buông thả tâm khẩu này mà tụ tập mọi tội lỗi, cùng nguyện cầu đạo- tục đều vận dụng lòng chí thành, gột rửa mọi tà tham-vĩnh viễn xa rời lửa dục, thân khẩu luôn thanh tịnh- đầy đủ tất cả hạnh nguyện, ba nghiệp chướng tiêu trừ – ba trí thông suốt sáng ngời, năm ánh mắt-sáu thần thông được tự tại như ý, năm Cái-sáu Trần kể từ nay vĩnh viễn không còn.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như luận Đại Trang Nghiêm nói: "Đức Phật dạy:Xưa Ta từng

nghe, có một Tỳ kheo, thành ấp thôn làng ở trong một nước tranh nhau cùng cúng dường. Người cùng xuất gia căm ghét ganh tỵ mà phỉ báng. Đệ tử của Tỳ kheo, nghe điều phỉ báng này, thưa với thầy mình rằng: Tỳ kheo ấy phỉ báng Hòa thượng. Lúc ấy Hòa thượng kia nghe lời này rồi, liền gọi người phỉ báng đến, lựa lời hỏi han chỉ dạy, lấy y mà cho. Những đệ tử đều thưa với thầy mình rằng: người phỉ báng kia là kẻ oán hận của chúng ta, tại sao Hòa thượng lại hỏi han chỉ dạy và cho y phục? Vị thầy đáp rằng: Người phỉ báng kia, có ân đối với Ta, thuận theo nên cúng dường. Liền nói kệ rằng:

Như mưa đá làm hại lúa mè,
Có người có thể ngăn chặn được,
Chủ ruộng lúa mè rất hoan hỷ,
Dùng tiền bạc lụa là đền đắp.
Người phỉ báng kia là thân thích,
Không thể gọi là kẻ oán thù,
Ngăn mưa đá lợi dưỡng giúp Ta,
Ta nên đền đáp ân đức ấy.
Giống như Đề-bà-đạt-đa kia,
Do mưa đá lợi dưỡng làm hại,
Bởi vì tham lam đắm theo nó,
Mà không còn mảy may thiện pháp.
Như dùng dây thô trói chặt lại,
Cắt da hủy hoại đến thịt xương,
Đoạn hết tủy não và tâm người,
Lợi dưỡng còn hơn cả dây thô.
Cắt đứt làn da của trì giới,
Có thể phá nát thịt thiền định,
Bẻ gãy bộ xương của trí tuệ,
Hủy diệt tâm tủy của diệu thiện.
Bởi vì tham lam theo lợi dưỡng,
Không thích nơi yên tĩnh vắng vẻ,
Tâm luôn luôn bám theo lợi dưỡng,
Ngày đêm chẳng bao giờ dừng lại.”

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Lúc bấy giờ vua A-xà-thế, hằng ngày chuyển đến cho Đề-bà-đạt-đa năm trăm nồi cơm, được lợi dưỡng rất nhiều. Các Tỳ kheo đều thưa với Đức Thế Tôn biết. Đức Phật dạy: Tỳ kheo từng ao ước có được lợi dưỡng như Đề-bà-đạt-đa. Liền thuyết kệ:

Ba Tiêu sinh đau khổ thật sự,
Tre trúc lau sậy cũng như vậy,
Cự hư mang thai nhất định chết,
La và lừa cũng lại như vậy,
Ngu tham lợi dưỡng làm hại mình,
Bị người có trí luôn giễu cợt.

Vì thế cho nên Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Lợi dưỡng chính là nỗi tai hại vô cùng, có thể gây ra chướng nạn, ngay cả La Hán cũng vì lợi dưỡng mà chướng nạn. Các Tỳ kheo thưa hỏi: Điều này có thể gây ra chướng nạn gì? Đức Phật dạy: Cái hại của lợi dưỡng, có thể phá da-phá thịt-phá xương-phá tủy, là phá da của giới thanh tịnh, là phá thịt của thiền định, là phá của trí tuệ, là phá tủy của thiện tâm vi diệu."

Còn trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có Bà-la-môn, tự cho mình hiểu biết nhiều, không có điều gì không thông hiểu rõ ràng, muốn biểu hiện phẩm đức của mình, liền đến nước khác, ôm đứa con mà khóc. Có người hỏi rằng: Tại sao ông khóc? Bà-la-môn nói: Nay đứa bé này bảy ngày nữa sẽ chết, thương cho nó chết yểu vì vậy mà khóc. Lúc ấy người ta nói rằng: Mạng người khó biết suy tính có lúc đúng sai, hoặc giả có thể không chết thì vì sao phải khóc? Bà-la-môn nói: mặt trăng mặt trời có thể tối đi, tinh tú có thể rơi xuống, sự ghi nhớ của tôi hoàn toàn không có gì sai lạc. Bởi vì danh lợi cho nên trước lúc đến bảy ngày, tự giết con của mình, để chứng minh lời mình nói. Lúc ấy những người thế gian sau bảy ngày, nghe tin đứa bé ấy chết thì tất cả đều khen rằng: Thật sự là người trí, lời đã nói không sai. Tâm sinh ra tin phục đều đến chào hỏi cung kính. Giống như 4 chúng đệ tử của Đức Phật, vì lợi dưỡng cho nên tự nói là mình đắc đạo, có người ngu si đối với pháp bèn giết chết đứa con thiện pháp, giả vờ hiện tướng đức hạnh Từ Bi, vì vậy khiến cho tương lai nhận chịu đau khổ vô cùng; như Bà-la-môn vì chứng minh lời của mình mà giết con làm mê hoặc thế gian."

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người, người vợ của người ấy đoan chánh, chỉ có điều là lỗ mũi rất xấu xí. Người chồng đi ra ngoài trông thấy những người phụ nữ khác, diện mạo đoan chánh mà chiếc mũi của họ rất đẹp, liền cắt chiếc mũi người ta mang trở về nhà, vội vàng gọi vợ mình: Nàng mau ra đây, tôi cho nàng chiếc mũi đẹp. Liền cắt chiếc mũi vợ mình, lấy chiếc mũi của người ta đắp vào. Đã không dính vào nhau, lại mất đi chếc mũi của vợ mình, chỉ làm cho vợ mình bị đau khổ vô cùng. Người ngu giữa thế gian lại cũng như vậy, nghe Sa môn kỳ cựu nơi khác có đức hạnh danh tiếng lớn lao, được mọi

người cung kính, có được nhiều lợi dưỡng, liền tự giả mạo danh xưng nói dối là có đức hạnh, đã mất đi lợi ích của mính mà lạo làm tổn thương phẩm hạnh người ấy; như cắt chiếc mũi của người khác chỉ tự mình làm thương tổn, người ngu giữa thế gian cũng lại như vậy."

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có người buôn, cho người khác mượn nửa quan tiền đã lâu không trả được, thế là đi đến lấy vợ. Trước mặt có con sông rộng, mướn người ta hai quan tiền sau đó mới qua sông được. Đến nhà người kia lấy nợ cuối cùng không gặp được, trở về lại phải qua sông, lại mướn hai quan tiền. Vì nửa quan tiền nợ mà mất đi bốn quan tiền, lại còn có sự mệt mỏi cần nghỉ nghơi vì đường sá cách trở. Món nợ rất ít mà mất đi rất nhiều, kết quả là bị mọi người cười nhạo mãi không thôi. Người đời cũng như vậy, cầu chút danh lợi làm cho Đại hạnh bị hủy hoại, tùy tiện tha thứ cho mình mà bất chấp lễ nghĩa, hiện tại nhận lấy tiếng xấu mà sau phải chịu quả báo khổ đau."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Có người thì giống như sư tử, có người thì giống như loài dê. Thế nào là người giống như sư tử? Đó là hoặc có người được cúng dường cơm ăn áo mặc..., thì tự mình ăn uống sử dụng không khởi tâm nhiễm trước; giả sử không có được lợi dưỡng, cũng không dấy niệm tán loạn, tâm không hề tăng giảm; giống như sư tử chúa ăn thịt loài vật bé nhỏ không sinh tâm nhiễm trước ngon dở. Thế nào là người như loài dê? Đó là giống như có người thọ nhận người ta cúng dường thì tự mình ăn uống sử dụng khởi tâm nhiễm trước, không biết gì ác đạo mà tự cao ngạo; giốn như trong đàn dê có một con dê rời khỏi đàn rồi đến nơi đống phân lớn, a9n no phân dơ rồi trở về giữa đàn dê, mà tự cao ngạo nói rằng: Tôi được ăn ngon, những con dê khác không có được. Vì vậy cho nên Tỳ kheo, hãy bắt chước sư tử chúa, đừng giống như con dê ăn phân."

Còn trong Kinh Tỳ Ni Mẫu nói: "Nếu có Tỳ kheo, đối với tốt-đối với xấu sinh tâm bình đẳng, thấy người khác có được lợi ích như mình đã có được thì sinh tâm tùy hỷ. Tỳ kheo như vậy có thể làm bậc thầy cho người thế gian. Lúc Ca Diếp đi vào thôn làng, không ngăn ngại-không ràng buộc-không chọn lấy; Người muốn có được lợi ích thì cầu lợi ích, người muốn có được phước thiện thì cầu phước thiện, như chính mình có được lợi ích, hoan hỷ lại cũng như nhau. Kệ nói rằng:

Như tay quay tròn giữa hư không,
Không ngăn ngại-không hề ràng buộc.
Nếu khéo léo đi vào thôn làng,

Lợi hay suy tâm luôn bình đẳng,
Đồng phạm hạnh cùng vào trong chúng,
Không sinh tâm ganh ghét lẫn nhau.
Nhà phạm hạnh cùng vào trong chúng,
Không sinh tâm ganh ghét lẫn nhau.
Nhà quen biết mà ông gần gũi,
Không phân biệt nơi chốn mới-cũ,
Người trước người sau luôn tùy hỷ,
Đó gọi là bậc thầy hành pháp."

Còn trong kinh Phật Tạng nói: "Này Xá-lợi-phất! Nay ông nhất tâm cố gắng lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông. Nếu có Tỳ kheo nhất Tâm hành đạo, ngàn ức Thiên thần đều cùng chung lòng, dùng các loại nhạc cụ muốn cùng nhau cúng dường. Này Xá-lợi-phất! Những người cúng dường Tỳ kheo tọa thiền không sánh bằng Thiên thần, vì vậy cho nên các ông đừng lo lắng suy nghĩ không được tự mình cúng dường! Lại nói: "Hoặc có Tỳ kheo, dựa vào pháp của Ta mà xuất gia thọ giới, ở trong pháp này chịu khó thực hành tinh tiến, tuy Thiên thần và mọi người không nghĩ đến, nhưng luôn luôn nhất tâm tinh tiến hành đạo, thì cuối cùng cũng không nghĩ đến cơm ăn áo mặc là những điều cần thiết. Vì sao như vậy? Bởi vì kho tàng phước thiện của Như Lai vô lượng vô biên khó mà cùng tận. Này Xá-lợi-phất! Giả sử tất cả người thế gian đều cùng nhau xuất gia tùy thuận giáo pháp thực hành, đối với tướng lông trắng trong trăm ngàn ức phần không hết được một phần. Này Xá-lợi-phất! Như Lai có vô lượng phước đức như vậy, nếu các Tỳ kheo đã có được đồ ăn thức uống, và những vật cần thiết muốn có được đều đầy đủ. Này Xá-lợi-phất! Vì vậy cho nên Tỳ kheo hãy nghĩ như vậy: Không nên đối với những vật cần thiết mà làm những pháp tà mạng xấu xa!"

Còn trong kinh Ca Diếp nói: "Lúc ấy năm trăm Tỳ kheo nói rằng: Chúng ta không luôn luôn tinh tiến, sợ rằng không thể nào tiêu được sự cúng dường của tín thí, cầu xin trở về với thế tục. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi khen ngợi rằng: Nếu không thể nào tiêu được cơm ăn của tín thí, thì thà rằng trong một ngày mấy trăm lần trở về với thế tục, chứ không nên một ngày phá giới mà nhận sự tín thí của người ta. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: Này người thiện nam! Nếu người có tu thiền giải thoát, thì Ta cho phép người ấy nhận cơm ăn của tin thí."

Còn trong kinh Tăng Hộ nói: "Lúc bấy giờ trong nước Xá vệ có năm trăm người buôn, cùng nhau lập lời thề rằng: Muốn đi vào biển

rộng. Những người buôn cùng nhau bàn tính cố tìm Pháp Sư trước khi đi vào biển rộng, lúc ấy nghe giảng pháp thuận lợi thì có thể qua lại được. Trong mọi người có một Trưởng giả, nói cho những người buôn biết: Tôi có vị Thầy tên gọi là Tăng Hộ, có thể thỉnh làm vị Thầy, biện tài nhiều trí tuệ, rất có năng lực thuyết pháp. Lúc ấy những người buôn đi đến nơi Tăng Hộ, cúi đầu làm lễ, thưa rằng: Chúng con sắp đi vào biển rộng, nay thỉnh Đại Đức làm vị Thấy thuyết pháp, chúng con nghe giảng pháp có thể qua lại được. Tăng Hộ đáp rằng: Có thể thưa với Hòa thượng Xá-lợi-phất. Những người buôn được chỉ dạy đi đến thưa thỉnh. Xá-lợi-phất nói: Có thể cùng nhau thưa hỏi Đức Phật. Lúc ấy Xá-lợi-phất và Tăng Hộ, dẫn những người buôn đi đến lễ lạy Đức Phật xong, thưa đầy đủ nguyên do. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết Tỳ kheo Tăng Hộ độ được nhiều chúng sanh, liền đồng ý. Lúc ấy những người buôn hoan hỷ nhảy lên, liền cùng với Tăng Hộ đi vào biện rộng. Chưa đến nơi chứa giữ vật báu, Long Vương nắm thuyền đừng lại, lúc ấy những người buôn vô cùng kinh sợ, quỳ xuống chắp tay mà ngửa mặt hỏi rằng: Là thần linh nào mà giữ thuyền đứng lại, nếu muốn điều gì thì nên hiện rõ thân hình! Lúc bấy giờ Long Vương nhiên hiện rõ thân hình. Lúc ấy những người buôn liền hỏi rằng: Muốn yêu cầu điều gì? Long Vương đáp rằng: Mang Tỳ kheo Tăng Hộ ấy cho Ta. Những người buôn trả lời rằng: Từ nơi Phật Thế Tôn và Xá-lợi-phất, mà thỉnh cầu dẫn chúng tôi đến đây, tại sao có thể đưa cho ông được? Long Vương đáp rằng: Nếu không đưa cho Ta thì Ta dìm chết tất cả các người. Lúc ấy những người buôn quả là rất kinh sợ, liền tự tư duy đã từng ở nơi Phật nghe kệ nói như vậy:

Vì bảo vệ một nhà, thà rằng bỏ một người,
Vì bảo vệ một thôn, thà rằng bỏ một nhà,
Vì bảo vệ một nước, thà rằng bỏ một thôn,
Vì bảo vệ thân mạng, thà rằng bỏ tài sản.

Lúc ấy những người buôn cúi xuống ngẩng lên mãi không thôi, dẫn Tỳ kheo Tăng Hộ giao cho Long Vương. Longn Vương hoan hỷ mang đến trong cung. Lúc bấy giờ Long Vương liền chọn 4 con rồng thông minh trí tuệ, làm đệ tử của Tăng Hộ- Long Vương thưa rằng: Tông giả giúp tôi dạy cho bốn con rồng này mỗi con một A-hàm, con rồng thứ nhất thì dạy cho Tăng Nhất A-hàm, con rồng thứ hai thì dạy cho Tung A Hàm, con rồng thứ ba thì dạy cho Tạ- A Hàm, con rồng thứ tư thì dạy cho Trường A-hàm. Tăng Hộ đáp rằng: Đồng ý như vậy. Tăng Hộ liền dạy cho, con rồng thứ nhất thì im lặng nghe nhận, con rồng thứ

hai thì mắt nhắm miệng tụng, con rồng thứ ba thì quay đầu nhìn lại mà nghe nhận, con rồng thứ tư thì đứng xa mà nghe nhận. Bốn con rồng này thông minh trí tuệ, ở trong sáu tháng thuộc lòng 4 kinh A-hàm, tiếp nhận vào trong lòng dạ tất cả không có gì sót lại. Lúc ấy Đại Long Vương đến nơi Tăng Hộ, vái quỳ hỏi thăm không có điều gì sầu muộn chăng? Tăng Hộ đáp rằng: Thật vô cùng sầu muộn. Long Vương hỏi rằng: Vì sao sầu muộn? Tăng Hộ đáp rằng: Thọ trì giáo pháp thì cần phải có phép tắc quy củ, những con rồng này đều còn trong loài súc sanh không có tâm giữ phép tắc quy củ, thọ trì tụng tập không đúng như Phật pháp! Long Vương thưa rằng: Đại Đức không nên nói lời trách móc những con rồng ấy, vì sao như vậy? Bởi vì bảo vệ thân mạng của Thầy cho nên tùy ý như vậy, những con rồng có bốn độc tố, không có thể thọ trì đọc tụng đúng như pháp. Tại vì sao? Bởi vì con rồng thứ nhất im lặng tiếp nhận, là vì âm thanh rất độc, cho nên không thể nào đúng như pháp. Nếu phát ra âm thanh thì chắc chắn hại đến thân mạng của Thấy, vì vậy im lặng àm tiếp nhận. Con rồng thứ hai nhắm mắt tiếp nhận, là vì mắt nhìn rất độc, cho nên không thể nào đúng như pháp. Nếu mắt nhìn vào Thầy thì chắc chắn hại đến thân mạng củ Thầy, vì vậy nhắm mắt mà tiếp nhận. Con rồng thứ ba quay đầu lại tiếp nhận, là vì hơi thở rất độc, cho nên không thể nào đúng như pháp. Nếu hơi thở phả vào Thầy thì chắc chắn hại đến thân mạng của Thầy, vì vậy quay đầu lại mà tiếp nhận. Con rồng thứ tư đứng xa tiếp nhận, là vì chạm vào rất độc, cho nên không thể nào đúng như pháp. Nếu thân chạm vào Thầy thì chắc chắn hại đến thân mạng của Thầy, vì vậy đứng xa mà tiếp nhận.

Lúc ấy những người buôn thu thập vật báu quay trở về, đến nơi mất vị Thầy, cùng nhau nói rằng: Chúng ta vào lúc trước đây mất Thầy ở tại đây, nay nếu trở về đến nơi Đức Phật, các Tôn giả Xá-lợi-phất-Mục-kiền-liên..., nếu hỏi chúng ta là Pháp Sư Tăng Hộ ở đâu, nên trả lời thế nào đây? Lúc bấy giờ Long Vương biết những người buôn trở về, liền mang Tăng Hộ đến giao lại cho những người buôn, nói với những người buôn rằng: Đây là Tỳ kheo Tăng Hộ, Thầy của các ông. Lúc ấy những người buôn nhảy lên hoan hỷ, được trở về bình an.

Lúc bấy giờ Tăng Hộ hỏi nghững người buôn rằng: Đường thủy và đường bộ nên đi theo đường nào? Những người buôn thưa rằng: Đường thủy rất xa phải trải qua sáu tháng, lương thực sắp hết không có thể đến được. Liền cùng nhau bàn tính kỹ càng nên đi theo đường bộ. Trú đêm ở giữa đường , Tăng Hộ nói với những người buôn rằng: Muốn trú đêm cách xa mọi người, mọi người vào đêm khuya cất cao tiếng gọi

tôi. Những người buôn vâng dạ cung kính. Tăng Hộ rời xa mọi người giữa đêm tối ngồi thiền, đến khuya ngủ say, những người buôn trong đêm khuya cất tiếng liên tục thay nhau gọi, Tăng Hộ không tỉnh giấc liền bỏ lại mà đi. Trời đêm sắp sáng gió mạnh mưa tuôn, Tăng Hộ mới tỉnh ngủ, cất tiếng gọi to, hoàn toàn không có ai trả lời, trong lòng nghĩ-ngoài miệng nói: Đây là lỗi lớn, bạn bỏ mình đi!

Lúc bấy giờ Tăng Hộ lạc mất bạn đường chỉ một mình ra đi, đường đi qua chưa xa thì che có tiếng kiền chùy, tìm theo âm thanh hướng đến chùa, giữa đường gặp một người, liền hỏi rằng: Vì nhân duyên gì mà tiếng kiền chùy phát ra? Người ấy đáp rằng: Đi vào phòng tắm gội. Tăng Hộ nghĩ rằng: Mình từ xa đến có thể đi vào nơi Tăng tắm rửa. Liền đi vào phòng Tăng trông thấy những người hình dạng giống như chúng Tăng, cùng đi vào phòng tắm. Thấy những vật dụng tắm gội-áo quần-bình lọ bằng đồ sành, phòng tắm toàn là lửa cháy. Bấy giờ Tăng chúng cùng vào phòng tắm, vào trong rồi lửa cháy, thịt da tiêu hết, xương như bấc đèn cháy khô. Tăng Hộ kinh sợ hỏi các Tỳ kheo: Ông là người ở đâu? Tỳ kheo đáp rằng: Người Diêm-phù-đề, vì tánh khó tin, ông đến nơi Đức Phật thì có thể hỏi Đức Phật. Liền kinh sợ bỏ chùa chạy trốn. Đường đi chưa xa, lại gặp một ngôi chùa, ngôi chùa ấy rộng lớn trang nghiêm, thật là vô cùng đẹp đẽ, cũng nghe tiếng kiền chùy, lại gặp Tỳ kheo, liền hỏi rằng: Vì sao mà đánh tiếng kiền chùy? Tỳ kheo đáp rằng: Chúng Tăng ăn cơm. Liền tự tư duy: Nay mình từ xa đến thật là đang đói mệt thiếu thôn, cũng cần phải ăn cơm. Đi vào phòng Tăng rồi, thấy Tăng hòa hợp quy tụ ăn cơm, đồ dùng bày ra toàn là lửa cháy, người và phòng ốc nhà cửa đều toàn là lửa cháy, như trước không khác. Tăng Hộ lại hỏi rằng: Ông là người nơi nào? Người ấy đáp rằng: Lại không khác gì trước. Tăng Hộ kinh sợ lai mau chóng bỏ đi. Đường đi chưa xa lại gặp một ngôi chùa, ngôi chùa ấy đẹp đẽ trang nghiêm lại không khác gì chùa trước. Đi vào phòng Tăng ngồi, lại thấy những Tỳ kheo ngồi trên giường lửa, cào cấu lẫn nhau, thịt rách hết gân lòi ra, xương tủy ngũ tạng cũng như bấc đèn cháy khô. Tăng Hộ hỏi rằng: Ông là người nơi nào? Tỳ kheo đáp rằng: Người cõi Diêm-phù-đề, vì tánh khó tin, ông đến nơi Đức Phật thì có thể thưa hỏi Đức Phật. Tăng Hộ kinh sợ lại lập tức bỏ đi. Đường đi chưa xa lại gặp một ngôi chùa, như vậy đi vào chùa, thấy những Tăng chúng cùng nhau ngồi mà ăn. Các Tỳ kheo nói: Nay ông đi ra ngoài. Tăng Hộ chần chứ chưa kịp đi ra ngoài, thấy trong bát của các Tỳ kheo chỉ là phân người nóng bỏng sôi trào ra ngoài. Lúc ấy các Tỳ kheo đều ăn nuốt tất cả, ăn rồi lửa cháy lên, cổ

họng ruột gan đều trở thành khói lửa, chảy xuống dưới đi thẳng ra ngoài. Trông thấy rồi kinh sợ lâi lập tức rời xa. Cách nơi ấy không xa lại thấy một ngôi chùa, ngôi chùa ấy đẹp đẽ trang nghiêm như chùa trước không khác. Liền đi vào phòng Tăng thấy các Tỳ kheo cầm chày sắt đánh đập lẫn nhau, phá nát như bụi đất. Thấy rồi kinh sợ lại tiếp tục lên đường. Cách nơi ấy không xa lại thấy một ngôi chùa, ngôi chùa ấy đẹp đẽ trang nghiêm cũng không khác gì chùa trước. Thế là tiến lên đi vào phòng Tăng, nghe tiếng kiền chùy, Tăng Hộ hỏi rằng: Vì sao đánh kiền chùy? Các Tỳ kheo đáp rằng: Sắp đến lúc uống nước ngọt. Tăng Hộ liền tự nghĩ rằng: Nay mình khát nước mệt mỏi cần phải uống chút nước ngọt. Liền đi vào trong chúng thấy những đồ dùng ăn uống-giường nằm bày ra đầy đủ, các Tỳ kheo cùng mắng nhiếc làm nhục lẫn nhau, trong những đồ dùng ăn uống chứa đầy nước đồng nóng chảy. Các Tỳ kheo đều chung nhau uống hết, uống xong lửa bốc cháy, cổ họng ruột gan đều trở thành than lửa, chảy xuống dưới thẳng ra ngoài. Thấy rồi kinh sợ lên đường mà rời xa. Cách nơi ấy không xa trông thấy một đống thịt lớn, nơi ấy ngọn lửa hừng hực, tiếng kêu gào đau đớn thảm thiết, khổ sở khó chịu đựng nổi. Thấy rồi kinh sợ tìm đường mà đi. Các nơi ấy không xa lại thấy một vùng rộng, như trước không khác. Lại tiếp tục tiến về phía trước trông thấy một chum thịt lớn, toàn là luỷa cháy, nấu luộc đau đớn mà chịu nổi, như trước không khác. Lại tiếp tục tiến về phía trước cũng thấy chum thịt, toàn là lửa cháy như trước không có gì khác. Lại tiếp tục tiến về phía trước cũng thấy chum chịt, toàn là lửa cháy, như trước không có gì khác. Lại tiếp tục tiến về phía trước thấy một bình thịt, ngọn lửa bốc cháy rừng rực, tiếng kêu gào đau khổ thảm thiết khó mà chịu nổi. Lại tiếp tục tiến về phía trước thấy một bình thịt, ngọn lửa bốc cháy rừng rực như trước không khác. Lại tiếp tục tiến về phía trước thấy dòng suối thịt rộng, ngọn lửa bốc cháy rừng rực, da ngoài nát rữa sôi sục tuôn ra, tiếng kêu gào đau khổ thảm thiết cũng không khác gì trước. Thấy rồi kinh sợ, lại tiếp tục đi về phía trước. Đường đi chưa xa lại thấy một chum thịt lớn, ngọn lửa bốc cháy rừng rực, khổ đau thảm thiết giống như trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một Tỳ kheo, tay cầm dao sắc mà tự cắt mũi mình, cắt rồi lại mọc, mọc rồi lại cắt, hết rồi lại bắt đầu, không có lúc nào dừng lại. Lại tiếp tục đi về phía trước, thấy một Tỳ kheo tay cầm cái rùi tự chặt thân mình, chặt rồi lại sống, như trước không khác. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một Tỳ kheo, đứng một mình trong dòng nước, miệng tự nói to rằng nước-nước không thôi, mà chịu khổ đau vô cùng. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một Tỳ

kheo, đứng trên gai sắt ở giữa vòng vây gai sắt, tiếng kêu gào khổ đau vô cùng cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một căn phòng thịt lớn, ngọn lửa cháy rừng rực, tiếng kêu gào khổ đau thê thảm cùng với trước không khác. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cây trụ thịt, hình dáng như chiếc ngà voi, ngọn lửa bốc cháy rừng rực, nhận chịu đau khổ như trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một con lạc đà, lửa cháy khắp thân thể, tiếng kêu gào khổ đau thê thảm cũng không khác trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một con ngựa, lửa cháy khắp thân thể, tiếng kêu gào khổ đau thê thảm cũng không khác trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một con voi trắng, lửa rừng rực đốt cháy thân thể, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một con lừa, lửa dữ đốt cháy thân thể, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một con dê đực, lửa dữ đốt cháy thân thể, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục tiến về phía trước thấy một bệ thịt, ngọn lửa lớn bốc cháy rừng rực, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một bệ thịt, như trước không khác. Lại tiếo tục đi về phía trước thấy một căn phòng thịt, lửa dữ đốt cháy thân hình, tiếng kêu gào khổ đau thê thảm cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một chiếc giường thịt, tiếng kêu gào khổ đau thê thảm cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một đống thịt, lửa ngùn ngụt đốt cháy thân hình, khổ đau cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cái cân bằng thịt, lửa đốt cháy duỗi ra co lại, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếo tục đi về phía trước thấy một cái móc bằng thịt, lửa đốt cháy dưỗi ra co vào, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một chiếc giường dây bằng thịt, lửa đốt cháy nhận chịu khổ đau, cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một bức tường bằng thịt, lửa đốt cháy lay động lắc lư, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếo tục đi về phía trước thấy một sợi dây bằng thịt, lửa đốt cháy nhận chịu đau khổ, cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một hố xí, phân dơ sôi sùng sục trào lên, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước htấy một chỗ ngồi cao, phía trên có Tỳ kheo ngồi ngay ngắn thâu nhiếp tâm ý, lửa dữ đốt cháy tiếng khổ đau kêu gào thê thảm như trước. Lại tiếp tục đi về phía trước, lại thấy một tòa cao, nhận chịu khổ đau đều như trên, cũng không khác gì trước. Lại tiếop tục đi về phía trước thấy cái kiền chùy bằng thịt, lửa đốt cháy tiếng khổ đau thê thảm cũng không khác gì trước. Lại tiếo tục đi về phía trước thấy một Hồ Kì Chi bằng thịt, Hồ gọi là Câu-tu-la, lửa dữ

đốt cháy thân nhận chịu khổ đau như trước. Lại tiếo tục đi về phía trước thấy một Câu-tu-la bằng thịt, nhận chịu đua khổ như trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một núi thịt lớn, lửa đốt cháy nát rữa hôi thối, tiếng kêu gào vang động, khổ đau không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy cây hoa Tu-mạn-na, lửa đốt cháy nhận chịu đau khổ cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước, lại thấy cây hoa Tu-mạn-na, lửa đốt cháy phát ra tiếng kêu gào cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cây hoa bằng thịt, lửa đốt cháy phát ra tiếng kêu gào, khổ đau cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy cây trái bằng thịt, lửa đốt cháy tiếng kêu gào khổ đau cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cây cột bằng thịt, lửa đốt cháy nhận chịu đau khổ cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cây cột bằng thịt, ngục tốt dùng rùi chặt, nhận chịu đau khổ như trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy một cây cột bằng thịt, lửa đốt cháy nhận chịu đau khổ cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy 14 cây bằng thịt, lửa đốt cháy nhận chịu đau khổ cũng không khác gì trước. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy hai Tỳ kheo, dùng gậy đánh nhau toạc đầu nứt não mủ chảy lai láng, hết rồi lại sống, hết lần này đến lần khác, đua khổ không dừng lại. Tỳ kheo Tăng Hộ rời ra tiếp tục đi về phía trước thấy hai Sa di, nằm ngủ ôm lấy nhau, lửa dữ đốt cháy thân hình, khổ đau không chấm dứt. Tỳ kheo tăng Hộ thấy rồi kinh sợ, hỏi Sa di rằng: Các ông là người nơi nào mà nhận chịu đau khổ như vậy? Sa di đáp rằng: Người Diêm-phù-đề nhận lấy tánh khó tin, Thầy đến nơi Đức Thế Tôn thì có thể thưa hỏi Đức Phật. Thấy rồi kinh sợ, lại tiếp tục đi về phía trước, trên đường đi từ xa trông thấy cây rừng tươi tốt thật là thích nên đi đến nơi ấy. Đi vào rừng thấy năm trăm người Tiên đi lại chỉ có trong khu rừng, người Tiên thấy Tỳ kheo Tăng Hộ liền nhanh chóng tản ra tránh xa, cùng nói với nhau rằng: Đệ tử của Thích Ca làm bẩn khu vườn của chúng ta. Tỳ kheo Tăng Hộ đi theo người Tiên mượn nhờ một tán cây, ở lại đó một đêm, sáng sẽ đi sớm. Thượng tọa thứ nhất trong những người Tiên, thật có lòng Từ Bi, bảo những vị Tiên nhỏ, nhường tán cây cho Sa môn mượn. Tăng Hộ đã có được một tán cây, ở dưới tán cây đó trải tọa cụ ra, ngồi kiết già thiền định. Vào đầu nữa đêm điều phục diệt trừ năm cái, giữa đêm ngủ nghỉ, cuối đêm ngồi ngay ngắn, cao giọng phát ra kệ tán. Lúc ấy những người Tiên nghe tiếng kệ tán phát ra, thức tỉnh hiểu được tánh Không chứng đến quả Bất hoàn, thấy pháp hoan hỷ, đến nơi Sa môn cúi đầu làm lễ, thỉnh cầu Sa môn xin thọ ba pháp quy y, mong muốn được

xuất gia ở trong Phật pháp. Lúc bấy giờ Tỳ kheo Tăng Hộ liền độ cho người Tiên, đúng như pháp xuất gia, dạy cho pháp tu thiền, không bao lâu đạt được Định chứng quả La Hán, như rừng Chiên đàn tự nhiên vây tròn với nhau, Tỳ kheo đắc đạo lấy Thánh Hiền làm chúng.

Lúc bấy giờ Tỳ kheo Tăng Hộ và các đệ tử, cùng đi đến tinh xá Kỳ Hoàn, đến nơi trú xứ của Đức Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài, rồi lùi lại đứng về một phía. Bấy giờ Đức Thế Tôn thăm hỏi các Tỳ kheo: Các ông đi đường không vất vả mệt mỏi chứ, khất thực được thuận tiện hay không? Bấy giờ Tăng Hộ thưa với Đức Phật rằng: Chúng con đi đường không vất vả mệt nhọc gì lắm, khất thực được thuận tiện không có gì vất vả mệt nhọc, được gặp Đức Thế Tôn là phước đức đầy đủ lám rồi. Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng. Tỳ kheo Tăng Hộ ở giữa đại chúng, cao giọng nói to về những duyên địa ngục đã thấy trước đây. Đức Phật bảo với Tăng Hộ: Trước đây ông đã thấy nhà tắm của Tỳ kheo, đó không phải là nhà tắm, mà chính là người địa ngục. Những tội nhân này ở thời Phật Ca Diếp, là Tỳ kheo xuất gia không theo đúng giới luật, thuận theo tình ý ngu si của mình, lấy đồ dùng tắm gội và các vật dụng của tăng, tùy ý mà sử dụng, Tỳ kheo trì luật thường dạy cho phép tắc quy củ, nhưng không thuận theo lời dạy bảo ấy, từ khi Phật Ca Diếp nhập Niết bàn đến nay, nhậnc chịu khổ đau chốn địa ngục, cho đến bấy giờ vẫn không dứt. Đức Phật bảo với Tăng Hộ: Chùa thứ nhất ông gặp, không phải là chùa Tăng, cũng không phải là Tỳ kheo, mà đều là người địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, năm đức không đầy đủ, vật của Tứ phương Tăng không đánh kiền chủy báo hiệu cho chúng mà cùng im lặng sử dụng. Vì nhân duyên này mà nhận chịu giường lửa khổ đau, cho đến bây giờ vẫn không dứt.

Chùa thứ hai cũng không phải là chùa Tăng, mà chính là người địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia không có đủ năm đức, thấy có những đàn việt xây dựng chùa miếu, cung cấp 4 nhu cầu dồi dào đầy đủ. Lúc đàn việt mới phát tâm xây dựng chùa chiền, ý cần phải đánh kiền chùy để làm lợi ích rộng rãi, những Tỳ kheo này không đánh kiền chùy báo hiệu, mà lặng lẽ thọ dụng, có Tỳ kheo là khách xa đến không được ăn uống, lại ôm bát không quay về. Vì nhân duyên này, nhận chịu giường lửa khổ đau, cào cấu lẫn nhau làm cho gân thịt tiêu tan tất cả, xương như bấc đèn cháy khô, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Chùa thứ ba không phải là chùa Tăng, mà chính là người địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, lười nhác ở chung với nhau, cùng nói với nhau rằng: Chúng ta bây giờ, có thể cùng nhau thỉnh một

Tỳ kheo trì luật, cùng làm pháp sự, có thể được hư pháp. Thế là cùng nhau tìm kiếm một Tỳ kheo phạm hạnh thanh tịnh, cùng cư trú nuôi cho ăn ở. Tỳ kheo phạm hạnh thanh tịnh này lại tiếp tục tìm kiếm Tỳ kheo cùng trang lứa. Lúc ấy người phạm hạnh thanh tịnh ngày càng tăng thêm nhiều hơn. Tỳ kheo lười nhác trước kia liền bị đuổi đi, khiến phải ra khỏi chùa. Lúc ấy những người phá giới ở trong đêm tối, lấy lửa đốt chùa, tiêu diệt các Tỳ kheo. Vì nhân duyên này, tay cầm chày sắt đánh đập tiêu diệt lẫn nhau, nhận chịu khổ não vô cùng, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Chùa thứ tư không phải là chùa Tăng, mà cũng chính là địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, thường trú trong chùa, có những đàn việt cúng dường vật dụng ăn uống cho tăng, thuận theo hiện tiền Tăng mà phân chia. Lúc ấy có khách Tăng từ xa đến, Tỳ kheo cư trú đã lâu, vì tâm bủn xỉn, cho nên đợi khách Tăng đi rồi, sau đó mới phân chia vật dụng, chưa kịp đem ra phân chia, thì sâu bọ sinh ra làm cho thối rữa, phải vứt bỏ ra ngoài. Vì nhân duyên này, vào trong địa ngục, ăn nuốt toàn phân dơ rác rưởi, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Chùa thứ năm không phải là chùa Tăng, mà chính là người địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, đến trong bữa cơm trưa không ăn đúng như pháp, dùng lời thô ác mắng nhiếc lẫn nhau. Vì nhân duyên này, nhận chịu khổ đau của giường sắt cháy bỏng, trong các đồ dùng ăn uống lửa sôi sùng sục chảy tràn ra, thịt gân tiêu hủy hết, xương như bấc đèn cháy khô, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Chùa thứ sáu không phải là chùa Tăng, mà chính là người địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, không đánh kiền chùy báo hiệu, lặng lẽ cùng nhau uống nước của ngọt của chúng tăng, sợ Tăng nơi khác đến. Vì nhân duyên keo kiệt, cho nên vào địa ngục uống nước đồng sôi, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với Tỳ kheo Tăng Hộ: Ông thấy địa ngục thứ nhất ấy, thời Phật Ca Diếp, đều là người xuất gia, vì trồng các loại riêng tư của mình trong ruộng đất của chúng Tăng, không đền trả giá trị cho Tăng mà nhận chịu quả báo địa ngục cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Địa ngục thứ hai, thời Phật Ca Diếp, đều là người bạch y, gieo trồng ở trong ruộng đất của Tăng mà không đền trả giá trị của Tăng cho nên nhận chịu quả báo địa ngục, làm đống thịt lớn chịu những nỗi khỗ não, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cái chum bằng thịt thứ nhất, đó chính là tội nhân. Thời Phật Ca Diếp, là Thượng tọa trong chúng Tăng mà không thể nào ngồi thiền, không biết gì giới luật, ăn no ngủ kỹ, chỉ giỏi bàn luận những

điều vô ích, những thức cúng dường ngon lành tự mình ăn uống sử dụng trước. Vì nhân duyên này vào trong địa ngục làm cái chum to lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Cái chum thứ hai, chính là người xuất gia, làm công việc bếp núc cho Tăng, những thức cúng dường mềm mại ngon lành, tự mình ăn uống sử dụng trước, thức thô chát dở dang lại mang cho Tăng sử dụng. Vì vậy làm cái chum bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Cái chum thứ ba, là người thanh tịnh trong Tăng lúc làm đồ ăn thức uống, những thức ngon lành tốt đẹp tự mình thưởng thức sử dụng trước, hoặc đem cho vợ con, những thức thô chát dở dang mới mang cho Tăng sử dụng. Vì nhân duyên này, làm cái chum lớn bằng thịt ở trong địa ngục, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tỳ kheo Tăng Hội: Ông thấy cái bình bằng thịt thứ nhất, đó không phải là cái bình, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là người xuất gia làm công việc bếp núc cho Tăng, thức nên ăn buổi sáng thì giữ lại cho đến ngày hôm sau, thức ăn ngày hôm sau giữa lại cho đến ngày hôm thứ ba. Vì nhân duyên này vào trong địa ngục làm cái bình lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Cái bình thứ hai, là người xuất gia, có những đàn việt chuyển đến giao cho bình sữa đặc, cúng dường chúng Tăng hiện tiền, người nào cũng phải có phần. Người này đang làm việc, thấy có khách Tăng đến cất giấu ở đằng sau, khách Tăng đi rồi sau đó mới phân chia. Vì nhân duyên này, vào trong địa ngục làm cái bình lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy người đứng giữa dòng nước ấy, vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này lấy nước cho Tăng, thấy Tăng sử dụng nước quá nhiều, liền tự ý để phân phát, tức là cai quản số nước đó, còn lại không cung cấp. Vì nhân duyên này, vào trong địa ngục đứng một mình giữa dòng nước mà nói to nước nước, nhận chịu khổ báo như vậy cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cái chum lớn bằng thịt ấy, vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này trông coi rau quả cho Tăng, loại nào thơm ngon tốt lành thì tự mình ăn uống sử dụng trước, quả chua rau chát sau đó mới đem cho Tăng; hoặc tùy ý lần lượt chọn loại tốt đưa cho. Bởi vì không bình đẳng cho nên vào trong địa ngục làm cái chum lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy người dùng dao cắt mũi ấy, vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này ở nơi thanh tịnh của Phật-tăng khạc nhổ bừa lãi làm dơ bẩn đất Phật-đất Tăng. Vì vậy vào trong địa ngục dùng dao cắt mũi mình, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy Tỳ kheo tay cầm rìu sắc tự chặt lưỡi mình, đó là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là Sa di xuất gia, đang phân chia đường phèn cho Tăng chặt làm mấy đoạn, ở lưỡi rùi có dính một chút đường phèn, Sa di liếm nuốt vào cổ. Vì vậy nhận chịu khổ báo chặt lưỡi, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tỳ kheo Tăng Hộ: Ông thấy dòng suối ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là Sa di xuất gia, làm mật cho Tăng, tự mình thưởng thức sử dụng trước, còn thừa lại sau mới đem cho Tăng, giảm bớt không đầy khớp. Vì vậy vào trong địa ngục làm dòng suối lớn bằng thịt, nhận chịu khổ não vô cùng bởi báo ứng lửa đốt cháy nát sữa sôi sục, bây giờ còn chưa dứt.

Ông thấy Tỳ kheo đứng trên gai nhọn bằng sắt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này dùng lời thô ác chê bai mắng nhiếc các Tỳ kheo. Vì vậy vào trong địa ngục đứng trên gai nhọn bằng sắt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy căn phòng bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này không đủ năm đức, làm công việc bếp núc cho Tăng, thức gì ngon lành béo bổ thì tự mình ăn uống sử dụng trước, hoặc đem cho hàng bạch y, dùng thức ăn còn thừa lại mang cho chúng Tăng. Vì vậy nhận chịu khổ báo địa ngục, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây cột bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này, ở trước tường vách của thường trú Tăng trong chùa, tùy tiện dựng lên những cây cột, không làm việc của Tăng, mà treo y bát của mình. Vì vậy vào địa ngục làm cây cột lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hội: Ông thấy con lạc đà thứ nhất ấy, là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này là hàng Thượng tọa trong chùa, nhận tăng thêm phần ăn, có lúc được phần ăn của một người-hai người. Tỳ kheo trì luật đúng như pháp giảng dạy, pháp của hàng Thượng tọa không thích hợp như vậy. Lúc ấy Tỳ kheo lớn tuổi trả lời Luật Sư rằng: Ông không biết gì cả, tiếng nói

như lạc đà, tôi ở trong chúng thân làm Thượng tọa, chú nguyện thuyết pháp, có lúc làm kệ tán, tính theo công lao nên có được, tại sao các ông luôn luôn tức giận trách móc tôi? Vì nhân duyên này vào trong địa ngục thọ thân lạc đà, nhận chịu khổ báo kêu gào bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy con ngựa ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, làm người thanh tịnh trong Tăng, sử dụng đồ vật cúng dường, ăn uống vượt quá giới hạn, hoặc đem cho quyến thuộc. Hàng bạch y có hiểu hiết, và các Tỳ kheo, trách mắng nói cho biết rặng: Ông không nên như vậy. Người ấy dùng lời thô ác trách mắng các Tỳ kheo: Các ông giống như ngựa thường ăn không no, tôi vì Tăng làm việc thật vô cùng vất vả mệt nhọc, công lao nhiều nên có được. Vì vậy vào địa ngục thọ thân làm ngựa, nhận chịu khổ báo nặng nề bị lửa đốt cháy thân thể, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy con voi ấy, chính la người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này làm công việc bếp núc cho Tăng, những người đàn việt mang các thức cúng dường đến chùa giúp đỡ cho Tăng, hoặc sau bữa ăn đàn việt thưa rằng: Đại Đức có thể đánh kiền chùy tập trung Tăng chúng phân chia thức ăn! Tỳ kheo dùng lời thô ác trả lời hàng bạch y rằng: Các Tỳ kheo đều giống như voi trắng, ăn không no đâu, trước đây ăn đã xong thì để lại ngày hôm sau. Vì vậy vào địa ngục thọ thân voi trắng, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy con lừa ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia làm công việc bếp núc cho Tăng, năm đức không đầy đủ, phân chia đồ ăn thức uống cho Tăng luôn lôn tự mình nhận thêm phần của hai-ba người. Tỳ kheo trì luật đúng như pháp trách mắng. Người này trả lời rằng: Tôi đảm nhận bếp núc cho Tăng và trông coi vườn tược rau quả, việc của Tăng thường vất vả, thật vô cùng mệt nhọc, Tỳ kheo các ông không biết ân tôi, hình dạng tựa như con lừa, chỉ nuôi một thân sao không im lặng! Vì vậy vào địa ngục làm thân con lừa nhận chịu khổ báo, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy con dê đực ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này làm chủ chùa Tăng, cai quản ruộng đất trong ngoài, kiểm tra tính toán không gọi đệ tử là các Tỳ kheo trẻ tuổi, không đánh kiền chùy báo hiệu đúng như pháp. Các Luật Sư đều thưa rằng: Chủ chùa sao không đúng lúc gõ kiền chùy tập trung Tỳ kheo Tăng? Chủ chùa đáp rằng: Tôi cai quản lo liệu cho Tăng thật vô cùng

vất vả mệt nhọc, Tỳ kheo các ông giống như con dê đực ăn uống mà tồn tại, sao không tự mình đánh? Vì vậy vào địa ngục thọ thân con dê đực, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy đau thương vô cùng, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hộ: Ông thấy cái bệ bằng thịt ấy, thật sự không phải là cái bệ bằng thịt, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người xuất gia này cai quản dụng cụ bày trải trong Tăng phòng ấy, đóng cửa Tăng phòng, mang chìa khóa cửa Tăng phòng đi dạo chơi bốn phương. Chúng Tăng về sau không có được dụng cụ bày trải và những phòng ốc sinh hoạt. Vì nhân duyên này cho nên vào trong địa ngục làm cái bệ lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cái bệ lớn bằng thịt thứ hai, đó chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia làm chủ chùa Tăng, chọn phòng ốc tốt đẹp mà tự mình tiếp nhận sử dụng, và dành cho những người quen biết, không y theo giới luật tùy thuận thứ tư mà phân chia phòng ốc. Vì không bình đẳng cho nên vào trong địa ngục, làm cái bệ lớn bằng thịt nhận chịu khổ báo vô cùng, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy căn phòng bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia ở trong phòng Tăng, cho là mình có suốt đời không dời chuyển, không y theo giới luật để lần lượt phân chia phòng ở. Vì vậy vào địa ngục làm căn phòng lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa dốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy chiếc giường dây bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, giữ lấy chiếc giường dây của Tăng không y theo giới luật, như vật của chính mình có để lần lượt phân chia sử dụng. Vì vậy vào địa ngục làm chiếc giường dây lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy chiếc dây thứ hai, đó chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, phá hoại dây của Tăng, tự mình dùng lửa đốt cháy. Vì vậy vào địa ngục, làm chiếc giường dây lớn bằng thịt chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy đồ dùng bày trải ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, sử dụng đồ dùng bày trải của Tăng, giống như vật của chính mình có, dùng chân đạp lên không y theo giới luật. Vì vậy vào địa ngục làm đồ dùng bày trải bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy duỗi ra co vào thật thê thảm, cho đến bây giờ vẫn

chưa dứt.

Ông thấy cái móc bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, lấy đồ vật của Tăng giữ chặt như vậy của chính mình có, không y theo giới luật, hoặc sử dụng mà phá hoại. Vì vậy vào địa ngục làm cái móc bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy chiếc giường dây ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, cậy thế lực của ma, tỏ ra tựa như đức hạnh bậc Thánh, hốn chúng đệ tử dùng tôn thanh tịnh cung kính ca ngợi. Lúc ấy Tỳ kheo kia mặc nhiên tiếp nhận sự ca ngợi-cúng dường giường dây tốt đẹp và những đồ ăn tức uống ngon lành, khởi lên tâm cho mình như bậc Thánh mà thọ nhận. Vì vậy vào địa ngục làm chiếc giường dây bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy bức tường bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trên bức tường của chúng Tăng mà tùy tiện đóng cột phá tường, để treo móc y bát của mình. Vì vậy vào địa ngục làm bức tường lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy sợi thừng bằng thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, nắm giữ dây thừng của chúng Tăng mà sử dụng riêng cho mình. Vì vậy vào địa ngục làm sợi thừng lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy hố xí ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm Tỳ kheo ở trong chùa, đại tiện-tiểu tiện bừa bãi trong đất thanh tịnh của Phật-tăng, chứ không chọn nơi chốn thích hợp. Tỳ kheo trì luật đúng như pháp trách mắng, người kia không tiếp nhận sự dạy dỗ, trái lại đem mùi phân hôi thối dơ bẩn xông nơi chỗ của các chúng Tăng. Vì vậy vào địa ngục, làm hố xí bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy Pháp sư trên toà cao ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, không hiểu rõ Luật tạng, trọng giới nói là khinh giới, khinh giới nói là trọng giới; người có căn nói là không có căn, người không có căn nói là có căn; người nên sám hối thì nói là không sám, người không đúng lúc sám hối thì cưỡng ép nói phải sám hối. Vì vậy vào địa ngục, ngồi trên tòa cao nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy Pháp sư trên tòa cao thứ hai ấy, chính là người địa ngục.

Vào thời Phật Ca Diếp , người này là Đại Pháp sư thuyết pháp vì tà mạng, có được lợi dưỡng thì đúng như lý mà thuyết, lúc không có lợi dưỡng thì pháp mà nói là phi pháp, phi pháp lại nói là pháp. Vì vậy vào địa ngục, ở trên tòa cao bằng sắt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cái kiền chùy bằng thịt phát ra tiếng kêu gào ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, dùng vật của Tam bảo không đúng pháp mà đánh kiền chùy giả làm pháp Yết-ma, nắm giữ đồ vật của Tam bảo để tự mình được sử dụng. Vì vậy vào địa ngục, làm cái kiền chùy bằng thịt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy Câu-tu-la ấy, thật sự không phải là Kì Chi, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm chủ chùa Tăng, lấy đồ ăn trong bếp của Tăng đem bán có được đồ vật, sử dụng làm ra áo quần, chặn mất sự cúng dường của Tăng. Vì vậy vào địa ngục, làm Kì Chi bằng thịt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.'Ông thấy Câu-tu-la thứ hai ấy, thật sự không phải là Kì Chi, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm Duy na phân chia vật dụng trong chùa Tăng, lấy vật phân cho mùa Xuân chuyển đến phân cho mùa Hạ, áo quần vật dụng nên phân cho mùa Hạ lại đợi đến mùa Đông mới phân chia. Vì vậy vào địa ngục, làm Câu-tu-la bằng thịt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy núi thịt ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm nơi chuẩn mực cho Tăng mà không đủ năm đức, có chút uy thế trộm lấy vật của chúng Tăng, chặn mất mọi thứ và áo quần của Tăng. Vì vậy vào địa ngục, làm núi lớn bằng thịt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hộ: Ông thấy cây Tu-man-na thứ nhất, thật sự không phải là cây, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm người trông coi trong chùa, bốn chúng đệ tử và những đàn việt rải hoa Tu-mạn-na cúng dường Đức Phật. Hoa đã khô rồi Tỳ kheo quét gom lại, lấy bán đem dử dụng cho mình. Vì vậy vào địa ngục, làm cây Tu-man-na, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây hoa Tu-mạn-na thứ hai ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trông coi cây trồng trong chùa để cúng dường, bốn chúng đệ tử và các đàn việt lấy dầu của hoa

Tu-mạn-na dùng để cúng dường Đức Phật, Tỳ kheo lấy bớt để sử dụng cho riêng mình. Vì vậy vào địa ngục, làm cây Tu-mạn-na to lớn, nậhn chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây hoa ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trông coi rau quả cho Tăng, trong vườn có hoa quả tốt lành lấy sử dụng riêng cho mình, hoặc đem cho bạch y thân thiết. Vì vậy vào địa ngục, làm cây hoa to lớn nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây trái ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trông coi rau quả cho Tăng, quả nào thơm ngọt ngon lành thì ăn uống sử dụng riêng một mình, hoặc đem cho bạch y thân thiết. Vì vậy vào địa ngục, làm cây trái bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy một cây bằng thịt, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trông coi củi gỗ cho Tăng, lấy củi gỗ chúng Tăng mang vào trong phòng mình, một mình đốt lửa sử dụng, hoặc đem cho bạch y quen biết. Vì vậy vào địa ngục, làm cây lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hộ: Ông thấy cây cột thứ nhất ây, thật sự không phải là cây cột, mà chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, thường trú trong chùa, phá cột trụ trong chùa để sử dụng riêng cho mình. Vì vậy vào địa ngục, làm cây cột lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây cột thứ hai ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là người bạch y, dùng dao dạo lấy vàng ở trên pho tượng. Vì vậy vào địa ngục, làm cây cột lớn bằng thịt, ngục tốt cầm rùi chặt vào thân, nhận chịu khổ báo bị lửa dữ đốt cháy thân hình, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây cột thứ ba ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, trông coi mọi việc cho Tăng, dùng cột chống xà nhà của Tăng tùy tiện đem cho bạch y. vì vậy vào địa ngục, làm cây cột lớn bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt thân, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây thứ tư ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, làm người đứng đầu đại chúng mà không đủ năm đức, quyết đoán sự việc cho Tăng tùy theo yêu-ghét-sợ hãi-ngu si, quyết định sự việc không công bằng. Vì vậy vào địa ngục, làm bốn cây

bằng thịt, nhận chịu khổ báo bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây thứ năm ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia, thường trú trong chùa không y theo giới luật, phân chia những đồ dùng trải bày tốt đẹp thì tự mình lấy, hoặc tùy theo sự sai biệt về yêu-giận-tốt-xấu, ở trong Phật pháp có vô số Tỳ kheo cần phải thuận theo thứ tự mà giúp đỡ, nhưng chỉ dùng tâm bất bình đẳng để phân biệt đối xử. Vì nhân duyên này cho nên 14 người ấy đọa vào trong địa ngục, làm cây to lớn bằng thịt nhận chịu khổ báo bị lửa đốt thân, cho đến bấy giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy hai Tỳ kheo ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là người xuất gia, ở trong đại chúng tranh đấu rồi đánh đấm lẫn nhau. Vì vậy vào địa ngục, nhận chịu khổ báo đánh đập lẫn nhau và bị lửa dữ đốt cháy thân hình, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Ông thấy hai Sa di ấy, chính là người địa ngục. Vào thời Phật Ca Diếp, là người xuất gia, cùng chung chăn đệm ôm nhau nằm ngủ. Vì vậy vào địa ngục, nhận chịu khổ báo ôm nhau trong chăn đệm bị lửa đốt cháy, cho đến bây giờ vẫn chưa dứt.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, lại bảo với Tăng Hộ: Vì nhân duyên này, nay Ta nói cho ông biết, ở trong địa ngục thì người xuất gia rất nhiều, người bạch y ắt thấy, tại sao như vậy? Bởi vì chúng xuất gia phần nhiều thích phạm giới, không thuận theo Tỳ Ni, là dối xạm phạm lẫn nhau, riêng mình sử dụng đồ vật của Tăng; hoặc phân chia đồ ăn thức uống, không có thể bình đẳng được. Vì vậy cho nên nay Ta lại tiếp tục nói cho ông biết; Nếu cố gắng trì giới luôn luôn tôn trọng vâng mạng thực hành! Những tội này ở trong thời kiếp quá khứ, xuất gia mà phá giới, tuy không tinh tiến nhưng bốn chúng đệ tử-đàn việt thấy các Tỳ kheo oai nghi tựa như Tăng, vì cung kính Tăng Bảo cho nên cúng dường bốn nhu cầu đầy đủ, do đó còn có thể khiến cho cảm được quả báo to lớn, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Nếu một Tỳ kheo luôn luôn đối với Tỳ Ni trong già lam Tăng đúng như pháp hành đạo, y theo thời gian đánh kiền chùy báo hiệu; nếu cúng dường người này thì cảm được phương vô lượng, nói không thể nào hết được, huống là cúng dường đối với chúng Tăng bốn phương ư?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hộ: Nếu người xuất gia quản lý sự nghiệp của Tăng thì khó trì giới thanh tịnh, là các Tỳ kheo lúc mới xuất gia. Tâm vui vẻ trì giới thanh tịnh mong cầu Niết bàn, bốn chúng đệ tử-đàn việt cúng dường, những Tỳ kheo này thuận theo

thọ nhận cúng dường, kiên quyết tri giới thanh tịnh, sau không phát sinh ưu não. Ngài bèn thuyết kệ rằng:

Trì giới là niềm vui bậc nhất,
Thân không nhận chịu những khổ đau,
Giấc ngủ luôn luôn được yên lành,
Tỉnh giấc thì tâm tư hoan hỷ.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo với Tăng Hộ: Có chín loại người, thường ở trong địa ngục A tỳ. Những gì là chín loại? Đó là: 1- Ăn vật dụng của chúng Tăng; 2- Ăn vật dụng của Phật; 3- Giết cha; 4- Giết mẹ; 5- Giết A-la-hán; 6- Phá hòa hợp Tăng; 7- Phá tịnh giới của Tỳ kheo; 8- Phạm vào giới hạnh thanh tịnh của Ni; 9- Làm hạng Nhất xiển đề. Đây là chín loại người luôn luôn ở địa ngục. Lại có năm loại người, thọ báo ở hai nơi, một là địa ngục- hai là ngạ quỷ. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Chặn bớt vật cúng dường chúng Tăng; 2- Chặn bớt thức ăn cúng dường của Tăng; 3- Trộm cướp vật cúng dường của Tăng; 4- Đáng có được luôn luôn làm cho không có được; 5- Pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp. Đây là năm loại thọ báo ở hai nơi, nghiệp còn lại chưa hết, thì thọ báo trong năm đường. Ngài bèn thuyết kệ rằng:

Làm điều ác cảm báo địa ngục,
Làm việc thiện được vui cõi trời,
Nếu có năng lực tu định không,
Phiền não hết chứng quả La Hán.
Hoan hỷ nhận người khác cúng dường,
Ba y luôn trong lòng biết đủ,
Ba nghiệp Định-Tuệ-Tu thành tựu,
An lạc ở giữa chốn núi-hang.
Thà rằng ăn viên sắt nóng đỏ,
Cháy khô như ngọn lửa bốc cao,
Phá giới không thể nào thọ nhận,
Cơm ăn của đàn việt tín tâm.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, thuyết về nhân duyên xong, lúc ấy bốn bộ chúng thảy đều hoan hỷ vâng lời thực hành.

Nhà tắm và sáu chùa đi qua,
Hai nơi toàn bộ có ba chum,
Hai bình và suối thịt tràn ra,
Một chum thịt-cầm dao cắt mũi.
Chặt đứt lưỡi-đứng giữa dòng nước,
Đứng trên gai-phòng thịt-cột thịt,

Lạc đà-ngựa-voi trắng và lừa,
Dê đực và hai bệ bằng thịt,
Phòng thịt-hai giường dây bằng thịt,
Cân bằng thịt và móc bằng thịt,
Giương-tường và dây thừng bằng thịt,
Hố phân cùng với hai tòa cao,
Kiền chùy-hai Câu-tu-la - núi,
Hai cây Tu-mạn-na bằng thịt,
Hoa-quả và một cây bằng thịt,
Một cây và ba trụ bằng thịt,
Hai cặp gồm có mười bốn cây,
Hai Tỳ kheo và hai Sa di,
Tổng cộng có năm mươi sáu loại,
Thuyết về pháp nhân duyên vốn có.”

Tụng rằng:

Ngu phu tham lợi dưỡng thế gian,
Tục sĩ trọng danh tiếng phù du,
Ba không đã khó mà biện giải,
Tóm Phong luôn dễ dàng xô ngã,
Vật và mình vốn có tánh không,
Sắc và tâm vẫn tự trói buộc,
Tuổi trẻ luôn yêu thích hoa đẹp,
Già chết đi thành nấm mò hoang.
Địa vị cao không lo tai họa,
Giữ dầy đủ chẳng lo dư thừa,
Danh lợi cam chịu dao làm hại,
Lấy bất an làm mãi tốt lành,
Phàm phu tùy tiện cầu lợi dưỡng,
Ví như chó trông thấy xương khô,
Không biết tai họa rồi sẽ đến,
Làm sao biết tiếng khổ xót xa!

Nhân duyên cảm ứng.

Đạo tục đã nói trên đây, không thắng nổi danh lợi, nhận chịu khổ báo hiện tại rất nhiều, đều tản mác ở các Thiên, tạm thời dẫn ra một chuyện, không thuật rộng ra thêm rắc rối. Nhiều lần thấy hàng bạch y và người thế tục không hiểu biết, thấy Đức Phật trách mắng đệ tử, liền cho rằng mình là người tốt, chỉ thấy lỗi lầm của Tăng. Nếu dựa theo kinh mà nói, thì tội lỗi của bạch y, như áo đen dính bẩn, mặc vào tuy có vết

bẩn khác nhưng không phân biệt màu sắc rõ ràng. Người xuất gia giống như tấm vải bông trắng tinh, tuy ruồi nhặng để lại một chút bẩn rất nhỏ nhưng lập tức hiểu rõ và dễ dàng trừ bỏ. Vì lẽ đó bạch y tạo tội tiến vào trong địa ngục, như đá chìm xuống nước không có lúc nào nổi lên được. Người xuất gia tạo tội vào trong địa ngục, như giũ tấm vải dính đất thì trở lại như cũ. Tại vì sao? Bởi vì lúc tạo tội sinh lòng hổ thẹn vô cùng, gây ra rồi lập tức sám hối ăn năm. Cũng như nước giọt ở trên sắt nóng, thuận theo giọt nước tựa như ướt, cũng là ướt mà khô ngay. Tại vì sao? Bởi vì lửa xông nóng. Người thế tục tạo tội tiến vào địa ngục, giống như bắn mũi tên không có lý nào quay trở lại, nghĩa cũng như vậy; tựa như chày sắt, ném vào trong bùn sâu cũng không có lý nào trồi lên được. Tại vì sao? Bởi vì tâm vốn rất tai hai, cũng như voi già đi vào bùn lầy không có sức có thể thoát ra được. Như người giàu sang thì sinh ra ngã mạn, xúc phạm đến Tam bảo, giết hại tự do, tham lam nhiễm trước tài sản-sắc đẹ-p, ngày đêm không thỏa mãn, không sinh lòng xấu hổ khác gì súc sanh, trái lại còn báng bổ hiền lương khinh chê Phật pháp. Lặng yên suy nghĩ điều này thật là hết sức đau lòng. Nếu là người nghèo hèn thì tham cầu cơm ăn áo mặc, vua chúa sai khiến ép buộc, công và tư hỗn loạn, cần mẫn sớm khuya. Người không có niềm tin, thì cơm ăn áo mặc hết đường qua lại, khốn khổ bức bách bản thân, cướp đoạt của Tam bảo, trộm cắp phá hoại của thân thích bà con, để nuôi sống vợ con, duy trì thân mạng của mình. Vì lẽ đó từ khổ đau đến khổ đau, khổ đau đầy khắp mọi nơi; từ tối tăm đi vào tối tăm, tối tăm mù mịt pháp giới. Bồ Tát vì vậy mà nhíu mày suy nghĩ, chư Phật vì vậy mà tuôn tráo máu lệ, bất giác nghĩ đến lý lẽ này mà đau thương càng sâu đậm hơn.

- Thời Hậu Ngụy có Tăng Tuệ Nghi ở chùa Sùng Chân, chết trải qua bảy ngày, lúc ấy cùng với năm Tỳ kheo lần lượt duyệt qua ở nơi Diêm La Vương. Tuệ Nghi vì gọi sai cho nên tha khiến sống lại, nói đầy đủ về ý sự việc ở trước Diêm Vương, như chốn quan phủ trên thế gian không khác. Năn Tỳ kheo ấy, cũng là Đạo nhân trong các chùa ở chốn kinh thành, cùng với Tuệ Nghi chung sở bộ mà đi qua. Một Tỳ kheo nói: CHính là Tăng Trí Thông ở chùa Bảo Minh. Tự nói từ nhỏ lấy ngồi thiền tu khổ hạnh làm sự nghiệp,được sanh lên cõi trời. Lại có Tỳ kheo nói: Chính là Tăng Đạo Phẩm ở chùa Bát Nhã. Tự nói tụng kinh Niết bàn bốn mươi quyển, cũng sanh lên cõi trời. Lại có một Tỳ kheo nói: Chính là Tăng Đàm Mô Tối ở chùa Dung Giác. Cáo trạng chú thích rằng: Giảng Hoa Nghiêm-Niét Bàn, thường xuyên dẫn dắt đại chúng gồm ngàn người giải thích về nghĩa lý. Diêm Vương nói: Chúng Tăng

giảng kinh ngã mạng cao ngạo, lòng dạ chứa đầy nhân-ngã, tự mình kiêu căng khinh khi người khác, hành vi lỗ mãng đứng đầu trong các Tỳ kheo. Đàm Mô Tối thưa với Diêm Vương rằng: Từ lúc Lập thân đến nay thật sự không kiêu mạn, chỉ thích giảng kinh. Diêm Vương nói: Giao cho tu phủ! Lập tức mười mười người mặc áo xanh đưa Đàm Mô Tối đi về phía Tây bắc, tiến vào cổng thì phòng ốc nhà cửa đều đen thui, hình như không phải là nơi tốt đẹp. Lại đến một Tỳ kheo nói: Chính là Tăng Đạo Hoằng ở chùa Thiền Lâm. Tự nói là giáo hóa bốn chúng đệ tử-đàn việt, làm ra 10 pho tượng bằng vàng và tất cả các kinh trong loài người. Diêm Vương nói: Thể của Sa môn nhất định phải thâu nhiếp tâm vào đạo tràng, chí thành nghĩ đến thiền tụng, không tham dự vào chuyện thế gian, tâm luôn luôn nghĩ đến giới, không làm hạnh nghiệp hữu vi, giáo hóa mong cầu tài lợi thì tâm tham lam lập tức dấy khởi, ba độc tố chưa loại trừ, giao cho ty phủ dựa vào cách thức phân định! Lại có người mặc ác xanh nắm giữ đưa đến cùng với Đàm Mô Tối, vào chung một nơi. Lại có Tỳ kheo nói: Chính là Tăng Bảo Chân ở chùa Linh Giác,. Tự nói rằng trước lúc chưa xuất gia đã từng làm Thái thú vùng Lũng tây, tự biết cuộc đời Khổ-Không, quy y Tam bảo, cắt bỏ gia đình tài sản xây dựng chùa Linh Giác, chùa hoàn toàn thành từ quan tiến vào đạo, tuy không thiền tụng nhưng lễ bái không thiếu sót. Diêm Vương nói: Ngày ông làm Thái thú, uốn cong tình lý-bẻ cong pháp luật, cướp đoạt tài sản người ta để làm thành vật của mình, mượn làm chùa này chứ không phải là sức lực của ông, đâu có công lao mà nói đến điều này? Lại cũng giao cho ty phủ theo đúng cách thức phân định, người mặc áo xanh chuyển đến đưa vào cánh cổng đen thui, hình như không phải là nơi tốt lành. Tuệ Nghi bởi vì gọi sai cho nên miễn tra hỏi, tha về khiến cho sống lại, nói lại đầy đủ ý của sự việc vào lúc trải qua trước Diêm Vương. Lúc ấy mọi người nghe rồi tâu bày với Hồ Thái Hậu, Thái Hậu nghe tâu cho rằng sự việc linh dị, liền sai Hoàng môn thị lang, dựa theo sự trình bày của Tuệ Nghi mà hỏi han tìm hiểu về Trí Thông cùng 5 chùa đã nói, đều nói là có chuyện này, chết đã bảy ngày, nghiệp hạnh lúc còn sống, như Tuệ Nghi đã trình bày không khác.

(Chuyện này trích trong Lạc Dương Già Lam Tự Ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 93

Thiên thứ 93: TỬU NHỤC

Thiên này có 3 phần: Thuật ý, Ẩm tửu, Thực nhục.

Phần thứ nhất: **THUẬT Ý.**

Rượu là cửa ngõ của phóng dật, bật Đại Thánh biết gốc khổ ấy, cho nên xa quán rượu-lìa duyên say, bỏ bạn rượu-gần bạn pháp, ra cửa mê-vào nơi tỉnh. Thịt là loại đoạn mất Đại Từ, bậc Đại Thánh biết nhân sát hại, cho nên bỏ tanh hôi-sạch thân miệng, ăn rau quả-lắng tâm thần, nuôi Từ thiện-cảm sống lâu. Vì vậy trong Tục Thư Lễ Ký nói: “Thấy sự sống không đành lòng nhìn cái chết, nghe tiếng kêu không nhẫn tâm ăn thịt ấy, đây cũng là nghĩa của không giết hại.” Nếu như người ăn thịt uống rượu, thì giống như súc sanh sài lang cầm thú, cũng chính là giết hại tất cả quyến thuộc-ăn nuốt những người thân thích, tăng thêm báo ứng oán thù, trải qua bao kiếp mê mờ-không có hạn kỳ dứt được. Như trong kinh luận có nói: “Có một người nữ năm trăm đời làm hại sói con, sói con cũng năm trăm đời làm hại mẹ mình. Lại có người nữ, năm trăm đời đoạn mất mạng căn của quỷ, quỷ cũng năm trăm đời đoạn mất mạng căn người ấy.” Vì vậy biết rằng trải qua sáu đường nhận chịu tất cả báo ứng oán thù, hoặc đã từng làm thầy dạy, hoặc là cha mẹ, hoặc là anh em, hoặc là chị em, hoặc là con cháu, hoặc là bạn bè, nay là thân phàm phu không ái có đạo nhãn, không thể nào phân biệt, trở lại ăn nuốt nhau, không tự mình hiểu biết. Lúc ăn nuốt thì vật này có linh thức, liền sinh sân hận lại kết thành oán thù, xưa là thân thiết nay biến thành kẻ thù, sự tình như vậy há có thể không nghĩ? Tạm thời giành nhau chót lưỡi được chút mùi vị nhỏ nhoi, vĩnh viễn cùng cới người thân muôn đời trở thành oán đối, thật là đau lòng, khó mà nói hết! Vì vậy cho nên trong kinh Niết bàn nói: “Tất cả các loại thịt thảy đều đoạn trừ, cho đến thịt tự nhiên chết; thịt tự nhiên chết hãy còn đoạn trừ, huống là thịt không tự nhiên chết ư?” Còn trong Kinh Lăng Già nói: “Vì lợi mà

giết chúng sanh, lấy tiền của trùm lên các loại thịt, cả hai nghiệp đều là bất thiện, chết rơi vào địa ngục kêu la.” Sao gọi là lấy tiền của trùm lên thịt? Đó là trên đất liền thì đặt lưới giăng, dưới mặt nước thì chăng màng lưới, đây là dùng màng lưới trùm lên thịt. Nếu như ở chốn nhân gian tàn sát loài vật, dùng tiền bạc để mua thịt, thì đây là dùng tiền của trùm lên thịt. Nếu khiến người này không lấy tiền của trùm lên thịt, quen luật nghi xấu ác, sắn bắt làm hại chúng sanh, thì người này sẽ làm một mình để tự cung cấp cho miệng, cũng còn có cách riêng của mình. Nếu có cách riêng của mình, thì người ăn thịt xưa nay, lẽ nào không có phần sát hại, sao có thể nói là mình không sát sanh? Vậy thì rõ ràng, làm trái với kinh văn, đoạn mất chủng tử Đại Từ, ngăn cách không thấy được Đức Phật.

***Phần thứ hai:* ẨM TỬU**

Lời bàn: Đây là giáo pháp Nhất Thừa có Quyền thì khuyên răn dạy bảo dần dần, lấy nhẹ bỏ nặng, bắt đầu mở ra không phạm. Dựa vào lý ngăn cách ấy thì không phải là không có lỗi lầm. Nếu dựa theo Thật giáo thì nhẹ hay nặng đều ngăn cấm, đầu đuôi không vi phạm, thì gọi là trì giới. Thứ nhất là dựa vào Quyền giáo mà nói. Vì vậy trong kinh Vị Tằng Hữu nói: “Lúc bấy giờ Thái Tử của Quốc Vương, tên gọi là Kỳ Đà, nghe Đức Phật đã thuyết về nhân quả vô cùng tận của mười thiện đạo, liền quỳ thẳng vòng tay thưa với Đức Phật rằng: Trước đây Đức Phật bảo con thọ trì năm giới, nay muốn xả giới. Tại sao như vậy? Bởi vì trong năm giới pháp thì giới không uống rượu thật là khó giữ, cho nên sợ mang tội. Đức Phật nói cho biết rằng: Lúc ông uống rượu làm điều ác gì chăng? Kỳ Đà thưa với Đức Phật: Cường hào trong nước, luôn luôn dẫn nhau ôm rượu mang thức ăn, cùng nhau vui đùa để làm cho vui vẻ, tự nhiên không có gì xấu ác. Tại vì sao? Bởi vì có được rượu nghĩ đến giới không làm gì phóng túng, vì vậy uống rượu mà không làm điều ác. Đức Phật dạy: Khéo thay, khéo thay! Kỳ Đà! Nay ông đã có được trí tuệ phương tiện, nếu người thế gian có thể được như ông, thì suốt đời uống rượu có gì xấu ác chăng? Người thực hành như vậy, mới thích hợp phát sinh phước thiện mà không có tội lỗi. Nếu người uống rượu không gây ác nghiệp cho nên tâm hoan hỷ không dấy khởi phiền não, do nhân duyên của tâm thiện mà cảm thọ quả báo thiện. Như vậy giữ năm giới có mất gì đâu? Uống rượu nghĩ đến giới càng thêm phước thiện, trước đã giữ năm giới thọ mười thiện, công đức gấp bội lại được báo ứng mười thiện.”

Lúc ấy vua Ba Tư Nặc thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Như Đức Phật đã thuyết, lúc tâm hoan hỷ không dấy khởi phiền não, do nhân duyên của tâm thiện mà cảm thọ quả báo thiện. Như vậy giữ năm giới có mất gì đâu? Uống rượu nghĩ đến giới càng thêm phước thiện, trước đã giữ năm giới nay thọ mười thiện, công đức gấp bội lại được báo ứng mười thiện.”

Lúc ấy vua Ba Tư Nặc thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Như Đức Phật đã thuyết, lúc tâm hoan hỷ không gây ra ác nghiệp thì gọi là thiện hữu lậu, điều này không phải như vậy. Tại vì sao? Bởi vì lúc người ta uống rượu thì tâm hoan hỷ, tâm hoan hỷ cho nên không dấy khởi phiền não, không có phiền não cho nên không làm não hại, không hại đến vật cho nên ba nghiệp được thanh tịnh, đạo thanh tịnh chính là nghiệp vô lậu. Thưa Đức Thế Tôn! Con nhớ lại trước đây đi khắp nơi săn bắn vui chơi quên dẫn theo người đầu bếp, vào trong núi sâu cảm thấy đói gọi lấy thức ăn, tùy tùng trả lời rằng: Lúc sáng sớm nhà vua ra đi không được lệnh truyền khiến mang theo người đầu bếp, ngay bây giờ không có thức ăn. Con nghe nói vậy rồi thúc ngựa trở về cung truyền lệnh lấy thức ăn. Người đầu bếp của Vương gia tên là Tu-ca-la. Tu-ca-la thưa rằng: ngay lập tức không có sẵn thức ăn, nay còn đang làm. Lúc ấy con bị cơn đói bức bách nổi giận không suy nghĩ, lệnh cho quan chém chết người đầu bếp. Các quan bị vua ra lệnh liền cùng nhau bàn tính rằng: Tuyển chọn bao quát trong nước chỉ riêng một người này là trung thành lương thiện làm việc thẳng thắn, nếu bây giờ giết đi, thì lại không có ai có thể trông coi bếp núc cho nhà vua mà hợp với ý nhà vua. Lúc ấy Phu nhân Mạt Lợi nghe nhà vua ra lệnh giết Tu-ca-la, trong lòng thật vô cùng tiếc rẻ, biết nhà vua đói bụng mệt mỏi, liền truyền gọi bày đủ thịt ngon rượu ngọt, tắm gội thoa ướp hương thơm trang nghiêm thân thể đẹp đẽ, dẫn theo các kỹ nữ đi đến chỗ con. Con trông thấy Phu nhân trang điểm rất đẹp dẫn theo các kỹ nữ mang rượu thịt ngon lành đến, tâm sân liền dừng lại. Tại vì sao? Bởi vì Phu nhân Mạt Lợi giữ năm giới đoạn tuyệt với rượu không uống, tâm con thường hối tiếc, hôm nay bỗng nhiên mang rượu thịt đến, cùng nhau vui đùa bày tỏ tất cả tâm tình vốn có, liền cùng với Phu nhân uống rượu ăn thịt, làm nhiều trò vui ca hát khiến cho vô cùng hoan hỷ, tâm giận dữ liền diệt đi. Phu nhân biết ý con quên mất giận dữ, liền sai Hoàng môn vôi vàng truyền lệnh của con, khiến các quan bên ngoài đừng giết người đầu bếp, lập tức vâng theo Thánh chỉ. Đến sáng hôm sau, con hết sức hối hận tự trách mình, ưu sầu bỏ ăn, sắc mặt tiều tụy. Phu nhân hỏi con: Vì sao ưu sầu,

có điều gì lo lắng hay sao? Con nói rằng: Bởi vì hôm qua Ta bị cơn đói bức bách, tâm giận giữ nóng nảy cho nên giết Tu-ca-la, tự nghĩ trong nước lại không có người nào có thể trông coi bếp núc cho Ta giống như Tu-ca-la, vì lý do này mà hối hận ưu sầu thôi. Phu nhân cười nói: Người ấy hãy còn sống, mong nhà vua chớ ưu sầu! Con hỏi lại: Thật sự là như vậy, hay là lời nói đùa vậy? Phu nhân đáp rằng: Thật sự còn sống chứ không phải nói đùa đâu! Con lệnh cho tùy tùng gọi người đầu bếp đến. Sứ giả đi gọi, chốc lát dẫn đến, con vô cùng hoan hỷ, ưu sầu hối hận lập tức không còn.

Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Phu nhân Mạt Lợi giữ năm giới của Phật, hằng tháng thực hành sáu ngày trai, trong một ngày giữ trọn vẹn năm giới, đã phạm vào 2 giới uống rượu và nói dối, trong 8 trai giới lập tức phạm vào sáu giới, việc này thế nào, đã phạm giới thì tội nhẹ hay nặng? Đức Thế Tôn đáp rằng: Phạm giới như vậy, cảm được công đức to lớn chứ không có tội. Tài vì sao? Bởi vì làm cho lợi ích. Như Ta đã nói trước đây, Phu nhân tu thiện gồm có hai loại: 1- Thiện hữu lậu; 2- Thiện vô lậu. Phu nhân Mạt Lợi đã phạm giới ấy thì thuộc về thiện hữu lậu, không phạm giới thì gọi là thiện vô lậu. Dựa vào lời nói mà bàn, thì phá giới mà tu thiện gọi là thiện hữu lậu. Dựa vào ý nghĩa mà nói, thì tất cả các tâm đã dấp khởi thiện đều là nghiệp vô lậu. Nhà vua thưa với Đức Phật: Như Đức Thế Tôn giảng dạy, Phu nhân Mạt Lợi uống rượu phá giới không dấy khởi ác tâm mà lại có công đức chứ không có tội báo, vậy thì tất cả nhân dân cũng đều như vậy. Tại vì sao? Bởi vì con nhớ gần đây trong thành Xá vệ có những Vương công-Sát lợi thuộc dòng dõi lớn, vì một chút tranh chấp mà dẫn đến oán thù to lớn, mỗi bên đều kết lại tìm cách phát động chiến tranh chinh phạt lẫn nhau. Hai bên đều là hoàng thân quốc thích, không thích hợp để bắt bớ giam cầm tranh đấu làm cho rối ren, không thuận theo lý để can ngăn, thật là vô cùng buồn lòng. Lại tự nghĩ rằng: Lúc xưa Thái Tử cùng Đại thần Đề Vy la giận nhau, tình thế quả thật không thể phân cách, ý muốn tiêu diệt đối phương, vì vậy Thái Hậu ban rượu cho uống rồi tình thế hòa thuận. Suy nghĩ như vậy rồi lập tức lệnh cho cận thần trung tín, khiến bày biện rượu ngon và các thức ăn quý lạ, lại sai người truyền lệnh cho các dòng tộc lớn-quan lại-quân dân trong nước, tất cả đều theo lệnh tập trung, sắp có sự bàn luận về việc lớn trong nước. Các quan cạnh tranh lẫn nhau, quyến thuộc đôi bên đều có năm trăm người, thuận theo chiếu thư đến tập trung. Ở trên cung điện nhà vua trang nghiêm rất đẹp đẽ, nhà vua lệnh cho cận thần trung tín bưng bát lưu ly ra, bát chứa được 3 thăng,

trong những bát quý chứa đầy rượu ngon. Con ở trước mọi người uống cạn một bát đầu tiên, ba lần nói rằng: Nay bàn luận về việc nước mong rằng không có tâm niệm gì khác, bây giờ trước mắt mỗi người uống một bát thuốc tốt với vị cam lộ này rồi sau đó sẽ bàn luận công việc. Tất cả đều nói: Dạ, đồng ý! Các loại âm thanh nhạc cụ trỗi lên, mọi người được uống rượu và nghe âm nhạc, trong lòng vui sướng quên hết thù hận. Nhờ rượu chấm dứt tranh chấp mà được thái bình, như vậy lẽ nào không phải là công lao của rượu hay sao? Trộm nhìn người mọi rợ man di-hầu hạ sai khiến-tôi tớ ở nhờ-ti tiện bỉ ổi-nghèo thiếu hết mức ở thế gian, hoặc vào dịp lễ tết, hoặc ở tại quán rượu, tụ hội uống rượu, tâm tư vui sướng, không cần người ta chỉ bảo, tất cả đều đứng dậy nhảy múa. Lúc chưa có được rượu, cũng không có việc này, vì vậy nên biết, người ta nhờ uống rượu thì khiến cho vui sướng, , lúc tâm vui sướng thì không dấy khởi ác niệm, không dấy khởi ác niệm thì chính là tâm thiện, do nhân duyên của tâm thiện mà cảm thọ quả báo thiện. Loài vượu khỉ có được rượu hãy còn có thể đứng dậy nhảy múa, huống là đối với người thế gian ư? Như Đức Thế Tôn giảng dạy thì làm điều thiện được quả báo thiện – làm điều ác mang quả báo ác, Phu nhân Mạt Lợi đều nhờ thân đời trước lấy điều tốt giúp cho người, vì vậy nay cảm được quả báo tốt đẹp. Thưa Đức Thế Tôn! Tại sao khiến giữ năm giới hằng tháng thực hành sáu ngày trai, trong sáu ngày trai không được dùng hoa hương trang nghiêm-quần áo đẹp đẽ-ngâm nga ca hát, lại còn không cho phép thể hiện dung mạo yêu thích gần gũi với chồng, cuối cùng làm sao giúp đỡ, không nói công lao ấy, lẽ nào chẳng phải là làm cho đau khổ ư? Đại thừa bảo với nhà vua rằng: Những điều Đại Vương chất vấn đều là đúng như vậy, Phu nhân Mạt Lợi lúc còn trẻ tuổi; nếu Ta không khuyên nhủ thọ giới pháp tu trí tuệ, thì làm sao có được đức hạnh như hôm nay để có thể độ được mình lại còn độ cho thân nhà vua? Công lao như vậy lại thuộc về ai?"

Lời bàn: Đây là phần thứ hai dựa theo Thật giáo mà nói, nhẹ hay nặng đều không phạm, thì thực sự gọi là trì giới. Do đó bậc Đại Thánh biết rõ thời gian tùy theo căn cơ thông suốt-bế tắc, thông suốt thì mở ra điều cấm, thường xuyên lường tính trước những tổn hại-lợi ích. Như vua Ba-tư-nặc muốn giết người đầu bếp – Thái Tử A-xà-thế muốn hại đến cha mình. Đây đều là nhờ rượu mà quên giận, giữ vẹn được thân mạng tránh khỏi tội lỗi to lớn ấy, lấy nhẹ trừ bỏ nặng không nhận chịu tai ương lụy đến nhiều kiếp. Nhưng không phải là không có lỗi của uống rượu nhận lấy tội báo của đời sau. Không được thấy trước có mở ra thì

lập tức lạm dụng vào tất cả, đều cần phải tùy theo ý của giáo để thực hành, lại tự kiểm điểm bản thân mình có đức hạnh tốt hay xấu, có thể dự vào hàng Thánh nhân hay không? Vua Ba Tư Nặc và Phu nhân Mạt Lợi mở ra điều cấm đã không giống nhau, vậy thì cần phải dựa vào kinh mảy may đừng phạm, là thù thắng nhất.

Vì vậy trong luật Tứ Phần nói: "Là đệ tử của ta, chỉ không dùng ngọn cỏ dính giọt rượu đưa vào miệng, huống là uống nhiều? Vì vậy cổ họng khép lại cẩn thận."

Còn trong luận Thành Thật: "Hỏi: Uống rượu là thật sự tội lỗi chăng? Đáp: Không phải vậy. Tại sao như vậy? Bởi vì uống rượu không làm não hại chúng sanh. Nhưng chính là nhân của tội lỗi. Nếu người uống rượu thì mở toang cánh cửa bất thiện, vì luôn luôn chướng ngại cho định và các thiện pháp. Như trồng các loại trái quả chắc chắn có tường rào ngăn cách, cho nên biết lỗi của rượu giống nhưtrái quả không có bảo vệ."

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu lại có người thích uống rượu, thì người này trong đờ hiện tại thích mất mát tiền bạc của cải, thân tâm nhiều bệnh thường ưa đấu tranh, tiếng xấu đồn xa mất hết trí tuệ, tâm không có tàm quý-hình hài sức lực phải chịu xấu xa, thường bị tất cả mọi người chỉ trích, người ta không thích gặp mặt, không thể nào tu thiện, thì gọi là ác báo đời hiện tại của uống rượu. Xả thân mạng này rồi ở trong địa ngục, nhận chịu đói khát cùng với vô lượng khổ não, thì gọi là quả ác nghiệp của đời sau. Nếu được làm thân người thì tâm thường cuồng loạn, không thể nào buộc niệm tư duy đến thiện pháp. Đây vốn là sức mạnh của một nhân duyên xấu ác, khiến cho tất cả đồ vật bên ngoài cung cấp cho cuộc sống thảy đều hủy hoại."

Còn trong kinh Trường A Hàm nói: "Người uống rượu có sáu loại mất: 1- Mất tiền của; 2- Sinh bệnh tật; 3- Đấu tranh; 4- Tiếng xấu truyền khắp nơi; 5- Nóng giận bất ngờ phát sinh; 6- Trí tuệ ngày càng giảm."

Còn trong luận Trí Độ nói uống rượu có năm thứ sai lầm, như trước đã nói trong Thiên Thọ Giới.

Còn trong kinh Sa Di Ni Giới nói: Không được uống rượu, không được thèm rượu, không được ném rượu. Rượu có 36 lỗi, mất đạo-phá nhà-hư thân-mất mạng, tất cả đều do rượu. Đông kéo-tây lôi-Nam giữ-Bắc dính, không thể nào tụng kinh, không cung kính Tam bảo, khinh dễ thầy bạn-bất hiếu vớu cha mẹ, tâm ý bế tắc đời đời ngu si, không gặp được Đại đạo, tâm tư không có nhận thức, vì vậy không uống rượu.

Muốn rời xa năm ấm-năm cái-năm dục đạt được năm thần thông-được vượt qua năm đường, cho nên không uống rượu."

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử, có kệ rằng:

"Uống rượu sinh ra nhiều phóng dật,
Đời hiện tại luôn luôn ngu si,
Quên mất tất cả mọi sự việc,
Thường bị người có trí quở trách.
Đời sau thường ngu dốt tối tăm,
Phần lớn mất đi những công đức,
Vì vậy người trí tuệ sáng suốt,
Rời xa những lỗi lầm uống rượu."

Còn trong luận Thập Trú Bà Sa nói: "Hỏi: Nếu có người bố thí rượu, thì không biết có mang tội hay không? Đáp: Người bố thí được phước, nhưng người nhận không được uống. Vì vậy luận nói: Là Bồ Tát có lúc vui lòng bố thí tất cả mọi thứ, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống. Nếu lấy rượu bố thí, thì nên sinh khởi ý niệm rằng: Nay là lúc thực hành bố thí, thuận theo yêu cầu mà giúp cho. Sau đó nên phương tiện khuyên nhủ khiến cho lìa bỏ rượu, có thể nghĩ đến trí tuệ làm cho không phóng dật. Tại vì sao? Bởi vì pháp hành bố thí ba-la-mật đều làm thỏa mãn mong muốn của người khác. Bồ Tát tại gia dùng rượu bố thí, vậy thì không có tội.

Còn trong kinh Phạm Võng nói: "nếu tự tay mình cầm đồ đựng rượu đưa cho người uống rượu, thì trong năm trăm đời không có tay, huống là tự mình uống ư? Không được bày cho tất cả mọi người uống và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự mình uống rượu ư?"

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng nói: "Đức Phật an trú trong ấp Bạt-đà-la-bà-đề thuộc nước Chi Đề, vùng này có con rồng ác tên là Am-la-bà-đề-đà, hung bạo độc ác làm hai đến mọi người, không có người nào có thể đến chỗ ấy, voi ngựa không có cách nào đến gần, ngay cả các loài chim cũng không có thể bay ngang qua phía trên. Vào mùa Thu lúc lúa mè đã chín thì tất cả đều bị phá hủy. Lúc ấy có Trưởng lão Sa-già-đà là vị Tỳ kheo La Hán, đi khắp nơi đất nước Chi-đề, dần dần đến ấp bạt-đà-la-bà-đề, qua đêm ấy rồi sáng sớm khóac y ôm bát đi vào thôn khất thực. Lúc ấy nghe tại ấp này có con rồng độc ác hung bạo làm hại đến người-chim-thú, và phá hủy tất cả hoa màu đến ngày thu hoạch. Nghe rồi khất thực đến trú xứ của con rồng Am-la-bà-đề-đà ở dưới tán cây nhều chim chóc, trải tọa cụ rộng ra mà ngồi. Con rồng ngửi thấy mùi y áo lập tức nổi cơn giận dữ, từ trong thân mình phát ra khói

lửa, Trưởng lão Sa-già-đà liền nhập Tam muội, dùng sức thần thông từ thân hình cũng bốc lên khói lửa. Con rồng giận dữ gấp bội, trên thân tuôn ra lửa mạnh, Sa-già-đà lại nhập Tam muội Hỏa Quang, thân cũng tuôn ra lửa mạnh. Con rồng lại làm mưa đá, Sa-già-đà liền biến mưa đá thành bánh Thích Câu-bánh Tùy... con rồng lại phát ra sấm sét, Sa-già-đà biến làm các loại thuốc viên Hoan Hỷ. Con rồng lại tuôn xuống cơn mưa cung tên dao kiếm, Sa-già-đà liền biến làm các loại hoa Ưu-bát-la – hoa Ba-đầu-ma. Con rồng lại tuôn mưa rắn độc – bò cạp-sâu bọ-du diên, Sa-già-đà lập tức biến làm các loại xâu chuỗi bằng hoa Ưu-bát-la, xâu chuỗi bằng hoa Chiêm-bặc. Con rồng vốn có thế lực thuộc loại như vậy, hiện ra tất cả để đối phó với Sa-già-đà nhưng cũng không thể nào hơn được, liền mất hết uy lực ánh sáng. Sa-già-đà biết con rồng hết sức không thể nào tiếp tục khuấy động được, liền biến làm thân nhỏ bé, từ hai lỗ tai con rồng đi vào- từ hai mắt con rồng đi ra rồi từ lỗ mũi đi vào, từ lỗ mũi đi vào rồi từ trong miệng đi ra, ở trên đầu con rồng kinh hành qua lại, không làm tổn thương thân thể con rồng. Lúc bấy giờ con rồng thấy sự việc như vậy rồ, thì tâm vô cùng kinh sợ lông vảy dựng đứng, chấp tay hướng về Sa-già-đà nói: Tôi quy y ông. Sa-già-đà trả lời rằng: Ông đừng quy y ta, nên quy y Đức Phật là Thầy của ta. Con rồng trả lời rằng: Tôi từ nay quy y Tam bảo, chứng minh cho tôi suốt đời làm đệ tử Ưu-bà-tắc của Phật. Con rồng này thọ ba pháp tự quy y làm đệ tử Phật rồi, không trở lại gây ra những điều hung ác như trước nữa, mọi người và chim thú đều đến được chỗ của nó, hoa màu đến ngày thu hoạch không bị tổn hại, thanh danh truyền khắp nơi các nước, tất cả đều biết Trưởng lão Sa-già-đà có năng lực hàng phục con rồng hung ác, thuyết phục làm cho tốt lành. Bởi vì thanh danh của Sa-già-đà truyền khắp mọi nơi, cho nên mọi người đều làm thức ăn truyền nhau tranh giành mời thỉnh. Trong đó có một người nữ nghèo túng, cung kính tin tưởng thỉnh mời được Sa-già-đà, người nữ này làm đầy đủ các món ăn bơ sữa nấu nhừ. Người nữa dấy lên ý nghĩ tư duy rằng: Sa môn này ăn món bơ sữa nấu nhưa ấy, có lẽ sẽ phát ra cảm giác lạnh. Liền lấy rượu màu sắc tựa như nước mang đến cho Sa-già-đà. Sa-già-đà không nhìn xem liền uống, uống rồi thuyết pháp cho người nữ, sau đó ra về tiện đường đi qua hướng vào trong chùa, bấy giờ tác dụng của rượu đúng lúc phát sinh, đến gần bên cổng chùa không còn tỉnh táo mà ngã nhừ xuống đất, y Tăng già lê – đẫy lọc nước- bình bát-tích trượng..., mỗi thứ nằm một nơi, thân nằm một nơi, say mèm không còn biết gì nữa.

Đức Phật cùng A-nan, đi đến chỗ ấy, trông thấy Tỳ kheo này,

biết mà cố ý hỏi: Này A-nan! Đây là người nào? A-nan thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đây là Trưởng lão Sa-già-đà. Đức Phật liền bảo với A-nan: Trải chỗ ngồi chuẩn bị nước tập trung Tăng tại nơi này cho Ta. A-nan vâng lời trải chỗ ngồi chuẩn bị nước tập trung Tăng xong, thưa với Đức Phật rằng: Tăng đã tập trung. Đức Phật tự biết đến lúc, Ngài liền sửa chân an tọa rồi hỏi các Tỳ kheo: Các ông đã từng nghe thấy, có con rồng tên là Am-bà-la-đề-đà, hung bạo độc ác làm hại vô cùng, trước đây không có người nào đến được nơi ở của nó, ngay cả loài chim thú cũng không có cách nào đến đó, dù là bay qua phía trên, hoa màu đã chín đến lúc thu hoạch thì bị phá hủy tất cả, Sa-già-đà có năng lực thuyết phục làm cho trở thành tốt đẹp, chim thú có thể đến trước dòng suối. Trong đó có người nghe thấy liền nói nghe thấy sự việc này. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ý các ông nghĩ thế nào? Người thiện nam Sa-già-đà này, bây giờ có thể làm cho cóc nhái khuất phục hay không? Đại chúng thưa rằng: Không thể nào. Đức Phật dạy: Thánh nhân uống rượu hãy còn lỗi lầm như vậy, huống là phàm phu ư? Sai lầm tội lỗi như vậy đều do uống rượu; từ nay về sau, nếu ai nói mình là đệ tử của Phật, thì không được uống rượu, thậm chí một giọt nhỏ đầu ngọn cỏ cũng không được uống. Đức Phật chỉ trích các loại sai lầm do uống rượu xong, y theo luật vì vậy chế giới Tỳ kheo không được uống rượu.”

Hỏi: Không biết trên cõi trời có mùi vị của rượu hay không? Đáp: Không có rượu thật sự do men gạo ủ mà làm ra, chỉ có rượu do nghiệp chuyển hóa mà làm thành.

Vì vậy trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Người nam ở cõi trời Dạ Ma ấy cùng với những Thiên nữ, vào trong hồ chơi đùa, cùng uống rượu cõi trời, xa rời lỗi lầm say sưa, ngay lúc đó vui với công đức, vị-xúc-sắc-hương thảy đều đầy đủ. Chư Thiên trong đó có người dùng đồ vật bằng châu ngọc để uống rượu, thọ dụng thức ăn có vị Tô Đà, sắc-xúc-hương-vị thảy đều đầy đủ. Chư Thiên ở đó nghĩ như vậy: Nước này là rượu để cho mình uống được. Ngay lúc đang nghĩ thì đều là rượu cõi trời, xa rời lỗi lầm say sưa. Chư Thiên đã uống thì tăng thêm niềm vui tốt đẹp, nhờ lực của thiện nghiệp cho nên tâm sanh hoan hỷ. Nhưng chư Thiên ở đó nhờ nghiệp lực vốn có của mình, hưởng thọ vui sướng như vậy, có loài chim tên là Thường Lạc, thấy chư Thiên ấy ở giữa dòng sông Hoan Hỷ mà uống rượu, cho nên vì họ nói kệ rằng:

Chìm sâu trong biển phóng dật,
Tham lam đắm vào các cảnh giới,
Rượu này luôn luôn làm tâm mê,

Ích lợi gì mà lại uống rượu?
Bị lửa cảnh giới thiêu đốt mãi,
Không biết đáng làm-không đáng làm,
Vườn rừng sanh tâm niệm tham lam,
Ích lợi gì mà lại uống rượu?

Con chim Thường Lạc ấy, thấy chư Thiên thích uống rượu ở bên dòng sông mà uống rượu, vì muốn điều phục cho nên nói kệ như vậy."

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm: "Diêm La Vương trách mắng những người mang tội mà nói kệ rằng:

Rượu luôn luôn làm loạn tâm người,
Khiến cho người giống như trâu dê...,
Không biết đáng làm-không đáng làm,
Như vậy cần phải từ bỏ rượu,
Nếu người uống rượu say mê muội,
Giống như người chết chẳng khác gì,
Nếu như muốn thường còn không chết,
Thì người kia nên từ bỏ rượu.
Rượu là nơi của những lỗi lầm,
Luôn luôn chẳng có gì lợi ích,
Bậc thềm của tất cả đường ác,
Nơi tồn tại của những hắc ám.
Uống rượu cuối cùng đến địa ngục,
Cũng đến trong xứ sở ngạ quỷ,
Đi bằng nghiệp lực của súc sanh,
Là lỗi của rượu mà dối trá.
Rượu là chất độc trong chất độc,
Chốn địa ngục trong chốn địa ngục,
Căn bệnh nặng trong mọi căn bệnh,
Là điều người trí đã giảng dạy.
Nếu người nào ham thích uống rượu,
Không có nhân duyên gì hoan hỷ,
Không có nhân duyên mà giận dữ,
Không có nhân duyên mà làm ác.
Đối với Đức Phật mà ngu si,
Phá hoại mọi việc thế-xuất thế,
Như ngọn lửa đốt cháy giải thoát
Đó gọi là một pháp do rượu.
Nếu người có thể từ bỏ rượu,

Thực hành đúng đối với giới pháp,
Người ấy đến được nơi bậc nhất,
Là xứ sở không có tử sanh.

Hỏi: Không có bệnh mà uống rượu thì mang tội, có bệnh cho phép uống hay không?

Đáp: Dựa vào luật Tứ Phần, thật sự bệnh mà thuốc khác chữa trị không khỏi, lấy rượu làm thuốc chữa thì không phạm. Hỏi: Cho phép uống bao nhiêu? Đáp: Dựa vào kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn nói: "nếu hợp với thuốc do thầy thuốc đã nói, nhiều loại thuốc hòa với nhau, rượu ít thuốc nhiều thì được sử dụng". Còn trong kinh Xá-lợi-phất Vấn nói: "Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn thuyết pháp ngăn đạo, không được uống rượu dù nhỏ bằng hạt Đình Lịch, nếu uống thì gọi là phá giới, mở toang cánh cửa phóng dật? Tại sao trong tinh xá Trúc Lâm-Ca Lam Đà có một Tỳ kheo, bệnh tật nhiều năm nguy cấp gần chết, lúc ấy Ưu-ba-ly hỏi rằng: Ông cần loại thuốc gì, tôi sẽ lên trời-giữa cõi người cho đến mười phương tìm cho ông, tất cả những gì nên sử dụng thì tôi đều lấy cho ông? Đáp rằng: Thuốc mà tôi cần thì trái với Tỳ Ni, cho nên tôi không kiếm làm gì, vì vậy mới đến nỗi này, thà rằng chấm dứt thân mạng chứ không cho phép phạm luật. Ưu-ba-ly nói: Thuốc ông cần là gì? Đáp rằng: Cần năm thăng rượu. Ưu-ba-ly nói: Nếu là bệnh thì cho phép, Như Lai đã đồng ý. Thế là giúp người bệnh xin được rượu, uống vào dần dần khỏi bệnh. Khỏi bệnh rồi ôm lòng hổ thẹn, vẫn nói là phạm luật. Liền đi đến nơi Đức Phật, thiết tha hối hận về lỗi lầm của mình, Đức Phật thuyết pháp cho nghe, nghe xong hoan hỷ đạt được quả vị La Hán, là thế nào? Đức Phật dạy: Rượu có nhiều sai lầm, mở toang cánh cửa phóng dật, dù uống chỉ ít như hạt Đình Lịch nhưng tội đã phạm tích tụ lại, thì vẫn nhận chịu tội báo. Nếu làm tiêu tan bệnh hoạn khốn khổ thì không phải như trước đã ngăn cấm."

Lời bàn: Không được thấy văn trước mở ra chung tất cả mà cứ uống, nhất định phải thật sự bệnh nặng khốn đốn có nguy cơ mất mạng, trước đã dùng các loại thuốc khác chữa trị đều không khỏi, nếu cần phải có rượu hòa vào mới có thể chữa khỏi, thì dựa theo trước mới khai ra. Gần đây thấy người không có hiểu biết, thân thể sức lực cường tráng ngày ngày rong ruổi khắp nơi, không theo các oai nghi, có chút bệnh hoạn nhỏ bé, liền sinh ra tâm lý tham lam, không giữ gìn đạo nghiệp, ngông cuồng dẫn ra kinh luật nói rằng: Phật khai mở các loại thuốc thang-y phục tốt đẹp quý giá đều cúng dường Phật và Tăng. Dựa vào

cái chung thỏa mãn riêng mình lừa gạt dối trá đạo-tục. Vì vậy cho nên người trí giữ giới như giữ mạng sống, không dám vi phạm!

Do đó trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử có kệ rằng:

"Rượu là nguồn gốc của phóng dật,
Không uống thì đóng chặt đường ác,
Thà rằng bỏ trăm ngàn thân mạng,
Chứ không hủy phạm đến giáo pháp.
Thà rằng làm cho thân khô kiệt,
Chứ suốt đời không uống rượu này,
Giả sử có hủy phạm giới luật,
Thọ mạng đầy đủ đến trăm năm,
Không bằng giữ gìn được giới cấm,
Mà thân mạng lập tức hủy diệt.
Quyết định có thể khiến sai lạc,
Con vẫn còn cố tình không uống,
Huống hồ bây giờ biết không chắc,
Là sai lạc hay không sai lạc?
Dấy lên tâm quyết định như vậy,
Tâm sanh ra hoan hỷ vô cùng,
Lập tức được thấy rõ chân đế,
Mọi lo sợ nhanh chóng tiêu trừ."

Nên biết rằng tất cả bệnh tật của chúng sanh, đều do tham-sân-ngã mạn làm nhân, thuận theo nhân mà có quả, nhận lấy khổ báo này, không phải là do không gặp được rượu thuốc mà căn bệnh mãi không chữa lành được.

Vì vậy trong kinh Niết bàn nói: "Tất cả chúng sanh có bốn mũi tên độc, làm nhân cho bệnh hoạn. Những gì là 4? Đó là: 1- Tham dục; 2- Sân hận; 3- Ngu si; 4- Kiêu mạn. Nếu có nhân của bệnh thì có bệnh phát sinh. Đó gọi là bệnh phổi hay nóng lên khí bốc cao phát tán ngược lại, da thịt bức bối-tâm tư buồn rầu hỗn loạn, thân dưới mắc bệnh kiết lỵ-tiểu tiện khó khăn, tai mắt đau đớn- lưng bụng trướng đầy lên, điên cuồng gầy khô-ma quỷ vướng vào... Các bệnh của thân tâm đủ loại như vậy, nếu biết gốc của bệnh là đoạn ác-tu thiện, thì khổ báo của ba đời vĩnh viễn trừ diệt không nhận chịu; nếu không quán xét theo lý thì dù cho sử dụng rượu thuốc khắp thiên hạ mà chữa trị, nhưng bệnh ấy chuyển sang tăng thêm khó có thể chữa lành được."

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: "Tôn giả Di-sa-tắc nói rằng: Tỳ kheo Sa Đề thưở còn trẻ nhờ vào rượu nuôi lớn thân mạng, sau khi xuất

gia rồi không có được rượu cho nên bốn đại không điều hòa. Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: Bệnh thì cho phép ngửi rượu trong hũ, nếu khỏi bệnh thì không được phép ngửi.. không khỏi bệnh thì cho phép dùng rượu tắm rửa thân thể. Nếu lại không khỏi bệnh thì cho phép dùng rượu hòa với bột làm bánh mà ăn. Nếu lại không khỏi bệnh thì cho phép ngâm mình trong rượu."

Còn trong luận Tâm Bà Sa nói: "Như khế kinh nêu rõ, Tôn giả Xá Lợi Tử an trútrong một khu rừng ở nước Kiều Tát La, lúc ấy có ngoại đạo xuất gia nuôi mạng sống, cũng trú trong khu rừng ấy, sát bên canh Tôn giả. Cách khu rừng không xa, trong các thôn ấp có dịp tổ chức nhiều lễ hội vào tháng Tư. Lúc ấy ngoại đạo kia đi khắp các thôn ấp, ăn thịt heo no nê thuận theo tình thế uống rượu tùy thích, trộm mang thức ăn còn thừa lại về đến trong rừng, thấy Xá Lợi Tử ngồi dưới một tán cây. Do rượu mà đầu óc mơ màng cho nên khởi tâm khinh miệt, nay mình với người kia tuy cùng xuất gia, nhưng mình chỉ có giàu sanh vui sướng mà người kia thì nghèo thiếu khổ sở. Liền hướng về nơi Tôn giả, làm bài tụng như vậy:

Tôi đã ăn thịt uống rượu no,
Lại trộm mang thức ăn đến đây,
Cỏ cây núi rừng trên mặt đất,
Đều nhìn giống như đống vàng quý.

Lúc ấy Xá Lợi Tử, nghe rồi nghĩ rằng: Ngoại đạo bảo thủ này cũng không còn gì tám quý, mới có thể bất chấp đạo lý nói ra Già Đà (bài kệ) này, nay mình cũng nên đáp lại bài tụng đã nói kia. Dấy lên nghĩ vậy rồi liền nói bài tụng rằng:

Tôi thường ngày đầy đủ Vô tướng,
Luôn luôn trú trong cửa Không định,
Cỏ cây núi rừng trên mặt đất,
Đều nhìn giống như chỗ khạc nhổ.

Nay trong tụng này, Tôn giả Xá Lợi Tử làm vị Sư Tử Hống nói về 3 giải thoát môn, đó là ở câu thứ nhất nói về Vô tướng giải thoát môn, ở câu thứ hai nói về Không giải thoát môn, ở hai câu cuối nói về Vô nguyện giải thoát môn."

***Phần thứ ba*: THỰC NHỤC**

Lời bàn: Cùng một giáo pháp này nhưng cũng có Quyền có Thật. Nói đến Quyền giáo thì đưa vào trong luật Tỳ Ni, Đức Thế Tôn lúc mới thành đạo vì độ hạng phàm phu thô ác, cho nên chưa có thể thuyết

giảng vi tế. Tạm thời từ trong Tiệm giáo nói về ba loại tịnh nhục (thịt thanh tịnh) lìa xa thấy-nghe-nghi ngờ không phải vì mình mà giết thịt, chim-thú ăn còn thừa lại hoặc thịt loài vật tự chết, khai ra cho phép ăn. Trước là thô-sau đến tế, dần dần khiến cho xa lìa lỗi lầm, là ý của thời gian khác, vốn thuyết mãi không dứt. Nếu dựa theo Thật giáo thì bắt đầu từ lúc đắc đạo đến đêm Niết bàn, bậc Đại Thánh ân cần thiết tha từ đầu đến cuối không khai mở.

Còn trong kinh Niết bàn nói: "Tất cả chúng sanh ngửi thấy mùi thịt ấy, thảy đều sợ hãi sinh ra ý tưởng sợ chết, loài có mạng sống ở dưới nước-trên đất liền-giữa hư không, đều bỏ chạy xa, tất cả đều nói: Người này là kẻ thù của chúng ta. Vì vậy Bồ Tát không quen ăn thịt, nhưng vì độ chúng sanh cho nên thị hiện ăn thịt, tuy thị hiện ăn thịt mà thật ra thì không ăn. Chỉ vì các chúng sanh có chấp trước vào cách nhìn, không hiểu là Như Lai phương tiện nói về ý nghĩa, liền chấp trước sai lạc hạn chế trong giáo pháp Tỳ Ni, nói là Phật cho phép ăn ba loại thịt thanh tịnh. Cũng phỉ báng ta rằng: Như Lai tự mình ăn thịt. Người ngu si kia gây ra tội chướng vô cùng, trong đêm dài mê muội rơi vào chỗ không có lợi ích, cũng không gặp được đệ tử Thánh Hiền hiện tại và vị lai, huống là được thấy chư Phật Như Lai ư? Những người trí tuệ rộng lớn và các Thanh văn, thường thuận theo mà ăn các loại gạo-bột-dầu-mật..., có năng lực nuôi sống mạng căn thanh tịnh, mà tích trữ không đúng pháp, nhận lấy không đúng pháp, Ta nói là bất tịnh, còn không cho phép ăn, huống là cho phép ăn máu thịt bất tịnh ư? Không những ăn thịt là hủy hoại thiện pháp-chướng ngại đạo nghiệp, mà ngay cả tà mạng nịnh hót khộng hợp đạo lý để cầu tự nuôi sống mình, cũng là chướng ngại đạo nghiệp."

Còn trong kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn nói: "Nếu vì mình mà vật giết thì không được ăn. Nếu thịt như cây rừng, đã tự thối rữa hư hoại, muốn ăn thì có thể ăn. Nếu muốn ăn thịt thì nên tụng chú này:

Đa điệt tha, a nại ma a nại ma, a thị bà đa a thị bà đa, na xá na xá, đà hai đà ha, bà phất bà phất, tăng kha lật đa nhị, sa ha.(Như vậy, vô ngã vô ngã, vô thọ nạng vô thọ mạng, thất thất, thiêu thiêu, phá phá, hữu vi, trừ sát khứ).

Tụng chú này ba lần, mới được ăn thịt. Cơm cũng không ăn. Tại vì sao? Bởi vì nếu không có tư duy thì cơm không nên ăn, huống gì là nên ăn thịt?

Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi:" Bởi vì chúng sanh không có sức mạnh của Từ Bi mà ý niệm mang đầy sát hại. Vì nhân duyên này

cho nên đoạn tuyệt ăn thịt. Nếu luôn luôn không ôm ấp tâm niệm làm hại, dùng tâm Đại Từ Bi, vì giáo hóa tất cả chúng sanh, thì dù có ăn thịt cũng không có sai lầm tội lỗi gì."

Hỏi: Rượu là vị thuốc điều hòa tinh thần, thịt là món ăn để đỡ đói lòng, xưa nay cùng một ý vị, nay vì sao chỉ thấy thô tục mà không ăn? Nếu như Phật giáo đơn thuần ngăn cấm thì quy định lễ nghi chịu tang, ngay như đối với bậc vua chúa nghêm khắc ra lệnh nên ăn uống theo phong tục, đâu liên quan đến lỗi của Tăng mà cự tuyệt không ăn vậy?

Đáp: Tham tài thích sắc là điều thô tục đối với người có tiết tháo kiên trinh, ham ngon thích đẹp là điều xấu xa đối với kẻ sĩ liêm khiết trong sạch, cắt bỏ tình cảm thuận theo đạo nghiệp được các bậc tiên hiền đều khen ngợi, đè nén dục vọng tôn sùng đức hạnh được người trí tuệ đi trước cùng khen. Huống hồ thịt là do giết hại mạng sống, rượu luôn luôn làm rối tâm thần, không ăn-uống là đúng lý lẽ, há có thể cho rằng là sai? Dù cho gặp bề trên áp chế, nhưng cuối cùng cần phải đoạn tuyệt nghiêm khắc, tuy làm trái lệnh của vua nhưng vẫn thuận theo tâm Phật.

Hỏi: Thịt là do làm hại mạng sống thì ngăn cấm còn đúng, rượu không làm hại đến mạng sống thì vì sao phải cấm đoán? Nếu như không làm hại mà gán cho tội lỗi, không lỗi lầm mà nói là sai trái, thì uống nước ăn cơm cũng phải mang tội, mà thật ra không phải như vậy, tại sao cứ ngăn cấm uống rượu?

Đáp: Kết giới tùy theo sự, mang tội dựa vào tâm. Thể của thịt là vì bị hại, ăn vào thì mang tội. Tánh của rượu không phải là hại, l6õ lầm là do tâm thần kém cỏi, sinh ra tội lỗi ở nơi khác. Lỗi lầm phát sinh do rượu, đoạn tuyệt rượu thì loại trừ, cho nên mới ngăn chặn cấm đoán, không giống như sự phản đối sai lạc cho rằng Thể của rượu là tội lỗi.

Hỏi: Tội có già tội và tánh tội, Thể của rượu sinh ra tội lỗi, nay có người chịu nổi rượu có thể uống không say, lại không sút kém tâm thần cũng không sinh ra tội lỗi, người này uống rượu sẽ không mang tội, vậy thì có thể uống mà không có lỗi lầm, không thể nào gây ra tội lỗi, liên quan gì phải đoạn tuyệt với rượu, để thành tựu giới thiện? Có thể nói luôn luôn uống mà chịu nổi rượu, nên gọi là trì giới; uống một chút liền tay say thì người này mang tội lớn vậy.

Đáp: Chế giới ngăn ngừa sai trái vốn là sanh thiện. Giới là sanh thiện, thân miệng không làm trái, trong duyên dừng lại, già tội và tánh tội đều đoạn trừ, mới gọi là giới thiện. Nay người chịu khổ nổi rượu, đã không tán loạn tâm thần, chưa phá những giới khác, lý thật sự không

phải là tội lỗi, mà chủ yếu là vì uống mà phát sinh tội lỗi. Bởi bên ngoài làm trái với giáo pháp ngăn chặn, trong duyên đã sinh ra vi phạm, vẫn gọi là có tội, vì trái với không uống rượu thì không phải là trì giới.

Thứ nhất là dựa vào thật sự có tổn hại, theo trong kinh nói thì người ăn thịt có mười loại tội lỗi.

Một- Trình bày về tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay, đều là người thân của mình, thì không nên ăn thịt. Vì vậy trong kinh Nhập Lăng Già nói: "Ta quán xét chúng sanh luân hồi trong năm đường, cùng còn sanh tử-cùng sinh đẻ lẫn nhau, lần lượt làm cha mẹ-anh em-chị em, hoặc trai-hoặc gái trong họ hàng nội ngoại, làm thân thích quyến thuộc cho nhau; hoặc sanh vào đường khác, đường thiện-đường ác thường làm quyến thuộc bà con. Vì nhân duyên này, Ta quán xét chúng sanh lại ăn thịt lẫn nhau, không có loài nào không phải là người thân. Bởi vì ăn thịt mà lần lượt ăn nuốt lẫn nhau, thường sanh tâm làm hại tăng thêm nghiệp khổ đau, lưu chuyển trong sanh tử không thể nào thoát ra. Lúc Đức Phật thuyết kinh này, các La-sát hung ác nghe lời Đức Phật đã thuyết, đều bỏ tâm ác chấm dứt không ăn thịt, dần dần khuyến khích nhau phát tâm Bồ đề, bảo vệ mạng sống chúng sinh, còn hơn tự bảo vệ thân mạng của mình, xa rời tất cả điều ác, không ăn các loại thịt, đau buồn than khóc tuôn nước mắt thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nghe Đức Phật thuyết về quán xét tường tận 6 đường, những loài con đã ăn thịt đều là người thân của con, mới biết ăn thịt chúng sanh là sự oán hận vô cùng của con; đoạn mất chủng tử Đại Từ lớn thêm nghiệp bất thiện, là nguồn gốc của khổ đau vô cùng, con bắt đầu từ hôm nay đoạn tuyệt không ăn thịt, và quyến thuộc của con cũng không cho phép ăn. Đệ tử của Như Lai có ai không ăn thịt, con sẽ ngày đêm gần gũi ủng hộ. Nếu người nào ăn thịt, con sẽ làm cho họ gặp nhiều điều không lợi ích gì. Này Đại Tuệ! La sát là chủng loại ác quỷ thường ăn thịt, nghe lời Ta đã thuyết, hãy còn phát khởi tâm Từ, từ bỏ thịt không ăn, huống hồ đệ tử của Ta thực hành thiện pháp, mà lại mặc ý ăn thịt ư?

Nếu người nào ăn thịt, thì nên biết rằng chính là kẻ thù lớn của chúng sinh, đoạn mất chủng tử Thánh của mình. Này Đại Tuệ! Nếu là đệ tử của Ta nghe Ta đã thuyết, không quan sát tườgn tận mà lại ăn thịt, thì nên biết rằng chính là chủng loại Chiên-đà-la, không phải là đệ tử của Ta, ta không phải là Thầy của họ."

Hai-Trình bày về người ăn thịt thì chúng sanh trông thấy thảy đều kinh sợ, cho nên không thích hợp để ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Người ăn thịt thì chúng sanh ngửi thấy mùi, thảy đều kinh sợ chạy trốn

rời xa. Vì vậy Bồ Tát tu hạnh đúng như thật, vì hóa độ chúng sanh thì không nên ăn thịt. Ví như Chiên Đà la-thợ săn-người giết mổ-người đánh cá bắt chim, đi lại tất cả mọi nơi, chúng sanh từ xa trông thấy dấy lên ý nghĩ như vậy: nay mình chắc chắn phải chết, mà người đến đây là người rất ác độc không biết gì tội phước, đoạn mất mạng sống chúng sanh cầu lợi ngay trước mắt, nay đi đến chỗ này để tìm chúng ta, nay thân chúng ta thảy đều có thịt, vì vậy cho nên bây giờ chúng ta chắc chắn phải chết. Này Đại Tuệ! Bởi vì người ăn thịt luôn luôn làm cho chúng sanh trông thấy đều sinh ra kinh sợ như vậy. Này Đại Tuệ! Tất cả chúng sanh giữa hư không-trên mặt đất trông thấy người ăn thịt, đều sinh ra kinh sợ mà dấy khởi ý niệm nghi ngờ: Giờ đây mình chết hay sống, người độc ác như vậy không tu dưỡng tâm Từ, cũng như loài sái lang đi khắp nơi thế gian thường kiếm thịt mà ăn, như trâu ăn cỏ loài bọ hung theo ăn phân không biết no đủ, thân mình là thịt thì chính là thức ăn của họ, không nên để thấy mặt nhau! Thế là bỏ chạy trốn cách ra rất xa, như người sợ hãi ác quỷ La sát không khác."

Ba- Trình bày về người ăn thịt làm hủy hoại tín tâm của người khác, vì vậy không nên ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "nếu người ăn thịt thì làm cho chúng sanh mất đi tất cả tín tâm, liền cho rằng thế gian không có gì đáng tin cả, đoạn mất tín căn thật là oan uổng. Vì vậy cho nên, này Đại Tuệ! Bồ tát vì bảo vệ tâm của chúng sanh, thì tất cả các loại thịt đều không nên ăn. Tại vì sao? Bởi vì thế gian có người thấy ăn thịt, cho nên hủy báng Tam bảo, phát ra lời nói như vậy: Ở trong Phật pháp thì nơi nào sẽ có Sa môn- Bà la môn chân thật tu hành phạm hạnh, rời bỏ thức ăn vốn thích hợp với bậc Thánh nhân, mà ăn thịt chúng sanh gống như La Sát! Đoạn mất pháp luân của Ta-hủy diệt giòng dõi Thánh Hiền, tất cả đều do lỗi của người ăn thịt. Vì vậy cho nên, này Đại Tuệ! Đệ tử của Ta, vì giữ gìn cho người ác đừng hủy báng Tam bảo, thậm chí không nên sanh ý tưởng nghĩ đến thịt, huống gì là ăn nuốt ư?"

Bốn- Trình bày về người thực hành Từ tâm thiểu dục không nên ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Bồ Tát vì cầu vượt ra khỏi sanh tử, thích hợp nên chuyên tâm nghĩ đến Từ Bi mà hành hạnh thiểu dục tri túc, chán ngán thế gian đau khổ cầu mong mau chóng giải thoát, hoặc rời bỏ nơi đông đúc ồn ào đến nơi yên lặng vắng vẻ, ở dưới tán cây giữa bãi tha ma – nơi A lan nhã – rừng vắng Thi đà, ngồi một mình tư duy, quán sát mọi điều ở thế gian, không có điều gì đáng vui. Vợ con quyến thuộc tưởng như gông xiềng, lầu đài cung điện tưởng như lao ngục, nhìn các thứ châu báu tưởng như đống phân, thấy các thức ăn uống tưởng như

máu mủ, tiếp nhận các thức ăn uống như ung nhọt lở loét, cảm thấy thú vị còn được mạng sống luôn nghĩ đến Thánh đạo, không để cho ham theo mùi vị rượu thịt, mùi vị hôi nồng của hàn-hẹ-tỏi-kiệu đều bỏ không ăn. Nếu là người tu hành chân thật như vậy, thì có thể tiếp nhận tất cả mọi sự cúng dường của trời-người. Nếu đối với thế gian không sanh tâm chán ngán lìa xa, tham lam đắm vào các mùi vị rượu-thịt cay nồng hôi hám, đều thuận theo ăn uống, thì không thích hợp để tiếp nhận sự tín thí của thế gian."

Năm- Trình bày về người ăn thịt, đều là quá khứ đã từng làm loài La sát độc ác, bởi vì tập khí chonên bây giờ vẫn tham thịt như xưa, vì vậy không nên ăn thịt. Như trong knh ấy nói: Có những chúng sanh, thời quá khứ đã từng tu tập vô lượgn nhân duyên, có thiện căn nhỏ bé được nghe giáo pháp của Ta, tín tâm xuất gia ở trong giáo pháp của Ta, quá khứ đã từng làm quyến thuộc La sát, sanh trong các loài hổ lang sư tử chồn cáo. Tuy ở trong giáo pháp của Ta mà tập khí vẫn còn, thấy người ăn thịt thì hoan hỷ gần gũi, vào các thành ấp thôn xóm chùa tháp, uống rượu ăn thịt lấy làm vui vẻ. Chư Thiên nhìn xuống giống như la sát, tranh nhau ăn những xác chết không có gì khác, mà không tự biết đã mất đi chúng đệ tử của Ta-trở thành quyến thuộc của La sát. Tuy cạo bỏ râu tóc khoác ca sa, mà chúng sanh có mạng sống nhìn thấy thì tâm sinh ra sợ hãi giống như nỗi ác quỷ La sát." Đây là trình bày về người ăn thịt, đều là những người trong thời quá khứ đã từng làm La sát-sư tử-hổ hang chồn cáo mà đến. Vì vậy cần phải đoạn tuyệt ăn thịt.

Sáu- Trình bày về người ăn thịt, học chú thuật của thế gian hãy còn không thể nào thành tựu, huống là pháp xuất thế thì dựa vào đâu mà có thể chứng được? Vì vậy cho nên người thực hành không thể tùy ý ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: Những chú thuật sư tà kiến ở thê gian, nếu như họ ăn thịt thì chú thuật không thành tựu, để thành tựu tà thuật hãy còn không ăn thịt, huống hồ đệ tử của Ta vì cầu Thánh đạo Vô thượng của Như lai, tu Đại Từ Bi mong giải thoát xuất thế ư? Tinh cần khổ hạnh còn sợ rằng không đạt được. Nơi nào sẽ có giải thoát như vậy, để người ngu si kia ăn thịt mà đạt được quả báo ấy? Vì vậy cho nên, này Đại Tuệ! Các đệ tử của Ta, vì cầu niềm vui giải thoát xuất thế, thì không nên ăn thịt."

Bảy- Trình bày về chúng sanh đều yêu quý thân mạng không khác gì so với mình, vì vậy cho nên người thực hành không thể tùy ý ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Ăn thịt luôn luôn làm cho sức lực mạnh thêm, luôn cảm thấy thèm mùi vị thịt. Người có nhiều tham trước, cần

phải quán sát tường tận, tất cả các loài có thân mạng ở thế gian, đều tự quý trong thân mạng mà sợ hãi đối với cái chết khổ đau, luyến tiếc giữ gìn thân mạng thì người và súc sanh không khác gì nhau, thà rằng chấp nhận niềm vui còn lại của thân Dã can ghẻ lở, chứ không thể nào xả bỏ thân mạng để hưởng thụ niềm vui của chư Thiên. Tại vì sao? Bởi vì sợ hãi khổ đau của cái chết. Vì vậy quán sát cái chết là khổ đau vô cùng, là pháp đáng sợ hết sức, tự mình sợ hãi cái chết, tại sao lại nhất định phải ăn thịt loài khác? Vì vậy cho nên, này Đại Tuệ! Người muốn ăn thịt, trước hãy tự nghĩ đến thân mình, sau đó quán sát chúng sanh, thì không nên ăn thịt."

Tám- Trình bày về người ăn thịt, chư Thiên và Hiền Thánh, thảy đều rời xa, ác thần làm cho sợ hãi, vì vậy người thực hành không nên ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Nói đến người ăn thịt thì chư Thiên rời xa, huống là Thánh nhân. Vì vậy cho nên Bồ Tát để gặp được Thánh nhân, thì nên tu Từ Bi không tùy ý ăn thịt. Này Đại Tuệ! Người ăn thịt thì trong giấc ngủ cũng khổ sở, lúc thức dậy cũng khổ sở, hoặc ở trong giấc mộng thấy đủ loại những điều ác, kinh sợ dựng đứng lông tóc, tâm luôn luôn không được an ổn, bởi vì không có tâm Từ, thiếu sức mạnh của những thiện pháp. Nếu như một người ở nơi vắng vẻ yên lặng, thì phần nhiều bị loài Phi nhân rình rập chờ dịp thuận tiện làm cho sợ hãi, các loài hổ lang sư tử cũng đến rình rập tìm kiếm, muốn ăn thịt người ấy, tâm luôn luôn kinh sợ, không được an ổn."

Chín- Trình bày về người ăn thịt, thịt thanh tịnh hãy còn không nên ăn, huống là thịt bất tịnh, vì vậy người thực hành không nên ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Ta nói hàng phàm phu vì cầu mạng sống thanh tịnh ăn những thức ăn thanh tịnh, hãy còn thuận theo sinh tâm tưởng như thịt con mình, huống là tùy ý ăn những thức ăn không thích hợp với Thánh nhân ư? Thánh nhân lìa bỏ tham trước, bởi vì thịt luôn luôn sinh ra vô lượng những lỗi lầm, do đó mất đi tất cả công đức của pháp xuất thế. Tại sao nói rằng Ta cho phép các đệ tử ăn các loại có mùi vị máu bất tịnh? Nói rằng Ta cho phép, chính là phỉ báng Ta". Vì vậy trong luật nói: "Ăn các loại máu thịt của chúng sanh thì mang tội Thâu lan giá."

Mười- Trình bày về người ăn thịt, chết thì trở lại sanh trong các loài La sát độc ác, vì vậy người thực hành không nên ăn thịt. Như trong kinh ấy nói: "Ăn thịt chúng sanh bởi vì theo tập khí ăn thịt ở thời quá khứ, nhiều đời sanh trong các loài La sát-sư tử-hổ lang-beo báo-cầy sói-chồn cáo-diều hâu-đại bàng-chim ưng-chim ó... Loài có thân mạng, đều tự bảo vệ thân mạng của mình, không khiến cho những loài ấy có

được dịp thuận tiện. Bị đói khổ bức bách, thường sinh ra tâm ác, nghĩ đến ăn thịt loài khác, mạng chung lại rơi vào đường ác, được sanh làm thân người còn khó, huống gì là có được đạo quả Niết bàn?" Nên biết rằng ăn thịt có vô số những lỗi lầm thuộc loại như vậy, vì thế người thực hành không ăn thịt, tức là tích tụ vô lượng công đức tốt lành,

Còn trong kinh Ương Quật Ma La nói: "Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Bởi vì Như Lai Tặng cho nên chư Phật không ăn thịt chăng? Đức Phật dạy: Đúng như vậy, tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay nổi trôi trong sanh tử, đời đời xoay chuyển bất tận, không có ai không phải là cha mẹ-anh em-chị em, giống như người vũ nữ biến đổi không lường, thịt mình và thịt loài khác đều là một loại thịt, vì vậy chư Phật đều không ăn thịt. Đức Phật lại bảo với Văn Thù: Cảnh giới của tất cả chúng sanh và cảnh giới của Ta chính là một cảnh giới, thịt đã ăn chính là một loại thịt, vì vậy chư Phật đều không ăn thịt. Đức Phật lại bảo với Văn Thù: Nếu trâu tự nhiên chết, chủ trâu giữ lấy da, dùng làm giày dép bằng da, mang cho người trì giới, thì nên nhận hay không? Nếu như không nhận, thì đúng với pháp Tỳ kheo. Nếu như nhận lấy thì không hợp với lòng Từ Bi, nhưng mà không phá giới, bởi vì thuận theo mà lần lượt xa lìa nhân duyên của sát hại."

Lại trong kinh này nói: "Trong thân chúng sanh có tám mươi vạn con trùng. Nếu đoạn dứt mạng sống của một chúng sanh, tức là đoạn dứt mạng sống của tám mươi vạn con trùng". Hoặc nướng hoặc nấu, hoặc chìm hoặc nổi, đều có sâu bọ-thiêu thân-ruồi nhặng tiếp cận nơi ấy. Như vậy lần lượt giết hại vô lượng sinh mạng đang phụ thuộc, tuy không tự tay mà giết, nhưng người giết mổ không dám tự mình ăn, đều vì người ăn thịt mà giết mổ. Vì vậy biết rằng người ăn thịt thì gồm có tội của nghiệp giết hai. Hoặc có Tăng-Ni xuất gia, chính mình ở tại chốn già lam, cùng với những bạch y, tụ hội chẳng kiêng nể gì, mặc ý uống rượu ăn thịt, hành tỏi nồng hôi uế tạp vô cùng, làm ô nhiễm chốn già lam, không hổ thẹn với hình tượng tôn quý. Hỗn tạp như vậy nào khác gì ngoại đạo!

Còn trong kinh Ni La Phù Đà Địa Ngục nói: "Thân giống như một khúc thịt không có gì hiểu biết, đây là người gì? Đều là do uống rượu. Tăng-Ni xuất gia, lẽ nào không tin sâu sắc vào kinh giáo mà sinh tâm hổ thẹn sâu nặng, tự mình bỏ Chánh pháp đồng hóa với ngoại đạo hay sao? Nếu ăn thịt cha của chúng sanh thì chúng sanh cũng ăn thịt cha mình. Nếu ăn thịt mẹ của chúng sanh thì chúng sanh cũng ăn thịt mẹ mình. Như vậy anh chị em- trai gái thân thích họ hàng, đều có sự đối lập

với nhau, oán thù đền trả oán thù, không thể nào thoát khỏi được."

Còn trong kinh Sa Di Ni Giới nói: "Không được sát sinh mà nên thương xót quần sinh, như cha mẹ nhớ con càng thương xót, loài nhúc nhích chuyển động giống như con đỏ. Sao gọi là bất sát? Đó là giữ gìn thân khẩu ý. Thân không giết người và chủng loại súc vật có hơi thở, tay cũng không làm, cũng không bày cho người khác, thấy giết không ăn, nghe giết không ăn, nghi giết không ăn, vì mình mà giết không ăn. Miệng không giải thích nói năng, nên giết-nên làm hại để báo oán, cũng không được nói mau chết đi-mau giết đi, thịt đó béo-thịt đó gầy, thịt đó ngon lắm-thịt đó hơi dở. Ý cũng không ngĩ đến. Thương xót chúng sanh, như xương tủy của mình, như cha-như mẹ-như con cái-như bản thân, bình đẳng không có gì sai biệt, tất cả cùng nhất tâm luôn luôn chung chí hướng Đại thừa."

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Đức Phật bảo với vua Ba Tư Nặc rằng: Trong quá khứ lâu xa a tăng kỳ kiếp, ở cõi Diêm phù đề này có một nước lớn, tên gọi Ba La nại. Lúc ấy Quốc Vương tên gọi Ba La Ma Đạt Vương, dẫn bốn toán quân đi vào núi đạo chơi săn bắn. Vương đến trước đầm đuổi theo cầm thú, một mình một ngựa lao nhanh, đơn độc đến giữa rừng sâu. Lúc ấy Vương vô cùng mệt mỏi xuống ngựa nghỉ ngơi một lúc. Bấy giờ trong rừng có con sư tữ cái, tâm ôm ấp dục vọng tràn đầy đi tìm bạn tình của mình. Bởi vì không thể nào gặp được, ở giữa rừng thấy Vương ngồi một mình, ý dâm càng mạnh lên, suy nghĩ cần phải từ nơi Vương, đến gần cạnh nơi ấy, đưa đuôi đứng quay lưng. Vương biết ý đó bèn tự tư duy: Đây là mãnh thú sức mạnh có thể giết chết mình, nếu không thuận theo ý thì có thể gặp tai họa nguy hiểm. Vương vì sợ hãi cho nên liền thuận theo sư tử làm cho đạt được ham muốn rồi, sư tử lại ra đi. Các toán quân tùy tùng đã tiếp tục đến nơi, Vương cùng mọi người liền trở về cung thành. Lúc bấy giờ sư tử từ đó mang thai, ngày tháng đã đủ thì sanh ra một con, hình dáng hoàn toàn giống như người, chỉ có chân vằn vện lấm chấm. Dư tử nhớ lại biết rõ là Vương có phần, liền ngậm mang đến đặt ở trước cung Vương. Vương cũng suy nghĩ nhớ lại biết là con mình, liền nhận lấy nuôi dưỡng. Vì chân vằn vện lấm chấm cho nên đặt tên là Ban Túc. Nuôi dưỡng dần dần trưởng thành có tài trí chí hướng dũng mãnh. Phụ Vương băng hà, Ban Túc kế tục trị vì. Lúc ấy Ban Túc Vương có hai phu nhân, một người là dòng dõi vua chúa, một người là dòng dõi Bà la môn. Ban Túc đi ra ngoài dạo chơi, khuyến khích hai phu nhân đi theo mình đến sau, ai đến trước thì sẽ cùng vui đùa với nhau suốt một ngày thật tuyệt vời, người rơi lại

đằng sau thì ta không gặp mặt. Sau khi nhà vua ra đi, hai phu nhân tự mình trang điểm rất đẹp, kiệu xe trang nghiêm cùng lên đường. Đến ở giữa đường trông thấy đền thờ Thiên thần, phu nhân dòng dõi Phạm chí xuống xe làm lễ, lễ rồi đến sau. Nhà vua từ trước vốn có nói ai mà không đến trước thì không gặp mặt. Thế là phu nhân đến sau oán giận Thiên thần: Bởi vì lễ lạy ông cho nên khiến nhà vua đối xử bạc bẽo, nếu có sức mạnh của Thiên thần tại sao không bảo vệ tôi? Sau đó hủy hoại đền thờ Thiên thần làm cho bằng như đất. Thần giữ đền thời Thiên thần, buồn phiền xót xa đến cung thành muốn làm hại cung điện nhà vua. Thiên thần ngăn cản không cho phép đi vào. Có một người Tiên cư trú trong núi, nhà vua luôn luôn cúng dường, hàng ngày đến giờ ăn bay vào cung vua, không ăn cơm nước thịnh soạn mà ăn đạm bạc-dân cúng đạm bạc. Gặp một hôm người Tiên không đến, Thiên thần biết rõ, hóa làm hình dáng người Tiên, ngồi ở nơi thường ngồi, không chịu đến ăn mà muốn có được thịt cá. Nhà vua liền như lời làm thức ăn, ăn xong quay trở về. Ngày hôm sau người Tiên cũ đến, làm thức ăn thịt cá bày ra, người Tiên giận mắng nhà vua. Nhà vua nói: Đại Tiên hôm trước bảo làm như vậy, sao hôm nay không ăn? Người Tiên nói cho biết rằng: Hôm qua có tai họa một ngày không đến đây, thì ai nói với ông, chỉ tự mình tùy tiện thử lòng ta, khiến cho nhà vua sau này trong mười hai năm luôn luôn ăn thịt người! Nói lời này xong bay trở về trong núi. Sau đó người đầu bếp quên không mua thịt, đến lúc xảy ra không có cách gì, đi ra ngoài kiếm thịt, thấy đứa bé đã chết, trắng mập nằm trên mặt đất, nghĩ tạm thời gặp lúc vội vàng, liền nắm lấy đầu chân, vác về trong nhà bếp, thêm các loại thuốc quý, làm thức ăn cho nhà vua. Nhà vua có được món ăn cảm thấy ngon gấp bội ngày thường, liền hỏi người đầu bếp, từ nhỏ đến nay ăn thịt chưa có bao giờ ngon như vậy, đây là thịt gì? Người đầu bếp kinh hoàng sợ hãi lại thưa rõ với nhà vua rằng: Nếu nhà vua tha tội thì mới dám nói sự thật! Nhà vua trả lời rằng: Cứ nói sự thật, Ta không hỏi tội ông đâu. Người đầu bếp thưa với nhà vua, kể lại đầy đủ báo ứng trước kia. Nhà vua nói: Thịt này rất ngon, từ nay về sau tìm mua loại thịt như vậy. Người đầu bếp thưa với nhà vua: Thịt trước đây là tình cờ gặp đứa bé chết, tiếp tục tìm kiếm không thể có được. Nhà vua lại nói rằng: Ông chỉ bí mật tìm kiếm, nếu như có ai phát giác thì quyết định giải quyết do ta. Người đầu bếp vâng lời vào ban đêm luôn luôn bí mật bắt được thì giết thịt, ngày ngày cung cấp cho nhà vua. Vào lúc ấy nhân dân trong thành cùng cảnh ngộ như nhau, tất cả đều đi tìm và khóc lóc nói rằng bị mất con, lần lượt đến hỏi nhau do đâu mà như

vậy? Các quan chức tập trung bàn bạc nên thử kín đáo quan sát xem sao. Thế là ở khắp đường xá ngõ ngách, mọi nơi đều có người quan sát cẩn thận, thấy người đầu bếp của nhà vua dẫn đứa bé con người ta, người quan sát vây lại bắt được, trói dẫn đến chỗ nhà vua, đem tất cả sự việc trước đó thưa với nhà vua. Nhà vua nói: Đó là do ta ra lệnh. Các quan chức ôm hận trong lòng, tất cả tự ra ngoài bàn luận rằng: Nhà vua chính là kẻ giặc ăn thịt con cái của chúng ta, vua ăn thịt người làm sao có thể trị vì đất nước, nên cùng nhau loại trừ để không còn mối họa tai hại này! Tất cả đồng lòng cùng nhau bàn bạc rằng: Trong một lúc cùng nhau hợp lại, lập tức vây quanh nơi nhà vua, nên bắt giữ mà giết chết. Nhà vua thấy quân binh tập trung thì kinh sợ hỏi rằng: Các người vì sao lại bao vây bức bách ta? Các quan đáp rằng: Nói đến người làm vua, thì phải nuôi dân làm sự nghiệp, nhưng lại sai người đầu bếp giết người làm thức ăn, không chịu nổi sự độc ác tàn bạo cho nên muốn giết chết nhà vua. Nhà vua nói với các quan rằng: Từ nay về sau không làm thêm điều này nữa, chỉ mong được tha thứ thì sẽ tự mình cố gắng sửa chữa! Các quan nói rằng: Dứt khoát không thể tha được, không cần phải nói nhiều. Lúc ấy nhà vua nghe xong tự biết mình chắc chắn phải chết, liền nói với các quan: Tuy là sẽ giết ta, nhưng hoãn lại một chút, cho phép ta nói một lời! Liền tự lập thành lời thề rằng: Thân ta từ trước đến nay, do tu thiện hạnh mà làm vua trị vì chính đáng, cúng dường người Tiên, tập hợp những điều thiện đức, trở lại khiến cho hôm nay ta được biến thành La sát bay đi. Nói lời ấy xong rồi theo lời nói mà thành tựu, liền bay giữa hư không, nói với các quan rằng: Các ông hợp lực muốn dùng sức mạnh để giết ta, nhờ may mắn to lớn của ta lại có thể tự mình vượt lên, từ nay về sau các ông nên bảo vệ vợ con yêu quý của mình, ta sẽ lần lượt ăn thịt họ. Nói xong liền bay đi, vào cư trú trong núi rừng, thường bay đi khắp nơi bắt người, mang về để ăn thịt. Tất cả nhân dân sợ hãi đều tìm cách ẩn kín để tránh tai họa. Như vậy về sau bắt giết ăn thịt nhiều người, các thế hệ la sát dựa theo làm vây cánh, đồ chúng dần dần nhiều lên gây hại càng nhiều hơn. Sau đó các la sát thưa với Ban Túc Vương: Chúng tôi tôn trọng làm việc, vì nhà vua mong làm một hội lớn. Ban Túc Vương liền đồng ý, nói rằng: Nên bắt các vị vua khiến đủ số năm trăm, ta sẽ cho các ông mở hội. Chấp nhận yêu cầu rồi, tất cả đều đi bắt đem về giam trong núi sâu, đã bắt được 499 vụ vua, còn thiếu một người. Sau đó bắt được Tu Đà Tố Di Vương, có nhiều đức hạnh cao xa, theo vị vua la sát xin được nghỉ bảy ngày. Ngày nghỉ đã hết liền trở lại. Tu Đà Tố Di thuyết pháp cho các la sát, phân biệt rõ ràng về tội giết

hại và ác báo của nó, lại thuyết về phước của tâm Từ không giết hại. Ban Túc Vương hoan hỷ cung kính làm lễ, tiếp theo sử dụng giáo pháp ấy không còn tâm gây hại nữa, lập tức thả các vị vua đệu tự mình trở về đất nước của mình. Tu Đà Tố Di liền giúp quân lính dẫn Ban Túc Vương trở về an trú tại đất nước của mình. Lời thề mười hai năm của người Tiên trước kia đã hết, từ đây về sau không còn ăn thịt người nữa, thế là trở lại ngôi vua trị vì dân chúng như cũ. Tu Đà Tố Di Vương lúc bấy giờ, nay chính là thân Ta. Ban Túc Vương lúc ấy, nay chính là Ương Quật Ma La. Những người bị Ban Túc Vương đã ăn thịt trong mười hai năm lúc bấy giờ, nay chính là những người đã bị Ương Quật Ma La giết hại. Những người này đều đời đời thường bị Ương Quật Ma La giết hại, Ta cũng đời đời làm cho phải thuần phục theo thiện Ương Quật Ma La ấy chính là Tỳ kheo Chỉ Man vậy.

Lúc ấy vua Ba Tư Nặc lại thưa với Đức Phật rằng: Tỳ kheo Chỉ Man giết hại nhiều người như vậy, ăn thịt rồi đắc đạo, phải nhận chịu báo ứng hay không? Đức Phật bảo với Đại Vương: Hành chắc chắn phải có báo, nay Tỳ kheo này ở trong phòng Tăng, lửa của địa ngục từ chân lông phát ra, lo sợ đau khổ vô cùng, xót xa phiền muộn không thể nói hết. Đức Phật bảo cho một Tỳ kheo: Ông mang cái chốt cửa, đi đến phòng của Chỉ Man, đâm vào trong lỗ hổng của cửa! Tỳ kheo liền vâng lời đi đến cửa phòng của Chỉ Man, đẩy cái chốt cửa vào trong cửa, lập tức tự nhiên tiêu tan. Tỳ kheo kinh ngạc trở lại thưa với Đức Phật. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Hành có báo như vậy, Nhà vua và toàn thể chúng hội, không có ai không phát sinh niềm tin sâu sắc.”

Tụng rằng:

Tài-sắc cùng với rượu,
Gọi là ba mê hoặc,
Quan đam mê mất nhà,
Vua đắm say mất nước.
Thịt ngăn cách Đại Từ,
Ngũ tân ngăn Tịnh Đức,
Quân tử mang tâm đạo,
Ô trược này không ham.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 94

Nhân duyên cảm ứng (Thiên Tửu Nhục).

Sơ lược dẫn ra 14 chuyện: 1- Lạc Tử Uyên thời Hán; 2- Sa môn Pháp Ngộ thời Tấn; 3- Dữu Thiệu Chi thời Tấn; 4- Tưởng Tiểu Đức thời Tống; 5- Sa môn Trúc Tuệ Xí thời Tống; 6- Gia Cát Khác thời Ngô; 7- Chu Vũ Đế; 8- Triệu Văn Nhã thời Tùy; 9- Tôn Hồi Phác thời Đường; 10- Lý Thị thời Đường; 11- Trịnh Sư Biện thời Đường; 12- Vi Tri Thập thời Đường; 13- Tạ Thích Thị thời Đường. 14- Nhậm Ngũ Nương thời Đường.

1. Thời Hán Hiếu Xương, có Lạc Tử Uyên là một dũng sĩ, tự nói là người vùng Lạc Dương, trong thời Hiếu Xương đóng giữ tại Bành Thành, người cùng quân trại với Tử Uyên là Phàn Nguyên Bảo, được nghỉ phép trở về Kinh Sư, Tử Uyên trao cho một phong thư khiến đến đưa giúp và dặn: Nhà đó ở phía Nam của Linh Đài gần Lạc Thủy, khanh chỉ đến chỗ ấy, người nhà tự ra sẽ gặp nhau! Nguyên Bảo như lời nói, đến phía Nam của Linh Đài thấy không có người nhà, băn khoăn muốn đi, bỗng nhiên thấy một ông lão hỏi rằng: Từ đâu mà đến đây? Sao bồi hồi ở nơi này? Nguyên Bảo đến gần nó rõ đầu đuôi sự việc.. Ông lão nói: Chính là con trai ta. Nhận lấy thư rồi dẫn Nguyên Bảo đi vào, mới thấy nhà cửa cao rộng lầu đài tráng lệ vô cùng. Liền cùng nhau ngồi sai người hầu lấy rượu. Chốc lát người hầu ôm một đứa bé đã chết đi qua, Nguyên Bảo nhìn thấy rất quái lạ. Lát sau rượu mang đến, màu rượu đỏ tươi, thơm ngon khác thường, cùng bày biện thức ăn có đủ sơn hào hải vị. Ăn uống xong rồi xin cáo từ, ông lão đưa tiễn Nguyên Bảo đi ra và nói: Khó mong được gặp lại lần sau. Vì vậy mà hối tiếc buồn bã, chia tay rất thiết tha ân cần. Ông lão quay trở vào, nguyên Bảo không còn thấy cửa ngõ ấy, chỉ thấy sườn núi cao đứng trước dòng sông sóng nước dập dờn. Lát sau chỉ thấy một đứa trẻ khoảng chừng 15 tuổi, mới bị chết đuối máu trong mũi đang chảy ra, mới biết rượu đã uống trước đây chính là máu. Đến khi trở về Bánh Thành thì Tử Uyên đã mất

rồi. Nguyên Bảo và Tử Uyên cùng đóng quân trấn giữ ba năm, nhưng không biết chính là thần của vùng Lạc Thủy.

(Chuyện này trích trong Lạc Dương Tự Ký Lục).

2. Thời nhà Tấn có Sa môn Thích Pháp Ngộ ở chùa Trường Sa vùng Kinh Châu, không biết là người nơi nào, tuổi trẻ ham học dốc chí theo kinh điển, thờ Đạo An làm thấy, hiểu biết khác thường, thế là rời chổ ở đi về phía Đông xuống ở lại trong chùa Trường Sa vùng Giang Lăng thuyết giảng kinh pháp. Người theo học có hơn bốn trăm người, lúc ấy có một vị Tăng, uống rượu bỏ quên thắp hương buổi tối, Pháp Ngộ chỉ ngăn lại trách phạt mà không đuổi đi. Đạo An từ xa nghe thấy, lấy ống tre chứa một chiếc roi bằng cây Kinh, tự tay mình niêm phong, viết vào để gởi cho Pháp Ngộ. Pháp Ngộ mở niêm phong thấy cây roi liền nói rằng: Đây là do uống rượu, ta khuyên răn dạy bảo không chịu khó rời xa mà để lại món quà buồn la này. Liền khiến vị Duy na gõ bảng tập trung đại chúng, lấy ống tre đựng chiếc roi đặt trên ghế, đi thắp hương xong, Pháp Ngộ mới đứng dây đi ra trước đại chúng, hướng về ống tre lễ chào cung kính, ngay sau đó nằm sát dưới đất, khiến vị Duy na đánh roi ba lần, rơi nước mắt tự trách mình ướt đẫm ống tre đựng chiếc roi. Lúc ấy đạo-tục vùng không có ai không thở than. Từ đó người theo học động viên nhau học theo rất đông. Sau đó viết thư cho Tuệ Viễn rằng: Tôi là người tối tăm kém cỏi không có năng lực dẫn dắt mọi người, Hòa thượng tuy cách trở ở khu vực khác, hãy còn từ xa rủ lòng nghĩ đến buồn so, tội lỗi của tôi thật là sâu dày! Về sau qua đời tại Giang Lăng, hưởng thọ 60 tuổi.

(Chuyện trên đây trong Lương Cao Tăng Truyện).

3. Thời nhà Tấn có Dữu Thiệu Chi ở vùng Tân Dã, thưở bé tên là Đạo Phúc. Thời nhà Tấn làm quan Thái thú vùng Tương Đông cùng với em trai trong họ là Tống Hiệp ở Nam Dương có tình cảm vấn vương thật tốt đẹp. Cuối thời Tấn Nguyên Hưng, Thiệu Chi bệnh nặng qua đời, trong thời Tấn Nghĩa Hi bỗng nhiên hiện hình đến thăm Tống Hiệp, hình dáng áo quần đểu giống như lúc còn sống, nhưng hai chân bị mang gông. Đã đến nơi rồi liền cởi gông ra, đặt xuống đất mà ngồi. Tống Hiệp hỏi vì sao mà quay lại được? Đáp rằng: Tạm thời được nghỉ mà quay về, cùng với em thân thiết tốt đẹp cho nên tự mình đi qua đây. Tống Hiệp hỏi về chuyện cũa quỷ thần, Thiệu Chi thì sơ lược nói chứ không nói gì chính xác lắm, chỉ nói rằng: Nên chịu khó tinh tiến không được giết hại mạng sống, nếu không có thể đoạn tuyệt tất cả thì cũng đừng giết thịt trâu bò, lúc ăn thịt không nên ăn tim của loài vật. Tống Hiệp nói:

Ngũ tạng và thịt thì có gì khác nhau vậy? Đáp rằng: Trái tim là nhà của Thiện thần, nếu ăn thì mang tội rất nặng. Hỏi thăm tất cả thân thích, nhân đó nói đến chuyện đời, cuối cùng lại muốn uống rượu. Tống Hiệp luôn luôn có rượu ngâm vị thuốc của cây thù du và bánh ngọt, vì thế liền bày ra. Rượu bày ra chế vào ly mà không uống, nói rằng: Có mùi của cây thù du. Tống Hiệp nói: Là rượu dở chăng? Đáp rằng: Các quan dưới đó đều sợ mùi này, chứ không riêng gì anh. Thiệu Chi là người có tiếng nói cao và mạnh, lúc trò chuyện này không khác gì ngày thường. Một lúc sau con của Tống Hiệp từ xa đi đến, Thiệu Chi nghe tiếng dép thì sắc mặt có vẻ rất sợ hãi, nói với Tống Hiệp rằng: Sinh khí bị lấn át không thể ở lại được, cùng với em cách biệt ba năm mà thôi. Thế là luồn gông vào mà đứng dậy, đi ra cửa liền mất dạng. Về sau Tống Hiệp làm quan Chánh viên lang, quả nhiên ba năm mà qua đời.

4. Thời nhà Tống có Trưởng Tiểu Đức, là người vùng Giang Lăng, làm Thứ Sử Nhạc Châu, lúc ấy Chu Tuân làm Thính sự giám sư, thấy trẻ mà có lòng tín nghĩa hướng đạo, chăm chỉ hơn người; Chu Tuân rất thích, cứ mỗi lần có pháp sự thì khiến trông coi biết rõ sự việc ấy. Cuối niên hiệu Tống Đại Minh mắc bệnh mà chết, vào canh ba trong đêm đã sắp tẩm liệm, thì sống lại mà nói" Có sứ giả gọi tên bảo là nhà vua truyền lệnh triệu tập. Tiểu Đức liền đi theo. Đã đến nơi, nhà vua nói: " Ông chịu khó siêng năng cẩn thận cung kính vâng theo Đại pháp, Đế ban cho ý chỉ tốt nhất, để ông chuyên chú đến cùng, nên mau chóng sanh vào nơi tốt lành, mà số mạng của ông còn dài, cho nên khiến ta đặc biệt tự mình gọi đến, hôm nay ông sắp nhận được sự vui vẻ sung sướng trong cõi trời. Tiểu Đức vui mừng vặng dạ. Nhà vua nói: Ông có thể tạm thời trở về nhà mà gởi gắm gia đình thân thuộc những gì mong muốn, và làm công đức thật nhanh chóng, bảy ngày sau lại đến. Tiểu Đức nhận lời mà trở về, đường đi qua một nơi, có nhà nhỏ rất sơ sài rách nát, gặp Nan Công trong chùa Mới ở tại căn nhà này, trước đã vốn có quen biết, thăm hỏi nhau chu đáo. Nan Công nói: Bần đạo từ khi xuất gia đến nay chưa từng uống rượu, sáng sớm đến chỗ Lan Công, Lan Công khổ vì gặp nhau mà vui mừng khuyến khích nài ép uống hơn một thăng rượu, bị nhà vua gọi đến là vì lý do này, bần đạo nếu không vì điều này thì sẽ được sanh lên cõi trời, nay phải ở tại căn nhà rách nát này, ba năm sau mới được lên phía trên vậy. Tiểu Đức về đến nhà muốn nghiệm đúng lời ấy, ngay trong đêm vội vàng sai người tìm hiểu hỏi han rõ ràng. Quả nhiên Nan Công vào ngày ấy, ở chỗ Lan Công nằm ngủ, đến tối mà chết. Tiểu Đức đã khỏi bệnh, trong bảy ngày thiết lễ cúng

dường làm phước rất nhiều, đến thời hạn bỗng nhiên mà qua đời. Chu Tuân liền miễn tất cả thuế má cho hai gia đình hai vị Tăng là Nam Công và Lan Công, cùng ở trong chùa Mới. Đạo hạnh củA-nan Công rất tốt đẹp, không giống như những vị Tăng khác.

5. Thời nhà Tống có Sa môn Trúc Tuệ Xí, người vùng Tân Dã, trú tại chùa Tứ Tầng vùng Giang Lăng, mất vào năm thứ hai thời Tống Vĩnh Sơ, đệ tử thay thầy thiết hội bảy ngày. Ngày ấy sắp tối thắp hương xong, Sa môn Đạo Hiền tiện thể đến nhìn Tuệ Xí, đệ tử đến trước phòng bỗng nhiên mơ màng dường như có người, nhìn rõ chính là Tuệ Xí, dung mạo áo quần không khác gì lúc còn sống, nói với Đạo Hiền rằng: Bữa sáng ông ăn thịt ngon không? Đạo Hiền nói: Ngon. Tuệ Xí nói: Tôi vì ăn thịt, nay sanh trong địa ngục chó đói. Đạo Hiền sợ hãi chưa kịp trả lời được, Tuệ Xí lại nói: Nếu ông không tin thì thử nhìn xem sau lưng tôi! Thế là quay lưng lại chỉ rõ cho Đạo Hiền thấy 3 con chó vàng, nửa hình giống như con lừa, mắt rất đỏ phát ra ánh sáng soi chiếu trong cửa, hình tướng muốn cắn Tuệ Xí mà lại đứng yên. Đạo Hiền kinh sợ bất tỉnh nhân sự, rất lâu mới tỉnh lại, nói đầy đủ sự việc ấy.

(Hai chuyện trên đây trích trong Minh Trường Ký.)

6. Ngô Ấu Đế lên ngôi, Gia Cát Khác phụ giúp công việc triều chính, Tôn Tuấn làm Thị trung đại tướng quân. Cát Khác mạnh mẽ lại khinh người ngạo vật, Tôn Tuấn hiểm độc dò xét mà thích phá hoại. Năm thứ 3 thời Ngô Phụng Hoàng, Cát Khác đánh Tân Thành không có công mà trở về, Tôn Tuấn mong dùng ảnh hưởng của Ấu Đế mà giết Cát Khác. Hôm ấy tinh thần Cát Khác bị rối loạn, suốt đêm không nghủ. Trương Ước-Đằng Duệ đem mưu kế của Tôn Tuấn nói cho Cát Khac biết. Cát Khác nói: Thằng nhãi ấy sao có thể làm được, chẳng qua nhờ vào cơm rượu mà làm rượu độc để hại người thôi. Dẫn người thân tín lấy rượu thuốc tự mình mang theo. Cát Khác sắp đi vào thì con chó chạy theo ngậm lấy vạt áo của Cát Khác, không đi được ba bước, Cát Khác quay lại nhìn vỗ đầu con chó và nói: Sợ gì, không có khổ nạn đâu. Đã đi vào bên trong thì bị Tôn Tuấn phục binh giết chết. Sau Tôn Tuấn mắc bệnh mộng thấy, bị Cát Khác đánh mà điên cuồng nói là thường trông thấy Cát Khác, không bao lâu thì chết.

(Chuyện này trích trong Oan Hồn Chí.)

7. Chu Vũ Đế thích ăn trứng gà, mỗi lần ăn mấy quả. Có quan giám thiện tên Nghi Đồng gọi là Bạt Hổ, thường ngày dâng thức ăn lên nhà vua có được sự sủng ái. Tùy Văn Đế lên ngôi, vẫn còn tiếp tục làm giám thiên dâng thức ăn. Giữa thời Tùy Khai Hoàng đột ngột

mà chết, nhưng vùng tim hãy còn ấm, người nhà không đành lòng tẩm liệm, ba ngày mới sống lại, có thể nói năng được thì trước hết nói rằng: Đưa tôi đến gặp đấng chí tôn, để thuật lại lời Vũ Đế. Đã ở ngay trước mắt mà thỉnh cầu, Văn Đế gọi ra để hỏi. Nói rằng: Bắt đầu bỗng nhiên thấy người đến gọi, đi theo đến một nơi, có hang đất rộng, mà đường đi thẳng vào, mới đến cửa hang. Từ xa thấy phia Tây có trăm kỵ binh xuất hiện, nghi thức hộ vệ giống như vua chúa. Chốc lát đến cửa hang, thì chính là Chu Vũ Đế. Nghi Đồng vái lạy, Vũ Đế nói: Nhà vua gọi ông chứng minh việc của Ta mà thôi, thân ông không có tội. Nói xong liền đi vào trong cung, sứ giả cũng dẫn Nghi Đồng khiến trông thấy cửa cung, dẫn đi vào trước sân, thấy Vũ Đế và nhà vua cùng ngồi, mà có thêm dung mạo cung kính. Sứ giả khiến Nghi Đồng vái lạy nhà vua. Nhà vua hỏi: Ông làm thức ăn cho Vũ Đế, trước sau dâng lên bao nhiêu quả Bạch Đoàn? Nghi Đồng không biết bạch Đoàn là gì bèn quay lại nhìn hai bên. Quân lính hai bên giải thích rằng: Tên gọi của trứng gà là Bạch Đoàn ấy mà. Nghi Đồng liền trả lời: Vũ Đế ăn Bạch Đoàn thật sự không nhớ số lượng. Nhà vua nói với Vũ Đế: Người này không nhớ, trước mắt cần phải ra ngoài. Vũ Đế đau thương sầu thảm mà đứng dậy không vui, bỗng nhiên trông thấy trước sân có chiếc giường bằng sắt cùng mấy chục ngục tốt, đều là đầu trâu thân người. Vũ Đế đã nằm trên giường, ngục tốt dùng xà ngang bằng sắt đè xuống, hai bên sườn Vũ Đế có một chỗ toạc ra, toàn bộ gà con chui ra. Chốc lát ngang cùng với chiếc giường, khoảng hơn mười hộc. Thế là theo lệnh nhà vua đếm tất cả từ đầu đến cuối, thì giường và ngục tốt bỗng nhiên không thấy nữa. Vũ Đế đã lại ngồi bên cạnh chỗ nhà vua. Vũ Đế nói với Nghi Đồng rằng: Bởi vì Ta nghe Thiên tử Đại Tùy, xưa cùng ăn với Ta, kho tàng ngọc ngà lụa là quý báu cũng do Ta để dành, nay thân Ta vì hủy diệt Phật pháp cho nên cuối cùng nhận chịu khổ báo to lớn, có thể làm công đức giúp cho Ta! Ngay sau đó Văn Đế truyền lệnh cho người khắp đất nước, mỗi người trích ra một quan tiền để làm phước truy tiến giúp người đã khuất. Tùy ngoại tổ là Tề Công đích thân đến gặp để hỏi rõ thời gian, trở về nhà nói lại đầy đủ sự việc.

8. Sau trong thời Tùy Đại Nghiệp ở huyện Trường An-Ung Châu có người họ triệu tên là Văn Nhã, chết đã bảy ngày, người nhà chuẩn mọi thứ sắp dưa vào quan tài, bỗng nhiên có một chân lại, người nhà sợ hãi không dám đưa vào quan tài. Văn Nhã được sống lại, quyến thuộc vui mừng hỏi nguyên cớ thế nào? Văn Nhã nói cho biết rằng: Lúc ấy chết, thấy có người dẫn đi đến chỗ Diêm La Vương. Diêm La Vương

hỏi Văn Nhã: Lúc ông còn sống làm phước nghiệp gì? Văn Nhã thưa với nhà vua: Thọ trì Kinh Kim Cang Bát Nhã. Nhà vua khen rằng: Tốt lành thay, phước này là bậc nhất, tuy ông có phước thiện, nhưng lại dẫn ông đi chỉ rõ nơi nhận chịu tội lỗi của ông. Sai một người dẫn Văn Nhã đi về phía Bắc 10 bước đến một bức tường có lỗ hổng, khiến Văn Nhã đi vào trong lỗ hổng, sát bức tường có người, thò tay từ trong lỗ hổng nắm lấy đầu Văn Nhã kéo ra, thật vô cùng vất vả, được vượt ra bên ngoài bức tường thấy địa ngục rộng lớn, vạc sôi-lò nóng-hình cụ tra tấn đau khổ-tội nhân chịu hình phạt khổ đau, không thể nào kể ra hết được. Ngay lúc ấy có rất nhiều loài heo dê gà cá ngỗng vịt, tranh nhau xuất hiện đi theo Văn Nhã đòi trả mạng sống. Văn Nhã nói: Tôi không ăn thịt thân các ngươi, tại sao lại bị thúc ép? Các loài súc sanh đều nói cho biết rằng: Ông ở trước kia vào nơi ấy-tháng ấy- mùa ấy-năm ấy ăn đầu-chân-thân-cánh của tôi, cắt lìa từng đoạn từng đoạn, mọi người cùng ăn nuốt, tại sao lại giấu tội? Văn Nhã thấy súc vật dẫn ra sự thật không dám chống cự, chỉ biết nhất tâm niệm Phật, hết sức hối hận về những tội lỗi, không nói ra được lời nào, lúc ấy cầu mong loài súc vật cho được sống để tu đầy đủ phước thiện đền trả tạ tội các loài súc vật. Các loài súc vật thấy được tu phước giúp cho thì lập tức thả ra. Sứ giả dẫn người đi qua nơi ấy đem Văn Nhã đến chỗ nhà vua, nói trông thấy nơi nhận chịu tội lỗi rồi, nhà vua đưa cho một cái bát đựng đầy đinh nhọn khiến Văn Nhã ăn hết, và dùng năm chiếc đinh, cắm vào đầu Văn Nhã, cổ với tay chân cũng bị đóng đinh. Sau đó tha cho qua. Văn Nhã được sống lại, nói đầy đủ sự việc này, nhưng mắc bệnh đầu và tay chân vô cùng đau đớn, mãi về sau tu phước thì sự đau đớn dần dần được chữa lành. Từ đó về sau chịu khó siêng năng trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã, không dám bỏ lỡ một chút thời gian, nhưng gặp đạo-tục quen hay lạ, đều khuyến khích thọ trì Kinh Kim Cang Bát Nhã. Sau đó nhân dịp đi làm sứ vào trong phòng làm việc của một trạm dịch, tạm thời dừng lại nghỉ ngơi, tựa như muốn ngủ. Lúc ấy mộng thấy một người phụ nữ mặc áo xanh cấp tốc chạy đến, cầu xin cứu mạng. Văn Nhã giật mình tỉnh ngủ, liền gọi trạm trưởng hỏi rằng: Ông không vì Ta mà sắp giết hại sinh mạng chứ? Trạm trưởng đáp rằng: Thật sự vì quan lớn mà sắp giết thịt một con dê. Văn Nhã hỏi rằng: Con dê ấy có màu gì? Đáp rằng: Là con dê cái lông cổ màu đen. Văn Nhã bảo cho biết rằng: Ông lập tức thả ra, Ta đưa cho ông giá trị số tiền chuộc lấy con dê thả ra. Nhờ vào uy lực của Kim Cang Bát Nhã mà cảm ứng để giúp đỡ chốn u minh như vậy.

9. Thời nhà Dường có Ngự y Tôn Hồi Phác hầu hạ trong Đại điện,

là người vùng Tế Âm. Vào năm thứ 13 thời Đường Trinh Quán, theo xa giá của nhà vua đến hang Tam Thiện- cung Cửu Thành, cùng với Ngụy Thái Sư nhà bên cạnh, đã từng canh hai trong đêm nghe bên ngoài có tiếng người gọi Tôn ngự y, Hồi Phát đứng dậy đi ra xem. Bên ngoài nói là mệnh lệnh của Thái Sư. Đã ra ngoài trông thấy hai người nói với Hồi Phác rằng: Quan cho gọi Hồi Phác. Hồi Phác nói: Tôi không thể nào đi bộ. Lập tức lấy ngựa cho Hồi Phác cưỡi, đi theo hai người. Thế là cảm thấy trời đất sáng sủa như ban ngày, Hồi Phác kinh ngạc mà không dám nói. Hai người dẫn Hồi Phác ra khỏi hang, đi về phía Đông nhà thờ các triều vua, tiếp tục đi về phía Đông Bắc khoảng sáu-bảy dặm, đến hang Mục Túc từ xa trông thấy có hai người bắt giữ Hàn Phụng Phượng dẫn đi, nói với hai người đang dẫn Hồi Phác rằng: Các ông truy tìm sai người rồi, tôi đã bắt được chính người này, các ông nên thả người kia ra. Thế là Hồi Phát được thả. Hồi Phác theo đường đi mà trở về, rõ ràng không khác gì nơi đi lại thường ngày. Đã đến nhà buộc ngựa, thấy người hầu gái ngủ trước cửa, gọi mà không trả lời. Bước qua đi vào cửa, trông thấy thân hình người hầu gái, cùng với vợ mình đều đang ngủ, muốn đi đến mà không đến được, chỉ đứng kề bức tường phía Nam cất tiếng gọi to nhưng người vợ hoàn toàn không trả lời. Trong nhà rất sáng, thấy trong góc tường có hai con ruồi giữa màng nhện, một con lớn-một con nhỏ, và thấy các vị thuốc đang treo trên xà nhà, tất cả đều rõ ràng, chỉ có điều là không thể đi đến giường được. Tự biết là mình đã chết, rất buồn phiền hối hận vì không thể từ biệt được cùng với vợ. Đứng dựa vào bức tường phía Nam rất lâu, hơi mơ màng thì bỗng nhiên giật mình tỉnh giấc, cảm thấy thân thể đã nằm trên giường, mà trong nhà tối đen không trông thấy gì cả. Gọi người vợ khiến dậy châm đèn, mà Hồi Phác đang dơ bẩn vô cùng, đứng dậy nhìn màng nhện rõ ràng không khác, thấy ngựa cũng rất dơ bẩn. Phụng Phương đêm ấy đột ngột mà chết.

Đến mười bảy năm sau, Hồi Phác nhận được lệnh truyền ruổi ngựa đến trạm dịch, hướng về Tề Châu chữa trị bệnh tật giúp cho Tề Vương, trở về đến trạm dịch Hiếu Nghĩ ở phía Đông vùng Lạc Châu, bỗng nhiên gặp một người đi đến hỏi rằng: Ông là Tôn Hồi Phác phải không? Hồi Phác nói: Phải, ông hỏi có việc gì? Đáp rằng: Tôi là quỷ mà thôi, Ngụy Thái Sư có văn thư tìm ông làm trong phòng ghi chép sổ sách. Nhân đó lấy văn thư ra chỉ cho Hồi Phác. Hồi Phác coi xét thì chính là Trịnh quốc công Ngụy Trưng ký tên. Hồi Phác kinh ngạc nói: Trịnh Công không chết, vì sao ông chuyển giao văn thư? Quỷ nói: Đã chết rồi, nay làm Đô lục đại giám Thái Dương, cho nên khiến tôi mời

ông. Hồi Phác khiến ngồi cùng ăn cơm, quỷ rất vui cảm ơn Hồi Phác. Hồi Phác đề nghị rằng: Tôi nhận được lệnh truyền đi làm sứ chưa trở về, Trịnh Công không nên tìm tôi, trở về kinh tâu bày sự việc xong, sau đó thuận theo mệnh lệnh có thể được chăng? Quỷ đồng ý. Thế là ngày thì cùng đi, đêm thì cùng ở lại, liền đến Văn Hương, quỷ chia tay nói: Tôi đi qua cửa ải rồi đứng đó đợi ông. Hồi Phác đi qua cửa ải ra cổng phía Tây đã thấy quỷ ở ngoài cổng, tiếp tục cùng đi đến Tư Thủy. Quỷ lại cùng với Hồi Phác chia tay nói: Đợi ông tâu bày sự việc xong thì gặp nhau, ông có thể đừng ăn các loại tanh nồng! Hồi Phác đồng ý. Đã tâu bày sự việc xong rồi hỏi thăm biết Trịnh Công đã chết, đối chiếu ngày Trịnh Công chết là ngày kia ở trạm dịch Hiếu Nghĩa. Hồi Phác tự cho rằng mình nhất định phải chết, cùng với người nhà từ biệt mà mời Tăng hành đạo, tạo tượng chép kinh làm công đức. Khoảng chừng 6-bảy ngày, trong đêm mộng thấy quỷ trước đây đến mời, dẫn Hồi Phác lên núi cao, trên đỉnh núi có cung điện rộng rãi. Đã đi vào bên trong gặp mọi người, nhà vua chào đón nói rằng: Người này tu phước không thể nào giữ lại được, có thể thả đi. Lập tức đẩy Hồi Phác rơi xuống núi, thế là giật mình tỉnh giấc, từ đó về sau không xảy ra điều gì. Hồi Phác tự mình đến kể lại sự việc như vậy.

10. Thời nhà Đường ở huyện Đột Khâu-Kí Châu có bà lão họ Lý, tuổi khoảng bảy mươi, không có con cái chỉ một mình già yếu, nhưng có hai người nô tỳ, nhà làm nghề bán rượu, thêm chút ít bột để kiếm chút chi phí cho việc chép kinh. Giữa thời Đường Trinh Quán vì bệnh mà tắt hơi, chết đã hai ngày, dụng cụ tẩm liệm đã có đủ, nhưng bởi vì trên ngực còn chút hơi ấm, sau đó mới sống lại. Miệng nói: Ban đầu có hai người đều mặc áo đỏ, ở trước cửa gọi ra, phía trên có dấu hiệu phái đi truy tìm, thế là đi theo họ. Đi đến một khu thành, có vẻ giống như tường thành bên ngoài của châu quận, dẫn vào toà nhà bên cạnh, trông thấy một quan lớn, áo mũ rất bệ vệ ngồi tựa vào bàn làm việc, tùy tùng rất nhiều, dưới bậc thềm có nhiều người mang gông xiềng, phòng vệ nghiêm ngặt như còn sống. Quan phủ sai người hỏi bà lão: Tại sao lạm dụng làm nghề bán rượu để lấy nhiều đồ vật của người ta, muốn làm kinh Pháp Hoa đã gần mười năm, vì sao không làm? Bà lão trình bày đầy đủ: Rượu khiến nô tỳ làm, số lượng cũng đèu do nô tỳ, kinh đã giao một ngàn đồng tiền cho Ẩn Sư. Lập tức sai người truy tìm nô tỳ, trong chốc lát thì dẫn đến, so sánh xáx đáng chủ yếu là do nô tỳ, liền đánh phạt bốn mươi roi rồi tha cho trở về. Sai người đến hỏi Ẩn Sư, đáp rằng điều này là thật, bèn nói với bà lão rằng: Tha cho người rời khỏi nơi này bảy ngày, kinh

chép xong sau này được sanh đến nơi tốt lành. Ngay sau đó được sống lại. Lại có người hỏi để so sánh với lời bà lão nói. Lúc mới chết, nô tỳ bị bất tỉnh rất lâu mới tỉnh lại, trước mặt sau lưng đều bầm đen, đó chính là dấu vết của bốn mươi roi phạt. Ẩn Thiền Sư ấy vốn là khách Tăng, đến ở chùa vùng Đột Khâu, tuổi gần sáu mươi-bảy mươi, từ lúc xuất gia thì hành hạnh đầu đà khất thực, thường ngày chỉ ăn một bữa, chưa hề tạm thời dừng bỏ, Đại Đức xa gần thảy đều tôn kính ngưỡng mộ. Đến bà lão bi bệnh chết, Ẩn Sư mộng thấy có người mặc áo đỏ đến hỏi, trong giấc mộng đáp rằng: Chép kinh là thật. Bà lão bèn thuyết phục làng xóm quyến thuộc và Ẩn Thiền Sư hành đạo, mướn nhiều người có học góp sức chung tay chép kinh, kinh chép xong vừa đúng bảy ngày. Lại trông thấy hai người trước đây xuất hiện trước mặt. Bà lão nói: Sứ giả đã đến, tất cả mọi người ở lại bình an. Tiếng nói dứt hẳn thì chết. Ẩn Sư vẫn còn sống, đạo-tục đều khâm phục và tôn kính.

11. Thời nhà Đường có Trịnh Sư Biện làm Binh tào tham quân Đông cung hữu giám môn, năm chưa đến 20 tuổi thì đột ngột mà chết, qua ba ngày sau sống lại, tự mình nói: Ban đầu có mấy người đến bắt trói, dẫn đi vào cổng lớn của quan phủ, thấy có hơn một trăm người tù, đều xếp thành hành đứng xoay mặt về phía Bắc, tất cả là 6 hàng. Những người đứng đầu hàng thì hình dáng mập trắng-áo quần đẹp đẽ, giống như người cao quý; người đứng hàng sau thì dần dần gầy ốm xấu xí, có người mang gông xiếng, có người chỉ bỏ khăn đai, đều nắm tay áo đứng thành hàng, binh lính canh giữ chặt chẽ. Sư Biện đến đưa vào đứng thứ 3 phía Đông hàng thứ 3, cũng bỏ khăn đai nắm tay áo nối nhau. Sư Biện lo sợ dốc lòng niệm Phật, bỗng nhiên trông thấy vị Tăng quen biết nhau lúc còn sống xuất hiện đi vào trong vòng vây của binh lính, binh lính không có ai ngăn lại, vì vẫy đến chỗ Sư Biện nói rằng: Lúc còn sống không tu phước, nay bỗng nhiên như vậy thì biết làm sao? Sư Biện nài nỉ cầu xin cứu giúp, vị Tăng nói: Nay tôi cứu ông, thoát ra được có thể trì giới hay không? Sư Biện vâng dạ đồng ý, chốc lát sứ giả dẫn các tù nhân đi vào đến trước quan lớn, theo thứ tự thẩm vấn rõ ràng, đến ngoài cổng giảng dạy năm giới cho họ, dùng bình nước rưới lên trán mọi người, nói rằng: Mặt trời đang còn ở phía Tây. Lại lấy một tấm áo choàng màu vàng đưa cho Sư Biện và nói rằng: Mặt trời đang còn ở phía tây. Lại lấy một tấm áo choàng màu vàng đưa cho Sư Biện và nói rằng: Kháoc áo này đến nhà, đặt vào nơi saục sẽ! Nhiều lần chỉ rõ đường trở về. Sư Biện khóac tấm áo choàng mà trở về đến nhà, cởi tấm áo choàng đặt trên góc giường, lát sau mở mắt cử động thân mình. Người nhà kinh

hãi tản ra nói là thấy xác đứng dậy, chỉ riêng người mẹ không rời xa, hỏi rằng: Con còn sống chăng? Sư Biện nói: Mặt trời đang còn ở phía Tây? Ý Sư Biện lúc ấy ngỡ là ban trưa cho nên hỏi mẹ, mẹ nói: Bây giờ đang nửa đêm. Mới biết sống-chết trái ngược nhau, ngày-đêm hoàn toàn sai khác. Đã đến lúc mặt trời ngả về Tây thì có thể ăn uống mà hồi phục, hãy còn thấy tấm áo choàng ở đầu giường, đến lúc Sư Biện có thể đứng dậy thì hình dạng tấm áo choàng dần dần phai mờ, mà vẫn còn có ánh sáng, qua bảy ngày mới hết. Sư Biện vâng lời giữ gìn năm giới. Sau nhiều năm trôi qua có người bạn khuyến khích nài ép ăn thịt heo, Sư Biện không thể nào từ chối được đành phải ăn một miếng, đêm ấy mộng thấy đã hóa làm La sát, răng-móng đều dài mấy thước bắt heo đang sống mà ăn thịt. Trời đã sáng cảm thấy miệng có mùi tanh, khạc nhổ ra máu, khiến người nhìn xem đầy miệng là máu đông. Sư Biện sợ hãi không dám ăn thịt nữa. Mấy năm sau cưới vợ, nhà vợ nài ép phải ăn, sau đó quả là không còn hiệu nghiệm, nhưng mà Sư Biện từ 5-sáu năm nay thân thể hôi thối, thường có nhiều vết lở nát rữa khác thường, thân hình như vậy không thể nào chữa lành, chắc là sợ rằng bởi vì trước kia đã phá giới. Lâm Tích và Sư Biện cùng canh gác tại Đông cung, thấy sự việc này tự mình nói rõ như vậy.

(Năm chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.)

12. Thời nhà Đường có Vi Tri Thập ở vùng Kinh Triệu làm chức Hữu Kim Ngô binh tào. Vào giữa thời Đường Vĩnh Huy nấu một cái chân dê, nửa ngày hãy còn sống, Tri Thập phẫn nộ vô cùng, mọi người nói: Dùng củi nhiều gấp mười lần so với bình thường, không biết ý thế nào? Như vậy vẫn ra lệnh tiếp tục nấu, lại vẫn như cũ, thế là ra lệnh cắt xẻ từ trong đó có được một pho tượng bằng đồng, cao khoảng chừng một tấc, ánh sáng chiếu rọi rực rỡ với đầy đủ tướng tốt. Cả nhà của Tri Thập sợ hãi suốt đời không dám ăn thịt uống rượu. Trung Sơn lang Dư Lệnh tự mình nghe nói lại chuyện này.

13. Thời nhà Dường ở thôn Diêm-huyện Vạn Niên-Ung Châu, tức là vùng giữa của Bá Thủy và Vị hà thuộc tỉnh Thiểm tây, có người phụ nữ họ Tạ, đi lấy chồng người họ Nguyên cùng huyện sinh được cô con gái, cô con gái lấy chồng người thôn Long tên là Lai A Chiếu. Phụ nữ họ Tạ mất cuối thời Đường Vĩnh Huy. Tháng 8 năm thứ nhất thời Đường Long Sóc, thác mộng vào nhà họ Lai, phụ nữ họ Tạ nói: Tôi vì lúc còn sống bán rượu, làm Thăng nhỏ còn lấy giá quá nhiều, lượng rượu lại thiếu, nay vì tội lỗi này, làm trâu trong nhà người ta ở chân núi phía Bắc, gần đây bị bán cho nhà Hạ hầu Sư ở chùa Pháp Giới, nay đem

tôi đến phía Nam thành cày ruộng làm lúa, vô cùng vất vả khổ sở. Đến lúc tỉnh ngủ cô con gái khóc lóc nói cho A Chiếu biết. Đến tháng Giêng năm thứ hai thời Đường Long Sóc, có cô Ni ở chùa Pháp Giới đến thôn của A Chiếu, cô con gái bèn hỏi cô Ni, có Ni nói cho biết: Có Hạ Hầu Sư, chuyện này là thật. Cô con gái liền đến chùa hỏi thăm. Trong chùa nói rằng: Gần đây ở dưới chân núi phía Bắc mua được một con trâu, bây giờ đang cày đất ở phía Nam thành. Cô con gái khóc lóc cầu xin các Ni trong chùa, các ni bèn cho người đưa cô con gái đến chỗ ấy. Con trâu này bình thường chỉ có một người cấm chế được nó, nếu gặp người khác thì nhất định lồng lên chống cự dữ tợn, thấy cô con gái đến bèn liếm khắp thân thể của cô gái, lại còn chảy nước mắt xót xa làm sao. Cô con gái liền nhờ Hạ Hầu Sư chuộc lại, thế là tùy ý cô con gái dẫn đi. Nay đang nuôi dưỡng ở nhà A Chiếu, cô con gái thường gọi là A Nương, cung cấp chăm sóc không thiếu sót. Vương hầu-phi đẳng ở chốn kinh sư, nhiều lần khiến mời đến xem, tranh nhau giúp cho tiền bạc lụa là.

14. Năm thứ nhất niên hiệu Long Sóc nhà Đường có Tỳ kheo Ni ở chùa Cánh Phước-Lạc Châu, tu hành trong phòng, có trẻ nhỏ hầu hạ tên là Nhậm Ngũ Ngương. Sau đó qua đời, Tỳ kheo Ni tu hành lập bàn thờ cho Ngũ Nương. Trải qua khoảng hơn một tháng, vào ngày nọ chị gái và em trai của Ngũ Nương ở trong đêm khuya bỗng nhiên nghe tiếng rên rỉ trên bàn thờ, cậu em trai ban đầu rất sợ hãi, sau mới hỏi là ai? Đáp rằng: Chị lúc còn sống ở trong chùa mà ăn thịt, vì tội này cho nên chịu nhiều đau khổ, trên thân thể chị có vết thương, sợ làm bẩn giường chiếu, em có thể lấy nhiều tro đặt trên giường vậy. Cậu em trai theo lời nói lấy tro rải lên, sau đó thấy trên giường có nhiều máu mủ. Lại nói với em trai rằng: Chị gái ưu sầu không thể nào may áo quần được, em trai thật là rách rưới, nên đem vải đến đây, chị may áo quần cho em. Cậu em trai đặt vải ở trên bàn thờ trải qua một đêm thì xong. Lại nói với người chọ gái rằng: Lúc còn bé bị ghẻ lở, liền giết một con cua lấy nước của nó xoa vào vết lở được chữa lành, nay vào địa ngục rừng dao, trong thịt hiện có bảy mũi dao gãy, mong chị nghĩ thương làm công đức cứu giúp cho em, biết chị nhiều nỗi khó khăn không thể nào lo liệu cứu giúp được, nhưng áo quần mang trên mình không ích gì cho người chết, nay cũng chưa hư hại, xin lấy mà sử dụng. Trong lúc người chị chưa trả lời, bèn nói: Em tự đi lấy về. Hồi lâu lại nói: Áo quần đã mang đến, đặt ở trên giường. Người chị gái thử đến nhìn xem, chính là áo quần đã tẩm liệm. Liền chuyển đến nơi Sư Bảo Hiến ở chùa Tịnh Độ, nhờ viết kinh Kim Cang Bát Nhã. Mỗi khi viết xong một quyển, liền báo biết rằng:

Đã lấy ra một mũi dao. Viết xong tất cả 7 quyển, bèn nói: Bảy mũi dao đều được rút ra hết, nay nhờ được phước giúp đỡ mà đi đầu thai. Cùng với chị gái và em trai khóc lóc từ biệt mà đi. Thẩm Huyền Pháp ở Ngô Hưng kể lại, Tăng Trí Cảnh ở chùa Tịnh Độ kể lại cũng giống như vậy.

(Ba chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

Căn cứ vào Tuyên Luật Sư Cảm Ứng Ký nói: “Tứ Thiên Vương cùng nói với Tuyên Luật Sư rằng: Thời Đức Phật tại thế tỏa ra ánh sáng rộng lớn, Đức Phật bảo với các hàng trời-người-rồng-quỷ thần rằng: Chánh pháp của Ta sau khi hoại diệt, có nhiều những hạng Tỳ kheo chấp vào dấu tích giáo pháp Tiểu thừa của Ta, không hiểu được ý nghĩa của Tỳ Ni, nói Ta cho phép các Tỳ kheo ăn thịt, thế là các hạng Tỳ kheo, ở trong chốn già lam Tăng thanh tịnh, giết hại chúng sanh, giống như nơi thợ săn giết mổ bày bán. Lại có Tỳ kheo, mặc toàn lụa là sặc sỡ đi lang thang khắp các quán rượu cùng với dâm nữ, không học hành rèn luyện ba Tặng, không giữ gìn cấm giới, thương xót thay và khổ đau thay! Các Tỳ kheo tệ hại, bài báng giáo pháp của Ta, sao lưỡi không rụng đi? Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ta ở trong vô lượng kiếp đến nay, xả bỏ đầu mắt tủy não, hoặc vào thời đói kém làm thân thịt lớn bố thí cho người đói khổ ấy, hoặc dùng tài sản trong-ngoài thân để bố thí chưa hề nuối tiếc, từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, lẽ nào dạy cho đệ tử ăn thịt chúng sanh ư? Ta đã Niết bàn, các Tỳ kheo tệ hại, tiếp tục bù vào chỗ Ta, làm thầy của trời người, giảng dạy khuyên bảo chúng sang, khiến cho đạt được đạo quả, lẽ nào có thầy của trời người mà miệng ăn thịt chúng sanh ư? Lúc ta mới thành đạo, tuy trong Tỳ Ni khai ra cho phép ăn ba loại thịt thanh tịnh, nhưng cũng không phải là chủng loại của bốn loài chúng sanh, mà chính là thịt của các loại thiền định, là thịt không nghĩ bàn được, không phải các ông mà biết được, tại sao bài báng giáo pháp của Ta? Ta vào Niết bàn ở trong kinh Lăng Già có nói: tất cả các loại thịt của mọi sinh mạng đều đã đoạn hết, không cho phép người trì giới ăn thịt là thân mạng của các chúng sanh. Nếu có Tỳ kheo tệ hại nào, nói trong giáo pháp Tỳ Ni cho phép ăn cá thịt-cho phép mặc áo tơ tằm, thì đây đều là ma thuyết. Ta thành đạo đến nay cho đến lúc Niết bàn, chỉ mặc ba y bằng vải thọ-vải bông, chứ chưa hề mặc lụa là sặc sỡ, vì sao lại bài báng ta vậy?”

Thiên thứ 94: UẾ TRƯỢC

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Ngũ tân, Tiệp khí, Tiện lợi.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Rằng năm Ấm giả tạo không thật-bốn Đại tạm bợ mong manh, nhận sắc chất hư dối này-sự việc giống như bình vẽ, cảm hình hài dơ bẩn này-lại giống như gạch chưa nung, trong ngoài không có gì thật-chạm vào đều thành nhiễm trước. Lại thêm sắc chất dơ bẩn của Diêm Phù-toàn thân đều là vật bất tịnh, thường ngày ăn thịt và uống rượu-luôn luôn ăn những loại hôi nồng, mùi thối tha xông thẳng lên cao- nhất làm áo quần chư Thiên rách tọac, thiện thần rời xa không bảo vệ-ác quỷ liên tục đến xâm hại. Tăng Ni phàm phu ở thế gian hãy còn không vui lòng tiếp cận, huống gì bậc Thánh Hiền xuất thế mà không thể tách lìa ra xa? Lại còn tám nỗi khổ bức bách dày vò-chín tai họa phá hủy năm tháng, từng niệm từng niệm cứ qua đi, từng tâm từng tâm khởi rồi diệt, chỉ có đắm nhiễm theo sáu tình, cuối cùng rơi vào ba đường ác, nguyện tất cả tu thân dưỡng tánh-làm cho tâm tư mình thanh tịnh!

Phần thứ hai: NGŨ TÂN

Như kinh Lăng Già nói: "Đức Phật dạy: Này Đại Tuệ! Như vậy tất cả hành hẹ tỏi kiệu đều là loại hôi hám dơ bẩn bất tịnh, luôn luôn chướng ngại Thánh đạo, cũng chướng ngại đến nơi thanh tịnh của trời-người thế gian, huống là quả báo Tịnh độ của chư Phật ư? Rượu cũng như vậy."

Còn trong kinh Niết bàn nói: "Ngay cả khi hành hẹ tỏi kiệu cũng đều như vậy, sẽ sanh vào nơi khổ đau dơ bẩn bất tịnh, luôn luôn chướng ngại Thánh đạo, cũng chướng ngại đến nơi thanh tịnh của trời –người thế gian, huống là quả báo Tịnh độ của chư Phật ư? Rượu cũng như vậy, luôn luôn chướng ngại Thánh đạo, luôn luôn làm hại thiện nghiệp, luôn luôn sinh ra những lỗi lầm."

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: "Không được ăn năm loại hôi nồng. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Cây hành; 2- Củ hành- 3- Tỏi; 4- Hưng cừ; 5- Lan thông."

Còn trong kinh Phạm Võng nói: " Nếu là Phật tử, thì không được ăn năm loại hôi nồng. Đó là đại toán (tỏi)-cánh thông (hành)-từ thông (hành cây)- lan thông (hành hương)-hưng cừ (kiệu). Năm loại này không được ăn."

Còn trong kinh Ngũ Tân Báo Ứng nói: "Bảy chúng đệ tử đều

không được ăn thịt và các loại hôi nồng, nếu ăn mà đọc tụng kinh luận thì mang tội. Có bệnh tật thì cho phép, ở nhà bạch y ngoài chốn già lam để chữa trị, đã đủ bốn mươi chín ngày, dùng nước nóng pha hương tấm gội xong, sau đó mơi được phép đọc tụng kinh luận thì không phạm."

Còn trong các luật tăng Kỳ-Thập Tụng-ngũ Phần nói: "Lại không có cách nào chữa trị thì cho phép Tỳ kheo bị bệnh ăn tỏi trong bảy ngày, ở một bên trong phòng nhỏ, không được nằm trên giường chiếu cảu Tăng, nơi đại tiểu tiện của chúng-nơi giảng đường đều không được đến. Cũng không được nhận lời thỉnh cầu và ăn trong tăng, không được đến lễ lạy trước Phật, có thể ở nơi cuối gió mà lễ lạy từ xa, bảy ngày đủ rồi tắm gội xông ướp áo quần, mới được vào trong chúng. Nếu có mắc bệnh ghẻ lở, thầy thuốc khuyên bảo cần phải dùng hương thơm chữa trị, thì Phật dạy trước hết nên cúng dường Phật rồi, sau đó mới cho phép xoa lên thân thể, vẫn ở nơi ngăn cách, cùng giống như pháp trước."

(Tính cách của xuất gia thuần khiết hãy còn khiến làm theo pháp như vậy, huống là người phàm tục dơ bẩn mà cho phép ăn hay sao?)

Phần thứ ba: **TIỆP KHÍ** (xả hơi).

Như luật Tăng Kỳ nói: "Nếu ở trong thiền phòng mà xả hơi, thì không được tùy tiện xả lớn tiếng. Nếu đến lúc xả, nên nén chịu đựng dùng tay bịt mũi. Nếu không thể nào nén được, thì nên dùng tay che mũi mà xả hơi, đừng để nước mũi vấy bẩn chỗ ngồi bên cạnh. Nếu Bậc thượng tọa xả hơi, thì nên nói Hòa Nam; hàng Hạ tọa xả hơi thì im lặng."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Lúc Đức Thế Tôn xả hơi, các Tỳ kheo chú nguyện rằng Trường Thọ. Lúc ấy có cư sĩ xả hơi, và lễ lạy Tỳ kheo, Đức Phật bảo Tỳ kheo chú nguyện rằng Trường Thọ."

Lại trong luật Tăng Kỳ nói: "Đức Phật dạy: Nếu hạ phong phát sinh bất chợt thì nên kìm chế. Nếu không thể nào chịu nổi thì nên đến ngồi phía sau, không được ở phía trước tùy tiện xả khí. Nếu khí phát sinh không thể nào chịu nổi thì nên ra khỏi đạo tràng, ở cuối gió mà thải ra."

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: "Khí có hai loại, một là khí hướng lên trên, hai là khí hướng xuống dưới. Lúc khí hướng lên trên sắp phát ra, đừng hướng về người khác há miệng khiến cho phát ra, nên quay mặt hướng về nơi không có người mà há miệng để cho phát ra. Nếu lúc khí hướng xuống dưới sắp thoát ra, thì không được phép thoát ra giữa chúng, cần phải tìm cách thuận tiện đi ra ngoài đến nơi không có người

để cho thoát ra, sau đó hãy vào lại trong chúng, đừng khiến cho đại chúng chê bai là hạng dốt nát hèn hạ. Lúc vào chùa tháp không được tùy tiện thải khí hướng xuống dưới, ngồi dưới tán cây nơi chùa tháp và giữa đại chúng cũng không được làm cho khí thoát ra. Trước thầy và trước các Đại đức- Thượng tọa cũng không được tùy tiện thải khí hướng xuống dưới phát ra tiếng. Nếu trong bụng có bệnh, thì mau chóng nên đi ra ngoài, đừng làm cho người ta sinh tâm chê bai hèn hạ."

***Phần thứ tư:* TIỆN LỢI** (vệ sinh)

Như kinh Ưu Bát Kỳ Vương nói: "Người đi đại tiện-tiểu tiện tự do trên đất của pháp giới già lam, năm trăm đời rơi vào địa ngục Bạt Ba. Sau trải qua hai mươi tiểu kiếp thường dùng khủy tay, ôm lấy đất thối tha dơ bẩn của nơi đại tiện-tiểu tiện này, cho đến lúc xuống chốn âm phủ."

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: "Trước phòng của các Tỳ kheo sinh hoạt, tiểu tiện khắp nơi làm bẩn mặt đất, mùi hôi thối cũng không thể đi được. Đức Phật nghe nói nên bảo với các Tỳ kheo: Từ nay trở đi không cho phép các Tỳ kheo đi tiểu tiện mọi nơi trong phạm vi Tăng già lam, nên tập trung một nơi có ngăn che cách xa, hoặc dùng lọ sành hoặc dùng ống cây, chôn trong đất đến đi tiểu tiện trong đó xong, dùng vất khác đậy phía trên, đừng để cho phát ra mùi hôi thối."

Lại trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: "Nếu lúc đi vào nhà xí thì trước hết nên lấy thẻ gỗ hoặc cọng cỏ đến trước cửa bật ngón tay ba lần làm dấu hiệu. Nếu có người hay loài phi nhân thì làm cho có thể nhận biết. Nếu không có thẻ thì không được. Không được chìu trên vách, không được chùi trên cột-xà-ván che nhà xí, không được dùng đá, cũng không được dùng cỏ xanh-hòn đất-vỏ cây mềm-là mềm-các loại cây khác. Vật nên sử dụng là gỗ-tre-lau sậy làm thẻ tùy theo mức độ. Pháp dài nhất là một gang tay, ngắn là bốn đốt ngón tay. Đã dùng rồi không được vung vẫy khiến cho bẩn trở thành sạch, không được bỏ vào trong các thẻ sạch. Đó gọi là pháp dùng thẻ và pháp đi vào trong nhà xí.

Đi vào nhà xí có hai nơi: Một là nơi từ đầu đến cuối; hai là nơi sử dụng nước. Ngồi đứng vén áo, tất cả giống như nơi từ đầu đến cuối không có gì khác. Trước cửa nhà xí đặt lọ nước sạch, lại nên đặt một cái lọ nhỏ. Nếu mình tự có lọ thì nên tự sử dụng của mình. Nếu người không có lọ, thì dùng lọ nhỏ bên cạnh nhà xí. Không được trực tiếp sử dụng lọ nước lớn của Tăng làm cho vấy bẩn. Đó gọi là pháp sử dụng nước trong nhà xí.

Trước tháp-trước chúng Tăng-trước Hòa thượng –A xà lê, không được há miệng to nhổ nước bọt trên đất. Nếu muốn nhổ nước bọt thì nên đến chỗ che khuất, đừng khiến cho người khác chê bai hèn hạ. Đó gọi là pháp khạc nhổ."

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "nếu đại-tiểu tiện xong không rửa sạch, thì Tỳ kheo phạm tội Đột cát la, cũng không được ngồi trên chỗ ngồi thanh tịnh của Tăng và lễ lạy Tam bảo, giả sử có lễ lạy cũng không có phước đức gì. Còn đến nhà sau trước khi vào nhà xí có hai mươi lăm đều: 1- Lúc muốn đại-tiểu tiện thì nên đi, không được trên đường đi mà làm lễ với Thượng tọa; 2- Cũng không nhận người khác lễ chào; 3- Lúc đi nên luôn luôn cúi đầu nhìn xuống đất; 4- Đến rồi nên bật ngón tay ba lần ra dấu; 5- Đã có người bật ngòn tay đáp lại thì không được thúc ép; 6- Đã bước lên bệ đứng thẳng bật ngón tay xong mới ngồi xuống; 7- Ngồi ngay chính giữa; 8- Không được một chân trước một chân sau; 9- Không được làm cho thân nghiêng về một bên; 10- Vén áo túm lại không được để cho rủ xuống trong hố xí; 11- Không được nín hơi quá làm cho đỏ mặt; 12- Nên nhìn thẳng về trước không được quay đầu lại lắng nghe; 13- Không được làm bẩn tường vách; 14- Không được cúi đầu nhìn trong hố xí; 15- Không được nhìn chỗ kín; 16- Không được dùng tay nắm chỗ kín; 17- Không được lấy có che đất; 18- Không được lấy cỏ vẽ lên tường vách làm chữ; 19- Dùng nước không được hao phí nhiều; 20- Không được làm bẩn nước rửa; 21- Dùng nước không được đưa tay trước nắm tay sau; 22- Dùng đất nên làm qua ba lần; 23- Nên dùng xà phìng; 24- Ba lần dùng nước rửa sạch; 25- Nếu thấy nước-cỏ-đất đã hết thì nên nói với người chịu trách nhiệm trực nhật, nếu tự tay mình lấy bổ xung thì đó là điều rất tốt."

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: "Đi đại tiện-tiểu tiện xong không dùng nước để rửa sạch, mà tiếp nhận sử dụng đồ vật bàn ghế giường chiếu của Tăng thì phạm lỗi."

Còn trong luận Ma Đức Lặc Già nói: "Đi đại tiện-tiểu tiện xong không dùng nước để rửa sạch thì không được lễ lạy; nơi khác không có nước, hoặc bị loài phi nhân nổi giận, do thủy thần nổi giận; hoặc là uống các loại thuốc, thì cho phép không phạm."

Còn trong kinh Tam Thiên Oai Nghi nói: "Không dùng nước để rửa sạch mà lễ lạy Đức Phật, giả sử lễ lạy thì cũng không có công đức gì."

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Có một Tỳ kheo không bật ngón tay ra hiệu mà đại-tiều tiện, tác đồ dơ bẩn trúng trên mặt quỷ, ma quỷ

rất tức giận muốn giết hại Sa môn. Sa môn trì giới thanh tịnh, ma quỷ đi theo rình rập tìm kiếm khuyết điểm của Sa môn, nhưng không sao có được dịp thuận tiện." (Đã biết điều này thì khi vào nhà xí nhất định phải cất tiếng làm hiệu cho biết).

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một người nghèo túng, tên là Ni Đề, rất nghèo túng hèn hạ, thường đi đổ phân cho người ta. Đức Phật biết đến lúc độ được, liền dẫn A-nan đi đến chỗ ấy. Đúng lúc gặp Ni Đề gánh phân ra ngoài thành, mà lúc sắp đổ bỏ thì bình vỡ làm bẩn thân hình. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn trong lòng sinh ra xấu hổ vô cùng, không còn lòng dạ nào để gặp được Đức Phật. Đức Phật đến chỗ ấy khoan dung thuyết pháp cho nghe, Ni Đề liền phát sinh tín tâm muốn được xuất gia. Đức Phật bảo A-nan dẫn đến giữa sông lấy nước tắm rửa xong, đem đến tinh xá Kỳ Hoàn, Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt được quả Tu đà hoàn, ngay sau đó xuất gia đạt được quả A La Hán. Người trong nước và vùa quan nghe người đó xuất gia đều sanh lòng oán hận, tại sao Đức Phật cho phép người này xuất gia? Vua Ba Tư Nặc liền đến nơi Đức Phật mong làm rõ điều này, đúng lúc gặp Ni Đề đang ngồi trên tảng đá lớn ngoài cổng tinh xá Kỳ Hoàn may vá lại chiếc y cũ, 700 chư Thiên đang cúng dường hương hoa. Nhà vua trông thấy rất hoan hỷ, thỉnh cầu trình bày rõ lên Đức Phật, Tỳ kheo Ni Đề ẩn thân hình vào trong tảng đá, ra vào thật tự tại; trình bày rõ ràng đã xong, nhà vua đến nơi dpp trước tiên thưa hỏi việc này, Tỳ kheo trước đây họ tên như thế nào? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Chính là người hèn hạ nhất trong nước của nhà cua, đó là Ni Đề đi đổ phân thuê ấy mà. Nhà vua nghe Đức Phật giải thích thì tâm bài báng, lập tức trừ hết, đến chỗ Ni Đế nắm chân làm lễ, sám hối tạ từ. Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Tỳ kheo Ni Đề xưa kia gây ra nghiệp gì mà nhận chịu thân phận hèn hạ này? Đức Phật bảo với nhà vua: Xưa kia sau khi Phật Ca Diếp nhập Niết bàn, có một Tỳ kheo, xuất gia tự tại, nắm giữ Tăng sự, thân có chút bệnh hoạn, lười nhác đứng lên ra vào cho nên đại tiện-tiểu tiện trong đồ dùng, sai một đệ tử mang đi đổ. Nhưng người đệ tử ấy là Thánh nhân Tu đà hoàn. Vì nhân duyên này, trôi lăn trong sanh tử luôn làm thân người hèn hạ, trong năm trăm đời làm người đi đổ phân thuê. Nhờ công đức xuất gia trì giới xưa kai, nay được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo."

(Bởi vì nghĩa này cho nên không được đại tiện-tiểu tiện trong phòng, vốn có dẫn đến tội lỗi như trước đã nói. Nhiều lúc thấy người phàm tục lười nhác không luôn luôn tự mình vận động, đặt đồ vật dơ

bẩn mà đại tiện-tiểu tiện ở trong phòng, khiến người khác hàng ngày mang đi đổ, đời vị lai chắc chắn rơi vào địa ngục. Dù cho được ra khỏi địa ngục, nhưng vận còn làm thân heo chó-bọ hung-sâu giòi nơi nhà xí.)

Còn trong kinh Phật Thuyết Trừ Tai Hoạn nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Đời quá khứ xưa kia, vào thời Phật Ca Diếp, tuổi thọ con người là hai vạn năm, Phật sự hoàn tất lại xả thọ mạng nhập Niết bàn.

Lúc bấy giờ có vị vua, tên gọi Thiện Cánh, cùng dường xá lợi xây tòa tháp bằng 7 thứ báu, cao một do tuần, tất cả chúng sanh thắp đèn đốt hương, cúng dường hương hoa lễ lạy thờ kính. Lúc ấy có nhiều người nữ muốn cúng dường tòa tháp, liền cùng dẫn nhau đến quét dọn sạch sẽ trong tháp. Lúc ấy có phân chó làm dơ bẩn đất trong tháp, có một người nữ dùng tay nhúm lấy vất đi. Lại có một người, thấy người nữ ấy dùng tay nhúm lấy phân chó vất đi thì nhổ nước bọt cười nói rằng: Tay cô đã dơ bẩn không thể đến gần được. Người nữ ấy mắng ngược lại: Bà tệ hại như vật dâm ô, nước rửa thì tay tôi liền được sạch. Y cung kính đối với Đức Phật là bậc thầy của trời người không hề ngưng lại, tay dọn sạch mọi thứ bất tịnh xong, liền rửa tay đi vòng quanh tháp cầu nguyện: Nay quét dọn đất tháp mọi thứ dơ bẩn được trừ sạch, khiến cho con đời đời tiêu diệt mọi trần lao cấu nhiễm được thanh tịnh không còn uế tạp. Những người nữ quét don đất tháp lúc ấy, nay chính là những người nữ trong pháp hội này; lúc bấy giờ quét dọn đất tháp nguyện diệt trừ trần lao nay uống được vị cam lộ. Người nữ dùng tay nhúm bỏ phân chó lúc bấy giờ, nay chính là Nại Nữ; lúc bấy giờ phát nguyện không hội tụ cùng với sự ô uế mà do thanh tịnh sinh ra. Nhờ phước báo này, không dựa vào nơi hôi hám dơ bẩn của bào thai, mà luôn luôn nhờ nơi hoa sanh ra. Bởi vì lúc bấy giờ phát ra một tiếng ác mắng là dâm nữ, cho nên nay nhận lấy tên gọi là Dâm Nữ này, mà gặp được Phật-được nghe pháp đạt đến quả Tu Đà hoàn."

Còn trong kinh Tạp Bảo tạng nói: "Pháp của Nam Thiên trúc thì nhà có một Đồng nữ, nhất định phải khiến cho sáng sớm quét dọn sạch sẽ trong sân và hai bên cửa ngõ. Có cô gái của Trưởng giả, sáng sớm quét don sân ngõ, đúng lúc gặp Như Lai đi qua ở trước cổng, trông thấy sanh lòng hoan hỷ, chú ý nhìn Đức Phật. Thọ mạng xoay chuyển ngắn ngủi liền qua đời sanh lên cõi trời. Người sanh lên cõi trởi thì pháp có ba ý niệm, tự mình tư duy rằng: Vốn là thân nào? Tự biết mình là thân người. Nay sanh đến nơi nào? Chắc chắn biết là cõi trời. Xưa làm nghiệp gì mà sanh đến nơi này? Biết là nhờ thiện nghiệp được thấy Đức

Phật mà sanh lòng hoan hỷ cảm được quả báo này. Cảm ân đức sâu nặng của Đức Phật cho nên đến cùng dường Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt được quả vị Tu đà hoàn."

Còn trong luận Tân Bà Sa nói: " Xưa ở nước Đức Xoa Thi La có một người nữ, đến lễ lạy nơi Nguyệt Quang Vương bố thí một ngàn thân mạng, Vô Ưu Vương đã dựng lên miếu thờ linh thiêng tôn kính, thấy có phân chó nên ở trước tòa tháp thờ Phật liền dấy lên suy nghĩ như vậy: Nơi này thanh tịnh, tại sao phân chó làm ô uế trong đó? Thế là dùng tay hốt dọn sạch sẽ lấy bột thơm xoa lên. Nhờ sức mạnh của thiện nghiệp, khiến cho khắp thân thể người nữ này phát ra hương thơm, giống hư cây Chiên đàn, trong miệng thường tỏa ra hương thơm cuủa hoa sen xanh. Nếu các chúng sanh bởi vì không giữ gìn sạch sẽ, thì dựa vào phiền não bên trong mà cảm đến những sự uế trược bên ngoài. Vì vậy luận có tụng nói:

Những loại cỏ xấu của thế gian,
Luôn luôn làm ô uế ruộng tốt,
Như vậy những tham dục xấu xa,
Làm cho ô uế các hàm thức.
Những loại cỏ xấu của thế gian,
Luôn luôn làm ô uế ruộng tốt,
Như vậy những sân hận xấu xa,
Làm cho ô uế các hàm thức.
Những loại cỏ xấu của thế gian,
Luôn luôn làm ô uế ruộng tốt,
Như vậy những ngu si xấu xa,
Làm cho ô uế các hàm thức."

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Thời Đức Phật tại thế, bên cạnh thành La Duyệt có một đầm nước, bùn dơ bất tịnh, rất nhiều những loại phân dơ, nhân dân trong thành đem phân dơ-nước tiểu đổ vào trong đầm. Có một con trùng to lớn hình dáng của nó giống như con rắn, lại có bốn chân, ở trong đầm nước ấy chạy băng băng từ Đông sang tây, có lúc ẩn có lúc hiện, trải qua năm tháng, thường ở trong đó, nhận chịu vô lượng khổ đau. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn các Tỳ kheo, đi đến chỗ đầm nước ấy hỏi các Tỳ kheo: Các ông biết túc duyên hành nghiệp của con trùng này không? Các Tỳ kheo đều thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn, chúng con không biết! Đức Phật giảng giải: Thời Phật Tỳ Bà Thi, có nhiều khách buôn đi vào biển lấy vật báu, có được nhiều châu báu về đến nơi bình an. Chọn những loại quý báu nhất dùng để cúng dường

chúng Tăng. Quy định đợi đến lúc chúng Tăng dùng cơm, Tăng tiếp nhận vật báu ấy giao cho Ma Ma Đế. Vào sau khi Tăng dùng cơm gần xong, thuận theo xin lấy báu vật ấy mà không đưa cho. Chúng Tăng hết sức đòi lại, Ma Ma Đế giận dữ mà nói với họ rằng: Bọn ông ăn phân, vật báu này thuộc về tôi, vì sao lại đòi lấy? Bởi vì lừa dối Tăng mà lại ác khẩu mắng nhiếc, cho nên thân mạng kết thúc liền rơi vào địa ngục A tỳ, thân thể thường trần trọc trong phân sôi, trải qua 91 kiếp mới từ địa ngục thoát ra, nay rơi vào trong này. Từ thời Thất Phật cho đến nay đều làm thân con trùng ấy, đến ngàn vị Phật ở Hiền kiếp, trải qua mỗi thời đều chịu quả báo như vậy."

Còn trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật an trú trong tinh xá Trúc Lâm-Ca Lan Đà thuộc thành Vương Xá, Tôn giả Xá-lợi-phất – Đại Mục-kiền-liên, lúc thiết bay sắp ăn, trước tiên quán sát về địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, sau đó mới ăn. Mục-kiền-liên thấy một ngạ quỷ, thân giống như cây cột cháy đen, bụng giống như Thái Sơn, cổ họng giống như kim nhỏ, tóc giống như dao nhọn, quấn quanh đâm vào thân thể, giữa các khớp xương đều phát ra lửa, rên rỉ gọi to chạy lồng lộn khắp nơi, cầu tìm phân dơ-nước tiểu để mà ăn uống, đau khổ mệt mỏi suốt ngày mà không thể nào có được. Mục-kiền-liên hỏi ngạ quỷ rằng" Ông tạo nghiệp gì mà nhận chịu đau khổ như vậy? Ngạ quỷ đáp rằng: Nơi có mặt trời không cần phải nhờ đến đèn đuốc, Như Lai Thế Tôn nay hiện còn giữa thế gian, Thầy có thể tự mình thưa hỏi, nay tôi đói khát không thể nào trả lời Thấy nổi. Lúc bấy giờ Mục-kiền-liên liền đi đến nơi Đức Phật, thưa hỏi Như Lai đầy đủ, đã tạo nghiệp hạnh gì mà nhận chịu đau khổ như vậy, đem đầy đủ sự việc trên để thưa hỏi. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Mục-kiền-liên rằng: Nay ông cố gắng lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông! Trong Hiền kiếp này, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tiền bạc châu báu vô lượng, không thể nào tính kể, thường sai tôi tớ ép lấy nước, để đem tặng cho các nhà quyền quý cao sang. Có vị Bích chi Phật mắc bệnh rất khát, thầy thuốc giỏi kê cho đơn thuốc, khuyên nhủ uống nước mía thì bệnh mới có thể khỏi. Lúc ấy vị Bích chi Phật đi đến nhà Trưởng giả xin nước mía. Trưởng giả vào lúc ấy thấy vị này đến rất hoan hỷ, liền nói với vợ mình là Phú Na Kỳ: Tôi có việc gấp nhất định phải đi ra ngoài, nay bà ở sau lấy nước mía cúng dường vị Bích chi Phật. Lúc ấy bà vợ đáp rằng: Ông cứ đi ra ngoài, tôi tự mang đến sau. Lúc người chồng đi ra rồi, bà vợ lấy bát của vị Bích chi Phật, đến nơi che khuất tiểu tiện vào trong bát, lấy nước mía phủ lớp trên bát, đưa cho vị Bích chi Phật. Vị Bích chi Phật nhận rồi liền

biết không phải là nước mía, thế là đổ bỏ xuống đất, ôm bát không mà quay về. Sau bà vợ Trưởng giả mạng chung rơi vào trong loài ngạ quỷ, thường bị đói khát làm cho bức bách vô cùng, vì nghiệp duyên này mà nhận chịu khổ đau như vậy.

Đức Phật bảo với Mục-kiền-liên: Cần phải biết rằng bà vợ của Trưởng giả ấy lúc bấy giờ, nay chính là ngạ quỷ Phú Na Kỳ. Lúc Đức Phật thuyết về nhân duyên này, các Tỳ kheo đều xả bỏ duyên nghiệp tham lam keo kiệt, chán ghét sinh tử, có người đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm Bích chi Phật, có người phát tâm Bồ đề Vô thượng. Lúc bấy giờ các Tỳ kheo nghe Đức Phật thuyết giảng thảy đều hoan hỷ vâng lời thực hành."

Tụng rằng:

Ăn máu thịt thân mạng loài khác,
Tham độc không có lòng yêu thương,
Nuôi sắc chất dơ bẩn thân này,
Giòi bọ chui rúc ở bên trong.
Không giữ gìn vật sạch của Tăng,
Đau khổ không biết đến bao giờ!

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Thích Tuệ Quả thời Tống; 2- Thích Hoằng Minh thời Tề; 3- Hứa Thị vợ của Tạ Hoằng thời Đường.

1. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tuệ Quả ở chùa Ngõa Quan chốn kinh sư, là người cùng Vụ Châu, thưở trẻ lấy cơm rau khổ hạnh làm sự nghiệp của mình. Đầu thời nhà Tống đi đến chốn kinh sư dừng lại trong chùa Ngõa Quan tụng Pháp Hoa-Thập Địa, đã từng ở trước nhà xí thấy một con quỷ, kính chào Tuệ Quả và nói: Xưa làm Duy na cho chúng Tăng, còn nhỏ không đúng như pháp cho nên đọa vào trong loài quỷ ăn phân, Pháp sư đức hạnh thuần khiết cao minh, lại lấy Từ Bi làm ý nghĩa, nguyện giúp cho phương pháp để cứu ra! Lại nói: Xưa có ba ngàn đồng tiền, chôn ở dưới gốc cây Thị, nguyện lấy dùng làm phước. Tuệ Quả liền bảo cho mọi người đào lấy, quả nhiên ba ngàn đồng tiền, làm giúp một bộ Pháp Hoa, và thiết trai cúng dường. Sau đó mộng thấy con quỷ này nói: Đã được thay đổi đời sống tốt hơn ngày xưa rất nhiều. Tuệ Quả qua đời vào năm thứ 6 niên hiệu Tống Thái Thỉ, hưởng thọ 76 tuổi.

2. Trong thời Tề Vĩnh Minh, có Sa môn Thích Hoằng Minh ở Cối kê, dừng lại trong chùa Vân Môn tụng Pháp Hoa, lễ sám làm sự nghiệp, cứ mỗi sáng sớm thì bình nước tự nhiên đầy, thật sự là chư Thiên-đồng

tử cung cấp để sử dụng. Lại cảm có con hổ đến bước vào phòng nằm sát trước giường rất lâu mới đi. Còn thấy trẻ thơ đến nghe kinh mà nói rằng: Xưa là Sa di ở chùa này, vì lấy trộm thức ăn trong bếp của tăng cho nên nay đọa trong nhà xí, nghe Bậc thượng nhân đọc kinh cho nên gắng sức đến nghe, nguyện giúp cho phương tiện, mong mỏi tránh được khổ lụy này! Ngày mai thuyết pháp cho nghe, hiểu rõ rồi mới ẩn đi. Sau đó yê u tinh ở núi đến làm não loạn, sáng tỏ mới bắt lấy dùng dây lưng trói lại, quỷ nhận lỗi liền tha cho vì vậy vĩnh viễn chấm dứt không còn quấy nhiễu.

(Hai chuyện trên đây trích trong Lương Cao Tăng Truyện.)

3. Thời nhà Đường có vợ của Tạ Hoằng Kính ở quận Trần, người họ Hứa vùng Cao Dương. Năm thứ nhất Đường Vũ Đức gặp phải tai họa mà chết, trải qua bốn ngày mà sống lại, nói rằng: Bị 20-30 chục người bắt dẫn đến địa ngục, chưa thấy quan phủ thì nghe gọi, tuy không biết mặt nhưng tựa như là giọng nói của dượng (chồng của cô) Thẩm Cát Quang. Hứa Thị hỏi rằng: Tiếng nói tựa như là dượng Thẩm, vì sao không có đầu? Người phương Nam gọi chống của cô dì, đều là dượng với họ của người đó. Cát Quang liền dùng tay xách đầu của mình ra, đặt ở trên cánh tay mà nói với Hứa Thị rằng: Cháu tạm thời ở trong này, đừng đi đến tòa nhà phía Tây, đợi ta đến thưa thỉnh cho cháu, thì phải được thoát ra. Liền đứng lại ở nơi đã nói, lại không thấy gì cả. Cát Quang dừng lại thong thả tựa như có trù tính điều gì, tất cả trải qua khá lâu, Cát Quang mới đến nói với Hứa Thị rằng: Nay cháu đến đây, nhà vua muốn khiến cháu làm vũ nữ cho ông ta, giả sử có người dẫn vào gặp thì cháu không cần phải nói là biết đàn sáo gì cả, nếu như không làm thì biết rằng có thể dẫn ta làm chứng. Lát sau có quân lính ôm văn bản dẫn đi vào. Quả nhiên nhà vua hỏi: Biết đàn sáo hay không? Hứa Thọ nói không biết. Lại nói: Thẩm Cát Quang có biết. Nhà vua hỏi Cát Quang. Đáp rằng: Không biết. Nhà vua nói: Nên sớm tha cho trở về không cần phải giữ lại. Lúc ấy Cát Quang sắp lên đường, liền cùng với người cầm văn bản tính toán, không hiểu rõ lời nói của họ. Người cầm văn bản nói: Lực công đức của cô tuy mạnh, nhưng bởi vì trước kia có chút lỗi lầm, thuận theo nhận chịu làm cho thân nghiệp đều sạch sẽ, há không vui sướng hay sao? Lại dẫn đi vào một tòa nhà lớn khác, cổng vào rất nhỏ, cũng thấy có nhiều người chịu tội, Hứa Thị rất kinh sợ, bèn cầu xin với người đứng đầu rằng: Lúc còn sống tu phước thì tội lỗi gì mà đến chỗ này vậy? Đáp rằng: Cô đã từng dùng bát không sạch đựng thức ăn cho cha mẹ, cần phải nhận chịu tội lỗi này, mới có thể thoát ra

được. Liền lấy nước đồng sôi rót vào miệng, đau khổ vô cùng. Lúc sắp tỉnh lại trong miệng đều bị nát nhừ. Cát Quang liền nói: Có thể để cho người này nhận một bản kinh ghi nhớ, lấy mang về thọ trì đừng lười nhác, từ nay trở đi bảo đảm sống hơn 80 năm. Hứa Thị sinh ra lớn lên chưa hề tụng kinh, sau khi tỉnh lại thì tụng được một quyển kinh, tìm hiểu hỏi han giữa chốn nhân gian vốn chưa hề có, nay thấy thọ trì đọc tụng không thiếu sót. Kinh ấy thấy còn, văn nhiều không ghi lại. Sau khi sống lại thì Cát Quang hãy còn, hai năm về sau mới bị giết hại. Tất cả những người thân thuộc có ai sắp chết, ba năm trước đây ở dưới địa phủ đã được thấy trước. Hứa Thị đi theo cha và em trai là Nhân Tắc nói lại như vậy.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 95

Thiên thứ 95: BỆNH KHỔ

Thiên này có 6 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Chiêm bệnh, Y liệu, An trí, Liễm niệm.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Rằng ba cõi xa thẳm mênh mông-sáu đường xuất hiện sinh sôi, tất cả đều dựa vào bốn đại giúp đỡ lẫn nhau- năm căn làm thành thân thể, tụ lại thì thành thân mạng-tản ra thì trở về không. Nhưng mà tánh của gió-lửa khác nhau, chất của đất-nước tách biệt, tất cả xứng với thành phần đều mong cầu sự thích hợp. Lý mong cầu sự thích hợp đã khó, cho nên trái với điều hòa là dễ xảy ra. Bất ngờ một Đại không điều hòa thì bốn Đại đều bị tổn thương. Như Địa đại tăng lên thì hình thể đen sạm, bắp thịt ứ xanh kết tụ mọi chứng bệnh, như sắt thép như gỗ đá. Nếu Đại đại giảm xuống thì tay chân yếu đuối, hoặc mất nửa phần thân thể, hoặc là phát triển không đều, hoặc phá hủy sự thông minh sáng suốt. Nếu Thủy đại tăng lên thì da thịt đầy đặn không thật, thân thể không có sắc màu sáng sủa, toàn thân khô vàng-thần sắc luôn luôn suy nhược, tay chân phù thũng-bàng quang phình to khó chịu. Nếu Thủy đại giảm xuống thì gầy đét trơ xương-gân nổi lên mạch chìm xuống, môi lưỡi khô sáp- tai mũi đóng kín, trong ngũ tạng nóng bức-ngoài nước bọt chìm xuống, môi lưỡi khô ráp-tai mũi đóng kín, trong ngũ tạng nóng bức-ngoài nước bọt khô cạn, lục phủ tiêu hao không thể nào tự đứng vững được. Nếu Hỏa đại tăng lên thì khắp thân thể bức bối nóng nảy giống như lửa đốt, ghẻ lở mụn nhọt vỡ nát thối rữa, máu mủ chảy đầy hôi hám dơ dáy khắp nơi. Nếu Hỏa đại giảm xuống thì tay chân thân thể gầy còm, lục phủ-ngũ tạng lạnh như băng, hơi nóng ngăn cách-giá lạnh đông lại, miệng giống như ngậm sương, mùa hạ nóng bức áo lông chồng chất không hề ấm áp yên lòng, ăn uống không tiêu hóa mà luôn luôn nôn ngược ra ngoài. Nếu Phong đại tăng lên thì tràn đầy lồng ngực tắc

nghẽn, tạng phủ dạ dày cứng ngăn cách, tay chân chậm chạp yếu đuối, thân thể đau nhức tê tái. Nếu Phong đại giảm xuống thì thân hình gầy còm, khí lực hạn chế giống như sợi chỉ mong manh, chuyển động mệt mỏi khiến cho hơi thở như co lại, ho hen nôn nửa cố họng và lưỡi nguy cấp khó khăn, bụng đầy lưng còng trong lòng như băng, gân cổ nổi lên mạch yết hầu tăng mạnh gây ra bệnh cổ trướng. Các loại như vậy đều là do bốn Đại chợt tăng lên chợt giảm xuống làm cho phát sinh bệnh tật. Một Đại đã mắc bệnh thì ba Đại đều khổ, lần lượt đều phát bệnh, cùng sanh ra bức bách phiền muộn. Bốn Đại trái ngược nhau bởi vì cảm khổ báo, không có gì hổ thẹn, không có gì ân nghĩa, thường thuận theo bốn mùa cung cấp mọi nhu cầu, ngày đêm thường nuôi dưỡng mà chưa hề mang ơn, cung phụng sai một chút thì dẫn đến bệnh khổ. Đã biết là vô ơn chỉ uổng công nuôi nấng, cho dù cọng thêm ăn ngon mặc đẹp nhưng cuối cùng cũng trở thành phân dơ; chỉ cảm thấy thú vị có thể duy trì thân thể để loại trừ những cơn đói lạnh, hoàn toàn không vì ngươi mà theo sau sự tích chứa trước kia, để tâm ta chịu đựng vất vả bỏ dở mong cầu tu đạo. Bởi vì thân là dụng cụ khổ đâu, ấm là bình sứ chứa nung, dễ tổn thương mà khó giữ, bốn Đại trôi nổi không thật, thường xuyên trái ngược lẫn nhau, năm Ấm tạm dựa vào duyên, sinh ra lắn điều khổ não. Vì lẽ đó nhận giữ hình hài người thế gian, gặp lúc dơ bẩn hỗn loạn, tiếp nhận sắc chất của thân giả, ở cảnh giới đáng sợ hãi, vô lượng u minh hà sa thần quỷ, quá nhiều chủng tộc thể có chưa tường; hoặc dựa vào nhà-dựa vào miếu, bám vào núi-bám vào đồi, hễ có hàm thức linh thiêng thảy đều chỉ là âm hưởng, khiến cho tinh thần sai lạc tối tăm-tâm thức suy tư mờ mịt, đến nỗi lúc thức lúc ngủ có biết bao điều sợ hãi. Ngõ hầu có thể đứng trước gian nguy thâu nhiếp tâm niệm, không chờ đợi gì ba lần xưng danh, ở nơi nguy hiểm gặp được an lành, lẽ nào vất vả trải qua ngàn biến? Nguyện cầu tăng thêm thần thông đạo lực, làm cho đầy đủ uy thế sáng ngời, dùng phước thiện làm lợi ích chúng sanh, không còn gây ra não hại lẫn nhau, lời nói chân thành đáng được ghi nhớ, tin tưởng ứng nghiệm có bằng chứng rồi!

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Phật Thuyết Y nói: "Trong thân người vốn có bốn căn bệnh tùy thuộc vào Đại chủng: 1- Địa chủng; 2- Thủy chủng; 3- Hỏa chủng; 4- Phong chủng. Phong chủng tăng lên thì khí phát khởi; Hỏa chủng tăng lên thì Nhiệt phát khởi, Thủy chủng tăng lên thì Hàn phát khởi, Địa chủng tăng lên thì sức lực mạnh mẽ. Chính là từ bốn căn bệnh

này phát khởi bốn trăm lẻ loại bệnh, bởi vì Địa thuộc về thân, Thủy thuộc về miệng, Hỏa thuộc về mắt, Phong thuộc về tai, Hỏa ít- Hàn nhiều thì mắt tối tăm. Tháng Giêng-tháng Hai-tháng Ba thuộc mùa Xuân thì lạnh nhiều. Tháng Tư-tháng Năm-tháng Sáu thuộc mùa Hạ thì gió nhiều (Bởi vì các nước phía tây trong mùa Hạ nhiều gió nóng, có hiện tượng không giống như đất Hán). Tháng bảy-tháng Tám-tháng Chín thuộc mùa Thu thì nóng nhiều (các nước phía Tây vào mùa Thu này thì khí nóng mới mạnh lên, cũng không giốn như đất Hán). Tháng Mười-tháng Mười một-tháng Mười hai thuộc mùa Đông thì có gió có lạnh. Tại vì sao mùa Xuân lạnh nhiều? Bởi vì vạn vật đếu phát sinh mà lạnh phát ra cho nên lạnh nhiều. Tại vì sao mùa Hạ gió nhiều? Bởi vì vạn vật phát triển tốt tươi âm dương hội tụ cho nên gió nhiều. Tại vì sao mùa Thu nóng nhiều? Bởi vì vạn vật đến lúc thành thục cho nên nóng nhiều. Tại vì sao mùa Đông có gió có lạnh? Bởi vì vạn vật đến cuối cùng diệt vong hơi nóng không còn cho nên có gió lạnh. Tháng Ba-tháng Tư-tháng Năm-tháng Sáu-tháng Bảy thì có thể nắm. Tại vì sao? Bởi vì gió nhiều cho nên thân giãn ra. Tháng Tám-tháng Chín-tháng Mười-tháng Mười Một-tháng Mười Hai-tháng Giêng-tháng Hai thì không đúng lúc không thể nằm được. Tại vì sao? Bởi vì lạnh nhiều cho nên thân co lại. Ba tháng mùa Xuân có lạnh cho nên không được ăn các loại lúa-đậu, nên ăn gạo lức-đề hồ và các vật có khí nóng (Bởi vì các nước phía Tây thì lúa mạch có khí lạnh mà gạo lực...thì có khí nóng). Ba tháng mùa Hạ có gió, không được ăn các loại củ-đậu-lúa mạch, nên ăn gạo lức-sữa đặc. Ba tháng mùa Thu có khí nóng, không được ăn gạo lức-đề hộ, nên ăn gạo trắng-bột gạo rang trộn mật-đậu-kê. Ba tháng mùa Đông có gió lạnh, dương phát triển-âm khép lại, nên ăn gạo lức-đậu tầm-canh nấu đặc-đề hồ, có lúc nằm gió nổi lên có lúc diệt đi, có lúc nằm lửa nổi lên có lúc diệt đi, có lúc lạnh nổi lên có lúc diệt đi. Người mắc phải bệnh tật có mười nhân duyên: 1- Ngồi lâu không nằm; 2- Ăn không kiêng cữ; 3- Buồn rầu lo lắng; 4- Mệt mỏi hết sức; 5- Dâm dật; 6- Nóng giận; 7- Nín đại tiện; 8- Nín tiểu tiện; 9- Kìm chế thượng phong; 10- Kìm chế hạ phong. Từ mười nhân duyên này mà phát sinh bệnh tật. Có chín nhân duyên làm cho mạng sống chưa đến lúc chấm dưt mà phải chết rất đột ngột.”

Còn trong luận Trí Độ nói: bốn trăm lẻ bốn loại bệnh là do bốn Đại làm cho thân thường xuyên hại lẫn nhau, trong mỗi một Đại phát khởi một lẻ một loại bệnh, bệnh lạnh có hai trăm trăm lẻ hai loại do Thủy đại và Phong đạo phát khởi, bệnh nóng có hai trăm trăm lẻ hai

loại do Địa đại và Hỏa đại phát khởi. Hỏa là tướng nóng-Địa là tướng cứng, tướng cứng cho nên khó tiêu hủy, khó tiêu hủy cho nên luôn luôn phát khởi bệnh nóng. Máu thịt gân xương mạch tủy đều là phạm vi của Đại địa, trừ ra nghiệp báo của nó, tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra."

***Phần thứ ba:* CHIÊM BỆNH** (Xem bệnh).

Rằng bốn Đại khó điều hòa-tạng phủ lại trái nhau, vì có thân thọ báo bỗng mắc bệnh lòng đau. Hoặc có người bỏ thế tục xuất gia đi lại cô đơn-cư trú một mình. Hoặc có người nghèo túng bệnh tật-già yếu không có người hầu hạ chăm sóc. Nếu không chăm sóc thăm hỏi lẫn nhau thì mạng sống đem gởi gắm nơi nào?

Vì vậy trong luật Tứ Phần nói: "Đức Phật dạy: Từ nay trở đi, nên chăm sóc người bệnh, nên làm người xem bệnh. Nếu ai muốn cúng dường Ta thì nên trước tiên cung dưỡng cho người bệnh. Ngay cả đi đường gặp năm chúng xuất gia có người mắc bệnh, Đức Phật chế định bảy chúng đều cho người dừng lại chăm sóc, nếu bỏ rơi mà không chăm sóc, thì đều kết thành có tội. Bởi vì tâm chư Phật, lấy Đại Từ Bi làm Thể, tùy thuận lời Ta dạy bảo, đó chính là tâm Phật."

Như luật Tăng Kỳ nói: "Nếu trên đường đi gặp người trong năm chúng xuất gia mắc bệnh, thì nên kiếm xe cộ để chở đi, khiến mọi người cung dưỡng đúng như pháp, cho đến lúc chết cũng nên thiêu xác chôn cất chu đáo, không được bỏ rơi. Người bệnh có chín pháp thành tựu nhất định phải chết rất đột ngột: 1- Biết ăn không ích lợi gì mà lại tham ăn; 2- Không biết trù lượng; 3- Thức ăn bên trong chưa tiêu hóa mà ăn thêm; 4- Thức ăn chưa tiêu hóa nôn hết ra ngoài; 5- Đã tiêu hóa cần phải thải ra mà gắng gượng cầm lại; 6- Ăn không tùy theo bệnh; 7- Tùy theo bệnh ăn mà không trù lược; 8- Lười nhác; 9- Không có trí tuệ nhận thức."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Nếu chăm sóc người bệnh, thì thành tựu năm pháp, không thể nào sai lệch thời gian, luôn luôn ở cạnh giường chiếu. Những gì là năm pháp? Đó là: 1- Người chăm sóc bệnh không phân biệt được thuốc tốt; 2- Lười nhác không có tâm dũng mãnh; 3- Thường thích nóng giận cũng ham ngủ nghỉ; 4- Chỉ tham cơm ăn áo mặc cho nên chăm sóc người bệnh; 5- Không theo pháp cung dưỡng cho nên cũng không đến trò chuyện cùng với người bệnh. Trái lại thì gọi là người chăm sóc bệnh thành tựu năm pháp không thể nào sai lệch thời gian (ngược lại với năm

pháp trước thì bệnh có thể mau chóng bình phục)."

Còn trong kinh Sanh nói: "Đức Thế Tôn dùng kệ khen ngợi rằng:

Người đang được chăm sóc bệnh tật,
Hỏi thăm những tai ách tổn hại,
Thiện ác có báo ứng rõ ràng,
Như trồng cây thu hoạch trái hạt.
Đức Thế Tôn thì làm người cha,
Kinh pháp theo nhau làm người mẹ,
Người cùng học đều là anh em,
Nhờ vậy mà có thể độ thoát."

Còn trong kinh Di Lặc Sở vấn Bổn Nguyện nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Lúc xưa Ta cầu đạo, chịu khó chịu khổ vô số mới được thành Phật, điều ấy không phải là chỉ một. Đức Phật dạy: Này A-nan! Thời quá khứ xa xưa có Thái Tử, tên gọi là Sở Hiện, đoan chánh đẹp đẽ, từ trong khu vườn ngắm nhìn đi ra, giữa đường đi trông thấy một người mắc bệnh trầm trọng khốn tốn. Trông thấy rồi trong lòng sinh niềm thương xót, hỏi han người bệnh, dùng thuốc loại gì có thể chữa trị bệnh tình của ông? Người bệnh đáp rằng: Chỉ có máu trong thân thể nhà vua mới chữa trị được căn bệnh của tôi. Lúc bấy giờ Thái Tử liền dùng dao sắc cắt thân chảy máu để đưa cho người bệnh, chí tâm giúp cho mà ý không có gì hối hận. Thái Tử lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Nước trong bốn biển lớn hãy còn đong lường được, máu trên thân Ta bố thí không thể nào nói được giới hạn.

Lại vào thời quá khứ xa xưa có Thái Tử con vua, tên gọi là Liên Hoa Vương, đoan chánh đẹp đẽ, từ trong vườn cây ngắm cảnh đi ra, giữa đường đi trông thấy một người thân thể mắc bệnh hủi. Trông thấy rồi lòngnghĩ thương xót mà hỏi han người bệnh, dùng thuốc gì có thể chữa trị bệnh tật cho ông? Người bệnh đáp rằng: Có được tủy trong thân nhà vua để xoa trên thân tôi, thì bệnh mới lành được. Lúc này Thái Tử liền phá vỡ xương trên thân thể, lấy được tủy trong xương, mang đến đưa cho người bệnh, hoan hỷ bố thí mà tâm không có gì hối hận. Thái Tử lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Nước trong bốn biển lớn hãy còn đong lường được, tủy trong thân đã bố thí thì không thể nào tính kể được.

Lại vào thời quá khứ xa xưa có vị vua, hiệu là Nguyệt Minh, đoan chánh hùng dũng vô cùng, từ trong cung điện đi ra ngoài. Trên đường đi gặp người mù, nghèo thiếu đói khổ men theo đường đi xin ăn, đi hướng đến chổ nhà vua. Lúc bấy giờ vua Nguyệt Minh, thấy người mù này, xót thương chảy nước mắt, nói với người mù rằng có loại thuốc nào ó thể

chữa trị bệnh tật của ông? Người mù đáp rằng: Chỉ có được mắt của nhà vua, thì bệnh của tôi có thể chữa khỏi, mắt tôi mới nhìn thấy. Lúc này vua Nguyệt Minh tự lấy đôi mắt của mình, để giúp cho người mù, trong tâm thanh thản không một chút hối hận. Vua Nguyệt Minh lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Núi Tu Di hãy còn có thể kể biết cân lượng bao nhiêu, mắt Ta đã bố thí không thể nào tính kể.

Đức Phật bảo với A-nan: Bồ Tát Di Lặc lúc xưa cầu đạo, không đem tai mũi thân mạng... bố thí mà thành tựu Phật đạo, chỉ dùng hạnh an lạc khéo léo thích ứng với mọi phương tiện, đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy. A-nan thưa với Đức Phật: Vì sao khéo léo thích ứng với mọi phương tiện mà có thể đạt được Phật đạo? Đức Phật bảo với A-nan: Bồ Tát Di Lặc ngày đêm đều ba lần chỉnh đốn y phục-giữ gìn thân thể-chấp tay-quỳ gối sát đất, hướng về chư Phật mười phương nói lời kệ này:

"Con sám hối tất cả lỗi lầm,
Khuyến khích giúp cho những đạo đức,
Quy mạng thành tâm lễ chư Phật,
Khiến cho đạt được tuệ Vô thượng."

Còn trong Kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa có một đất nước, tên gọi là Hiền Đề. Lúc ấy có Tỳ kheo Trưởng lão, bệnh hoạn liên miên uể oải-gầy gò-nhớp nhúa, nằm ở trong tinh xá Hiền Đề, không có ai chăm sóc. Đức Phật dẫn năm trăm Tỳ kheo đi đến chỗ ấy, bảo các Tỳ kheo thay nhau chăm sóc người bệnh, làm nước-nấu cháo giúp đỡ người bệnh. Nhưng các Tỳ kheo nghe nơi hôi thối ấy, đều khinh rẻ như nhau. Đức Phật bảo Đế Thích lấy nước âm cho mình, Đức Phật dùng tay Kim Cang tắm rửa thân thể cho Tỳ kheo bị bệnh, mặt đất bỗng nhiên chấn động, rộng mở vô cùng sáng tỏ, không có ai không kinh sợ cung kính, vua chúa quan lại dân chúng-trời rồng quỷ thần vô lượng vô số, đi đến nơi Đức Phật cúi rập đầu làm lễ, thưa với Đức Phật rằng: Đức Phật là Đấng Thế Tôn, ba cõi không có ai sánh bằng, đạo đức đã đầy đủ, vì sao hạ mình xuống tắm rửa cho Tỳ kheo bị bệnh? Đức Phật bảo với Quốc Vương và mọi người trong chúng hội rằng: Sở dĩ Như Lai xuất hiện giữa thế gian, chính là vì những người bần cùng khốn khổ không có ai che chở này mà thôi, cung dưỡng Đạo nhân-Sa môn bệnh hoạn gầy yếu, và những người già cô độc bần cùng, thì phước ấy vô lượng-nguyện cầu gì cũng được như ý, có thể sẽ đạt được đạo quả. Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Nay Tỳ kheo này vốn có tội lỗi gì, mà mắc bệnh khốn khổ nhiều nam chữa trị không lành? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Xưa kia

có vị vua, tên gọi là Ác Hành, chế độ cai trị rất khắc nghiệp tàn bạo, sai một người nhiều sức mạnh tên là Ngũ Bách theo lệnh vua đánh người. Ngũ Bách mượn uy thế của nhà vua bừng bừng tự mình làm mưa làm gió, nếu người sắp bị đánh mang nhiều đồ vật có giá trị đến, được đồ vật thì đánh nhẹ, không có được đồ vật thì đánh nặng, cả nước rất lo lắng. Có một người tài đức tìm cách cho mọi người, thuận lòng chịu bị đánh, nói cho Ngũ Bách biết rằng: Tôi là đệ tử của Phật, xưa nay không có tội lỗi gì, bị người ta cố tình xuyên tạc, mong rủ lòng tha thứ một chút! Ngũ bách nghe là đệ tử của Phật, nhẹ tay đánh roi, không có roi nào chạm vào thân. Ngũ Bách thọ mạng chấm dứt rơi vào trong địa ngục, tra khảo đánh đập vô cùng khổ sở. Tội hết lại thoát ra mà rơi vào trong loài súc sanh, luôn luôn bị đánh roi. Ngũ Bách ở đời khác hết tội được làm người, thường mắc bệnh nặng đau đớn không rời khỏi thân hình. Quốc Vương lúc bấy giờ nay chính là Điều Đạt, Ngũ Bách lúc ấy nay chính là Tỳ kheo bệnh hoạn này, người tài đức lúc ấy nay chính là thân Ta. Bởi vì đời kiếp trước Ta nhận được sự tha thứ đánh roi không chạm đến thân, cho nên bây giờ Thế Tôn tự mình tắm rửa cho người này. Người làm điều thiện-ác thì có họa-phước đi theo bên người, tuy trải qua sanh tử mà không thể nào tránh khỏi. Ngay sau đó Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

Đánh roi người lương thiện,
Gièm siển người vô tội,
Tai họa gấp mười lần,
Tai ương đến không tha.
Sống chịu nhiều đau đớn,
Hình thể bị tổn thương,
Bệnh tự nhiên não hại,
Hoảng hốt không như ý.
Mọi người đều khinh cười,
Hoặc tai ách quan quyền,
Tài sản hao tổn hết,
Thân thích đều biệt ly.
Tất cả những nhà cửa,
Hỏa hoạn đốt cháy rụi,
Chết vào trong địa ngục,
Như vậy là mười phần.

Lúc ấy Tỳ kheo bệnh nặng nghe Đức Phật thuyết kệ này và sự việc của đời trước, tâm nghiêm khắc tự trách mình, bệnh nặng trừ khỏi,

đạt được quả vị A La Hán. Quốc Vương Hiền Đề, suốt đời vâng mạng thực hành đạt được quả vị Tu đà hàm."

Còn trong kinh Thiện Sanh nói: "Chăm sóc người bệnh không nên sinh tâm nhàm chán. Nếu tự mình không có đồ vật thì đến nơi khác cầu xin. Nếu không có được thì tạm thời mượn đồ vật của Tam bảo mà chăm sóc, khỏi bệnh rồi hoàn trả gấp mười lần giá trị đã mượn."

Còn trong kinh Ngũ Bách Vấn Sự nói: "Chăm sóc người bệnh lấy đồ vật của người bệnh, cung cấp những nhu cầu cho người bệnh mà không hỏi người bệnh, hoặc hỏi sinh ra hiềm nghi, đều không được sử dụng. Nếu đã lấy thì nên trả lại, không trả lại thì phạm vào tội nặng."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Chăm sóc người bệnh có được công đức: 1- Biết người bệnh có thể ăn hay không thể ăn, có thể ăn thì lấy cho; 2- Không nhờm gớm khi người bệnh đại tiện-tiểu tiện-khạc nhổ-nôn mửa; 3- Có tâm thương cảm xót xa, không vì cơm áo mà cố ý chăm sóc; 4- Luôn luôn tự mình theo dõi sắp thuốc thang, cho đến lúc khỏi bệnh, hoặc đến lúc mạng chung; 5- Luôn luôn nói pháp cho người bệnh hoa hỷ mà thiện pháp của chính mình được tăng trưởng".

***Phần thứ tư:* Y LIỆU** (Thuốc chữa trị).

Con người có Tứ chi và Ngũ tạng, một bên thức một bên ngủ, hô hấp đưa ra đưa vào, tinh khí trao đổi qua lại, lưu thông mà làm cho hưng thịnh, sáng tỏ mà trở thành khí sắc, phát ra mà làm thành âm thanh, người như vậy là số không đổi. Dương có ích cho tinh khí, Âm có ích cho hình hài, trời và người vốn giống nhau, và cũng không giữ được nó. Thừa thải thì sinh ra nóng, thiếu hụt thì sinh ra lạnh, kết lại mà thành ung nhọt, chìm vào mà thành độc tố, chạy trốn mà thành buồn lo, hết sức mà thành khô héo. Lương y dẫn dắt thì dùng kim châm trên đá, cứu chữa thì dùng thuốc thang có ích, Thánh nhân hài hòa thì dùng đức hạnh cao nhất, giúp đỡ thì dùng sự việc con người. Vì vậy thân thể có tật bệnh thì có thể chữa lành, trời đất thì dùng sự việc con người. Vì vậy thân thể có tật bệnh thì có thể chữa lành, trời đất có tai họa thì có thể tiêu trừ.

Như trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Có ba chứng bệnh lớn. Những gì là ba? Đó là: 1- Gió là chứng bệnh lớn; 2- Nóng là chứng bệnh lớn; 3- Lạnh là chứng bệnh lớn. Nhưng có ba loại thuốc tốt chữa trị. Nếu mắc bệnh vì gió thì bi là thuốc tốt, và lấy bi mà làm cơm và thức ăn. Nếu mắc bệnh vì nóng thì mật là thuốc tốt, và lấy mật mà làm cơm và thức ăn. Nếu mắc bệnh vì lạnh thì dầu mỡ là thuốc tốt, và lấy dầu mỡ mà làm cơm và thức ăn. Đó

gọi là ba chứng bệnh lớn có ba loại thuốc này chữa trị. Như vậy Tỳ kheo cũng có ba chứng bệnh lớn: 1- Tham dục; 2- Sân giận; 3- Ngu si. Nhưng mà có ba loại thuốc tốt chữa trị: 1- nếu lúc tham dục khởi lên thì dùng bất tịnh để chữa trị, và tư duy về đạo bất tịnh. 2- Nếu người mắc chứng bệnh nhiều sân giận, thì dùng Từ tâm để chữa trị, và tư duy về đạo Từ tâm. 3- Nếu người mắc chứng bệnh quá ngu si, thì dùng trí tuệ để chữa trị, và tư duy về đạo nhân duyên đã phát khởi. Đó gọi là Tỳ kheo có ba chướng bệnh lớn này thì có ba loại thuốc này chữa trị."

Còn trong kinh Kim Quang Minh nói: "Thời Đức Phật tại thế, có trưởng giả Trì Thủy, biết thông thạo về phương pháp chữa bệnh, cứu giúp những người bệnh hoạn khổ sở. Trưởng giả Trì Thủy có người con, tên gọi là Lưu Thủy, đoan chánh bậc nhất có đày đủ uy đức, tánh tình thông minh nhanh nhạy hiểu biết rành mạch các luận thuyết, thấy các chúng sanh nhận chịu những sự khỗ não, lúc ấy con trai của Trưởng giả liền đến nơi cha, nói kệ hỏi rằng:

Sao nói là nên biết,
Các căn thuộc bốn đại,
Suy tổn tự héo mòn,
Mà mắc những căn bệnh?
Sao nói là nên biết,
Ăn uống theo thời tiết
Nếu ăn thức ăn rồi,
Lửa trong thân không tắt?
Sao nói là nên biết,
Chữa trị gió và nóng,
Nước quá sinh bệnh phổi,
Và các phần đều nhau?
Lúc nào gió dấy động,
Lúc nào nóng dấy động,
Lúc nào nước dấy động,
Làm tổn hại chúng sanh?
Lúc ấy cha Trưởng giả,
Lập tức dùng kệ tụng,
Giải thích cách chữa bệnh,
Mà trả lời con mình.
Ba tháng là mùa Hạ,
Ba tháng là mùa Thu,
Ba tháng là mùa Đông,

Ba tháng là mùa Xuân.
Trong mười hai tháng này,
Mỗi ba tháng mà nói,
Thuận theo số như vậy,
Một năm có bốn mùa.
Nếu nói mỗi hai tháng,
Thì đầy đủ sáu mùa,
Vốn thuộc về ba tháng,
Lúc này thuộc hai tháng.
Tùy theo thời tiết này,
Ăn uống và nghỉ ngơi,
Thì luôn lợi cho thân,
Cách chữa bệnh đã nói.
Tùy thời tiết trong năm,
Các căn thuộc bốn Đại,
Thay thế nhau tăng giảm,
Khiến cho thân mắc bệnh.
Có thầy thuốc thông thạo,
Tùy thuận với bốn mùa,
Chăm sóc mỗi ba tháng,
Điều hòa được bốn Đại,
Ăn uống tùy theo bệnh,
Và dùng các thuốc thang,
Người bệnh vì gió nhiều,
Mùa hạ thì phát động,
Người bệnh vì nóng nhiều,
Mùa Thu thì phát động,
Người bệnh vì các phần,
Mùa Đông thì phát động,
Người mắc bệnh về phổi,
Mùa xuân thì tăng mạnh,
Người có bệnh vì gió,
Mùa hạ thì nên uống,
Dầu mỡ và chua-mặn,
Và dùng thức ăn nóng,
Người có bệnh vì nóng,
Mùa Thu uống ngọt-lạnh.
Các phần mùa Đông uống,

Ngọt-chua và dầu mỡ,
Bệnh phổi mùa Xuân uống,
Dầu mỡ và cay-nóng.
Ăn no rồi sau đó,
Thì bệnh phổi phát ra,
Vào lúc thức ăn tiêu,
Thì bệnh nóng phát sinh.
Thức ăn tiêu về sau,
Thì bệnh gió phát khởi,
Bốn đại là như vậy,
Phát sinh theo ba mùa.
Bệnh gió làm gầy khô,
Dùng bơ sữa bồi bổ,
Bệnh nóng thì cho thuốc,
Uống quả Ha Lê Lặc.
Các bệnh khác nên uống,
Ba loại thuốc tốt lành,
Đó gọi là ngọt-cay,
Và dùng bơ sữa béo.
Bệnh phổi thì nên uống,
Thuốc đúng lúc nhả ra,
Nếu như bệnh gió-nóng,
Bệnh phổi và các phần,
Trái mùa mà phát sinh,
Nên đến nhờ thầy thuốc,
Trù lượng tùy theo bệnh,
Mà ăn uống thuốc thang.”

Còn trong Luận Trí Độ nói: “Bát nhã Ba-la-mật, có năng lực loại trừ gốc rễ của tám vạn bốn ngàn căn bệnh. Tám vạn bốn ngàn căn bệnh này đều phát khởi từ bốn căn bệnh: 1- Tham; 2- Sân; 3- Si; 4- Các phần của ba độc. Bốn căn bệnh này đều phân ra hai vạn một ngàn bệnh phụ thuộc, dùng pháp quán bất tịnh loại trừ hai vạn một ngàn phiền não của tham dục, dùng pháp quán Từ Bi loại trừ hai vạn một ngàn phiền não của sân hận, dùng pháp quán nhân duyên loại trừ hai vạn một ngàn phiền não của ngu si, dùng chung những loại thuốc trên loại trừ hai vạn một ngàn phiền não của bệnh phụ thuộc các phần. Ví như ngọc châu quý báu có năng lực trừ bỏ bóng tối, Bát nhã Ba-la-mật cũng có năng lực loại trừ mọi chứng bệnh phiền não của ba độc.”

***Phần thứ năm:* AN TRÍ**

Bởi đã từng nghe ngôi nhà của ba cõi, thực sự là dụng cụ của bốn Đại; cảnh giới của sáu trần, đều là nơi cư trú của năm Ấm. Bởi vì vọng tưởng cấu tạo không thật, mê hoặc điên đảo cùng nhau dấy lên, khiến cho khổ đau tranh nhau ràng buộc, muôn nỗi ưu sầu cứ mãi tụ tập. Nay đã thành thục quả báo, mạng sống như đèn trước gió, nhưng chúng sanh vẫn tham trước, đến chết không thể tỉnh ngộ. Sợ rằng ở nơi xưa cũ, lưu luyến tiếc nuối tài sản, nhiễm đắm quyến thuộc yêu thương, Đức Phật dạy chuyển nơi ở, khiến cho sinh tâm ngán ngẫm, biết là vô thường sắp đến, nhờ đó phát sinh chánh niệm, chí tâm suy nghĩ chính xác.

Như luật tăng Kỳ nói: “Nếu như người bệnh là Đại Đức, thì nên ở trong phòng ốc tốt lành trước chỗ rõ ràng dễ thấy, muốn làm cho đạo-tục thăm hỏi sức khỏe để sinh thiện tâm. Chăm sóc người bệnh, hàng ngày cần phải đốt hương châm đèn, lấy nước pha hương thơm vẩy trên đất, cung cấp tiếp đãi mọi người đến thăm.”

Căn cứ theo tây Vực Kỳ Hoàn Tự Đồ nói: “Góc phía Tây Bắc chùa là nơi ánh sáng mặt trời ban ngày lặn xuống làm viện Vô thường, nếu có người bệnh thì an trí ở trong viện, chính điện gọi là Vô thường nhiều đời rời bỏ, người đi rất đông, trở về chỉ có một vài người. Trong chính điện an tró một pho tượng đứng sắc vàng rực chói lòa, mặt hướng về phương Đông. Nên đặt người bệnh ngồi ở trước pho tượng, nếu người không còn sức lực, thì khiến người bệnh nằm hướng mặt về phương tây nhìn tướng tốt của tượng Phật. Trong tay pho tượng buộc một lá phan năm màu, khiến người bệnh dùng tay nắm lá phan-chân làm động tác có ý muốn vãng sinh Tịnh độ. Chỗ ngồi tuy có dơ dáy, nhưng Đức Thế Tôn không lấy làm xấu xa, tha thứ cho cõi này vốn là nơi uế tạp, hãy còn thả xuống lá bùa linh thiêng tiếp nhận chúng sanh thuộc bậc thấp, huống là nay mạng sộng tìm đến với Phật, lẽ nào Ngài lại tự bỏ rơi hay sao? Tùy theo người bệnh đã ưa thích cảnh giới nào, hoặc làm hình tượng Đức Phật Di Đà- Đức Phật Di Lặc-Đức Phật A Súc-Bồ tát Quán Âm..., an trí như trước, đốt hương rải hoa, cúng dường không dứt, làm cho người bệnh phát sinh thiện tâm.”

***Phần thứ sáu:* LIỄM NIỆM** (Thâu nhiếp ý niệm).

Rằng ba cõi chẳng phải là có - năm Ấm thảy đều trống không, bốn Đảo mười Triền đoanh vây-cùng nhau hòa hợp mà thành. Tất cả giống như chớp điện, gạt vạn kiếp trong khoảnh khắc, gò cao giếng sâu dễ chìm, cuối cùng bập bềnh biển khổ. Đi lạc đường thì xa xăm, không

bằng diệt vong trở về, hình hài bảy thước nhỏ nhoi, không biết chỉ là giả tạm, ở ngoài tai nghe mắt thấy, cuối cùng tự mình nói suông, không nương tựa-không cứu giúp, không tin tưởng-không tiếp nhận. Sinh linh một khi rơi rụng, không có thời hạn trở về, vì lẽ đó xoa ngực tự đau buồn, đứng trước nguy nan lẽ nào yên ổn!

Vì vậy trong luật Thập Tụng nói: "Chăm sóc người bệnh nên tùy theo những sự học tập trước đây của người bệnh mà khen ngợi họ, không được chê bai làm lui sụt thiện tâm vốn cói của họ."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Thuyết pháp cho người bệnh khiến họ được hoan hỷ."

Còn trong luận Tỳ Ni Mẫu nói: "người bệnh không sử dụng mà người chăm sóc bệnh nói năng, người chăm sóc bệnh làm trái ý người bệnh cũng mắc tội."

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói:

"*Vì người bệnh sắp mạng chung thuyết kệ rằng*:
Lại phát ra ánh sáng có tên gọi Kiến Phật,
Ánh sáng ấy giác ngộ cho người sắp mạng chung,
Niệm Phật trong tam muội chắc chắn được thấy Phật,
Sau khi đã mạng chung sanh ở trước Đức Phật.
Khiến người sắp mạng chung cố gắng nghĩ điều thiện,
Lại chỉ rõ tôn tượng khiến họ nhìn cung kính,
Lại còn khuyến khích họ nghĩ đến quy y Phật,
Nhờ vậy được thành tựu ánh sáng thấy Đức Phật."

Trong luận Vãng Sanh nói: "Nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, tu thành tựu năm niệm, thì cuối cùng được sanh đến quốc độ An Lạc, được thấy Đức Phật A Di Đà. Những gì là 5 niệm? Đó là: 1- Lễ bái; 2- tán thán; 3- tác nguyện; 4- Quán sát; 5- Hồi hướng." Còn trong kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh nói: "Đức Phật bảo với Bồ Tát Phổ Quảng: Nếu người nam người nữ trong bốn chúng, ngày sắp mạng chung nguyện sanh về quốc độ của chư Phật mười phương, thì trước hết nên tắm gội thân thể, mặc áo quần sạch sẽ, đốt các loại hương quý, treo phan cái năm màu, ca ngợi Tam bảo đọc tụng kinh pháp tôn kính. Vì người bệnh giải thích về nhân duyên-thí dụ, dùng ngôn từ khéo léo nói nghĩ lý vi diệu trong kinh, Khổ-Không chẳng phải là thật, bốn Đại tạm thời kết hợp, hình hài như cỏ khô, trong đó không có gì là thật. Lại như ánh điện chớp, không thể nào dừng lâu; cho nên nói sắc thân không tươi tốt mãi, sẽ quay về hủy hoại tan rã, tinh thành hành đạo có thể được vượt qua khổ đau, tùy theo tâm đã nguyện cầu không có gì không đạt

được quả.”

Lời bàn: Như trước khuyên nhủ rồi lại đem kinh tượng đến nơi người bệnh, nêu rõ tên gọi kinh ấy-tên gọi tượng ấy nói cho người bệnh biết, khiến mở mắt nhìn thấy, làm cho họ tỉnh táo, và mời người có đức có trí đọc tụng kinh điển Đại thừa, giúp đỡ cất tiếng tán tụng, treo phan rải hoa rực rỡ, nhìn thấy trước mắt đẹp đẽ, mùi hương ngào ngạt thơm tho, thường xuyên có trong lỗ mũi, luôn luôn cùng họ chuyện trò thân thiện đừng làm cho họ nghe thấy lời ác. Bởi vì lúc sắp mạng chung có nhiều tướng ác nghiệp hiện ra không có năng lực lập chí gạt bỏ. Vì vậy người chăm sóc người bệnh, đặc biệt cần phải phương tiện khéo léo khuyên nhủ dẫn dắt khiến cho từng tâm từng tâm nối tiếp nhau không dừng lại trong khoảng khắc. Nhờ vào phước lực này làm thành ý vãng sanh Tịnh Độ.

Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “Lúc còn sống làm điều thiện, sắp mạng chung nghĩ điều ác, lập tức sanh vào đường ác. Lúc còn sống làm điều ác, sắp mạng chung nghĩ điều thiện, mà vẫn sanh lên cõi trời.”

Còn trong kinh Duy Ma nói: “Nhớ lại phước đã tu, nghĩ đến mạng sống thanh tịnh.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sanh trì giới, đối với người bệnh phá giới, không mong cầu ân huệ, tâm không mệt mỏi chán nản, mà cung dưỡng giúp đỡ người bệnh, thì mạng chung sanh lên cõi trời Phổ Quán, hưởng thụ năm dục tự nhiên, yên vui không biết chán đủ.”

Tụng rằng:

Tử Hoàn không thể nào có được,
Chương Tân uổng công lại rời xa,
Một khi gặp phải chó-ngựa bệnh,
Bôn ba chăn sóc xong đuổi nhanh.
Đã không có phép thuật Cửu chuyển,
Lại thiếu mất Vạn kim khác lạ,
Không được trao cho nước rửa tay,
Chỉ mộng thấy hồ hoa sen nở.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 14 chuyện: 1- Ân Nghị Tào Chuyên thời Tấn; 2- Trần Quốc Viên Vô Kỵ thời Tấn;3- Khang Pháp Lãng thời Tấn; 4- Ân Tuệ Tắc thời Tấn; 5- Trúc Pháp Nghĩa thời Tấn; 6- Thí Thị vợ La Dư thời Tống; 7- Vương Văn Minh thời Tống; 8- Lý Thanh thời Tống; 9- Thích Đàm Đĩnh thời Tống; 10- Vương Trường Dự thời Ngụy; 11- Thích

Tuệ Tiến thời Tề; 12- Thích Tăng Thiện thời Tùy; 13- Tiết Cô Huấn thời Đường; 14- Thích Triệt Sư thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Nghị Tào chuyên họ Âu ở quận Nam, mắc bệnh nhiều năm thịt xương tiêu hết, thầy mo-thầy thuốc đều đến đủ nhưng không có cách gì chữa được. Người con của Tào Chuyên ban đêm giống như gặp cơn buồn ngủ, mộng thấy có nhiều Sa môn, đến nhìn cha mình. Sáng sớm liền đi đến chùa Phật gặp các Sa môn, hỏi Phật là vị thần nào? Sa môn nói cho biết sự việc, liền mong muốn các Đạo nhân trở về thưa thỉnh để đọc kinh. Đêm sau người bệnh tự nhiên cảm thấy bệnh giống như giảm đi, ban ngày có thể ngủ một lúc, nếu như ngẫng đầu lên thì thấy giữa cổng vào có mấy chục trẻ thơ, đều mặc áo năm màu đẹp đẽ, trong tay có người cầm cờ phước, có người cầm gươm giáo, ở cổng đi vào. Có hai trẻ thơ ở phía trước, đi thẳng đến mành che, bỗng nhiên quay trở lại nói với mọi người phía sau: Dừng lại một chút, dừng lại một chút, trong phòng toàn là Đạo nhân. Thế là không tiếp tục đi về phía trước nữa. Từ đó về sau bệnh dần dần được chữa lành.

(Chuyện trên đây trích trong Linh Quỷ Chí.)

2. Thời nhà Tấn có Viên Vô Kỵ ở nước Trần, ngụ cư ở Đông Bình. Đầu thời Tấn Vĩnh Gia mắc phải bệnh ôn dịch, nhà có hơn trăm người, nhưng chết gần hết. Đến tránh trong tòa nhà lớn, tạm thời trông coi ruộng đất nhà cửa. Có một căn phòng nhỏ, anh em cùng ngủ chung, giường phản đệm chiếu mấy lớp, đêm ngủ không hay biết gì, chiếc giường đi ra ở ngoài cửa. Đêm trước như vậy, hai anh em cảm thấy quái lạ sợ hãi đều không ngủ. Sau thấy một người phụ nữ đi đến ở trước cửa, biết anh em Vô Kỵ đều không ngủ nên lùi lại phía trước ra ngoài cửa. Lúc ấy trời chưa sáng, có ánh trăng vằng vặc mà trông thấy, áo lụa màu trang trọng, trên đầu có cài hoa và giắt cái thoa bạc-cái lượt bằng ngà voi. Anh em Vọ Kỵ liền đi theo, ban đầu đi vòng quanh nhà, đầu tóc xổ tung và hoa cài-thoa giắt-lượt ngà đều rơi xuống đất. Vô Kỵ nhặt lấy tất cả. Thế là tiếp tục ra ngoài cổng đi về phía Nam, gần đường đi có giếng nước, tức thì đi vào trong giếng. Anh em Vô Kỵ trở về ngủ. Trời sáng tỏ nhìn hoa cài và thoa bạc-lược ngà, đều là đồ vật thật sự, đào phá cái giếng gặp được mộ cỗ quan tài làm bằng gỗ Thu, ba phần đã ngâm trong nước giếng. Vô Kỵ liền chuyển quan tài và vật dụng áo quần, đưa mọi thứ chôn cất ở nơi cao ráo, sau đó liền chấm dứt.

(Chuyện trên đây trích trong Chí Quái tập.)

3. Thời nhà Tấn có Sa môn Khang Pháp Lãng, học ở trung Sơn. Trong thời Tấn Vĩnh Gia cùng với một Tỳ kheo, từ phía Tây đi vào

Thiên Trúc, đường đi qua vùng Lưu Sa vắng vẻ, có hơn ngàn dặm, thấy bên đường có ngôi chùa Phật tàn tạ sụp đổ, không còn gì nhà cửa phòng ốc, cỏ dại lút đầu người. Pháp Lãng và bạn cùng đi dừng lại nhìn mà lễ bái, thấy có hai vị Tăng, Tăng đều ở bên cạnh nơi ấy, một người đọc kinh, một người mắc bệnh lỵ, ô uế đầy phòng. Người đọc kinh ấy hoàn toàn không hề quan tâm chăn sóc. Pháp Lãng xót xa mà dấy lên ý niệm, ở lại để nấu cháo và quét dọn giặt giũ. Đến ngày thứ 6 thì người bệnh có phần khốn đốn bệnh ly tuôn như suối. Pháp Lãng và bạn cùng đi chung lòng sắp xếp, đêm ấy Pháp Lãng và bạn cùng nói là người bệnh chắc chắn không qua khỏi sáng mai. Vào sáng sớm đi đến nhìn xem, sắc mặt sáng rỡ vui vẻ tình trạng đau đớn chấm dứt hẳn rồi, mọi vật dơ dáy trong phòng đều là hoa thơm. Pháp Lãng và bạn cùng đi mới hiểu là bậc chân nhân đắc đạo lấy việc để thử lòng người. Người bệnh nói: Tỳ kheo cách phòng là Hòa thượng của tôi, đạt được đạo tuệ đã lâu, có thể đến lễ lạy chào hỏi. Pháp Lãng và bạn trước đây chê trách Sa môn đọc kinh không có tâm yêu thương, nghe rồi mơi làm lễ hối hận về sai lầm của mình, người đọc kinh nói: Các ông thành tam hợp với nhau cùng đến, sẽ cùng nhau tiến vào đạo, Pháp Lãng vốn có sự nghiệp học hành nông cạn, đời này chưa đạt được tâm nguyện. Nói với bạn của Pháp Lãng rằng: Tuệ này nếy gieo trồng gốc rễ sâu xa thì ngay đời hiện tại sẽ đạt được tâm nguyện. Vì vậy mà giữ lại. Sau đó Pháp Lãng trở về trung Sơn làm Đại Pháp sư, đạo-tục đều tôn kính.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.)

4. Thời nhà Tấn có An Tuệ ở chùa Đại Thị vùng Lạc Dương, không rõ họ tộc nào, thưở trẻ tánh không bình thường, tuyện với khác người, mà giỏi về Chánh thư (viết chữ khải), có sở trường năng lực lời lẽ-thái độ khi nói chuyện. Trong niên hiệu Vĩnh Gia nhà Tấn, thiên hạ gặp phải dịch bệnh, Tuệ tắc ngày đêm chân thành cầu khấn, nguyện Thiên thần ban cho thuốc để cứu chữa cho muôn dân. Một hôm đ ra cổng chùa thấy hai hòn đá hình dạng trông như cái hũ, Tuệ tắc nghi là vật kỳ lạ, bước đến cầm lấy xem, quả nhiên có nước thần ở bên trong, người bệnh uống vào thì tất cả đều khỏi bệnh. Về sau đến ở chùa Đại Thị vùng Lạc Dương, tay tự mình viết kỹ càng trên giấy vàng bằng chữ nhỏ cả một bộ Đại Phẩm, hợp lại làm một quyển, chữ bằng hạt đậu nhỏ, mà rõ ràng có thể nhận biết, tất cả hơn 10 bản, lấy một bản đưa cho vợ của Chu Trọng trí ở Nhữ Nam là Hồ Thị cúng dường. Mẹ củ Hồ Thị đi qua sông ôm kinh theo bên mình, sau bị hỏa hoạn kéo dài, vội vàng không thể lấy được kinh, khóc lóc xót xa buồn phiền, lửa dập tắt sau đó

mơi từ trong đống tro tàn lấy kinh ra được, màu sắc cuốn kinh hoàn toàn không có gì hư hoại. Lúc ấy mọi người cùng thấy-nghe tận mắt không có ai không bỏ tà đạo sữa chữa lại niềm tin. Kinh này bây giờ còn nơi Tịnh Thủ Ni-chùa Giản Tịnh chốn kính sư.

(Chuyện trên đây trích trong Lương Cao Tăng Truyện).

5. Thời nhà Tấn có Sa môn trúc Pháp Nghĩa, ở trong chốn núi rừng ham học hỏi. Trú tại Bảo Sơn vùng Thỉ Ninh, sau mắc bệnh kéo dài, tìm cách chữa trị chu đáo đến cùng mà hoàn toàn không thuyên giảm, ngày tháng kéo dài thêm trầm trọng thì không tự mình chữa trị được nữa, chỉ quay về thành khẩn cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm. Như vậy nhiều ngày, giữa ban ngày nằm ngủ mộng thấy một Đạo nhân đến thăm hỏi bệnh tình, nhân đó chữa trị giúp, moi ruột gan dạ dày ra rửa ráy tạng phủ, thấy có rất nhiều vật bất tịnh kết tụ, rửa sạch sẽ xong nhét vào lại bên trong, nói với Pháp Nghĩa rằng: Bệnh của ông đã trừ hết. Nằm ngủ cảm thấy mọi bệnh hoạn được trừ hết không sai, chẳng mấy chốc được trở lại bình thường. Theo kinh ấy nói: Hoặc hiện hình hình tướng Sa môn-Phạm chí. Ý là Pháp Nghĩa đã mộng thấy chính là Bồ Tát thị hiện. Pháp Nghĩa qua đời vào năm thứ 7 thời Tấn Thái Nguyên. Tự bản thân trúc trường Thư đến nghĩa Lục Sự, cùng Tống thượng thư lệnh Phó Lượng đã viết ra. Phó lượng tự nói: Đời vua trước cùng với Pháp Nghĩa là nơi qua lại thân thiện, Pháp Nghĩa đã từng nói đến việc ấy, nhất định là nghiêm nghị càng cung kính làm sao!

6. Thời nhà Tống có Phí Thị là vợ của La Dư, người vùng Ninh Thục, cha làm Thứ sử Ninh Châu dưới thời nhà Tống. Phí Thị trẻ tuổi mà tin tưởng cung kính, tụng kinh Pháp Hoa mấy năm liền, rất chăm chỉ không hề mệt mỏi. Sau bỗng nhiên mắc bệnh khổ sở, lòng đau đớn giữ mạng sống, cả nhà đều sợ hãi không yên. Lúc gia đình thân thuộc chiêu đãi khách bạn, Phí Thị trong lòng nghĩ rằng: Mình tụng kinh chăm chỉ, sẽ có sự phù hộ tốt lành, ngõ hầu không đến nỗi chết tại nơi này. Lát sau nằm ngủ trong khoảng thời gian bữa ăn, như tỉnh ngủ mà cũng như trong mộng, thấy Đức Phật từ trong cửa sổ đưa tay để xoa trên đầu mình, lập tức mọi đau đớn đều khỏi hẳn. Trai gái-nô tỳ-tôi tớ cả nhà, đều nhìn thấy ánh sáng, cũng ngửi thấy mùi thơm. Em gái họ của La Dư tức là Phu nhân của Thương thư trung binh bộ Phí Âm, là cháu cụ cố họ Diễm bên ngoại, lúc ấy tỉnh ngộ nhanh chóng đến trước giường cũng nghe thấy đầy đủ. Thế là phát sinh tin tưởng vô cùng, hiểu rõ cung kính giữ gìn đến suốt đời, đã từng lấy sự việc này đưa vào áp dụng cảm hóa con cháu trong nhà.

7. Thời nhà Tống có Vương Văn Minh, cuối thời Tống Thái Thỉ, làm huyện lệnh Giang An, vợ mắc bệnh lâu ngày, con gái ở bên ngoài nấu cháo cho mẹ sắp chín, bỗng nhiên biến thành máu, bỏ mà nấu lại cháo khác, cũng lại như ban đầu. Như vậy nhiều lần, mẹ liền qua đời. Sau đó trai gái khóc lóc ở trước linh đài, bỗng nhiên thấy mẹ mình nằm trên linh sàng, diện mạo như thường ngày, con cái cảm động gào khóc thoắt đã ẩn đi. Văn Minh trước đó thương một người hầu gái dưới quyền của vợ mình. Mang thai sắp sinh con, ngày mai táng người vợ, bảo người hầu gái giữ nhà, người khác đều đi đến chỗ lăng mộ. Tất cả bắt đầu xuất phát, người vợ liền hiện hình đi vào nhà đánh người hầu gái. Sau đó các cô con gái giết gà làm cơm cho cha, mổ bụng rửa sạch đã xong xuôi, con gà bỗng nhảy lên đầu cửa gáy dài. Văn Minh lập tức qua đời, những người con trai tiếp theo nhau qua đời.

(Ba chuyện trên đây trích trong Thuật Dị Ký)

8. Thời nhà Tống có Lý Thanh, người vùng Vu Tiềm-Ngô Hưng, làm quan Hoàn Ôn Đại tư mã phủ tham quân đốc hộ, ở trong phủ mắc bệnh trở về nhà mà chết, trải qua một đêm mà sống lại. Nói rằng: Ban đầu thấy người truyền giáo cầm cờ hiệu đến gọi to rằng: Quan phủ muốn gặp mặt. Lý Thanh nói là Hoàn Ôn gọi, liền đứng dậy thắt đai mà đi. Ra ngoài cổng trông thấy một chiếc kiệu tre, liền bảo bước vào bên trong. Hai người gánh đi nhanh chóng như bay, đến một cánh cổng màu đỏ trông thấy Nguyễn Kính, lúc ấy Nguyễn Kính chết đã ba mươi năm rồi. Nguyễn Kính hỏi Lý Thanh rằng: Ông biết đến lúc nào, nhà tôi như thế nào? Lý Thanh nói: Nhà ông tệ hại vô cùng. Nguyễn Kính liền tuôn nước mắt như mưa mà nói: Biết con cháu của tôi như thế nào? Đáp rằng: Thật là đầy đủ. Nay tôi làm cho ông được thoát, ông có thể sắp xếp cho nhà tôi hay không? Lý Thanh nói: Có thể, nếu có thể như vậy thì không phụ bạc ân nghĩa to lớn này đâu. Nguyễn Kính nói Đạo nhân Tăng Đạt là quan sư rất được tôn kính, nên hết sức bày tỏ việc này. Trở vào bên trong rất lâu rồi sai người đi ra nói: Chùa bốn tầng trước cổng do quan dựng lên, Tăng Đạt thường xuyên đến rạng sáng đi vào chùa lễ bái, nên đến đó nài nỉ cầu xin. Lý Thanh đi đến chùa ấy thấy một Sa môn, nói cho biết rằng: ông là đệ tử bảy đời trước đây của Ta, đã trải qua bảy đời thọ phước, mê say đắm trước dục lạc thế gian quên mất nghiệp thiện của mình, bỏ chánh theo tà phải nhận lấy tội lỗi to lớn, nay hãy hối cải! Hòa thượng công khai đứng ra nhận giúp đỡ giùm cho. Lý Thanh trở lại trong chiếc hiệu trước đó, đêm lạnh buốt run rẩy vì cóng. Đến sáng cổng mở ra, Tăng Đạt quả nhiên xuất hiện

đi vào chùa. Lý Thanh liền đi theo rập đầu lạy. Tăng Đạt nói: Ông nên thay đổi tâm niệm làm cho tốt đẹp, quy mạng Phật-Pháp, quy mạng Tỳ kheo tăng, thọ ba pháp quy y này có thể cảm được không gặp cái chết đột ngột, người chịu khó thọ trì cũng không trải qua khổ nạn. Lý Thanh lập tức vâng lời thọ trì. Lại thấy vị Sa môn đã gặp hôm qua, quỳ thẳng thỉnh cầu rằng: người này là đệ tử đời trước trong tăng, quên mất Chánh pháp mới làm cho nhận chịu khổ báo, duyên đời trước đã tìm lại, nay được quy mạng, nguyện cầu rủ lòng thương xót! Đáp rằng: trước là người có phước thiện cho nên dễ dàng cứu giúp thôi. Liền trở lại hướng về cánh cổng màu đỏ, chốc lát sai người đi ra nói: Lý tham quân có thể ra đi. Lúc ấy Nguyễn Kính cũng đi ra đưa cho Lý Thanh một cây trúc xanh, khiến nhắm mắt mà cưỡi. Lý Thanh như lời dặn, bỗng nhiên đã đến nhà. Trong nhà đang khóc nỉ non và bà con láng giềng đông nghẹt trong phòng, muốn đi vào cũng không được. Đúng lúc quan tài mua về, người nhà và khách bạn, cùng đi đến nhìn xem cỗ quan tài, chỉ còn thân xác nằm nơi ấy. Lý Thanh đi vào đến trước thân xác, nghe thấy thân xác mình bốc mùi hôi thối, tự nghĩ hối hận là đã trở về, lưỡng lự không muốn ở lại, nhưng người bên ngoài dồn ép bỗng nhiên không làm chủ được mà ngã vào thân xác, thì ngay lúc ấy sống lại. Thế là tìm cách sắp xếp giúp cho nhà Nguyễn Kính phân chia nhà cửa để sinh sống. Sau đó dốc lòng quy y Tam bảo suốt đời tin theo giáo pháp, trở thành hàng đệ tử tốt lành.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.)

9. Thời nhà Tống có Thích Đàm Dĩnh ở chùa Trường Vu, người vùng Cối Kê, tuổi trẻ xuất gia cẩn thận đối với giới hạnh, tụng kinh hơn 10 vạn lời. Đến ở chùa Trường Vu, khéo léo diễn đạt, tự nhiên tuyệt vời vô cùng. Đàm Đĩnh đã từng mắc bệnh lở loét chữa trị nhiều năm không trừ được, trong phòng luôn luôn cúng dường một phi tượng Quán Thế Âm, sớm chiều lễ bái cầu chữa căn bệnh này. Vào lúc nọ bỗng nhiên trông thấy một con rắn từ sau pho tượng bám vào tường bò lên mái nhà. Chốc lát có một con chuột từ trên mái nhà rơi xuống đất, thân dính đầy nước dãi, tình trạng giống như đã chết. Đàm Dĩnh đợi một lúc thì hình như con chuột còn sống, liền lấy thanh tre cạo bỏ lớp nước dãi. Nhưng nghe con chuột bị rắn nuốt có thể chữa lành căn bệnh lở loét, liền lấy nước dãi bôi lên trên vết lở. Đã bôi khắp những vết lở thì con chuột cũng sống lại, quả thật trong hai đêm thì những vết lở đều lành hẳn.ới hiểu ra rằng con rắn và con chuột đều là do sự cầu thỉnh mà làm cho như vậy. Thế là được bậc Quân Vương tôn trọng, danh tiếng truyền khắp

gần xa. Sau qua đời tại nơi cư trú, hưởng thọ 81 tuổi.

(Chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện).

10. Thời nhà Ngụy có Vương Trường Dự làm quan Trung thư lang, có danh tiếng tốt đẹp, cha làm Thừa tướng vô cùng yêu quý. Gặp phải căn bệnh chuyển sang nguy kịch, Thừa tướng lo nghĩ buồn rầu mà đến tận nơi, chỉ ngồi ở trước giường không ăn uống đã nhiều ngày, bỗng nhiên hiện rõ ra một người hình dáng rất to lớn, mặc giáp cầm gươm. Thừa tướng hỏi: ông là người nào? Đáp rằng: Kẻ tôi tớ là Tưởng Hầu, con của Ngài không ở lại, vì muốn cầu thỉnh mệnh lệnh cho nên đến đây thôi, Ngài dừng buồn lo nữa. Thừa tướng vui mừng thay đổi nét mặt. Thế là cầu xin cho người mang cơm ăn, ăn một lúc đến mấy Thăng, mọi người đều không hiểu được nguyên cớ. Ăn xong bỗng nhiên lại đau thương sầu thảm, nói với Thừa tướng rằng: Mạng của Trung thư lang đã hết, không ai có thể cứu được. Nói xong không thấy nữa.

(Chuyện trên đây thấy trong U Minh Lục).

11. Trong thời Tề Vĩnh Minh có Thích Tuệ Tiến ở chùa Cao Tòa-Dương Đô, tuổi trẻ hăng hái đi lại khắp nơi làm người nghĩa hiệp. Năm bốn mươi tuổi bỗng nhiên hiểu rõ lý vô thường, vì vậy mà xuất gia, ăn cơm rau mặc áo vải, thề tụng Pháp Hoa, dụng tâm vất vả mệt nhọc, luôn luôn cầm kinh tụng cho nên phát bệnh. Thế là phát nguyện làm ra một trăm bộ để sám hối nghiệp chướng trước đây. Bắt đầu tích tụ được một ngàn sáu trăm chữ, giặc cướp đến đòi lấy đồ vật, Tuệ Tiến chỉ rõ tiền bạc ở nơi kinh, giặc cướp xấu hổ mà rút lui. Từ đó về sau thì làm thành một trăm bộ, căn bệnh vốn có cũng chữa khỏi. Tụng kinh đã độ được tình người mà tâm nguyện cũng thỏa mãn, hồi hướng thiện nghiệp trì tụng này nguyện sanh về cõi An Dưỡng, nghe giữa hư không nói cho biết rằng: Nguyện ông đã đầy đủ chắc chắn được vãng sanh. Sau đó không bệnh tật gì mà qua đời, hưởng thọ hơn 80 tuổi.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.)

12. Thời nhà Tùy có Thích Tăng Thiện ở núi Mã Đầu quận Văn Thành, người dòng họ Tịch thuộc vùng Chánh Bình-quận Giáng. Năm Nhân Thọ nhà Tùy, đạo hạnh của tăng Thiện càng sâu sắc, đến lúc bệnh nặng nguy kịch sắp lìa trần mới nói với đệ tử rằng: Ta mắc chứng bệnh lạnh giá kết tụ trong ruột, bởi vì xưa kia tuổi còn trẻ, ở chốn núi rừng nhận chịu nghiệp duyên đã đoạn tuyệt lương thực ngũ cốc, lười đi tìm kiếm chỉ ăn một chút mầm cỏ, để duy trì thân mạng qua ngày, vì thế biết được căn bệnh này. Sau khi qua đời mổ bụng xem xét quả nhiên như lời đã nói: Nếu sau khi Ta qua dời thì không cần phải thiêu đốt làm

tổn hại mạng sống loài vật khác, có thể đặt vào trong chum sành mà chôn. Vào năm thứ nhất thời Tùy Đại Nghiệp, qua đời ở trong núi đá Đại Hoàng, đạo-tục y theo lời mà mai táng. Tỳ kheo Tăng tập ở Giáng Châu, kế thừa học tập tăng Thiện, không bỏ sót phương pháp giáo hóa. Thiện Sư suốt ngày đi nơi khác không gặp, sau tìm di hài cũng không biết ở nơi nào, bỗng nhiên nghe tiếng nổ chấn động, âm vang phát ra từ hang đá trong rừng, thấy đất tách rời nhô lên một chiếc chum sành đưa ra bên ngoài, hài cốt như tuyết chỉ riêng cuống lưỡi là còn lại, đỏ hồng sáng rực hơn hẳn ngày còn sống, nhân đó nhặt lấy cuống lưỡi và xương cốt, đem về xây tháp để an trí.

Chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện.

13. Năm thứ 1hai thời Đường Trinh Quán chinh phạt xứ sở Khâu Từ, có Tiết Cô Huấn làm Tào tham quân quản lý kho lương cho quân lính đi đường, đến tàn sát trong thành Khâu Từ. Sau đó mới vào tinh xá bóc diện của pho tượng Phật để lấy vàng, trong khoảng mười ngày thì lông mày rụng hết. Trở về đất Y Châu, mới quỳ trước Phật sám hối về lỗi lầm của mình, vàng đã lấy được đều trở lại làm những việc công đức. Không bao lâu thì lông mày mọc lại như cũ.

14. Thời nhà Đường có Sa môn Triệt Thiền Sư ở chùa Hãm Tuyền vùng Cô Sơn phía Nam của Phong Châu, đã từng đi đường gặp người bệnh hủi ở trong hang đá, Triệt Thiền Sư dẫn ra trong núi để đào hang cung cấp cho ăn uống, khiến tụng kinh Pháp Hoa. Vốn không biết chữ, lại còn ngu dốt ngang bướng, triệt Thiền Sư giảng dạy cho từng câu, chung quy là không ngại mệt mỏi chán chường. Tụng kinh gần được một nửa, mộng thấy có người khuyên bảo: Từ nay về sau có phần thông minh. Được 5-6 quyển thì cảm thấy vết lở dần dần lành lặn, đã xong một bộ râu tóc-mi mày hoàn toàn bình phục, màu da trở lại như thường. Vì vậy kinh nói: Thuốc tốt chữa bệnh. Lời này ứng nghiệm thật!

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 96

Thiên thứ 96: XẢ THÂN

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

***Phần thứ nhất*: THUẬT Ý**

Rằng sắc tánh không có hình dạng-tiếp xúc ắt trở về không, ba đời giống như giả tạm-tinh tế cuối cùng tản hết. Tuy rằng uy thế xoay chuyển đất trời, nhưng đúng lúc quay về hủy diệt; dù cho xinh đẹp đứng đầu Tề-Sở, mà không cứu thì thành bụi đất. Vì lẽ đó, hình hài không phải sắc chất cố định-do nhiều duyên quy tụ mà tạo thành, bốn trần không hề giống nhau-gió lửa luôn luôn sai khác, tách ra mà phân ly, vốn không phải một vật, gan Yên mà mật Việt, chưa đủ làm ví dụ. Bồ Tát lợi ích chúng sanh mới tận cùng mục đích ấy, mà tích lũy tối tăm sa đọa này đời đời mãi không thôi. Một niệm nếu như gặp được chưa từng có lúc đổi thay, tập khí chướng ngại tự trừ chốc lát lạc mất đường đi. Ngang ngược dựa vào nói Không, gọi điều ấy cho là Có; nuôi dưỡng mình làm hại mạng, nói điều ấy là ác độc. Tích chứa tài sản ngoài thân, để thêm nhiều dục vọng; tranh giành phần mình không hợp, sử dụng thành lãng phí. Lẽ nào cứ ấm no mập mạp giữ đầy bụng mình như vậy mà thôi hay sao? Đến nỗi tích lũy rương hòm chứa đầy kho tạng, tràn mân đầy thớt khắp trong nhà bếp, từ vô thỉ kiếp cho đến ngày nay, cung cấp cho bản ngã hư huyễn này, cũng chưa hề thỏa mãn. Lặng lẽ suy nghĩ điều này, há không tội lỗi hay sao? Nay đã hiểu rõ lỗi lầm, chỉ có giữ chiếc bình đất, vật và ngã đều rỗng không, quý báu luyến tiếc ở đâu? Vì lẽ đó, tâm Đại Sĩ thường hiểu biết huyễn ảo giả tạo, nguyện Bồ Tát luôn luôn xả vọng mà cầu chân, chứng biết ba cõi là nhà sớm tối đi về, tỉnh ngộ bốn sanh là cảnh huyễn mộng phù du. Ngoài nói là sanh thì lấy thân mạng làm quán trọ, chết nên lấy trời đất làm quan quách; trong nói là Vương Tử xả thân công vượt chín kiếp, róc thịt đổi chim chấn động tam thiên. Đem nay so với xưa hy vọng cùng như vậy, muốn làm cho trâu trắng có năng lực vượt đường dài, thuyền báu có sức mạnh đến bờ kia!

***Phần thứ hai:* DẪN CHỨNG**

Như kinh Kim Quanh Minh nói: “Đức Phật bảo với Đại chúng: Quá khứ có vị vua, tên gọi Ma Ha La Đà, thường thực hành thiện pháp không hề có oán địch. Lúc ấy có ba người con trai, tuyệt vời bậc nhất. Thái Tử thứ nhất tên là Ma Ha Ba Na La, Vương Tử thứ hai tên là Ma Ha Đề Bà, Vương Tử thứ ba tên là Ma Ha Tát Đỏa. Ba vị Vương Tử này, dạo chơi ở trong vườn, đi dần đến rừng trúc dừng xe lại nghỉ ngơi. Vương Tử thứ nhất mở lời nói như vậy: Anh đến hôm nay trong lòng rất sợ hãi, ở trong rừng này mong rằng không có gì suy tổn! Vương Tử thứ hai lại mở lời nói rằng: Em đến hôm nay không luyến tiếc thân mạng của mình, chỉ vì chia ly với người yêu quý thì tâm ưu sầu mà thôi. Vương Tử thứ ba lại dấy lên nói rằng: Em đến hôm nay không còn có gì sợ hãi, cũng không có gì sầu não. Trong núi vắng vẻ yên lặng Thần Tiên đều ca ngợi, là nơi vắng lặng yên bình khiến cho người hành đạo an ổn cảm nhận niềm vui. Lại tiếp tục đi về phía trước thấy có một con hổ, vừa sinh đẻ được bảy ngày, mà lại có bảy con hổ con, vây tròn xung quanh, đói lả tiều tụy vô cùng, thân thể gầy gò suy sụp, mạng sống có lẽ sắp phải chấm dứt. Vương Tử thứ nhất trông thấy con hổ này rồi cất tiếng nói như vậy: Kỳ quái thay, con hổ này sinh đẻ đã bảy ngày mà bảy con hổ con vây quanh không kiếm được thức ăn, nếu vì cơn đói bức bách thì chắc chắn trở lại ăn thịt con mình. Vương Tử thứ ba nói: Các anh thì ai có thể cho con hổ này thức ăn? Vương Tử thứ hai nói: Con hổ này đói lả mạng sống còn lại không bao nhiêu, không có thể đi nơi khác để kiếm thức ăn được, mạng sống chắc chắn không cứu giúp được, ai có thể vì con hổ này mà không tiếc thân mạng của mình? Vương Tử thứ nhất nói: Tất cả điều khó xả bỏ nhất trên đời chính là mạng sống của mình. Vương Tử thứ hai nói: Nay chúng ta bởi vì tham tiếc cho nên đối với thân mạng này không thể nào buông bỏ được, vì trí tuệ nhỏ nhoi cho nên đối với sự việc này mà sinh lòng kinh sợ, như các vị Đại sĩ, muốn làm lợi ích cho người, sinh tâm Đại Bi, không đủ để cho là khó. Lúc ấy trong lòng các Vương Tử rất ưu sầu, đứng nhìn rất lâu, mắt không hề rời bỏ. Đứng quán sát như vậy rồi sau đó liền rời xa. Lúc bấy giờ Vương Tử thứ ba dấy lên nghĩ rằng: Nay đã đến lúc mình xả thân rồi, tại vì sao từ xưa đến nay mình bỏ thân nhiều như vậy, cũng không làm được điều gì, thường xuyên chăm sóc nuôi dưỡng khiến cho không thiếu sót gì, mà không biết ân tình lại sinh ra oán thù làm hại, nhưng lại không tránh khỏi sự hủy hoại tàn phá của vô thường, bây giờ xả thân này làm sự nghiệp Vô thượng, ở giữa biển rộng sinh tử làm chiếc

cầu lớn, vĩnh viễn xa rời lo sợ buồn rầu vì vô thường biến dị, thành tựu đầy đủ công đức trí tuệ! Ngay lúc ấy nói rằng: Bây giờ các anh có thể cùng với quyến thuộc trở về nơi cư trú của mình. Lúc bấy giờ Vương Tử Ma Ha Tát Đỏa, lại đến nơi hổ đói, cởi áo quần trên thân, vắt lên trên cành trúc, phát lời thề như vậy: Nay con làm lợi ích cho các chúng sanh, chứng đến Vô thượng tối thắng, vì muốn cứu độ các chúng sanh trong ba cõi. Lúc ấy Vương Tử phát lời thề này rồi, liền tự buông thân nằm trước mặt hổ đói, vì sức mạnh của lòng Đại Bi cho nên con hổ không thể nào làm gì được. Vương Tử nghĩ rằng: Bây giờ hổ đói gầy ốm, thân thể không còn sức lực, không thể nào ăn máu thịt trên thân của mình được. Liền đứng dậy tìm dao nhưng rốt cuộc không làm sao có được, thế là lấy cây trúc khô đâm vào cổ làm cho chảy máu. Lúc này mặt đất vang dội sáu thứ chấn động, mặt trời không còn chiếu sáng, lại mưa xuống các loại hoa cùng các loại hương thơm kỳ lạ. Lúc ấy giữa hư không, có chư Thiên trông thấy, tâm sinh hoan hỷ ca ngợi là điều chưa từng có: Lành thay Đại Sĩ, thật sự là người Đại Bi, vì chúng sanh mà có thể xả bỏ điều khó xả bỏ nhất, không bao lâu sẽ chứng Niết bàn thanh tịnh. Hổ đói thấy máu chảy lai láng trên thân Vương Tử, tức thì liếm máu ăn thịt chỉ còn lại bộ xương. Lúc bấy giờ hai người anh thấy mặt đất chấn động dữ dội, mặt trời không còn chiếu sáng, mưa xuống các loại hương-hoa, biết chắc chắn là em mình đã xả bỏ thân mạng yêu quý. Lúc ấy tâm hai Vương Tử vô cùng buồn rầu sợ hãi, tuôn nước mắt thở than thương xót, dung mạo trở nên tiều tụy, lại cũng dẫn nhau trở lại nơi hổ đói, thấy áo quần em mình đã mặc tất cả đều ở trên một cành trúc, hài cốt tóc móng tay chân rời rạc bừa bộn khắp nơi, máu chảy khắp mọi nơi vấy bẩn trên mặt đất. Trông thấy rồi ngất lịm không thể tự kìm mình được, lao thân đến trước xương tàn rất lâu mới tỉnh lại, liền đứng dậy đưa tay kêu trời mà khóc nức nở: Em tôi tuổi còn nhỏ tài năng hơn người, cha mẹ yêu quý mà bỗng nhiên xả thân để nuôi hổ đói, nay tôi trở về cung nếu như cha mẹ hỏi thì nên trả lời thế nào đây, tôi thà ở nơi này cùng bỏ mạng một chỗ, không đành lòng trở về gặp cha mẹ quyến thuộc. Lúc ấy Vương Tử thứ hai đã dẫn theo tùy tùng, tất cả phân ra mọi phía cùng nhau nói rằng: Nay Vương Tử của chúng tôi đang làm gì, ở đâu?

Lúc bấy giờ Vương Phi còn trong giấc ngủ, mộng thấy bầu vú bị cắt đứt, hàm răng rơi rụng, có được ba con chim bồ câu non mà một con bị chim ưng ăn thịt. Lúc bấy giờ Vương Phi cảm thấy mặt đất chấn động, tức thì kinh hãi tỉnh giấc, tâm vô cùng lo buồn sợ hãi, mà nói kệ rằng:

Hôm nay tại vì sao,

Mặt đất và sông biển,
Tất cả đều chấn động,
Mọi vật không yên chỗ,
Mặt trời không chiếu sáng,
Như có mây che phủ,
Trong lòng mình buồn khổ,
Mắt luôn luôn máy động,
Nếu như mình bây giờ,
Đã trông thấy điền báo,
Ắt có nạn lạ lùng,
Đau khổ chẳng tốt lành.

Ngay sau đó Vương Phi nói kệ này xong, lúc ấy có tỳ nữ ở bên ngoài đã nghe tin tức của Vương Tử, tâm kinh hoàng sợ hãi lập tức vào cung thưa với Vương Phi rõ ràng như vậy: Trước đây ở bên ngoài nghe các tùy tùng, chia nhau tìm kiếm Vương Tử nhưng không biết nơi nào. Vương Phi nghe rồi sinh ra sầu não vô cùng, đến chỗ Đại Vương thuật lại đầy đủ chuyện này. Nhà vua nghe mà ngất lịm đau thương vô cùng khổ não xót xa, gạt nước mắt mà nói: Sao hôm nay trong lòng ta giống như mất đi điều gì vô cùng yêu quý!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Lúc bấy giờ Đại Vương,
Từ chỗ ngồi đứng dậy,
Lấy nước vẩy Vương Phi,
Rất lâu mới tỉnh lại.
Trở lại được chánh niệm,
Nghẹn ngào hỏi nhà vua:
Con của thiếp bây giờ,
Là chết hay còn sống?
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Liền nói với Vương Phi:
Nay Ta đang phái người,
Đại thần cùng sứ giả,
Đi khắp mọi nơi chốn,
Tìm kiếm con chúng ta,
Nay nàng tạm yên lòng,
Đừng ưu sầu quá mức!
Đại Vương nói như vậy,

An ủi Vương Phi rồi,
Liền ngựa xe nghiêm túc,
Rời khỏi cung điện mình.
Vào lúc ấy Đại Vương,
Đã ra khỏi thành rồi,
Quay đầu nhìn bốn hướng,
Tìm kiếm con trai mình.
Tâm xót xa rối loạn,
Không biết ở chốn nào,
Cuối cùng từ xa thấy,
Có một người đưa tin.
Đã đến nơi nhà vua,
Cất tiếng thưa như vậy:
Mong Đại Vương đừng lo,
Các Vương Tử còn sống,
Không bao lâu sẽ đến,
Để Đại Vương được thấy.
Sau đó trong chốc lát,
Lại có bề tôi đến:
Thưa Đại Vương nên biết,
Một Vương Tử đã mất,
Hai Vương Tử tuy còn,
Mà xót xa tiều tụy,
Vị Vương Tử thứ ba,
Thấy hổ mới sinh con,
Bảy ngày đói vô cùng,
Sợ trở lại ăn con,
Thấy hổ đói này rồi,
Sinh tâm Bi sâu sắc,
Phát thệ nguyện cao cả,
Nên cứu độ chúng sanh,
Ở trong đời vị lại,
Chứng quả thành Bồ đề,
Liền leo lên chỗ cao,
Lao thân xuống hổ đói,
Hổ vì đói bức bách,
Liền bắt đầu ăn thịt,
Tất cả những máu thịt,

Đã bị hổ ăn hết,
Chỉ còn lại hài cốt,
Vương bừa bãi trên đất.
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Nghe bề tôi nói xong,
Lại càng thêm nghẹn ngào,
Choáng váng ngã xuống đất,
Ưu sầu như lửa mạnh,
Hừng hực đốt thân vua,
Các quan và quyến thuộc,
Cũng trở lại như vậy,
Lấy nước vẩy Đại Vương,
Rất lâu mới tỉnh lại,
Lại đứng dậy đưa tay,
Kêu trời mà khóc lóc.
Lại có bề tôi đến,
Mà thưa với Đại Vương:
Trước đây ở trong rừng,
Trông thấy hai Vương Tử,
Rất ưu sầu đau khổ,
Khóc nức nở xót xa,
Mê muội mất ý chí,
Tự ngã nhào trên đất,
Hạ thần liền tìm nước,
Vẩy trên thân Vương Tử.
Vương Tử nhỏ nhất này,
Được Ta rất yêu quý,
Mà quỷ lớn Vô thường,
Bỗng nhiên lại ăn nuốt,
Hai Vương Tử còn lại,
Nay tuy là còn sống,
Nhưng bị lửa ưu phiền,
Đốt cháy mãi lòng dạ,
Hoặc có thể vì vậy,
Làm mất đi mạng căn,
Ta nên mau đến đó,
Vào trong khu rừng kia,
Đón chở các con Ta,

Gấp rút về cung điện.
Mẹ của họ ở sau,
Thật vô cùng buồn khổ,
Cùng những người theo hầu,
Sắp đến khu rừng ấy,
Thì ở giữa đường đi,
Gặp hai Vương Tử ấy,
Kêu trời chân giậm đất,
Gọi tên của em mình.
Lúc ấy vua tiến đến,
Ôm lấy hai người con,
Tuôn nước mắt đau thương,
Theo đường trở về cung,
Lập tức bảo hai con,
Vào vấn an mẹ mình.
Đức Phật bảo Thọ thần:
Nay ông nên biết rằng,
Vương Tử lúc bấy giờ,
Tên Ma Ha Tát Đỏa,
Xả thân nuôi hổ đói,
Nay chính là thân Ta.
Đại Vương lúc bấy giờ,
Tên Ma Ha La Đà,
Là Phụ Vương ngày nay,
Chính vua Du Đầu Đàn.
Vương Phi lúc bấy giờ,
Nay chính là Ma Da,
Vương Tử thứ nhất ấy,
Nay chính là Di Lặc,
Vương Tử thứ hai kia,
Nay chính là Điều Đạt,
Hổ đói lúc bấy giờ,
Nay chính là Cù Di,
Bảy hổ con lúc ấy,
Nay là năm Tỳ kheo,
Cùng với Xá-lợi-phất,
Và Đại Mục-kiền-liên.

Lúc bấy giờ Đại Vương Ma Ha La Đà, cùng với Phi Hậu của

mình, tuôn dòng nước mắt đau thương, đều cởi bỏ ngự phục chuỗi ngọc trên thân, cùng các tùy tùng thân tuộc, hướng về trong rừng trúc, thâu nhặt xá lợi của Vương Tử, liền ở tại nơi này dựng lên tòa tháp bằng bảy báu. Vào lúc Vương Tử Ma Ha Tát Đỏa sắp xả thân mạng thì phát lợi thề nguyện rằng: nguyện xá lợi của con ở đời vị lai vượt qua toán số đời kiếp, thường vì chúng sanh mà làm Phật sự."

Còn tóm tắt nội dung chính của phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự trong kinh Pháp Hoa nói: "Lúc bấy giờ Phật bảo với Bồ Tát Túc Vương Hoa: Quá khứ xa xưa vô lượng hằng hà sa kiếp có Đức Phật danh hiệu Nhật Nguyện Tịnh Minh Đức Như Lai. Lúc bấy giờ Đức Phật ấy vì Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến và chúng Bồ Tát-các chung Thanh văn thuyết về kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Hỷ Kiến này thích luyện tập khổ hạnh, ở trong giáo pháp của Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, tinh tiến kinh hành nhất tâm cầu Phật, đủ một vạn hai ngàn năm rồi, bèn tự nghĩ rằng: Tuy mình dùng thần lực cúng dường đối với Đức Phật, mà không bằng dùng thân để cúng dường. Liền uống các loại hương, đủ một ngàn hai trăm năm rồi, dùng dầu thơm xoa thân, ở trước Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, lấy y phục quý báu cõi trời mà tự quấn thân mình, tưới các loại dầu thơm, dùng sức thần thông để tự đốt thân, ánh sáng chiếu rọi khắp tám mươi ức hằng hà sa thế giới. Chư Phật trong các thế giới cùng lúc khen ngợi rằng: Lành thay, lành thay! Đây gọi là thực sự tinh tiến, đây gọi là pháp cúng dường Như Lai thực sự. Lửa đốt thân ấy trải qua một ngàn hai trăm năm, qua thời gian này về sau thân đó mới hết. Bồ Tát Hỷ Kiến thực hành pháp cúng dường như vậy rồi, sau khi mạng chung lại sanh trong nước của Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, bỗng nhiên hóa sanh vào nhà Tịnh Đức Vương ngồi xếp bằng tròn, mà thưa với cha rằng: Đức Phật Tịnh Minh Đức nay vốn đang còn, trước kia con cúng dường Đức Phật rồi hiểu được Đà la ni Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn, lại được nghe kinh Pháp Hoa này, nay con nên trở lại cúng dường Đức Phật này. Cho đến lúc Đức Phật ấy nhập Niết bàn rồi, thâu nhặt xá lợi của Đức Phật dựng lên tám vạn bốn ngàn tòa tháp báu, liền ở trước tám vạn bốn ngàn tòa tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, trải qua bảy vạn hai ngàn năm để mà cúng dường, khiến cho vô số chúng cầu pháp Thanh văn, vô lượng a tăng kỳ người phát tâm A nậu Bồ đề. Lúc bấy giờ các Bồ tát-trời-người-a tu la..., thấy Bồ Tát không có cánh tay đều buồn rầu xót xa đau thương mà nói: Bồ Tát Hỷ Kiến là Thầy của chúng ta, người giáo hóa chúng ta, bây giờ đốt cánh tay khiến cho thân không còn đầy đủ. Lúc ấy Bồ

Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, ở giữa đại chúng lập lời thề như vậy: Con xả hai cánh tay chắc chắn sẽ cảm được thân sắc vàng của Đức Phật, nếu thật sự không giả dối, thì khiến cho hai cánh tay con trở lại như cũ. Phát lời thề này rồi, tự nhiên trở lại như cũ. Đang lúc như vậy, Đại thiên thế giới phát ra sáu thứ chấn động trời mưa xuống làn hoa quý báu, tất cả trời người cảm được điều chưa từng có. Đức Phật bảo với Bồ Tát Túc Vương Hoa:Ý ông nghĩ thế nào, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, há người nào khác ư? Mà chính là Bồ Tát Dược Vương bây giờ. Nếu có người phát tâm muốn đạt được A nậu Bồ đề, thì có thể đốt ngón tay cho đến một ngón chân để cúng dường tháp Phật, hơn hẳn người dùng đất nước-cung điện-vợ con và châu báu trong ba ngàn đại thiên quốc độ mà cúng dường.”

Hỏi: Bồ Tát xả thân mắc tội tự sát hay không? Đáp: Dựa theo luật thì trước khi chưa xả mạng vẫn mắc tội nhỏ phương tiện Thâu lan giá, nếu xả mạng rồi thì không có tội gì đáng kể, cho nên không mắc tội lớn của giết người. Nếu dựa theo Đại thừa Bồ Tát, thì chán ngán lìa bỏ sinh tử để cúng dường Phật, và vì tất cả chúng sanh mà dấy lên tâm Đại Bi, không có ý làm hại người khác thì trái lại còn cảm được phước ấy, sao có thể mắc tội được?

Vì vậy trong kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn nói: “Đức Phật dạy: Nếu sát tự thân thì không có tội báo. Tại vì sao? Bởi vì như Bồ Tát sát thân cảm được công đức, vốn thân mình chỉ dựa vào mình. Nếu thân chỉ dựa vào mình mà mắc tội chịu quả báo, thì cắt móng tay móng chân làm tổn thương tay chân cũng phải mắc tội. Tại vì sao? Bởi vì tự làm tổn thương thân mình. Bồ Tát xả thân không phải là vô ký, chỉ cảm được phước đức là phiền não diệt, thân cũ diệt đi cho nên cảm được thân thanh tịnh. Ví như áo bẩn dùng nước tro giặc sạch, nhưng áo còn mà bụi bẩn trừ hết.” (Từ kinh khác trình bày, Bồ Tát xả thân không chỉ có một vài lần, giống như Nguyệt Quang bỏ đầu, Thi Tỳ cắt bắp vế; hoặc làm sư tử-voi chúa bỏ ngà cho bộ da; hoặc làm thân hươu-chim chúa cứu người hái củi gặp nguy; hoặc làm rùa lớn-ba ba lớn cứu người gặp nạn cuốn; hoặc làm cá lớn-núi thịt giúp cho loài đói lả cứu khỏi khốn khổ. Như vậy nêu ra vốn có không phải là một, đều phân tán đưa vào những Thiên khác, sợ rằng vì văn nhiều cho nên không thể nào thuật lại tất cả được).

Tụng rằng:

Cung Thắng không còn sinh trở lại,
Quý Nghiệp có lúc nghèo xác xơ,
Kê Tẩu theo lý đã cận kề,

Hoặc Tử tính mạng cũng xuôi tay.
Nhiều lần sương dày phủ tùng bách,
Bao phen gió lộng vút trời mây,
Gặp gỡ tình cờ thời đã hết,
Dài ngắn không phải nhờ thông minh.
Đáng tiếc thay chí nguyện bọn ta,
Phai mờ không được lên đỉnh cao,
Đưa tâm đến trước bậc Chánh giác,
Nỗi đau này đã chịu từ lâu.
Đã biết rằng nhân-ngã đều Không,
Nào lo tâm không thể cẩn thận,
Chỉ nguyện nhờ vào đời tương lai,
Oán-thân cùng chân thành báo trước.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra chín chuyện: 1- Ninh Phong Tử thời Hoàng Đế; 2- Sa môn Thích Tuệ Thiệu thời Tống; 3- Sa môn Thích Tăng Du thời Tống; 4- Sa môn Thích Tuệ Ích thời Tống; 5- Sa môn Thích Đạo Độ thời Lương; 6- Sa môn Thích Tăng Nha thời Chu; 7- Sa môn Thích Tịnh Ái thời Chu; 8- Sa môn Thích Đại Chí thời Tùy; 9- Sa môn Thích Hội Thông thời Đường.

1. Ninh Phong Tử là người thời Hoàng Đế. Thế gian lưu truyền là Đào Chánh thời Hoàng Đế, có người đã từng gặp, người ấy làm công việc nắm giữ ngọn lửa, có năng lực vào ra trong khói năm mùa. Trải qua thời gian thì đem dạy cho Phong Tử. Phong Tử tích tụ ngọn lửa tự đốt, mà xuống theo làn khói, nhìn xem tro than ấy hãy còn có xương cốt của Phong Tử, lúc ấy người ta cùng mai táng trong núi Ninh Bắc, cho nên gọi là Ninh Phong Tử.

(Chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Ký.)

2. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tuệ Thiệu ở chùa Chiêu Đề vùng Lâm Xuyên, không biết họ tộc gì, lúc còn bé thơ mẹ cho ăn cá thịt thì nhất định nhả ra, nuốt rau không ngờ vực gì, thế là sau đó cho ăn cơm rau. Đến năm 8 tuổi xuất gia làm đệ tử của Tăng Yếu, tinh cần khổ hạnh tỏ rõ tiết tháo. Sau đi theo tăng Yếu đến ở chùa Chiêu Đề vùng lâm Xuyên, mới bí mật có ý định thiêu thân, thường mướn người chặt củi chất lại, ở trong hang đá phía Đông núi cao mấy trượng, chính giữa làm thành một cái khám, đủ chứa thân mình. Sau đó trở về chùa từ biệt Tăng yếu. Tăng Yếu can ngăn hết sức nhưng không nghe theo. Ngay trong ngày đốt thân, ở phía Đông núi tổ chức Bát quan trai mời Đại

chúng, và chào từ biệt tất cả tri thức thiện hữu. Hôm đó cả vùng nháo nhác ngựa xe và mọi người mang theo vàng bạc châu báu, không thể nào kể xiết. Đến đầu đêm hành đạo, Tuệ Thiệu tự mình đi thắp hương, thắp hương đã hết, cầm đuốc châm củi, vào ngồi trong đống củi, tụng phẩm Dược Vương Bổn Sự. Mọi người đã không trông thấy. Tuệ Thiệu, hiểu ra Tuệ Thiệu đã đi, lễ bái chưa xong mà tất cả đến chỗ đống củi, củi đã bừng cháy mà tiếng tụng kinh chưa dừng. Lửa cháy đến trán thì nghe xướng lên Nhất tâm, nói xong bỗng nhiên bặt dứt, Đại chúng đều trông thấy có một ngôi sao lớn bằng cái Đấu, lao thẳng xuống trong lửa chốc lát vọt lên trời cao, thì người trông thấy đều nói là trên cung trời nghênh đón Tuệ Thiệu. Trải qua ba ngày đống củi mới cháy hết. Lúc Tuệ Thiệu sắp đốt thân nói với bạn cùng học rằng: Nơi tôi đốt thân sẽ mọc lên cây ngô đồng, cẩn thận đừng chặt đi! Sau đó ba ngày quả nhiên có cây mọc lên. Tuệ Thiệu đốt thân là năm thứ 28 thời Tống Nguyên Gia, lúc ấy 28 tuổi.

3. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tăng Du ở chùa Chiêu Đề-Lư Sơn, người họ Chu vùng Dư Hàng-ngô Hưng, 20 tuổi xuất gia tính tình xưa nay thuần túy. Năm thứ 15 thời Tống Nguyên Gia cùng với bạn đồng học là Đàm Ôn-Tuệ Quang..., vào vùng Nam Lĩnh-Lư Sơn cùng nhau dựng lên tinh xá, tên gọi là Chiêu Ẩn. Tăng Du thường lấy làm vui nơi kết thúc hình hài dây dưa đến ba đường khốn khổ. Tình ý sắp hết rồi thì hình hài cũng nên xả bỏ, dấu tích của Dược Vương chỉ có một đâu nói là xa? Thế là nhiều lần phát ra lời thề, mới thích hợp mà thiêu thân. Vào ngày mồng 3 tháng sáu năm thứ hai thời Tống Hiếu Kiến, chất củi làm thành cái khám, và thỉnh Tăng thiết trai cúng dường, xin từ biệt mọi người. Hôm đó trời cũng phủ mây mù tối tăm hợp với mưa dày cùng lúc trút xuống sao mà điêu linh. Tăng Du mới thề rằng: Nếu chí nguyện của tôi thiết tha thì ngày mai bầu trời sẽ sáng sủa, nếu chư không có cảm ứng thì nên tuôn mưa, khiến cho bốn chúng đệ tử ở đây biết rõ thần ứng không có gì khó hiểu! Nói xong thì trong chốc lát mây tan trời trong. Đến đầu đêm hoàn tất thì vào trong khám củi, chắp tay ngồi yên tụng phẩm Dược Vương, ngọn lửa bốc lên rừng rực vẫn còn chắp tay không rời ra. Đạo-tục biết tin đi nhanh đến cho kịp khắp núi, mọi người đều cúi rập đầu làm lễ, nguyện kết nhân duyên, tất cả trông thấy làn khói màu tím vọt lên giữa hư không, rất lâu mới tản đi. Lúc ấy tăng Du 44 tuổi. Sau đó mười bốn ngày, trong phòng của Tăng Du mọc lên hai cây ngô đồng, thân cành tốt tươi đẹp đẽ to nhỏ giống như nhau, xuyên qua mái vút thẳng lên cao, thế là trở thành cây khác lạ. Người hiểu biết sâu sắc

cho là cây quý Sa la, hạn định rõ ràng thời gian Niết bàn, hầu như Tăng Du vốn trông thấy mà chưng minh ở tại đây, nhân đó gọi là Song Đồng Sa Môn. Trương Biện ở quận Ngô làm Trưởng sử Bình Nam, đích thân nhìn thấy sự việc ấy, vốn có làm bài tán rằng:

Huyền cơ dài dằng dặc, Đạo vô cùng mênh mông, ra vào chốn sinh tử, điều gì là quý nhất? Từ xa xưa Dược Vương, cảm hóa tuyệt vời, trước nghe đến việc ấy, nay nhìn thấy người này. Bậc tài đức Sa môn, định-tuệ tâm kiên cố, ngưng thần tỏa khói tím, bày dấu tích Song Đồng. Đức ấy đáng vui mừng, hạnh ấy đáng quý trọng, làm văn ca ngợi rồi, có người bay phảng phất.

4. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tuệ Ích, người vùng Quảng Lăng, tuổi trẻ xuất gia đi theo Thầy đến ở vùng Thọ Xuân. Trong thời Tống Hiếu Kiến rời chốn kinh đô đến ở chùa Trúc Lâm, tinh cần khổ hạnh, thề muốn thiêu thân, mọi người nghe chuyện ấy, có người phỉ báng-có người ngợi khen. Đến năm thứ 4 thời Tống Đại Minh mới bắt đầu đoạn tuyệt các loại ngũ cốc, chỉ ăn bánh làm bằng vừng và lúa mạch. Đến năm thứ sáu thời Tống Đại Minh lại đoạn tuyệt các loại lúa mạch, chỉ ăn dầu bơ. Một thời gian sau lại đoạn tuyệt dầu bơ, chỉ uống thuốc viên làm từ các loại hương liệu. Tuy bốn đại yếu ớt gầy khô nhưng thần thái tình cảm ngày càng thuần phác thực sự. Hiếu Vũ Đế càng kính trọng hết sức đặc biệt, thăm hỏi ân cần tha thiết, phái quan Thái tể vùng Giang Hạ là vương Nghĩa Cung đến chùa can ngăn Tuệ Ích, nhưng Tuệ Ích thề không thay đổi chí nguyện. Đến ngày mồng 8 tháng 4 năm thứ 7 thời Tống Đại Minh, gần đến lúc thiêu thân, mới ở phía Nam vùng Chung Sơn, đặt nồi lớn chứa đầy dầu. Sáng sớm hôm ấy nhờ vào xe trâu, mà dùng người kéo, từ chùa trên núi đi xuống. Vì Đế Vương là nơi muôn dân dựa vào, còn Tam bảo là nơi gởi gắm, bèn tự dùng sức mình đi vào đài cao. Đến cổng Vân Long không thể nào bước xuống được, khiến người báo tin: Đạo nhân Tuệ Ích nay sắp xả thân, đến cổng xin từ biệt, cuối cùng đem Phật pháp mong được dặn dò. Đế nghe tin thay đổi sắc mặt, liền tự mình đi ra cổng Vân Long. Tuệ Ích đã gặp Đế, lại đem Phật pháp nhờ cậy nhắc nhủ, ngay sau đó từ biệt ra đi. Đế cũng đến theo sau. Các bậc Vương thân-Phi hậu-đạo tục-quân dân dầy khắp hang núi, ném y phục-bỏ vật báu không thể nào kể xiết. Tuệ Ích mới bước vào trong nồi nhờ một chiếc giường nhỏ, dùng dây mềm tự quấn mình, phía trên thâm một chiếc nón, lấy dầu tưới vào. Sắp đến lúc châm lửa, Đế sai Thái tể đến bên nồi mà thỉnh cầu rõ rằng rằng: Đạo thực hành nhiều cách, việc gì phải bỏ mạng, cầu xin suy nghĩ thay

đổi chọn lấy cách khác! Tuệ Ích xưa nay chí hướng vô cùng kiên cố đã từng không có ý niệm hối hận, mới đáp rằng: Thân mạng bé nhỏ hèn mọn này đâu đủ để giữ lại, tâm trời-lòng Từ bậc Thánh giống như chính mình, nguyện độ người thế gian xuất gia! Đế ban sắc lệnh lập tức đồng ý. Tuệ Ích bèn tự tay cầm đuốc mà châm nón. Nón cháy rực lên thì bỏ bó đuốc, chấp tay tụng phẩm Dược Vương. Lửa cháy đến lông mày, tiếng tụng hãy còn rõ ràng, cháy đến mắt mới mê muội đi. Tất cả mọi người xót xa than thở, âm vang chấn động khe núi sâu thẳm, không có ai không cất tiếng niệm Phật mà rơi nước mắt thương cảm vô cùng. Lửa cháy đến sáng hôm sau mới hết. Đế vào lúc ấy nghe giữa bầu trời có tiếng đàn-sáo vang lừng, mùi hương kỳ lạ thơm ngát. Đế cuối ngày mới bắt đầu trở về cung, đêm mộng thấy Tuệ Ích chống tích trượng mà đến, lại nhắc nhủ vì Phật pháp. Hôm sau Đế tiến hành thiết trai độ người, khiến trai chủ nói rõ ràng thuật lại đầy đủ hiện tượng tốt lành. Nơi thiêu thân xây thành chùa Dược Vương, để làm theo sự việc ban đầu.

5. Niên hiệu Phổ Thông nhà Lương, có thiền sư Đạo Độ ở chùa Tiểu Trang Nghiêm, giới hạnh thuần phác thẳng thắn, thông thạo hiểu rõ Ma Ha Diễn (Đại thừa), Lương Đế kính trọng giống như Thiền sư Tứ Quả. Đã từng chán ngán thân này muốn giống như loài cây độc, hoặc thân mạng vô thường thì bỏ trong rừng Thi Đà, thí cho chim thú ăn nuốt, đối với Đàn độ (Bố thí độ) thành tựu đầy đủ, cũng là thiện nghiệp; tám vạn loài sâu bọ trong thân không thể đốt hết được, không phải là điều khuyến khích vậy. Thế là tích góp đôi chút củi khô dần dần đến lúc giảm bớt ăn uống. Vào ngày mồng 3 tháng 11 năm thứ 7 thời Lương Phổ Thông, chuông tự nhiên phát ra tiếng, chúng trong chùa kinh hãi, không lường được tướng gì. Ngày mồng 8 tháng ấy chuông lại tự nhiên phát ra tiếng, bèn cùng với Đại chúng kết chung thiện duyên. Từ đó về sau không còn ăn uống gì nữa, chỉ dùng bình tắm rửa để múc nước trong, ngày uống một Thăng. Đến sáng ngày 25, chúng trong chùa cùng đến trông thấy chiếc bình phát ra ánh sáng năm màu, xen lẫn mùi thơm ngào ngạt. Đến sáng ngày 29, chủ chùa là Tăng Toàn cùng với nhiều người bước lên nhà thiền, từ xa thấy ánh sáng màu tìm trong khám chiếu ra bên ngoài, hôm ấy gần tối bỗng nhiên có bầy chim, năm-sáu trăm con, cùng tụ lại trên một cây, chốc lát bay về phía Tây. Canh hai đêm đó mới kết thúc, trong chùa có ánh sáng nhiều màu chiếu rọi phòng ốc, đến giữa canh năm, nghe trên đỉnh núi có tiếng lửa làm chấn động, kinh hãi chạy đến xem, trông thầy Thiền sư chấp tay trong lửa, hưởng thọ 66 tuổi. Thứ sử Vũ Lăng Vương, bèn phái người vẩy nước quét dọn thâu

nhặt mọi thứ ở nơi ấy, mà xây tháp an trí. Thời gian sau nghe đỉnh núi có tiếng khánh đá phát ra, âm thanh rất trong trẻo. Trước đó ở nơi thiêu thân có cây lớn chết khô đã hơn mười năm, Thiền sư vào núi thường ngồi dưới gốc cây, mùa Xuân năm sau thì cây mọc ra cành lá.

(Chuyện trên đây trích trong Lương Cao Tăng Truyện).

6. Thời nhà Chu có Sa môn Thích Tăng Nha ở Ích Châu, họ Mâu Thị, mà tuổi thơ ít nói không đùa cợt hỗn tạp bao giờ, cứ mỗi lần đi qua suối nước trên núi thì nhất định là trước phải lễ chào rồi sau đó mới uống. Có lúc ngồi suốt ngày nhìn chăm chú không chớp mắt, người ta hỏi nguyên cớ ấy, đáp rằng: Thân này đáng ghét, tôi suy nghĩ điều đó mà thôi, sau này cần phải đốt nó đi. Đến tuổi trưởng thành theo việc binh đao kiên cường chính trực vô cùng, đã từng theo bạn bắt cá, mình được chia phần thì đem thả vào các dòng nước, nói với bạn bè rằng: Giết hại không phải là nghiệp tốt đẹp, nay toàn thân thể tôi đều đang có những vết thương, thề chấm dứt săn bắn từ đây. Tức thì đốt bỏ dụng cụ săn bắn của mình. Lúc ấy xắn tay áo đứng đầu lãnh đạo mấy trăm người, cùng nhau xây dựng hồ chứa nước giúp đỡ để nuôi cá. Tăng Nha theo mọi người trở lại nơi ấy xem thế nào, bỗng nhiên có con rắn kỳ lạ, dài hơn một thước, đầu và đuôi đều đỏ, trong chốc lát lớn lên cho đến hơn một trượng (10 thước), vòng thân năm, sáu thước, mọi người đều nháo nhác tản ra. Con rắn liền tiến vào nước gương đuôi ẩn vào mây, ánh sáng đỏ chói soi khắp cánh đồng rất lâu mới hết. Lát sau mọi người quy tụ lại cùng nhau bàn tán sự việc trước đó. Tăng Nha nói: Điều này không có gì lo lắng, chỉ cần chấm dứt nghiệp giết hại thì rắn không làm hại đến người. Khuyên nhủ ngưng làm đập ngăn hồ, mọi người chưa đồng ý, trong chốc lát con đập bị vỡ. Ngay sau đó liền xuất gia. Vào tháng sáu năm thứ nhất niên hiệu Vũ Thành (Bắc Chu), ở đầu đường phía Tây thành Ích Châu, lấy vải quấn năm ngón tay cả hai bên mà đốt. Có người hỏi: Đốt ngón tay có thể không đau đớn chăng? Tăng Nha nói: Đau đớn do tâm mà khởi lên, tâm đã không có gì đau đớn thì ngón tay do đâu mà đau đớn? Người đương thời cùng gọi là Tăng Nha Bồ Tát. Hoặc có người hỏi rằng: Hình như có bệnh phong sao không chữa trị? Đáp rằng: Thân đều là trống rỗng mà thôi, biết do đâu mà chữa trị? Lại hỏi: Căn và Đại có đối đãi, sao nói là trống rỗng? Đáp rằng: Bốn Đại và năm Căn lại trú ở đâu vậy? Mọi người đều phục lời ấy. Đoài Pháp Sư ở chùa Hiếu Ái là người có sự kiến giải rộng lớn, nhờ Tăng Nha mà phát tích, bèn dẫn mấy chục người đệ tử, đến cung kính lễ lạy tăng Nha, cởi y mà cúng dường, quay đầu lại nhìn Đại chúng nói rằng: Thật sự

hiểu Bát Nhã, không phải chỉ có miệng nói. Vì vậy đạo-tục thường quy tụ kính trọng tin tưởng gấp bội. Kinh nói như vậy: Ngón tay bên trái không còn, lửa tiếp tục cháy đến xương bàn tay, tủy sôi trào lên sắp dập tắt ngọn lửa, bèn dùng ngón tay còn lại bên tay phải kẹp ống trúc khều ra. Có người hỏi nguyên do. Tăng Nha nói: Bởi vì các chúng sanh không thể nào thực hành hạnh nhẫn, nay khuyên người không nhẫn được thì hãy nhẫn nại, người không đốt được thì hãy đốt mà thôi. Đồng thời còn nói pháp khuyến khích khiến thực hành Từ Bi đoạn dứt rượu thịt. Tuy khói lửa cùng hừng hực từ ngày đến đêm, hai tay đều đốt cháy mà sắc mặt không biến đổi, còn vì bốn chúng mà nói Pháp-tụng kinh. Có lúc từ ngữ thiết tha-nghĩa lý quan trọng, thì gật đầu mỉn cười. Lúc có người sinh tâm uể oải, thầm có lời nói chí hướng riêng biệt, Tăng Nha quay đầu lại nói: Tôi ở trong núi ban đầu không biết chữ, nay nghe lời kinh từng câu từng câu tương ưng với tâm. sao không hết lòng yên lặng lắng nghe, nếu như tôi làm trái thì tay này đốt chẳng ích gì, nào khác khúc củi vậy ư? Thế là đại chúng sợ hãi không có ai không chuyên chú nghiêm túc. Sau đó lại nói với mọi người rằng: Thời mạt pháp lắm khinh mạn, tâm trở nên mờ nhạt, thấy tượng Phật giống như khúc gỗ, nghe kinh pháp giống như gió lướt qua tai ngựa, nay vì chép kinh giáo Đại thừa cho nên đốt cháy tay mình, mong làm cho tin tưởng sâu nặng đối với Phật pháp. Trai gái già trẻ cả cùng nghe điều ấy đều đến vây quanh rất đông, Tăng Nha vui vẻ yên lặng sắc mặt không thay đổi. Nhiều lần tập trung ở đường lớn phía Tây thành bàn luận về pháp hóa, ban đầu có mưa nhỏ hầu như sắp thấm ướt, liền thu tâm nhập định thì mây tan trăng sáng, mà năm cái xương nơi cánh tay đã đốt như tro nến còn thừa lại, bỗng nhiên đều mọc ra, dài khoảng ba tấc, trắng như ngọc kha. Tăng Ni đều nói: Nếu sau khi Bồ Tát diệt độ, nguyện nhận được xá lợi xây dựng tòa tháp để cúng dường. Tăng Nha bèn dùng răng miệng kẹp năm cái xương mới mọc ra, nhổ lên mà quay trở lại, nhả ra cho đại chúng, nói rằng: Có thể làm tháp. Đến ngày 14 tháng 7, bỗng nhiên có tiếng động lớn, giống như trời long đất lở, người và súc vật đều kinh hãi, ở trên không trung, hoặc trông thấy những hình tượng như chó-dê-rồng-rắn quân lính-vũ khí..., không mấy chốc thì ngừng lại. Mọi người đem sự việc thưa hỏi Tăng Nha nói: Đây là không còn đau khổ, giật mình trong giấc ngủ Tam muội mà thôi, tôi sắp xả thân có thể lo liệu vật dụng cúng dường. Lúc ấy Đạo Thiền Sư ở chùa Hiếu Ái, giới hạnh rất tinh chuyên, tuổi già đức lớn, bỏ tích trượng lục độ cùng với chiếc y màu tím tặng Tăng Nha mà ném vào ngọn lửa. Tăng Uyên từ xa chuyển đến tặng

chiếc ca sa bá nạp, ý nguyện mang bên mình. Lúc ấy người và vật đông đúc rộn rằng, tài sán cúng dường chất cao như núi. Ban đầu không biết hai vị cao đức đã chuyển tặng đồ vật, đến rạng sáng ngày mai, bỗng nhiên bảo thị giả là Pháp Đà rằng: Ông đến lấy tích trượng-chiếc y màu tím của Đạo Thiền Sư và chiếc ca sa bá nạp của Tăng Uyên đến đây, để ta mặc vào. Sau đó liền đi đến nơi thiêu thân. Lúc ấy đạo-tục đông hơn 10 vạn người, vây quanh lớp lớp mà khóc. Tăng Nha nói: Chỉ giữ gìn tâm Bồ đề, đạo nghĩa không có gì phải khóc. Liền bước lên tòa cao nói pháp cho mọi người, luôn luôn đưa mắt nhìn vào đống cỉ, vui vẻ cười một mình. Một lúc sau nghiêng sườn bên phải mà nằm, cũng không còn hơi thở, giống như người bằng gỗ đá. Bỗng nhiên đứng dậy nói rằng: Thời gian sắp đến rồi. Đặt chân xuống đến trước thưa với chúng Tăng rằng: Phật pháp khó gặp được, nên cùng nhau hộ trì! Trước đó đã chất củi xếp lên để làm lầu, cao mấy chục trượng, phía trên làm căn phòng nhỏ bằng củi khô, lấy dầu tưới ướt. Tăng Nha chầm chậm bước đến tòa lầu đi vòng quanh ba vòng, lễ lạy bốn cửa xong thì bước lên trên cao, dựa vào lan can nhìn xuống dưới khiến niệm Bát Nhã. Có thí chủ tên là Vương Soạn sợ hãi nói: Nếu tôi châm lửa đốt cháy Thánh nhân, thì sẽ mắc tội nặng. Tăng Nha ngầm biết đều ấy, bảo Vương Soạn lên lầu, đưa cánh tay xoa đầu nói: Ông đừng buồn rầu vì làm ra lầu thì mắc tội, mà chính là phước lớn vậy. Thúc giục khiến phía dưới châm lửa, tất cả đều sợ hãi, bỏ đuốc xuống đât. Tăng Nha dùng cánh tay kẹp đuốc, trước hết đốt phía Tây Bắc, tiếp đến phía Tây Nam. Củi khô dầu đượm cùng rừng rực bốc cháy dữ dội, từ trong lửa mạnh bỏ ngọn đuốc mà lễ lạy, đến lạy thư hai thì thân thể đầu mặt đã tự cháy sém. Tiếp tục lạy một lạy nữa, lúc ấy thân thể ngã trên than đỏ, đến khi củi hết lửa tắt, thịt xương đều tiêu tán, nhưng trái tim vẫn còn, đỏ rực mà lại ướt, gan ruột phổi thận hãy còn tự nhiên nối liền nhau. Lại lấy 40 xe củi mà đốt, ruột gan tuy cuộn lại mà trái tim vẫn như cũ. Đài Pháp Sư bèn khiến thâu lấy mai táng ở dưới tháp. Ban đầu trước khi chưa thiêu, có người hỏi rằng: Bồ Tát diệt độ nguyện thị hiện tướng lành gì chăng? Tăng Nha nói: Thân tôi có thể không còn, nhưng trái tim không thể hủy hoại. Mọi người nói là trái tim thần thánh không có hình tướng cho nên không bị đốt cháy, sau đó trái tim tồn tại mới rõ điều trước đây đã nói. Nhưng Tăng Nha từ khi còn sống cho đến cuối cùng đã nhiều lần hiện rõ tướng kỳ lạ, có mấy mươi điều. Đã từng ở một gia đình sắp thọ giới, không có gì khác, cười mà nói rằng: Đem vật báu bố thí có sinh lòng hoài nghi lo lắng chăng? Mọi người cùng xét hỏi chính mình. Có người phụ nữ họ

Dương, muốn bố thí cái thoa cài đầu bằng bạc, sợ chồng trách mắng mà không dám, vì vậy quyết định bố thí cái thao ấy. Có Tăng Phật Hưng ở chùa Hiếu Ái, chỉ ham ăn uống theo thói tục hủ lậu sa đọa, đi theo sau xe Tăng Nha, tự mình phát nguyện rằng: Nay được gặp Thánh nhân, thề chấm dứt rượu thịt. Đến lúc trở về đến chùa trông thấy người sắc vàng nói: Ông có thể chấm dứt rượu thịt, là điều rất tốt, nếu ông ăn thịt một chúng sanh, thì tức là ăn thịt tất cả chúng sanh. Nếu còn ăn nữa, thì chính là ăn thịt của hết thảy cha mẹ quyến thuộc của mình. Nhất định muốn ăn, thì nên nghĩ giống như sâu bọ trong xác chết, sâu bọ chính là thịt.

Lại nói: Ngày có sáu thời nghĩ đến điều thiện là rất tốt, nếu không có thể đầy đủ thì một thời cũng được, như vậy chỉ có một niệm trong tâm mình cũng được, đều có thể diệt trừ điều ác. Thấy lời lẽ chân chánh-âm thanh câu chữ hòa nhã của người ấy, mong muốn thưa hỏi tường tận, nhưng không mấy chốc mà ẩn đi. Ngay sau đó Phật Hưng phát tâm tinh tiến đi quanh tháp niệm tụng, lại nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Ông chịu khó trì trai nguyện khiến cho chúng sanh có được thân không bị ăn thịt, còn khiến cho thân ngạ quỷ thường được no đủ. Thấy được sự cảm ứng đó đều là lực của Tăng Nha.

Ban đầu bước lên lầu củi, có Sa môn Tăng Dục, ở cổng chùa Đại Kiến Xương, thấy có ánh lửa cao 4-5 trượng, từ mặt đất mà phát lên, vọt thẳng lên đến bên cạnh lầu, rất lâu mới tắt. Lại vào ngày bắt đầu đốt, Đại đức Sa môn Bảo Hải ở chùa Châu, hỏi rằng: Cùng là lửa như nhau, vì sao Bồ Tát chịu được thiêu đốt cũng không có ý tưởng đau đớn? Tăng Nha nói: Bởi vì chúng sanh có tưởng, cho nên đau đớn mà thôi. Lại hỏi: Thường nói thay chúng sanh nhận chịu khổ đau là thật sự có thể hay không? Đáp rằng: Đã là tâm thay thế nhận chịu, tại sao không được? Lại hỏi: Bồ Tát tự thiêu thân, tội lỗi của chúng sanh thành thục, đều tự nhận chịu đau khổ, vì sao có thể thay thế? Đáp rằng: Giống như đốt cánh tay, một niệm thiện căn lập tức có thể diệt trừ niệm ác, lẽ nào không phải là thay thế hay sao? Bèn bảo với thị giả là Trí Viêm rằng: Sau khi ta diệt độ, cung dưỡng tốt đẹp đối với người bệnh, đều là khó mà có thể lường được, điều ấy vốn phần nhiều là chư Phật-thánh nhân được vào sự quyền biến ứng hóa, tự nhiên không phải là tâm rộng lớn bình đẳng thì sao có thể cung kính được? Đây chính là công hạnh chân thật. Bởi vì trong đó có người nghi là Tăng Nha không phải Thánh nhân, thế là gọi đích xác tên của người ấy, nói rằng: Chư Phật ứng hiện ở thế gian, hình tướng không có gì nhất định theo phương thức, hoặc làm

những người bệnh xấu xí, thậm chí là loài súc sanh thập kém, đàn việt cẩn thận đừng khinh khi xằng bậy! Đến lúc sắp châm lửa đều nhìn thấy tướng kỳ lạ, hoặc thấy tán tròn che Tăng Nha và có Đạo nhân ở phía trên tán ấy; hoặc thấy ánh sáng năm màu giống như hình tượng con người ở bốn cửa; hoặc thấy phía trên lầu củi giống như hình dáng mặt trời xuất hiện đồng thời mưa xuống các loại hoa, lớn thì giống như cái sọt đựng đồ vật, nhỏ thì giống như cái núm chuông năm màu xen lẫn với nhau lả tả rơi xuống, đón lấy không phải là ít, chạm vào đầu tiêu mất. Cho đến sau khi Tăng Nha diệt độ, người huyện Bì ở bên dòng sông Bì, trông thấy giữa bầu trời có kiệu xe sơn son tấp nập, Tăng Nha ngồi trên kiệu thân mặc ca sa bá nạp màu vàng, để lộ ra một phần chiếc y màu tím, tay nắm tích trượng, theo sau có năm-6 trăm vị Tăng, đều che cái ô bằng trúc cưỡi hư không về phía Tây mà ẩn dạng. Lại có Tăng Tuệ Sách ở chùa Linh Quả-Đồng Châu, sau khi Tăng Nha diệt độ, mới tổ chức trai hội, vào trong phố cổ đến phía trước những đồ ăn thức uống, bỗng nhiên thấy mây đen từ phía Đông Nam ùn đến, che mặt trời phủ trên trai hội, còn rải mưa lông Rồng, năm màu rõ ràng, dài thì 5 thước, ngắn cũng 6 tấc, lại rải xuống các loại cờ hoa-khói hương, rực rỡ xen nhau đầy trời, đại chúng đều trông thấy. Còn lúc ban đầu thâu nhận xá lợi trái tim, đến trong chùa Thường Trú đều trông thấy hoa lá rực rỡ chứa đầy ánh sáng chiếu rọi khắp nơi.

Lại có Tăng Tuệ Thắng ở chùa A Ca Nị Tra, ôm bệnh nằm trên giường không thấy cảnh đốt thân, lòng dạ buồn rầu hối hận, mộng thấy Tăng Nha dẫn một Sa di đến, trong chiếc khăn bọc khoảng chừng 3 Hộc hương cùng với mạt vụn Đàn hương, phân làm 4 cụm đặt xung quanh chỗ Tuệ Thắng, dùng lửa đốt hương. Tuệ Thắng sợ hãi nói: Chỉ là phàm phu thôi, không có năng lực thiêu thân đâu. Tăng Nha nói: Không có gì phải sợ, chỉ dùng xông bệnh mà thôi. Tro nóng đã tàn, thì cảm thấy mạnh khỏe dễ chịu vô cùng, lại cầu xin hiện rõ điềm lành. Đáp rằng: Tôi ở Ích Châu giả danh là Tăng Nha thôi, tên gọi thật sự là Bồ Tát Quạng Minh Biến Chiếu Bảo Tạng. Tuệ Thắng từ sau khi tỉnh dậy thì sức khỏe gấp bội thường ngày. Có lúc ở thôn khác vì Tăng Nha mà thiết hội, Tuệ Thắng tự mình xướng to rằng: Đồng Châu phước thiện nhiều, đạo tục thấy điềm lành, chúng con nghiệp chướng sâu dày hoàn toàn không thấy điều gì. Vì vậy hơn hai trăm người lập tức lên tiếng nói theo, tất cả trông thấy hoa trên trời như tuyết là thả đầy trời phản chiếu rực rỡ mà rơi xuống. Đến lúc ăn cơm trưa xong thì hình tướng của hoa lớn dần lên, bằng cái khay 7 tấc, đều có màu sắc vàng rực, rực rỡ sáng ngời

đến lóa mắt. Bốn chúng tranh nhau đón bắt nhưng hoàn toàn không thể nắm được, có người leo lên cây-bước đến chỗ cao, mong muốn lấy được nhưng đều bay lên cao biến mất.

Lại có Vương Tăng Quý là dân ở vùng Thành Đô, từ sau khi Tăng Nha thiêu thân thì cả nhà chấm dứt ăn thịt. Sau đó dựa vào công việc cho nên muốn bỏ không ăn chay nữa, một mình tự bình luận. Lúc ấy đang là canh hai, bỗng nhiên nghe ngoài cổng có tiếng gọi đàn việt, vì vậy đến mở cổng thì thấy một Đạo nhân, nói rằng: Cẩn thận đừng ăn thịt! Lời nói thể hiện tình cảm đau xót vô cùng, nói xong thì khóc mà đi, Tăng Quý chạy đuổi theo sau tựa như gần mà lại xa, bỗng nhiên lạc mất chẳng biết nơi nào.

Lại sau khi đốt thân, vào giữa tháng 8 có người tên là Mâu Nan Đương, đến trên đỉnh núi cao đi săn, cầm cung nỏ đưa mũi tên chuẩn bị, ngước mắt nhìn con hươu nhắm bắn, bỗng nhiên thấy Tăng Nha cưỡi một con hươu xanh, người đi săn hinh hãi nói: Ở tại Ích Châu đã thiêu thân chết rồi, nay sao còn ở đây? Tăng Nha nói: Đạo lý nào cho phép lừa dối người vậy, ông có thể thiêu thân hay không, săn bắn là mắc tội, ông nên chịu khó gắng sức làm ruộng vườn thôi. Nói xong thì mất dạng.

Lại vào giữa mùa Đông, con của anh trai Tăng Nha ở trong khe suối, bỗng nhiên nghe khe núi ồn ào vang động giống như mấy vạn người đưa mắt nhìn xem thì thấy Tăng Nha đi theo hai vị Tăng, cầm tích trượng mà đi, vì vậy chạy đuổi theo, muốn nắm lấy ca sa. Tăng Nha nói: Ông thật là vất vả mới nắm được Ta. Bèn chỉ vào loài heo-gà phía trước mà nói: Âm thanh những loài này đều có giải thích rõ; như những lời nói của ông, người khác không hiểu được, âm thanh ngôn ngữ của nước khác, ông cũng không hiểu; người và súc vật có khác nhau nhưng đều có Phật tánh, chỉ vì ác nghiệp cho nên nhận chịu hình hài này; ông chỉ gắng sức làm ruộng vườn, đừng nuôi các loài súc vật. Lời nói vô cùng chu đáo xác thực, cho nên thường thường hiện hình, biết trước ý người ta, đại khái đều như vậy. Đầy đủ như trong Sa Môn Vong Danh Tập và Phí Trường Phòng Tam bảo Lục, cùng ích Bộ Tập Dị Ký.

7. Thời nhà Chu có Thích Tịnh Ái ở trong núi Chung Nam, người họ Trịnh ở vùng Huỳnh Dương, vốn có tiếng tốt nêu cao giữa đời, nhờ tánh tình ôn hòa mà biết tên gọi. Nhưng thần sắc tài năng bình thường đơn giản, thể hiện tâm tư thật tuyệt vời, mới đấm ngực nói rằng: Tôi sinh ra không may gặp thời đầy rẫy năm trược đan xen, mất đi sự bình phẩm của người ta, đạt được cái thật là đáng khinh bỉ, tiến thoái đều

khó vô cùng, bước lên cao thích hợp chăng? Thế là lòng nghĩ miệng nói gắn liền với nhau, gạt bỏ rõ ràng tại núi cao vút, tìm tòi tất cả kinh luận vì vậy quên cả thức-ngủ. Lại nghe có Phạm tăng Thiên trúc học rộng tài cao đầy đủ đức hạnh khó lường ở thế gian, từ Hàm Dương đến Tây Trúc cầu đạo thông suốt tình ý, đóng cửa kìm chế mười năm. Sau đó dựa vào tiết tháo chung Nam có chí nguyện cuối cùng ở nơi này, khói mây trăng gió vì vậy loại bỏ không còn quay lại, nói vốn không có nước cần đến thì uống nước dưới khe. Đã từng vào đêm tối cảm thấy có người đứng hầu, bỗng nhiên có con hổ xuất hiện trước mặt bò sát đất mà đi, đến sáng sớm quan sát, dần dần thấy ẩm ướt, khiến người đào xới thì suối nước tuôn trào chảy thành dòng. Từ đó về sau thì tự mình múc nước tại chỗ ấy. Nay chính là dòng suối Hổ Bào ở thôn Tích Cốc lánh đời vậy. Sau đó gặp nạn Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp. Vào tháng 5 năm thứ 3 thời Chu Kiến Đức, tai họa của hành động tàn bạo ở vùng Quan Trung đã chấm dứt, đến ngày 15 tháng 6 thì phế bỏ triều chính. Có viên quan Nhân Dân Bộ ở Kim Thành, cùng với các tùy tùng ở tại dinh phủ của mình, giả vờ phỏng theo nhìn ngắm trời cao, bỗng nhiên trông thấy năm-sáu đoạn vật bay vút lên hư không, nằm theo đường chim bay, lớn thì tiến lên trên trời xanh, nhỏ thì bằng khoảng mười cái Hộc, dần dần bé nhỏ rồi ẩn mất. Tự những đoạn còn lại nhỏ bé thì hạ thấp xuống, có màu sắc trắng vàng, tụ vào tản ra giữa bầu trời, giống như cờ phướn không có phần chân. Hôm ấy trời trong khí lặng mảy bụi không lay động, chỉ có ánh sáng nóng thêm mà thôi. Vì vậy đi đến quan phủ họ Đông, đường đi qua vùng đất xung quanh, phía Bắc trông thấy trên lớp tường thành có tập sách màu vàng, buông thõng trên cây táo chua, bèn đi đến lấy xem, chính là kinh Ma Ha Bát Nhã quyển thứ 19. Hỏi về nguyên do của tập sách, đáp rằng: Từ trên trời rơi xuống bay phất phới và vướng lại ở đây. Lúc ấy Tam bảo mới bị hủy diệt cho nên hình phạt rất nghiêm khắc, nêu rõ sơ lược với các quan thân tín, thế là giấu trong những ống tay áo trở về niêm phong kín đáo vào hộp tre vuông. Ban đầu Chu Vũ Đế biết chí nguyện mạnh mẽ của Tịnh Ái, vui mừng muốn gặp mặt, bèn truyền lệnh cho 3 toán vệ binh hơn hai mươi người, đi vào núi hỏi han tìm kiếm, bày tỏ với Đạo nhân Chiên Y là Trẫm đem ngôi vị để dâng lên người đức hạnh cùng lo liệu cho thiên hạ. Tịnh Ái ở trong núi sâu kín đáo tìm kiếm không được, sau đó vào ẩn náu trong Tích Cốc ở núi Thái Nhất, nhìn thấy Đại pháp diệt vong-đạo tục không có chỗ nương tựa, chính mình bị quả báo trói buộc không có năng lực để giúp đỡ, bảo với đệ tử rằng: Ta không có ích gì cho thế gian. Thế là nghĩ đến

chuyện xả thân. Bởi vì trước đó năm chúng không có ai thuận theo, cho nên Tịnh Ái lại quy tập rộng rãi ba tạng Đại-Tiểu thừa, hơn hai mươi quyển Đại Tiểu thừa Tam bảo tập Ký, cất giữ trong các hang đá, để cho đời sau tiếp tục phát triển. Sau chán ngán thân hình mà tình ý càng bức bách, một mình dựa vào đỉnh núi riêng biệt, bảo đệ tử xuống núi, sáng mai nên đến sớm. Tịnh Ái bèn ngồi xếp bằng tròn trên tảng đá, để lại một chiếc áo trong, tự cắt thịt trên thân thành từng đoạn trải ở trên đá, kéo ruột móc vào cành cây tùng, không làm tổn thương tạng phủ, tự gân thịt tay chân đầu mặt còn lại, tách nhỏ ra cho đến cuối cùng chỉ có bộ xương hiện bày, dùng dao cắt trái tim, nâng lên mà từ giã cõi trần. Người thị giả trong lòng kinh hãi suốt đêm mất ngủ, sáng sớm chạy đến hãy còn nhìn thấy chắp tay nâng trái tim của mình, mặt hướng về phía Tây ngồi xếp bằng tròn như ban đầu. Những vết thương khác trên thân thể hoàn toàn không có vết máu để lại, chỉ thấy sữa trắng tuôn chảy đọng lại trên đá, liền xếp đá chống lên che kín bên ngoài mà mai đáng ngay chỗ này. Lúc ấy là ngày 1sáu tháng 7 thứ nhất thời Chu Tuyên Chính hưởng dương 45 tuổi. Các đệ tử có danh tiếng ở đời lúc ấy, vốn có những truyện ký tách biệt. Thị giả gần gũi là Sa môn Tuệ Tuyên, hiểu biết thông suốt trong ngoài, có chí hướng năng lực đặc biệt, đau đớn cho núi cao sụt lở không nương nhờ được, thương xót cho xà nhà hủy hoại không còn chỗ dựa, bèn thuật lại chí hướng tốt dẹp dựng bia nơi tháp. Sau có Tư Hiền đi hỏi đạo, vào núi lễ lạy cung kính, đi theo những vách núi hiểm trở, mới gặp dấu tích của Tịnh Ái viết kệ để lại ở trên vách đá. Lời viết rằng: Ban đầu muốn viết bằng máu, nào ngờ ý định vốn có, biến đổi trở thành màu trắng, chính là máu Từ Bi của Bồ Tát vậy. Liền dùng mực đen viết văn ấy rằng: Những người có duyên, tại gia-xuất gia, hoặc nam hoặc nữ, thảy đều sống tốt, ở trong Phật pháp, đừng sinh thối chuyển, nếu người thối chuyển, thì mất thiện lợi. Tôi vì ba nhân duyên mà xả thân mạng này: 1- Thấy thân nhiều lỗi lầm; 2- Không có năng lực hộ trì giáo pháp; 3- Muốn nhanh chóng được thấy Phật thì nhất định phải giống như bậc Thánh ngày xưa. Đưa ra kệ tự thuật:

Thân không ích lợi gì,
Công người phiền tội ác,
Cắt hình hài trên đá,
Rải thân thể cành tùng.
Trời-người-A tu la,
Thần núi và thần cây,
Có người nào cầu đạo,

Nhìn thấy tôi xả thân.
Nguyện làm cho chúng sanh,
Thấy hài cốt của tôi,
Chiếc thuyền lắm phiền não,
Đều làm cho lật chìm.
Nguyện làm cho chúng sanh,
Nghe thấy tôi xả thân,
Thiên nhĩ được thành tựu,
Cứu cánh đến Bồ đề.
Nguyện làm cho chúng sanh,
Lúc nhớ lại chuyện tôi,
Đầy đủ sức nhớ nghĩ,
Được tổng trì đa văn.
Báo thân này vừa hết,
Bốn Đại liền xác xơ,
Suối-rừng vĩnh viễn dứt,
Hang núi không tiếng động.
Thí cho các cầm thú,
Cho đến loài côn trùng,
Ăn thịt và uống máu,
Đầy đủ trong thiện căn.
Nguyện tôi ở vị lai,
Mau thành tựu Thiện Thệ,
Thân và tâm tự tại,
Mong cứu giúp lẫn nhau.
Thân này toàn bất tịnh,
Cuối cùng là túi phân,
Chín lỗ thường chảy ra,
Như bờ đê bị rò.
Thân này thật đáng ghét,
Không đáng để ngắm nhìn,
Máu chứa trong da mỏng,
Cấu uế khắp mọi nơi.
Thân này thật thối tha,
Giống như con chó chết,
Thịt và thịt hợp thành,
Không từ hóa sinh có.
Quán thân thối tha này,

Do vô thường giam giữ,
Tới lui không tránh được,
Có mạng ắt phải tàn,
Bị cầy sói ăn nuốt,
Cuối cùng thành giòi bọ.
Trời-người và nam nữ,
Đẹp-xấu cùng sang-hèn,
Chết do lửa đốt cháy,
Tạm thấy như chớp điện.
Cái chết tiếp cận người,
Oán hận trong oán hận,
Tôi cho là kẻ thù,
Thề chấm dứt nguồn gốc.
Thân này không vui gì,
Là hòm chứa rắn độc,
Bốn Đại vây xung quanh,
Trăm bệnh cùng tụ tập.
Có tên gọi khổ tụ,
Kể ra già-bệnh-chết,
Thân tâm luôn nóng bức,
Lắm tai họa lỗi lầm.
Thân này không có ngã,
Vì không được tự tại,
Chấp ngang ngược không thật,
Do phàm phu chủ quản.
Mê hoặc từ lâu xa,
Do điên đảo sai khiến,
Làm mất đi thiện căn,
Chết giống như súc sanh.
Vất bỏ trăm ngàn thân,
Máu-sữa chứa thành biển,
Xương chất cao như núi,
Tương lai càng gấp bội.
Chưa từng làm lợi ích,
Uổng công chịu khổ nhọc,
Không ích cho chúng sanh,
Chẳng ích gì với pháp.
Bố thí chịu đau khổ,

Công dụng không ranh giới,
Thề không thể thối chuyển,
Thoát khỏi bốn ràng buộc.
Xả thân xấu xa này,
Nguyện sanh về Tịnh độ,
Một niệm hoa nở rộ,
Nơi Phật A DI Đà.
Mau được thấy chư Phật,
Và Hiền Thánh mười phương,
Từ giã hẳn ba đường,
Quyết định theo Chánh đạo.
Cảm báo được Ngũ thông,
Bay đi luôn tự tại,
Cây báu và pháp thực,
Chứng Đại quả Vô Sanh.
Pháp thân luôn tự tại,,
Không đoạn tuyệt ba cõi,
Diệt trừ hết ma đạo,
Hộ pháp làm đầu tiên.
Thập Địa đã đầy đủ,
Thần hóa không chọn nới,
Tròn bốn đức tốt đẹp,
Xưng hiệu là Pháp Vương.
Nguyện xả thân mạng này,
Khiến mau được thông suốt,
Pháp thân luôn tự tại,
Ở trong các nẻo đường.
Hễ có điều lợi ích,
Hộ Pháp – cứu chúng sanh,
Nghiệp đời sau phải hết,
Hữu vi đều như vậy.
Ba cõi thật vô thường,
Đến không được tự tại,
Người khác giết và chết,
Chung quy đúng như vậy.
Người trí không vui gì,
Nên suy nghĩ chuyện này,
Các duyên đã đầy đủ,

Nghiệp không còn hôm nay!

8. Thời nhà Tùy có Thích Đại Chí ở đỉnh Cam Lộ-Lư Sơn, họ Cố-người vùng Sơn Âm thuộc Cối Kê. Đã từ lâu trong lòng thờ Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai làm thầy, Trí Giả (nghỉ) nhìn thấy dung mạo thì biết rõ thần chí của người ấy, cho nên lúc gặp mặt liếc nhìn sơ qua cũng biết rõ là chủng loại phi phàm. Sau đến phía Nam đỉnh Cam Lộ thuộc dãy núi Liên Hoa, kiến lập đạo tràng Tịnh Quán, lấy hạnh đầu đà làm sự nghiệp. Một thân một mình bé nhỏ không tránh né gì tiếng hổ báo gầm gừ giận dữ, nghe có thú dữ thì nhất định đi đến lao thân vào, nhưng thú dữ đều tránh đi không ăn thịt, trải qua bảy năm phước nghiệp vô cùng tuyệt vời. Về sau trú tại chùa Phước Lâm ở núi này, đúng vào thời Tùy Đại Nghiệp loại bỏ những tín đồ sống ẩn dật, phẫn kích vì giáo pháp bị xúc phạm cho nên một mình đến ở nơi này, bèn thay đổi áo quần-hủy hoại thân hình-lấy vải thô làm áo, ở trong điện Phật cất tiếng khóc lóc đau thương, ba ngày ba đêm, ban đầu không đoạn tuyệt, Tăng chúng trong chùa an ủi thuyết phục. Đại Chí nói: Tôi than cho ác nghiệp mới trở thành như vậy, cần phải chấm dứt hình hài này để trình bày rõ Chánh giáo. Liền đi đến Đông Đô dâng biểu trình tâu: Mong Bệ hạ phát triển làm cho Tam bảo lớn mạnh, thì bần đạo nguyện đốt một cánh tay ở đỉnh núi cao để báo đền ân nghĩa quốc gia. Hoàng đế liền đồng ý, ban lệnh thiết Đại trai, bảy chúng đều tập trung. Đại Chí không ăn ba ngày, bước lên trên bệ lớn, đốt lò sắt đỏ rực, dùng để nướng cánh tay mình, và khiến cho cháy đen, dùng dao chặt đứt, thịt nứt xương bày ra. Lại nướng xương ấy khiến cho cháy đen rồi, bọc trong vải lấy nến tưới ướt đưa vào lửa đốt cháy, ánh sáng chói lòa đỉnh núi. Lúc ấy đại chúng trông thấy khổ hạnh của Đại Chí, tự đáy lòng đều đau đớn không làm sao đứng yên được, mà Đại Chí tuy nướng-đốt cánh tay nhưng lời nói và sắc mặt không thay đổi, vẫn nói cười như cũ, có lúc tụng Pháp Cú ca ngợi công đức của Phật, có lúc vì đại chúng mà nói pháp với lời lẽ hết sức thiết tha. Cánh tay đốt đã hết, như trước đây bước xuống bệ cao, nhập định bảy ngày, ngồi xếp bằng tròn mà giã từ cõi trần ai, lúc ấy vào tuổi 43.

9. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Hội Thông ở hang Báo Lâm trong vùng núi Chung Nam, người vùng Túc Xuyên cư ngụ tại Vạn Niên-Ung Châu, tuổi trẻ vui với sự tiết kiệm giản dị, thường đi đến dạo chơi ở những chốn núi rừng khe suối, tiết tháo khổ hạnh giữ trọn giới hạnh là chí nguyện vốn có của mình. Tìm đến hang Báo Lâm thuộc vùng núi Chung Nam, giấu kín tông tích sự nghiệp mà tụng kinh Pháp

Hoa, đến phẩm Dược Vương thì vui mừng mong xả thân chán ngán này, tự mình gom góp tập trung củi gỗ thề nhất định phải thực hành. Vào năm cuối của thời Đường Trinh Quán, đêm đen vắng lặng giữa rừng chất củi làm hang, tụng đến phẩm Dược Vương thì làm cho phát lửa. Gió lộng ngọn lửa phát ra, khói lửa đều cuộn lại rừng rực, vẫn ngồi xếp bằng tròn sừng sững cất tiếng tụng kinh như cũ. Trong chốc lát từ phía tây Nam có vầng ánh sáng to lớn, lưu chuyển tiến vào đống lửa, lúc ấy thân hình mới ngã xuống. Đến lúc trời sáng thì thân và lửa đều diệt đi, mới thâu nhặt hài cốt để dựng tháp ghi nhớ.

Lại vào đầu thời Đường Trinh Quán, ở vùng Kinh Châu có chị em Tỳ kheo Ni, cùng tụng kinh Pháp Hoa, hết sức chán ngán hình hài tạm bợ này mà cùng mong muốn xả thân, tiết kiệm cơm ăn áo mặc, tôn sùng thực hành khổ hạnh, uống các loại dầu thơm dần dần đoạn hẳn lương thực ngũ cốc. Sau đó ngừng hẳn cơm ăn chỉ dùng hương thơm và mật ngọt, nhờ tinh lực mà thần chí được trong sáng thanh thản. Nói cho tất cả đạo-tục biết, hẹn ngày thiêu thân. Vào ngày mồng 8 tháng 2 năm thứ hai thời Đường Trinh Quán, ở con đường lớn tại Kinh Châu đặt hai tòa cao, mới dùng vải tẩm sáp quấn quanh thân đến đỉnh đầu, chỉ còn khuôn mặt lộ ra. Mọi người tụ tập đông đúc, ca ngợi hết lời. Sau đó tề tựu tụng kinh Pháp Hoa, đến phần Dược Vương thiêu tay, Tỳ kheo Ni chị trước tiên lấy lửa châm lên đầu Tỳ kheo Ni em xong, Tỳ kheo Ni em lại lấy lửa châm vào đầu Tỳ kheo Ni chị. Đêm khuya yên tĩnh hai ngọn đuốc trong một lúc cùng soi sáng. Ngọn lửa xuống đến mắt tiếng tụng càng trở nên vang vang, dần dần xuống mũi miệng thì tiếng tụng mới ngưng hẳn. Đúng lúc đến bình minh, cùng tự nhiên ngã xuống, hóa thân trong một lúc, hài cốt gãy nát nhưng hai chiếc lưỡi đều còn. Tất cả mọi người buồn vui lẫn lộn, dựng tòa tháp cao để tưởng niệm tôn thờ.

Lại tiếp cận phía Tây thành Tính Châu có một người học trò, tuổi chừng 24-25, tụng kinh Pháp Hoa, thề thiêu thân cúng dường, bèn tập trung nhiều bó củi khô chất lại thành mái che. Người ta hỏi nguyên cớ chuyện ấy, thì giữ kín mà không nói ra. Về sau vào giữa đêm khuya châm lửa tự thiêu, lúc mọi người đến cứu thì lửa mạnh đã thiêu chết.

Lại giữa niên hiệu Trinh Quán, có vị Tăng tên là Huyền Lãm ở chùa Hoằng Phước-Tây Kinh, người vùng Phòng Tử-Triệu Châu, thường ngày vui với thiền tụng-lễ sám làm sự nghiệp, đã từng nói với thân thuộc cùng pháp tu rằng: Tuy cùng là nghiệp không đổi nhưng mà thề nguyện mong được xả thân! Vào đầu tháng 4 năm thứ 18 thời Đường trinh Quán, cởi bỏ các thứ y phục gom toàn bộ làm thành một

gói, giao cho Tăng chúng trong chùa, chỉ mặc một chiếc áo mỏng che thân, kín đáo đi đến bên phường Hồng Pha-Vị Âm ở phía Đông kinh thành. Sáng sớm đứng trước dòng sông Vị niệm tụng lễ lạy xong, lao thân vào giữa sóng nước. Mọi người nhào xuống kéo ra khỏi dòng nước. Huyền Lãm nói với mọi người rằng: Tôi thề xả thân mạng lâu rồi, ý muốn dựa theo học hạnh của Đại Sĩ, điều khó xả mà có thể xả được, Chánh hạnh trong các kinh, mong đừng khăng khăn ngăn cản, mà làm trở ngại sự nghiệp ấy. Mọi người nói ý chí mạnh mẽ, cho nên mới thuận lời. Lại lập tức tiến vào dòng nước, chắp tay niệm Phật, phát nguyện đầy đủ rồi, liền lao vào xoáy nước. Vào ba ngày sau thân xác ấy mới xuất hiện , người trong thôn đón nhận mà dựng tháp để ghi nhớ. Tăng chúng trong chùa cảm thấy quái lạ vì Huyền lãm đi không trở về, liền mở gói y phục mới thấy mảnh giấy để lại rằng: Kính bạch chư Phật ba đời khắp mười phương, đệ tử tên là Huyền Lãm, từ lúc xuất gia đến nay là 12 mùa Hạ, tuy được hưởng Tăng số mà nghiệp lớn không thành, nay muốn tu hành theo hạnh Bố thí Ba la mật, như Tát Đỏa xả thân-Thi Tỳ cắt vế, cá chúa-núi thịt trong văn kinh ghi chép đầy đủ, thỉnh cầu thuận theo Thánh Hiền đi trước-mạo muội dựa vào phàm tục đời sau, y phục đồ vật cùng tất cả vật dụng có được từ Phật giáo, ngày sắp kết thúc vì người đông cho nên không trao cho bạn đồng học được, xin cúi đầu tạ lỗi! Bạn đồng đọc thư, mới đi đến mọi nơi tìm kiếm, cuối cùng biết là đã chết, phù hợp với văn để lại không có gì sai khác.

(Bốn chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện).

Pháp Uyển Châu Lâm, xong.

Phần đối chiếu các bản để so sánh kệ tụng trang 990c, đưa ra tách biệt ở đây.

“Ta ở thời quá khứ,
Trong vô lượng đời kiếp,
Đã xả nhiều thân mạng,
Để cầu đạo Bồ đề.
Hoặc làm bậc Quốc Vương,
Và làm thân Vương Tử,
Thường xả điều khó xả,
Để cầu đạo Bồ đề.
Ta nhớ thân đời trước,
Có một Đại Quốc Vương,
Quốc Vương ấy tên gọi,

Là Ma Ha La Đà.
Quốc Vương này có con,
Luôn luôn hành bố thí,
Vương Tử ấy tên gọi,
Là Ma Ha Tát Đỏa.
Lại có hai người anh,
Người anh lớn tên gọi,
Là Đại Ba Na La,
Anh thứ tên Đại Thiên.
Ba người cùng dạo chơi,
Đến một vùng núi trống,
Thấy hổ mẹ mới sanh,
Đói lả không có ăn.
Lúc ấy Đại Sĩ tốt,
Sinh khởi tâm Đại Bi,
Nay mình nên xả thí,
Thân mạng vốn coi trọng,
Hổ này hoặc sẽ bị,
Cơn đói làm bức bách,
Thì có thể trở lại,
Ăn thịt con của mình.
Liền leo lên núi cao,
Tự lao xuống trước hổ,
Để làm cho hổ con,
Được giữ toàn tính mạng.
Lúc này khắp mặt đất,
Và các đồi núi lớn,
Đều chấn động dữ dội,
Các cầm thú kinh hãi,
Hổ lang và sư tử,
Nháo nhác chạy khắp nơi,
Thế gian đều tối tăm,
Không còn có ánh sáng.
Lúc này hai người anh,
Đang ở tại rừng trúc,
Trong lòng rất buồn phiền,
Đau xót tuôn nước mắt,
Dần dần tìm kiếm em,

Liền đi đến nơi hổ,
Thấy hổ mẹ-hổ con,
Máu vây đỏ trong miệng,
Lại trông thấy hài cốt,
Tóc-lông và móng-răng,
Máu tung tóe khắp nơi,
Bừa bộn trên mặt đất.
Lúc này hai Vương Tử,
Thấy sự việc này rồi,
Tâm càng thêm choáng váng,
Tự ngã nhào xuống đất,
Lấy bụi tro đất cát,
Tự bôi khắp thân mình,
Quên mất hết chánh niệm,
Tâm sinh ra cuồng si.
Những tùy tùng vừa đến,
Nhìn thấy sự việc này,
Cũng sinh lòng đau thương,
Tiếng gào khóc thảm thiết,
Cùng nhau lấy nước lạnh,
Cùng nhau phun-vẩy ướt,
Sau đó mới tỉnh lại,
Tự mình đứng lên được.
Đúng vào lúc Vương Tử,
Đang xả thí thân mạng,
Lúc ấy ở hậu cung,
Phi hậu và cung nữ,
Và năm trăm quyến thuộc,
Cùng vui đùa với nhau,
Trong lúc này Vương Phi,
Hai bầu vú chảy nước,
Tất cả các bộ phận,
Đau đớn như kim đâm,
Tâm sinh ra sầu não,
Tựa như mất con yêu.
Ngay sau đó Vương Phi,
Đi nhanh đến chỗ vua,
Cất tiếng nói yếu ớt,

Trong nước mắt đau thương:
Đại Vương ngay bây giờ,
Nên lắng nghe kỹ càng,
Lửa ưu sầu hừng hực,
Nay đang đốt lòng thiếp,
Hai vú thiếp bây giờ,
Cùng lúc tự chảy nước,
Thân thể đau đớn lắm,
Giống như bị kim đâm.
Thiếp trông thấy như vậy,
Là tướng chẳng tốt lành,
Sợ rằng không gặp lại,
Con yêu quý của mình,
Nay lấy thân mạng mình,
Tôn kính nhờ Đại Vương,
Mong mau chóng phái người,
Tìm kiếm các con thiếp!
Mộng ba chim câu non,
Thiếp ôm ở trong lòng,
Con chim câu nhỏ nhất,
Thích hợp với tâm thiếp,
Có chim ưng bay đến,
Cướp của thiếp mà đi,
Mộng thấy chuyện này rồi,
Thì sinh lòng lo buồn,
Nay thiếp buồn và lo,
Sợ mạng không ai cứu,
Mong mau chóng phái người,
Tìm kiếm các con thiếp!
Lúc bấy giờ Vương Phi,
Nói lời này xong rồi,
Lập tức thấy choáng váng,
Lại ngã nhào xuống đất.
Nhà vua nghe nói vậy,
Lại sinh lòng buồn lo,
Vì không được trông thấy,
Con yêu quý của mình.
Đại thần của nhà vua,

Cùng với các quyến thuộc,
Tất cả đều tụ tập,
Ở hai bên nhà vua,
Khóc lóc thật xót xa,
Tiếng vang động trời đất.
Lúc bấy giờ trong thành,
Tất cả mọi người dân,
Nghe tiếng khóc này rồi,
Kinh ngạc mà kéo ra,
Cùng nói với nhau rằng:
Bấy giờ Vương Tử này,
Đã được cứu sống chăng,
Hay là đã chết rồi?
Như vậy hàng Đại Sĩ,
Thường nói lời dịu dàng,
Được mọi người yêu mến,
Nay khó mà thấy được!
Đã có rất nhiều người,
Đi vào rừng tìm kiếm,
Không lâu tự quay về,
Nhất định có tin tức.
Lúc bấy giờ mọi người,
Đều lo lắng như vậy,
Mà lại khóc xót xa,
Cảm động đến thần linh.
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Từ chỗ ngồi đứng dậy,
Lấy nước vẩy Vương Phi,
Rất lâu mới tỉnh lại.
Trở lại được chánh niệm,
Nghẹn ngào hỏi nhà vua:
Con của thiếp bây giờ,
Là chết hay còn sống?
Lúc bấy giờ Vương Phi,
Vì nghĩ đến các con,
Lại buồn phiền gấp bội,
Tâm không hề quên nghĩ,
Đáng tiếc các con thiếp,

Hình sắc thật đoan chánh,
Tai sao trong một ngày,
Bỏ thiếp mà ra đi?
Tại sao thân phận thiếp,
Không chấm dứt trước đi,
Mà trông thấy những điều,
Đầy khổ đau như vậy!
Con tốt lành tuyệt vời,
Như hoa sen thanh tịnh,
Ai hủy hoại thân con,
Khiến cho phải phân ly?
Mong không phải là thiếp,
Vì oán thù ngày xưa,
Cùng nghiệp duyên vốn có,
Mà hại đến con mình!
Khuôn mặt các con thiếp,
Trong sáng như trăng tròn,
Không ngờ trong một ngày,
Gặp phải tai họa này.
Thà khiến cho thân thiếp,
Nghiền nát như tro bụi,
Không làm các con thiếp,
Phải mất đi thân mạng.
Giấc mộng thiếp đã thấy,
Đã là báo phải chịu,
Cứ như thiếp vô tình,
Có thể chịu khổ đau.
Như thiếp đã mộng thấy,
Hàm răng mình rụng hết,
Hai bầu vú cùng lúc,
Nước tự nhiên chảy ra.
Thế nào cũng là thiếp,
Mất các con yêu thương,
Mộng ba chim câu non,
Chim ưng cướp đi một,
Trong ba đứa con yêu,
Thế nào cũng mất một!
Lúc bấy giờ Đại Vương,

Liền nói với Vương Phi:
Nay ta đang phái người,
Đại thần cùng sứ giả,
Đi khắp mọi nơi chốn,
Tìm kiếm con chúng ta,
Nay nàng tạm yên lòng,
Đừng ưu sầu quá mức!
Đại Vương nói như vậy,
An ủi Vương Phi rồi,
Liền ngựa xe đầy đủ,
Rời khỏi chốn cung điện.
Tâm sinh ra buồn phiền,
Do ưu khổ quá mức,
Tuy ở giữa mọi người,
Mà sắc diện tiều tụy,
Đã xa khỏi kinh thành,
Tìm các con yêu quý.
Lúc bấy giờ cũng có,
Vô lượng người xung quanh,
Khóc lóc thật đau đớn,
Đi theo sau nhà vua.
Vào lúc ấy Đại Vương,
Đã ra khỏi thành rồi,
Quay đầu nhìn bốn hướng,
Tìm kiếm các con mình.
Tâm xót xa rối loạn,
Không biết ở chốn nào,
Cuối cùng thấy từ xa,
Có một người đưa tin,
Đầu dính đầy bụi đất,
Máu vấy bẩn áo quần,
Tro bụi xoa đầy thân,
Khóc xót xa mà đến.
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Khóc tên Ma Ha La Đà,
Thấy sứ giả này rồi,
Lòng buồn phiền bội phần,
Ngẫng đầu nhìn trời cao,

Kêu gào mà khóc thảm.
Trước đã phái các quan,
Chốc lát lại tìm đến,
Đã đến nơi nhà vua,
Cất tiếng thưa như vậy,
Mong Đại Vương chớ buồn,
Các Vương Tử còn sống,
Không bap lâu sẽ đến,
Để Đại Vương được thấy.
Sau đó trong chốc lát,
Lại có bề tôi đến,
Thấy nhà vua sầu khổ,
Dung nhan thật tiều tụy,
Áo đang mặc trên người,
Đầy bụi đất lấm lem,
Thưa Đại Vương nên biết,
Một Vương Tử đã mất,
Hai Vương Tử tuy còn,
Mà xót xa tiều tụy,
Vị Vương Tử thứ ba,
Thấy hổ mới sinh con,
Bảy ngày đói vô cùng,
Sợ trở lại ăn con,
Thấy hổ đói này rồi,
Sinh tâm Bi sâu sắc,
Phát thệ nguyện cao cả,
Nên cứu độ chúng sanh,
Ở trong đời vị lai,
Chứng quả thành Bồ đề,
Liền leo lên chỗ cao,
Lao thân trước hổ đói,
Hổ vì đói bức bách,
Liền bắt đầu ăn thịt,
Tất cả những máu thịt,
Đã bị hổ ăn hết,
Chỉ còn lại hài cốt,
Vương bừa bộn trên đất.
Lúc bấy giờ Đại Vương,

Nghe bề tôi nói xong,
Lại càng thêm nghẹn ngào,
Choáng váng ngã xuống đất,
Lửa ưu sầu mạnh mẽ,
Rừng rực đốt thân vua,
Các quan và quyến thuộc,
Cũng trở lại như vậy,
Lấy nước vẩy Đại Vương,
Rất lâu mới tỉnh lại,
Lại đứng dậy ngẫng đầu,
Kêu trời mà khóc lóc.
Tiếp có bề tôi đến,
Thưa với Đại Vương rằng:
Trước đây vào trong rừng,
Trông thấy hai Vương Tử,
Rất ưu sầu đau khổ,
Khóc nức nở xót xa,
Mê muội mất ý chí,
Tự ngã nhào trên đất,
Hạ thần liền tìm nước,
Vẩy trên thân Vương Tử,
Trong thời gian rất lâu,
Mới tỉnh táo trở lại,
Nhìn ngó khắp bốn phía,
Lửa lớn rừng rực cháy,
Nâng đỡ tạm đứng dậy,
Mà lại ngã xuống đất,
Ngẫn đầu mà kêu trời,
Khóc xót xa đau thương,
Bỗng nhiên lại ca ngợi,
Công đức của em mình.
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Vì lìa các con yêu,
Tâm tư thật mê mờ,
Khí lực rất suy sụp,
Buồn phiền khóc nức nở,
Đồng thời lại tư duy,
Vương Tử nhỏ nhất này,

Được Ta rất yêu quý,
Mà quỷ lớn Vô thường,
Bỗng nhiên lại ăn nuốt,
Hai Vương Tử còn lại,
Nay tuy là còn sống,
Nhưng bị lửa ưu phiền,
Đốt cháy mãi lòng dạ,
Hoặc có thể vì vậy,
Làm mất đi mạng căn,
Ta nên mau đến đó,
Nào trong khu rừng kia,
Đón chở các con Ta,
Gấp rút về cung điện.
Mẹ của họ ở sau,
Thật vô cùng buồn khổ,
Tim gan bị tan nát,
Hoặc có thể mất mạng,
Nếu trông thấy hai con,
Thì tâm tư yên ổn,
Có thể bảo vệ được,
Mạng sống đến cuối đời.
Lúc bấy giờ Đại Vương,
Ngồi cỗ xe voi quý,
Cùng với các tùy tùng,
Sắp đến khu rừng ấy,
Thì ở giữa đường đi,
Gặp hai con của mình,
Kêu trời chân giậm đất,
Gọi tên em của mình.
Lúc ấy vua tiến đến,
Ôm chặt hai người con,
Tuôn nước mắt đau thương,
Theo đường trở về cung,
Lập tức bảo hai con,
Vào vấn an mẹ mình.
Đức Phật bảo Thọ thần:
Nay ông nên biết rằng,
Vương Tử lúc bấy giờ,

Tên Ma Ha Tát Đỏa,
Xả thân nuôi hổ đói,
Nay chính là thân Ta.
Đại Vương lúc bấy giờ,
Tên Ma Ha La Đà,
Nay chính là Phụ Vương,
Là vua Du Đầu Đàn.
Vương Phi lúc bấy giờ,
Nay chính là Ma Da,
Vương Tử thứ nhất ấy,
Nay chính là Di Lặc,
Vương Tử thứ hai kia,
Nay chính là Điều Đạt,
Bảy hổ con lúc ấy,
Nay là năm Tỳ kheo,
Cùng với Xá-lợi-phất,
Và Đại Mục-kiền-liên.”

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 97

***Thiên thứ 97:* TỐNG CHUNG** (việc tang).

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Xả mạng, Khiển tống, Thọ sanh.

***Phần thứ nhất:* THUẬT Ý**.

Nghĩ rằng Tứ đại là đồ vật ác hiểm có dơ bẩn chứa đầy trong đó, Lục tặc là chúa tể ngông cuồng thì cảnh nào cũng đều đắm trước, không còn mong mỏi đi ngược dòng, chỉ có xu thế trôi theo nhau. Thậm chí nếu như tách một mảy lông để làm lợi thiên hạ, thì keo kiệt mà không làm; bỏ một bữa ăn để thêm lương thực thừa, thì tiếc nuối mà không cho. Sa vào đọng lại trong kinh sử, che kín mơ màng theo hữu vi. Chư Phật vì vậy mà chau mày, Bồ Tát từ đây tuôn máu lệ. Trộm thấy hạng phàm tục giàu sang lúc cha mẹ qua đời, làm nhiều nghi thức mai táng-giết nhiều sinh mạng, tụ tập bà con-cung cấp tiếp đãi khách bạn, tạm mong hiện tại hơn người-không tránh nghiệp nhân. Hoặc sợ người ngoài mỉa mai không tuân theo nội điển, cho nên cha lìa trần thì đau khổ sâu nặng, mẹ qua đời lại thêm nghiệp khốn cùng. Vì vậy quẩn quại trong ba cõi-kéo dài trong sáu nẻo, bốn loài dễ quay về-vạn kiếp khó mở đường, đau đớn thay linh thức tù tội của mẹ hiền, đáng thương thay ân đền tai họa của con nghịch. Nhưng mặt trời trên cao như còn mãi, chắc chắn nghĩ đến ân huệ của làn mưa ngọt ngào; tai họa dịch bệnh nếu quá nhiều, thì có thể cần vị thuốc của thầy thuốc chữa trị. Chỉ có điều là cha mẹ quá vãng đã là phàm phu, có thể không có ác nghiệp, mà nhân của tội không mất, thì khổ báo khó loại trừ. Nếu như không nhờ vào những phước duyên tốt đẹp, thì quả báo an vui có lẽ nào chứng được? Ngõ hầu khiến cho lúc sắp lìa trần, phát nguyện để đưa vào chốn Thi Đà (khu rừng bỏ xác chết), đồ vật mai táng tẩm liệm xác thân, tất cả sử dụng để làm công đức, hy vọng cứu giúp sự đói khổ của chim thú, có thể tránh khỏi món nợ khổ của tương lai!

***Phần thứ hai*: XẢ MẠNG**

Như kinh Thập Nhị Phẩm Sanh Tử nói: "Đức Phật dạy: Con người chết đi có 1hai loại. Những gì là 1hai loại? D(ó là: 1- Người chết không còn lại gì, gọi là A La Hán; 2- Người chết đã vượt qua, gọi là A ma hàm, không còn trở lại nữa; 3- Người chết còn thừa lại, gọi là Tư đà hàm, đi mà còn trở lại; 4- Người chết học mà vượt qua, gọi là Tu đà hoàn, thấy dấu tích của đạo; 5- Người chết không lừa dối, gọi là người thuộc tám bậc; 6- Người chết hoan hỷ, gọi là thực hành nhất tâm; 7- Người chết nhiều lần, gọi là người hạnh xấu xa; 8- Người chết hối hận, gọi là phàm phu; 9- Người chết đột ngột, gọi là khốn khổ cô độc; 10- người chết bị trói buộc, gọi là loài súc sanh; 11- Người chết vì lửa thiêu, gọi là chốn địa ngục; 12- Người chết vì đói khát, gọi là loài ngạ quỷ. Tỳ kheo nên hiểu biết rõ ràng như vậy, đừng làm cho phóng túng!"

Còn trong kinh Tịnh độ Tam Muội nói: "Nếu người tạo ra thiện nghiệp-ác nghiệp, sanh lên cõi trời hay đọa xuống địa ngục, thì lúc sắp mạng chung đều có người tiếp nhận. Lúc bệnh sắp chết thì mắt tự trông thấy người đến tiếp nhận; người được sanh lên cõi trời, thì Thiên thần mang y phục cõi trời cùng với các loại âm nhạc đến nghênh đón; người được sanh đến phương khác, thì mắt trông thấy người tôn quý nói cho nghe lời nói tuyệt diệu. Nếu người làm ác đọa vào địa ngục, thì mắt trông thấy quân lính cầm dao kiếm giáo mác và dây trói vây tròn xung quanh; những điều trông thấy không giống nhau, miệng không thể nào nói được, tất cả đều tùy theo việc đã làm mà nhận lấy quả báo ấy. Lẽ trời không hề có điều oan uổng sai lạc, mà công bằng thẳng thắn không khác nhau, tùy thro những điều đã làm mà trừng trị đúng với đạo lý không sai."

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Lúc người sắp mạng chung trông thấy tướng trung ấm. Nếu người làm ác nghiệp, thì thấy nhận chịu đau khổ trong ba đường dữ, hoặc thấy Diêm la mang các binh lính cầm gậy gộc bắt tù nhân đem đi, hoặc nghe tiếng kêu gào đau khổ. Nếu người làm thiện, thì thấy cung điện chư thiên, ca nhi vũ nữ trang nghiêm, chơi đùa vui sướng, và những điều tốt đẹp như vậy."

Còn trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa kia Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Hoàn, thuyết pháp cho trời-người. Có một trưởng giả, nhà ở cạnh đường đi có của cải vô số, chỉ có một người con trai, năm ấy 20 tuổi, vừa mới cưới vợ, chưa tròn bảy ngày, vợ chồng kính trọng nhau, muốn đến khu vườn phía sau, ngắm nhìn chơi đùa vào ba tháng đầu xuân. Trong vườn có một cây táo cao to, hoa nở rất đẹp, người vợ muốn có được cành hoa nhưng không có người nào lấy cho, người chồng liền

leo lên cây hái cho vợ. Mới trèo lên đến cành nhỏ, cành bị gãy rơi xuống mà chết. Lớn nhỏ trong nhà lao đến chỗ con, gào khóc kêu trời ngất đi rồi tỉnh lại, người nghe không có ai không đau lòng xót xa, đưa vào nhà tẩm liệm trong quan tài mà khóc nỉ non không dứt. Đức Thế Tôn xót thương cho những người ngu, đến nơi thăm hỏi ân cần. Lớn nhỏ trong nhà Trưởng giả trông thấy Đức Phật, đau buồn cảm động làm lễ thưa rõ đầy đủ nỗi đắng cay. Đức Phật bảo với Trưởng giả: Hãy dừng lại mà nghe pháp, vạn vật đều vô thường, không thể nào giữ được lâu, sanh ra thì có chết đi, tội và phước truy tìm nhau, người con này được ba nơi khóc tấm tức vì mình, buồn phiền ngất lịm lại cũng khó kềm chế nổi; cuối cùng là con ai, ai là thân thích? Vào lúc ấy Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

Mạng sống như hoa quả chín muồi,
Luôn luôn sợ có thể rơi rụng,
Đã sanh ra đều có đau khổ,
Ai có thể làm cho không chết?
Từ ban đầu vui với ái dục,
Nhìn thấy vào bào thai ẩn nấp,
Nhận lấy hình mạng như điện chớp,
Ngày đêm lưu chuyển khó dừng lại.
Thân mạng này là vật chết đi,
Tinh thần là pháp không có hình,
Làm mạng chết rồi lại sinh ra,
Mà tội phước thì không mất đi.
Trước sau không phải là một đời,
Theo si mê ái dục lâu dài,
Tự mình làm nhận chịu khổ vui,
Thân chết mà thần thức không mất.

Trưởng giả nghe bài kệ ý hiểu rõ quên buồn rầu, quỳ thẳng thưa với Đức Phật: Đứa con này thân đời trước gây ra tội lỗi gì, thọ mạng tràn trề tốt đẹp mà lại bọ chết yểu, chỉ mong Như Lai giải thích về tội lỗi đã làm trước kia! Đức Phật bảo với Trưởng giả: Thời quá khứ xưa kia có một đứa bé, cầm cung tên chơi đùa mà nhập thần bắn trúng vào cây. Bên cạnh có ba người cũng đang đứng xem, trên cây có con chim Tước bé nhỏ mong bắn, ba người khuyến khích rằng: Nếu có thể bắn trúng chim Tước thì đúng là cậu bé khỏe mạnh nhất thế gian. Đứa bé ưa ý liền kéo cung bắn tên, trúng con chim Tước chết ngay. Cả ba người cùng cười, hoan hỷ ủng hộ mà quay về nhà mình. Trải qua trong số kiếp

sanh tử vẫn còn gặp lại nhau mà nhận chịu tội báo. Một người trong ba người nhờ có phước thiện cho nên nay ở trên cõi trời, một người sanh vào trong biển làm Long Vương Hóa Sanh, một người chính là thân trưởng giả bây giờ. Đứa bé ấy trước kia sanh lên cõi trời làm con của trời, thọ mạng chấm dứt làm con Trưởng giả, trên cây rơi xuống mạng chung lập tức sanh vào trong biển làm con của Long Vương, ngay trong ngày sinh bị chim chúa cánh vàng bắt ăn thịt. Hôm nay cả 3 nơi buồn phiền khóc tấm tức, há có thể nói được gì chăng? Bởi vì đời trước ủng hộ hoan hỷ, cho nên ba người này thọ báo như vậy. Ngay sau đó Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

Thần thức tạo ra ba cảnh giới,
Thiện và bất thiện ở ba nơi,
Ấm lưu chuyển mà lặng lẽ đến,
Nơi hướng về như tiếng dội lại.
Nhân quả cõi Dục-Sắc-Vô sắc,
Tất cả dựa theo hành vốn có,
Như chủng loại thuận theo hình dạng,
Báo tự nhiên như bóng theo hình.

Đức Phật thuyết kệ xong, trưởng giả hiểu rõ ý, lớn nhỏ rất hoan hỷ, đều đạt được quả vị Tu đà hoàn.”

Còn trong luật Tứ Phần nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì lợi ích cho chúng sanh, nhà vua mạng chung, Ngài thuyết kệ rằng:

Tất cả phải trở về kết thúc,
Lên cao đến lúc sẽ rơi xuống,
Sanh ra không có ai không chết,
Có thân mạng đều là vô thường.
Chúng sanh rơi rụng có số lượng,
Tất cả đều là pháp hữu vi,
Tất cả các cảnh giới thế gian,
Không có nơi nào không già-chết.
Chúng sanh là pháp thường như vậy,
Đời đời đều trở về cái chết,
Tùy theo hành nghiệp do mình tạo,
Tội-phước có quả báo không sai.
Ác nghiệp thì đọa vào địa ngục,
Thiện nghiệp được sanh lên cõi trời,
Hạnh cao xa sanh vào thiện đạo,
Đạt được vô lậu chứng Niết bàn.”

Phần thứ ba: **KHIẾN TỐNG** (Đưa đi mai táng).

Lời bàn: Sanh tử liên hoàn không tách khỏi Tục đế, tuy là xuất gia chí cầu đạo thù thắng, mà phần đoạn chưa xả-Biến dịch chưa trừ, vẫn theo ba cõi tùy thế tục chuyển dời. Đến nỗi còn-mất, đều y theo trong-ngoài, ngày sắp mạng chung có nơi an trí, uy nghi tống táng còn lại nói sau. Tạm thời luận về xác chết, an trí phía Bắc-phía Nam, hồn phách không hề giống nhau, nay nói sơ lược điều này.

Lễ Ký Lễ Vận nói: "Thể phách thì hạ thấp xuống biết khí ở phía trên, chết thì đầu Bắc, sống thì hướng Nam."

Giao Đặc Sanh nói: "Hồn là tinh thần thuộc về trời, phách là hình hài thuộc về đất, vốn có nghĩa của sự thờ cúng cầu đảo đối với âm dương. Sái Nghĩa nói: Khí cũng là sức mạnh của Thần, hồn cũng là sức mạnh của Quỷ."

Tả truyện Chiêu Nhị Niên Tử Sản Đối Triệu Cảnh Tử nói: "Con người sống chết làm cho thay đổi gọi là Phách, đã sanh phách dương thì gọi là Hồn. Vật sử dụng tinh thần nhiều thì hồn phách ưu việt. Vì vậy có tinh thần trong sáng đến mức thần kỳ sáng suốt. Thất phu-thất phụ bị cưỡng bức mà chết, hồn phách của họ hãy còn có thể dựa vào con người để làm nhiều điều tai hại, huống là người lương thiện ư?"

Hoài Nam Tử nói: "Thiên khí là hồn, địa khí là phách. Phách hỏi hồn: Đạo lấy gì làm Thể? Hồn nói: Bởi vì không có hình hài chăng? Phách nói: Có hình hài, hoặc cũng không có, vì sao mà hỏi vậy? Hồn nói: Tôi dứt khoát là đã có gặp vậy thôi, nhìn thì không có hình, nghe mà không có tiếng, đó gọi là u minh, vì lẽ đó dụ cho đạo, mà không phải là đạo."

Hỏi: Đã biết hồn và phách khác nhau, thời nay theo phong tục chết đi tại vì sao dùng áo để gọi hồn, không nói là gọi phách? Đáp: Hồn là linh thức, phách là thây xác, cho nên lễ nghi vào lúc mới chết, dùng áo của mình đã mặc, mang đến trước thây xác của phách, bởi vì hồn lìa xa khỏi xác, cho nên lấy áo gọi hồn, hồn nhận biết áo của mình, theo áo trở về với phách. Nếu hồn trở về với phách, thì miệng xác chết có chút động đậy; nếu hồn không trở về với phách, thì miệng không chút động đậy. Theo lý mà nói, vốn nói là Chiêu hồn chứ không nói là Hoán phách. Vì vậy trong Tiêu tang Phục Yếu Lý nói: "Lỗ Ai Công mai táng cha mình, Khổng Tử hỏi rằng: Lẽ nào tìm áo gọi hồn chăng? Ai Công nói: Áo của hồn bắt đầu từ Bá Đào, Bá Đào đến núi Kinh giữa đường gặp giá lạnh mà chết, người bạn gặp gió xoáy mà đau xót đón thây xác về, thương cho linh hồn thần thức giá lạnh, cho nên thay đổi làm áo của

hồn, cha tôi sống mặc toàn gấm vóc, chết thì áo quần che phủ, đâu dùng áo làm gì?”

Hỏi: Tại sao phải viết họ tên người chết lên trên cái phướn? Đáp: Phướn chiêu hồn đặt nơi khô ráo, để hồn nhận biết tên họ của mình, theo tên họ tiến vào nhà tối tăm, cũng tìm đến với phách. Hoặc tiến vào nhà sâu hơn. Sâu hơn là thêm một tầng nữa. Bởi vì vào bên trong, bày biện đầy đủ các thức cúng tế, bởi lẽ còn-mất khác nhau cho nên sáng-tối không giống nhau. Quỷ thần ăn trong bóng tối, người còn sống ăn trong ánh sáng. Vì vậy chủ yếu dùng chiếu thô, bên trong có đủ thức ăn, đem bày biện vào bên trong, đặt ở dưới đất.

Theo như Tây Vức thì cách thức mai táng có bốn loại” 1- Thả trôi trên sông; 2- Dùng lửa đốt cháy; 3- Chôn vào lòng đất; 4- Đặt giữa rừng hoang.

Trong luật Ngũ Phần nói: “Nếu lúc hỏa thiêu thì đặt ở trên đá, không được đặt trên cỏ cây đất đai, bởi vì sợ làm tổn thương sâu bọ.”

Trong luật Tứ Phần nói: “Như Lai và Luân Vương, cả hai bậc đều hỏa táng, người khác thì chung như trước, theo cách táng thứ 4 là nhiều.”

Trong luật Ngũ Phần nói: “Thây xác cần phải chôn. Ở đây nói là Vương pháp không cho phép thí thân, lại sợ rằng mùa hạ mà đốt thì giết hại sâu bọ, cho nên khiến phải chôn. Đương nhiên ở nơi khác không khó khăn thì thả trôi trên sông hoặc đặt giữa rừng hoang cũng được.”

Còn dựa theo luật Tứ Phần và Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Nếu gặp tháp miếu thờ kính Như Lai và gặp tháp mộ của người thuộc 5 chúng xuất gia, tất cả đối với mình thì đều cần phải lần lượt dựa theo tuổi tác còn sống mà thiết lễ. Nếu tất cả bạch y gặp tháp một của người xuất gia, thì không chọn lựa lớn nhỏ mà đều cần phải lễ lạy cung kính.”

Lời bàn: Đã biết như vậy, thì những hàng đạo-tục, nếu gặp linh cửu của Sư Tăng hoặc cha mẹ quá vãng, từ bên ngoài đến phúng viếng mà người nhỏ hơn người quá vãng, đến nơi thi hài của họ thiết lễ như thường lệ, rồi trước hết cầm tay hiếu tử lặng yên an ủi thăm hỏi, sau đến nơi Đại Đức, bày tỏ tình cảm thương tiếc, phúng viếng mà lễ lạy. Cũng thấy có hàng bạch y ngu si, thực hành giáo pháp bừa bãi, quay lại chỉ bày người khác, không cho phép lễ lạy vong linh cha mẹ chú bác tôn thân, miệng nói rằng: Tôi đã thọ giới, họ là quỷ thần, cho nên không phù hợp để lễ lạy, sợ rằng bị phá giới. Điều này không hợp với giáo lý, trái lại còn chuốc lấy tội lỗi của sự vô tri. Cúi đầu suy nghĩ bậc Sư Tăng nuôi lớn Pháp thân cho mình, bậc cha mẹ chú bác nuôi lớn Sanh thân

cho mình, nhờ vào sự chăm sóc bú mớm này mà lớn lên thành người. Nghĩ đến ân đức này như trời cao mênh mông khó đền đáp được, trải qua bao kiếp báo đáp ân tình khó đủ, há chỉ một đời mà có thể kết thúc, không còn gì ân tình cung kính, trái lại dấy lên khinh mạn, tiếp theo dấu chân của hạng dung tục tầm thường, sao trở thành con hiếu thảo? Vì vậy Đức Thế Tôn là bậc Thánh cao nhất, hãy còn tự mình nâng thi hài của cha mẹ mà đưa tiễn, huống gì hạng phàm ngu thấp hèn mà nhất định sinh tâm lãnh đạm ư? Cho nên trong kinh Niết bàn nói: "Người biết ân tình, là căn bản của tâm Đại Bi; người không biết ân tình, thật còn thua súc sanh."

Còn trong kinh Tịnh Phạm Vương Nê Hoàn nói: "Vua Bạch Tịnh ở nước Xá Di, bệnh nặng sắp qua đời, nhớ đến muốn gặp Đức Thế Tôn và Nan Đà, nhưng Đức Thế Tôn an trú trong núi Kỳ Xá Quật thuộc thành Vương Xá, cách xa nơi 50 do tuần! Đức Thế Tôn ở núi Linh Thứu, dùng thiên nhĩ từ xa nghe tiếng cha suy nghĩ nhớ lại, liền cùng với A-nan... cưỡi hư không mà đến. Ngài đưa tay vuốt trên trán nhà vua, thăm hỏi nhà vua xong, thuyết kinh Ma Ha Ba La Bổn Sanh cho nhà vua nghe. Nhà vua nghe kinh đạt được quả vị A-na-hàm. Nhà vua nắm tay Đức Phật nâng lên đặt trên ngực mình, Đức Phật lại thuyết pháp cho nghe và đạt được quả vị A La Hán, vô thường đến trước mắt thân mạng ngưng lại hơi thở chấm dứt, chốc lát đã đến đời sau. Đến lúc trà tỳ, Đức Phật cùng với Nan Đà đứng nghiêm trang cung kính ở trước đầu linh cữu, A-nan-La vân ở sau chân linh cữu. A-nan Đà quỳ thẳng thưa với Đức Phật rằng: Chỉ mong cho phép con được gánh quan tài của Bá phụ! La Vân lại thưa: Chỉ mong cho phép con được gánh quan tài của Tổ Vương! Đức Thế Tôn an ủi rằng: Người đời sau này đều là hung bạo, không đền đáp ân tình sinh dưỡng của cha mẹ, vì thiết lập giáo pháp cảm hóa những chúng sanh bất hiếu này, cho nên Như Lai tự mình muốn gánh quan tài của vua cha. Lập tức ba ngàn Đại thiên thế giới phát ra sáu loại chấn động, tất cả các núi cao lớn nổi lên chìm xuống, như thuyền trên nước. Lúc bấy giờ tất cả chư Thiên-rồng-thần, đều đi đến nơi linh cửu cất tiếng khóc tấm tức, Tứ Thiên Vương dẫn theo quỷ thần đông đến trăm ngàn ức, đều cùng nhau nâng linh cữu, thưa với Đức Phật rằng: Đức Phật vì những người bất hiếu với cha mẹ ở đời sau, cho nên dùng tâm Đại Từ Bi đích thân muốn tự mình gánh quan tài của vua cha. Tứ Thiên Vương cùng thưa với Đức Phật rằng: Chúng con là đệ tử của Đức Phật, nghe pháp từ Đức Phật mà đạt được quả vị Tu đà hoàn, vì nguyên cớ này chúng con nên gánh quan tài của vua cha. Đức Phật cho phép Tứ

Thiên Vương gánh quan tài của vua cha, lập tức biến thành người. Tất cả nhân dân không có ai không cảm động rơi nước mắt. Đức Thế Tôn tự mình tay bưng lư hương, đi phía trước đến nơi phần mộ, khiến ngàn vị La Hán đến trên đảo giữa biển rộng lấy các loại gỗ thơm như Ngưu đầu-Chiên đàn, dùng để hỏa thiêu. Đức Phật dạy: Khổ-Không-Vô thường, giống như huyễn hóa, bóng trăng trong nước, cảnh tượng trong gương, thiêu thân trở về trống rỗng. Lúc bấy giờ các vị vua, mỗi người mang đến năm trăm bình sữa, dùng để dập tắt lửa. Sau khi lửa tắt cùng nhau thâu góp hài cốt, đặt trong hộp kim cương, ngay phía trên chỗ ấy nhân tiện cùng nhau dựng tháp, treo phan phước lọng tàn rực rỡ cúng dường tháp thờ. Đức Phật bảo với hội chúng: Vua cha Tịnh Phạn là người thanh tịnh, sanh lên cõi trời Tịnh Cư.”

Còn trong kinh Phật Mẫu Nê Hoàn nói: “Tỳ kheo Ni Đại Ái Đạo, chính là dì ruột của Đức Phật, cùng với năm trăm người Trừ Cận Nữ (Tức là Tỳ kheo Ni. Trong kinh Pháp Kính, Khương Tăng Hội nói rằng: Phàm phu tham đắm nhiễm trước sáu trần, giống như người đói ăn cơm không biết thỏa mãn, nay Thánh nhân đoạn tuyệt tham đắm loại trừ cơn đói của sáu tình, cho nên gọi phái Ni xuất gia là Trừ Cận Nữ), dùng tay vuốt chân Đức Phật, đi quanh Đức Phật ba vòng, rập đầu lạy mà rời xa, hiện bày công đức thần túc, ở chỗ ngồi của mình ẩn đi, từ phương Đông xuất hiện ở giữa hư không làm ra mười tám loại biến hóa, tám phương và trên dưới cũng lại như vậy, phát ra ánh sáng rộng lớn để chiếu rọi những nơi tối tăm, phía trên chiếu sáng các cõi trời; năm trăm Trừ Cận biến hóa đều như vậy cùng lúc Nê hoàn. Đức Phật khuyên người quản lý làm năm trăm chiếc kiệu, dầu vừng-hương hoa-long não-gổ cây, mọi thứ đều làm thành năm trăm phần, dùng nhạc cụ phát ra âm thanh chuẩn xác để cúng dường, tất cả phàm Thánh nhìn thấy thảy đều xót thương rơi nước mắt. Hỏa táng xong bưng xá lợi đến nơi Đức Phật, thế là 4 phương có hai trăm năm mươi Ứng Chân (A La Hán), dùng thần túc bay đến cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật, đến nơi xá lợi, ngàn Tỳ kheo đều ngồi vào chỗ ngồi. Đức Phật bảo với A-nan: Lấy xá lợi đặt vào đồ đựng, lấy bát đặt trong tay Ta! A-nan làm theo lời dạy. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Xá lợi tích tụ này vốn là thân ô uế, hung ác ngu si nóng nảy vội vàng, đố kỵ ngấm ngầm mưu toan, làm tổn hại đạo đức, nay mẹ có năng lực vượt lên phát huy công hạnh của bậc trượng phu, đạt được đạo quả Ứng Chân chuyển linh thức cuối cùng không có, dũng mãnh biết bao! Ngài dạy đệ tử dựng lên tháp miếu cúng dường.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Phật bảo với A-nan

Đà và La Vân: Các ông gánh thân của Đại Ái Đạo, Ta sẽ đích thân tự mình cúng dường. Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân và Tứ Thiên Vương, cùng đến phía trước thưa với Đức Phật rằng: Chỉ mong Thế Tôn đừng tự mình vất vả tinh thần sức lực, chúng con tự mình nên cúng dường. Đức Phật dạy: Đừng, đừng! Vì sao như vậy? Bởi vì cha mẹ sinh con có quá nhiều làm cho lợi ích, ân tình sâu nặng đã bú mớm ôm ấp nuôi lớn, cần phải báo ân chứ không thể nào không báo, mẹ của chư Phật quá khứ-vị lai, trước đã chọn lấy diệt độ, chư Phật đều tự mình cúng dường trà tỳ xá lợi. Lúc ấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương sai các quỷ thần đến rừng Chiên đàn lấy củi Chiên Đàn, đến đạt giữa đồng rộng bao la. Đức Phật tự mình gánh một chân, A-nan gánh một chân, bay vào hư không, hướng đến nơi phần mộ. Lúc bấy giờ Đức Phật tự mình lấy gỗ Chiên đàn đạt lên trên thân hình của Đại Ái Đạo. Đức Phật dạy: Có bốn người nên dựng tháp cúng dường. Đó là: 1- Đức Phật; 2- Bích chi Phật; 3- Lậu tận A La Hán; 4- Chuyển luân Thánh vương; bởi vì đều dùng mười thiện nghiệp mà cảm hóa muôn loài. Lúc bấy giờ nhân dân liền thâu nhặt xá lợi, cùng dựng tháp cúng dường.” Dựa theo kinh Tạp A Hàm, dì ruột Ái Đạo của Đức Phật, chính là mẹ củA-nan Đà.

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Trong bốn đệ tử sơ lược chọn lấy hai người trước và sau, mà đưa ra tám người. Trong chúng Tỳ kheo, người đắc đạo đầu tiên như Tỳ kheo Câu lân, có năng lực khéo léo khuyến hóa, không mất oai nghi; người đắc đạo cuối cùng như Tu Bạt Đà La, đến ngày đắc đạo thì nhập Bát Niết bàn. Trong chúng Tỳ kheo Ni, người đắc đạo đầu tiên như Tỳ kheo Ni Đại Ái Đạo, người đắc đạo cuối cùng như Tỳ kheo Ni Đà La ở nước Câu Di. Trong chúng Ưu bà tắc, người đắc đạo đầu tiên như Thương Khách Nam, người đắc đạo cuối cùng như Câu Di Na Ma La. Trong chúng Ưu bà di, người đắc đạo đầu tiên như Nan Bà Nữ, người đắc đạo cuối cùng như Lam Ưu Bà Di.”

Phần thứ tư: THỌ SANH

Nói đến sanh thì tám Thức duy trì, tử thì bốn đại chia lìa, thoáng chốc đã trăm tuổi rồi, cuối cùng quay về hủy diệt, tuần hoàn mãi trong ba cõi, chuyển đổi liên tục không dừng. Vì vậy trong kinh nói: “Có bắt đầu nhất định phải kết thúc, đã sinh ra thì phải diệt đi.” Thánh giáo hông hư dối, mắt nhìn thấy cánh tay đan chéo thật rõ ràng. Vì lẽ đó từ trong duyên này sơ lược trình bày về 6 phần.

Trong phần thứ nhất, lúc sắp mạng chung xem kỹ thân thể lạnh

hay nóng, nghiệm lại thiện-ác của người ây, có thể biết được quả báo ở đời sau.

Do đó trong luận Du Già nói: “Hữu tình này không phải là sắc, không phải là tâm. Giả hợp làm thành mạng căn, lớn nhỏ đều giống nhau, chết đi cùng chung trạng thái nhanh hoặc chậm.” Các Sư truyền lại cho nhau rằng: Người làm điều thiện thì bắt đầu dưới chân lạnh dần cho đến phần rốn trở lên, hơi ấm hết sau cùng, tức là sanh trong loài người. Nếu đến đỉnh đầu mà khí nóng hết sau cùng, thì sanh vào loài trời. Nếu người làm điều ác thì ngược lại với điều này. Từ phần trên đến hông, hơi nóng hết sau cùng thì sanh vào loài quỷ. Từ hông xuống đến đầu gối, hơi nóng tản hết thì sanh vào loài súc sanh. Từ đầu gối trở xuống cho đến chân, hơi nóng mới hết thì sanh trong địa ngục. Người thuộc bậc Vô học nhập Niết bàn, thì hơi ấm hoặc ở phần tim, hoặc ở đỉnh đầu. Nhưng trong luận Du Già nói: “Nghĩa về Yết La Lam có nơi nhờ cậy ban đầu, thì gọi là phần tim. Như vậy Thức ở nơi này nhờ cây đầu tiên, thì từ nơi này rời bỏ sau cùng.” Giải thích rằng: Căn cứ theo luận Du Già thì nhờ làm điều thiên mà sanh lên phía trên, cho nên từ phần dưới dần dần rời bỏ đến phần tim, sau mới nói rời bỏ từ phía trên. Bởi vì làm điều ác mà sanh xuống phía dưới, cho nên trước hết từ phần trên rời bỏ đến phần tim, sau mới nói rời bỏ từ phía dưới.

Trong luận Câu Xá nói: “Nếu người đang chết, thì ý thức đoạn diệt ở trong phần thân thể nào? Nếu trong một lúc thân chết thì căn và ý thức cùng lúc đều đoạn diệt.” Nếu người theo thứ tự mà chết, thì trong này có kệ rằng:

Theo thứ tự chết từ chân đến rốn,
Ở tại phần tim ý thức đoạn diệt,
Phía dưới không sanh vào chốn trời-người,
Phần giữa-trên không phải là ác đạo.

Trong luận giải thích rằng: “Nếu người chắc chắn hướng về ác đạo thọ sanh và thọ sanh trong loài người, những người như vậy, theo thứ tự từ A La Hán, người này ý thức đoạn tuyệt ở tại phần tim. Có bộ phái khác nói là ở trên đỉnh đầu, tại vì sao? Bởi vì thân căn ở những nơi này cùng với ý thức đều đoạn diệt. Nếu người đang chết, thì thân căn này như đá nóng, nước dần dần giảm bớt, ở các nơi như phần chân theo thứ tự mà diệt đi.” Giải thích rằng: Luận Câu Xá nói về nghĩa của Tiểu thừa, cho nên nói là thân căn ở những nơi này cùng với ý thức đều đoạn diệt. Nếu dựa theo Đại thừa, thì thân căn ở những nơi này cùng với thức vốn có đều đoạn diệt.

Thứ hai là phương pháp thọ sanh. Dựa theo luận Câu Xá nói: Vì đi đến nơi cảnh giới thích ứng để đầu thai, cho nên khởi lên chúng sanh trung ấm này. Do thế lực của nghiệp vốn có mà sinh ra nhãn căn, tuy ở rất xa, nhưng có thể trông thấy nơi thích ứng để đầu thai. Ở trong cảnh giới ấy thấy sự đổi khác đối với cha mẹ. Nếu thay đổi trở thành nam, thì đối với mẹ lập tức dấy khởi tâm dục của người nam. Nếu thay đổi trở thành nữ, thì đối với cha lập tức dấy khởi tâm dục của người nữ. Trái với tâm này thì dấy khởi giận dữ oán trách. Chúng sanh trung hữu này, bởi vì dấy khởi hai tâm điên đảo, cho nên cầu mong đi đến nơi đầu thai, ngay lập tức vui vẻ đã thuộc về mình. Lúc này bất tịnh đã đến ở trong thai, liền sinh ra hoan hỷ, vẫn dựa vào nơi ấy mà sống. Bắt đầu từ sát na này thì năm ấm của chúng sanh hòa hợp kiên cố vững chắc, năm ấm của thân trung hữu lập tức mất đi, như vậy mới nói là thọ sanh. Nếu thai nhi là nam thì dựa vào sườn bên trái của mẹ, ngồi xổm đưa mặt hướng về lưng mẹ. Nếu thai nhi là nữ thì dựa vào sườn bên phải của mẹ, đứng xoay mặt hướng về bụng mẹ. Nếu thai nhi phi nam phi nữ, thì tùy theo loại ham muốn mà đầu thai, trú trong thai cũng đều như vậy. Không có trung hữu khác biệt nào mà có đủ cả nam căn và nữ căn. Vì vậy cho nên hoặc là nam –hoặc là nữ, đầu thai mà ở trong thai. Về sau lớn lên ở trong thai, có lúc trở thành chủng loại Hoàng môn. Nếu dựa vào Thai sanh và Noãn sanh, thì lý lẽ là như vậy. Nếu chúng sanh phải đầu thai vào chủng loại Thấp sanh thì bởi vì ưa thích mùi hương cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Mùi hương này hoặc là thanh tịnh-hoặc là bất tịnh, bởi vì tùy theo nghiệp vốn có. Nếu như là chủng loại Hóa sanh thì bởi vì ưa thích nơi chốn, cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Nếu như là chủng loại Hóa sanh thì bởi vì ưa thích nơi chốn, cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Nếu như vậy thì chúng sanh địa ngục, làm sao sanh đến nơi chốn ưa thích? Bởi vì tâm điên đảo, chúng sanh này bị mưa gió lạnh lẽo va chạm làm cho thân khó chịu, trông thấy địa ngục có lửa mạnh rừng rực tỏa sáng thật đáng mừng, muốn được tiếp xúc với hơi ấm cho nên tìm đến tiến vào trong đó. Lại thấy thân thể bị nắng gió nóng bức và những ngọn lửa làm cho cháy bỏng, đau khổ khó chịu đựng nổi, thấy địa ngục lạnh lẽo mát mẻ thì vui thích tiếp xúc với khí lạnh, cho nên tìm đến tiến vào chỗ ấy. Thai sanh và Noãn sanh có sự đổi khác đối với cha mẹ mà sinh ra ái sục. Thấp sanh và Hóa sanh không dựa vào tinh cha-huyết mẹ làm thành thân, cho nên không có sự thay đổi này. Chủng loại Thấp sanh chỉ ái trước đối với mùi hương, cho nên tìm đến nơi đầu thai của mình, tùy theo nghiệp thiện-ác mà mùi hương vốn ưa thích, tự nhiên có

thanh tịnh hoặc ô uế. Chủng loại Hóa sanh chỉ đắm theo nơi chốn mà mình nương vào. Địa ngục tuy là nơi khổ đau, nhưng tội nhân tham đắm thì cũng được đầu thai vào trong nơi chốn ưa thích. Tại vì sao? Bởi vì không phải là nơi ưa thích thì không thể đầu thai. Luận noi1: "Như sự tạo tác xưa kia có năng lực cảm báo sanh ra như vậy, vui bởi vì thấy thân mình là vị trí như vậy, thấy chúng sanh ấy cũng như vậy, cho nên hướng về nơi ấy." Trước kia các Sư đưa ra cách giải thích như vậy: Như lúc chúng sanh 30 tuổi, làm các nghiệp giết hại, giăng lưới đánh bắt các loại chúng sanh. Lúc làm công việc này chắc chắn phải có đồng bạn. Nghiệp này có năng lực cảm báo sanh trong địa ngục. Sau ở trong thời kỳ Trung ấm, thấy thân mình như xưa lúc tuổi 30 làm công việc giăng lưới đánh bắt, cho nên nói là vị trí của mình, lại thấy bạn bè xưa so với xưa không khác; lúc thấy địa ngục thì xưa kia thấy các tướng sông hồ-bạn bè, tất cả dắt nhau cùng đi vào trong đó. Vì vậy khởi tâm ưa thích, lập tức đầu thai trong chốn ấy. Sau lại giải thích rằng: Nghiệp đã tạo xưa kia tuy nhiều, nhưng chắc chắn phải theo một nghiệp dẫn đắt sanh trong địa ngục, hoặc vào lúc hai mươi tuổi gây ra nghiệp này, hoặc lúc ba mươi tuổi gây ra nghiệp này, sau đó ở trong thời kỳ trung ấm nhìn thấy thân mình, như lúc xưa gây ra nghiệp ở độ tuổi rtẻ hay già, thấy chúng sanh địa ngục, hoàn toàn như mình năm xưa. Thời gian-tuổi tác đã tương tự, đối với chúng sanh này khởi tâm đắm trước, lập tức tìm đến chỗ ấy, bởi vì tâm ái nhiễm này cho nên đầu thai. Căn cứ theo phần kinh mà các Sư đưa ra cách giải thích như vậy.

Còn trong luận Du Già nói: "Nếu người phước thiện nhỏ nhoi, thì sẽ sanh vào nhà thấp hèn; người ấy vào lúc chết và lúc tiến vào thai, thường nghe các loại âm thanh hỗn loạn, và tự mình trông thấy đi vào trong những rừng cây rậm rạp, tre lau cỏ dại um tùm. Nếu người có nhiều phước thiện, thì được sanh vào nhà tôn quý, người ấy vào lúc bấy giờ thường xuyên tự nghe thấy có những âm thanh vắng lặng tuyệt vời rất vừa ý, và tự mình trông thấy lên cao trên những cung điện lộng lẫy vừa ý, đều hiện bày hình tướng rõ ràng."

Còn trong luận Câu Xá nói: "Nếu người sắp mạng chung mà khởi tâm tà kiến, người này vì trước đây lấy bất thiện làm nhân-tà kiến làm duyên, cho nên rơi vào địa ngục." Có Luận Sư nói: Tất cả các hành bất thiện đều là nhân của địa ngục. Ngoài hành bất thiện này ra thì điều ác còn lại đều sanh trong loài súc sanh-ngạ quỷ. Lại vì nghiệp hành dâm dục mạnh mẽ cho nên rơi vào trong loài súc sanh, như dâm dục mạnh mẽ cho nên sanh vào trong các loài chim Bồ câu-Uyên ương. Sân giận

nhiều cho nên sanh vào trong các loài rắn rít-bò cạp. Ngu si nhiều cho nên sanh trong các loài heo dê-sò hến. Kiêu mạn nhiều cho nên sanh trong các loài sư tử-hổ hang. Trạo cử hý luận nhiều cho nên sanh trong loài vượn khỉ. Keo kiệt ganh ghét nhiều cho nên sanh trong loài ngạ quỷ. Nếu có chút ít phước thiện bố thí còn thừa lại, thì tuy sanh trong loài súc sanh mà có vui sướng chút ít. Thân nghiệp và khẩu nghiệp tuy do tâm làm chủ, nhưng khẩu nghiệp bất thiện phải nhận chịu báo ứng rất nhiều. Như mắng người tùy tiện nóng nảy giống như vượn khỉ thì sanh trong loài khỉ. Nếu nói tham lam xấu xa như quạ, lời nói như chó sủa, ngu dần như heo dê, tiếng như con lừa kêu, đi như tướng lạc đà, tự cao ngạo như voi, hung dữ như trâu chạy, dâm dật như chim tước, hèn nhát như mèo hoang, nịnh bợ như chồn cáo. Những ác ngôn ngữ như vậy tùy theo khẩu nghiệp mà nhận chịu báo ứng. Nhưng do ba độc làm căn bản, trong ba độc thì tham ái là nặng nhất, như cầm một đầu tấm vải thì mọi phần vải còn lại đều kéo theo.”

Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “Nếu không đoạn tuyệt với ác thì ái sẽ phát sinh tươi tốt. Do đó bốn loại chúng sanh đều dấy khởi do ái”. Như nói nhiều dâm dục thì sanh trong loài chim tước. Nhiều tham lam đối với mùi vị cho nên thọ sanh ở trong nhà xí. Lại bởi vì ái dục cho nên sanh trong loài Noãn sanh. Tham lam hương vị cho nên sanh trong loài Thấp sanh. Tùy theo sự ái nhiễm vào nơi chốn, khởi lên nghiệp thiết tha sâu nặng thì sanh trong loài Hóa sanh. Nếu tâm thiết tha sâu nặng thích làm hạnh nghiệp tội lỗi, thì lúc chết vọng thấy địa ngục mà sanh trong loài Hóa sanh của địa ngục. Nếu tâm thiết tha sâu nặng ưa thích phước thiện thì sanh trong loài Hóa sanh của các cõi trời. Cho nên trong luận Thành Thật nói: “Như gốc cây không nhổ lên thì cây đó vẫn còn mọc lại, gốc rễ của tham lam không loại trừ thì cây đau khổ vẫn còn tồn tại.”

Còn trong luận Du Già nói: “Sao nói là sinh? Bởi vì ngã ái đã sinh khởi không hề gián đoạn. Từ vô thỉ ưa thích đắm theo hý luận, cho nên nhân đã được huân tập. Bởi vì nhân của nghiệp tịnh và bất tịnh đã được huân tập, cho nên dựa vào Thể đó, nhờ sức mạnh tăng lên của hai loại nhân, từ chủng tử ngay trong chỗ này có quả dị thục không ngừng được phát sanh. Lúc chết như hai đầu chiếc cân, xuống thấp-lên cao luôn luôn tương ứng, mà trong này chắc chắn có đủ các căn. Người tạo ra ác nghiệp, đã cảm thân trung hữu như tia sáng nhỏ màu đen, hoặc là bóng đêm tối đen. Người làm thiện nghiệp, cảm được thân trung hữu như ánh sáng của chiếc áo trăng, hoặc là bóng đêm trong sáng rõ ràng.”

Trong luận Câu Xá nói: “Thân trung hữu này đầy đủ năm căn, những loại như kim cang cũng không có thể ngăn ngại. Trong phâm vi kim cang dưới núi Tu Di có loài cóc nhái, thân trung hữu đầu thai vào trong loài ấy, thân trung hữu với hình sắc vi tế, kim cang không thể nào ngăn ngại được. Người có Thiên nhãn, có thể trông thấy sự việc này.” Lại đưa ra sự việc đã nghe làm chứng cứ, đã từng nghe người ta nói, đốt sắt khiến cho cháy đỏ, đập vỡ ra thấy có con trùng.

Thứ ba là tuổi thọ dài-ngắn. Trong luận Câu Xá nói: “Nếu nơi thọ sanh không nhất định thì hướng về nơi khác, trong quãng đường này đều có thể thọ sanh. Ví như loài trâu vào mùa hạ thì quan hệ hành dục lại nhiều, loài chó vào mùa Thu, loài gấu vào mùa Đông, loài ngựa vào mùa Xuân, loài Dã can-chồn cáo... thì quan hệ hành dục không có mùa nhất định. Mùa này chúng sanh này thuận theo sanh trong loài trâu, nếu không phải mùa hạ thì sanh trong loài Dã can. Nếu thuận theo sanh trong loài chó, nhưng không đúng mùa thì sanh trong loài Dã can.”

Còn các Sư thuộc tông Câu Xá Tiểu thừa, có bốn cách giải thích khác nhau: 1- Nói là lúc rất thúc bách, chết rồi lập tức tiếp nhận sanh ấm. 2- Nói là có thể tồn tại được bảy ngày, đủ bảy ngày rồi, thuộc về thân Trung hữu không giới hạn về thời gian. 3- Nói là có thể tồn tại trong bốn mươi chín ngày, duyên thọ sanh chưa đủ, chết rồi lại thọ thân Trung ấm, cũng không giới hạn thời gian. 4- Nói là tùy theo duyên mà thọ sanh, cho đến tồn tại qua nhiều kiếp chứ không mạng chung.

Dựa theo luận Du Già nói: “Nếu chưa có được duyên thọ sanh thì cao nhất là tồn tại trong bảy ngày, chết mà sống lại, cho đến bốn mươi chín ngày nhận chịu trạng thái chết đi sống lại như vậy. Từ đây về sau mới quyết định được duyên thọ sanh”. Cách giải thích này cùng với 4 cách giải thích trên đều khác nhau.

Thứ tư là cùng chung khả năng nhanh-chậm. Trong luận Câu Xá nói: “Thân Trung ấm này di chuyển giữa hư không mà đi, như người xả mạng sống tùy ý hướng đến vô lượng thế giới khác mà thọ sanh, trong khoảnh khắc liền đến. Sức thần thông của Nhị thừa chưa vượt ra khỏi một thế giới, mà thân Trung ấm đã đến vô lượng thế giới khác. Cho dù thần lực của Phật cũng không thể nào ngăn cản, khiến cho không hướng đến nơi đầu thai để có thể trú vào loài khác, bởi vì nghiệp lực đã quyết định”. Luận về nghiệp thần thông thù thắng, là căn cứ vào thần thông thù thắng của phàm phu Nhất thừa. Trong luận Bà Sa nói: “Thần túc thù thắng, là căn cứ vào thần thông mau chóng của Phật.”

Thứ năm là thấy không giống như nhau. Dựa theo luận Câu Xá

nói: “Nếu thân Trung ấm cùng chung một đường đầu thai thì nhất định trông thấy lẫn nhau. Nếu người có Thiên nhãn thanh tịnh nhất thì cùng một chủng loại Đạo tuệ như nhau, người này cũng thấy được người kia đầu thai. Nếu cảm báo đạt được Thiên nhãn thì không thể nào trong thấy, bởi vì bé nhỏ vô cùng.”

Trong Tát Bà Đa Bộ nói: “Nếu cùng thọ sanh ở trong loài người, cùng là Trung ấm loài người, thì có thể nhìn thấy lẫn nhau. Nghĩa này là chắc chắn, không thể nào nhìn thấy Trung ấm của loài khác. Nếu người tu đạt được Thiên nhãn, Thiên nhãn này thì chính là chủng loại của loài này, có thể nhìn thấy hình sắc của Trung ấm. Nếu cảm báo đạt được Thiên nhãn thì không thể nào thấy được hình sắc của Trung ấm, bởi vì hình sắc của Trung ấm vi tế hơn các hình sắc khác.”

Dựa theo Chánh Lượng bộ nói: “Trung ấm của loài trời có thể thấy được tất cả hình sắc Trung ấm của 5 loài khác. Trung ấm của loài người có thể thấy được Trung ấm của 4 loài khác, trừ ra trung ấm của loài trời, không phải loài người mà có thể thấy được. Như vậy theo thứ tự trừ ra loài trước, cho đến Trung ấm của loài địa ngục, trừ ra Trung ấm của 4 loài trước, không phải loài địa ngục mà thấy được, chỉ trông thấy Trung ấm của loài địa ngục.”

Thứ sáu là thân lượng lớn-nhỏ. Trong luận Câu Xá nói: “Thân lượng Trung ấm giống như đứa bé 6-7 tuổi, mà hiểu biết thông minh lanh lẹ. Nếu Bồ Tát đang ở thời kỳ Trung ấm, thì giống như người tròn vẹn ít bệnh, có đủ hình tướng lớn nhỏ. Vì vậy tuy đang ở thời kỳ Trung ấm, đích thực sắp tiến vào thai, mà có năng lực biết rõ tất cả Câu Chi Diêm phù châu.”

Tụng rằng:

Nhà cao rộng tin là quán trọ,
Nghiệp xấu xa lý thường dẫn dắt,
Hộp ngọc mới giao cho nhìn ngắm,
Đái vàng không thể trì hoãn nữa.
Tiếng than vãn đi theo đường xa,
Bóng dây leo mang treo cành tùng,
Nào có thể giữ lại mười niệm,
Chỉ tùy ý đuổi theo bốn duyên.
Thị huyền ảo làm ra giống-khác,
Biến đổi kỳ dị làm nhiều thân,
Phàm tục ngu si tranh nhân-ngã,
Ai ngờ rằng giả cho là thật.

Người sai lầm khăng khăng ngờ vực,
Người thông đạt biết rõ rỗng không,
Thân-sơ đã không hề nhất định,
Đâu bận lòng chẳng có trời xanh!

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 16 chuyện: 1- Thời Hán Ai Đế có người nữ mang thai chưa sanh, thai nhi hai tháng khóc trong bụng; 2- Thời Hán Bình Đế có người nữ chăn nuôi tuổi còn trẻ chết liệm trong quan tài sáu ngày mà ra khỏi quan tài; 3- Trong thời Han Kiến An có Lý Yêu chết mười bốn ngày sống lại; 4- Thời Hán ở vùng trần Lưu có Sử Củ sắp chết trối trăn có chứng nghiệm; 5- Thời Hán có Phùng Quý Nhân chết gần trăm ngày, giặc cướp mở phần mộ mà nhan sắc vẫn như cũ; 6- Thời Hán Linh Đế, người vùng Liêu Tây thấy quan tài nổi giữa sông Liêu, bên trong có người nói là Cô Trúc Quân em của bá Di; 7- Thời Hán ở vùng Doanh Lăng-Bắc Hải có Đạo nhân có năng lực làm cho người và người đã chết gặp nhau; 8- Thời Hán Vũ đế có Hạnh Lý phu nhân, sau khi Ai Đế thấy ở trong rèm; 9- Thời Hán có gia đình Đỗ Hỗ mai táng người thân mà người hầu gái chậm chân không ra được, trải qua mười năm mở phần mộ mà người hầu gái vẫn còn sống; 10- Thời Hán ở vùng Lạc Dương có Sa môn Đạt Đa mở phần mộ gặp người sống đã chết mười hai nămm nay; 11- Thời Tấn có Đường Tuân chết đột ngột trải qua đêm thấy có điềm báo linh thiêng được ứng nghiệm; 12- Thời Tấn có Sa môn Ha La Kiệt sống chết đều có điềm báo linh thiêng thần dị khó lường; 13- Thời Tấn có Sa môn trúc Pháp Tuệ sống chết cũng có điềm báo linh thiêng thần hóa khó lường; 14- Thời Tống có đệ tử của Sa môn Tuệ Viễn tên là Hoàng Thiên sống chết có linh nghiệm; 15- Thời Tùy có Sa môn Thích Huyền Cảnh sống chết cũng có điềm báo tốt lành ứng nghiệm, 16- Thời Đường có Cư sĩ Bùi Tắc Nam chết đột ngột mà sống lại, nói về đạo lý âm phủ được ứng nghiệm.

1. Tháng 4 năm thứ 4 niên hiệu Kiến Bình-Hán Ai Đế, ở vùng Sơn Dương có người phụ nữ tên là Điền vô Nhất mang thai chưa sanh, thai nhi hai tháng khóc trong bụng, đến lúc sanh ra không cử động bèn đem chôn trên bờ ruộng. Ba ngày sau có người đi qua, nghe tiếng trẻ thơ khóc, mẹ đến đào lên mang về nuôi sống.

2. Tháng 2 năm thứ nhất niên hiệu Nguyên Thỉ-Hán Bình Đế, Sóc Phương Quảng là cô gái chăn nuôi người nước Triệu mắc bệnh mà chết khi tuổi còn trẻ, liệm trong quan tài sáu ngày, mà vùng ra ở ngoài quan tài, tự mình nói: Gặp người đàn ông chết. Người ấy mới nói rằng: Tuổi

mới 27, cô không đáng chết. Thái thú Đàn Dĩ Văn giải thích rằng: Tận cùng Âm trở thành Dương, kẻ tôi tớ làm bề trên. Sau đó Vương Mãng cướp ngôi vua.

3. Trong thời Hán Kiến An có Lý Yêu chết mười bốn ngày sống lại, nói rằng ở nơi ấy chuẩn bị làm quỷ thần. Trong niên hiệu Sơ Bình – Hán Hiến Đế có Hoàn Thị ở Trường Sa chết, hơn một tháng người mẹ nghe trong quan tài có tiếng động, mở ra liền sống lại.

4.Thời Hán ở Khảo Thành vùng Trần Lưu có Sử Củ tự là Uy Minh, lúc tuổi còn trẻ đã từng mắc bệnh, sắp chết nói với mẹ mình rằng: Con chết rồi sẽ sống lại, chôn con thì làm gậy trúc làm trụ chống trên mồ con, nếu gậy cao lên thì đào mồ cho con ra. Đến lúc chết thì chôn và chống trụ như lời dặn, bảy ngày sau đến nhìn xem, thì gậy chống quả nhiên nhô cao lên, liền đào đất mang thi hài ra mà sống lại, chạy đến trước giếng tắm gội xong, bình phục như cũ. Lại cùng với người hàng xóm đi thuyền đến dưới huyện Phi, bán cuốc nhưng không bán mà nghĩ là muốn quay về, nói với người ta rằng: Tôi còn trở về trong chốc lát. Người ta không tin điều đó, hỏi rằng làm gì có ngàn dặm mà có thể trở về trong chốc lát? Đáp rằng: Một đêm thì trở lại, nếu như không tin tưởng thì viết thư nhận được trả lời, để làm bằng chứng nghiệm đúng sự thật. Trong một đêm ấy thì trở lại, quả nhiên nhận được thư trả lời, biết đầy đủ tin tức. Huyện lệnh Giang hạ ở Khảo Thành là Đàm Giả Hòa nghe chuyện, chị gái mắc bệnh ở quê nhà, muốn biết gấp tin tức của chị, thỉnh cầu đến thăm hỏi bệnh tình, đường xa ba ngàn dặm, đêm sau nhận thư trả lời, biết đầy đủ mọi điều rất chính xác.

5. Thời nhà Hán có Quý Nhân họ Phùng qua đời gần một trăm ngày, bọn trộm cắp mở phần mộ, mà nhan sắc còn như cũ, nhưng thân hình hơi lạnh. Bọn trộm cắp vui mừng đến mức đố kỵ lẫn nhau. Sau đó thì sự việc mới được phát hiện.

6. Thời nhà Hán ở huyện Lệnh Chi có thành Cô Trúc, xưa kia là nước Cô trúc. Năm thứ nhất niên hiệu Quang Hòa-Hán Linh Đế, người vùng Liêu Tây thấy giữa dòng sông Liêu có cỗ quan tài nổi lên, muốn chặt phá cỗ quan tài ấy. Người trong quan tài nói cho biết rằng: Tôi là Cô Trúc Quân, em trai của Bá Di, nước biển làm hư hoại quan quách của tôi, vì vậy mà trôi nổi dập dềnh trên dòng nước, mọi người chặt phá của tôi làm gì? Mọi người nghe sợ hãi không dám chặt phá, vì vậy dựng miếu thờ cúng tôn kính, quan lại-dân chúng có ai muốn mở quan tài nhìn xem, thì đều không có việc gì xảy ra mà chết rất bất ngờ.

7. Thời nhà Hán ở vùng Doanh Lăng- Bắc hải có Đạo nhân, có

năng lực làm cho người sống và người đã chết cùng gặp nhau. Người cùng quận ấy có người vợ chết đã mấy năm, nghe đồn mà đến gặp và nói rằng: Mong làm cho tội gặp người vợ quá cố một lần, có chết cũng không ân hận! Đạo nhân nói: Ông có thể đi đến gặp vợ mình, nếu nghe tiếng trống thì mau chóng rời xa chứ đừng nán lại. Đạo nhân nói cho biết về hạn định khi gặp nhau rồi, ngay sau đó cùng với người vợ gặp nhau chuyện trò vui buồn lẫn lộn, ân tình nồng nàn như lúc còn sống. Lâu sau nghe tiếng trống vang lên, rất tiếc là không có thể ở lại được. Lúc đang rời ra ngoài cửa, bất ngờ vạt sau của chiếc áo bị kẹp chặt trong cửa, đành phải cắt đứt mà đi. Đến hơn một năm sau, người này qua đời, người trong nhà đưa đi mai táng, mở phần mộ thấy dưới quan tài của người vợ có vạt sau của chiếc áo bị cắt đứt.

8. Hán Vũ Đế có Phu nhân Hạnh Lý là người rất tâm đắc. Sau khi Phu nhân qua đời, Vũ Đế thương tiếc suy nghĩ không thôi. Phương Sĩ (người cầu tiên luyện đan) Thiếu ông nói có thể dẫn thần thức của phu nhân đến, bèn bài trí màn che đẹp đẽ-đèn nến sáng ngời, Vũ Đế nhìn từ xa trông thấy người con gái đẹp ở trong trướng, hình dáng giống như Hạnh Lý phu nhân, mà không đến gần được, chỉ có thể nhìn thấy từ xa.

9. Thời nhà Hán có gia đình Đỗ Hỗ mai táng người thân, mà người hầu gái chậm chân không ra ngoài được. Hơn mười năm sau mở cửa phần mộ mai táng người khác, mà người hầu gái vẫn còn sống. Lúc mới ra ngoài như người mù, lát sau dần dần hỏi han, tự nói là đã trải qua một vài đêm mà thôi. Lúc ban đầungười hầu gái bị nhốt lầm trong phần mộ, tuổi đến độ 15, đến lúc mở cửa phần mộ về sau sống thêm mười lăm-mười sáu năm nữa, cũng lấy chồng có con bình thường như mọi người.

(Chín chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Dị Ký).

10. Thời nhà Hán có chùa Bồ đề, do người Tây Vức dựng lên, nằm trong vùng Mộ Nghĩa, Sa môn Đạt Đa dời mồ lấy gạch, phát hiện một người còn sống. Lúc ấy Thái Hậu và Hán Minh Đế đang ở trong cung Hoa Lâm, cho là yêu quái kỳ dị, nói với Hoàng môn thị lang là Từ Hột rằng: Từ thời Thượng cổ đến nay có thể có sự việc như vậy hay không? Từ Hột thưa: Thời nhà Ngụy xưa kia mở cửa phần mộ gặp con rể của Hoắc Quang là nô bộc trong nhà Phạm Bằng Hữu, nói về sự kiện phế lập của triều đại nhà Hán, cùng với Sử Thư rất phù hợp, không đáng lấy làm kỳ lạ. Thái Hậu khiến Từ Hột hỏi họ tên của người ấy, chết đến nay đã mấy năm, ăn uống như thế nào? Người chết còn sống đáp rằng: Bề tôi họ Thôi-tên là Hàm, tự là Tử Hồng, người vùng An Bình-Bác

Lăng, cha tên là Sướng, mẹ họ Ngụy, nhà ở làng Phụ Tài phía Tây kinh thành, chết lúc tuổi mười lăm, nay là 27 tuổi, ở dưới đất mười hai năm, thường giống như nằm ngủ say sưa không hề ăn uống gì cả, có lúc lại đi lang thang, hoặc gặp được đồ ăn thức uống, tựa như trong mộng, không thể nào nói hết. Thái Hậu liền sai Môn hạ Lục sự là Trương Tuấn, đến làng Phụ tài hỏi về cha mẹ của Thôi Hàm. Quả là có Thôi Sướng, vợ là người họ Ngụy. Trương Tuấn hỏi Thôi Sướng: Ông có con đã chết phải không? Thôi Sướng nói: Có con trai tên là Tử Hồng, chết lúc 15 tuổi. Trương Tuấn nói: Được người ta đào gặp, hôm nay còn sống đang trong vườn Hoa Lâm, Chúa thượng sai tôi đến hỏi thăm rõ ràng. Thôi Sướng nghe mà kinh sợ nói: Thật ra không có người con này, trước đây nói sai thôi. Trương Tuấn trở về đem đầy đủ sự thật đã nghe thưa lại với Thái hậu, Thái hậu sai Trương Tuấn đưa Thôi Hàm về nhà. Thôi Sướng nghe Thôi Hàm đến trước cổng, đứng dậy châm lửa-tay cầm dao, vợ Thôi Sướng cầm cây gậy đào chống lại. Thôi Sướng nói: ông không cần phải đến đây, ta không phải là cha của ông, ông không phải là con của ta, mau tự mình nhanh chóng rời xa thì có thể không gặp tai họa. Thôi Hàm liền bỏ đi, lang thang trong mọi ngõ ngách của chốn Kinh sư, thường ngủ đêm ở dưới cổng chùa. Vương Sướng Hoàng Y ở vùng Nhữ Nam thông suốt tất cả, tánh sợ mặt trời không dám ngước mặt nhìn trời, lại sợ nước-lửa và những loại thuộc về binh khí, thường đi ở trên đường, mệt mỏi thì dừng lại, không bao giờ đi chậm, người lúa ấy nói là giống như ma quỷ. Phía Bắc vùng đô thị Lạc Dương có khu chợ Phụng Chung, người trong khu chợ phần nhiều bán đồ dùng tống táng và các loại quan quách, Thôi Hàm nói rằng: Dùng cây Bách làm quan tài, đừng dùng cây Dâu để tránh tai họa. Người ta hỏi nguyên cớ điều ấy, Thôi Hàm nói: Tôi ở dưới đất thấy binh lính loài quỷ xuất phát, có một con quỷ xưng là Bách Quan, nên tránh đường cho tướng quân. Quân lính nói: Ông tuy là Bách Quan nhưng tang Mộc là tránh được tai họa. Thế là không tránh khỏi quân lính. Chốn Kinh sư có lẽ nghe đồn như vậy, mà gỗ cây Bách dắt lên. Người ta nghi rằng người bán quan tài là Thôi Hàm hóa ra cho nên nói lời như vậy.

(Chuyện này thấy trong Lạc Dương Tự Ký Lục).

11. Thời nhà Tấn có Đường Tuân tự là Bảo Đạo, người vùng Thượng Ngu. Năm thứ 8 niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn, bệnh nặng đột ngột mà chết, trải qua đêm được sống lại. Tự nói rằng: Có người gọi dẫn đi đến một phủ thành, chưa đi vào thì trong chốc lát thấy người chú họ từ trong thành đi ra, ngạc nhiên hỏi Đường Tuân: Vì sao cháu

đến đây? Đường Tuân đáp: Xa cách cô và chị đã qua nhiều năm, muốn đi đến thăm hỏi, dự định trời sáng sẽ lên đường, nhưng trong đêm thấy có mấy người gọi gấp rút đến đây, lập tức có thể quay trở về nhưng mà không biết đường trở về. Người chú họ nói: Cô của cháu mất đã 2 năm, con của chị cả cháu là Đạo văn gần đây bị dẫn đến, đã được nhờ ân đức tha cho, nhưng giữ lại xem hí kịch, không thể lập tức trở về được. Nhiều ngày mới quay về, trong nhà đã khâm liệm, thế là nào trong quan tài, lại lay động đồ vật trên quan tài, hy vọng người trong nhà biết mà mở quan tài ra. Đến lúc đưa quan tài lên đường, thì quan tài rơi xuống dưới xe, người nhà có lẽ muốn mở ra, mới hỏi người bói quẻ, người bói quẻ nói không tốt lành, vậy là không dám mở ra, không sống lại được, nay làm công việc vận chuyển đất cát, vất vả cần cù vô cùng khổ sở. Cháu nên mau chóng rời xa, đừng ở lại nơi này, vả lại chị nhỏ của cháu cũng đã chết rồi, nay cùng ở trong địa ngục với cô của cháu, ngày đêm buồn rầu đau khổ, không biết lúc nào mới có thể thoát ra được, nay cháu quay trở về nên nói với con cái của họ, chịu khó tu tạo công đức thì ngõ hầu được thoát nạn. Lúc ấy chỉ đường cho Đường Tuần trở về, sắp từ biệt lại căn dặn Đường Tuân rằng: Cháu được sống lại rất là đáng vui mừng, ở thế gian chẳng có mấy chốc mà thoắt trôi qua như gió bụi thôi, thiên đường-địa ngục với các loại báo ứng khổ-vui, xưa kia chú nghe người ta nói, nay mới nhìn thấy sự thật như vậy, cháu nên hết sức chịu khó làm điều thiện, cốt phải trở thành người hiếu thảo-cung kính-thọ pháp-trì giới, cẩn thận không được vi phạm, một khi thân người mất đi phải vào trong chốn tội lỗi này, bị giam cầm hành hạ tàn khốc vô cùng, tự hối hận đâu còn kịp, chịu khó ghi nhớ trong lòng không được quên mất! Thân thuộc nhà chú, lúc còn sống không tin vào tội-phước, nay cùng gặp cảnh khốn khổ hết sức, mãi mãi nhận chịu đau khổ thê thảm, cháy nát hình hài-sống chết xoay vòng không có lúc nào tạm dừng lại, mong cầu một ngày bỏ ác làm thiện, trước mắt đâu có thể có được? Tất cả những gì chú biết đèu đem dặn dò cho cháu, cố gắng khuyên nhủ cảm hóa trong nhà cùng nhau gắng sức thực hành! Nói rồi tuôn nước mắt, vì vậy mà cách xa. Đường Tuân đi theo con đường mà trở về, trong chốc lát đã đến nhà, trong nhà lo liệu quan tài sắp xong, còn chuẩn bị khâm liệm. Đường Tuân đã đến gần thân xác, thân xác trong giây lát điều hòa lại khí lực. Thời gian trôi qua dần dần bình phục mà sống lại. Bệnh nặng đã lành hẳn, khuyên nhủ chỉ rõ cho người thân thiết, cùng nhau vâng theo thực hành giáo pháp. Ban đầu cô của Đường Tuân đi lấy chồng là Từ Hán ở quận Nam, chị cả lấy chồng là Lạc Du ở Giang hạ, còn chị

nhỏ lấy chồng là Nghiêm Vãn ở Ngô Hưng, đường đi cho nên từ lâu cắt đứt liên lạc không có tin tức gì. Đường Tuân đã khỏi bệnh, liền đi đến ba quạn, tìm thăm cô và chị nhỏ, chị và cô quả nhiên đều đã qua đời. Chị cả cũng nói, Đạo Văn con của chị sau khi khâm liệm thì quan tài có lay động và rơi xuống xe. Tất cả đều giống như người chú họ nói. Đã nghe Đường Tuân nói lại ý chết đột ngột của Đạo văn, người chị càng trở nên đau đớn ân hận vô cùng, quay cuồng xót xa mà xé nát quần áo như điên dại.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

12. Thời nhà Tấn ở Lạc Dương có Sa môn Ma ha Kiệt, vốn là người vùng Tương Dương tuổi trẻ xuất gia tụng kinh hai trăm vạn lời, tánh khiêm tốn yên lặng giữ gìn giới luật-tiết tháo, hành động tốt lành-dung mạo sáng suốt, phần nhiều hành hạnh đầu đà chỉ một mình ở chốn núi rừng vắng vẻ. Năm thứ 9 niên hiệu Thái Khang-tấn Vũ Đế, tạm thời đến vùng lạc Dương, lúc ấy dịch bệnh rất phổ biến, chú nguyện đều khỏi bệnh. Đến năm thứ nhất niên hiệu Nguyên Khang-Tấn Huệ Đế, mới đi vào ở trên núi Lâu Chí ngồi thiền trong hang đá, từ hang này đi lấy nước đã rất xa, lúc ấy người ta muốn mở ra làm thành một khe nước. Ha Kiệt nói: Không cần phải tốn sức làm gì! Thế là tự mình đứng dậy dùng chân trái giậm vào tường đá phía Tây của hang, bức tường lún xuống che khuất bàn chân, đã rút chân rồi thì nước từ trong đó chảy ra, trong mát thơm tho thấm ướt ngọt ngào, bốn mùa không cạn, người đến uống đều làm cho đói khát dừng lại và loại trừ mọi bệnh tật. Đến năm thứ 8 niên hiệu Nguyên Khang, ngồi nghiêm trang mà hóa thân. Đệ tử y theo phép nước mà hỏa táng, lửa cháy nhiều ngày mà thi hài hãy còn ngồi trong lửa, mãi không rõ thành tro bụi, mới chuyển trở về trong hang đá. Sau có người Tây Vức tên là Trúc Định tự An Thế, trong thời Tấn Hàm Hòa đi đến xứ sở ấy, tự mình quan sát nhìn thấy thi hài, ngồi trang nghiêm như thường, lúc ấy mất đã hơn 30 năm. Trúc Định sau đó đến Kinh đô, thuật lại cho đạo-tục biết.

13. Thời nhà Tấn có Sa môn Trúc Pháp Tuệ, vốn là người vùng Quan Trung, chính trực có giới hạnh, đi vào núi Tung Cao thì Phật Đồ Mật làm thầy. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên-Tấn Khang Đế, đến Tương Dương ở chùa Thúc Tử vùng Chỉ Dương, không nhận sự thỉnh cầu riêng biệt. Cứ mỗi khi khất thực thì ôm chiếc giường dây đi theo bên mình, ở trên đường đi vắng vẻ trống trải thì bày ra mà ngồi, có lúc gặp trời mưa lấy áo choàng tự che mình, mưa tạnh chỉ trông thấy giường dây, không biết Pháp Tuệ ở nơi nào; hỏi thăm chưa có tin tức

mà Pháp Tuệ đã ở tại giường dây. Đã từgn nói với đệ tử là Pháp Chiêu rằng: Thời quá khứ ông làm gãy chân một con gà, tai ương đó đang tìm đến. Lát sau Pháp Chiêu bị người ta ném trúng chân, liền mang tật suốt đời. Sau đó nói vời đệ tử rằng: Vùng Tân Dã có một ông cụ sẽ mạng chung, ta muốn độ cho ông cụ. Vẫn đi ở giữa bờ ruộng, quả nhiên thấy một ông cụ dắt trâu cày ruộng, Pháp Tuệ đi theo xin trâu, ông cụ không cho. Pháp Tuệ tiến lên phía trước tự nắm mũi con trâu, ông cụ sợ hãi vô cùng, liền đem con trâu mà cho. Pháp Tuệ dắt trâu chú nguyện đi bảy bước mà quay lại, lấy trâu trả lại cho ông cụ. Vài ngày sau ông cụ qua đời. Sau tướng quân chinh phạt phía tây là Dữu Di Mộ trấn giữ vùng Tương Dương, xưa nay đã không tin thờ giáo pháp, nghe pháp Tuệ có thái độ và cử chỉ đặc biệt cho nên rất căm ghét. Pháp Tuệ báo cho đệ tử biết trước rằng: Đối thủ xưa kia của ta đang tìm đến, nhắc nhủ khuyến khích mọi quyến thuộc khiến cho chịu khó tu đạo phước thiện. Sau đó hai ngày quả nhiên bị Di Mộ bắt mà hành hình, hưởng thọ 58 tuổi. Trước lúc chết nói với mọi người rằng: Nếu như ta bị hành hình oan ức, thì ta chết rồ sau ba ngày trời sẽ trút mưa dữ dội. Đến kỳ hạn quả nhiên trút mưa lớn, ngoài cổng thành ngập sâu một trượng, quyến thuộc của Di Mộ và cư dân trong vùng đều bị chết chìm.

(Hai chuyện trên đây trích trong Lương Cao tăng truyện).

14. Thời nhà Tống có Sa môn Tuệ Viễn, là tăng ở chùa Trường Sa-Giang Lăng. Thầy là Tuệ Ấn giỏi về thiền pháp, gọi là Thiền Sư. Tuệ Viễn vốn là tôi tớ tên gọi Hoàng Thiên của Tuệ Ấn. Lúc 20 tuổi Tuệ Ấn đã từng nhập định, thì thấy đời trước của Hoàng Thiên, chính là vị thầy của mình, cho nên liền độ làm đệ tử. Thường nhờ vào nhà của Dương Đạo Sản ở phía tây chợ Giang Lăng mà thực hành Bàn Châu tam muội, chịu khó chịu khổ hơn một năm, nhờ vậy thành tựu mà có thể có sự cảm ứng biến hóa. Hoặc là trong một ngày đi đến dự trai hội hơn 10 nơi, tuy là suốt ngày suốt đêm hành đạo tụng kinh, mà nhà nào cũng thấy có mặt Hoàng Thiên ở đó. Mọi người có phần kính trọng đặc biệt, cho là bậc đắc đạo. Vào một hôm trong năm thứ hai thời Tống Hiếu Kiến, tự nói kỳ hạn chết của mình. Nói với Đạo Sản rằng: Đêm mai tôi sẽ qua đời ở tại nhà ông. Đến ngày Đạo Sản tổ chức bát quan trai, thắp đèn suốt đêm, đầu đêm-giữa đêm Hoàng Thiên hãy con hoan hỷ còn hoan hỷ cùng mọi người hành đạo, tốt lành không có gì khác lạ. Sau canh 4, mới nói là mệt mỏi mà nằm, nhan sắc có phần thay đổi, lát sau thì qua đời. Cả vùng vì vậy tổ chức hai mươi mốt ngày trai dựng tháp. Tháp bây giờ hãy còn. Sau khi chết một thời gian dài, hiện hình

trong chùa Đa bảo, nói với Đạo nhân Đàm Tuần rằng: Ngày 23 tháng 2 năm sau, sẽ cùng với chư Thiên đến đón. Nói xong mà ra đi. Đàm Tuần ngay trong Thiền phòng ở Trường Sa thiết trai suốt 90 ngày, xả thân bố thí. Đến ngày ấy sức lực hao tổn, tự biết mình chắc chắn mạng chung, mời nhiều đạo-tục tổ chức pháp hội long trọng. Giữa canh ba kêu hỏi chúng Tăng, có nghe thấy điều gì không? Mọi người nói rằng: Không cảm thấy điều gì khác lạ. Đàm Tuần nói: Trong bầu trời có tiếng nhạc vang lừng, khói hương ngào ngạt rất kỳ lạ, phù hợp với Hoàng Thiên, hạn kỳ nay đến rồi. Chúng Tăng bắt đầu trở lại Thiền đường bước vào chỗ ngồi, mà Đàm Tuần đã đi xa.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

- Thời nhà Tống có một ngừơi, quên mất họ tên người ấy, cùng ngủ với vợ. Trời sáng người vợ thức dậy đi ra ngoài, sau đó người chồng liền đi nơi khác, mà người vợ trở về thấy chồng mình hãy còn ngủ ở trong chăn. Lát sau người tôi tớ từ bên ngoài trở về, nói là ông nhà tìm cái gương soi. Người vợ cho rằng tôi tớ nói dối, bèn chỉ trên giường để nói rõ cho tôi tớ. Người tôi tớ nói:" Vừa nghe ông nhà nói mà chạy đến đây. Thế là chạy nhanh đến trình bày với chồng mình. Người chồng rất kinh ngạc liền đi vào. Vợ chồng cùng nhìn thấy người nằm trong chăn, gối cao đang ngủ yên, chính là hình dáng ấy, không hề sai khác một chút nào. Nghĩ là hồn phách thần thức của chồng, không dám làm kinh động, bèn cùng nhau dùng tay từ từ vỗ nhẹ vào giường, thuận theo từ từ đưa vào chiếu, dần dần tiêu mất. Vợ chồng than thở sợ hãi như vậy, không bao lâu người chồng mắc bệnh, tính tình trở nên khác lạ, thế là cuối cùng mà chết.

(Chuyện trên đây trích trong Tục Sưu Thần Ký.)

- Thời nhà Tống có những người học trò đi học xa nhà, cha mẹ họ đốt lửa làm việc ban đêm. Người con đến phía trước than thở rằng: Nay con chỉ là hồn phách thôi, chứ không còn là người sống nữa. Cha mẹ hỏi lý do điều ấy. người con nói: Thańg này mới mắtc bệnh, chết vào giờ đó trong ngày hôm nay, bây giờ ở trong nhà Lang Nha Nhậm Tử Thành, ngày mai sẽ khâm liệm, cho nên đến báp cho cha mẹ và đón cha mẹ đến. Cha mẹ nói: Chánh nơi này cả ngàn dặm, cho dù mong đến nhưng làm sao đến kịp với con! Người con nói: Bên ngoài có cỗ xe, đi thì tự nhiên có thể đến thôi. Cha mẹ thuận theo trèo lên xe, bỗng hiên giống như trong khoảng giấc ngủ, lúc gà gáy đã đến chỗ đó, nhìn thấy người đánh xe ấy chỉ là hồn đánh xe-ngựa bằng gỗ. Thế là người chủ dẫn đến trước chỗ người con, cha mẹ đau xót vô cùng, hỏi về bệnh tình của con

thì tin tức giống như lời đã nói.

(Chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.)

15. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Huyền Cảnh ở vùng Nghiệp Hạ-Thương Châu, người họ Thạch vùng Thương Châu, hiểu rõ mọi lẽ huyền vi, giảng giải thông thạo Đại thừa. Sau bởi vì bệnh tật mà nằm ba ngày, nói cho người thị giả biết rằng: Huyền Cảnh mong muốn bái kiến Đức Phật Di Lặc, tại sao lại làm Thiên chủ cõi trời Da Ma? Lại nói: Khách bạn rất nhiều, trách nhiệm cần phải tiếp đãi chu đáo. Có người hỏi nguyên cớ điều ấy, đáp rằng: Thức tưởng của hàng phàm phu làm sao có thể kiểm tra so sánh được, sắp có Thiên chúng muốn đến mời mọc đón tiếp mà thôi. Sau đó mùi hương kỳ lạ ngào ngạt khắp nhà, mọi người đều ngửi thấy. Lại nói: Ta sắp đi rồi, sẽ nguyện đời đời kiếp kiếp làm thiện tri thức với nhau. Thế là mạng chung ở nơi cư trú, vào tháng sáu năm thứ 2 niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy. Từ lúc còn sống thường lập nguyện rằng: Hài cốt chìm vào trong nước. Đến sau khi qua đời thuận theo ý nguyện trước đây, đưa thi hài an táng vào giữa lòng nước trong và sâu của sông Tử Mạnh. Ba ngày sau đến xem, nơi đã dìm thi hài, lại nổi lên thành gò cát, rất cao lớn mà dòng nước tách ra làm hai nhánh. Đạo-tục cho là điềm kỳ lạ xưa nay, lưu truyền dấu tích đến ngày nay.

(Chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện).

16. Thời nhà Đường có Bùi tắc Nam là người vùng Ly Hồ-Tào Châu, chết vào ngày 21 cuối niên hiệu Đường Trinh Quán, trải qua ba ngày mà sống lại. Tự mình nói rằng: Lúc mới chết bị một người dẫn đến chỗ nhà vua, nhà vua mặc áo trắng tươi sáng sạch sẽ vô cùng. Nhà vua sai người này dắt trâu cày đất. Người này kể lể: Anh em còn thơ dại không có người giúp đỡ hầu hạ cha mẹ. Nhà vua thương xót, bèn sai sứ giả dẫn đi về phía Nam, đến lớp cổng thứ ba, đi vào trông thấy vạc sôi và núi dao-cây kiếm, lại trông thấy mấy ngàn người đều bị chặt đầu bày la liệt trên mặt đất. Những chiếc đầu này đều nói rằng đói lắm. Ở thôn ấy có một bà cụ, tuổi gần 70, lúc ấy hãy còn chưa chết, thì thấy ở trước vạc sôi châm lửa. Nhìn thấy rồi trở về đến trước nhà vua, gặp người cùng thôn là Trương Thành, cũng chưa chết. Có một người tố cáo Trương Thành đã phá hủy nhà cửa của người đó. Nhà vua sai sứ giả kiểm tra sự việc. Sứ giả thưa rằng: Điều này là có thật. Trương Thành nói: Trương Thành cày đất không biết, cày nát phần mộ người ấy, chứ không phải cố ý như vậy. Nhà vua nói: Tuy ông không phải là cố ý, nhưng tâm hoàn toàn là không cẩn thận thôi. Liền sai người đánh gậy

vào lưng người ấy bảy lần. Lát sau nhà vua nói: Ông lại không có điều gì, tha cho ông sớm trở về. Nhà vua bèn sai người đưa đi, khiến theo phía Bắc ra ngoài vượt qua tường thành và leo lên tường thành nhìn thấy nhà của mình, thì nghe có tiếng khóc lóc, bèn nhảy xuống dưới tường thành, bỗng nhiên tỉnh mà ngồi dậy. Sau khi đã sống lại, nói sự việc đầy đủ cho mọi người trong thôn xóm biết. Người trong thôn ấp nhìn thấy trên lưng Trương Thành có dấu vết của bảy lần đánh gậy, dấu vết bầm đen. Hỏi đến ngôi mộ bị phá hủy ấy, thì đáp rằng không sai. Bà cụ sau đó mắc bệnh, không bao lâu mà chết.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

- Thời nhà Đường có Lang Nha Vương Chi Hoằng, trong niên hiệu Đường Trinh Quán làm huyện lệnh Hòa Xuyên-Tẩm Châu, có con gái lấy chồng là Thôi Quỹ ở Bác lăng. Thôi Quỹ ở Hòa Xuyên gặp bệnh mà chết. Chết trải qua mấy chục ngày, nhà ấy bỗng nhiên ở trong đêm khuya nghe tiếng nói của Thôi Quỹ. Lúc đầu cả nhà đều kinh sợ, sau đó mới cho là bình thường, nghe nói rằng: Thôi Quỹ là con rể, tuy không thích hợp để lập bàn thờ ở nhà vợ, nhưng bởi vì khốn khổ không có nơi nào nương nhờ, cho nên nhờ cậy sắp xếp giùm ở đây. Người vợ thuận theo lời đề nghị của chồng, sớm tối đặt cơm mà không đồng ý đặt thịt, chỉ khiến đặt cơm chay cho mình, luôn luôn khuyên lạy Phật không tùy ý lười nhác. Lại nói đầy đủ sự việc trong địa ngục rằng: Cuộc đời con người luôn luôn không tránh khỏi tội lỗi sát sanh và bất hiếu, tự nhiên những tội lỗi khác đại khái là cũng nhỏ mà thôi. Lại nói: Thôi Quỹ tuy là vô tội, nhưng rất mong làm phước trợ giúp cho Tôi Quỹ đôi lần thiết trai cúng dường, và biên chép các kinh Pháp Hoa-Kim Cang bát Nhã-Quán Âm, mỗi kinh vài ba bộ, cùng với công đức trước kia nếu như được thành tựu, thì từ nay về sau sẽ không trở lại nữa. Vương gia cùng y theo lời ấy mà biên chép các kinh và thiết trai cúng dường, Thôi Quỹ bỗng nhiên lại đến hổ thẹn mà cảm ơn, nhân đó nói rằng: Nay chính là lúc đến từ biệt lần cuối cùng. Cả nhà khóc mà tiễn đưa. Thôi Quỹ có để lại con trong bụng, đến lúc 4-5 tuổi nói rằng: Đứa con này của Thôi Quỹ chắc chắn có mạng làm quan, mong cố gắng nuôi dạy nên người! Từ đó về sau không còn trở lại nữa.

(Chuyện trên đây được Vương Chi Hoằng tự mình kể lại).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 98

Thiên thứ 98: PHÁP DIỆT

Thiên này có chín phần: Thuận ý, Ngũ trược, Thời tiết, Độ nữ, Phật bát, Ngoa thế, Phá giới, Tranh tụng, Tổn pháp.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Trộm nghĩ rằng: Chánh pháp-Tượng pháp chuyển dời, giáo nghĩa vào thời cuối cùng, lòng người phát sinh tà-chánh, pháp có sai lạc-suy tàn. Hoặc dựa vào chân thật để làm thành giả tạo, hoặc trau chuốt trống rỗng để làm rối chân Phật, giả mạo lời văn ý nghĩa nông cạn hỗn tạp, ngọc đá đỏ tím không hình thức nào tránh khỏi. Lại bởi vì thế cuộc dần khắc nghiệp, lòng dạ con người ngày càng thay đổi, vọng tưởng luôn luôn ở trong tâm niệm, dốc sức chạy theo nghiệp báo tai họa, phiền não ba độc không ngừng tăng lên, càng thêm ngông cuồng chuốc lấy bốn ác. Vì lẽ đó suốt đêm dài vô minh, tâm không hề suy nghĩ đến ngày mai, vui mừng ham thích đắm trong sáu trần, không hiểu rằng năm ngọn dao theo sau. Danh lợi đã tiếp cận, nhân ngã càng lớn thêm, khiến cho kẻ hung ác nguy hiểm, tùy tiện dấy lên điều bất chính, còn những hạng thuần thành chính trực, luôn luôn bị gièm pha làm hại. Vì lẽ đó, giáo pháp lưu truyền xứ sở Chấn Đán hơn sáu trăm năm, ba lần gặp phải ác vương tàn bạo phá họa điêu linh, tai họa không quay gót mà nhìn về tương lai tốt đẹp, tai họa đã biểu hiện ra chỉ pha trò với thiên hạ. Than ôi! Nghiệp báo đời sau thật đáng đau lòng lắm thay! Bởi lẽ thiếu học mà bị ràng buộc, cho nên cố chấp không thèm nghe ai. Giáo pháp vì vậy ẩn kín, tai họa tập trung quanh mình. Nếu như ban đầu mở bức tranh 8 Tạng, tổng hợp văn nghĩa trở thành sáng tỏ, tìm đầu mối 9 Thức, thông hiểu tình trí cởi bỏ mê lầm, thì năm màng che có hạn kỳ trừ hết tối tăm, ba vầng sáng có một ngày càng rực rỡ thêm.

***Phần thứ hai:* NGŨ TRƯỢC**

Như luận Địa trì nói: "Vốn gọi là năm trược, đó là: 1- Mạng trược; 2- Chúng sanh trược; 3- Phiền não trược; 4- Kiến trược; 5- Kiếp trược.

Nghĩa là đời này đoản thọ, người cao nhất thọ được một trăm năm, đây gọi là Mạng trược.

Nếu các chúng sanh không biết đến cha mẹ, không biết đến Sa môn-Bà la môn, và người bề trên trong họ hàng, không tu dưỡng nhân nghĩa và đạo lý, không làm những điều đáng làm, không sợ quả báo ác nghiệp của đời nay-đời sau, không tu bố thí ban ơn, không làm việc công đức, không tu trai pháp, không trì cấm giới, thì gọi là chúng sanh trược.

Nếu những chúng sanh này tăng thêm điều phi pháp, ham thích dao kiếm, bố thí đồ dùng chiến tranh, bố thí tranh chấp quyền lợi, đấu đá làm loạn, nịnh hót quanh co, lừa dối không thật, nói năng xằng bậy, tiếp nhận đủ tà pháp, và phát sinh những pháp bất thiện xấu xa khác, thì gọi là phiền não trược.

Nếu ở đời này lúc pháp hoại diệt-pháp suy tàn, Tượng pháp dần dần thay đổi, tà pháp trở lại sinh sôi, thì gọi là Kiến trược.

Nếu vận kiếp đói kém xảy ra, vận kiếp dịch bệnh phát sinh, vận kiếp chiếc tranh nổi lên, thì gọi là Kiếp trược."

Còn trong luận Câu Xá nói: "Như thế nào là năm trược? Đó là: 1- Mạng trược; 2- Kiếp trược; 3- Hoặc trược; 4- Kiến trược; 5- Chúng sanh trược. Kiếp sau trong tương lai thì năm trược như Mạng..., thô kệch nhất-thấp kém nhất đã trở thành cặn ứ đọng lại, cho nên gọi là Trược. Từ hai trược đầu theo thứ tự giảm bớt thọ mạng và giảm bớt những điều vui vẻ. Lại do hai Trược giảm bớt thiện nghiệp giúp đỡ. Tại vì sao? Bởi vì hai Trược này, có những chúng sanh nhiều thói quen ham muốn thực hành vui thích cảnh trần và tự mình khổ hạnh, có thể làm tổn hại thiện nghiệp giúp đỡ của tại gia và xuất gia. Do một trược sau mà làm giảm bớt thân lượng và sắc lực vô bệnh của mình, trí niệm-chánh cần không lay động, cho nên đức này bị hủy hoại."

Còn trong kinh Trì Nhân Bồ Tát nói: "Như Lai nay xuất hiện ở đời năm trược. Sao gọi là năm trược? Đó là: 1- Con người nhiều tệ hại xấu xa không biết đến nhân nghĩa đạo lý; 2- Sáu mươi hai loại tà kiến nghi ngờ tăng lên mạnh mẽ mà không tiếp nhận đạo giáo; 3- Con người nhiều ái dục trần lao, phát sinh mạnh mẽ không biết nên dùng hay bỏ; 4- Thọ mạng con người ngắn ngủi, thời đại xa xưa tuổi thọ là tám vạn bốn ngàn năm, bởi vì giảm đi rất nhiều cho nên bây giờ thọ mạng còn

lại trăm năm, có lúc dài hơn-có lúc ngắn lại; 5- Tiểu kiếp chuyển sang thời kỳ cuối cùng thì 3 tai họa sẽ phát khởi, tất cả đều bị hủy hoại. Nếu có người nào ở trong đời ác năm trược này mà có thể tin tưởng ưa thích trí tuệ chân chánh của Phật, thì đây là điều rất khó có."

Còn dựa theo Thuận Chánh Lý nói: "Năm trược này chỉ là theo thứ tự biểu hiện năm tướng suy giảm, vào lúc cuối cùng tăng lên mạnh mẽ. Những gì gọi là năm loại tướng suy giảm? Đó là: 1- Thọ mạng suy giảm, bởi vì đến lúc ngắn ngủi nhất; 2- Vật dụng cung cấp suy giảm, bởi vì thiếu đi ánh sáng; 3- Chủng loại tốt lành suy giảm, bởi vì thích làm điều ác; 4- Sự vắng lặng yên tĩnh suy giảm, bởi vì chuyển sang chống chọi lẫn nhau trở thành tranh cãi ồn ào; 5- Tự thể suy giảm, bởi vì trái với công đức phẩm hạnh xuất thế gian, vì muốn theo thứ tự biểu hiện năm loại suy giảm khác nhau này, cho nên phân ra làm năm trược."

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: "Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi: Chư Phật Như Lai có 1hai loại công đức vi diệu thù thắng, giống như Đề hồ ở trong các vị là thù thắng tối thượng, thanh tịnh bậc nhất, có năng lực làm trong sạch tất cả quốc độ của chư Phật, Như Lai từ trong đó thành tựu quả A nậu Bồ đề. Những gì là 1hai loại? Đó là" 1- Thị hiện kiếp trược; 2- Thị hiện thời trược; 3- Thị hiện chúng sanh trược; 4- Thị hiện phiền não trược; 5- Thị hiện mạng trược; 6- Thị hiện Tam Thừa sai biệt trược; 7- Thị hiện quốc độ Phật bất tịnh trược; 8- Thị hiện chúng sanh khó giáo hóa trược; 9- Thị hiện thuyết giảng các loại phiền não trược; 10- Thị hiện ngoại đạo rối loạn trược; 11- Thị hiện ma quân trược; 12- Thị hiện ma nghiệp trược. Này người thiện nam! Tất cả quốc độ của chư Phật, đều là công đức xuất thế trang nghiêm thanh tịnh đầy đủ. Không có các trược lỗi lầm như vậy, đều là năng lực phương tiện của chư Phật, làm lợi ích cho chúng sanh, các ông nên biết!"

Còn trong Kinh Đại Ngũ Trược nói: "Sau khi Đức Phật nhập Niết bàn sẽ phát sinh năm đều rối loạn, đó là: 1- Đến lúc ấy Tỳ kheo thuận theo hàng bạch y mà học giáo pháp, là điều rối loạn thứ nhất của thế gian. 2- Hàng bạch y ngồi trên cao mà Tỳ kheo ở dưới thấp, là điều rối loạn thứ hai của thế gian. 3- Tỳ kheo nói pháp không được tiếp nhận, hàng bạch y nói pháp cho là cao nhất, là điều rối loạn thứ ba của thế gian. 4- Tỳ kheo tự sống trong nhà ma hiện tại, đối với pháp thế gian cho là Đạo đế chân thật, kinh điển đích thực của Phật pháp thì tự cho là không rõ ràng, lừa dối giả tạo làm cho tin tưởng, là điều rối loạn thứ tư của thế gian. 5- Vào thời kỳ đó Tỳ kheo nuôi dưỡng vợ con – tơi tớ lo chuyện làm ăn sinh sống, chỉ cùng nhau tranh chấp đấu đá chứ không

làm theo lời Phật dạy, là điều rối loạn thứ năm của thế gian.”

Thời nay nhiều lần đã thấy hàng bạch y không có hiểu biết, gặp chuyện không liên quan đến mình, cũng làm ra vẻ biết cách thức, nhà cửa không rời ra nhưng làm hạng khuôn mẫu, người dung tục ngu si lấy làm phương hướng thật sự, uổng phí công phu cuối cùng chịu khó chẳng có ích gì, đời kiếp vị lai hãy còn không tránh khỏi địa ngục. Vì vậy luận Trí Độ nói: “Có người mù ấy, tự mình không trông thấy đường mà nói bừa là trông thấy đường, dẫn năm trăm người mù khác, tất cả đều rơi xuống hố phân, tự mình ở mãi nơi đó chứ làm sao có thể cứu khỏi chết chìm?”

***Phần thứ ba:* THỜI TIẾT** (thời kỳ).

Như kinh A-nan Thất Mộng nói: “A-nan có bảy giấc mộng bèn đến thưa hỏi với Đức Phật: 1- Mộng thấy ao hồ có ngọn lửa cuồn cuộn ngút trời; 2- Mộng thấy mặt trăng-mặt trời chìm xuống mà tinh tú cũng chìm luôn; 3- Mộng thấy Tỳ kheo xuất gia chuyển sang ở trong hố hầm bất tịnh, bạch y tại gia đạp trên đầu mà thoát ra; 4- Mộng thấy bầy heo đến húc ủi phá hoại rừng Chiên đàn; 5- Mộng thấy đầu đội núi Tu Di mà không lấy làm nặng; 6- Mộng thấy voi lớn rời bỏ voi nhỏ; 7- Mộng thấy Sư tử chúa tên gọi Hoa tát, trên đầu có bảy sợi lông dài nhỏ nằm trên đất mà chết, tất cả sau đó ăn thịt Sư tử. Đem những giấc mộng đáng sợ này đến thưa hỏi với Đức Phật. Đức Phật bảo với A-nan: Ông đã mộng thấy những điều ấy, đều là những biến đổi sau này của đời ác đầy rẫy năm trược, không tổn hại gì đến ông, vì sao phải buồn lo? Thứ nhất mộng thấy ao hồ có ngọn lửa cuồn cuộc ngút trời, là Tỳ kheo đời sau này thiện tâm trở nên ít ỏi mà ác nghịch hừng hực phát sinh, cùng sát hại lẫn nhau không thể nào lường hết. Thứ hai mộng thấy mặt trăng-mặt trời chìm xuống mà tinh tú cũng chìm luôn, là sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, thì tất cả Thanh văn thuận theo Đức Phật mà nhập Niết bàn chứ không ở tại thế gian, ánh mắt chúng sanh mất đi. Thứ ba mộng thấy Tỳ kheo xuất gia chuyển sang ở trong hố hầm bất tịnh còn bạch y tại gia đạp trên đầu mà thoát ra, là Tỳ kheo đời sau này phá hoại hiểm ác-ganh tỵ chèn ép đến mức sát hại lẫn nhau; Đạo sĩ chặt đầu lẫn lộn bạch y, chết đi vào địa ngục; bạch y tinh tiến chết sanh lên trên cõi trời. Thứ tư mộng thấy bầy heo đến húc ủi phá hoại rừng Chiên đàn, là ở đời sau hàng bạch y đi vào chùa tháp, phỉ báng chúng Tăng tìm điều tốt xấu của họ, phá hoại chùa tháp làm hại chúng Tăng. Thứ năm mộng thấy đầu đội núi Tu Di mà không lấy làm nặng, là sau khi Đức Phật nhập

Niết bàn, A-nan sẽ làm bậc thầy của một ngàn A La Hán kết tập lại kinh pháp, không quên một câu, người được giác ngộ cũng nhiều, mà không lấy làm quan trọng. Thứ sáu mộng thấy voi lớn rời bỏ voi nhà, là trong tương lai tà kiến hừng hực phát sinh phá hoại Phật pháp của ta, người có đức hạnh đều ẩn kín chứ không xuất hiện. Thứ bảy mộng thấy Sư tử chúa chết, là sau khi Đức Phật nhập Niết bàn 1470 năm, các đệ tử trong bốn bộ chúng tu dưỡng tâm đức, tất cả ác ma không thể nào làm nhiễu loạn được; 7- Sợi lông dài nhỏ... ầy đều là sự việc xảy ra sao 700 năm tiếp theo."

Còn trong kinh Ma Gia nói: "Ma Gia hỏi A-nan rằng: Ông ở xưa kia đến nay nghe Thế Tôn thuyết giảng, Chánh pháp của Như Lai lúc nào sẽ hủy diệt? A-nan rơi nước mắt mà đáp rằng: Con ở xưa kia đã từng nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng về sự việc đến thời kỳ giáo pháp sẽ bị hủy diệt trong tương lai, rằng sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Ma Ha Ca Diếp bảo A-nan kết tập lại pháp tạng, sự việc hoàn tất rồi, Ma Ha Ca Diếp vào trong núi Lang Tích nhập Diệt tận định, con cũng sẽ được chứng quả, lần lượt theo sau nhập Bát Niết bàn, lúc ấy đem Chánh pháp giao cho Ưu Ba Cúc Đa, Ưu Ba Cúc Đa có sở trường thuyết giảng về pháp yếu tựa như Phú Lâu Na, thuyết giảng rộng ra hóa độ mọi người, lại tiếp tục khuyến hóa vua A Thâu Ca, khiến cho chánh tín kiên cố đối với Phật pháp, đem xá lợi mở rộng ra và dựng lên tám vạn bốn ngàn tòa tháp ở mọi nơi. Tiếp tục trải qua hai trăm năm sau, có Tỳ kheo Thi LA-nan Đà, giỏi về thuyết giảng pháp yếu, ở cõi Diêm Phù Đề hóa độ 12 ức người; ba trăm năm sau có Tỳ kheo Thanh Liên Hoa Nhãn, khéo léo thuyết giảng về pháp yếu hóa độ được nửa ức người; bốn trăm năm sau, có Tỳ kheo Ngưu Khẩu, khéo léo thuyết giảng về pháp yếu hóa độ được hai vạn người; năm trăm năm sau có Tỳ kheo Bảo Thiên, khéo léo thuyết giảng về pháp yếu hóa độ được hai vạn người, tám bộ chúng sanh phát tâm A nậu Bồ đề, Chánh pháp vào lúc này thì đến thời kỳ hủy diệt. Sáu trăm năm sau chín mươi sáu loại ngoại đạo cùng đủ loại tà kiến tranh nhau dấy lên phá hoại Phật pháp, có một Tỳ kheo tên gọi mã Minh, khéo léo thuyết giảng về pháp yếu, làm cho tất cả các loại ngoại đạo phải hàng phục. Bảy ngàn năm sau có một Tỳ kheo tên gọi Long Thọ, khéo léo thuyết giảng về pháp yếu, hủy diệt cột cờ tà kiến, thắp lên ngọn đèn chánh pháp. Tám trăm năm sau, các hàng Tỳ kheo, ưa thích áo quần tốt đẹp, mặc ý chơi đùa phóng túng, trong trăm ngàn vạn người có một vài người đạt được đạo qua. Chín mươi chín năm sau, tôi tớ nam làm Tỳ kheo, tôi tớ nữ làm Tỳ kheo Ni. Một ngàn năm sau,

các hàng Tỳ kheo nghe đến quán bất tịnh-quán sổ tức, giận dữ không muốn thực hành, vô lượng Tỳ kheo hầu như không có một vài người tư duy về Chánh thọ (thiền định). Một ngàn một trăm năm sau, các hàng Tỳ kheo, môi giới cưới gả-làm nghề mai mối như người thế tục, ở trong Đại chúng hủy báng Tỳ Ni. Một ngàn hai trăm năm sau, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni này, làm điều trái với phạm hạnh, nếu có con cái thì con trai làm Tỳ kheo, con gái làm Tỳ kheo Ni. Một ngàn ba trăm năm sau, ca sa đối thành màu trắng chứ không chịu nhuộm màu. Một ngàn bốn trăm năm sau, lúc ấy bốn chúng giống như thợ săn, ưa thích sát sanh, ham buôn bán đồ vật của Tam bảo. 1năm trăm năm sau, ở nước Câu Thiểm Di có Tỳ kheo Tam Tạng, sở trường thuyết giảng về pháp yếu, thuận theo vào ngày mười lăm Bố tát xong, lúc ấy Tỳ kheo La Hán bước lên tòa cao thuyết về giới thanh tịnh, nói rõ điều này nên làm, điều này không nên làm.. Đệ tử của Tỳ kheo Tam Tạng kia trả lời La Hán rằng: Nay thân và miệng của ông không thanh tịnh, tại sao lại có thể nói lời lỗ mãng như vậy? La Hán đáp rằng: Thân-khẩu-ý nghiệp của tôi thanh tịnh đã lâu, không có những sai lầm tai họa. Đệ tử của Tam Tạng nghe lời nói này rồi, càng thêm oán hận phẫn nộ, liền tiến lên tòa cao giết chết La Hán kia. Lúc ấy đệ tử của La Hán bèn cất tiếng nói rằng: Thầy tôi đã nói phù hợp với nghĩa lý giáo pháp, tại sao các ông giết hại Hòa Thượng của tôi? Lập tức dùng dao sắc giết chết Tam Tạng kia, tám bộ trời-rồng không có ai không buồn phiền đau xót, ác ma Ba Tuần và các ngoại đạo, vui mừng nhảy múa phấn khởi, tranh nhau đập phá chùa tháp, giết hại Tỳ kheo. Tất cả kinh tạng thảy đều di chuyển đến xứ sở Cưu Thi Na Kiệt, Long vương A nậu Đạt mang tất cả vào biển, thế là Phật pháp bị hủy diệt không còn nữa.

Lúc ấy Ma Ha Ma Gia nghe lời nói này xong, gào khóc xót xa đau đớn, liền hướng về A-nan mà nói kệ rằng:

Tất cả đều trở về hủy diệt,
Không có điều gì thường yên ổn,
Núi Tu Di và biển bao la,
Kiếp hết cũng tiêu tan-khô cạn.
Những hạng cường hào ở thế gian,
Đến lúc phải trở về suy sụp,
Con ta ở thời gian xưa kia,
Cần cù tích tập mọi công hạnh,
Cho nên được thành tựu Chánh giác,
Thuyết giảng pháp tạng cho chúng sanh,

Tại sao đến thời kỳ như thế,
Tất cả đều hủy diệt không còn!?"

***Phần thứ tư:* ĐỘ NỮ** (độ cho phái nữ).

Như luật Thiện Kiến nói: "Bởi vì độ cho người nữ xuất gia, mà Chánh pháp chỉ tồn tại được năm trăm năm. Bởi vì Đức Thế Tôn chế định Tỳ kheo Ni thực hành Bát Kính Pháp, cho nê Chánh pháp còn được một ngàn năm. Hỏi: một ngàn năm sau thì Chánh pháp bị hủy diệt hết chăng? Đáp: Không phải là hủy diệt hết, ở trong một ngàn năm thành tựu được trí Tam Đạt, lại trong một ngàn năm có thể không còn ái nhưng La Hán không có trí Tam Đạt, tiếp trong một ngàn năm đạt được A-na-hàm, tiếp trong một ngàn năm đạt được Tư dà hàm, tiếp trong một ngàn năm đạt được Tu đà hoàn. Cuối cùng phải đến một vạn năm (10.000), năm ngàn năm đầu học rồi đắc đạo, năm ngàn năm sau học mà không đắc đạo. Đến một vạn năm sau thì tất cả kinh sách văn tự đều diệt hết, chỉ còn thấy hình tướng cạo đầu khoác pháp phục ca sa mà thôi."

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: Tôn giả Ca Diếp quở trách A-nan đã cầu xin cho người nữ được xuất gia, vấn đề ấy có mười điều trách móc A-nan: 1- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường ngày thuận theo, tất cả đều lấy đồ dùng chứa sẵn thức ăn, ở bên đường quỳ đón trao cho Sa môn; 2- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo mang các loại áo quần-đồ nằm, đón ở giữa đường mong Sa môn tiếp nhận sử dụng; 3- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo cưỡi voi-ngựa-xe cộ đứng ở bên đường, đem năm vóc rạp sát đất mong Sa môn bước lên mà đi qua; 4- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo ở giữa đường đi, đem đầu tóc trải trên mặt đất mong Sa môn bước lên mà đi qua; 5- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo tâm cung kính cầu thỉnh các Sa môn đến nhà để cúng dường; 6- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớn đàn việt trông thấy các Sa môn, thường thuận theo tâm cung kính quét dọn sạch sẽ nơi ấy, cởi áo đang mặc trên thân trải bày trên đất để Sa môn ngồi; 7- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo cởi áo trên thân, phải bụi trên chân của Tỳ kheo; 8- Nếu người nữ không xuất gia, thì các tầng lớp đàn việt thường thuận theo xỏa tóc để phủi bụi trên chân của Tỳ kheo; 9- Nếu người nữ không xuất gia, thì uy đức của Sa môn còn hơn mặt trăng-mặt trời,

huống là các ngoại đạo lẽ nào có thể nhìn thẳng vào mặt Sa môn ư; 10- Nếu người nữ không xuất gia, thì chánh pháp của Đức Phật sẽ tồn tại một ngàn năm, nay giảm bớt năm trăm năm, trong một trăm năm được giải thoát kiên cố, trong một trăm năm được Định kiên cố, trong một trăm năm được trì giới kiên cố, trong một trăm năm được đa văn kiên cố, trong một trăm năm được bố thí kiên cố.

Trong một trăm năm lúc ban đầu,
Có giáo pháp giải thoát kiên cố,
An trú vào trong giáo pháp này,
Đều có thể hiểu nghĩa thông suốt.
Trong một trăm năm lần thứ hai,
Còn có pháp tu Định kiên cố,
Trong một trăm năm lần thứ ba,
Trì giới kiên cố cũng không phạm,
Trong một trăm năm lần thứ tư,
Có người có năng lực đa văn,
Trong một trăm năm lần thứ năm,
Còn có người luôn luôn bố thí.
Từ đây Chánh pháp của Như Lai,
Trong từng niệm dần dần hủy diệt,
Như vòng bánh xe xoay chuyển rồi,
Tùy theo lúc chuyển có điểm cuối.
Chánh pháp vì lẽ đó ẩn đi,
Cũng do sai lầm của A-nan,
Tha thiết thỉnh cầu Đức Điều Ngự,
Cho phép người nữ được xuất gia.
Chánh pháp thuận theo trú thế gian,
Đầy đủ thời hạn đến ngàn năm,
Năm trăm năm đã bị giảm bớt,
Còn lại đều giống như ban đầu.
Vì vậy cho nên năm trăm năm,
Năm trăm năm hưng thịnh ở đời,
Giải thoát-Định-trì giới kiên cố,
Đa văn-bố thí cũng như vậy.”

***Phần thứ năm:* PHẬT BÁT**

Như kinh Liên Hoa Diện nói: “Đức Phật bảo với A-nan: vào đời vị lai, ở đất nước Kế Tân, sẽ tổ chức Đại pháp hội, có năm Thiên tử như

Kim Tỳ La... Sau khi Ta diệt độ có đệ tử của ngoại đạo Phú Lan Na tên là Liên Hoa Diện, thông minh trí tuệ, thân như sắc vàng ròng. Người đại si mê này, đã từng cúng dường bốn vị A La Hán, lúc đang cúng dường dấy lên thệ nguyện như vậy: Ở đời vị lai tôi sẽ phá hoại Phật pháp. Nhờ vào sự cúng dường A La Hán lúc ấy, đời đời thọ được thân tướng đoan chánh, ở thân cuối cùng sanh vào nhà Quốc Vương, thân làm Quốc Vương, tên gọi Mị Chi Bạt la Câu La, mà hủy diệt giáo pháp của Ta. Người đại si mê này, phá tan bình bát của Ta, đã phá hủy bình bát rồi sanh vào trong Đại địa ngục A tỳ. Người đại si mê này sau khi mạng chung, có bảy Thiên tử, lần lượt xả thân sanh vào nước Kế Tân, lại tiếp tục kiến lập Chánh pháp của Như Lai, hiết lễ cúng dường rất long trọng. Này A-nan! Bởi vì bình bát bị phá vỡ, cho nên các đệ tử của ta, dần dần làm cho giới thanh tịnh bị nhiễm ô, thích làm hạnh bất thiện. Người trí tuệ thảy đều diệt độ, có những Quốc Vương không dựa vào Vương pháp, nhân dân trong nước của họ phần nhiều gây ra mười nghiệp bất thiện. Bởi vì ác nghiệp, cho nên ở cõi Diêm Phù Đề này có năm loại mất đi mùi vị vốn có, đó là: Bơ-dầu-muối-mật-sữa. Bởi vì bình bát của Phật đã bị phá vỡ, lúc ấy chuyển đến phương Bắc. Lúc bấy giờ các chúng sanh ở phương Bắc, gặp được bình bát vỡ của Phật mà thiết lễ cúng dường rất long trọng, có người phát tâm Tam Thừa, nhờ sức mạnh thiện căn của chúng sanh cảm ứng, bình bát vỡ này của Ta tự nhiên trở lại như ban đầu không khác. Sau đó không bao lâu bình bát của Ta liền chìm vào cõi Diêm Phù Đề, hiện ra trong cung của Long vương Sa Già. Lúc đang chìm xuống, ở cõi Diêm Phù Đề này bảy ngày bảy đêm đều vô cùng đen tối, ánh sáng chói lọi của mặt trời-mặt trăng đều không hiện ra nữa, mặt đất chấn động dữ dội, các chúng trời-người đều gào khóc vang dội, nước mắt tuôn ra như mưa. Lúc mới chìm xuống, giáo pháp – giới luật của Như Lai cũng ẩn hết không còn gì cả. Lúc bấy giờ Ma Vương thấy giáo pháp-giới luật diệt đi, tâm vô cùng hoan hỷ, vì vậy khuyên dạy chúng sanh làm nhiều nghiệp ác, thân đang sống rơi vào địa ngục A tỳ. Lúc bấy giờ Long Vương Sa Già La, gặp được bình bát mà cúng dường, cho đến bảy ngày, lễ lạy đi vòng quanh về phía tay phải, có người phát tâm Tam Thừa. Như vậy bình bát của Ta ở Long cung ẩn đi, xuất hiện ở cung điện của Tứ Thiên Vương, thiết lễ cúng dường rất long trọng cho đến bảy ngày, tất cả đều phát tâm tam Thừa. Qua bảy ngày sau, ở cung điện của Tứ Thiên Vương ẩn đi mà xuất hiện trong cung trời Tam Thập Tam, Phật mẫu ma Gia phu nhân, trông thấy bình bát của Phật rồi ưu sầu khổ não, như mũi tên găm vào tim, khó có thể chịu đựng nổi, quằn

quại dưới đất, giống như khúc gỗ tròn, phát ra lời nói như vậy: Như Lai Niết bàn, sao nhanh chóng như vậy? Tu Già Đà diệt độ, sao quá mau chóng? Ánh mắt thế gian mờ đi, cây Phật pháp nghiêng đổ, núi Tu Di của Phật pháp sụt xuống, ngọn đèn Phật pháp cũng tắt đi, dòng suối Chánh pháp khô cạn, mặt trời ma quỷ vô thường làm úa tàn hoa sen Phật pháp! Lúc bấy giờ Phu nhân dùng tay nâng bình bát nói cho Thiên chúng biết rằng: Đây là bình bát mà Thích Ca Như Lai của Ta thường ngày giữ gìn sử dụng, nay đã đến nơi này. Lúc bấy giờ Đế Thích thiết lễ cúng dường rất cung kính suốt bảy ngày đêm, tất cả đều phát tâm Tam Thừa. Qua bảy ngày rồi, ở cung trời Tam Thập Tam ẩn đi mà xuất hiện trong cung trời Diệm Ma. Lúc bấy giờ Thiên Vương cõi Diệm Ma trông thấy bình bát của Phật rồi, cúng dường các loại suốt bảy ngày bảy đêm, có người phát tâm Tam Thừa. Qua bảy ngày rồi, ở cõi trời Diệm Ma ẩn đi mà xuất hiện trong cõi trời Đâu Suất Đà. Lúc bấy giờ Thiên Vương cõi Đâu Suất Đà trông thấy bình bát của Phật rồi, cúng dường các loại suốt bảy ngày đêm. Qua bảy ngày rồi, ở cõi trời Đâu Suất Đà ẩn đi mà xuất hiện trong cõi trời Hóa Lạc. Lúc bấy giờ Thiên Vương cõi Hóa lạc trông thấy bình bát của Phật rồi, cúng dường các loại suốt bảy ngày bảy đêm, có người phát tâm Tam Thừa. Lúc bấy giờ Thiên Vương dùng tay nâng bình bát, mà nói kệ rằng:

Hy hữu thay Đấng Đại Đạo Sư,
Thương xót đối với mọi chúng sanh,
Bời vì lợi ích cho chúng sanh,
Chuyển bình bát xuất hiện nơi này.

(Các cõi trời trước đây đều nói kệ ca ngợi, vì văn nhiều cho nên không chép ra toàn bộ).

Đức Phật bảo với A-nan: Cõi Diêm Phù Đề này mười phương khác, vốn có bình bát của Phật và xá lợi của Phật, đều ở trong cung của Long Vương Sa Già La. Như vậy bình bát của Ta và xá lợi của Ta, ở đời vị lai từ nơi này ẩn đi, đi thẳng qua tám vạn do tuần dừng lại trong phạm vi Kim cang. Các thế hộ chúng sanh ở đời vị lai, lúc thọ mạng lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi (84.000), âm thanh của Di Lặc Như Lai giống như Đạo Phạm Thiên phát ra âm của Ca lăng Già. Lúc bấy giờ bình bát của Ta và xá lợi của Ta, từ trong phạm vi Kim cang vượt lên đến cõi Diêm Phù Đề ở giữa hư không trong trú xứ của Phật Di Lặc, phát ra ánh sáng năm màu, đó là sắc màu xen lẫn của xanh-vàng-đỏ-trắng và pha lê. Ánh sáng năm màu ấy lại chiếu đến tất cả các cõi thời còn lại. Đến cõi trời ấy rồi, từ trong ánh sáng năm màu, phát ra âm thanh

thuyết kệ:

Tất cả các hành là Vô thường,
Tất cả các pháp là Vô ngã,
Cho đến Niết bàn là Tịch diệt,
Ba pháp này chính là Pháp ấn.

Ánh sáng đó lại soi đến tất cả địa ngục, cũng thuyết kệ này. Ánh sáng được phát ra lại soi đến thế giới khắp mười phương, từ trong ánh sáng đó cũng thuyết kệ này. Đức Phật bảo với A-nan: Như vậy bình bát của Ta và xá lợi của Ta, đã phát ra ánh sáng, làm Phật sự khắp mười phương thế giới rồi, trở về đến nơi ban đầu, ở giữa hư không kết thành tán mây ánh sáng rộng lớn mà an trú. Lúc xá lợi và bình bát hiện bày thần thông này, có tám ngàn ức chúng sanh đạt được quả vị A La Hán, một ngàn ức chúng sanh thế phát xuất gia với tín tâm thanh tịnh, một vạn chúng sanh phát tâm A nậu Bồ đề đều bất thối chuyển.

Di Lặc đưa tay nâng bình bát và xá lợi của Phật, nói cho các hàng trời-người và tất cả đại chúng biết rằng: Các người nên biết, bình bát và xá lợi này, chính là bậc Đại Sĩ hùng mãnh-Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni, có năng lực khiến cho vô lượng trăm ngàn na do tha ức các các chúng sanh đều trú trong thành trì Niết bàn, qua trăm ngàn ức lần hoa Ưu Đàm nở rộ, bình bát và xá lợi xưa kia xuất hiện đến nơi này. Lúc bấy giờ Phật Di Lặc vì bình bát này của Ta và xá lợi của Ta, dựng lên tòa tháp bằng bốn thứ báu, đem xá lợi và bình bát an trí trong tòa tháp này, thiết lễ cúng dường long trọng-lễ lạy cung kính."

Dựa theo Đạo Tuyên Luật Sư Trú Trì Cảm Ứng nói: " Hỏi người cõi trời về nhân duyên trì bát. Người cõi trời đáp rằng: Như Lai thành đạo về sau đến năm thứ 38, ở trên giảng đường Trùng Các trong kinh xá Kỳ Hoàn. Đức Phật bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi: Ông đến nơi giới đàn đánh chuông, triệu tập trời rồng mười phương và Tỳ kheo cùng các chúng Bồ Tát, tất cả tạo trung tại Kỳ Hoàn! Văn Thù vâng theo lời dạy triệu tạo tất cả đến Kỳ Hoàn. Đức Thế Tôn dùng sức thần thông biến hóa tinh xá Kỳ Hoàn giống như cõi nước Diệu lạc, giữa chặng mày phát ra ánh sáng chiếu rọi khắp cả mười phương, mặt đất đều xuất hiện sáu loại chấn động, có trăm ức Đức Thích Ca cùng đến hội tụ, mười ức Diệu Quang Phật cũng tập trung đến Kỳ Hoàn. Đức Thế Tôn ngồi kiết già nhập Kim Cang tam muội, mặt đất lại chấn động dữ dội. Từ tam muội bắt đầu phát ra âm thanh to lớn, nói cho tất cả các đại chúng đến từ khắp nơi ba ngàn thế giới biết rằng: Ta bắt đầu vượt thành đến đất nước của Bình Sa Vương, đi vào núi tu đạo, Thiên ma mê hoặc Ta. Sơn

Thần bên đường đi chỉ rõ nơi tu đạo cho ta, liền nói với Ta rằng: Con đã từng ở xưa kia, vào lúc Phật Ca Diếp nhập Niết bàn, để lại một chiếc bát sành cổ dặn dò con giữ gìn, đợi đến lúc Như Lai hạ sanh khiến con giao cho Thế Tôn, Thế Tôn thành đạo thì trước hết hãy tiếp nhận chiếc bát này cho con, sau đó mới nhận bát của Tứ Thiên Vương. Ta nói với Sơn Thần: Nếu được thành Phật thì sẽ làm như lời ông nói. Sau đó ta vào dòng sông tắm gội, đến lúc nhận món cháo sữa của hai mục nữ, lúc bấy giờ Sơn Thần liền dâng bình bát cho ta. Lúc ấy Ta tiếp nhận sử dụng, lấy chứa món cháo sữa, mặt đất liền phát ra sáu loại chấn động. Ta giữ gìn chếc bát này đến nay trải qua 38 năm, chưa hề có sự tổn thất gì. Ta đi vào thành Vương Xá nhận sự thỉnh cầu của nhà vua nước ấy, Ta đã thọ thực xong, liền bảo La Hầu La mang bình bát của Ta, trở về nơi Long Trì kia rửa sạch bình bát, La hầu La rửa bình bát thì làm vỡ ra thành năm5 mảnh, Ta liền dùng chì thiếc gắn lại bình bát vỡ kia. Đây không phải là sai lầm của la Hầu La, mà muốn biểu hiện rõ ràng trong đời vị lai, các hạng Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni bất thiện tùy tiên phá hủy pháp khí. Vào năm trăm năm đầu thì phân chia tạng tỳ Ni của Ta làm thành năm Bộ, phân chia tạng Tu Đa la của Ta làm thành mười tám Bộ. Đến thời kỳ Chánh pháp diệt hết, phân chia ba tạng của Ta, tiếp tục làm thành năm trăm Bộ. Hạng Tỳ kheo không có trí tuệ ấy vốn không có tâm Từ, không phát thệ nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh, chỉ dấy lên tranh luận tăng thêm đỉnh cao của ngã mạn mà nhanh chóng hủy diệt Chánh pháp. Đến lúc đủ một ngàn năm thì Chánh pháp đều hủy diệt, các hạng Tỳ kheo bất thiện đầy khắp cõi Diêm Phù Đề và các thế giới khác, không giữ gìn giới cấm; các hạng Tỳ kheo Ni bất thiện giống như dâm nữ, không thực hành Bát Kính Pháp. Lúc ấy các hạng Tăng-Ni tệ hại như vậy mang Ứng Lượng Khí của ta đi lang thang khắp các quán rượu, hoặc vào nhà dâm nữ chứa đựng rượu thịt, đau đớn thay và xót xa thay! Giáo pháp lẽ nào bất diệt ư?

Lúc bấy giờ các Tỳ kheo đồng thanh thưa với Đức Phật rằng: Chúng con sáng hôm nay đi vào thành khất thực, trở về trú xứ của mình mới cùng nhau rửa sạch bình bát, mà cùng lúc đều bị vỡ, đều phân làm năm mảnh, đang muốn thưa hỏi Đức Phật, nhưng trước đây được nghe Đức Thế Tôn đã nói về đời vị lai, biểu hiện cho giáo pháp sẽ bị hủy diệt thì tâm sinh ra sợ hãi vô cùng!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Ta để lại Bồ Tát Tăng, tất cả có tám mươi ức người không chọn lấy Niết bàn, mà duy trì Thánh giáo trong đời ác sau này, đều dùng sức thần thông cảm hóa

hạng Tỳ kheo xấu xa làm cho kính trọng đối với bình bát của Phật.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nơi giới đàn, theo phía Bắc bước lên giới đàn, các Tỳ kheo dâng bình bát lên, Đức Thế Tôn tự mình nhận lấy, Ngài lại bảo với La Hầu La: Mang bình bát vỡ của ta đến đây! Đức Phật nhận lấy bình bát rồi, liền tung vào hư không, lên đến trời Hữu Đảnh. Như vậy theo thứ tự, chư Phật cùng danh hiệu Mâu Ni đều tung lên tiếp theo nhau, giống như xâu chuỗi ngọc lên đến đỉnh cao của cõi Sắc rồi, lần lượt quay trở lại, thẳng đến giới đàn. Trăm ức vị Phật đến từ các nơi cũng bảo cho thị giả lấy bình bát, cùng cúng dường Đức Phật Mâu Ni, cùng với nhau trú trì, khiến cho những hạng tăng Ni tệ hại ở đời vị lai phải sanh tâm tàm quý. Đức Thế Tôn tiếp nhận rồi vẫn tung lên cõi trên, lần lượt theo nhau trùng điệp lên cao rồi trở lại giới đàn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn hóa hiện bình bát sứ vỡ kia, hình dạng giống như trụ cao bằng vàng của chư Thiên, tỏa ra ánh sáng chói lòa soi chiếu quốc độ khắp mười phương.

Lại vào thời Đức Phật tại thế, Ngài bảo với Thiên Đế Thích rằng: Ông cúng dường cho Ta ngọc châu quý báu cùng với thợ giỏi cõi trời. Ngài lại bảo với Thiên ma: Ông cúng dường cho Ta bảy vật báu. Ngài lại bảo với Long Vương Sa Kiệt: Ông cúng dường cho Ta châu ngọc vật báu, ở trong hai mươi mốt ngày cùng tập trung nơi giới đàn làm ra tòa tháp bằng ngọc châu, dùng bảy vật báu để trang nghiêm, phía trên đỉnh đặt ngọc quý Ma Ni, nhờ sức thần thông của Đức Phật, cho nên ở trong hai mươi mốt ngày cùng một lúc đều thành tựu, tất cả hợp lại làm thành tòa tháp bảy báu với tám trăm ức hạt ngọc quý báu, để giữ gìn bình bát sứ của Như Lai. Lúc bấy giờ Ma Vương thưa với Đức Phật rằng: Con tự mình làm tòa tháp bằng gọc châu để giữ gìn bình bát của Đức Thế Tôn, con tuy là Thiên ma nhưng cung kính vâng theo lời dạy của Phật, cho nên ở đời vị lai không để hạng người xấu ác làm tổn hại đến Thánh giáo, cảm hóa hạng Tỳ kheo bất thiện khiến cho sinh tâm tàm quý! Đức Phật liền đồng ý. Ma Vương sử dụng toàn ngọc quý Ma Ni để làm thành một tòa tháp lớn, cao bốn mươi do tuần, dùng để giữ gìn bình bát của Phật. Lúc Đức Thế Tôn Niết bàn giao cho Ma Vương làm tòa tháp, khuyên nhủ dặn dò Đế Thích và Tứ Thiên Vương cùng với Đại ma Vương: Các ông tự mình giữ gìn, sau khi Ta nhập Niết bàn, Chánh pháp diệt hết rồi, đem tòa tháp chứa bình bát của Ta an trí tại phía Nam của giới đàn, tồn tại trong mười hai năm, Tứ Thiên Vương và các ông ngày đêm thường tự mình cúng dường, giữ gìn cẩn thận đừng khiến cho tổn thất; qua mười hai năm rồi, đem giao cho Long vương Sa Kiệt, an

trí vào nơi Đại Tạng Tỳ Ni trong cung Long Vương. Ngài lại bảo với Long Vương: Nêu tạo thêm mười sáu tòa tháp làm quyến thuộc của tòa tháp an trí bình bát, lại trải qua mười hai năm sau giao cho Đế Thích-Tứ Thiên Vương, chuyển đến trên đỉnh núi Tu Di, đặt tại phía Nam của hồ Kim Sa trong vườn Hoan Hỷ của Đế Thích. Đức Phật bảo với các Kiền Thát Bà Vương-tám bộ quỷ thần rằng: Các ông ở trong bốn mươi năm, tấu âm nhạc cõi trời để cúng dường tòa tháp quý báu, làm cho đệ tử trì giới trong đời ác kia, giữ gìn Ứng Khí như giữ gìn đôi mắt!

Đức Phật bảo với Đế Thích-tứ Thiên Vương... rằng: Các ông vào trong hang Kim Cang ở núi Tu Di, chọn lấy cát đá màu vàng nơi ấy làm ra nhiều bình bát bằng đá, đặt vào trong tòa tháp mới, hìmh dáng-mức lượng lớn nhỏ giống như bình bát vỡ của ta, đều làm thành hình có năm vết gắn lại, an trí trong tòa tháp ấy, các ông nên giữ gìn đừng làm cho tổn thất, sau đó trải qua một trăm năm, đến lúc A Dục Vương làm những tòa tháp xong, các ông mang tòa tháp của Ta đi khắp Đại thiên quốc độ đến mười ức nhà; hoặc ngang-dọc một vạn dặm nên an trí hai tòa tháp giữ gìn bình bát, ở trong quốc độ ấy tìm tất cả núi lớn có tiếng là trú xứ của Cổ Thánh, an trí tòa tháp vào nơi ấy. Ngài lại bảo với Thiên Vương phương Bắc: Ông đến núi Lăng Già chọn lấy các loại hương Ngưu đầu-Chiên đàn, mỗi ngày trong ba thời nên đến nơi tòa tháp ấy, đốt hương cúng dường đừng làm cho đoạn tuyệt, Ta bảo Tự Tại Thiên an trí các tòa tháp giữ gìn bình bát. Ngài lại bảo với Tứ Thiên Vương và Kiền Thát Bà Vương: Thường xuyên đốt hương trỗi nhạc để cúng dường, các ông và tất cả trời-người-rồng-thần đều không hiểu ý của ta, đây là vì những hạng Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni phi pháp ở đời vị lai, mà làm cho họ sửa đối ác hành phát sinh thiện pháp, cho nên khiến an trí như vậy.”

Phần thứ sáu: **NGOA THẾ** (sai lạc).

Như kinh Phú Pháp Tạng nói: “Tỳ kheo A-nan cảm hóa các chúng sanh đều khiến cho được độ thoát, cuối cùng đến trong một khu rừng Trúc, nghe có Tỳ kheo tụng kệ trong kinh Pháp Cú rằng:

Nếu như người sống đến trăm tuổi,
Không trông thấy dòng nước cạn khô,
Không bằng dù sống chỉ một ngày,
Mà có thể nhìn thấy việc này.

A-nan nghe rồi đau thương sầu thảm mà than thở: Ánh mắt thế gian mờ đi sao mà nhanh chóng quá, các ác hành-phiền não liền dấy

khởi thì biết làm thế nào, trái với Thánh giáo tự phát sinh vọng tưởng, đây không phảii là lời Phật dạy, không đáng để tu hành, nay thầy nên biết có hai hạng người bài báng Phật: 1- Tuy là đa văn mà sanh ra tà kiến; 2- Không hiểu nghĩa lý sâu xa mà giải thích xằng bậy điên đảo. Nảy sinh hai pháp này thì làm cho mình bị tổn hại, không thể nào làm cho người xa rời ba ác đạo, nay thầy lắng nghe tôi diễn bày bài kệ của Phật:

Nếu như người sống đến trăm tuổi,
Không hiểu rõ các pháp sanh diệt,
Không bằng dù sống chỉ một ngày,
Mà có thể hiểu rõ điều này.

Lúc bấy giờ Tỳ kheo liền đến nơi thầy mình nói lại lời của A-nan, vị thầy nói cho biết rằng: A-nan cổ hủ trí tuệ suy kém, nói nhiều điều sai lầm không đáng tin đâu, nay ông chỉ nên theo như trước mà tụng. Sau đó A-nan nghe Tỳ kheo kia ở cuối rừng Trúc còn tugn bài kệ trước đây, liền hỏi ý đó thế nào? Đáp rằng: Thưa Tôn giả! Thầy tôi nói với tôi rằng A-nan cổ hủ nói nhiều điều hư vọng, nay ông chỉ cần y theo trước mà tụng tập. A-nan tư duy: Người kia coi thường lời mình nói, hoặc tiếp nhận giáo pháp nào khác? Liền nhập Tam muội suy xét tìm kiếm người có đức hạnh tốt đẹp, nhưng không thấy có người nào có thể quay lại với ý đó, bèn dấy lên nói rằng: Lạ lùng thay, vô thường thật hết sức dữ dội, làm tan nát tất cả vô lượng Hiền Thánh như vậy, làm cho các thế gian thảy đều trống trải, thường ở rtong tối tăm sợ hãi, làm cho tà kiến hừng hực nuôi lớn bất thiện, phỉ báng Như Lai-đọan tuyệt Chánh giáo, mãi mãi chịu đắm chìm trong dòng sông sâu của sanh tử, mở toang cánh cửa toến vào nẻo ác, đóng chặt con đường đến cõi trời-người, trải qua vô lượng kiếp nhận chịu những điều khổ não, mình vào hôm nay nên nhập Niết bàn!”

Còn trong luận Tân Bà Sa: “Hỏi: Thời gian nào nên nói là Chánh pháp trú? Đáp: Nếu lúc người thực hành đúng pháp còn an trú. Hỏi: Thời gian nào nên nói là Chánh pháp diệt? Đáp: Nếu lúc người thực hành đúng pháp đã diệt đi. Hỏi: Vì sao lại làm ra luận này? Đáp: Bởi vì cần phải phân biệt rõ ràng nghĩa lý trong khế kinh. Như trong khế kinh nói: [Này Ca Diếp nên biết! Pháp Tỳ Nại Da mà Như Lai đã giác ngộ-đã thuyết ra, không phải là Địa giới-Thủy giới-Hỏa giới-Phong giới mà có thể hủy diệt được, nhưng có một loại Bổ đặc già la sẽ xuất hiện ở thế gian, ham muốn xấu xa-công hạnh tồi tệ làm cho ác pháp thành tựu, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi Tỳ Nại Da nói là Tỳ Nại Da,

đối với Tỳ Nại Da nói là phi Tỳ Nại Da. Loại đó có thể hủy diệt Chánh pháp mà Ta đã quy tập qua ba số kiếp làm cho không còn sót lại.

Khế kinh tuy nói như vậy nhưng mà không phân biệt, thời gian nào nên nói là Chánh pháp trú, thời gian nào nên nói là Chánh pháp diệt. Kinh ấy là nơi căn cứ chủ yếu của luận này, kinh ấy vốn không phân biệt, nay cần phải phân biệt, cho nên làm ra luận này. Trong này có hai loại Chánh pháp: 1-Chánh pháp thuộc về thế tục; 2- Chánh pháp thuộc về Thắng nghĩa. Chánh pháp thuộc về thế tục, gọi là danh-cú-văn thân, tức là Tố Đát Lãm-Tỳ Nại Da-A Tỳ Đạt Ma. Chánh pháp thuộc về Thắng nghĩa, gọi là Thánh đạo, tức là Căn-Lực vô lậu-Giác chi và Đạo chi. Người thực hành đúng pháp cũng có hai loại: 1- Duy trì giáo pháp; 2- Duy trì chứng pháp. Người duy trì giáo pháp, nghĩa là đọc tụng-giải thích-thuyết giảng về Tốt Đát Lãm... Người duy trì chứng pháp, nghĩa là có năng lực tu chứng Thánh Đạo vô lậu. Nếu người duy trì giáo pháp nối tiếp nhau không diệt đi, thì có thể cho Chánh pháp thuộc về thế tục được tòn tại lâu dài. Nếu người duy trì chứng pháp nối tiếp nhau không diệt đi, thì có thể làm cho Chánh pháp thuộc về Thắng nghĩa được tồn tại lâu dài. Nếu lúc họ diệt đi thì Chánh pháp sẽ diệt đi.

Vì vậy trong khế kinh nói: [Chánh pháp của Ta không nhờ vào các loại tường vách-cột chống.. mà tồn tại, chỉ dựa vào hữu tình thực hành đúng pháp nối tiếp nhau mà tồn tại.] Hỏi: tại sao Đức Thế Tôn không quyết định nói về phần hạn thời gian tồn tại của giáo pháp vậy? Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện Chánh pháp tùy theo người thực hành đúng pháp mà tồn tại lâu hay mau, nghĩa là người thực hành đúng pháp, nếu thực hành Chánh pháp thì luôn luôn giống như lúc Phật còn tại thế và lúc Như Lai diệt độ chưa lâu, như vậy là Chánh pháp của Phật thường trú ở thế gian chứ không có lúc nào diệt mất. Nếu không có người thực hành Chánh pháp như vậy, thì Chánh pháp của Phật sẽ nhanh chóng diệt mất. Nếu như độ cho người nữ xuất gia mà không dạy bảo thực hành tôn trọng, thì Chánh pháp của Phật sẽ giảm bớt năm trăm năm tồn tại. Vì vậy Đức Phật dạy bảo người nữ xuất gia phải thực hành tôn trọng, thì Chánh pháp tồn tại giữa thế gian vẫn đủ thời gian một ngàn năm.”

Còn trong kinh Ca Chiên Diên Thuyết Pháp Diệt Tận kệ nói:

“Lúc ấy Tôn giả Ca Chiên Diên,
Hiểu rõ tu đạo-giữ gìn luật,
Thấy những người ngu si hung bạo,
Dùng kệ mở thông đường giáo pháp.

Chánh pháp sắp xếp đến lúc ẩn đi,
Tuổi thọ con người chỉ trăm năm,
Ánh sáng chói lọi của Chánh pháp,
Ở thế gian không lâu sẽ tắt.
Chánh pháp đã diệt không còn nữa,
Chúng Tỳ kheo bị làm mê hoặc,
Sẽ rời bỏ tất cả kinh pháp,
Do bậc Thánh giác ngộ thuyết giảng.
Buông bỏ nghĩa lý của kinh pháp,
Lại tìm tòi lỗi lầm lẫn nhau,
Truyền bá điều mình đích thân nghe,
Chỉ một mình không có bạn bè.
Lấy phần giữa để đặt vào cuối,
Đem phần sau đặt vào phần giữa,
Không còn biết gì đến thứ tự,
Lời đã nói coi trọng vô cùng.
Chứng cứ thiết lập thật hoang đường,
Còn giảng giải không có đầu đuôi,
Nghe-nhận đều bộp chộp mơ màng,
Giảng luận không điều gì rõ ràng.
Tất cả đều cùng nhau tranh cãi,
Vì vậy nảy sinh tâm độc hại,
Tham lam được lợi ích cúng dường,
Thuận theo thế tục cùng chìm nổi.
Ưa thích nơi ồn ào náo loạn,
Không ngưỡng mộ cảnh giới lặng yên,
Xoay quanh lừa dối xâm phạm nhau,
Để tự nuôi sống vợ con mình.
Hoặc có lúc có những Tỳ kheo,
Là khách đi lại từ phương xa,
Chủ chùa trước hết tự yên thân,
Ăn không ngồi rồi mới xem xét.
Trông thấy Tỳ kheo phương xa đến,
Vẻ mặt không hài hòa vui vẻ,
Nhất định gạt khách lạ ra ngoài,
Trong tâm mới cảm thấy sảng khoái.
Thường nghĩ đến sân hận xấu xa,
Kiêu mạn cho mình là lớn lao,

Những mong cầu không hề chán đủ,
Tùy ý đắm theo mọi trần cảnh.
Việc ác nối tiếp nhau thực hành,
Không muốn tụng kinh-thọ trì pháp,
Suốt ngày đùa cợt cùng ca múa,
Chiều tối mê man ngủ không tỉnh.
Những hạng này cùng nhau tụ hội,
Nói không dính dáng đến lý kinh,
Chỉ nói đến quan quyền-giặc cướp,
Thói tục hủ lậu-chuyện làm ăn.
Giả sử có người nào học hành,
Được mọi người mến mộ cúng dường,
Người ao ước cầu được xuất gia,
Nói học hỏi Pháp-luật Tỳ kheo,
Mà thực hành không như giáo pháp,
Tự chạy theo lợi dưỡng nổi lên,
Tuổi tác của họ đã không lớn,
Tìm cách nuôi thật nhiều đệ tử,
Trong tâm tư tranh chấp rối loạn,
Không thể nào suy xét học hỏi,
Không luôn luôn cẩn thận giữ giới,
Chính mình rơi vào trong tà kiến.
Bừa bãi không có gì hổ thẹn,
Không có thể tu hành cẩn thận,
Cũng không hề vui với pháp hội,
Vội vàng đắm theo những lợi dưỡng.
Gặp lúc cùng nhau đấu đá rồi,
Sau đó liền kết thành thù oán,
Các ma và thuộc hạ quan quyền,
Vì vậy có cơ hội dùng người.
Các hàng trời rồng và quỷ thần,
Đến mong muốn được nghe kinh giáo,
Tất cả ngóng trông nghe giới pháp,,
Nhưng lại nghe tranh cãi lẫn nhau.
Chư Thiên-loài người ôm lòng hận,
Không thích hợp phẩm hạnh Tỳ kheo,
Đi lại nói năng cùng bàn luận,
Phật pháp sắp đến lúc diệt hết,

Chúng ta bỏ niềm vui cõi trời,
Cố ý đến mong được thọ pháp,
Nhưng không được nghe đến Chánh pháp,
Không bằng từ bỏ mà quay về,
Trong đó có quỷ thần tôn quý,
Tâm tư luôn vui với Phật pháp,
Không còn nghĩ đến các Tỳ kheo,
Không tiếp tục thực hành ủng hộ.
Thế là những quỷ thần tệ hại,
Hung bạo gây ra điều độc hại,
Hútlấy tinh khí của Tỳ kheo,
Khiến cho mạng sống không còn nữa.
Trộm cắp không còn gì hổ thẹn,
Lười nhác ôm ấp ý ác hiểm,
Những loại này ở đời tương lai,
Trái lại nên thấy điều cung kính.
Có Tỳ kheo nhân ái-tài đức,
Biết đầy đủ cốt cách liêm sỉ,
Vào lúc giáo pháp bị mất đi,
Mới tiếp tục không còn thấy nữa.
Ví như Sư tử chúa loài thú,
Chết ở trong rừng núi lặng yên,
Các loài sái lang và chồn cáo,
Không dám ăn thịt của Sư tử.
Mạng chết đi thân có sâu bọ,
Trở lại tự ăn thịt Sư tử,
Ngày đêm cùng tranh nhau rúc rửa,
Hủy diệt hình thể Sư tử chúa.
Chánh pháp tồn tại giữa thế gian,
Cuối cùng không tự nhiên hủy diệt,
Bởi vì nhân duyên của Tượng pháp,
Cho nên Chánh pháp bị diệt hết.
Ví như con thuyền giữa biển khơi,
Tham chở nặng cho nên chìm xuống,
Phật pháp thì cũng giống như vậy,
Vì lợi dưỡng cho nên diệt hết.
Các Tỳ kheo gặp phải tai họa,
Như con người mất cả mẹ cha,

Ngày nay cuối cùng đời mạt pháp,
Chánh pháp của Phật bị diệt hết.
Bắt đầu từ hôm nay trở đi,
Không còn ai thuyết giảng kinh điển,
Giáo pháp-luật nghi và giới cấm,
Nên thuận theo đâu để được nghe?
Chư Thiên-ma quỷ chốn núi rừng,
Thánh thần thiện –ác nơi đồng hoang,
Tâm đau xót buồn rầu phiền muộn,
Quằn quại không tự yên ổn được,
Vì ngọn đèn giáo pháp đã tắt,
Chánh pháp tu học đã hủy diệt,
Đời nay cuối cùng bị suy sụp,
Tiếng trống giáo pháp không còn vang.
Các ma tổ chức thật hoan hỷ,
Tụ hội cùng chúc mừng lẫn nhau,
Đưa tay cao mà xướng to rằng:
Nay là thời cuối cùng của Phật!
Biết rõ đời tương lai sau này,
Sẽ phát sinh những hoạn nạn này,
Nên tăng thêm thực hành tinh tiến,
Khuyên nhủ gắng sức cầu độ thoát!”

***Phần thứ bảy:* PHÁ GIỚI**

Như kinh Liên Hoa Diện nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Nay Ta sẽ nói về thời vị lai! Có những Tỳ kheo phá giới, thân mặc cà sa đi lang thang khắp làng mạc phố phường, qua lại thăm viếng thôn xóm ở lại trong nhà người quen, đó không phải là Tỳ kheo, lại không phải là bạch y, mà nuôi dưỡng phụ nữ thê thiếp rồi sinh con đẻ cái. Lại có Tỳ kheo, đến nhà dâm nữ, dfâm với Tỳ kheo Ni, cất giữ vàng bạc, tạo ra nghề nghiệp làm ăn sinh sống, để tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người làm sứ giả liên kết mọi nơi để tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người chuyên làm nghề chữa bệnh và thuốc thang để tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người chơi cờ đánh bạc để tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người đoán xăm bói quẻ cho người để tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người tụng chú xua đuổi quỷ thần cho người để lấy nhiều tiền bạc đồ vật mà tự nuôi sống thân mạng. Lại có hạng người chuyên làm nghề sát sanh để tự nuôi sống thân mạng. Lại có Tỳ kheo

một mình sử dụng lãng phí vật của Phật pháp Tăng để tự nuôi sống thân mạng. Lại có Tỳ kheo bên trong thật sự phạm giới mà bên ngoài làm ra vẻ hộ trì để nhận sự tín thí của người. Lại có Tỳ kheo tham tiếc giữ chất đồ vật của Tăng mà không cung cấp cho khách Tăng. Lại có Tỳ kheo tham tiếc phòng ốc giường ghế của Tăng mà không cung cấp cho khách Tăng. Lại có Tỳ kheo thật sự không phải La Hán mà mạo xưng là La Hán, muốn làm cho người ta biết để nhận nhiều sự cúng dường, chỉ vì nuôi sống thân mạng chứ không vì tu đạo. Lại có hạng người phát triển cái lợi buôn bán để tự nuôi sống hạng người chuyên làm nghề trộm cấp để tự nuôi sống. Lại có hạng người chăn nuôi các loại súc vật cho đến mua bán để tự nuôi sống. Lại có hạng người buôn bán nô tỳ tôi tớ để tự nuôi sống. Lại có hạng người làm nghề giết mổ heo dê để tự nuôi sống. Lại có hạng người nhận lời chiêu mộ xông vào trận mạc chính phạt chiến tranh giết nhiều chúng sanh để cầu công lao-giải thưởng. Lại có hạng người chuyên làm nghề cướp đoạt-đánh phá thành ấp và các làng mạc thôn xóm để tự nuôi sống thân mạng. Nhân duyên địa ngục vô lượng như vậy, sau khi từ bỏ thân mạng đều rơi vào địa ngục. Ví như thân thịt của Sư tử, thì tất cả chúng sanh không dám ăn thịt Sư tử, chỉ thân Sư tử tự sinh ra các loài sâu bọ trở lại tự ăn thịt của Sư tử.

Đức Phật bảo với A-nan: Phật pháp của Ta không có pháp nào khác có thể hủy hoại được, mà chính là các hạng Tỳ kheo tệ hại trong giáo pháp của Ta, giống như gai độc, phá hoại Phật pháp mà Ta đã tích tập trải qua ba a tăng kỳ kiếp tinh tiến thực hành vô cùng vất vả. Lúc bấy giờ A-nan nghe sự việc này rồi, tâm vô cùng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, liền thưa với Đức Phật rằng: Đức Như Lai nhanh chóng nhập Niết bàn, nay chính là lúc này, cần gì thấy sự việc xấu xa như vậy trong đời vị lai này? Đức Phật dạy: Này A-nan! Đời vị lai có nhiều bạch y tại gia được sanh lên cõi trời, có hiều người xuất gia đọa vào địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, nghiệp thiệc ác cuối cùng không hư hoại mất đi, Ta ở đời quá khư đã từng làm người buôn, vào trong biển rộng, vì cứu sống nhiều người cho nên tự tay giết một người. Vì nghiệp duyên này cho đến lúc thành Phật, thân hãy còn nhận chịu báo ứng của gai vàng đâm vào."

Còn trong kinh Đương Lai Biến nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Đời tương lai sẽ có kt, bởi vì có một pháp không thuận theo sự giáo hóa của Chánh pháp, khiến cho pháp hủy diệt không được dài thêm. Điều gì gọi là một? Đó là không giữ gìn giới cấm, không luôn luôn giữ tâm, không tu trí tuệ, phóng túng ý nghiệp của mình, chỉ mong cầu tiếng tốt, không thuận với Đạo giáo, không chịu chăm chỉ

ngưỡng mộ hạnh nghiệp độ thế; đây là một sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Lại có hai sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Điều gì gọi là hai? Đó là: 1- Không giữ gìn giới cấm, không thâu nhiếp tâm niệm, không tu trí tuệ, nuôi giữ vợ con phóng túng tâm ý, làm nghề buôn bán lo liệu cuộc sống để cùng nhau sinh sống. 2- Bạn bè đấm theo nhau, ghét người tôn sùng giáo pháp, muốn làm cho gặp tổn hại, cố tình vì ý nghĩa lời nói, gọi đó là nịnh bợ a dua, ngấm ngầm ghi nhớ việc ác, bên ngoài tỏ ra thuần khiết. Đây là hai sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Lại có ba sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Thế nào gọi là ba? Đó là: Đã không giữ gìn giới cấm, không luôn luôn thâu nhiếp tâm niệm, thì không tu trí tuệ. 2- Tự đọc chữ viết mà không đọc đúng câu văn, lấy trước đặt sau, lấy sau đặt trước, đầu đuôi đảo ngược, không thể nào hiểu biết rõ ràng nghĩa lý thuộc về đâu, nhưng vẫn tự cho là đúng. 3- Người hiểu biết trách mắng thì không nghe theo lời dạy của họ, trái lại ôm lòng sân hận nói là ganh ghét lẫn nhau; bàn luận hiểu biết thì ít mà phần nhiều không phân biệt rõ nghĩa lý, nhưng đều nói là đúng. Đây là ba sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Lại có bốn sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Thế nào gọi là bốn? Đó là: 1- Trong tương lai hàng Tỳ kheo rời bỏ hạnh nghiệp tu đạo ở nơi vắng lặng trống trải. 2- Thích đi lại dạo chơi trong chốn đô hội ồn náo của thế gian, Tỳ kheo chuyện trò mong cầu y phục năm mùa-ca sa tốt đẹp. 3- Nhìn xa trông rộng cho là đẹp đẽ khác lạ, tự cho mình là đức hạnh cao xa không có ai có thể sánh bằng, chỉ là trí hỗn tạp vụn vặt so với ánh sáng của mặt trăng mặt trời mà thôi. 4- Không thâu nhiếp ba nghiệp, không giữ gìn cửa ngõ các căn, đi trong những người phụ nữ nói lời văn vẻ che đậy chân tướng, nhiều lời hợp lại thành đôi để lay động lòng người, khiến cho trong trở thành đục, thân tạo nghiệp hành hỗn loạn, Chánh pháp bỏ phế dềnh dàng. Đây là bốn sự việc khiến cho giáo pháp hủy diệt. Nếu có Tỳ kheo nào muốn học đạo thực sự, thì nên từ bỏ văn từ trau chuốt hoa mỹ không thật, từ bỏ mọi thứ trang sức đẹp đẽ, không chạy theo danh tiếng, chất trực thuần hậu giữ lấy chân thật, truyền bá phát triển kinh giáo chính xác, đem chuẩn mực mô phạm của Phật, dùng giáo pháp sâu sắc mà cảm hóa, không sử dụng nhiều lời khuôn ráo tống rỗng, dựa theo kinh pháp trước đây đã giảng giải, không rời bỏ câu chữ đích thực, mong rằng trong nhiều lời nói không sai lạc ý chỉ của Phật, mặc áo vải thô-ăn uống thanh đạm, được ngon lành tốt đẹp không ham, gặp xấu tệ dở dang không bỏ, áo quần-ăn uống đẹp xấu ngon dở, tùy thuận với ý của người bố thí, giữ gìn cửa ngõ của các căn, không làm trái lời dạy của

Phật, chịu khó tu tập Phật pháp giống như cứu lửa cháy trên đầu, tuy không gặp được thời Phật xuất thế, nhưng xuất gia vì đạo mà học hỏi không hư giả vô ích, tâm vốn hành bình đẳng thương xót nghĩ đến tất cả mọi loài chúng sanh.”

Còn trong luận Thật Tụng nói: “Chánh pháp diệt rồi, vào thời Tượng pháp phát sinh năm loại phi pháp: 1- Tỳ kheo có chút thành thạo về ngăn giữ tâm ý, thì nói là mình đã đạt được Thánh pháp; 2- Bạch y sanh lên cõi trời mà xuất gia rơi vào địa ngục; 3- Có người rời bỏ sự nghiệp thế gian mà xuất gia phá giới; 4- Người phá giới có nhiều người giúp đỡ nhưng người trì giới không có người nào giúp đỡ; 5- Thạm chí La Hán cũng bị mắng nhiếc làm nhục. Lại có năm điều sợ hãi ở đời vị lai nên biết: 1- Tự bản thân mình không tu dưỡng thân giới-tâm tuệ, lại độ cho người khác xuất gia, cũng không có năng lực hướng dẫn cho người tu dưỡng thân giới-tâm tuệ; 2- Nuôi Sa di; 3- Cho người khác y chỉ; 4- Người như vậy cùng với người thanh tịnh-Sa di ở gần nhau, mà không biết đây là ba tướng giống như đào đất-chặt cỏ dùng ước tưới thấm; 5- Tuy tụng trì ba Tạng mà trước sau lộn xộn không biết.”

***Phần thứ tám:* TRANH TỤNG**

Như kinh Tạp A Hàm nói: “Đức Phật dạy: Nước Ma Thâu La này, vào đời tương lai, một ngàn năm Chánh pháp của Ta không bị hủy diệt, qua một ngàn năm sau có điều phi pháp xuất hiện. Trong cõi Diêm Phù Đề mưa gió nổi lên dữ dội gây ra nhiều tai họa, nhân dân đói kém gặp phải hoàn cảnh hủy diệt tất cả, đồ ăn thức uống mất đi mùi vị, châu báu ngọc ngà chìm hết. Phía Tây có vị vua tên là Bát la Bà, phía bắc có vị vua tên là Da bà Na, phía Nam có vị vua tên là Phi Thích Ca, phía Đông có vị vua tên là Nhi Sa La. Bốn vị vua này đều có nhiều quyến thuộc, sát hại Tỳ kheo-phá hoại chùa tháp, khắp mọi nơi đều loạn lạc. Lúc ấy các Tỳ kheo trong nước đến tập trung, vua nước Câu Thiểm Di tên là Ma Nhân Đà La tây Na, sanh được người con có tay tựa như dính máu, thân giống như mang giáp trụ, có sức mạnh rất dũng cảm, và năm trăm vị Đại thần cùng ngày cũng có con sanh ra, tất cả đều là tay dính máu-thân mang giáp trụ. Lúc ấy nước Câu Thiểm Di tuôn mưa máu suốt một ngày, nhà vua thấy tướng trạng hung dữ xấu ác, thì vô cùng sợ hãi, mời thầy xem tướng đến hỏi han. Thầy xem tướng trả lời nhà vua: Nay sanh con làm vua cõi Diêm Phù Đề sát hại nhiều người. Chính vì vậy đặt tên là Nan Đương. Năm tháng dần dần trưởng thành, bốn vị vua hung ác từ bốn phía kéo đến, nhà vua vô cùng lo sợ. Có Thiên thần nói cho

biết rằng: Này Đại Vương! Tạm thời lập Nan Đương lên làm vua, đủ năng lực làm cho bốn vị vua hung ác kia phải hàng phục. Liền y theo lời Thiên thần, nhường ngôi vị cho con trai, lấy hạt minh châu trong búi tóc gắn lên đầu của con trai, tập hợp năm trăm vị Đại thần dùng nước pha hương thơm rưới trên đỉnh đầu ban lệnh lên đường chinh phạt. Con trai của các Đại thần, thân khoác giáp trụ theo nhà vua cùng đi chinh phạt, cùng với bốn vua hung ác đánh nhau và giết sạch tất cả, toàn thắng trở về. Nhà vua cõi Diêm Phù Đề cai quản ở đất nước Câu Thiểm Di, sau đó có La Hán Tam Tạng xuất hiện, thuyết pháp cho nhà vua. Nhà vua nghe pháp xong thì buồn phiền lo lắng lập tức dừng lại, ở trong Phật pháp sanh tâm cung kính tin tưởng vô cùng, bèn cất tiếng xướng to rằng: Từ nay về sau Ta giúp cho các Tỳ kheo không còn điều gì sợ hãi, vừa ý được yên vui. Sau đó hỏi các Tỳ kheo rằng: Bốn vị vua hung ác trước kia hủy diệt Phật pháp trải qua bao nhiêu năm tháng? Các Tỳ kheo đáp rằng: Trải qua mười hai năm. Nhà vua tâm niệm rằng sẽ làm Sư Tử Hống, mình sẽ cúng dường năm chúng đầy đủ tất cả mọi thứ trong mười hai năm. Ngày cúng dường bố thí, trời thuận theo rưới làn mưa, làn mưa tỏa hương thơm tưới thấm khắp cõi Diêm Phù Đề, tất cả các loại quả hạt đều được lớn mạnh. Sau trải qua khôn bao lâu, môn đồ đệ tử của Tam Tạng, cùng với các Tỳ kheo không hợp nhau, có Tỳ kheo hung dữ liền giết chết A La Hán và Pháp sư Tam Tạng. Tâm nhà vua sanh ra buồn phiến vô cùng. Các hạng tà kiến tranh nhau phá hoại chùa tháp và làm hại Tỳ kheo. Từ đây Phật pháp hoàn toàn hủy diệt, buồn tẻ vô cùng.

Lúc bấy giờ trời người nghe Đức Phật đã thuyết về sự việc đời vị lai, không có ai không gạt nước mắt xót xa."

Còn trong kinh Pháp Diệt tận nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Lúc ta nhập Niết bàn thì giáo pháp sắp hủy diệt, đời ác trược đầy rẫy năm nghịch tội, ma đạo phát triển mạnh mẽ, các hạng Sa môn ma quái hủy hoại làm loạn đạo của Ta, mặc áo quần thế tục, ưa thích các lọai ca sa năm màu lòe loẹt, uống rượu ăn thịt, giết hại chúng sanh, tham đắm mùi vị mà không có tâm từ, lại còn ganh ghét lẫn nhau. Lúc ấy có người hành hạnh Bồ Tát tinh tiến tu dưỡng công đức, các Tỳ kheo ma quái đều cùng căm ghét, phỉ báng rêu rao điều ác, gạt bỏ xua đuổi không để cho ở lại được. Từ đó về sau không còn tu dưỡng đạo đức, chùa chiền vắng vẻ trống rỗng không còn ai sửa sang giữ gìn, lần lượt bị hủy hoại điêu tàn. Hạng Tỳ kheo ma quái chỉ tham lam tài sản đồ vật, tích chứa gom góp không rời ra, không thích làm hạnh nghiệp phước thiện, buôn bán nô tỳ hầu hạ, cày bừa đất đai gieo trồng, đốt cháy núi rừng, làm tổn hại

đến chúng sanh, không còn có chút đạo đức, dâm ô ganh tỵ hỗn loạn bừa bãi, trai gái không phân biệt, làm cho đạo pháp suy tàn tệ hại, đều là do hạng này mà ra. Hoặc có hạng trốn tránh quan quyền pháp luật nương nhờ trong đạo của Ta, cầu làm Tỳ kheo mà không tu dưỡng giới luật, nửa tháng-cuối tháng tuy gọi là tụng giới, mà chán nản mệt mỏi lười nhác không muốn lắng nghe. Không thích đọc tụng kinh luật, giả sử có đọc tụng thì không biết rõ câu chữ, vì gượng gạo nói là đúng cho nên không hỏi rành mạch rõ ràng, cao ngạo cầu danh hư ảo chứ không có chút nào chuẩn mực. Bởi vì mong cầu vinh hoa phú quý trông vào sự cúng dường của người khác, các hạng Tỳ kheo ma quái này sau khi mạng chung về cõi chết, tinh thần sẽ rơi vào trong địa ngục không hề chọn lựa mà nhận chịu báo ưng của 5 tội nghịch, ngạ quỷ-súc sanh không có nơi nào không trải qua. Ở trong vô biên hằng sa đời kiếp nhận chịu tội báo xong, mới được sanh ra làm người nơi biên giới hẻo lánh của đất nước không hề gặp Tam bảo. Lúc giáo pháp sắp hủy diệt, thì người nữ tinh tiến cần mẫn luôn luôn làm công đức, người nam lười nhác không quan tâm đến ngôn ngữ giáo pháp, mắt nhìn Sa môn như nhìn thấy rác rưởi, không hề có tâm lý tin tưởng. Vòng xe giáo pháp hủy diệt từ đây!

Đang lúc như vậy thì chư Thiên đau xót tuôn nước mắt, lũ lụt-hạn hán không điều hòa, ngũ cốc hoa màu không chín, tai họa dịch bệnh lan truyền mọi nơi, người chết nhiều vô số, nhân dân chịu khó vất vả mà quan lại có chức xâm phạm cướp đoạt, không tuân theo đạo lý mà đều nghĩ đến sự vui vẻ hỗn loạn, người hung ác ngày càng nhiều mà người lương thiện rất ít, ngày tháng trở nên thúc bách cho nên mạng sống con người ngắn lại. Bồ Tát và Tỳ kheo bị các ma xua đuổi không cho tham dự chúng hội. Bồ Tát đi vào núi sâu tu dưỡng phước đức, sinh hoạt đạm bạc tự giữ tâm mình và lấy làm vui sướng ung dung, thọ mạng kéo dài được chư Thiên che chở bảo vệ. Tất cả 12 bộ kinh chẳng bao lâu đều hủy diệt không còn, không thấy chữ viết, ca sa của Sa môn tự nhiên đổi thành màu trắng. Sau khi bậc Thánh Vương ra đi thì giáo pháp của Ta hủy diệt không còn, ví như ngọn đèn cạn dầu lúc sắp muốn tắt, ánh sáng lại bừng lên lần cuối cùng, ngay sau đó liền tắt đi; lúc giáo pháp của Ta sắp hủy diệt thì cũng như ngọn đèn sắp tắt. Từ đây về sau khó có thể nói tỉ mỉ hết được. Như vậy rất lâu về sau, Di Lặc sẽ hạ sanh đến thế gian làm vị Phật, thiên hạ được an vui thái bình, mọi khí sắc độc hại đều tiêu trừ, mưa gió tưới thấm hài hòa thích hợp, ngũ cốc hoa màu sinh trưởng tốt tươi, cỏ cây hoa lá sáng bừng sum sê, người lớn lên cao tám trượng, đều thọ đến tám mươi bốn ngàn tuổi, chúng sanh được hóa độ

không thể nào kể hết.”

***Phần thứ chín:* TỔN PHÁP**

Như kinh Nhân Vương nói: “Đời ác năm trược sau này, Tỳ kheo - Tỳ kheo Ni thuộc bốn chúng đệ tử, tám bộ trời-rồng tất cả Thần Vương, Quốc Vương-Đại thần-thái tử-Vương tử, tự cậy thế mình cao quý mà phá hoại tiêu diệt giáo pháp của Ta, công khai tiến hành chế định phép tắc, quy định không cho phép Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni đệ tử của Ta xuất gia hành đạo, lại cũng không cho phép làm ra hình tượng Đức Phật, không cho phép xây dựng tháp miếu thờ kính Đức Phật, lập ra chức quan của quản lý tất cả mọi người ghi vào sổ sách đăng ký, Tỳ kheo Tăng đứng dưới đất, bạch y ngồi trên cao, binh lính tôi tớ làm Tỳ kheo được phép nhận lời thỉnh mời riêng biệt Tỳ kheo có hiểu biết cùng nhau trở thành một lòng, thân thiện với Tỳ kheo để tổ chức trai hội, cầu mong phước thiện giống như pháp của ngoại đạo, tất cả không phải là giáo pháp của Ta.

Nên biết lúc bấy giờ Chánh pháp không bao lâu sẽ hủy diệt. Này Đại Vương! Đến thời kỳ cuối cùng của Chánh pháp, có những Tỳ kheo trong bốn bộ đệ tử và hàng Quốc Vương-Đại thần, đều làm hạnh nghiệp phi pháp, ngang ngược sự dụng Phật pháp tiến hành nhiều phép tắc chế định đối với chúng Tăng, gây ra những tội lỗi trái với giáo pháp - trái với giới luật để ràng buộc Tỳ kheo, như cách giam hãm tù tội. Đang lúc như vậy thì giáo pháp hủy diệt không bao lâu.

Này Đại Vương! Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng đệ tử và các tiểu Quốc Vương-Thái tử-Vương tử trong đời vị lai, chính là những người duy trì bảo vệ Tam bảo, lại trở thành những klẻ phá hoại hủy diệt Tam bảo, như sâu bọ trong thân Sư tử tự quay lại ăn thịt của Sư tử, chứ không phải là ngoại đạo. Tất cả những ai hủy hoại Phật pháp của Ta đều phải mang lấy tội lỗi vô cùng. Chánh giáo suy tàn thì dân chúng không có hạnh nghiệp chính đáng, bởi vì dần dần làm theo điều ác cho nên tuổi thọ ngày càng giảm, cuối cùng có bao nhiêu người sống đến một trăm tuổi? Con người phá hoại Phật giáo, không làm sao có con hiếu thảo, lục thân quyến thuộc không hòa thuận, Thiên thần không giúp đỡ, dịch bệnh-ác quỷ đến xâm hại từng ngày, tai nạn kỳ quái từ đầu đến cuối liên tiếp làm tổn hại vô cùng, chết rồi vào trong địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh. Nếu sanh ra làm người, thì gặp phải quả báo làm binh lính nô lệ, như âm vang-như bóng ảnh, như người ban đêm đọc sách đèn tắt nhưng chữ vẫn còn, quả báo trong ba cõi cũng lại như vậy.

Này Đại Vương! Trong đời vị lai, tất cả Quốc Vương-Thái tử-Vương tử và bốn chúng đệ tử, ngang ngược ghi chép chế định giới luật cho đệ tử Phật, như phép tắc của bạch y, như phép tắc của binh lính nô lệ, nếu Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni đệ tử của Ta lập thành sổ sách, bị quan quyền sai khiến, thì tất cả không phải là đệ tử của Ta, mà chính là phép tắc của hạng binh lính nô lệ. Thành lập chức quan thâu nhiếp tất cả Tăng chúng, chịu trách nhiệm sổ sách giám sát tăng chúng, tất cả tăng chúng lớn nhỏ cùng thâu nhiếp ràng buộc lên nhau, giống như phép tắc giam hãm tù tội, như phép tắc của hạng binh lính nô lệ. Đang lúc như vậy thì Phật pháp không bao lâu sẽ bị hủy diệt."

Còn trong kinh Xá Lợi Phất Vấn nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ta sắp Niết bàn, Đại Ca Diếp và các ông nên cùng phân biệt làm nơi y chỉ vững vàng cho các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, như ta không khác. Ca Diếp lưu truyền giao cho A-nan. A-nan tiếp tục giao cho Mạt Điền Địa. Mạt Điền Địa tiếp tục giao cho Xá Na Bà Tư. Xá Na bà Tư truyền thụ giao cho Ưu Ba Kiệp Đa. Ưu Ba Kiệp Đa sau cùng hoằng bá kinh luật trong thời vua Khổng Tước Thâu Kha. Cháu của nhà vua tên là Phất Sa Mật Đa La, thừa kế ngôi vua chính chức, nhưng hỏi quần thần: Làm thế nào khiến danh tiếng của ta còn mãi mà không hủy diệt? Lúc ấy có vị quan nói: Chỉ có hai điều. Như thế nào là hai? Đó là giống như Tiên Vương làm ra tám mươi bốn ngàn tòa tháp, dốc hết vật dụng của quốc gia cúng dường Tam bảo. Đây là điều thứ nhất. Nếu như không phải vậy, thì nên làm trái lại, phá hủy chùa tháp-tiêu diệt giáo pháp-tàn hại ngăn chặn tâm niệm của bốn chúng. Đây là điều thứ hai. Danh tiếng tuy tốt-xấu nhưng đều sống mãi. Nhà vua nói: Ta không có uy đức để sánh kịp Tiên Vương, nên chọn lấy nghiệp thứ hai để có tiếng tăm lưu truyền. Lập tức điều khiển bốn đội quân phá chùa Kê Tước, chùa có hai con Sư tử bằng đá, gầm thét rung chuyển đất bằng. Nhà vua rất kinh sợ lùi lại chạy vào thành, nhân dân chứng kiến sự việc đều than thở rơi nước mắt đầy đường. Nhà vua càng phẫn nộ nhưng tự mình không dám tiến vào, xua đuổi thúc ép binh tướng, giả vờ bị hại chết, liền ra lệnh chịu khó ủng hộ, gọi người truyền lệnh cho bảy chúng, tất cả đều tập trung. Hỏi rằng: Phá hủy chùa tháp được không? Phá hủy nhà cửa được không? Tất cả đều nói: Mong đừng phá hủy, nếu không thể nào khác được thì có thể phá hủy nhà cửa mà thôi. Nhà vua rất phẫn nộ, nói rằng: Tại sao không thể? Vì vậy liền sát hại, bất kể lớn nhỏ, máu chảy thành sông. Phá hủy các chùa tháp hơn tám trăm chỗ, các Thanh tín sĩ cất tiếng kêu gào, khóc lóc đau đớn vô cùng xót xa, nhà vua bắt

giam vào địa ngục lại còn trừng phạt bằng roi vạt. Năm trăm La Hán tiến vào Nam Sơn được thoát nạn, ẩn náu trong hang núi hiểm trở, quân lính hùng mạnh nhất cũng không thể nào đến được. Nhà vua sợ rằng không trừ sạch hậu họa cho nên treo giải thưởng chiêu mộ các nước, nếu lấy được một đầu thì thưởng cho ba ngàn đồng tiền vàng. Lúc ấy có A La Hán Quân Đồ Thán, chính là do Đức Phật đã nhiều lần dặn dò lưu thông, một người hóa ra làm thành vô số người, cầm vô lượng đầu của Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, đến khắp nơi nhận tiền vàng, tất cả các kho tàng của nhà vua đều trống rỗng cạn kiệt. Nhà vua càng phẫn nộ. A La Hán Quân Đồ Bát Thán, hiện thân nhập Diệp tận định. Nhà vua tự mình làm hại, nhờ Định lực duy trì, ban đầu không có gì thương tổn, sau đó dốt cháy đài an trí kinh pháp, lửa bắt đầu châm vào và cháy bốc lên đến nơi kinh pháp, Bồ Tát Di Lặc dùng sức thần thông, tiếp nhận kinh luật của ta đưa lên cõi trời Đâu Suất. Sau đó đến tháp an trí răng của Ta, thần bảo vệ tòa tháp nói: Có thần trùng Hành trước đây đòi lấy con gái của con, con xem thường mà không đồng ý, nay thề phải bảo vệ giáo pháp, mới đem con gái ban cho, khiến nhà vua phải thật lòng khuất phục. Thần trùng Hành vui mừng tự tay bưng núi lớn, dùng để đè nhà vua và bốn đội quân binh, tất cả đều chết trong một lúc. Con cháu của Vương gia lập tức đoạn diệt tại đây. Sau đó có vị vua tánh rất lương thiện, Bồ Tát Di Lặc hóa làm ba trăm Đồng tử, xuống cõi nhân gian để cầu Phật đạo, đi theo năm trăm La Hán tìm hỏi tiếp nhận giáo pháp, trai gái trong nước lại cùng nhau xuất gia, trở lại thời kỳ hưng thịnh rực rỡ. La Hán lên cõi trời đón nhận kinh luật, trả lại cho cõi nhân gian. Lúc ấy có Tỳ kheo, tên gọi Tổng Văn, tìm hỏi các La Hán, cùng với kinh luật của Ta trong phạm vi quốc gia ấy, lập ra nhiều đài quán, để mong cầu người học đến tìm hiểu chất vấn."

Trong Vương Huyền Sách Hành truyện nói: "Chủ chùa Bồ đề ở nước Ma Già Đà là Sư Đạt Ma, hỏi người đi sứ theo sắc chỉ của nhà vua Hán, bết Phật pháp nơi này thịnh hành, Sư Đạt Ma nói: Phật pháp ngày nay phát triển ở bốn phương. Xưa có vua Ca Kiệt, mộng thấy nước biển lớn ở chính giữa đục mà bốn phía trong, thỉnh cầu Phật Ca Diếp giải thích rằng: Sau này Phật pháp cuối thời kỳ Thích Ca, vùng trung tâm Thiên Trúc không có, cho nên ở chính giữa là nước đục; toàn bộ hướng về bốn phía, cho nên bốn phía đều là nước trong."

Lời bàn: Từ khi Phật pháp truyền về phương Đông đến nay, vùng Chấn Đán đã ba lần bị các vị vua hung ác hủy diệt làm hại đến Phật pháp. Lần thứ nhất do Hách Vận Bột Bột hiệu là hạ Quốc, Trường An

bị phá hủy-gặp Tăng sĩ đều giết chết. Lần thứ hai do Ngụy Thái Vũ nghe theo lời của Thôi Hạo mà hủy diệt Tam bảo, về sau hối hận trừng trị Thôi Hạo phải chịu năm hình phạt. Lần thứ ba do Chu Vũ Đế, chỉ ra lệnh hoàn tục chứ không giết hại. Ba vị vua này bởi vì hủy diệt Phật pháp, cho nên đều không được tồn tại lâu, thân mắc chứng bệnh ung nhọt lở loét, chết đọa vào địa ngục, có người đột ngột mà chết thấy đi vào địa ngục nhận chịu nhiều khổ đau vô cùng. Đầy đủ như biệt truyện, thuật lại rõ ràng trong Đường lâm Minh Báo Ký.

Tụng rằng:

Thánh tích ẩn hiện,
Tùy người phế-hưng,
Chí thành thì cảm,
Không tin khó ứng.
Mong giữ kính học,
Giáo gặp chân tông,
Mê mờ lý ấy,
Sao thoát khốn cùng?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 99

Thiên thứ 99: TẠP YẾU

Thiên này có 10 phần: Thuật ý, Tứ y, Tứ quả, Tứ thực, Tịch khẩu, Minh chung, Nhập chúng, Cầu pháp, Suy tướng, Tạp hành.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Rằng lý lẽ thần kỳ không có âm thanh, nhờ vào ngôn từ diễn đạt mà viết thành ý; ngôn từ diễn đạt không có dấu tích, dựa vào văn tự miêu tả mà thể hiện âm. Do đó, văn tự là dấu chân của ngôn từ, ngôn từ là cái nơm của lý lẽ, âm nghĩa phù hợp, không thể sai lệnh. Vì vậy ứng dụng của văn tự bao trùm cả vũ trụ, tuy văn chương nhiều dấu tích mà lý phù hợp thần kỳ. Chỉ vì kinh luận mênh mông ghe chép tất cả khó mà đầy đủ, truyện ký rối rắm sự việc có mở rộng-có tóm lược. Cho nên dẫn dắt biểu đạt nhiều phương pháp, mở bày rõ ràng cho hậu học; thiết lập giáo pháp nhờ dấu tích, sáng ngời rực rỡ đủ tất cả; dạy bảo thế tục nguồn gốc, tích tụ như thế đều tồn tại; tìm tòi thu nhập mọi điều mục, tóm tắt trích lấy điểm then chốt. Quy tập dùng giấy bút điểm tô, đưa ra đầy đủ các bài trước, còn lại những sự việc lặt vặt, cân nhắc có ích cho thế tục, hiện tại điều gì thưc hành được, nêu ra sơ lược ở phía sau, mong mỏi làm cho bóng đen mờ mịt loại trừ dần, ngọn đèn giáo pháp soi sáng lâu dài giữa thế gia!

Phần thứ hai: TỨ Y

Rằng căn đần độn-thời khắc nghiệt thì niềm tin kiên cố khó có đủ, hành cạn cợt-đức kém cỏi thì trí tuệ chính đáng dễ mê mờ, quan trọng cần phải cơ-giáo hợp nhau, văn-lý thấu triệt đầy đủ. Vì vậy trong kinh nói: “Tuy tụng cả ngàn chương mà không thực hành nào có ích gì?” Nay thiết lập nghĩa lý chính xác cần phải dựa vào ý nghĩa tôn chỉ, giáo có quyền-thật, hành có mờ-tỏ, cho nên thấy được vầng trăng mà ngón tay tự quên đi, hiểu được ý nghĩa mà ngôn ngữ tự dừng lại, lẽ nào ý vào

được cửa đạo mà hành còn đóng chặt hay sao? Do đó trong kinh nói đến Tứ y phân ra thành ba phần vị. Đó là: 1- Tứ y thuộc về người, tức là Tứ y thuộc hàng Khai Sĩ (Bồ Tát), nghĩa là từ địa vị Hiền thứ nhất cho đến địa vị Thánh cao nhất, tư chất của con người vô lậu, Thể của pháp là tánh không, dựa vào đây thuận theo bậc Thánh không có gì điên đảo tà vạy. 2- Từ y thuộc về hành, tức là khất thực-mặc áo phấn tảo, hành hạnh đầu đà-ở nơi vắng lặng-ngồi dưới tán cây. 3- Tứ y thuộc về pháp, thuộc lại đầy đủ như sau.

Thiết lập ba pháp này làm thành gương soi mà biết rõ thế hệ cuối cùng, tin đúng là bậc Thầy của tất cả các hạnh, bậc Đại Thánh thuyết giảng tường tận hoàn toàn không có gì không có tác dụng, theo đúng giáo hạnh mà thực hành thì hoàn toàn chính xác chứ không phải là tà vạy. Tứ y thứ nhất-thứ hai không phải là hạng phàm tục ngày nay sử dụng. Dựa theo ở chương khác vốn có thuật rõ về pháp Tứ y, nghiệm xét biết rõ tà-chánh nhưng bởi vì không có tướng tốt của Phật thì hãy còn mê hoặc theo hình tướng của ma, huống là có thức phân biệt của phàm phu mà có thể không bị hỗn loạn ư? Vì vậy thiết lập pháp Tứ y để biểu hiện có sẵn phép tắc chuẩn mực.

Thứ nhất là y pháp bất y nhân: Con người chỉ có tình cảm, pháp mới là quỹ đạo mô phạm, tánh không là lý lẽ chính xác, Thể xa rời sai trái hư vọng, thì dùng pháp này làm pháp đích thực để dựa theo. Kinh Niết bàn là giáo cuối cùng xa sức làm sáng tỏ tôn chỉ này. Nay người hành sự thuận theo tình hư vọng mà thuật ra, phần nhiều bỏ pháp theo người, thuận theo con người chế định phép tắc, làm cho cách xa nơi nương tựa khiến thân tâm rơi vào chìm đắm. Nếu có thể chuyển tâm phàm tục kia dựa theo chuẩn mực của Thánh giáo lượng, tâm hành ẩn kín cốt phải biết chẳng phải là tánh Không. Nhờ vào sự duy trì tâm này để làm con đường, một phần biết chẳng phải là sáng tỏ thuận theo lý Không, một phần quán sát chán ngán rõ ràng trái với sự Có. An tâm như vậy gọi là tu tập hướng về đạo chân thật của pháp tánh.

Thứ hai là y nghĩa bất y ngữ: Ngữ là ngôn từ diễm đạt, chính là giải thích rõ ra; nghĩa là biểu đạt lý lẽ, đạo lý làm thay đổi vật. Từ khi chứng ngộ rõ ràng về sau thì đoạn dứt suy nghĩ-chặn hết ngôn từ, pháp còn phải bỏ huống là phi pháp. Vì vậy trong kinh có thí dụ về rời bỏ chiếc bè. Bàn đến tận mắt trông thấy lòng người, không dùng ngôn từ giải thích để biểu đạt ý, đạt được ý thì ngôn từ ngừng lại. Vầng trăng dụ cho tôn chỉ tuyệt vời, không thích hợp thì không biết được. Nay nói đạt được nghĩa, chính là đọc ngôn từ. Người hành đạo thật sự, thường quán

sát thường phá bỏ. Thường quán sát dựa vào ngôn ngữ, thường phá bỏ thuận theo ý nghĩa, nghĩa là ngôn ngữ thuận theo ý nghĩa, không ngờ lại là đọc ngôn từ. Chỉ vì tập khí hư vọng từ vô th3 mà chấp trước phân biệt phát sinh ào ạt, lặng yên lùi lại nghiền ngẫm kỹ càng mới biết được sai lầm này. Không như vậy thì vội vàng đuổi theo âm thanh không kịp, còn đâu mà tư duy?

Thứ ba là y trí bất y thức: Nghĩa là Thức hiện hành thuận theo trần cảnh mà phân biệt, nhãn sắc-nhĩ thanh mãi đam mê không tỉnh ngộ, cùng với trâu dê mà sống như nhau, chung phàm ngu tà vạy mà cùng nhau đi lại. Bậc Đại Thánh chỉ dạy rõ ràng cảnh là tự tâm mình, hạng phàm phu mê muội cố chấp trần cảnh là ở ngoài Thức, vì vậy không có cách nào cảm hóa dẫn dắt, làm cho rời bỏ sự nhận biết này! Ngưng trệ vào trong ý thức phàm phu, khiến cho trái với tâm tư Hiền Thánh ngu si mê muội dấn bước trải qua, thường xuyân đắm chìm trong ba điên đảo, khích lệ hăng hái đến mức đặc biệt, ý niệm dấy động lập tức nhận biết, gọi là y Thức. Người có tri thức cần phải quay lại, gọi là tùy theo phần Trí. Thực hiện công phu như vậy dần dần tăng thêm thấu riệt rõ ràng, sau đó thấy trần cảnh biết chẳng phải là từ bên ngoài đên, cảnh chẳng phải là bên ngoài tậm mà chính là tướng của tự tậm, lẽ nào có ngu si mê muội vọng thưởng sinh ra yêu-ghét? Suy nghĩ chọn lựa mãi không thôi, hiểu rõ khác với loài trâu dê. Có người hỏi: Ông lập luận như vậy rõ ràng trí và ngu khác biệt, tại sao quán sát thông suốt vẫn nói là ý thức phàm phi? Đáp: Trí tuệ bậc Thánh không có giới hạn, rỗng lặng bao la biểu hiện phẩm đức, lẽ nào chỉ một lần nói ra liền cho rằng trong sáng cao xa? Đây chỉ là đạt đến phạm vi ngôn ngữ, thuận theo ngôn ngữ mà trở lại chấp trước, cuối cùng biết rõ tình chấp này huân tập từ vô thỉ, trải qua ba kỳ kiếp không gián đoạn, mới có thể trút bỉ hết được.

Sữa lẫn lộn với máu, không thể nào nói được; tướng lên xuống nhấp nhô, chính là tại nơi này. Như trong kinh nói: "Sư Địa thực hành bố thí tùy theo phần còn lại mà tu tập". Quỹ phạm cao xa lập thành nghi thức để cho người tu học, đâu nói là một khi hiểu rõ thì có thể đạt được tận cùng giới hạn của trí? Trí chắc chắn có thể đạt được đến cùng, nhưng không nói là cao xa thù thắng. Nay miệng người đọc lý không mà tâm chưa quên cái Có, vọt lên giữa hư không chẳng được thì đi vào ngọn lửa càng khó hơn, đều là do tâm-tướng đóng chặt mê mờ cho nên như vậy, sau khi đạt đến chỗ thông suốt thuận theo tâm chuyển thành tác dụng, lẽ nào không như chim bay lượn giữa trời cao? Tự nhiên luôn luôn giống như vải chịu lửa, không đáng để lấy làm quái lạ.

Thứ tư là y liễu nghĩa kinh bất y liễu nghĩa kinh: Hai kinh này đều là Thánh ngôn lượng, phàm là người tiến vào đạo, trước tiên phải hiểu rõ điều này, thì không có việc gì không thông suốt, có nghi ngờ gì đều giải quyết được. Nhưng bởi vì tánh thức của chúng sanh sâu-cạn-nhanh-châm không giống nhau, cho nên bậc Đại Thánh tùy theo tình thức phân biệt mà nói, như vậy dựa vào đạo chân thật chỉ là tự tâm, vì thế trong kinh nói: " nghĩa của pháp trong ba cõi trên dươi chỉ do tâm." Đây là dựa vào y báo thế giới để trình bày về tâm. Lại nói: "Như Như cùng với Chân đế, Niết bàn cho đến Pháp giới, các loại về ý sanh thân, Phật thuyết chỉ do tâm lượng." Đây là căn cứ vào Thể của pháp xuất thế để trình bày về tâm. Chung quy tận cùng đến thực tế thì tất cả đều đến nguồn cội này, thuận theo chủng loại căn cơ mà cảm ứng trở về với tông chỉ liễu nghĩa, cho nên tiến hành dùng pháp ước định để thích ứng với căn cơ.

Như Kinh Đại Tập nói: "Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ Tát ma ha tát có pháp Tứ y cũng không thể tận cùng. Những gì là 4? Đó là: Y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa kinh bất y liễu nghĩa kinh, y pháp bất y nhân.

Thế nào là y nghĩa bất y ngữ? Ngữ là giống như phù hợp với pháp thế gian mà có thể giống như nói về Bố thí-Trì giới-Nhẫn nhục-Tinh tiến-Thiền định-Trí tuệ để điều phục và ủng hộ; Nghĩ là biết Bố thí-Trì giới-Nhẫn nhục-Tinh tiến-Thiền định-Trí tuệ mà phù hợp với bình đẳng. Ngữ là diễn tả giải thích về sanh tử; Nghĩa là biết rõ sanh tử Vô tánh. Ngữ là giải thích về ý vị của Niết bàn; Nghĩa là biết rõ Niết bàn Vô tánh. Ngữ là giống như giải thích về ý vị của Niết bàn; Nghĩa là biết rõ Niết bàn Vô tánh. Ngữ là giống như giải thích về các Thừa do tùy thuận mà an lập; Nghĩa là khéo léo biết rõ các Thừa phù hợp với phần trí của Nhất tướng. Ngữ là giống như giải thích về các hành Xả; nghĩa là ba loại thanh tịnh. Ngữ là nói về công đức oai nghi thọ trì tịnh giới của thân-miệng và ý; Nghĩa là hiểu rõ thân-miệng và ý đều không có gì gây ra à có năng lực hộ trì tất cả tịnh giới. Ngữ là giống như giải thích về nhẫn nhục đoạn trừ sâu giận-cống cao-kiêu mạn; Nghĩa là hiểu thông suốt các pháp đạt được Vô sanh nhẫn. Ngữ là giống như giải thích chă, chỉ thực hành tất cả thiện căn; Nghĩa là an trú trong hạnh tinh tiến không hề có bắt đầu và kết thúc. Ngữ là giống như giải thích về các thiền-giải thoát tam muội-tam ma bạt đề; Nghĩa là biết rõ Diệt tận định. Ngữ là biết có thể nghe và duy trì tất cả văn tự thuộc về trí tuệ căn bản; Nghĩa là biết rõ nghĩa của trí tuệ này không thể nói năng diễn tả được.

Ngữ là nói về ba mươi bảy pháp trợ đạo; Nghĩa là biết chính xác tu hành các pháp trị đạo thì có năng lực chứng được quả vị. Ngữ là nói về Khổ-tập-Đạo đế; nghĩa là chứng được Diệt đế. Ngữ là nói về căn bản vô minh cho đến sanh duyên lão tử; Nghĩa là biết rõ vô minh diệt cho đến lão tử diệt. Ngữ là nói về pháp trợ giúp định tuệ; Nghĩa là trí hiểu rõ giải thoát. Ngữ là nói về tham-sân-si; Nghĩa là hiểu rõ căn bất thiện tức là giải thoát. Ngữ là nói về pháp chướng ngại; Nghĩa là đạt được giải thoát vô ngại. Ngữ là diễn tả giải thích về công đức vô lượng của Tam bảo; Nghĩa là công đức của Tam bảo thuộc pháp tánh ly dục cùng với tướng vô vi. Ngữ là nói về từ lúc phát tâm cho đến an tọa nơi đạo tràng luôn luôn tu tập công đức trang nghiêm Bồ đề; Nghĩa là dùng trí tuệ nhất niệm giác ngộ tất cả pháp. Này Xá-lợi-phất! Đưa ra điều quan trọng mà nói, có thể giải thích tám mươi bốn ngàn pháp môn thì gọi là Ngữ; biết rõ các loại văn tự không thể nói năng dẫn tả được, đó gọi là Nghĩa.

Thế nào là y trí bất y thức? Thức là nơi dừng lại của bốn Thức. Thế nào là bốn? Đó là nơi dừng lại của Sắc thức, nơi dừng lại của Thọ-Tưởng-hành thực. Trí là hiểu rõ ràng tánh của bốn Thức không hề dừng lại. Thức là giống như Thức thuộc về Địa đại, thuộc về Thủy-Hỏa-Phong đại; trí là Thức dừng lại thuộc bốn đại mà pháp tánh không có phân biệt. Thức là Nhãn thức dừng lại nơi Sắc, Nhĩ-tỷ-Thiệt-Thân-Ý thức dừng lại nơi pháp; Trí là bên trong có tánh vắng lặng-bên ngoài không hề có tác động, biết rõ ràng Thức là pháp không có ý tưởng nhớ lại. Thức là chuyên giữ lấy sở duyên mà tư duy phân biệt; Trí là tâm không có sở duyên, không giữ lấy tướng mạo, ở trong các pháp không có gì mong cầu. Thức là hành thuộc về pháp hữu vi; Trí là biết rõ không có sở hành thuộc về pháp vô vi, tánh không có ý thức nhận biết. Thức là tướng sanh-trụ-diệt; Trí là không có tướng sanh-trụ-diệt. Này Xá-lợi-phất! Đây gọi là y trí bất y thức.

Thế nào là y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh? Bất liễu nghĩa kinh là phân biệt về tu đạo; Liễu nghĩa kinh là không phân biệt về quả. Bất liễu nghĩa kinh là đã làm nghiệp gì thì tin chắc có quả báo ấy; Liễu nghĩa kinh là không còn các phiền não. Bất liễu nghĩa kinh là chỉ trích các phiền não; Liễu nghĩa kinh là ca ngợi pháp thiện thanh tịnh. Bất liễu nghĩa kinh là giải thích về sanh tử khổ não; Liễu nghĩa kinh là nói về sanh tử và Niết bàn cùng một tướng không khác nhau. Bất liễu nghĩa kinh là ca ngợi giải thích các loại văn tự trang nghiêm; Liễu nghĩa kinh là giải thích về kinh rất sâu xa khó trì-khó hiểu. Bất

liễu nghĩa kinh là phần nhiều vì chúng sanh nói về tướng tội-phước, khiến cho tâm người nghe pháp sanh ra vui-buồn; Liễu nghĩa kinh là tất cả những điều diễn đạt giải thích nhất định phải làm cho tâm người nghe được điều phục. Bất liễu nghĩa kinh là giống như giải thích về ngã-nhân-chúng sanh ..., không có người trao cho và nhận lấy, nhưng vì người khác mà nói có trao cho và nhận lấy; Liễu nghĩa kinh là nói về Không-Vô tướng-Vô nguyện-Vô tác, không có ngã-nhân-chúng sanh-tác giả-thọ giả, thường nói về vô lượng các pháp môn giải thoát. Đây gọi là y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.

Thế nào là y pháp bất y nhân? Con người là thâu nhiếp giữ lấy kiến chấp của con người đối với người gây ra-người tiếp nhận; Pháp là giải thích không có con người nhìn thấy người gây ra – người tiếp nhận. Con người là người phàm phu thiện-người tín hành-người thuộc tám phần vị-người thuộc bốn quả-người thuộc Bích chi Phật-người hàng Bồ Tát. Một người xuất thế mà có nhiều lợi ích, nhiều người nhận được niềm vui, thương xót thế gian phát tâm Đại Bi, ở giữa trời người làm cho nhiều lợi ích tốt đẹp, đó gọi là chư Phật, vốn dựa theo Thế đế giáo hóa cho chúng sanh, cho nên dấy lên nói như vậy. Nếu có người thâu nhiếp giữ lấy cách nhìn như vậy, thì gọi là y nhân. Như Lai vì giáo hóa thâu nhiếp cách nhìn của con người, cho nên nói y pháp bất y nhân. Tất cả bình đẳng không có tánh sai biệt, giống như hư không. Nếu có y chỉ thì pháp tánh ấy, chung quy không thể nào tách rời pháp Nhất tướng, cùng chung một pháp tánh, vì vậy cho nên nói là dựa vào tất cả các pháp chứ không dựa vào với con người. Này Xá-lợi-phất! Đây gọi là pháp Tứ y vô tận của Bồ Tát ma ha tát.”

Phần thứ ba: TỨ QUẢ

Như kinh Tu Hành Đạo Địa nói: “Người tu hành ấy đã đạt được Đạo tích thuộc quả thứ nhất, biết 5 thứ dục đều quy về vô thường, không thể nào trừ hết đượcc. Vì sao như vậy? Bởi vì ý niệm chấp vào sắc-thanh-hương-vị-xúc, cho nên dấy khởi ái dục chưa có thể đoạn trừ. Ví như Phạm Chí, sạch sẽ tự vui mừng, đến dưới nhà sau, bất ngờ vấy bẩn vào ngón tay, đi đến nói với người thợ vàng: Ngón tay vấy bẩn bất tịnh, lấy lửa đốt giúp tôi. Người thợ vàng can ngăn: Đừng sinh tâm như vậy, có cách khác loại bỏ bất tịnh này, lấy tro đất chùi đi, dùng nước rửa sạch, nếu như tôi lấy lửa đốt thì ông không thể nào chịu nổi, lửa nóng đau đớn khổ sở tự chạm vào thân mình, càng tệ hơn trước. Phạm Chí nghe thì trong lòng tức giận, liền mắng người thợ vàng: Đừng lấy

tâm mình đo lường người khác, tự mình không thể nào chịu nổi mà nói là người ta không chịu nổi, tôi không hề sử dụng tay có cáu bẩn, không dám đi trên đường vì sợ người ta chạm vào tôi, nếu như tôi gần họ thì mất đi đạo đức của tôi, những đạo thuật thiên văn địa lý của thế gian, tất cả điển tịch cổ xưa không có gì không biết, làm sao để cho bất tịnh dính vào 5 ngón tay, đừng dừng lại lâu mới được, nên thuận theo lời tôi nói loại bỏ ngón ô uế đó đi. Người thợ vàng nghe rồi, đốt cái dùi đang đỏ rực kẹp vào ngón ray đó, Phạm Chí bị nóng đau đớn không thể nào chịu nổi, rút tay ngậm vào miệng. Người thợ vàng cười lớn, nói với Phạm Chí rằng: ông tự khen ngợi mình, thông minh học rộng, tìm xưa biết nay, không có gì không thông suốt trọn vẹn, thanh tịnh không có vết bẩn, giờ đây không chịu nổi, lấy ngón tay bất tịnh ngậm vào trong miệng, nên biết rằng nóng này tùy tiện chưa đủ để làm thầy. Phạm Chí trả lời rằng: Lúc không gặp phải đau đớn thì thấy ngón tay bất tịnh, vừa gặp phải lửa nóng thì quên ngón tay dơ bẩn. Cầu đạo như vậy, suốt đời tu tập xa rời ái dục, vừa thấy sắc đẹp thì ý dâm vẫn dấy động. Vì sao như vậy? Bởi vì các căn không chế ngự, các lậu chưa hết sạch, tà căn chưa loại bỏ, chánh định chưa phát sinh, ái vốn có không trừ diệt, nhiễm dục vẫn còn khởi lên. Ngay sau đó tụng rằng:

Vì thấy sắc dục do mong cầu huân tập,
Tuy liền hiểu rõ nghĩa đạt được đạo tích,
Đầu đội hoa tưởng tiếp tục ngửi thấy hương,
Như sông đến biển chí mong cầu như vậy.

Đạo tích thứ hai là người đạt quả Tư đà hàm, tự nghĩ đến thân mình, không nên huân tập sự dâm dục này như những phàm phu khác, giải thích dục là uế nhiễm mà vui với sự vô dục, ngày đêm quán sát tu tập thấy rõ bất tịnh xấu xa, dâm dục-nóng giận-ngu si ít lại thì có thể đến gần đạo, một lần quay trở lại thế gian thì đoạn hết nguồn gốc đau khổ. Bởi vì được qua lại cho nên đối với những ái dục không còn khởi lên thanh tịnh, dâm dục-nóng giận-ngu si ít lại, tâm thường còn chưa đoạn trừ, cố nhiên xảy ra phiền não tai họa. Ví như người đàn ông có vợ đoan chánh, dung mạo không có tỳ vết, dùng các xâu chuỗi ngọn ngà trang điểm cho thân xinh đẹp, người chồng rất yêu quý kính trọng. Tuy có sắc đẹp này, nhưng chính là quỷ dâm dục, chứ không phải là người chân thật, cần máu thịt con người để làm đồ ăn thức uống. Có người nói với người chồng: Vợ ông là quỷ La sát ăn máu thịt. Người chồng không tin nhưng người ta nhiều lần nói điều ấy, tâm người chồng liền ngờ vực nên ý muốn thử xem. Đêm nằm ngủ phát ra tiếng ngáy như ngủ

say, người vợ nói là chắc chắn đã ngủ, len lén ngồi dạy ra ngoài thành, đi đến giữa bãi tha ma. Người chồng liền đuổi theo sau, thấy người vợ cởi áo và các thứ trang sức quý báu đặt ở một bên, sắc mặt thay đổi dữ dằn, miệng mọc răng nanh dài, trên đầu lửa cháy đỏ, mắt đỏ rực như lửa, thật là đáng sợ, tiến đến gần người chết, tay xé thịt xác chết, bỏ vào miệng nhai mà ăn. Người chồng trông thấy như vậy, bấy giờ mới biết không phải là người đúng là quỷ, liền vội vàng trở về nhà nằm ở trên giường. Người vợ sau đó trở về đi đến giường người chồng, nằm lại như cũ. Người chồng thấy vợ đeo xâu chuỗi ngọc xinh đẹp-vẻ mặt đoan chánh, bèn trở lại gần gũi. Giả sử nghĩ đến cảnh ở giữa bãi tha ma đang ăn thịt người chết, tâm tuy chán ngán dơ bẩn lại ôm lòng sợ hãi, nhưng tâm quay lại nhìn vợ vẫn dấy lên tâm dục. Người đạt quả Tư đà hàm được qua lại với đạo, nếu thấy hình dáng bên ngoài đoan chánh xinh đẹp quyến rủ, thì ý dâm vẫn dấy động. Nếu nói đến bất tịnh ô uế bày ra ý dâm lập tức diệt mất. Ngay sau đó tụng rằng:

Thân người biến hóa như cởi bỏ áo giáp,
Làm hình hài quỷ dâm đến bãi tha ma,
Thì ăn xác chết như đồ ăn thức uống,
Người chồng bấy giờ mới biết là La Sát.

Đạo tích thứ ba là người đạt quả A-na-hàm. Người đạt được Bất hoàn, trông thấy trước kia được qua lại, thì tâm tự nghĩ rằng: Mình đã giảm bớt đối với ba kiết của cõi Dục, còn lại rất ít mà thôi, trở lại quán sát Thánh đế thấy vết bẩn của dục ái, khổ nhiều mà vui ít, không nên huân tập tham dục giống như những hạng phàm phu, chí hướng còn đắm theo tình chấp dục vọng như ruồi nhặng bu quanh xác chết, sao mình không trừ bỏ, làm cho dâm dục-nóng giận-ngu si nhất định diệt sạch không sót lại gì, đạt được thiền định không còn phiền não, sau đó mới an ổn. Ví như có người vào ngày nắng to, không thể nào chịu nổi sự nóng bức phải tìm quạt để tự quạt mát cho mình, ưa thích tắm gội trong làn nước mát lạnh. Qua lại như vậy, thấy dâm dục-nóng giận-ngu si, cho là rất nóng bức, nghĩ đến cầu mong không trở lại. Ngay sau đó tu hành thực hiện quán sát lộ rõ sự xấu xa, vĩnh viễn rời bỏ sắc dục và các phiền não nóng giận-ngu si, trông thấy tường tận năm ấm mà thuận theo dấy khởi trừ diệt, diệt hết là thành tựu Định. Thấy biết như vậy, thì đoạn trừ 5 kiết mà không còn ấm-cái, đạt được đạo quả bất hoàn. Quả vị A-na-hàm không lui sụt trở lại thế gian, bởi vì cởi bỏ ái dục không còn có những sự nóng bức. Nếu nhìn thấy sắc dục luôn luôn thấy bất tịnh thì biết rõ đều là dơ bẩn. Ví như có những người buôn đi từ phương xa đến,

tất cả đang mệt mỏi vô cùng, gặp phải ngày 29 đêm tối mịt mù không có ánh trăng, đến nỗi nửa đêm đi đến cổng thành, thì cổng đóng không mở, đi vòng đến bức tường phía Nam có vũng nước mưa đọng lại thành hồ, xác chết gà chó và đủ loại giòi bò lẫn lộn, hoặc còn sống-hoặc đã chết, hoặc chìm-hoặc nổi, trăm ngàn vạn ức loại chui rúc vào đùa hỗn loạn, cùng với phân dơ rác rưởi quét dọn trong thành, lông tóc phẫn giải đều vất vào trong hồ nước. Những người khách buôn từ xa đến, ban đầu chưa từng đến không biết tốt xấu, đói khát mệt mỏi hết sức cứ tùy ý mà uống, và bởi vì nóng nực mệt mỏi cho nên cởi áo tắm rửa, thân cảm thấy mệt mỏi không còn, an ủi vui vẻ nằm ngủ. Đến lúc trời sáng mệt mỏi trừ hết và tỉnh giấc rồi, lại đến nơi hồ nước lấy nước sử dụng, thấy nước bất tịnh dơ dáy vô cùng, hoặc có người bỏ đi, hoặc có người nhắm mắt, hoặc có người bịt mũi, hoặc có người nôn mửa. Ngay sau đó tụng rằng:

Ví như vũng nước bên cạnh thành,
Chứa đủ loại đồ vật bất tịnh,
Người phương xa đến gặp cổng đóng,
Mọi người cùng dừng lại hồ này.
Mới đến lần đầu không hay biết,
Đói khát mệt mỏi mà lấy uống,
Và tắm rửa trừ con nóng nực,
Mệt mỏi cuối cùng được ngủ yên.
Trời sáng đến bên cạnh hồ nước,
Nhìn thấy tường tận biết bất tịnh,
Mọi người cùng chán ngán ghê tởm,
Tất cả đều ôm bụng nôn ra.
Đã đạt được tích thứ ba,
Trông thấy dục lạc không an ổn,
Nhập thiền định không lo sợ gì,
Quán sát dục như nước dơ bẩn.

Lúc bấy giờ người đạt quả A-na-hàm, vào lúc tu tập hành đạo, vui với thiền định, nhận thấy rõ ái dục, như những khách buôn kia chán ghét nước hồ bất tịnh; như trẻ thơ ngốc nghếch chơi đùa những vật bất tịnh, tuổi dần lớn lên bỏ những trò đùa trước kia lại vui với điều khác, đến lúc tuổi già b3 hết mọi pháp trước đây; lấy pháp tự làm cho mình vui vẻ, đã đạt được đạo quả Bất hoàn cũng lại như vậy. Thấy những niềm vui trong năm đường sanh tử, giống như trẻ thơ chơi đùa, chuyển sang tinh tiến hơn nữa, muốn thoát khỏi từ đầu đến cuối, không thích gì

sanh trở lại. Ngay sau đó tụng rằng:

Ví như có trẻ thơ ngốc nghếch,
Đang thích chơi đùa vật bất tịnh,
Tuổi dần dần đến lúc lớn lên,
Bỏ chơi đùa vui với điều khác.
Người tu hành cũng lại như vậy,
Cầu giữ gìn vượt qua ba cõi,
Lúc bấy giờ càng tinh tiến hơn,
Đầy đủ thành tựu bốn quả vị.

Đạo tích thứ tư là La Hán Vô học. Lúc tu tập hành đạo, bởi vì còn trong địa vị Hữu học, không thích gì trước-sau, cũng không hề có ham thích, không tham đắm ba cõi, đoạn trừ tất cả các kiết sử, ba độc phiền não vĩnh viễn không còn, chí hướng nghĩ đến căn-lực và các giác ý, thấy diệt là vắng lặng. Ví như vua thả voi say có ngà nhọn vô cùng hung ác, người gặp phải đều bị giết chết; cũng như rồng độc thường nhả ra khí độc, người gặp phải đều bị mất mạng; cũng như rắn độc thường mang đầy chất độc trên thân, người chạm phải đều bị tổn hại. Ba độc phiền não cũng lại như vậy, phát sinh hay tiếp xúc đều bị tổn hại, rơi vào trong ba cõi. Chỉ có Thập lực-Giác ý và Giải thoát, mới có năng lực đoạn trừ. Người tu hành tự nghĩ, thích hợp như lúc này, đã thành bậc La Hán, đạt được không chấp trước, các lậu vĩnh viễn hết, tu phạm hạnh trong sáng, những việc làm đã xong, rời bỏ hết gánh nặng, đạt đến tự lợi mình, sanh tử đã đoạn dứt, được trí tuệ bình đẳng, thành tựu pháp Vô học, mà vượt qua hai bên. Ngay sau đó tụng rằng:

Như nhà vua thả con voi say,
Ngà rất nhọn hung dữ làm hại,
Các loài rồng-rắn đầy chất độc,
Người gặp phải thì đều chịu chết,
Đều cảm hóa khiến cho thuần phục,
Vẫn đạt được thiện thâu nhiếp tâm,
Mọi tai họa trừ hết không sót,
Ba cõi không có gì sợ hãi.
Tu hành trú trong địa Hữu học,
Bất động thành tựu quả Thánh đạo,
Đã đến được tự lợi ích mình,
Vượt qua khổ-thường được an ổn.
Đã đoạn tuyệt đối với năm phẩm,
Thành tựu đầy đủ sáu thần thông,

Trừ sạch mọi trần lao phiền não,
Như nước giặt sạch áo dính bẩn.
Đó gọi là Đại Sĩ thực sự,
Tùy thuận Thánh giáo của chư Phật,
Cao cả nhất-không còn bụi trần,
Cho nên nói là địa Vô học.”

***Phần thứ tư:* TỨ THỰC**

Như kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Các loài chúng sanh có bốn cách ăn để nuôi lớn chúng sanh. Những gì là bốn? Đó là: Đoàn thực, có loài lớn-có loài nhỏ, Canh lạc thực-Niệm thực-Thức thực. Đó gọi là bốn cách ăn.

Thế nào là Đoàn thực? Nghĩa là nay ở trong loài người mà ăn nững vật đưa vào miệng, có thể ăn nuốt thì gọi là Đoàn thực. Thế nào là Canh lạc thực (Xúc thực)? Nghĩa là áo quần-tàn lọng, các loại hoa hương xông ướp, hơi ấm và dầu thơm cùng với phụ nữ tụ tập, các thân thể khác đã trải qua xúc chạm vui thích, đó gọi là Canh lạc thực. Thế nào là Niệm thực (ý tư thực)? Nghĩa là những ý niệm-những ý tưởng-những tư duy trong ý thức, hoặc dùng miệng diễn tả, hoặc dùng thân thể xúc chạm, và các pháp đã được duy trì, đó gọi là Niệm thực. Thế nào là Thức thực? Nghĩa là sự nhận biết của ý, Phạm Thiên là đầu tiên, cho đến Hữu Tưởng-Vô Tưởng Thiên, lấy Thức làm thức ăn, đó gọi là Thức thực. Do bốn loại ăn này mà lưu chuyển trong dòng sanh tử vô tận.”

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Thế Tôn bảo với A Na Luật rằng: Tất cả các pháp nhờ vào cái ăn mà tồn tại, mắt dùng giấc ngủ làm thức ăn, tai dùng âm thanh làm thức ăn, mũi dùng mùi hương làm thức ăn, lưỡi dùng mùi vị làm thức ăn, thân dùng sự mềm mại trơn láng làm thức ăn, ý dùng các pháp làm thức ăn, Niết bàn dùng trạng thái không phóng túng làm thức ăn.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Như vậy Diệu pháp này nếu quán xét về cái ăn thì có chín loại, giữa loài người có bốn cách ăn: 1- Đoàn thực; 2- Canh lạc thực; 3- Niệm thực; 4- Thức thực. Lại có năm loại là cách ăn thuộc về xuất thế gian: 1- Thiền duyệt thực; 2- Nguyện thực; 3- Niệm thực; 4- Tám giải thoát thực; 5- Hỷ thực. Đây là thức ăn của pháp xuất thế gian, nên cùng nhau chuyên chú tâm niệm trừ bỏ bốn lọai thức ăn của pháp thế gian, mong cầu làm được thức ăn của pháp xuất thế gian.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “nếu có chúng sanh, dùng

tâm tin tưởng-tâm thương xót, đem các loại thức ăn giúp cho người, thì mạng chung sanh đến cõi trời Chất Đa La hưởng được các loại vui sướng, ở cõi trời mạng chung được thọ thân làm người, giàu có nhiều tài sản của cải, luôn luôn thực hành Chánh pháp."

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sanh thấy những người bị bịnh, giúp cho họ thuốc thang khiến rời khỏi bệnh hoạn khổ sở, mạng chung sanh đến cõi trời Dục Cảnh hưởng thị sự vui sướng của năm dục. Từ cõi trời mạng chung, nếu được trở lại thân người thì rất giàu có nhiều tài sản của cải. Nếu thấy người bệnh lâm chung khát nước, lấy nước mật ngọt hoặc nước mát lạnh giúp cho, người này mạng chung sanh đến cõi trời Thanh Lương hưởng thụ sự vui sướng của cõi trời. Từ cõi trời mạng chung được thọ thân làm người, thường xa rời sự đói khát khốn khổ."

Còn trong luật Ngũ Phần nói: "Nếu người hằng tháng gặp phiên trông coi lo việc nấu ăn, muốn biết còn sống hay đã chín, mặn hay chua, thì có thể đặt trong lòng bàn tay dùng lưỡi liếm mà nếm." (Trong kinh Trai Pháp không cho phép người nếm bằng miệng bởi vì không có tâm tốt mà dùng tâm tham nếm thử cho nên phạm lỗi).

***Phần thứ năm:* TỊNH KHẨU** (làm sạch miệng).

Như luật Thập Tụng nói: "Thế nào là súc miệng? Đức Phật dạy: Lấy nước đưa vào trong miệng, chuyển vòng ba lần súc trong miệng, đó gọi là cách làm sạch miệng."

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp trong đại hội, có Tỳ kheo miệng hôi thối, mà đứng ở cuối gió. Đức Phật biết mà cố tình hỏi: Tỳ kheo này tại sao ngồi một mình? Đáp rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Giới chế định không cho phép nhai cây gỗ, cho nên miệng hôi thối, sợ xông hơi làm bẩn người khác, vì vậy ở cuối gió. Đức Phật dạy: Cho phép dùng cây gỗ mà nhai, dài nhất mười sáu ngón tay, ngắn nhất bốn ngón tay trở lên, lúc nhai nên ở nơi kín đáo, trước nên rửa tay sạch sẽ, nhai xong lấy nước rửa bỏ đi. Lúc nhai không được nuốt. Nếu thầy thuốc nói là để chữa lành bệnh, cần phải nuốt thì cho phép. Nếu người không có răng, thì nên dùng bụi tro-đất gạch-đá sỏi-cỏ cây để làm sạch miệng sau khi ăn. Nếu trong lúc ăn muốn đi lấy nước, thì nên lấy nước sạch rửa tay và đồ dùng trước, sau đó mới lấy nước. Nếu tay dính bẩn, thì nê dùng lá cây hứng lấy. Nếu lúc đưa lên miệng uống, không được ngậm môi làm cho đồ đựng chạm vào trán, nên chống môi mà uống. Lúc uống không được uống hết, nên giữ lại một ít súc sạch rồi

từ trong miệng mà nhổ bỏ. Người đi lấy nước nên giữ gìn đồ đựng sạch sẽ, nếu thấy người ngậm môi chạm vào trán, thì nên đặt vào một nơi lấy cọng cỏ làm dấu rõ ràng, khiến cho người ta biết là đồ dùng không sạch. Nếu đi lấy nước hồ đặc uống phi thời, thì cũng như cách đã nói."

Lại trong luật tăng Kỳ nói: "Tỳ kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch sẽ, không được rửa qua loa năm ngón tay. Lại không được rửa đến ngang nách, nên rửa ngang cổ tay và trước cho sạch sẽ, không được rửa ráy thô lỗ, không được chùi làm cho chảy máu, nên dùng cỏ cây xoa vào hoặc tro đất (đậu hoặc quả bồ kết) để rửa tay, lau chùi làm cho phát ra tiếng. Rửa tay sạch sẽ rồi lại chìu vào nhau, thì gọi là bất tịnh, phải trở lại rửa tay sạch sẽ. Tỳ kheo trước khi ăn nên rửa tay, nếu đậu mè thức ăn dính vào y áo, thì đều cần phải giặt rửa sạch sẽ (Tỳ kheo luôn luôn như vậy, bạch y cũng như vậy). Đọc kinh-thọ thực đều nhất định sử dụng bàn tay làm cho sạch sẽ hãy còn như vậy, huống là tự tay giết hại mạng sống-uống máu ăn thịt để vấy bẩ thân miệng, cho dù mong muốn truyền pháp nhưng tâm cũng bất tịnh."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Lúc ấy các Tỳ kheo lo sợ mùi hôi trong phòng, Đức Phật dạy: nên vẩy nước quét dọn, nếu còn có mùi hôi thối thì dùng hương trộm nhão để xoa vào, nếu vẫn còn mùi hôi thối thì nên treo hương thơm vào bốn góc phòng."

Còn trong luật Thập Tụng nói: "Lúc ấy có Tỳ kheo không nhai cành dương (tăm xỉa răng) trong miệng cho nên có mùi hôi thối, bèn thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: Cho phép nhai cành dương, bởi vì có năm lợi ích. Đó la@: 1- Miệng không đắng; 2- Miệng không hôi; 3- Trừ gió độc; 4- Trừ bệnh nhiệt; 5- trừ đàm giãi. Lại có năm điều lợi ích: 1- Trừ gió; 2- Trừ nhiệt; 3- Miệng có mùi vị; 4- Có thể ăn được; 5- Mắt sáng."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Không nhai cành dương có năm sai lầm: 1- Hơi miệng hôi thối; 2- Không dễ dàng phân biệt mùi vị; 3- Bệnh nóng âm ỉ không trừ hết; 4- Ăn không cảm thấy ngon; 5- Mắt không sáng."

Còn trong luật ngũ Phần nói: "Nhai xong nên xúc miệng mà nhổ bỏ, bởi vì sợ rằng sâu bọ ăn mà chết."

Còn trong Tam Thiên Oai nghi nói: "Sử dụng cành dương có năm điều: 1- Đoạn trừ nên như chừng mực; 2- Tước ra nên đúng như pháp; 3- Đầu nhai không được vượt quá ba phần; 4-Chải răng nên dùng được ba lần; 5- Nên dùng nước rửa để tự mình sử dụng.

Cạo lưỡi có năm điều: 1- Không được quá ba lần; 2- Trên lưỡi

chảy máu thì nên dừng lại; 3- Không được vung mạnh tay làm bẩn y Tăng già lê; 4- Bỏ cành dương không nên bỏ trên đường đi; 5- Nên đặt vào chỗ có ngăn che.”

***Phần thứ sáu:* MINH CHUNG**

Như kinh Phú Pháp tạng nói: “Lúc ấy có Quốc Vương tên là Kế Nặc tra, tham lam bạo ngược vô đạo, nhiều làn xuất binh chinh phạt, cưỡng bức nhân dân làm việc không biết thỏa mãng, khiến cho các vị vua khắp nơi phải bố trí quân đội phòng bị vùng sát biên giới, dân chúng rơi vào cảnh thân thích phân ly. Mọi người đều than oán, khổ sở như vậy, lúc nào mới yên ổn? Nên có thể chung lòng cùng nhau loại trừ tai họa, sau đó chúng ta mới được yên vui! Nhân lúc vua ác gặp bệnh nặng, khắp nơi nổi lên bắt lấy vua ác đè xuống, mọi người ngồi trên thân thể vua ác, trong chốc lát thì vua ác mất mạng. Nhờ nghe được Tỳ kheo Ni Mã Minh thuyết pháp nói rõ về nhân duyên, cho nên sanh vào trong biển rộng làm con cá ngàn đầu, vòng dao quay tròn trút xuống chặt đứt những chiếc đầu ấy, lại tiếp tục mọc ra, theo thứ tự lại chặt đi. Như vậy lần lượt trải qua cho đến vô lượng, trong phút chốc những chiếc đầu đầy tràn biển rộng. Lúc ấy có La Hán làm Duy na cho tăng, vua ác liền thưa bày rõ ràng: Nay vòng dao này nghe âm thanh kiền chùy, lập tức được dừng lại, trong thời gia ấy đau khổ ngưng lại phần nào, chỉ mong Đại đức rủ lòng thương xót, nếu đánh kiền chùy thì châm lại làm cho lâu dài hơn! La Hán nghĩ mà thương xót cho nên đánh kéo dài ra, qua bảy ngày sau báo khổ chịu liền chấm dứt. Từ đó trong chùa, bởi vì nhân duyên của vua ác kia, cho nên lần lượt truyền cho nhau, luôn luôn đánh kiền chùy, cho đến ngày nay vẫn còn như ban đầu phát khởi.”

Lời bàn: Đã biết rõ ý trong kinh, đánh chuông cứu giúp đau khổ, gồm để tạo trung Đại chúng, tức là cần đến Duy na. Lúc sắp cầm dùi đánh chuông, chắp tay nét mặt nghiêm trang, ý phát nguyện làm lợi cíh chúng sanh, nhờ vào tiếng chuông nghĩ đến điều thiện, thì báo khổ phải chịu sẽ chấm dứt.

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Nếu lúc đánh chuông, thì nguyện cho mọi khổ đau trong tất cả đường ác đều được dừng lại. Nếu nghe tiếng chuông và nói kệ tán, thì trừ được tội nặng sanh tử của năm trăm ức kiếp.

Làm oán thù-ma lực hàng phục,
Trừ hết kết buộc không còn gì,
Nơi trống trải đánh tiếng kiền chủy,

Tỳ kheo nghe lập tức quy tụ.
Những người mong muốn được nghe pháp,
Vượt qua dòng chảy-biển sanh tử,
Nghe được âm vang vi diệu này,
Tất cả nên đến đây tụ hội.”

Dựa vào kệ trong kinh khác:

“Nghe tiếng chuông nằm không ngồi dạy,
Hộ pháp-thiện thần đều tức giận,
Hiện tại bởi vì quả mỏng manh,
Báo đời sau nhận chịu thân rắn.
Ở nơi nào nghe thấy tiếng chuông,
Nằm thì nhất định phải ngồi dậy,
Chắp tay thành kính phát tâm thiện,
Hết thảy Thánh Hiền đều hoan hỷ.
Chuông lớn vang vang làm tỉnh ngộ chúng sanh,
Tiếng vọng khắp nơi vô lượng cõi mười phương,
Tất cả hàm thức chúng sanh đều nghe biết,
Bạt trừ đau khổ mê mờ cho chúng sanh.
Sáu thức thường mờ mịt suốt đêm khốn khổ,
Vô minh che phủ mê theo tình từ lâu,
Ngày đêm nghe tiếng chuông khai bày giác ngộ,
Lòng vui vẻ-chốn thanh tịnh được thần thông.”

Dựa theo Tuyên Luật Sư trú trì Cảm Ứng Ký nói: “trong viện Giới Luật ở tinh xá Kỳ Hoàn có chiếc chuông đồng nặng ba mươi vạn cân, Tứ Thiên Vương cùng nhau làm ra để mong muốn tập trung Thánh chúng khắp Đại thiên, Mục Kiền Liên dùng sức thần thông đánh chuông, tiếng phát ra chấn động khắp nơi đều nghe. Đài cao bảy trượng, hình chiếc chuông giống như chuông của nước Ngô, bốn mặt có nhiều cảnh tượng của mặt trăng-mặt rtời-tinh tú-núi rừng sông biển, cùng với những hình ảnh của đấu-hộc-cân-thước, Mục Kiền Liên đã đánh chuông thì tùy theo sự việc mà biểu lộ, tiếng chuông phát ra bày tỏ cho biết. Phàm Tăng đánh chuông, chỉ có tiếng phát ra mà thôi. Trong viện Giới Luật ấy còn có chiếc chuông lớn, đài cao bốn trăm thước, phía trên có chiếc chuông bằng vàng nặng mười vạn cân, hình thể giống như cái cốc, phía trên có một ngàn pho tượng Luân Vương, cũng có một ngàn người con, tất cả đầy đủ, còn có chín con rồng-hồ nước tám công đức và các loại tướng trạng trang nghiêm. Chiếc chuông lớn này do Luân Vương làm ra vào thời gian bắt đầu của kiếp, Thánh nhân thọ giới đã được thông báo

bằng cách đánh chuông, âm thanh rung chuyển Tam thiên thế giới, tất cả Thánh nhân nghe tiếng chuông đều chứng quả. Những chúng sanh trong đường ác nghe tiếng chuông biết được túc mạng của mình. Trong tinh xá Kỳ Hoàn có viện Luận Sư tách biệt, có một chiếc chuông đồng hình dáng giống như cái trống cơm, chiếc chuông này do Càn Thát bà Vương làm ra, phía trên có hình tượng của Phạm Vương-Đế Thích-ma vương-Tứ thiên vương-tám bộ trời rồng và những người nam... Nếu có ngoại đạo dị học muốn đến tranh luận, thì La Hán dùng thần thông đánh chuông, âm thanh chấn động tam thiên thế giới, các hạng ngoại đạo mong muốn dấy lên tranh luận nghe tiếng chuông này, thì các căn vụng về chậm chạp không còn can đảm phát ra lời nói. Nếu người có tâm tốt mong được giải quyết sự nghi ngờ, thì nghe tiếng chuông này mà khai mở Bồ đề đạt được phần vị bất thối chuyển.

Lại có viện khác gọi là viện Tu Đa la, có một chiếc chuông bằng đá hìh dáng giống như chuông của nước Ngô, như ngọc bích màu xanh có thể chứa được mười hộc, trên chóp mũi của chuông có hình tượng của trời Tam Thập Tam, bốn mặt dùng vàng bạc làm ẩn hiện mờ ảo, hai phía Đông-tây có gắn ngọc châu rất quý báu, chìm vào trong phần bnụng, lớn bằng năm Thăng, chiếu sáng phạm vi tám góc, hình dáng giống như đóa hoa, xung quanh làm hình tượng lúc mới thành đạo của chư Phật mười phương. Đến lúc mặt trời bắt đầu mọc, trên chuông có các hóa Phật thuyết giảng mười hai bộ kinh, Đồng nam-Đồng nữ trong thành Xá Vệ, đều đến nghe pháp mà chứng Thánh quả. Người phạm vào dục vọng thì không nghe pháp; Đại tướng Ma Ni dùng chày Kim cang đánh chuông, tiếng vang vọng trong trăm ức thế giới, nghe thấy ở trong ánh sáng có tiếng của trăm ngàn vị Phật Thích Ca thuyết về kinh pháp Tu Đa la. Chuông này là do Đức Phật Câu lâu tần (Câu Lưu Tôn) làm ra. Sau khi Đức Phật diệt độ, Long Vương Sa Kiệt thâu lấy, đến lúc Đức Phật Thích Ca xuất thế, Long Vương lại mang đến. Đến lúc Đức Phật sắp diệt độ thì trước đó chuông xướng to rằng: Sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết bàn. Chư Thiên trên chóp mũi chiếc chuông nghe tin đều rơi nước mắt. Sau đó Long Vương lại mang đi.

Còn phía trước phòng của A-nan, có một cái khánh bằng đồng, có thể chứa được chừng năm Thăng, vòng quanh bốn phía đều chạm vàng ròng, làm thành văn tự của Phật quá khư dạy bảo đệ tử, trên chóp chiếc khánh dùng vàng Tử Ma làm thành hình chín con rồng, trên lưng có hình tượng của trời-người. Cầm dùi đánh vào, âm thanh chấn động Tam thiên thế giới, trong âm thanh cũng nói về pháp của chư Phật dạy bảo

nhắc nhủ đệ tử. Chiếc khánh này do Phạm Thiên Vương làm ra, đến sau khi Đức Phật diệt độ, Long vương Sa Kiệt cũng thâu lấy đem vào cung điện dưới biển sâu.”

***Phần thứ bảy*: NHẬP CHÚNG**

Như luật Tứ Phần nói: “Muốn nhập chúng nên có đủ năm pháp: 1- Nên dùng tâm Từ; 2- Nên tự hạ mình như cái khăn lau bụi bẩn; 3- Nêu biết phép tắc ngồi xuống-đứng dậy, nếu gặp hàng Thượng tọa thì không nên ngồi yên mà không đứng dậy, nếu gặp hàng hạ tọa thì không cần phải đứng dậy; 4- Đến trong Tăng chúng không được nói năng lẫn tạp và bàn chuyện thế tục, hoặc tự mình nói-hoặc đề nghị người khác nói; 5- Nếu thấy trong Tăng xảy ra chuyện không vừa ý, tâm không thể nào chịu được, thì nên theo cách im lặng không nói mà trú.”

Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “Đệ tử hàng Thánh của Phật an trú hòa hợp vốn có hai pháp: 1- Nói năng như Hiền Thánh; 2- Im lặng như Hiền Thánh.”

(Nay thấy những nơi trai hội, hàng hậu sanh đến trước, đã được chỗ ngồi tốt nhất, nếu thầy hàng Thượng tọa-thấy dạy đến, cũng không đứng lên chào đón-nhường lại chỗ ngồi đúng theo lễ nghi, cuối cùng pháp hủy dệt, thật sự do hàng ít tuổi kiêu mạn. Lại thấy đến nhà sang trọng giàu có của người ta, hoặc trải qua tang sự mới mẻ còn nặng hiếu tình, hoặc vì cha mẹ quá vãng đã lâu nhớ ngày giờ mà thiết trai cầu nguyện, Tăng chúng phóng đãnh mặc tình vui thú ồn ào náo nhiệt làm loạn mọi người, há tránh khỏi thế gian chê bai đến loại cao Tăng hủ hóa chăng?)

Trong kinh Tam bảo Thiên Oai Nghi nói: “Hễ muốn lên chỗ nằm của mình thì nên có đủ bảy pháp: 1- Ngồi vào giường nhẹ nhàng; 2- Không được nằm sấp trên giường; 3- Không làm cho giường phát ra tiếng động; 4- Không được giũ mạnh giường làm cho có tiếng động; 5- Không được lớn tiếng than vãn tư duy về thế sự; 6- Không được nằm ôm nhau; 7- Theo đúng thời gian mà dậy từ sáng sớm.”

Trong luận Địa Trì nói: “Nếu thấy chúng sanh thì nên thăm hỏi tỏ vẻ hoan hỷ, hãy trước tiên nói năng mềm mỏng, nhìn thẳng vui vẻ hòa nhã, chánh niệm ở trước mắt. Nếu Bồ Tát biết những chúng sanh khác có công đức thật sự, vì tâm lý hiềm khích oán giận mà không nói cho người khác biết, cũng không ca ngợi; có người khác ca ngợi, mà không nói rằng lành thay, đó gọi là xúc phạm đến Đại chúng. Phạm nhiều là phạm, bởi vì khởi tâm nhiễm ô.” Trong luận Lương Nhiếp nói: “Nếu

Bồ Tát thấy chúng sanh thì nên vui cười nói lời thăm hỏi trước, sau đó ãy cùng nhau chuyện trò."

Trong luật Ngũ Phần nói: "Người không nhẫn nhục có năm sai lầm: 1- Hung ác không chịu nổi; 2- Về sau hối hận; 3- Nhiều người không thích; 4- Tiếng xấu lan truyền khắp nơi; 5- Chết rơi vào đường ác."

Phần thứ tám: CẦU PHÁP

Như kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Nếu không thành tựu 6 pháp, thì không thể nào xa lìa phiền não cấu uế đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Những gì là 6 pháp? Đó là: 1- Không thích nghe pháp; 2- Tuy nghe pháp nhưng không thâu nhiếp tai nghe kỹ càng; 3- Không vì sự nhận thức hiểu biết; 4- Không đạt được pháp mà không tìm cách chịu khó mong cầu; 5- Pháp đã đạt được không cố gắng giữ gìn; 6- Không thành tựu thuận theo pháp nhẫn. Trái với sáu loại này thì có thể xa lìa phiền não cấu uế đạt được pháp nhãn thanh tịnh."

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: "Không có người bạch y nào đạt được quả Phật, cần phải có ba mươi hai tướng tốt, xuất gia mặc pháp y- đầy đủ oai nghi mới có thể đạt được."

Trong luận Tạp Tâm nói: Biết vừa đủ dấy khởi ở trong hiện tại, ít ham muốn dấy khởi ở trong đời vị lai. Hiện tại không giữ lấy một đồng thì khó, vị lai không đạt đến địa vị Chuyển Luân Vương thì dễ."

Còn trong kinh Niết bàn nói: "Đối với tài sản chưa có được mà không sanh lòng tham, thì gọi là ít ham muốn; đối với tài sản mình có được mà không sanh lòng tham, thì gọi là biết vừa đủ. Biết vừa đủ là hiện tại, ít ham muốn là vị lai."

Phần thứ chín: SUY TƯỚNG

Như kinh Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Thắng Pháp Môn nói: "Đức Thế Tôn bảo rằng: Già có năm loại suy tổn. Đó là: 1- Suy tổn về râu tóc, bởi vì sắc màu của râu tóc ấy thay đổi hủy hoại. 2- Suy tổn về thân tướng, bởi vì hình sắc - da dẻ và sức lực đều bị suy tổn. 3- Suy tổn về việc làm, phát ra lời nói trong trạng thái hơi thở hổn hển, càng làm cho thân gấp gáp run rẩy; đứng thì còng lưng xuống, bởi vì sống lưng không còn có sức chịu đựng; ngồi thì cúi thấp xuống, bởi vì thân thể gầy yếu; đi cần phải tựa vào gậy, bởi vì thân hình suy sụp; mọi sự tư duy trí thức đều vụng về chậm chạp, bởi vì sự suy nghĩ mơ màng hỗn loạn. 4- Suy tổn về thọ dụng, đối với đồ dùng cung cấp hiện tại thì sự thọ dụng kém

đi; đối với vật dụng ưa thích thì tất cả không thể nào thọ dũng ngay lúa ấy được; đối với các cảnh giới do sắc căn thực hành, không thể nào thực hành mau lẹ sáng suốt, hoặc không thể thực hành được. 5- Suy tổn về mạng căn, bởi vì thọ lượng sắp hết mà tiến gần đến cái chết, cho nên gặp phải một chút duyên của cái chết thì không thể nào chịu đựng nổi."

Trong kinh A Hàm nói: "Đầu bạc có bốn nhân duyên: 1- Nhiều hỏa khí; 2- Nhiều lo buồn; 3- Nhiều bệnh; 4- Chủng loại ngắn ngủi. Người mang bệnh đầu bạc gầy ốm có bốn nhân duyên: 1- Ít ăn; 2- Có lo buồn; 3- Nhiều sầu khổ; 4- Có bệnh tật. Không điều hòa có bốn điều không nói trước với con người: 1- Đầu bạc; 2- Già yếu; 3- Bệnh tật; 4- Chết. Bốn điều này cũng không thể tránh được, cũng không thể loại trừ được. Tất cả các vị không qua khỏi tám loại: 1- Đắng; 2- Chát; 3- Cay; 4- Mặn; 5- Nhạt; 6- Ngọt; 7- Chua; 8- Không hiểu rõ vị gì."

Phần thứ mười: **TẠP HÀNH**

Trong luật Tứ Phần nói: "Tỳ kheo Bạt Nan Đà đi trên đường, cầm chiếc ô tròn lớn, các cư sĩ từ xa trông thấy, nói là hàng vua chúa hoặc quan lớn, sợ hãi mà tránh đường, nhìn kỹ mới biết là không phải. Tỳ kheo thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: Tỳ kheo không được cầm ô đi trên đường, cũng không được treo lên cao, lúc vì trời mưa thì cho phép ở trong chùa, dùng vỏ cây hoặc lá-hoặc tre làm ô che; cũng không được cầm quạt to rộng, nếu đi đường gặp nắng nóng, thì cho phép dùng lá cây hoặc vật khác làm quạt. Lúc ấy các Tỳ kheo bị sâu cỏ-bụi bặm rơi xuống thân mình, Đức Phật dạy: Cho phép để phủi đi, hoặc dùng cỏ cây-vỏ lá, hoặc dùng sợi dây lụa vải cắt vụn để làm quạt. Lúc ấy có Tỳ kheo nhặt được những vật phủi bụi còn thừa lại. Đức Phật dạy: Cho phép cất giữ. Lúc có Tỳ kheo trẻ tuổi không hiểu thời gian và việc làm mà nhiều lần tự mình vượt qua, tùy ý sử dụng coi như là ghi nhớ số lần đã vượt."

Lại trong luật Tứ Phần nói: "Lúc ấy các Tỳ kheo tự làm nhạc cụ, hoặc thổi nhạc khí cúng dường. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Những người ấy sợ mà cẩn thận không dám, nhưng bảo cho hàng bạch y đàn ca cúng dường. Đức Phật dạy: Cho phép. Đức Phật lại dạy: Nên cúng dường đồ ăn thức uống trong tháp. Mọi người không biết đồ ăn thức uống cúng dường trong tháp, ai thích hợp để ăn? Đức Phật dạy: Tỳ kheo, hoặc Sa di, hoặc Ưu bà tắc, hoặc người lo liệu tổ chức làm ra thì thích hợp để ăn."

Còn trong luận Tát Bà Đa nói: "Phàm là người xuất gia theo pháp vào chợ mua đồ vật, không được hạ thấp giá lấy vật của người khác, mắc tội Đột cát la. Y áo của chúng Tăng chưa nói lên ba lần thì được thêm giá, nói lên ba lần rồi thì không được thêm, chúng Tăng cũng không được cho y áo, bởi vì đã thuộc về người khác. Tỳ kheo ba lần xướng lên được y áo thì không nên hối hận, giả sử có hối hận thì không trả lại, chúng Tăng cũng không có ai trả lại."

Còn trong luận Tân Bà Sa: Hỏi: Dị sanh và Thánh giả, ai có sự sợ hãi? Đáp: Có người nói như vậy: Dị sanh còn có sợ hãi (Dị sanh trước kia gọi là phàm phu), Thánh giả thì không có gì sợ hãi. Vì sao như vậy? Bởi vì Thánh giả đã xa rời năm nỗi sợ hãi mạng chung; 5- Sợ đường ác."

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Đức Phật dạy: Ngọc châu Như Ý này là trong não của cá lớn Ma Kiệt sanh ra, thân cá dài hai mươi tám vạn dặm, ngọc châu này tên gọi là Kim Cang Kiên, có sức mạnh bậc nhất, có năng lực làm cho tất cả những người bị trúng độc nhìn thấy thì chất độc đều bi tiêu diệt, lại được ánh sáng tiếp xúc vào thân thể thì cũng tiêu hết chất độc. Sức mạnh thứ hai là người mắc bệnh sốt cao nhìn thấy thì bệnh trừ khỏi, ánh sáng chạm vào thân thể thì cũng được lành bệnh. Sức mạnh thứ ba là người có vô lượng trăm ngàn kẻ thù, cầm ngọc châu này thì tất cả trở thành thân thiện. Một móng tay móng chân của chư Thiên giá trị bằng vật của con người cả cõi Diêm Phù Đề."

Còn trong luật Tứ Phần nói: "Lúc các Tỳ kheo gặp nạn rắn bò vào phòng, Tỳ kheo chưa lìa dục rất sợ hãi. Đức Phật dạy: Mặc ý kinh sợ, hoặc lấy ống tre đựng rắn mà vất đi, hoặc lấy dây cột lại bỏ dưới đất mà thả ra. Có chuột chạy vào phòng, làm lồng chứa đem ra ngoài mà thả; gặp phải rít-bò cạp bò vào phòng, hoặc dùng đồ vật rách nát, hoặc nắm bùn lấy chổi quét đi, chứa vào trong mà bỏ ra ngoài, đem đi nơi khác thả ra. Nếu nhà cửa phòng ốc ban đêm sợ dơi bay vào, ban ngày sợ chim chóc bay vào, Đức Phật dạy: Cho phép dệt làm thành lưới thưa đề ngăn cản, hoặc làm gần song cửa để chặn lại. Lúc ấy có Tỳ kheo già bị bệnh, nhặt rận rệp bỏ hươi đất, Đức Phật dạy: Không nên như vậy, cho phép dùng đồ vật chứa vào, hoặc nhặt bỉ vào trong bông tơ, nếu rận rệp bò ra ngoài thì nên lấy ống tre mà chứa; nếu rận rệp thoát ra thì nên làm nắp bít ống tre lại, tùy theo lạnh nóng còn lấy thức ăn cáu bẩn mà uôi sống nó."

Lại trong luật Tứ Phần nói: "Lúc Tỳ kheo thuộc nhóm Lục quần học theo ngoại đạo sắp đạt vị trí nhà cửa-bói quẻ lành dữ-chú thuật viết

bùa-chú chi tiết-chú sát lợi-chú biết người sống chết lành-dữ, chú hiểu rõ được các âm thanh. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, hạng kia dạy cho người khác vì mạng sống của họ. Đức Phật dạy: Tất cả đều không nên như vậy.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại nước Tỳ Xá Ly, lúc ấy các Ly Xa cưỡi voi ngựa xe cộ và kiệu gánh, cầm dao nắm gươm, đến muốn gặp Đức Thế Tôn, họ để lại dao gậy ở ngaòi chùa, đi vào bên trong thăm hỏi Đức Thế Tôn. Lúc ấy các bạch y cầm dao kiếm đến nhờ các Tỳ kheo cất giữ, sợ mà thận trọng không dám nhận, Đức Phật dạy: Vì các đàn việt chịu khó cất giữ kỹ càng tất cả thì cho phép."

Còn trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: "Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh, bụi trên tượng cũng theo đúng như vậy, tuy không phải là kinh đích thực nhưng cần phải cẩn thận. Cũng không được đốt kinh cũ, mang tội nặng như đốt cháy cha mẹ; ai không biết có tội thì mang lỗi nhẹ."

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: "Ngồi gần đốt lửa có 7 điều không lợi ích gì: 1- Hư mắt; 2- Hủy hoại hình sắc; 3- Thân gầy yếu; 4- Áo quần dính bẩn hư hoại; 5- Đồ nằm hư hoại; 6- Phát sanh nguyên nhân phạm giới; 7- Thêm chuyện thế tục."

Phép tắc chăm sóc người bệnh, trong luật Tăng Kỳ nói: "người bệnh có chín pháp xảy ra, nhất định sẽ chết đột ngột: 1- Biết thức ăn không có lợi ích gì mà tham ăn; 2- Không biết mức độ; 3- Thức ăn bên trong chưa tiêu hết mà gắnh gượng giữ lại; 6- Ăn không tùy theo bệnh; 7- Tùy theo bệnh ăn mà không có mức độ; 8- Lười nhác; 9- Không có trí tuệ." Còn trong kinh Nguyệt Thượng Nữ nói: "Vợ của Duy Ma Cật, tên gọi là Vô Cấu, người vợ ấy 9 tháng sanh cô con gái, tên gọi là Nguyệt Thượng."

Còn trong kinh Phật thuyết Ly Cấu Thí Nữ nói: "Vua Ba Tư Nặc có cô con gái, tên gọi là Duy Ma La Đạt, thời Tấn nói là Ly Cấu Thí, năm ấy vào tuổi 12, đoan chánh xinh đẹp vô cùng, có trí tuệ thông minh tuyệt vời."

Còn trong kinh Chuyển Nữ Thân nói: "Vợ của Trưởng giả Tu Đạt, tên gọi là Tịnh Nhật, có cô con gái tên là Vô Cấu Quang."

Tụng rằng:

Bỏ sót giản yếu, mong bị hiểm nguy,
Vạn hạnh kiên trinh, lục trần mới khép.
Bừng bừng tâm lạnh, rõ ràng mặt ngọc,
Như quỳnh khuê kia, sáng không tỳ vết.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 100

Thiên thứ 100: TRUYỀN KÝ

Thiên này có 6 phần: Thuật ý, Phiên dịch, Tạp tập, Bát nhã, Hưng phước, Lịch toán.

Phần thứ nhất: **THUẬT Ý.**

Từng nghe: Dấu tích chín dòng sông-thẻ tre giấu gò thiêng, nối tiếp giữa bốn đường-sách cất giữ châu ngọc. Cũng có văn khắc đá của Tam Hoàng ở đồi xanh-phủ tím, chữ linh thiêng của Lục Giáp ở thẻ lục-dây vàng, lẽ nào như bí tang của Như Lai ví bằng ngọc sáng kia, bậ thầy của chư Phật giống như gương sạch ấy? Pháp Tứ Đế ở Lộc Uyển, văn Bát Tạng ở Ni Viên, sức mạnh to lớn của Hương Sơn há nói là có thể gánh nổi, hộp nhỏ quý báu của Long Cung cũng chưa hẳn có thể tính được. Bởi lẽ Đức Thích Ca-bậc thầy của chúng ta, gốc phước đức sâu dày gieo trồng từ thuở đầu của ba kỳ, quả vi diệu cao xa thành tựu vào cuối thời của trăm kiếp, lấy toàn bộ pháp giới mà làm trí, dùng tất cả hư không để làm thân, há chỉ có nhận lấy sức lực của trời đất-chu toàn đạo lý của vạn vật mà thôi ư? Vì vậy thân không nơi nào không có, mức lượng cuối cùng vượt ngoài quy củ, trí không có gì không làm, tác dụng tuyệt vời làm sao nghĩ bàn, không thể dùng việc người mà biết được, há có thể lấy xứ sở mà bàn ư? Chính là bậc Đại Sư của ba cõi, đi một mình giữa muôn đời. Tôi tự mình là kẻ bất tài, thì bàn luận làm sao hết được? Dù cho Chu Công chế lễ soạn nhạc, Khổng Tử nói Dịch khắc thơ, ngôn ngữ của Dư Tứ, văn học của Thương Yển, cho đến tả Nguyên-Phóng Cát-Tiên Tử-hà Thượng Công-Trụ Hạ Sử, đều chạy theo ở phía bên trong, đâu đủ để bàn luận ư? Tự hàm lnh chúng ta hết phước, đấng Pháp Vương ra đi từ đây, liền đưa đầu hướng về phía Bắc, bên sông A Lợi La Bạt Đề, xuân thu vừa tám mươi tuổi rồi. Ứng thân vỡ nát, máu chảy tìm đâu? Tranh nhau giải quyết nghi ngờ sau cuối, giành nhau hầu hạ cúng dường lâm chung. Than ôi! Đuối Trí-mây Từ tiêu diệu, đàn con đêm dài thật đáng thương xót! Thế là nhìn tướng tốt ở Hương Đàn, nhớ

dấu tích nơi Bối Diệp, thọ trì Tam Tạng, bổ xứ Tứ Y, mà phong thái bậc Thầy của chúng ta không hề suy sụp, nhưng Chánh pháp-Tương pháp gần thay đổi tình người bạc bẽo, thế hệ con người nay-xưa đến thời kỳ cuối. Đã hướng về phía Bắc, sau lại dần về Đông, cho nên Lưu Trang ngủ mộng thấy người vàng, Thái Âm khuyên chờ đợi Ma Đằng, Di Giáo lưu truyền đến đất Hán, bắt đầu mở rộng từ lúc này, đến nay hơn sáu trăm năm rồi. Từ đó về sau Khương Tăng Hội, Trúc Pháp Hộ, Phật Đồ Trừng, Cưu Ma La Thập, kế tục theo nhau truyền bá nghi thức, ra sức khơi thông dòng chảy Phương Đẳng, liền khiến cho bạn bè của Đạo Sanh-Đạo An, học trò của Tuệ Nhiêm- Tuệ Quán, đều có thể lặng im tiếng tìm nhau cùng quay về. Cho đến triều đại nhà Đường, Pháp sư Huyền Trang đức hạnh muôn đời sáng rực-danh tiếng cao vút trời mây trải qua lần lượt các nước, một trăm năm mươi xứ sở, phiên dịch tất cả kinh luận, gồm một ngàn năm trăm quyển, tất cả đều rất tốt đẹp, thật đáng ca ngợi vô cùng, kinh quyển quý báu trước sau, hầu như gần năm ngàn cuốn, pháp môn mở rộng khắp nơim, thiền môn phát sinh mạnh mẽ, đạo tục được hưởng lợi ích, làm sao có thể nói hết! Tôi thưở trẻ học tập văn chương chuẩn mực của Chu Khổng, cuối đời ngưỡng mộ lời lẽ sâu xa của Hoàng Lão, đều thật sự không vượt qua được dòng sông đau khổ, mà hãy còn sa vào trong ngôi nhà ngùn ngụt lửa! Thật là lâu dài-thật là rộng lớn, điều ấy chỉ có Phật giáo mới giúp độ thoát mà thôi! Thật sự là mong mỏi rửa sạch bụi bặm của bao đời trước, nhờ vào dấu tích xa xôi của bậc tài đức, quay về với Chánh đạo ày, tự thoát khỏi vũng bùn sâu, vốn gọi là người thanh thản lu dục, viên tướng giỏi phá tan mọi quân tà. Tôi vui mừng kết thân làm bạn, điều ấy nói là ở đây vậy. Nay nêu ra thế hệ phiên dịch trước sau, toàn bộ có mười tám thế hệ đã dịch ra các kinh hơn năm ngàn quyển. Phật pháp truyền đến phương Đông ba lần giáo pháp bị tiêu diệt, mất đi bản dịch từ kinh gốc, ba trăm mười bộ gồm có năm trăm ba mươi tám quyển. Nay ở đây nêu ra toàn bộ, kể lại niên đại của các Đế Vương, kinh điển của Đại-Tiểu thừa và cương yếu của từng bộ hộp, ghi lại đầy đủ người và pháp gởi gắm vào Đại Bổn, và thuật lại hàng đạo tục tài trí đức hạnh học rộng xưa nay, dựa vào kinh Phật, đã đưa ra Bách Gia Chư Tử xưa nay có hơn ba ngàn quyển. Lại nêu ra hàng Đế Vương trước sau phát huy phước thiện nhiều ít, đồng thời nêu ra niên đại ẩn hiện của Đức Phật giáng sanh ở cõi Diêm Phù, sơ lược tính theo thời gian. Sử dụng nội dung quan trọng như vậy cùng kèm theo sau đó, ngõ hầu các bậc trí tuệ tương lai cùng xem xét ghi nhận!

***Phần thứ hai:* PHIÊN DỊCH**

Trộm nhìn từ thế hệ trước có kinh đến nay, các bậc hiền đức ghi lại, cứ mỗi lần nói đến sự phiên dịch, không có ai không nói là dịch tiếng Hồ thành tiếng Hán. Vả lại, 9 châu ở Đông Hạ gọi tây Vức là Thiên trúc, đó là tên gọi chung. Hoặc gọi là Thân Độc. Như tiếng Phạn gọi phương này là Chỉ Na, hoặc gọi là Chân Đan, hoặc gọi là Chấn Đán. Đây là bởi vì thuận theo tiếng nói mà có Sở-Hạ vậy thôi. Nếu xác đáng thì gọi là Hán, Hán là chỉ cho họ Lưu trong hai đời cùng một hiệu, về sau nhường ngôi thì Ngụy-Tấn không giống nhau, cần phải dựa vào Đế Vương xưng gọi để phân biệt rõ ràng. Nay bởi vì ghi lại điều này mà biết cải chính. Nhưng gọi là Hồ thì lẫn lộn với người Nhung, chính là tộc người ở biên giới phía Tây, tương tự phương này có tộc người Khương-Man-Di, sao có thể kinh sách mà lại nói là tiếng Hổ? Đức Phật giáng sanh tại Thiên trúc, Sĩ tộc Bà la amôn ở xứ ấy, gọi chung là Phạm. Phạm là thanh tịnh, con cháu thừa kế của trời Quang Âm Sắc. Trời Quang Âm ấy, thì cõi Phạm Thế là cõi thấp nhất, thời kỳ bắt đầu của kiếp được thành tựu, đến nơi này ăn đất có vị ưa thích, thân trở thành nặng nề không trở về được, vì vậy mà làm loài người, vẫn dùng tên gọi vốn có của mình, cho nên gọi là Phạm. Ngôn ngữ và chữ viết đã giống như cõi trời, vì vậy xứ sở ấy gọi là Phạm thư-Phạm ngữ. Như ngày xưa Tăng đều gọi theo tục tánh (họ của thế tục), nói là Thích Ca, thì bắt đầu từ thời nhà Tần, có Sa môn Thích Đạo An, lúc ấy một mình vượt hẳn lên, lại có sự tỏ ngộ siêu phàm, mới nói rằng: Đã giữ lấy hình tướng đầu tròn áo vuông kế thừa dòng dõi Thích Ca, con tuy khác cha mà dòng họ không khác nhau, nay người xuất gia thì đương nhiên đều gọi là Thích Tử. Đến khi phiên dịch bộ kinh Tứ Hàm, quả nhiên nói la 4 chủng tánh xuất gia cùng chung một dòng họ Thích, khiến cho mọi người đều thán phục. Bốn chủng tánh ấy là: 1- Sát đế lợi, đây là dòng dõi vua chúa; 2- Bà la môn, là người có phẩm hạnh cao xa; 3- Tỳ xá, như dân chúng ở xứ sở này; 4- Thủ Đà, là hạng thấp hèn nhất, như hạng tôi tớ ở đất nước này. Nhưng mà Đạo An đang ở thời đại của tấn-tần, san định lại mục lục, chú giải và tóm lược các kinh, tự gọi là Di Thiên, theo phép tắc của thời kỳ cuối, hãy còn nói là dịch từ tiếng Hồ thành tiếng tần. Đây cũng là một mảnh nhỏ của Côn Sơn, chứ chưa đạt đến điểm cao tốt đẹp nhất. Nhưng bắt đầu từ những nới có ngôn ngữ của dân tộc Hồ, đều dùng chữ Phạm để thay thế, ngõ hầu người có trí tuệ sau này, bàn luận thông thạo để đạt được sự chính xác thật sự của ngôn ngữ vậy.

Triều đại nhà Hậu Hán truyền cho đạo tục gồm mười hai người

phiên dịch, đã dịch ra các kinh luật gồm ba trăm ba mươi bốn bộ có bốn trăm mười sáu quyển, kinh mất bản dịch có một trăm hai mươi lăm bộ gồm một trăm bốn mươi tám quyển.

Triều đại nhà Tiều Ngụy truyền cho Tăng gồm sáu người phiên dịch, đã dịch ra các kinh luật gồm mười ba bộ có hai mươi bốn quyển.

Triều họ Tôn-Nam Ngô truyền cho đạo tục gồm bốn người phiên dịch, đã dịch ra kinh truyện gồm một trăm bốn mươi tám quyển, kinh mất bản dịch có một trăm mười bộ gồm hai trăm chín mươi mốt quyển.

Triều đại nhà tây Tấn truyền cho đạo tục gồm mười ba người phiên dịch, đã dịch ra các kinh giới gồm bốn trăm năm mươi mốt bộ có bảy trăm mười bảy quyển, kinh mất bản dịch có tám bộ gồm mười lăm quyển.

Triều đại nhà Đông Tấn truyền cho đạo tục gồm hai mươi bảy người phiên dịch, đã dịch ra kinh truyện gồm hai trăm sáu mươi ba bộ có năm trăm tám mươi lăm quyển, kinh mất bản dịch có năm mươi ba bộ gồm năm mươi sáu quyển.

Triều họ Phù-Tiền Tần truyền cho Tăng gồm tám người phiên dịch, đã dịch ra các kinh truyện gồm bốn mươi bộ có hai trăm ba mươi tám quyển.

Triều họ Khất Phục-Tây Tần truyền cho Tăng chỉ có một người phiên dịch, kinh đã dịch ra gồm mười bốn bộ có hai mươi mốt quyển, kinh mất bản dịch có tám bộ gồm mười một quyển.

Triều họ Diêu-hậu tần truyền cho Tăng gồm tám người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm một trăm hai mươi bốn bộ có sáu trăm sáu mươi hai quyển.

Triều họ Tữ Cừ-bắc Lương truyền cho đạo tục gồm tám người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm ba mươi hai bộ có hai trăm hai mươi bốn quyển, kinh mất bản dịch có năm bộ gồm mười bảy quyển.

Triều đại nhà Tống truyền cho đạo tục gồm hai mươi ba người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm hai trăm mười chín bộ có bốn trăm chín mươi quyển.

Triều đại nhà Tiền tề truyền cho đạo tục gồm mười chín người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm bốn mươi bảy bộ có ba trăm bốn mươi sáu quyển.

Triều đại nhà Lương truyền cho đạo tục gồm hai mươi mốt người phiên dịch, kinh luật và truyện đã dịch ra gồm chín mươi bộ có bảy trăm tám mươi quyển.

Triều họ Nguyên – hậu Ngụy truyền cho đạo tục gồm mười ba

người phiên dịch, kinh luận và truyện ký đã dịch ra gồm tám mươi bảy bộ có ba trăm lẻ hai quyển.

Triều họ Cao-hậu tề truyền cho đạo tục gồm hai người phiên dịch, kinh luận đã dịch ra gồm bảy bộ có năm mươi ba quyển.

Triều họ Vũ Văn – Hậu Chu truyền cho đạo tục gồm mười một người phiên dịch, kinh luận và thiên văn đã dịch ra gồm ba mươi bộ có một trăm lẻ bốn quyển.

Triều đại nhà Trần truyền cho đạo tục gồm ba người phiên dịch, kinh luận và truyện sớ đã dịch ra gồm bốn mươi bộ có ba trăm bốn mươi bảy quyển.

Triều đại nhà Tùy truyền cho đạo tục hơn hai mươi người phiên dịch, kinh luận đã dịch ra hơn chín mươi bộ có hơn năm trăm mười quyển.

Hoàng triều truyền cho các vị Tăng gồm mười một người phiên dịch, những kinh luận đã dịch ra hơn hai trăm bộ gồm có hơn 1năm trăm quyển.

Còn các kinh-luật-truyện gồm tám trăm bộ [có ba ngàn ba trăm sáu mươi mốt quyển, tất cả là 56.170 tờ] ba trăm hai mươi sáu hộp [trừ ra số kinh mới phiên dịch].

Kinh Đại thừa dịch một lần gồm hai trăm lẻ bốn bộ (có sáu trăm tám mươi lăm quyển-11.042 tờ) sáu mươi sáu hộp.

Kinh Đại thừa phiên dịch lại gồm hai trăm lẻ hai bộ (có bốn trăm chín mươi bảy quyển-7.290 tờ) bốn mươi chín hộp.

Kinh Tiểu thừa dịch một lần gồm một trăm lẻ tám bộ (có bốn trăm ba mươi lăm quyển-6.690 tờ) bốn mươi chín hộp.

Kinh Tiểu thừa phiên dịch lại gồm chín mươi sáu bộ (có một trăm mười bốn quyển-chín trăm chín mươi chín tờ) sáu hộp.

Luật Tiểu thừa gồm ba mươi lăm bộ (có hai trăm bảy mươi bốn quyển-5.813 tờ) hai mươi tám hộp.

Luận Đại thừa gồm bảy mươi bốn bộ (có năm trăm lẻ hai quyển-9.130 tờ) năm mươi hai hộp.

Luận Tiểu thừa gồm ba mươi ba bộ (có sáu trăm bảy mươi sáu quyển-12.177 tờ) 68 hộp.

Hiền Thánh Tập truyện gồm bốn mươi chín bộ (có một trăm tám mươi bốn quyển-2.808 tờ) mười tám hộp.

Phần thứ ba: **Tạp Tập.**

Từ vườn Lộc Dã (Tiên Uyển) công việc đã xong, đến sông Kim Sa

(Kim Hà) yên lặng vượt qua, văn tự diễn đạt đầy đủ các loại, đưa đường dẫn lối giúp người được thoát, tùy theo căn cơ mà thiết lập phương pháp, thuận với tính cách mà nói rõ thanh giáo, cả cuộc đời giáo hóa phủ toàn bộ Đại thiên, người tiếp nhận đạo lý ấy khó mà chỉ trích, người truyền đạt tông chỉ ấy dễ dàng hiểu rõ. Như ý có thể lưu truyền khắp nơi Đông Hạ, thời gian trải qua đã sáu trăm năm, phiên dịch kinh pháp thành tiếng địa phương, số quyển gồm có năm ngàn; đạo tục tài năng xuất chúng, dựa vào tông chỉ Thánh Hiền, văn đã phiên dịch ghi lại gồm có hơn ban ngàn quyển, trang nghiêm Phật pháp ruyền bá mở rộng Thánh giáo, văn từ sáng rực-ý nghĩa sâu xa tuyệt vời thật là đáng quý. qua bao thời đại ẩn hiện, bộ-hộp thất lạc tản mát, tuy rằng có số lượng lớn, nhưng không đủ là số nhiều, tìm hiểu khắp Trường An thì giảm mất đến cả ngàn quyển, chỉ nghe trong chùa Đông Lâm thuộc vùng Lư Sơn, tức là chốn Già lam do Pháp sư Tuệ Viễn thời nhà Tấn lập nên, duy trì và nắm giữ bộ phận chủ yếu của tất cả các kinh cùng với các loại khác (tạp tập), tất cả làm thành tạng riêng biệt và sắp xếp rất đầy đủ, người làm công việc trông coi quản lý canh giữ vô cùng nghiêm ngặt cẩn thận, lại thay thế lẫn nhau trao truyền và tiếp nhận số lượng, nghĩ rằng sau này giáo pháp hủy diệt thì biết giáo còn đầy đủ ở đây. Nay thuận theo những gì đã thấy nghe, đưa ra đầy đủ như dưới đây (Sau này có người thấy được điều gì. Mong rằng bổ sung vào nơi ấy).

+ Kỳ Xà Quật Sơn Giải (xem trong Tăng Hựu Lục), Chúng Kinh Mục. Hai bộ này do Sa môn Trúc Pháp Hộ thời Tây Tấn đưa ra.

+ Luận-Tức Sắc Du Huyền, Luận-Biện tam Thừa, Luận-Thích Mông, Luận-Thánh Bất Biện Tri, Đạo Hành Chỉ Quy, Bổn nghiệp Tứ Đế Tự (tựa), Bổn Khởi Tứ Đế Tự. Bảy bọ này có bảy quyển, đến thời Ai Đế nhà Dông tấn, Sa môn Chi Độn (tự là Đạo Lâm) soạn ra.

+ Tù Đàm Chỉ Quy. Một quyển này, vào thời Ai Đế nhà Tấn, Sa môn Trúc Tăng Kiền soạn ra.

+ Lịch Du Thiên Trúc Ký truyện, có một quyển. Một quyển này, vào thời Đông Tấn, Sa môn Thích Pháp Hiển ở Bình Dương soạn ra.

+ Luận-Pháp Tánh, Luận-Minh Báo Ứng, Luận-Thích Tam Báo, Luận-Biện Tâm Thức, Luận-Bất Kính Vương Giả, Luận-Sa Môn Đản Phục, Tán-Phật Ảnh, Tựa-Kinh Diệu Pháp Trí Độ, Đại Trí Độ Luận Yếu Lược Sao hai mươi quyển, Vấn Đại thừa Trung Thâm Nghĩa Thập Bát Khoa và La Thập Pháp Sư Đáp. Mười ba bộ này, toàn bộ có 3năm quyển, vào thời Tấn Hiếu Vũ và Tấn An Đế, Sa môn Thích Tuệ Viễn ở Lư Sơn soạn ra.

+ Luận-Thần Vô Hình, có một quyển. Một quyển này, vào thời Đế nhà Đông tấn, Sa môn Thích tăng Phu ở chùa Ngõa Quan-Dương Đô soạn ra.

+ Tử chú kinh Duy Ma Cật – năm quyển, Luận-Cùng Thông. Hai bộ này có sáu quyển, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn, Sa môn Thích Đàm Sằn (là đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn) ở chùa Đông Lâm-Lư Sơn soạn ra.

+ Luận-Nhân Vật Thỉ Nghĩa. Luận này có một quyển, vào thời tấn Vũ Đế, Sa môn Thích Pháp Sướng soạn ra.

+ Truyện-Cao Dật Sa Môn. Truyện này có một quyển, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà tấn, Sa môn Thích Pháp tế ở Mão Sơn-Diệm Đông soạn ra.

+ Chín thiên của luận Lập Bổn, mười hai bài của Lục Thức Chỉ Quy. Hai quyển này, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn, Sa môn Thích Dàm Vi ở chùa Thượng Minh-Kinh Châu soạn ra.

+ Truyện-Mã Minh Bồ Tát, truyện-Long Thọ Bồ Tát, truyện-Đề bà Bồ Tát, luận-Thật Tướng (Pháp sư La Thập chú giải). Bốn quyển này, đến thời Tấn An Đế nhà hậu Tần, Pháp sư Cưu Ma La Tập người nước Thiên Trúc dịch và soạn ra.

+ Luận-Bát Nhã Vô Tri, Luận-Bất Chân Không, Luận-vật Bất Thiên, Luận-Niết bàn Vô Danh. Bốn quyển này, vào thời Tấn An Đế, Sa môn Thích Tăng Triệu ở vùng Kinh Triệu soạn ra.

+ Luận- Thích Bác. Luận này có một quyển, vào thời Tấn An Đế, Sa môn Thích Đạo Thường soạn ra.

+ Luận-Thiện Bất Thọ Báo, Luận- Phật Vô Tịnh Độ, Luận-Ứng Hữu Duyên, Luận-Đốn Ngộ Thành Phật, Luận-Phật Tánh Đang Hữu, Luận-Pháp Thân Vô Sắc, Luận-Nhị Đế. Bảy quyển này, đến đầu rtiểu đại nhà Tống, Sa môn Trúc Đạo Sinh ở chùa Long Quang soạn ra.

+ Tam bảo Ký-hai mươi quyển, Tịnh trú tử-hai mươi quyển, Tuyên Minh Nghiệm-ba quyển, Tạp Nghĩa Ký-hai mươi quyển. Bốn bộ này gồm có sáu mươi ba quyển, Tư đồ cánh lăng Văn Tuyên Vương-Tiêu Tử Lương thời nhà Tề soạn ra.

+ Luận-Thừa Thiên Đạt Tánh, Oan Hồn Chí-hai quyển, Giới Sát Huấn-1 quyển. Ba bộ này, Quang lộc đại phu Nhan Chi Thôi thời nhà Tề soạn ra.

+ Luận- Thuật Tăng Trung Thực, một quyển. Một bộ này do Thẩm Hưu Văn thời Nam tề soạn ra.

+ Minh Tường Ký, mười quyển. Một bộ này do Vương Diễm thời

nhà Tề soạn ra.

+ Xuất Tam Tạng tập Ký-mười sáu quyển, Pháp Uyển tập-mười lăm quyển, Hoằng Minh Tập-mười bốn quyển, Thế Giới Ký-mười quyển, Tát Bà Đa Sư Tư Truyện-năm quyển, Thích Ca Phổ – bốn quyển, Đai Tập Đẳng Tam Kinh Ký, Hiền Ngu Kinh Ký, Tập Tam Tạng Nhân Duyên Ký, Luật Phần ngũ Bộ Ký, Kinh Lai Hán Địa Tứ Bộ Ký, Luật Phần Thập Bát Bộ Ký, Thập Tụng Luật ngũ Bách La Hán Ký, Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa Ký. Mười bốn bộ nàt gồm bảy mươi hai quyển, đến triều đại nhà Lương do Sa môn Thích Tăng Hựu ở chùa Kiến An-Dương Châu soạn ra.

+ Chúng Kinh Yếu lãm Pháp Kệ, có hai mươi mốt bài. Một quyển này vào thời Lương Vũ Đế, Sa môn Thích Đạo Hoan soạn ra.

+ Khởi Tín Luận Sớ, hai quyển. Một bộ này vào năm thứ tư thời Lương Thái Thanh, Pháp sư Chân Đế soạn ra.

+ Chúng Kinh Yếu Sao-một bộ và Mục Lục mười tám quyển. Một bộ này do Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho các Sa môn như Thích Tăng Mân... chùa Trang nghiêm, ở chùa Định Lâm Thượng soạn ra.

+ Hoa Lâm Phật Điện Chúng Kinh Mục Lục-bốn quyển. Một bộ mịc lục này có bốn quyển, do Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho Sa môn Thích Tăng Thiệu chùa An Lạc soạn ra.

+ Kinh Luật Dị Tướng- 1 bộ và Mục Lục gồm năm mươi lăm quyển, Danh Tăng Truyện và lời tựa cùng mục lục gồm ba mươi mốt quyển, Chúng Kinh Cúng Thánh Tăng Pháp-năm quyển, Chúng Kinh Mục Lục-bốn quyển, Chúng Kinh Hộ Quốc Thần Danh Lục-ba quyển, Chúng Kinh Chư Phật Danh-ba quyển (soạn ra trong 1sáu năm), Chúng Kinh Ủng Hộ Quốc Độ Chư Long Danh Lục-1 quyển, Chúng Kinh Sám Hối Diệt Tội Pháp-ba quyển, Xuất Yếu Luật Nghi-hai mươi quyển. Chín bộ này gồm có 1hai mươi hai quyển, Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho các Sa môn Thích Bảo Xướng... chùa Trang nghiêm soạn và thu thập.

+ Đại Bát Niết bàn Kinh Tử Chú, một bộ bảy mươi quyển. Một bộ này có bảy mươi quyển, triều đại nhà Lương có Sa môn Thích Tuệ Minh chùa Kiến An chú thích.

+ Nghĩa Lâm, một bộ tám mươi quyển. Một bộ này có tám mươi quyển, Giản Văn Đế triều nhà Lương ban sắc chỉ cho Sa môn Thích Trí Tạng cùng hai mươi Đại đức chùa Khai Thiện soạn ra.

+ Nội Điển Bác Yếu, 1 bộ bốn mươi quyển. Một bộ này có bốn mươi quyển, Vương Ký Thất và Ngu Hiếu Kính ở Tương Đông soạn ra rất giống nhau, nhà vua xem tương tự đẳng cấp cao quý, sau được xuất

gia đổi tên là Tuệ Mạng.

+ Cao Tăng Truyện, một bộ gồm mười bốn quyển và mục lục. Một bộ này, vào triều đại nhà Lương có Sa môn Thích Tuệ Giảo chùa Gia Tường vùng Cối Kê soạn ra.

+ Phạt Ma Chiếu-một quyển. Một bộ này do Tăng Hội thời nhà Lương soạn ra.

+ Chuyển Pháp Luân Luận, một bộ mười tám mươi quyển. Một bộ này có mười tám mươi quyển, triều đại nhà Lương ban sắc chỉ cho các Đại Đức và các Học Sĩ soạn ra.

+ Bà La Môn Thiên Văn, một bộ hai mươi quyển. Một bộ này có hai mươi quyển, niên hiệu Thiên Hòa-Lương Vũ Đế, Sa môn Thích Đạt Ma và Pháp Sư Lưu Chi nước Ma Lặc dịch ra.

+ Đại Phẩm Kinh Tử Chú, một bộ năm mươi quyển. Một bộ này do Lương Vũ Đế chú thích.

+ Pháp Bảo Liên Bích- hai trăm quyển.một bộ này do Giản Văn Đế nhà Lương tức là Tiêu Cương, ban ngày vào trong trữ Cung, tự mình xem trong kinh luận, chỉ huy xét định phân lọa, chỉ thị cho các Học sĩ biên chép liên tục mà thành, có mở rộng và tóm lược giống như Hoa lâm.

+ Kinh Sư Tháp Tự Ký, một bộ hai mươi quyển. Một bộ này, triều nhà Lương có Thương thự Binh bộ lang trung cùng Sử quán Học sĩ Lưu Cù nhận sắc chỉ soạn ra.

+ Luận-Thần Bất Diệt có một quyển. Một bộ này, triều nhà Lương có Trịnh Đạo Tử soạn ra.

+ Bà Tẩu Bàn Đậu Truyện-một quyển, Phiên Ngoại Quốc Ngữ-7 quyển, Chúng Kinh Thông Tự-hai quyển. Ba bộ này gồm có mười quyển, triều nhà Trần có Tam tạng Pháp sư Câu Na La ở nước Ưu Thiền Ni thuộc Tây Thiên Trúc, thời Trần phiân là Chân Đế, dịch ra.

+ Lạc Dương Địa Già Lam Ký, một bộ năm quyển. Một bộ này có năm quyển, đến thời Nguyên Ngụy ở Nghiệp Đô có Dương Huyền Chi giữ quận thành soạn ra trong một năm tròn.

+ Luận-ngũ Minh (Thanh minh-Y phương-Công xảo-chú thuật và nhân minh). Năm luận này, đến thời Ngụy Minh Đế, có Tam tạng Luật sư Nhướng Đa Bạt Đà La người nước Ba Đầu Ma cùng với Xà Na Da Xá, ở tại thành cũ Trường An dịch ra.

+ Chu Chúng Kinh Yếu-hai mươi hai quyển, Nhất Bách Nhị Thập Pháp Môn-một quyển. Hai bộ này gồm hai mươi ba quyển, Thừa tướng nhà Ngụy là Vương Vũ Văn Hắc Thái chỉ thị cho Sa môn Thích Đàm

Hiển cùng soạn ra.

+ Thích Lão Tử Hóa Hồ Truyện-một quyển, Thập Bát Điêu Nạn Đạo Chương-một quyển. Hai quyển này, vào triều nhà Chu có Sa môn Thích Tăng Mãnh chùa Nguyện Quả-Tân Châu soạn ra.

+ Luận-Tán Hoa, một bộ tám quyển. Một bộ này có tám quyển, vào thời nhà Chu có Sa môn Thích Tuệ Thiện chùa Thê Huyền-Dương Châu soạn ra.

+ Luận-Chí Đạo, luận-Thuần Đức, luận-Khiển Chấp, luận-bất Sát, luận-Khứ Thị Phi, luận-Tu Không, luận-Ảnh Dụ, minh-Pháp Giới Bảo Nhân, Văn-Yếm Thực Tưởng, truyện-Tăng Nha Bồ Tát, truyện-Thiều Pháp Sư, truyện-Nghiệm Thiện tri Thức. Mười hai bộ này gồm mười hai quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế, có Sa môn mất tên biên soạn.

+ Tam bảo tập, một bộ mười một quyển. Một bộ này có mười một quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế, có Sa môn Thích Tịnh Ái dựa theo các kinh soạn ra.

+ Luận-Tam Giáo, một quyển. Một quyển này, triều nhà Chu thời Vũ Đế, Sa môn Thích Đạo An soạn ra.

+ Luận-Tiếu Đạo, một bộ ba quyển. Một bộ này có ba quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế ban chỉ cho Tư Lệ-Mẫu Cực-Bá Chân-Loan Thuyên trước khi tiến hành nhận định về Phật giáo và Đạo giáo.

+ Chu Cao Tổ Vấn Nạn Phật pháp, một bộ hai quyển. Một bộ này có hai quyển, Chu Vũ Đế cùng với Tăng ở Nghiệp Đô trước kia nhận lời Đạo Lâm bàn luận, Vũ Đế ban sắc chỉ soạn ra.

+ Luận-Vương Thị Phá Tà, một quyển. Một bộ này có một quyển, thời Chu Vũ Đế, trước Sa môn vùng Tương Châu, nhà vua công khai trả lời tất cả mọi câu hỏi của Vệ Nguyên Tung về sự việc phá hoại Phật pháp.

+ Luận-An Dân mười hai quyển, luận-Đào Thần mười quyển, luận-Nhân Quả hai quyển, Ký-Thánh Tích một quyển. Bốn bộ này gồm có hai mươi lăm quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Linh Dụ chùa Đại Từ vùng Tương Châu soạn ra.

+ Đối Căn Khởi Hạnh Tạp Lục tập-ba mươi sáu quyển, Tam Giai Vị Biệt Lục Tập-bốn quyển. Hai bộ này gồm bốn mươi quyển, đầu thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tín Hành chùa Chân Tịnh vùng Tây Kinh soạn ra.

+ Chúng Kinh Mục Lục-bảy quyển. Bảy quyển này, năm thứ 14 niên hiệu Khai Hoàng triều nhà Tùy, Sa môn Thích Pháp Kinh chùa Đại Hưng Thiện cùng 20 Đại Đức phụng mạng sắc chỉ soạn ra, Sa môn Minh

Mục chùa Dương Hóa và Sa môn Ngạn Tông chùa Nhật Nhiêm, phân tích rõ ràng kiểm tra tỉ mỉ làm cho hoàn chỉnh.

+ Luận-Thập Chủng Đại thừa có một quyển này, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tăng xán chùa Đại Hưng Thiện soạn ra.

+ Luận Tràng, có ba mươi mốt quyển. Một bộ này có ba mươi mốt quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tăng Côn chùa Đại Hưng Thiện sưu tập lại.

+ Phàm Thánh Lục Hạnh Pháp-hai mươi quyển (cùng có nơi biên tập làm thành mười quyển-bảy quyển-năm quyển-ba quyển hoặc một quyển). Một bộ này gồm có bốn6 quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Đạo Chánh ẩn dật tại Thương Châu soạn ra.

+ Truyện-Đạt Ma Kiệp Đa bốn quyển, luận-Thông Cựu một quyển, luận-Biện Giáo một quyển, luận-Biện Chánh một quyển, luận-Thông Học một quyển, Thiện tài Đồng Tử Chư tri Thức Lục một quyển, Tân Dịch Kinh Tự, lậun-Phước Điền một quyển, luận-Tăng Quan một quyển, Tây Vực Huyền Chí mười quyển. Mười bộ này gồm hai mươi hai quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Ngạn Tông chùa Nhật Nghiêm soạn ra.

+ Thuật Thích Đạo An Trí Độ Luận Giải-hai mươi bốn quyển, luận-Tồn Phế một quyển, luận-Thương Học một quyển, luận-Yếm Tu một quyển. Bốn bộ này gồm hai mươi bảy quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tuệ Ảnh chùa Xá Vệ-trường An soạn ra.

+ truyện-Tinh Dị, một bộ hai mươi quyển., một bộ hai mươi quyển này, thời nhà Tùy có Tú tài Nho lâm-Lang hầu Quân tố, phụng mạng sắc chỉ của Văn Hoàng Đế soạn ra.

+ Luận-Thông Mạng, một bộ hai quyển. Một bộ này có hai quyển, thời nhà Tùy có Đạo sĩ Từ Đồng Khanh ở phủ Tấn Vương soạn ra.

+ Nội Ngoại Bàng Thông Tỉ Giảo Số Pháp-1 quyển. Một quyển này, thời nhà Tùy có Học Sĩ phiên dịch kinh điển là Lưu Bằng ở Kinh DƯơng soạn ra.

+ Khai Hoàng Tam bảo Lục-mười lăm quyển. Một bộ này có mười lăm quyển, thời nhà Tùy có Học Sĩ phiên dịch kinh điển là Phí Trường Phòng ở Thành Đô soạn ra.

+ Chúng Kinh Pháp Thức-mười quyển. Một bộ này có mười quyển, năm thứ 15 thời Khai Hoàng nhà Tùy, Văn Đế ban sắc chỉ cho quan lại soạn ra.

+ Luận-Phiên Kinh pháp Thức mười quyển, Chư Tự Bi Minh ba quyển. Hai bộ này gồm mười ba quyển, do Sa môn Thích Minh tắc

phiên dịch kinh pháp ở thời Hậu Tùy soạn ra.

+ Tự Nội Pháp-1 quyển, Nội Huấn-một quyển. Hai quyển này do Sa môn Thích Hành Cự phiên dịch pháp ở thời Hậu Tùy soạn ra.

+ Hương Thành Cam Lộ-năm trăm quyển. Một bộ này có năm trăm quyển, thời Hậu Tùy sắc chỉ cho Sa môn Thích Trí Quả ở đạo tràng Tuệ Nhật và các quan cùng nhau soạn ra.

+ Luận-Tam Đức một quyển, Nhập Đạo Phương Tiện Môn hai quyển, luận-Kính Dụ một quyển, Vô Ngại Duyên Khởi một quyển, Thập Chủng Độc Kinh Nghi một quyển, Vô Tận Tạng Thối một quyển, Lễ Phật nghi Thức một quyển. Mười bộ này gồm mười hai quyển, thời nhà Đại Đường có Sa môn Thích Huyền Uyển chùa Diên Hưng-tây Kinh soạn ra.

+ Luận- Phá Tà một quyển, luận-Biện Chánh tám quyển. Hai bộ này có chín quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Lâm chùa Long Điền vùng Chung Nam Sơn soạn ra.

+ Luận-Tích Nghi một quyển, Tục Thi Uyển Anh Hoa mười quyển, chú-Kim Cang Bát Nhã Kinh một quyển, Chư Kinh Giảng Tự một quyển. Bốn bộ này gồm mười ba quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Tịnh chùa Kỷ Quốc-Tây Kinh soạn ra.

+ Luận-Nội Đức một quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có môn đệ trông coi về lễ tiết là Lý Sư Chính soạn ra.

+ Luận-Biện Lượng Tam Giáo ba quyển, luận-Thiền Quán Tứ Thuyên mười quyển. Hai bộ này gồm mười ba quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Vân chùa Tây Minh ở Kinh Sư soạn ra.

+ Chú-Tăng Ni Giới Bổn hai quyển (Sớ lý bốn quyển), chú-Yết Ma hai quyển (Sớ ký hai quyển), Hành Sự Bổ Luật Nghi ba quyển, Thích Môn Chánh Hạnh Sám Hối Nghi ba quyển, Thích Môn Vong Vất Khinh Trọng Nghi một quyển, Thích Môn Chương Phục Nghi một quyển, Thích Môn Quy Kính Nghi một quyển, Thích Môn Hộ Pháp Nghi một quyển, THích Thị Phổ Lược một quyển, Thánh Tích Kiến Tại Đồ Tán một quyển, Phật Hóa Đông Tiệm Đồ Tán hai quyển, Thích Ca Phương Chí hai quyển, Cổ Kim Phật Đạo Luận Hoành hai quyển, Đại Đường Nội Điển Lục mười quyển, Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, Hậu Tập Tục Cao Tăng Truyện mười quyển, Quản Hoằng Minh Tập ba mươi quyển, Đông Hạ Tam bảo Thông Ký ba quyển, Tây Minh Tự Lục một quyển, Cảm Thông Ký một quyển, Kỳ Hoàn Đồ hai quyển, Di Pháp Trú Trì Cảm Ứng bảy quyển.

Hai mươi hai bộ này gồm một trăm bảy mươi bảy quyển, thời nhà

Đường có Sa môn Thích Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh soạn ra.

+ Thiền Lâm Sáo Ký-ba mươi quyển. Một bộ này có ba mươi quyển, do Sa môn Hội Ẩn ở chùa Hoằng Phước-Tây Kinh cà Sa môn Huyền Tắc chùa Tây Minh cùng tất cả mười người, vào năm thứ hai thời Đường lân Đức, vân theo sắc chỉ đến nơi Tu thư (nơi biên soạn sách) ở Long Môn phía Tây cổng Bắc, từ trong tất cả các kinh tóm tắt trích ra.

+ Chú-Kim Cang Bát Nhã Xá Vệ Quốc hai quyển. Một bộ này có hai quyển, do Sa môn Huyền Tắc chùa Tây Minh chú thích vào năm thứ hai thời Đường Lân Đức.

+ Đại Đường Tây Vực Truyện-mười hai quyển. Một bộ này có mười hai quyển, thời nhà Đường có Sa môn Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở Tây Kinh nhận sắc chỉ soạn ra.

+ Pháp Uyển Châu Lâm một trăm quyển, Chư Kinh Yếu Tập hai mươi quyển, Đại Tiểu Thừa Thiền Môn Quán mười quyển, Thọ Giới Nghi Thức bốn quyển, Lễ Phật Nghi Thức hai quyển, Đại thừa Lược Chỉ Quán một quyển, luận-Biện ngụy Hiển Chân một quyển, luận-Kính Phước ba quyển, Tứ Phần Luật Thảo Yếu năm quyển, Tứ Phần Luật Ni Sao năm quyển, Kim Cang Bát Nhã Tập Chú ba quyển.

Mười một bộ này gồm một trăm mươi mươi bốn quyển, do Sa môn Thích Đạo Thế tự Huyền Uẩn chùa Tây Minh-Tây Kinh soạn ở thời nhà Đường.

+ Đại Đường Chúng Kinh Âm Nghĩa hai mươi quyển. Một bộ này có hai mươi quyển, do Sa môn Thích Huyền Ứng chùa Đại Từ Ân-Tây Kinh thời nhà D(ường soạn ra.

+ Chú-Tân Phiên Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã một quyển, chú-Nhị Đế Tam Tạng Thánh Giáo Tự một quyển. Hai quyển này, do Sa môn Thích Huyền Phạm chùa Phổ Quang-Tây Kinh thời nhà Đường soạn ra.

+ Tây Kinh Tự Ký hai mươi quyển, Sa môn Pháp Lâm Biệt Truyện ba quyển, Sa môn Bất Kính Lục sáu quyển. Ba bộ này gồm hai mươi chín quyển, do Sa môn Thích Ngạn Tông chùa Hoằng Phước-Tây Kinh thời nhà Đường soạn ra.

+ Chú-Bát Nhã Tâm Kinh 1 quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có Vũ Thọ Cực tự Mẫn Chi chú thích.

+ Chú-Niết bàn Kinh bốn mươi quyển. Bộ này có bốn mươi quyển, thời nhà Đường có Lý Huyền Chấn là Thứ sử Biện Châu chú thích (Huyền Chấn là em của Anh Công).

+ Trung Thiên Trúc Hành Ký mười quyển. Bộ này có mười quyển, thời nhà Đường có Triều tán Đại phu Vương Huyền Sách soạn ra.

+ Tây Vực Chí-sáu mươi quyển, Đồ Họa-bốn mươi quyển. Hai bộ này gồm có một trăm quyển, thời nhà Đường vào năm thứ 4 niên hiệu Lân Đức ban sắc chỉ cho các quan lại soạn ra.

+ Minh Báo Ký-hai quyển. Một bộ này, vào niên hiệu Vĩnh Huy nhà Đường có Nội lại bộ Thượng thư Đường Lâm soạn.

+ Minh Báo Thập Di-hai quyển. Một bộ này, thời nhà Đường có Trung sơn lang Dư Lệnh tự Nguyên Hưu, soạn ra giữa niên hiệu Long Sóc.

+ Luận-Lục Đạo mười quyển. Một bộ này có mười quyển, thời nhà Đường có Tả vệ Trưởng sử kiêm chức Hoằng văn quán Học sĩ Dương Thượng Thiện soạn ra.

+ Luận-Hiển Thường hai quyển. Một bộ này có hai quyển, thời nhà D(ường có Lý Huyền Kí soạn ra.

+ Luận-Biện Chân 1 quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có Nguyên Vạn Khoảng soạn ra.

+ Quy Tâm Lục ba mươi quyển. Một bộ này có ba mươi quyển, do Hữu uy vệ lục sự Tiêu Tuyên Từ soạn ra.

Phần thứ tư: **BÁT NHÃ**

Kinh Đại Bát Nhã bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng, phiên dịch thành sáu trăm quyển (tất cả có bốn xứ-16 hội, Pháp sư Huyền Trang chùa Từ Ân dịch ra).

Hội thứ nhất thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 132.600 bài tụng. Phần này phiên ra thành bốn trăm quyển có bảy mươi chín phẩm, dịch một lần.

Hội thứ hai thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 25.000 bài tụng. Phần này phiên ra thành bảy mươi tám quyển có tám mươi lăm phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là ba bản Đại Phẩm-Phóng Quang-Quang Tán, toàn bộ có tám mươi quyển. Nay phiên ra thành bảy mươi tám quyển căn cứ theo bản tiếng Phạm thì giống nhau.

Hội thứ ba thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 18.000 bài tụng. Phần này phiên ra thành năm mươi chín quyển có ba mươi mốt phẩm, dịch một lần.

Hội thứ tư thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có tám ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành 1tám quyển

có hai mươi chín phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là bốn bản Tiểu Phẩm-Đạo Hạnh-Tân Đạo Hạnh-Minh Độ. Nay phiên ra thành 1tám quyển, dựa theo bản tiếng Phạm như nhau.

Hội thứ năm thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có bốn ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành mười quyển có hai mươi bốn phẩm, dịch một lần.

Hội thứ sáu thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có hai mươi lăm trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành tám quyển có mười bảy phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Thắng Thiên Vương Bát Nhã.

Hội thứ bảy thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Văn Thù Bát Nhã.

Hội thứ tám thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có bốn trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ chín thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có ba trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Kim Cang bát Nhã.

Hội thứ mười thuyết tại điện Mạt Ni Bảo tạng trong Vương cung trên cõi trời Tha Hóa Tự Tại, bản tiếng Phạm có ba trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành 1 quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười một thuyết tại vường Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Bố thí Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành năm quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười hai thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Trì giới Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành năm quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười ba thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Nhẫn nhục Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có bốn mươi bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười bốn thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Tinh tiến Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có

tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười lăm thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, nói về Thiền định Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười sáu thuyết ở bên cạnh hồ Bạch Lộ-vường Trúc Lâm thuộc thành Vươgn Xá, nói về Trí tuệ Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn năm trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành tám quyển không có phẩm, dịch một lần.

Phần tựa về mười sáu hội này, Sa môn Huyền Tắc chùa tây Minh-Trường An soạn ra.

Phần thứ năm: **HƯNG PHƯỚC**

Từ lúc Thích giáo truyền đến Chấn Đán, mở mang cứu giúp hết sức to lớn, gọi mở hiểu biết làm cho thông suốt, lắng trong bao sự nhiễm ô bẩn thỉu, điềm lành cảm ứng trong biết làm cho thông suốt, lắng trong bao sự nhiễm ô bẩn thỉu. Điềm lành cảm ứng trong đó, ghi lãi đầy đủ điều nghe trước kia, thuật lại đầy đủ mọi điều rõ ràng, dùng để bày tỏ cho hành hậu học. Xưa kia người có đức hạnh đi tìm giáo pháp, tâm ý thuộc về Đại thừa, lên đường mong đến Tây Vực, mới phát sinh những tai nạn, liền ôm kinh lao vào lửa, Kinh và thân không hủy hoại, mà ngọn lửa thì tắt đi, toại nguyện đi về phía Đông đến được xứ này, đó chính là kinh Phíng Quang. Còn Đàm Vô Sấm có được kinh Niết bàn, đi vào địa phận nước Lương, kẻ trộm đêm khuya lấy cắp, đưa lên nhưng không lên nổi, cúi rập đầu nhận lỗi rời xa. Chu Vũ Đế phá hoại giáo pháp, đập nát tượng-đốt cháy kinh, tất cả trông thấy Tạng Kinh theo nhau vút lên trời cao, ẩn vào hư không bao la. Cảm ứng như vậy rất nhiều, không thể viết hết được. Nhưng giáo mở rộng thuộc về con người, có đất nước làm nguồn cội, độ người xuất gia tu đạo, xây dựng chùa tháp thờ kính, đúc-vẽ hình tượng tôn nghiêm, phiên dịch kinh điển truyền bá, ước hẹn thời cơ mong cầu. Vì vậy nói đến nguồn gốc pháy triển mạnh mẽ của Phật giáo, mà từ Hán-ngụy trước kia, vốn không có gì đặc sắc để nói ra danh tiếng, từ Tấn-Tống đến nay thì sơ lược trình bày theo thứ tự.

Tấn Thế Tô-Vũ Hoàng Đế, làm nhiều Phật sự to lớn, xây dựng chùa chiền khắp nơi.

Tấn Huệ Đế, xây dựng chùa Hưng Phước ở lạc hạ, thường cung cấp cho một trăm vị tăng.

Tấn Mẫn Đế, xây dựng hai chùa Bạch mã-Thông Linh ở Trường An.

+ Hai Kinh Đô của Tây Tấn trên đây gồm có một trăm tám mươi ngôi chùa, mười ba người dịch kinh đưa ra được bảy mươi ba bộ, Tăng-Ni có ba ngàn bảy trăm người.

Tấn Trung Tông-Nguyên Đế, xây dựng hai chùa Ngõa Quna-Long Cung tám mươi ba vùng Giang Tả, độ cho một ngàn vị Tăng ở vùng Đan Dương.

Tấn Túc Tông-Minh Đế, xây dựng hai chùa Hưng Hoàng-Đạo Tràng, tập trung một trăm vị Tăng học theo nghĩa lý.

Tấn Hiển Tông-Thành Đế, xây dựng hai chùa Trung Hưng-Lộ Dã, tập trung một ngàn vị Tăng chu cấp học hành.

Tấn Thái Tông-Giản Văn Đế, đúc tượng-độ Tăng-xây chùa, làm chùa Trường Can- dựng tìa tháp bằng gỗ.

Tấn Liệt Tông-Vụ Đế, đến lúc mới lập làm Hoàng Thái Tử bắt đầu xây dựng chùa Bổn khởi.

Tấn An Đế, ở tại tháp A Dục Vương xây dựng chùa Đại Thạnh.

+ Triểu Dông Tấn này tồn tại một trăm lẻ bốn năm, xây dựng chùa chiền gồm 1768 ngôi, có hai bảy người dịch kinh đưa ra được hai trăm sáu mươi ba bộ, Tăng-Ni được hai mươi bốn ngàn người.

Tống Cao Tổ-Vũ Đế, miệng đọc bản tiếng Phạm-tay viết Giới kinh, xây dựng bốn ngôi chùa Linh Căn-Pháp Vương..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

Tống Thái Tông-Minh Đế, tạo ra pho tượng bằng vàng cao một trược tám, sau khi giải trai cảm được xá lợi của Phật, xây dựng chùa Hoằng Phổ Trung, mời các danh Tăng duy trì Phật pháp.

Tống Thái Tổ-Văn Đế, vâng thọ trai pháp-giữ giới không sát sinh, xây dựng chùa Thiền Linh, thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

+ Thời nhà Tống chùa chiền gồm có 1.913 ngôi, dịch kinh có hai trăm mười bộ, Tăng-Ni gồm có 36.000 người.

Tề Thái Tổ-cao Đế, tay viết kinh Pháp Hoa-miệng tụng kinh Bát Nhã, ngày mồng 8 tháng 4 thường đúc tượng bằng vàng, ngày 15 tháng 7 tổ chức lễ Vu Lan cho các chùa, cung cấp cho ba trăm vị Tăng, xây dựng hai chùa Trấc Kỉ-Chỉ Quán.

Tề Thế Tổ-Vũ Đế, xây dựng hai chùa Chiêu Huyền-Du Hiền, có ba trăm danh Tăng, tìm hiểu kỹ càng 3 giáo đến năm thứ 4 mới quy định về giáo.

Tề Cao Tông-Minh Đế, viết tất cả các kinh, tạo ra một ngàn pho

tượng Phật, miệng tụng Bát Nhã, thường trì kinh Pháp Hoa, xây dựng chùa Quy Y, triệu tập Thiền Tăng, thường thọ trì sáu ngày trai.

+ Thời nhà Tề trên đây chùa chiền gồm có 2.015 ngôi, dịch kinh có 72 bộ, Tăng-Ni gồm có ba mươi hai ngàn năm trăm người.

Lương Cao Tổ-Vũ Đế, chế định 5 thời bàn luận truyền bá khắp 4 phương, xây dựng năm chùa như Quang Trạch-Đồng Thái..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng, trong nước đều thọ trì sáu ngày trai cùng với tám giới.

Lương Thái Tông-Giản Văn Đế, xây dựng hai chùa Từ Kính-Báo Ân, chích màu tự viết mười bộ Bát Nhã, nguyện ngày hoàn thành không ăn mà giữ trai tịnh, soạn Tập Ký hơn hai trăm quyển, Pháp Bảo Liên Bích cũng hơn hai trăm quyển.

Lương Trung Tông-Nguyên Đế, xây dựng hai chùa Thiên Cư-Thiên Cung, cung cấp cho một ngàn vị Tăng, tự mình giảng Pháp Hoa và luận Thành Thật.

+ Thời nhà Lương trên đây chùa chiền gồm có 2.846 ngôi, dịch kinh có hai trăm bốn mươi tám bộ, Tăng-Ni gồm có 82.700 người.

Lương Tuyên Đế và Lương Minh Đế, hai vị vua này phục hưng xã tắc, xây dựng các chùa Thiên Hoàng-Trắc Kỉ-Đại Minh... ở Kinh Câu, sắp đặt sửa sang tại Giang Lăng, chùa Phật ở một Châu này có một trăm lẻ tám ngôi, Tăng-Ni gồm có ba ngàn hai trăm người.

Trần Cao Tổ-Vũ Đế, xây dựng bốn chùa Đông An-Hưng Hoàng-Thiên Cư... tại Dương Châu, viết tất cả mười hai tạng kinh, làm ra một trăm vạn pho tượng bằng đồng và vàng, độ cho bảy ngàn người xuất gia làm Tăng, tu sửa chùa cũ ba mươi hai ngôi.

Trần Thế Tổ-Văn Đế, viết năm mươi tạng kinh, độ cho hai ngàn người xuất gia làm Tăng-Ni, tu sửa chùa cũ sáu mươi ngội.

Trần Cao Tông-Tuyên Đế, xây dựng chùa Thái Hoàng và tháp gỗ bảy bậc trong cung cấm ở Dương Châu, còn xây dựng ngôi chùa Sùng Hoàng cao mười lăm trượng, phía dưới an trí xá lợi móng tay của Phật, làm ra hơn hai mươi ngàn pho tượng bằng vàng, tu sửa năm mươi ngôi chùa cũ, sửa lại một trăm ba mươi vạn pho tượng cũ, viết mười hai tạng kinh, độ cho mười ngàn người.

+ Thời nhà Trần trên đây có năm đời vua trị vì bốn mươi bốn năm, chùa chiền có một ngàn hai trăm ba mươi hai ngôi, chùa mới xây dựng trong nước có một ngàn bảy trăm ngôi, chùa do quan chức xây dựng có sáu mươi tám ngôi, chùa lớn trong thành có hơn ba trăm ngôi, Tăng-Ni gồm có ba mươi hai ngàn người, dịch kinh có mười một bộ. Trong Hưng

Địa Đồ nói: “Dưới Kinh đô của Lương Vũ Đế trước kia có hơn 700 ngôi chùa, liên tục bị Hầu Cảnh làm loạn đốt cháy sạch sẽ. Đến thời nhà Trần đã thống nhất đất nước thì cùng với dân chúng đều tu sửa chu đáo như cũ, tháp dựng lên hướng về nhau chi chít như kiệu xe cất cao, kinh tượng rất nhiều không thể nào nói hết.”

Ngụy (nguyên Thị) Thái Tổ-Đạo Vũ Hoàng Đế, ở đất Lỗ xây dựng tòa tháp mười lăm bậc, còn xây dựng hai chùa Khai Thái-Định Quốc, viết tất cả các tạng kinh, làm ra một ngàn pho tượng vàn, có ba trăm danh Tăng, tập trung tổ chức pháp hội hằng tháng.

Ngụy Cao Tông-Văn Thành Đế, khôi phục lại Phật giáo, tiếp tục phát triển dòng dõi Thích Môn, tất cả T8ng-Ni được độ xuất gia gồm có ba chục ngàn người.

Ngụy Hiển Tổ-Hiến Văn Đế, xây dựng chùa Chiêu Ẩn mời Tăng ngồi thiền.

Ngụy Cao Tổ-Hiếu Văn Đế, xây dựng chùa An Dưỡng tại vùng Nghiệp, mới Tăng bốn phương, Thị nữ Lục cung đều thọ trì sáu ngày trai hằng tháng và ba tháng chay trường hàng năm, vào tháng đặc biệt thì làm tượng, cho phép mọi người được xuất gia, vua tay không rời quyển kinh, đợi lúc thuận tiện là đọc tụng, thay đời vua trước tiếp tục lo liệu Đại hạnh chúng dường bố thí, độ cho mười bốn ngàn người xuất gia làm Tăng-Ni.

Ngụy Thế Tông-Tuyên Vũ Đế, ở điện Thức Càn tự mình giảng về kinh Duy Ma, xây dựng bốn chùa là Phổ Thông-Đại Định..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

Ngụy Túc Tông-Hiếu Minh Đế, xây dựng chùa Đại Giác ở vùng Nghiệp Hạ.

Ngụy Kính Tông-Hiếu Trang Đế, xây dựng năm tinh xá làm mười ngàn pho tượng đá. Tân Ngụy Vũ Đế, xây dựng chùa Trắc Kỉ ở Trường An, cung cấp cho hai ngàn vị Tăng.

Ngụy Văn Đế, xây dựng chùa Bát Nhã, dùng để cung cấp cho người nghèo, miệng tụng kinh Pháp Hoa, thân giữ giới thanh tịnh.

+ Triều đại Nguyên Ngụy trên đây có một bảy vị Hoàng Đế, trị vì một trăm bảy mươi năm, chùa lớn của quốc gia có bốn mươi bảy ngôi, Bắc Đài luôn luôn yên ổn, khắc đá đặt khám thờ, cách ba mươi dặm về phía Đông. Chùa của các bậc Vương Công có tám trăm ba mươi chín ngôi, chùa do dân chúng xây dựng có hơn ba mươi ngàn ngôi. Độ cho Tăng-Ni toàn bộ hơn hai trăm vạn người, dịch được bốn mươi chín bộ kinh. Phật giáo truyền về phương Đông đến thời kỳ này thật là hưng

thịnh, chỉ có điều là vào thời Thái Vũ Đế tin dùng Tư đồ Thôi Hạo nịnh hót gièm pha, đàn áp phế bỏ Chánh giáo, ẩn kín trong bảy năm ròng, sau biết sự thật nịnh hót gian trá liền chém chết Thôi Hạo, trở lại khôi phục Phật giáo hưng thịnh và rạng rỡ hơn trước.

Tề Cao Tổ- Văn Tuyên Hoàng Đế, được nhường ngôi bước lên ngai vàng, thọ giới Bồ Tát từ Trù Thiền Sư hiệu Tăng Lãng, trong cung không ăn thịt, cấm uống rượu-thả chim-loại bỏ lưới giăng. Đồng thời cấm dân chúng giết mổ, sáu ngày trai hằng tháng-ba tháng chay trường hàng năm khuyến khích dân chúng trì trai giữ giới, công và tư đều trừ bỏ các loại hôi nồng, độ cho tám ngàn người xuất gia.

Tề Túc Tông-Hiếu Minh Đế, vì Tiên Hoàng mà viết mười hai tạng kinh, gồm có 38.047 quyển, độ cho khoảng ba ngàn người xuất gia làm Tăng.

Tề Thế Tổ-Vũ Thành Đế, xây dựng tháp báu đọc kinh Đại Phẩm.

+ Triều đại Cao Tề trên đây có sáu đời vua trị vì hai mươi tám năm, chùa do Hoàng gia xây dựng có bốn mươi ba ngôi, dịch được mười bốn bộ kinh, độ cho người nối tiếp nhau cùng với nhà Ngụy, xuất gia làm Tăng-Ni phát huy đạo pháp.

Chu Hiếu Minh Đế, vì Tiên Hoàng làm thợ dệt thành bức tượng, cao hai trượng sáu thước, tượng các thân bằng gỗ đàn hương có mười hai pho, cùng với các thị vệ hầu hạ.

Chu Thái Tổ-Văn Đế, ở tại Trường An xây dựng sáu chùa như Truy Viễn-Trắc Hộ-Đại thừa..., độ Tăng xuất gia một ngàn người, còn xây dựng thêm năm chùa, cúng dường nhiều Thiền sư thật sự đức hạnh.

Chu Hiếu Tuyên Đế, tiếp tục phát triển Phật pháp, làm bốn khám thờ tượng vốn có hơn mười ngàn pho, viết kinh Bát Nhã ba ngàn quyển, sáu ngày trai-tám giới thường mở rộng không dứt.

+ Thời đại nhà Chu-họ Vũ Văn trên đây có năm đời vua trị vì hai mươi lăm năm, chùa gồm có chín trăm ba mươi mốt ngôi, dịch được mười sáu bộ kinh. Hiếu Mẫn Hoàng Đế bắt đầu cơ nghiệp chưa lâu, Phật giáo chẳng dính dáng gì. Cao Tổ Thần Vũ Hoàng Đế, không tin Tam bảo, hiện báo tai họa chồng chất.

Tùy Cao Tổ-Văn Hoàng Đế, năm thứ 3 niên hiệu Tùy Khai Hoàng, triều nhà Chu phế bỏ chùa chiền, tất cả đều được nhà Tùy xây dựng lại, dưới những vùng núi có tiếng đều cho xây dựng chùa, hơn một trăm Châu xây dựng tháp thờ xá lợi, độ cho Tăng-Ni xuất gia có hai trăm ba chục ngàn người, xây dựng ba ngàn bảy trăm chín mươi hai ngôi chùa,

viết bốn mươi sáu tạng kinh gồm có 132.086 quyển, tu chỉnh ba ngàn tám trăm năm mươi ba bộ kinh cũ, đúc ra 106.580 pho tượng, đương nhiên số còn lại nơi khác đúc ra thì không thể biết hết.

Tùy Dạng Đế, vì Hiếu Văn Hoàng Đế và Hiếu Hoàng hậu, ở tại trường An xây dựng hai chùa Thiền Định cùng hai tòa tháp bằng gỗ, và xây dựng mười ngôi chùa khác, nhà nước cung cấp cho mười năm, tu chỉnh sáu trăm mười hai tạng kinh cũ gồm có 29.172 bộ, sửa chữa 101.000 pho tượng cũ, đúc ra ba ngàn tám trăm năm mươi pho tượng mới, độ cho sáu ngàn hai trăm người xuất gia làm Tăng.

+ Triều đại nhà Tùy trên đây có hai đời vua trị vì bốn mươi bảy năm, chùa gồm có ba ngàn chín trăm tám mươi lăm ngôi, độ cho 236.000người xuất gia làm Tăng-Ni, dịch được tám mươi hai bộ kinh.

Đại Đường Cao Tổ Thái Vũ Hoàng Đế: Biên soạn theo Nghiêu-dừng lại theo Tấn phù hợp theo Vũ-nền tảng theo Chu, mây nổi rồng bay, vỗ về nhân gian. Hợp cùng một chủ đề để phát triển vận dụng, nhờ vào toàn dân mà an vui khắp chốn. Phát khởi từ tìm hiểu dấu cũ, xác định được cung điện kinh đô, quy tắc của người thế tục đã ban bố, giáo nghĩa của pháp tạm thời dùng nói rõ. Cùng quy tập Ngũ Tinh-cảm hóa khắp Tứ Biểu, Địa Võng lại ngay ngắn, Thiên La lại giương ra, từ Đông sang Tây, xa yêu ổn-gần nhiêm túc, mà cờ chính nghĩa mới dựng lên. Lộ trình trải qua Hoa Âm, hướng về cúng tế đàn thiêng, để cầu mong nhiều hạnh phúc, bên phải đền thờ thần linh, tìm cách xây dựng Già lam, thật sự nói là Linh Tiên, tuyệt vời giống như Thần chế, vàng ngọc chiếu rọi xen nhau, cỏ cây sum sê xanh tốt, nhìn khắp đá núi cheo leo, nghiêng mình đứng trước cổng xưa, đài hoa rậm rì cao vút, đến gần đối diện đài sen, chân thành tạc tượng chép kinh, tu tạo đầy đủ phước thiện. Lại ở trong kinh thành xây dựng bốn chùa Hội Xương-Thắng Nhiệp-Từ Bi-Chứng Quả và chùa Tập Tiên Ni, còn cúng dường nơi ở cũ làm ngôi chùa Hưng Thánh, xây dựng chùa Nghĩa Hưng ở Tích Châu, cùng với nhà cửa bao quanh sáng ngời rực rỡ, thiết kế đủ loại hoa văn chạm trổ. Vào năm thứ nhất niên hiệu Đường Vũ Đức, ở tại đạo tràng Phổ Kiến trên đường lớn phía Nam Cổng Chu Tước, tổ chức hội Vô Giá (chẩn tế), pháp lữ tham dự đông đúc, giống như lần đầu khai mở ở Thứu Lĩnh; Khách mời danh tiếng lẫy lừng, tựa như bắt đầu tụ tập ở Hạc Lâm, ngựa xe nối sát theo nhau, nam nữ cùng nhau tiến vào, tranh nhau che kín sân thiền, như giành nhau uống cam lộ. Lại vì Thái Tổ Nguyên Hoàng Đế và Nguyên Trinh Hoàng Hậu, làm ba pho tượng thân bằng gỗ Chiên đàn, họa theo bốn mươi lăm hình dáng thần thánh, mô phỏng

ba mươi hai tướng mạo linh thiêng. Dao khắc tô điểm, há có gì kém hơn Ưu Điền? Mạ vàng sáng ngời, thật không hề thẹn với Tư Nặc! Lại vào tháng Trọng Xuân (tháng hai) năm ấy, truyền cho Sa môn gồm bốn mươi chín người, vào cung nội hành đạo, liền làm cho Thiên Cung vang lừng Phạm âm, tiếp tục lưu truyền vang vọng ở Tử Vi; Vương thành giữ kín chuẩn mực, rở lại cất cao âm hưởng ở Hoàng Ốc. Từ đó về sau sùng kính tin tưởng không rơi rụng suy tàn theo thời gian.

Thái Tông Văn Hoàng Đế: Bẩm thọ khí chất của Thái Dịch-Thái Sơ, có thêm tinh thần của Thiên Hoàng-Thiên Đế, nơi phòng hoang của họ U mở ra nền tảng Cao Dương, giữa nền cũ của họ Diệu gây dựng sự nghiệp Trùng Hoa, ánh sáng đỏ rực lưu chuyển trong nhà, làn khói tím biếc xông thẳng trời cao, hiện ra mặt rồng ngực phượng, điềm lành trời lặn trăng treo, khác gì mắt sông miệng biển, hiếm thấy trên giàu dưới vui, Thánh thông minh nhìn sâu xa, người hiểu biết đến kho tàng, tìm vắng vẻ vào kín đáo, cùng tận thần thức tâm tánh, bớt phàm trần trời ban cho, Thể chất tự nhiên bừng sáng, xưa giấu kín đức ban đầu, tài năng đứng đầu thiên hạ. Tiếp nối triều nhà Tùy sụp đổ trong ngoài phân chia tan tác, lửa cháy tràn lan trên đỉnh Côn Lôn, nước dâng tràn ngập biển xanh mênh mông, đều là ý đuổi theo hươu, cùng mở dung mạo lỗi lầm. Từ bên phải sông Hoàng đến nay, các loại rồng rắn đều mất mạng, xứ sở Trung Nguyên, ngọc-đá đều cháy. Tức thì khiến cho mặt đất tiếp cận với trời, tranh nhau phát sinh than thở sống còn; kinh thành cần phải đảm nhiệm, con người xuất hiện đau xót bày tỏ. Hoàng triều ta tự nhận mình là con vua chúa, đảm đương mạng lệnh của trời trao, đích thân đi trước mọi người, đứng đầu toàn bộ quân binh, không có gì không thể làm cho ngói vỡ-băng tan-gió qua cỏ rạp, ca khúc khải hoàn dâng tặng không cho pép luận đến công lao. Sau đó vận khí không may tức thì trong suốt, phân chia giới hạn yên ổn như nhau. Cao Tổ chăm chú, nuôi dưỡng tài cao rong ruổi ý tưởng ở ngoài ráng chiều đỏ rực, trước đây vì muôn nẻo mờ mịt, cúng tế thần linh sai lạc, oan uổng cho phong thái cao thượng của Đĩnh Dương, cứu vớt cho mọi người chìm đắm ở chốn này, cân xứ Kiềm được nhờ đức tái tạo, ngõ hầu cùng gánh vác ân to lớn. Không lấy vương cung làm tâm, chỉ lấy muôn dân làm niệm; lòng dạ ôm nặng chuyện cởi giày, không lúc nào quên minh phủ linh thiêng; chí hướng mong cầu tiêu nghèo khó, có biểu hiện ra gợi mở rõ ràng. Thính cúng tế ngoài thành đáng ghi nhớ, cầu tổ tiên phù hộ có chủ đích, lúc suy nghĩ rèn luyện hàng ngày, truyền bá Đại Bảo đến Thiếu Dương rồi. Tự mình làm rạng rỡ, đảm đương theo dõi thăm hỏi xây dựng hai chốn

Xuân Cung, tuân theo phép tắc Tam Thiện, mang tốt lành đến cho mọi nơi, và thiên hạ lại bắt đầu từ cuộc duy tân của Bảo Lịch, đến huyện Xích mà phát Đại thệ trang nghiêm, vỗ về dân chúng xứ Kiềm mà phát triển nhiều điều lợi ích, mở thông ánh mặt trời Tứ Đẳng (Từ Bi Hỷ Xả), thắp ngọn đuốc soi rõ mây Nghiêu khắp nơi, cuộn lên làn gió Lục Độ, khơi dòng chảy chan chứa mưa Thuấn mọi nẻo. Năm thứ hất niên hiệu Trinh Quán vào tháng Hiếu Xuân, nhận chiếu chỉ mời người đức hạnh trong chúng Tăng toàn kinh đô, cùng phụng mạng vào trong nội điện hành đạo, tất cả trọn vẹn bảy ngày, quan lại cung cấp chu đáo cốt phải chọn lấy tinh hoa. Đến năm thứ 3 Hoàng Đế sợ rằng gặp phải năm hạn hán, ngũ cốc không được mùa, lo buồn thương hại mãi suy tư, liền đưa ra Thánh chỉ, tuyển chọn những người túc đức tinh thành và thị giả gồm mười bốn người, ở trên đường Thiền Môn cầu mưa trong bảy ngày. Thánh lực âm thầm phù hộ, lú má hoa màu tốt tươi, nhà dồi dào gom vào vạn thùng, nước giàu có cung cấp chín năm. Từ đó đến nay luôn luôn được mùa không giám đoạn. Trước kia bởi vì bắt đầu dựng ngọn cờ chính nghĩa mà thần binh phải tuyệt diệt dưới làn tên đạn, sợ rằng kết thành oan hồ, mùa Đông năm ấy truyền cho Tăng-Ni trong kinh thành hành đạo bảy ngày, tất cả áo quần đều dùng để bố thí. Nhờ vào nhân tố tốt đẹp này mà toàn tâm toàn ý sám hối gột sạch, nơi chiến trường xưa kia cùng thiết lập thành chốn Già lam, Chiêu Nhân-Đẳng Giác có hơn mười chùa. Đến mùa Xuân năm thứ 3, lại phụng chiếu truyền cho Tăng-Ni vào ngày 14 hằng tháng hành đạo đọc tụng các kinh Nhân Vương, nhà nước cung cấp trai phạn cúng dường làm phép tắc thông thường. Lạc sắc lệnh cho Tam tạng Ba Pha, bao gồm Tam giáo, đưa ra đầy đủ mười khoa, Thích Tuệ Thừa cùng mười chín người, phát khởi công việc phiên dịch tốt lành. Lại vì Thái Vũ Hoàng Đế, xây dựng chùa Long Điền ở tại Chung Nam Sơn, và chuyển 6 pho tượng gồm các thân của Vũ Đế, cúng dường đầy đủ suốt đời. Lại vì Mục Thái Hậu mà xây dựng ngôi nhà Hoằng Phước, sau khi ngôi chùa hoàn thành, Hoàng Đế đích thân đến chùa này, tự mình điểm nhãn trên pho tượng Phật, cúng dường bố thí hết sức long trọng. Nhân đó cho gọi mười vị Đại Đức, tự mình đối đáp bàn luận. Lúc ấy chủ chùa là Đạo Ý nói đến cuộc đời của Thái Hậu thì đau xót thương kìm mình nổi, rơi lệ nghẹn ngào hồi lâu mới nói rằng: Trẫm đã mất đi mẹ hiền, không biết cách nào đền trả ân tình bú mớm, đau đớn vô cùng, giống như xé nát lòng dạ, ngõ hầu nhờ vào phước thiện tôn kính để giúp cho chốn u minh được che chở, Trẫm phỏng theo đặt Lão Tử ở bên trái, các Sư không có oán trách gì chăng? Đạo Ý thưa:

Chúng Tăng ở đây yên tâm hành đạo, nào dám quên mình điều này! Hoàng Đế nói: Phật đạo Đại-Tiểu thì Trẫm đã biết từ lâu, Thích-Lý tôn ti thì mọi người tự xét kỹ, lẽ nào vì một thời gian thuộc về Bậc thượng, mà cho là hơn hẳn hay sao? Trẫm lấy tông chỉ kế thừa đặt dưới cột chống, mà đem Lão Tử đặt vào trước để gieo trồng phước thiện, chân thành tìm đến vui vẻ quy phục, gần đây tự mình phân biệt để cúng dường bố thí, toàn bộ hướng về Thích Môn, tất cả mọi nơi đã tu sửa, đều là chùa Phật, các vị Pháp sư biết ý Trẫm như vậy. Lại vì Mục Hoàng hậu, xây dựng ngôi chùa Từ Đức ở bên cạnh dinh quán Khánh Thiện. Sa môn Huyền Trang, chống tích trượng đến Ngũ Thiên Trúc, tìm kiếm truyền bá Chánh pháp, mang nước tám công đức trở về, suy nghĩ nói rõ ngôn ngữ sâu xa. Mùa Xuân năm thứ 19, phụng chiếu phiên dịch, từ đầu đến cuối ca ngợi tán thưởng, phong cách biểu hiện bình thường như nhau, thích hợp khiến cho hướng về với nhau, trong 10 ngày không có ngày nào rỗi, tự mình để ý suy nghĩ kỹ càng, để soạn ra bài tựa cho phần chính, chọn lọc dẫn ra tông chỉ trong kinh, ca ngợi truyền bá nghĩa lý của Phật, đã độ Tăng chúng hơn ba vạn người, còn như các tượng bằng trân châu và thân bằng vàng bạc..., thường thường vượt quá số vạn, lệnh khó nêu đủ số. Nay Thánh thượng Hoàng đế, quả là Thánh là Thần, nhiều tài năng nhiều chuẩn tắc, cai trị thuận theo tự nhên, xa thì nối cõi Tiên Vương, phong thái phát sinh đạo nghĩa, thật sự rộng lớn mênh mông, vui thú chấm dứt tranh cãi, như căn nhà được đóng kín, núi sông dâng hiến tinh thần, trong ngoài cầu khán phước thiện, làm rường cột cho Tam bảo, gánh vác lợi ích Tứ Sinh, vốn có gieo trồng thiện căn, tu nghiệp thù thắng đã lâu, sùng kính tin tưởng Đạo pháp, phát ra tư chất tự nhiên, tâm tư hiếu thảo cung kính, đích thực nhờ vào chân tánh, xưa vốn tích góp mà thành, phát triển lòng dạ bao đời, liền phái quan lại chức trách, tôn kính vì Văn Đức Hoàng Thái Hậu xây dựng ngôi chùa Từ Ân. Quan sát hình tướng thù thắng, khăn đai bày tỏ hướng về, liền truyền cho người thuần thành, tiến hành xây dựng nền móng, vừa mới di chuyển bảng bạc, bắt đầu làm vườn vàng này, pháp lữ chen vai nối gót, sớm tối mời mọc đứng đầu. Vùng ấy cao ráo rộng rãi vòng quanh hơn trăm Trĩ (tường cao một trượng, dài ba trượng là một trĩ), tường thành chồng chất kết góc chín lớp kéo dài và trải rộng ra. Ngay sau đó mở rộng phường ấp sinh hoạt, đầy đủ các loại sáng ngời, ngắm nhìn cảnh sắc tốt tươi, sắp xếp chuẩn mực dọc ngang, ngọc tích rủ xuống rực rỡ, giường vàng chiếu rọi lung linh, hành lang dài trong đêm tối, lại thành nhà giữa mây trời, cột chống nổi giữa gấm hoa, mây bồng bềnh

trên mái chùa, lướt qua mái hiên cửa sổ, như chạm khắc vào lan can, phía dưới phản chiếu cầu vồng, bóng tháp trang nghiêm sừng sững, đài kinh cao vút dựng lên, tất cả cùng hướng về nhau, kho tàng đỏ xanh dốc hết, vòng quanh bao nhiêu kỳ lạ, họa vẽ rực rỡ vô cùng. Chuông báu vang vang trong gió, mâm vàng tiếp tục bày ra, âm thanh ngân vọng suốt đêm, Phạm âm thánh thót tinh sương, lòng nghe cảm xúc dâng tràn. Nơi nương nhờ của Định Tuệ, chốn dừng lại của tâm linh, là ngôi nhà của bao điều kỳ diệu.

Lại nói về Văn Đế soạn thì tựa theo ý kinh, vì thuật lại tôn chỉ của bậc Thánh, văn nhiều cho nên không chép ra hết. Đến lúc cung kính đảm đương ngôi vị quý báu, chúc mừng lên ngôi mở cuộc duy tân, nghĩ đến ân đức cao dày của đấng Tiên Hoàng, tưới thấm ân huệ làm lợi ích cho muôn dân. Xa giá ở Đỉnh Hồ, vời vợi quá không truy tìm nổi, tâm hồn ở Trường Lăng, lâu dài quá phát sinh mãi mãi, sáng lập tịnh nghiệp, dựng lên phước điền. Tiên Đế đã đến hành cung, núi xanh ngắt ngọc rực rỡ, cùng huông xả làm thành chùa, cúng dường ân cần sâu nặng, cảnh sắc chạm trở hoa văn. Cứ mỗi khi đến ngày húy của Vũ Vương-Mục Hoàng Hậu, Tăng-Ni toàn kinh đô hành đạo bảy ngày. Ngày kỵ của Thái Tống và Văn Đức Hoàng Thái Hậu, tất cả Tăng-Ni khắp nơi, hành đạo suốt hai mươi mốt ngày. Tạo tượng chéo Kinh độ Tăng thiết lễ cúng dường, đầy đủ những điều thấy nghe, có thể nói tóm tắt thôi. Niên hiệu Hiển Khánh, thường truyền cho Pháp sư Huyền Trang vào cung nội phiên dịch, và các Đại đức chùa Từ Ân, trải qua bao đời hành đạo, không suy tàn vào lúc bấy giờ. Lại đưa ra chiếu chỉ, vì Hoàng Thái Tử xây dựng chùa Tây Minh ở Tây Kinh, nhân đó đến Đông Đô, liền ở tại Lạc Hạ, còn xây dựng chùa Kính Ái, riêng tiền sử dụng xây chùa mất cả hơn hai mươi vạn quan (một ngàn đồng xâu thành một chuỗi = 1 quan), chùa chiền điện thờ nhà cửa, tượng Phận tôn nghiêm cờ phướn rực rỡ, tuyệt vời hơn cả cõi trời cõi Tiên, tinh xảo tận cùng thàn quỷ tránh xa. Lại vì các Vương Tử-Công chúa, ở Tây Kinh xây dựng hơn hai mươi ngôi chùa như Tư Giới-Sùng Kính-Chiêu Phước-Phước Thọ. Liền truyền chiếu cho nội cung, mô phỏng theo di ảnh làm hình tượng bằng gấm thêu, cùng một quy cách đưa cao mười hai trượng, thấy nghe đều rất kinh hãi, rạng rỡ đời trước về sau không có, ngũ sắc rực rỡ xen nhau, lục văn phản chiếu qua lại, nhờ vào sự trang sức của tay nghề vốn có, miêu tả ánh trăng rằm bằng đôi kim khâu, xinh đẹp vượt qua màu sắc của nước Yên (Yên Đề), rực rỡ còn hơn gấm vóc của nước Thục (Thục Cẩm), vải che bày ra vẻ đẹp của chín loại hoa, lẫn lộn hàm chứa ánh

sáng của bảy tinh tú. Chuyển đến tại chùa Từ Ân, luôn luôn cúng dường đầy đủ, muôn việc hệ trọng quốc gia, lấy Bát Chánh Đạo làm tâm, tự mình suy tư vòng quanh ý Thánh, đích thân luyện tập nét bút thần kỳ, soạn ra văn bia chùa Đại Từ Ân-chùa Long Quốc và tự tay viết. Lộ rõ sâu xa ngưng thành tinh túy, nặng trĩu màu sắc lưu truyền ý vị, khắc vào đó đá quý sống mãi muôn đời, tiến hành phát huy nghĩa lý tận cùng, lau sạch đài gương hướng về huyền diệu. Nhiều lần ban chiếu thư cho Tăng Nu đạo sĩ (Tri hoàng), kiểm tra tận cùng ngọn nguồn tên gọi giáo pháp, cứ mỗi lần tập trung luận bàn, đích thân tham dự để biết rõ ràng, cân nhắc quyết định sắp xếp đúng sai, sự việc tường tận tập trung mọi điều bàn luận, đã tuyên bố làm xong với trời đất, đưa lên Thái Sơn khắc chạm giữ lại, những phẩm đức đến Thượng Huyền, xét công lao thuộc Đại Thánh. Thế là ban ra chiếu thư công bố, chỉ thị cho tất cả quân dân, các châu quận trong toàn lãnh thổ, mỗi nơi xây dựng một ngôi chùa, đều độ cho bảy người làm Tăng, tùy theo nơi nào có điềm lành, cần phải ghi lại ngày tháng ấy, xa gần nghe theo ý sử sách, tu dưỡng thiện nghiệp của Đế Vương, đạo pháp che phủ khắp đất nước, nhân nghĩa mọi loài đều lợi ích. Cảnh giác mắt nhìn đạo quán mà thờ cúng tôn trọng, công bố rõ ràng chùa chiền để giáo hóa rộng ra, ràng buột Chân-Tục, thâu tóm cổ-kim, không có triều đại nào thịnh vượng như thời Hoàng Đế của chúng ta. Năm thứ nhất niên hiệu Tống Chương, ban chiếu thư cho vùng tây Kinh lập ra thêm hai huyện Minh Đường-Càn Phong, dùng biển treo khen thưởng công đức ấy, truyền lại cho các thế hệ con cháu.

+ Ba thế hệ trên đây, trong cả nước có hơn bốn ngàn ngôi chùa, Tăng-Ni hơn sáu chục ngàn người, kinh tượng không biết bao nhiêu, kinh được dịch ra hơn một ngàn năm trăm quyển.

Phần thứ sáu: Lịch toán.

Tháng mười mùa Đông năm thứ 13 niên hiệu Trinh Quán-Đại Đường, ban sắc lệnh phái Thượng thư bộ Hình là Lưu Đức Uy-Thị lang là Lệnh Hồ Đức-Phần thị ngự sử là Vi Tông-Tư công Ung Châu là Mao Minh Tố..., hỏi Pháp sư Pháp lâm rằng: Dựa theo luận Biện Chánh quyển thứ 5 nói: “Diệu Trường Khiêm Lịch nói: Đức Phật giáng sinh vào năm Giáp Dần đời Chiêu Vương (nhà Chu), đến năm Nhâm Tý đời Mục Vương mới diệt độ”, tại sao trong truyện Pháp Hiển lại nói: “Giáng sinh vào thời Thánh Ân Vương”; tìm trong phần ký về Tượng Chánh thì nói: “Đức Phật giáng sinh vào thời Chu Bình Vương.” Dựa theo Tác Luận của Đạo An thì nói: “Xác thực vào thời Hoàn Vương”; Phí Trường Phòng làm việc ghi chép lại, kiên quyết nói là vào thời

Trang Vương. Tại sao truyền thuật trái ngược rối loạn không có nơi nào chính xác để có thể y cứ? Mong rằng nói rõ ràng đầy đủ về nguyên cớ xa gần, trước sau không như nhau!

Pháp sư trả lời rằng: Pháp Lâm nghe bậc Đại Thánh ứng thân giáng sinh, vốn mong mỏi làm lợi ích cho muôn loài, có cảm thì hiện thân tại thế gian, không có căn cơ nào không chăm chú nhìn đến. Vì vậy trong kinh nói: "Từ một âm thanh nói ra, tất cả đều tùy chủng loại mà hiểu rõ." Luận về âm thanh đã như thế, nói đến Thể của ngôn ngữ cũng như vậy. Nhưng mà truyện ký đã trình bày, không phải là không có lý lẽ để phân tích. Nay Pháp Lâm chủ yếu căn cứ vào, chọn lấy nhiều luận thuết kia, tước hãy nêu ra sự chân thật, sau mới trình bày điều sai lạc ấy. Xin dựa theo Pháp sư Đàm Mô Tối của nước Ngụy-Pháp sư Thượng Thống của triều nhà Tề và các vị Tu Lịch Bác Sĩ-Diệu trường Khiêm.., căn cứ vào huyện Chu Mục Vương Thiên Tử, Chu Thư Dị Ký trước kia, lời tựa trang truyện Hán Lưu Hướng Liệt Tiên, cùng hai bản sách cổ xưa, Hậu Hán Pháp Bổn Nội Truyện, và các sách như Truyền Giáo Pháp Vương Bổn Ký-Ngô Thượng Thư Lệnh Khám trạch..., theo đúng các kinh A Hàm, suy cứu tường tận ngọn nguồn, mong có được nơi y cứ chính xác!

Đức Phật đúng vào ngày 15 tháng bảy năm Quý Sứu, là năm thứ 23 tức vị (lên ngôi) của Chiêu Vương Hà, vĩ vua thứ 5 của triều đại Cơ Chu, hiện hình tướng voi trắng, từ cung trời Đâu Suất giáng trần, nhờ cung vua Tịnh Phạn, thọ trai trong bụng Hoàng hậu Ma Gia. Vì vậy trong Hậu Hán Pháp Bổn Nội Truyện nói: "Minh Đế hỏi Pháp sư Ma Đằng: ngày tháng Đức Phật đản sanh có thể biết hay không? Ma Đằng nói: Đức Phật vào ngày 15 tháng bảy năm Quý Sửu thác thai trong bụng Hoàng Hậu Ma Gia." Chính là nămnày vậy. Ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần, là năm thứ 24 thời Chiêu Vương, dưới tán cây Ba La ở trong vườn Lam Tỳ, từ hông bên phải mà đản sanh. Vì vậy trong kinh Phổ Diệu nói: "Phóng ánh sáng rộng lớn soi chiếu tất cả ba ngàn thế giới." Tức là trong Chu Thư Dị Ký nói: "ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần, năm thứ 24 thời Chiêu Vương, sông suối ao hồ bỗng nhiên ngập tràn và cùng chảy tràn ra ngoài, cung điện nhà cửa-người vật-núi sông mặt đất thảy đều chấn động. Đêm ấy lại có luồng ánh sáng năm màu, đi xuyên qua Thái Vi bao phủ khắp nơi phía Tây, tất cả đều trở thành màu xanh đỏ rực rỡ. Chiêu Vương liền hỏi Thái Sử To Do rằng: Là điềm lành gì vậy? Tô Do thưa: Có bậc Đại Thánh Nhân đản sanh tại phía Tây, cho nên hiện ra điềm lành này. Chiêu Vương nói: Đối với thiên hạ như thế

nào? Tô Do thưa: Ngay lúc này không có gì khác, đến hơn một ngàn năm thì giáo pháp danh tiếng che phủ nơi này. Chiêu Vương liền sai người khắc lên đá ghi nhớ điều ấy, chôn ở phía trước đền thờ Thiên Thần Nam Giao. Đức Phật đản sanh chính là năm này. Vào ngày mồng 8 tháng 4 năm Nhâm Thân, tức là năm thứ 4hai thời Chiêu Vương, nửa đêm vượt hoàng thành xuất gia. Vì vậy trong kinh Tụy Ứng nói: "Thái Tử vào năm 19 tuổi, giữa đêm khuya của ngày mồng 8 tháng 4, có người cõi trời ở trong khung cửa chấp tay thưa rằng: Giờ đã đến có thể đi rồi! Nhân đó truyền đem ngựa lên đường." Chính là năm này vậy.

Ngày mồng 8 tháng 2 năm Quý Mùi, tức là năm thứ hai thời Mục Vương Mãn, vị vua thứ 6 của triều đại nhà Chu, Đức Phật thành đạo năm ba mươi tuổi. Vì vậy trong kinh Phổ Diệu nói: "Vào lúc sao Mai xuất hiện thì Bồ Tát giác ngộ vô cùng thông suốt." Chính là năm này vậy. Ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thân, tức là năm thứ 5hai thời Mục Vương, Đức Phật 79 tuổi, mới bắt đầu diệt độ. Vì vậy trong kinh Niết bàn nói: Ngày 15 tháng 2 lúc sắp Niết bàn, phát ra các loại ánh sáng, mặt đất chấn động, tiếng vang lên đến cõi trời Hữu Đảnh ánh sáng phủ khắp ba ngàn thế giới." Ngay trong Chu Thư Dị Ký nói: "Sáng sớm ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thân, là năm thứ 5hai thời Mục Vương lên ngôi, gió mạnh bỗng nhiên nổi lên làm tan tác nhà cửa con người, làm gãy cây cối, núi sông đất đai thảy đều chấn động, buổi chiều trời phủ kín mây đen, phía Tây có mười hai đường cầu vồng hiện rõ, nối thông từ Nam qua Bắc, suốt đêm không phai nhạt. Mục Vương hỏi Thái sử Hộ rằng: Là dấu hiệu gì vậy? Hộ Đa thưa rằng: Phía Tây có bậc Đại Thánh Nhân diệt độ, hiện rõ ra tướng suy vong mà thôi."

Đức Phật nhập Niết bàn chính là năm này. Bắt đầu từ lúc ứng thân đản sanh vào năm Hiáp Dần, tức là năm thứ 24 thời Chiêu Vương nhà Chu đến bây giờ, tính tổng quát năm tháng đến năm Kỷ Hợi là năm thứ 2 niên hiệu Hàm Hanh nhà Đại Đường hiện nay, chính xác đã trải qua 1600 năm. Lại tính đến năm thứ 3 niên hiệu Càn Phong nhà Đại Đường thì thêm mười chín năm; thuận theo trước thì toàn bộ có một ngàn sáu trăm ba mươi bảy năm. Lại tích từ năm thứ ba niên hiệu Càn Phong đến năm Quý Hợi là năm thứ 11 niên hiệu Khai Nguyên, trải qua năm mươi lăm năm; thuận theo trước tính tổng quát là một ngàn sáu trăm chín mươi hai năm.

Còn dựa theo Vương Huyền Sách Tây Vực Hành Truyện nói: "Đại đức Tăng Xa Na Khứ Tuyến Đà-chùa Bồ đề-nước Ma Già Đà dựa vào kinh tính toán đưa ra rằng: Bồ Tát Thích Ca đến năm 19 tuổi, đầu

đêm của ngày 15 tháng 4 vượt khỏi cung thành, đến năm 30 tuổi thành đạo, đến năm 79 tuổi nhập Niết bàn. Từ đó đến nay tính vào năm thứ 2 niên hiệu Hàn Hanh, xem ra mới có 1.395 năm (bởi vì tính theo lịch của Tây quốc cùng với Trung Hoa không giống nhau, dài ra-ngắn lại có sai khác, trước đưa ra thì đúng-sau thuật lại thì không đúng). Nay dựa theo truyện Pháp Hiển nói: "Bậc Thánh giáng sinh vào thời Ân Vương"; thì chỉ vì Pháp Hiển tuy là đi trải qua các nước khác, nhưng truyện chưa có thể y cứ, năm tháng khác biệt-phong tục cách xa, thật sự là không thể tin được. Còn hai thuyết khác là Đạo An nói năm Ất Sửu-Thượng Thống nói năm Giáp Dần, đều không có gì làm chứng cứ, không đủ để lấy làm đúng. Còn phần ký về Tượng Chánh thì ít thấy dựa vào chứng cứ. Đạo An làm tập luận dựa vào tập ký của La Thập, tập ký của La Thập thì nhờ vào An Thế Cao. An Thế Cao thì vào thời Hán Hoàn Đế, ở tại lạc Dương người phiên dịch tin tưởng cầm bút viết, căn cứ và thời Hoàn Đế. Nhưng La Thập vào thời nhà Tần mới đến, An Thế Cao đến trước thời nhà Hán, hai Sư cách biệt nhau gần ba trăm năm, tin theo sự kế thừa với nhau và dựa vào đó mà làm tập ký, chứ không phải là luận của Đạo An, chỉ vì sơ suất vội vàng mà trình bày sai lạc, đều do lỗi của người truyền bá lúc bấy giờ. Còn thuận theo Học sĩ phiên dịch kinh điển là Phí Trường Phòng nói: "Đức Phật đản sanh vào thời Trang Vương"; Trường Phòng lấy 2 Trang cùng chung thế hệ, Chu Trang năm thứ 10 thì Lỗ Trang vào năm thứ 7. Nhưng căn cứ vào thời gian năm tháng mà nói Đức Phật đản sanh, thì chưa hiểu được thời gian năm tháng, phân biệt là nhờ vào những sự việc khác.

Còn dựa theo kinh Văn Thù Sư Lợi Niết bàn nói: "Sau khi Đức Phật diệt độ, hai trăm năm mươi năm sau, Văn Thù vào trong Tuyết Sơn, hóa độ năm trăm Tiên nhân xong, trở về lại trú xứ của mình phóng ra ánh sáng rộng lớn, soi chiếu khắp mọi thế giới mà nhập Niết bàn." Điềm lành về thời gian năm tháng, chính là lúc ấy. Phí Trường Phòng nói đản sinh ngày mồng 8 tháng 2, đó chính là tháng 4 chứ không phải là tháng 2. nhưng Trường Phòng đã phân định chưa đến cội nguồn cuối cùng của sự việc, Trường Phòng nói: "Nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng Giêng. Nói tháng 4 thì hiện tại là tháng 2. tuy nói tháng 2 nhưng cuối cùng là tháng 4." Dựa theo một bộ Xuân Thu, năm sử dụng theo năm của Lỗ Hầu, tháng thì chọn lấy tháng của Chu Vương, tinh tú vốn báo điềm ở thời nhà Chu, thì cần phải dựa vào ngày tháng của nhà Chu. Trường Phòng mới nói: "Đức Phật đản sanh ngày mồng 8 tháng 4 năm thứ 10 thời Trang Vương." Điều này thật là hết sức tùy tiện. Nếu như

là tháng 2 thì không nên luận đến tinh tú. Trường Phòng lại nói: "Đức Phật giáng trần thác thai vào ngày mồng 8 tháng 4." Thời gian thác thai đã sử dụng tháng của nhà Chu thì ngay lúc đảnh sanh vẫn là ngày của nhà Chu, nay nói tháng 2 thì cũng không đúng. Nếu nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng Giêng, thì Như Lai không thể nào đản sanh vào tháng 11, người bình thường mang thai vào tháng Giêng thì tháng 10 sanh ra, mang thai tháng 4 thì tháng Giêng sanh ra, Đức Phật cũng giống như thế gian, vì vậy mang thai tháng 7 chính là tháng 4 sinh ra. Trong Vương Thiệu Tề Chí nói: "Tháng 4 của nhà Chu, là tháng 6 của mùa hạ". Lấy điều này mà suy ra, thì tháng 4 đản sinh, là tháng 7 mang thai. Nay nói tháng 6, chọn lấy tiết khí ấy, tuy thọ thai tháng 7, nhưng cuối cùng thuộc về tháng 6. tin là Vương Thiệu đã nói không sai. Còn Trường Phòng nói: "Đức Phật thành đạo vào lúc sao Mai xuất hiện thuộc tháng 2 năm Quý Hợi, là năm thứ 19 thời Chu Huệ Vương." Điều này cũng có nhiều sai lầm. Vì sao? Bởi vì dựa theo Lưu Hướng Liệt Tiên và hai bản sách cổ xưa nói: "Thời Chu Huệ Vương đã dần dần xuất hiện Phật giáo, 105 năm sau Lão Tử mới nói ra Ngũ Thiên Văn." Nếu vào thời Chu Huệ Vương mới thành tựu Phật đạo, thì không phù hợp với kinh giáo đã truyền đến Kinh Lạc. Còn tính ra thì Huệ Vương tức là đời cháu của Trang Vương, lấy năm Quý Hợi suy ra thì cách nhau chỉ có ba mươi năm, không phù hợp với điều kiện mới được thành Phật mà kinh pháp đã truyền đến nơi này. Tìm trong bốn mươi chín năm Như Lai giáo hóa thế gian, Ca Diếp kết tập vào sau khi Đức Phật diệt độ, pháp môn dần dần truyền về phương Đông, chính là vào thời nhà Chu, lời của Lưu Hướng đích thực không phải là sai lầm. Tập lục của Trường Phòng chắc chắn không có thể dựa vào, rõ ràng là bậc Thánh ứng hiện không có phương hướng xứ sở, lý khó mà suy đoán được, huống là Đông-Tây xa vời, năm tháng dài lâu? Lại gặp phải thời kỳ nước tranh chấp ngang dọc, nhà Tần đốt 5 sách làm chuẩn mực, người có tuổi tác thì không thiếu, nhưng thứ tự Đế Vương trải qua thì nhiều người, mà phát sinh sai lạc trái ngược lẫn nhau, thêm bớt chìm nổi, đều là ý của thầy mình, đều cho là kim chỉ nam thực sự. Nay Pháp Lâm sơ lược kể ra những điều thấy nghe tường tận trong các sử sách văn điệp, tóm tắt có những đều xa gần bày tỏ chính xác trước sau.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Nói về ý Tam bảo cảm thông linh ứng tốt lành; 2- Nói về ý hậu Hán Minh Đế cảm thông ban đầu; 3- Nói về ý Sa môn Cầu Na thời nhà Tống cảm thông thay đổi đầu của mình.

1. Rằng bảo vệ mở rộng Tam bảo đều có giữ gìn của nhà chức trách, hai vị trí của Phật và Tăng, biểu hiện cho thầy trò có sự tùy thuận; một môn thanh giáo, hiển bày cho sự cảm hóa dẫn dắt linh thên phù hợp. Vì vậy Phật và Tăng thuận theo căn cơ, duyên vào sự thấy biết mà ẩn hiện; pháp vì trừ diệt khổ đau, đợi lúc chướng ngại không còn mà thường đến. Vì lẽ đó câu kệ xả thân, luôn luôn nêu ra ngôn ngữ văn từ ở vách núi cao vút để lại giáo pháp, toàn bộ quy tập nằm ở cung điện loài rồng. Thật sự là ba ngôi Thánh đáng kính trọng, nhờ vào sự chú ý khôi phục vô cùng vất vả; hai cõi âm dương đội ân, vui mừng yên lặng được pháp thuật tốt lành xoay chuyển. Cho nên thọ trì đọc tụng chắc chắn giáng xuống điềm lành, như thuyết mà tu hành thì không có gì không cảm ứng thông suốt. Việc đã qua ở Thiên trúc hẳn nhiên hiển hiện thường bàn đến, duyên trông thấy ở Chấn Đán rất nhiều cũng luôn luôn xuất hiện. Người đức hạnh đi đường ôm kinh lao vào ngọn lửa, lửa ngùn ngụt tắt mà kinh pháp và thân thể không thương tổn. Bọn giặc trộm cắp kinh điển ở phòng khách, đã nặng mà không đưa lên được. Hoặc tất cả tạng kinh bay vút lên bầu trời cao, hoặc hiện rõ điềm lành cho vua quan trông thấy, hoặc bảy nạn do đó mà được tiêu trừ, hoặc hai mong cầu nhờ đó mà thành tựu, rất nhiều sự việc như vậy, không kể ra thì khó được nghe, có lẽ thuận theo sự lưu truyền ghi lại, dùng để nói rõ cho những thế hệ sau này, bởi vì trong kinh không nói điều ấy, cho nên vì người tin tưởng thì thực hiện, nghi ngờ thì không nói đến. Thậm chí như đá tách ra mũi tên bay vào, tâm quyết định đến mức như vậy, nước chảy băng tan, tình ý nghi ngờ lập tức đoạn hết, những điều này hãy còn được thế tục thường lưu truyền, huống là hàng trí tuệ nhanh nhạy chú trọng pháp không, đạo hạnh vượt lên trên những pháp có, do tâm lượng mà hướng về, cùng tận nơi sâu xa nhất hay sao? Nghiệp lực nhân duyên, như bóng theo hình, chỉ có điềm lành, phù hợp để tồn tại, nghĩa chẳng che giấu, cho nên kể ra mà quy tập lại. Nhưng tìm đọc những sự việc trước đây, sự việc trích từ trong truyện ký, ghi lại điều quái lạ cùng với điềm lành sâu kín, ca ngợi sự kỳ lạ cùng với hiện tượng cảm ứng. Những điều này nhiều lắm, đầy đủ có thể xem. Sợ rằng lời văn ấy khó tin được, cho nên lại khuyến khích kính trọng hơn.

2. Trong thung lũng Đạt Lệ La là kinh đô cũ của nước Ô Trượng Na có ngôi Già lam to lớn, mặt bên có tượng Từ Thị khắc gỗ, cao hơn một trăm thước, dung mạo vàng rực sáng chói, đài gương linh thiêng ngầm thông suốt. Có vị Pháp La Hán tên gọi Mạt Điền Để Ca, dẫn theo người thợ khéo tay, lên cõi trời Đổ Sử Đa, đích thân nhìn thấy sắc tướng diệu

kỳ, trong ba lần đi lại thì công việc hoàn thành. Từ lúc có pho tượng này xuất hiện, thì giáo pháp dần dần truyền đến phương Đông, xứ` sở của Viêm Hán. Trong Minh Đế Nội Ký nói: “Vĩnh Bình năm thứ 7 thuộc Giáp Tý, vào đêm khuya tháng 9 mùa Thu, Minh Đế mộng thấy người thần, thân cao trượng sáu, khuôn mặt màu vàng ròng sáng rực, đỉnh đầu có ánh sáng như mặt trăng-mặt trời, bay đi tự tại khi ẩn khi hiện không có gì trở ngại. Sáng hôm ấy hỏi các quan, tất cả đều chúc mừng điềm lành hiếm có. Tùy tùng của Thái Tử ở Đôn Hoàng là Phó Nghị tâu bày rõ ràng: Hạ thần nghe nói ở nước ngoài, có Thái Tử con vua ịnh Phạn, hiệu là Tất Đạt Đa, rời bỏ địa vị Chuyển Luân Vương, xuất gia thành đạo danh hiệu là Thích Ca Văn, bệ hạ mộng thấy mà tỉnh giấc, thì sắp có điềm cảm ứng. Liền truyền cho sứ giả đi về phía Tây, trải qua hơn 40 nước, đến kinh đô Xá Vệ. Gặp vị Tăng nói: Đức Phật diệt độ đã lại. Thế là chép cho 605.000 lời Thánh giáo, theo ngựa trắng mang trở về. Đường đi qua những núi non hiểm trở, lương thực cạn hết, những người tùy tùng đều chết dọc đường, ngựa trắng càng mạnh mẽ dùng sự thần dị tốt đẹp của mình, mang kinh về đến nơi. Vì vậy xây dựng chùa Bạch Mã ở tại Lạc Dương. Kinh giáo chân thật từ phương Tây truyền đến làm đầu, ánh sáng Phật pháp soi chiếu nơi u tối của phương Đông được bắt đầu. Ngay sau đó thanh giáo thấm nhuần khắp nơi nhanh chóng trở thành rừng phước, làm gió hành thiện mở rộng làm phấn chấn lòng người, mạch nguồn quan trọng này thật sự được xây dựng từ buổi sáng hôm ấy.” Trong Chu Thư cũng nói: “Thân trượng sáu tựa như màu đồng sáng, lấy làm sự sai biệt như vậy, thật sự tâm cảm chưa thuần thục, cho nên giáo pháp sau này mới truyền đến.”

3. Thời nhà Tống có Sa môn Cầu Na Bạt Đà La, Trung Hoa gọi là Công Đức Hiền, ở chùa Trung Hưng tại kinh sư. Người nước Trung Thiên Trúc, tuổi nhỏ học các luận Ngũ Minh và những chú thuật âm dương, không có gì không uyên bác. Sau khi xuống tóc, dốc lòng tập trung chí hướng học hành thông suốt ba Tạng giáo pháp, là người hiền hòa cung kính và cẩn thận, thờ thầy vô cùng lễ nghi. Về sau từ giã vị thầy Tiểu thừa, tiến vào học theo pháp Đại thừa. Vị thầy Đại thừa thử khến tìm lấy hộp kinh, thì lập tức lấy được kinh Hoa Nghiê-Đại Phẩm. Vị thầy khen ngợi rằng: Ông có duyên sâu dày đối với Đại thừa. Ngay sau đó giảng giải đọc tụng truyền bá mở rộng, không có ai có năng lực chống nổi những lý giả sắc bén ấy. Vào năm thứ 1hai thời Tống Nguyên Gia, đến vùng Quảng Châu, Thứ sử Xa Lãng dâng biểu tâu bày, Tống Thái Tổ phái người tin cẩn nghênh tiếp. Đã đến kinh đô, Thái Tổ cùng

chuyện trò qua lại, vui vẻ như trút hết lòng dạ. Ban đầu trú tại chùa Kỳ Hoàn, sau đó Tiêu Vương trấn giữ Kinh Châu, thỉnh cầu đến ở chùa trong vùng Kinh Châu, Tiêu Vương muốn thỉnh cầu phiên dịch các kinh như Hoa Nghiêm..., nhưng Bạt Đà tự suy nghĩ, mình chưa thông thạo tiếng nói và từ ngữ của người Tống, vì thế trong lòng có sự hổ thẹn thở than. Liền sớm tối lễ sám thỉnh Quán Thế Âm cầu xin cảm ứng sâu xa, tức thì mộng thấy có người mặc đồ trắng cầm gươm, tay nâng một chiếc đầu người đi đến trước mặt nói rằng: Tại vì sao lo buồn vật? Bạt Đà đem tất cả sự việc để trả lời rõ ràng. Người mặc đồ trắng trả lời rằng Không có gì phải lo buồn. Liền dùng gươm thay đổi chiếc đầu mà lắp vào chiếc đầu mới, nói khiến cho xoay chuyển. Lại nói: Cảm thấy không đau đớn gì chăng? Đáp rằng: Không đau đớn gì. Bỗng nhiên liền tỉnh giấc, tâm tư thần thái vô cùng vui vẻ thoải mái. Sáng hôm ấy vượt lên trên nghĩa lý nói năng lĩnh hội đầy đủ ngôn ngữ của người Tống, thế là bắt đầu làm việc. Gần cuối thời Nguyên Gia, Tiêu Vương nhiều lần mộng thấy có những điều quái lạ, bèn hỏi xem thế nào. Bạt Đà đáp rằng: Kinh đô sắp xảy ra tai họa. Không đầy một năm, kẻ cầm đầu gây tội ác tạo phản làm cho loạn lạc. Đến đầu thời Tống Hiếu Kiến, Tiêu Vương âm mưu chống lại, Bạt Đà lo buồn tiều tụy dung nhau, chưa kịp nói ra thì Tiêu Vương hỏi lý do điều ấy. Bạt Đà can ngăn vô cùng thiết tha, thế là rơi nước mắt nói rằng: Chắc chắn không còn gì mong mỏi, bần đạo không có thể ở lại, không được làm người tùy tùng nữa. Tiêu Vương lấy cái lẽ của sự vật mà tin theo. Thế là lập tức rời xa Tiêu Vương, đến chốn Lương Sơn, thuyền lớn chuyển sang mất thăng bằng, đi đến vách đá dựng đứng xa tít, xem ra không có cách nào cứu nổi, chỉ dốc lòng niệm Quán Thế Âm, tay cầm gậy rtúc, lao thân vào giữa dóng sông, nước đến ngang đầu gối, dùng gậy trúc dò thử dòng nước, dòng nước chảy xiết rất dữ, thấy một Đồng tử theo sau mà đến, đưa tay kéo lại. Quay lại nhìn nói với Đồng tử: Cậu là trẻ thơ sao có thể vượt qua mà đến, đưa tay kéo lại. Quay lại nhìn nói với Đồng tử: Câu là trẻ thơ sao có thể vượt qua được tôi? Mơ màng trong chốc lát cảm thấy đi được hơn mười bước, thì lên được trên bờ, liền cởi ca ra muốn thưởng cho Đồng tử, nhưng quay lại nhìn không còn thấy đâu nữa, toàn thân nổi gai ốc mới biết là nhờ thần lực mới như vậy. Sau ở tại phía Tây lầu Phụng Hoàng thuộc vùng Mạt Lăng dựng lên ngôi chùa, cứ mỗi khi đến nửa đêm thì có tiếng đẩy cửa mà gọi, nhìn xem không thấy người nào, mọi người nhiều lần mộng thấy điều quái lạ nên rất sợ hãi. Bạt Đà đốt hương chú nguyện rằng: Các người túc duyên ở tại nơi nay, nay tôi dựng

chùa hành đạo lễ sám, thường vì các người, nếu như ở lại thì làm thiện thần bảo vệ chùa chiền, nếu như không có thể ở lại được thì tất cả tùy theo nơi chốn đều được an ổn! Sau đó đạo tục hơn mười người, cùng một đêm mộng thấy mấy ngàn quỷ thần, đều gánh gồng chuyển đi nơi khác, mọi người trong chùa được yên ổn. Chùa Bạch Tháp ở vùng Đào Hậu Chử bây giờ, chính là nơi ấy.

Tụng rằng:

Cúi đầu lễ chư Phật,
Nguyện cầu uy thần che chở,
Nay con chân thành cầu thỉnh,
Mê hoặc gây nhiều lầm lỗi,
Chìm trong tăm tối chưa tỉnh,
Quay về giác ngộ hoàn toàn,
Từ lâu sa vào biển ái,
Thuyền bè xa vời hiếm gặp,
Tranh nhau chấp trước sai lầm,
Hòa hợp là nơi nương tựa,
Lìa sâu xa chọn lấy Có,
Đoạn tuyệt cách biệt chân lý,
Kiêu mạn trái tám Chánh Đạo,
Hý luận tiến vào bách phi,
Cùng bỏ biện giải sai trái,
Nhiễm-tịnh lẫn lộn sâu xa,
Chọn vàng gạt bỏ gạch đá,
Giữa ngọc trừ hết vết dơ,
Đấng Năng Nhân soi xét khắp,
Suy nghĩ tường tận căn cơ,
Phù hợp thành tựu Đại đạo,
Chân thành nào dám chê bai,
Thẳng thắn sùng kính đức hạnh,
Suy sụp vâng dạ phục tùng,
Chỉ nguyện giữ lại công đức,
Chúc mừng có dịp phát huy,
Lòng thành mong mỏi xót thương,
Từ Bi rủ lòng dạy dỗ,
Thu thập Thánh giáo diệu kỳ,
Biên soạn những điều quan trọng,
Mười năm mới thành công việc,

Ba nghiệp mệt mỏi vất vả,
Mong truyền cho thế hệ sau,
Nghe qua biết được căn cơ,
Tám tà chấm dứt tranh chấp,
Bốn câu vắng bặt sai lầm,
Bỏ mê hoặc giữ niềm tin,
Huân tập thành trí sâu xa,
Chúng sanh cùng chung cảm ứng,
Nguyện cùng chứng quả Bồ-đề.

■